

TRẦN NGỌC LỢI
Dịch thuật

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM (THE SECRET DOCTRINE)

(TỔNG HỢP KHOA HỌC, TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC)

Tác giả :
H. P. BLAVATSKY

QUYỂN 2
VŨ TRỤ KHỞI NGUYÊN LUẬN
(COSMOGENESIS)

PHẦN 2 VÀ 3

MỤC LỤC

Quyển 2

VŨ TRỤ KHỎI NGUYÊN LUẬN

PHẦN 2. SỰ TIẾN HÓA CỦA BIỂU TƯỢNG KÝ

TRANG

TIẾT 1 – BIỂU TƯỢNG KÝ VÀ BIỂU Ý TỰ..... 15

Các Thần thoại và các Truyền thống đều có ý nghĩa Lịch sử - *Biểu hiệu* và *Biểu tượng* khác nhau – Biểu hiệu là một loạt các hình vẽ giống như đồ thị, được thuyết minh theo lối ẩn dụ. Lịch sử nội môn ẩn tàng trong Biểu tượng – Mãnh lực Pháp thuật của Âm thanh – Ngôn ngữ Bí nhiệm, nay được gọi là Biểu tượng ký.

TIẾT 2 – NGÔN NGỮ BÍ NHIỆM VÀ CÁC CHÌA KHÓA CỦA NÓ... 30

Các học giả đã từng giải được Ngôn ngữ Đại đồng của Cổ nhân – Các Văn kiện cổ truyền được viết bằng Ngôn ngữ Đại đồng – Các Nghi thức và các Giáo điều của Ai Cập vẫn còn duy trì Giảng lý chính yếu của Giáo lý Bí nhiệm – các học giả khám phá ra Hệ thống Hình học và Số học của các kích thước của Đại Kim Tự Tháp – Phép Cầu phương của Hình tròn – Rốt cuộc Chân lý phải ưu thắng – Moses và Chiếc Bè bằng cây cỏ chỉ mô phỏng theo vua Sargon – Nền tảng Con số Huyền linh của khoa Vũ trụ Khai tịch Huyền linh – Gốc tích của các Biểu tượng Cổ truyền – Sự Sáng tạo ra nhiều Adam – Các Giống dân “Quý Vương”.

TIẾT 3 – CHẤT NGUYÊN LIỆU NGUYÊN THỦY

VÀ TƯ TƯỞNG THIÊNG LIÊNG..... 62

Siêu hình học Tây phương không đạt được Chân lý – Trừ phi được xác định bằng Vô số biểu lộ của chất liệu Vũ Trụ, Tư Tưởng Thiêng Liêng không xác định được – Thiên Ý Hồng Nguyên không tồn tại trong khi có chu kỳ Hồn Nguyên của Vũ Trụ - Toàn thể Vũ trụ là một Hào Huyền – Chất Nguyên Thủy là gì ? Hậu Thiên Khí và Lửa Vũ Trụ - Vũ Trụ Khai Tịch của Thần Trí (Manas) – Thất Đại – Các Thần Linh trong *Sáng Thế Ký* – Toàn bộ Càn Khôn xuất phát từ Đấng Tam Phân – “Sinh Hỏa” – Ether của Khoa học – Toàn bộ Càn Khôn xuất phát từ Tư Tưởng Thiêng Liêng – Huyền bí học vẫn còn nắm giữ Chìa khóa giải tất cả mọi Vấn đề của Thế giới.

TIẾT 4 – HỒNG NGUYÊN KHÍ : THƯỢNG ĐẾ: VŨ TRỤ 96

Không gian bao hàm và là Thể của Vũ Trụ với Bảy Nguyên khí – Hồng nguyên khí trở thành Linh Hồn Vũ Trụ - Tam giác Sơ Thủy – Khai sinh ra Thần trí – Hủy Danh – Tứ Đại Sơ Thủy – Sự sùng bái Vũ Trụ (Cosmolatry)

TIẾT 5 – VỀ THƯỢNG ĐẾ ẨN TÀNG, BIỂU TƯỢNG VÀ CHỮ VIẾT TƯỢNG HÌNH 111

Các Prajāpatis (Thiên Đế) và các Tộc Trưỡng – Đại Thánh Dung và Tiểu Thánh Dung – Bảy Mật Tự cấu thành danh xưng của Thượng Đế - Linh Hồn Vũ Trụ được coi như là Thần Trí của Tạo Hóa – Ý của các Con thú và các Cây linh thiêng – Biểu tượng của các Quyền năng Sáng tạo – Bảy mươi Đấng Kiến Tạo – Liệu đã từng có một sự Thiên khai Vũ Trụ sơ thủy hay chưa ? – Thiên Nga dùng như là Biểu tượng của Tinh Thần – Biểu tượng học Cổ truyền.

TIẾT 6 – VŨ TRỤ NOÃN 131

Quả Trứng tiêu biểu cho Vũ Trụ và các thể hình cầu của nó – Quả Trứng và Chiếc Bè – Mười con số Linh

thiên của Vũ Trụ - Biểu tượng về các Thần Nguyệt Tinh và Nhật Tinh – Bốn Con thú Linh thiên tiêu biểu cho Bốn Nguyên khí thấp nơi Con Người – Các Con Rắn bọc Lửa - Quả Cầu có cánh – Quả Trứng sinh ra Tứ đại (Four Elements) – Tất cả các vị thần Ai Cập đều lưỡng phân – Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận của Bắc Âu (Scandinavian Cosmogony) – Bốn Con Sông của vườn Địa Đàng được tượng trưng bởi Khối vuông.

TIẾT 7 – CÁC NGÀY VÀ ĐÊM CỦA BRAHMĀ (PHẠM THIÊN)..... 150

Thiên kiếp (Kalpa) hiện tại là Varāha (Hóa thân Heo rừng) – Các Hóa thân biểu hiệu các Chu kỳ Chủ yếu và Thứ yếu – Ba chu kỳ Hỗn Nguyên chính (Pralayas) – Một Chìa khóa giải Thánh kinh Do Thái Bí giáo (Kabala) – Mười bốn vị Bàn Cổ trong thời hạn của một Đại Chu Kỳ (Māha Yuga) – Đêm Vũ Trụ giáng lâm – Chu kỳ Chánh Pháp (Satya Yuga) bao giờ cũng đứng đầu trong số Bốn Thời đại và Chu kỳ Mạt Pháp bao giờ cũng sau rốt – Các Hiền Triết Moru và Devāpi tái lai.

TIẾT 8 – HOA SEN DỪNG NHƯ LÀ MỘT BIỂU TƯỢNG VŨ TRỤ 170

Hoa sen tiêu biểu cho sự Sáng tạo và sự Sinh hóa – Thiên Ý chuyển từ Trừu tượng sang Cụ thể - Thượng Đế Sáng Tạo là Tư tưởng làm cho Hữu hình – Thuyết thân nhân đồng hình của Cổ Do Thái – Ý nghĩa Nội môn của Tội lỗi sa đọa trong *Sáng Thế Ký* – Ý nghĩa Linh thiên của chữ “M”.

TIẾT 9 – MẶT TRĂNG, NGUYỆT THẦN, PHOEBE 185

Mặt Trăng được nhân cách hóa – Các vị thần Nhật Tinh và Nguyệt Tinh, các Giống dân và các triều đại – Chìa khóa Tâm lý giải Biểu tượng Mặt Trăng – Con Số Kép, Thư Hùng – Một ẩn dụ trích từ Thánh kinh *Zohar* – Biểu tượng Mặt Trăng thật là phức tạp, Chìa khóa Tâm lý của nó – Trạng thái Lưỡng phân của Mặt Trăng – Các nghi lễ Nguyệt Tinh dựa vào sự Hiểu biết về Sinh lý

học – Mặt Trời và Mặt Trăng được coi như là các vị Thần Thu Hùng sinh hóa ra Trái Đất – Đức Mẹ Đồng Trinh và Nữ Thần Ngẫu Tượng – Sự sùng bái Mặt Trăng thật là xưa cũ như Trái Đất – Mặt Trăng được công nhận như là Biểu tượng của mọi Đức Mẹ Đồng Trinh.

TIẾT 10 – SỰ SÙNG BÁI CÂY CỎ, RẦN VÀ CÁ SÁU 219

Quả của Cây Minh Triết – Rần và Rồng có nghĩa là các Đấng Minh Triết tức các Cao đồ được Điểm Đạo thời xưa – Rần Biểu tượng của Điểm Đạo – Các nhà Huyền bí học thấu triệt được các ý nghĩa Sơ thủy của Cây Trường Sinh và Thập Giá – Cây Trường Sinh bắt rễ từ Thiên Đàng – Những con Rần và Rồng bảy đầu thời xưa tiêu biểu cho Bảy Nguyên khí trong Thiên nhiên và nơi Con Người – Con Sáu và Con Rồng của dân Ai Cập – Ý nghĩa của Thất Linh hỏa (Seven Fires), Thất Huyền Âm (Seven Vowels) v.v.. được tượng trưng bởi Bảy Đầu của Con Rần vĩnh cửu.

TIẾT 11 – QUỶ VƯƠNG ĐỐI NGHỊCH VỚI THƯỢNG ĐẾ 235

Thiện và Ác, liệu có thể có Hai cái Tuyệt đối vĩnh cửu được không? - “Satan” đã được nhân hình hóa như thế nào – Hữu sinh tất Hữu hoại – Thiện và Ác là hai phương diện của cái Duy Nhất cũng Như nhau – Ác biểu thị tính Phân cực của Vật Chất và Tinh Thần – Các Cao đồ Chánh đạo và Tà đạo – Cuộc Chiến đấu giữa các vị Thần – Hai trạng thái của Vishnu – Các Thần lực Sáng Tạo các Thực Thể sống động và Hữu thức – Kim Tự Tháp Đen và Trắng.

TIẾT 12 – THẦN PHỔ HỌC VỀ CÁC THẦN LINH SÁNG TẠO 260

Huyền giai Thần lực – Đấng Sinh hóa ra Vũ Trụ không phải là vị Thần Tối Cao – Huyền điểm là Đơn vị từ đó phát sinh ra toàn bộ Hệ thống Số học – Các Tạo vật trong Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận Ấn Độ - Thượng Đế

Huyền Âm – Các Từ ngữ đồng nghĩa với Thượng Đế - Các Quyền năng nữ tính trong Thiên nhiên – Bí nhiệm của Âm Thanh – Ánh Sáng, Âm Thanh và Số Mực là ba nhân tố Sáng tạo – Số luận của Pythagoras – Mẹ của các vị Thần – các Kim Tự Tháp thật là xưa cũ – Thiên Thần, Tổng Thiên Thần, Thiên Thần Vương Tước, Thiên Thần Đức Hạnh, Thiên Thần Tự Trị, Thiên Thần Vương Vị, Tiểu Thiên Thần, Thiên Thần Tối Cao – Các vị Thần trong Vũ trụ - Các Giai đoạn Biểu lộ - Danh xưng Bất khả tuyên đọc – Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận của Khổng Tử - Bảy và Mười bốn Chu kỳ tồn tại – Các Biểu tượng của Bí nhiệm U minh – Chỉ có Thượng Ngã là Thiêng Liêng và Thượng Đế.

TIẾT 13 – BẢY TẠO VẬT 302

Bảy Tạo vật của Thánh kinh Purānas – Bát nguyên (the Ogdoad) – Con người biết “Suy tư” đầu tiên và Một, Ba và Bảy Huyền Âm – Các tạo vật Chủ yếu và Thứ yếu – Toàn Linh Trí và Thiên Trí đang Hoạt động tích cực – Nhiều lời Giải thích Chân Lý Độc Nhất Vô Nhị - Các Thiên Định Đế Quân là Khối Tập Hợp của Bản Nguyên Trí – Bảy Tạo Vật: (1) Hành Toàn Linh Trí (Mahattattva), cuộc Tự tiến hóa bản sơ; (2) Các Nguyên khí Sơ cấp tức các Tanmātras (Cơ bản kích lượng); (3) Ngã thức (Ahamkāra) tức quan niệm về cái “Tôi”; (4) Hàng loạt bốn giới Hành khí Sơ cấp – Cơ sở của các Giác quan; (5) Tạo vật Con thú cầm; (6) Các nguyên kiểu của Giống dân thứ Nhất (nhân loại); (7) Con người – Các Đấng Thiên Tôn (Kumāras) là ai – Các Tu sĩ khổ hạnh Trinh khiết không chịu sáng tạo ra Con người Vật chất – Tầm quan trọng của số Bảy.

TIẾT 14 – TỨ ĐẠI (TỨ HÀNH) 334

Các Hành là Lớp vỏ Hữu hình của các Thần Linh Vũ Trụ - Các Hành thuộc Tinh Thần và Thể Chất trong các

Thần lực của Thiên nhiên – Dân Atlante thấu hiểu được các hiện tượng của Tứ Đại – Thánh Paul tin tưởng nơi các Thần Linh Vũ Trụ - Jehovah là một vị Thần của các Hành – Nữ thần Astarte và Đức Mẹ Mary – Mọi Hành đều có bản chất lưỡng phân – Các lực vật lý là khí cụ của các hành.

TIẾT 15 – VỀ QUAN THẾ ÂM VÀ QUAN ÂM 353

Thủy và Chung của Vũ Trụ tự nhiên và biểu lộ - Các Thần chú tạo ra một tác dụng Pháp thuật – Quan Thế Âm là một Hình hài của Nguyên khí thứ Bảy của Vũ Trụ, tức Thượng Đế xét về mặt huyền học – Quan Âm là nguyên khí Âm trong Thiên nhiên.

PHẦN 3. PHỤ LỤC

TIẾT 1 – LÝ DO TẠI SAO CÓ CÁC PHỤ LỤC NÀY 361

Không có mâu thuẫn giữa Huyền bí học và Khoa học chính xác bất cứ khi nào mà Khoa học chính xác vẫn được dựa vào Sự kiện không thể công kích được – Các Thần lực là các Thiên Thần và các Thần Linh – Mặt Trời vừa là Vật Chất vừa là Tinh Thần – Mặt Trời ban cấp Sự sống cho Thế Giới Vật Chất; Mặt Trời Tinh Thần ẩn tàng cung ứng Cuộc sống và Ánh sáng cho các cõi Tinh Thần và Tâm Linh.

TIẾT 2 – NHÀ VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI ĐANG CHƠI TRÒ “BỊT MẮT BẮT DÊ” (BLIND-MAN’S BUFF) 371

Khoa học phải học hỏi xem thực sự thì Vật Chất, Nguyên Tử, Ether (Ê-te) và Lực là thế nào – Ánh sáng có phải là một Thế hay không ? – Các Giả thuyết mâu thuẫn – Các quan điểm về Cấu tạo của Ether – Nhà Huyền bí học nói rằng Thiên nhiên tạo tác ra chính mình.

TIẾT 3 – LỰC HẤP DẪN CÓ PHẢI LÀ MỘT ĐỊNH LUẬT KHÔNG? .. 387

Các quan điểm của Khoa học về Trọng lực – Pythagoras và Plato nói về các Tinh Quân – Vô cực điện (Fohat) và Trí thông tuệ cấp năng lượng cho và hướng dẫn lưu chất điện Sinh Lực Vũ Trụ - Các Thần lực trong Thiên nhiên và các Cá thể Thông tuệ - Thuyết Chân không vũ trụ của Newton – Chuyển động không ngừng – Từ khí Vũ Trụ - Quan niệm của Kepler về các Lực Vũ Trụ - Nguyên nhân của sự quay.

TIẾT 4 – CÁC THUYẾT VỀ SỰ QUAY TRONG KHOA HỌC 408

Các giả thuyết về Nguồn gốc của Sự quay, về Nguồn gốc của các Hành Tinh và các Sao chổi – Các Nghịch lý của Khoa học – Lực là các Thực Tại.

TIẾT 5 – CÁC MẶT NẠ CỦA KHOA HỌC 422

Vật lý hay Siêu hình học ? – Giáo lý và Nguyên lý Huyền bí học nơi Spiller – Các định nghĩa về Lực của Khoa học – Lực và Chất liệu trong Huyền bí học – Lực là gì ? – Các nhà Huyền bí học gọi Nguyên Nhân của Ánh Sáng, Nhiệt, Âm Thanh, Sự Cố Kết, Từ Khí v.v... là một Chất liệu – Bảy Huyền Xạ của Mặt Trời – Nhân và Quả - Thế nào là một Nguyên Tử ? – Bốn mươi chín Linh Hỏa Bản Sơ được nhân cách hóa; Quan hệ của chúng với các Thần thông nơi Con Người cùng các Mãnh lực Vật lý và Hóa học – “Nguyên lý Kết tập” trong Hệ thống Triết học (Triết hệ) (in the Vishishtādvaita System of Philosophy).

TIẾT 6 – MỘT NHÀ KHOA HỌC CÔNG KÍCH LÝ THUYẾT

VỀ LỰC CỦA KHOA HỌC 455

Nhiều Khoa học gia Anh quốc giảng dạy hầu hết là Giáo lý Huyền bí học – Tinh Thần và Linh Hồn của Vũ Trụ.

TIẾT 7 – CUỘC SỐNG, LỰC HAY TRỌNG LỰC 466

Một mình Lực hấp dẫn không đủ để giải thích Chuyển động của Hành tinh – Các Lưu chất hay các Bức xạ của

Mặt Trời truyền thụ Mọi Chuyển động và khơi hoạt Mọi Cuộc Sống trong Thái Dương Hệ - Mặt Trời là Kho chứa sinh lực – Thuyết Phiếm Thần hay là Thuyết Độc Thần ? – Bảy Giác quan Hồng Trần – Cây Trường Sinh – “Ether thần kinh” là gì ? Một nấc thang Thất phân chân chính.

TIẾT 8 – LÝ THUYẾT VỀ THÁI DƯƠNG HỆ 488

Mặt trời là Tâm của Thái Dương Hệ - Các Nguyên tố mà ta biết hiện nay không phải là các Hành *Nguyên Thủy* – Hóa học tiến gần tới lãnh vực Huyền bí trong Thiên nhiên hơn là các Khoa học khác – Các khám phá của Giáo sư Crookes biện minh cho các Giáo lý Huyền bí học – Các Thuật ngữ Hóa học và Khởi nguyên của các Thần Linh – Quyền năng điều động Nguyên tử - Ý nghĩa của Dực Xà Trượng (Caduceus) của thần Mercury – Trạng thái *Laya* (trung hòa) và Điểm Zero – Huyền bí học nói rằng Vật Chất vốn Vĩnh Cửu và chỉ trở thành Nguyên tử một cách định kỳ - Các “Nguyên tử sơ” chủ yếu – Các Đấng Thông Tuệ và các Đấng Chủ trì các Chon Thần và Nguyên tử.

TIẾT 9 – THẦN LỰC SẮP TỚI 514

Nhân và Quả của Điện vũ trụ - Âm thanh là một Quyền năng Huyền bí – Keely là một nhà Huyền bí học Vô thức – Ý nghĩa Huyền bí của một Trung hòa điểm – Nhân loại có liên hệ về mặt tâm linh với các nhóm Đấng Thiên Định – Tại sao Keely không thể đẩy mạnh các Khám phá của mình đến Mục tiêu hợp lý – Dĩ thái lực không được dùng cho các Mục đích thương mại và Giao thông – “Vril” là một Lực Thực sự - Các khám phá quá sớm của Keely.

TIẾT 10 – VỀ CÁC HÀNH NGUYÊN TỬ 537

Khi được dùng về mặt Siêu hình học, từ ngữ Hành có nghĩa là Con người Thiêng liêng Phôi thai – Các Linh

Hồn Nguyên Tử là các Biến phân xuất phát từ Đấng Duy Nhất - Ấn dụ về “Vùng đất hứa” - Chơn Thần theo Giáo lý của Điểm Đạo đồ thời xưa - Hành giả Vĩnh cửu - Các Đức Phật trong Ba cõi thấp (Three Worlds) - Các Thiên Định Phật và Bảy Con của Ánh sáng - Phạm ngã và Chơn Ngã - Các Chơn Thần Thiên Thần, Chơn Thần Nhân Loại và các Ngôi Sao Tổ Phụ - Vị trí của Thiên Vương Tinh và Hải Vương Tinh - Nguồn gốc Hành Tinh của Chơn Thần theo giáo lý của phái Ngộ Đạo - Sự sa đọa tuần hoàn của chư Thần - Bản chất của Jehovah.

TIẾT 11 – TƯ TƯỞNG CỔ TRUYỀN VỚI HÌNH THỨC HIỆN ĐẠI..... 561

Hóa học và Huyền bí học – Roger Bacon có một Chìa khóa giải được Chân ý nghĩa của Pháp thuật và Thuật luyện đan – Nguyên tử không thể tách rời khỏi Tinh Thần – Tam Nguyên trong Nhất Nguyên – Khởi nguyên của các Hành – Thánh kinh *Purānas* chống lại Hội Hoàng Gia.

TIẾT 12 – BẢNG CHỨNG KHOA HỌC VÀ NỘI MÔN BIỆN MINH CHO VÀ CHỐNG LẠI THUYẾT TINH VÂN HIỆN ĐẠI 579

Thuyết Tinh vân Sai – Mặt Trời và các Hành Tinh có chung một Nguồn gốc – Nhiệm vụ của nhà Huyền bí học là xét về *Linh Hồn và Tinh Thần* của Không gian Vũ Trụ - Cần phải Nghiên cứu toàn bộ Hệ thống Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận Nội Môn – Các thần lực là các Trạng thái của Cuộc sống Đại đồng Vũ Trụ Duy nhất – Các quan điểm của một Thánh Sư về các Thuyết khoa học – Các Tinh vân là gì ? – Thuyết Tinh vân và các Giáo Lý Bí Nhiệm – Vũ trụ hữu hình của chúng ta là Thể xác của một Càn Khôn Thất Phân – Thế nào là Vật Chất Bản Sơ ? – Sự chọn lọc tự nhiên và Thuyết tiến hóa của Đông phương.

TIẾT 13 – CÁC THẦN LỰC LÀ CÁC CÁCH THỨC CHUYỂN ĐỘNG HAY LÀ CÁC ĐĂNG THÔNG TUỆ ? 603

Các hiệu quả của Vật Chất Bản Sơ biểu lộ qua các Đăng Thông Tuệ được mệnh danh là các Thiên Định Đế Quân v.v... - Khoa học ắt phải thừa nhận các Đăng Thông Tuệ này – Toàn Linh Trí là Linh Quang (Fohat) do Thượng Đế xạ ra – Các Hiện tượng trên Trần Thế là các trạng thái của Bản Thể lưỡng phân của các Thiên Định Đế Quân Vũ Trụ - Luật Tương Tự là Chìa khóa đầu tiên để giải nan đề của Thế giới – Các Loại Người khác nhau – Các Giác quan khác nhau trong các Thế giới khác – Vạn vật đều có Chu kỳ sống của mình: Địa Cầu, Nhân Loại, Mặt Trời, Mặt Trăng, các Hành Tinh, các Giống Dân v.v...

TIẾT 14 – CÁC VỊ THẦN, CHON THẦN VÀ NGUYÊN TỬ’ 620

Vũ trụ đầy đầy các Sinh linh vô hình, Thông tuệ - Chỉ có các Điểm đọa đồ và các Thánh nhân cao cấp nhất mới quán triệt được các Bí nhiệm của Thiên nhiên – Ai thấu đáo được các Bí nhiệm của chính Trái Đất chúng ta, cũng sẽ thấu triệt được Bí nhiệm của mọi Hành Tinh khác – Điểm Toán học – Vũ Trụ *Tuyệt Đới Lý Tưởng* và Càn Khôn vô hình mặc dù đã biểu lộ - Chon Thần được coi như là Đỉnh của Tam giác đều biểu lộ, “Tứ Phụ” – Không gian là Thế giới Chân thực – Mười điểm của Pythagoras – Tam giác Lý tưởng – Chon Thần và Nhị Nguyên – Các Linh Hồn Nguyên Tử và cuộc Hành hương cá biệt của chúng – Sự thăng giáng của Chon Thần đã Biệt lập ngã tính – Hóa học của Tương lai – Nội môn Bí giáo bao hàm toàn bộ phạm vi Tiến hóa từ Tinh Thần tới Vật Chất – Thực tượng của Oxy, Hydro, Nitro – Các thuyết của Leibnitz – Bản chất của Chon Thần – Các vị Thần là các Bức xạ của Thiên nhiên

Nguyên Thủy – Các Nguyên tử là loại Chuyển động giữ cho Vòng Sinh Tử Luân Hồi quay mãi.

TIẾT 15 – SỰ TIẾN HÓA TUẦN HOÀN CỦA NGHIỆP QUẢ..... 665

Nghiệp quả là Luật duy nhất chi phối Thế giới Hiện tồn – Các nhà Huyền bí học cũng tôn trọng Cuộc sống thú tính ngoại cảnh của Con người giống như là Bản Chất Tinh Thần Nội Tâm của y – Quan hệ Nội môn của các Chu kỳ nghiệp quả đối với Luân lý Đại đồng Vũ trụ - Không Ai có thể thoát khỏi Vận mệnh không chế y – Nghiệp quả là Luật bù trừ - Các biến đổi Địa chất vĩ đại chẳng qua chỉ là Khí cụ để hoàn thành một vài Thiên ý tác động một cách định kỳ - Các loại Chu kỳ và Tiểu chu kỳ - Nghiệp quả Báo ứng (quả báo) – Các lời Tiên tri xưa và nay – Chiêm tinh học là một Khoa học.

TIẾT 16 – HOÀNG ĐẠO CÓ NGUỒN GỐC XA XƯA 690

Hoàng Đạo trong *Thánh kinh* – Hoàng Đạo có nguồn gốc xa xưa – Các Đấng Cứu Thế, các Đấng Hóa Thân và các cung Hoàng Đạo – Chư Thần và các Chu kỳ của dân Chaldea Judea – Hoàng Đạo của Ấn Độ có nguồn gốc xa xưa – Các kết luận của Khoa học – Chu kỳ Mặt Pháp bắt đầu - Các phương pháp thiên văn Ấn Độ với các biện minh.

TIẾT 17 – TỔNG KẾT LẬP TRƯỜNG 727

Thế nào là Ether, Vật Chất, Năng Lượng ? – Vũ Trụ Vật Chất vẫn chẳng được hiểu biết bao nhiêu – Các Giáo lý Nội môn ở Ai Cập và Ấn Độ đều như nhau – Bên ngoài biên giới của Thái Dương Hệ có các Mặt Trời khác và Mặt Trời Trung Ương Bí Nhiệm – Trong Huyền bí học, Fohat là Chìa khóa giải các Biểu tượng và các Ẩn dụ của mọi Thần thoại – Vô cực điện ẩn dưới nhiều danh xưng – Huyền thoại là Lịch sử.

CÁC CHÚ THÍCH BỔ SUNG 743

THƯ MỤC SÁCH THAM KHẢO 746

QUYỂN 2

VŨ TRỤ KHỞI NGUYÊN LUẬN
(COSMOGENESIS)

PHẦN 2

SỰ TIẾN HÓA CỦA BIỂU TƯỢNG KÝ
(THE EVOLUTION OF SYMBOLISM)

SỰ TIẾN HÓA CỦA BIỂU TƯỢNG KÝ

TIẾT 1

BIỂU TƯỢNG KÝ VÀ BIỂU Ý TỰ (SYMBOLISM AND IDEOGRAPHS)

Đối với kẻ biết thưởng ngoạn, biểu tượng chẳng lẽ không phải là một thiên khải nào đó - dù mờ mịt hay rõ rệt - của Thượng Đế hay sao?... Thông qua vạn vật...có lấp lánh một điều gì của Thiên Ý. Thậm chí, phù hiệu cao siêu nhất mà con người đã từng hạnh ngộ và bao hàm dưới chính Thập tự giá, chẳng có một ý nghĩa nào, ngoại trừ một ý nghĩa ngẫu nhiên ngoại tại.

CARLYLE, Sartor Resartus.

HIỆN nay tác giả đã dành nhiều thì giờ hơn để nghiên cứu ý nghĩa ẩn tàng trong mọi huyền thoại tôn giáo và thế tục, thuộc bất cứ quốc gia nào dù lớn hay nhỏ, và nhất là trong các truyền thuyết ở Đông Phương. Tác giả là một trong những người tin chắc rằng không có một thần thoại nào, không có một truyền thuyết nào trong kho tàng học thuật dân gian của một dân tộc, mà lại bất cứ lúc nào cũng thuần là tưởng tượng; song mọi câu chuyện như thế đều có bao hàm một lịch sử chân xác. Về điều này, tác giả không đồng ý với các nhà biểu tượng học nào - dù họ trừ danh cách mấy đi nữa - chỉ thấy trong mọi thần thoại chẳng có gì khác hơn là bằng chứng bổ sung về khuynh hướng mê tín dị đoan của cổ nhân, và tin tưởng rằng mọi huyền thoại đều xuất phát từ và được xây dựng trên các *thần thoại thái dương (solar myths)*. Trong

một bài diễn văn về “Sự sùng bái Mặt Trăng, Xưa và Nay”(“Luniola-try, Ancient and Modern”), ông Gerald Massey, một thi sĩ và một nhà nghiên cứu Ai Cập, đã bài bác một cách tuyệt diệu các tư tưởng gia hời hợt. Lời chỉ trích sắc sảo của ông đáng được trích dẫn ra ở đây, vì nó phản ánh chính xác các cảm nghĩ của chính tác giả, vốn đã được bày tỏ công khai mãi từ năm 1875, khi bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện* được viết ra.

Trong ba mươi năm qua, trên diễn đàn của Viện Hoàng Gia khi thuyết pháp ở Tu viện Westminster, và khi diễn giảng ở Đại học Oxford, trong các sách vở và các diễn văn, trong các bài đăng trên các báo *The Times* (Thời Báo), *Saturday Review* (Tạp chí Thứ Bảy) và nhiều tạp chí khác nữa, Giáo sư Max Muller đã giảng dạy rằng thần thoại là một bệnh tật trong ngôn ngữ, còn biểu tượng ký cổ truyền là kết quả của một điều gì giống như là một sự thác loạn tâm thần sơ khai.

16 Phản ánh quan điểm của Max Muller, trong các bài diễn văn tại Hibbert, Renouf đã nói: “Chúng ta đã biết rằng thần thoại là một bệnh tật nảy sinh ra vào một giai đoạn đặc thù trong nền văn hóa của nhân loại”. Đó là lỗi giải thích nông cạn của những kẻ không theo thuyết tiến hóa, và những lời giải thích như thế vẫn được công chúng chấp nhận; họ ủy quyền cho những người khác suy nghĩ giùm mình. Giáo sư Max Muller, Cox, Gubernatis, và những người khác đề xướng ra thuyết Thần thoại Thái dương (Solar Mythos), đã mô tả cho ta thấy người tạo ra thần thoại giống như là một loại nhà siêu hình học Ấn Độ - Nhật Nhĩ Man hóa (Germanised-Hindu metaphysician), phóng chiếu hình bóng của chính mình lên trên một lớp sương mù thần trí và nói một cách khéo léo về mây khói; bầu trời trên đầu đậm ra giống như là mái vòm của

vùng đất mơ mộng, bên trên có những hình ảnh nguệch ngoạc của con ác mộng bản sơ. Họ quan niệm ra người thời xưa cũng chẳng khác gì họ và coi y như là có khuynh hướng tệ hại là tự dối gạt mình, hoặc theo như Fontenelle diễn tả “dễ bị chứng kiến những gì hư ảo!” Họ đã trình bày cổ nhân một cách sai lạc như là đã đại đột để cho bị dẫn dụ sai lầm ngay từ đầu bởi một óc tưởng tượng hoạt động tích cực song vô học đến nỗi tin vào mọi thứ hoang tưởng, vốn thường xuyên và trực tiếp mâu thuẫn với kinh nghiệm hằng ngày của chính mình; một kẻ ngu xuẩn hoang tưởng trong đám những thực tại ác nghiệt vốn đang nhồi nhét các kinh nghiệm vào trong đầu y, giống như khối băng hà đang sạt, in dấu ấn lên trên các tảng đá chìm dưới đáy biển. Vẫn còn phải nói, và một ngày kia, người ta sẽ công nhận là các giảng sư được thừa nhận này đã không tiến tới gần những điều sơ khởi của thần thoại và ngôn ngữ hơn là thi sĩ Willie của Burns tiến gần tới con ngựa Pegasus (Thi Mã). Tôi xin trả lời là: “Việc chủ trương thần thoại là một bệnh tật ngôn ngữ, hoặc là bất cứ thứ gì khác ngoại trừ trí óc của chính y, chẳng qua chỉ là một giấc mơ của lý thuyết gia siêu hình học. Nguồn gốc và ý nghĩa của thần thoại đã bị hoàn toàn bỏ quên bởi những kẻ theo thuyết duy thái dương (Solarite) và những tên lái buôn khí tượng này. Thần thoại là một cách thức sơ khai để suy nghĩ về *tư tưởng* sơ khởi. Nó được dựa vào các sự kiện của thiên nhiên và vẫn còn có thể suy nghiệm lại được nơi các hiện tượng. Bản thân nó chẳng có gì là điên rồ hay vô lý khi được xét dưới ánh sáng của thuyết tiến hóa, và khi người ta đã hoàn toàn thấu triệt được cách thức trình bày nó bằng ngôn ngữ ký hiệu. Chỉ thật là điên rồ khi lầm lẫn nó với lịch

sử của nhân loại hoặc là điều Thiên Khải ⁽¹⁾. Thần thoại bao hàm khoa học xưa nhất của loài người, và điều liên quan đến chúng ta chủ yếu là như thế này - khi được thuyết minh lại một cách đúng đắn, thần thoại ắt sẽ thủ tiêu các thuyết thần học trá ngụy mà nó vô tình sản sinh ra!⁽²⁾

Theo lối nói hiện đại, đôi khi một phát biểu càng được cho là có tính cách thần thoại khi nó càng tỏ ra là không có thực; những thần thoại cổ truyền không phải là một hệ thống hoặc là cách thức trá ngụy theo ý nghĩa đó. Các truyện ngụ ngôn của nó là các phương tiện để truyền thụ chân lý chứ không phải là các điều bịa đặt hoặc là tưởng tượng.... Chẳng hạn như, khi người Ai Cập hình dung mặt trăng như là một con mèo, họ chẳng ngu dốt đến nỗi giả sử mặt trăng là một con mèo; họ cũng chẳng hoang tưởng đến nỗi thấy được là mặt trăng giống một tí nào với một con mèo; một thần thoại về con mèo cũng chẳng phải chỉ là *sự khuếch đại của lối ẩn dụ bằng ngôn từ*, và họ cũng chẳng có bất cứ ý định nào nhằm làm cho ta lúng túng, bí lối.... Họ đã nhận thấy sự kiện đơn giản là khi con mèo nhìn trong bóng đêm, mắt nó trở thành tròn xoe và sáng nhất vào ban đêm. Ban đêm, mặt trăng nhìn ngấm vạm vật trên trời và con mèo tương đương với nó dưới đất; vì thế, con mèo quen thuộc được chấp nhận dùng như là

¹ Chúng tôi đồng ý xét về “điều Thiên Khải.” Chúng tôi không đồng ý xét về “lịch sử nhân loại.” Vì lịch sử có mặt trong hầu hết các ẩn dụ và thần thoại của Ấn Độ và các biến cố thực sự đều ẩn tàng trong chúng.

² Khi các “thần học trá ngụy” đã biến mất, bấy giờ người ta sẽ tìm thấy các thực tại tiền sử và chân xác được bao hàm trong thần thoại của dân Ảryan và Cổ Ấn và ngay cả dân Hy Lạp trước thời Homer.

một vật tiêu biểu cho một ký hiệu tự nhiên, một hình tượng sống động của nguyệt cầu... Và như vậy, suy ra rằng mặt trời, nếu nhìn xuống trần thế vào ban đêm, cũng có thể được gọi là con mèo - nó đã từng được gọi như thế - vì nó cũng nhìn bóng đêm. Trong tiếng Ai Cập, con mèo là *mau*, từ này biểu thị kẻ nhìn ngắm, ngữ căn *mau* có nghĩa là nhìn. Một tác giả duy nhất về thần thoại đã khẳng định rằng những người Ai Cập “đã tưởng tượng ra một con mèo lớn ẩn đằng sau mặt trời, mặt trời này là con người của mắt mèo.” Nhưng điều tưởng tượng này thật là hiện đại. Đó là vốn liếng của Muller. Được tượng trưng như là *con mèo*, mặt trăng là mắt của mặt trời, *vì nó phản chiếu ánh sáng mặt trời*, và vì mắt chiếu lại hình ảnh vào trong gương của nó. Dưới hình thức nữ thần Pasht, con mèo vẫn nhìn chừng mặt trời, vươn móng vuốt và bóp nát đầu con rắn u minh, vốn đã được mệnh danh là kẻ thù muôn thuở của nó !

Đó là một trình bày rất chính xác của thần thoại thái âm (the lunar mythos) theo khía cạnh thiên văn. Tuy nhiên, khoa nghiên cứu mặt trăng là khoa học ít bí truyền nhất trong các phân bộ của biểu tượng học nguyệt cầu. Để quán triệt hoàn toàn Nguyệt Tinh Tri Thức học (Selenognosis) - nếu ta được phép chế ra một từ ngữ mới - người ta phải thông thạo nhiều hơn là ý nghĩa thiên văn của nó. Như được trình bày trong ĐOẠN 6, Quyển 1, Mặt Trăng có liên hệ mật thiết với Trái Đất và có liên hệ trực tiếp với mọi bí nhiệm của Địa Cầu chúng ta nhiều hơn cả Kim Tinh - Sao Mai (Venus-Lucifer), một tí muội huyền linh của Địa Cầu và cùng với Địa Cầu, hợp thành một cặp bài trùng tri âm tri kỷ (alter ego of the Earth).¹

¹ Xem tiếp tiết 9, Mặt Trăng; Nguyệt Thân; Phoebe.

Các công trình khảo cứu chuyên cần của các nhà biểu tượng học Tây phương, đặc biệt là người Đức, trong vòng các thế kỷ vừa qua và hiện nay, đã khiến cho các sinh viên ít thành kiến nhất, và dĩ nhiên là mọi nhà Huyền bí học, thấy rằng nếu không quán triệt được biểu tượng học - với bảy bộ môn mà người hiện đại chẳng biết chút gì - người ta không bao giờ có thể hiểu chính xác được bất cứ Thánh kinh cổ truyền nào. Người ta phải nghiên cứu từng khía cạnh một của biểu tượng học, vì mỗi quốc gia đều có các phương pháp trình bày của riêng mình. Tóm lại, người ta không nên đọc và thuyết minh theo *sát nghĩa* bất cứ bản thảo nào viết trên giấy cỏ chỉ của Ai Cập, tài liệu nào viết ra trên lá olla (¹) của Ấn Độ, tài liệu nào viết trên ngói của người Assyria và cuộn sách nào của Cổ Do Thái.

Nay thì học giả nào cũng biết điều này. Chỉ riêng các bài diễn văn xuất sắc của ông Gerald Massey cũng đủ để thuyết phục bất cứ tín đồ Thiên Chúa giáo vô tư nào về việc chấp nhận *Thánh kinh* (*Bible*) theo sát nghĩa cũng chẳng khác nào việc phạm phải một sai lầm và mê tín dị đoan nghiêm trọng hơn cả bất cứ điều mê tín nào đã từng được giống dân dã man ở đảo Nam Hải nghĩ ra. Nhưng có một sự kiện mà ngay cả những Đông phương học giả say mê và khao khát chân lý nhất - dù nghiên cứu về dân Aryan hay dân Ai Cập - đều hình như là không biết tới, đó là: mọi biểu tượng trong bản thảo trên giấy cỏ chỉ hoặc là trên lá olla đều là một viên kim cương nhiều mặt, mỗi phương diện này không những bao gồm nhiều lối thuyết minh, mà còn liên hệ tới nhiều khoa học. Thí dụ điển hình của điều này là lối thuyết minh vừa

¹ Tiếng Tamil là *Ōlai* – lá cọ (palm-leaf).

mới được trích dẫn ở trên về việc con mèo tượng trưng cho mặt trăng - một thí dụ về hình tượng tinh tú-địa cầu (sidereo-terrestrial imagery); vì ngoài ra, đối với các quốc gia khác, mặt trăng còn có nhiều ý nghĩa khác.

Theo như một học giả Tam Điểm và là nhà Minh Triết Thiêng Liêng đã quá cố - Kenneth Mackenzie - trình bày trong bộ *Bách Khoa Từ Điển Tam Điểm của Hoàng Gia*, có một sự dị biệt lớn lao giữa *biểu hiệu* và *biểu tượng* (*emblem and symbol*). Biểu hiệu bao gồm một chuỗi tư tưởng lớn hơn là một biểu tượng, người ta có thể nói rằng biểu tượng đúng hơn là minh họa một ý tưởng đơn độc nào đó. Do đó, các biểu tượng - chẳng hạn liên quan đến mặt trăng hay mặt trời - của nhiều xứ, mỗi biểu tượng minh họa một ý tưởng hay một chuỗi ý tưởng chuyên biệt, khi xét gộp lại chúng hợp thành một biểu hiệu nội môn. “Biểu hiệu là một hình ảnh hay ký hiệu hữu hình cụ thể tiêu biểu cho các nguyên lý hay một loạt các nguyên lý, *có thể được nhận ra bởi những người nào đã* 18 *nhận được một số giáo huấn nào đó [các Điểm đạo đồ]*”. Nói một cách giản dị hơn, biểu hiệu thường là một chuỗi hình ảnh giống như đồ thị, được quan niệm và thuyết minh theo lối ẩn dụ và bộc lộ một ý tưởng khi xét lần lượt theo toàn cảnh. Như vậy, các Thánh kinh *Puranas* được viết theo lối biểu hiệu. *Tân Ước* và *Cựu Ước* tức Thánh kinh Thiên Chúa giáo và tất cả mọi Thánh kinh ngoại môn khác, đều như thế cả. Theo như Kenneth Mackenzie trình bày:

Mọi hội đoàn nội môn đều sử dụng biểu hiệu và biểu tượng, như là hội đoàn Pythagoras, môn phái Eleusinia, môn phái của Hermes ở Ai Cập, Hội Hoa Hồng Thập Tự và Hội Tam Điểm. Không tiện tiết lộ cho công chúng nhiều biểu hiệu này, và chỉ cần *khác nhau một chút xíu* là các biểu hiệu và biểu tượng sẽ có ý nghĩa khác nhau nhiều. Huyền ấn (magical sigilla), vốn được chọn dựa

vào một vài nguyên tắc về số mục, cũng có đặc tính này, và mặc dù là quái gở hay lối bịch đối với kẻ thiếu hiểu biết, nó lại truyền thụ nhiều giáo lý cho những người đã được huấn luyện để nhận ra chúng.

Tất cả các hội đoàn trên đều tương đối hiện đại, không có hội đoàn nào xuất hiện sớm hơn thời Trung Cổ. Vậy thì, tốt hơn là các môn sinh của Trường phái Cổ Điển nhất (the oldest Archaic School) nên cẩn thận; đừng tiết lộ những bí mật có tầm quan trọng đối với nhân loại (chúng sẽ trở thành nguy hiểm khi lọt vào tay những kẻ vô minh) vượt xa hơn nhiều so với bất cứ thứ nào của cái gọi là “các Bí Mật của Hội Tam Điểm,” nay chúng trở thành các bí mật của “trò múa rối” (“Polichinelle”) theo lối nói của người Pháp. Nhưng sự hạn chế này chỉ có thể áp dụng cho ý nghĩa tâm lý hay đúng hơn là ý nghĩa tâm sinh lý hoặc ý nghĩa vũ trụ của biểu tượng và biểu hiệu, và cũng chỉ một phần thôi ngay cả khi áp dụng cho ý nghĩa này. Vì mặc dù một Cao Đồ phải từ chối, không chịu truyền thụ các điều kiện và các phương tiện đưa tới bất cứ sự tương hệ nào giữa các Hành - dù là thuộc tâm linh hay vật chất -, việc này có thể tạo ra các kết quả có hại cũng như có lợi; song bao giờ Ngài cũng sẵn sàng truyền thụ cho môn sinh nhiệt thành bí mật của tư tưởng cổ truyền, về bất cứ điều gì liên quan đến lịch sử ẩn tàng dưới biểu tượng ký thần thoại, và như thế cung ứng một ít cột mốc nữa cho một quan niệm ngược về quá khứ, trong mức độ mà nó còn cung ứng kiến thức hữu dụng liên quan tới nguồn gốc của con người, cuộc tiến hóa của các Giống dân và Địa thức học (geognosy). Thế nhưng, ngày nay không những trong số các nhà Minh Triết Thiêng Liêng, mà còn trong số một ít thế nhân quan tâm đến chủ đề này, đã có lời phàn nàn là: “Tại sao các Cao Đồ không tiết lộ những gì mà họ biết?” Về điều này người ta có

thể trả lời là: “Tại sao các Ngài lại phải làm như vậy, vì người ta biết trước rằng chẳng có khoa học gia nào sẽ chấp nhận chúng, ngay cả như là một giả thuyết, chớ đừng nói như là một công lý.” Chính bạn đã chấp nhận và tin tưởng được bao nhiêu vào những khái niệm cơ sở của Huyền bí học trong tạp chí Theosophist, tác phẩm *Phật Giáo Bí Truyền* cũng như là các tác phẩm và các tạp chí định kỳ khác? Chẳng phải là ngay cả chút ít điều được đưa ra, đã bị nhạo báng, giấu cọt và phải đương đầu với một bên là “lý thuyết động vật” và “lý thuyết khỉ vượn” (“animal-” and “ape-theory”) của Huxley và Haeckel, còn một bên là chiếc xương sườn của Adam và trái táo cấm hay sao? Tuy nhiên, bất chấp một viễn ảnh u ám như thế, tác phẩm này vẫn đưa ra cả đồng sự kiện (a mass of facts), và nay, tác giả đã bàn một cách đầy đủ hết mức về

19 nguồn gốc của con người, sự tiến hóa của Địa Cầu và các Giống dân.

Rải rác trong khắp các Thánh kinh cổ của các nền văn minh cổ truyền đều có nêu ra bằng chứng để bổ chứng cho các giáo lý cổ. Thánh kinh *Puranas*, Thánh kinh *Zend Avesta* và các Thánh Kinh cổ điển khác đều đầy dẫy các sự kiện như thế; nhưng chưa có ai đã từng mất công sưu tập và đối chiếu chúng. Điều này có lý do vì tất cả mọi biến cố như thế đều được ghi lại một cách biểu tượng; và các học giả uyên bác nhất, các trí óc sắc sảo nhất trong số các nhà nghiên cứu về dân Aryan và dân Ai Cập, đều quá thường bị mờ mắt đi bởi một tiên kiến nào đó, và còn thường hơn nữa, bởi các quan điểm một chiều về ý nghĩa bí mật. Song một chuyện ngụ ngôn cũng là một biểu tượng ngôn từ: một điều tưởng tượng hoặc là một ngụ ngôn, theo sự suy nghĩ của một vài người, còn chúng ta nói rằng đó là một lối trình bày ẩn dụ về các thực tại trong cuộc sống, các biến cố và các sự kiện. Và, cũng

như một luân lý bao giờ cũng được rút ra từ một ngụ ngôn, luân lý như thế là một chân lý và sự kiện có thực trong cuộc sống con người; cũng vậy, những người tinh thông các khoa học về chữ tượng hình đều suy ra một biến cố lịch sử có thực từ các biểu hiện và biểu tượng ghi trong các văn kiện lưu trữ nơi các Thánh điện. Lịch sử tôn giáo và nội môn của mọi quốc gia đều ẩn tàng trong các biểu tượng; nó không bao giờ được trình bày theo sát nghĩa bằng nhiều từ ngữ như thế. Tất cả mọi tư tưởng và xúc cảm, tất cả mọi học thức và kiến thức - được thiên khai hay là thủ đắc - của các Giống dân sơ khai, đều được trình bày bằng hình tượng trong các ẩn dụ và ngụ ngôn. Tại sao vậy? Bởi vì *ngôn ngữ có một mãnh lực mà các "hiền triết" (the modern "sages") hiện đại không những không hề biết tới, mà còn không hề ngờ tới và do đó không tin được*; bởi vì âm thanh và nhịp điệu có liên hệ khăng khít với Tứ đại của Cổ nhân (the four Elements of the Ancients), và bởi vì một rung động nào đó trong không khí chắc chắn là sẽ khơi hoạt các Quyền năng (Powers) và sự kết hợp với chúng có thể tạo ra các kết quả tốt hay xấu. Không môn sinh nào đã từng được phép nâng lên các biến cố có thực, tôn giáo hay lịch sử - thuộc bất cứ loại nào - bằng nhiều từ ngữ chính xác như thế, kéo các Quyền năng liên kết với biến cố sẽ bị thu hút lại nữa. Các biến cố như thế chỉ được thuật lại trong khi Điểm Đạo, và mọi môn sinh đều phải ghi chúng lại trong các biểu tượng tương ứng được rút ra từ trong trí óc y và sau đó được Sư Phụ xem xét, trước khi mà cuối cùng chúng được chấp nhận. Như thế, bộ Mẫu tự Trung Quốc được từ từ sáng tạo ra, cũng như trước khi có bộ mẫu tự đó, các biểu tượng chữ tượng hình được qui định dựa vào chữ cổ Ai Cập. Trong ngôn ngữ Trung Quốc, các chữ có thể được đọc trong bất cứ ngôn ngữ

nào ⁽¹⁾ và - như vừa nói - chỉ hơi mới hơn mẫu tự Ai Cập của Thoth, mọi từ ngữ đều có biểu tượng tương ứng dưới một hình thức tượng hình. Ngôn ngữ này gồm có nhiều ngàn chữ biểu tượng hay dấu tốc ký như thế; mỗi chữ truyền thụ ý nghĩa của toàn bộ một từ ngữ; vì bản thân các chữ, tức một mẫu tự theo như ta hiểu, không hề tồn tại trong ngôn ngữ

20 Trung Quốc, cũng như trong ngôn ngữ Ai Cập, mãi tới một Thời kỳ sau này.

Nay, ta thử giải thích các biểu tượng và biểu hiệu chính, bởi vì, nếu không chuẩn bị làm quen với ít ra là các biểu tượng siêu hình, chúng ta sẽ khó lòng hiểu được các Quyển 3 và 4 là hai quyển bàn về nguồn gốc con người.

Cũng chẳng công bình chút nào nếu bước vào lãnh vực nghiên cứu biểu tượng ký, mà lại không tôn vinh đúng mức người đã phụng sự nhiều nhất trong lãnh vực đó vào thế kỷ này, bằng cách tìm ra chìa khóa chính để giải biểu tượng học Cổ Do Thái, biểu tượng này đã lẫn lộn lung tung với khoa đo lường, một trong các chìa khóa để giải cái đã từng một thời là Ngôn Ngữ Bí Nhiệm Vũ Trụ Đại Đồng. Chúng ta phải mang ơn ông Ralston Skinner, ở thành phố Cincinnati, tác giả của quyển *Chìa khóa để giải Bí Nhiệm Ai Cập Cổ Do Thái trong Nguồn gốc của Kịch thước (The Key to the Hebrew-Egyptian Mystery in the Source of Measures)*. Vốn có bản chất là một nhà huyền học và một tín đồ Do Thái Bí giáo, ông đã bỏ ra nhiều công sức theo chiều hướng này trong nhiều năm và chắc chắn

¹ Như thế, một người Nhật chẳng hiểu một từ ngữ nào của Trung Quốc, gặp một người Trung Quốc chẳng thể hiểu ngôn ngữ người Nhật, sẽ giao tiếp với y bằng chữ viết và họ sẽ hiểu nhau một cách hoàn toàn, vì chữ viết của họ đều có tính cách biểu tượng.

là ông đã được thưởng công với một thành công rực rỡ. Ông viết:

Tác giả đã hoàn toàn chắc chắn rằng đã có một ngôn ngữ cổ truyền mà hiện nay và đến nay, hình như là đã thất truyền; tuy nhiên hãy còn đầy đầy các di tích của nó.... Tác giả đã khám phá ra rằng tỷ số hình học này (tỷ số toàn phần của đường kính đối với một chu vi của một vòng tròn) rất xưa cũ và có lẽ đó là nguồn gốc thiêng liêng của...các số đo đường thẳng ...Hầu như có vẻ là người ta đã chứng minh được rằng trên lục địa Bắc Mỹ người ta cũng biết tới và sử dụng cùng một hệ thống hình học, số học, tỷ số và số đo, ngay cả trước khi hậu duệ Semite biết tới cũng hệ thống đó

Ngôn ngữ này kỳ dị ở chỗ là nó có thể được bao hàm trong một ngôn ngữ khác, ẩn tàng mà không ai nhận ra được, trừ phi người ta được huấn luyện chuyên môn; các chữ và các ký hiệu âm vận đồng thời cũng có được các quyền năng hay ý nghĩa của các con số, của các hình thể hình học, các bức họa, các biểu ý tự và các biểu tượng; tầm mức ấn định của chúng nhất định là sẽ được trợ lực bởi các ngụ ngôn dưới hình thức các câu chuyện hoặc là một phần câu chuyện; trong khi mà nó cũng có thể được trình bày một cách riêng biệt, độc lập và biến thiên, bằng các bức họa, nơi các công trình bằng đá và các công trình kiến tạo bằng đất.

Ta hãy minh giải một điều tối nghĩa về từ ngữ ngôn ngữ: từ ngữ này chủ yếu có nghĩa là việc biểu lộ các ý tưởng bằng ngôn từ của con người; theo ý nghĩa thứ yếu, nó cũng có thể có nghĩa là việc biểu lộ các ý tưởng bằng một phương tiện nào đó. Trong bản văn cổ Do Thái, ngôn ngữ này được cấu tạo sao cho, bằng cách dùng các chữ viết, - khi chúng được phát thanh, chúng sẽ là ngôn ngữ theo định nghĩa thứ nhất - người ta có thể cố ý truyền thụ một loạt các ý tưởng riêng biệt khác hơn là các ý tưởng được biểu lộ bằng cách đọc

các ký hiệu âm thanh (sound-signs). Ngôn ngữ thứ yếu này trình bày, dưới một bức màn, hàng loạt ý tưởng, mô phỏng theo trí tưởng tượng các vật rõ rệt vốn có thể được họa ra và các vật có thể được coi như là có thực mặc dù không rõ rệt; chẳng hạn như: con số 9 có thể được coi như là một thực tại, mặc dù nó không tồn tại một cách rõ rệt; cũng thế sự quay của mặt trăng, khi xét tách rời khỏi mặt trăng vốn đã tạo ra sự quay này, có thể được coi như là tạo ra một ý tưởng thực sự, mặc dù một sự quay như thế không có thực chất. Ngôn ngữ ý tưởng này có thể gồm có các biểu tượng được giới hạn vào các từ ngữ và các ký hiệu độc đoán có một phạm vi quan niệm rất hạn chế và hoàn toàn vô giá trị, hoặc nó có thể là sự nghiên cứu thiên nhiên trong một vài biểu lộ có một giá trị hầu như là không thể đo lường được, xét về nền văn minh của nhân loại. Một bức họa về một điều gì tự nhiên có thể tạo ra các ý tưởng phối hợp vấn đề lệ thuộc, túa ra theo nhiều hướng khác nhau và ngay cả các hướng đối nghịch nhau, giống như là những chiếc cằm của một bánh xe và tạo ra các

21 thực tại tự nhiên trong các bộ môn rất xa lạ với khuynh hướng bề ngoài của việc xem bức tranh khởi đầu. Ý niệm có thể sản sinh ra ý niệm liên hệ, nhưng nếu quả thực như thế, bấy giờ, dù xét theo bề ngoài có vẻ không tương hợp, mọi ý tưởng hệ quả phải xuất phát từ bức họa nguyên bản và có liên hệ hài hòa với nhau. Như thế, với một ý tưởng được minh họa đến mức căn bản cần thiết, ta có thể tạo ra việc tưởng tượng bản thân vũ trụ; ngay cả tới các chi tiết kiến tạo. Ngày nay, người ta không còn dùng ngôn ngữ thông thường như thế nữa, nhưng tác giả vẫn thắc mắc không biết là vào một thời kỳ xa xưa, liệu nó hoặc cái đó có phải là ngôn ngữ của thế giới và được dùng phổ biến hay chỉ có một giai cấp chọn lọc sử dụng nó khi nó ngày càng khoắc lẩy các hình

thức bí hiểm. Tôi muốn nói là ngôn ngữ bình dân hoặc ngôn ngữ địa phương, ngay từ lúc bắt đầu, đã được dùng làm chuyển ngữ của cách thức truyền thụ ý tưởng đặc thù này. Về điều này, bằng chứng không thiếu gì, và thật vậy, hình như là trong lịch sử nhân loại, do những nguyên nhân mà hiện nay ta không tài nào truy nguyên ra được, đã có một sự thất truyền của một ngôn ngữ bản sơ hoàn hảo và một hệ thống khoa học hoàn hảo - ta ắt sẽ nói là chúng hoàn hảo vì chúng có nguồn gốc và được du nhập từ Đấng Thiêng Liêng.¹)

Ở đây, “nguồn gốc Thiêng liêng” (“Divine origin) không có nghĩa là một điều thiên khai phát xuất từ một Thượng Đế nhân hình ngự trên một ngọn núi giữa sấm sét; nhưng theo như ta hiểu, đó là một ngôn ngữ và một hệ thống khoa học được truyền thụ cho nhân loại sơ khai bởi một giống người tiến hóa hơn, họ tiên tiến đến nỗi mà họ được nhân loại ấu trĩ coi như là *thiêng liêng*; nói tóm lại là một nhân loại xuất phát từ các lãnh vực tiến hóa khác. Một ý tưởng chẳng có gì là siêu nhiên, nhưng nó sẽ được chấp nhận hay bác bỏ tùy theo đương sự kiêu căng ngạo mạn đến mức nào. Vì chỉ cần các giáo sư hiện đại thú nhận rằng, mặc dù họ chẳng biết gì về tương lai của kẻ đã bỏ xác - hoặc đúng hơn là sẽ chẳng chấp nhận điều gì - song đối với họ, tương lai này sẽ đầy dẫy những điều kỳ lạ và những điều thiên khai bất ngờ, một khi mà Chon Ngã của họ đã thoát khỏi các thể xác thô trực - thì bấy giờ thuyết duy vật vô thần cũng ít có cơ may thành tựu hơn. Trong số các giáo sư đó, ai biết hay dám bảo rằng điều gì sẽ xảy ra một khi chu kỳ sống của Địa Cầu chấm dứt và chính bà mẹ Địa Cầu của chúng ta cũng chìm vào giấc hôn

¹ Trích từ một bản thảo, từ trang 1 đến trang 6. Xem chú thích ở cuối trang, Quyển 1, trang 72

thụy tối hậu (our mother Earth herself falls into her last sleep)? Ai dám bảo rằng các *Chơn Ngã* (the *divine Egos*) của nhân loại chúng ta - ít nhất là các phần tử ưu tú được tuyển lựa ra từ đám đông đang chuyển sang các lãnh vực tiến hóa khác - *đến lượt họ sẽ chẳng trở thành các đạo sư "thánh linh" ("divine")* của một nhân loại mới do họ sản sinh ra trên một Bầu hành tinh mới, được các nguyên khí đã thoát xác của Địa Cầu chúng ta cấp cho nguồn sống và sự hoạt động? Tất cả mọi điều này có thể là kinh nghiệm của QUÁ KHỨ (the PAST), và các tài liệu lưu trữ kỳ diệu này đều ẩn tàng trong "Ngôn Ngữ Bí Nhiệm" ("Mystery Language") của các thời đại tiền sử, ngôn ngữ này được gọi là BIỂU TƯỢNG KÝ.

TIẾT 2

NGÔN NGỮ BÍ NHIỆM VÀ CÁC CHÌA KHÓA GIẢI NÓ (THE MYSTERY LANGUAGE AND ITS KEYS)

MỚI đây, các nhà toán học và các tín đồ Do Thái Bí giáo xuất sắc đã khám phá ra và như thế chứng tỏ một cách không còn nghi ngờ gì nữa là mọi thuyết thần học, từ xưa đến nay đều không những là xuất phát từ một nguồn tín ngưỡng trừu tượng chung, mà còn từ một Ngôn ngữ Nội môn đại đồng vũ trụ, tức Ngôn ngữ “Bí nhiệm” (“Mystery”). Các học giả này giữ chiếc chìa khóa giải được ngôn ngữ đại đồng thế giới của cổ nhân và giải được nó một cách thành công, mặc dù là chỉ được có *một lần*, bên trong cánh cửa đóng kín dẫn vào Phòng Bí Pháp. Hệ thống tối cổ vĩ đại mà từ thời tiền sử đã được biết tới như là Khoa Minh Triết thiêng liêng - một hệ thống đã được hàm tích và có thể được truy nguyên trong mọi tôn giáo xưa cũng như nay - đã có và vẫn còn có ngôn ngữ đại đồng thế giới của nó - mà Hội viên Tam Điểm Ragon vẫn ngờ vực - ngôn ngữ của các Đạo Trưởng, có thể nói là ngôn ngữ này có bảy “thổ ngữ” (“dialects”), mỗi thổ ngữ đề cập tới và đặc biệt thích hợp với một trong bảy Bí nhiệm của Thiên nhiên. Mỗi thổ ngữ có biểu tượng ký riêng của nó. Như thế, người ta có thể hoặc là nghiên cứu trọn vẹn được Thiên nhiên, hoặc là xem xét thiên nhiên theo một trong các khía cạnh của nó.

Đến nay, điều này có bằng chứng là các Đông phương học giả nói chung, cũng như là các nhà nghiên cứu về Ấn Độ và Ai Cập nói riêng, đều cảm thấy cực kỳ khó khăn khi thuyết

minh các tác phẩm viết theo lối ẩn dụ của dân Aryan và các tài liệu lưu trữ viết bằng chữ tượng hình của cổ Ai Cập. Lý do là vì họ cứ quên mất rằng mọi tài liệu lưu trữ cổ truyền đều được viết bằng một ngôn ngữ đại đồng thể giới mà tất cả mọi quốc gia thời xưa đều biết, nhưng nay chỉ có một nhóm người hiểu được nó. Cũng như là thiên hạ thuộc mọi quốc gia đều hiểu được các con số Á Rập, hoặc cũng như là từ ngữ *and* (và) trong tiếng Anh, trở thành *et* (và) đối với người Pháp, *und* đối với người Đức v.v.... có thể được diễn đạt cho mọi quốc gia văn minh bằng ký hiệu đơn giản & – mọi từ ngữ của Ngôn ngữ Bí nhiệm này (that Mystery Language) đều cùng có nghĩa là một vật, đối với mọi người thuộc bất cứ quốc tịch nào. Nhiều nhân vật trứ danh đã cố gắng tái tạo một ngôn ngữ đại đồng thể giới và triết lý như thế - Delgarme, Wilkins, Leibnitz; nhưng Demaimieux trong tác phẩm *Vạn Quốc Tư Pháp* (*Pasigraphie*) là người duy nhất chứng minh rằng nó có thể hiện hữu được. Giản đồ Valentinius được mệnh danh là “Thánh kinh Kabbalah của Hy Lạp,” và được dựa vào sự phối hợp các chữ Hy Lạp, có thể được dùng làm mô thức (model). Các phương diện đa diện của Ngôn ngữ Bí nhiệm đã đưa đến việc chấp nhận các giáo điều và các nghi lễ khác nhau trong hiến giáo của các nghi thức của Giáo hội. Những tín điều này lại là nguồn gốc của hầu hết các giáo điều của các Giáo hội Thiên Chúa; chẳng hạn như bảy Bí Tích, Ba Ngôi, Sự Phục Sinh, Bảy Tội Lỗi chính yếu và Bảy Đức Hạnh. Tuy nhiên các Đạo Trưởng cao cấp nhất thời xưa đã luôn luôn nắm giữ Bảy Chìa khóa (Seven Keys) để giải Ngôn ngữ Bí nhiệm; do sự phản bội của vài Đức Cha của Giáo hội - các cụ Điểm đạo đồ của Thánh Điện nên - một ít trong bảy chìa khóa mới được chuyển vào trong tay của các tôn giáo phái Nazarenes và được sử dụng một phần. Một vài Giáo Hoàng thuở đầu là các

Điểm đạo đồ, nhưng những kiến thức mạnh mún cuối cùng của các Ngài nay đã lọt vào tay của những tín đồ Chúa Jesus, họ đã biến chúng thành một hệ thống phù thủy.

Người ta xác nhận rằng Ấn Độ - không phải là xét theo các biên giới hiện nay mà bao gồm cả biên giới thời xưa - là quốc gia duy nhất trên thế giới vẫn còn có các Cao đồ quán triệt tất cả bảy hệ thống phụ và có được chìa khóa để giải toàn bộ hệ thống. Từ khi thành phố Memphis suy tàn, Ai Cập bắt đầu mất dần các chìa khóa này, còn Chaldea chỉ còn giữ được ba chìa khóa vào thời Berossus. Về phần người Hebrew, trong tất cả mọi tác phẩm của mình, họ chẳng chứng tỏ một điều gì khác hơn là việc quán triệt các hệ thống thiên văn, hình học và số học để biểu tượng hóa các chức năng của con người, đặc biệt là các chức năng sinh lý. Họ đã chẳng bao giờ có được các chìa khóa cao cấp.

Ông Gaston Maspero, nhà nghiên cứu về Ai Cập lỗi lạc người Pháp và là người kế vị Mariette Bey, viết:

Mỗi lần nghe người ta nói về tôn giáo của Ai Cập, tôi không thể không hỏi là họ đang nói về *tôn giáo nào* của Ai Cập? Phải chăng là tôn giáo Ai Cập của triều đại thứ tư, hoặc là tôn giáo Ai Cập của lớp người trí thức? Đó là tôn giáo như được giảng dạy trong các trường của thành phố Heliopolis, hoặc là tôn giáo vốn ở trong tâm niệm của giai cấp giáo sĩ của thành phố Theban. Vì có một thời gian ít nhất là 5 000 năm từ thời ngôi mộ thứ nhất của thành phố Memphis - nó có chiếc khung treo huy hiệu của một vị vua thuộc triều đại thứ ba - cho tới thời các viên đá cuối cùng được chạm trổ tại Esneh dưới thời Caesar Philippus, người Ả Rập. Bỏ qua một bên sự xâm lược của những Người chăn chiên (the Shepherds), sự đô hộ của người Ethiopia và Assyria, sự chinh phục của người Ba Tư và sự chiếm làm thuộc địa của người Hy Lạp và hàng ngàn cuộc cách mạng trong đời sống chính trị, trong 5 000 năm đó, Ai Cập đã trải qua nhiều thăng trầm trong đời sống đạo

đức và trí thức. Ta biết được một ít bản sao - vào thời các triều đại thứ mười một và mười hai - của Chương XVII *Tử Vong Kinh* (*Boof of Dead*), nó hình như có bao hàm việc trình bày hệ thống thế giới theo như người dân tại Heliopolis hiểu trong thời kỳ các triều đại thứ nhất. Mỗi câu thơ cấu thành nó đã được thuyết minh theo ba và bốn lối khác nhau; thật vậy, chúng khác nhau đến đôi mà tùy theo trường phái này hay trường phái khác, Đấng Tạo Hóa đã trở thành hoặc là lửa mặt trời tức là Ra-shoo, hoặc là nước nguyên thủy (Ra-shoo), or the primordial water). Mười lăm thế kỷ qua, số cách giải thích đã tăng lên một cách lớn lao. Khi thời gian trôi qua, quan niệm của người ta về vũ trụ và các thần lực cai quản nó đã thay đổi. Trong mười tám thế kỷ ngắn ngủi, nó đã phát triển và biến đổi hầu hết các giáo điều của mình, thế thì biết bao nhiêu lần giới tu sĩ của Ai Cập đã chẳng có thể thay đổi các giáo điều của mình trong vòng mười lăm thế kỷ từ thời Theodosius tới các vị Vua Kiến tạo Kim tự tháp. ⁽¹⁾

Ở đây, chúng tôi tin là nhà nghiên cứu về Ai Cập lỗi lạc này đang tiến quá xa. Các giáo điều ngoại môn có thể là đã thường bị biến đổi, còn các giáo điều nội môn thì không bao giờ. Ông đã không kể tới tính bất di bất dịch thiêng liêng của các chân lý sơ khai, chỉ được thiên khải trong các bí pháp của Điem Đạo. Các tu sĩ Ai Cập đã *quên mất nhiều, họ đã chẳng thay đổi điều gì*. Sự thất truyền một phần giáo lý sơ khai là do ở những sự bất đắc kỳ tử của các Đạo Trưởng (the sudden deaths of the great Hierophants), các Ngài đã quá cố trước khi mà các Ngài có thì giờ tiết lộ hết *tất cả* cho những người kế vị, hầu như là thiếu hẳn các di sản minh triết. Song họ đã duy trì được trong các nghi thức và giáo điều của mình các giáo lý chủ yếu của Giáo Lý Bí Nhiệm.

¹ Trong quyển Guide au *Musée* của Boulaq, trang 148-149.

Như thế, trong Chương của *Tử Vong Kinh* mà Maspero đã đề cập tới, ta thấy 1) Osiris nói rằng Ngài là Toom – lực sáng tạo trong thiên nhiên, ban cấp hình hài cho vạn hữu, chon linh và nhân loại, tự sinh, tự tại – xuất phát từ Noon, con sông trên trời được mệnh danh là *Cha-Mẹ* của Chư Thần (*Father-Mother of the Gods*), thần linh bản sơ, vốn là Hồng nguyên khí hay *Thái uyên* (Chaos or the *Deep*), có thẩm nhuần Tinh Thần vô hình. 2) Ngài đã tìm thấy Shu, thần lực thái dương, trên nấc thang của Thành phố thứ Tám (hai hình vuông Thiện và Ác) và Ngài đã hủy diệt các Đứa Con Nổi Loạn (the Children of Rebellion), các nguyên khí ác nơi Noon (Hồng nguyên khí – Chaos). 3) Ngài là Lửa và Nước nghĩa là Noon, Tổ Phụ Nguyên Thủy (the Primordial Parent) và Ngài đã tạo ra Chư Thần từ tứ chi - mười bốn vị Thần (hai lần bảy) bảy vị Thần tà đạo và bảy vị Thần chánh đạo – bảy Chon Linh Bản Lai Diện Mục (the seven Spirits of the Presence) của tín đồ Thiên Chúa giáo và bảy Chon Linh Tà Đạo (the seven dark Evil Spirits). 4) Ngài là Luật Tồn Tại và Hiện Tồn, Bennoo, tức Chim Phượng Hoàng, Con Chim Phục Sinh trong Vĩnh cửu, trong đó Đêm nối tiếp Ngày và Ngày nối tiếp Đêm - một điều ám chỉ tới các chu kỳ tuần hoàn của sự phục sinh của vũ trụ và sự tái sinh luân hồi của con người. Vì điều này còn có thể có nghĩa là gì nữa? “Hành giả (the Wayfarer) trải qua hàng triệu năm, là tên của một vị và Đấng Cao Xanh (the Great Green) [Nước Nguyên Thủy hay Hồng nguyên khí] là tên của một vị khác”, một Đấng sinh hóa hàng triệu năm liên tiếp, Đấng kia hấp thu chúng để rồi phục hồi chúng. 5) Ngài nói về Bảy Đấng Quang Huy (the Seven Luminous Ones), tháp tùng Đấng Chúa Tể, Osiris, Ngài cầm cân nẩy mực ở Amenti (Luyện ngục).

Nay người ta đã vạch rõ rằng tất cả những điều này đã là cội nguồn của các giáo điều Thiên Chúa giáo. Những điều mà dân Do Thái nhận được từ Ai Cập, thông qua Moses và các Điểm đạo đồ khác, thì về sau đã thành ra lộn xộn, lệch lạc rồi; thế mà, những gì Giáo hội nhận được từ cả hai, lại còn bị thuyết minh lệch lạc nữa.

- 25 Song hệ thống của dân Do Thái, trong bộ môn đặc biệt này của biểu tượng học, - nghĩa là chìa khóa để giải các bí nhiệm của thiên văn học liên quan tới các bí nhiệm về sinh dục và sự thụ thai - nay đã được chứng tỏ là đồng nhất với các ý niệm trong các tôn giáo cổ truyền, chúng đã phát triển yếu tố sùng bái sinh thực khí của thần học. Hệ thống các số đo linh thiêng của dân Do Thái, được áp dụng vào các biểu tượng tôn giáo, thì cũng - trong mức độ các phép phối hợp hình học và số học - giống như là các số đo của Hy Lạp, Chaldea và Ai Cập, vì nó được người Do Thái chọn dùng trong các thế kỷ nô lệ và cam chịu sự đô hộ của Chaldea và Ai Cập.⁽¹⁾ Hệ thống này ra sao? Tác giả quyển *Nguồn Gốc của*

¹ Như chúng tôi đã nói trong bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, quyển II, trang 438-439: "Đến nay, bất chấp mọi tranh cãi và công trình nghiên cứu, lịch sử và khoa học vẫn còn mù tịt về nguồn gốc của dân Do Thái. Họ có thể là những người Chandālas bị lưu đầy của cổ Ấn Độ, 'những người thợ nề' ('bricklayer's) mà Vyasa (soạn kinh Veda) và Đức Bàn Cổ đã đề cập tới, hoặc là những người Phoenicians của sử gia Herodotus, hoặc là các vị vua Hyksos của sử gia Josephus, hoặc là các hậu duệ của những người chăn chiên Pali, hoặc là một sự phối hợp của các giống dân trên. *Thánh kinh* mệnh danh người Tyrians như là một dân tộc có cùng nguồn gốc, và đòi hỏi là họ phải bị thống trị.... Song dù họ đã là gì đi nữa, thì họ cũng trở thành một dân tộc lai giống, chẳng bao lâu sau thời Moses, vì *Thánh kinh* cho thấy là họ kết hôn tự do không những là

Kích Thước đã tin chắc rằng: “Nhờ vào một cách dùng kỹ xảo về ngôn từ, các Thánh thư của Moses nhắm mục đích để ra một hệ thống số học và hình học của khoa học chính xác, nó sẽ được dùng như là một nguồn gốc của các số đo. “Piazzi Smyth cũng tin như vậy. Một vài học giả đã tìm thấy là hệ thống này và các kích thước này giống hệt như các kích thước được dùng trong khi xây dựng Đại Kim tự Tháp; nhưng cũng chỉ một phần thể thôi. Trong quyển *Nguồn Gốc của Kích Thước*, Ralston Skinner nói “Nền tảng của các kích thước này là tỷ số Parker.”

Theo tác giả của quyển sách phi thường này, ông đã tìm thấy nó khi dùng tới tỷ số toàn phần của đường kính đối với chu vi của một vòng tròn, do John A. Parker ở New York tìm ra. Tỷ số này là 6561 đối với đường kính, và 20612 đối với chu vi. Thêm nữa, tỷ số hình học này có nguồn gốc rất xưa và có lẽ là nguồn gốc thiêng liêng của cái nay đã trở thành - do cách xử lý ngoại môn và áp dụng thực tế - các số đo đường thẳng của Anh quốc “đơn vị căn bản của nó, tức là *inch*, cũng giống như sơ đồ của một trong các *cubits* của Hoàng gia Ai Cập và bộ (*foot*) của La Mã.”

Ông cũng khám phá ra rằng có một hình thức biến đổi của tỷ số, tức là 113 đối với 355; và trong khi mà do nguồn gốc, tỷ số này vạch ra số *pi* toàn phần chính xác hay tỷ số của 6 561 đối với 20 612, nó cũng được dùng như là một cơ sở dùng cho phép tính thiên văn. Tác giả đã tìm ra rằng một hệ thống *khoa học chính xác*, hình học, số học, thiên văn học, được dựa vào các tỷ số này và người ta thấy là nó được sử dụng trong khi xây dựng Đại Kim tự tháp của Ai Cập, và là một

với người Canaanites, mà còn với mọi chủng tộc khác mà họ đã từng tiếp xúc.”

phần của chủ đề của *ngôn ngữ* này, như được bao hàm trong và ẩn tàng dưới văn tự dài dòng của bản văn bằng tiếng Hebrew của Thánh kinh. *Inch* và cây thước hai bộ (=24 inches), khi được thuyết minh để sử dụng nhờ các yếu tố của vòng tròn và các tỷ số được đề cập ở trên, đều là cơ sở của hệ thống khoa học tự nhiên của dân Ai Cập và dân Hebrew này, 26 trong khi mà hơn nữa, hình như đã đủ hiển nhiên là chính hệ thống đã được coi như là có nguồn gốc thiêng liêng và được thiên khải. ⁽¹⁾

Nhưng ta hãy xem những người chống đối với giáo sư Piazzzi Smyth về vấn đề các số đo của Kim tự tháp nói như thế nào.

Ông Petrie hình như là chối bỏ chúng và đã hoàn toàn thủ tiêu nhanh chóng các tính toán của Piazzzi Symyth liên quan tới Thánh kinh. Ông Proctor, trong nhiều năm qua đã ủng hộ thuyết “Trùng hợp ngẫu nhiên” (“Coincidentalist”) trong mọi vấn đề về khoa học và nghệ thuật cổ truyền, cũng cùng một lập trường. Lên tiếng về “ vô số quan hệ độc lập của Kim tự tháp đã xuất hiện trong khi mà các nhà nghiên cứu về Kim tự tháp đang nỗ lực liên hệ Kim tự tháp với thái dương hệ,” ông nói:

Các điều trùng hợp này [“chúng sẽ vẫn như vậy nếu Kim tự tháp không tồn tại”], hoàn toàn kỳ diệu hơn là bất cứ sự trùng hợp nào giữa Kim tự tháp và các con số thiên văn: các sự trùng hợp nêu trước thì chặt chẽ và đáng lưu ý y như là chúng có thực; các sự trùng hợp nêu sau, vốn chỉ là *tưởng tượng* (?), đã chỉ được lập nên theo tiến trình mà các học sinh gọi là “vá vú” (“fudging”) và nay

¹ Xem Bản thảo, trang 20.

các kích thước mới đã khiến cho người ta phải làm lại công việc từ đầu. ⁽¹⁾

Về Vấn đề này, ông Staniland Wake nhận xét rất đúng là:

Tuy nhiên, chúng ắt không phải chỉ là những điều trùng hợp, nếu những người kiến tạo Kim tự tháp có được kiến thức thiên văn được trình bày với sự định hướng hoàn hảo và với các đặc điểm thiên văn được thừa nhận khác. ⁽²⁾

Chắc chắn là họ có; và chương trình gồm các Bí PHÁP và hàng loạt các cuộc Điểm Đạo dựa vào “kiến thức” này: vì thế mới có việc kiến tạo Kim tự tháp, văn thư lưu trữ muôn đời và biểu tượng bất hoại của các Bí pháp và các cuộc Điểm Đạo trên Địa Cầu, khi các tinh tú vận chuyển trên Trời. Chu kỳ Điểm Đạo là một mô phỏng thu nhỏ của hàng loạt các biến đổi vũ trụ vĩ đại mà các nhà thiên văn học đã mệnh danh là Năm thiên văn hay Năm dương lịch (the Tropical or Sidereal Year). Cũng như cuối chu kỳ của năm thiên văn (25 868 năm), các thiên thể lại trở về cùng một vị trí tương đối như lúc đầu, cũng vậy, vào cuối chu kỳ Điểm Đạo, Chon Nhon đã phục hồi được tình trạng bản sơ thanh khiết và minh triết thiêng liêng, tình trạng mà từ đó y đã khởi sự chu kỳ lâm phạm trên trần thế.

Moses, một Điểm đạo đồ của Bí pháp giáo lý Ai Cập, sáng tạo ra các bí pháp tôn giáo của tân quốc gia bằng cách dựa vào cùng một công thức trừu tượng suy ra từ Chu kỳ Thiên văn (Sidereal Cycle), được tượng trưng bằng hình dáng

¹ Trích trong Kiến Thức, Quyển I, xin xem thêm bức thư của Petrie gởi cho Hàn lâm viện ngày 17-12-1881.

² Trích trong *Nguồn Gốc và Ý Nghĩa của Đại Kim tự Tháp*, trang 8, chú thích cuối trang, 1882.

và kích thước của Thánh điện, mà người ta giả sử là ông đã xây dựng trong Vùng Hoang Vắng. Dựa vào dữ kiện này, các Tu sĩ Cao cấp người Do Thái sau này đã dựng nên ẩn dụ về Thánh điện Solomon - một công trình kiến tạo chẳng bao giờ thực sự tồn tại, chính Solomon cũng chỉ là một thần thoại

27 dương giống như Hiram Abif của các hội viên Tam Điểm sau này; điều này Ragon đã chứng tỏ rõ rệt. Như vậy, nếu các kích thước của Thánh điện ẩn dụ này, biểu tượng của chu kỳ Điểm Đạo, mà lại trùng hợp với các kích thước của Đại Kim tự tháp, đó chính là do ở sự kiện các kích thước của Thánh điện được suy ra từ các kích thước của Kim tự tháp qua Thánh điện Moses.

Sự kiện là vị tác giả của chúng ta ⁽¹⁾ rõ rệt là đã tìm ra một và ngay cả hai chìa khóa, hoàn toàn được chứng tỏ trong tác phẩm vừa được trích dẫn. Chỉ cần đọc nó là người ta sẽ cảm thấy ngày càng tin chắc rằng ý nghĩa ẩn tàng trong các ẩn dụ và ngụ ngôn của cả *Tân Ước* và lẫn *Cựu Ước* nay đã được bộc lộ. Nhưng cũng chắc chắn là - nếu không muốn nói: có một điều còn chắc chắn hơn nữa là - khám phá này do ở chính thiên tài của ông nhiều hơn là do kế thừa của Paker và Piazzzi Smyth. Vì, như vừa được trình bày, không có gì chắc chắn là kích thước của Đại Kim tự tháp - mà các nhà nghiên cứu Kim tự tháp như là kinh Thánh, chấp nhận - lại hoàn toàn đáng tin cậy. Người ta ắt phải tìm thấy một bằng chứng của việc này trong tác phẩm *Kim tự tháp và các Thánh điện Gizeh* của ông F. Petrie, cũng như trong các tác phẩm khác được viết ra mới gần đây để chống lại các tính toán vừa nói, mà các tác giả cho là “đầy thiên kiến.” Chúng tôi thu thập

¹ [Hiển nhiên là đề cập tới tác phẩm của C. Staniland Wake ở trên.]

được rằng hầu như là mọi kích thước của Piazzzi Smyth đều khác hẳn với các kích thước mới được đo lại cẩn thận hơn của ông Petrie; ông đã kết thúc phần dẫn nhập tác phẩm của mình với ý kiến như sau:

Theo như các kết quả của toàn cuộc điều nghiên, có lẽ là nhiều lý thuyết gia sẽ đồng ý với một người Mỹ, ông ta là một người tin tưởng nhiệt thành vào các thuyết Kim tự tháp khi đặt chân đến Gizeh. Tôi có vinh hạnh được tháp tùng với ông ta đến đó trong hai ngày, và vào bữa cuối cùng ăn chung với nhau, ông buồn bã bảo tôi: “Được lắm! Tôi thấy như thể là mình đang đi đưa đám tang. Bằng mọi giá, chúng ta phải làm cho các thuyết lạc hậu bị chôn vùi một cách tươm tất, mặc dù chúng ta phải thận trọng để cho, trong khi vùi vã, chúng ta sẽ không chôn sống những gì chưa chết hẳn.”

Về phần phép tính toán của J. A. Parker nói chung, và đặc biệt là mệnh đề của ông ta, chúng tôi đã tham khảo ý kiến của một vài toán học gia lỗi lạc, và họ nói đại khái như sau:

“Lý luận của Parker dựa vào những cân nhắc đa cảm hơn là những phép tính toán theo toán học và không đủ sức thuyết phục khi xét về mặt luân lý.”

Mệnh đề III, tức là:

“Hình tròn là cơ sở hay nguồn cội tự nhiên của mọi bề mặt, và trong toán học, việc qui định cho hình vuông cũng được như thế, chỉ là nhân tạo độc đoán.”

Chính mệnh đề thứ ba này mới là minh họa của một mệnh đề độc đoán, và trong lý luận toán học, người ta không thể an tâm tin cậy nó. Điều như trên cũng được nhận thấy, thậm chí còn rõ rệt hơn nữa, khi xét đến mệnh đề VII được phát biểu như sau:

Vì hình tròn là dạng thức sơ khai trong thiên nhiên và vì thế là cơ sở của bề mặt, và vì hình tròn được đo lường bởi và chỉ bằng với hình vuông theo tỷ số của nửa chu vi đối với bán kính, chớ

không phải bình phương của đường kính, mới là các yếu tố tự nhiên và chính thống của bề mặt; nhờ chúng, tất cả mọi hình đều cạnh đều được làm cho bằng với hình vuông và bằng với hình tròn.

28 Mệnh đề IX là một thí dụ điển hình của lý luận sai lầm, mặc dù tác phẩm *Phép câu phương (Quadrature)*⁽¹⁾ của ông Parker chủ yếu là dựa vào nó. Nó được phát biểu như sau:

Hình tròn và hình tam giác đều, có tất cả mọi yếu tố cấu tạo nghịch với nhau, và vì thế, đường kính phân số của một hình tròn, vốn bằng với đường kính của một hình vuông, có tỷ lệ gấp đôi nghịch với đường kính của một tam giác đều mà diện tích bằng một v.v....

Để tiện việc lý luận, cứ thừa nhận rằng, người ta có thể nói một tam giác có một bán kính, theo nghĩa mà ta bàn tới bán kính của một vòng tròn - vì cái mà Parker gọi là bán kính của một tam giác, chẳng qua chỉ là bán kính của hình tròn nội tiếp của một tam giác, và do đó chẳng phải là bán kính của tam giác chi cả - và cứ tạm thời thừa nhận các mệnh đề toán học hoang tưởng liên kết với các tiền đề của ông ta, tại sao ta phải kết luận rằng, nếu tam giác đều và hình tròn có tất cả mọi yếu tố cấu tạo đối nghịch với nhau, thì đường kính của bất kỳ hình tròn nhất định nào lại có tỷ lệ gấp đôi nghịch với đường kính của bất kỳ tam giác tương đương cho sẵn nào? Giữa các tiền đề và kết luận có mối liên hệ tất yếu nào chăng? Lý luận này thuộc về một loại mà hình học không hề biết tới và sẽ không thể được các toán học gia nghiêm xác chấp nhận. Tuy nhiên, đối với nhà Siêu hình học chân chính và nghiêm minh, dù rằng hệ thống nội môn cổ điển có xuất phát từ đơn vị "inch" của Anh quốc hay không, thì cũng chẳng thành vấn

¹ *Phép Câu phương của Hình tròn* của John A. Parker, từ trang 117-119.1851.

đề. Cũng chẳng thành vấn đề nổi nếu như lối thuyết minh nội môn về *Thái kinh* của ông Ralston Skinner có tỏ ra sai lầm, chỉ vì người ta thấy là kích thước của Kim tự tháp không phù hợp với các kích thước của Thánh điện Solomon, Chiếc Bè của Noah v.v., hay là vì phép Cầu phương Hình tròn của ông Parker bị các toán học gia bác bỏ. Vì lối thuyết minh của ông Skinner chủ yếu tùy thuộc vào các phương pháp của Do Thái Bí giáo và thang giá trị theo giáo sĩ Do Thái của các chữ Hebrew. Nhưng thật là cực kỳ quan trọng mà xác định được xem liệu các kích thước được dùng trong cuộc tiến hóa của tôn giáo biểu tượng của dân Aryan, trong việc kiến tạo Thánh điện, trong các con số được đưa ra trong Thánh kinh *Puranas* và đặc biệt là các cách sắp xếp theo niên đại, các biểu tượng thiên nhiên văn, thời gian kéo dài của các chu kỳ và các tính toán khác, có hay không giống hệt với các kích thước được dùng trong các số đo và các chữ viết tượng hình của Thánh kinh. Vì điều này sẽ chứng tỏ rằng trừ khi kế thừa đơn vị cubit và các số đo linh thiêng của người Ai Cập – Moses là một Điểm đạo đồ của các tu sĩ của họ - người Do Thái ắt đã phải kế thừa các ý niệm này của Ấn Độ. Dù sao đi nữa, họ cũng truyền chúng lại cho các tín đồ Thiên Chúa giáo buổi đầu. Vì thế, chính các nhà Huyền bí học (Occultists) và các tín đồ Do Thái Bí giáo mới là những người kế thừa chân chính của Minh triết Bí nhiệm vẫn còn ẩn tàng trong *Thánh kinh* (*Bible*), vì nay chỉ có họ mới hiểu được ý nghĩa thực sự của nó, trong khi mà những kẻ ngoại môn theo Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo cứ bám chặt lấy các lớp vỏ bên ngoài, do đó trở thành chấp nê văn tự. Chính hệ thống đo lường này đã đưa tới việc sáng chế ra các danh xưng của Thượng Đế như Elohim và Jehovah, và việc thích ứng chúng với tục sùng bái

29 Sinh thực khí (Phallicism), còn Jehovah không phải là một hình ảnh mô phỏng quá tâng bốc của Osiris, đó là những điều mà nay tác giả của quyển *Nguồn Gốc của Kịch Thuật* đã chứng minh được. Nhưng cả ông Ralston Skinner lẫn ông Piazzzi Smyth đều hình như là nạn nhân của ấn tượng sau (a) Sự ưu tiên của hệ thống tùy thuộc vào dân Do Thái, tiếng Hebrew vốn là ngôn ngữ *thiên thiêng*, và rằng (b) ngôn ngữ thế giới đại đồng tùy thuộc vào sự thiên khai trực tiếp.

Giả thuyết sau chỉ đúng theo ý nghĩa được trình bày trong đoạn chót của Tiết trước, nhưng chúng ta vẫn chưa đồng ý với nhau về bản chất và đặc tính của “Đấng Thiên Khai” thiên thiêng (the divine “Revealer”). Đối với thế nhân, giả thuyết trước, vốn liên quan tới sự ưu tiên, dĩ nhiên là sẽ tùy thuộc vào (a) bằng chứng nội tại và ngoại tại của sự thiên khai, và (b) các tiên đoán của cá nhân mỗi độc giả. Tuy nhiên, điều này không thể cản trở tín đồ Do Thái Bí giáo theo thuyết hữu thần hay là nhà Huyền bí học theo thuyết Phiếm Thần, tin tưởng theo đường lối riêng của mình; song cả hai đều chẳng bên nào chịu bên nào. Các dữ kiện do lịch sử ghi lại cũng quá ít ỏi và không đủ để cho bất cứ bên nào chứng tỏ cho kẻ nghi ngờ của phe bên kia rằng mình là đúng.

Mặt khác, các chứng cứ truyền thống thu lượm được cũng rất thường được bác bỏ khiến ta không có hy vọng gì giải quyết được vấn đề này trong thời đại hiện nay. Trong khi đó khoa học duy vật sẽ thần nhiên nhạo báng cả tín đồ Do Thái Bí giáo lẫn nhà Huyền bí học. Nhưng một khi mà vấn đề sự ưu tiên – vấn đề đã gây nhiều tranh cãi – đã được dẹp sang một bên, thì trong các bộ môn ngữ văn và Tôn giáo đối chiếu, khoa học rốt cuộc sẽ phải nhận lãnh nhiệm vụ và sẽ bắt buộc phải nhìn nhận lời khẳng định chung.

Các lời khẳng định này sẽ dần dần được thừa nhận, khi mà hết khoa học gia này đến khoa học gia khác sẽ bắt buộc phải nhìn nhận các sự kiện do Giáo Lý Bí Nhiệm đưa ra; mặc dù y hiềm khi, nếu không muốn nói là chẳng bao giờ, chịu nhìn nhận rằng người ta đã tiên liệu được những phát biểu của y. Vì thế, trong những ngày huy hoàng mà ông Piazzzi Smyth còn có thẩm quyền đối với vấn đề Kim tự tháp ở Gizeh, ông chủ trương một thuyết như sau: cái quan tài bằng vân ban thạch (the porphyry sarcophagus) tại Nội cung của Vua chúa là “*đơn vị đo lường* dành cho hai quốc gia giác ngộ nhất trên thế giới là Anh và Mỹ”, và cũng chẳng có gì khác hơn là một cái “*thùng để đựng lúa mì*” (“corn-bin”). Trong bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện* vừa được xuất bản vào lúc đó, chúng tôi quyết liệt chối bỏ điều này. Lúc bấy giờ báo chí ở New York (nhất là các báo *Mặt trời Nữ Uớc* và *Thế Giới*) đã nổi lên đả kích việc chúng tôi dám mạo muội tìm ra khuyết điểm (find fault) của một ngôi sao Bắc đẩu trên vòm trời học thuật như thế. Trong tác phẩm này, chúng tôi đã nói rằng Herodotus, khi bàn về Kim tự tháp này:

... có thể nói thêm là, xét theo bề ngoài, nó là biểu tượng của nguyên lý sáng tạo của *Thiên nhiên*, nó cũng minh họa các *nguyên lý của hình học, toán học, chiêm tinh học và thiên văn học*. Xét về mặt nội tại, nó là Thánh điện nguy nga, các Bí pháp được thi hành bên trong các nơi sâu kín âm u của nó, còn các buổi lễ điểm đạo của các hoàng thân quốc thích cũng đã diễn ra bên trong nó. Cái quan tài bằng vân ban thạch – mà Giáo sư Piazzzi Smyth, nhà thiên văn học Hoàng gia xứ Tô Cách Lan, đã miệt thị coi như là một cái thùng đựng lúa mì – chính là *cái bình đựng nước rửa tội*; khi ló lên từ cái bình này, đạo sinh sơ cơ được tái sinh và trở thành một cao đồ. ⁽¹⁾

¹ Sách đã dẫn, Quyển I, trang 519.

30 Vào thời đó, lời phát biểu của chúng tôi bị chế nhạo. Người ta đã buộc tội chúng tôi là đã kế thừa các quan niệm “điên rồ” của Shaw, một văn sĩ người Anh từng chủ trương rằng cái quan tài dùng để cử hành các Bí pháp Osiris, mặc dù chúng tôi chưa hề nghe nói tới văn sĩ này. Và nay, sáu, bảy năm sau (1882), ông Staniland Wake lại viết như sau:

Cái gọi là Nội cung của Vua chúa – mà một nhà nghiên cứu Kim tự tháp nhiệt thành nói là “Các bức tường bóng loáng, các vật liệu tốt đẹp, các kích thước đồ sộ, và vị trí cao tột là những minh chứng hùng hồn của các vinh quang còn nhiều hứa hẹn, “ nếu không muốn nói đó là Nội cung tuyệt diệu của lăng vua Cheops, có lẽ nơi mà điểm đạo đồ được nhận vào sau khi y đã đi qua các lối đi hẹp tiến lên tới hành lang lớn có phần cuối rất tầm thường, nó dần dần chuẩn bị cho y giai đoạn cuối cùng của các bí pháp thiêng liêng.⁽¹⁾

Nếu ông Staniland Wake là một nhà Minh Triết Thiêng Liêng, có lẽ ông đã nói thêm là cái lối đi hẹp đưa ta tiến lên Nội cung của Vua đúng thật là có một cái “cổng hẹp”, đó chính là cái cổng hẹp đưa tới cuộc sống “tức là sự tái sinh tinh thần mới mẻ mà Đức Jesus đã ám chỉ trong Thánh thư Matthew; ⁽²⁾ tác giả vốn chỉ ghi lại những lời mà người ta gán cho một Điểm đạo đồ, đang nghĩ tới cánh cổng trong Thánh điện Điểm Đạo này.

Như thế, các học giả lỗi lạc nhất trong lãnh vực khoa học, thay vì gạt phắt đi cái được coi như là “mớ lộn xộn các điều mê tín dị đoan và các điều bịa đặt nực cười” – theo lối diễn đạt thông thường của văn chương Bà La Môn giáo – lại nỗ lực học hỏi ngôn ngữ biểu tượng đại đồng thế giới, với các chìa khóa hình học và số học của nó. Nhưng ở đây, họ sẽ lại

¹ *Nguồn gốc và Ý nghĩa của Kim tự tháp*, trang 93, 1882.

² Chương vii, 14.

khó lòng mà thành công, nếu họ cũng tin tưởng rằng hệ thống Do Thái Bí giáo có bao hàm chìa khóa để giải *toàn bộ* bí nhiệm, vì họ *làm sao mà có được*. Hiện nay chẳng có Thánh kinh nào khác có được toàn bộ chìa khóa, vì ngay cả bộ kinh *Vedas* cũng còn chưa hoàn chỉnh. Mọi tôn giáo cổ chẳng qua chỉ là một, hai chương của toàn bộ pho tài liệu về các bí nhiệm bản sơ, chỉ Huyền bí học Đông phương mới có thể cao rao là mình có được toàn bộ bí mật với *bảy chìa khóa*. Người ta sẽ dùng cách so sánh đối chiếu, và sẽ giải thích cặn kẽ đến mức tối đa trong tác phẩm này, phần còn lại thì chính các môn sinh phải dùng trực giác mà hiểu lấy. Khi tuyên bố rằng *Huyền bí học Đông phương có được bí mật*, tác giả không hề có ý tự cho là mình biết hết hoặc “biết gần hết,” điều này thật là vô lý. Tôi biết đến đâu thì trình bày đến đó, còn điều gì tôi không giải thích được, môn sinh phải tự tìm hiểu lấy.

Song, mặc dù chúng ta có thể giả sử là trong các thế kỷ sắp tới, người ta sẽ chẳng thể thấu triệt được toàn bộ chu kỳ của Ngôn Ngữ Bí Nhiệm đại đồng thế giới, chỉ cần một ít những gì mà một vài học giả đã khám phá ra từ trước đến nay trong *Thánh kinh*, cũng hoàn toàn đủ để minh chứng cho lời tuyên bố - xét về mặt toán học. Vì Do Thái giáo đã sử dụng được hai trong số bảy chìa khóa, và vì nay, người ta đã

31 tìm lại được hai chìa khóa này, bây giờ, vấn đề không còn là đưa ra các suy lý và các giả thuyết cá nhân – ít ra thì cũng là vấn đề ngẫu nhiên trùng hợp – mà vấn đề là phải thuyết minh được chính xác các bản văn trong Thánh kinh, cũng giống như bất cứ ai tinh thông số học, xem xét và kiểm lại một tổng số của phép cộng. Thật vậy, nay người ta thấy là, tất cả những gì chúng tôi đã trình bày trong bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện* đều được bổ chứng trong tác phẩm *Bí Nhiệm Ai Cập*

(*Egyptian Mystery*) hay *Nguồn Gốc của Kịch Thuốc*, và được bổ chứng bởi các lối thuyết minh *Thánh kinh* như thế với các chìa khóa hình học và số học.

Chẳng bao lâu nữa, hệ thống này sẽ thủ tiêu lối thuyết minh *Thánh kinh* một cách chấp nê văn tự - đó chính là lối thuyết minh của tất cả các tín ngưỡng ngoại môn khác - bằng cách trình bày các giáo điều theo ý nghĩa chân chính của chúng. Lúc bấy giờ, ý nghĩa không thể chối cãi được này - mặc dù chưa hoàn chỉnh - sẽ làm bộc lộ bí nhiệm về Hiện Tôn, thêm nữa, nó sẽ làm biến đổi hoàn toàn các hệ thống khoa học hiện đại của Nhân loại học, Dân tộc học và nhất là Niên đại học. Yếu tố sùng bái sinh thực khí - mà người ta thấy có mặt trong mọi danh xưng của Thượng Đế và mọi câu chuyện trong *Cựu Ước*, và trong một chừng mực nào đó trong *Tân Ước* - cũng có thể chẳng sớm thì muộn, sẽ làm thay đổi một cách đáng kể các quan điểm duy vật hiện đại về sinh học và sinh lý học.

Khi không còn vẻ thô thiển góm ghiec đó - dựa vào uy lực của các thiên thể và các bí nhiệm của chúng - các quan điểm như thế về Thiên nhiên và con người sẽ làm bộc lộ các cuộc tiến hóa của trí người và sẽ chứng tỏ một tiến trình tư tưởng như thế tự nhiên biết chừng nào. Cái gọi là các biểu tượng sinh thực khí đã đâm ra chướng tai gai mắt chỉ vì chúng có yếu tố duy vật và thú tính. Vào lúc ban sơ, các biểu tượng như thế cũng tự nhiên thôi, vì chúng bắt nguồn từ các giống dân cổ sơ - vốn kế thừa các hiểu biết của một tổ phụ bán thư bán hùng - theo như họ thấy, đó là các giống dân đầu tiên biểu lộ hiện tượng phân chia giới tính và tiếp theo đến lượt bí nhiệm của sự sáng tạo. Nếu các giống dân sau này, nhất là "dân tộc tuyển định" (chosen people), đã làm bại hoại ý nghĩa của chúng, điều này không hề ảnh hưởng tới nguồn

gốc của các biểu tượng. Bộ lạc dân Semite bé nhỏ này, - một trong các mảnh nhỏ từ khi có sự lai giống các phân chủng thứ tư và thứ năm, tức phân chủng Mông Cổ - Turanian và cái gọi là giống dân Ấn Âu, sau khi Đại lục địa bị chìm – chỉ có thể chấp nhận biểu tượng học của nó theo đúng tinh thần mà các quốc gia khai sáng ra nó truyền lại. Vào buổi ban sơ thời Moses, may ra thì biểu tượng học không đến nỗi là thô thiển như là sau này khi Ezra luận giải, ông đã sửa lại toàn bộ Năm quyển đầu tiên của *Cựu Ước*. Chẳng hạn như hình chạm trở con gái của Pharaoh (người đàn bà), sông Nile (Thái Uyên và Đại Thủy – the Great Deep and Water) và đứa bé trai ở trong cái bè bằng bấc nổi lênh bênh trên sông, thoát tiên không phải là do Moses tạo ra hoặc được tạo ra cho ông ta. Nó đã được tiên liệu trong các mảnh vụn mà người ta tìm thấy trên các viên ngói ở thành phố Babylon, trong câu chuyện về vua Sargon, ông đã sống trước thời Moses rất lâu.

Trong tác phẩm *Các Di tích cổ của Assyria*,⁽¹⁾ ông George Smith nói: “Trong cung điện Sennacherib tại Kouyunjik, tôi đã tìm thấy một mảnh khác của câu chuyện kỳ diệu về vua Sargon... được công bố trong bản dịch của tôi đăng trong *Các Văn kiện của Hội Khảo Cổ Thánh Kinh*.⁽²⁾ Thủ đô của Sargon, Moses của thành phố Babylon” là thành phố lớn Agadi, mà dân Semite gọi là Akkad, trong *Sáng Thế ký*,⁽³⁾ nó được đề cập tới như là thủ đô của Nimrod.... Akkad nằm gần thành phố Sippara trên sông Euphrates và ở phía Bắc của thành phố Babylon”.⁽⁴⁾ Người ta cũng thấy một sự trùng hợp kỳ lạ nữa nơi sự kiện là

¹ Trang 224.

² Quyển I, Phần I, trang 46.

³ Chương X, 10.

⁴ Xem Nữ Thần Iris Lộ Diện, II, trang 442 - 443.

tên của Thành phố lân cận Sippara cũng giống như tên vợ của Moses tức Zipporah.⁽⁵⁾ Dĩ nhiên là Ezra đã khéo léo thêm thắt để có được câu chuyện trên; ông đã không thể không biết được nguyên bản. Người ta tìm thấy câu chuyện kỳ diệu này trên các mảnh vụn của các tấm thẻ ở Kouyunjik; câu chuyện như sau :

1. Tôi là Sargina, quốc vương đầy quyền lực của Akkad.
2. Mẹ tôi là một công chúa, còn cha tôi chẳng biết là ai, một huynh đệ của cha tôi trị vì đất nước.
3. Tại thành phố Azupiranu, ở bên bờ sông Euphrates.
4. Bà mẹ công chúa đã thụ thai và hạ sinh ra tôi một cách gian nan.
5. Bà đặt tôi trong một cái bè bằng bấc và dùng hắc ín trét kín không cho tôi lọt ra.
6. Bà xô chiếc bè xuống sông, nó không làm tôi chìm.
7. Dòng sông đưa tôi tới chỗ Akki, người cung cấp nước.
8. Akki, người cung cấp nước âu yếm bông tôi lên.⁽¹⁾

Và nay, chúng ta hãy so sánh câu chuyện *Thánh kinh*, trong *Về Vùng Đất Hứa* (Exodus):

Và khi Bà [Mẹ của Moses] không còn có thể giấu nó được nữa, bà lấy một chiếc bè bằng cây cỏ chi, dùng vôi và hắc ín trét lên nó, đặt đứa bé vào trong rồi bà đặt cái bè vào trong bụi cây diên vĩ (flags) gần bờ sông.

Rồi Smith tiếp:

Người ta giả sử là câu chuyện đã diễn ra vào khoảng 1 600 trước T.C., đúng hơn thì nó diễn ra sớm hơn thời gian được giả định là thời đại Moses. Vì chúng ta biết rằng danh tiếng của vua Sargon bay tới tận Ai Cập, nên hoàn toàn có thể là phần tường thuật này có liên hệ với các biến cố được thuật lại trong *Thánh thư*

⁵ Về vùng đất hứa, ii, 21.

¹ George Smith, *Sáng Thế Ký theo dân Chaldean*, trang 299 - 300.

Về Vùng Đất Hứa ii, vì mọi hành động, khi đã được hoàn thành, đều có khuynh hướng sẽ được lặp lại.

Nhưng nay, khi Giáo sư Sayce đã có cam đảm xác định niên đại của các quốc vương Chaldea và Assyria lùi lại thêm 2.000 năm nữa, vua Sargon ắt phải trị vì trước thời Moses ít ra là 2 000 năm. Lời thú nhận thật là có tính cách gợi ý, song các con số còn thiếu một hay hai chữ số nữa.

Ta suy ra được điều gì hợp lý bây giờ? Chắc chắn hơn cả là ta có quyền nói rằng câu chuyện về Moses do Ezra thuật, đã được ông học hỏi trong khi lưu lại Babylon, và ông đã áp dụng câu chuyện ẩn dụ nói về vua Sargon cho nhà lập pháp người Do Thái. Nói tóm lại, Moses đã không bao giờ viết ra Thánh thư *Về Vùng Đất Hứa* mà chỉ san định lại (refabricate) Thánh thư này theo các tài liệu của Ezra.

Và nếu đúng thế, tại sao vị cao đồ này lại không thể thêm thắt các biểu tượng và chữ tượng hình có yếu tố sùng bái sinh thực khí còn thô tục hơn nữa, vào tục sùng bái sinh thực khí ở vùng Saba và Chaldea sau này? Người ta dạy rằng 33 tín ngưỡng sơ khai của dân hoàn toàn khác hẳn với tín ngưỡng được phát triển hàng thế kỷ sau này bởi những người soạn bộ luật Do Thái Talmud, và trước đó bởi David và Hezekiah.

Bất chấp yếu tố ngoại môn mà nay chúng ta tìm thấy trong hai quyển *Cựu Ước* và *Tân Ước*, tất cả các điều này hoàn toàn đủ để xếp Thánh kinh vào hàng ngũ các tác phẩm nội môn và liên kết hệ thống bí mật của nó với biểu tượng ký Chaldea, Ấn Độ và Ai Cập. Người ta thấy toàn bộ chu kỳ của các chữ tượng hình và các con số trong Thánh kinh, như được gợi ra bởi các quan sát thiên văn – thiên văn học và thần học có liên hệ chặt chẽ với nhau – trong các hệ thống ngoại môn

cũng như là nội môn của Ấn Độ. Các con số này và các biểu tượng của chúng, các cung của Hoàng đạo, các hành tinh, các giác cự và các tiết điểm của chúng (their aspects and nodes) – từ ngữ cuối cùng này nay đã được chuyển sang cả lãnh vực thực vật học hiện đại – đã được biết tới trong thiên văn học như là các giác cự 60^0 (sextile), giác cự 90^0 (quartile) v.v....; chúng đã được các quốc gia cổ sơ sử dụng trong hàng thời đại và hàng vô lượng thời, và theo một ý nghĩa nào đó, chúng đồng nghĩa với các chữ số của dân Hebrew. Chắc chắn là người ta ắt đã nảy ra ý sáng lập nên các hình thức sơ khai nhất của hình học sơ cấp khi quan sát các thiên thể và cách thức quần tụ của chúng. Vì thế, các biểu tượng tối sơ trong Nội môn Bí giáo Đông phương là một vòng tròn, một tam giác, một hình vuông, một hình ngũ giác, một hình lục giác và các hình phẳng khác với nhiều cạnh và nhiều góc khác nhau. Điều này chứng tỏ rằng việc hiểu biết và sử dụng biểu tượng hình học cũng xưa như trái đất vậy.

Từ đó, chẳng có gì khó hiểu khi chính Thiên nhiên, dù không được các đạo sư trợ giúp, cũng đủ sức dạy cho nhân loại sơ khai các nguyên lý đầu tiên của một ngôn ngữ biểu tượng dùng hình học và số học.⁽¹⁾ Vì thế, chúng ta mới thấy là các con số và các số mục đã được dùng để biểu diễn và ghi

¹ Xin nhắc là tôn giáo *nội môn* của Moses đã bị đàn áp biết bao nhiêu lần và tục sùng bái Jehovah theo lối mà David đã chấn chỉnh lại và Hezekiah đã hiệu chỉnh lại; xin hãy so sánh đối chiếu trong *Nữ Thần Isis Lộ Diện Quyển II*, trang 436 - 442. Chắc chắn là phải có lý do như thế nào thì tín đồ giáo phái Sadducee – họ sản sinh ra hầu hết mọi tu sĩ Trưởng của xứ Judea – mới nghiêm chỉnh chấp hành Luật Moses và từ chối huấn thị “Các Thánh thư của Moses”, Năm quyển đầu *Cựu Ước* (*Pentateuch*) của Giáo hội Do Thái *Talmud*.

lại tư tưởng trong mọi Thánh kinh biểu tượng cổ sơ. Chúng bao giờ cũng như nhau, chỉ biến thiên chút ít thôi, và nảy sinh ra từ các con số đầu tiên. Như thế, sự tiến hóa và sự tương hệ của các bí nhiệm thuộc Càn Khôn (Kosmos), sự phát triển của nó – về mặt tinh thần và vật chất, trừu tượng và cụ thể - được ghi nhận trước tiên trong các biến đổi hình dạng xét về mặt hình học. Mọi vũ trụ khởi nguyên luận đều bắt đầu với một hình tròn một điểm, một tam giác và một hình vuông, ⁽¹⁾ mãi cho tới số 9, khi nó được tổng hợp bởi đường thẳng đầu tiên và một vòng tròn – Thập nguyên huyền nhiệm của Pythagoras, tổng thể của vạn hữu, bao gồm và biểu diễn các bí nhiệm của toàn thể Càn Khôn. Đối với người có thể hiểu được ngôn ngữ huyền nhiệm của nó, các bí nhiệm này được ghi lại trong hệ thống Ấn Độ đầy đủ gấp trăm lần so với bất cứ hệ thống nào khác. Các số 3 và số 4, khi phối hợp lại trở thành 7, cũng như là 5, 6, 9 và 10, là các nền tảng thực sự của các Vũ trụ Khởi nguyên luận huyền linh. Người ta thấy Thập nguyên này (this Decad) và hàng nghìn phối hợp của nó ở khắp nơi trên địa cầu. Người ta thấy nó ở trong các hang động và các Thánh điện tạc trong đá ở vùng Hindustan và Trung Á; trong các Kim tự tháp và các lithoi ở Ai Cập và Mỹ; trong các Hầm mộ ở Ozimandyas, trong các gò của rừng núi Caucasus hùng vĩ quanh năm tuyết phủ; trong các di tích cổ tại làng Palenque; trên Đảo Easter; ở bất cứ nơi nào mà cổ nhân từng đặt chân tới. Số 3 và số 4, tam giác và hình vuông, tức các hình tượng thư hùng đại đồng thể giới đang biểu lộ trạng thái thứ nhất của thần linh đang tiến hóa, được ghi khắc mãi mãi nơi Chòm sao Chữ Thập ở trên Trời (the Southern Cross in the Heavens), và nơi Thập Tự Ai Cập (the

¹ Trong ấn bản năm 1888 là khối vuông.

Egyptian Crux Ansata). Tác giả quyển *Nguồn Gốc của Kịch Thước* đã trình bày rành mạch điều này như sau:

Khôi vuông khi được khai triển ra sẽ có dạng một Thập Tự Tau, hoặc là Thập Tự Ai Cập, hoặc là Thập Tự của Thiên Chúa giáo... Một vòng tròn gắn vào cái trên cho ta thập tự có quai các số 3 và 4, khi được đếm trên Thập Tự Giá, bày ra một hình dạng của cái giá cắm nền bằng vàng [của dân Hebrew] [trong Nội điện] và dạng thức $3 + 4 = 7$, và $6 + 1 = 7$, các ngày trong *vòng tuần hoàn tuần lễ*, được coi như là 7 loại ánh sáng mặt trời. Cũng như tuần lễ có bảy loại ánh sáng là nguồn gốc của *tháng* và *năm*, cũng vậy, thập tự *đánh dấu lúc hạ sinh* Bấy giờ, khi hình thập tự đã được biểu thị bằng cách sử dụng liên hợp dạng thức 113:335, người ta bổ sung biểu tượng bằng cách *gắn một người vào Thập Tự Giá*.⁽¹⁾ Người ta làm cho loại kịch thước này phối hợp với ý niệm nguồn gốc của cuộc sống con người, và do đó mới có hình thức sùng bái *sinh thực khí*.⁽²⁾

Các ĐOẠN THƠ (STANZAS) trong Thiên Định Chân Kinh chứng tỏ rằng thập tự giá và các số này đóng một vai trò quan trọng trong vũ trụ khởi nguyên luận cổ sơ. Trong khi đó, chúng ta có thể lợi dụng được bằng chứng mà tác giả quyển sách vừa dẫn đã thu thập lại trong tiết mà ông đã gọi rất đúng là “Các Kịch thước Nguyên thủy của các Biểu tượng này” để chứng tỏ gốc tích của các biểu tượng và ý nghĩa nội môn của chúng trên khắp thế giới.

Xét bản chất của các dạng thức số mục theo quan điểm chung... có một chủ đề để khảo cứu cực kỳ thú vị là tìm xem

¹ Thêm một lần nữa, hãy nhớ tới Vithoba của Ấn Độ [một hình thái của Vishnu] bị hành hình trên thập tự giá trên không trung; ý nghĩa của “ký hiệu linh thiêng” tức chữ Vạn (Svastika); con người bị căng ra như hình chữ X trên không trung của Plato v.v....

² Xem Bản thảo, trang 27 v.v....

các dạng thức số mục này đã tồn tại và bắt đầu được sử dụng từ bao giờ và ở nơi đâu. Phải chăng đó là một vấn đề về sự thiên khải trong cái mà ta gọi là thời đại lịch sử - một chu kỳ vô cùng hiện đại so với thời đại của loài người? Thật vậy, hình như là niên đại mà con người sở hữu được nó, so với thời cổ Ai Cập, còn xa xưa hơn thời cổ Ai Cập so với thời đại chúng ta.

Quần đảo Easter ở “giữa Thái Bình Dương” phô ra nét đặc trưng là di tích của các đỉnh núi của một lục địa đã bị chìm xuống đáy biển, bởi vì rải rác đó đây có đầy đủ các tượng người khổng lồ một mắt, di tích của nền văn minh của một dân tộc trù mật và trí thức, họ tất nhiên là đã cư ngụ trên một vùng đất bao la. Ở sau lưng các pho tượng này, người ta thấy hình “thập tự có quai,” cũng được biến chế theo các đường nét của hình dạng con người. Trong số báo tháng 1 – 1870 của tờ London Builder (Nhà Kiến Tạo Luân Đôn), người ta có mô tả tỉ mỉ, kèm theo hình minh họa trình bày vùng đất với các pho tượng dày đặc, cũng có cả các hình vẽ mô phỏng lại các pho tượng này ...

Trong tờ *Nhà Tự Nhiên Học (Naturalist)*, xuất bản tại thành phố Salem, ở bang Massachusetts, ở một trong các số đầu tiên (vào khoảng số 36), người ta có mô tả một vài hình chạm trổ rất xưa và rất kỳ lạ trên các bức vách ở đỉnh của các rặng núi Nam Mỹ; người ta xác nhận rằng chúng còn xưa hơn nhiều so với các giống dân nay đang sống. Các hình vẽ này có điều kỳ lạ là chúng phô ra các đường nét phác họa
 35 một người bị căng trên Thập tự giá; ⁽¹⁾ có một loạt các hình vẽ

¹ Xem thêm sự mô tả khi được Điểm Đạo thời kỳ đầu của dân Aryan. Thần Vishvakarman hình thành Mặt Trời, tức Vikarttana, đã tới sâu lại – trên một cái máy tiện có hình thập tự giá.

trình bày sự kiện một *thập tự giá* phát sinh từ hình hài của *một người*, chúng được trình bày khéo đến nỗi mà thập tự giá có thể được coi như là người, còn người có thể được coi như là thập tự giá

Người ta biết rằng truyền thuyết của dân Aztec đã tường thuật lại trận Đại hồng thủy một cách rất tuyệt diệu... Nam tước Humboldt nói rằng xứ Aztalan, nơi chôn nhau cắt rún của dân Aztec, ắt phải ở vĩ tuyến thấp nhất là 42° Bắc; khi di trú, cuối cùng dân Aztec đã tới thung lũng Mexico. Trong thung lũng này, các gò đất ở vùng Viễn Bắc trở thành viên đá xinh xắn của Kim tự tháp, và các công trình kiến trúc khác mà di tích vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Người ta thừa biết sự tương ứng giữa các di tích của dân Aztec và các di tích của Ai Cập.... Atwater, khi xem xét hàng trăm di tích này, tin chắc rằng những người tạo ra chúng đều thông hiểu thiên văn học. Về phần một trong các công trình kiến trúc Kim tự tháp tuyệt diệu nhất của dân Aztec có nội dung như sau:

“Kim tự tháp [của Papantla] này – vốn có bảy tầng – có hình dáng giống hình búp măng hơn bất cứ công trình cùng loại nào khác đã từng được khám phá ra; nhưng nó không cao lắm, chỉ cao có 57 bộ, đáy nó có mỗi cạnh dài 25 bộ. Tuy nhiên, nó có một điều đặc sắc: nó được làm hoàn toàn bằng đá đẽo, có một kích thước đồ sộ và có hình dáng rất đẹp. Có ba cầu thang dẫn lên đỉnh, các bậc thang được trang trí với các công trình điêu khắc tượng hình và các hốc tường nhỏ được bố trí rất cân xứng. Số các hốc tường này hình như là ám chỉ 318 ký hiệu đơn và phức hợp của số ngày của lịch thường.”

318 là trị số theo phái Ngô Đạo của Đức Christ và là con số trừ danh các bảy tội lỗi thành hay được cắt bì rửa tội của Abram. Khi người ta thấy rằng 318 là một trị số trừu tượng và đại đồng thế giới, biểu thị trị số của một đường kính đối

với một chu vi dài bằng một đơn vị, việc nó được dùng để hợp thành một lịch thường thật là hiển nhiên. ⁽¹⁾

Người ta thấy các chữ tượng hình, các con số và các ký hiệu nội môn giống hệt như vậy ở Ai Cập, Peru, Mexico, Đảo Easter, Ấn Độ, xứ Chaldea và Trung Á – Con người bị hành hình trên Thập tự giá và các biểu tượng của sự tiến hóa của các giống dân từ các vị Thần – song ta hãy xem khoa học bác bỏ ý tưởng có một giống người khác hơn giống người tương tự như *chúng ta*. Thần học cứ khẳng khẳng cho là vũ trụ mới được sáng tạo ra từ 6 000 năm nay; nhân loại chủ trương rằng chúng ta có nguồn gốc là khỉ; còn giáo hội cho rằng chúng ta có nguồn gốc là Adam, sống vào năm 4 004 trước T.C.!!

Chẳng lẽ vì sợ bị gọi là một kẻ điên rồ, mê tín dị đoan, thậm chí một tên láo khoét, mà người ta đành phải không dám đưa ra các bằng chứng – hầu như là hiện có – bởi vì chưa tới lúc có thể truyền thụ tất cả BẢY CHÌA KHÓA cho khoa học, hay đúng hơn là các học giả và những người nghiên cứu trong lãnh vực biểu tượng học hay sao? Đứng trước những khám phá có tính chất cách mạng của Địa chất học và Nhân loại học liên quan tới gốc tích xa xưa của con người, chẳng lẽ - để khỏi bị trừng phạt giống như bất cứ kẻ nào dám cả gan đi lệch ra khỏi đường lối mà Thần học hay Chủ nghĩa duy vật đã chọn – ta cứ mù quáng chấp nhận thuyết “sáng tạo thế giới đặc biệt mới từ 6 000 năm nay” hoặc thuyết chủ trương rằng “ta có nguồn gốc là khỉ” hay sao? Chừng nào mà chúng ta còn biết rõ rằng các tài liệu lưu trữ bí nhiệm vẫn bảo tồn được BẢY CHÌA KHÓA để giải bí nhiệm về nguồn gốc con người, không khi nào chúng ta chấp nhận như vậy. Cho dù

¹ Skinner, *Nguồn Gốc của Kịch Thước*, ấn bản 1875, tiết II, 24, trang 54 - 59.

36 các thuyết của khoa học có sai lầm, duy vật, và đây thiên kiến cách mấy đi chẳng nữa, chúng vẫn còn ngàn vạn lần gần gũi với chân lý hơn là các điều hoang tưởng của thần học. Chỉ trừ những kẻ ngu tín ngoan cố nhất, còn ngoài ra đối với mọi người, Thần học nay đã dấy chết. Hay nói cho đúng hơn thì một vài người bệnh vực nó nay ắt đã đuối lý. Vì chúng ta cũng hết ý kiến khi – đứng trước những điều cực kỳ vô lý khi *Thánh kinh* được giải thích theo lối chấp nê văn tự (những điều này vẫn còn được bệnh vực một cách công khai và cuồng nhiệt hơn bao giờ hết) – Thần học vẫn cứ một mực cho rằng: “mặc dù các Thánh kinh đã hết sức tự chế [?] để không trực tiếp đóng góp điều gì cho kho tàng khoa học, Thánh kinh cũng *chưa bao giờ* lỡ lời nói ra *bất cứ phát biểu* nào mâu thuẫn với khoa học tiên tiến !!!”⁽¹⁾

Vì thế, chúng ta chỉ còn có cách hoặc mù quáng chấp nhận các kết luận của khoa học, hoặc là cắt đứt mọi quan hệ với nó, chống cự diện đối diện với nó một cách ngoan cường, vạch rõ những gì mà Giáo Lý Bí Nhiệm rao giảng và hoàn toàn sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả.

Nhưng nay, chúng ta hãy thử xem khoa học, với các lý luận duy vật và ngay cả Thần học – đang dấy chết và đang ra sức dung hòa thuyết “thế giới được sáng tạo ra từ 6 000 năm nay vào thời Adam” với “các Bằng chứng Địa chất học về Nguồn gốc xa xưa của Con người” của Charles Lyell - có trợ giúp chúng ta một cách vô thức hay không. Theo lời thú nhận của các nhà dân tộc học uyên bác nhất, người ta đã không thể giải thích được tại sao loài người lại khác nhau nhiều như thế,

¹ *Con Người Sơ Thủy Lộ Diện; hay Nhân loại học của Thánh kinh*, của tác giả (vô danh) của quyển *Tinh Tú và Thiên Thân*, trang 14, ấn hành năm 1870.

trừ phi người ta chấp nhận giả thuyết sự *sáng tạo với nhiều Adam*. Họ nói về “một Adam da trắng, một Adam da đen, một Adam da đỏ và một Adam da vàng.”⁽¹⁾ Nếu là người Ấn Độ vốn ưa kê khai các kiếp tái sinh của Vāmadeva theo Thánh kinh *Linga Purāna*, họ có thể còn nói ít hơn nữa. Vì khi kê khai các kiếp tái sinh liên tiếp của Shiva, họ trình bày là: trong một kiếp Ngài có nước da *màu trắng*, trong một kiếp khác *da đen*, trong một kiếp khác *da đỏ*, sau đó Đấng Thiên Tôn trở thành “bốn thanh niên *da vàng*.” Theo lời ông Procter, sự “trùng hợp” kỳ lạ này chỉ lên tiếng bênh vực cho trực giác khoa học, vì về mặt ẩn dụ Thiên Tôn Shiva chỉ tiêu biểu cho các giống người khi loài người mới khởi nguyên. Nhưng nó đã đưa tới một hiện tượng trực giác khác – trong hàng ngũ các nhà thần học vào lúc này. Tác giả vô danh của quyển *Con người Bản sơ*, một trong nỗ lực tuyệt vọng nhằm che chở cho điều Thiên khai khỏi bị các khám phá hùng hồn và tàn nhẫn của Địa chất học và Nhân loại học làm sụp đổ, đã nhận xét rằng: “thật là bất hạnh nếu những kẻ bênh vực cho *Thánh kinh* bị dồn vào thế hoặc là phải từ bỏ sự linh cảm của Thánh kinh, hoặc là chối bỏ các kết luận của các nhà địa chất học”, thế là ông đã tìm ra một sự thỏa hiệp. Thậm chí, ông đã dành một pho sách dày chứng minh sự kiện này: “Adam không phải là *người đầu tiên* ⁽²⁾ được sáng tạo ra trên trần thế.” Các di tích khai quật của con người thời Tiền-Adam đáng lẽ làm lung lay niềm tin của chúng ta vào Thánh kinh, lại chứng tỏ thêm tính

¹ Sách đã dẫn, trang 195.

² Đặc biệt là bất chấp bằng chứng có trong *Sáng Thế Ký* iv, 16, 17 của chính bộ *Thánh kinh* đầy thẩm quyền, nó trình bày là Cain đi tới vùng đất Nod và lấy vợ ở đó.

xác thực của nó”⁽¹⁾ Làm sao lại thế được? Giản dị lắm, vì tác giả lý luận rằng từ nay trở đi “chúng ta [giới tu sĩ] có thể để cho các khoa học giả theo đuổi các công trình nghiên cứu của mình một cách thoải mái mà không sợ bị mang tiếng là “theo ngoại đạo.” Điều này ắt phải thực sự là khiến cho các ông Huxley, Tyndall và Charles Lyell thở phào trút được gánh nặng!

Câu chuyện Thánh kinh *không hề khởi sự với việc sáng tạo*, như người ta thường giả sử, mà nó lại bắt đầu với việc tạo ra Adam và Eva, *hàng triệu năm sau* khi hành tinh chúng ta đã được tạo ra. Lịch sử trước thời Thánh kinh của nó vẫn còn chưa được viết raCó thể là chẳng phải có một, mà có tới hai mươi giống dân khác nhau trên địa cầu trước thời Adam, cũng như là có thể có hai mươi giống người khác nhau ở các thế giới khác.⁽²⁾

Vậy thì các giống người này là những ai, vì tác giả vẫn một mực cho rằng Adam là *người đầu tiên của nhân loại chúng ta?* Đó là *Giống dân hoặc là Giống dân Quỷ vương (It was the Satanic Race and Races)!* “Quỷ vương (Satan) chưa từng bao giờ ở trên trời, loài Thiên Thần và loài người cũng cùng một thứ.” Đó là giống dân Tiên-Adam gồm các “Thiên Thần mắc tội.” Quỷ vương “trị vì thế giới này”. Đã thiệt mạng vì đám nổi loạn, y vẫn còn lại trên trần thế như là một *Vong linh thoát xác (disembodied Spirit)*, rồi quyến rũ Adam và Eva.

Các thời đại sơ khai của giống dân Quỷ vương, và đặc biệt hơn nữa vào lúc sinh thời của Quỷ vương, có thể là một thời kỳ của nền văn minh tộc trưởng và thời kỳ tương đối yên nghỉ - một thời kỳ của những người như Tubal-Cains và

¹ Sách đã dẫn trang 194.

² Sách đã dẫn, trang 55.

Jubals, khi cả khoa học lẫn nghệ thuật đều thử lần sang vùng cấm địa... Thật đúng là chủ đề của một thiên anh hùng ca!...Tất yếu là đã phải có các biến cố diễn ra. Chúng ta thấy trước mắt mình ... anh chàng hào hoa phong nhã thời xưa (the gay primeval) đang tán tỉnh cô nàng then thò e ấp vào lúc chiều hôm đầm sương dưới gốc cây sồi Đan Mạch (the Danish oaks), bấy giờ chúng mọc ở nơi mà nay không còn cây sồi nào mọc nữa... vị tộc trưởng thời xưa tóc đã hoa râm... đám trẻ con thời xưa tung tăng đùa giỡn một cách ngây thơ bên cạnh ông ta... Hàng ngàn bức tranh như vậy đã hiện ra trước mắt chúng ta! ⁽¹⁾

Ngược dòng quá khứ, thử xét “cô nàng then thò e ấp” (‘blushing bride’) này vào thời Quý Vương ngây thơ, chúng ta thấy chẳng có gì kém phần thi vị như là vào thời kỳ đầu. Hoàn toàn ngược lại nữa là khác. Cô nàng thời kỳ Thiên Chúa giáo hiện nay – chẳng hề then thò e ấp trước mặt ý trung nhân – có thể rút ra được một bài học luân lý từ đứa con gái này của Quý vương, nó được tạo ra trong một con ngông cuồng hoang tưởng của nhà viết tiểu sử nhân loại đầu tiên. Tất cả các bức tranh này – để đánh giá được đúng giá trị của chúng, chúng ta phải xét chúng trong bối cảnh của tác phẩm mô tả chúng – đều được gọi ra để dung hòa tính chất không thể sai lầm của Thánh kinh được thiên khai, với tác phẩm *Nguồn gốc xa xưa của Con người* của Charles Lyell và các tác phẩm khoa học tai hại khác. Nhưng điều này không hề cản trở chân lý và sự kiện có thật xuất lộ nơi nền tảng của các điều hoang tưởng mà chính tác giả cũng không dám đứng tên chịu trách nhiệm cho dù là đã dùng tới biệt hiệu đi nữa. Vì nếu thuyết minh theo phương diện nội môn như trong

¹ Sách đã dẫn, trang 206 – 207.

Giáo Lý Bí Nhiệm, các Giống dân Tiên-Adam được đề cập tới trong *Thánh kinh* chẳng phải là các giống dân Quý vương mà chính là giống dân Atlante và trước đó là giống người bán thư bán hùng. BẢY CHÌA KHÓA giải các bí nhiệm quá khứ và tương lai của bảy đại Căn chủng (the seven great Root-Races) và bảy Thiên Kiếp (Kalpas). Mặc dù khoa học chắc chắn là sẽ bác bỏ thuyết khởi nguyên con người và ngay cả thuyết địa chất của Nội môn bí giáo cũng như thuyết về các giống dân Quý vương và Tiên-Adam, song nếu các khoa học gia – vẫn lúng túng không tìm ra được lối thoát – bị bắt buộc phải chọn lựa giữa hai thứ, chắc chắn là – bất chấp Thánh kinh – một khi mà người ta đã hầu như quán triệt được Ngôn ngữ Bí Nhiệm, giáo lý cốt lõi sẽ được chấp nhận.

CHẤT LIỆU NGUYÊN THỦY VÀ TƯ TƯỞNG THIÊN LIÊNG (PRIMORDIAL, SUBSTANCE AND DIVINE THOUGHT)

Vì hình như vô lý nếu khẳng định rằng chúng ta biết tất cả mọi nguyên nhân đang tồn tại, thế nên phải được phép giả định – nếu cần – một tác nhân hoàn toàn mới....

Khi giả định – điều mà cho đến nay chưa có gì thật là chính xác – rằng giả thuyết ba động (the undulatory hypothesis) giải thích được tất cả mọi sự kiện, chúng ta chắc phải quyết định xem nhờ như thế, sự tồn tại của một ether ba động có được chứng minh hay không. Chúng ta không thể quả quyết là chẳng có giả thuyết nào khác sẽ giải thích được các sự kiện này Giả thuyết về hạt của Newton đã từng được công nhận, lại sụp đổ tan tành khi đứng trước hiện tượng Giao thoa (Interference); và hiện nay lại chẳng có đối thủ. Song trong mọi giả thuyết như thế, chúng ta rất cần tìm ra một điều xác nhận phụ thêm vào đó, một bằng chứng nào đó, ở đâu đó, về chất Ether được giả định.... Một vài giả thuyết gồm các giả định về cấu trúc vi mô và sự vận hành của các vật thể. Ngay trong bản chất, các giả định này không bao giờ có thể được chứng minh bằng các phương tiện trực tiếp. Chúng chỉ có công ở chỗ chúng thật là thích hợp để biểu diễn các hiện tượng. Chúng là các điều được chế ra để Tiêu biểu cho các Hiện tượng (Representative Fictions).

Luận lý học, của Alexander Bain, Tiến sĩ Luật khoa,
Phần II, trang 131-132, năm 1873.

ETHER – con quái vật biến hình Proteus theo giả thuyết, một trong “các điều được chế ra để tiêu biểu cho các *hiện tượng*” của khoa học hiện đại, song đã được chấp nhận từ bao lâu nay – là một trong các “nguyên khí” thấp của cái mà chúng ta gọi là Chất Liệu Nguyên Thủy (tiếng Bắc Phạn gọi là Ākāśha ‘Tiên thiên khí’), một trong các điều mơ ước của cổ nhân, nay trở thành điều mơ ước của khoa học hiện đại. Nó là điều suy đoán vĩ đại nhất và táo bạo nhất mà các triết gia thời xưa còn truyền lại. Tuy nhiên, đối với các nhà Huyền bí học (Occultists), cả ETHER lẫn Chất Liệu Nguyên Thủy (Primordial Substance) đều là các thực tại. Nói một cách giản dị, thì ETHER là Tinh Tú Quang (Astral Light), và Chất Liệu Nguyên Thủy là ĀKĀSHA, HIỆN THỂ (UPĀDHI) của TƯ TƯỞNG THIÊNG LIÊNG (DIVINE THOUGHT).

Theo lối nói hiện đại, Tư Tưởng Thiêng Liêng được gọi một cách chính xác là THIÊN Ý HỒNG NGUYÊN (COMIC IDEATION) tức Tinh Thần (Spirit); còn Chất Liệu Nguyên Thủy được gọi là CHẤT LIỆU CÀN KHÔN (COSMIC SUBSTANCE) tức Vật Chất (Matter). Vật Chất, nguyên là Thủy và Chung của Hiện Tồn (Alpha and Omega of Being), chúng chẳng qua chỉ là hai *phương diện* của Tồn Tại Tuyệt Đối duy nhất (the one Absolute Existence). Tồn Tại Tuyệt Đối duy nhất chưa bao giờ được đá động tới dưới bất cứ danh xưng nào vào thời xưa, ngoại trừ theo lối ẩn dụ. Trong giống dân Ấryan xưa nhất, dân Ấn Độ, việc sùng bái của các tầng lớp trí thức không bao giờ gồm cả việc tôn sùng các hình thái và nghệ thuật tuyệt diệu như là người Hy Lạp; sự tôn sùng đó sau này đã dẫn tới thuyết thần nhân đồng hình. Nhưng trong khi mà triết gia Hy Lạp tôn sùng hình thái, nhà hiền triết Ấn Độ chỉ “nhận thấy quan hệ chân thực giữa vẻ đẹp trần tục và

chân lý vĩnh cửu” – thì tầng lớp thất học tại mọi quốc gia đều chẳng bao giờ thấu đáo được hai triết thuyết đó.

40 Ngay cả cho đến nay, họ vẫn không hiểu được nó. Sự tiến triển của ý niệm về Thượng Đế diễn ra nhanh chóng cùng với mức tiến hóa về mặt trí thức của chính con người. Cũng chẳng khác nào lý tưởng cao cả nhất mà tinh thần tôn giáo của một thời đại có thể vươn tới, lại hình như chẳng qua chỉ là một bức hí họa thô thiển đối với kẻ có tinh thần triết học vào một thời đại sau. Chính các triết gia cũng phải được *điểm đạo vào các bí nhiệm của tri giác*, trước khi họ có thể lĩnh hội được đúng đắn ý niệm của Cổ nhân về vấn đề có tính chất siêu hình nhất này. Nếu không được điểm đạo như vậy, mọi tư tưởng gia đều sẽ chỉ đạt được đến mức tối đa của năng lực trí tuệ của mình; mức này rõ rệt và chính xác không kém gì mức mà luật Nghiệp quả đã vạch ra cho sự tiến bộ của bất cứ quốc gia hoặc chủng tộc nào trong chu kỳ của nó. Nếu không được Điểm Đạo, các tư tưởng của nếp suy tư tôn giáo hiện đại sẽ luôn luôn bị hạn chế đi (their wings clipped), và không thể vươn tới các đỉnh cao nữa; vì các tư tưởng gia lý tưởng cũng như là các tư tưởng gia hiện thực và ngay cả các nhà độc lập tư tưởng, đều chẳng qua chỉ là kết quả tự nhiên lần lượt của môi trường sống cũng như là thời đại của họ. Các lý tưởng của mỗi tư tưởng gia chẳng qua chỉ là kết quả tất yếu của tính khí của họ, và là kết quả của giai kỳ phát triển trí tuệ mà một quốc gia, xét chung, đã đạt tới. Vì vậy, như chúng ta thấy, siêu hình học hiện đại của Tây phương hãy còn cách xa với chân lý. Hầu hết các suy đoán của chủ nghĩa vô thần hiện nay về sự tồn tại của “Nguyên Nhân Bản Sơ” (“First Cause”) cũng chẳng khá hơn bao nhiêu so với chủ nghĩa Duy Vật mê muội – có điều là thuật ngữ của chúng lại

khác nhau. Ngay cả đến một tư tưởng gia vĩ đại như Herbert Spencer cũng đôi khi đề cập tới cái “Bất khả tri” (“Unknowable”) bằng những lời lẽ chứng tỏ ảnh hưởng tai hại của tư tưởng Duy Vật, giống như ngọn gió Sirocco tai hại ở sa mạc, nó đã bóp chết ngay từ trong trứng nước mọi suy đoán hiện nay về bản thể học.

Chẳng hạn, khi ông ta gọi “Nguyên Nhân Bản Sơ” là cái “Bất khả tri”, “một quyền năng *đang biểu lộ* qua các hiện tượng” và “một *năng lượng* vĩnh cửu vô hạn” (?) rõ ràng là ông ta đã chỉ lĩnh hội được khía cạnh *vật chất* của Bí nhiệm về Hiện tồn – tức là chỉ có các Năng lượng của Chất Liệu Càn Khôn. Khía cạnh cộng đồng vĩnh cửu của THỰC TẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ (the ONE REALITY), tức Thiên Ý Hồng Nguyên hoàn toàn bị bỏ qua không được xét tới; còn về Thực tượng của nó (its Noumenon), tư tưởng gia lỗi lạc này hình như là không nghĩ đến. Chắc chắn là việc đề cập tới vấn đề theo lối *một chiều* này chủ yếu là do Tây phương có thói quen tai hại là xem Tâm Thức (Consciousness) như phụ thuộc (vào vật chất) hoặc như là một “phó sản” (“by-product”) của chuyển động phân tử.

Từ thuở ban sơ của Giống dân thứ tư, khi chỉ có một mình Tinh Thần được sùng bái và Bí Nhiệm (Mystery) được biểu lộ, mãi tới thời hy hoàng cuối cùng của nghệ thuật Hy Lạp, vào lúc sơ khai của Thiên Chúa giáo, chỉ có dân Hy Lạp là dám công khai tôn thờ “Thượng Đế Bất Khả Tri”. Dù cho Thánh Paul có kiến thức uyên thâm đến đâu đi nữa, khi tuyên bố với dân thành Athen rằng “Đấng Bất Khả Tri” này – mà họ tôn sùng một cách mê muội – là Thượng Đế chân chính do chính ông tuyên cáo; Thượng Đế này *không phải là* “Jehovah” mà cũng chẳng phải là “Đấng Sáng Tạo thế giới vạn hữu.” Vì đó không phải là “Thượng Đế của Do Thái” mà

là “Đấng Bất Khả Tri” của tín đồ thuyết Phiếm Thần xưa và nay, Ngài “không ngự trong các Thánh điện *làm bằng tay chân*.”⁽¹⁾

Người ta không thể định nghĩa mà cũng chẳng thể giải thích ý nghĩa của Tư Tưởng Thiêng Liêng, trừ phi người ta xác định nó bằng vô số các biểu lộ của Chất Liệu Càn Khôn; những người có đủ tư cách, có thể cảm thấy Tư Tưởng Thiêng Liêng về mặt tinh thần trong Chất Liệu Càn Khôn. “Tư Tưởng Thiêng Liêng” là Thượng Đế Bất Khả Tri, trừu tượng, vô ngã, vô giới tính và phải là nền tảng của mọi vũ trụ khởi nguyên luận cùng với các hệ quả được triển khai”, định nghĩa như thế thì cũng chẳng khác nào không nói chi cả. Điều này cũng giống như là ra sức giải một phương trình gồm các điều kiện siêu việt để suy ra trị số thực của các số hạng, mà lại chỉ có sẵn một ẩn số. Người ta thấy vị trí của nó trong các đồ thị biểu tượng tối sơ, trong đó – như đã được vạch rõ – nó được tượng trưng bằng một nền đen vô biên, trên đó có xuất hiện tâm điểm đầu tiên màu trắng; như vậy là tượng trưng cho Tinh Thần-Vật Chất cùng nhau tồn tại đồng thời xuất hiện trong thế giới hiện tượng, trước khi bắt đầu biến phân. Khi “Thái Cực sinh Lưỡng Nghi” (“the One becomes Two”), bấy giờ người ta có thể đề cập tới Tinh Thần và Vật Chất. “Tinh Thần” có thể nhắm nói tới mọi biểu lộ của Tâm Thức (Consciousness) dù là phản ánh hay trực tiếp, và của “ý đồ vô thức” – chúng ta đang dùng một thành ngữ hiện đại của *triết học* Tây phương – như được biểu lộ nơi Nguyên Khí, và nơi việc Thiên Nhiên phục tùng chuỗi liên hoàn tuyệt mỹ của Thiên Luật bất di bất dịch. Khi ở trong trạng thái

¹ Công vụ các Sứ Đồ (Acts) xvii, 23, 24.

hườn hư thuần túy nhất, Vật Chất phải được xem như là ngoại cảnh, cơ sở tự sinh tự tại, nó có các biến phân thất phân của chu kỳ khai nguyên (manvantara) đang cấu thành thực tại ngoại cảnh ẩn dưới các hiện tượng của mỗi giai kỳ tồn tại hữu thức. Trong khi có chu kỳ Hỗn Nguyên của Vũ Trụ (Universal Pralaya), Thiên Ý Hồng Nguyên (Cosmic Ideation) không hề tồn tại; các trạng thái biến phân khác nhau của Chất Liệu Càn Khôn lại được phân giải thành ra trạng thái bản sơ biểu lộ ngoại cảnh tiềm tàng và trừu tượng.

Xung lực của chu kỳ khai nguyên bắt đầu với việc Thiên Ý Hồng Nguyên tức Toàn Linh Trí (Universal Mind) được khôi hoạt lại, đồng thời và song song với Chất Liệu Càn Khôn bắt đầu xuất lộ từ trạng thái chưa biến phân của chu kỳ hỗn nguyên – Chất Liệu Càn Khôn là hiện thể trong chu kỳ khai nguyên của Thiên Ý Hồng Nguyên. Bảy giờ Toàn Triết (Minh Triết Tuyệt Đối – Absolute Wisdom) phản ánh trong Thiên Ý (Ideation) nhờ vào một tiến trình siêu việt, bất khả tư nghị đối với Tâm Thức con người, Thiên Ý phóng ra Năng Lượng Vũ Trụ (Cosmic Energy) tức Vô cực điện (Fohat). Vô cực điện bắt đầu hoạt động khi rung lên trong lòng chất liệu tro và điều động các biến phân sơ khai của nó trên tất cả bảy cảnh giới của Càn Khôn Thức (Cosmic Consciousness). Như vậy, có *Bảy Nguyên hình chất (Seven Protyles)* – ngày nay chúng được gọi như vậy, trong khi cổ nhân thời Ấryan gọi chúng là Thất Đại (Seven Prakritis) hay Bảy Bản chất (Seven Natures) – được dùng một cách riêng biệt như các cơ sở tương đối đồng nhất. Theo tiến trình ngày càng trở nên hỗn tạp, khi Vũ Trụ càng tiến hoá, chúng biến phân thành ra các hiện tượng cực kỳ phức tạp trên các cảnh giới tri giác. Người ta dùng từ ngữ “tương đối” một cách cố ý, vì chính sự tồn tại một tiến trình như thế tạo ra việc phân ly Chất Liệu Càn Khôn chưa biến

phân thành ra bảy cơ sở của cuộc tiến hoá, khiến ta bắt buộc phải xem Nguyên hình chất của mỗi cảnh giới chỉ như là một giai kỳ trung gian mà chất liệu có lấy khi nó chuyển từ trạng thái trừu tượng sang biểu lộ viên mãn nơi ngoại cảnh.⁽¹⁾

Người ta bảo là Thiên Ý Hồng Nguyên không tồn tại trong chu kỳ hỗn nguyên, vì lý do đơn giản là không có ai, mà cũng chẳng có điều gì để mà tri giác được các tác dụng của nó. Ý thức, bán ý thức, thậm chí “ý đồ vô thức” không thể biểu lộ, trừ khi chúng dùng tới một hiện thể Vật Chất. Điều này nghĩa là trên cảnh giới này của chúng ta, trong trạng thái bình thường, tâm thức con người không tài nào vượt lên khỏi cái gọi là siêu hình học siêu việt, chỉ khi nào có tồn tại một tập hợp hay kết cấu phân tử nào đó thì Tinh Thần mới tràn ngập phần nội tâm thuộc tiềm thức hay Chơn Ngã. Vì Vật Chất, khi tồn tại mà không được tri giác, chỉ là một sự huàn hư (a mere abstraction), nên cả hai phương diện này của TUYỆT ĐỐI (ABSOLUTE) – Chất Liệu Càn Khôn và Thiên Ý Hồng Nguyên – tùy thuộc lẫn nhau. Để cho thật chính xác, để cho khỏi bị lẫn lộn và quan niệm lầm lạc, chúng ta nên dùng từ ngữ “Vật Chất” (“Matter”) để chỉ tập hợp các vật có thể tri giác được,

¹ Từ ngữ Nguyên hình chất (Protyle) do giáo sư Crookes, nhà hoá học lỗi lạc chế ra; ông dùng nó để mệnh danh cho *Tiên vật chất* (Pre-Matter) – chúng ta cứ tạm gọi chất liệu nguyên thủy và thuần túy đồng nhất là như thế - Khoa học không còn ngờ vực nếu không muốn nói là chưa thực sự tìm ra sự tồn tại của nó trong thành phần tối hậu của nguyên tử. Nhưng vật chất nguyên thủy bắt đầu phân ly thành các nguyên tử và phân tử sau khi mà bảy nguyên hình chất đã tiến hoá. Giáo sư Crookes đang tìm kiếm Nguyên hình chất cuối cùng này, mới đây, ông đã phát hiện được là nó có khả năng tồn tại trên cảnh giới của chúng ta.

còn từ ngữ “Chất Liệu” (“Substance”) để chỉ Thực Tượng (Noumena). Vì các hiện tượng trên cảnh giới của *chúng ta* đều là các tạo vật của Chơn Ngã đang tri giác – các biến thái nội tâm của nó – nên tất cả mọi “trạng thái vật chất tiêu biểu cho tập hợp các vật được tri giác” đều chẳng qua chỉ có thể là một tồn tại tương đối và thuần là hiện tượng đối với đám trẻ con trên cảnh giới của chúng ta. Theo lối nói của nhà duy tâm hiện đại thì sự kết hợp của Chủ Thể (Subject) và Khách thể (Object) tạo ra đối tượng của giác quan, tức hiện tượng.

Nhưng điều này không nhất thiết khiến chúng ta phải kết luận rằng trên mọi cảnh giới khác cũng vậy; rằng sự kết hợp của Chủ Thể và Khách Thể, trên các cảnh giới biến phân thất phân (on the planes of their septenary differentiation), tạo ra tập hợp thất phân các hiện tượng mà tự bản thân chúng cũng không tồn tại, mặc dù chúng là những thực tại cụ thể đối với các Thực Thể có kinh nghiệm bao hàm chúng. Điều này cũng giống như là việc các tảng đá và các dòng sông xung quanh ta thì có thực theo quan điểm của một nhà vật lý học, mặc dù chúng chỉ là hão huyền của giác quan theo quan điểm của nhà siêu hình học (the metaphysician). Thật là sai lầm mà nói, thậm chí chỉ quan niệm, một điều như vậy. Theo quan điểm của siêu hình học tối thượng, toàn thể Vũ Trụ, kể cả các vị Thần, chỉ là một Hảo Huyền (Maya). Nhưng hảo huyền của kẻ mà bản thân y là một hảo huyền, khác nhau trên mọi cảnh giới của tâm thức; chúng ta không có quyền có thái độ giáo điều đối với bản chất khả hữu của các năng lực

43 tri giác của Chơn Ngã trên cảnh giới thứ sáu. Ta phải đồng nhất hoá các tri giác của mình với, hoặc là khiến cho chúng trở thành một tiêu chuẩn đối với các tri giác của một con kiến theo lối tri thức của nó. Khi được tập trung vào một Nguyên khí, hay là một Upādhi (Hiện thể - Basis), Thiên Ý Hồng

Nguyên tạo ra tâm thức của Chon Ngã. Sự biểu lộ của nó thay đổi tùy theo mức độ của Upādhī. Chẳng hạn như là trí Thức (Mind-Consciousness); xuyên qua kết cấu đã biến phân tinh vi hơn (trạng thái thứ sáu của vật chất) tức Tuệ giác (Buddhi) – dựa vào kinh nghiệm của Thần Trí (Manas) – nó tuôn ra như là một luồng Trực giác Tinh Thần.

Trong khi sống trong thế giới của một không gian ba chiều, ta không hề biết tới Khách Thể thuần túy không liên hệ với tâm thức, vì ta chỉ biết các trạng thái tri thức, chúng kích động Chon Ngã đang tri giác. Và chừng nào mà ta chưa đạt tới mức “Tâm, Cảnh bất nhị” (And, so long as the contrast of Subject and Object endures) – tức là chừng nào mà ta vẫn còn chỉ dùng tới năm giác quan và không biết cách giải thoát Chon Ngã toàn tri của ta ra khỏi vòng kèm toả của các giác quan này - chừng đó, Phạm Ngã không thể hiểu biết được “thực tượng của sự vật” tức là Chất Liệu.

Trong khi tiến lên cung thăng thượng tiến hoá nội tâm, Chon Ngã phải thủ đắc hết kinh nghiệm của mọi cảnh giới. Nhưng chừng nào mà đơn vị còn chưa nhập một với Tổng thể trên bất cứ cảnh giới nào, và chừng nào mà cả Tâm lẫn Cảnh (Chủ Thể và Khách Thể - Subject and Object) còn chưa tan biến vào trong sự diệt tận tuyệt đối của trạng thái Niết Bàn – lại nữa, đó chỉ là sự diệt tận theo quan niệm của *cảnh giới chúng ta* – chừng đó, ta còn chưa đạt được sự Toàn tri, tức là sự hiểu biết được thực tượng của sự vật và cũng còn chưa giải được một vấn đề bí hiểm mà, ngay cả Đấng Thiêng Định Đế Quân (Dhyān Chohan) cao siêu nhất cũng chỉ cúi đầu mặc nhận mình không biết – đó là Bí nhiệm Bất khả tư nghị về Đấng mà các tín đồ phái Vedānta mệnh danh là THÁI CỰC THƯỢNG ĐẾ (PARABRAHMAN).

Vì thế, tất cả những người nào ra sức đặt tên cho Nguyên lý Bất khả tư nghị, chỉ làm cho nó thêm bại hoại. Thậm chí, việc đề cập tới Thiên Ý Hồng Nguyên – ngoại trừ khía cạnh *hiện tượng* của nó – cũng chẳng khác nào việc gượng sức nhốt kín Hồng nguyên khí (Chaos) hay dán nhãn hiệu cho VĨNH CỬU.

Thế thì, đâu là “Chất Liệu Nguyên Thủy,” cái loại vật thể bí nhiệm mà Khoa luyện đan luôn luôn nói tới và là chủ đề suy đoán của triết học trong mọi thời đại? Ngay cả trong trạng thái tiền biến phân thuộc *hiện tượng*, rốt cuộc nó có thể là gì? Ngay cả *cái nguyên* là TỔNG THỂ (ALL) của Thiên Nhiên biểu lộ *cũng không thể* được các giác quan của chúng ta ghi nhận. Mọi vũ trụ khởi nguyên luận đều đề cập tới nó với nhiều danh xưng khác nhau, mọi triết thuyết đều bàn đến nó; cho tới nay nó vẫn tỏ ra là con quái vật biến hình khó hiểu trong Thiên Nhiên. Chúng ta sờ song không cảm thấy nó, ta nhìn song không thấy nó, ta thờ song không tri giác được nó, ta nghe và ngửi song không hề biết được rằng nó ở đó; vì nó hiện diện trong mọi phân tử của cái mà – vì vô minh và bị hão huyền – ta coi như là Vật Chất trong bất kỳ trạng thái nào, hoặc quan niệm như là một cảm giác, một tư tưởng, một xúc cảm. Nói tóm lại, nó là Upādhi, tức Hiện Thể (Vehicle) của mọi hiện tượng khả hữu, dù thuộc về vật chất, trí tuệ hay tâm linh. Việc đó khai trương chu kỳ biểu lộ được ghi lại trong các câu mở đầu của *Sáng Thế Ký*, trong Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận của dân Chaldea, trong Thánh kinh *Puranas* của Ấn Độ, và trong *Tử Vong Kinh* của Ai Cập. Nó được mệnh danh là Hồng nguyên khí, Thủy Diện (It is termed Chaos, and the Face of the Waters), xuất phát từ Đấng Bất Khả Tri, được Tinh Thần ấp ủ, bất chấp danh xưng của Tinh Thần. (Xem Tiết 4).

Các vị soạn ra Thánh kinh ở Ấn Độ đã nghiên cứu nguồn gốc của sự tiến hoá vạn vật hơn là Thales hay Job, vì họ dạy:

Dĩ Thái xuất phát từ Bản Trí (Intelligence) [trong Thánh kinh Puranas gọi là Mahat] vốn kết hợp với Vô minh (Ignorance) [Īshvara, được xem như là Thượng Đế nhân hình], có kèm theo năng lực phóng chiếu, trong đó tính chất trì độn [tamas, tính vô cảm] chiếm phần ưu thắng. Phong xuất phát từ Dĩ Thái; hoả xuất phát từ phong; Thuỷ xuất phát từ hoả; địa với vạn vật trên đó xuất phát từ thuỷ. ⁽¹⁾

Thánh kinh *Veda* dạy: “Dĩ Thái được tạo ra từ cái này, từ cùng một bản ngã này.” ⁽²⁾

Như vậy, hiển nhiên là Dĩ Thái *này* (*this* Ether) – vào giai đoạn thứ tư, nó xuất phát từ một *phân thân* của “Bản trí kết hợp với Vô minh” – không phải là Nguyên khí thượng đẳng, tức Thực thể *thánh linh* (the *deific* Entity) mà dân Hy Lạp và La Tinh sùng bái với danh xưng “Hậu thiên khí Toàn Năng Bản Sơ” (“Pater Omnipotens Aether”) và “Tối Đại Hậu thiên khí” (“Magnus Aether”) (xét chung). Việc Cổ nhân phân chia các năng lực của Dĩ Thái xét chung ra làm bảy cấp với vô số các tế phân và dị biệt – từ các tác dụng ngoại biên của Dĩ Thái, vốn quen thuộc biết bao đối với khoa học, mãi cho tới “Vô lượng chất” (“Imponderable Substance”) đã từng được thừa nhận là “Dĩ Thái Không gian”, nhưng nay sắp bị bác bỏ - bao giờ cũng là một vấn đề bí hiểm làm điên đầu mọi ngành học thức. Các nhà Thần Thoại học và Biểu tượng học ngày nay, bị điên đầu bởi một bên là sự tôn vinh không sao hiểu nổi, một bên là sự đòi truy của cùng một thực thể thánh

¹ Xin so sánh *Sāṅkhya Kārika*, v, iii và phần giảng lý.

² Xem *Taittirīyaka Upanishad*, Vallī thứ 2, Anuvāka 1.

linh và trong cùng các hệ thống tôn giáo – thường phạm phải các sai lầm nực cười nhất. Giáo hội cứ khẳng khẳng bám lấy từng sai sót một trong lối thuyết minh sơ khai, đã biến Dĩ Thái thành chất liệu để xây dựng chỗ trú của các đạo âm binh Quỷ vương. Ta thấy có đủ toàn bộ các Thiên Thần “Sa đoạ,” (“the “Fallen” Angels) nào là “Các Đấng Gánh Vác Vũ Trụ,” (World Bearers) theo Bossuet; nào là “Các Đấng Chưởng Quản Thế Giới” (“World Holders”) theo lối nói của Tertullian; nào là các “Quyền Lực Thống Trị Thế Giới” (“World Domination”) hay đúng hơn là các “Đấng Thống Trị Thế Giới” (“Dominators”), nào là “Đấng bị Uốn Cong” (“Curved”) v.v....; các Đấng này làm cho các tinh tú vận chuyển theo đúng quỹ đạo của chúng – đó là Ma Quỷ (Devils)!

45 Vì Giáo hội đã thuyết minh câu thơ như thế: “Vì chúng ta không chiến đấu chống lại máu xương, mà ta chống lại vương quyền, quyền lực và các kẻ cầm đầu các lực lượng u minh trên thế giới.” ⁽¹⁾ Thánh Paul đề cập đến các *ác tính* (*malices*) tinh thần (trong bản tiếng Anh là “sự độc ác”), LAN TRÀN TRÊN KHÔNG (SPREAD IN THE AIR) – *spiritualiae nequitiae coelestibus* ⁽²⁾ – các bản văn tiếng La Tinh đặt nhiều tên cho các “ác tính” này, tức các “Hành khí” vô tội (the innocent “Elementals”). Nhưng lần này Giáo hội lại đúng, mặc dù sai khi gọi tất cả đều là Ma Quỷ. Tinh Tú Quang (the Astral Light) hay Dĩ Thái hạ đẳng (lower Ether) đầy đầy các thực thể hữu thức, bán ý thức và vô thức; có điều Giáo hội không đủ sức chế ngự chúng như là chế ngự các vi trùng vô hình hay loài muỗi.

¹ Thánh Thư *Ephesians*, vi, 12.

² [Theo sát nghĩa là các thực thể độc ác ở các cảnh giới “cao”.]

Người ta có thể thấy sự dị biệt giữa bảy trạng thái của Dĩ Thái – chính Dĩ Thái là một trong bảy Nguyên khí Vũ Trụ - trong khi mà Hậu thiên khí (Aether) của cổ nhân lại là *Lửa Vũ Trụ (Universal Fire)* – trong các huấn điều lần lượt của Zoroaster và Psellus. Zoroaster dạy: “Chỉ nên quan tâm đến cái gì vô hình”, tức là không cháy (which means without flames or burning coals). Psellus dạy: “Đừng quan tâm đến hình hài sắc tướng, hãy tuân phục cái gì vô hình, vì đó chính là *lửa thiêng*, và nó sẽ thiên khai chân lý cho bạn”. ⁽¹⁾ Điều này chứng tỏ rằng đến lượt Dĩ Thái – chính là một trạng thái của Tiên thiên khí (Ākāsha) – lại có nhiều “trạng thái”.

Tất cả mọi quốc gia đời xưa đều thần thánh hoá Hậu thiên khí (Aether) trong trạng thái vô lượng và mãnh lực của nó. Thi sĩ Virgil gọi Jupiter là Tối Đại Hậu thiên khí Bản sơ (*Pater Omnipotens Aether*, the “Great Aether”).⁽²⁾ Dân Ấn Độ, cũng đang thần thánh hoá nó với danh xưng Tiên thiên khí, tổng hợp của Hậu thiên khí. Và tác giả triết hệ Phần tử đồng chất (Homoeomerian) tức Anaxagoras of Clazomenae, tin chắc rằng người ta tìm được các nguyên kiểu tinh thần của vạn hữu, cũng như các yếu tố của chúng trong Hậu thiên khí vô biên; chúng bắt nguồn từ đó, tiến hoá từ đó và quay về đó – thật là một giáo lý Huyền bí.

Như thế rõ rệt là ý niệm đầu tiên về một Thượng Đế Sáng Tạo nhân hình xuất phát từ Hậu thiên khí, trong trạng thái tổng hợp cao siêu nhất đã từng được nhân hình hoá. Đối với các triết gia Ấn Độ, các Hành (Elements) có tính chất *tĩnh*

¹ *Sấm giảng của Zoroaster*, “Effatum,” xvi.

² Georgica, Quyển II, 325.

(*tamas*) nghĩa là “không được trí năng soi sáng, mà lại còn làm mờ tối *trí năng*.”

Nay chúng ta phải xem xét hết mọi vấn đề ý nghĩa huyền học của “*Hồng nguyên khí Bản sơ*” (“Primordial Chaos”) và Nguyên khí Bản sơ (the Root-Principle), cũng như vạch ra làm thế nào mà trong các triết thuyết thời xưa, chúng liên hệ được với Tiên thiên khí, đã được dịch sai là Hậu thiên khí, và cũng như với Hảo Huyền (Mây ảo, Illusion) mà Īshvara là trạng thái dương của nó. Chúng ta sẽ bàn thêm về “*Nguyên khí*” *trí tuệ* (the *intelligent* “Principle”), hay đúng hơn là các tính chất vô hình phi vật chất trong các yếu tố vật chất hữu hình, chúng “phát xuất từ Hồng nguyên khí Bản sơ.”

- 46 Vì trong bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện* người ta đã hỏi là: “Trừ Hậu thiên khí ra thì Hồng nguyên khí còn là gì nữa bây giờ?” Không phải là Ether hiện đại (the modern Ether) mà người ta thừa nhận ngày nay, song lại là Dĩ Thái mà các triết gia thời xưa đã biết từ lâu rồi trước thời Moses – Hậu thiên khí với tất cả mọi tính chất bí nhiệm và huyền linh, bao hàm các mầm mống sáng tạo vũ trụ. Hậu thiên khí *Thượng đẳng* (the Upper Aether), tức Tiên thiên khí là Trinh Nữ Thiên Giới (the Celestial Virgin) và Mẹ của vạn hữu; Vật Chất và Bản Sinh (Life), Thần Lực (Force) và Tác Động (Action) được sản sinh ra trong lòng của nó, ngay khi mà chúng được Tinh Thần Thiêng Liêng (the Divine Spirit) “ấp ủ”. Hậu thiên khí là Tiên thiên huyền nữ (Aditi) của dân Ấn Độ và chính là Tiên thiên khí. Ngay cả hiện nay, khi các sự kiện mới mẻ đang không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của chúng ta, chúng ta vẫn còn chưa hiểu được bao nhiêu về điện, từ lực, nhiệt và ánh sáng. Ai biết được năng lực của con quái vật biến hình khổng lồ này – Hậu thiên khí (Aether) sẽ chấm dứt nơi đâu, hoặc là nó

có nguồn gốc bí hiểm từ đâu? Chúng tôi muốn nói là ai dám chối bỏ sự kiện Tinh Thần tác động bên trong nó và khiến cho tất cả mọi sắc tướng đều xuất phát từ đó mà tiến hoá ra?

Thật là dễ dàng mà chúng tỏ rằng các huyền thoại vũ trụ khởi nguyên luận trên khắp thế giới đều được dựa vào kiến thức của các bậc tiền bối trong các lãnh vực khoa học ngày nay đang liên kết với nhau để bênh vực cho thuyết tiến hoá. Các cuộc khảo cứu thêm nữa có thể chứng tỏ rằng các bậc tiền bối này còn quen thuộc với sự kiện “tiến hoá,” bao hàm khía cạnh vật chất lẫn khía cạnh tinh thần – hơn chúng ta ngày nay nhiều.

Đối với các triết gia thời xưa, sự tiến hoá là một định lý đại đồng vũ trụ, một học thuyết bao trùm tổng thể và một nguyên lý xác định; trong khi đó, các nhà theo thuyết tiến hoá hiện đại của chúng ta chỉ có thể trình bày cho ta các lý thuyết suy đoán; với các định lý *đặc thù* (*particular*), nếu không muốn nói là *tiêu cực*. Các vị tiêu biểu cho nền học thuật hiện đại thật là vội vàng khi kết liễu cuộc tranh cãi, lấy có rằng đã giải quyết xong vấn đề, chỉ vì cách hành văn mơ hồ của Moses mâu thuẫn với lối thuyết minh xác định của “Khoa học Chính xác” (“Exact Science”).⁽¹⁾

Nếu lật *Bộ Luật Bàn Cổ* (*the Ordinances of Manu*) ra, ta sẽ thấy nguyên kiểu của tất cả mọi ý niệm này. Đối với thế giới Tây phương, mặc dù nguyên bản của chúng đã thất truyền, mặc dù sau này đã bị biến nghĩa vì đã bị thêm thắt vào, chúng vẫn hoàn toàn duy trì được tinh thần cổ truyền đủ để bộc lộ đặc tính của mình.

“[Sau khi đã xua tan bóng đêm]”, Đấng Tự Sinh Tự Tại (*the Self-existent Lord*) [Vishnu, Nārāyaṇa v.v....] bắt đầu biểu lộ,

¹ *Nữ Thân Isis Lộ Diện.*

...[và] vì muốn tạo ra các thực thể khác nhau từ chính cơ thể [Bản thể - Essence] mình, trước hết Ngài chỉ tạo ra nước thôi; rồi Ngài gieo giống trong nước. Nó trở thành một quả trứng bằng vàng (a golden egg)".⁽¹⁾

Đấng Tự Sinh Tự Tại này phát xuất từ đâu? Nó được gọi là CÁI NÀY (THIS), và được xem như là "U minh (Darkness), bất khả trí giác, không có tính chất xác định, không thể phát hiện, bất khả tri, dường như hoàn toàn hôn thụy".⁽²⁾ Đã ngự trong Quả Trứng này trong suốt một Năm Thiêng Liêng (a whole Divine Year), Đấng "được thiên hạ mệnh danh là Brahmā"⁽³⁾ bửa đôi Quả Trứng ra,
 47 Ngài tạo ra trời bằng phần trên, tạo ra đất bằng phần dưới, tạo ra bầu trời và "vùng nước vĩnh viễn"⁽⁴⁾ bằng phần giữa.

Tuy nhiên, ngay sau các câu thơ này, có một điều gì quan trọng hơn đối với chúng ta, vì nó hoàn toàn bổ chứng cho các giáo lý nội môn của chúng ta. Từ câu thơ 14 đến câu thơ 36, người ta trình bày sự tiến hoá theo trình tự được mô tả trong Nội môn Bí giáo. Không thể nào chối cãi được điều này. Ngay cả Medhātithi, con của Virasvāmin, tác giả của tập Giảng lý *Manubhāṣya*, được viết ra vào năm 1000 sau T. C. (theo các nhà Đông phương học ở Tây phương), cũng giúp chúng ta với các nhận xét để làm sáng tỏ sự thật. Ông cũng thật tỏ ra không muốn trình bày nhiều hơn nữa, vì ông biết có những điều không được tiết lộ cho thế nhân, nếu không, ông sẽ thực sự là bị điên đầu (he was really puzzled). Thế mà những gì ông trình bày cũng đủ khiến cho ta thấy được nguyên khí thất phân nơi con người và Thiên Nhiên.

¹ Sách đã dẫn, quyển I, v, 6-9, xem bản dịch của A. C. Burnell.

² Sách đã dẫn v, 5.

³ Sách đã dẫn v, 11.

⁴ Sách đã dẫn v, 13.

Chúng ta hãy bắt đầu với Chương I của *Luật Bàn Cổ*, sau khi Đấng Tự Sinh Tự Tại, Thượng Đế *vô hiện* (the *unmanifesting* Logos) của “U Minh” Bất khả tri (the Unknown “Darkness”) bắt đầu biểu lộ trong Kim Noãn (Golden Egg). Chính là từ Trứng này, từ

11. “Đấng Nam Nhi (Male) mà thiên hạ gọi là Brahmā xuất phát từ Cái vốn là nguyên nhân cố kết [chưa biến phân – undifferentiated], vĩnh cửu, hiện tồn và chẳng hiện tồn”, tức là từ Quả Trứng này.

Ở đây, cũng như là trong mọi tiến bộ chân chính khác, ta đều thấy “Quả trứng,” hay Vòng Tròn, hay số Zero, Vô cực Vô biên (Boundless Infinity), được đề cập tới như là “Nó” (“It”) ⁽¹⁾ còn Brahmā, Nhất Nguyên Bản Sơ, sẽ được đề cập tới như là Thượng Đế *Dương* (Male God), tức Nguyên khí sinh sản. Nó là  hay 10 (mười), Thập Nguyên (Decad). Nó được gọi là Brahmā trên cảnh giới của Thất Nguyên (Septenary), tức là thế giới của *chúng ta*. Trên cảnh giới của Thập Nguyên Thống Nhất (*Unified Decad*), trong thế giới Thực Tại, Brahmā dương này là một Hảo Huyền (Illusiom).

14. “Từ Bản Ngã (*Ātmanah*) Ngài tạo ra Thần Trí (Mind), nó vốn *hiện tồn và chẳng hiện tồn*, và từ Thần Trí, Ngài tạo ra Ngã Thức [Self-Consciousness] (a) Đấng trị vì (b) Đấng Chúa Tể.

(a) Thần Trí là Manas. Ở đây Medhātithi, nhà bình giải, nhận xét rất đúng rằng ngược lại mới phải, và chúng tỏ rằng đã có những điều thêm thắt và sắp xếp lại. Vì chính Thần Trí mới xuất phát từ Ahamkāra tức Ngã Thức (Vũ Trụ), cũng như Thần Trí con người xuất phát từ Toàn Linh Trí (Mahat)

¹ Định lý tường Tam giác Pythagoras.

tức Đại Bồ Đề (Mahā-Buddhi) (Buddhi nơi con người). Vì Thần Trí gồm có hai phần. Theo như Colebrooke trình bày và dịch thuật: “Thần Trí *vừa dùng để tri giác, vừa dùng để hành động*; do ái lực, nó là một cơ quan có cùng bản chất với phần còn lại”;⁽¹⁾ có nghĩa là Thần Trí, Nguyên Khí thứ Năm của chúng ta (*thứ năm*, vì thể xác được gọi là nguyên khí *thứ nhất*, điều này ngược lại với trật tự đích thực của triết học) có áp lực với cả Linh Tố - Tuệ Giác (Ātmā-Buddhi) lẫn Bốn Nguyên Khí hạ đẳng. Vì thế, giáo lý của chúng ta mới đây dạy rằng Thượng Trí (Manas) theo Linh Tố - Tuệ Giác vào Cực Lạc (Devachan), còn Hạ Trí (Lower Manas) – nghĩa là tàn dư của

48 Manas - ở lại với Cảm Dục Thể (Kāma Rūpa) nơi Địa Ngục, tức Cảm Dục Giới (Kāma Loka) vốn đầy đầy các “Ma Hình” (“Shells”).

(b) Đó là ý nghĩa của Manas, vốn “*hiện tồn và chẳng hiện tồn*”. Medhātithi dịch điều này là “Đấng có ý thức về bản ngã” tức Chon Ngã (Ego), chứ không phải là “Đấng trị vì” (“the ruler”) theo lối dịch của các nhà Đông phương học. Họ cũng dịch đoạn thơ sau đây như thế:

16. “Đã khiến cho các phần tử tinh anh của sáu thứ [Đại Ngã và năm giác quan] sáng chói vô cùng nhập vào các yếu tố của bản ngã (*ātmamātrāsu*), ⁽²⁾ Ngài cũng sáng tạo ra vạn hữu.”

Theo Medhātithi, nên thuyết minh nó là *mātrābhih* ⁽³⁾ thay vì *ātmamātrāsu*, và như thế sẽ là:

“Đã dùng các yếu tố của Bản Ngã thẩm nhuần các phần tử tinh anh của sáu thứ sáng chói vô cùng, Ngài đã sáng tạo ra vạn hữu.”

¹ Xem bản dịch Burnell, do Tiến sĩ E. W. Hopkins, ấn hành

² Theo sát nghĩa là phần tử hay các phần tử của Tinh Thần Tối Thượng (Supreme Spirit).

³ Theo sát nghĩa là đo lường (to measure).

Lối thuyết minh sau ắt là phải đúng, vì Ngài, *Bản Ngã* (*Self*), là cái mà ta gọi là Linh Tố (Ātmā), và như thế cấu thành nguyên khí thứ bảy, tổng hợp của “sáu thứ”. Đó cũng là ý kiến của vị chủ biên bộ *Mānava-Dharma-Shāstra*, ông hình như là đã dùng trực giác thấu triệt được triết lý này hơn là người dịch bộ “Luật Bàn Cổ” (“Ordinances of Manu”), cố Tiến sĩ Burnell; vì ông chẳng do dự bao nhiêu giữa bản văn của Kullūka Bhatta và phần Giảng lý của Medhātithi. Bác bỏ *tanmātra*, tức các yếu tố tinh anh, và ātmamātrāsu của Kullūka Bhatta, áp dụng các nguyên khí vào Càn Khôn Ngã (the Cosmic Self), ông nói:

“Sáu thứ trên đúng hơn có vẻ là *thần trí* (*manas*) cộng thêm năm nguyên khí dĩ thái, phong, hoả, thủy, địa; ‘đã kết hợp năm phần tử của sáu thứ này với yếu tố tinh thần [yếu tố *thứ bảy*], Ngài sáng tạo ra vạn hữu (như thế đó)’... Do đó, ātmamātra là vi tử tinh thần (the spiritual atom), trái với vi tử sơ cấp (the elementary), chứ không phải là các ‘yếu tố phản xạ’ của chính Ngài.”

Thế là ông sửa lại bản dịch của câu thơ 17:

“Vì các yếu tố tinh anh của hình hài sắc tướng của Đấng này tùy thuộc vào sáu thứ trên, vì vậy kẻ sáng suốt gọi hình hài của mình là Sharīra.”

Và ông nói thêm rằng ở đây “các yếu tố” có nghĩa là các phân tử (tức các nguyên khí). Câu thơ 19 xác minh như sau:

“(Vũ Trụ) không vĩnh cửu bấy giờ xuất lộ từ cái vĩnh cửu, nhờ vào các yếu tố tinh anh của các hình hài của *bảy nguyên khí* (*Purusha*) cực kỳ rực rỡ này.”

Bình luận về phần hiệu đính của Medhātithi, vị chủ biên nhận xét: “Năm yếu tố *cộng* với thần trí [*manas*] và ngã thức

- 49 [ahamkāra]¹) có lẽ có nghĩa là “các yếu tố tinh anh” như trước kia có nghĩa là “năm phần tử tinh anh của hình hài” [tức các nguyên khí].” Câu thơ 20 chứng tỏ điều này, khi nói về năm yếu tố này tức “năm phần tử tinh anh của hình hài” (sắc tướng cộng với thần trí và ngã thức), cho rằng chúng cấu thành “bảy Purusha” tức bảy nguyên khí, trong Thánh kinh *Purāṇas*, chúng được gọi là “thất đại” (“seven prakritis”).

Thêm nữa, câu thơ 27 nói tới “năm yếu tố” hay “năm phần tử” này như là “những thứ được gọi là các phần tử huỷ diệt vi tử” và do đó “phân biệt với các vi tử của trường phái triết học Nyāya” (Trường phái Luận Lý).

Đấng Brahmā sáng tạo này, xuất phát từ Vũ Trụ Noãn hay Kim Noãn (the Mundane or Golden Egg) kết hợp nơi bản thân cả nguyên khí âm lẫn nguyên khí dương. Nói tóm lại Ngài cũng chẳng khác nào tất cả mọi tiên thân của Thượng Đế (Protologi). Tuy nhiên, không thể nói về Brahmā như là Đấng Tạo Hoá (Dionysos) [Ngài được sinh ra trước tiên, lưỡng tính, có ba trạng thái; Ngài là Tử Thần Bacchus, thánh thiện, không được phép công khai đề cập đến, có hai sừng, lưỡng phân] – một Jehovah nguyệt tinh, Tử Thần Bacchus chân chính, với David khoả thân nhảy múa trước *biểu tượng* của Ngài trong cái bè – bởi vì không có đại lễ Dionysia đâm loạn nào đã từng được cử hành nhân danh Ngài cũng như là để tôn vinh Ngài. Tất cả mọi sự sùng bái công khai như thế

¹ Ahamkāra, được xem như là Ngã Thức vũ trụ (universal Self-Consciousness), có ba trạng thái cũng giống như là Thần Trí. Vì thế, “quan niệm về Bản Ngã” tức “Chơn Ngã” hoặc là ở trạng thái *sattva* “thuần thanh tịnh,” hoặc là có vẻ như ở trạng thái *rajas* “hoạt động” hoặc vẫn ở trạng thái *tamas* “trì trệ” trong u minh. Nó thuộc về Trời và Đất và có tính cách của cả hai thứ.

đều là ngoại môn và khắp nơi trên thế giới người ta đều xuyên tạc các đại biểu tượng của vũ trụ, chẳng hạn như hiện nay, nhóm Vallabāchāryas ở Bombay, tức các tín đồ của một Thượng Đế hài đồng (*infant God*), đang xuyên tạc các biểu tượng của Krishna. Nhưng các vị thần bình dân này có *đúng thực là Thượng Đế không? Họ có phải là Đỉnh cao và tổng hợp của tạo vật thất phân, kể cả con người không? Chẳng bao giờ! Dù là tín đồ Tà giáo hay tín đồ Thiên Chúa giáo, mỗi thứ đều chỉ là một trong các nấc thang của chiếc thang thất phân của Linh Thức (Divine Consciousness). Người ta nói là Ain Soph biểu lộ thông qua Bảy Chữ của danh xưng Jehovah (the Seven Letters of Jehovah's name), đã tước đoạt mất địa vị của Vô Biên Bất Khả Tri (the Unknown Limitless), Ngài đã được tín đồ hiến dâng lên Bảy Thiên Thần Bản Lai Diện Mục (Seven Angels of the Presence) tức Bảy Nguyên Khí (Seven Principles). Song trong hầu hết mọi trường phái đều có đề cập đến các Ngài. Trong triết thuyết Sāṅkhya (Số Luận) thuần túy, *toàn linh trí (mahat), ngã thức (ahamkāra)* và năm cơ bản kích lượng (*tanmātras*) được gọi là Thất Đại (*seven Prakritis*) hay bảy Bản Chất (Natures) và được tính từ Đại Bồ Đề (*Mahā-Buddhi*), tức Toàn Linh Trí xuống tới Địa (Earth).⁽¹⁾*

Tuy nhiên, cho dù lối thuyết minh nguyên bản *duy Elohim* của Ezra có bị các giáo sĩ Do Thái xuyên tạc đến đâu đi nữa, cho dù ý nghĩa *nội môn* trong các cuộn sách bằng tiếng Hebrew đôi khi có bị *che đậy* hay *giấu giếm* đến đâu đi chăng nữa so với dáng vẻ bề ngoài, một khi mà các đoạn kinh *duy Jehovah* đã bị loại bỏ đi, người ta sẽ thấy là các Thánh thư của

¹ Xem *Sāṅkhya Kārikā*, v, iii và giảng lý.

Moses, nhất là sáu chương đầu, đầy đầy các kiến thức huyền linh thật là vô giá.

Khi nghiên cứu mà lại được bộ Thánh kinh *Do Thái Bí giáo* trợ lực, người ta tìm thấy một Thánh điện chân lý huyền linh vô song; một giếng nước đẹp một cách bí hiểm, ẩn dưới một công trình kiến trúc. Cách kiến trúc hữu hình của công trình này, dù là bề ngoài có vẻ cân đối, vẫn không đủ sức chịu nổi sự chỉ trích của lý trí lạnh lùng, hoặc là không thể tiết lộ thời đại của mình, vì nó thuộc về mọi thời đại. Trong các
50 chuyện ngụ ngôn của các Thánh kinh *Puranas* và các Thánh kinh *Thiên Chúa giáo*, có ẩn tàng nhiều minh triết hơn là tất cả mọi khoa học và sự kiện ngoại môn trong nền văn chương của thế giới và có ẩn tàng Huyền bí học chân chính với mức độ nhiều hơn là kiến thức chính xác chứa trong tất cả mọi Hàn lâm viện. Hoặc nói một cách giản dị và quyết liệt hơn, trong một vài phần của Thánh kinh *Puranas* và bộ *Ngũ Kinh Cựu Ước* của hiền giáo, minh triết nội môn cũng nhiều chẳng kém gì những điều vớ vẩn và hoang tưởng ấu trĩ nếu chúng được thuyết minh theo lối chấp nê văn tự “chết người” (murderous interpretations) của các tôn giáo lớn có khuynh hướng giáo điều và nhất là các giáo phái.

Bạn cứ thử đọc các câu thơ đầu của *Sáng Thế Ký* rồi suy gẫm chúng. Trong đó, Thượng Đế chỉ huy một “vị thần” khác thi hành mệnh lệnh của Ngài – Ngay cả trong bản dịch tiếng Anh cẩn thận, có thẩm quyền và thuộc giáo hội Tin Lành của Vua James I.

Lúc đầu – trong tiếng Hebrew không có từ ngữ nào để diễn tả ý niệm vĩnh cửu ⁽¹⁾ – Thượng Đế tạo ra Trời và Đất;

¹ Trong tiếng Hebrew, không có từ ngữ “vĩnh cửu” mà nhà thần học Thiên Chúa giáo dùng để thuyết minh từ ngữ “mãi mãi”. Từ

Đất còn là hư không và vô hình, trong khi mà Trời thực ra chẳng phải là Trời gì cả, mà chỉ là Thái Uyên (Deep), *Hồng nguyên khí* (Chaos), trên mặt là u minh. ⁽¹⁾

“Tinh thần (Thần Đức – Bản dịch của Thánh Kinh) của Thượng Đế di chuyển (vận hành – Thánh Kinh) trên mặt nước

ngữ “*Oulam*” theo Le Clerc, chỉ có nghĩa là một thời gian vô thủy vô chung. Nó không có nghĩa là “thời kỳ dài vô tận”, và từ ngữ trong *Cựu Ước* chỉ có nghĩa là “thời gian dài”. Trong các Thánh kinh *Puranas*, từ ngữ “vĩnh cửu” cũng không được dùng theo nghĩa dùng trong Thiên Chúa giáo. Vì trong Thánh kinh *Vishnu Puranas* người ta đã vạch rõ rằng “vĩnh cửu” và “bất tử” chỉ có nghĩa là “tồn tại tới cuối Thiên kiếp” (“*Kalpa*”). (Quyển II, chương viii.)

¹ Thần phổ học của Orpheus có tinh thần thuần là Đông phương và Ấn Độ. Việc liên tiếp biến đổi nó nay đã khiến nó khác xa với Tinh Thần của Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận Cổ Truyền; ta có thể thấy điều này bằng cách so sánh nó ngay cả với *Thần phổ học* của Hesiod. Song trong cả hệ thống của Hesiod lẫn hệ thống của Orpheus đều có tinh thần Ấryan Ấn chân chính [xem tác phẩm xuất sắc của James Darmesteter “*Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận Ấryennes*” (“*Cosmogonies Ấryennes*”) trong *Tiểu luận Đông phương*]. Như thế, quan niệm nguyên thủy của Hy Lạp về Hồng nguyên khí cũng chính là quan niệm của Giáo lý Huyền môn. Do đó, đối với Hesiod, Hồng nguyên khí thật vô tận, vô biên, vô thủy, vô chung, nó đồng thời vừa là huân hư, vừa là một sự hiện diện hữu hình, không gian đầy u minh, nó vốn là vật chất nguyên thủy trong trạng thái *tiên vũ trụ*. Vì theo nghĩa gốc, Hồng nguyên khí là Không gian – theo Aristotle – và trong triết thuyết của chúng ta, Không gian là Thượng Đế bao giờ cũng Vô hình và Bất khả tri.

(¹) tức là Thái Uyên (Great Deep) của Không gian Vô cực (Infinite Space). Tinh Thần này là *Nārā-yana* tức Vishnu”.

“Chúa phán: “Hãy có lấy một bầu trời...” (i, 6), “Chúa” thứ nhì tuân lời và “*tạo ra một bầu trời.*” (I, 7) “Chúa phán hãy có lấy ánh sáng” Thế là “có ánh sáng.” Bấy giờ ánh sáng chẳng có nghĩa là ánh sáng gì cả, song – theo như trong Thánh kinh *Do Thái Bí giáo* đó là “Adam Kadmon” bán thư bán hùng, tức là Sephira (*Ánh Sáng Tinh Thân – Spiritual Light*) vì chúng là một. Theo *Số Mục Thánh Thư* của dân Chaldea đó là các thiên thần *thứ yếu*, Đấng thứ nhất là Elohim, Ngài là *tập hợp* của *Thượng Đế* “tạo hình” này. Vậy thì ai tuân lệnh? Và ai ra lệnh? Cái ra lệnh là *Thiên Luật vĩnh cửu*, và Đấng tuân lệnh là *Elohim*, đại lượng đã biết tác động trong và với x (the known quantity acting in and with x), tức là hệ số của đại lượng chưa biết, Thần Lực của LỰC ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ (the ONE Force). Tất cả mọi điều này đều là Huyền bí học, chúng được bao hàm trong các ĐOẠN THƠ (STANZAS) tiếng Phạn cổ sơ. Chúng hoàn toàn là phi vật chất, cho dù chúng ta gọi các “Thần Lực” này là các Thiên Định Đế Quân (Dhyān Chohans) hay là Auphanim theo Ezekiel.

Quyển *Số Mục Thánh Thư* của dân Chaldea dạy: “Ánh Sáng Đại Đồng (Universal Linght) Thế giới duy nhất đối với con người lại là *U minh* (Darkness), bao giờ cũng tồn tại”. Từ đó xuất phát ra một cách định kỳ *Năng lượng* vốn dĩ được phản ánh trong Thái Uyên, tức Hồng nguyên khí, hàm tích các Thế giới vị lai, và một khi đã được khơi hoạt, nó sẽ khởi động và vận dụng các Thần lực tiềm tàng bao giờ cũng được hàm tích bên trong nó. Bấy giờ các Đấng Brahmās và Phật –

¹ *Sáng Thế Ký*, I, 2.

các Thần lực đồng vĩnh cửu – sẽ lại hoạt động và một Vũ Trụ mới sẽ sinh ra.

Trong quyển *Sepher Yetzireh*, tức Sáng Tạo Thánh Thư của Do Thái Bí giáo, tác giả rõ rệt là đã lặp lại lời của Đức Bàn Cổ. Trong tác phẩm này, người ta đã diễn tả Chất Liệu Thiêng Liêng (the Divine Substance) như là đã tồn tại đơn độc từ vô thủy vô biên và tuyệt đối, cũng như là đã xạ ra Tinh Thần từ chính mình.⁽¹⁾ “Nhất Nguyên là Tinh Thần của Thượng Đế sống động, Ngài được vinh danh và sống mãi. Huyền Thanh (Voice), Tinh Thần và Huyền Âm (Word) chính là Thánh Thần (Holy Spirit)”. ⁽²⁾ Đó chính là Tam Nguyên trù tượng của Do Thái Bí giáo, được các Đức Cha trong Thiên Chúa giáo nhân hình hoá một cách phóng túng biết bao. NHẤT NGUYÊN tam phân (this triple ONE) này xạ ra toàn thể Càn Khôn. Trước hết, từ NHẤT NGUYÊN xạ ra Lưỡng Nguyên, hay Phong (Air) (Tù Phụ - the Father), Hành sáng tạo (the creative Element); rồi tới TAM NGUYÊN (THREE), tức Thuỷ (water) (Tù Mẫu – the Mother), xuất phát từ Phong; Dĩ Thái (Ether) hay Hoả (Fire) hoàn chỉnh hoá Tứ Nguyên Huyền Nhiệm (the Mystic Four), tức Arbo-al.⁽³⁾ “Khi Đấng Vô Thượng Huyền Vi muốn biểu lộ, trước hết Ngài khiến cho một Điểm [Điểm Sơ Thuỷ, tức là đệ nhất Sephira, ⁽¹⁾

¹ Tinh thần *biểu lộ*: Tinh Thần Tuyệt Đối, Tinh Thần Thiêng Liêng là một với Chất Liệu Thiêng Liêng tuyệt đối. Parabrahman và Mūlaprakriti (Hỗn nguyên khí) đều là một. Do đó, xét theo tính cách bản sơ, Thiên Ý Hồng Nguyên (Cosmic Ideation) và Chất Liệu Càn Khôn (Cosmic Substance) cũng là một.

² *Sepher Yetzireh*, Chương I, Mishna IX.

³ Như trên. Abram chính là chuyển hoá từ của “Arba.”

¹ [Trong ấn bản 1888 là Sephiroth.]

Phong hay Thánh Thần (Air or Holy Ghost),] được đào luyện thành một Hình linh thiêng [Mười Sephiroth tức Thiên Đấng (Heavenly Man)] rồi khoác lên nó một bộ Xiêm Y lộng lẫy, *đó là thế giới.*"⁽¹⁾

Để chứng tỏ tính cách Vũ Trụ của các Hành sau này được lịch sử hoá thần thoại và Tinh Thần thấm nhuần mọi nguyên tử trong Càn Khôn, Thánh thư *Yetzireh* đã dạy: "Ngài khiến cho Gió trở thành các Sứ giả của mình, Lửa trở thành Bầy tôi của mình."⁽²⁾

52 Một số người gọi "Chất liệu nguyên thủy" ("primordial Substance") này là *Hồng nguyên khí* (*Chaos*). Plato và các môn đồ phái Pythagoras gọi nó là *Linh Hồn của Vũ Trụ*, sau khi nó đã được thấm nhuần bởi Tinh Thần của cái vẫn chòn vòn trên Mặt Nước Bản Sơ (the Primeval Waters), tức *Hồng nguyên khí*. Các tín đồ Do Thái Bí giáo cho rằng chính nhờ vào việc được phản ánh trong đó mà Nguyên khí chòn vòn mới *tạo ra* cái trò ảo hoá của một Vũ Trụ biểu lộ hữu hình. Trước khi phản chiếu, đó là *Hồng nguyên khí* (*Chaos*), sau khi phản chiếu, đó là *Dĩ Thái* (*Ether*), song đó vẫn là Thượng Đế thấm nhuần Không gian và vạn hữu. Đó là Tinh Thần vô hình, vô lượng của vạn vật, cũng như là lưu chất vô hình song vẫn quá rõ rệt tuôn ra từ ngón tay của người chữa bệnh bằng từ điển, vì nó là Điện Sinh lực, là BẢN SINH (LIFE itself). Hầu tước Mirville đã gọi điều nó là "Đấng Đại Hùng mờ mịt" ("nebulous Almighty"); cho tới lúc đó, nó vẫn được các nhà Thông thần học (Theurgists) và các nhà Huyền bí học (Occultists) gọi là

¹ Thánh kinh *Zohar*, I, 20.

² *Sepher Yetzireh*, Mishna ix, 10.

sinh Hoả (“living Fire”);¹) chẳng một người Ấn Độ nào hành một pháp môn thiền định nào đó vào buổi ban mai mà lại không biết tới các tác dụng của nó. Nó là “Tinh Thần của Ánh Sáng” (“Spirit of Light”) và là *Magnes*. Một đối thủ điển đạt

¹ Khi viết về chủ đề này trong bộ *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, chúng tôi đã nói là: Hồng nguyên khí của cổ nhân, Linh Hoả của Bái hoá giáo (the Zoroastrian Sacred Fire), tức *Atash-Behram*; lửa-Hermes (Hermes-fire), lửa-Elmes (Elmes-fire) của dân Đức thời xưa; Tia chớp của nữ thần Cybele; Ngọn đuốc cháy bùng của thần Apollo; Ngọn lửa trên bàn thờ của Thần Pan; Lửa bất diệt ở thánh điện Acropolis và trong thánh điện của Nữ thần Vesta; Ngọn lửa trên nón của thần Pluto; các Tia sáng chói lọi trên nón của hai anh em Dioscuri, trên tóc của chị em Gorgon, nón của nữ thần Pallas và gậy của Thần Mercury; Thần Ptah-Ra của Ai Cập; *Cataibates* (Sự giáng hạ) của Thần Tối Cao Hy Lạp Zeus theo địa lý gia Pausanias; các Ngọn lửa của Lễ giáng lâm; Bụi cây đang cháy của Moses; Trụ Lửa (the Pillar of Fire) trong Thánh thư *Về Vùng Đất Hứa* và “Ngọn Đèn đang sáng” của Abram; Lửa Vĩnh Cửu của “hố sâu thăm”. Hoi nước uyên áo ở thành phố Delphi (the Delphic oracular vapours); Đẩu Tinh Quang (Sidereal Light) của Hoa Hồng Thập Tự; Tiên thiên khí (ĀKĀSHA) của các Thánh Sư Ấn Độ; Tinh Tú Quang của Éliphas Lévi; Hào quang Thần kinh (the Nerve-Aura) và Lưu chất (Fluid) của Từ điển gia; Od (từ khí) của Reichenbach; Từ khí tâm linh (Psychod) và Lực Cầu Nguyên (Ectenic Force) của Thury; Lực Tâm Linh (the Psychic Force) của Trung sĩ Cox, và từ điển khí quyển của một số nhà Tự nhiên học; Điện do tác dụng hoá học và cuối cùng là điện – tất cả những thứ trên chẳng qua chỉ là nhiều danh xưng khác nhau dành cho nhiều biểu lộ hoặc tác dụng khác nhau của cùng một Nguyên nhân bí nhiệm, thấm nhuần vạn vật; đó là Nguyên Sinh khí (Archaeus) của người Hy Lạp. Nay chúng tôi xin nói thêm: thế đấy và còn nhiều nữa (Quyển I, trang 125).

rất đúng rằng Pháp sư (*Magus*) và *Magnes* là hai nhánh mọc ra từ cùng một thân cây và sẽ tạo ra cùng một kết quả. Và trong việc mệnh danh “Sinh Hoả” này, ta cũng có thể tìm ra ý nghĩa của một câu bí hiểm trong Thánh thư *Zend Avesta*: có một Linh Hoả đem lại sự hiểu biết về tương lai, khoa học và ngôn từ thân hữu”; nghĩa là nó phát triển một năng lực hùng biện phi thường nơi cô đồng, nhà thông linh và ngay cả một vài nhà diễn giả.

Trong tất cả mọi Thánh thư của Ấn Độ, cũng như trong các tác phẩm của Do Thái Bí giáo, người ta đều nói tới Linh Hoả này (this “Fire”). Thánh kinh *Zohar* giải thích nó như là “lửa trắng ẩn tàng trong *Risha Havurah*” (Bạch Thủ - the White Head), Ý Chí của Ngài khiến cho lưu chất lửa này lưu chuyển thành 370 dòng theo mọi hướng của Vũ Trụ. Nó đồng nhất với “Con Rắn phóng được 370 bước” của *Siphra Dzenioutha*. Khi “Con Người Toàn Thiện” (“Perfect Man”) tức Metatron *trỗi dậy*, nghĩa là Linh Ngã ngự trong Phạm Nhon, Con Rắn trên sẽ trở thành *Tinh Thần tam phân*, tức Linh Tố - Tuệ Giác-Thượng Trí (Ātmā-Buddhi-Manas) theo lối nói của Minh Triết Thiêng Liêng. ⁽¹⁾

53 Như thế Tinh Thần, Tức Thiên Ý Hồng Nguyên (Cosmic Ideation) và Chất Liệu Càn Khôn (Cosmic Substance) – một trong “các nguyên khí” của Chất Liệu Càn Khôn là Dĩ Thái – đều là *một* và bao gồm cả các HÀNH (ELEMENTS) theo nghĩa mà Thánh Paul dùng. Các Hành này là phần tổng hợp ẩn tàng tượng trưng cho các Thiên Định Đế Quân, các Thiên Thần, Sephiroth, Amshaspendes, các Tổng Thiên Thần (Archangels) v.v.... Có thể nói là ether của khoa học – *Ilus* của

¹ Xem Quyển 4, Phần 2, Tiết 4. Nhiều ý nghĩa của “Chiến Tranh trên Trời.”

Berosus, tức *nguyên hình chất (protyle)* của hoá học – cấu thành vật liệu tương đối *thô thiển* từ đó các nhà “Kiến Tạo” nêu trên tạo ra các hệ thống trong Càn Khôn theo kế hoạch đã được vạch ra cho họ một cách vĩnh cửu trong TƯ TƯỞNG THIÊN LIÊNG. Chúng ta được bảo cho biết rằng chúng là các “thần thoại.” Chúng tôi xin đáp: Ether và các nguyên tử cũng thế thôi. Ether và các nguyên tử rất là cần thiết đối với vật lý học, cũng như là các nhà “Kiến Tạo” rất là cần thiết đối với siêu hình học. Chúng ta bị đả kích: “*Bạn có thấy họ đâu*”. Thế thì chúng tôi xin hỏi lại các nhà duy vật : “Quý vị có thấy Ether, *nguyên tử* hay là LỰC không? Hơn nữa, một trong các nhà tiến hoá luận lỗi lạc nhất của Tây phương hiện nay, cùng với Darwin “khám phá” ra Thuyết tiến hoá, ông A. R. Wallace – khi bàn về việc một mình Sự Chọn Lọc Tự Nhiên không đủ để biện minh cho hình hài vật chất của Con Người – đã thừa nhận rằng có các “Đấng thông tuệ cao minh” hướng dẫn tiến trình này; đó là một phần “*tất yếu* của các đại luật chi phối Vũ Trụ vật chất.” ⁽¹⁾

Các “Đấng thông tuệ cao minh” này chính là Thiên Định Đế Quân của các nhà Huyền bí học.

Thật vậy, trong bất cứ hệ thống tôn giáo nào cũng vậy, rất ít Thần thoại xứng đáng với danh xưng này, chúng chỉ có một cơ sở *lịch sử* cũng như là một cơ sở *khoa học*. Pococke đã nhận xét rất đúng là “Nay tùy theo ta *hiểu lầm* các Thần thoại bao nhiêu mà chúng tỏ ra là các chuyện *hoang đường* bấy nhiêu và tùy theo ta *quán triệt* được chúng bao nhiêu mà chúng tỏ ra là các *chân lý* bấy nhiêu.”

¹ Góp ý với Thuyết Chọn Lọc Tự Nhiên.

Liên quan tới cuộc Tiến Hoá Vũ Trụ và tạo vật đầu tiên của Địa Cầu chúng ta với mọi sản phẩm hữu cơ và vô cơ (đây thật là một từ ngữ xa lạ với nhà Huyền bí học!) trong mọi giáo lý cổ truyền đều có nổi bật lên một ý niệm, đó là: “Toàn thể Càn Khôn đều xuất phát từ TỰ TƯỢNG THIÊN LIÊN.” Tự Tượng này thấm nhuần Vật Chất, vốn cộng sinh Vĩnh cửu với THỰC TẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ (ONE REALITY). Toàn thể chúng sinh đều tiến hoá bắt nguồn từ các Phân thân của Đấng Độc Nhất bất biến tức Thái Cực Thượng Đế - Mūlaprakriti, Cội Rễ Duy Nhất bất diệt, (from the Emanations of the ONE *Immutable*, Parabrahman-Mūlaprakriti, the eternal One-Root). Trong trạng thái của Tâm Điểm Hướng Nội (Central Point) (tạm nói như thế) vào các vùng hoàn toàn bất khả tư nghị, là sự hườn hư tuyệt đối; trong khi mà trạng thái *Hồn nguyên khí* (Mūlaprakriti), Cội nguồn vĩnh cửu của vạn vật, ít nhất nó cũng khiến ta lơ mơ thấu hiểu được Bí nhiệm Hiện존 (the Mystery of Being).

Do đó trong các nội điện, người ta dạy rằng Vũ Trụ hữu hình của Tinh Thần và Vật Chất này chỉ là Hình ảnh cụ thể của sự Hườn Hư lý tưởng (the ideal Abstraction), nó được kiến tạo dựa vào Mô thức của Thiên Ý Bản Sơ (the first Divine Idea). Như thế từ vô thủy, Vũ Trụ đã tồn tại trong một trạng thái tiềm tàng. Linh Hồn làm linh động Vũ Trụ thuần tinh thần này chính là Mặt Trời Trung Ương, Thần Linh tối cao. Nó không phải là Đấng Kiến Tạo hình hài cụ thể của ý niệm, mà lại là Đấng Bản Lai (the First-Begotten); vì nó được kiến tạo theo dạng hình học của khối thập nhị diện,⁽¹⁾ nên Đấng

54 Bản Lai “mới vui lòng dùng 12 000 năm để sáng tạo”. Trong

¹ Plato, *Timaeus*.

vũ trụ khởi nguyên luận của Tyrrhenia,⁽¹⁾ người ta đã trình bày con số 12 000 năm và chứng tỏ rằng con người được tạo ra vào năm thứ 6 000. Điều này phù hợp với thuyết 6 000 ⁽²⁾ của Ai Cập và phù hợp với tính toán của dân Hebrew. Nhưng đó chỉ là hình thức ngoại môn của nó. Phép tính toán bí nhiệm giải thích rằng “12 000 và 6.000 năm” là các Năm của Brahmã, một ngày của Brahmã bằng 4.320 000 000 năm. Trong Vũ Trụ Khởi Nguyên Luận (Cosmogony) của mình, Sanchuniathon đã tuyên bố rằng khi Phong (Tinh Thần) đâm ra mê các nguyên khí của chính mình (Hồng nguyên khí), một sự kết hợp mật thiết diễn ra, mối liên kết này được gọi là Pothos và mầm mống của vạn vật đều sinh ra từ đó. Hồng nguyên khí chẳng hề biết tới sản phẩm của chính mình, vì nó vô tri vô giác; nhưng nó bao lấy Phong (Wind), Môt hay Ilus (Bùn - Mud) ⁽³⁾ được tạo ra. Từ đó xuất phát ra các mầm mống sáng tạo và Vũ Trụ được sản sinh ra từ đó.⁽⁴⁾

Zeus-Zên (Hậu thiên khí - Aether) và quý phu nhân là Chthonia (Đất Hỗn Nguyên – Chaotic Earth) cùng với Metis (Nước - Water); Osiris – cũng tiêu biểu cho Hậu thiên khí, phân thân thứ nhất của Thần Linh Tối Cao Amun, cội nguồn bản sơ của Ánh Sáng – và Isis-Latona, cũng lại là Nữ Thần

¹ Suidas, ở dưới từ ngữ “Tyrrhenia.” Xem *Các Áng Cổ Văn* của Cory, trang 309, ấn bản thứ nhì.

² Độc giả phải hiểu rằng khi dùng từ ngữ “năm”, người ta có ý muốn nói “thời đại”(“ages”) chứ không phải là thời kỳ gồm 13 tháng âm lịch.

³ Cory, sách đã dẫn, trang 3.

⁴ *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển I, trang 342.

Địa và Thuỷ (the Goddess Earth and Water); Mithras,⁽¹⁾ vị Thần sinh ra từ đá, biểu tượng của Lửa Vũ Trụ Dương (the male Mundane Fire), tức là Ánh Sáng Nguyên Thủy (Primordial Light) được nhân cách hoá, và Mithra, Nữ Thần Hoả, vừa là vợ vừa là mẹ của Ngài – hành Hoả thuần túy, nguyên khí dương tích cực, coi như là ánh sáng và nhiệt, cùng với Thuỷ và Địa tức vật chất, yếu tố âm tiêu cực của sự sinh sản vũ trụ - Mithras vốn là con của Bordj, vũ trụ son của Ba Tư (the Persian mundane mountain);⁽²⁾ Ngài loé ra từ đó như là một tia sáng chói lọi, Brahmā, tức Hoả Thần và vị phụ nhân mấn đê; Hoả Thần Agni của Ấn Độ, từ cơ thể vị Thần rực rỡ này xạ ra một ngàn luồng huy hoàng và bảy ngọn lửa; tới nay, để tôn vinh Ngài, một số người Bà La Môn vẫn duy trì lửa trường tồn; núi Tu Di, vũ trụ son của dân Ấn Độ đóng vai Shiva, Hoả Thần khủng khiếp; trong huyền thoại có nói là Ngài từ trên trời giáng xuống, giống như Jehovah của dân Do Thái, “trong một vũ trụ lửa”, và một tá các Thần Linh lưỡng tính cổ sơ khác – tất cả đều huênh hoang tuyên bố ý nghĩa ẩn tàng của mình. Ý nghĩa lưỡng phân của các thần thoại này còn gì khác hơn là nguyên lý tâm - hoá học (the psycho-chemical principle) của tạo vật nguyên thủy chăng? Cuộc Tiến hoá thứ Nhất biểu lộ thành ba phần: Tinh Thần, Lực và Vật chất, đó là ý nghĩa thứ nhất; ý nghĩa thứ hai: sự tương hệ thiêng liêng, lúc đầu, nó được trình bày dưới hình thức ẩn dụ như là cuộc phối ngẫu giữa Hoả và Thuỷ, các sản phẩm của Tinh Thần cấp điện (electrifying Spirit) – Sự kết hợp của

¹ Dân Ba Tư xem Mithras như là vị Thần sinh ra từ trong đá.

² Bordj được gọi là một núi lửa: do đó nó chứa lửa, đất đá và nước; các yếu tố dương, tích cực, và âm, tiêu cực. Thần thoại này thật là gợi ý.

nguyên khí dương tích cực với yếu tố âm tiêu cực – Tinh Thần sản sinh ra đứa con của đất, tức là Vật Chất Càn Khôn (Cosmic Matter), Vật Chất Nguyên Thủy (the Prima Materia), Linh Hồn của nó chính là Hậu thiên khí (Aether) và Hình Bóng của nó chính là Tinh Tú Quang (the Astral Light) !⁽¹⁾

Nhưng nay, các điều vụn vặt khỏi nguyên luận mà ta thu thập được, đã bị bác bỏ, xem như là các chuyện ngụ ngôn phi lý. Tuy nhiên, Huyền bí học – vốn vẫn còn tồn tại sau trận Đại Hồng Thủy đã nhận chìm những người Khổng lồ đương thời, cuốn theo các ký ức của họ, ngoại trừ những gì còn được ghi lại trong Giáo Lý Bí Nhiệm, Thánh kinh *Thiên Chúa giáo* và các Thánh kinh khác – vẫn còn nắm giữ chìa khoá giải tất cả mọi vấn đề nan giải của thế giới.

Thế thì chúng ta thử dùng Chìa Khoá này để giải các điều vụn vặt hiếm có của các Vũ Trụ Khỏi Nguyên Luận đã từng bị quên lãng từ lâu rồi, và nhờ vào các phần rời rạc này, ra sức kiến tạo lại cái đã từng là Vũ Trụ Khỏi Nguyên Luận Đại Đồng Thế Giới (the Once Universal Cosmogony) của

55 Giáo Lý Bí Nhiệm. Chìa khoá này thích ứng với tất cả. Không một ai đã từng nghiên cứu một cách nghiêm túc các triết học cổ truyền này mà lại không thấy được rằng tất cả đều rõ rệt là đồng một quan niệm khi xét về tinh thần ẩn tàng (luôn luôn như vậy) cũng như là hình thức ngoại môn (rất thường là như vậy). Đó không phải chỉ là kết quả của một sự trùng hợp ngẫu nhiên, song đó chính là một sự hội tụ hữu ý. Người ta cũng thấy rằng, khi nhân loại còn non trẻ, khi chưa có các giáo hội, tín ngưỡng hay giáo phái, và khi mọi người đều tự tu tự chứng, thì chỉ có một ngôn ngữ duy nhất, một minh

¹ Sách đã dẫn, I, trang 156.

triết duy nhất, một tôn giáo đại đồng thể giới duy nhất. Và nếu, người ta chứng tỏ được rằng trong các thời đại sơ khai này, do việc càng ngày càng có nhiều truyền thống, chúng ta không còn tìm được dấu vết của các thời đại này nữa, nếu suy tư tôn giáo của con người đã phát triển đồng đều, không mâu thuẫn nhau, ở khắp nơi trên thế giới; bây giờ, hiển nhiên là dù hiện hữu ở bất cứ nơi đâu, từ Nam chí Bắc, từ Đông sang Tây, nếp suy tư này cũng được cảm ứng bởi cùng một sự thiên khai, và hiển nhiên là con người đã được nuôi dưỡng và che chở dưới bóng của cùng MỘT CÂY MINH TRIẾT (the same TREE OF KNOWLEDGE).

HỒNG NGUYÊN KHÍ: THƯỢNG ĐẾ: CÀN KHÔN (CHAOS: THEOS: KOSMOS)

CẢ ba thứ trên đều được chứa trong Không gian; một tín đồ Do Thái Bí giáo có học thức uyên bác đã định nghĩa nó như sau: “Không gian, cái không chứa đựng gì song lại bao trùm vạn vật là hiện thân của bản sơ nhất nguyên đơn giản ... sự bành trướng vô tận.”⁽¹⁾ Nhưng ông lại hỏi: “Sự bành trướng vô tận của cái gì?” – thế rồi, ông đã trả lời rất đúng là: “*Cái bao trùm vạn vật bất khả tri, không gian, Nguyên nhân bản sơ bất khả tri.*” Xét theo mọi khía cạnh của Giáo lý Huyền bí, đó là một định nghĩa và một câu giải đáp chính xác nhất, huyền bí nhất và đúng với chân lý nhất.

Do sự vô minh và do có khuynh hướng tôn thờ hình tượng, nhằm triệt hạ mọi ý niệm triết học của cổ nhân, các kẻ ra vẻ thông thái hiện nay đã tuyên bố rằng *Không gian* là một “ý niệm trừu tượng” và là *hư không*. Thực ra, không gian là cái Bao trùm (Container) và là *thể của Vũ Trụ* với bảy nguyên khí. Theo lối nói Huyền linh, nó là một thể có tâm mức vô hạn, các NGUYÊN KHÍ (PRINCIPLES) của nó – đến lượt mỗi nguyên khí lại là một thất nguyên – chỉ biểu lộ trong Thế giới hiện tượng của chúng ta kết cấu thô thiển nhất của *các tế phân* của chúng (*their sub-divisions*). Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng: “Chưa có ai thấy được trọn vẹn các Hành (Elements).” Chúng

¹ *Các Khía Cạnh Mới Mẽ của Cuộc Sống* của Henry Pratt, Bác sĩ y khoa, trang 3 - 4.

ta phải tìm kiếm Minh Triết trong các thành ngữ và các từ ngữ đồng nghĩa nguyên bản của các dân tộc thời xưa. Ngay cả dân Do Thái, dân tộc cận đại nhất trong các dân tộc sơ khai cũng trình bày ý niệm giống như vậy trong các giáo lý của Do Thái Bí giáo, khi họ đề cập tới Con Rắn bảy đầu tức Không gian, được gọi là “Đại Hải” (“the great Sea”).

Thoạt đầu, Alhim tạo ra Trời và Đất; Sáu [Sephiroth] ... Các Ngài tạo ra Lục Nguyên (Six) và vạn vật đều được dựa vào lục nguyên này. Và Lục Nguyên này lại tùy thuộc vào *bảy hình thức* của cái Sọ (Cranium) mãi cho tới Chức Sắc Tối Cao (the Dignity of all Dignities). ⁽¹⁾

Nay trong mọi quốc gia, *Phong* (Wind), *Khí* (Air) và *Tinh Thần* bao giờ cũng đồng nghĩa với nhau. Pneuma (Tinh Thần) và Anemos (Phong) trong tiếng Hy Lạp, *Spiritus* và *Ventus* trong tiếng La Tinh đều là các từ ngữ có thể dùng thay thế cho nhau, cho dù là chúng đã không có liên hệ gì với ý niệm nguyên thủy “Sinh Khí” (the Breath of Light). Nơi các “Lực” (“Forces”) của khoa học, chúng ta chỉ thấy *tác dụng vật chất* của *hiệu quả tinh thần* của một trong bốn Hành nguyên thủy, được Giống dân thứ Tư (the Fourth Race) truyền cho chúng ta cũng như chúng ta sẽ truyền Dĩ Thái, hay đúng hơn là tế phân thô trực của nó một cách trọn vẹn cho Căn Chủng thứ Sáu (the Sixth Root-Race).

- 57 “*Hồng nguyên khí*” (“Chaos”) được Cổ nhân gọi là *vô tri vô giác* (senseless), bởi vì – Hồng nguyên khí đồng nghĩa với Không gian – nó tiêu biểu cho và bao hàm tất cả mọi Hành ở trạng thái sơ khai của biến phân. Cổ nhân đã biến Dĩ Thái, Hành thứ năm, thành tổng hợp của bốn hành kia; vì Dĩ Thái của các triết gia Hy Lạp không phải là các cận bã của nó, mặc

¹ *Siphrah Dzenioutha*, i, Tiết 16.

dù thật ra họ biết về các căn bã này nhiều hơn là khoa học hiện nay; chúng đã được giả định chính xác như là một tác nhân (agent, phương tiện) để cho nhiều thần lực biểu lộ trên Trần Thế. Dĩ Thái của họ chính là Tiên thiên khí (Ākāsha) của người Ấn Độ; ether được chấp nhận trong vật lý học chẳng qua chỉ là một trong các tế phân của nó trên cảnh giới của chúng ta tức *Tinh Tú Quang* của tín đồ Do Thái Bí giáo với tất cả mọi tác dụng tốt cũng như xấu.

Xét vì Tinh hoa của Hậu thiên khí (the Essence of Aether), tức Không Gian Vô Hình (Unseen Space), được xem như thiêng liêng cũng như là Bức Màn giả định của Thượng Đế (the supposed Veil of Deity) nên nó được xem như môi trường trung gian giữa kiếp này và kiếp sau. Cổ nhân cho là các Đấng Thông Tuệ lãnh đạo tích cực – các Thần Linh – triệt thoái khỏi bất cứ phần Dĩ Thái nào trong *Không gian của chúng ta*, tức là bốn lĩnh vực (realms) mà các Ngài giám sát, bấy giờ vùng đặc biệt này bị bỏ mặc cho phe ác (*evil*) vì nó không có yếu tố *Thiện* (*Good*).

Sự tồn tại của Tinh Thần trong Chất trung gian (Mediator) thông thường, tức chất Dĩ Thái, bị chủ nghĩa Duy vật chối bỏ; trong khi Thần học biến nó thành một Thượng Đế Nhân Hình (Personal God). Nhưng tín đồ Do Thái Bí giáo lại chủ trương rằng cả hai đều sai, y nói rằng trong Dĩ Thái, các Hành chỉ tiêu biểu cho Vật Chất, các Thần Lực Vũ Trụ mù quáng của Thiên Nhiên (the blind Cosmic Forces of Nature); trong khi Tinh Thần tiêu biểu cho Đấng Thông Tuệ điều động chúng. Các vũ trụ khởi nguyên luận của dân Aryan, Hermes, Orpheus và Pythagoras cũng như là của Sanchuniathon và Berosus đều dựa vào một công thức không thể nào bài bác được, đó là: “Hậu thiên khí và Hồng nguyên khí – tức Thần

Trí (Mind) và Vật Chất (Matter) theo lối nói của Platon – là hai nguyên khí tối sơ và vĩnh cửu của Vũ Trụ, hoàn toàn độc lập với bất cứ thứ nào khác.” Hậu thiên khí là nguyên khí trí tuệ làm linh hoạt vạn vật, trong khi Hồng nguyên khí là một nguyên khí lưu chất và vô hình, vô tri vô giác. Khi hai thứ trên kết hợp lại, Vũ Trụ - hay đúng hơn Thế Giới Đại Đồng. Thần Linh Bản sơ bán thư bán hùng (Androgynous Deity) – được sản sinh ra; Vật Chất Hỗn Mang (Chaotic Matter) trở thành Thể của nó còn Ether trở thành Linh Hỗn của nó. Theo lối nói trong một Áng văn của Hermes thì “Do kết hợp với Tinh Thần, Hồng nguyên khí,⁽¹⁾ tức Protogonos được tạo ra như thế đó.” Đó là Tam Nguyên vũ trụ (the universal Trinity) dựa vào các quan niệm siêu hình của Cổ nhân. Do lý luận bằng phép loại suy, Cổ nhân biến con người – vốn là tổng hợp của Trí Năng và Vật Chất – thành Tiểu Thiên Địa của Đại Thiên Địa.” ⁽²⁾

“*Thiên nhiên ghê sợ khoảng không*”(“*Nature abhors a Vacuum*”) đó là lời tuyên bố của những người theo Triết thuyết Tiêu dao (Peripatetics). Mặc dù theo đường lối duy vật, có lẽ họ cũng thấu triệt được lý do tại sao Democritus, cùng với sư phụ là Leucippus, lại dạy rằng các nguyên khí bản sơ của vạn vật trong Vũ Trụ là các Nguyên tử và *một chân không (a vacuum)*. Chân không chỉ có nghĩa là Thượng Đế *tiềm tàng* tức Thần Lực trước khi bắt đầu biểu lộ - tức là khi nó trở thành Ý CHÍ, truyền xung lực đầu tiên cho các nguyên tử này – đó là đại *Hư Không* (great *Nothingness*), Ain Soph, tức HƯ VÔ

¹ Trong Thuyết thần học của mình, Damascius gọi nó là Dis, “Đấng an bài vạn vật”. Trích từ *Các Áng Văn Cổ* của Cory, trang 314.

² *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, I, trang 341.

(NO-THING); và do đó, theo đủ mọi nghĩa, chính là Thái Không (Void) hay HỒNG NGUYÊN KHÍ.

58 Tuy nhiên, theo Plato và các môn đồ phái Pythagoras, Hồng nguyên khí này trở thành “Linh Hồn Vũ Trụ”. Theo Ấn Độ Giáo, Thượng Đế thẩm nhuần vạn vật dưới hình thức Hậu thiên khí hay Tiên thiên khí. Do đó, nó được các Thông thần gia (the Theurgists) gọi là “Sinh Hoả” (“Living Fire”), “Tinh Thần của Ánh Sáng” (“Spirit of Light”), và đôi khi được gọi là *Magnes*. Theo Plato, chính Đấng Thần Linh tối cao đã kiến tạo Vũ Trụ theo dạng hình học của Khối thập nhị diện (the Dodecahedron), và “Đấng bản lai” (“first-begotten”) của nó được sinh sản từ Hồng nguyên khí và Ánh Sáng Nguyên Thủy tức Mặt Trời Trung Ương. Tuy nhiên, Đấng “Bản Lai” (“First-Born”) này chỉ tập hợp Đại đoàn các “Đấng Kiến Tạo”, các Thần Lực kiến tạo bản sơ, trong các vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền, người ta gọi các Ngài là các *Đấng Tồi Cổ* (the *Ancients*), sinh ra từ Thái Uyên (the Deep) tức Hồng nguyên khí và “Huyền Điểm Bản Sơ” (“First Point”). Ngài chính là Tứ Linh Tự (the Tetragrammaton), đứng đầu Bảy Sephiroth hạ đẳng. Đó cũng là tín ngưỡng của dân Chaldea. Người Do Thái, Philo, khi đề cập một cách sàm sỡ tới các đạo sư đầu tiên của các tổ phụ mình, đã viết như sau:

Các người dân Chaldea này có ý kiến rằng Càn Khôn, trong đám vạn hữu [?], là một Điểm đơn giản, hoặc chính nó là Thượng Đế (Theos) hoặc cái bản thân nó là Thượng Đế, bao gồm cả Linh Hồn vạn vật”. (1)

¹ “Sự Di Cư của Abraham,” trang 32.

Hồng nguyên khí, Thượng Đế và Càn Khôn chẳng qua chỉ là ba trạng thái ⁽²⁾ của cái tổng hợp chúng lại tức KHÔNG GIAN. Nếu cứ chấp nê văn tự của các triết thuyết xưa và nay, người ta sẽ không tài nào giải được bí nhiệm của *Tứ linh diệu* này (this *Tetraktys*). Nhưng, cho dù HỒNG NGUYÊN KHÍ, THƯỢNG ĐẾ, CÀN KHÔN = KHÔNG GIAN, đều luôn luôn được đồng nhất hoá như là Không Gian Độc Nhất Vô Nhị bất khả tri, có lẽ là chúng ta không tài nào quán triệt được vấn đề này trước khi có cuộc Tuần Hoàn thứ Bảy (Seventh Round). Tuy nhiên, ngay cả trong Thánh kinh *Purāṇas* ngoại môn, các ẩn dụ và các biểu tượng siêu hình về KHỐI VUÔNG bản sơ *hoàn thiện* (the primeval and perfect CUBE) thật là đáng lưu ý.

Brahmā cũng là Thượng Đế, tiến hoá ra từ *Hồng nguyên khí*, tức là Thái Uyên, Thủy. Tinh thần = KHÔNG GIAN, được nhân cách hoá bởi các *ayana* [các thời kỳ] - Tinh Thần đang di chuyển trên mặt Càn Khôn vô biên vị lai – đang âm thầm lớn vồn trên mặt Thái Uyên, khi nó vừa tỉnh dậy. Nó cũng là Vishnu, ngủ trên con Ananta, Shesha, Đại Xà Vĩnh Cửu (the great Serpent of Eternity). Vì không biết tới Thánh kinh Do Thái Bí giáo, chìa khoá duy nhất giải được các bí nhiệm của *Thánh kinh*, nên thần học Tây phương mới biến Con Rắn này thành ra Ma Quỷ. Nó là *tam giác* bản sơ tức *tam nguyên* của Pythagoras, “Thượng Đế Ba Ngôi” (“God of the three Aspects”), trước khi nó được biến thành “tứ diện” Brahmā (the “four-faced” Brahmā), nhờ vào phép Cầu phương của Vòng Tròn Vô Cực. Đức Bàn Cổ, vốn là nhà soạn luật, đã dạy: “Về Đấng vốn Hiện Tồn và chẳng hiện tồn; Purusha (Tinh Thần) tức Hiện Tồn sinh ra từ Thái Không, Nguyên Nhân Vĩnh Cửu.

² [Trong ấn bản 1893 là “các biểu tượng.”]

Trong thần thoại Ai Cập, Kneph, Thượng Đế Vô Hiện Vĩnh Cửu (the Eternal Unrevealed God) được tượng trưng bởi biểu hiện của một con rắn vĩnh cửu quấn quanh cái vạc đựng nước, đầu rắn chòn vòn trên mặt nước; đang phà hơi để ấp ủ nước. Trong trường hợp này, Con Rắn là Agathodaimōn, Chon Linh Thiện Hảo (the Good Spirit), còn trong trạng thái đối nghịch, nó là Kakodaimōn, Vong Linh ác hiểm. Nó tiêu biểu cho việc dùng Nước sáng tạo ra Vũ Trụ và được coi như là nguyên khí sáng tạo tiêu cực trong các thần thoại ở phương Bắc. Trong tuyển tập thần thoại Edda của Bắc Âu, giọt mật, tức trái cây của các Thần Linh và là thành quả của các con ong sáng tạo bận rộn trên cây Yggdrasil, rơi xuống ban đêm, khi bầu khí quyển ẩm ướt. Giọt mật này là một trong các phối hợp của Tinh Tú Quang, và có tính chất sáng tạo, cũng như tính chất huỷ hoại. Trong huyền thoại của dân Chaldea về Berosus, Oannes hay Dagon, người cá giáo hoá dân chúng, vạch rõ rằng Thế giới hài đồng (the infant World) được sáng tạo ra từ Nước, và vạn hữu đều xuất phát từ Vật Chất Nguyên Thủy này. Moses dạy rằng chỉ có Thủy và Địa mới có thể khiến cho Linh Hồn tồn tại được. Còn trong các Thánh kinh, chúng ta đều thấy là cỏ không thể nào mọc được chừng nào mà Đấng Vĩnh Cửu chưa tạo ra mưa trên Trần Thế. Trong Thánh kinh Popol Vuh của Mễ Tây Cơ, con người được sáng tạo ra từ bùn hay đất lấy từ dưới Nước. Brahmā sáng tạo đại Muni, tức con người bản sơ (first man), chỉ ngự trên Toà sen sau khi đã khiến cho các vong linh – vốn có quyền ưu tiên tồn tại so với thể nhân – bắt đầu tồn tại, và Ngài dùng Thủy, Phong và Địa tạo ra chính mình. Các nhà luyện kim đan xác nhận rằng Hành Địa nguyên thủy, khi được phân giải thành chất liệu bản sơ, lại ở trong giai đoạn

biến hoá thứ nhì giống như là Nước trong giai đoạn biến hoá thứ nhất chính là Alkahest. Người ta nói là chất liệu nguyên thủy này bao hàm tinh hoa của mọi yếu tố cấu thành con người; nó bao hàm không những mọi yếu tố vật chất, mà lại còn “sinh khí” ở trạng thái tiềm tàng, sẵn sàng khơi hoạt. Nó kế thừa điều này do việc Tinh Thần của Thượng Đế “ấp ủ” trên mặt nước tức Hồng nguyên khí. Chính Paracelsus đã tự cho rằng mình có thể tạo ra các Người lùn (Homunculi) bằng chất liệu này; vì thế, triết gia tự nhiên lỗi lạc Thales mới chủ trương rằng Thuỷ là nguyên khí của vạn vật trong thiên nhiên ⁽¹⁾ ... Job dạy rằng các vật đã chết được tạo ra từ dưới Nước và các dân cư nơi đó. ⁽²⁾ Trong nguyên bản, thay vì “các vật chết” người ta lại viết là các Rephaim (Ma), các Người khổng lồ và các Người tối cổ hùng cường đã chết; một ngày kia, chúng ta sẽ truy nguyên được giống dân hiện nay của ta từ cuộc Tiến hoá của họ.”⁽³⁾

Trong quyển *Thần Thoại Ấn Độ* của Polier có nói: “Trong trạng thái sáng tạo nguyên thủy, vũ trụ sơ khai chìm ngập trong nước và yên nghỉ trong lòng của Vishnu. Xuất phát từ trạng thái hỗn mang và u minh này, Brahmā, kiến trúc sư của vũ trụ, ngự thẳng bằng trên một lá sen, nổi lênh bênh (di chuyển) trên mặt nước và chẳng thể nhận ra được gì ngoại

¹ Đối với người Hy Lạp, tất cả mọi “Hà Bá” (“River-Gods”) đều là con của Đại dương Bản sơ – tức Hồng nguyên khí trong thái dương – và lần lượt tổ phụ của giống dân Hy Lạp. Đối với họ, ĐẠI DƯƠNG là Cha của Chư Thiên, thế là về phương diện này, họ đã tiên liệu được các thuyết của Thales. Aristotle đã nhận xét điều này rất đúng. (*Siêu hình học*, Quyển I, trang 3-5.)

² Chương xxvi, 5.

³ *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, I, 133 - 134.

trừ nước và bóng tối.” Thấy một tình trạng sự vật đáng buồn như vậy, Brahmā bàng hoàng tự hỏi: “Ta là ai? Ta từ đâu ra?” Bấy giờ, Ngài nghe một tiếng nói vang lên: ⁽¹⁾“Hãy hướng tư tưởng tới Đấng Thế Tôn”. Đang ở tư thế bơi, Brahmā ngồi vùng dậy, tỉnh toạ trên toà sen để nhập định và tham thiền về Đấng Vĩnh Cửu. Hải lòng trước bằng chứng về lòng mộ đạo này, Đấng Vĩnh Cửu vén bức màn u minh bản sơ và khai trí Brahmā. “Sau đó Brahmā được xạ ra từ Vũ Trụ Noãn [Hồng nguyên khí Vô cực] như *ánh sáng*, vì nay Ngài đã được khai trí và Ngài bắt đầu công tác. Ngài *di chuyển* trên mặt Nước vĩnh cửu, bao hàm tinh thần của Thượng Đế trong mình, với tư cách Đấng *Di Chuyển* trên mặt Nước, Ngài chính là Vishnu tức *Nārāyaṇa*.”

60 Điều này dĩ nhiên là có tính cách ngoại môn, song ý tưởng chân chính của nó vẫn đồng nhất hết mức với vũ trụ khởi nguyên luận của Ai Cập. Trong các câu mở đầu, vũ trụ khởi nguyên luận của Ai Cập đã trình bày Athtor tức Mẫu Dạ (Mother Night), tiêu biểu u minh vô tận, như là yếu tố bản sơ bao trùm vực sâu vô tận, được Thủy và tinh thần vũ trụ của Đấng Vĩnh Cửu làm cho linh hoạt, một mình ngự trong Hồng nguyên khí. Cũng vậy, trong các Thánh kinh của dân Do Thái, lịch sử sáng tạo mở màn với Tinh Thần của Thượng Đế và Phân thân sáng tạo của Ngài – Một Thần Linh khác. ⁽²⁾

¹ “Tinh Thần ” tức tiếng nói ẩn tàng của các *Thần chú*, biểu lộ tích cực của Tiềm Lực, tức mãnh lực huyền linh.

² Chúng tôi không có ý nói đến *Thánh kinh* thường dùng hay được chấp nhận, mà là Thánh kinh Do Thái thực sự, nay được giải thích theo Do Thái Bí giáo.

Thánh kinh *Zohar* dạy rằng chính các yếu tố bản sơ – Tam nguyên Hoả, Phong và Thuỷ - bốn phương hướng, và tất cả mọi Thần Lực của Thiên Nhiên, khi xét chung lại, hợp thành TIẾNG NÓI của Ý CHÍ, *Memrab*, tức “Huyền Âm,” Thượng Đế của TỔNG THỂ Thanh Tịnh Tuyệt Đối (the Absolute Silent ALL). “Điểm bất khả phân, vô biên và bất khả tri” trải ra khắp không gian, và như thế tạo thành một bức màn, Hỗn nguyên khí (Mûlaprakriti) của Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) đang che giấu Điểm Tuyệt Đối này.

Trong vũ trụ khởi nguyên luận của mọi quốc gia, chính các “Kiến Trúc Sư” – tổng hợp lại thành Đấng Tạo Hoá, trong *Thánh kinh* gọi là Elohim tức Alhim – tạo ra Càn Khôn từ Hỗn nguyên khí và là *Tập Thân* (*Theos*) thụ hùng, Tinh Thần và Vật Chất. “Nhờ vào một loạt (*yom*) của nền tảng (*hasoth*), Alhim đã khiến cho trời và đất tồn tại được”⁽¹⁾. Trong *Sáng Thế Ký*, trước hết là Alhim, rồi tới Jahva-Alhim và cuối cùng là Jehovah – sau khi có sự phân chia giới tính ở chương thứ tư. Nên lưu ý ngoại trừ trong các vũ trụ khởi nguyên luận *sau này* hay đúng hơn là cuối cùng của Giống dân thứ Năm (Fifth Race), về vấn đề sự Sáng Tạo Vũ Trụ, không ở đâu mà ta tìm thấy được DANH XƯNG không thể phát âm (unutterable NAME)⁽²⁾ – biểu tượng của Thượng Đế Bất Khả Tri vốn chỉ được sử dụng trong các BÍ PHÁP (MYSTERIES) – Đó là các Đấng Chuyển Động (the Movers), Chạy Nhảy (the Runners), tức

¹ Xem *Sáng Thế Ký*, ii, 4.

² Nó “không phát âm được” vì lý do đơn giản là nó không tồn tại. Nó *chẳng bao giờ* là một *danh xưng* hoặc là một *từ ngữ* gì cả, mà chỉ là một ý niệm không bao giờ có thể diễn đạt được. Người ta đã tạo ra một thứ thay thế cho nó trong thế kỷ trước kỷ nguyên của chúng ta.

các Thần Linh (the Theoi) thi hành công tác đào tạo, các “Sứ giả” (“Messengers”) của Thiên Luật của Chu Kỳ Khai Nguyên (Manvantaric Law) nay trở thành các “Sứ giả” của Thiên Chúa giáo (Malachim). Trong Ấn Độ giáo hoặc Bà La Môn giáo, hình như cũng thế. Vì trong Thánh kinh *Rig Veda*, Đấng Sáng Tạo không phải là Brahmā mà chính là các Prajāpatis, các “Đấng Hiện Tồn” (“Lords of Being”), các Ngài cũng là các *Thánh Hiền* (*Rishis*). Theo Giáo sư Mahadeo Kunte, từ ngữ Thánh Hiền vốn có liên quan tới từ ngữ di chuyển, đưa đến, được áp dụng cho các Ngài xét về tính cách thế tục, khi các Ngài dẫn dắt Quần chúng tới Bảy Con Sông (the Seven Rivers).

Thêm nữa, từ ngữ “Thần” (“God”) khi dùng ở dạng số ít, bao hàm tất cả Chư Thần (the Gods) tức Theoi – đã đến với các quốc gia văn minh hàng đầu từ một nguồn gốc kỳ lạ, nguồn gốc này cũng hoàn toàn có tính cách sùng bái sinh thực khí, chẳng khác nào tượng dương vật trắng trơn Lingam của dân Ấn Độ. Người ta không còn ra sức gán cho *Thượng Đế* là chuyển hoá từ của tiếng *Anglo-Saxon Tốt* (*Good*), vì trong các ngôn ngữ khác, từ tiếng Ba Tư *Khoda* cho tới tiếng La Tinh *Deus* người ta đã không hề tìm thấy rằng danh xưng của *Thượng Đế* bắt nguồn từ thuộc tính *Tốt đẹp* (*Goodness*). Đối với dân La Tinh, nó bắt nguồn từ tiếng *Ấryan Dyaus* (Ngày – the Day); đối với dân Slave, nó bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp *Bacchus* (*Bagh-bog*); và đối với dân Saxon, nó trực tiếp bắt nguồn từ tiếng Hebrew *Yod* hay *Jod*. *Jod* là chữ số 10, thư hùng (male anh female), còn *Yod* là cái móc câu (*hook*) có tính cách sùng bái sinh thực khí. Vì thế, mới có tiếng Saxon *Godh*, tiếng Đức *Gott* và tiếng Anh *God*. Người ta có thể nói rằng từ ngữ biểu tượng này tiêu biểu cho Đấng Sáng Tạo ra phần Vật

Chất của Nhân Loại (the Creator of Physical Humanity) trên cõi trần, nhưng chắc chắn rằng nó chẳng có gì liên quan tới Sự Đào Tạo, hay “Sáng Tạo” ra hoặc Tinh Thần, hoặc là Chư Thần hay Càn khôn?

Hồng nguyên khí-Thượng Đế-Càn Khôn, tức Thượng Đế Tam Phân (the Triple Deity) là *tổng thể trong tổng thể (all in all)*. Do đó, người ta nói rằng nó thì thư và hùng, thiện và ác, tích cực và tiêu cực, và hàng loạt các tính chất đối lập khác. Khi tiềm tàng trong Chu kỳ Hỗn Nguyên (Pralaya), nó thật là bất khả tư nghị và trở thành Thượng Đế Bất Khả Tri. Người ta chỉ có thể biết được nó khi nó đang hoạt động tích cực như là Vật Chất-Thần Lực và Tinh Thần *sống động*, các tương hệ và hệ quả, hay biểu hiện trên cảnh giới hữu hình của Nhất Nguyên tối hậu, bất khả tri và bao giờ cũng tồn tại.

Đến lượt Đơn Vị Tam Phân này (this Triple Unit) lại tạo ra Tứ Đại Bản Sơ (the Four Primary Element).⁽¹⁾ Trong Thiên Nhiên hữu hình trần thế của chúng ta, chúng được biết như là Thất Hành (đến nay chỉ mới có ngũ), mỗi Hành có thể được chia làm bốn mươi chín – bảy lần bảy - trong đó có khoảng bảy mươi nguyên tố quen thuộc với hoá học. Mọi Hành Vũ Trụ, như là Phong, Hoả, Thuỷ, Địa đều có các đặc tính và các khuyết điểm của Hành Sơ Thuỷ, đều có bản chất Thiện và Ác, Sức Mạnh hay Tinh Thần và Vật Chất v.v....; do

¹ Theo Josephus (*Di Tích Cổ*, 1, viii, Chương xxii) Thánh Điện Vũ Trụ mà Moses dựng lên trong sa mạc tượng trưng cho Tứ Phương và Tứ Đại (the four Cardinal Points and the four Elements). Ý tưởng này xuất phát từ các Kim Tự Tháp ở Ai Cập, cũng như là ở hải cảng Tyre, nơi mà các Kim Tự Tháp này trở thành các trụ (pillars). Chư Thần hay Chư Thiên đều lần lượt ngự ở bốn phương này.

đó, mỗi Hành đồng thời vừa là Sự Sống vừa là Sự Chết, vừa là Sức Khỏe vừa là Bệnh Tật, vừa là Tác Động, vừa là Phản Động. Bị thúc đẩy không ngừng bởi Hành Độc Nhất Vô Nhị, Bất Khả Tư Nghị (được tiêu biểu bởi Hậu thiên khí trong thế giới hiện tượng) chúng bao giờ cũng tạo thành Vật Chất. Đó là “Chư thần bất tử sản sinh ra và bảo dưỡng vạn vật.”

Trong các *Tác phẩm Triết học của Solomon Ben Yehudah Ibn Gebirol*, khi bàn về cấu trúc Vũ Trụ, người ta dạy là:

R. Yehudah bắt đầu viết: “Elohim phán: Hãy có lấy một bầu trời ở giữa nước.” (*Sáng Thế Ký I,6*). Xem nào! Vào lúc mà Đấng Thánh Linh (Holy)...sáng tạo ra thế giới, Ngài đã sáng tạo 7 tầng trời ở Trên. Ngài đã sáng tạo ra 7 tầng đất ở Dưới, 7 đại dương, 7 con sông, 7 tuần, 7 năm, 7 thời gian và 7 000 năm tồn tại của thế giới ... Đấng Thánh Linh ở nơi ngàn năm thứ bảy.⁽¹⁾

62 Ngoài việc tỏ ra đồng nhất một cách kỳ diệu với vũ trụ khởi nguyên luận của Thánh kinh *Purāṇas*,⁽²⁾ điều này còn bổ chứng cho tất cả mọi giáo lý của chúng ta liên quan tới số bảy, như được trình bày một cách ngắn gọn trong *Phật Giáo Bí Truyền*.

Dân Ấn Độ có vô số ẩn dụ để diễn đạt ý niệm này. Cả Amrita, tức Bất Tử và Visha tức Chất độc, Sự chết, Điều ác đều ẩn tàng trong Hồng nguyên khí Bản sơ, trước khi mà nó bắt đầu phát triển thành ra Sapta Samudra, tức là Bảy Đại dương – là biểu hiện của Bảy Gunas, tức các Đặc tính có điều

¹ Thánh kinh *Do Thái Bí giáo*, của Isaac Myer, xuất bản năm 1888, trang 415

² Chẳng hạn như trong Thánh kinh *Vishnu Purāṇas*, Quyển I, Tập I.

kiện, được hợp thành bởi ba Gunas (Hoà, Động, Tĩnh – Sattva, Rajas, Tamas). Người ta thấy điều này ẩn dụ về việc Chư Thần khuấy động Đại dương. Amrita (Cam lộ) không bị Guna (Bản lai tính) nào chi phối, vì bản thân nó có tính chất vô điều kiện, nhưng một khi bị lôi cuốn vào sự sáng tạo các hiện tượng, nó trở nên bị trộn lẫn với Ác, tức Hồng nguyên khí, với Thượng Đế tiềm tàng trong nó trước khi mà Càn Khôn tiến hoá. Vì thế ta thấy là Vishnu, hiện thân của Chánh pháp bất diệt, cứ đều đều khiến cho Càn Khôn bước vào hoạt động một cách tuần hoàn. Nói theo lối ẩn dụ, từ Đại dương sơ khai Hồng nguyên khí vô biên, Ngài gạn lọc ra Cam lộ trường sinh, chỉ dành cho Chư Thần và Chư Thiên, và để thực hiện công tác này, Ngài phải dùng tới các Nāgas (Rắn) và Asuras (A-tu-la) tức Chư Thần Quỷ trong Ấn Độ giáo ngoại môn. Toàn bộ ẩn dụ này có ý nghĩa triết học rất thâm sâu; thật vậy, chúng ta thấy nó được lặp đi lặp lại trong mọi triết hệ cổ truyền. Nó có mặt trong triết hệ của Plato, ông đã hoàn toàn kế thừa các ý niệm mà Pythagoras đã du nhập từ Ấn Độ, sưu tập và xuất bản chúng dưới một hình thức dễ hiểu hơn là các chữ số bí nhiệm nguyên bản của nhà hiền triết Hy Lạp. Như thế, đối với Plato; Càn Khôn là “Con;” Cha, Mẹ của nó là Tư Tưởng Thiên Linh và Vật Chất. ⁽¹⁾

Dunlap cho rằng: “Người Ai Cập phân biệt một Horus Già và một Horus Trẻ; Horus Già là *anh* của Osiris; Horus Trẻ là *Con* của Osiris và Isis.” ⁽²⁾ Horus thứ nhất là Ý niệm về Thế giới vẫn còn trong Trí của Đấng Tạo Hoá “được sinh ra trong U Minh trước khi Thế giới được Sáng Tạo ra.” Horus thứ nhì

¹ Plutarch, *Về Iside và Osiride*, Ivi.

² Các *Di Tích của Lịch Sử Tinh Thần Con người*, của S. F. Dunlap, trang 189 (xuất bản năm 1858).

là “Ý niệm” này được *Thượng Đế* xạ ra, khoác lấy vật chất và thực sự tồn tại. ⁽³⁾

Sấm giảng của dân Chaldea đề cập tới Thượng Đế Vũ Trụ, vĩnh cửu, vô biên, trẻ và già, có hình cong queo. ⁽⁴⁾ Hình “cong queo” (“winding form”) này là một hình ảnh để diễn đạt chấn động của Tinh Tú Quang, nó hoàn toàn quen thuộc với các giáo lý cổ truyền, mặc dù danh xưng “Tinh Tú Quang” bị các môn đồ của St.Martin chế ra.

Khoa học hiện đại đã giấu cợt các điều mê tín dị đoan của sự sùng bái vũ trụ. Tuy nhiên, theo lời khuyến cáo của một nhà bác học Pháp, trước khi cười nhạo nó, khoa học nên “hoàn toàn hiệu chỉnh lại hệ thống giáo dục vũ trụ linh vật học của mình” (cosmo-pneumatological education). Lắm lời song lại chẳng có ý nghĩa bao nhiêu (Many words but little sense). Giống như Phiếm thần luận, sự sùng bái vũ trụ khi được trình bày sau rốt, sẽ phải được trình bày tương tự như kiểu Thánh kinh *Purāṇas* mô tả Vishnu:

Ngài chỉ là nguyên nhân lý tưởng của các mãnh lực được sáng tạo ra; các mãnh lực được sáng tạo này xuất phát từ Ngài, sau khi chúng đã trở thành nguyên nhân có thực. Ngoại trừ nguyên nhân lý tưởng độc nhất vô nhị này, từ ngữ trên không thể nhắm nói tới một thứ nào khác ...Mọi tạo vật đều xuất hiện – theo bản chất – nhờ vào mãnh lực của nguyên nhân này. ⁽¹⁾

³ Movers, *Phoinizer*, 268.

⁴ *Các Áng Văn Cổ* của Cory, trang 240.

¹ *Vishnu Purāṇas*, Quyển I, trang 66.

TIẾT 5

VỀ THƯỢNG ĐẾ ẨN TÀNG, CÁC BIỂU TƯỢNG VÀ HÌNH TƯỢNG CỦA NGÀI

(ON THE HIDDEN DEITY, ITS SYMBOLS AND GLYPHS)

TA phải truy nguyên tới tận cội nguồn tối hậu và Bản Thể của Thượng Đế (the Logos), tức Đấng Thánh Linh Sáng Tạo (Creative Deity), “Linh từ lâm phàm” (“Word made Flesh”) của mọi tôn giáo. Ở Ấn Độ, nó là một con Quái vật (Proteus) biến hình có tới 1 008 danh xưng và trạng thái thiêng liêng mỗi khi biến hoá *nhân cách*, từ Brahmā-Purusha, qua Bảy Thánh Hiền *thiên liêng* (the Seven *divine* Rishis) và Mười Prajāpatis *bán* thiêng liêng (cũng là Thánh Hiền), xuống mãi tới các Hoá Thân *thần nhân* (the *divine-human* Avatāras). Người ta cũng thấy vấn đề làm điên đầu này (the same puzzling problem) của “Nhất nguyên trong đa nguyên” trong các đền thờ của Chư Thần khác. Tại Ai Cập, Hy Lạp và Chaldea-Judea, các đền thờ Chư Thần vốn hỗn độn lại còn hỗn độn hơn nữa, khi trình bày Chư Thần – như là việc lịch sử hoá thần thoại – dưới hình thức các Tộc Trưởng (Patriarchs). Các Tộc Trưởng này nay đã được chấp nhận bởi những người không xem Romulus là một thần thoại và được tượng trưng như là các thực thể *lịch sử* sống động. Đối với kẻ sáng suốt thì một lời cũng đủ rồi!

Trong Thánh kinh *Zohar*, Ain Soph cũng là Nhất Nguyên Vô Cực (the Infinite Unity). Rất ít các Đức Cha có học của giáo hội biết được điều này, họ biết rằng Jehovah

không phải là thần linh “cao cả nhất,” mà chỉ là một Mãnh Lực kém cỏi (*a third-rate Potency*). Nhưng trong khi phàn nàn một cách cay đắng về các tín đồ phái Ngộ Đạo (the Gnostics), và nói rằng: “Các giáo sĩ đối lập của ta chủ trương rằng PROPATÔR chỉ quen thuộc với đứa con DUY NHẤT (the ONLY-BEGOTTEN son) ⁽¹⁾ [đó là Brahmā] nghĩa là với Thần Trí [Nous],” trong Thánh thư *bí nhiệm* thực sự của mình, Irenaeus đã không thể nêu lên được rằng người Do Thái cũng như vậy. Valentinus, “nhà bác học có kiến thức uyên bác nhất của phái Ngộ Đạo”, đã chủ trương rằng có một Aiôn hoàn thiện tồn tại trước Thái Uyên (Bythos) [Tổ phụ bản sơ của thiên nhiên khôn dò (the first Father of unfathomable nature), vốn là Thượng Đế Ngôi Hai (the Second Logos)] được gọi là Propatôr. Chính Ain Soph, vốn *không sáng tạo* ra AIÔN này, còn AIÔN thì sáng tạo, hay đúng hơn thì vạn vật đều được sáng tạo ra hay tiến hoá ra qua Aiôn. Vì môn đồ phái Basilides dạy rằng: “Có một Thần Linh Tối Cao tức *Abrasax*, Ngài tạo ra Bản Trí (Mind) [tiếng Bắc Phạn là *Mahat*; tiếng Hy Lạp là *Nous*]. Từ Bản Trí xạ ra Huyền Âm (the Word), tức *Thượng Đế*; từ Huyền Âm xạ ra Thiên Hựu (Providence) [đúng hơn là Linh Quang – Divine Light], rồi từ nó xạ ra Đức Hạnh và Minh Triết nơi các Thiên Thần Vương Tước (Principalities), Quyền Lực (Powers), Chư Thiên (Angels) 65 v.v.... 365 Phân thân (Aeons) được các Thiên Thần sáng tạo ra. “Thật vậy, trong số những Đấng thấp nhất và tạo ra thế giới này, Ngài [Basilides] xếp hàng chót trong tất cả mọi Thần Linh của dân Do Thái, họ không chịu xem Ngài là Thần

¹ Cũng như Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti) chỉ quen thuộc với Īshvara, Thượng Đế (Subha Row gọi Ngài như vậy).

Linh [điều này rất đúng] và khẳng định rằng Ngài là một trong các Thiên Thần”.

Ở đây, chúng ta cũng thấy một hệ thống như là trong Thánh kinh *Purānas*, trong đó, Đấng bất khả tri thả xuống một Mầm mống, nó trở thành Kim Noãn, Brahmā được tạo ra từ Kim Noãn này. Brahmā tạo ra Toàn Linh Trí (Mahat) v.v.... Tuy nhiên, Nội môn Bí giáo chân chính chẳng hề nói về sự “sáng tạo” hay sự “tiến hoá” theo nghĩa được dùng trong các tôn giáo ngoại môn. Tất cả mọi quyền lực được nhân cách hoá này không tiến hoá từ một thứ khác, mà chỉ là nhiều trạng thái của biểu lộ duy nhất của TỔNG THỂ TUYỆT ĐỐI (THE ABSOLUTE ALL).

Cũng một hệ thống giống như vậy, chẳng hạn như hệ thống các Phân thân của phái Ngộ Đạo, chiếm phần ưu thắng nơi các trạng thái Sephiroth của Ain Soph. *Khi các trạng thái này biểu lộ trong Không gian và Thời gian*, các sự xuất hiện lần lượt của chúng đều duy trì được một trật tự nào đó. Do đó, chúng ta không thể không lưu ý tới những thay đổi lớn lao trong Thánh kinh *Zohar* khi được các thế hệ Huyền học gia Thiên Chúa giáo thuyết minh. Vì ngay cả trong siêu hình học của bộ luật Do Thái *Talmud*, người ta không bao giờ có thể đặt “Hạ Dung” (“Lower Face”) hay “Tiểu Dung” tức Microprosopus, trên cùng một cảnh giới lý tưởng trù tượng như là “Thượng Dung” hay “Đại Dung” tức Macropropousus. Trong *Thánh kinh* Do Thái Bí giáo của dân Chaldea, Đại Dung là một huân hư thuần túy, Huyền Âm hay THƯỢNG ĐẾ hay DABAR trong tiếng Hebrew. Mặc dù thật sự là trở thành một số nhiều, Từ ngữ hay các “Từ ngữ” D (a) B (a) R (i) M, khi phản ánh hay biến thành trạng thái của một tập đoàn (Thiên Thần hay Sephiroth – “Số Mục”) xét chung vẫn còn ĐƠN NHẤT (ONE), và trên cảnh giới lý tưởng, nó là con số không (a

nought), O , Hư không (No-thing). Nó vô hình vô hiện và “không hề giống với bất cứ thứ nào khác”. ⁽¹⁾ Và ngay cả Philo cũng gọi Đấng Tạo Hoá là THƯỢNG ĐẾ đứng hàng kế Đấng Thánh Linh, “ĐẤNG THÁNH LINH THỨ NHÌ” (the LOGOS who stands next God, the “SECOND GOD”, khi ông đề cập đến “Đấng Thần Linh thứ nhì, Ngài là MINH TRIẾT của Đấng Thần Linh Tối Cao.” ⁽²⁾Thượng Đế không phải là Đấng Thần Linh (Deity is not God). Đó là CHÂN KHÔNG và U MINH (It is NOTHING, and DARKNESS). Ngài không có danh xưng và do đó được gọi là Ain Soph, từ ngữ “*Ayin* có nghĩa là chân không.” ⁽³⁾ “Đấng Thần Linh Tối Cao,” Thượng Đế Vô Hiện là Con của Ngài (the Unmanifested Logos, is Its Son).

Hầu hết các hệ thống của phái Ngộ Đạo (the Gnostic systems) còn chưa được truyền lại cho chúng ta, vốn bị Đức Cha của Giáo hội cắt xén bớt đi, chẳng còn gì khác hơn là các lớp vỏ méo mó lệch lạc của các điều suy đoán về nguyên bản. Hơn nữa, chúng cũng không bao giờ được *công bố* cho công chúng, vì nếu ý nghĩa ẩn tàng hay nội môn bí giáo của chúng mà được tiết lộ, nó sẽ không còn là giáo lý nội môn nữa, và điều này sẽ không bao giờ xảy ra. Marcus, lãnh tụ của các môn đồ phái mang tên ông, đã đạt đến tột đỉnh vinh quang vào giữa thế kỷ thứ nhì, và đã dạy rằng ta phải xét Thượng Đế theo biểu tượng *bốn vần* (*four syllables*) – đã ban ra nhiều giáo lý nội môn hơn bất cứ tín đồ phái Ngộ Đạo nào khác. Nhưng ngay cả ông ta cũng chẳng bao giờ quán triệt được hết. Vì chỉ khi nào thuyết minh tác phẩm: “*Thiên khai* của ông

¹ Franck, *Thánh kinh Do Thái Bí giáo*, trang 126.

² Philo, *Vấn và Giải*.

³ Franck, sách đã dẫn, trang 153. Xem thêm Tiết 12 “Thần phổ học và các Thần Linh Sáng Tạo”

một cách hời hợt theo lối chấp nê văn tự thì Thượng Đế mới hình thành như là một Tứ Nguyên, tức là “Đấng Huý Ky, Thanh Tĩnh, Từ Phụ và Chân Lý” (“the Ineffable, the Silence, the Father, and Truth”). Thực ra, điều này hoàn toàn sai lầm và chỉ phổ biến thêm một vấn đề bí hiểm còn bí hiểm hơn nữa. Giáo lý này của Marcus cũng là giáo lý của các tín đồ Do Thái Bí giáo thời sơ khai và cũng là giáo lý của chúng ta. Vì ông gán cho Thượng Đế số 30, *với bốn vân*, nếu được dịch theo cách nội môn, chúng có nghĩa là một Tam Nguyên (a Triad) hay một *Tam giác (Triangle)*, và một Tứ Nguyên (Quaternary) hay một Hình vuông (Square), tổng cộng là *bảy*; trên cảnh giới thấp, chúng hợp thành bảy chữ bí nhiệm hay thiêng liêng cấu thành danh xưng của Thượng Đế. Điều này cần phải được chứng minh. Trong tác phẩm *Thiên khải (Revelation)*, khi đề cập tới các bí nhiệm thiêng liêng được diễn đạt nhờ vào các chữ và các con số, Marcus đã tường thuật làm sao mà “Tứ Nguyên Tối Cao giáng xuống ông *với một hình hài nữ*, từ vùng vô danh vô hình – *vì thế giới không thể có dáng vẻ nam nhi* – và thiên khải cho ông “sự sinh hoá vũ trụ,” điều mà *từ trước đến nay* chưa hề được tiết lộ cho cả Thần lẫn người.”

Câu thứ nhất đã có một ý nghĩa kép rồi. Tại sao thế giới lại dễ khoác lấy một dáng vẻ nữ hơn là một dáng vẻ nam trong khi xuất hiện? Xét một cách hời hợt, điều này hình như thật là vô nghĩa. Nhưng đối với kẻ nào đã quen thuộc với Ngôn ngữ Bí nhiệm thật là hoàn toàn rõ ràng và đơn giản. *Nội môn Bí giáo (Esoteric Philosophy)*, tức là Minh Triết Huyền Bí (the Secret Wisdom), được tượng trưng bằng một hình hài nữ, trong khi dáng vẻ nam tượng trưng cho Bí nhiệm *Ẩn tàng (Unveiled Mystery)*. Vì thế, khi chưa sẵn sàng đón dáng vẻ nam, thế giới không thể khoác lấy nó được và Marcus đã

trình bày tác phẩm “Thiên Khải” của mình một cách ẩn dụ. Do đó ông cho rằng:

Khi mà thoát tiên Cha nó [của Tứ Nguyên]... Đấng Bất Khả Tư Nghị, Vô hiện, Vô giới tính [Ain Soph của Do Thái Bí giáo] muốn rằng Đấng Huý Kỵ (Ineffable) của nó [Thượng Đế Ngôi Một, tức Phân Thân –Aeon] phải được sinh ra và Đấng Vô Hình của nó (Its Invisible) phải được khoác lấy hình hài. Nó đã mở miệng (Its mouth opened) và thốt ra Huyền Âm giống như chính Nó. Huyền Âm này (Thượng Đế) gần như biểu lộ được chân tướng của nó và biểu lộ nơi hình hài của Đấng Vô Hình. Nay tới việc thốt ra [Huý] Danh [thông qua Huyền Âm] theo lối này. Nó [Thượng Đế Tối Cao] đã thốt ra Từ ngữ đầu tiên của Danh xưng nó,... đó là sự phối hợp [vần] của *bốn* yếu tố [chữ]. Rồi sự phối hợp thứ hai (cũng là *bốn* yếu tố) được thêm vào. Rồi tới sự phối hợp thứ ba, gồm có *mười* yếu tố; và sau đó từ ngữ thứ tư được thốt ra, nó bao gồm *mười hai* yếu tố. Như thế, sự thốt ra toàn bộ Danh xưng gồm có *ba mươi* yếu tố và *bốn* phép phối hợp. Mỗi yếu tố có các chữ, đặc tính, cách phát âm, nhóm và các yếu tố tương cận của riêng nó; nhưng không một yếu tố nào biết được hình dáng của cái bao hàm nó, mà cũng chẳng hiểu được cách phát âm của yếu tố lân cận nó, nó chỉ hiểu được những gì mà mỗi yếu tố trỗi lên, khi trỗi lên tất cả những gì [có thể được] mà nó nghĩ là cần để kêu gọi tổng thể ... Chúng là các âm thanh biểu lộ dưới hình thức Đấng Phân Thân Vô hiện và Bất khả sinh hoá và đó là các hình hài được gọi là các Thiên Thân, đang luôn luôn chiêm ngưỡng gương mặt của Từ Phụ (Father),⁽¹⁾ [Thượng Đế, “Đấng Thần Linh Thứ Nhì,” xếp

¹ “Bảy Thiên Thân Thánh Dung,” đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo.

hàng kế Đấng Thần Linh “Bất Khả Tư Nghị” (“Inconceivable”), theo Philo]. ⁽¹⁾

67 Nội môn bí giáo cổ truyền đã cố gắng trình bày nó giản dị hết mức như thế đó. Nó cũng như Thánh kinh Do Thái Bí giáo, mặc dù ít bí ẩn hơn Thánh kinh *Zohar*; trong Thánh kinh này, các danh xưng hay các thuộc tính huyền nhiệm cũng là các từ ngữ có bốn, mười hai, bốn mươi hai và thậm chí cả bảy mươi hai vần nữa! *Tứ nguyên* chứng tỏ cho Marcus CHÂN LÝ nơi hình hài của một phụ nữ khoả thân, và đặt tên bằng chữ cho mọi chi của hình này, gọi đầu là A Ω, cổ là B ψ, vai và tay là Γ X, v.v... chúng ta nhận ra dễ dàng Sephira trong vấn đề này, đầu hay Đỉnh, *Kether*, được đánh số 1; não hay Chokmah, số 2; Tâm hay Trí, Binah số 3; và bảy Sephiroth khác tượng trưng cho các chi của cơ thể. Cây Sephiroth là Vũ Trụ, Adam Kadmon (Thiên Đế) tượng trưng cho nó ở phương Tây, cũng như Brahmā tượng trưng cho nó ở Ấn Độ.

Ở khắp nơi, mười Sephiroth đều được trình bày như là chia thành *Tam Nguyên* thượng Tinh Thần và Thất Nguyên hạ. Ý nghĩa nội môn chân chính của con số Bảy linh thiêng, mặc dù được ẩn giấu khéo léo trong Thánh kinh *Zohar*, vẫn tình cờ bị tiết lộ bởi hai cách viết từ ngữ “Thoạt đầu – in the Beginning” tức *Berasheeth* và *Be-raishath*, cách viết sau có nghĩa là “Minh Triết Thượng Đẳng” (“Higher, or Upper Wisdom”). Theo S.L. Mac Gregor Mathers ⁽²⁾ và Isaac Myer ⁽³⁾ cả hai tín đồ Do Thái Bí giáo này đều được các giới có thẩm quyền nhất thời xưa ủng hộ, các từ ngữ này có một ý nghĩa kép và bí nhiệm. *Braisheet barah Elohim* có nghĩa là sáu

¹ *Philosophumena*, vi, 42.

² Xem *Vén Màn bí mật Thánh kinh Do Thái Bí giáo*, trang 47.

³ Xem *Thánh kinh Do Thái Bí giáo* của Myers, trang 233.

Sephira, phía trên có Sephira thứ *bảy*, thuộc về giai cấp vật chất hạ đẳng, hoặc theo lối nói của tác giả: “Bảy ... được áp dụng cho Tạo Vật Hạ Đẳng, và Ba được áp dụng cho Con Người Tinh Thần, Adam Nguyên kiểu Thiên giới, tức là Adam bản sơ.”

Khi các nhà Minh Triết Thiêng Liêng và các nhà Huyền bí học bảo rằng Thượng Đế chẳng phải là THỰC THỂ (BEING), vì Nó (It) là Chân Không (Nothing, NO-THING), đứng về mặt tôn giáo, họ còn tỏ ra tôn kính Thượng Đế hơn là những kẻ gọi THƯỢNG ĐẾ là NGÀI (HE), và như thế biến Ngài thành một Đấng NAM NHI vĩ đại.

Kẻ nào đã từng nghiên cứu *Thánh kinh* Do Thái Bí giáo, chẳng mấy chốc sẽ phát giác được ý niệm giống như vậy trong tư tưởng tối hậu của tác giả, tức các đại Điểm đạo đồ người Hebrew thời sơ khai, các Ngài được các Đạo Trưởng người Chaldea truyền thụ cho Minh Triết Bí Nhiệm này ở xứ Babylonia, cũng như Moses được truyền thụ đạo pháp ở Ai Cập. Chúng ta không thể thẩm định đúng đắn về hệ thống Thánh kinh *Zohar* dựa vào các bản dịch sau này ra tiếng La Tinh và các ngôn ngữ khác, khi mà các ý tưởng chứa đựng trong đó đã được linh động biến cải cho thích hợp với quan điểm và chính sách của các tín đồ Thiên Chúa giáo hiệu đính nó; vì các ý tưởng nguyên bản của nó đều đồng nhất với các ý tưởng của mọi hệ thống tôn giáo khác. Nhiều vũ trụ khởi nguyên luận khác nhau chứng tỏ rằng mọi quốc gia cổ sơ đều xem Linh Hồn Vũ Trụ như là “Thần Trí” (“Mind”) của Đấng Tạo Hoá; tín đồ phái Ngộ Đạo gọi nó là Từ Mẫu, *Sophia*, tức Minh Triết âm; người Do Thái gọi nó là *Sephira*; người Ấn Độ gọi nó là Sarasvatī hay Vāch; *Thánh Thân* cũng là một Nguyên Khí âm (*Holy Ghost also being a female Principle*).

68 Vì thế, đối với người Hy Lạp, Thượng Đế, tức *Kurios*, vốn được nó sinh ra, chính là “Đấng Thần Linh, Bản Trí” (*Nous*). Trong *Cratylus*, Plato dạy: “Nay Koros (*Kurios*)...[có nghĩa là] bản chất thuần túy của trí năng [Minh Triết]; và *Kurios* là Thủy Tinh (*Mercurius*, *Mar-kurios*), Minh Triết Thiên Liêng, và “Thủy Tinh là Sol [Mặt Trời],⁽¹⁾ Thot-Hermes được Ngài truyền thụ cho Minh Triết Thiên Liêng này. Trong khi mà các vị Thượng Đế của mọi xứ sở và tôn giáo đều tương hệ xét về khía cạnh tính dục – với Linh Hồn âm của Thế giới, tức là “Thái Uyên” (“Great Deep”), Đấng Thần Linh, Luỡng Nguyên trong Nhất Nguyên này phát sinh từ đó. Thái Uyên này bao giờ cũng ẩn khuất và được gọi là Đấng Ẩn Tàng (the Hidden One); nó chỉ liên hệ gián tiếp với “Sự Sáng Tạo,”⁽²⁾ vì nó chỉ có thể tác động qua Thần Lực Luỡng Phân xuất phát từ Bản Thể Vĩnh Cửu. Theo các tác giả cổ điển thời xưa, ngay cả Aesculapius, vốn được gọi là “Đấng Cứu Rỗi vạn hữu” (“Saviour of all”), cũng đồng nhất với Thần Ai Cập Ptah, Trí Năng Sáng Tạo, tức Minh Triết Thiên Liêng, và đồng nhất với chư thần Apollo, Baal, Adonis và Hercules.⁽³⁾ Một trong các trạng thái của Ptah là Linh Hồn Vũ Trụ của Plato, “Tinh Thần Thiên Liêng” của người Ai Cập, “Thánh Thần” (“Holy Ghost”) của các tín đồ Thiên Chúa giáo thời sơ khai và tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostics), *Tiên thiên khí* của người Ấn Độ và trong trạng thái hạ đẳng, là cả *Tinh Tú Quang* nữa. Vì *Ptah* có gốc là “Tử Thần” (“God of the Dead”),

¹ Arnobius, VI, xii.

² Chúng ta dùng từ ngữ như là một từ ngữ đã được chấp nhận và thừa nhận vì được sử dụng rộng rãi, do đó, độc giả thấy dễ hiểu hơn.

³ Xem Dunlap, *Sốđ: Các Bí nhiệm về Adoni*, trang 23.

Đấng tiếp dẫn người chết, vì thế mới có *Địa Ngục (Limbus)* của tín đồ Thiên Chúa giáo người Hy Lạp, tức Tinh Tú Quang. Mãi về sau này người ta mới xếp *Ptah* vào hàng các Nhật Thần (Sun-Gods), tên Ngài có nghĩa là “Đấng khai hoá” vì Ngài tỏ ra là người đầu tiên làm bộc lộ khuôn mặt của xác chết đã ướp và hấp dẫn Linh Hồn đến *sống trong lòng Ngài* ⁽¹⁾. Kneph, Đấng *Vô Hiện Vĩnh Cửu*, được tượng trưng bởi biểu hiện con rắn vĩnh cửu quấn quanh vạc nước, đầu nó chôn vùi trên “*Mặt Nước*,” mà nó hà hơi ấp ủ - đó là một hình thức khác của ý niệm nguyên bản duy nhất và “U Minh” (“Dakness”), xạ ra một Tia di chuyển trên Mặt Nước v.v.... Với tư cách “Thượng Đế-Linh Hồn” (“Logos-Soul”) sự biến hoá này được gọi là *Ptah*, với tư cách Thượng Đế-Đấng Sáng Tạo, Ngài trở thành *Imhotep*, con Ngài; “vị Thần có dung mạo tuần tú.” Trong tính cách sơ khai, cả hai *Lưỡng nguyên Vũ Trụ* đầu tiên, *Noot*, Không gian tức “*Bầu Trời*” và *Noon*, “*Bản Sơ Thủy*” (“Primordial Waters”), Nhất Nguyên bản thụ bản hùng, phía trên là THẦN KHÍ ẨN tàng (the Concealed BREATH) của Kneph. Và tất cả đều có các con thú và cây cối sống dưới nước, linh thiêng đối với chúng, con *cò lửa*, con *thiên nga*, con *ngỗng*, con *sấu* và *hoa sen*.

Quay về với Đấng Thánh Linh của Do Thái Bí giáo, bấy giờ Nhất Nguyên Ẩn Tàng (Concealed Unity) này là *Ain Soph*, [tổng thể, vô cực], Vô tận, Vô biên, Không tồn tại chừng nào mà *Đấng Tuyệt Đối* còn ở bên *Oulom*,⁽¹⁾ Thời gian

¹ Xem Bảo Tàng Viện Bulaq của Maspero.

¹ Theo Le Clerc, đối với dân Do Thái thời xưa, từ ngữ *Oulom* chỉ có nghĩa là một thời gian vô thủy vô chung. Nói riêng, từ ngữ “*Vĩnh cửu*” không hề tồn tại trong tiếng Hebrew với ý nghĩa mà

69 vô biên vô hạn; như thế Soph không thể là Đấng Sáng Tạo, hay thậm chí Đấng Đào Luyện (Modeller) Vũ Trụ, nó cũng chẳng thể là *Aur* (Ánh Sáng). Do đó, Ain Soph cũng là U Minh. Vô cực *bất di bất dịch* (the *immutably* Infinite) và Vô biên *tuyệt đối* (the *absolutery* Boundless), chẳng thể nào ham muốn, suy nghĩ hay hành động. Để làm như thế, nó phải trở thành Hữu hạn bằng cách xạ ra Tia (Ray) của nó thâm nhập vào Vũ Trụ Noãn (Mundane Egg), tức Không gian Vô hạn, và từ đó xạ ra như một Thần Linh Hữu Hạn (a Finite God). Tất cả mọi điều này đều được dành cho Huyền Xạ ẩn tàng (the Ray latent) trong Đấng Độc Tôn. Khi đã đến lúc, Đấng Tuyệt Đối tự nhiên sẽ phát triển thần lực bên trong mình, theo định luật mà nó là Bản Thể nội tại và tối hậu. Dân Hebrews không chấp nhận việc dùng Quả Trứng làm biểu tượng, song để thay thế cho nó, họ đã dùng “Hai Tầng Trời” (“Duplex Heavens”), vì nếu được dịch chính xác, câu “Thượng Đế tạo ra trời và đất” sẽ có nghĩa là: “Thượng Đế tạo ra hai tầng trời bên trong và bên ngoài Bản Thể của Ngài, được xem như là cái Khuôn [Vũ Trụ Noãn]. Tuy nhiên, tín đồ Thiên Chúa giáo đã chọn Chim bồ câu chớ không phải quả trứng để làm biểu tượng của Thánh Thần.

Bất cứ ai quen thuộc với Hod, Merabah và *laghash* [ngôn từ bí nhiệm hay thần chú] sẽ học được điều bí nhiệm nhất. “*Laghash* hầu như đồng nghĩa với Vạch, quyền năng ẩn tàng của các Thần chú (Mantras).

Khi đã tới lúc hoạt động tích cực, từ bên trong bản thể vĩnh cửu của Ain Soph xạ ra Sephira, Quyền năng tích cực, được gọi là Điểm Nguyên Thủy (the Primordial Point) và

các tín đồ phái Phệ Đàn Đà áp dụng cho Thái Cực Thượng Đế chẳng hạn.

Đỉnh Đầu, *Kether*. Chỉ thông qua nàng mà “Minh Triết Vô Hạn” (“Unbounded Wisdom”) mới có thể ban một hình hài cụ thể cho Tư Tưởng trừu tượng. Hai cạnh của Tam giác thượng (the upper Triangle), Bản thể úy kỵ và biểu lộ của nó, tức Vũ Trụ, được tượng trưng bởi Tam giác này, cạnh phải và đáy gồm những đường liền, cạnh thứ ba tức là cạnh trái là một đường chấm chấm. Sephira xuất lộ thông qua cạnh trái. Bành trướng theo mọi hướng, cuối cùng nàng bao trùm toàn bộ Tam giác. Tam Nguyên được tạo thành trong phân thân này. Từ giọt sương vô hình rơi xuống từ trên Tam Nguyên thượng hợp nhất, tức “Đầu” (“Head”) – như thế chỉ có 7 Sephiroth thôi – Sephira *tạo ra* Nước Bản Sơ (Primeval Waters); nói cách khác, Hồng nguyên khí thành hình. Đó là giai đoạn đầu tiên nhằm làm thô đặc tinh thần; thông qua nhiều biến hoá khác nhau. Tinh Thần sẽ tạo ra Thổ. Moses dạy: “*Cần có Thổ và Thuỷ để tạo ra một linh hồn sống động*”. Cần có hình ảnh của một Thuỷ để liên kết nó với Thuỷ, yếu tố sinh sản âm, với quả trứng và con chim làm thụ tinh nó.

Khi Sephira xuất lộ từ bên trong Thượng Đế Tiềm tàng (the Latent Deity) như là một Quyền năng Hoạt động (an Active Power), nàng mang nữ tính; khi nàng giữ chức vụ Đấng Sáng Tạo, nàng trở thành nam nhi; vì thế nàng có tính chất bán thư bán hùng. Nàng là “Cha, Mẹ, Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi)” của vũ trụ khởi nguyên luận Ấn Độ và của Giáo lý Bí Nhiệm. Nếu các cuộn sách tiếng Hebrew cổ nhất đã được duy trì cẩn thận, các tín đồ Jehovah hiện đại sẽ thấy rằng các biểu tượng của Thượng Đế *sáng tạo* sẽ thật phong phú và vô số. Con ếch ở mặt trăng, tiêu biểu cho tính chất sinh sản, là biểu tượng thường thấy nhất. Trong *Thánh kinh*, tất cả loài thú cầm nay được gọi là “dơ dáy” (“unclean”) đều

đã là các biểu tượng của Đấng Thánh Linh này vào thời xưa. Chúng đã được khoác lên một mặt nạ đen để giữ cho chúng khỏi bị huỷ hoại, vì chúng quá linh thiêng. Nếu ta phải chấp nhận các biểu tượng theo sát nghĩa, con rắn bằng đồng thau cũng chẳng chút gì thi vị hơn con ngỗng hay con thiên nga.

Thánh kinh *Zohar* dạy:

Điểm bất khả phân, vốn vô biên và bất khả tri, vì quá thanh khiết và chói lọi, bành trướng từ bên ngoài, tạo thành một ánh sáng chói lọi dùng làm bức màn che khuất Điểm bất khả phân; [song chúng ta cũng] không thể xét Điểm bất khả phân theo tác dụng của Vô lượng quang (immeasurable Light) của nó. Nó đã bành trướng quá nhiều từ bên ngoài, và sự bành trướng này chính là lớp xiêm y của nó. Như thế, nhờ vào [chuyển động] khuấy đảo không ngừng, rốt cuộc thế giới được sản sinh ra. ⁽¹⁾

Chất liệu Tinh Thần và Vô cực quang xạ ra, chính là *đệ nhất* Sephira tức *Shekinah*. Xét về mặt ngoại môn, Sephira bao hàm toàn bộ chín Sephiroth khác; xét về mặt *nội môn*, nàng chỉ bao hàm có hai Sephiroth: *Chokmah* tức *Minh Triết*, “một *mãnh lực* dương tích cực, có thánh danh là Jah;” và BINAH, tức Trí Tuệ, một *mãnh lực* âm tiêu cực, được tượng trưng bởi thánh danh Jehovah. Cùng với Sephira, tức *mãnh lực* thứ ba, hai *mãnh lực* này tạo thành Tam Nguyên của người Do Thái tức ĐỈNH ĐẦU, KETHER. Hai Sephiroth này, được gọi là *Abba*, Cha, và *Amona*, Mẹ là Luỡng Nguyên tức *Thượng Đế* luỡng tính; bảy Sephiroth khác phát xuất từ đó. Như thế, Tam Nguyên bản sơ Do Thái (Sephira, Chokmah và Binah) là *Ba*

¹ *Zohar*, Phần I, trang 20a.

Ngôi của Ấn Độ. ⁽¹⁾ Dù là còn bị ẩn giấu cả trong Thánh kinh *Zohar*, và còn ẩn giấu nhiều hơn nữa trong đền thờ Chư Thần ngoại môn của Ấn Độ, mọi đặc điểm liên hệ với Đấng này cũng đều liên hệ với Đấng kia. Các *Prajāpatis* là các Sephiroth. Vốn là mười với Brahmā, các Ngài giảm xuống còn bảy khi *Ba Ngôi*, tức Tam Nguyên trong Thánh kinh Do Thái Bí giáo tách rời khỏi phần còn lại. Bảy Đấng Kiến Tạo (hay Đấng Sáng Tạo) trở thành *Prajāpatis* tức bảy Thánh Hiền, theo thứ tự giống như là các Sephiroth trở thành các Đấng Sáng Tạo, rồi trở thành các Tộc Trưởng v.v.... Trong cả hai Hệ Thống Bí nhiệm (Secret Systems), Bản Thể Vũ Trụ Độc Nhất Vô Nhị (the One Universal Essence) vẫn còn bất khả tri và không hoạt động khi ở trạng thái Tuyệt Đối và chỉ có thể được liên kết với sự kiến tạo Vũ Trụ một cách gián tiếp. Nơi cả hai thứ, một bên là Nguyên khí bán thư bán hùng bản sơ với mười hay bảy phân thân – Brahmā-Virāj và Aditi-Vāch; và một bên là Elohim-Jehovah hay Adam-Adami (Adam Kadmon) và Sephira-Eve; cùng với các *Prajāpatis* và Sephiroth – xét gộp lại, họ chủ yếu là tượng trưng cho Con người Nguyên hình (the Archetypal Man), *Tiền thân của Thượng Đế* (the Protologos). Chỉ trong trạng thái thứ yếu mà họ mới trở thành các quyền năng Vũ Trụ và các thiên thể. Nếu Aditi là Mẹ của Chư Thiên, *Deva-Marti*, thì Eve lại là Mẹ của Vạn Hữu (All Living); cả hai đều là *Huyền Nữ (Shakti)*, tức Quyền năng Sinh sản (Generative Power), ở trạng thái âm của “Thiên Đế,” (“Heavenly Man”) và cả hai đều là các Đấng Sáng Tạo phức hợp.

¹ Trong đền thờ của Chư Thần Ấn Độ, Thượng Đế lưỡng tính là Brahmā, Đấng Sáng Tạo, có bảy đứa con “sinh ra từ thần trí” là các Thánh Hiền bản sơ, các “Đấng Kiến Tạo”.

Một Thánh kinh Giáo lý Huyền môn dạy rằng:

Lúc đầu, một Tia xuất phát từ Paramārthika [Chân Tồn Tại (True Existence) duy nhất] bắt đầu biểu lộ nơi Vyāvahārika [Tồn Tại quy ước]; nó được dùng như là một hiện thể để giáng xuống vào trong Từ Mẫu Vũ Trụ và khiến cho bà bành trướng [swell, brih].

Và trong Thánh kinh *Zohar*, người ta vạch rõ là:

Sau khi hình hài của Thiên Đế được tạo ra, Nhất Nguyên Vô Cực vốn vô hình và không giống với cái gì, bèn sử dụng nó. Ánh Sáng Bất Khả Tri (the Unknown Light) ⁽¹⁾ [U Minh - Darkness] dùng hình hài Thiên giới (Adam Ilaah) như là một hiện thể (Mercabah) thông qua đó, nó giáng xuống và muốn được hình hài này gọi bằng thánh danh Jehovah.

Thánh kinh *Zohar* dạy tiếp:

Thoạt tiên là Ý Chí của Thánh Đế (the King), trước khi có bất cứ tồn tại nào ... Nó [Ý Chí] phác hoạ các hình hài của vạn vật, vốn đã được ẩn giấu, song nay lại xuất hiện. Và từ đầu của Ain Soph xạ ra một tia lửa vật chất lò mờ, vô hình được xem như là một bí nhiệm ẩn tàng ... Cuộc sống được rút lên từ bên dưới, còn nguồn cội lại được canh tân từ bên trên, biển luôn luôn tràn đầy và nước lan tràn khắp nơi.

Như thế, Thượng Đế được so sánh với một biển cả mệnh mông, với Nước vốn là “cội nguồn của sự sống.”⁽¹⁾ “Lâu đài thứ bảy, cội nguồn sự sống, đứng hàng thứ nhất

¹ Giáo sĩ Do Thái Simeon dạy: “Hỡi các bạn, con người được xem như là một phân thân, vừa là nam vừa là nữ, ở bên phía của ‘Cha’ cũng như là ở bên phía của ‘Mẹ’. Và đó là ý nghĩa của lời nói: ‘Và Elohim phán: Hãy có lấy Ánh sáng. Thế là có Ánh sáng’; ... và đó là con người *lưỡng phân*.” (Auzzuge aus dem Sohar, 13, 15) Như thế, trong *Sáng Thế Ký*, Ánh sáng tượng trưng cho Tia Bán thư Bán hùng, tức “Thiên Đế”.

¹ *Zohar*, iii, trang 290.

tính từ trên xuống.”⁽¹⁾ Vì thế mới có tín điều của Do Thái Bí giáo luôn luôn ở trên đầu mỗi chót lưỡi của Solomon, tín đồ Do Thái Bí giáo chính thống, ông dạy trong *Châm Ngôn*: “Minh Triết đã kiến tạo nhà mình, nàng đã đổ ra bảy cột trụ.”⁽²⁾

Thế thì, nếu không có điều thiên khai đại đồng thế giới Bản sơ thì tất cả mọi ý niệm này ở đâu ra đây? Một ít điều đã được trình bày đến nay cũng chẳng khác nào một ít cọng rom trong một đồng rạ, khi đem so sánh với những điều sẽ được tiết lộ khi công tác tiến hành. Nếu ta chuyển sang vũ trụ khởi nguyên luận của Trung Quốc, vốn lò mờ nhất ngay cả trong đó chúng ta cũng thấy cùng một ý niệm trên. *Tsi-tsai*, Đấng Tự Sinh Tự Tại (the Self-Existent), là U Minh bất khả tri, cội nguồn của Wu-liang-sheu (Vô Lượng Thọ - Boundless Age); Amitābha (A-Di-Đà) và sau đó mới tới Thiên (Trời - Heaven). “Thái Cực” (“great Extreme”) của Khổng Tử cũng trình bày cùng ý niệm trên, bất chấp các điều “vô bổ” của ông (his “straw” notwithstanding). Các điều vô bổ này là cái đích để cho các nhà truyền giáo nhạo báng, họ chế giễu mọi “ngoại đạo” (“heathen”), khinh bỉ và ghét bỏ tín ngưỡng của các tín đồ các giáo phái Thiên Chúa khác, song tất cả đều chấp nhận *Sáng Thế Ký* theo sát nghĩa.

Nếu quay sang xét dân Chaldea, chúng ta thấy *Anu*, Thượng Đế Ẩn Tàng (the Concealed Deity), Đấng Độc Tôn, hơn nữa, danh xưng của Ngài lại tỏ ra có nguồn gốc tiếng Bắc Phạn. Trong tiếng Bắc Phạn, *Anu* có nghĩa là “vi tử” (“atom”), anīyāmsam-anīyāsām (cực tiểu), và là một danh xưng của Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) trong triết thuyết

¹ Sách đã dẫn, II, trang 261.

² Chương ix, 1.

Vedanta (the Vedāntic philosophy). Trong triết thuyết này, người ta mô tả Thái Cực Thượng Đế như là nhỏ hơn vì tử nhỏ nhất và lớn hơn bầu vũ trụ lớn nhất, *Anagranīyas và Mahatoruvāt*.⁽¹⁾ Trong các câu thơ đầu tiên trong *Sáng Thế Ký* của xứ Akkad, được ghi trong các bản văn viết bằng loại chữ giống hình cái nêm (the cuneiform texts) trên các viên ngói ở Babylonia tức *Lateres Coctiles*, do George Smith dịch ra, chúng ta thấy *Anu*, Thượng Đế Tiêu Cực (the Passive Deity) tức Ain Soph; *Bel*, Đấng Sáng Tạo, Tinh Thần của Thượng Đế (Sephira) di chuyển trên Mặt Nước, vì thế chính là Nước; *Hea*, Linh Hồn Vũ Trụ, tức minh triết của tam nguyên phối hợp lại.

Tám câu thơ đầu như sau:

1. Khi Trời chưa được dựng lên ở bên trên;
2. Và một cây chưa mọc lên trên mặt đất ở bên dưới;
3. Vực thẳm đã không phá toang các biên giới của chúng.
4. Hồng nguyên khí (tức Nước) Tiamat (Biển) là mẹ sản sinh ra tất cả. [Đó là Aditi và Sephira Vũ Trụ].
5. Lúc đầu nước này đã được chế biến; song
6. Một cây cũng chẳng mọc lên, một hoa cũng chẳng nở ra.
7. Khi chẳng có một Thần Linh nào được sản sinh ra.
8. Một cây cũng chẳng mọc lên, và trật tự đã không tồn tại. ⁽²⁾

Đó là thời hỗn mang, trước lúc khai thiên tịch địa; con Thiên Nga kếp và con Thiên Nga đen trở thành Thiên Nga trắng, khi Ánh Sáng được tạo ra.⁽³⁾

¹ Cực đại.

² *Sáng Thế Ký theo dân Chaldea*, trang 62-63.

³ Bảy Con Thiên Nga mà người ta tin tưởng là đã từ trên Trời giáng xuống hồ Mānasarovara, theo truyền thuyết của dân gian, chính là Bảy Thánh Hiền của chòm Đại Hùng Tinh, các Ngài

Biểu tượng được chọn để tượng trưng cho lý tưởng tuyệt mỹ của Nguyên Khí Vũ Trụ (the Universal Principle) có lẽ là hình như ít được tính toán để đáp ứng với tính cách linh thiêng của nó. Chắc chắn là người ta sẽ nghĩ rằng một con ngỗng, thậm chí một con thiên nga, là một biểu tượng không thích hợp để tượng trưng cho sự vĩ đại của Tinh Thần. Tuy nhiên, nó ắt đã phải có một ý nghĩa sâu xa huyền linh, vì nó có mặt không những ở trong mọi vũ trụ khởi nguyên luận và tôn giáo thế giới, mà nó cũng được người tín đồ Thiên Chúa giáo tham dự trận Thánh chiến thời Trung Cổ, chọn dùng làm *hiện thể* của Thánh Thần; người ta giả định là Ngài đã điều binh khiển tướng tiến về Palestine, giành lại lăng của Đấng Cứu Thế từ tay quân Hồi Giáo. Nếu chúng ta tín nhiệm Giáo sư Draper, trong tác phẩm *Sự Phát Triển Trí Thức của Âu Châu*, ông đã khẳng định rằng Đạo quân Thánh chiến do ẩn sĩ Peter cầm đầu, ở phía trước lại có Thánh Thần khoác lấy hình dáng một con ngỗng đực đi cùng với một con dê. Seb, Thần Thời gian của Ai Cập mang trên đầu: Jupiter khoác lấy hình hài của một con thiên nga còn Brahmā cũng vậy; và nguồn cội của tất cả mọi điều này là bí nhiệm vô cực - tức VŨ TRỤ NOÃN (the MUNDANE EGG). Chúng ta nên học biết lý do tại sao một biểu tượng trước khi hạ giá trị của nó. Yếu tố lưỡng phân Phong và Thủy là yếu tố của con cò lừa, con thiên nga, con ngỗng và con chim bồ nông, con sấu và con ếch, hoa sen và hoa súng v.v.... và kết quả các nhà huyền học cả xưa lẫn nay đều chọn các biểu tượng kém thích hợp nhất. Pan, Thần Thiên Nhiên vĩ đại (the great God of Nature), thường có mặt cùng các con chim sống dưới nước, nhất là loại ngỗng và các

khoác lấy hình hài này để thăm viếng địa phương viết ra kinh *Vedas*.

Thần Linh khác cũng vậy. Nếu sau này, khi tôn giáo bị dần dần thoái hoá, Chư Thần – đối với các Ngài, các con ngỗng rất linh thiêng – trở thành các thần linh thuộc loại Priapus (thần sinh thực khí) cũng không được phép suy diễn là loài thủy cầm đã được biến thành linh thiêng đối với thần Pan và các vị thần có tính cách sùng bái sinh thực khí khác – như là có một vài kẻ cổ hủ thường báng bổ ⁽¹⁾ – song đó chính là quyền năng thiêng liêng và trù tượng của Thiên Nhiên sinh hoá đã trở thành bị nhân hình hoá một cách thô tục. Cũng chẳng phải là con thiên nga của Leda đã tỏ ra “có các hành vi dâm dục và hưởng lạc” (theo lối diễn đạt trình khiết của Hargrave Jennings); vì thần thoại này chẳng qua chỉ là một lối thuyết minh khác của cùng một ý niệm triết học vũ trụ khởi nguyên luận. Các con thiên nga thường được liên kết với thần Apollo, vì chúng là các biểu hiệu của nước và lửa, cũng như của ánh nắng (sun-light) trước khi mà các Hành phân ly.

Các nhà biểu tượng học của chúng ta có thể lợi dụng được một vài nhận xét của một văn sĩ nổi tiếng, bà Lydia Maria Child, bà cho rằng:

Từ vô thủy, ở vùng Hindustân, người ta đã sùng bái một biểu hiệu như là kiểu mẫu sáng tạo, hay là cội nguồn của cuộc sống ... Shiva, tức Mahādeva, không những là Đấng sản sinh ra các hình hài người, mà còn là nguyên khí sinh sản, quyền năng sinh hoá thấm nhuần Vũ Trụ. Biểu hiệu mẫu nghi cũng là một kiểu mẫu tôn giáo. Sự tôn kính việc tạo ra cuộc sống du nhập vào trong sự sùng bái Osiris với các biểu hiệu tính dục. Thật là kỳ lạ khi họ tỏ ra tôn kính đại bí nhiệm về sự sinh sản của con người ư? Nếu coi như thế thì họ trở thành ô trọc hay sao? Hay là chúng ta sẽ ô trọc nếu không coi nó như thế? Nhưng không kẻ nào trong sạch và biết suy

¹ Xem Petronius, *Satyricon*, cxxxvi.

tư mà lại có thể coi chúng như thế ... Chúng ta đã đi quá xa, và các con đường đã ô uế, vì các ẩn sĩ thời xưa này trước hết nói về Thượng Đế và linh hồn trong các nơi sâu thẳm trang nghiêm của các thánh điện đầu tiên. Chúng ta đừng mỉm cười trước cách thức truy tìm Nguyên nhân vô cực và bất khả tri suốt hết mọi bí nhiệm của thiên nhiên, kéo khi làm như thế, chúng ta sẽ bộc lộ là mình thô tục so với sự đơn giản khả kính của họ. ⁽¹⁾

¹ *Sự Tiến Triển của Các Ý Niệm Tôn Giáo*, Quyển I, từ trang 17 trở đi.

TIẾT 6

VŨ TRỤ NOÃN (THE MUNDANE EGG)

BIỂU tượng đại đồng thể giới này ở đâu ra? Quả Trứng này được hội nhập vào vũ trụ khởi nguyên luận của mọi dân tộc trên thế giới như là một ký hiệu linh thiêng, và được tôn kính cả vì hình hài của nó, lẫn bí nhiệm nội tại của nó. Từ khi con người mới bắt đầu biết suy nghĩ, người ta đã biết nó như là cái tiêu biểu một cách điển hình nhất cho nguồn gốc bí nhiệm Hiện Tồn. Sự phát triển dần dần của mầm mống nhỏ bên trong cái vỏ kín; sự đào luyện nội tại, không có sự can thiệp của ngoại lực, khiến cho từ trạng thái tiềm tàng chẳng có gì, ta có được một cái gì hoạt động tích cực, chẳng cần gì ngoại trừ nhiệt. Đã dần dần tiến hoá thành một tạo vật cụ thể, sống động; nó phá vỡ cái vỏ ra, rồi đương nhiên xuất hiện như là một thực thể tự sinh tự tạo. Tất cả điều này ắt đã phải là một phép lạ mầu nhiệm ngay từ đầu.

Giáo huấn Bí nhiệm giải thích lý do tại sao có sự tôn kính này bằng biểu tượng ký của các giống dân tiền sử. Thoạt đầu, “Nguyên Nhân Bản Sơ” (“First Cause”) vô danh tính. Sau này, trong con hoang tưởng, các tư tưởng gia đã phác hoạ nó như là một Con chim bí nhiệm bao giờ cũng vô hình, nó thả một Quả Trứng vào Hồng nguyên khí (Egg into Chaos), Quả Trứng này trở thành Vũ Trụ. Vì thế Brahmā mới được gọi là Kālahamsa, “Con Thiên Nga trong [Không gian

và] Thời gian. Vào lúc khởi đầu mỗi chu kỳ Đại Khai Nguyên (Mahāmanvantara), khi trở thành “Con Thiên Nga Vĩnh Cửu” (“Swan of Eternity”), Brahmā đẻ ra một Trứng Vàng (a Golden Egg), nó tiêu biểu cho Vòng Tròn lớn tức ○, vốn là một biểu tượng của Vũ Trụ và các thể hình cầu.

Hình dáng và lý do thứ hai tại sao Quả Trứng đã được chọn dùng như là biểu tượng để trình bày Vũ Trụ và Trái Đất của chúng ta. Nó là một Vòng Tròn và một Hình Cầu; từ lúc bắt đầu có biểu tượng học, người ta ắt đã phải biết tới dạng hình trứng của Địa Cầu chúng ta, vì nó đã được chọn dùng ở khắp nơi trên thế giới. Người xưa tin tưởng một cách phổ cập rằng, Vũ Trụ thoát tiên biểu lộ dưới dạng một Hình Trứng. Theo Bryan,⁽¹⁾ đó là một biểu tượng được người Hy Lạp, Syria, Ba Tư và Ai Cập chọn dùng. Trong *Nghi thức* của Ai Cập, Seb, Thần thời gian và Đất được cho là đã đẻ một Quả Trứng, hay Vũ Trụ, “một Quả Trứng được thụ tinh vào lúc Thần Lực Luỡng Phân ⁽²⁾ đạt tới cực đại”.

Người ta chứng tỏ rằng Ra cũng giống như Brahmā đang thai nghén trong Vũ Trụ Noãn. Người quá cố (the Deceased) “rực rỡ trong Quả Trứng của Vùng Đất Bí Nhiệm” (“the Land of Mysteries”).⁽³⁾ Vì đó là “Quả Trứng đã được ban cho cuộc sống của Chư Thần”.⁽⁴⁾ “Đó là quả trứng của con Gà Mái vĩ đại đang cực tác, Quả Trứng của Sob, Ngài được sinh ra từ nó như là một con chim ưng”. ⁽⁵⁾

¹ *Phân tích Thân Thoại Cổ Truyền*, Quyển III, trang 165

² *Tử Vong Kinh*, Chương liv, 3.

³ Sách đã dẫn, Chương xxii, 1.

⁴ Sách đã dẫn, Chương xlii, 13.

⁵ Chương liv, 1, 2, Chương lxxvii, 1.

Trong người Hy Lạp, Quả Trứng của Orpheus được kịch tác gia Aristophanes mô tả, và một phần của các bí pháp Dionysus và các Bí pháp khác, trong đó Vũ Trụ Noãn được thần thánh hoá và ý nghĩa của nó được giải thích, Porphyry cũng chứng tỏ rằng nó dùng để tượng trưng cho thế giới “Quả trứng biểu diễn (tượng trưng cho) thế giới”. Faber và Bryant đã cố gắng chứng tỏ rằng Quả Trứng tiêu biểu cho chiếc Bè của Noah – một tín ngưỡng hoang đường, trừ khi ta chấp nhận nó như là có tính cách thuần túy biểu tượng và ẩn dụ. Cái Bè chỉ có thể được tiêu biểu hoá như là một từ ngữ đồng nghĩa với Mặt Trăng, cái *Argha* có chỗ mầm mống vũ trụ của cuộc sống; nhưng chắc chắn là nó không có gì liên quan với chiếc Bè của Thánh kinh. Tuy nhiên, nói chung thì người ta đều tin rằng, lúc đầu Vũ Trụ tồn tại dưới dạng một hình Trứng. Wilson cho rằng:

Trong mọi Thánh kinh *Purānas*, người ta đều tường thuật giống vậy về sự tập hợp đầu tiên của các yếu tố nơi hình hài của một Quả Trứng, thường thường là có hình dung từ Haima hay Hiranya (“làm bằng vàng”), giống như trong Thánh thư Bàn Cổ 1, 9.⁽¹⁾

Tuy nhiên, trong cuộc bút chiến chưa được xuất bản với Giáo sư Max Muller, học giả Ấn Độ lỗi lạc, cố Đạo sư Dayā - nand Sarasvatī đã chứng tỏ rằng Hiranya có nghĩa là “rực rỡ”; “chói lợi,” hơn là “làm bằng vàng.” Thánh kinh *Purānas* dạy:

“Bản Trí [Mahat]...kể cả các yếu tố thô thiển [vô hiện], tạo thành một quả trứng ... và ... bản thân Đấng chứa tể của vũ trụ ...ngự trong nó, với tính cách Brahmā ... Hỡi Brāhman, trong quả

¹ *Vishnu Purānas*, Quyển I, Chương ii, trang 39 (cước chú).

trứng này là các đại lục, biển núi, hành tinh và các phân khu của vũ trụ, chư thần, chư quỷ và nhân loại”(1).

Cả ở Hy Lạp lẫn Ấn Độ, Đấng nam nhi hữu hình đầu tiên (the first visible male Being), vốn kết hợp nơi mình bản chất của một trong hai phái, ngự trong Quả Trứng và từ đó mà ra. “Đấng sinh ra đầu tiên trên Thế giới này” là Dionysos đối với một số người Hy Lạp; Đấng Thánh Linh (the God) sinh ra từ Vũ Trụ Noãn (the Mundane Egg), các tạo vật hữu hoại và bất tử đều phát xuất từ Ngài. Trong *Tử Vong Kinh* (*Book of the Dead*), người ta trình bày Thần Ra (the God Ra) chồi lợi trong Quả Trứng (Mặt Trời) và Ngài khởi sự ngay khi Thần Shu (the God Shu) [Năng lượng Mặt Trời] khởi hoạt và thúc đẩy Ngài.(2) “Ngài ở trong Thái Dương Noãn (the Solar Egg), Quả Trứng được ban cho Cuộc Sống của Chư Thần”. (3) Nhật Thần (the Solar God) tuyên bố: “Ta là Linh Hồn Sáng Tạo của Vực Thẳm Thiên Giới (the Celestial Abyss). Chẳng ai thấy được Tổ Ấm của ta, chẳng ai có thể phá vỡ Quả Trứng của ta, ta là Đấng Chúa Tể!”(4)

76 Xét hình tròn này, “Bản Ngã”(“I”) xuất phát từ ○ , tức Quả Trứng, hoặc “hùng” xuất phát từ “thư” trong bán thư bán hùng, thật là kỳ lạ mà thấy rằng – dựa vào cơ sở là các Bản thảo cổ nhất của Ấn Độ cũng không cho ta thấy vết tích nào của nó – một học giả đã cho rằng dân Ấryans thời xưa không hề biết tới ý niệm về số thập phân. Số 10 vốn là con số linh thiêng của Vũ Trụ, thật là bí nhiệm và nội môn, khi xét tới đơn vị lẫn số không, *Zero*, tức vòng tròn. Thêm nữa, Giáo

¹ Sách đã dẫn, trang 39-40.

² *Tử Vong Kinh*, Chương xvii, trang 50-51.

³ Sách đã dẫn, Chương XLII, trang 13.

⁴ Sách đã dẫn, Chương lxxx, 9.

sư Max Muller đã bảo rằng “hai từ ngữ *số không* và *Zero*, vốn chỉ là một, cũng đủ để chứng tỏ rằng các chữ số của ta được vay mượn từ các chữ số Á Rập.⁽¹⁾ Giáo sư cho rằng: “Trong tiếng Á Rập, số không là *cifron*, có nghĩa là rỗng không, dịch từ tiếng Bắc Phạn *shūnyam* tức ‘chân không’ ”.⁽²⁾ Người Á Rập đã thừa kế các chữ số của mình từ vùng Hindustān, và chẳng bao giờ tự cho là mình khám phá ra chúng. Về phần các môn đồ phái Pythagoras, chúng ta chỉ cần quay về các bản thảo cổ truyền của bộ đại luận Boethius “Số Học” được trước tác vào thế kỷ thứ sáu, để tìm thấy rằng trong các chữ số của Pythagoras, “1” và “0” là các chữ số đầu tiên và cuối cùng.⁽³⁾ Còn Porphyry, trích dẫn tác phẩm Moderatus⁽⁴⁾ của Pythagoras, dạy rằng các chữ số của Pythagoras là “các biểu tượng tượng hình, nhờ đó ông giải thích được các ý niệm liên quan tới bản chất của sự vật” tức nguồn gốc Vũ Trụ.

Nay, nếu một mặt, các bản thảo cổ nhất của Ấn Độ đến nay vẫn không tỏ ra có một dấu vết nào của khái niệm về số thập phân, và Max Muller đã vạch rõ rằng, cho đến nay, ông đã chỉ tìm thấy có chín chữ, tức các chữ đầu của các chữ số Bắc Phạn; mặt khác chúng ta có các tài liệu lưu trữ cổ để đưa

¹ Xem “Các Chữ số của chúng ta,” của Max Muller.

² Một tín đồ Do Thái Bí giáo có khuynh hướng nghiêng về việc tin tưởng rằng: cũng như tiếng Á Rập *cifron* bắt nguồn từ tiếng Bắc Phạn *Shūnyam* (Chân không); cũng vậy, từ ngữ Sephiroth (*Sephrim*) trong Thánh kinh Do Thái Bí giáo có nguồn gốc là từ ngữ *cipher*, không phải với nghĩa là “hư không”, mà với nghĩa là sự sáng tạo bằng số và các trình độ tiến hoá. Và Sephiroth là 10 tức ①.

³ Xem *Các Tín đồ phái Ngộ Đạo và các Di tích của họ*, của King, trang 370 (ấn bản thứ nhì).

⁴ *De Vita Pithag.*

ra chúng cứ cần thiết. Chúng ta đề cập tới tác phẩm điêu khắc và các hình tượng linh thiêng trong các thánh điện cổ nhất ở vùng Viễn Đông. Pythagoras kế thừa kiến thức của mình từ Ấn Độ, và chúng ta thấy Giáo sư Max Muller lại bổ chúng cho phát biểu này – ít ra thì chừng nào mà chúng ta còn thừa nhận rằng các môn đồ phái Tân Pythagoras là các huấn sư đầu tiên về “mật mã” (“ciphering”) trong người dân Hy Lạp và La Mã – rằng tại Alexandria hoặc ở Syria, họ đã quen thuộc với các chữ số của Ấn Độ, và đã thích ứng chúng với cái Bàn tính của Pythagoras (các chữ số của chúng ta). Sự nhìn nhận cẩn thận này hàm ý là chính Pythagoras cũng chỉ quen thuộc với *chín* chữ số. Như thế, chúng ta có thể trả lời một cách hợp lý rằng, về mặt *ngoại môn*, mặc dù chúng ta không có bằng chứng chắc chắn là Pythagoras – vốn sống gần như là vào các thời đại cổ sơ ⁽¹⁾ – có biết tới khái niệm về số thập phân; song chúng ta có đủ bằng chứng để chứng tỏ rằng các môn phái Pythagoras đều biết tới toàn bộ các con số do

77 Boethius trình bày, ngay cả trước khi kiến tạo Alexandria. ⁽²⁾ Chúng ta tìm thấy bằng chứng này nơi Aristotle, ông cho rằng: “một vài triết gia chủ trương rằng các ý niệm và các con số có cùng bản chất và tất cả có tới MUỖI”⁽³⁾. Chúng ta tin rằng điều này sẽ đủ để chứng tỏ rằng họ đã biết tới khái niệm về số thập phân chậm lắm là vào thế kỷ thứ 4 trước Thiên Chúa, vì hình như Aristotle không coi vấn đề này là một sự canh tân của các môn đồ phái Tân Pythagoras.

Nhưng chúng ta còn biết hơn nữa; chúng ta *biết rằng* nhân loại vào các thời đại tối cổ ắt phải sử dụng hệ thống

¹ Người ta đưa ra năm sinh của ông 608 trước T.C.

² Nghĩa là năm 332 trước T.C.

³ *Siêu hình học*, vii, F.

thập phân, vì toàn bộ phần hình học và thiên văn của ngôn ngữ giáo sĩ bí nhiệm đều được kiến tạo dựa vào số 10, tức là sự phối hợp của các nguyên khí âm và dương, và vì cái gọi là “Kim Tự Tháp Cheops” được kiến tạo dựa vào các kích thước của khái niệm về số thập phân này, hay đúng hơn là dựa vào các chữ số và việc phối hợp chúng với số không. Tuy nhiên, trong *Nữ Thần Isis Lộ Diện* đã bàn đủ về vấn đề này và thật là vô ích mà lặp đi lặp lại.

Biểu tượng ký về các Thần Linh Nguyệt Tinh và Nhật Tinh (the Lunar and Solar Deity) đã lẫn lộn với nhau đến nỗi mà không thể cô lập các hình tượng như là Quả Trứng, Hoa Sen và Các Con Thú “Linh Thiêng” (“the “Sacred” Animals”). Chẳng hạn như con Cò Lửa (the *Ibis*) được tôn kính nhất ở Ai Cập. Nó thật linh thiêng đối với Nữ Thần Isis, Nàng hay được tượng trưng bằng chiếc đầu của con chim này; nó cũng linh thiêng đối với Thần Mercury và Thần Thoth, người ta nói là Ngài đã khoác lấy hình hài của nó khi trốn chạy con quái vật Typhon. Theo Herodotus,¹ ở Ai Cập có hai loại cò lửa, một loại đen tuyền, một loại vừa trắng vừa đen. Người ta tin là loại đen tuyền chiến đấu với và tận diệt được các con rắn có cánh; cứ mỗi mùa xuân là chúng lại từ Á Rập tràn vô và làm cho toàn vùng bị nhiễm độc. Loại kia lại linh thiêng đối với Mặt Trăng, vì hành tinh này có bề ngoài sáng trắng, còn bề mặt không bao giờ quay về phía Trái Đất lại sẫm đen. Hơn nữa, loài cò lửa lại giết được các con rắn trên bộ, và tàn hại các trứng cá sấu, và như thế cứu cho Ai Cập khỏi bị nạn các con bò sát ghê tởm này gây ô nhiễm quá đáng cho sông Nile. Người ta tin là con chim thực hiện điều này dưới ánh trăng, và thế là được Nữ Thần Isis trợ giúp, Nàng có biểu

¹ *Lịch sử*, Quyển II. “Nữ Thần Euterpe.”

tượng tinh đầu (sidereal symbol) là mặt trăng. Nhưng ẩn dưới các thần thoại dân gian có một chân lý nội môn chính xác hơn, đó là theo Abenephius,⁽¹⁾ Hermes khoác lấy hình hài của con chim này, giám sát người Ai Cập và dạy cho họ các khoa học và nghệ thuật huyền linh. Điều này chỉ có nghĩa là *con cò lửa tôn giáo* có và đã có các tính chất “pháp thuật” giống như là nhiều con chim khác nhất là chim hải âu và con thiên nga trắng trong thần thoại, Con Thiên Nga của Thời Gian Vĩnh Cửu, tức là KĀLAHANSA.

Thật vậy, nếu không, tại sao tất cả mọi dân tộc thời xưa – vốn chẳng ngu dại gì hơn chúng ta – lại có một điều mê tín dị đoan là không dám giết một số loài chim? Ở Ai Cập, kẻ nào giết một con cò lửa, tức con Chim Ưng Vàng, biểu tượng của Mặt Trời và Thần Osiris, có cơ bị chết (risked death) và khó lòng thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Việc một vài quốc gia sùng bái loài chim cũng chẳng khác nào Zoroaster, trong các giáo điều, Ngài đã cấm việc tàn sát loài chim và xem đó như là một trọng tội ghê tởm. Trong thời đại hiện nay, chúng ta cười nhạo mọi loại bói toán. Song tại sao biết bao nhiêu thế hệ lại tin vào sự bói toán bằng chim và tin cả thuật bói toán bằng động vật (Zoomancy),⁽²⁾ mà Suidas nói là đã được Orpheus truyền lại. Orpheus đã truyền dạy cách thức để - trong một vài điều kiện - nhận ra lòng đỏ và lòng trắng của một quả trứng, điều mà con chim – khi được sinh ra từ trong quả trứng – sẽ thấy xung quanh trong kiếp sống ngắn ngủi của mình. Ba ngàn năm trước, Huyền linh thuật này (this Occult art) đòi hỏi người nghiên cứu nó phải có kiến thức uyên bác nhất và phải thực hiện các phép tính bí hiểm nhất;

¹ *De Cultu Egypt.*

² Trong ấn bản 1893 là thuật bói toán bằng trứng (oomancy).

nhưng nay nó đã bị giảm giá trị nhiều rồi, và ngày nay chỉ có các ông bếp già và những ông thầy bói tiên đoán tương lai cho các cô gái giúp việc để kiếm chồng, bằng trông trắng trứng đựng trong một cái ly.

Tuy nhiên, đến nay ngay cả tín đồ Thiên Chúa giáo cũng có các con chim linh thiêng; chẳng hạn như con Chim bồ câu, biểu tượng của Thánh Thần, Họ cũng chẳng hề bỏ qua các con thú linh thiêng, và khi Phúc Âm tôn thờ các động vật như là các con Bò mộng, chim Đại Bàng, Sư Tử và Thiên Thần – thực ra Tiểu Thiên Thần (Cherub), hay Thiên Thần Tối Cao (Seraph), Con Rắn có cánh cháy rực – thì nó cũng có tính cách Ngoại đạo, chẳng khác nào dân Ai Cập hoặc dân Chaldea. Thật ra, bốn con thú này là biểu tượng của Tứ Đại và bốn Nguyên khí *hạ đẳng* nơi con người. Tuy nhiên, về mặt vật chất, chúng tương ứng với bốn chòm sao có thể nói là *hợp thành đoàn tùy tùng* của Nhật Thần, và vào lúc đông chí, chiếm vị trí bốn hướng chính là vòng Hoàng Đạo. Người ta có thể thấy bốn “con thú” này nơi nhiều *Tân Ước* của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã, trong đó trình bày *chân dung* của các nhà Phúc Âm. Đó là các con thú Mercabah của Ezekiel.

Ragon đã vạch ra rất đúng là:

Các Đạo Trưởng thời xưa đã phối hợp các giáo điều và các biểu tượng của các triết thuyết tôn giáo khéo đến nỗi mà ta chỉ có thể giải thích trọn vẹn được các biểu tượng này bằng cách phối hợp và quán triệt được tất cả chìa khoá.

Chúng ta chỉ có thể thuyết minh chúng *một cách gần đúng*, cho dù chúng ta tìm được ba trong số bảy hệ thống, tức là *hệ thống nhân loại học, hệ thống tâm linh và hệ thống thiên văn học*. Hai lối thuyết minh chính, lối cao siêu nhất tức tinh thần và lối thấp kém nhất tức sinh lý, được duy trì cẩn mật nhất, cho tới khi mà lối thuyết minh sinh lý lọt vào tay bọn phạm

phụ tục tử. Hồi đó, khi chỉ liên quan đến các Đạo Trưởng thời tiền sử, với họ cái mà nay trở thành có tính cách sùng bái sinh thực khí một cách thanh khiết hoặc là ô trược – đã là một khoa học uyên thâm và bí nhiệm chẳng khác nào sinh học và sinh lý học hiện nay. Đó là tài sản độc quyền của họ, thành quả của các công trình nghiên cứu và khám phá của họ. Hai lối thuyết minh khác đề cập tới các vị thiên thần sáng tạo, tức thần phổ học và với con người sáng tạo, nghĩa là với các bí pháp lý tưởng và thực tế. Các lối thuyết minh này được che giấu và phối hợp một cách khéo léo đến nỗi mà biết bao nhiêu người – trong khi khám phá được một ý nghĩa, lại vô đầu bút tai khi tìm hiểu các ý nghĩa khác và không bao giờ có thể khám phá được chúng, nên chúng ta không ngại nguy cơ họ sẽ phạm tội không cần ngôn. Các lối thuyết minh cao siêu nhất, tức là lối thứ nhất và thứ tư – Thần phổ học (Theogony) liên hệ với Nhân phổ học (Anthropology) – hầu như khôn dò. Chúng ta thấy bằng chứng của điều này trong Thánh kinh Do Thái.

Vì rắn là một con vật đẻ trứng, nên nó thành ra một biểu tượng của Minh Triết và một biểu hiệu của chư vị Thượng Đế, tức ĐẰNG TỰ SINH TỰ TẠI (SELF-BORN). Trong thánh điện ở Philae, Thượng Ai Cập, người ta tạo ra một cái trứng bằng đất sét trộn với nhiều loại hương trầm khác nhau. Người ta dùng một phương thức đặc biệt để làm nở quả trứng này ra, và một con *rắn lục* có sừng xuất hiện. Trong trường hợp rắn hổ mang, người ta cũng làm giống như vậy trong thánh điện ở cổ Ấn Độ. Thần Linh *sáng tạo* xuất lộ từ Quả Trứng phát xuất từ miệng của Kneph, như là một con rắn có cánh, vì rắn là biểu tượng của Toàn Triết (All-Wisdom). Đối với người Hebrews, cũng thần linh này được tượng trưng bằng hình

thức “Các Con Rắn Cháy Rực” hay Rắn Bay của Moses trong sa mạc; đối với nhà huyền học của thành phố Alexandria, Ngài trở thành Orphio-Christos, Thượng Đế của các tín đồ phái Ngộ Đạo. Các tín đồ Tin Lành ra sức chứng tỏ rằng ẩn dụ về Con Rắn bằng Đồng Thau (the Brazen Serpent) và các “Con Rắn Cháy Rực” (the “Fiery Serpent”) có liên quan trực tiếp với bí nhiệm về Đức Christ và cuộc hành hình trên Thập tự giá, trong khi mà thật ra, nó có liên hệ gần gũi hơn nhiều với *bí nhiệm về sự sinh sản*, khi tách ra khỏi Quả Trứng với Mầm Trung Ương, tức Vòng Tròn với Tâm Điểm (*the Circle with its Central Point*). Các nhà Thần học Tin Lành bắt chúng ta phải tin vào lối thuyết minh của họ, *chỉ* Vì Con Rắn bằng Đồng Thau được nâng lên trên một cực (pole)! Trong khi đó, đúng hơn là nó có liên hệ với Quả Trứng Ai Cập, dựng đứng lên và được Thập Tự *Tau* đỡ, vì trong tục sùng bái thời xưa, và biểu tượng học của Ai Cập, Quả Trứng và Con Rắn thì bất khả phân ly, và vì cả Con Rắn Đồng Thau lẫn Con Rắn Cháy Rực đều là Seraphs, các Sứ Giả “Rực Lửa”, tức các Thần Rắn, các *Nāgas* của Ấn Độ. Không có Quả Trứng, nó là biểu tượng thuần là có tính cách sùng bái sinh thực khí, nhưng khi được liên kết với Quả Trứng, nó lại có liên quan tới sự sáng tạo vũ trụ. *Con Rắn Đồng Thau* không có ý nghĩa như thế; thực vậy, nó cũng chẳng được tôn vinh lên hàng bề trên của các “*con rắn rực lửa*”, vì vết cắn của nó chỉ là một *phương thuốc tự nhiên*; ý nghĩa tượng trưng của từ ngữ “bằng Đồng Thau” là nguyên khí âm, và từ ngữ “Rực Lửa” hay “Vàng” có nghĩa là nguyên khí dương.

Đồng thau (brass) là kim loại tượng trưng âm phủ (nether world)... kim loại của tử cung, nơi khai sinh cuộc sống ...Trong tiếng Hebrew là Nachsah có nghĩa là con rắn, song đó cũng có nghĩa là đồng thau.

Trong *Số Mục Thánh Thư*, người ta dạy là dân Do Thái phàn nàn về vùng sa mạc, nơi không có nước,⁽¹⁾ sau đó “Chúa phái các con rắn rục lửa” tới cắn họ, và rồi giúp đỡ Moses, y đưa ra con rắn bằng đồng thau làm phương thuốc, đặt nó trên một cái trụ để cho họ ngắm; sau đó, bất cứ kẻ nào đã chứng kiến con rắn bằng đồng thau... đều sống” (?). Sau đó, Chúa tụ tập dân chúng lại ở giếng Beer, cấp nước cho họ, và những người dân Do Thái cảm kích ca lên bài “Giếng oi, hãy tuôn nước ra” ⁽²⁾. Sau khi nghiên cứu biểu tượng học, khi mà tín đồ Thiên Chúa giáo đã đến mức hiểu được ý nghĩa thâm thúy nhất của ba biểu tượng này, tức là *nước*, *bằng đồng thau* và *rắn*, và một ít nữa theo nghĩa trong Thánh kinh, y sẽ khó lòng mà muốn liên kết các thánh danh của các Đấng Cứu Thế với “Con Rắn bằng Đồng Thau”. Chắc chắn là Seraphim hay các Con Rắn Có Cánh Cháy Rục, có liên hệ bất khả phân với ý niệm về “Con Rắn Vĩnh Cửu – Thượng Đế” (the “Serpent of Eternity - God”) theo như giải thích của sách *Khải Huyền* (*Apocalypse*) của Kenealy. Song theo một nghĩa, từ ngữ Cherub cũng có nghĩa là Rắn, mặc dù nghĩa gốc của nó lại khác hẳn, và các Cherubin ⁽³⁾(Tiểu thiên sứ) và các con Sư Tử cánh đại bàng (the Persian Winged Griffins) đang canh giữ núi vàng (Kim Sơn), cũng như nhau. Hợp danh Cherubin cũng chứng tỏ được đặc tính của mình, vì nó được cấu thành bởi *kr*, một vòng tròn, và *aub* hay *ob*, một con rắn, do đó có nghĩa là “một con rắn trong vòng tròn.” Thế là ta đã giải quyết được tính cách sùng bái sinh thực khí của Con Rắn Đồng Thau, và biện minh được cho Hezekiah về việc thủ tiêu

¹ Chương xxi, trang 5 và tiếp nữa.

² Như trên, 16 - 17.

³ Kerubim.

nó.⁽¹⁾ *Kẻ thông minh thì học một biết mười! (Verbum satis sapienti!).*

Như vừa nói, trong *Tử Vong Kinh* người ta hay đề cập tới Quả Trứng. Trong cuộc đấu tranh giữa các “đứa con nổi loạn” (the “children of the rebelliom”) và Shu, Năng Lượng Mặt Trời và Con Rồng U Minh (the Dragon of Darkness); Đấng Đại Hùng Ra vẫn ở trong Trứng của mình. Khi băng qua vùng đất bí nhiệm, kẻ quá cố vẫn rực rỡ trong Trứng của mình. Y là Trứng của Seb. Trứng là biểu tượng của Cuộc Sống vĩnh cửu và bất tử cũng như là hình tượng của cái khuôn sinh hoá; trong khi đó, thập tự Tau vốn liên kết với nó, chỉ là biểu tượng của *vòng sinh tử hoá hiện* (birth in generation). Vũ Trụ Noãn (the Mundane Egg) được đặt ở *Khoom*, “Nước của Không gian,” tức nguyên khí âm *trừu tượng*. Khi nhân loại *sa đoạ* và trở nên sùng bái sinh thực khí, *Khoom* trở thành Ammon, Thần Linh *sáng tạo*. Khi Ptah, “Vị Thần Rực Lửa” (“Fiery God”) cầm Vũ Trụ Noãn, bấy giờ biểu tượng ký trở thành có ý nghĩa hoàn toàn trần tục và cụ thể. Cùng với con Chim Ưng, còn có biểu tượng lưỡng phân Osiris-Mặt Trời liên quan tới hai cuộc sống hữu hoại và bất tử. Trong tác phẩm *Oedipus Egyptiacus*⁽²⁾ của Kircher, có khắc trên giấy cỏ chỉ hình một quả trứng nổi lên bênh trên xác ướp. Đó là biểu tượng hứa hẹn *một sự tái sinh* cho kẻ quá cố đã được thần *Osiris tiếp dẫn* (Osirified); sau khi đã đền tội đúng mức ở Địa Ngục (Amenti), Linh Hồn của y sẽ chuyển sinh vào Quả Trứng Bất Tử này (this Egg of Immortality), để rồi từ đó lại được tái sinh trên trần thế. Trong Nội môn Bí giáo, Quả Trứng này là *Devachan*, Cực lạc giới; con bọ cánh cứng cũng

¹ II Các Thánh Vương (Kings), xviii, 4.

² Quyển III, trang 124.

- 81 như là một biểu tượng của nó. “Quả cầu có cánh” chẳng qua chỉ là một hình thức khác của Quả Trứng và có nghĩa gần giống như là con bọt, tức Khopiroo – từ nguyên là *khopiroo* có nghĩa là trở thành, tái sinh – nó liên hệ tới sự tái sinh của con người, cũng như là sự tái tạo tinh thần của y.

Trong *Thần phổ học* của Mochus, trước hết chúng ta thấy Hậu thiên khí (Aether), rồi tới Khí (Air), từ hai nguyên khí này, Ulom, Đấng Thần Linh khả thức (the intelligible Deity). Vũ Trụ vật chất hữu hình, được sản sinh ra từ Vũ Trụ Noãn.⁽¹⁾

Trong các *Thánh Ca* của Orpheus, Eros-Phanes từ Linh Noãn (the divine Egg) tiến ra, Linh Noãn này có thẩm nhuận các *Luồng Hậu thiên khí* (the Aethereal Winds). Luồng khí chính là “Tinh Thần của Thượng Đê” hoặc đúng hơn là “Tinh Thần của U Minh Bất Khả Tri” (“Spirit of the Unknown Darkness”) – Thiên ý của Plato – người ta nói là Tinh Thần này di chuyển trong Hậu thiên khí.⁽²⁾ Trong Thánh kinh *Katha-Upanishad* của Ấn Độ; Purusha tức Tinh Thần Thiêng Liêng, đã sẵn sàng trước Bản Nguyên Chất (the Original Matter), “khi hai thứ trên kết hợp lại, đại hỗn của vũ trụ”, tức Đại Linh Tố (Mahā-Ātma), Brahmā, Tinh Thần của Cuộc Sống (the Spirit of Life),⁽³⁾ v.v.... được sản sinh ra. Các danh xưng trên đều đồng nhất với Anima Mundi, tức là “Linh Hồn Vũ Trụ”, Tinh Tú Quang của tín đồ Do Thái Bí giáo và nhà Huyền bí học, tức “U Minh Noãn” (the “Egg of Darkness”). Ngoài ra, về vấn đề này còn có nhiều ẩn dụ hấp dẫn rải rác trong các Thánh thư của người Bà La Môn. Có nơi, chính Đấng Sáng Tạo âm,

¹ Movers, *Phonizier*, 282.

² [Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển I, trang 56.]

³ Weber, *Akad-Vorles*, trang 213 và tiếp theo.

trước hết là một mầm mống, rồi là một giọt sương trong thiên giới, một viên ngọc trai, để rồi là một quả trứng. Trong những trường hợp như thế, có quá nhiều nên không thể liệt kê riêng rẽ, Quả Trứng sinh ra tứ Hành bên trong Hành thứ năm, tức Dĩ Thái và được bao bởi bảy lớp; sau này các lớp trở thành bảy cõi cao và bảy cõi thấp. Khi tách đôi ra, lớp vỏ trở thành Trời và phần ở trong trở thành Đất, phần trắng tạo thành vùng Nước ở dưới đất. Bảy giờ, chính Vishnu xuất lộ từ bên trong Quả Trứng, cầm trong tay một Hoa Sen. Vinatā, một con gái của Daksha và vợ của Kashyapa, “Đấng tự sinh tự tại, xuất phát từ Thời gian”, một trong bảy Đấng “sáng tạo” thế giới của chúng ta, sinh ra một Quả Trứng mà từ đó sẽ sinh ra Garuda, hiện thể của Vishnu; phần ẩn dụ sau chỉ có liên hệ với Trái Đất của chúng ta, vì Garuda là Đại Chu Kỳ (the Great Cycle).

Quả Trứng rất linh thiêng đối với Isis; và vì thế, các giáo sĩ Ai Cập không bao giờ ăn trứng.

Người ta hầu như luôn luôn trình bày tượng trưng Isis, một tay cầm Hoa Sen, một tay cầm Vòng Tròn và Thập tự giá (*thập giá có quai*).

Diodorus Siculus xác nhận rằng Osiris sinh ra từ một Quả Trứng, giống như Brahmā. Các thần Apollo và Latona, cũng như là hai anh em song sinh rực rỡ Castor và Pollux, đều sinh ra từ trứng của Leda. Và mặc dù các Phật tử không hề gán ghép cho Đức Phật Tổ (Founder) một nguồn gốc như vậy, song chẳng khác nào người Ai Cập thời xưa và người Bà La Môn thời nay, cũng kiêng ăn trứng, e rằng họ sẽ huỷ hoại mầm sống tiềm tàng trong đó, như thế phạm giới sát sinh. Người Trung Hoa tin tưởng rằng Người Đầu Tiên của họ

82 được sinh ra từ một Quả Trứng mà Thiên (*Tien*) thả từ trên

Trời xuống Đất vào trong Nước. ⁽¹⁾ Một số người vẫn còn coi biểu tượng này như là tượng trưng cho Ý niệm về nguồn gốc của sự sống, đó là một chân lý khoa học mặc dù mắt trần không thấy được *noãn châu* của con người (the human *ovum*). Do đó, chúng ta thấy từ thời xa xưa nhất, người ta tỏ ra tôn trọng nó, từ người Hy Lạp, người Phoenicians, người La Mã, người Nhật, người Thái Lan, thổ dân các bộ lạc Bắc và Nam Mỹ, cho tới giống người dã man ở các hải đảo xa xôi nhất.

Đối với người Ai Cập, vị thần linh ẩn tàng là Ammon hay là *Mon*, Tinh Thần Tối Cao “Ẩn Tàng”. Tất cả mọi Thần Linh của họ đều lưỡng phân – đối với Thánh điện, đó là Thực Tại khoa học; đối với quần chúng, đó là Thực Thể lưỡng phân, huyền hoặc và thần thoại. Chẳng hạn như trong Tiết “*Hồng nguyên khí: Thượng Đế: Càn Khôn*” có nhận xét. Horus Trưởng thượng là Ý niệm về Thế giới tồn tại trong Trí của Đấng Hoá Công, “sinh ra trong U Minh trước khi Thế giới được Sáng Tạo ra”; Horus *thứ nhì* cũng chính là Ý niệm này vốn xuất phát từ *Thượng Đế*, khoác lấy vật chất và thực sự tồn tại. ⁽²⁾ Horus, bậc “Trưởng Thượng”, tức *Haroiri*, là một trạng thái cổ truyền của Nhật Thần, đồng thời với Ra và Shu; người ta hay lầm lẫn *Haroiri* với Hor (*Horsusi*), Con của Osiris và Isis. Người Ai Cập rất thường trình bày tượng trưng Mặt Trời mọc dưới hình thức Hor Trưởng thượng; Ngài vươn lên từ Hoa Sen nở rộ, tức Vũ trụ, khi người ta luôn luôn thấy

¹ Hình như người Trung Hoa đã tiên liệu được thuyết của Sir William Thomson cho rằng mầm sống đầu tiên đã từ một sao chổi đang di chuyển rơi xuống địa cầu. Xin hỏi: Tại sao lại cho đó là *thuyết khoa học*, còn ý niệm của người Trung Quốc là một thuyết điên rồ, mê tín dị đoan?

² So sánh Movers, *Phonizier*, 268.

mặt trời trên đầu chim ưng của Thần Linh này. Haroiri chính là Khnoom. Ammon cũng giống như *Khnoom*, cả hai đều được trình bày tượng trưng như là có đầu cừu, người ta hay lầm lẫn chung với nhau, mặc dù chức năng của chúng khác xa nhau. Khnoom tạo ra người và vạn vật từ Vũ Trụ Noãn, trên cái bàn quay của người thợ làm đồ gốm; Ammon-Ra tức Đấng Sinh Hoá (the Generator), là trạng thái thứ yếu của Thượng Đế Ẩn Tàng. Người ta tôn thờ Khnoom tại Elephanta và Philae,⁽¹⁾ còn Ammon được tôn thờ tại Thebes. Nhưng chính Emepht, Nguyên Khí *Hành Tinh Tối Cao* Duy Nhất, thổi Quả Trứng từ miệng ra, và do đó là Brahmã. Hình bóng của Đấng Thần Linh Càn Khôn và Vũ Trụ, của Đấng ấp ủ và thấm nhuần Quả Trứng, với Tinh Thần làm linh hoạt nó, cho đến khi Mầm Mống (the Germ) chứa trong nó đã chín muồi, là Thượng Đế *bí nhiệm* có danh xưng không thể phát âm. Tuy nhiên, chính Ptah, tức Đấng Khai Sinh Khai Tử ⁽²⁾ xuất phát từ Vũ Trụ Noãn để bắt đầu công tác lưỡng phân của mình. ⁽³⁾

83 Theo người Hy Lạp, hình hài ma quái (phantom) của các Chemis (*Chemi*, cổ Ai Cập) đang nổi lênh bênh trên các làn sóng tinh anh của Thiên Giới (the Empyream Sphere), được Horus-Apollo khiến cho bắt đầu tồn tại; Ngài là Nhật Thần và khiến cho nó hoá ra từ Vũ Trụ Noãn.

¹ Các Nữ Thần tam phân của Ngài là Sati và Anouki.

² Ptah vốn gốc là Tử Thần, *Thần Huỷ Diệt* giống như Shiva. Ngài chỉ là Nhật Thần với tư cách là lửa mặt trời huỷ diệt cũng như là làm linh động. Ngài là thần quốc gia của Memphis, vị thần linh rục rỏ và có “dung mạo tuần tú” (Xem các Đồ đồng Saqqarah, Thời kỳ Saitic).

³ *Số Mục Thánh Thư*.

Thánh kinh *Brahmānda Purānas* chứa đầy bí nhiệm về Kim Noãn của Brahmā. Có lẽ vì thế mà chẳng nhà Đông phương học nào đến gần (inaccessible) được nó, họ tuyên bố rằng giống như *Skanda* (Uẩn), Thánh kinh *Purānas* này “không thể có được dưới hình thức tập thể nữa”, song “lại được tượng trưng bởi nhiều loại Khandas (điều không chế) và Māhātmyas (lòng hào hiệp), tự xưng là thoát thai từ nó”. Người ta mô tả Thánh kinh *Brahmānda Purānās* như là “cái mà trong 12 200 câu thơ, đã biểu thị sự tuyệt mỹ của quả trứng của Brahmā, nó có bao hàm một bản tường thuật về thiên kiếp vị lai ... do Brahmā tiết lộ”. ⁽¹⁾ Hoàn toàn giống như vậy và may ra còn có nhiều hơn nữa.

Trong vũ trụ khởi nguyên luận Bắc Âu, mà Giáo sư Max Muller xem là “xưa hơn Thánh kinh *Phệ Đà* nhiều,” trong bài thơ Woluspa (Bài ca của các Nữ Tiên Tri – the Song of the Prophetess); người ta lại thấy Vũ Trụ Noãn trong các Mầm mống Ma quái của Vũ Trụ (the Phantom-Germ of the Universe), nó được trình bày tượng trưng như là nằm trong *Ginnungagap*, tức cái Chén Hảo Huyền (the Cup of Illusion), Mây, Thái Uyên (Vực Thẳm – Abyss) vô biên vô cực. Trong Cái khuôn của Thế giới này (this World’s Matrix), xưa vốn là một vùng âm u, cô tịch, *Nifl-heim* (Nơi chốn Sa mù ‘the Mist-Place’, mờ mờ ảo ảo, theo lối nói bây giờ là trong Tinh Tú Quang), phóng ra một *Tia Sáng Dịu* (a Ray of Cold Light), nó làm đầy tràn cái chén và đông lại trong đó. Rồi Đấng Vô Hình Thổi một luồng khí nóng bỏng làm cho Nước đang đông giá, bị chảy ra và xua tan lớp sa mù. Các dòng Nước này (Hồng nguyên khí - Chaos) được gọi là luồng Elivagar, đóng lại

¹ *Vishnu Purānas*, Wilson, Quyển I, Lời nói đầu, các trang lxxxiv-lxxxv.

thành giọt sinh thủy (vivifying drops), rơi xuống và tạo ra Thổ và người khổng lồ Ymir, y chỉ “có vẻ giống người” (Thiên Đê), và Con Bò Cái, Audumla (“Mẹ”, Tinh Tú Quang hay Linh Hồn Càn Khôn), từ vú con bò cái này chảy ra bốn dòng sữa – bốn hướng, bốn đầu nguồn của bốn con sông trong vườn Địa Đàng (Eden) v.v...- bốn thứ này được biểu tượng hoá một cách ẩn dụ bằng Khối vuông theo tất cả mọi ý nghĩa huyền diệu khác nhau.

Tín đồ Thiên Chúa giáo – nhất là các Giáo hội Hy Lạp và La Tinh – đã hoàn toàn chấp nhận biểu tượng này và thấy nó chính là vật kỷ niệm cuộc sống vĩnh cửu, sự cứu chuộc và sự phục sinh. Người ta thấy điều này được bổ chứng bởi tục lệ cổ truyền trao đổi “các Quả Trứng vào dịp Lễ Phục Sinh” (“Easter Eggs”). Phải mất cả một chu kỳ từ lúc có *anguinum*, tức “Quả Trứng” của người “tà giáo” Druid, chỉ nghe thấy tên nó là người La Mã đã khiếp sợ, cho tới lúc có Quả Trứng màu đỏ vào dịp Lễ Phục Sinh của nông dân Slavonia (the Slavonian peasant). Thế nhưng, nếu chịu khó tìm kiếm và đừng xuyên tạc ý niệm nguyên bản của biểu tượng – vì tỏ ra kiêu kỳ và có mặc cảm tự tôn về mặt thể lực và trí lực – chúng ta sẽ thấy dù ở Âu Châu văn minh, hay ở các vùng còn dã man của Trung Mỹ, đâu đâu cũng có tư tưởng (idea) cổ sơ nguyên thủy này.

TIẾT 7

NGÀY VÀ ĐÊM CỦA PHẠM THIÊN (THE DAYS AND NIGHTS OF BRAHMÃ)

ĐÓ là danh xưng của các Thời kỳ gọi MANVANTARA (MANU-ANTARA, tức là giữa các vị Bàn Cổ) và Chu kỳ Hỗn Nguyên (PRALAYA) tức Tan Hoà (Dissolution); một danh xưng nhằm nói tới các thời kỳ hoạt động tích cực của Vũ Trụ; danh xưng kia nói tới các thời gian *Nghỉ ngơi* hoàn toàn và tương đối, cho dù chúng diễn ra vào lúc kết thúc một Ngày (Day) hay một “Tuổi” (“Age”) của Brahmã. Các thời kỳ này, đang nối tiếp nhau theo một trật tự đều đặn, cũng được gọi là các Tiểu và Đại Thiên Kiếp (Kalpas). Nói cho đúng ra thì Đại Thiên Kiếp (Mahã Kalpa) không bao giờ là một “ngày” mà là toàn thể một kiếp sống hay tuổi của Brahmã (Phạm Thiên), vì trong *Brahmã Vaivarta* có nói là: “Các nhà niên đại học tính toán một Thiên Kiếp (Kalpa) bằng Đời sống của Brahmã (the Life of Brahmã). Các Tiểu Thiên Kiếp (Minor Kalpas), như là Samvarta và phần còn lại, thật là vô số”. Xét theo chân lý tuyệt đối, chúng thật là vô hạn, vì chúng vô thủy vô chung; nói cách khác, không bao giờ có một Kiếp *đầu* hay Kiếp *cuối* trong Vĩnh Cửu.

Theo nghĩa thông thường, một *Parãrdha* hay là nửa kiếp sống của Brahmã, đã chấm dứt trong Đại Thiên Kiếp này rồi; Thiên Kiếp vừa qua là Padma tức Thiên Kiếp của Hoa Sen

Vàng (the Golden Lotus), kiếp hiện tại là Varāha,⁽¹⁾ Hoá thân “Heo Rừng” (“Boar”) tức Avatāra.

Học giả nghiên cứu tôn giáo Ấn Độ theo Thánh kinh *Purāṇas* cần phải đặc biệt lưu ý một điều. Y không được chấp nhận các lời phát biểu trong đó theo sát nghĩa và theo chỉ một nghĩa mà thôi; đặc biệt là các điều liên quan tới các Chu kỳ
85 Khai Nguyên (Manvantaras) hay các Thiên Kiếp (Kalpas), phải được hiểu theo nhiều nghĩa. Vì thế, trong cùng một

¹ Trong truyền thuyết nội môn của Đức Phật Thích Ca cho rằng Đấng Thế Tôn tịch diệt vì bội thực *thịt heo và com*, đó thực là một kết cuộc phàm tục chẳng có gì là trang nghiêm. Người ta giải thích điều này như là để cập một cách *ẩn dụ* tới việc Ngài đã được sinh ra trong kiếp “Heo Rừng”, (tức Varāha Kalpa) khi Vishnu khoác lấy hình hài của con thú này để kéo Trái Đất ra khỏi “Nước của Không gian” (“Water of Space”). Nay vì người Bà La Môn trực tiếp thoát thai từ Brahmā và có thể nói là đồng nhất hoá với Ngài, và vì họ đồng thời cũng là kẻ thù bất cộng đái thiên của Đức Phật và Phật giáo (the mortal enemies of Buddha and Buddhism) nên chúng ta mới có ẩn dụ kỳ cục này. Bà La Môn giáo (của kiếp Heo Rừng tức *Varāha Kalpa*) đã tàn hại Phật giáo ở Ấn Độ và đã quét sạch nó ra khỏi xứ sở này, do đó; người ta mới nói rằng Đức Phật, vốn đồng nhất hoá với triết thuyết của Ngài, tịch diệt vì ăn thịt heo rừng. Nội cái ý tưởng là Đấng đã lập nên phép ăn chay nghiêm ngặt nhất và cấm sát sinh – kiêng ăn cả trứng vì nó là *vận cụ của cuộc sống tiềm tàng trong tương lai* – mà lại tịch diệt vì bội thực thịt, cũng đủ mâu thuẫn một cách vô lý rồi, nó đã từng làm điên đầu nhiều học giả Đông phương. Song lối thuyết minh này, khi vén màn bí mật được ẩn dụ, cũng giải thích được tất cả những gì còn lại. Tuy nhiên, Varāha không những là con Heo Rừng, mà trước hết hình như còn có nghĩa là một con vật sống trên hồ trước thời đại hồng thủy “vẫy vùng trong nước một cách khoái chí” (“delighting to sport in water”) (Vāyu Purāṇa).

ngôn ngữ, các thời kỳ này có liên quan tới các Chu kỳ lớn lẫn Chu kỳ nhỏ, tới Đại Thiên Kiếp và các Tiểu Chu Kỳ (minor Cycles). Hoá thân Cá *Matsya* (tức Fish Avatāra), diễn ra trước khi có hoá thân Heo Rừng Varāha, do đó các ẩn dụ phải có liên hệ với các chu kỳ Kim Liên (Hoa Sen Vàng) lẫn Chu kỳ Khai Nguyên hiện nay, cũng như là với các Tiểu chu kỳ đã diễn ra từ khi Dãy Thế giới và Địa Cầu của chúng ta xuất hiện trở lại. Vì Hoá thân Cá của Vishnu và trận Đại hồng thủy của Vaivasvata có liên hệ một cách chính xác với một biến cố diễn ra trên Trái Đất trong cuộc Tuần Hoàn này, hiển nhiên là trong khi nó có thể liên quan tới các biến cố tiền vũ trụ (theo nghĩa Vũ Trụ Thái Dương Hệ *của chúng ta*), trong trường hợp này, nó chỉ có liên hệ tới một thời kỳ địa chất xa xăm. Trừ phi dùng phép loại suy, ngay cả Nội môn Bí giáo cũng không thể tự cho là biết được điều gì sẽ diễn ra trước khi Thái Dương Hệ của chúng ta tái xuất hiện và trước khi có Đại Chu Kỳ Hồn Nguyên cuối cùng (the last Mahā Pralaya). Nhưng nó dạy rõ rệt rằng sau khi trục Trái Đất bị xáo trộn lần thứ nhất về mặt địa chất, điều này kết thúc bằng cách quét sạch toàn bộ Châu thứ nhì xuống đáy biển, cùng với các giống dân sơ khai của nó – trong số các Châu liên tiếp, Atlantis là Châu thứ tư – lại có một sự xáo trộn khác do trục lại trở về khuynh độ ban đầu mau chảng kém gì nó thay đổi; thật vậy, khi Trái Đất *một lần nữa* lại được kéo lên khỏi mặt Nước – trên sao dưới vậy và *ngược lại*. Vào lúc đó, đã có các “Vị Thần” (“Gods”) trên Trần Thế; truyền thuyết nói là Thần Linh chứ không phải con người như hiện nay. Trong Quyển 3 có chứng tỏ là phép tính toán các thời kỳ trong Ấn Độ giáo ngoại môn, liên can tới cả các tai biến lớn của vũ trụ lẫn các tai biến nhỏ của trái đất, còn về các danh xưng thì cũng thế.

Chẳng hạn như danh xưng Yudhishtira – Quốc vương Đầu tiên của Sacae hay Shakas, Ngài khai mạc Chu kỳ Mạt Pháp (Kali Yuga Era), nó phải tồn tại trong 432 000 năm, “một vị vua có thực sống vào lúc 3 102 năm trước T.C. – áp dụng danh xưng này và tất cả cho trận Đại hồng thủy (the great Deluge), vào lúc Châu Atlantis bị chìm lần thứ nhất. Ông chính là “Yudishthira,” ⁽¹⁾ sinh ra trên ngọn núi có hàng trăm đỉnh, ở đầu mút của thế giới (the extremity of the world), *không ai có thể vượt ra ngoài nó được*, và “ngay sau khi có trận lụt”. ⁽²⁾ Chúng ta chẳng hề biết có một “Trận Lụt” vào lúc 3 102 trước năm T.C. , kể cả trận lụt của Noah, vì theo niên đại Thiên Chúa giáo của Judea, nó diễn ra vào năm 2 349 trước T.C.

Điều này có liên quan tới một sự phân chia thời gian nội môn và là một bí nhiệm được giải thích ở đầu đó, vì thế, vào lúc này, chúng ta có thể tạm gác nó qua một bên. Vào lúc này, chỉ cần nhận xét là mọi nỗ lực tưởng tượng của nhóm
 86 Wilfords, Bentleys và các kẻ muốn làm Oedipuses khác của Niên đại học nội môn Ấn Độ đều thất bại một cách thê thảm. Chưa kể là các nhà Đông phương học thông thái nhất cũng chưa hề giải được bất cứ Thời Đại hay Chu kỳ Khai Nguyên nào; do đó, họ đã giải quyết nhanh gọn vấn đề phức tạp khó khăn này bằng cách tuyên bố rằng đây “toàn là các điều bịa đặt do Brahmā tưởng tượng ra”. Thế đấy, cầu cho các đại học

¹ Theo Đại Tá Wilford, trận “Đại chiến” kết thúc vào năm 1 370 trước T. C. (*Khảo Cứu Á Châu*, ix, 88 - 89) theo Bentley, vào năm 575 trước T.C.!! Song chúng ta có thể hy vọng là trước khi thế kỷ này [19] chấm dứt, thiên anh hùng ca Mahābhārata sẽ được xem là đồng nhất với các trận chiến của Napoleon vĩ đại.

² Xem *Hội Khảo Cứu Châu Á của Hoàng gia*, ix, trang 364.

giả cứ an tâm như thế! “Điều bịa đặt này” được trình bày ở cuối phần giảng lý của ĐOẠN THỨ 2 (STANZA 2) thuộc Nhân sinh khởi nguyên luận, trong Quyển 3, có phần phụ lục nội môn.

Tuy nhiên, chúng ta hãy thử xem đâu là ba loại chu kỳ Hỗn Nguyên và đâu là niềm tin tưởng *bình dân* (*the popular belief*) về chúng. Vì nó đã từng phù hợp với Nội môn Bí giáo. Về Chu kỳ *Hỗn Nguyên*, trước đó có mười bốn chu kỳ khai nguyên, với nhiều Đức Bàn Cổ (Manus) chủ trì, vào lúc kết thúc các chu kỳ này, có sự Giải thể của Brahmā, trong Thánh kinh *Vishnu Purāṇas* có chú giải một cách ngắn gọn như sau:

Vào lúc kết thúc một ngàn chu kỳ của bốn thời đại, tức một ngày của Brahmā, hầu hết địa cầu bị suy kiệt ... Đấng Vishnu vĩnh cửu (Avyaya) lúc bấy giờ có tính cách của Rudra, Đấng Huỷ Diệt (Shiva) và giáng lâm để kết hợp tất cả mọi tạo vật (của mình) lại với mình. Ngài nhập vào bảy tia sáng mặt trời, hút cạn hết nước của Địa Cầu và khiến cho mọi hơi ẩm ... đều bốc hơi, thế là toàn bộ địa cầu đều khô cạn (*drying up*). Biển cả, sông ngòi, thác ghềnh, và suối nước, tất cả đều bốc hơi hết ...Được bồi dưỡng ...với nhiều hơi ẩm như thế, bảy tia sáng mặt trời phát triển thành ra bảy mặt trời và thiêu rụi ba cõi thấp. Đấng huỷ diệt vạn vật, Hari; ...Ngài là ngọn lửa thời gian (Kālāgni) [rốt cuộc sẽ thiêu huỷ Địa Cầu]. Rồi Ruda khi trở thành Janārdana, phun ra mây mưa. ⁽¹⁾

Có nhiều loại Chu kỳ *Hỗn Nguyên*, nhưng trong các Cổ thư Ấn Độ, có đặc biệt đề cập tới ba thời kỳ chính. Theo Wilson, chu kỳ chính thứ nhất được gọi là NAIMITTIKA, ⁽²⁾ tức

¹ Xem Quyển v, trang 190 - 193.

² Trong các Triết hệ Vedānta và Nyāya, Nimitta (ngữ căn của Naimittika) được dịch là nguyên nhân hữu hiệu, đối chọi với Upādāna, tức Nguyên nhân Vật chất. Trong Triết hệ Số Luận, Hồng Mông nhất khí (Pradhāna) là một nguyên nhân kém cỏi hơn

“thình thoảng” (“occasional”) hay “ngẫu nhiên” (“incidental”) do những khoảng cách giữa các “Ngày của Brahmā”; đó là sự huỷ diệt mọi chúng sinh, chứ không phải là huỷ diệt chất liệu; chất liệu vẫn giữ nguyên trạng cho đến khi Bình minh lại lộ dạng sau Đêm Đen này. Chu kỳ chính thứ hai được gọi là PRĀKRITIKA và diễn ra vào lúc kết liễu *Tuổi* hay Kiếp Sống của Brahmā (Life of Brahmā), khi vạn hữu được phân giải thành ra Hành Bản Sơ (The Primal Element), để rồi sẽ được tạo hình trở lại vào lúc kết thúc Đêm Đen dài đằng đằng này. Chu kỳ thứ ba, tức Atyantika, không liên can tới các Thế giới hay Vũ Trụ, mà chỉ liên can tới Chon Ngã của một số người. Do đó, nó chính là Chu kỳ Hỗn Nguyên của Chon Ngã, tức NIẾT BÀN, sau khi đã nhập Niết Bàn sẽ không có luân hồi nữa cho đến lúc kết liễu chu kỳ Đại Hỗn Nguyên. Đêm Đen vừa kể - kéo dài tới 311 040 000 000 năm và có thể còn kéo dài gấp đôi trong trường hợp vị Thánh Sư nhập Niết Bàn vào thời kỳ đầu của một Chu kỳ Khai Nguyên – cũng đủ dài để được xem là *vĩnh cửu*, nếu không muốn nói là vô tận. Thánh kinh *Bhāgavata Purāna*⁽¹⁾

87 còn đề cập tới một loại Chu kỳ Hỗn Nguyên thứ tư là *Nitya* hay là giải thể thường hằng, và giải thích rằng nó là sự biến chuyển không ngừng diễn ra một cách nhỏ nhiệm (takes

Brahmā, hay đúng hơn thì bản thân Brahmā là một nguyên nhân cao cấp hơn Hồng Mông nhất khí. Vì thế, dịch “ngẫu nhiên” (“Incidental”) là sai; theo một số học giả, nên dịch là “Nguyên nhân Lý Tưởng” (“Ideal Cause”) thậm chí “Nguyên nhân Chân thực” (“Real cause”) lại càng hay hơn.

¹ XII, iv, trang 35 [Bhāgavata Purāna, của Purnendu Narāyan Sinha, Skanda XII, chương iv, trình bày bốn loại chu kỳ Hỗn Nguyên là: Nitya, Nimittika, Prākritika, Atyantika.]

place imperceptibly) trong vạn vật của Vũ Trụ này, từ bầu hành tinh tới nguyên tử. Nó chính là vòng sinh tử luân hồi, thành trụ hoại không.

Khi tới lúc Đại Chu kỳ Hỗn Nguyên (Mahā Pralaya), dân cư ở Svar-loka (thượng giới) bị hoả tai đe dọa, liền tìm nơi trú ẩn “với các Tổ Phụ, các vị Bàn Cổ, Bảy Thánh Hiền, nhiều đẳng cấp Thiên Thần, tới Mahar-loka”. Khi đến lượt Mahar-loka cũng bị hoả tai, tất cả lại kéo nhau tới tị nạn ở Jana-loka, *“trong các hình hài tinh anh, rồi sẽ tái lâm phạm với các năng khiếu vẫn còn y nguyên, khi đến lúc đổi mới vào thời kỳ đầu của Thiên Kiếp sau”*.⁽¹⁾

Mây đen vần vũ, sấm sét vang trời, giăng kín không gian [Nabhastala]. Mưa ào ào tuôn xuống như thác đổ, làm cho trận hoả tai khủng khiếp tắt ngấm ...thế rồi mưa liên tiếp cho tới một trăm năm [thiên niên] làm cho toàn thế giới [Thái Dương Hệ] ngập chìm dưới dòng nước bạc. Các giọt nước mưa to bằng con súc sắc (dice), tràn lan khắp trời đất, lấp kín cả vùng giữa (Bhuva-loka) và làm ngập lụt cả mây từng trời. Thế giới bấy giờ trông thật âm u; tất cả vạn vật đều chết đuối, mưa vẫn không ngớt hạt ... [thế là đêm của Brahmā buông xuống trong khung cảnh tiêu điều xơ xác].⁽²⁾

Đó là cái mà chúng ta gọi là chu kỳ Hỗn Nguyên của Thái Dương Hệ theo Nội môn Bí giáo. Khi nước đã dâng lên tới địa hạt của Bảy Thánh Hiền (the Seven Rishis) và thế giới tức Thái Dương Hệ đã biến thành Biển cả bao la, nó dừng lại. Hơi thở của Vishnu biến thành một trận cuồng phong, thổi trong một trăm năm (thiên niên) nữa cho đến khi trời quang, mưa tạnh. Bấy giờ gió bị thu lại và

¹ *Vayu Purāṇa*.

² *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển V, trang 194.

ĐẮNG sinh hoá ra vạn vật, Đấng Chúa Tế khiến cho vạn vật hiện tồn, Đấng bất khả tư nghị, vô thuỷ vô chung, cội nguồn của vũ trụ, nằm trên lưng con Shesha [Con Rắn Vô Cực] giữa thái uyên (the deep). Đấng sáng tạo [(?) Adikrit] Hari, nằm lim dim (sleeps) (trên biển cả) [của Không gian] dưới hình hài Brahmā – được Sanaka ⁽¹⁾ và Chư Thánh (Siddhas) ...của Jana-loka tôn vinh, được những cư dân Thánh thiện ở Brahmā-loka, bận tâm về sự giải thoát cuối cùng – đang mơ màng với các hão huyền của chính mình được nhân cách hoá một cách thiêng liêng ... Đó là ...sự giải thể [(?) pratisanchara] được gọi là ngẫu nhiên vì Hari ...là nguyên nhân ngẫu nhiên [Lý tưởng] của nó.⁽²⁾ Khi tinh thần vũ trụ thức tỉnh, thế giới bỗng hồi sinh; khi Ngài nhắm mắt lại, mọi vật say sưa giấc điệp diệu huyền. Cũng như 1 000 tuổi tạo thành một ngày của Brahmā [trong nguyên bản đó là Padamyoni, cũng giống như Abjayoni, tức “sinh ra từ Hoa Sen”, chứ không phải là Brahmā], cũng vậy, đêm của Ngài cũng chỉ có từng ấy thời kỳ ...Khi đêm dài vô tận đã kết liễu, Đấng tự sinh tự tại bùng con mắt dậy ...và lại tạo ra thế giới”⁽³⁾ .

- 88 Đó là chu kỳ Hỗn Nguyên “Ngẫu nhiên”; thế còn sự Giải thể Ngũ hành (Prākṛitika) thì sao? Parāshara đã mô tả nó cho Đức Di Lặc (Maistreya) như sau:

¹ *Đấng Thiên Tôn* (the chief Kumāra) hay Vị Thần Trinh Khiết (Virgin-God) chính yếu, một vị Thiên Định Đế Quân (a Dhyān Chohan) từ chối sinh hoá. Một nguyên kiểu của Thánh Michael, ông cũng không chịu giống như vậy.

² Xem những dòng chót của Tiết “Hồng nguyên khí: Thượng Đế: Càn Khôn”.

³ Quyển v, trang 195 - 196.

Khi nạn đói kém và hoả tai hoành hành, toàn thể thế giới và các Pâtālas (Địa ngục - Hell) đều tiêu tan hết (¹).... bấy giờ sự giải thể ngũ hành bắt đầu tiến triển. Lúc đó, trước hết Thuỷ nuốt trọn lấy đặc tính của Thổ (đó là khứu giác thô sơ); khi bị mất hết đặc tính, Thổ ngay càng bị huỷ diệt ...và nhập một với Thuỷ ... Như thế, khi vũ trụ đã thấm nhuần các ngọn sóng của hành Thuỷ, hương vị phảng phất của nó lại bị hành Hoả đốt hết ...còn chính Thuỷ lại bị huỷ diệt và nhập một với Hoả. Thế là ngọn lửa [tinh anh] lại phủ kín hết vũ trụ và...dần dần lan tràn ra toàn thể giới. Trong khi không gian chỉ còn là [một] ngọn lửa,...hành Phong nắm lấy đặc tính thô sơ tức hình hài, vốn là nguyên nhân của ánh sáng; khi đặc tính ấy bị rút lại, vạn vật đều trở thành có bản chất của Phong. Hình hài thô sơ bị tiêu hết, Hoả [(?) Vibhāvasu] đã mất đi yếu tố thô sơ, Phong bèn dập tắt Hoả và lan tràn ...ra khắp không gian tăm tối khi Hoả hoà lẫn vào Phong. Bấy giờ Phong – có kèm theo Âm Thanh vốn là cội nguồn của Dĩ Thái – bành trướng ra khắp nơi suốt Thập giới ...cho tới khi Dĩ Thái nắm lấy sự tiếp xúc [(?) Sparsha, Sự Cố Kết – Xúc giác ?] tức đặc tính thô sơ của nó. Khi mất đặc tính này, Phong cũng tiêu tan luôn, còn dĩ thái [(?) Kha] vẫn không thay đổi: không có hình hài, hương vị, xúc giác (sparsha) và khứu giác, nó tồn tại một cách [không] hoá hiện [mūrtimat] và thênh thang (vast), thấm nhuần toàn thể không gian. Dĩ Thái [Tiên thiên khí] đặc tính thô sơ của nó là âm thanh ["Huyền Âm"(the "Word")] vẫn đơn độc hùng cứ một khoảng trống của không gian [hay đúng hơn là chiếm hết toàn bộ nội dung của Không gian]...Rồi (Nguồn gốc - Origin) [Thực Tượng ? (Noumeon?)] của các hành (Bhūtādi) ngốn lấy Âm Thanh (devours Sound) [Tập thể Hoá Công (the collective Demiurgos)] [và Đại Đoàn Các Thiên Định Đế Quân (and the hosts of Dhyān Chohans)]

¹ Viễn ảnh này khó lòng thích hợp với Thần học Thiên Chúa giáo, khoa Thần học này lại thích có một địa ngục đời đời dành cho các tín đồ của Thiên Chúa giáo.

và tất cả mọi Hành ⁽¹⁾ [hiện hữu] ...liền bị hội nhập ngay vào nguyên bản của chúng. Hành bản sơ này chính là thần thức, phối hợp với tính chất u mê [Tāmasa – Đúng hơn là U mê tinh thần (Spiritual Darkness rather)], chính nó lại bị Mahat [Toàn Linh Trí (the Universal Intellect)] nuốt trọn [làm tan rã]. Toàn Linh Trí có đặc tính thông tuệ [Buddhi]; Địa và Toàn Linh Trí là nội biên và ngoại biên của vũ trụ. [Lúc đầu] bảy sắc tướng của thiên nhiên [Prakriti] được tính từ Toàn Linh Trí tới Địa như thế đó, vì vậy ... bảy sắc tướng này lần lượt tái thâm nhập vào nhau. ⁽²⁾

Quả Trứng của Brahmā (sarva-mandala) tan ra trong vùng nước bao quanh nó, với bảy châu (dvipas), bảy đại dương, bảy vùng núi non. Thủy bị Hoả hút cạn; (tầng - stratum) Hoả lại bị (tầng) Phong hút lấy; Phong hoà lẫn với dĩ thái [Tiên thiên khí]. Hành bản sơ [Bhūtādi, nguồn gốc hay đúng hơn là nguyên nhân của hành bản sơ] ngốn lấy dĩ thái, còn bản thân nó bị Bản trí [Mahat, Toàn Linh Trí] tóm lấy. Cùng với tất cả các thứ này, Toàn Linh Trí cũng bị thiên nhiên [Prakriti] chiếm lấy [rồi biến mất

¹ Ở đây chúng ta phải hiểu từ ngữ “Hành” không những theo nghĩa các yếu tố vật chất hữu hình, mà còn theo nghĩa do Thánh Paul dùng, tức là các Mạnh lực tinh thần thông tuệ (Thiên Thần và Ma Quỷ trong các chu kỳ khai nguyên).

² Khi các nhà Đông phương học hiểu được lời mô tả này một cách chính xác hơn theo ý nghĩa nội môn, bấy giờ, người ta sẽ thấy là sự tương hệ Vũ Trụ của các Hành thế gian này có thể giải thích được sự tương hệ của các lực vật lý khá hơn mức hiểu biết hiện nay. Dù sao đi nữa, các nhà Minh Triết Thiêng Liêng cũng thấy là Prakriti có *bảy* hình thức, tức nguyên khí “tính từ Mahat xuống tới Địa”. Ở đây, “Nước” có nghĩa là “Huyền Mẫu” (“Mother”); cái Tử Cung của Thiên Nhiên Trừu Tượng (the Womb of Abstract Nature); Vũ Trụ Biểu Lộ được thai nghén trong đó. Bảy “châu” (“zones”) nhằm nói tới Bảy Phân khu của Vũ Trụ này, tức Thực Tượng (Noumena) của các Thần lực khơi hoạt nó. Tất cả toàn là ẩn dụ.

(disappear)]... Dù là rời rạc hay cố kết, Prakriti này đều có bản chất như nhau, có điều là cái rời rạc rốt cuộc sẽ bị hấp thu vào cái cố kết. Tinh Thần (Pums) vốn độc nhất vô nhị, thuần khiết, bất hoại, vĩnh cửu, thâm nhuần vạn vật – cũng là một phần của loại Tinh Thần tối cao vốn là Vạn hữu, tinh Thần này [sarvesha] vốn khác xa tinh thần [thể hiện] trong đó không có các thuộc tính của danh xưng, chủng loại [nāman (danh) và jāti (sinh), hay rūpa (sắc), vì thế sắc tướng đúng hơn là chủng loại], hoặc cái giống như (the like)...[còn lại] tồn tại (đơn độc) [Sattā]...Cả thiên nhiên lẫn tinh thần [Purusha] [rốt cuộc] đều tan hoà vào tinh thần tối cao. ⁽¹⁾

Đó là chu kỳ HỖN NGUYÊN tối hậu (the final PRALAYA) ⁽²⁾ – sự Diệt Vong của Càn Khôn (the Death of Kosmos); sau đó, Tinh Thần của nó vẫn thường trụ tại Niết Bàn, tức là NOI (THAT) chẳng có Ngày mà cũng chẳng có Đêm. Tất cả Chu kỳ Hỗn Nguyên (Pralayas) khác đều có tính chất định kỳ và nối tiếp các Chu kỳ Khai Nguyên (Manvantaras) một cách đều đặn, chẳng khác nào đêm nối tiếp ngày đối với muôn loài, con người, cây cỏ, thú cầm. Chu kỳ sáng tạo ra *chúng sinh* trong Càn Khôn đã kết liễu; năng lượng của “Huyền Âm” biểu lộ đã tăng trưởng và đạt cực đại rồi, ắt phải giảm dần, chẳng khác nào vạn vật vô thường, cho dù chúng tồn tại lâu dài đến đâu chẳng nữa. Thần Lực Sáng tạo cũng Vĩnh Cửu như Thực Tượng; vì là một hiện tượng biểu lộ dưới mọi khía cạnh, nó vốn “hữu thủy” ắt phải “hữu chung”. Trong

¹ *Vishnu Purāṇa*, Quyển V, trang 196 - 200. Các lầm lẫn của Wilson đã được sửa lại, còn các từ ngữ nguyên bản được để trong ngoặc.

² Vì Chu kỳ Hỗn Nguyên mà ta mô tả ở đây là Mahā tức Đại, hay cái gọi là TỐI HẬU (FINAL), nên vạn vật đều được tái hấp thu vào trong Hành nguyên thủy ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ của nó (its original ONE Element); người ta nói là “Chư Thiên, Brahmā v.v.... đều biến mất (disappear) suốt trong ĐÊM dài vô tận này”.

khi biểu lộ, nó phải có các thời kỳ hoạt động cũng như là các thời kỳ nghỉ ngơi. Đó chính là các Ngày và Đêm của Brahmã. Song Brahman, tức Thực Tượng, không bao giờ yên nghỉ, vì Nó vẫn thường trụ, mặc dù người ta không thể nói là Nó có tính chất “vô sở bất tại” (không ở đâu mà không có)...

Tín đồ Do Thái Bí giáo thấy rằng một Đấng Thần Linh Vĩnh Cửu cần phải có *tính chất thường trụ này (this immutability)*, vì thế họ gán ý tưởng này cho Thượng Đế nhân hình. Ý niệm này thật là thơ mộng, và còn được áp dụng rất thích đáng nữa. Thánh kinh *Zohar* dạy như sau:

Khi Moses cầu kinh đêm khuya trên Núi Sinai cùng với Đấng Thánh Linh (the Deity), - Ngài ẩn sau một đám mây mù nên ông không thấy - ông sợ hãi quá, nên buột miệng hỏi: “Chúa ơi, Ngài đâu mất rồi. Ngài ngủ rồi sao? Và Đấng Chơn Linh (the Spirit) trả lời: “Không bao giờ Ta ngủ, Ta mà chớp mắt đi một chút ĐỐI VỚI THỜI GIAN (BEFORE MY TIME)(đề nghị dịch là: “sớm hơn/trước kỳ hạn của ta” - kẻ hiệu đính) là vạn hữu sẽ tiêu tan trong nháy mắt.”

Nhóm từ ngữ “*đôi với thời gian*” (“*before my time*”) rất có tính chất gợi ý. Nó chứng tỏ là Thượng Đế của Moses chỉ là một sự thay thế tạm thời cũng như Brahmã, tức Đấng nam nhi (the male), chỉ là một sự thay thế và là một trạng thái của CÁI ĐÓ (THAT), Cái Đó vốn thường trụ nên chẳng bao giờ dự phần vào “ngày” và “đêm”, mà cũng chẳng có liên can gì tới phản tác động hay sự giải thể.

Trong khi các nhà Huyền bí học Đông phương có tới bảy lối thuyết minh, thì dân Do Thái lại chỉ có bốn; đó là lối thực sự huyền học; lối ẩn dụ; lối đạo đức; và lối sát nghĩa tức *Pashut*. Lối thuyết minh sát nghĩa là bí quyết (key) của các giáo hội ngoại môn nên ta cũng chẳng cần bàn đến. Sau đây là nhiều câu – nếu được thuyết minh theo lối thứ nhất, tức là

lỗi huyền học, sẽ vạch rõ gốc tích của các nền tảng kiến tạo
90 trong mọi Thánh kinh. Chúng được trình bày trong các tác phẩm tuyệt hảo của Isaac Myer và Thánh kinh Do Thái Bí giáo; hình như ông ấy đã nghiền ngẫm chúng đêm ngày. Tôi xin trích dẫn nguyên văn:

“Thoạt đầu, Thượng Đế khai thiên tịch địa. Sáu Đấng (Sephiroth Kiến Tạo – Sephiroth of Construction) ⁽¹⁾ thuộc về phần dưới, bên trên có Đấng B’ raisheeth. Nó tạo ra Lục Nguyên, (và) vạn vật đều tồn tại dựa vào Lục Nguyên này. Chúng lại còn tùy thuộc vào bảy hình thức của Cái sọ (Cranium) mãi tới Chức Sắc Tối Cao (the Dignity of all Dignities). Người ta cũng chẳng trừ tính (calculation) gì đến ‘Đất’ thứ nhì, do đó mới có phát biểu: ‘Nó (Đất này) đã bị nguyền rủa (curse), hãy để cho nó xuất lộ đi’ ... Nó (Đất) vô hình, vô hiện; hắc khí phủ đầy mặt Thái Uyên (the Abyss), còn tinh thần của Elohim ... lại phì phò (breathing) (me’ racha’ pheth, nghĩa là chồn vờn, ấp ủ, di chuyển) trên mặt nước’. Thập tam nguyên dựa dẫm vào mười ba (hình thức) của Chức Sắc xứng đáng nhất. Sáu ngàn năm lơ lửng (được đề cập tới) trong sáu từ ngữ đầu tiên. (Ngàn xưa) thứ bảy, ở bên trên nó (Đất bị nguyền rủa – the cursed Earth) là cái vốn tự lực, tự cường (strong by Itself). Và nó bị tàn phá trong vòng mười hai giờ (một ... ngày). Vào giờ thứ Mười ba, Nó (Thượng Đế) sẽ phục hồi chúng ... và vạn vật sẽ lại được làm cho mới lại như trước; và cả sáu sẽ lại tiếp tục.” ⁽²⁾

Các “Đấng Sephiroth Kiến Tạo” là sáu Thiên Định Đế Quân, hay Bàn Cổ, hay Thiên Đế (Prajāpatis), các Ngài tổng hợp thành Đấng B’raisheeth thứ bảy, Đệ nhất Phân thân, tức *Thượng Đế*. Do đó, các Ngài được gọi là các Đấng Kiến Tạo ra Hạ Giới tức cảnh Hồng Trần; tất cả các Ngài đều thuộc về

¹ Các “Đấng Kiến Tạo” của các ĐOẠN THƠ TIẾNG PHẠN.

² Trích từ *Siphra Dzenioutha*, chương I, Tiết 16 và tiếp theo; trích lại từ *Qabbalah* của Myer, trang 232 - 233.



Bên Dưới, *Lục Nguyên* có bản thể là cái *Thứ bảy*, đều là các *Upādhi*, tức là Nền tảng (Fundamental Stone) mà Vũ Trụ ngoại cảnh được kiến tạo dựa vào đó, tức là *thực tượng* của vạn vật. Vì thế, họ đồng thời cũng là các Thần lực của Thiên Nhiên; Bảy Thiên Thần Bản Lai Diện Mục (the Seven Angels of the Presence); các Nguyên khí thứ sáu và thứ bảy nơi Con người; các Bầu tinh thần-tâm linh-vật chất của Dây Hành Tinh gồm có bảy bầu; các Căn chủng (the Root Races)v.v....Tất cả các Ngài đều “dựa vào Bảy hình thức của cái Sợ” mãi cho tới hình thức cao nhất. “‘Đất’ thứ nhì không được trù tính gì đến, vì nó *chẳng phải là Đất* mà là Hồng nguyên khí, tức Thái Uyên của Không gian; Vũ Trụ theo mô hình ở trong Thiên Ý của Đại Hồn, suy gẫm về nó. Ở đây, từ ngữ “Curse” rất dễ gây ngộ nhận, vì nó chỉ hàm ý là *Chịu đựng* hay *số mạng* (Doom or destiny) tức là dù muốn dù không nó cũng cứ bị biểu lộ ra ngoại cảnh. Điều này được chứng tỏ bởi sự kiện là “Đất” ở dưới “sự Nguyên rửa” (“Curse”), được mô tả như “vô hình vô hiện”. Trong lòng sâu thẳm của Đất này, “Thần khí” của Elohim (tức tập thể Thượng Đế - collective Logoi) tạo ra hay có thể nói là chụp hình (photographed) THIÊN Ý Bản Sơ của vạn hữu. Tiến trình này được lập lại sau mỗi Chu kỳ Hồn Nguyên, trước khi bắt đầu một Chu kỳ Khai Nguyên mới, tức là thời kỳ con người có cá tính tri giác (period of sentient individual being). “Thập tam nguyên tùy thuộc vào mười ba hình thức” nhằm nói tới mười ba Chu kỳ, được nhân cách hoá bởi mười ba Đấng Bàn Cổ, cùng với Svayabhava, Đấng thứ mười bốn – 13, thay vì 14 là một *bức màn che* (veil) thêm vào – mười bốn Đấng Bàn Cổ này ngự trị trong một kỳ hạn của một Chu Kỳ, tức một “Ngày” của

91 Brahmā. (Thập tam nguyên - thập tứ nguyên) này của Vũ Trụ

ngoại cảnh dựa dẫm vào mười ba (mười bốn) hình thức kiểu mẫu lý tưởng. Người ta lại tìm thấy ý nghĩa của sáu ngàn Năm “lo lửng trong sáu từ ngữ đầu tiên” trong Minh Triết Ấn Độ. Chúng nhằm nói tới sáu (bảy) “Thánh Vương Nguyên Thủy của Edom” (“King of Edom”) họ tiêu biểu cho các cảnh giới của Dãy hành tinh chúng ta, suốt trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, cũng như là những người nguyên thủy của cuộc Tuần Hoàn này. Họ là Căn chủng thứ Nhất (First Root-Race) gồm bảy phân chủng thời *tiên Adam*, họ là những người tồn tại trước khi có Căn chủng tức Giống dân thứ Ba *biệt lập*. Vì họ là các *hình bóng* vô tri vô giác và chưa ăn Trái cây Minh Triết (The Tree of Knowledge), nên họ không thể thấy Parzuphim, tức “không thể Diện đối Diện” (“Face could not see Face”); nghĩa là giống người bản sơ “vô thức”. Do đó (bảy) Thánh Vương nguyên thủy đều đã băng hà tức là bị huỷ hoại (destroyed).⁽¹⁾ Thế thì bây giờ, họ là ai vậy? Theo Thánh kinh *Vishnu Purāṇa* ⁽²⁾ các Thánh Vương này là “Bảy Thánh Hiền (Seven Rishis), một vài thần linh (thứ yếu), Indra [Shakra], Đức Bàn Cổ và các Thánh Vương kế vị, được sáng tạo và bị diệt vong trong chỉ một thời kỳ”. Vì thứ bảy (“ngàn năm”), *chẳng phải là ngàn năm của Thiên Chúa giáo ngoại môn, mà là ngàn năm của Nhân sinh khởi nguyên luận (Anthropogenesis)*. Nó tượng trưng cho cả “thời kỳ sáng tạo thứ Bảy”, tức thời kỳ của con người vật chất, theo Thánh kinh Vishnu Purāṇa, Nguyên khí thứ bảy thuộc cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa, cũng như là *chu kỳ hỗn nguyên* sau khi có Thời kỳ thứ bảy, tức “Đêm”, nó cũng dài như “Ngày” của Brahmā. Nó bị tàn phá trong vòng mười hai giờ. Vào giờ thứ

¹ So sánh với *Siphra Dzenioutha*.

² Quyển I, trang 50.

Mười ba (hai lần sáu và Phần tổng hợp) vạn vật sẽ được phục hồi, và cả “sáu sẽ được tiếp tục”.

Thế thì tác giả của Thánh kinh *Qabbalah* đã nhận xét hoàn toàn đúng:

Đã từ lâu lắm rồi trước thời [Ibn Gebirol's]...nhiều thế kỷ trước kỷ nguyên Thiên Chúa, ở Trung Á có một “Giáo lý Minh Triết” (“Wisdom Religion”), sau này chỉ có những người trí thức cổ Ai Cập, cổ Trung Quốc, Ấn Độ v.v....là còn lưu truyền được một vài điều vạn vật của nó...[Và] rất có thể là Thánh kinh *Qabbalah* vốn có nguồn gốc Ấryan, đã được chuyển từ đó qua Trung Á, Ba Tư, Ấn Độ và Mesopotamia, tới Palestine; vì Abraham và nhiều người khác từ Ur và Haran đến”.⁽¹⁾

C. W. King, tác giả của sách *Tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostics) và Các di tích cũng tin chắc như vậy*.

Vãmadeva Mudaliyar mô tả “đêm” sắp tới thơ mộng nhất. Dù đã được trình bày trong *Nữ Thân Isis Lộ Diện*, nó vẫn đáng được trình bày lại ở đây:

Khắp bốn phương trời vang lên các tiếng động kỳ lạ ...Chúng báo hiệu Đêm của Brahmā sắp buông xuống, chân trời tối sầm lại, Mặt trời đi qua đằng sau Makara ba mươi độ [cung thứ mười của Hoàng Đạo] và sẽ chẳng vượt quá cung Minas [cung Hoàng Đạo Song Ngư]. Các bậc Tôn Sư (Gurus) được chỉ định trông chừng Rāshichakram [Hoàng Đạo - Zodiac], bây giờ có thể vứt bỏ các dụng cụ quan sát, vì từ nay chúng trở thành vô dụng.

Dần dần ánh sáng mờ đi, nhiệt giảm xuống, trên địa cầu ngày càng có nhiều địa điểm hoang vắng, không khí ngày càng loãng, 92 suối cạn hết nước, các sông lớn cũng cạn dần, đại dương để tro đáy biển đầy cát, cây cối chết hết. Người và thú ngày càng teo lại. Cuộc sống và chuyển động mất đi sức mạnh của chúng; các hành tinh khó chuyển động theo luật hấp dẫn trong không gian; từng hành tinh một tắt dần, giống như cái đèn không được chăm lo rót dầu.

¹ Các trang 219 - 221.

Surya [Mặt Trời] chập chòn rồi tắt hẳn, vật chất tan hoà ra [Hỗn Nguyên - Pralaya], Brahmā lại nhập vào Dyaus, Thượng Đế Vô Hiện; đã hoàn thành nhiệm vụ rồi, Ngài rơi vào giấc ngủ triền miên. Thế là một ngày nữa trôi qua, đêm bắt đầu và tiếp tục cho đến khi Bình minh lại lộ dạng.

Và nay, Ngài lại vào kim noãn của Tư Tưởng của Ngài các mầm mống của vạn hữu (theo lời Thánh nhân dạy chúng ta). Trong khi Ngài đang yên nghỉ, thực thể linh hoạt vốn rất hiếu động, cũng ngưng tác động, và mọi cảm tính [Manas] đều trở nên bất động (dormant). Khi tất cả đều được hấp thụ vào trong LINH HỒN TỐI CAO (the SUPREME SOUL), Linh Hồn của vạn hữu này say sưa giấc miên trường, cho đến Ngày nó được phục hồi nguyên trạng và bừng con mắt dậy sau đêm sơ thủy.⁽¹⁾

Cũng như “*Chu kỳ Chánh Pháp*” (“*Satya Yuga*”) luôn luôn đứng đầu hàng loạt Bốn thời đại tức Yugas, cũng vậy, chu kỳ Mạt Pháp bao giờ cũng sau rốt. Chu kỳ Mạt Pháp (Kali Yuga) nay thống ngự ở Ấn Độ và nó hình như là trùng hợp với chu kỳ này của Thời Đại Tây phương. Dù sao, tác giả *Vishnu Purāna*, khi tiên tri cho Đức Di Lặc một số tác dụng và tội lỗi hắc ám của chu kỳ Mạt pháp này, đã tỏ ra là đoán trúng trong hầu hết mọi việc. Vì sau khi bảo là giống người dã man sẽ hùng cứ trên các bờ sông Ấn Hà (the banks of the Indus), Chandrabhāgā và Kāshmīra, ông nói thêm:

Sẽ có các quốc vương hiện đại trị vì trên trần thế, các vị vua thô tục, bạo ngược bao giờ cũng đắm say những gian dối và độc ác. Họ sẽ tàn sát đàn bà, con trẻ và gia súc; họ sẽ cưỡng chế tài sản của thần dân, [hay theo một lối thuyết minh khác, họ sẽ lừa le cướp vợ người khác]; họ sẽ có quyền lực giới hạn ...họ sẽ giẫm đạp, họ sẽ không thoả mãn được dục vọng của mình ...Dân chúng thuộc

¹ Xem *Các Con của Thượng Đế* và *Ấn Độ của người Bà La Môn*, trang 230 của Jacolliot.

nhiều quốc gia khác nhau sống trà trộn với họ, sẽ noi gương họ, những người đã man được các hoàng thân, quốc thích đỡ đầu, rất có thể lực [ở Ấn Độ], trong khi các bộ lạc thuần khiết hơn lại bị bỏ bê, dân chúng sẽ bị diệt vong [hoặc, theo nhà bình giải: “Nhóm Mlechchhas sẽ chiếm vị trí trung tâm còn nhóm Āryan lại đứng sau rốt”].⁽¹⁾ Càng ngày người ta càng đói rách và bớt sùng đạo cho đến khi thế giới sẽ hoàn toàn đổi truy ... Chỉ có tài sản thôi cũng đủ đem lại địa vị; người ta chỉ còn biết tôn thờ của cải; thị dục sẽ là mối quan hệ duy nhất giữa hai phái; để thắng lợi trong các cuộc tranh tụng, sự giả dối sẽ là phương tiện duy nhất; phụ nữ sẽ chỉ còn là các vật để thoả mãn nhục dục ... Người ta sẽ chỉ còn đánh giá nhau theo hình thức bên ngoài; để cạnh tranh sinh tồn, thiên hạ thi nhau bán rẻ danh dự [anyāya]; yếu đuối ... làm cho người ta trở nên ỷ lại; sự doạ dẫm và tự phụ sẽ chiếm chỗ của học vấn; thiên hạ ăn chơi phè phỡn ... cứ hạp nhân là nên vợ chồng; cứ diện quần áo vào là có quyền lên mặt nghênh ngang ... kẻ nào mạnh nhất sẽ thống trị ... con người không chịu nổi sưu cao thuế nặng [khara-bhara]...sẽ kéo nhau đi trốn tránh ở những vùng thung lũng ... Như thế, vào chu kỳ Mạt Pháp, tình hình ngày càng bại hoại, cho đến mức loài người gần đến mức bị tiêu diệt [chu kỳ hỗn nguyên. Khi ...gần đến lúc kết liễu chu kỳ Mạt Pháp, một phần thân của Đấng thiêng liêng, của bản chất tinh thần của Ngài (Bạch Mã Kỳ Sĩ hoá thân – Kalki Avatāra)...sẽ giáng trần,...với Bát đại huyền công (the eight superhuman faculties)...Ngài sẽ ...vấn hồi công lý trên trần thế; những kẻ sống vào cuối Chu kỳ Mạt Pháp sẽ giác ngộ và sẽ vô cùng sáng suốt. Những kẻ nào đã thay đổi như thế ...sẽ là mầm mống của nhân loại, họ sẽ khai sinh ra một giống dân nghiêm chỉnh chấp hành các luật lệ của chu kỳ Chánh Pháp. Người ta bảo
 93 rằng: “Khi mặt trời, mặt trăng và (chòm Nguyệt Tinh – the Lunar asterism) Tishya và Mộc Tinh (Jupiter) đóng tại một cung, Chu kỳ Chánh Pháp (Krita [or Satya] Age) sẽ trở về lại...⁽²⁾

¹ Nếu điều này mà không có tính cách tiên tri thì còn là gì?

² *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển IV, trang 224 - 229.

Hai nhân vật, Devāpi, thuộc giống người Kuru và Maru (Moru), thuộc gia đình Ishvāku...tiếp tục sống suốt Bốn Thời đại (the Four Ages), ngự tại ... Kapāla.⁽¹⁾ Các Ngài sẽ trở lại đây vào lúc khởi đầu Chu kỳ Chánh Pháp (Krita Age).⁽²⁾ Maru [Moru]⁽³⁾ con của Shīghra, giống người Kshatriya của triều đại Thái dương.⁽⁴⁾

¹ Thánh kinh *Matsya Purāṇa* ghi là Katāpa.

² *Vishnu Purāṇa*, như trên.

³ Max Muller dịch là Morya, thuộc triều đại Morya, Chandragupta thuộc về triều đại này. (Xem *Lịch Sử Cổ Văn Tiếng Bắc Phạn*). Trong chương cclxxii của Thánh kinh *Matsya Purāṇa* có nói tới triều đại của người Moryas (hay Maureyas). Cũng trong chương này, người ta đã vạch rõ một ngày kia, triều đại Morya sẽ trị vì Ấn Độ sau khi phục hồi giống người Kshatriya trong vòng nhiều ngàn năm nữa. Có điều là sự trị vì này có tính chất thuần túy tinh thần chứ không phải là “thế tục”. Nó sẽ là địa hạt của Hoá Thân sắp tới. Đại Tá Tod tin rằng danh xưng Morya (hay Maurya) thoái hoá từ Mori, một bộ lạc Rajpūt; còn nhà bình giải Mahāvanso lại cho rằng một số hoàng thân quốc thích đã kế thừa danh xưng Maurya từ thành phố tên là Mori, hay theo Giáo sư Max Muller, là Morya-Nāgara; theo nguyên bản Mahāvanso danh xưng chính xác hơn. Theo như Huynh Dewan Bādhādur R.Ragoonath Rao ở Madras cho chúng tôi biết thì bộ Bách Khoa Từ Điển tiếng Bắc Phạn *Vāchaspathya* xác định là Katāpa (Kalāpa) tọa lạc ở trên sườn phía Bắc của Hy Mã Lạp Sơn, do đó, ở Tây Tạng. Trong *Bhāgavata Purāṇa*, Skanda xii, cũng có nói như vậy.

⁴ Như trên Quyển III, trang 325. *Vāyu Purāṇa* khẳng định là Moru sẽ phục hồi những người Kshatriyas vào Chu kỳ Thứ mười chín sắp tới (Xem Năm năm **Minh Triết Thiêng Liêng**, trang 482, mục “Các Thánh kinh *Purāṇas* nói về triều đại Moryas và nói về Koothoomi”).

Dù là lời tiên tri trên đúng hay sai, thì âm điển của Chu kỳ Mạt Pháp đã được mô tả tỉ mỉ rồi, và trùng hợp một cách kỳ diệu với những gì tai nghe mắt thấy ở Âu Châu và các xứ sở Thiên Chúa giáo văn minh khác vào giữa thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX của đại kỷ nguyên GIÁC NGỘ (great era of ENLIGHTENMENT).

TIẾT 8

HOA SEN, ĐƯỢC DÙNG NHƯ LÀ MỘT BIỂU TƯỢNG ĐẠI ĐỒNG THỂ GIỚI (THE LOTUS, AS A UNIVERSAL SYMBOL)

CHẲNG có một biểu tượng cổ truyền nào mà lại không có một ý nghĩa triết học thâm sâu liên kết với chúng, biểu tượng càng cổ thì nó càng có ý nghĩa trọng đại. Chẳng hạn như Hoa Sen. Đó là một loài hoa linh thiêng đối với Thiên Nhiên và các Thần Linh, nó tượng trưng cho Vũ Trụ Trừu Tượng và Cụ Thể, nó được dùng như là biểu hiệu của các năng lực sinh hoá của cả bản chất tinh thần lẫn vật chất. Từ thời xa xưa nhất, người Ấryan Ấn, người Ai Cập và các Phật tử hậu lai đã coi hoa sen là rất linh thiêng. Nó được tôn thờ ở Trung Quốc và Nhật Bản, nó được các Giáo hội Hy Lạp và La Tinh dùng như là một biểu hiệu của Thiên Chúa giáo, họ biến nó thành một sứ giả, cũng như bây giờ đây, tín đồ Thiên Chúa giáo đã thay thế nó bằng một cây bông súng (the water-lily).

Trong Thiên Chúa giáo, bao giờ người ta cũng vẽ Tổng Thiên Thần Ngự Cáo (the Annunciation) Gabriel xuất hiện trước Đức Mẹ Đồng Trinh Mary tay cầm một nhánh bông súng. Nhánh bông này vốn tiêu biểu cho Lửa và Nước, tức là ý niệm sự sáng tạo và sinh hoá, cũng tượng trưng *một cách chính xác cho ý niệm*: vị Bồ Tát tay cầm *Hoa Sen* báo cho Mahāmāyā, thân mẫu của Thái tử Gautama biết là Đức Phật, Đấng Cứu Thế, sẽ giáng sinh. Cũng thế, dân Ai Cập luôn luôn trình

bày tượng trưng Osiris và Horus liên kết với Hoa Sen; cả hai đều là Nhật Thân hay Lửa; cũng như trong *Công Vụ các Sứ Đồ* (*Acts*) người ta vẫn còn dùng các “ngọn lửa” tiêu biểu cho Thánh Thần.

Nó đã có và vẫn còn có ý nghĩa huyền nhiệm của mình, ở mọi quốc gia trên địa cầu, ý nghĩa này đều giống như nhau. Xin độc giả hãy tham khảo tác giả Williame Jones.⁽¹⁾ Đối với người Ấn Độ, Hoa Sen là biểu hiệu của năng lực sinh hoá trong Thiên Nhiên, nhờ vào lửa và nước, tức tinh thần và vật chất. Một câu thơ trong *Chí Tôn Ca* (Bhagavad Gītā) ⁽²⁾ trình bày như sau: “Hỡi Đấng Vĩnh Cửu! Con thấy Brahm, Đấng Sáng Tạo, ngự trên Hoa Sen !” Cũng giống như chú thích trong những ĐOẠN THO (STANZAS) tiếng Phạn, W. Jones chứng tỏ rằng các mầm mống của Hoa Sen, ngay cả trước khi nảy mầm, đều có chứa các chiếc lá hoàn chỉnh có hình dáng thu nhỏ lại y như hình dáng của nó một ngày kia khi lớn lên và trở thành một cây hoàn chỉnh. Ở Ấn Độ, Hoa Sen là biểu tượng của Đất phì nhiêu, thậm chí của Núi Meru. Bốn vị thiên thần của bốn phương trời, các Thiên Vương trong các ĐOẠN THO tiếng Phạn, mỗi vị đều ngự trên một Toà Sen. Hoa Sen là kiểu mẫu lưỡng phân của Đấng Bán Thụ Bán Hùng Thiêng Liêng và Nhân Loại (tạm gọi như thế) của Đấng lưỡng tính.

Đối với người Ấn Độ, Hoả Chơn Linh (the Spirit of Fire or Heat) – đang kích động, làm hưng phấn và phát triển vạn vật (từ nguyên hình lý tưởng của nó), vốn sinh trong NƯỚC hay Đất Bản Sơ (Primordial Earth), thành hình hài cụ thể - phát triển Brahmā. Hoa Sen, được trình bày tượng trưng như

¹ Xem *Bình luận về Á Châu*.

² Xem Đàm Luận, trang xi, v, 15.

là mọc từ rốn của Vishnu vị thần nằm nghỉ trên nước Không gian, trên Con Rắn Vô Tận (the Serpent of Infinity), là biểu tượng sinh động nhất từ trước đến nay.⁽¹⁾ Đó là Vũ Trụ tiến hoá từ Mặt Trời trung ương, HUYỀN ĐIỂM (the POINT), Mầm Mống (Germ) bao giờ cũng ẩn tàng. Người ta cũng trình bày Lakshmī – trạng thái âm của Vishnu, cũng được gọi là *Padma* (Liên Hoa) trong *Rāmāyana* – nổi lên bên trên một Hoa Sen vào lúc “Sáng Tạo”, trong khi “khuấy động đại dương” của Không gian (the “churning of the ocean” of Space), cũng như xuất phát từ “Biển Sữa” (“Sea of Milk”), chẳng khác nào Nữ Thần Venus-Aphrodite xuất phát từ Bọt Sóng Đại Dương. Sir Monier William, một nhà Đông phương học và là thi sĩ người Anh đã ngâm vịnh như sau:

... Thế rồi, ngự trên toà sen,
Nữ Thần đẹp xinh rực rỡ Shri
Cười trên ngọn sóng...

Trong biểu tượng này, ý niệm cơ bản thật là tuyệt mỹ, hơn nữa, nó lại chứng tỏ rằng mọi hệ thống tôn giáo đều có gốc tích giống nhau. Dù Hoa Sen hay bông súng, nó đều có bao hàm một ý niệm triết học duy nhất; đó là khách thể từ chủ thể phân thân ra, Thiên Ý chuyển từ trừu tượng sang cụ thể, tức hữu hình. Vì ngay khi mà U MINH (DARKNESS) – hay đúng hơn cái “u minh” do vô minh – đã biến mất trong cảnh giới Ánh Sáng Vĩnh Cửu (Eternal Light), bỏ lại sau nó chỉ có Thiên Ý biểu lộ, Thượng Đế sáng tạo khai trí cho chúng thấy trong Thế Giới Lý Tưởng (đến nay vẫn còn ẩn tàng trong Tư Tưởng Thiêng Liêng) các nguyên hình của vạn vật, tiến hành mô

¹ Trong ấn bản 1888, là “ấn bản” chớ không phải “biểu tượng”.

phỏng và kiến tạo các hình hài phù du và siêu việt dựa vào các mô hình này.

Vào giai đoạn Hành động này, Hoá Công vẫn chưa phải là Kiến trúc sư. Được sinh ra vào lúc Nhá nhem của Tác Động (Twilight of Action), trước hết, Ngài còn phải tri giác Thiên Cơ, nhận thức các Hình hài Lý tưởng đang bị chôn vùi trong lòng Thiên Ý Vĩnh Cửu, chẳng khác nào các lá sen tương lai, các cánh hoa vô nhiễm, ẩn tàng bên trong hạt giống của cây này. ⁽¹⁾

96 Trong một chương của *Tử Vong Kinh*, nhan đề: “Sự biến hoá thành Hoa Sen”, Thượng Đế, được phác hoạ như một cái đầu lộ ra khỏi đoá hoa này, tuyên bố rằng:

Ta là Hoa Sen thuần túy, xuất lộ từ các Đấng Quang Huy (the Luminous Ones)...Ta đem theo các thông điệp của Horus. Ta là

¹ Trong Nội môn Triết lý, Hoá Công, hay Thượng Đế được xem như Đấng Sáng Tạo (the CREATOR), chỉ là một từ ngữ trừu tượng, một ý niệm giống như từ ngữ “đạo quân” (“army”). Cũng như “đạo quân” là từ ngữ bao quát dùng để chỉ một đoàn thể các lực lượng hoạt động, hay các đơn vị hoạt động, tức những người lính. Cũng vậy, Hoá Công (Demiurge) là một từ kép để chỉ vô số các Đấng Sáng Tạo hay Kiến Tạo. E. Burnouf, một nhà Đông phương học lỗi lạc đã quán triệt được ý niệm này, khi ông cho rằng Brahmā không sáng tạo ra Trái Đất, cũng như là phần còn lại của vũ trụ. Ông nói:

Đã tiến hoá từ Linh Hồn Vũ Trụ, một khi đã tách biệt với Nguyên nhân Bản sơ, Ngài xạ toàn bộ Thiên Nhiên ra khỏi mình. Ngài không vượt lên trên nó, mà lại hoà lẫn với nó; Brahmā và Vũ Trụ hợp thành một thực thể, mỗi phần đều có Bản thể Brahmā hoá hiện mãi mãi.

Hoa Sen thuần túy xuất phát từ Hoạt trường Thái dương (Solar Fields). (2)

Trong *Nữ Thân Isis Lộ Diện* có vạch rõ là chúng ta có thể truy nguyên ý niệm về hoa sen này, ngay cả ở chương “duy Elohim” đầu tiên của *Sáng Thế Ký*. Chính vì ý niệm này mà ta phải trông chờ nguồn gốc và lối giải thích câu thơ trong vũ trụ khởi nguyên luận của Do Thái như sau: “Thượng Đế phán: Đất hãy nở ra đi ... cây cối đơm bông kết trái theo đúng loại hạt giống”. (1) Trong tất cả mọi tôn giáo sơ khai, Thần Linh Sáng Tạo (the Creative God) là “Con của Từ Phụ” (“Son of the Father”), nghĩa là Tư Tưởng của Ngài trở nên hữu hình; và trước Kỷ nguyên Thiên Chúa giáo; từ Ba Ngôi của Ấn Độ xuống đến Ba Ngôi của Do Thái Bí giáo, Thượng Đế Ba Ngôi của mỗi quốc gia đều được xác định và bổ chứng hoàn chỉnh trong các ẩn dụ.

Đó là ý nghĩa lý tưởng và vũ trụ của đại biểu tượng này đối với các dân tộc Đông phương. Nhưng khi được áp dụng vào sự thờ cúng ngoại môn và thực tế, sự thờ cúng này cũng có biểu tượng học nội môn của nó, chẳng sớm thì muộn, Hoa Sen cũng sẽ bao hàm ý niệm trần tục hơn. Không tôn giáo có tính cách giáo điều nào mà tránh khỏi việc tàng trữ yếu tố tính dục; đến nay yếu tố này đã làm hoen ố vẻ đẹp luân lý của ý niệm căn bản của biểu tượng học này. Sau đây là đoạn trích từ các bản thảo của Do Thái Bí giáo mà chúng ta đã nhiều phen trích dẫn:

Hoa sen mọc trên sông Nile đã chứng tỏ ý nghĩa đó. Cách mọc của nó khiến nó đáng được dùng như là một biểu tượng của các hoạt động sinh sản. Hoa sen, vốn dĩ có chứa mầm mống sinh

² Chương lxxxi.

¹ Sáng Thế Ký I, 11.

sản khi đã phát triển hoàn hảo, có liên kết bằng phần giống như cái nhau với bà mẹ đất, tức là tử cung Isis, thông qua nước của tử cung, nghĩa là sông Nile, bằng cái cuống giống như sợi dây dài, tức cái rốn. Chẳng còn gì đơn giản hơn biểu tượng này nữa, để cho nó có được ý nghĩa hoàn toàn như mong muốn, đôi khi người ta trình bày tượng trưng một đứa trẻ ngồi trên hay xuất phát từ đoá hoa.⁽¹⁾ Như thế, trong bức tranh này, Osiris và Isis, các con của Kronos, tức thời gian vô tận, khi phát triển các thần lực riêng của mình, đã trở thành cha mẹ của kẻ mang tên Horus. ⁽²⁾

Chúng ta không thể quá chú trọng tới việc sử dụng chức năng sinh sản này như là một cơ sở cho ngôn ngữ biểu tượng và một thuật ngữ khoa học. Cứ nghĩ tới ý niệm này là ta lại ngẫm ngay tới chủ đề nguyên nhân sáng tạo. Khi quan sát thiên nhiên hoạt động, ta thấy là nó đã tạo ra một cơ cấu sống động kỳ diệu, có thêm một linh hồn khổng lồ. Lịch sử sinh tồn và phát triển của Linh Hồn này, chẳng hạn như quá khứ, hiện tại và tương lai của nó, thật là bất khả tư nghị đối với con người.⁽³⁾ Đứa trẻ sơ sinh là

¹ Trong các Thánh kinh *Purāṇa* của Ấn Độ, Vishnu, Thượng Đế Ngôi Một và Brahmā, Thượng Đế Ngôi Hai, tức là Đấng sáng tạo lý tưởng và thực tế, được lần lượt trình bày tượng trưng: một Đấng biểu lộ hoa sen, một Đấng xuất phát từ đó.

² Xem Tiết 9, “Mặt Trăng; Nguyệt Thần, Phoebe”.

³ Tuy nhiên, không phải là việc một đạo đồ khổ luyện các thần thông để thâm nhập vào Siêu hình học Đông phương và các Bí nhiệm của Thiên Nhiên sáng tạo. Kẻ phàm tục (the profane) trong các thời đại đã qua, đã làm giảm giá trị biểu tượng lý tưởng thuần túy của việc khai thiên tịch địa, biến nó thành ra chỉ còn là một biểu hiện của các chức năng sinh dục của con người. Sứ mạng của Nội môn Bí giáo và các đạo đồ vị lai sẽ là cứu chuộc và cao thượng hoá trở lại quan niệm sơ khai đã bị các giáo sĩ và các nhà thần học làm bại hoại khi áp dụng một cách thô tục vào các giáo điều và nhân vật ngoại môn. Việc âm thầm tôn thờ Thiên Nhiên trừu

một phép lạ tái diễn mãi mãi và là một bằng chứng hùng hồn rằng bên trong khuôn viên của tử cung, đã có một quyền năng sáng tạo thông tuệ can thiệp vào để liên kết một linh hồn với một cơ cấu vật chất. Sự kiện kỳ diệu này đã đem lại một sự thiêng liêng thánh thiện cho mọi điều liên hệ tới các cơ quan sinh dục, cũng như là địa vị can thiệp sáng tạo thiên nhiên của thần linh". (1)

Đó là một sự diễn tả chính xác các ý niệm cơ bản của cô nhân, các quan niệm thuần túy phiếm thần, *vô ngã* và tôn kính của các triết gia cổ thời tiền sử. Tuy nhiên, khi áp dụng cho nhân loại tội lỗi, cho các ý niệm thô thiển gắn liền với phàm ngã, nó lại không hề như vậy. Do đó, bất cứ triết gia phiếm thần nào cũng thấy là các nhận xét tiếp theo các điều trên, vốn tiêu biểu cho thuyết thần nhân đồng hình cho biểu tượng học Judea, thật tai hại cho sự thánh thiện, cho tôn giáo chân chính và chỉ thích hợp với thời đại duy vật của chúng ta, nó vốn là hệ quả trực tiếp của đặc tính thần nhân đồng hình này. Vì theo bản thảo này, đó là chủ điểm của toàn bộ tinh thần và tinh hoa của *Cựu Ước* khi bàn về biểu tượng ký của thuật ngữ *Thánh kinh* :

Do đó, vị trí của tử cung (womb) được xem là Nơi chốn Thánh thiện nhất, Chân Thánh điện của Thượng Đế sống động.(2)

tượng hay *thực tượng*, tức là biểu lộ thiêng liêng duy nhất, chính là tôn giáo cao cả nhất của Nhân loại.

¹ *Nguồn gốc của Kịch thước*, bản thảo, trang 15 - 16.

² Chắc chắn là lời của vị được Điểm Đạo vào các Bí pháp *sơ khai* của Thiên Chúa giáo: "Con không biết rằng con là Thánh Điện của Thượng Đế hay sao?" (1 Corinth, iii, 16) không được áp dụng theo nghĩa này cho con người, mặc dù theo ý của các nhà biên soạn *Cựu Ước* người Hebrew, rõ rệt là nó có ý nghĩa như vậy. Giữa biểu tượng ký của *Tân Ước* và Kinh điển của Do Thái có một hố ngăn cách như thế đó. Hố sâu này sẽ vẫn y nguyên như vậy hay ngày

Đối với người đàn ông, việc chiếm hữu người vợ đã luôn luôn được xem như là một phần việc cốt yếu của y, để từ hai vợ chồng, tạo ra đứa trẻ được giữ gìn, thần thánh hoá một cách ghen tuông. Ngay cả phần của căn nhà thông thường cho người vợ cũng được gọi là *thâm cung*, nơi chốn thiêng liêng; vì thế mới có ẩn dụ về Chính điện của các công trình kiến trúc linh thiêng, phỏng theo ý niệm về sự thiêng liêng của các cơ quan sinh dục. Khi dùng ẩn dụ tới mức độ,⁽¹⁾ trong các Thánh thư, người ta mô tả phần này của một căn nhà như là “ở giữa các bắp đùi của căn nhà”, đôi khi người ta còn áp dụng ý niệm này cho cánh cửa mở rộng của các nhà thờ, ở bên trong các trụ tường ở hai bên sườn.⁽²⁾

Trong những người Ảryan sơ khai, không bao giờ có tư tưởng cực đoan như thế. Vào thời kinh Phệ Đà, phụ nữ không hề được cách ly với đàn ông ở nơi *thâm cung* tức Zenānas; sự kiện này đã chứng tỏ điều trên. Sự cách ly này chỉ bắt đầu khi mà người Hồi giáo – kẻ kế thừa biểu tượng của người Hebrew, sau chế độ giáo sĩ Thiên Chúa – đã chinh phục được xứ sở này và dần dần áp đặt các đường lối và các tập tục của họ lên trên dân Ấn Độ. Người đàn bà trước và sau thời kinh Phệ Đà cũng tự do như đàn ông; không hề có một tư tưởng trần tục ô trược nào đã từng lẫn lộn với biểu tượng học tôn giáo của dân Ảryan sơ khai. Ý niệm này và việc áp

càng sâu rộng thêm, nếu Thiên Chúa giáo, nhất là Giáo hội La Tinh, không thể lấp nó lại. Giáo hội La Mã hiện nay đã hoàn toàn lấp được nó bằng giáo điều về hai sự thụ thai trinh khiết, cùng với đặc tính vừa nhân hình, vừa thần tượng hoá mà nó gán cho Đức Mẹ.

¹ Người ta *chỉ dùng* như vậy trong *Thánh kinh Do Thái* và kẻ sao chép đê tiện của nó (its servile copyist) tức Thần học Thiên Chúa giáo.

² *Nguồn gốc các Kịch thước*, bản thảo, trang 16 - 17.

dụng nó thuần là của dân Semite. Tác giả của pho tài liệu Do Thái Bí giáo được xem như là vô cùng uyên bác trên, đã bổ chứng điều này khi ông kết thúc các đoạn văn trích dẫn trên bằng cách nói thêm:

Nếu người ta có thể liên kết ý niệm về nguồn gốc của các kích thước cũng như các thời kỳ, với các cơ quan này được dùng như là các biểu tượng của các tác nhân sáng tạo vũ trụ, bấy giờ, trong việc kiến tạo các Thánh điện được dùng như là Chỗ ngự của Thượng Đế tức Jehovah, các phần được mệnh danh là Chính điện, tức Nơi Chôn Thiêng Liêng Nhất, sẽ được mệnh danh theo sự linh thiêng đã được thừa nhận của các cơ quan sinh dục, được xem như là biểu tượng của các kích thước cũng như là của nguyên nhân sáng tạo. Đối với các hiền triết thời xưa, nguyên nhân bản sơ không thể mệnh danh, quan niệm hay biểu tượng hoá được".⁽¹⁾

Dứt khoát là không rồi. Thà rằng đừng suy tư về nó và để cho nó cứ vô danh mãi mãi, giống như là các nhà Phiếm Thần thời xưa, còn hơn là làm bại hoại sự linh thiêng của *Lý tưởng Vô thượng (Ideal of Ideals)* này bằng cách làm giảm giá trị các biểu tượng của nó thành ra các sắc tướng nhân hình ! Ở đây, người ta lại thấy hố sâu thăm thẳm giữa các tư tưởng tôn giáo của dân Ảryan và Semite, hai đối cực, Thành thật và Dối trá. Đối với người Bà La Môn, họ không bao giờ xem các chức năng sinh sản tự nhiên của nhân loại như là "tội lỗi nguyên thủy", việc có con là một bổn phận tôn giáo. Ngày xưa, sau khi đã hoàn thành sứ mạng sáng tạo ra con người, một người Bà La Môn đi ẩn trong rừng thẳm và dành phần còn lại của cuộc đời mình để tham thiền theo tôn giáo. Với tư cách là một người phạm tục, y đã làm tròn sứ mạng của mình đối với thiên nhiên, và từ nay, y sẽ tập trung tham thiền về phần tinh

¹ Như trên, trang 17.

thần bất tử của mình, xem thế sự như là hão huyền, như là giấc nam kha, thật thế. Đối với người Semit thì khác hẳn. Họ bày ra sự cám dỗ của xác thịt trong vườn Địa Đàng (a garden of Eden) và chứng tỏ rằng Thượng Đế của họ - xét về mặt nội môn, là kẻ Quyến Rũ và Đấng Trị Vì Thiên Nhiên (the Tempter and the Ruler of Nature) – đã NGUYỄN RỦA một hành vi mãi mãi (CURSING for ever an act), điều này phù hợp với chương trình hợp lý của Thiên Nhiên này.⁽¹⁾ Tất cả mọi điều này đều có tính cách ngoại môn, chẳng khác nào *Sáng Thế Ký* được thuyết minh theo lối chấp nê văn tự. Đồng thời, xét về mặt *nội môn*, y xem sự *tội lỗi* và SA ĐOẠ giả định như là một hành vi linh thiêng đến nỗi mà y chọn cái cơ quan gây ra *tội lỗi nguyên thủy* như là biểu tượng thiêng liêng nhất và thích hợp nhất để tiêu biểu cho các Đấng Thần Linh vốn khai sáng ra nó như là một sự bất phục tùng và TỘI LỖI đời đời (everlasting SIN)!

Ai mà dò nổi những nghịch lý sâu xa của những người Semit! Yếu tố nghịch lý này, *bớt đi* ý nghĩa sâu xa nhất, nay đã chuyển hết thành ra thần học và giáo điều Thiên Chúa giáo!

99 Liệu rằng các Đức Cha thời xưa của giáo hội có biết được ý nghĩa nội môn của *Cựu Ước* bằng tiếng Hebrew hay không, hay là chỉ có một số ít người biết, còn những kẻ khác vẫn không biết gì về bí nhiệm, điều này, tôi xin để hậu thế quyết định. Dù sao đi nữa chắc chắn là có một điều. Vì Nội môn Bí giáo của các Thánh thư Moses viết bằng tiếng

¹ Xét về mặt ngoại môn, các diễn biến về “vùng đất hứa” cũng bao hàm ý niệm này. Chúa thường thử thách Pharaoh, và quấy rầy ông với những bận tâm to tát,” kéo nhà vua sẽ thoát khỏi bị phạt, và như thế “dân tộc được tuyển định”(“chosen people”) của ông chẳng còn có gì để ca khúc khải hoàn lần nữa.

Hebrew; đồng thời, vì một số các biểu tượng thuần túy Ai Cập và các giáo điều Tà đạo nói chung – chẳng hạn như Ba Ngôi – đã được Thánh John sao chép lại và hội nhập vào *Phúc Âm Khái Niệm*, nên hiển nhiên là các tác giả của *Tân Ước* (dù họ là ai đi chăng nữa) phải biết được gốc tích của các biểu tượng này. Họ ắt cũng biết được tính ưu việt của Nội môn Bí giáo Ai Cập, vì họ đã chọn dùng nhiều biểu tượng chuyên môn là tiêu biểu cho các quan niệm và tín ngưỡng Ai Cập (theo ý nghĩa ngoại môn và nội môn) và không có mặt trong Giáo luật Do Thái. Một trong các thứ trên chính là vị Tổng Thiên Thần (Archangel) cầm trên tay một bông súng, khi Ngài mới xuất hiện trước Đức Mẹ Đồng Trinh Mary. Các hình ảnh biểu tượng sẽ được duy trì đến tận ngày nay trong sự mô tả bằng hình tượng của các Giáo hội Hy Lạp và La Mã. Như thế, xét về mặt nội môn, Thủy, Hoả và Thập tự giá, cũng như là Chim bồ câu, Con chiên và các Thú linh thiêng khác, với mọi phối hợp, đều có ý nghĩa tương đồng nhau, chúng ta phải chấp nhận xem chúng như là một sự cải thiện đối với Do Thái giáo đơn thuần.

Vì Hoa sen và Nước là một trong các biểu tượng cổ nhất và có nguồn gốc thuần là Ảryan, mặc dù chúng đã trở thành tài sản chung khi Giống dân thứ Năm (the Fifth Race) phân nhánh ra. Chẳng hạn như các chữ, cũng như là các số, dù xét chung hay xét riêng, đều có tính cách huyền bí cả. Chữ linh thiêng nhất là chữ M. Nó có tính cách bán thư bán hùng và tiêu biểu cho NƯỚC (WATER) ở tận nguồn, tức thái uyên (the great deep). Trong mọi ngôn ngữ Đông và Tây, nó đều là một chữ huyền nhiệm và là một chữ tượng hình, tiêu biểu cho sóng, như thế là . Trong Nội môn Bí giáo của Ảryan, cũng như là dân Semite, chữ này luôn luôn tượng trưng cho

Nước. Chẳng hạn như trong tiếng Bắc Phạn, MAKARA, cung thứ mười của Hoàng Đạo, có nghĩa là con sấu, hay đúng hơn là một con Thuỷ quái luôn luôn liên kết với Nước. Chữ MA tương đương và tương ứng với số 5, nó được cấu thành bởi một *Luồng Nguyên* (Binary), biểu tượng của hai phái riêng biệt, và một *Tam Nguyên* (Ternary), biểu tượng của Sinh Linh thứ Ba (the Third Life), hậu duệ của *Luồng Nguyên*. Lại nữa, điều này hay được tượng trưng bởi một *Ngôi sao năm cánh* (Pentagon), đó là một ký hiệu linh thiêng, một chữ lồng vào nhau thiêng liêng (a divine Monogram). DI LẶC (MAITREYA) là mật danh của Đức Phật *thứ Năm* và Bạch Mã Kỳ Sĩ Hoá Thân (the *Kalkī Avatāra*) của người Bà La Môn, ĐẮNG CỨU THẾ cuối cùng (the last MESSIAH), Ngài sẽ giáng lâm vào lúc Đại Chu Kỳ đạt đỉnh cao. Nó cũng là chữ đầu tiên của tiếng Hy Lạp Metis, tức *Minh Triết Thiêng Liêng* (Divine Wisdom); chữ *Mimra*, “Huyền Âm” (the “Word”) tức Thượng Đế; và của *Mithras* (Mihr) tức *Chơn Thân* (Monad), *Bí Nhiệm* (Mystery). Tất cả các thứ trên đều được sinh ra trong và từ Thái Uyên (Great Deep), và đều là các Con của Thánh Mẫu *Mâyã*, tức Moot ở Ai Cập; *Minerva* (minh triết thiêng liêng) ở Hy Lạp, Mary (Miriam, Myrrha, v.v..., Mẹ của Đức Chúa trong Thiên Chúa giáo); và *Mâyã*, Thân mẫu của Đức Phật. *Mādhava* và *Mādhavī* là tôn danh của các Thần Linh và Nữ Thần quan trọng nhất của đền thờ các Thần Ấn Độ. Cuối cùng, trong tiếng Bắc Phạn, *Mandhala* là một “vòng tròn” (“circle”) hay một Quả cầu (Orb), cũng như là mười phân đoạn của Thánh kinh *Rig Veda*. Các danh xưng linh thiêng nhất ở Ấn Độ thường bắt đầu với chữ M, từ *Mahat*, bản nguyên trí, và *Mandara*, tức trái núi vĩ đại mà Chư Thần dùng để khuấy đảo *Đại dương*, xuống mãi tới *Mandākinī*, Sông Hằng thiên giới (the heavenly Gangā), và *Manu* (Bản Cổ) v.v.... và v.v....

Liệu có phải điều này là một sự trùng hợp không? Thế thì, thật là kỳ lạ khi thấy Moses, bị bõm dưới sông Nile (found in the water of the Nile), thế thì tên ông cũng có phụ âm biểu tượng này. Và con gái của Pharaoh “gọi ông là Moses vì đã kéo ông lên khỏi mặt Nước”.⁽¹⁾ Ngoài ra, *khi được áp dụng cho chữ M này*, danh xưng bí nhiệm bằng tiếng Hebrew của Thượng Đế là *Meborach*, Đấng Thiêng Liêng, còn *Nước Lụt* có tên là *M’bul*. Để kết thúc việc nêu thí dụ này, xin nhắc là có “*ba bà Mary*” vào lúc Hành hình trên thập tự giá, họ có liên can tới *Mare*, là Biển hay Nước. Vì thế mà trong Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo, Đấng Cứu Thế luôn luôn có liên kết với Nước Lễ Rửa Tội; Ngài cũng có liên hệ tới Song Ngư, cung Hoàng Đạo được gọi là Mĩnam trong tiếng Bắc Phạn, thậm chí với cả Hoá Thân Cá Matsya và Hoa Sen, biểu tượng của tử cung, hay là với bông súng, nó có ý nghĩa giống như vậy.

Trong các di tích của cổ Ai Cập, các biểu tượng và biểu hiệu lễ vật dâng cúng của các đồ khai quật càng cổ bao nhiêu thì người ta càng thấy Hoa Sen và Nước hay được liên kết với Nhật Thần bấy nhiêu. Theo Thales, Thần Khnoom, Năng Lượng Ẩm Ướt (the Moist Power), hay Nước, vốn là nguyên lý của vạn vật, ngồi trên một cái Ngai ở trong một Toà Sen. Thần Bes đứng sừng sững trên một Toà Sen, chỉ chực ăn tươi nuốt sống kẻ hậu duệ của mình (ready to devour his

¹ *Về vùng đất hứa (Exodus)* ii, 10. Bầy đưa con gái của vị tu sĩ thuộc bộ lạc Midianite đến mức nước cũng được Moses giúp họ cho bầy gia súc uống nước; nhờ đó, Moses được vị tu sĩ gả con gái cho, đó là cô Zipporah tức Sippara (sóng Nước *chói lợi* – the *shining Wave*) (*Về vùng đất hứa*, ii 16 - 21). Tất cả mọi điều này đều có ý nghĩa bí nhiệm.

progeny). Thot, vị Thần Bí Nhiệm và Minh Triết, Cầm cân nẩy mực ở Âm phủ (the sacred Scribe of Amenti), đội sùm sụp trên đầu vầng thái dương le lối (wearing the solar disk as head gear), đầu bò mình người – con bò thiêng Mondes là một hình hài của Thot – ngồi gọn trong Toà Sen nở hết cánh. Cuối cùng, tới Nữ Thần Hiquit, khoác lấy hình dạng một con ếch, nằm nghỉ trên Toà Sen, ý như tỏ ra yêu nước. Và chính vì biểu tượng ếch này có vẻ không thi vị - nó chắc chắn là hình tượng xưa nhất của các vị Thần Ai Cập - nên các nhà nghiên cứu về Ai Cập mới mất công đi tìm cách làm sáng tỏ các chức năng của Nữ Thần này. Khi các tín đồ Thiên Chúa giáo buổi đầu chọn dùng biểu tượng này trong nhà thờ, họ đã tỏ ra là mình còn thấu hiểu hơn cả các nhà Đông phương học hiện đại. “Nữ Thần cóc nhái” (“frog or toad Goddess”) này là một trong các Thần chính của Vũ Trụ liên hệ tới sự Sáng Tạo, vì con vật này có bản chất lưỡng cư (sinh sống hai chỗ - LND) và chủ yếu là vì nó hiển nhiên là phục sinh sau khi đã sống cô cút một mình (solitary life) trong xó tường, ngoài hóc đá

101 v.v... trong một thời kỳ dài đằng đằng. Nàng không những góp phần trong việc tổ chức Thế giới cùng với Thần Khnoom, mà lại còn có *liên hệ với tín điều phục sinh*.⁽¹⁾ Biểu tượng này ắt hẳn phải có một ý nghĩa rất linh thiêng và sâu sắc, vì bất chấp nguy cơ có thể bị công kích là sùng bái một con vật đáng ghê tởm, các tín đồ Thiên Chúa giáo sơ khai người Ai Cập vẫn cứ chọn dùng nó trong các nhà thờ. Một con ếch hay con cóc ngồi trong một Hoa Sen (hay là cũng chẳng cần có hoa sen) là hình dáng được chọn dùng *cho những chiếc đèn nhà thờ*, trên

¹ Đối với người Ai Cập, đó là sự phục sinh để tái sinh, sau 3 000 năm thanh luyện, hoặc là nơi Cực lạc (Devachan), hoặc là nơi các “hoạt trường Chí phúc” (“Field of Bliss”).

đó có khắc từ ngữ: “*Ta là sự phục sinh*”⁽¹⁾. Trên tất cả mọi xác ướp cũng đều có các nữ thần cóc nhái này.

¹ Người ta có thể thấy các “Nữ Thần cóc nhái” này ở Boulak tại Bảo Tàng Viện Cairo. Cựu giám đốc thông thái của Viện Bảo Tàng Boulak, ông Gaston Maspero, phải chịu trách nhiệm về lời phát biểu liên quan tới các đền thờ và những lời được khắc trên đó. (Xem *Chỉ Nam Bảo Tàng Viện Boulaq*, trang 146).

TIẾT 9

MẶT TRĂNG; NGUYỆT THẦN, PHOEBE (THE MOON; DEUS LUNUS, PHOEBE)

TRONG tất cả mọi biểu tượng, đây là biểu tượng thơ mộng nhất, cũng như là có ý nghĩa triết học thâm thúy nhất. Người cổ Hy Lạp làm cho nó nổi bật, còn các thi sĩ hiện đại cứ dùng đi dùng lại nó mãi đến nỗi trở nên tầm thường (threadbare). Chị Hằng (the Queen of Night) uy nghi trên Trời với ánh sáng vô song (peerless light), khiến cho cả Sao Hôm cũng bị lu mờ đi, toả ánh sáng óng ánh ra khắp thế giới tinh cầu, bao giờ cũng là một đề tài ưa thích của tất cả mọi thi sĩ Thiên Chúa giáo, từ Milton và Shakespeare mãi xuống tới kẻ tập làm thơ cận đại nhất. Thế nhưng ngọn đèn chói lọi huy hoàng ban đêm, với vô số tinh tú tùy tùng, chỉ khiến cho kẻ phàm tục thêm tưởng tượng. Mãi đến gần đây, cả tôn giáo lẫn khoa học đều chẳng buồn ngó ngàng gì đến thần thoại đẹp đẽ này. Shelly ngâm vịnh như sau:

...nàng mỉm cười với vật nào, cũng đều làm cho nó xinh tươi.

Cái Thánh điện lang thang với ngọn lửa nồng nàn song băng giá này

Cứ biến hoá mãi song vẫn không thay đổi,

Chỉ soi sáng chó không hề sưởi ấm.....⁽¹⁾

¹ Trong *Enipsychidion*.

thế mà, Mặt trăng lạnh lùng trinh bạch này lại đứng gần Trái Đất hơn bất cứ tinh tú nào. Mặt Trời ban cấp Sự Sống cho toàn bộ Hành Tinh Hệ (Planetary System); còn Mặt Trăng ban cấp Sự Sống cho Địa Cầu chúng ta; ngay từ lúc còn ấu trĩ, các giống người sơ khai đã hiểu biết điều này. Nàng là Hoàng Hậu mà cũng là Vua (She is the Queen, and she is the King). Nàng là Vua Soma trước khi biến thành Phoebe và nữ thần trinh bạch Diana. Nàng chủ yếu là Thần Linh của tín đồ Thiên Chúa giáo, thông qua các người Do Thái theo phái Moses và Thánh kinh Do Thái Bí giáo, mặc dù là thế giới văn minh có thể vẫn không biết tới sự kiện này trong một thời kỳ dài. Quả thật như vậy từ khi Đức Cha được điểm đạo cuối cùng của Giáo hội đã chết đi, mang theo xuống tuyền đài (grave) bí nhiệm về các thánh điện tà giáo (the pagan temples). Đối với các “Đức Cha” như Origen hay Clemens Alexandrinus, Mặt Trăng là biểu tượng của Jehovah, Đấng nắm quyền Sinh Sát, Đấng an bài vận mệnh – trong Thế giới *chúng ta*. Vì nếu Artemis là *Luna* trên Trời, và đối với người Hy Lạp, là Diana dưới Đất, vốn dĩ chủ trì cuộc sống và việc sinh đẻ con cái; thì đối với người Ai Cập, Nàng là Hekat (Hecate) nơi Địa ngục (Hell), Nữ Tử thần (the Goddess of Death), vốn dĩ chủ trì pháp thuật và bùa ngải. Hơn nữa, với tư cách là Mặt Trăng được nhân cách hoá có các hiện tượng tam phân, Diana-Hecate-Luna là *tam nguyên trong nhất nguyên*. Vì nàng là Nữ Thần tam đầu, tam thân, một cổ có tới ba đầu (she is Diva *triformis*, *tergemia*, *triceps*),⁽¹⁾ giống như Brahma-Vishnu-Shiva. Vì thế, nàng là nguyên kiểu của Tam Nguyên của chúng ta, nó không phải lúc nào cũng toàn là nam tính. Con số bảy nổi bật biết bao trong *Thánh kinh*, linh

¹ Nữ Thần Tam thân nơi tượng của Alcamenes.

thiên biết bao vào ngày thứ bảy hay ngày Sabbath và đã xuất hiện trong những người Do Thái từ thời xa xưa, bắt nguồn từ con số 7 tứ phân bao hàm trong 28 ngày của tháng ba âm lịch, mỗi tuần gồm bảy ngày được tiêu biểu bởi một phân tử của Mặt Trăng.

Trong tác phẩm này, chúng ta nên trình bày một quan niệm tổng thể về nguồn gốc và sự phát triển của thần thoại và sự tôn thờ nguyệt cầu, vào thời xa xưa, ở phía bên này của địa cầu. Khoa học *chính xác* vốn bác bỏ mọi truyền thuyết, không thể nào truy nguyên được nguồn gốc xa xưa của nó; trong khi đó, lịch sử xa xưa của nó vẫn còn là một bí mật đối với Thần học. Dưới sự chỉ đạo của các vị Giáo Hoàng lăm xảo thủ (the crafty Popes), Thần học đã đặt nhãn hiệu trên mọi áng văn không hề mang *dấu ấn hành* (the *imprimatur*) của Giáo hội La Mã. Dù là triết lý tôn giáo của người Ai Cập hay người Ảryan Ấn có xưa hơn – Giáo lý Bí Nhiệm cho rằng triết lý tôn giáo Ảryan Ấn xưa hơn – cũng chẳng thành vấn đề, riêng trong trường hợp này, sự tôn thờ Nguyệt Tinh (Lunar) và Nhật Tinh (Solar) thật là xưa nhất trên thế giới. Cả hai vẫn còn tồn tại, và đến nay vẫn còn thịnh hành trên thế giới, một số thì công khai, một số - chẳng hạn như trong biểu tượng học Thiên Chúa giáo – thì lại bí mật. Con mèo, một biểu tượng nguyệt tinh, lại linh thiêng đối với Isis, nàng vốn là Mặt Trăng theo một nghĩa nào đó, cũng như Osiris là Mặt Trời; người ta thường thấy Ngài ở trên đỉnh của chiếc *Xi-Câm* (*Sistrum*) mà Nữ Thần cầm trên tay. Ở thành phố Bubastis, người ta rất tôn kính con vật này và thành phố trở nên tang tóc thê lương khi các con linh miêu này chết hết, vì Isis với tư cách là Mặt Trăng được đặc biệt tôn thờ ở thành phố bí nhiệm này. Chúng ta đã trình bày biểu tượng ký thiên văn liên hệ với nó trong Tiết 1, chẳng ai mô tả nó khá hơn ông Gerald

Massey, trong các bài diễn văn và tác phẩm *Sáng Thế Ký Tự Nhiên* (*The Natural Genesis*). Người ta bảo là mắt mèo hình như tuý theo tuần trăng tròn hay trăng khuyết, còn các nhãn cầu lại sáng như sao trong đêm tối. Vì thế mới có chuyện thần thoại ẩn dụ nói là Diana ẩn trong Mặt Trăng, dưới hình hài một con mèo, khi nàng đang tìm cách trốn chạy con quái vật Typhon, cùng với các vị thần linh khác. Trong tác phẩm *Biến Hình* (*Metamorphoses*) của Ovid có thuật lại điều này. Ở Ai Cập, Mặt Trăng vừa là “Mắt của Horus”, vừa là “Mắt của Osiris” tức Mặt Trời.

Con vật đầu chó cũng vậy (*Cynocephalus*). Con khỉ đầu chó (the dog-headed ape) là một hình tượng để lần lượt tượng trưng cho Mặt Trời và Mặt Trăng, mặc dù Con vật đầu chó là một biểu tượng huyền bí hơn là một biểu tượng của tôn giáo. Vì đó chính là chữ viết tượng hình của Thủy Tinh (Mercury) và Thần Mercury của các Triết gia luyện kim đan; họ cho rằng:

Thần Mercury bao giờ cũng phải ở gần bên Isis để giúp đỡ nàng, vì nếu không có Mercury, cả Isis lẫn Osiris đều không thể hoàn thành bất cứ điều gì TRONG ĐẠI SỰ (the GREAT WORK).

104 Con vật đầu chó, bất cứ lúc nào được trình bày tượng trưng cùng với Dực Xà Trượng (the Caduceus) (cây gậy có hình con rắn quấn quanh và có cánh - LND), Trăng lưỡi liềm (Crescent), hay Hoa sen (Lotus) cũng đều là một hình tượng của thần Mercury “triết lý”. Nhưng khi được trình bày cùng với một cây sậy hay là một cuộn giấy da, y lại tượng trưng cho Hermes, thư ký và cố vấn (adviser) của Isis, chẳng khác nào Hanumãn đi đôi với Rãma.

Mặc dù chẳng có bao nhiêu tín đồ Bái Hoà giáo vốn thường xuyên tôn thờ Mặt Trời, song không những phần lớn (the bulk) thần thoại và lịch sử Ấn Độ đều dựa vào và lẫn lộn

với hai tục thờ cúng này, mà cả Thiên Chúa giáo cũng vậy nữa. Từ lúc khởi đầu đến nay, nó đã tô điểm cho Thần học của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã lẫn Giáo hội Tin Lành. Thật ra nếu xét tới các ý niệm căn bản của cả hai, chúng ta thấy là các tín ngưỡng của dân Ấryan Ấn và dân Ấryan Âu chẳng khác nhau bao nhiêu. Dân Ấn Độ cứ hãnh diện mà khoe rằng mình là các Sūryavamshas và Chandravamshas, tức là thuộc về các Triều đại *Thái Dương (Solar)* và *Thái Âm (Lunar)*. Tín đồ Thiên Chúa giáo tự phụ nên mới cho rằng như thế là tôn thờ hình tượng, song họ lại gắn bó (adhere) với cái tôn giáo toàn là dựa vào sự tôn thờ Nhật Tinh (Solar) và Nguyệt Tinh (Lunar). Tín đồ Tin Lành làm gì mà có quyền lên mặt tố cáo ầm ĩ Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã là cứ tôn thờ Đức Mẹ Mary (vốn dựa vào các tập tục cổ truyền là tôn thờ các nữ thần nguyệt tinh) khi mà chính họ lại tôn thờ Jehovah, chủ yếu là một Thần *nguyệt tinh*; nhất là khi cả hai giáo hội đều chấp nhận Đức Christ *Thái Dương (Sun-Christ)* và *Tam Nguyên Thái Âm (Lunar Trinity)* trong các thuyết thần học của mình.

Người ta chẳng biết được bao nhiêu về sự Tôn thờ Mặt Trăng của dân Chaldea, về thần *Sin* của dân Babylon mà người Hy Lạp gọi là “Nguyệt Thân” (“Deus Lunus”), vì thế mà những môn sinh phàm tục mới bị lầm lẫn, họ không tài nào lĩnh hội được ý nghĩa nội môn của các biểu tượng. Những người đã được điểm đạo đều phải tuyên thệ bảo mật, còn những triết gia và văn sĩ ngoại đạo thời xưa đều biết rõ rằng những người dân Chaldea toàn là tôn thờ Mặt Trăng với nhiều danh xưng *nam, nữ* khác nhau; người Do Thái lại cứ theo đó mà đi.

Trong bản thảo chưa được xuất bản về thuật ngữ đã được đề cập tới – nó trình bày một chìa khoá để giải cấu tạo

của ngôn ngữ biểu tượng cổ truyền – người ta đã trình bày lý do *tôn tại hợp lý* của tục thờ cúng song đôi này. Nó đã được trước tác bởi một học giả và nhà huyền học thật là thông thái và sâu sắc, ông đã trình bày nó dưới hình thức toàn diện của một giả thuyết. Tuy nhiên, đối với bất cứ người nào đã từng hiểu được lò mờ bí nhiệm của biểu tượng học cổ truyền, giả thuyết trên ắt sẽ trở thành một sự kiện xác thực trong lịch sử tiến hoá tôn giáo của tư tưởng con người. Ông cho rằng:

105 Một trong các lối quan tâm thực sự thiết yếu đầu tiên của con người là việc tri giác được các thời kỳ,⁽¹⁾ nổi bật trên vòm trời, ló lên trên chân trời phẳng lặng hoặc mặt nước yên bình. Rõ rệt rằng đó là các thời kỳ ngày và đêm, các tuần trăng, các vòng xoay tinh tú (synodic revolutions), thời kỳ năm dương lịch với các mùa xoay vần, với việc áp dụng vào các thời kỳ đo lường ngày và đêm, tức là một ngày được chia thành ban ngày và ban đêm. Người ta cũng sẽ thấy rằng có một ngày dương lịch dài nhất và ngắn nhất, và có hai ngày dương lịch có ban đêm dài bằng ban ngày trong một năm dương lịch. Các điểm trong năm này có thể ghi nhận một cách cực kỳ chính xác trong các chòm sao đang chịu sự chuyển động thoái bộ. Do đó, sớm muộn gì chúng ta cũng phải sửa lại bằng cách thêm thắt vào, chẳng hạn như trong trường hợp mô tả trận Đại hồng thủy, khi mà ta cần phải hiệu chỉnh 150 ngày đối với một thời kỳ 600 năm; trong thời kỳ này, các điều lầm lẫn về các mốc thời gian ngày càng chồng chất ... [Điều này] tự nhiên là diễn ra ... với mọi

¹ Thần thoại học cổ truyền bao gồm cả thiên văn học cổ truyền cũng như là chiêm tinh học. Các hành tinh là các chiếc kim chỉ ngày giờ của một vài biến cố định kỳ trên mặt đồng hồ Thái Dương Hệ của chúng ta. Do đó, thần Mercury là *sứ giả* được chỉ định để duy trì thời gian trong khi có các hiện tượng nhật tinh và nguyệt tinh hằng ngày. Mặt khác, Ngài có liên quan tới Thần và Nữ Thần Ánh Sáng.

giống người vào bất cứ lúc nào; và chúng ta phải coi là kiến thức như thế vốn có sẵn nơi nhân loại, trước khi có cái gọi là thời kỳ hữu sử.⁽¹⁾

Dựa vào cơ sở này, tác giả mưu tìm một chức năng vật chất tự nhiên nào đó mà người nào cũng có; chức năng này có liên hệ với các biểu lộ định kỳ, đến nỗi mà “liên hệ giữa hai loại hiện tượng trở thành cố định (fixed) trong tập tục bình dân thông thường”. Ông tìm thấy nơi nó:

(a) [Các hiện tượng sinh lý của phái nữ] mỗi tháng âm lịch có 28 ngày, tức là 4 tuần, mỗi tuần 7 ngày, sao cho 13 tháng sẽ diễn ra trong 364 ngày, đó cũng chính là năm dương lịch gồm 52 tuần lễ, mỗi tuần lễ 7 ngày.

(b) Việc bào thai bắt đầu đập trong bụng mẹ được xác định bởi một thời kỳ 126 ngày; tức là 18 tuần, mỗi tuần 7 ngày.

(c) Cái gọi là “thời kỳ khả sinh” (“the period of viability”) gồm 210 ngày hay 30 tuần, mỗi tuần 7 ngày.

(d) Thời kỳ đẻ được hoàn thành trong 280 ngày, tức một thời kỳ 40 tuần, mỗi tuần 7 ngày, hoặc 10 tháng âm lịch, mỗi tháng 28 ngày, hoặc 9 tháng dương lịch, mỗi tháng 31 ngày, tính trên thiên vương môn (royal arch of heaven) để đo lường thời kỳ đi từ tử cung âm u ra tới cuộc sống hữu thức huy hoàng vinh diệu, tức là những gì nhiệm mầu bí nhiệm bí hiểm ... Như thế các thời kỳ mà ta ghi nhận đánh dấu việc chức năng sinh sản hoạt động tốt đẹp tự nhiên sẽ trở thành một cơ sở của phép tính toán thiên văn ... Chúng ta có thể khẳng định rằng ... đó là cách tính toán của mọi quốc gia, hoặc là một cách độc lập, hoặc là do trung gian, hoặc là do học một cách gián tiếp. Đó là cách tính toán của người Hebrews, vì ngay cả ngày nay, họ cũng tính toán lịch nhờ vào 354 và 355 ngày của năm âm lịch. Ta cũng có một bằng chứng đặc biệt rằng đó là cách tính toán của người Ai Cập, bằng chứng như sau:

¹ Trang 7, 8.

Ý niệm cơ bản ẩn dưới triết thuyết tôn giáo của dân Hebrew là Thượng Đế bao hàm vạn vật,⁽¹⁾ còn người đó – kể cả người đàn bà – là hình ảnh của Ngài. Địa vị của người đàn ông và người đàn bà đối với người Hebrew cũng giống như địa vị con bò đực và bò cái đối với người Ai Cập; chúng rất linh thiêng đối với Osiris và Isis.⁽²⁾ Osiris và Isis được lần lượt trình bày tượng trưng bởi một người đàn ông có đầu bò đực và một người đàn bà có đầu bò cái, các biểu tượng này đều được tôn thờ. Osiris rõ rệt là mặt trời và sông Nile, năm dương lịch 365 ngày, con số này là giá trị của từ ngữ Neilos, và con bò mộng, giống như Ngài cũng là nguyên khí của lửa và sinh lực, trong khi đó, Isis là mặt trăng, lòng sông Nile, tức đất mẹ (các năng lượng sinh sản của nó rất cần tới nước), năm âm lịch 354-364 ngày, tạo ra các thời kỳ thai nghén, và con bò cái, được biểu thị bởi mặt trăng hình lưỡi liềm thuộc tuần trăng mới ...

106 Nhưng không hề có ý là dùng con bò cái của dân Ai Cập với một ý nghĩa dị biệt cơ bản so với người đàn bà của dân Hebrew, mà người ta lại muốn nhấn vào sự nhất trí của giáo lý, nó chỉ được dùng để thay thế cho một biểu tượng có ý nghĩa thống nhất, đó là: đối với con bò cái và người đàn bà, thời kỳ thai nghén cũng như nhau, tức là 280 ngày, hoặc 10 tháng âm lịch, mỗi tháng 4 tuần lễ. Và giá trị cốt yếu của biểu tượng thú vật này chính là ở nơi thời kỳ này, dấu hiệu của nó là mặt trăng hình lưỡi liềm thuộc tuần trăng mới ⁽³⁾... Người ta thấy rằng các thời kỳ tự nhiên thai nghén này đã là chủ đề của biểu tượng ký trên toàn thế giới. Người Ấn Độ sử dụng chúng như thế đó, người ta thấy là chúng được trình bày một

¹ Phái Vedanta có một ý niệm hoạt kê và hẹp hòi (caricatured and dwarfed) là Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) bao hàm toàn bộ vũ trụ, Ngài cũng chính là vũ trụ vô biên này, *không có gì tồn tại bên ngoài nó*.

² Ở Ấn Độ, cho tới nay cũng vậy, con bò mộng của Shiva và con bò cái tiêu biểu cho nhiều Shaktis tức là nữ thần.

³ Vì thế người Hebrew mới tôn thờ Mặt Trăng.

cách đơn giản bởi những người Mỹ thời xưa, trong các tấm thẻ Richardson và Gest, trong Thập tự giá ở Palenque và ở đầu đó nữa. Chúng rõ rệt là nền tảng của việc tạo ra các hình thức lịch của dân Mayas ở Yucatan, dân Ấn Độ, dân Assyria, dân Babylon thời xưa, cũng như là dân Ai Cập và dân cổ Hebrew. Các biểu tượng này tự nhiên sẽ hoặc là hình tượng dương vật, hoặc là hình tượng dương vật và âm hộ ...hùng và thư (male and female). Thật vậy, trong câu thơ thứ 27 của chương đầu Sáng Thế Ký, hùng và thư là các từ ngữ tổng quát dùng để dịch các từ ngữ...sarc và n'cabvah, theo sát nghĩa, đó là hình tượng dương vật và âm hộ.⁽¹⁾ Trong khi việc trình bày các biểu tượng có tính cách sùng bái sinh thực khí sẽ biểu thị rõ ràng các bộ phận sinh dục của cơ thể khi ta xét tới các chức năng của chúng và sự phát triển của các túi mầm mống xuất phát từ chúng, một cách đo lường thời gian âm lịch - và thông qua thời gian âm lịch, đo lường được thời gian dương lịch - sẽ bắt đầu xuất hiện.⁽²⁾

Đó là chìa khoá sinh lý hay nhân loại học để giải Biểu tượng Mặt Trăng. Chìa khoá giải bí nhiệm về Thần phổ học, tức là sự tiến hoá của Chư Thần thuộc chu kỳ khai nguyên thì phức tạp hơn và không hề có tính cách sùng bái sinh thực khí. Ở đó, tất cả đều có tính cách huyền học và thiêng liêng. Nhưng người Do Thái, ngoài việc liên kết Jehovah với Mặt Trăng, được xem như là một Thần sinh hoá (a generative God), lại cứ thích lờ đi các Huyền giai thượng đẳng (the higher Hierarchies), và đã biến các Tộc Trưởng của mình (their Patriarchs) thành ra một vài chòm sao của Hoàng Đạo và chư thần hành tinh; thế là, họ đã lịch sử hoá thần thoại một ý niệm thuần túy Minh Triết Thiêng Liêng (the purely Theosophical idea) và hạ thấp nó xuống mức nhân loại tội lỗi

¹ *Hùng và thư*, Ngài đã tạo ra chúng.

² Bản thảo, các trang 11 - 15.

(sinful humanity). Bản thảo, mà đoạn trên được trích dẫn ra từ đó, giải thích rất rõ rệt là Jehovah thuộc về huyền giai Chư Thần nào, và vị Thần Do Thái này là ai. Với một ngôn từ sáng sủa, nó chứng tỏ điều mà tác giả cứ nhấn mạnh mãi, đó là: Thượng Đế của tín đồ Thiên Chúa giáo chẳng có gì khá hơn (no better than) là một biểu tượng nguyệt tinh về khả năng sinh hoá trong Thiên Nhiên. Họ cũng lò đi luôn Thượng Đế bí nhiệm của Thánh kinh Do Thái Bí giáo, tức Ain Soph, một quan niệm cũng vĩ đại như Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) trong các ý niệm huyền học và Do Thái Bí giáo sơ khai nhất. Nhưng *Thánh kinh Do Thái Bí giáo (Kabbala Denu-data)* của Rodenroth không bao giờ trình bày các giáo lý nguyên bản chân chính của Shimeon Ben Yochai, các giáo lý này có tính cách cực kỳ siêu hình và đầy triết lý. Trong những môn sinh *Do Thái Bí giáo*, liệu có bao nhiêu người biết được điều gì ngoại trừ các bản dịch xuyên tạc bằng tiếng La Tinh? Chúng ta hãy thử xét sơ qua cái ý niệm đã đưa những người cổ Do Thái đến việc chọn dùng một thứ thay thế tạm cho Đấng HẰNG BẤT KHẢ TRI (the Ever-UNKNOWABLE), nó cũng khiến cho tín đồ Thiên Chúa giáo lầm lẫn thứ thay thế tạm này với thực tại.

107 Nếu ý niệm về các thời kỳ có thể được gắn liền với các cơ quan này [hình tượng dương vật và âm hộ] được dùng như là biểu tượng của các tác nhân sáng tạo vũ trụ, thì lúc bấy giờ, trong việc kiến tạo các Thánh điện được dùng làm Chỗ ngự của Thượng Đế, tức Jehovah, cái phần được mệnh danh là Chính điện (Holy of Holies), tức nơi chốn Thiêng Liêng Nhất (The Most Holy Place), sẽ có danh xưng bắt nguồn từ sự linh thiêng sẽ được thừa nhận của các cơ quan sinh dục, chúng được xem như là biểu tượng của các kích thích cũng như là của nguyên nhân sáng tạo.

Đối với nhà thông thái thời xưa, Nguyên Nhân Bản Sơ (a First Cause) không hề có danh xưng, hiện tượng và ý niệm.⁽¹⁾ Đối với người Hebrew, quan niệm gián tiếp về điều đó được gói ghém trong từ ngữ bất khả tư nghị, nghĩa là Ain Soph, tức Vô Biên. Nhưng biểu tượng của biểu lộ khả tri đầu tiên của nó là quan niệm về một vòng tròn với đường kính, nó gọi ngay ra một ý niệm hình học, thiên văn học và có tính cách sùng bái sinh thức khí,... vì một số xuất phát từ số không, tức là vòng tròn, nếu không có số không, ta không thể có được số một; từ số một, tức nhất nguyên bản sơ, mới có 9 chữ số, và mọi mặt phẳng được hình thành về mặt hình học. Vì thế, trong Thánh kinh Do Thái Bí giáo, vòng tròn với đường kính là hình ảnh của 10 Sephiroth tức Phân Thân, hợp thành Adam Kadmon, tức Con Người Nguyên Hình (the Archetypal Man), nguồn gốc sáng tạo của vạn vật... Ý tưởng nhằm liên kết bức hình vòng tròn có đường kính, nghĩa là số 10, với ý nghĩa của cơ quan sinh dục và Nơi Chốn Linh Thiêng Nhất (the Most Holy Place)... được tiến hành một cách xây dựng trong Nội Cung của Vua (the King's Chamber), tức Chính điện (Holy of Holies) của Đại Kim Tự Tháp, trong Thánh điện Moses và trong Chính điện của Thánh điện Solomon.... Đó là bức hình của một tử cung kép, vì trong tiếng Hebrew, chữ Hé đồng thời cũng là số 5 và biểu tượng của tử cung, và 2 lần 5 là 10, tức là con số có tính cách sùng bái sinh thực khí.⁽²⁾

“Tử cung kép” (“double womb”) này cũng chứng tỏ lưỡng nguyên tính của ý niệm được chuyển từ cảnh giới cao siêu nhất tức cảnh giới tinh thần xuống cảnh giới thấp nhất tức cõi trần; đối với người Do Thái, nó bị giới hạn trong cõi trần. Do đó, đối với họ, số bảy đã chiếm một địa vị nổi bật

¹ Vì nó quá linh thiêng. Trong Thánh kinh *Phê Đà*, nó được gọi là CÁI ĐÓ (THAT). Nó là “Nguyên Nhân Vĩnh Cửu”, do đó, người ta không thể gọi nó là “Nguyên Nhân Bản Sơ”, từ ngữ này có hàm ý là vào một lúc nào đó, không có Nguyên Nhân.

² Bản thảo, các trang 18 - 20.

nhất trong tôn giáo ngoại môn, tức là việc tôn thờ các hình thức bên ngoài với các nghi thức trống rỗng. Chẳng hạn như ngày Sabbath, ngày thứ bảy rất linh thiêng đối với Thần Linh của họ, tức Mặt Trăng vốn là biểu tượng Jehovah sinh hoá. Nhưng đối với các quốc gia khác, số bảy tiêu biểu cho sự tiến hoá thần phổ học, cho các chu kỳ, các cảnh giới vũ trụ, Bảy Thần Lực (the Seven Forces) và Quyền Năng trong Càn Khôn (Occult Power in Kosmos), khi được coi như là một Tổng Thể Vô Biên (a Boundless Whole), Tam giác thượng bản sơ (first upper Triangle) của nó thật là bất khả tư nghị đối với con người. Do đó, trong khi mà các quốc gia khác bị bắt buộc giới hạn vào Càn Khôn trong Không gian và Thời gian, chỉ quan tâm đến cảnh giới biểu lộ thất phân, thì người Do Thái lại chỉ tập trung con số này vào Mặt Trăng và dựa tất cả các phép tính toán linh thiêng của mình vào đó. Vì thế, ta thấy khi đề cập tới khoa đo lường của người Do Thái, vị tác giả đắm chìm suy nghĩ của bản thảo vừa dẫn đã nhận xét rằng:

Nếu nhân 20 612 với $\frac{4}{3}$, tích số sẽ là một cơ sở để xác định được vòng quay trung bình của Mặt Trăng. Nếu tích số này lại được nhân với $\frac{4}{3}$ nữa, tích số mới sẽ là một cơ sở để tìm ra thời kỳ chính xác của năm dương lịch trung bình. Để tìm ra các thời kỳ thiên văn, hình thức này tỏ ra rất hữu dụng".⁽¹⁾

Con số kép – thư hùng (male and female) – này được tượng trưng nơi một vài tượng thần nổi tiếng, chẳng hạn như:

Ardhanārī-Īshvara, Isis của Ấn Độ, Eridanus, tức Ardan, tức Jordan của Hebrew, tức cội nguồn giáng lâm. Nàng đang đứng

¹ Như trên, trang 21 - 22.

108 trên một lá sen nổi lên trên mặt nước. Nhưng xét về ý nghĩa, nó lại bán thư bán hùng... nghĩa là hình dương vật và âm hộ phối hợp lại; số 10, chữ Yod của Hebrew, nội dung của Jehovah. Nàng (She), hay đúng hơn nàng-chàng (she-he) [trình bày] các phút của vòng tròn 360 độ giống như vậy (the minutes of the same circle of 360 degrees).

Trong trạng thái siêu việt nhất, “Jehovah” là Binah. “Thượng Mẫu trung gian, Đại Hải tức Thánh Thần” (“Upper mediating Mother, the Great Sea or Holy Spirit”). Do đó, Jehovah đồng nghĩa với Đức Mẹ Mary, Thân mẫu của Chúa Jesus, hơn là Thân phụ của Ngài. “Thân mẫu này là tiếng La Tinh Mare (Biển)”, cũng như là Kim Tinh (Venus) tức Hải Tinh (the Stella del Mare or “Star of the Sea”).

Các tổ chức của giống dân Akkadians huyền bí – Chandravamsha hay Induvamsha, các Thánh vương Nguyệt Tinh (the Lunar Kings), có truyền thống là trị vì tại Prayāga (Allahabad) hàng bao nhiêu thời đại trước kỷ nguyên của chúng ta – đã xuất phát từ Ấn Độ, đem theo sự tôn thờ cổ truyền Soma và Budha (con Soma) sau này, nó trở thành sự tôn thờ của dân Chaldea. Song ngoài tục tôn thờ tinh tú và mặt trời của dân gian ra, tục tôn thờ như thế không hề có nghĩa là *tôn thờ hình tượng*. Dù sao đi nữa, biểu tượng ký của giáo hội Thiên Chúa La Mã hiện đại vốn liên kết với Đức Mẹ Đồng Trinh Mary (tức Magna Mater của dân Syria và Hy Lạp) với Mặt Trăng, cũng chẳng hơn gì.

Về tục tôn thờ này, tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã ngoan đạo lấy làm đặc chí lắm và huênh hoang tuyên bố. Trong một *Luận trình*, đệ lên Hàn lâm viện Pháp, Hầu tước De Mirville cho rằng:

Theo như một lời tiên tri vô thức, Ammon – Rã phải là chồng của mẹ mình, vì Magna Mater của tín đồ Thiên Chúa

giáo chính là vợ của con trai mà bà đã thai nghén....Chúng ta [các tín đồ Thiên Chúa giáo] ngày nay có thể hiểu được lý do tại sao Neith lại xạ ánh quang huy lên trên Mặt Trời, trong khi vẫn còn là Mặt Trăng, vì Đức Mẹ Đồng Trinh vốn là Nữ Hoàng Thiên Giới (cũng như Neith) và được Ngài khoác lấy. [Trong khi hành lễ, các tín đồ Thiên Chúa giáo đã ngâm vịnh điều này].

Chúng ta [các tín đồ Thiên Chúa giáo] cũng hiểu được làm thế nào mà điều ghi khắc nổi tiếng tại Sais phải được phát biểu là “không ai đã từng vén được bức màn bí mật của ta”. Câu này, nếu được dịch theo sát nghĩa, *phải được coi như là toàn bộ những gì được ngâm vịnh trong nhà thờ vào ngày Thụ Thai Trinh Khiết (Immaculate Conception).*⁽¹⁾

Chắc chắn là chẳng gì có thể thành thật hơn điều đó. Nó biện minh hoàn toàn cho điều mà ông Gerald Massey đã nêu ra trong bài diễn văn về “Sự Tôn Thờ Mặt Trăng Xưa và Nay”:

Con người ở mặt trăng [Osiris-Sut, Jehovah-Satan, Christ-Judas và các cặp song đôi Nguyệt Tinh khác (other Lunar Twins)] hay bị buộc tội là có hạnh kiểm xấu... Trong các biểu tượng nguyệt tinh, mặt trăng thì đơn nhất, vì mặt trăng vốn lưỡng phân về phái tính và tam phân về đặc tính, như là mẹ, con và đấng trưởng phu (adult male). Như thế, đứa con của mặt trăng trở thành chồng của chính mẹ mình! Nếu phải có bất cứ một sự sinh sôi nảy nở nào thì thật là chẳng đáng được (it could not be helped)! Y bắt buộc phải trở thành cha của chính mình ! Xã hội học sau này đã bác bỏ các quan hệ trên và người ta không thừa nhận người nguyên thủy ở mặt trăng. Nhưng trong giai kỳ mới nhất và khó giải thích nhất, điều này trở thành học thuyết căn bản của điều mê tín dị đoan thô

¹ *Linh vật học: Các vong linh*, Quyển III, trang 117. “Khảo cổ học về Đức Mẹ Đồng Trinh”.

bạo nhất trong lịch sử thế giới vì các hiện tượng nguyệt tinh này và các quan hệ được trình bày theo lối con người, kể cả các quan hệ loạn luân, chính là các nền tảng của thuyết Tam Nguyên trong Nhất Nguyên của Thiên Chúa giáo. Do việc không hiểu (ignorance) về biểu tượng ký, lối trình bày đơn giản thời sơ khai đã trở thành bí nhiệm tôn giáo thâm thúy nhất trong Tục tôn thờ mặt trăng ngày nay. Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã không hề xấu hổ về bằng chứng này, vẫn phác hoạ Đức Mẹ Đồng Trinh Mary điếm lệ với mặt trời và mặt trăng lưỡi liềm dưới chân, Đức Mẹ bồng đứa nhỏ nguyệt tinh – coi như là đứa con và ông chồng của bà mẹ mặt trăng! Bà mẹ, đứa con và vị nam tử (adult male) là căn bản....

Như thế, người ta có thể chứng minh được rằng Thiên Chúa học (Christology) là thần thoại học đã được lưu trữ cũng như là kho tàng học thuật huyền thoại. Chúng đã được đánh tráo đổi với chúng ta ngay trong Cựu Ước và Tân Ước, như là điều thiên khai do chính Thượng Đế tiết lộ.⁽¹⁾

Người ta thấy một ẩn dụ trong Thánh kinh *Zohar* nó tiết lộ nhiều hơn cả về Chân tướng của Jehovah, tức YHVH, theo quan niệm nguyên thủy của các tín đồ Do Thái Bí giáo Hebrew. Nay người ta thấy nó trong triết thuyết *Kabalah* của Inb Gebirol, bản dịch của Issac Myer.

Trong phần dẫn nhập do R. "Hiz' qee-yah, nó rất xưa và là một phần của bản Brody của Thánh kinh *Zohar* (1.5b, tiếp theo) có một bài tường thuật về một cuộc du hành của R. El'azar, con của R. Shim-on b. Yo'hai và R. Abbah.... Họ gặp một người đang mang một gánh nặng. Họ nói chuyện với nhau... và... người mang gánh nặng giải thích về Thorah hay đến nỗi mà họ xin được biết danh tính của y. Y đáp: "Đừng tìm hiểu xem tôi là ai, cứ tiến hành việc giải thích Thorah [Chánh pháp - Law] đi thôi". Họ bèn nói: "Ai bắt Ngài mang

¹ Trang 23.

một gánh nặng như vậy?” Ngài đáp: “Chữ Yod (Yod = 10 và là chữ biểu tượng của Kether, là tinh hoa và mầm mống của thánh danh YHVH) đã gây chiến, v.v....” Họ nói với Ngài: “Nếu Ngài cho chúng con biết cha Ngài là ai, chúng con sẽ quỳ mọp dưới chân Ngài”. Ngài đáp: “...Về phần thân phụ tôi, ông ngự nơi Đại Hải (Great Sea) và là một con cá [giống như Vishnu và Dagon tức Oannes]; [trước nhất] đã huỷ diệt Đại Hải ...ông thật vĩ đại và hùng dũng, ông ấy chính là “Đấng Vô Lượng Thọ” (“Ancient of Days”), cho tới khi ông nuốt hết mọi con cá khác trong (Đại) Hải”... R. El’azar nghe xong liền nói: “Ngài là Con của Lửa Thiêng (the Holy Flame), Ngài là con của Rab Ham-nun-ah Sabah (già) [trong tiếng Syria và Chaldea, con cá là nun (noon), Ngài là Con của Ánh Sáng của Thorah [Chánh pháp - Dharma], v.v....” (1)

Rồi tác giả giải thích rằng các tín đồ Do Thái Bí giáo gọi Sefhira nữ, tức *Binah* là Đại Hải. Do đó, Binah (có thánh danh là Jehovah, *Yah* và Elohim) là Tiamat của dân Chaldea, tức Quyền năng Âm (the Female Power), Thalath của Berosus, Ngài vốn chủ trì Hồng nguyên khí (Chaos), và sau này nó được thần học Thiên Chúa giáo biến thành Con Rắn và Ma Quỷ (the Serpent and the Devil). Nàng-Chàng (She-He) (Yah-hovah) là Hé siêu việt và Eve. Như thế, Yah-hovah hay Jehovah này cũng giống in như Hồng nguyên khí – Cha, Mẹ, Con – trên cảnh giới vật chất và trong Thế giới hồng trần thuần túy; nó đồng thời là mặt trời và mặt trăng, thiện và ác, Thượng Đế và Ma Quỷ.

Xét về mặt tâm linh cũng như là về mặt vật chất, từ khí nguyệt tinh tạo ra, bảo dưỡng và huỷ diệt sự sống. Nếu xét về mặt thiên văn, Mặt Trăng là một trong bảy hành tinh của

¹ Myer’s *Qabalah* (Qabalah của Myer) trang 335 - 336.

cực thế giới, thì trong Thần phổ học, nó lại là một trong các Đấng trị vì thế giới này, đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo hiện nay cũng như là người ngoại đạo. Các tín đồ Thiên Chúa giáo xem mặt trăng như là một trong các Tổng Thiên Thần của mình (their Archangels), còn người ngoại đạo xem nó như là một Chư Thần (their Gods).

- 110 Do đó, ý nghĩa của “câu chuyện thần tiên” (“fairy tale”) - do Chwolsohn dịch từ bản dịch tiếng Á Rập của một bản thảo cổ của dân Chaldea - việc *tượng* thần Mặt Trăng giáo hoá Qũ-tămy, cũng là điều dễ hiểu. Seldenus cũng như là Maimonides trong tác phẩm *Chỉ dẫn cho Kẻ phân vân* (*Guide to the Perplexed* ⁽¹⁾) đã tiết lộ bí mật này. Những người tôn sùng *Teraphim* (Sấm giảng Do Thái), “đã tạc tượng và tuyên bố rằng ánh sáng của các ngôi sao [hành tinh] chính thấm nhuần suốt hết những thứ này, các Thiên Thần ĐỨC HẠNH (the Angelic VIRTUES) [tức là các Đấng chủ trì các ngôi sao và các hành tinh này] đàm thoại với họ, dạy cho họ nhiều điều và nhiều thuật hữu dụng”. Và Seldenus giải thích rằng *Teraphim* được kiến tạo theo vị trí một vài hành tinh mà người Hy Lạp gọi là các hành, và theo các hình tượng trên trời được gọi là chư thần hộ mệnh. Những người truy nguyên các hành được gọi là các kẻ bói toán dựa vào ngũ hành. ⁽²⁾

Tuy nhiên, chính những phát biểu như thế trong *Nền nông nghiệp Nabatheatan* (*the Nabatheatan Agriculture*), đã làm cho các khoa học gia kinh khiếp (frightened) nên tuyên bố rằng tác phẩm này “hoặc là một *ngụy thư*, hoặc là một chuyện thần tiên, không đáng để cho một Hàn lâm viện sĩ quan tâm tới”.

¹ *Moreh Nebuchim*, III, xxx.

² Xem De Diis Syriis, *Teraph.*, II, Synt, trang 31.

Đồng thời các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã và Tin Lành cuồng tín đều lỏng lẻo xé tan nó ra từng mảnh (theo lối ẩn dụ) vì nó “mô tả việc thờ cúng ma quỷ” (theo tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã) và nó “báng bổ tôn giáo” (theo tín đồ Tin Lành). Thêm một lần nữa, tất cả đều sai hết. Nó *không* phải là một chuyện thần tiên; còn trong các tôn giáo của các dân ngoan đạo thì thiếu gì tục thờ cúng như vậy, dù là chúng đã bị dịch thuật xuyên tạc (disfigured by translation). Chúng ta có thể thấy trong thần học Thiên Chúa giáo sự tôn thờ Mặt Trăng và Mặt Trời cũng như là một sự tôn thờ các Tinh Tú và Ngũ Hành. Các kẻ tôn thờ Giáo Hoàng nhiệt thành bênh vực các điều này. Còn các tín đồ Tin Lành lại bài bác nó để bảo đảm an toàn cho bản thân. Chúng ta có thể trình bày hai thí dụ:

Ammanius Marcellinus dạy rằng: ngày xưa người ta luôn luôn bói toán dựa vào các Chơn Linh Ngũ Hành (Spirits of the Elements).⁽¹⁾

Nhưng nay người ta thấy các Hành Tinh, Ngũ Hành và Hoàng Đạo, không những là có mặt tại Heliopolis qua mười hai tảng đá có tên là “các bí nhiệm của ngũ hành” mà còn có mặt ở Thánh điện Solomon và (theo nhiều văn sĩ khác nhau) ở nhiều nhà thờ cổ của Ý và ngay cả ở *Nhà thờ Đức Mẹ tại Paris*, tới nay người ta còn thấy chúng ở đó.

Không có biểu tượng nào, kể cả biểu tượng Mặt Trời mà lại phức tạp, với các ý nghĩa đa nguyên, hơn là biểu tượng mặt trăng. Dĩ nhiên là giới tính thì lưỡng phân. Đối với vài nước, nó có nam tính; chẳng hạn như “Vua Soma” của Ấn Độ và *Sin* của dân Chaldea; đối với các quốc gia khác, nó có nữ tính như các nữ thần kiểu điển Diana-Luna, Ilithyia [nữ thần

¹ I, i, 21.

111 dịu dàng], Lucina. Đối với dân Tauri, các nạn nhân được dâng cho Artemis, một hình thức của nữ thần nguyệt tinh; người đảo Crete gọi nàng là Dictynna, còn theo một bản khắc ở Koloe, người Medes và người Ba Tư gọi nàng là Anaitis [Artemis hay Diana hộ mạng]. Nhưng nay, chúng ta chủ yếu là quan tâm tới Nữ Thần còn trinh khiết nhất Luna-Artemis, Pamphos là người đầu tiên đặt cho nàng biệt hiệu [đẹp nhất], còn Euripides trong *Hippolytus*, mô tả là [trong những trinh nữ, nàng đẹp nhất].⁽¹⁾ Theo chức năng và với tư cách là Hecate tam phân, Artemis-Lochia, tức Nữ Thần chủ trì sự thụ thai và sinh con (*Iliad*, Pausanias v.v....) chính là thần Orpheus, tiền thân của Thượng Đế của các giáo sĩ Do Thái và các tín đồ Do Thái Bí giáo trước thời Đức Christ – cũng như là kiểu mẫu nguyệt tinh của Ngài. Nữ thần tam thân là biểu tượng nhân cách hoá của nhiều trạng thái liên tiếp khác nhau của Mặt Trăng trong mỗi tuần trăng. Các tín đồ phái Khắc Kỷ ⁽²⁾ cũng giải thích như trên, còn các tín đồ Orpheus giải thích rằng tôn danh tam thân có nghĩa là ba giới của Thiên Nhiên mà nàng trị vì. Ghen tuông, khát máu, ưa báo thù và ưa sách nhiễu, Hecate-Luna rất xứng đáng hợp thành một cặp bài trùng với “Vị thần ghen tuông” (“jealous God”) của các nhà tiên tri Hebrew.

Toàn bộ vấn đề bí ẩn về sự tôn thờ Mặt Trời và Mặt Trăng (mà nay ta còn tìm được di tích nơi các nhà thờ) thật sự là dựa vào bí nhiệm xưa như trái đất về các hiện tượng nguyệt tinh này. Các thần lực tương hệ nơi “Chị Hằng” (“Queen of Night”) vẫn còn tiềm tàng đối với khoa học hiện đại, nhưng lại hoạt động tích cực khi chúng ta có sức hiểu

¹ Xem Pausanias, viii, 35 - 38.

² Cornutus, *De Natura Deorum*, xxxiv,1.

biết của các Cao đồ Đông phương, giải thích rõ ràng được vô số hình tượng mà Cổ nhân dùng để tiêu biểu cho Mặt Trăng. Nó cũng chứng tỏ rằng Cổ nhân đã học hỏi được nơi các bí pháp Selenic nhiều điều thâm sâu hơn biết bao so với nhà Thiên văn học hiện đại của chúng ta. Toàn bộ Chư Thần nguyệt tinh, một bên là Nephtys tức Neith, Proserpina, Melitta, Cybele, Isis, Astarte, Venus và Hecate, còn một bên là Apollo, Dionysus, Adonis, Bacchus, Osiris, Atys, Thammuz v.v... tất cả đều tỏ ra là các tôn danh của họ - “Con” và “Chồng” của “Mẹ” họ (those of “Son” and “Husbands” of their “Mothers”) – đồng nhất với Ba Ngôi của Thiên Chúa giáo. Trong mọi hệ thống tôn giáo, người ta đều khiến cho Chư Thần kiêm nhiệm nhiều chức năng như là Cha (Father), Con (Son) và Chồng (Husband), còn các Nữ Thần được đồng nhất hoá với Vợ (Wife), Mẹ (Mother) và Chị (Sister) của vị Thần nam nhi (the male God); vị Thần nam nhi kia tổng hợp các thuộc tính của con người và được xem như là “Mặt Trời, Cấp Dưỡng Sự Sống” (“Sun, the Giver of Life”), nữ thần hội nhập tất cả mọi tôn danh khác thành ra một đại tổng hợp mà chúng ta gọi là Maia, Mâyã, Marĩa v.v..., một tên gọi chung. Đối với người Hy Lạp, Maia có nghĩa là “Mẹ” và thoát thai từ ngữ căn *ma* (vú em - nurse); nó lại còn là ngữ căn của tháng Năm, vốn là tháng linh thiêng với tất cả mọi nữ thần này, trước khi mà nó được hiến dâng cho Đức Mẹ Mary.⁽¹⁾ Tuy nhiên, nghĩa gốc của nó là *Mâyã, Durgã*, mà các nhà Đông

¹ Các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã đã kế thừa ý niệm “Hiến dâng tháng Năm cho Đức Mẹ Đồng Trinh” của kẻ ngoại đạo Plutarch, ông đã chứng tỏ rằng “Tháng Năm thật linh thiêng đối với Maia tức Vesta,” đất được nhân cách hoá thành ra bà mẹ nuôi dưỡng chúng ta.

phương học dịch là “không thể tiếp cận” (“inaccessible”), song thực ra nó có nghĩa là “không thể thấu đạt” (“unreachable”), trong ý nghĩa là hão huyền, hư ảo vốn là nguồn gốc và nguyên nhân của các ma lực, nhân cách hoá của *hảo huyền* (illusion).

Trong các nghi lễ tôn giáo, Mặt Trăng có hai mục đích. Mặc dù được nhân cách hoá như là một nữ thần đối với hiến giáo, và như là một nam thần trong ẩn dụ biểu tượng, nhưng trong Huyền bí học, Mặt Trăng lại được xem như là một Mãnh lực vô giới tính cần phải được thâm cứu vì nó rất đáng sợ. Đối với các điểm đạo đồ Āryans, Chaldea, Hy Lạp và La Mã, Soma, Sin, Artemis Soteira (Apollo bán thư bán hùng, có vật tượng trưng là lia cầm (the lyre), và Diana râu ria xồm xàm (the beardde Diana), trang bị đầy đủ cung tên). *Nguyệt Thân* (*Deus Lunus*), nhất là Osiris-Lunus và Thot-Lunus,¹) đều là các mãnh lực huyền linh của Mặt Trăng. Nhưng dù là thư hay hùng, dù là Thot hay Minerva, Soma hay Astoreth, Mặt Trăng vẫn là bí nhiệm huyền linh nhất và là một biểu tượng xấu nhiều hơn tốt. Bảy tuần trăng (theo lối chia nội môn nguyên thủy) lại được chia thành ba hiện tượng thiên văn và bốn tuần trăng thuần là tâm linh. Trong các Bí pháp đều có chứng tỏ là Mặt Trăng chẳng phải là lúc nào cũng được trọng vọng; người ta trình bày theo lối ẩn dụ cái chết của Nguyệt Thân – ba cái giai kỳ trăng khuyết dần dần rồi cuối cùng biến mất - Mặt Trăng tiêu biểu cho *ác thần* nhất thời chiến thắng được thần ban cấp ánh sáng và cuộc sống, tức là Mặt Trời. Phải cần tới mọi tài năng và sức hiểu biết uyên bác

¹ Thot-Lunus là “Buddha-Soma” của Ấn Độ, tức là “Thủy Tinh và Mặt Trăng.”

về pháp thuật của các Đạo Trưởng thời xưa để chuyển thắng thành bại (triumph into a defeat).

Đó là tục thờ cúng xưa nhất của mọi người, tục thờ cúng của Giống dân *Thứ Ba* (the *Third Race*) bán thư bán hùng của cuộc Tuần Hoàn này, trong đó Mặt Trăng *ương* (the *male Moon*), trở nên linh thiêng lúc đã phân chia giới tính sau khi có cái gọi là “Sự sa đoạ” (“Fall”). Bấy giờ, đến lượt “Nguyệt Thân” trở thành bán thư bán hùng; để rồi, rốt cuộc được dùng trong *thuật phù thủy* như là một quyền năng lưỡng phân đối với Căn chủng *thứ Tư* (the *Fourth Root Race*) tức là căn chủng Atlante. Đối với căn chủng *thứ Năm* hiện nay, tục thờ cúng mặt trăng, mặt trời đã chia các quốc gia thành hai phe phân biệt đối lập nhau. Nó đã đưa tới các biến cố được mô tả hàng vô lượng thời sau này trong Trận chiến Mahābhāratan. Đối với người Âu Tây, trận chiến này thật là *hoang đường* (*fabulous*), còn đối với người Ấn Độ và các nhà Huyền bí học, đó là cuộc đấu tranh lịch sử *Sūryavamsha* (triều đại Nhật Tinh) và *Induvamshas* (triều đại Nguyệt Tinh). Phát xuất từ việc tôn thờ Mặt Trăng với hai trạng thái lần lượt là trạng thái “thư” và trạng thái “hùng”, nó kết thúc nơi tục thờ cúng riêng biệt Mặt Trăng và Mặt Trời. Đối với các giống người Semite, trong một thời gian rất dài, Mặt Trời thì *âm*, còn Mặt Trăng thì *ương*, họ chấp nhận ý niệm “Mặt Trăng dương” theo truyền thuyết của dân Atlante. Mặt Trăng được gọi là “Chúa Tể của Mặt Trời”, Bel-Shemesh, trước khi có tục thờ

113 Shemesh. Vì không biết tới lý do sơ khởi của sự phân biệt như thế và không biết tới các nguyên tắc huyền linh nên các quốc gia mới lao vào tục thờ cúng các hình tượng nhân hình. Trong thời kỳ không được kể tới trong các tác phẩm của Moses, nghĩa là từ lúc bị trục xuất ra khỏi vườn Địa Đàng cho

tới lúc có trận Hồng Thủy ẩn dụ (allegorical Flood), người Do Thái với những người Semite còn lại đều thờ Dayanisi,⁽¹⁾ “Đấng trị vì Loài người”, “Đấng Phán Quan” (“Judge”) tức MẶT TRỜI. Mặc dù giáo luật Do Thái và Thiên Chúa giáo đã biến Mặt Trời thành “Chúa Trời” và “Jehovah” trong *Thánh kinh*, nhưng *Thánh kinh* này vẫn đầy đầy các vết tích hớ hênh (indiscreet) của Đấng Thánh Linh bán thư bán hùng; đó là Jehovah, Mặt Trời và Astoreth, Mặt Trăng ở trạng thái âm và hoàn toàn không có yếu tố ẩn dụ hiện nay mà người ta gán cho nó. Thượng Đế là “lửa thiêu rụi” (“consuming fire”) xuất hiện trong lửa và bị lửa bao quanh. Chẳng phải là chỉ khi nào có linh thị thì Ezekiel mới thấy được người Do Thái “tôn thờ Mặt Trời.” ⁽¹⁾ Thần *Baal* của người Do Thái – thần Shemesh của người Moabites và thần Moloch của người Ammonites – cũng chính là “Mặt Trời-Jehovah”; tới nay Ngài chính là “Thánh vương của Đại đoàn Thiên Giới” (“King of the Host of Heaven”), tức Mặt Trời, cũng như Astoreth là “Nữ Hoàng Thiên Giới” (“Queen of Heaven”), tức Mặt Trăng. *Chỉ có điều là hiện nay* “Mặt Trời Công Chính” (the “Sun of Righteousness”) đã trở thành một cách nói ẩn dụ. Nhưng tôn giáo của mọi quốc gia thời xưa chủ yếu là đều dựa vào các biểu lộ Huyền linh của một thần lực hay nguyên khí hoàn toàn trừu tượng mà nay ta gọi là “Thượng Đế”. Chính việc lập nên các nghi lễ chi tiết của sự tôn thờ như thế đã chứng tỏ là các triết gia đã khai sáng ra các hệ thống chủ thể và khách thể của Thiên Nhiên như thế, đều có kiến thức uyên thâm và đã quen thuộc với nhiều sự kiện có bản chất khoa học. Vì như vừa trình bày, ngoài việc có tính cách hoàn toàn Huyền bí ra,

¹ Dayaneesh.

¹ *Ezekiel*, viii, 16.

các nghi lễ tôn thờ Nguyệt Tinh còn được dựa vào sự hiểu biết về sinh lý học – đó là một khoa học hoàn toàn hiện đại đối với chúng ta – tâm lý học, toán học huyền linh, hình học và phép đo lường, khi áp dụng vào các biểu tượng và các con số, chúng chẳng qua chỉ là các chữ tượng hình ghi lại các *sự kiện* khoa học tự nhiên mà ta quan sát thấy. Tóm lại, chúng dựa vào một sự hiểu biết tỉ mỉ nhất và uyên thâm nhất về Thiên Nhiên. Từ khi Nguyệt Tinh sản sinh ra, bảo dưỡng và huỷ diệt cuộc sống. *Soma* là hiện thân của quyền năng tam phân của Ba Ngôi; mặc dù cho đến nay, kẻ phạm tặc vẫn còn chưa nhận ra nó. *Soma*, tức Mặt Trăng, được Chư Thần tạo ra bằng cách khuấy đảo Đại Dương Cuộc Sống (Ocean of Life) (Không gian) nghĩa là vào lúc Hành Tinh Hệ của chúng ta chưa khai thiên tịch địa (Khai Nguyên - Manvantara), còn “Các Thánh Hiền vắt sữa Địa Cầu (the Rishis milking the Earth), mà con bê là *Soma*, tức Mặt Trăng”, ẩn dụ và thần thoại trên ⁽¹⁾ đều có một ý nghĩa vũ trụ sâu xa vì Địa Cầu *của chúng ta* chẳng bị vắt sữa, còn Mặt Trăng mà ta biết cũng chẳng phải là con bê. ⁽²⁾ Nếu các khoa học gia thông thái của chúng ta mà biết được các bí nhiệm của thiên nhiên như là

114 những người Ấryans thời xưa, chắc chắn là họ sẽ không bao

¹ Trong ấn bản 1888 là ẩn dụ khác.

² Trong ẩn dụ, Thổ chạy trốn, Prithu đuổi theo. Thổ biến thành bò cái, khiếp sợ, chạy lồng lên và ẩn núp trong địa hạt của Brahmā. Do đó, nó *không phải là* Địa Cầu của chúng ta. Lại nữa, trong mọi Thánh kinh *Purāṇa*, con bê đều có tên không giống nhau. Trong một Thánh kinh, nó là Bàn Cổ Svayambhuva, còn trong một Thánh kinh khác, nó là Indra, trong Thánh kinh thứ ba, nó chính là Hy Mã Lạp Sơn, còn núi Tu Di (Meru) là người vắt sữa. Đây là ẩn dụ có ý nghĩa thâm sâu hơn chúng ta tưởng.

giờ nghĩ rằng Mặt Trăng được phóng ra từ Địa Cầu. Thêm một lần nữa, nếu hiểu được ngôn ngữ biểu tượng của Cổ nhân, chúng ta phải ghi nhớ và xét tới sự hoán chuyển xưa nhất trong Thần phổ học: Con (Son) trở thành Cha của chính nó (his own Father) và sinh ra Mẹ (Mother) nó. Nếu không, các nhà Đông phương học sẽ cứ bị ám ảnh rằng “thần thoại chỉ là một bệnh tật nảy sinh vào một giai đoạn đặc thù của nền văn hoá nhân loại !” – Renuof đã nhận xét nghiêm chỉnh như vậy trong một bài Diễn văn Hibbert.

Cổ nhân dạy rằng Chư Thần đều tự sinh tự tại, (tạm gọi như thế) Bản thể Thiêng Liêng Độc Nhất Vô Nhị (the One Divine Essence), *không biểu lộ (unmanifested)*, luôn luôn sinh ra một Đệ Nhị Bản Ngã *biểu lộ (a Second-Self manifested)*. Đệ Nhị Bản Ngã này, vốn có bản chất bán thư bán hùng, lại *sinh ra một cách vô nhiễm* vạn vật vĩ mô (macrocosmical) cũng như là vi mô (microcosmical) trong Vũ Trụ này. Điều này sẽ được trình bày trong vòng một ít trang nữa như là Vòng Tròn và Đường Kính, hay là số Mười (10) Linh Thiêng.

Tuy nhiên, mặc dù rất muốn khám phá ra một *Nguyên tố* đồng chất duy nhất trong Thiên Nhiên (one homogeneous Element in Nature), các nhà Đông phương học của chúng ta lại *không thấy được điều đó*. Trí óc tù túng trong những điều vô minh, các nhà nghiên cứu về Ai Cập và dân Ảryan luôn luôn có các suy đoán lầm lạc. Vì thế, de Rougé mới chẳng hiểu gì cả, trong bản văn do ông dịch, ý nghĩa của lời mà Ammon-Ra nói với Vua Amenophes (được giả định là Memnon): “Ngươi là Con của Ta, chính Ta đã sinh ra ngươi.” Khi thấy rằng trong nhiều bản văn đều có ý niệm này với nhiều hình thức khác nhau, nhà Đông phương học Thiên Chúa giáo chính gốc này cuối cùng bắt buộc phải tuyên bố là:

Để cho ý niệm này thâm nhập vào đầu óc của một người nghiên cứu về chữ tượng hình, trong tôn giáo của họ ắt phải có một giáo lý ít nhiều xác định, biểu thị như một sự kiện có thể xảy ra, một sự lâm phạm thiêng liêng và vô nhiễm dưới một hình hài người.

Đúng thế. Nhưng tại sao phải phí công giải thích một điều tiên tri không thể có được, khi mà tôn giáo sau này, vốn mô phỏng (copying) tôn giáo thuở sơ khai, sẽ giải thích được toàn bộ bí nhiệm.

Cả thế giới đều có giáo lý này chứ không phải là bất cứ một kẻ nào nghiên cứu về chữ tượng hình, cũng nghĩ ra được nó; vì các Hoá Thân của Ấn Độ là một bằng chứng ngược lại. Thế mà, sau khi đã nhận thức được rõ rệt hơn ⁽¹⁾ thế nào là “Cha và Con Thiêng Liêng” (“Divine Father and Son”) đối với người Ai Cập, de Rougé vẫn không tài nào biện minh được và nhận thức được đâu là các chức năng gán cho Nguyên Khí *âm* trong sự sinh hoá nguyên thuỷ này. Ông chẳng tìm thấy được nó nơi Nữ Thần Neith ở Sais. Song ông lại trích dẫn lời của vị Chỉ huy nói với Cambyes khi dẫn vị vua này vào trong Thánh điện ở Sais : “Ta xin bệ hạ biết cho địa vị tôn quý của Sais, đó chính là chỗ ngự của Neith, *Nữ Thần sản sinh ra Mặt Trời, vốn tự sinh tự tại và chỉ biết sinh hoá ra thôi*”. Thế mới là kết quả của một bậc *Mẫu nghi Trinh khiết*.

¹ Y nhận thức rõ rệt được những điều mà người Ai Cập tiên tri về Jehovah (!) và Đấng Cứu Thế vốn là hiện thân của Ngài (con rắn lương hảo – the good serpent) v.v...., ngay cả việc đồng nhất hoá con quái vật Typhon với con Rồng *độc ác* ở vườn Địa Đàng. Thế mà điều này lại được công nhận như là một *khoa học* nghiêm chỉnh và đúng đắn!

Đối với bất cứ người nào có thể hiểu được và đánh giá đúng mức được, có một sự phân biệt thực sự vĩ đại, thơ mộng và có ý nghĩa triết học thâm sâu biết bao giữa *Đức Mẹ Đồng Trinh* của các kẻ ngoại đạo thời xưa và quan niệm thời nay về Đức Giáo Hoàng. Đối với kẻ ngoại đạo, Bà Mẹ Thiên Nhiên (Mother Nature) trẻ mãi không già, đối kiểu (antitype) của các nguyên kiểu (prototype) Mặt Trời và Mặt Trăng, đã *sinh sản ra* đứa Con “sinh ra từ trí” (“mind-born”) tức Vũ Trụ. Mặt Trời và Mặt Trăng, được xem như các vị thần thụ hùng, đã gieo giống cho Trái Đất, bậc Mẫu nghi tiểu thiên địa, đến lượt trái đất lại thụ thai và sinh sản. Đối với tín đồ Thiên Chúa giáo, Đấng Bản Lai (“First-born”) thật sự đã được sản sinh ra, rõ rệt là Ngài đã được thai nghén và sinh ra. Giáo hội Thiên Chúa giáo La Tinh giải thích là: “Một trinh nữ sẽ được sinh ra.” Như thế, giáo hội này đã làm giảm hạ lý tưởng tinh thần cao cả của Đức Mẹ Đồng Trinh Mary; đã làm giảm giá trị của Ngài, biến lý tưởng mà Ngài là hiện thân trở thành những gì thấp hèn nhất của các nữ thần nhân hình trong dân chúng.

Thật ra, Neith, Isis, Diana v.v....(muốn gọi nàng bằng danh xưng nào cũng được) là “Nữ Thần tạo hoá, vừa hữu hình, vừa vô hình, ngự trên Trời và trợ giúp vào việc sinh ra các chủng loại” nói tóm lại, đó là Mặt Trăng. Nàng có vô số trạng thái và quyền năng huyền linh, dưới một hình thái; Mặt Trăng trở thành Hathor đối với người Ai Cập, một trạng thái khác của Isis,⁽¹⁾ người ta trình bày là cả hai Nữ Thần đều đang bú Horus. Trong Phòng Ai Cập (the Egyptian Hall) ở Bảo tàng viện Anh Quốc, chúng ta thấy Hathor được Pharaoh Thotmes tôn thờ, ông ở giữa nàng và Chúa Tể các Tầng Trời.

¹ Hathor là Isis ở địa ngục (*infernal*), chủ yếu là nữ thần của phương Tây tức là âm phủ (*nether world*).

Tảng đá đơn độc được lấy ra từ Karnac. Người ta cũng ghi huyền thoại sau đây lên trên ngai của Nữ Hoàng này: “BẬC MẪU NGHỊ, MỆNH PHỤ THIÊN LIÊNG, TỨC NỮ HOÀNG TRÊN THIÊN GIỚI” (“THE DIVINE MOTHER AND LADY, OR QUEEN OF HEAVEN”); cũng như là “SAO MAI” (“MORNING STAR”) và “ÁNH SÁNG CỦA BIỂN” (“LIGHT OF THE SEA”). Tất cả mọi nữ thần Nguyệt Tinh đều có hai trạng thái, một trạng thái *thiên liêng* (*divine*) và một trạng thái *địa ngục* (*infernal*). Tất cả đều là các Mẹ Đồng Trinh của một đứa Con sinh ra một cách *trinh khiết* tức là Mặt Trời. Raoul Rochette chứng tỏ là Nữ Thần Nguyệt Tinh của dân thành Athen, Pallas hay Cybele, Minerva hay Diana đều ôm đứa con trai trong lòng; vào các dịp lễ, người ta cầu khẩn tới nàng như là “Đấng Duy Nhất sinh ra Thượng Đế” (“Only-begotten of God”), “Bà Mẹ Duy Nhất của Thượng Đế” (“One Mother of God”), cưới một con sư tử, xung quanh có mười hai nhân vật; các nhà Huyền bí học nhận ra đó là mười hai vị Thần vĩ đại, còn các nhà Đông phương học Thiên Chúa giáo ngoan đạo nhận ra đó là mười hai Tông Đồ, hay đúng hơn là nó có liên quan tới lời tiên tri của kẻ ngoại đạo người Hy Lạp.

116 Cả hai đều đúng hết, vì *nữ thần* Trinh Khiết của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Tinh là một bản sao trung thực của các nữ thần ngoại đạo xa xưa hơn; con số (mười hai) Tông đồ là con số của mười hai bộ lạc, mười hai bộ lạc này là một nhân cách hóa của mười hai vị Thần vĩ đại và mười hai cung Hoàng Đạo. Hầu hết mọi chi tiết trong các giáo điều của Thiên Chúa giáo đều được vay mượn của nhóm ngoại đạo. Theo Nonnus, Semele (vợ của Jupiter và mẹ của Bacchus), Mặt Trời cũng được “thăng thiên” (“carried”) sau khi chết, Nàng chủ trì giữa Hỏa Tinh và Kim Tinh với danh xưng “Nữ Hoàng Vũ Trụ” (“Queen of the World”), “tất cả ma quỷ” đều

run lấy bấy khi nghe tới tôn danh của nàng cũng như tôn danh của Hathor, Hecate và các Nữ Thần địa ngục khác. ⁽¹⁾

“Ma quỷ đã chạy trốn hết khi thấy bóng dáng Semele”. Theo De Mirville câu ghi khắc bằng tiếng Hy Lạp trên một đền thờ nhỏ đó (được mô phỏng lại trên một tảng đá mà Berger tìm thấy, rồi được Montfaucon sao chép lại) cho chúng ta biết một sự kiện quan trọng, đó là Magna Mater của thời xưa chính là “sự ăn cắp” tro trên (impudent “plagiarism”) ý niệm về Đức Mẹ Đồng Trinh của Giáo hội, điều này đúng là do Ma Quỷ gây ra. Dù thế hay ngược lại đi chăng nữa, thì cũng chẳng quan trọng. Có một điều đáng lưu ý là *bản sao thời xưa* giống hệt như *nguyên bản thời nay*.

Nếu còn chỗ, chúng ta có thể chứng tỏ được một số các tín điều của Giáo hội Thiên Chúa La Mã tỏ ra rất hững hờ, không quan tâm đến những điều thiên khai của quá khứ khi họ bắt buộc phải giáp mặt với chúng. Đứng trước nhận xét của Maury là “Đức Mẹ Đồng Trinh chiếm quyền sở hữu mọi Thánh điện của Ceres và Venus, còn các nghi lễ Ngoại đạo (vốn được cao rao và cử hành để tôn vinh các Nữ Thần này) đã được chuyển phần lớn sang Mẹ của Đức Christ”, ⁽¹⁾ kẻ ủng hộ La Mã đáp lại rằng sự thật đúng là như thế và đây cũng là điều tự nhiên.

Vì người ta thấy các giáo điều, các nghi thức tế lễ và các nghi lễ mà Giáo hội Tông đồ La Mã rao giảng vào năm 1862, được chạm tro trên các đền đài, được ghi khắc trên các cuộn giấy bằng cỏ chỉ ngay sau trận Đại Hồng Thủy, nên hình như

¹ Trích dẫn của De Mirville, ông hãnh diện thú nhận về sự tương tự mà ông ắt biết. Xem “Khảo cổ học về Đức Mẹ Đồng Trinh” trong bộ *Các Vong Linh*, Quyển iii, trang 111 - 113.

¹ *Pháp Thuật*, trang 153.

chúng ta không thể chối bỏ được sự tồn tại của một Thiên Chúa giáo [La mã] tiền sử sơ khai, Thiên Chúa giáo hiện nay của chúng ta chẳng qua chỉ nối tiếp nó một cách trung thực ...[Nhưng khi Thiên Chúa giáo sơ khai là thuật chiêu hồn vô liêm sỉ của loài ma quỷ đã đạt đến cao độ ... thì Thiên Chúa giáo hiện nay lại có tính chất thiêng liêng]. Nếu trong thánh thư Khải Huyền [Thiên Chúa giáo] Đức Mẹ Mary, vốn khoác lấy Mặt Trời, còn Mặt Trăng lại phủ phục dưới chân bà, chẳng còn dính líu gì tới người tôi tớ hèn mọn ở Nazareth [sic], ấy chỉ là vì nay bà đã trở thành quyền năng thần học và vũ trụ học vĩ đại nhất trong vũ trụ của chúng ta.⁽¹⁾

Thật thế, vì Pindar đã ngâm vịnh về “sự triệu thiên” (“assumption”) của Bà như sau: “Bà ngồi *bên tay phải* của Cha mình [jupiter],...và có quyền lực hơn tất cả mọi (Thiên Thần) hay Thần Linh khác.”⁽²⁾ Bài Thánh ca này cũng được áp dụng cho cả Đức Mẹ Đồng Trinh. Theo Cornelius ở Lapide, Thánh Bernard cũng đề cập đến Đức Mẹ Đồng Trinh Mary một cách thật sáng suốt: “Đức Christ Thái Dương ngự nơi Mẹ, còn Mẹ cũng ngự nơi Ngài”.⁽³⁾

117 Bậc Thánh nhân giản dị này lại cũng thừa nhận rằng Đức Mẹ Đồng Trinh cũng chính là *Mặt Trăng*. Vốn là Lucina của giáo hội, bà đã được người ta áp dụng câu thơ sau đây để mô tả Đức Mẹ Đồng Trinh lúc lâm bồn (childbirth): “Ôi *Lucina* trinh khiết, kiều diễm. *Apollo* của Ngài nay đã trị vì rồi đây”. ⁽⁴⁾ Vị Thánh trinh bạch (the innocent saint) còn thêm

¹ De Mirville, như trên, trang 116 và 119.

² *Thánh ca dâng lên Minerva*, trang 19.

³ *Sermon sur la Sainte Vierge. (Bài giảng về Thánh Mẫu Đồng Trinh)*

⁴ Verg. Ec. iv, 10.

vào : ⁽⁵⁾ “Giống như Mặt Trăng, Đức Mẹ Đồng Trinh là Nữ Hoàng trên Thiên Giới”.

Điều này đã giải quyết được vấn đề. Theo các tác giả như De Mirville chẳng hạn, các quan niệm ngoại đạo càng giống các giáo điều Thiên Chúa giáo bao nhiêu, thì Thiên Chúa giáo càng có vẻ thiêng liêng bấy nhiêu, và nó (nhất là dưới hình thức Thiên Chúa giáo La Mã) càng tỏ ra là tôn giáo duy nhất được thật sự linh hứng bấy nhiêu. Các khoa học gia và các Hàn lâm viện sĩ vô thần – cho rằng Giáo hội La Tinh đâu có được linh hứng một chút nào, và cũng chẳng tin vào những trò ăn cắp (plagiarism), đã bị kịch liệt chỉ trích. Thế là người ghi niên đại phản nản : “Họ chẳng tin gì hết, lại còn bác bỏ cả nền *Nông nghiệp Nabathean*, xem đó như là một điều thêu dệt và một mớ những điều mê tín dị đoan”. Theo ý kiến xuyên tạc của họ, “thần tượng Mặt Trăng” của Qũ-tămy và pho tượng Madonna đều như nhau!” Chẳng thế mà một Hầu tước quý tộc [J. E. De Mirville] cách nay 25 năm lại bỏ công ra viết sáu pho sách dày, nhan đề là “Luận trình đệ lên Hàn lâm viện Pháp”, chỉ nhắm có mỗi một mục đích là chứng tỏ rằng Thiên Chúa giáo La Mã chính là một tín ngưỡng được Thiên Khải và được linh hứng. Để minh chứng, ông đã trình bày vô số sự kiện, tất cả đều có khuynh hướng chứng tỏ rằng toàn bộ Cựu Thế giới, từ khi có trận Đại Hồng Thủy, được ma quỷ trợ giúp, đã bắt chước theo một cách có hệ thống các nghi thức, nghi lễ, giáo điều của Giáo hội tương lai, nó lại ra đời hàng bao nhiêu thời đại sau này. Đứa con trung thành của La Mã biết nói sao đây nếu y được nghe ông Renouf – đạo hữu của y, nhà nghiên cứu về Ai Cập lỗi lạc của Bảo tàng viện Anh Quốc – tuyên bố trong một bài diễn văn thông thái là “cả

⁵ *Khải Huyền*, Chương xii.

người Hebrew lẫn người Hy Lạp đều không thể kể thừa bất cứ ý niệm nào của Ai Cập”⁽¹⁾

Như vậy, chẳng lẽ ông Renouf lại có ý nói rằng chính người Ai Cập, người Hy Lạp và người Ả Rập mới kế thừa các ý niệm của Giáo hội La Tinh? Và nếu thế, tại sao – nhân danh luận lý – các kẻ tôn thờ Giáo Hoàng lại bác bỏ kiến thức phụ trợ mà các nhà Huyền bí học có thể trình bày về sự tôn thờ Mặt Trăng, chỉ vì tất cả mọi điều trên đều có khuynh hướng chứng tỏ rằng tục thờ phụng của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã cũng xưa như trái đất (as old as the world) – là tín ngưỡng của DÂN SABA VÀ SỰ TÔN THỜ TINH TÚ (OF SABAEANISM AND ASTROLATRY)?

Việc Thiên Chúa giáo buổi sơ khai và sau này Thiên Chúa giáo La Mã đều tôn thờ tinh tú (điển hình là tôn thờ Mặt Trời và Mặt Trăng giống như các tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostics) – song thuần túy hơn và có ý nghĩa triết học kém thâm sâu hơn là sự “tôn thờ Mặt Trời” của Bái Hỏa giáo) - là một hệ quả tự nhiên của sự khai sinh và gốc tích nó. Khi Giáo hội La Tinh chọn dùng các biểu tượng như là nước, lửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và nhiều thứ khác, đó chẳng qua là các
118 tín đồ Thiên Chúa giáo buổi sơ khai đã nối tiếp việc thờ phụng xưa của các quốc gia ngoại đạo. Thế thì Odin có được minh triết, quyền năng và kiến thức nhờ ngồi dưới chân Mimir, Jotun cực kỳ sáng suốt; Ngài sẽ suốt đời quanh quẩn bên cội nguồn Minh Triết (Nước ở đây trong như pha lê làm cho Ngài ngày càng thông thái). “Mimir thừa hưởng minh triết vô thượng ở nơi nguồn nước này, vì thế giới từ nước sinh ra ; vì thế người ta phải tìm thấy minh triết nguyên thủy trong yếu tố huyền nhiệm này”. Odin đã phải dùng tới một

¹ Trích từ một bài Diễn văn của ông G. Massey.

con mắt, nó có thể là “mặt trời, đang soi sáng và thấu suốt vạn vật; con mắt kia là mặt trăng với ánh sáng phản chiếu nhìn đầm đầm ra bóng đêm âm u; khi lặn, mặt trăng sẽ chìm xuống đại dương”.⁽¹⁾ Nhưng nó còn hơn thế nữa. Người ta nói là Loki, Hỏa Thần, đã ẩn trong nước cũng như là Mặt Trăng (đang soi sáng), Ngài ẩn ngay trong ánh sáng phản chiếu của nó. Chẳng phải chỉ có những người Bắc Âu thời xưa là tin rằng “Lửa trú ẩn trong nước đâu”. Tất cả mọi quốc gia và rồi các tín đồ Thiên Chúa giáo thời xưa cũng đều chấp nhận nó, họ trình bày tượng trưng Thánh Thần dưới dạng Lửa; “luồng khí vận của Đức Cha MẶT TRỜI (the Father-SUN) lại cứ như là các ngọn lửa chập chờn”. “Lửa” này cũng giáng xuống Nước hay Biển – *Mare, Mary*. Đối với nhiều quốc gia, Chim bồ câu là biểu tượng của Linh Hồn; nó thật là linh thiêng đối với Venus (nữ thần sinh ra từ bọt biển); sau này, nó biến thành biểu tượng của *Linh Hồn Vũ Trụ* của Thiên Chúa giáo tức Thánh Thần.

Một trong các chương huyền bí nhất của *Tử Vong Kinh* (*Book of the Death*) có nhan đề là: “Sự biến thành Thần sẽ Soi sáng cho con đường Tăm tối”. Trong chương này, “Âm quang U ám” (“Woman-Light of the Shadow”) lại phụng sự Thoth khi Ngài triệt thoát vào trong Mặt Trăng. Người ta nói là Thot-Hermes ẩn trong đó, vì Ngài đại diện cho Minh Triết Bí Nhiệm (the Secret Wisdom). Ngài là Thượng Đế biểu lộ trong trạng thái quang huy; còn khi bị giả định là rút lui vào bán cầu đối nghịch, Ngài là Thượng Đế ẩn tàng hay “Minh Triết U Mê” (“Dark Wisdom”). Để tự nói lên quyền lực, chị Hằng (the Moon) cho mình là “Ánh Sáng chiếu rọi Đêm Tối”, “Âm Quang”(the “Woman-Light”). Chính vì thế nên

¹ Wagner và Mc Dowall, *Asgard và Chư Thần*, trang 86.,

Mặt Trăng mới được chọn dùng làm biểu tượng của mọi nữ thần Đức Mẹ Đồng Trinh. Vì ngày xưa, bọn Tinh linh ma quái (the wicked “evil” Spirit) đã từng giao chiến với Mặt Trăng, nên nay người ta mới giả sử là chúng cũng chiến đấu chống lại (mặc dù không hề bẹp nổi) Nữ Thần Thiên Giới hiện nay là Mary tức Mặt Trăng. Cũng chính vì thế mà trong mọi Thần phổ học Ngoại đạo, Mặt Trăng mới có liên hệ mật thiết với con Rồng, kẻ thù muôn thuở của Nàng. Đức Mẹ Đồng Trinh tức Madonna đứng trên lưng Quỷ Vương thần thoại (the mythical Satan) (được trình bày tượng trưng là Con Rồng); quỷ vương đã kiệt sức nên đành nằm mọp dưới chân Đức Mẹ. Đó là vì đầu và đuôi của Con Rồng (đến nay, trong Thiên văn học Đông phương, chúng tượng trưng cho các tiết điểm thăng và giáng của Mặt Trăng) cũng được trình bày tượng trưng ở cổ Hy Lạp như hai con rắn. Vừa mới cất tiếng chào đời là Hercule đã diệt ngay được hai con rắn này, Chúa Hài Đồng của Đức Mẹ Đồng Trinh cũng lập nên chiến công hiển hách như vậy. Ông Gerald Massey đã nhận xét một cách tài tình về vấn đề này như sau:

Tất cả mọi biểu tượng đều tượng trưng cho chính các sự kiện từ đầu chí cuối, chứ không tượng trưng cho các sự kiện khác thuộc một loại khác hẳn. Tục mô tả bằng hình tượng (cũng như là các giáo điều) vẫn còn sống ở La Mã từ một thời kỳ Tiền-Christ rất xa xưa. Chẳng có việc nguy tạo hay là thêm thắt các kiểu mẫu đầu; có điều các hình tượng cứ bị liên tục với các ý nghĩa ngày càng bị xuyên tạc.

TIẾT 10

SỰ TÔN THỜ CÂY, RẮN VÀ CÁ SẼU (TREE, SERPENT, AND CROCODILE WORSHIP)

Rắn gây ra kinh hoàng hoặc khiến ta lễ bái; con người hoặc thật là căm ghét nó, hoặc là phủ phục trước kỳ tài của nó. Nó tiêu biểu cho đủ cả mọi điều: nào là Nói dối, nào là Thận trọng, nào là Ghen ghét, nào là Hùng biện. Dưới địa ngục, Nữ Thần tóc rắn cứ lăm lăm cầm nó trên tay, còn trên Thiên Đàng, nó lại biến thành biểu tượng của vĩnh cửu.

De Châteaubriand

CÁC kẻ tôn thờ rắn đã khẳng định rằng có nhiều loại Thần Linh, từ Thượng Đế xuống tới con người; đẳng cấp tương đối của các vị thần này tùy thuộc vào mức độ Ánh Sáng của mỗi vị. Họ cũng một mực cho rằng chúng ta phải thường xuyên cầu khẩn tới và tạ ơn Thần Xà vì nó đã được nhân loại dùng làm biểu tượng. Vì nó đã dạy Adam là nếu ông ăn trái Thiện Ác của Cây Minh Triết (the Tree of Knowledge), ông sẽ lớn nhanh và thu được vô số học thức cùng minh triết. Đó là lý do công truyền.

Chẳng nhọc sức chút nào chúng ta cũng thấy được nguồn gốc của ý niệm bản sơ về cặp nhị nguyên Thiện Ác, đó là đặc tính giống như Janus của Thần Xà. Đây là một trong các biểu tượng xưa nhất, vì loài bò sát còn xuất hiện trước loài chim, trong khi loài chim lại xuất hiện trước loài hữu nhũ. Vì thế, các bộ lạc dã man mới tin (đúng hơn là mê tín) rằng linh hồn của tổ tiên họ tồn tại dưới hình thức này, họ lại

thường gán ghép Rắn với Cây. Có vô số huyền thoại về nhiều ý nghĩa khác nhau của nó, song vì hầu hết đều là ẩn dụ, nên nay, chúng đã biến thành loại chuyện ngụ ngôn, dựa vào sự dốt nát hoặc các điều mê tín dị đoan. Chẳng hạn như khi Philostratus thuật lại rằng các thổ dân ở Ấn Độ và Á Rập cứ ăn tim và gan của các loài Rắn để học được ngôn ngữ của mọi loài thú (người ta tin rằng Rắn có năng khiếu này), chắc chắn là chẳng bao giờ ông có ý nói theo sát nghĩa.⁽¹⁾ Rồi ra, hơn một lần chúng ta sẽ thấy rằng “Rắn” và “Rồng” chính là các biệt danh của các “Đấng Minh Triết” (the “Wise Ones”), tức các Cao đồ được Điểm Đạo thời xưa. Chính các môn đồ của họ đã nghiền ngẫm minh triết và học thức của họ, ẩn dụ là như thế đó. Trong chuyện ngụ ngôn của Bắc Âu, Sigurd đã nướng tim của Fafnir tức Con Rồng mà ông đã giết chết, thế là ông trở thành người thông thái nhất; ý nghĩa câu chuyện trên cũng giống in như vậy. Sigurd đã học được hết các bí hiểm và bùa ngải; ông đã được một Điểm đạo đồ tên là Fafnir (hay một pháp sư) “truyền tâm ấn” (“passing the word”); sau đó, như thường lệ, vị Sư Trưởng thanh thân viên tịch. Trong khi nỗ lực trình bày các *dị thuyết* (*heresies*), Epiphanius đã tiết lộ một bí nhiệm của phái Ngộ Đạo (Gnostics). Ông bảo rằng có một lý do giải thích việc các tín đồ phái Ngộ Đạo tôn thờ Rắn: *đó là vì Rắn đã dạy các bí pháp cho các người sơ khai*. Đúng như vậy; nhưng có điều là khi giảng dạy giáo điều này, họ không nghĩ tới việc Adam và Eve trong vườn Địa Đàng, nên họ chỉ nói như thế thôi. Các *Nāgas* (Rắn) của các cao đồ Ấn Độ và Tây Tạng đều là các nhân Xà (human *Nāgas*), chớ không phải là loài bò sát. Và lại, xưa nay, con Rắn bao giờ

¹ Xem De Vita Apollonii, I, xiv.

cũng là mô hình của việc liên tục cải lão hoàn đồng, của THỜI GIAN và BẤT TỬ (of IMMORTALITY and TIME).

Trong *Sáng Thế Ký Tự Nhiên* (*Natural Genesis*) của Gerald Massey, có rất nhiều lỗi thuyết minh và sự kiện thật thú vị về tục thờ Rắn, xét về mặt khoa học, như thế là rất đúng. Nhưng còn *lâu lăm* chúng nó mới bao hàm hết các ngụ ý. Chúng chỉ tiết lộ các bí nhiệm về thiên văn học và sinh lý học, với lại một vài hiện tượng vũ trụ. Trên cảnh giới vật chất thấp nhất, con Rắn chắc là “đại biểu hiệu của Bí Nhiệm khôn dò” (“great emblem of Mystery in the Mysteries”), rất có thể là người ta sẽ chọn dùng nó làm mô hình cho sự trở mã của phái nữ, vì mỗi lần lột da là nó lại mới lại. Tuy nhiên, điều này chỉ áp dụng cho các bí nhiệm liên quan tới cuộc sống *vật dục* trên trần thế, về mặt này “biểu tượng của *sự lột xác* tái sinh trong các Bí Nhiệm [vũ trụ], giai kỳ cuối cùng”⁽¹⁾ (hay đúng hơn là các giai kỳ mở đầu và tột đỉnh) đều không thuộc về cảnh giới này. Các giai kỳ này đều được sản sinh ra trong cảnh giới Ánh Sáng thuần túy Lý Tưởng (the pure realm of Ideal Light). Đã hoàn thành mỹ mãn toàn bộ chu kỳ thích ứng và biểu tượng ký, các “Bí Nhiệm” liền phản bốn hoàn nguyên, biến thành tinh hoa của các nghiệp duyên *vô hình* (*immaterial causality*). Chúng thuộc về minh triết vô thượng. Và chắc chắn là chẳng bao giờ mà danh tiếng nó trở thành lừng lẫy chỉ vì nó đã len lỏi vào các chức năng sinh lý và nhất là các chức năng của phái nữ (feminine functions) !

Biểu tượng Rắn có biết bao nhiêu là trạng thái và ý nghĩa huyền bí, cũng như biểu tượng Cây; Rắn còn là biểu hiệu của “Cây Trường Sinh” (“Tree of Life”), một thứ liên kết

¹ Xem Gerald Massey, *Sáng Thế Ký Tự Nhiên*, Quyển I, trang 340, xuất bản năm 1883.

không thể phân ly với nó. Dù được xem như là một biểu tượng siêu hình hay vật chất, dù được xét chung hay xét riêng, chưa bao giờ Rắn và Cây lại bị mất giá trị như ngày nay. Vào thời đại này, thần tượng đều sụp đổ hết, không còn để xiển dương chân lý, mà chỉ để tôn vinh những gì thô tục nhất. Trong *Các Dòng Sông Sinh Mệnh (Rivers of Life)*, Tướng Forlong đã tiết lộ nhiều điều độc đáo, làm cho kẻ tôn thờ Cây và Rắn vào thời cổ Ai Cập và Chaldea nghiêng ngả; ngay cả những người Shaivas thời xưa cũng giật mình khiếp sợ (recoiled in horror) khi nghe nhắc tới các lý thuyết gợi ý của tác giả vừa nêu. Để biện minh cho lời tuyên bố của mình, ông Gerald Massey cho rằng: “Payne Knight và Inman cho rằng Thập tự Tau chỉ là một vật mô phỏng lại các cơ quan của phái nam dưới một hình thức tam phân; điều này thật sự là sai lầm từ cơ bản.” Nhưng đây cũng là một phát biểu có thể được áp dụng ngay cho hầu hết các lối thuyết minh hiện đại về các biểu tượng cổ truyền. *Sáng Thế Ký Tự Nhiên* là một tác phẩm khảo cứu đồ sộ, một tác phẩm hoàn chỉnh nhất đã từng được xuất bản về chủ đề này, nó bao hàm một lãnh vực rộng rãi và giải thích được nhiều điều hơn hết so với bất cứ tác phẩm nào của các nhà biểu tượng học khác. Thế mà nó chưa bao giờ vượt ra khỏi giai đoạn “hữu thần tâm linh” của tư tưởng cổ truyền. Payne Knight và Inman cũng đâu có hoàn toàn sai lầm; có điều là họ đã sai lầm khi giải thích “Cây Trường Sinh” chính là Thập tự giá và Hình tượng dương vật; các biểu tượng này chỉ thích hợp với giai đoạn tiến hóa thấp nhất và mới nhất của các ý niệm về Đấng Ban Cấp Sự Sống (the GIVER OF LIFE). Đó là sự biến hóa vật lý sau rốt và thô thiển nhất của Thiên Nhiên, nơi côn trùng, cầm thú và cây cỏ. Dưới hình thức sức hút của các điều trái ngược, tức sự phân

cực về tính dục, từ khí nhị phân, sáng tạo đã tác động để cấu thành loài bò sát, chim muông, cũng như loài người. Và lại, vốn không biết về các Bí pháp thực sự mà Huyền bí học tiết lộ, từ đầu chí cuối ắt các nhà biểu tượng học và nhà Đông phương học hiện đại chẳng thể thấy được gì ngoài trừ giai đoạn cuối cùng này. Nếu bảo rằng cách thức sinh sôi nảy nở này (nay trên Trái Đất đều như thế cả) chẳng qua chỉ là một giai kỳ phù du, một phương tiện vật chất để cung ứng các điều kiện sống và tạo ra các hiện tượng sống, và nếu bảo rằng nó sẽ thay đổi theo Căn chủng (Root-Race) này và biến mất theo Căn chủng tới, thì họ sẽ cười cho rằng đó là một ý niệm mê tín dị đoan, phản khoa học. Nhưng các nhà Huyền bí học thông thái nhất đều *khẳng định điều này*, vì họ đã biết quá rồi. Thế giới sinh vật (tất cả đều sinh sản ra các chủng loại của mình) là một bằng chứng sống động của nhiều cách thức sinh sản khác nhau trong cuộc tiến hóa của các giống người và giống thú. Nhà thiên nhiên học phải trực nhận được chân lý này, cho dù chưa chứng minh được nó. Với các lối tư tưởng hiện nay thì y làm sao được bây giờ! Các mốc cổ sử trong quá khứ thật là ít ỏi và hiếm có, còn các khoa học gia lại lầm lẫn các mốc mà họ đã vượt qua là các cột mốc của kỷ nguyên bé nhỏ của chúng ta. Ngay cả cái gọi là “Lịch sử thế giới (?)” cũng chỉ bao hàm một lãnh vực nhỏ trong khoảng không gian hầu như vô tận của các vùng còn chưa được thăm dò của Căn chủng mới nhất tức là Căn chủng thứ Năm. Vì thế mọi cột mốc mới, mọi hình tượng mới được tìm ra của quá khứ xa xưa, đều được thêm vào kho kiến thức cũ, đều được thuyết minh theo các đường lối giống như các quan niệm sẵn có, chúng không có liên quan gì tới chu kỳ tư tưởng đặc biệt mà hình tượng đặc thù này thuộc về. Nếu không thay đổi phương pháp thì làm sao mà Chân Lý có thể xuất lộ nổi !

123

Vì thế, lúc mới bắt đầu cùng nhau tồn tại như là một hình tượng của Đấng Bất Diệt, Cây và Rắn đều thật sự là các hình tượng thiêng liêng. Các Cây lại *mọc ngược*, nó bắt rễ ở trên Thiên Đàng và lớn lên từ Cội Nguồn Vô Thuỷ của Toàn Hiện (the Rootless Root of All-Being). Thân nó cứ lớn lên, băng qua các cảnh giới thiêng liêng, các cành lá sum sê, cứ tua tủa trở ra, trước hết là trên cảnh giới vật chất ít bị biến phân, mãi tới khi nó xuống tới cõi trần. Trong *Chí Tôn Ca* có nói rằng Cây Trường Sinh Ashvattha (chỉ cần diệt được nó là bất tử), mọc ngược, rễ ở trên, cành lại ở dưới.⁽¹⁾ Rễ tiêu biểu cho Đấng Tối Cao (the Supreme Being), tức Nguyên Nhân Bản Sơ (First Cause), THƯỢNG ĐẾ (the LOGOS); nhưng người ta phải giải thoát các rễ cây để hợp nhất với *Krishna*. Arjuna cho rằng Krishna còn “vĩ đại hơn Brahman và Nguyên Nhân Bản Sơ ...kim cang bất hoại (indestructible), hiện tồn, chẳng hiện tồn và còn hơn nữa”.⁽²⁾ Các cành của nó chính là Kim Noãn (Hiranyagarbha) (theo Shrīdhara Svāmin và Madhusūdana, đó là biểu lộ cao siêu nhất của Brahmā hay Brahman) các Thiền Định Đế Quân (Dhyān Chohans) tức các Thiên Thần cao cả nhất. Bộ kinh *Vedas* là các lá cây. Kẻ nào vượt thoát khỏi các rễ cây sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa, tức là sẽ không có tái sinh luân hồi trong “Thời kỳ” của Brahmā.

Chỉ khi nào mà các cành tinh khiết của nó đã bị dính bùn thế tục của vườn Địa Đàng vào thời Căn chủng thứ Nhất, thì cây này mới nhiễm trọc và mất đi sự tinh khiết ban đầu; bấy giờ Con Rắn Vĩnh Cửu tức Thượng Đế sinh trên Thiên Giới mới rốt cuộc bị bại hoại. Ngày xưa, vào thời các *Triều đại thiêng liêng* trên Trần Thế, con vật bò sát (mà ai cũng sợ) được

¹ Dẫn từ xv, v 1, 2.

² Dẫn từ xi, v. 37.

coi như là chùm tia sáng đầu tiên xạ ra từ vực thẳm Bí nhiệm thiêng liêng. Người ta đã khoác cho nó nhiều hình thức khác nhau và đã thích ứng nhiều biểu tượng tự nhiên cho nó, khi nó băng qua vô lượng thời. Từ chính Thời gian Vô cực (Kāla), nó lọt vào trong không gian và thời gian phát xuất từ sự suy đoán của con người. Các hình thức này có tính chất vũ trụ và thiên văn, hữu thân và phiếm thân, trừu tượng và cụ thể. Đến lượt chúng lại trở thành chòm sao Thiên Long ở Cực (the Polar Dragon) và chòm sao Chữ Thập ở phía Nam (the Southern Cross), *Alpha Draconis* của Kim tự tháp và Long Thần của các Phật Tử Ấn Độ (the Hindu-Buddhist Dragon), nó luôn luôn đe dọa, song chẳng bao giờ nuốt chửng Mặt Trời vào những kỳ nhật thực. Cho tới lúc đó, Cây Trường Sinh vẫn xanh tươi mãi vì người ta rải Sinh Thủy (the Water of Life) lên nó, Đại Long (the great Dragon) vẫn còn thiêng liêng mãi, chừng nào người ta vẫn còn giữ được nó ở trong phạm vi của các tinh tú hoạt trường (the sidereal fields). Nhưng Cây Trường sinh cứ lớn lên mãi đến khi rốt cuộc các cành thấp của nó chạm tới vùng địa ngục – tức Trần gian. Bấy giờ Đại Xà Nidhogg – nó đang ngấu nghiến xác chết của những kẻ ác ở trong “Phòng Địa Ngục” (“Hall of Misery”) (kiếp nhân sinh), ngay khi họ bị nhúng vào vạc dầu sôi “Hwergelmir” (các thị dục của con người) – mới gặm nhấm Cây Thế gian (World-Tree) mọc ngược. Các con sâu vật chất lúc nhúc ở trên các rễ cây lành mạnh, rồi cứ leo cao mãi lên trên thân cây. Trong khi đó, Con Rắn Midgard (the Midgard-Snake) đang nằm cuộn ở dưới đáy biển quẩn lấy Địa Cầu, phả hơi độc làm cho Trái Đất nhũn ra không có sức đề kháng. Theo ẩn dụ, Rồng, Rắn thời xưa đều có bảy đầu – “mỗi đầu tương ứng với một Giống dân, mỗi đầu có bảy sợi tóc”. Từ Ananta (from Ananta), Con Rắn Vĩnh Cửu cống (carries)

123

Vishnu băng qua Chu kỳ Khai Nguyên (Manvantara) cho tới con Shesha nguyên thủy (trong thần thoại Purānas có nói là nó biến từ bảy đầu thành “một ngàn đầu”), mãi cho tới Con Rắn bảy đầu của dân Akkadian, đều như thế cả. Điều này tượng trưng cho Bảy Nguyên Khí khắp cả Thiên Nhiên và nơi con người; cái đầu ở giữa, góc cao lên nhất, chính là cái đầu thứ bảy. Đó không phải là ngày Sabbath (ngày nghỉ cuối tuần của Do Thái) của Moses mà Philo có đề cập tới trong tác phẩm *Sáng Thế* (*Creation of the World*); ông bảo rằng thế giới được hoàn chỉnh “theo bản chất tuyệt hảo của con số 6”. Ấy là vì:

Khi các lý trí [nous] vốn rất thiêng liêng theo số 7, đã nhập vào linh hồn [đúng hơn là cơ thể sống], nó bắt giữ (arrested) ngay con số 6 và tất cả mọi điều hữu hoại, mà con số này tạo ra (number makes).

Và:

Số 7 là ngày lễ của toàn thể gian, đó là ngày thế gian mở mắt chào đời. Tôi chẳng biết làm sao tán tụng con số 7 này cho đúng với ý nghĩa của nó. ⁽¹⁾

Tác giả của *Sáng Thế Ký Tự Nhiên* cho rằng:

Bảy ngôi sao của chòm sao Đại Hùng Tinh [Saptarishis] và Con Rồng bảy đầu đều là nguồn gốc hữu hình của biểu tượng về bảy thời gian trên. Nữ thần của bảy ngôi sao này là Kep, mẹ của thời gian; do đó mới có hai lần Kepti và Sebti cũng như là con số 7. Vì thế, đó là ngôi sao của Bảy tôn danh. Sevekh (Kronos), con của nữ thần, mang tên bảy ngôi sao hay ngôi sao thứ bảy. Sefekh Abu đang xây nhà trên cao, cũng vậy, còn Minh Triết (Sophia) lại xây nhà bằng bảy cái cột... Có bảy kiểu mẫu thời gian (kronotypes) sơ khai, vì thế thời gian trên trời bắt đầu lúc nào thì còn tùy thuộc vào số lượng và danh xưng của bảy ngôi sao, vì có các Đấng biểu lộ

¹ *De opificio mundi* (Philo Judaeus), trang 30 và 419.

qua các ngôi sao. Khi quay vòng hàng năm, bảy ngôi sao vẫn cứ chỉ theo hướng ngón tay trỏ của bàn tay phải, và vạch ra một vòng tròn nơi thượng thiên và hạ thiên.⁽¹⁾ Tự nhiên là con số 7 đã gợi ra một kích thước thất bội (bội số của bảy). Điều này đã đưa tới cái gọi là Sự thất bội hoá (Sevening) cũng như là việc xác định và vạch ra vòng tròn có bảy phần tương ứng với bảy chòm sao lớn. Các “thất tinh cung” (heptanomis) thiên giới của Ai Cập đã được tạo ra như thế đó.

Khi thất tinh cung được phân nhỏ ra, mỗi thứ được chia làm bốn, thì số lượng được tăng lên gấp bốn, và hai mươi tám cung Hoàng Đạo thay thế cho bảy chòm sao bản sơ. Hoàng Đạo âm lịch (gồm có hai mươi tám cung) chính là kết quả của việc tính toán hai mươi tám ngày âm lịch, tức là một tháng âm lịch.⁽²⁾ Theo sự bố trí của Trung Quốc, có bốn thần chủ trì bốn phương trời.⁽³⁾ Nói cho đúng ra thì chỉ bảy chòm sao phương Bắc hợp thành Huyền Vũ (the Black Warrior); bảy chòm sao phương Đông (mùa thu của 125 Trung Quốc) tạo thành Bạch Hổ (the White Tiger); bảy chòm sao phương Nam là Châu Tước (the Vermilion Bird); và bảy chòm sao phương Tây (mùa xuân) là Thanh Long (the Azure Dragon). Mỗi một trong bốn thần này chủ trì thất tinh cung của mình trong vòng một tuần âm lịch. Nữ thần sinh hoá (genitrix) của thất tinh cung thứ nhất (con quái vật Typhon của bảy ngôi sao) nay lại có một tính cách nguyệt tinh ... Trong tuần trăng này, chúng ta thấy nữ

¹ Cũng vì vậy, người ta mới cho là con người gồm có bảy nguyên khí, vì chúng cũng mô tả vòng tròn giống như vậy trong chơn ngã và phàm ngã của con người.

² Như thế, phép chia ra làm bảy phần đúng là xưa nhất và còn có trước cả phép chia ra làm bốn phần. Nó là cơ sở của phép phân loại cổ sơ.

³ Trong Phật giáo và Nội môn Bí giáo Trung Quốc, người ta trình bày tượng trưng bốn thần như là Tứ Long Thần (four Dragon) – Các Đại Thiên Vương trong các đoạn thơ tiếng Bắc Phạn của Thiên Định Chân Kinh.

thần Sefekh, tôn danh của nàng có nghĩa là số 7, là một từ ngữ âm (feminine word), tức là Thượng Đế (logos) thay thế cho mẹ của thời gian, với tư cách là nữ thần Thất Tinh (goddess of the Seven Stars), chính là Huyền Âm trước kia (the earlier Word).⁽¹⁾

Tác giả nêu trên chứng tỏ rằng nữ thần của Đại Hùng Tinh (the Great Bear) và Mẹ của Thời gian (vốn ở Ai Cập từ thời sơ khai nhất) chính là “Từ ngữ Sinh động” (“Living Word”), còn Sevekh-Kronos, mà kiểu mẫu là Cá Sấu-Rồng (Crocodile-Dragon), hình thức tiền hành tinh của Thổ Tinh, được gọi là con và phu quân (consort) của nàng; ông chính là Huyền Âm của nàng (her Word-Logos).⁽²⁾

Những điều trên thật ra cũng rất đơn giản, có điều là chỉ riêng kiến thức thiên văn mà thôi thì đâu có đủ để đưa cổ nhân tới tiến trình *Thất bội hoá* (*Sevening*). Nguyên nhân bản sơ đã thất truyền rồi, chúng ta ắt phải giải quyết nó một cách thích đáng mà thôi.

Những điều trích dẫn nêu trên không phải là lạc đề đâu. Chúng được trích dẫn ra để chứng tỏ rằng:

a. việc một Điểm đạo đồ được gọi là “Con Rồng”, “Con Rắn”, “Nāga” đều có lý do của nó; và

b. các giáo sĩ thuộc các triều đại xưa nhất ở Ai Cập đã dùng lối phân chia làm bảy phần của chúng ta vì lý do giống như chúng ta và dựa vào cơ sở giống như chúng ta.

Tuy nhiên, điều này cần phải được minh giải thêm nữa. Như đã nói, cái mà ông Gerald Massey gọi là Tứ Thần (the Four Genii) ở tứ phương, cái mà người Trung Quốc gọi là Huyền Vũ, Bạch Hổ, Châu Tước và Thanh Long, thì trong Thánh thư lại được gọi là “Bốn Con Rồng Minh Triết Ẩn

¹ Sách đã dẫn, Quyển II, trang 312 - 313.

² Như trên, Quyển I, trang 321.

Tàng” (“Four Hidden Dragon of Wisdom”) và các “Thiên Xà” (“Celestial Nāgas”). Nay người ta lại chứng tỏ được là *Thượng Đế-Rồng* bảy đầu (septenary *Dragon-Logos*) dần dần bị xẻ ra, (tạm gọi như vậy) làm bốn phần thất tinh cung (*four heptanomic parts*), tức là hai mươi tám phần. Trong một tháng âm lịch, mỗi tuần đều có một đặc tính huyền linh riêng biệt; mỗi ngày trong 28 ngày cũng đều có đặc tính chuyên biệt của nó. Ấy là bởi vì, dù xét riêng hay phối hợp với các cung Hoàng Đạo khác, mỗi chòm sao trong số mười hai chòm đều có một tác dụng huyền linh hoặc là tốt, hoặc là xấu. Điều này tượng trưng cho toàn bộ kiến thức mà người ta có thể có được trên trần thế; ấy thế mà đã có mấy người thủ đắc được nó đâu. Bởi thế nên chúng ta có thể đếm được trên đầu ngón tay số người thông thái đạt đến mức quán triệt được Minh Triết được trình bày tượng trưng như là con Đại Bản Long (the great Root-Dragon) tức ĐẰNG CHỦ TỂ Tinh Thần (the Spiritual LOGOS) của các cung Hoàng Đạo hữu hình này. Bậc nào lâu thông được minh triết trên ất sẽ được tôn là “Rồng” và trở thành các “La Hán với Tứ Diệu Đế và Nhị thập bát huyền công” (“Arhats of the Four Truths of the Twenty-eight Faculties”), các Ngài được xưng tụng như thế mãi.

Các môn đồ phái Platon-Tân triết học Alexandria cứ quả quyết rằng để trở thành các *Pháp sư* chân chính (real *Chaldees* or Magi), chúng ta phải quán triệt được khoa học về các thời kỳ của Bảy Đấng Trị Vì Thế Gian (the Seven Rectors of the World), nguồn cội của mọi minh triết. Ngoài ra, người ta cho rằng Iamblichus chủ trương một thuyết khác, song thuyết này cũng chẳng có gì mới, vì ông cho rằng:

Theo Hipparchus, dân Assyria không những đã duy trì được các văn kiện lưu trữ về bảy và hai mươi vạn năm, mà còn bảo toàn

được toàn bộ các “thuyết tận độ chúng sinh” (apocatastases) và các thời kỳ của Bảy Đấng Trị vì thế gian.⁽¹⁾

Huyền thoại của mọi quốc gia và bộ lạc, dù là văn minh hay dã man, đều tin vào một đặc điểm của loài Rắn, cho rằng chúng rất khôn và rất quý quyết. Chúng chuyên đi “dụ dỗ” (“charmers”). Chúng dùng mắt thôi miên loài chim, thậm chí con người cũng chẳng mấy khi thoát được ma lực của chúng, chẳng trách nào người ta dùng rắn làm biểu tượng của minh triết.

Con sáu chính là Con Rồng của Ai Cập. Nó là biểu tượng lưỡng phân Trời và Đất, Mặt Trăng và Mặt Trời; vì có bản chất lưỡng sinh, nó trở thành linh thiêng đối với Osiris và Isis. Theo Eusebius, người Ai Cập trình bày tượng trưng Mặt Trời như là hoa tiêu của một Chiếc Tàu, chiếc tàu này do con sáu kéo để “chứng tỏ chuyển động của Mặt Trời trong Hơi Ấm” (Không gian).⁽²⁾ Hơn nữa, Con Sáu còn là biểu tượng của chính vùng Hạ Ai Cập, miền này lây lợi hơn Thượng Ai Cập. Các nhà luyện kim đan lại chủ trương một lối thuyết minh khác. Họ cho rằng biểu tượng Mặt Trời trong Chiếc Tàu ở trên Dĩ Thái của Không gian (the Ether of Space) có nghĩa là:

- Vật chất Huyền bí (Hermetic Matter) là nguyên khí hay cơ sở của Vàng (Gold), tức Mặt Trời *triết học* (philosophical Sun);

- Nước mà Con Sáu đang bơi trong đó, chính là Vật Chất đã hoá lỏng;

- Cuối cùng, Chiếc Tàu tượng trưng cho Chiếc Tàu Thiên Nhiên với Mặt Trời (tức nguyên khí lân tinh, hoá) là hoa tiêu,

¹ Proclus, *Timaeus*, I.

² *Prep. Evang.* I, iii, 3.

vì Mặt Trời điều động công việc bằng cách tác động lên *Hơi Ẩm* (*Moist*), tức *Thuỷ Ngân* (*Mercury*). Điều này chỉ dành cho các nhà Luyện Kim Đan (*Alchemists*).

Con rắn chỉ trở thành kiểu mẫu và biểu tượng của điều ác cũng như là Ma Quỷ trong thời Trung Cổ. Các tín đồ Thiên Chúa giáo thời sơ khai cũng như các tín đồ thờ rắn của phái Ngộ Đạo đều có Thượng Đế lưỡng phân: Rắn Thiện và Ác, Phúc Thần và Ác Quỷ (the Agathodaemon and the Kakodaemon). Điều này được trình bày trong các tác phẩm của Marcus, Valentinus, và nhiều tác phẩm khác, nhất là trong *Pistis-Sophia* - đó chắc chắn là một tài liệu thuộc vào thời sơ khai nhất của Thiên Chúa giáo. Trong *Các Tín Đồ Phái Ngộ Đạo và Các Di Tích* (*the Gnostics and their Remains*) tác giả đã quá cố C. W. King nhận xét rằng: trên cái quách bằng cẩm thạch ở một lăng tẩm (được tìm ra ở gần Porta Pia vào năm 1852), người ta thấy quang cảnh thờ phụng của các pháp sư, “nguyên kiểu của quang cảnh này là việc ‘Mặt Trời Mới ra đời’ (*‘Birth of the New Sun’*)”. Cái sàn có khảm một bức hoạ kỳ diệu, có thể là nó trình bày việc:

- (a) Isis đang cho chú bé Harpocrates bú, hay là
- (b) Madonna đang cho Jesus hài đồng bú.

Trong các chiếc quách nhỏ hơn bao xung quanh chiếc quách lớn, chúng ta thấy có nhiều phiến chỉ cuộn tròn, trong đó chỉ mới có mười một tấm được giải đoán thôi. Người ta phải xem nội dung của các tấm này như là bằng chứng cuối cùng của một vấn đề gây nhiều tranh cãi. Ấy là vì chúng chứng tỏ rằng hoặc là các tín đồ Thiên Chúa giáo sơ khai (mãi tới Thế kỷ thứ VI) chính là các kẻ Ngoại đạo *chân thật* (*bona fide Pagans*), hoặc là Thiên Chúa giáo đây giáo điều nay đã được mượn tất cả và biến hết thành ra Giáo hội Thiên Chúa giáo – Mặt Trời, Cây, Rắn, Sấu và tất cả.

Trên cuộn sách thứ nhất chúng ta thấy Anubis ...đưa tay ra cầm một cuộn (scroll) sách; ở dưới chân y có hai pho tượng bán thân của phụ nữ; dưới cùng là hai con rắn xoắn vào nhau ...một xác chết được liệm như một xác ướp. Trên cuộn sách thứ hai chúng ta thấy ...Anubis đưa tay ra ôm một thập tự giá, “Ký hiệu của Sự sống” (the “Sign of Life”). Bên dưới chân y có một xác chết bị một con rắn khổng lồ quấn nhiều vòng xung quanh, con rắn này chính là Phúc Thần (Agathodaemon) chuyên canh giữ kẻ quá cố ...Trong cuộn sách thứ ba ...chúng ta lại thấy Anubis cầm một vật thon thon ...sao cho nét phác hoạ của hình này biến thành một thập tự giá La Tinh hoàn chỉnh (a complete Latin cross) ... Dưới chân vị thần này có một hình thoi, đó là “Vũ Trụ Noãn” (“Egg of the World”) của Ai Cập, một con rắn cuộn mình thành hình tròn cổ trườn tới vũ trụ noãn này ... Phía dưới các tượng bán thân là chữ ω được viết lại bảy lần trên một hàng, nó nhắc ta nhớ tới một trong các “Thánh Danh” (“Names”) ...Có một điều đáng lưu ý nữa là dòng chữ, hiển nhiên là thổ ngữ Palmyrene, trên cặp chân của Anubis thứ nhất. Về phần hình rắn, cứ giả sử rằng các linh phù này không hề xuất phát từ tín ngưỡng của những kẻ thờ Isis, mà là từ tín ngưỡng của những kẻ thờ Rắn, rất có thể là nó tượng trưng cho “Con Rắn chân chính và hoàn mỹ” (“True and perfect Serpent”), Con Rắn này “dẫn dắt linh hồn của tất cả những ai tin theo nó, ra khỏi Ai Cập (cơ thể) (out of the Egypt of the body), băng qua Hồng Hải (của Thần Chết) tiến vào vùng Đất Hứa (through the Red Sea of Death into the Land of Promise), nó cứu họ - thoát khỏi cạm bẫy của các con Rắn Hoang Địa (the Serpents of the Wilderness), tức là các Tinh Quân (the Rulers of the Stars).”⁽¹⁾

“Con Rắn chân chính và hoàn mỹ này” chính là Thượng Đế bảy chữ; nay người ta tin rằng Ngài chính là Jehovah, và Đức Jesus cũng đã *hợp nhất với Ngài*. Trong *Pistis-Sophia*, một tác phẩm còn xưa hơn cả *Thiên Khải* của Thánh John, và hiển

¹ Sách đã dẫn, trang 366 - 368.

nhiên là thuộc cùng một trường phái, “Bí Nhiệm Bản Sơ” (“First Mystery”) ⁽¹⁾ gọi ứng viên Điểm Đạo tới Thượng Đế bảy nguyên âm này (this seven-vowelled God). (Con Rắn) của bảy sấm sét thốt ra bảy nguyên âm này, nhưng lại lấp liếm đi những gì mà bảy sấm sét đã thốt ra và cũng không chịu viết chúng ra nữa. ⁽²⁾Trong *Pistis-Sophia*, Chúa Jesus hỏi: “Các con có mưu tìm các bí nhiệm này chăng? Chẳng có bí nhiệm nào hay hơn chúng [bảy nguyên âm] đâu; vì chúng sẽ mang linh hồn các con vào trong Ánh Sáng Vô Lượng (the Light of Lights)” – tức là chân Minh Triết (true Wisdom). “Do đó, không gì tuyệt diệu hơn các bí nhiệm mà các con mưu tìm, đó là bí nhiệm về Thất Huyền Âm (the Seven Vowels) và tứ thập cửu (49) Quyền Năng (forty and nine Powers), cùng với các con số.”

Ở Ấn Độ, đó là bí nhiệm về Thất LINH HOẢ (the mystery of Seven FIRES) và Tứ Thập Cửu Linh Hoả (Forty-nine Fires), hay các “trạng thái hay các con số”, tất cả đều như nhau hết.

Ở Ấn Độ, trong những Phật tử Nội môn, ở Ai Cập, ở Chaldea v.v....và trong các Điểm đạo đồ thuộc mọi quốc gia khác, Thất Huyền Âm này đều được trình bày tượng trưng bởi hình chữ Vạn trên bảy đỉnh đầu của Con Rắn Vĩnh Cửu (the Serpent of Eternity). Đó là Bảy Vùng (the Seven Zones) của trạng thái sau khi chết (trong các tác phẩm của Hermes); kẻ “Quá cố” (“Mortal”) lìa khỏi một trong các “Hồn” hay Nguyên khí của mình nơi các vùng này. Khi đạt tới cảnh giới vượt lên trên hết mọi Vùng này, y tồn tại như là Con Rắn lớn Vô Hình có Toàn Triết (the great Formless Serpent of Absolute Wisdom), tức là chính Đấng Thiêng Liêng (the

¹ Trong ấn bản 1 888, là “Christos gọi.”

² *Thiên Khải*, x, 4.

Deity Itself). Trong Nội môn Bí giáo, Con Rắn bảy đầu đầu phải chỉ có một ý nghĩa duy nhất. Nó chính là con Thiên Long bảy đầu (the seven-headed Draco), mỗi đầu là một ngôi sao của chòm Tiểu Hùng Tinh (the Lesser Bear). Nhưng nó chủ yếu là U Minh Thần Xà (the Serpent of Dakness), nghĩa là bất khả tư nghị, bảy đầu của nó chính là bảy Thượng Đế, tức các phản ánh của Bản Lai Độc Quang (the one and first-manifested Light) – tức Thượng Đế Vũ Trụ (Universal Logos).

TIẾT 11

MA QUỲ LÀ MẶT TRÁI CỦA THƯỢNG ĐẾ (DEMON EST DEUS INVERSUS)

VỚI các hình thức đa diện, câu nói biểu tượng này chắc chắn là nguy hiểm nhất và có tính cách đập đổ thánh tượng khi đương đầu với mọi tôn giáo nhị nguyên sau này (hay đúng hơn là Thần học và đặc biệt là như vậy dưới ánh sáng của Thiên Chúa giáo). Song le, thật chẳng công bình và chẳng đúng chút nào mà cho rằng chính Thiên Chúa giáo đã thai nghén và sinh ra Quỷ Vương (Satan). Cần có một “đối thủ” (“adversary”), một Quyền năng đối nghịch để làm cho vạn vật trong Thiên Nhiên được quân bình và hài hoà. Cần có Bóng Tối (Shadow) để cho Ánh Sáng (Light) trở nên rực rỡ hơn, Đêm khiến cho Ngày nổi bật hơn, Lạnh khiến cho ta đánh giá cao hơn sự ấm cúng của Nhiệt; vì thế QUỲ VƯƠNG (SATAN) vẫn hằng hữu. Cái gì Đồng chất (Homogeneity) thì đơn nhất và bất khả phân ly. Nhưng nếu Đấng Tuyệt Đối đồng chất (homogeneous One) mà lại không phải chỉ là một hình thái tu từ (no mere figure of speech), và nếu Hỗn tạp (Heterogeneity) (với trạng thái lưỡng nguyên) lại là hậu duệ, phản ánh phân đôi của nó, bấy giờ, ngay cả cái hỗn tạp thiêng liêng này cũng phải bao hàm tinh hoa cả thiện lẫn ác. Nếu “Thượng Đế” Tuyệt Đối, Vô Cực và là Cội Nguồn Chung (If “God” is Absolute, Infinite, and the Universal Root) của vạn vật trong Thiên Nhiên và Vũ Trụ, thì điều ác ở

đâu bây giờ, nếu không phải là nó cũng xuất phát từ “Tử Cung Bồng Vàng” (“Golden Womb”) của Đấng Tuyệt Đối? Vì thế, chúng ta bắt buộc hoặc là phải chấp nhận việc thiện và ác, Phúc Thần (Agathodaemon) và Ác Quỷ (Kakodaemon) đều cùng xuất phát từ thân cây Trường Sinh (the Tree of Being), hoặc phải chịu ép một bề (to resign ourselves) tin tưởng một cách vô lý vào hai Đấng Tuyệt Đối vĩnh cửu (two eternal Absolutes)!

Trong khi đó, đã truy nguyên ý niệm này tới tận lúc con người mới bắt đầu biết suy nghĩ, nếu ta có mắc nợ loài Ma Quỷ lừng danh thì cũng đúng thôi. Thời xưa làm gì có ác quỷ cô độc và hoàn toàn hiểm độc. Phe ngoại đạo cũng trình bày thiện và ác như là hai anh em song sinh do cùng một bà mẹ Thiên Nhiên sinh ra; ngay khi nào mà tư tưởng này không còn có tính chất Cổ sơ nữa, Triết học sẽ có được Minh Triết. Thoạt đầu, các biểu tượng thiện và ác là các biểu tượng trừu tượng, Ánh Sáng và Bóng Tối; sau này, người ta chọn những kiểu mẫu của chúng trong số các hiện tượng vũ trụ tuần hoàn và tự nhiên nhất; đó là Ngày và Đêm, Mặt Trời và Mặt Trăng. Vì thế, người ta mới dùng các Đại Đoàn Thần Linh Nhật Tinh và Nguyệt Tinh (the Hots of the Solar and Lunar Deities) để tượng trưng cho chúng, còn U Minh Long (the Dragon of Darkness) lại được đem so sánh đối chiếu với Quang Minh Long (the Dragon of Light). TẬP ĐOÀN Quỷ Vương (the HOST of Satan) chính là Con của Thượng Đế (a Son of God), cũng như Tập Đoàn B’ne Alhim, tức là các Con của Thượng Đế (the Children of God), các Ngài đến trình diện với Đức Chúa Cha.⁽¹⁾ “Các Con của Thượng Đế” trở thành các “Thiên Thần

¹ *Thánh thư Job, ii, 1.*

Sa Đọa” (“Fallen Angels”) chỉ sau khi họ thấy rằng các cô gái của nhân loại sao mà *xinh xắn quá*.⁽¹⁾ Trong triết học Ấn Độ, các *Suras* được xếp vào loại Thần xa xưa nhất và xuất sắc nhất; Họ chỉ trở thành các *Asuras* sau khi đã bị những người theo Bà La Môn hạ uy thế, truất ngôi (dethrone). Nếu con người không sáng tạo ra một “Thượng Đế nhân hình *sống động duy nhất*” (“one living personal God”), thì Quỷ Vương đã không khi nào khoác lấy một hình hài nhân hình, cá biệt; đây chẳng qua chỉ là một điều không sao tránh khỏi. Cần phải có một bức bình phong, một con vật hy sinh (a scapegoat) để biện minh cho những lầm lỗi, những điều độc ác, bất công quá hiển nhiên của một Đấng vẫn tự cho rằng mình chính là Chân, Thiện, Mỹ. Đó là quả báo đầu tiên của việc từ bỏ thuyết Phiếm thần hợp lý và đây ý nghĩa triết học để dựng nên “một Từ Phụ thiên giới” (“a merciful Father in Heaven”). Làm cái nạng chống đỡ cho kẻ lười biếng theo lời giả định sai lầm, Từ Phụ này hằng ngày, hằng giờ đều cư xử như là “một Bà Mẹ khả ái nhưng mặt lạnh như tiền” (“comely Mother but stone cold”). Điều này đưa tới các cặp song sinh bản sơ như Osiris-Typhon, Ormazd-Ahriman và cuối cùng Cain-Abel và các cặp đối lập còn lại.

Thoạt đầu vốn được xem là đồng nghĩa với Thiên Nhiên, tức “Thượng Đế”, Đấng Tạo Hoá, sau này lại biến thành một Đấng sáng tạo ra nó. Pascal giải quyết vấn đề nan giải này một cách rất tài tình bằng cách nói như sau:

Thiên nhiên có những điều hoàn mỹ để chứng tỏ rằng mình là hình ảnh của Thượng Đế, Thiên Nhiên cũng có những điều khiếm khuyết để chứng tỏ rằng mình là hình ảnh duy nhất của Ngài.

¹ *Sáng Thế Ký*. Vi, 2.

Càng ngược dòng quá khứ trở lại thời kỳ tiền sử bao nhiêu thì Quỷ Vương, sau này mới xuất hiện, lại càng có hình dáng nguyên kiểu đầy ý nghĩa triết học bấy nhiêu. “Đối thủ” (“Adversary”) đầu tiên với hình hài cá nhân hiện diện trong Thánh kinh *Purānas* chính là một trong các Thánh Triết (Rishis) và các đạo sĩ Yaga lỗi lạc nhất – đó là Nārada với biệt hiệu là “Kẻ Phá-thối” (“Strife-maker”).

Y chính là con của Brahmā, Đấng trượng phu (the male) Chúng ta sẽ xét đến y sau. Muốn biết “Kẻ đại dối gạt” (the great “Deceiver”) thực sự là ai, chúng ta chỉ cần khách quan, vô tư tìm kiếm tông tích y trong mọi vũ trụ khởi nguyên luận và mọi Thánh kinh cổ.

Khi được xét tách riêng khỏi Đại Đoàn các Đấng Sáng Tạo, (có thể nói rằng Ngài là đại biểu và tổng hợp của các Đấng này) Ngài chính là hoá công nhân hình, Đấng Sáng Tạo ra Trời và Đất. Ngài chính là Thượng Đế trong các Thần học hiện nay. “Có muốn thì mới suy nghĩ”. Thịnh thoảng một biểu tượng triết học lại bị phó mặc cho thiên hạ thêm hoang tưởng lệch lạc; sau đó, nó biến thành một Thượng Đế quỷ quái, lừa phỉnh, xảo quyệt và ghen tuông.

Vì rải rác trong tác phẩm này đều có mô tả các Con Rồng và các Thiên Thần Sa Đạo khác, nên chỉ nói như thế về Quỷ Vương (vốn bị nói xấu rất nhiều) cũng đã đủ rồi. Môn
131 sinh nên nhớ rằng đến nay, đối với mọi người, ngoại trừ các quốc gia theo Thiên Chúa giáo, Ma Quỷ (Devil) đâu có gì là tồi tệ hơn trạng thái đối nghịch trong bản chất lưỡng phân của cái gọi là Đấng Sáng Tạo. Điều này cũng tự nhiên thôi. Người ta không thể xem Thượng Đế như là tổng hợp của toàn thể Vũ Trụ, Toàn Hiện (Omnipresent), Toàn tri và Vô Cực (Omniscient and Infinite), và rồi lại cách ly Ngài với điều

Ác. Vì trên thế giới, Ác vượt xa Thiện, nên hệ quả hợp lý là Thượng Đế hoặc phải bao hàm cả Ác, hoặc Ngài phải trực tiếp sinh ra nó; nếu không chẳng hoá ra là Tuyệt Đối chịu tự nhận như vậy sao? Người xưa hiểu rất rõ điều này đến nỗi mà các triết gia của họ (nay lại đến các tín đồ Do Thái Bí giáo nổi gót) đã định nghĩa Ác như là “lớp vải lót” (“lining”) của Thiện hay Thượng Đế. *Ma Quỷ là mặt trái của Thượng Đế* là một ngạn ngữ rất xưa. Thật vậy, Ác chẳng qua chỉ là một kháng lực mù quáng trong Thiên Nhiên, đó là sức *phản động, đối kháng, tương phản* – xấu đối với người này, nhưng lại tốt đối với người kia. Chẳng có gì là *tuyệt đối ác*, mà chỉ có Bóng Ánh Sáng (Shadow of Light); không có nó, Ánh Sáng chẳng tồn tại được ngay cả trong tri giác của chúng ta. Nếu Ác biến mất, thì Thiện cũng sẽ chẳng còn trên trần thế. “Con Rồng Cũ” (“Old Dragon”) chính là Tinh Thần thuần túy trước khi biến thành Vật Chất, *thụ động* trước khi trở thành *chủ động*. Trong Pháp thuật Syro-Chaldea cả Ophis lẫn Ophiomorphos đều được liên kết với cung Hoàng Đạo bán thư bán hùng *Xử Nữ Hồ Cáp* (the Androgyne *Virgo-Scorpio*). Trước khi đoạ thể, “Thần Xà” chính là *Ophis-Christos*, sau khi đoạ thể, nó trở lại thành Ophiomorphos-CHRESTOS. Đâu đâu, các tín đồ Do Thái Bí giáo cũng thuyết lý, xem Ác như là THẦN LỰC (FORCE) đối lập nhưng đồng thời lại cốt yếu đối với Thiện, vì Ác cùng tồn tại với Thiện nên không có Ác thì chẳng có Thiện. Nếu không có *Tử* thì làm sao có *Sinh* (theo nghĩa hão huyền); nếu không có huỷ diệt thì làm sao có phục sinh và tái tạo. Nếu trời cứ nắng mãi thì cây cối ắt sẽ tàn úa hết; cũng vậy, con người sẽ trở thành người máy nếu không có tự do ý chí. Nếu y chẳng có gì ngoại trừ ánh sáng, thì dù cho y có khao khát ánh nắng này đến đâu đi nữa nó cũng trở thành chẳng có giá trị gì đối với y. Thiện chỉ có tính chất vô cực và vĩnh cửu chừng nào

mà nó còn luôn luôn ẩn tàng đối với chúng ta, vì thế, chúng ta mới tưởng rằng nó thật là vĩnh cửu. Trên các cảnh giới biểu lộ, cái này cân bằng với cái kia. Chẳng có mấy kẻ hữu thần, tin tưởng vào Thượng Đế nhân hình, mà lại không biến Quỷ Vương thành hình bóng của Thượng Đế. Chẳng có mấy kẻ nào lẫn lộn Quỷ Vương với Thượng Đế mà lại không tin rằng mình có quyền cầu nguyện với thần tượng, xin nó phù hộ để được miễn tội cho hành động làm ác của họ. Hằng ngày, hàng triệu con tim của các tín đồ Thiên Chúa giáo cứ khẩn nguyện với “Cha trên Trời” chứ không phải Ma Quỷ như sau: “Xin đừng đưa chúng con vào vòng mê ảo.” Họ lặp lại từng lời thốt ra từ miệng của Đấng Cứu Thế, song họ chẳng thềm đoái hoài đến sự kiện là nó có ý nghĩa mâu thuẫn với lời của James, “huynh đệ của Chúa” như sau:

Khi bị quyến rũ, con người đừng nói rằng, ta bị Thượng Đế quyến rũ, vì Thượng Đế không thể bị điều ác mê hoặc, và Ngài cũng chẳng dụ dỗ bất cứ người nào. ⁽¹⁾

132 Vậy thì, tại sao cứ nói rằng chính Ma Quỷ quyến rũ chúng ta, trong khi mà *dựa vào uy quyền của Đức Christ*, Giáo hội cứ dạy rằng chính Thượng Đế mới làm như vậy? Cứ mở bất cứ quyển kinh nào ra (trong đó người ta định nghĩa từ ngữ “quyến rũ” theo ý nghĩa thần học), chúng ta sẽ thấy ngay hai định nghĩa:

(1) Các đau thương và phiền muộn mà Thượng Đế dùng để *thử thách các con dân của Ngài*.

(2) Các phương tiện và các môi nhử mà Ma Quỷ dùng để *dụ dỗ và quyến rũ nhân loại*.

¹ James. I, 13.

Nếu xét theo sát nghĩa, giáo lý của Đức Christ và của James mâu thuẫn với nhau, và nếu cứ bác bỏ ý nghĩa huyền linh, thì lấy giáo điều nào mà dung hoà được hai thứ này? Giữa hai sự cảm dỗ luân phiên, thật là thông thái biết bao nhiều nếu triết gia nào có thể quyết định được xem đâu là nơi Thượng Đế mất hút để nhường chỗ cho Ma Quỷ ! Do đó, khi chúng ta đọc thấy rằng “Ma Quỷ là hiện thân của dối trá”, thế mà Quỷ Vương, Ma Vương lại là con của Thượng Đế và là Tổng Thiên Thần mỹ miều nhất (the most beautiful of his Archangels), nên người ta mới tin rằng Cha và Con đều là hiện thân của sự DỐI TRÁ đời đời (eternal LIE), chúng ta chỉ còn có nước quay sang nghiên cứu thuyết Phiếm Thần và các truyền thuyết Ngoại đạo khác.

Một khi mà chúng ta có được chìa khoá để giải *Sáng Thế Ký* thì Thánh kinh Do Thái Bí giáo có tính cách khoa học và biểu tượng học sẽ bộc lộ bí mật ra hết. Con Đại Xà (the Great Serpent) ở vườn Địa Đàng có khác gì “Đức Chúa Trời”, Jehovah và Cain cũng vậy – thế mà Thần học dám bảo rằng Cain chính là KẺ NÓI DỐI (LIAR) với Thượng Đế rồi lại còn “giết chết” Ngài nữa ! Jehovah dụ dỗ vua Do Thái kiểm tra dân số, Quỷ Vương cũng dụ dỗ y làm như vậy ở một nơi khác. Jehovah biến thành các Con Rắn Bốc Lửa (the Fiery Serpents) để cắn những kẻ nào mà Ngài không vừa lòng; rồi Jehovah lại làm linh hoạt Con Rắn Đồng Thau (the Brazen Serpent) chữa khỏi họ.

Các phát biểu ngắn ngủi và hình như mâu thuẫn này trong *Cựu Ước* – mâu thuẫn vì hai quyền năng lại phân cách với nhau thay vì được xem như là hai mặt của một vật duy nhất – là các tiếng vang (đã bị hiểu giáo và thần học xuyên tạc) của các giáo điều triết học và vũ trụ trong Thiên Nhiên mà các hiền nhân thời xưa đã quán triệt. Chúng ta cũng thấy

cơ sở như vậy trong nhiều điều nhân cách hoá trong các Thánh kinh *Purānas*, có điều là chúng vĩ đại hơn và có tính chất gọi ý hơn về mặt triết học.

Vì thế, Pulastya, một “Con của Thượng Đế” (a “Son of God”), một trong các hậu duệ đầu tiên, biến thành tổ phụ của loài Quỷ (Demons), La Sát (Rākshasas) chuyên quyến rũ và ăn tươi nuốt sống con người. Đam tinh quỷ (Pishācha), một con Quỷ cái (a female Demon), là con gái của Daksha, vốn là một thần linh và cũng là một “Con của Thượng Đế” (a “Son of God”) và là mẹ của mọi Đam tinh quỷ.⁽¹⁾ Xét theo quan điểm chính thống và quan điểm Tây phương, cái gọi là loài Quỷ trong Thánh kinh *Purānas* là loài Quỷ rất phi thường, vì tất cả Dānavas, Daityas, Đam tinh quỷ và La Sát, đều được trình bày tượng trưng như là cực kỳ mộ đạo, theo các huấn 133 điều trong kinh *Vedas*, thậm chí một số lại còn là các đạo sĩ Yoga lỗi lạc nữa. Nhưng họ chống đối các giáo sĩ, các nghi thức, các lễ tế thần và các hình thức giống như những điều mà các đạo sĩ Yoga hàng đầu (the head Yogi) ở Ấn Độ hiện nay đang thực hiện, và không khỏi không tôn trọng, mặc dù họ được phép không theo một giai cấp hay nghi thức nào hết, vì thế, tất cả những Người khổng lồ trong Thánh kinh *Purānas* (all those Purānic Giants) đều được gọi là Ma Quỷ. Các nhà truyền giáo, luôn chờ dịp chứng tỏ là các truyền thuyết của Ấn Độ chẳng qua chỉ là một phản ánh của *Thánh kinh* Do Thái, đã chế ra việc Pulastya đồng nhất với Cain, còn các La Sát lại đồng nhất với con cháu của Cain, “Kẻ Bị Nguyên Rủa”, là nguyên nhân của chính trận Đại Hồng Thủy. (Xem tác phẩm của tu sĩ Gorresio, ông cho rằng ngữ

¹ *Padma Purāna*.

căn của danh xưng Pulastya có nghĩa là “bị bác bỏ”, do đó, chúng ta có thể tùy tiện cho nó là Cain). Theo ông Pulastya ở tại Kedara, có nghĩa là “một nơi được khai quật”, tức một mỏ; thế mà theo truyền thuyết trong *Thánh Kinh (Bible)*, Cain lại là một công nhân kim khí đầu tiên và là phu mỏ!

Trong khi mà rất có thể là các Geburim tức là những Người khổng lồ (Giants) trong *Thánh Kinh (Bible)* chính là các La Sát (Rākshasas) của dân Ấn Độ, thì có một điều còn chắc chắn hơn nữa là cả hai đều là dân Atlante và thuộc về giống người đã bị nhận chìm. Tuy nhiên, có lẽ là chẳng Quỷ Vương (Satan) nào mà lại nhiech móc hẳn học với kẻ thù hơn là các nhà thần học Thiên Chúa giáo khi nguyên rủa y là cha đẻ của mọi điều ác. Chúng ta cứ thử so sánh cái quan điểm phỉ báng Ma Quỷ của họ với các quan điểm điem đạm của các hiền triết trong Thánh kinh *Purānas* và lòng nhân từ như Đức Christ mà xem. Khi Parāshara có cha bị một La Sát ăn tươi nuốt sống, đang chuẩn bị dùng pháp thuật để huỷ diệt toàn nhân loại, thì tổ phụ của ông tức Vasishtha, sau khi đã chứng tỏ cho nhà hiền triết đang giận dữ thấy rằng có Điều Ác và *Nghiệp quả (Karma)* chứ không có “các Ác Quỷ” (“evil Spirits”), đã phát biểu ý kiến một cách gợi ý như sau:

Xin cháu hãy nguôi giận, loài La Sát có tội tình gì đâu, chẳng qua là cha cháu đã tới số rồi [Nghiệp quả –Karma]. Kẻ điên rồ thì mới lồng lộn lên oán giận để rồi không còn mình nữa. Ta có thể hỏi là liệu có ai bị họ giết chết không? Mọi người đều gặt hái hậu quả của chính các hành vi của mình. Con ơi, sân hận huỷ hoại hết tất cả những gì mà con người thu thập được,...và khiến ta không...giải thoát được. Các ...hiền triết ...đều tránh sân hận, nên con ơi, đừng để cho nó làm chủ được con. Đừng tận diệt loài u hồn vô tội này nữa. Kẻ công minh bao giờ cũng nhân từ.⁽¹⁾

¹ *Vishnu Purāna*, Quyển I, trang 7 - 8.

Do đó, mọi lễ “tế thân” (“sacrifice”) hoặc cầu nguyện cho Thượng Đế phù trợ, như thế cũng *đâu có gì tốt hơn hành vi của ma thuật*. Parāshara cầu cho những U Hồn (the Spirits of Darkness) tịch hết đi để báo thù riêng. Y bị gọi là ngoại đạo, và tín đồ Thiên Chúa giáo đã trừ cho y bị đọa địa ngục đời đời. Song trước khi giao chiến, các vua chúa tướng lĩnh cũng cầu cho quân thù bị tiêu diệt hết, như vậy thì có khá gì hơn 134 *đâu*? Dù thế nào đi nữa, một lời cầu nguyện như vậy cũng là *ma thuật* thuộc loại tồi tệ nhất, và thật là “khẩu Phật tâm Xà” (concealed like a demon “Mr. Hyde” under a sanctimonious “Dr. Jekyll”).

Nơi bản chất con người, điều ác chỉ biểu thị sự phân cực của Tinh Thần và Vật Chất, một sự đấu tranh để sinh tồn giữa hai Nguyên khí biểu lộ trong Không gian và Thời gian; xét cho cùng thì các Nguyên khí này chỉ là một, vì chúng đều bắt nguồn từ Tuyệt Đối. Trong Càn Khôn phải duy trì được sự quân bình. Các tác động của hai mâu thuẫn tạo ra sự hài hoà, chẳng khác nào các lực ly tâm và hướng tâm tùy thuộc lẫn nhau, cần thiết cho nhau “để cho cả hai đều tồn tại.” Nếu một thứ mà không còn tác động nữa, thì thứ kia cũng sẽ ngưng tác động ngay lập tức.

Vì cái được nhân cách hoá thành Quỷ Vương đã được phân tích tỉ mỉ thành ba trạng thái trong *Cựu Ước*, thần học Thiên Chúa giáo và nếp suy tư cổ truyền của kẻ không phải là Do Thái, nên độc giả nào muốn nghiên cứu thêm về chủ đề này xin hãy tham khảo *Nữ Thần Isis Lộ Diện* ⁽¹⁾ và Quyển 4 của bộ sách này. Ở đây, chúng ta đề cập tới chủ đề này và thử đưa ra các giải thích mới mẻ vì một lý do rất minh xác. Trước

¹ Quyển II, chương x.

khi có thể bắt đầu đề cập tới sự tiến hoá của Con người vật chất và *thiêng liêng*, trước hết chúng ta phải thấu triệt được ý niệm về sự tiến hoá tuần hoàn, phải làm quen với các triết thuyết và tín ngưỡng của bốn Giống dân trước Giống dân hiện nay của chúng ta và phải hiểu được ý niệm của các Người khổng lồ này – thật vậy, họ thật là vĩ đại về mặt trí lực và thể lực. Thời xưa, chúng ta thấy toàn các triết thuyết dạy về sự giáng hạ tiến hoá của Tinh Thần vào trong Vật Chất, sự giáng hạ luân tiến tuần hoàn, tức là sự tiến hoá tích cực, hữu ngã thức. Các tín đồ phái Ngộ Đạo Alexandria đã tiết lộ đầy đủ các bí nhiệm của Điểm Đạo; trong các văn kiện lưu trữ của họ có đầy đầy “sự giáng hạ của các *Phân thân*” (“falling down of the *Aeons*”) với tư cách là các Thực thể Thiên Thần và các Thời kỳ Thiên Thần (Angelic Being and Periods), cái này do sự tiến hoá tự nhiên của cái kia mà ra. Mặt khác trong các truyền thuyết Đông phương ở cả trên hai bờ “Hắc Thủy” (“Black Water”), tức Đại Dương ngăn cách hai miền *phía Đông*, cũng đầy đầy các ẩn dụ về sự giáng hạ của Pleroma, tức là sự giáng hạ của chư Thiên (the God and Devas). Họ nhất tề ẩn dụ hoá và giải thích sự GIÁNG HẠ (the FALL) *như là việc muốn học hỏi và hiểu biết*. Đó chính là hệ quả tự nhiên của việc mở trí, Tinh Thần chuyển hoá thành Vật Chất. Trong suốt kỷ nguyên Thiên Chúa, định luật giáng xuống vật chất rồi lại thăng lên tinh thần vẫn có giá trị; chỉ mới trong phân chủng đặc biệt này của chúng ta mà phản ứng này mới ngưng lại.

Vào khoảng mười ngàn năm trước đây, trong *Pymander*, có một ẩn dụ có thể giải đoán theo ba cách và được dùng để ghi lại một sự kiện về thiên văn, nhân loại học và cả thuật luyện kim đan nữa; đó là ẩn dụ về bảy Đấng Tinh Quân (the Seven Rectors) đã phá tan được Bảy Vòng Tròn Lửa (the

135 Seven Cirles of Fire). Ấn dụ này đã bị thu hút rút lại vào trong một lối thuyết minh duy vật và thần nhân đồng hình – đó là sự Nổi loạn và sự *Sa Đoạ của các Thiên Thần*. Câu chuyện lập lòe, có ý nghĩa triết học thâm sâu lại được trình bày dưới đề tài thi vị: “Cuộc phối ngẫu giữa Trời và Đất” (“Marriage of Heaven with Earth”). Thiên Nhiên yêu thích Sắc Tướng Thiêng Liêng (Divine Form), còn “Thiên Đê” (“Heavenly Man”) lại mê mết với nét đẹp của chính mình soi bóng trong Thiên Nhiên, nghĩa là Tinh Thần bị Vật Chất hấp dẫn. Nay theo luận giải thần học, câu chuyện nêu trên lại thành ra như sau: “Bảy Đấng Tinh Quân (the Seven Rectors) bắt phục tùng Jehovah trở thành tự cao tự đại nên mới bị SA ĐOẠ; Jehovah không cho phép người ta tôn sùng kẻ nào khác ngoại trừ chính mình”. Nói tóm lại, các Thiên Thần Hành Tinh xinh đẹp, các Phân thân Tuần hoàn (Cyclic Aeons) chiếu diệu của Cổ nhân, đã được tổng hợp một cách chính thống nhất thành ra Samael, Thủ lĩnh Ma Quỷ trong *Do Thái Pháp Điển*. Đó là con Đại Xà có *mười hai cánh*; khi Sa Đoạ, nó kéo theo Thái Dương Hệ, tức những Người khổng lồ. Nhưng trạng thái triết học và huyền bí Schemal – kiểu mẫu Saba của Samael, cùng với Samael hợp thành một cặp – có nghĩa là “Năm” (“Year”) (theo khía cạnh xấu về mặt chiêm tinh của nó) với mười hai tháng, tức mười hai “cánh” (“wings”) gồm các điều hung (evils) không sao tránh khỏi trong Thiên Nhiên. Trong Thần phổ học Nội môn, cả Schemal lẫn Samael đều tượng trưng cho một vị thần đặc thù.⁽¹⁾ Đối với các tín đồ Do Thái Bí giáo, họ là “Chơn Linh của Trái Đất” (the “Spirit of the Earth”), Thượng Đế Nhân Hình cai trị nó, do đó, đúng là

¹ Xem Chwolsohn, *Nền Nông nghiệp Nabathea*, Quyển II, trang 217.

Jehovah. Vì chính các học giả Do Thái Pháp Điển cũng thừa nhận rằng SAMAEL là thánh danh của một trong bảy Đấng Elohim. Hơn nữa, các tín đồ Do Thái Bí giáo còn trình bày cả Schemal lẫn Samael như là một hình thức biểu tượng của Thần Saturn tức Kronos; “mười hai cánh” tượng trưng cho mười hai tháng, còn biểu tượng xét chung tượng trưng cho *một chu kỳ chủng tộc (a racial cycle)*. Xét về mặt hình tượng, Jehovah đâu có khác gì thần Saturn.

Đến lượt điều này tạo ra một sự suy diễn kỳ lạ về một giáo điều Thiên Chúa giáo La Mã. Nhiều tác giả nổi tiếng của Giáo hội La Tinh thừa nhận rằng có và ắt phải có một sự dị biệt giữa các Người khổng lồ của thần Uranus (tức các Người khổng lồ trước thời Đại Hồng Thủy) và các Người khổng lồ sau Đại Hồng Thủy (các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã thấy rằng chính họ là hậu duệ của nhân vật thần thoại Ham). Nói rõ hơn, có một sự dị biệt giữa các Lực đối lập *nguyên thủy* trong Vũ Trụ, tuân theo luật tuần hoàn (tức Người khổng lồ Atlante – the Atlantean human Giants) và các Cao đồ sau thời kỳ Đại Hồng Thủy, dù là thuộc *chính đạo* hay *tà đạo*. Đồng thời họ chứng tỏ rằng theo de Mirville, Michael (“*Tổng tư lệnh* của đạo quân Thiên Giới, *cận vệ* của Jehovah”) cũng là một Người khổng lồ, có điều là Ngài có tính chất “*thiên thiêng*”. Do đó, các Người khổng lồ thuộc thần Uranus (Uranide) này (đâu đâu người ta cũng gọi họ là các “Người khổng lồ thiên thiêng”; họ đã nổi loạn chống lại Kronos, tức thần Saturn và cũng được coi như là các kẻ thù của Samael; một trong các Đấng Elohim và đồng nghĩa với Jehovah xét chung, cũng không có khác gì Michael và tập đoàn của Ngài. Tóm lại, các vai trò đều bị đảo lộn hết, tất cả thật là hỗn độn, nên chẳng

136 môn sinh nào biết đâu là đâu. Tuy nhiên, nếu giải thích theo nội môn thì cũng có thể tìm ra ít nhiều manh mối: Jehovah

biến thành Saturn, cùng với Michael và Đạo quân của Ngài, Quý vương và các Thiên Thần Nổi Loạn (the Rebellious Angels); ấy là vì những kẻ cuồng tín thật là vô ý tứ, chỉ chực gán cho chư thần ngoại đạo là ma quỷ. Chân ý nghĩa của nó thật là thâm sâu hơn nhiều, nếu hiểu cho đúng thì sự “Sa Đoạ” đầu tiên của các Thiên Thần cũng có một sắc thái khoa học vậy.

Kronos tượng trưng cho vô tận và vì thế là Kỳ Gian bất di bất dịch, vô thủy vô chung, vượt ngoài vòng giới hạn của Thời gian và Không gian. Theo lối nói ẩn dụ, chư Thiên vốn được sinh ra *để vẫy vùng trong không gian và thời gian*, tức là *xuyên phá bảy phạm vi của các cảnh giới siêu tâm linh* để đi vào trong các hiện tượng giới tức là các lãnh vực siêu trần thế, đã *nổi lên* chống lại Kronos, và chiến đấu chống lại [Mãnh sư – the Lion]; bấy giờ đó chính là thần linh sống động “thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn” (highest God). Khi đến lượt Kronos lại được trình bày tượng trưng như là Uranus (cha của Kronos) thì ý nghĩa ẩn dụ này thật là đơn giản. Thời gian tuyệt đối đã bị biến thành hữu hạn; tổng thể bị tước lấy một phần; như thế chứng tỏ rằng Saturn, Cha của chư Thiên, cũng đã bị biến đổi từ *Kỳ gian vĩnh cửu* thành ra một Thời kỳ hạn hẹp. Tay lăm lăm cầm lưỡi hái, Kronos cắt gọn cả các chu kỳ dài nhất và hình như là vô tận đối với chúng ta (tất cả các chu kỳ này đều bị giới hạn trong Vĩnh Cửu); cũng với lưỡi hái này, Kronos đã dẹp tan quân phiến loạn tinh nhuệ nhất. Thật thế, ai mà thoát khỏi lưỡi hái của Thời gian (the scythe of Time) ! Mặc cho người ta cứ việc tán tụng hoặc miệt thị Thượng Đế và chư Thiên, lưỡi hái này vẫn không ngớt vung lên, bổ xuống, dù là chỉ tròn một phần triệu giây.

Các Người khổng lồ ở Hy Lạp trong *Thần phổ học* của Hesiod đã được mô phỏng theo các *Suras và Asuras* của Ấn Độ. Có lúc người ta cho rằng chỉ có sáu Người khổng lồ này; nhưng mới gần đây dựa vào một áng văn liên hệ tới thần thoại Hy Lạp, người ta đã khám phá ra rằng có tới *bảy* Người khổng lồ, người thứ bảy là Phoreg. Như thế thì rõ rệt là họ chẳng khác nào Bảy Tinh Quân (the Seven Rectors). Tất nhiên là chúng ta phải truy nguyên “Cuộc chiến tranh Thiên Giới” (“War in Heaven”) và sự SA ĐOẠ (FALL) tới tận Ấn Độ, và có lẽ là nó có nguồn gốc còn xa xưa hơn cả các Thánh kinh *Purāṇas*. Ấy là vì Tārakamāya thuộc về một thời đại sau này; ngoài ra, trong hầu hết vũ trụ khởi nguyên luận, chúng ta ắt phải truy nguyên ra được ba cuộc Chiến tranh phân biệt từng được tường thuật.

Cuộc chiến tranh đầu tiên diễn ra vào ban đêm giữa chư Thiên (the God) và các (A)suras; nó kéo dài tới một Năm Thiêng Liêng, ⁽¹⁾ vào dịp này, dưới sự lãnh đạo của Hr̥da,

¹ Một ngày của Brahmā dài tới 4 320 000 000 năm – cứ như thế nhân con số này với 360 ! Ở đây, các A-suras (phi thần linh tức ma quỷ) vẫn còn là các *Suras*, tức là chư thần có đẳng cấp cao hơn chư thần thứ yếu đến nỗi mà trong bộ kinh *Phệ Đà* không hề đề cập tới. Chiến tranh kéo dài như vậy thật là có ý nghĩa, nó cũng chứng tỏ rằng các chiến sĩ chỉ là các quyền năng Vũ Trụ đã được nhân cách hoá. Hiển nhiên là vì lý do bề phái và vì bị *thần học dè bieu* (*odium theologicum*), nên sau này khi san định các kinh điển xưa, chẳng hạn như trong Thánh kinh *Vishnu Purāṇa*, người ta đã gán huyền hình Mâyāmoḥa (mà Vishnu khoác lấy) cho Đức Phật và các Daityas, nếu không đó thật là một điều hoang tưởng của chính Wilson. Tác giả này cũng tự cho rằng mình đã tìm ra một điều nói bóng gió về Phật giáo trong *Chí Tôn Ca* (*Bhagavad Gītā*), trong khi mà theo K. T. Telang, ông ta chỉ tường lăm các nhà duy vật

- 137 các Daityas đã đánh bại chư Thiên. Nhưng sau đó, nhờ dùng tới một khí cụ của Vishnu, chư Thiên lại đánh thắng được các Asuras. Trong *Vishnu Purāṇas*, hai cuộc chiến tranh này đi liền với nhau. Tuy nhiên, trong Nội môn Bí giáo, một cuộc chiến tranh khác diễn ra trước khi Thái Dương Hệ được dựng nên, một cuộc chiến tranh khác diễn ra trên trần thế vào lúc con người được “tạo ra” (“creation”); người ta còn nói là một “cuộc chiến tranh” thứ ba đã diễn ra vào lúc kết liễu Giống dân thứ Tư (the Fourth Race), giữa các Cao đồ của Giống dân thứ Tư và Giống dân thứ Năm (the Fifth Race) (tức là giữa các Điểm đạo đồ của “Đảo Thiên” (“Sacred Island”) và các Phù thủy của Châu Atlantis. Chúng ta chỉ quan tâm tới cuộc chiến tranh thứ nhất (do Parāshara thuật lại) và sẽ ra sức

Chārvāka thời xưa là các Phật tử. Theo Giáo sư Wilson, trong các Thánh kinh *Purāṇas* khác không hề có lối thuyết minh như trong *Vishnu Purāṇas*. Khi dịch tác phẩm nêu trên, nhất là chương xviii, Quyển III, (trong đó vị học giả Đông phương khả kính đã du nhập thêm Đức Phật và trình bày là Ngài giảng giáo lý Đạo Phật cho các Daityas). Wilson đã gây ra cuộc bút chiến sôi nổi với Đại Tá Vans Kennedy. Vị Đại Tá này đã công khai tố cáo ông ta là cố tình xuyên tạc kinh điển *Purāṇas*. Năm 1840, tại Bombay, Đại Tá cho rằng: “Tôi xin xác nhận là trong Thánh kinh *Purāṇas* không hề có những điều mà Giáo sư Wilson phát biểu; ... cho tới khi mà các đoạn như thế được tạo ra. Tôi xin phép được lặp lại các kết luận của mình, đó là ý kiến của Giáo sư Wilson (theo ý kiến này thì các Thánh kinh *Purāṇas* hiện nay được biên tập trong khoảng thế kỷ thứ 8 và thứ 17 [sau T. C.!] chỉ dựa vào các giả định vu vơ và các lời khẳng định vô căn cứ; do đó, lý luận của ông nhằm biện hộ cho nó thật là phù phiếm, trá ngụy, mâu thuẫn hoặc không thể có được”. (Xem *Vishnu Purāṇas*, bản dịch của Wilson, ấn bản Fetzedward Hall, Quyển V, trang 375, Phụ lục).

phân biệt hai bản tường thuật, chúng đã bị cố ý trộn lẫn nhau.

Xin xác định là bởi vì các Daityas và các Asuras đều lần lượt có bốn phận thuộc giai cấp của mình và theo các đường lối qui định trong Kinh Thánh cũng như là hành pháp môn sám hối (người ta cho rằng nếu *ma quỷ cũng giống như quỷ thân của chúng ta* thì đây thật là một công việc quái gở), nên chư Thiên không thể diệt chúng được. Chư Thiên đã cầu nguyện với Vishnu bằng những lời lẽ thật là quái dị, vì chúng có những ý niệm liên quan tới một Thượng Đế nhân hình. Sau khi bị đánh bại phải trốn tới bờ phía bắc của Biển Sữa [Đại Tây Dương];⁽¹⁾ chư Thần bị đại bại đã khẩn cầu Đấng Bản Lai (the first of Beings), tức Vishnu thiêng liêng như sau:

Vinh danh thay Đấng Chí Tôn, Ngài đã nhập một với chư Thánh, Ngài có bản chất toàn thiện bao giờ cũng thiêng liêng, Ngài đi qua mọi yếu tố có thể xuyên thấu được. Vinh danh thay Đấng Chí Tôn, Ngài nhập một với xà chúng (the serpent-race) vốn miệng lưỡi giả dối (double-tongued), cuồng bạo, độc ác, lòng sôi sục hưởng thụ (insatiate of enjoyment), của cải thừa thãi ... Vinh danh thay Đấng Chí Tôn, ... Ngài chẳng có màu sắc mà cũng chẳng có kích thước, chẳng có khối lượng (ghana) mà cũng chẳng có tính chất xác định nào; tinh hoa (rūpa) thuần túy nhất của Ngài thì chỉ có chư Thánh (Paramarishis) [chư Đại Thánh Hiền] là thẩm định được. Chúng con xin đánh lễ Ngài với bản chất Brahmā, tự sinh tự tại, kim cang bất hoại (avyaya); Ngài ngu nơi thân xác chúng con và tha nhân và nơi mọi chúng sinh; ngoài Ngài ra không còn gì nữa. Chúng con xin tôn vinh Vāsudeva đó; Đấng Chúa Tể của Càn Khôn, Ngài thật là vô nhiễm, mầu mống của vạn vật, bất sinh bất diệt, vĩnh cửu. Xét về bản thể, Ngài là trạng thái Tinh Thần vô

¹ Phát biểu này liên quan tới cuộc Chiến tranh *thứ ba*, vì người ta đề cập tới các lục địa, sông ngòi, biển cả liên quan tới nó.

thượng (Paramapadātmavat), còn xét về bản chất (rūpa), Ngài là toàn bộ (vũ trụ) này. ⁽²⁾

Chúng ta trích dẫn đoạn trên để minh họa cho việc Thánh kinh *Purāṇas* rất có thể bị chỉ trích một cách thiên lệch bởi bất cứ người Âu Châu mê tín (European bigot) nào mà chỉ đánh giá tôn giáo ngoại lai theo chứng cứ bên ngoài. Bất cứ người nào đã quen thuộc với chủ đề này và phân tích một cách tỉ mỉ đều thấy ngay rằng những lời xưng tán này đều chẳng thích hợp gì với “Đấng Bất Khả Tri, Đấng tuyệt đối vô hình và vô thuộc tính.” Chẳng hạn các tín đồ phái Vedānta đã định nghĩa BRAHMAN như là “đồng nhất với xà chúng”, miệng lưỡi giả dối, hiểm ác và đa dục, thế là họ đã biến trừu tượng thành cụ thể, và đã gán vô số tính chất cho cái vốn vô hạn, vô biên. Ngay cả Giáo sư Wilson, sau khi đã sống quanh quẩn bên các tín đồ Bà La Môn giáo và các học giả Ấn Độ trong biết bao nhiêu năm, cũng còn phải học hỏi thêm nhiều nữa (thế nên học giả này mới không hề bỏ lỡ cơ hội chỉ trích các Thánh kinh của Ấn Độ về điều này). Do đó ông mới kêu lên:

Các Thánh kinh *Purāṇas* chuyên môn dạy các giáo lý mâu thuẫn nhau! Theo đoạn này;⁽¹⁾ Đấng Chí Tôn (the Supreme Being) không những là nguyên nhân sáng tạo bất động, mà lại còn kiêm nhiệm các chức năng của một Đấng Thượng Đế tích cực (an active providence). Để bênh vực cho quan điểm này, nhà bình giải đã trích dẫn một đoạn văn trong kinh Vedas: “Linh Hồn Vũ Trụ nhập vào con người, chi phối các hành vi của y”. Tuy nhiên, trong kinh

² *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển III, trang 203 - 205.

¹ *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển II, trang 36. Câu chuyện Prahlāda – Con của Hiranyakashipu, Quỷ Vương trong kinh *Purāṇas*, kẻ thù lớn của Vishnu và Đấng trị vì Ba Cõi – được Vishnu nhập vào trong tâm.

Vedas cũng như trong kinh Purānas, không có mấy điều phù hợp với nhau.

Nói cho đúng ra thì trong *Thánh kinh* của Moses cũng thiếu gì các điều mâu thuẫn. Nhưng trong tâm của các nhà Đông phương học (nhất là các học giả có chức phận trong Thiên Chúa giáo) đã chứa đầy thành kiến. LINH HỒN VŨ TRỤ (UNIVERSAL SOUL) *không phải* là nguyên nhân sáng tạo bất động tức (Para) Brahman, mà chỉ là Nguyên khí thứ Sáu Càn Khôn Trí (*intellectual* Komos), trên cảnh giới biểu lộ. Nó chính là Toàn Linh Trí (Mahat), tức Đại Bồ Đề (*Mahābuddhi*), Đại Hồn (the Great Soul), hiện thể của Tinh Thần, phản ánh bản sơ của NGUYÊN NHÂN vô hình và của cái còn siêu việt hơn TINH THẦN. Giáo sư Wilson quả thật là đã “bói lông tìm vết” quá nhiều đối với Thánh kinh *Purānas*. Còn về phần lời thỉnh cầu hiển nhiên là không thích hợp của chư thần bị đại bại đệ lên Vishnu, chỉ cần các nhà Đông phương học để ý một chút, thì họ sẽ tìm ra được ngay lời giải thích trong kinh *Vishnu Purāna*. Triết học dạy rằng có Vishnu cũng như Brahmā, nhưng Vishnu *trong hai trạng thái*. Chỉ có một Brahman duy nhất, “có bản thể là vật chất (Prakriti) và Tinh Thần (Spirit)...”

Khi các đạo sĩ Yoga tán dương Brahmā, họ đã bộc lộ sự vô minh này một cách chân thật và tuyệt diệu như sau:

Kẻ nào không hành pháp môn sùng tín sẽ quan niệm sai lầm về bản chất của thế giới. Kẻ vô minh vốn không tri giác được rằng vũ trụ này có bản chất là minh triết mà chỉ coi nó là một đối tượng của tri giác – đang đắm chìm trong đêm đen tâm linh. Nhưng kẻ nào đã biết được chân minh triết, kẻ nào có trí óc thuần khiết, đều thấy rằng toàn thể thế giới đều nhập một với minh triết thiêng liêng, với Thượng Đế. Ôi! Tinh Thần vũ trụ sao mà hứa hẹn thế! ⁽¹⁾

¹ Như trên, Wilson, Quyển I, trang 64.

Do đó, chẳng phải là Vishnu, tức “nguyên nhân sáng tạo bất động”, đã thi hành các chức năng của một Đấng Thượng Đế *tích cực* (an active Providence), song đó chính là Linh Hồn Vũ Trụ mà trạng thái vật chất được Éliphas Lévi gọi là *Tinh Tú Quang* (Astral Light). Với hai trạng thái Tinh Thần và Vật Chất, “Linh Hồn” này chính là Thượng Đế nhân hình chân chính của các kẻ Hữu Thần. Ấy là vì Thượng Đế này là Tác Nhân Sáng Tạo Vũ Trụ (Universal Creative Agent) *được nhân cách hoá*, vừa thanh khiết vừa ô trược, do tình trạng biểu lộ và sự biến phân trong thế giới hão huyền này – thật đúng là *Thượng Đế và Ma Quỷ*. Nhưng Giáo sư Wilson không tài nào thấy được làm sao mà với tính cách như vậy, Vishnu lại gần giống Thượng Đế của Do Thái, “nhất là với chính sách đối gạt, quyền rũ và xảo quyệt”.

Trong Thánh kinh *Vishnu Purāṇa*, điều này được trình bày đơn giản hết mức như sau:

Khi đã cầu nguyện (stotra) xong chư Thiên chiêm bái Đấng Chí Tôn Hari [Vishnu] đang cưỡi trên con Kim sí điều (Garuda), tay cầm chùy (the mace), đĩa (the discus) và ốc kiếm (the shell). ⁽¹⁾

Giờ đây chúng ta chứng minh được rằng Kim sí điều chính là *chu kỳ* khai nguyên. Do đó, Vishnu là Thượng Đế *trong Không gian và Thời gian*, Thần Linh đặc thù của các tín đồ phái Vaishnavas. Trong Nội môn Bí giáo, chư Thần Linh như thế được gọi là Thần Linh *bộ lạc* hay *chủng tộc* (tribal or racial). Đó là một trong nhiều thần linh Dhyānis hoặc Elohim, thường được một quốc gia hay một bộ lạc chọn lựa vì một lý do đặc biệt nào đó, và vì thế dần dần trở thành “Thần Linh vô thượng” (“God above all gods”) ⁽²⁾ chẳng hạn như Jehovah,

¹ *Vishnu Purāṇa*, Quyển III, trang 205.

² II Biên niên sử, ii, 5.

Osiris, Bel hoặc bất cứ Đấng nào khác trong số Bảy Tinh Quân (Seven Regents).

“Người ta chỉ biết được cây nhờ vào quả của nó”; chúng ta chỉ biết được bản chất của một Thần Linh (God) nhờ vào các hành động của Ngài. Hoặc là chúng ta phải xét các hành động này theo các chuyện kể theo lối chấp nề văn tự (the dead-letter narratives), hoặc là chúng ta phải chấp nhận chúng theo lối ẩn dụ. Nếu so sánh hai Đấng – Vishnu bảo vệ và ủng hộ chư Thần bị đại bại; còn Jehovah bảo vệ và ủng hộ dân tộc “được tuyển định” (the “chosen” people) (phản ngữ – ‘anti-phrasis’ – gọi như thế), chắc chắn như thế, vì chính dân Do Thái đã *chọn* vị Thượng Đế “ghen tuông” (“jealous”) này – chúng ta sẽ thấy rằng cả hai đều dùng đến thủ đoạn (use deceit and cunning). Họ làm thế dựa vào nguyên tắc “cứu cánh biện minh cho phương tiện” (“the end justifying the means”) ngõ hầu lần lượt thắng được các đối thủ và kẻ thù, tức là loài ma quỷ. Trong khi đó, theo các tín đồ Do Thái Bí giáo, Jehovah biến thành Con Rắn cắn dõ trong vườn Địa Đàng, giao phó cho Quỷ Vương (Satan) một sứ mạng đặc biệt là quyến rũ Job, dùng Sarai (vợ của Abraham) để quấy rầy Pharaoh, làm cho một con tim khác của Pharaoh “chai cứng lại” (“harden”) với tư tưởng chống Moses kéo sẽ không còn cơ hội để gây “thiệt hại nặng nề” ⁽¹⁾ cho các nạn nhân của mình. Trong Thánh kinh *Purānas*, người ta cho là Vishnu phải dùng tới một thủ đoạn thật là không xứng đáng chút nào với bất cứ vị Thần khả kính nào.

Chư Thần bị đại bại cầu cứu với Vishnu như sau:

Cầu xin Đấng Chí Tôn, xin Ngài hãy rủ lòng thương xót và bảo vệ chúng con, những kẻ đã đến để xin Ngài giúp sức chống lại

¹ *Sáng Thế Ký*, xii, 17; *Về Vùng Đất Hứa*, viii tới xi.

những Daityas [Ma Quỷ]! Chúng đã chiếm lấy ba cõi và đã cướp đoạt các đồ cúng tế vốn là phần của chúng con, song lại rất cẩn thận không dám vi phạm các huấn điều trong kinh Vedas. Mặc dù chúng con cũng như bọn chúng đều là các phân thân của Ngài 140 (1)...và cả hai đều dẫn thân vào những con đường qui định trong Thánh kinh ... nhưng chúng con không thể tiêu diệt được chúng. Vói mình triết vô lượng (ameyātman), liệu Ngài có thể dạy cho chúng con một phương kế nào đó để tận diệt bọn cừu địch của chư Thiên chăng?

Khi Đức Vishnu đại hùng nghe thấy chư Thiên năn nỉ như vậy, Ngài liền xạ ra một huyền hình (mâyāmoha) ban cho chư Thiên rồi phán: “Ảo thị (mâyāmoha) này sẽ hoàn toàn mê hoặc được các Daityas, khiến cho sau khi đã đi lệch ra khỏi đường lối của kinh Vedas, chúng sẽ đi vào cửa tử ...Cứ đi đi đừng sợ gì hết. Cứ đưa ảo thị này ra đằng trước. Rồi ra nó sẽ giúp cho các con rất nhiều, hỡi chư Thiên!”

Sau đó, Đại hão huyền (mâyāmoha) đã giáng thế, giáp mặt với các Daityas đang dẫn thân vào các cuộc sám hối khổ hạnh, ...và tiến tới gần đúng với dáng vẻ của một digambara (khất sĩ lơ thể – naked mendicant), đầu cạo trọc (head shaven), ...thế rồi Ngài ôn tồn bảo chúng: “Hỡi các Daityas, vì có làm sao mà các ngươi lại phải sám hối như thế?” v.v...(2)

Cuối cùng, các Daityas bị quyến rũ bởi câu nói sắc sảo của Mâyāmoha, cũng như là Eve bị quyến rũ bởi lời khuyên dụ của Con Rắn. Chúng liền bỏ kinh Vedas. Tiến sĩ Muir đã dịch tiếp đoạn sau đây:

Kẻ đại trá ngụy (the great Deceiver) tạo ra hão huyền rồi dụ dỗ các Daityas khác nhờ vào nhiều loại dị thuyết. Trong một thời

¹ “Ngày xưa, có một lần các *Con của Thượng Đế* vào bệ kiến Đức Chúa Trời, và Quỷ Vương cùng các huynh đệ cũng kéo nhau vào chầu Chúa Trời.” (Job ii, Abyss, bản văn Ethiopia) [Xem Job, ii, I].

² Như trên, Quyển III, trang 205 - 207.

gian rất ngắn, các Asuras (Daityas) này bị Kẻ Trá nguy [đó là Vishnu] mê hoặc, nên bỏ tất cả toàn bộ hệ thống dựa vào các lễ nghi của ba bộ kinh Vedas. Một số phỉ báng kinh Vedas, một số phỉ báng tế lễ thần, còn một số khác lại phỉ báng giai cấp Bà La Môn. (Họ kêu lên rằng) đó là một giáo lý thật là hết ý kiến (not bear discussion): việc giết hại (súc vật để tế thần) không thể giúp ta tu nhân tích đức. Thật là một lời ấu trĩ khi nói rằng việc cúng bọ đốt lửa sẽ tạo ra bất cứ một phần thưởng nào trong tương lai ...Nếu đúng thực là một con thú bị giết để tế thần sẽ được thăng thiên, thì tại sao tín đồ nào giết cha của mình lại không được như vậy? ...Hồi các Đại A-tu-la (Asuras) chân lý đâu có tự nhiên ở trên trời rơi xuống; đó chẳng qua chỉ là những lời khẳng định dựa vào lối lý luận được chấp nhận bởi tôi và những kẻ khác cũng [thông minh] như quý Ngài ! Thế là kẻ Đại Trá nguy [Lý Trí] đã lung lạc được các Daityas bằng nhiều phương pháp khác nhau. Khi các Daityas đã đi vào con đường lầm lạc, chư Thiên tập trung hết năng lượng của mình và chuẩn bị chiến đấu; thế rồi một trận chiến đã diễn ra giữa chư Thiên (Gods) và các Asuras; sau khi không còn theo chánh đạo nữa, các Asuras đã bị chư Thiên đánh bại. Trước kia, chúng đã được chiếc áo giáp chính trực che chở; nhưng chiếc áo giáp này đã mất đi, chúng làm sao sống nổi. ⁽¹⁾

Dù cho người Ấn Độ có nghĩ làm sao đi chăng nữa, chẳng kẻ thù nào có thể xem họ như là những người điên. Một dân tộc vốn có các Thánh nhân đã lưu lại cho thế gian các triết thuyết vĩ đại nhất (chúng luôn luôn do con người nghĩ ra) ắt phải biết phân biệt chuyện phải trái. Ngay cả đến một kẻ dã man cũng còn biết phân biệt trắng đen, phải quấy, gian dối và thành thật. Trong trường hợp này, những kẻ đã tường thuật biến cố này trong tiểu sử của vị Thần Linh của mình, phải thấy rằng chính Thần Linh này mới là kẻ Trá nguy tinh quái (the Arch-Deceiver), còn các Daityas (vốn chẳng bao

¹ *Tạp chí của Hội Hoàng Gia Á Châu*, xix, 302.

giờ vi phạm các huấn điều của bộ kinh Vedas), mới có phương diện tích cực trong vấn đề này và là chư Thiên chân chính. Do đó, nhất định phải có một ý niệm bí nhiệm ẩn tàng trong ẩn dụ này. Có lẽ là ngoại trừ các giai cấp giáo sĩ Thần học và các tín đồ Chúa Jesus hiện đại, chẳng có giai cấp xã hội nào, chẳng có quốc gia nào mà lại coi dôi trá và thủ đoạn như là đức tính *thiên lương*.

Giống như các tác phẩm cùng loại khác, sau này kinh *Vishnu Purāna* ⁽¹⁾ cũng bị lọt vào tay các tín đồ Bà La Môn ở Thánh điện (the Temple-Brāhmans), và chắc chắn là các Bản thảo cổ đã bị các giáo phái nguy tạo thêm vào. Nhưng các Thánh kinh *Purānas* đã từng là các tác phẩm nội môn, chúng vẫn còn là như vậy đối với các Cao đồ có được chìa khoá để giải chúng.

Đối với tác giả, dù rằng các đạo đồ Bà La Môn có trình bày trọn vẹn tín ngưỡng của các ẩn dụ hay không thì cũng không liên quan gì. Hiện nay, mục tiêu chính là việc chứng tỏ rằng trong khi tôn vinh các *quyền năng sáng tạo* với thiên hình vạn trạng, chẳng triết gia nào (có lẽ ngoại trừ một vài triết gia thuộc về các giống dân Thiên Chúa giáo “ưu việt và văn minh” hiện nay) có thể chấp nhận được Tinh Thần chân chính của ẩn dụ này. Ấy là vì, như chúng ta đã trình bày trong lãnh vực đạo đức, Jehovah không có cao siêu hơn Vishnu một chút nào. Vì thế các nhà Huyền bí học, và ngay cả một vài tín đồ Do Thái Bí giáo, cho dù họ có xem các Thần lực sáng tạo này là các *Thực Thể sống động và hữu thức* hay không chẳng nữa – chúng ta không tin rằng họ không chịu

¹ Theo ý kiến của Wilson, kinh *Vishnu Purāna* là một sản phẩm của kỷ nguyên chúng ta, và dưới hình thức hiện nay, nó chỉ mới xuất hiện trong khoảng thế kỷ thứ 8 và thứ 17 là cùng (!!) thật là phi lý!

chấp nhận như vậy – thì họ cũng chẳng bao giờ lẫn lộn NGUYÊN NHÂN với Kết Quả (the CAUSE with the Effect) và xem Chơn Linh Trái Đất như là Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) tức Ain Soph. Đứng trước mọi biến cố, họ đều biết rõ được chân tướng của điều người Hy Lạp gọi là Hậu thiên khí Bản sơ (Father-Aether), Jupiter-Titan v.v.... Họ biết rằng Linh Hồn của TINH TÚ QUANG (the ASTRAL LIGHT) thật thiêng liêng, còn Sắc tướng của nó (its Body) – các sóng Ánh Sáng trên các cảnh giới thấp – thật là quỷ quái (infernal). Ánh Sáng này được trình bày tượng trưng như là “Huyền Thủ” (“Magic Head”) trong Thánh kinh *Zohar*, Luỡng Diện (Double Face) của Luỡng Kim Tự Tháp (Double Pyramid). Kim Tự Tháp đen cao vòi vọi trên một nền trắng, có *một đầu và một Mặt trắng bên trong tam giác màu đen*; Kim Tự Tháp màu trắng – là phản chiếu của Kim Tự Tháp đen trong Hắc Thủy (dark Water) – ngược lại, bày ra *phần phản chiếu màu đen của Bạch Diện (white Face)*.

Đó là Tinh Tú Quang, tức MẶT TRÁI CỦA THƯỢNG ĐẾ CHÍNH LÀ MA QUỶ (DEMON EST DEUS INVERSUS).

TIẾT 12

THẦN PHỔ HỌC VỀ CHƯ THẦN LINH SÁNG TẠO (THE THEOGONY OF THE CREATIVE GODS)

MUỐN quán triệt được ý niệm ẩn dưới mọi vũ trụ học cổ truyền, cần phải nghiên cứu và so sánh đối chiếu tất cả các tôn giáo lớn thời xưa; vì chỉ nhờ vào phương pháp này mà ý niệm gốc mới trở nên đơn giản. Nếu khoa học chính xác có thể vút lên cao khi truy nguyên hết mức các tác động của Thiên Nhiên, thì nó sẽ gọi ý niệm này là huyền giai các Thần Lực (the hierarchy of Forces). Các quan niệm triết học nguyên thủy và siêu việt đều như nhau. Nhưng khi các hệ thống bắt đầu ngày càng phản ánh các tư chất của các quốc gia, và khi các quốc gia đã định cư thành các nhóm riêng biệt sau khi phân ly với nhau, mỗi nhóm lại tiến hoá theo tập tục của quốc gia hay bộ lạc mình, thì ý niệm chính sẽ dần dần bị khuất đi do con người đã hoang tưởng quá mức. Trong khi ở một vài xứ, các THẦN LỰC, hay đúng hơn là các Quyền Năng thông tuệ của Thiên Nhiên (the intelligent Powers of Nature), đã được thần thánh hoá đến mức khó lòng hơn được nữa, thì ở một vài xứ khác – chẳng hạn như Âu Châu và các xứ văn minh hiện nay – chỉ nội việc nghĩ rằng các Thần Lực như thế có được trí thông tuệ cũng đủ bị xem là *phi lý phản khoa học*. Vì vậy, người ta cũng thấy đôi phần khuây khoả khi thấy các lời phát biểu trong phần Dẫn nhập của *Asgard và các chư Thần* (*Asgard and the Gods*); đó là: “Các chuyện kể và

Truyền thuyết của Tổ tiên ở phương Bắc” do W. S. W. Anson xuất bản; ông cho rằng:

Ở Trung Á, trên bờ Ấn Hà, ở xứ Kim Tự Tháp, ở các bán đảo Hy Lạp và Ý, và ngay cả phương Bắc, nơi mà giống người Kelts, Teutons và Slavs vẫn lê gót lãnh du, mặc dù quan niệm tôn giáo của thiên hạ có rất nhiều hình thức khác nhau, song chúng ta vẫn còn thấy được nguồn gốc chung của chúng. Chúng ta đã vạch ra mối liên hệ giữa các câu chuyện về chư Thiên, tư tưởng thâm thúy ẩn trong đó và tầm quan trọng của chúng, để cho độc giả có thể thấy rằng chẳng phải là thế giới huyền hoặc đã hiện ra trước mắt y, mà chính ...Cuộc Sống và Thiên Nhiên mới tạo thành cơ sở của sự tồn tại và tác động của chư Thiên.⁽¹⁾

Và mặc dù bất cứ nhà Huyền bí học hoặc sinh viên Nội môn Bí giáo Đông phương nào cũng không thể chấp nhận được ý tưởng kỳ cục là: “Các quan niệm tôn giáo của các quốc gia cổ nổi tiếng nhất đều liên hệ với buổi sơ khai của nền văn minh thuộc các giống dân Đức (the Germanic races)”, ⁽²⁾ nhưng y vẫn lấy làm hoan hỉ khi thấy các chân lý như thế được trình bày như sau: “Các câu chuyện thần tiên này đâu phải là các chuyện vô vị được viết ra để mua vui cho kẻ ăn không ngồi rồi (the amusement of the idle); chúng chính là hiện thân của tôn giáo thâm thúy của các tổ phụ chúng ta đó (our forefathers)!” ⁽³⁾

Đúng quá rồi! Chẳng những đó là tôn giáo của họ, mà còn là lịch sử của họ nữa. Ấy là vì một thần thoại (trong tiếng Hy Lạp là *mythos*) có nghĩa là truyền thuyết, được truyền khẩu từ thế hệ này sang thế hệ kia; ngay cả trong từ nguyên học hiện đại (the modern etymology), từ ngữ này cũng tượng

¹ Trang 3.

² Như trên, trang 2.

³ Như trên, trang 21.

trung cho một phát biểu *huyền hoặc* trình bày một chân lý quan trọng nào đó; một câu chuyện về một nhân vật phi thường nào đó có tiểu sử đã được thêm thắt (do sự sùng bái của các thế hệ liên tiếp) với vô số các điều hoang tưởng bình dân, nhưng đó không phải *toàn là* chuyện ngụ ngôn. Cũng như tổ phụ của mình (các người Ấryans ban sơ), chúng ta tin tưởng hết lòng (we believe firmly) vào nhân cách và trí tuệ của hơn một Thần Lực tạo ra hiện tượng trong Thiên Nhiên (of more than one phenomenon-producing Force in Nature).

Theo thời gian, giáo lý cổ sơ mai một đi, các quốc gia ít nhiều quên mất Nguyên khí độc nhất vô thượng của vạn vật và bắt đầu chuyển các thuộc tính trừu tượng của “nguyên nhân vô cực” (“causeless cause”) thành ra các hậu quả; đến lượt chúng lại trở thành nhân của các thứ khác, đó tức là các Quyền Năng sáng tạo của Vũ Trụ. Các nước lớn đã hành động như thế vì sợ báng bổ THIÊN Ý (IDEA); các nước nhỏ làm như thế vì họ không thể lãnh hội được nó, hoặc là vì họ không có khả năng quan niệm theo triết lý để duy trì nó được vô nhiễm hoàn toàn. Nhưng ngoại trừ các người Ấryans cận đại nhất (nay họ đã trở thành người Âu Châu và tín đồ Thiên Chúa giáo) tất cả đều biểu lộ sự tôn thờ này trong các vũ trụ khởi nguyên luận của mình. Theo Thomas Taylor, ⁽¹⁾ dịch giả có trực giác nhiều nhất của các Áng văn Hy Lạp, chẳng có quốc gia nào đã từng quan niệm rằng Nguyên khí Độc nhất vô nhị trực tiếp sáng tạo ra Vũ Trụ hữu hình, vì không có kẻ mình mẫn nào lại tin tưởng rằng một kế hoạch gia kiêm kiến trúc sư có thể dùng chính đôi tay của mình xây dựng nên toà nhà mà ông đang mơ tưởng. Dựa vào chứng cứ của

¹ Xem *Nguyệt Sơn*, tháng Tư năm 1797.

Damascius trong tác phẩm: *Về các Nguyên Khí Bản Sơ* (*On First Principles*), họ đã gọi nó là “U MINH bất khả tri” (the “Unknown DARKNESS”). Dân Babylon không đá động gì đến nguyên khí này. Trong tác phẩm *Về Sự Tiết Thực* (*On Abstinence*).⁽¹⁾ Porphyry cho rằng: “Thần linh này siêu việt hết vạn hữu, vì thế không nên đề cập tới Ngài, dù là nói ngoài miệng hay chỉ nghĩ trong lòng. “Mở đầu tác phẩm *Thần phổ học* (*Theogony*), Hesiod cho rằng “*Hồng nguyên khí* (Chaos) của vạn vật sinh ra trước tiên”, ⁽²⁾ như thế suy ra rằng chúng ta nên cung kính đừng đề cập tới Nguyên nhân của nó. Trong thi phẩm của chính mình vốn chẳng có gì cao siêu hơn *Đêm Thần* (*Night*), Homer đã trình bày rằng Zeus rất tôn kính *Đêm Thần*. Theo tất cả các nhà Thần học cổ truyền và theo các giáo lý của Pythagoras và Plato, Zeus (tức Đấng Sáng Tạo ra Vũ Trụ) *không phải là Thần Linh tối cao*. Điều này cũng chẳng khác 144 nào Sir Christopher Wren trong khía cạnh vật chất, con người chính là TRÍ NGÀI (vốn sáng tạo ra các tuyệt tác nghệ thuật của ông). Do đó, Homer chẳng những không đề cập tới Nguyên khí Bản sơ, mà còn không đề cập tới cả hai Nguyên khí ngay sau khi Nguyên khí Bản sơ, tức *Hậu thiên khí* (*Aether*) và *Hồng nguyên khí* (*Chaos*) của Orpheus và Hesiod, cũng như là *Biên chu* (*Bound*) và *Vô cực* (*Infinity*) của Pythagoras và Plato.⁽³⁾ Đề cập tới Nguyên khí Vô thượng này

¹ [Liên hệ tới việc tiết thực các sinh vật].

² Thời xưa, *geneto* được xem như có nghĩa là “*được sản sinh ra*” chứ không phải chỉ là “*hiện hữu*”. (Xem “*Nhập môn tác phẩm Parmenides của Plato*” của Taylor, trang 260.)

³ Chính vì sự lẫn lộn “*biên chu*” (“*bound*”) với “*Vô cực*” (“*Infinite*”) nên Kapila mới dùng toàn những lời lẽ châm biếm trong khi tranh luận với các đạo sĩ Yoga thuộc Bà La Môn giáo, họ cứ khoe rằng

(this Highest Principle), Proclus cho rằng nó là “Nhất Nguyên Tối Sơ, và siêu việt cả Adyta bản sơ (the Unity of Unities, and beyond the first Adyta)... bất khả diễn đạt hơn mọi Tịch Nhiên (all Silence), huyền linh hơn mọi Bản Thể (all Essence) ...ẩn trong các chư Thiên khả niệm (the intelligible Gods)”⁽¹⁾.

Người ta phải thêm một chi tiết vào những điều mà Thomas Taylor đã trình bày vào năm 1797 – tức là: “Dân Do Thái hình như cũng chẳng cao siêu... hơn Đấng Sáng Tạo *trực tiếp* ra (the *immediate* Artificer) Vũ Trụ” vì “Moses đã phủ một lớp u minh lên trên mặt thái uyên (the deep), và cũng chẳng cần ám chỉ rằng nó tồn tại là vì có một nguyên nhân nào đó”.⁽²⁾ Trong *Thánh kinh* của mình, (một tác phẩm nội môn thuần là biểu tượng), người Do Thái đã chẳng bao giờ làm hạ giá trị vị thần ẩn dụ của mình nhiều quá mức như là tín đồ Thiên Chúa giáo, bằng cách chấp nhận Jehovah như là Thượng Đế sống động duy nhất song lại nhân hình của mình. Nguyên khí Bản sơ hay đúng hơn là Nguyên khí Độc nhất vô nhị được gọi là “vòng tròn Thiên giới” (the “circle of Heaven”), được trình bày tượng trưng như là hình tượng gồm một Điểm ở trong một Vòng tròn hoặc một Tam giác đều. Điểm này chính là THƯỢNG ĐẾ (LOGOS). Do đó, trong *Rig Veda* (Brahmā cũng không đề cập tới trong đó), phân mở đầu của vũ trụ khởi nguyên luận chính là *Hiranyagarbha* (Kim

mình đã được chiêm ngưỡng Đấng Chí Tôn trong các con linh thị huyền nhiệm.

¹ Như trên.

² Xem bài của T. Taylor đăng trong *Nguyệt San* được trích đăng lại trong *Môn đồ phái Platon*, số tháng 2-1887 do T. M. Johnson, P. T. S., Osceola, Missouri, xuất bản.

Noãn) và Prajāpati (sau này là Brahmā), từ Prajāpati xạ ra tất cả mọi Huyền giai “các Đấng Sáng Tạo”. Đơn Nguyên (the Monad), tức Huyền Điểm, là nguyên bản và là Đơn vị từ đó mới có toàn bộ hệ thống số mục. Điểm này là Nguyên Nhân Bản Sơ, nhưng ĐẰNG (THAT) đã sinh sản ra nó hay là biểu lộ nó (tức Thượng Đế) đã chuyển sang trạng thái tịch lặng. Đến lượt biểu tượng này, tức *Điểm ở trong vòng tròn* vẫn chưa phải là Kiến trúc sư, mà chỉ là Nguyên Nhân của Kiến trúc sư; Kiến trúc sư này có vị thế đối với nó cũng giống như là chính Huyền Điểm đối với Chu vi của Vòng tròn (theo Hermes Trismegistus, không thể xác định được chu vi này). Trong *Philebus*, Porphyry cũng chứng tỏ rằng Đơn Nguyên và Luồng Nguyên (the Monad and the Duad) của Pythagoras cũng chẳng khác nào *vô cực (infinite)* và *hữu hạn (finite)* của Plato, hay cái mà Plato gọi là vô biên [boundless] và biên chu [bound]. Chỉ có Biên chu tức Từ Mẫu (Mother) là có thực chất, còn vô biên lại là “*nguyên nhân của mọi nhất nguyên và kích thước của vạn vật.*” Luồng Nguyên, Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti), BỨC MẠNG CHE PHỦ (the VEIL) [Thái Cực
 145 Thượng Đế - Parabrahman] lại tỏ ra là Mẹ của Thượng Đế, đồng thời là *con gái* của Ngài (tức là đối tượng tri giác của Ngài), Đấng sinh hoá được sáng tạo ra, nguyên nhân thứ yếu của nó. Đối với Pythagoras, ĐƠN NGUYÊN (MONAD) đã Tịch lặng (Silence) và U ám (Darkness) trở lại, ngay khi mà nó đã tiến hoá thành *Tam Nguyên (Triad)*, từ đó xạ ra 7 con số còn lại trong 10 con số vốn là cơ sở của Vũ Trụ Biểu Lộ.

Trong vũ trụ khởi nguyên luận Bắc Âu cũng vậy:

Thoạt đầu có một Thái Uyên (a great abyss) [Hồng nguyên khí] không có ngày mà cũng chẳng có đêm; Thái Uyên đó chính là Ginnungagap, vô thủy vô chung. Đấng Từ Phụ (All Father), Đấng Bản Lai (Uncreated), Vô hiện (Unseen), ngự trong lòng Thái Uyên

[Không gian] và suy tính, thế là những điều Ngài suy tính đều biến thành hiện thực.⁽¹⁾

Trong vũ trụ khởi nguyên luận Ấn Độ, sự tiến hoá của Vũ Trụ được chia thành hai hồi (two acts), được mệnh danh là Tạo vật *Prākṛita* và Padma. Trước khi “Quang Minh Đường” (“Home of Brightness”) xạ ra các tia âm áp khơi hoạt Đại Thuỷ của Không gian (the Great Waters of Space), các Yếu tố của Tạo vật thứ Nhất (the Elements of the First Creation) đã xuất hiện rồi và từ đó tạo ra Đại Ymir (the Giant Ymir) tức Oergelmir (theo sát nghĩa là *đất sét sôi sùng sục*), tức vật chất nguyên thuỷ do Hồng nguyên khí biến phân ra. Rồi tới con bò cái Audumla chuyên môn bảo dưỡng vạn vật, ⁽²⁾ nó đẻ ra Buri (Kẻ sáng tạo). Buri phối hợp với Bestla, con gái của các kẻ “Khổng lồ Đông Giá” (“the Frost-Giants”), tức các con của Ymir, sinh ra ba người con: *Odin*, *Willi* và *We* hay là “Tinh Thần” (“Spirit”), “Ý Chí” (“Will”) và “Thánh Linh” (“Holiness”).⁽³⁾ Ấy là lúc U Minh vẫn còn ngự trị khắp Không gian, khi các *Ases* (các Quyền năng sáng tạo, tức các Thiên Định Đế Quân) vẫn còn chưa tiến hoá và Yggdrasil (*cây Vũ Trụ Sinh Tử Luân Hồi* – the *tree of the Universe of Time and of Life*) vẫn còn chưa mọc và vẫn còn chưa có Walhalla tức các Anh Hùng Sảnh (Hall of Heros). Huyền thoại Bắc Âu bàn về sự Sáng tạo về Trần Thế đều mở đầu bằng cách nói về *Thời gian* và kiếp Nhân sinh. Đối với họ, tất cả những cái trước đó đều là “U Minh” (“Darkness”), bên trong có Đấng Toàn Sinh

¹ *Asgard và chư Thiên*, trang 22.

² Vạch “con bò cái xinh xắn, cho chúng ta một thứ sữa thật bổ dưỡng”. Thánh kinh *Rig Veda* mô tả như thế.

³ Hãy so sánh với *Khởi nguyên luận của các Giống dân Sơ Thuỷ*, trong tác phẩm này.

(All-Father), Cội nguồn của vạn vật. Theo vị chủ biên của tác phẩm *Asgard và chư Thiên*, mặc dù các huyền thoại này đều có bao hàm ý niệm về Đấng TOÀN SINH ấy (tức cội nguồn của vạn vật), song ngoại trừ trong thi phú, ít khi nào Ngài được đề cập tới. Theo ông ta, ấy chẳng phải là vì trước khi Phúc Âm được rao giảng thì không tài nào có được những quan niệm minh bạch về Vĩnh Cửu, mà bởi vì nó có một tính cách thực là thâm thúy, bí hiểm. Vì thế, tất cả các vị Thần sáng tạo, tức là chư Thần Linh *nhân hình*, đều xuất lộ từ giai đoạn thứ yếu trong cuộc Tiến Hoá Vũ Trụ. Zeus sinh ra *bên trong* và *bên ngoài* Kronos (Thời gian). Cũng vậy, Brahmā do Kāla (thời gian vĩnh cửu) xạ ra; Kāla là một trong các tôn danh của Vishnu. Vì thế, chúng ta mới thấy Odin là Tổ Phụ của *chư Thần*, *chư Tiên* cũng như Brahmā là Tổ phụ của *chư Thiên* và 146 *chư Thần Quý*. Cũng vì thế mà tất cả mọi Thần Linh sáng tạo chính yếu đều có tính cách bán thư bán hùng, từ ĐƠN NGUYÊN thứ nhì (the second MONAD) của người Hy Lạp mãi xuống tới Sephira Adam Kadmon, Brahmā tức Prajāpati-Vāch trong kinh Vedas, và Đấng bán thư bán hùng của Plato, đó chẳng qua chỉ là một lối thuyết minh khác về biểu tượng ấy của Ấn Độ.

Chúng ta có thể tìm thấy định nghĩa có tính cách siêu hình nhất về Thần phổ học bản sơ (theo tinh thần của phái Vedānta) trong tác phẩm *Giảng lý Chí Tôn Ca* của T. Subba Row. Vị giảng sư ấy đã trình bày về Thái Cực Thượng Đế, Đấng Bất Khả Tri và Bất Khả Tư Nghị như sau:

....đó chẳng phải là Ātmā (Linh Tổ)...cũng chẳng phải là bản ngã (ego) hay Phi Ngã (non-Ego), cũng chẳng phải là thần thức (consciousness) ...nhưng mặc dù bản thân nó không phải là đối tượng để tìm hiểu, nó vẫn có thể phù trì và tạo ra đủ thứ đối tượng và đủ thứ sinh linh vốn là đối tượng để tìm hiểu ...[Đó là] bản thể

độc nhất vô nhị, khai sinh ra một trung tâm năng lượng ...[mà ông gọi là Thượng Đế].⁽¹⁾

Thượng Đế này chính là *Shada Brahman* của người Ấn Độ, ông ta sẽ không gọi Ngài là *Īshvara*, kéo từ ngữ này sẽ làm cho người ta rất dễ lẫn lộn. Đó là *Quan Thế Âm* (*Avalokiteshvara*) của các Phật tử, *Ngôi Lời* (*Verbum*) của tín đồ Thiên Chúa giáo với ý nghĩa *nội môn* chân chính, chứ không phải là với ý nghĩa đã bị thần học xuyên tạc.

Đó là *jñāta* bản sơ, tức Chơn Ngã trong Càn Khôn, vì mọi Chơn Ngã khác chẳng qua chỉ là phản ánh hay biểu lộ của nó Vào lúc Hỗn Nguyên, nó tiềm tàng trong lòng Thái Cực Thượng Đế...[Trong chu kỳ Khai Nguyên] nó trở nên hữu thức và biệt lập ngã tính (an individuality of its own)...[Đó là một trung tâm năng lượng, nhưng] có biết bao nhiêu trung tâm năng lượng như vậy trong lòng Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman). Không được giả định rằng [ngay cả] Thượng Đế chẳng qua cũng chỉ là [Đấng Sáng Tạo, hay] một trung tâm năng lượng đơn độc...Chúng thì nhiều hằng hà sa số...[Đó] là Chơn Ngã sơ thủy (the first Ego) xuất hiện trong Càn Khôn ...và [là] cứu cánh của mọi cuộc tiến hóa. [Đó là Chơn Ngã trừu tượng]...Đó là biểu lộ [hay trạng thái sơ thủy] của Thái Cực Thượng Đế ...Một khi mà Chơn Ngã bắt đầu tồn tại như là một thực thể hữu thức ... theo quan điểm của khách thể, Thái Cực Thượng Đế hình như chính là Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti). Làm ơn nhớ kỹ giùm điều này một chút...vì nó là manh mối giúp chúng ta giải quyết được tất cả nan đề Tinh Thần (Purusha) và Vật Chất (Prakriti) đã từng làm biết bao nhiêu tác giả viết về triết thuyết Vedanta phải lúng túng ...Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti) này có tính cách vật chất đối với (Thượng Đế) cũng như bất cứ một vật thể nào có tính cách vật chất đối với chúng ta. Hỗn nguyên khí đầu có phải là Thái Cực Thượng Đế cũng chẳng khác nào tập hợp các thuộc tính của cái cột này đầu phải là chính cái cột. Thái Cực

¹ *Tạp chí Theosophist*, tháng 12-1887, trang 302 - 303.

Thượng Đế là một thực tại thênh thang tuyệt đối, còn Hồn nguyên khí bất quá chỉ là một thứ bức màn che phủ nó thôi. Bản thân Thái Cực Thượng Đế ra sao thì không thể nào biết được. Thoạt nhìn, đó là Thượng Đế khoác lấy một bức màn, bức màn này do vật chất vũ trụ lan tràn khắp nơi... Sau khi xuất hiện một mặt như là Chơn Ngã (the Ego), một mặt như là Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti), Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) tác động như là năng lượng duy nhất thông qua Thượng Đế (Logos). ⁽¹⁾

Thế rồi, bằng một lối so sánh tuyệt vời, diễn giả đã vạch rõ cách thức tác động của một Cái vốn là *Chân không* (Nothing), song lại bao trùm VẠN HỮU (ALL). Ông so sánh Thượng Đế với Mặt Trời đang xạ ra ánh sáng và nhiệt, nhưng năng lượng của nó – ánh sáng và nhiệt – tồn tại một cách bí ẩn và phân tán trong Không gian như là ánh sáng và nhiệt
 147 *hữu hình*, còn Mặt Trời chỉ là tác nhân của nó thôi. Đây là Bản thể tam phân sơ thủy. Tứ nguyên được tạo ra do *ánh sáng xạ* ra từ Thượng Đế.

Về mặt nội môn, các tín đồ Do Thái Bí giáo nói về điều này cũng giống in như là các tín đồ phái Veda. Theo họ, mặc dù là Nguyên nhân bản sơ của Vạn hữu, AIN SOPH thật là bất khả tư nghị, bất khả định vị và bất khả định danh. Vì thế mới có tôn danh Ain Soph, nghĩa là chân không “bất khả tư nghị, không thể xưng tán, thăm thăm khôn dò.” Do đó, họ xem nó như là một vòng tròn vô hiện, một hình cầu, mà trí con người dù có cố gắng cách mấy đi nữa cũng chỉ mới quan niệm được cái vòm. Một bậc đã quán triệt được Thánh kinh Kabalah nhiều nhất đã đề cập tới một trong các ý nghĩa của nó, xét về mặt số học và hình học nội môn như sau:

Cứ thử nhắm mắt lại xem và xuất phát từ tri giác thức của mình, cứ thử phóng thần thức ra mọi phía cho đến mức cực biên.

¹ Như trên, trang 303 - 304.

Bạn sẽ thấy các tia tri giác như nhau sẽ phóng đều ra mọi hướng như nhau, khiến cho khi chúng ta cực lực tri giác, chung qui nó đều hội tụ lại nơi vòm của một hình cầu. Giới hạn của hình cầu này dứt khoát phải là một vòng tròn lớn, và các tia tư tưởng phóng thẳng ra theo bất cứ hướng nào đều phải là các bán kính thẳng hàng của vòng tròn này. Như thế, nói theo ngôn ngữ thế gian, đó phải là quan niệm bao hàm cực độ về Ain Soph biểu lộ, nó khoác lấy một hình dạng hình học (đó là một hình tròn) với các yếu tố có chu vi cong và đường kính thẳng hàng chia thành hai bán kính. Vì thế, một dạng hình học là phương tiện để cho trí người có thể hình dung được Ain Soph.”⁽¹⁾

Vòng Tròn Lớn này (mà Nội môn Bí giáo Đông phương thu gọn lại thành một Điểm ở trong Vòng Tròn Vô Biên) chính là Quan Thế Âm, *Thượng Đế* hay *Huyền Âm* (*Verbum*) mà T. Subba Row đã từng đề cập tới. Nhưng đối với chúng ta, Vòng Tròn hay Thượng Đế biểu lộ này thật là bí hiểm trừ phi nó *biểu lộ* thành Vũ Trụ (chẳng hạn như ĐẮNG ĐỘC TÔN) mặc dù các quan niệm cao siêu nhất của chúng ta vẫn có thể đạt đến nó một cách dễ dàng. Trong thời Hỗn Nguyên, Thượng Đế ấy yên nghỉ trong lòng Thái Cực Thượng Đế chẳng khác nào “*Chon Ngã* tiềm tàng [nơi ta] vào lúc *sushupti*” (tức là lúc ngủ), chẳng thể nào biết được Thái Cực Thượng Đế ngoại trừ dưới dạng Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti) (Hỗn nguyên khí là một Bức Màn Vũ Trụ có bản chất là vật chất vũ trụ lan tràn ra khắp mọi nơi). Do đó, Thượng Đế ấy chỉ là một cơ quan trong cuộc Sáng Tạo Vũ Trụ mà Thái Cực Thượng Đế dùng để xata ra Năng Lượng và Minh Triết của mình; *Thái Cực Thượng Đế ấy bí hiểm đối với Thượng Đế cũng như chính Ngài đối với chúng ta*. Hơn nữa, vì Thượng Đế cũng bí hiểm

¹ *Tạp chí Tam Điểm*, tháng 6 - 1886.

đối với chúng ta như là Thái Cực Thượng Đế đối với Thượng Đế, nên để cho chúng ta có thể quan niệm được Thượng Đế, cả Nội môn Bí giáo Đông phương, lẫn Thánh kinh Kabbalah đều đã rút gọn phần tổng hợp trừu tượng thành ra các hình ảnh cụ thể. Đó là phản ánh hay là các trạng thái trùng phức của Thượng Đế này, tức là Quan Thế Âm, Brahmā, Ormazd, Osiris, Adam Kadmon, muốn gọi sao thì gọi – có các trạng thái hay các phân thân trong chu kỳ khai nguyên là các Thiên Định Đế Quân, Elohim, chư Thiên, Amshaspend v.v... Theo

- 148 Subba Row, các nhà siêu hình học giải thích nguồn gốc và mầm mống của các Thiên Định Đế Quân như là biểu lộ sơ thủy của Thái Cực Thượng Đế “tam nguyên tối cao mà chúng ta có thể hiểu được”; đó vốn là *Hỗn nguyên khí* (*Mūlaprakriti*) (Bức màn), Thượng Đế, và năng lượng hữu thức của Thượng Đế, tức là quyền năng và ánh sáng của nó (trong *Chí Tôn Ca* gọi là *Daiviprakriti*) tức là “vật chất, thần lực và *Chơn Ngã*, hay cội nguồn duy nhất của Bản Ngã (Self), mà mọi thứ bản ngã khác chẳng qua chỉ là một biểu lộ hay một phản ánh”. Thế thì, chỉ dưới Ánh Sáng (của tâm thức – of consciousness), tri giác hồng trần và trí tuệ này mà Huyền bí học *thực tiễn* mới có thể phô bày Thượng Đế dưới các dạng hình học. Khi được nghiên cứu cẩn thận, không những các dạng hình học này phô trương một giải thích khoa học về sự tồn tại thực sự nơi ngoại cảnh ⁽¹⁾ của “Bảy Biến phân của Minh Triết Thiêng Liêng” (“Seven Sons of the Divine Sophia”) tức là Huyền Quang của Thượng Đế (Light of the Logos), mà nhờ vào các chìa khoá còn chưa được khám phá ra, chúng còn chứng tỏ rằng xét về Nhân loại – “Bảy Biến Phân” (“Seven Sons”) này

¹ Dĩ nhiên là ngoại cảnh trong thế giới Hảo huyền (the world of Mâyã) thì cũng vẫn có thực y như chúng ta vậy.

và hằng hà sa số các phân thân (tức các trung tâm năng lượng được nhân cách hoá) thật là tối cần. Không có chúng thì *không bao giờ giải được (thậm chí đề cập đến được)* bí nhiệm về Hiện Tôn và Nhân Loại.

Vạn hữu đều được sáng tạo ra nhờ vào Ánh Sáng này. CỘI NGUỒN (ROOT) của CHON NGÃ (SELF) này cũng là cội nguồn của phàm ngã, vì trong thế giới biểu lộ của chúng ta, Ánh Sáng này chính là Hồn nguyên khí, trong khi kinh *Vedas* gọi là *Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi)* biến hóa ra. Khi ở Ngôi Ba, nó trở thành *Văch*,¹ Con Gái và Mẹ của Thượng Đế, cũng như Isis là Con Gái và Mẹ của Osiris, (Horus), cũng như Moot là Con Gái, Vợ và Mẹ của Ammon trong hình tượng Nguyệt Tinh của Ai Cập. Trong Thánh kinh *Kabalah*, Sephira cũng giống như Shekinah và (theo một phép tổng hợp khác) là Vợ, Con Gái và Mẹ của Thiên Đế Adam Kadmon, thậm chí còn đồng nhất với Ngài, chẳng khác nào Văch đồng nhất Brahmā và được gọi là Thượng Đế nữ (the female Logos). Trong kinh *Rig Veda*, Văch “huyền âm” (“mystic speech”), nhờ đó Minh Triết thiêng liêng mới được truyền thụ cho con người, do đó, người ta mới nói là Văch đã “gia nhập vào hàng ngũ của chư Thánh Hiền”. Nàng “được chư Thiên sản sinh ra”, Nàng là Văch *Thiên thiêng* “Nữ Hoàng của chư Thiên” (“Queen of gods”); cũng như Sephira được liên kết với các Sephiroth, cũng vậy, Nàng có liên kết với các Prajāpatis trong công tác sáng tạo. Hơn nữa, nàng còn được gọi là “Mẹ của kinh *Vedas*”, “vì nhờ có các quyền năng của Nàng [*huyền âm* – as

¹ Trong khi vũ trụ biểu lộ, nói cho đúng ra thì *Daiviprakriti* (Huyền Quang của Thượng Đế) nên được gọi là con của Ngài thay vì là Mẹ của Ngài. (*Tạp chí Theosophist*, bài “Giảng lý Chí Tôn Ca” số tháng 2 năm 1887).

mystic speech] nên Brahmã mới thiên khai được bộ kinh này. Cũng nhờ có quyền năng của Nàng, nên Brahmã mới tạo ra Vũ Trụ”, tức là nhờ NGÔN TỪ (WORDS) được Huyền Âm (Speech) và các số mục ⁽¹⁾ tổng hợp lại.

149 Nhưng khi người ta cũng đề cập tới Vạch với tư cách là con gái của Daksha, “vị thần trường sinh bất tử” thì đúng hơn là người ta trình bày tính cách hão huyền của Nàng. Trong khi có *chu kỳ hỗn nguyên này (pralaya)*, Nàng tan biến đi và bị hấp thu vào trong Tia duy nhất nuốt lấy hết (all-devouring Ray).

Nhưng nơi tất cả mọi điều nhân cách hoá Quyền năng ẩn trong Thiên nhiên, dù là *thực tượng giới* hay *hiện tượng giới*, chúng ta đều thấy có hai khía cạnh riêng biệt trong Nội môn Bí giáo của cả thế giới Đông phương lẫn của thế giới Tây phương. Một là khía cạnh thuần túy siêu hình (trong bài Giảng lý *Chí Tôn Ca*, vị giảng sư lỗi lạc đã nói thế), còn khía cạnh kia thật là trần tục, ấy thế mà nó lại có tính cách *thiênց liêng* theo quan điểm thực tiễn của con người và Huyền bí học. Tất cả đều là biểu tượng và là các điều nhân cách hoá của *Hỗn nguyên khí (Chaos)*, “Thái Uyên” (“Great Deep”) tức là Nước Sơ Thuỷ của Không gian (the Primordial Waters of Space), BỨC MÀN (VEIL) dày đặc giữa ĐẮNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ (the INCOGNIZABLE) và Thượng Đế Sáng Tạo. “Khi đã dùng trí liên kết với Vạch, Brahmã [Thượng Đế] sáng tạo ra Nước Sơ Thuỷ. Trong kinh *Katha Upanishad*, người ta còn vạch rõ hơn nữa:

¹ Những nhà thông thái, trong những người hiện đại chúng ta có thể kể Stanley Jevons, phát minh ra một phương pháp khiến cho một điều không thể hiểu được thành ra một thứ cụ thể rõ ràng, đều phải cầu cứu tới các con số và các dạng hình học.

Prajāpati chính là Vũ Trụ này. Vách là đối cực của Ngài. Ngài phối hợp với Nàng ...nàng tạo ra các tạo vật này rồi lại nhập vào Prajāpati.

Điều này liên kết Vách và Sephira với Nữ Thần Quan Âm (Goddess Kwan-Yin), “Đức Mẹ Từ Bi” (“Merciful Mother”), *DIỆU ÂM của Linh Hồn* (the *divine VOICE of the Soul*), ngay cả trong Phật giáo ngoại môn cũng như là với trạng thái âm tức *Quan Thế Âm* (*Kwan-Shai-Yin*), *Thượng Đế, Huyền Âm Sáng Tạo* (the *Verbum of Creation*), cũng như là với Tiếng Nói (Voice) mà chỉ có bậc Điểm Đạo đồ mới nghe được (theo Phật giáo Nội môn). Kết quả là ta có Bath Kol, *Filia Vocis*, Con gái của Diệu Âm (the Divine Voice) (của dân Do Thái), đáp ứng lại trong khi vẫn ẩn mình nơi Thánh Toà Từ Bi (the Mercy Seat) đằng sau bức Màn của Thánh điện.

Nhân tiện, chúng tôi xin vạch ra đây một trong nhiều điều nhệch móc bất công mà các nhà truyền giáo “ngoan đạo” ở Ấn Độ đã đổ xối xả lên đầu các tôn giáo ở xứ này. Trong *Shatapatha Brāhmaṇa*, chúng ta thấy có một ẩn dụ là Brahmā với tư cách là Tổ Phụ của nhân loại, đã tiến hành công tác sinh đẻ bằng cách loạn luân với con gái của mình là Vách, nàng cũng được gọi là Sandhyā, Tranh Tối Tranh Sáng (Twilight), và Shatarūpā (thiên hình vạn trạng). Thế là thiên hạ tha hồ đả kích người Bà La Môn, kết tội tôn giáo của họ thật là vô luân, khả ố. Nhưng người Âu Châu đã giả vờ quên đi mất rằng Tộc Trưởng Lot cũng đã từng phạm tội giống in như vậy khi đường đường là một *đấng tu mi nam tử*, còn chỉ có lúc khoác lấy hình dạng một con hươu đực mà Brahmā (hay đúng hơn là Prajāpati) mới loạn luân với con gái của mình, nàng đã khoác lấy hình dạng một con hươu cái (*rohit*). Không tin thì chúng ta cứ thử đọc chương ba của *Sáng Thế Ký*. Và lại, chắc chắn là ẩn dụ này của Ấn Độ phải có một ý

nghĩa *vũ trụ* chứ không phải ý nghĩa sinh lý, vì Vāch là một biến hoá của Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi) và Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti) (Hồng nguyên khí), còn Brahmā là một biến hoá của Nārāyana, tức Tinh Thần của Thượng Đế nhập vào Thiên Nhiên, làm cho nó sinh hoa kết quả (fructifying); thế thì trong quan niệm này không có chút gì sùng bái *sinh thực khí cả* (phallic).

150 Như đã nói ở trên, Aditi-Vāch là *Thượng Đế âm*, tức *Huyền Âm* (Verbum), còn Sephira trong kinh *Kabalah* cũng vậy. Xét về mặt thực tượng, tất cả các Thượng Đế nữ tính này đều là các tương hệ của Ánh Sáng, Âm Thanh và Dĩ Thái. Điều này cũng chứng tỏ rằng cổ nhân cũng quán triệt được vật lý học đầu kém gì con người hiện đại; nó cũng chứng tỏ rằng khoa học này đã được thai nghén trong các lãnh vực Tinh Thần, Siêu linh.

Các tác giả thời xưa cho rằng Vāch có tới bốn thứ. Đó là Parā, Pashyantī, Madhyamā và Vaikharī. Không tin thì bạn cứ thử mở kinh Rig Veda hay bộ Áo Nghĩa Thư ra mà xem. Chúng tôi chỉ đề cập tới Vaikharī Vāch mà thôi.

Lại nữa, đó là Âm Thanh, *Ngôn Từ* đang bao hàm và trở thành ngoại cảnh đối với một trong các giác quan vật chất của chúng ta và có thể chịu ảnh hưởng của các luật tri giác. Vì thế:

Mọi loại vaikharī Vāch đều tồn tại dưới dạng madhyamā ... pashyantī và cuối cùng là dưới dạng parā. Bốn nguyên khí này của Đại Vũ Trụ tương ứng với bốn dạng của Vāch, vì thế nên Pranava (1) mới được gọi là Vāch. Xét về mặt ngoại cảnh, toàn thể Vũ Trụ là

¹ Pranava tức Om, một thánh ngữ được các nhà yoga đọc trong khi tham thiền. Theo các nhà bình giải ngoại môn, trong số các thánh ngữ được tuyên đọc (Vyākritis) có Aum, Bhūh, Bhuvah, Svah (Om, Đất, Bầu Trời, Trời), Pranava có lẽ là thánh ngữ linh

vaikharĩ Văch, huyền quang của Thượng Đế (the light of the Logos) là dạng madhyamã; bản thân Thượng Đế (the Logos itself) là dạng pashyantĩ, còn Thái Cực Thượng Đế [là] trạng thái parã [Thực tượng siêu việt] của Văch. ⁽¹⁾

Như thế, nếu thử lấy mẫu trong ba giáo thuyết khác nhau nhất (về mặt biểu kiến) trên thế giới của dân Ấn Độ, Hy Lạp và Chaldea Hebrew, chúng ta sẽ thấy Văch, Shekinah hay “âm nhạc thần tiên” (“music of the spheres”) của Pythagoras đều như nhau. Trong Nội môn Bí giáo, những điều nhân cách hoá và ẩn dụ này có thể được xét theo bốn phương diện (chính) và ba phương diện (phụ) tức là bảy phương diện tất cả. Dạng parã bao giờ cũng là Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại ẩn tàng, nó tồn tại từ vô thủy trong lòng ĐẮNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ (INCOGNIZABLE). Khi được chuyển vào trong Thiên Ý, tức là *Ánh Sáng* tiềm tàng, nó được gọi là *pashyantĩ*, còn khi trở thành *Ánh Sáng quang huy* (Light expressed), nó chính là madhyamã.

Nay Thánh kinh *Kabalah* trình bày định nghĩa như sau:

Có ba loại ánh sáng và loại ánh sáng [thứ tư] xuyên thấu qua ba loại kia. Đó là: (1) Ánh Sáng ngoại cảnh (the object light), trong sáng và thấu suốt (the reflected light), (2) ánh sáng phản chiếu và (3) ánh sáng trừu tượng (the abstract light).

Trong Thánh kinh *Kabalah*, Mười (*Ba* với *Bảy*) Sephiroth được gọi là Linh Từ, DBRIM (Debarim), các Số Mục (the Numbers) và các Phân Thân (the Emanations) của Linh

thiên nhất. Chúng được phát âm bằng cách nín thở lại. Xin xem thêm *Đức Bàn Cổ*, Quyển II, trang 76 - 81 và phần giảng lý của Vignānesvara về *Yājñavalkya-Smṛiti*, Quyển I, trang 23 trong *Mitākshara*. Nếu muốn giải thích theo nội môn thì còn đi xa hơn rất nhiều.

¹ *Tạp chí Theosophist*, số tháng 2 - 1887, trang 307.

Quang (the Heavenly Light), nó là cả Adam Kadmon lẫn Sephira, Prajāpati-Vāch, tức Brahmā. Cũng trong Thánh kinh trên, Ánh Sáng, Âm Thanh, Số Mục đều là nhân tố sáng tạo. Trừ phi dùng tới Quang Điểm (luminous Point), làm sao mà
 151 chúng ta hiểu thấu được Thái Cực Thượng Đế. Quang Điểm (Thượng Đế) này đâu có biết *Thái Cực Thượng Đế* mà chỉ biết *Hỗn nguyên khí* (*Mūlaprakriti*) thôi. Cũng vậy, Adam Kadmon chỉ biết Shekinah thôi, mặc dù Ngài *hiện thể* của Ain Soph, theo lối thuyết minh Nội môn, với tư cách là Adam Kadmon, Ngài là toàn bộ Số Mười, tức Sephiroth [bản thân của một Tam Nguyên] tức là ba thuộc tính của Đấng Thánh Linh bất khả tư nghị nhập lại làm một (the *incognizable* DEITY in one).⁽¹⁾ “Khi Thiên Đế [tức Thượng Đế] thoát tiên khoác lấy hình dạng cái Vương Miện. ⁽²⁾ [Kether] và đồng nhất hoá với Sephira, Ngài khiến cho Bảy Ánh Sáng chói lọi xạ ra từ nó [Vương Miện – Crown]” rồi biến thành Mười tất cả. Cũng vậy, một khi Brahma - Prajāpati đã tách rời, song vẫn đồng nhất với Vāch, Ngài khiến cho Bảy Thánh Hiền, Bảy vị Bàn Cổ, tức Prajāpati xạ ra từ Vương Miện này. Trong *ngoại môn hiển giáo*, người ta sẽ luôn luôn thấy 10 và 7 Sephira hoặc là Prajāpati; theo lối trình bày của *nội môn bí giáo*, chúng ta có luôn luôn 3 và 7, chúng cũng hợp thành 10 vậy. Chỉ có khi

¹ Tam Nguyên này chính là ý nghĩa của “ba bước của Vishnu” nghĩa là trong hiển giáo, Vishnu được xem như là *Vô Cực*; còn Thái Cực Thượng Đế xạ ra Hỗn nguyên khí. Tinh Thần (Purusha) (Thượng Đế) và Vật Chất; bốn dạng của Vāch cùng với chính nó là phần tổng hợp. Còn trong Thánh kinh *Kabalah*, Ain Soph, Shekinah, Adam Kadmon và Sephira, cả bốn (hay ba phân thân riêng biệt) vẫn là MỘT.

² *Số Mục Thánh Thư* của dân Chaldea. Trong Thánh kinh *Kabalah* hiện nay, tôn danh Jehovah đã thay thế cho Adam Kadmon.

nào bị phân chia thành ra 3 và 7 trong thế giới biểu lộ thì chúng mới tạo thành Θ , bán thư bán hùng và  tức là hình chữ X đã biểu lộ và biến phân.

Điều này sẽ giúp cho sinh viên hiểu được tại sao Pythagoras cho rằng Thượng Đế là Trung Tâm Hợp Nhất (the Centre of Unity) và “Nguồn Hải Hoà” (“Source of Harmony”). Chúng ta bảo rằng Đấng Thánh Linh (Deity) là THƯỢNG ĐẾ (the LOGOS), chứ không phải ĐƠN NGUYÊN (MONAD) đang chìm trong Cô Tịch (Solitude and Silence), vì Pythagoras đã dạy rằng NHẤT NGUYÊN (UNITY) mà bất khả phân ly thì *không phải là số mục (no number)*. Cũng vì thế mà thí sinh nào muốn được nhận vào trường của Pythagoras thì trước nhất là phải đã từng học qua số học, thiên văn học, hình học và *âm nhạc*, đó là bốn ngành toán học.⁽¹⁾ Lại nữa, điều này cũng giải thích được tại sao các môn đồ phái Pythagoras lại khẳng định rằng học thuyết Số Mục (học thuyết chính yếu của Nội môn Bí giáo) đã được chư Thiên tiết lộ cho con người; rằng thế giới đã được Âm Thanh hay Hải Hoà tạo ra từ Hồng nguyên khí; rằng bảy hành tinh chương quản vận mệnh của thế nhân có một chuyển động hải hoà. Censorinus nói về điều này như sau:

Các quãng tương ứng với các quãng âm nhạc (âm trình) tạo ra nhiều âm thanh khác nhau, hải hoà đến nỗi mà chúng tạo ra bản nhạc du dương nhất mà chúng ta không tài nào nghe thấy được. Ấy chỉ là vì âm thanh có âm độ lớn quá nên tai chúng ta không ghi nhận được.

¹ Justin Martyr bảo rằng vì không biết bốn môn học này, nên ông đã bị các môn đồ phái Pythagoras loại ra, không nhận là ứng viên nhập học trường phái của họ.

Trong thần phổ học của Pythagoras, các Huyền giai của chư Thiên được đánh số và cũng được diễn tả bằng số.
 152 Pythagoras đã từng thụ huấn Nội môn Bí giáo ở Ấn Độ nên chúng ta mới thấy các môn đồ của ông cho rằng:

Đơn Nguyên (Nhất Nguyên biểu lộ) là nguyên lý của vạn vật. Từ Đơn Nguyên (the Monad) và Luỡng Nguyên trung gian (the indeterminate Duad) (Hồng nguyên khí - Chaos) sinh ra Các Số (Numbers), từ Số sinh ra Điểm (Point), từ Điểm sinh ra Đường (Lines), từ Đường sinh ra Mặt (Superficies), từ Mặt sinh ra Khối (Solids), từ Khối sinh ra Vật Thể (Bodies). Có bốn Hành (Elements) cấu thành các vật thể, đó là Hoả, Thuỷ, Phong, Địa; thế giới được cấu thành bởi tất cả những gì được chuyển hoá [tương hệ] và hoàn toàn biến đổi. ⁽¹⁾

Nếu không hoàn toàn giải được bí nhiệm, điều này có thể phần nào vén được bức màn che phủ các ẩn dụ kỳ diệu về Văch, Nữ Thần Bà La Môn huyền bí nhất. Chính Nàng được mệnh danh là “Con Bò Cái *mūm mīm* (the *melodious* Cow) cung cấp sữa và Nước” (tức Trái Đất với mọi quyền năng); cũng chính Nàng đã bảo dưỡng chúng ta (đó là trái đất xét về mặt vật chất Hồng Trần). *Isis* cũng là Thiên Nhiên huyền bí và cũng là Trái Đất; cặp sừng bò cái khiến cho Nàng đồng nhất với Văch; sau khi đã được nhận ra dưới dạng cao siêu nhất là *Parā*, Văch trở thành *Vaikharī* vào lúc kết liễu sự sáng tạo vật chất. Vì thế, Nàng là Thiên Nhiên huyền bí (mặc dù còn là vật chất) với mọi tính chất huyền hoặc.

Lại nữa, với tư cách là nữ thần Ngôn Từ và Âm Thanh (goddess of Speech and of Sound) cũng như là một biến hoá của Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi), Nàng chính là *Hồng nguyên khí* (Chaos) theo một ý nghĩa nào đó. Dù sao đi nữa, Nàng cũng là “Mẹ của chư Thiên”; còn thần phổ học *biểu lộ chân*

¹ Diogenes Leartius, trong *Vit. Pythag.*

chính đã bắt nguồn từ Brahmā, Īshvara hay là Thượng Đế Văch, cũng như là từ Adam Kadmon và Sephira. Ngoài ra tất cả đều là U Minh và suy luận trừu tượng. Cùng với chư Thiên Định Đế Quân hay chư Thiên, các nhà Tiên tri, các bậc Giáo chủ cũng như là các Cao đồ, nói chung đều có cơ sở vững chắc. Cho dù với tư cách là Tiên Thiên Huyền Nữ hay Minh Triết *Thiên liêng* của các tín đồ phái Ngô Đạo Hy Lạp, Nàng cũng vẫn là mẹ của Bảy Con tức là các “Thiên Thần Bản Diện” (the “Angels of the Face”), mẹ của “Thái Uyên” (“Deep”) tức “Đấng Cao Xanh” (the “Great Green One”) trong *Tử Vong Kinh*. Trong *Thiên Định Chân Kinh* (the *Book of Dzân*) có dạy như sau:

Đại mẫu (the Great Mother) thai nghén Δ, Ι, và □, thứ nhì Ι, và ✠,⁽¹⁾ sẵn sàng sinh chúng ra, đó là các đứa Con đứng cảm của □ Δ Ι Ι (tức là 4 320 000, tức Chu kỳ) hai em của nó là O [Vòng Tròn] và . [Điểm].

Vào lúc khởi đầu mọi Chu kỳ 4 320 000, Bảy (theo một vài quốc gia là Tám) Đại Thiên Thần (Great Gods) giảng lâm để lập nên trật tự vạn vật mới và phấn kích chu kỳ mới. Trong giáo điều ngoại môn, vị Thần Linh *thứ tám* ấy chính là Vòng Tròn thống nhất, tức THƯỢNG ĐẾ đã phân cách với Tập Đoàn (Host), cũng như trong các Giáo hội hiện nay, Ba ngôi
 153 Thiên Liêng của cổ Hy Lạp được xem như là Ba Ngôi riêng biệt. Một tập Giảng lý dạy như sau:

¹ 31415 tức π, phần tổng hợp, tức Tập Đoàn *hợp nhất* (the Host *unified*) lại thành Thượng Đế (Logos) và Huyền Điểm (Point); Thiên Chúa giáo La Mã gọi nó là “Thiên Thần Bản Diện” (the “Angel of the Face”), còn cổ Do Thái gọi nó là Michael “Đấng [chẳng khác nào] Thượng Đế”, tượng trưng cho sự biểu lộ của Ngài.

Mỗi khi nhập vào trong bức màn hào huyền của ta [bầu khí quyển],⁽¹⁾ các ĐĂNG ĐẠI HÙNG (the MIGHT ONES) thi hành các đại sự của mình xong, để lại các dinh thự đời đời bên vững như để lưu niệm một chuyến viễn du.

Thế nên, chúng ta mới được dạy rằng các đại Kim Tự Tháp đều được xây dựng với sự giám sát của các Ngài, “khi *Dhruva* [bấy giờ là sao Bắc Cực (Pole-star)] ở vị trí thấp nhất, còn *Krittikās* [chòm sao Rua (Pleiades)] lơ lửng trên đầu [ở ngay thiên đỉnh] xem xét công việc của những Kẻ không lỗi”. Thế mà, bởi vì các Kim Tự Tháp đầu tiên đều được kiến tạo vào lúc khởi đầu một Năm Thiên Văn, dưới cung *Dhruva* (Alpha Polaris) nên điều này ắt đã phải diễn ra cách nay 31 000 (31 105) năm. Bunsen thật là chí lý khi thừa nhận rằng Ai Cập đã có một nguồn gốc xa xưa trên 21 000 năm, nhưng sự nhượng bộ này cũng khó lòng mà trình bày hết được sự thật về vấn đề này. Gerald Massey cho rằng:

Dưới mắt những kẻ đã thoát khỏi sự kềm kẹp của Thánh kinh, những câu chuyện do các giáo sĩ Ai Cập và những người khác thuật lại về việc đo lường thời gian ở Ai Cập nay đã bắt đầu bị dị nghị. Mới đây, người ta đã tìm thấy ở Sakkara hai bản khác đề cập tới hai chu kỳ Sothiac ...được ghi nhận vào thời đó, cách nay lối 6 000 năm. Như thế, khi Herodotus ở Ai Cập đã quan sát thấy – như nay chúng ta biết – ít nhất là năm chu kỳ Sothiac khác nhau, mỗi chu kỳ là 1 461 năm

Các tu sĩ cho kẻ chất vấn người Hy Lạp biết rằng họ đã tính thời gian chừng nào mà mặt trời đã mọc hai lần ở nơi nó lặn và lặn

¹ Xuất hiện vào lúc khởi đầu các Chu kỳ, cũng như là mọi năm Thiên văn gồm 25 868 năm. Do đó, Kabatri hay Kabarim có từ nguyên là tiếng Chaldea, vì nó có nghĩa là Các Kích Thước của Thiên Đàng với *Kob* nghĩa là “đo lường” và *Urim* là “Các Tầng Trời”.

hai lần ở nơi nó mọc. Người ta chỉ có thể nhận ra được điều này như là một sự kiện trong thiên nhiên nhờ vào hai chu kỳ Tuế sai (Precession), tức là một thời kỳ 51 736 năm.⁽¹⁾

Mor Isaac ⁽²⁾ chứng tỏ rằng người cổ Syria đã định nghĩa “Thế giới Thần Linh” của mình cũng giống như là Chaldea. Thế giới thấp nhất là thế giới HẠ NGUYỆT TINH (SUBLUNARY) – chính là thế giới của chúng ta – do các “Thiên Thần” cấp một (hạ đẳng) trông chừng; kế đó là Thuỷ Tinh (Mercury), do các “TỔNG THIÊN THẦN” (“ARCHANGELS”) trị vì; rồi tới Kim Tinh có chư Thần Linh và các THIÊN THẦN VƯƠNG TƯỚC (PRINCIPALITIES); thứ tư là thế giới của MẶT TRỜI (SUN), địa hạt của chư Thần Linh cao siêu nhất và có nhiều quyền lực nhất trong thái dương hệ của chúng ta, đó là các Nhật Thần của mọi quốc gia; thứ năm là Hoả Tinh (Mars), do các “THIÊN THẦN ĐỨC HẠNH” (“VIRTUES”) trị vì; thứ sáu là Thế giới của *Bel* tức Mộc Tinh (Jupiter), do các THIÊN THẦN TỰ TRỊ (DOMINIONS) chưởng quản; thứ bảy là Thế giới của Thổ Tinh (Saturn) do các THIÊN THẦN VƯƠNG VỊ (THRONES) trị vì. Đó là các Thế giới Hình hài sắc tướng. Bên trên còn có Bốn cõi cao, nên lại hợp thành Bảy, vì Ba cõi *cao nhất* thật là “bất khả tư nghị”. Thế giới thứ tám (gồm có 1 122 ngôi sao) là địa hạt của *Tiểu Thiên Thần* (*Cherubs*); thế giới thứ chín thuộc về vô số các ngôi sao di động vì chúng ở rất xa và là địa hạt của các *Thiên Thần Tồi Cao* (*Seraphs*). Còn về thế giới thứ mười, Kircher, đã trích dẫn Mor Issac và cho rằng nó được tạo thành bởi “các
154 ngôi sao có thể được xem như là các đám mây, chúng tụ tập lại ở trong vùng mà chúng ta gọi là Ngân Hà (the Milky Way)”; thế rồi, ông ta vội vã giải thích rằng “đó là các ngôi

¹ *Sáng Thế Ký Tự Nhiên*, ii, trang 318.

² Xem *Oedipus Aegyptiacus*, II, trang 423.

sao của Lucifer, chúng đã bị nuốt trọn xuống đáy biển cùng với y trong trận đắm tàu khủng khiếp”. Còn về những gì nổi tiếp và vượt quá mười cõi (Tứ Nguyên Hạ của chúng ta – our Quaternary), tức là Vô Sắc Giới (the *Arūpa* World), dân Syria không thể biết mà nói được. “Họ chỉ biết rằng đó mới chỉ là cánh cửa mở vào đại dương bao la, vô hạn bất khả tri, chỗ ngụ của chân Thánh Linh, vô tận vô biên”.

Trong những người Ai Cập, Champollion tỏ ra cũng tin tưởng như vậy. Đề cập đến Cha-Mẹ và Con có Tinh Thần (xét chung đó chính là QUYẾT LỆNH CỦA THƯỢNG ĐẾ - the DIVINE FIAT) uốn nắn Vũ Trụ, Hermes cho rằng: “*Bảy Tác nhân* [phương tiện] cũng được tạo ra, lần lượt bao hàm các Thế giới vật chất [hay biểu lộ] bên trong Biên chu của mình, tác động của những Tác nhân này được gọi là Vận Mệnh”. Ông ta còn liệt kê thêm bảy, mười và mười hai đẳng cấp nữa, nhưng đem chúng vào đây thì quá rườm rà.

Bởi vì toàn bộ *Rig Vidhāna* cùng với *Brahmānda Purāna* và mọi tác phẩm như thế - cho dù là mô tả hiệu quả ma quái của các *Thần chú* (*Mantras*) trong Rig Veda hay các thiên kiếp vị lai – đều bị Giáo sư Weber và những người khác cho là “*các tác phẩm biên soạn hiện đại*” có lẽ chỉ thuộc về thời kỳ kinh *Purānas*, cho nên độc giả cũng chẳng cần phải tham khảo các lời giải thích huyền bí trong đó. Thế là người ta chỉ còn có cách trích dẫn các tác phẩm tối cổ mà các nhà Đông phương học chẳng biết gì cả. Các tác phẩm này đã giải thích cặn kẽ các điều đã từng làm cho các học giả bối rối (puzzles). Chẳng hạn như trong kinh *Shaptapatha Brāhmaṇa*, *Saptarishis* (Bảy Thánh Hiền) tức là “Các Con sinh ra từ Trí” (“Mind-born Sons”) của Brahmā đã được đề cập tới với một loạt các tôn danh; trong *Mahabhārata*, lại có một loạt khác, còn *Vāyu Purāna* lại trình bày tới chín thay vì bảy Thánh Hiền bằng cách

thêm vào danh sách này các tôn danh Bbrigu và Daksha. Nhưng trong bất cứ Thánh kinh ngoại môn nào mà chẳng vậy. Giáo lý Bí nhiệm bày rất tỉ mỉ phả hệ (genealogy) của các Thánh Hiền, nhưng lại chia các Ngài thành nhiều hạng. Nếu chư Thần Linh của Ai Cập mà cũng được chia ra làm bảy, thậm chí mười hai đẳng cấp, thì chư Thánh Hiền của Ấn Độ cũng có những Đẳng cấp của họ. Ba nhóm đầu tiên là nhóm Thiêng Liêng, Vũ Trụ và Hạ Nguyệt Tinh (the Divine, the Cosmical and the Sublunary). Rồi tới các Nhật Thần của Thái Dương Hệ *chúng ta*, chư Thần hành tinh, chư Thần hạ thế và Chư thần linh thuần là nhân loại tức các Anh Hùng và Mãnushi.

Tuy nhiên, hiện nay chúng ta chỉ quan tâm tới chư Thần Linh Tiền vũ trụ, đó là các Prajāpatis tức “Bảy Đấng Kiến Tạo” (the “Seven Builders”). Chẳng vũ trụ khởi nguyên luận nào mà lại không có mặt nhóm này. Vì tất cả các tài liệu cổ Ai Cập đã thất truyền và theo ông Maspero, vì các tư liệu và các dữ kiện lịch sử hiện có để nghiên cứu lịch sử tiến triển của tôn giáo Ai Cập, vừa không được hoàn chỉnh, vừa rất tối nghĩa, nên chúng ta phải cầu cứu tới các Thánh Ca và các Thánh Ký cổ truyền ghi trên các lăng tẩm để có được phần nào các phát biểu của Giáo lý Bí nhiệm vốn đã từng được bổ
 155 chỉnh một cách gián tiếp. Một trong những thứ trên đã chứng tỏ rằng cũng như Brahmā-Prajāpati, Adam Kadmon, Ormazd và biết bao nhiêu là Thượng Đế khác, Osiris đứng đầu và tổng hợp các “Đấng Sáng Tạo” (“Creators”) tức Đấng Kiến Tạo (Builders). Trước khi Osiris trở thành thần linh tối cao “Duy Nhất” của Ai Cập, Ngài đã được tôn thờ ở Abydos với tư cách là Lãnh tụ của Tập Đoàn Thiên Giới gồm các Đấng Kiến Tạo thuộc về đẳng cấp cao siêu trong số ba đẳng cấp.

Trên tấm bia dựng tại một ngôi mộ ở Albydos (phiếu đăng ký số ba – 3rd register), chúng ta thấy có khắc một bài Thánh ca xưng tán Osiris như sau:

Con xin cúi đầu đánh lễ Ngài, hỡi Osiris, thứ nam của Seb; trong số sáu Thần Linh do Nữ Thần Noo [Nước Bản Sơ – primordial Water] sinh ra, Ngài thật là cao cả nhất. Ngài là con yêu quý của từ phụ Ra; đó là Tổ Phụ Tồi Sơ (Father of Fathers) vượt ngoài vòng giới hạn của thời gian ... Ngay khi các thứ đó đã từ trong Lòng Thân Mẫu của Ngài phát ra, thân phụ Ngài bèn thu thập tất cả các vương miện lại và gắn Uraeus [con rắn tức naja]⁽¹⁾ lên đầu Ngài; đó là Thần Linh thiên hình vạn trạng vô danh vô định, song lại có rất nhiều danh xưng ở nơi các thành thị (in town and provinces).

Xuất phát từ Nước sơ thủy, đội trên đầu con *uraeus* (đó là biểu hiện Rắn Lửa của Vũ Trụ) bản thân lại là Thần Linh *thứ bảy*, ở trên (over) sáu Thần Linh xạ ra trước tiên từ Phụ-Mẫu. *Noo* và *Noot*, (Bầu Trời), Osiris còn biết là ai bây giờ nếu chẳng phải là Prajāpati chính yếu (chief Prajāpati), Sephira chính yếu, Amshaspend chính yếu tức Ormazd ! Vào lúc tôn giáo mới bắt đầu tiến triển, Ormazd chắc chắn là có địa vị ngang hàng với Tổng Thiên Thần có tôn danh thật là bí mật. Vị Tổng Thiên Thần này chính là Michael, đại diện trên trần thế của Thượng Đế Do Thái *Ấn Tàng*; tóm lại, đó là “Thánh Dung” (“Face”) của Ngài, người ta nói là nó cứ hiện ra trước mặt người Do Thái giống như một “Cột Lửa” (“Pillar of Fire”). Bournouf cho rằng: “Bảy Amshaspend, vốn chắc chắn là các Tổng Thiên Thần của chúng ta, cũng được dùng để

¹ Từ ngữ Ai Cập Naja này nhắc chúng ta nhớ ngay tới từ ngữ Ấn Độ Nāga, Thần Rắn. Brahmā và Vishnu đều đội vương miện và có liên quan tới Nāgas – đó là dấu hiệu của đặc tính tuần hoàn vũ trụ của các Ngài.

nhân cách hoá các Đức Hạnh thiêng liêng”.¹ Do đó, chắc chắn rằng các Tổng Thiên Thần này là Thất Đại Thánh Hiền (the Saptarishis) của Ấn Độ, mặc dù hầu như là không thể xếp hạng mỗi Đấng này theo nguyên kiểu và Đấng tương đương bên ngoại đạo, bởi vì, cũng như Osiris, tất cả các Ngài đều có “biết bao nhiêu là tôn danh nơi các thành thị”. Tuy nhiên, chúng ta sẽ trình bày một vài đẳng cấp quan trọng nhất.

Thế là có một điều hiển nhiên không thể chối cãi được. Càng nghiên cứu các Huyền giai và tìm ra được tông tích của các thiên thần này, chúng ta càng chứng tỏ được rằng không có một Thần Linh *nhân hình* nào (quá khứ hay hiện tại mà chúng ta từng biết đến từ lúc bắt đầu thời hữu sử) mà lại không thuộc về giai đoạn biểu lộ Vũ Trụ thứ ba. Trong mọi tôn giáo, chúng ta đều thấy Đấng thiêng liêng ẩn tàng chính là nền tảng công tác sáng tạo. Ngài xạ ra một Tia (Ray), nó biến thành Vật Chất Vũ Trụ nguyên thủy tức biểu lộ *sơ thủy*. Rồi tới giai đoạn *thứ nhì* Bán thư bán hùng, thần học trừu tượng được nhân cách hoá. Trong giai đoạn *thứ ba*, nó biến phân thành ra Bảy Thần Lực (Seven Forces), mà tất cả mọi tôn giáo cổ truyền đều gọi là các Quyền Năng sáng tạo, còn tín đồ Thiên Chúa giáo gọi là các “Đức Hạnh của Thượng Đế” (“Virtues of God”). Bất chấp những lời giải thích và thuyết minh trừu tượng siêu hình sau này, các Giáo hội Thiên Chúa La Mã và Hy Lạp cứ việc tôn thờ các “Đức Hạnh” này được nhân cách hoá thành Bảy Tổng Thiên Thần với các tôn danh riêng biệt. Trong *Thánh thư Druschim (Book of Druschim)* (²) của bộ *Do Thái Pháp Điển* có phân biệt rõ các nhóm này, đó

¹ *Giảng lý Yashna*, trang 274.

² *Đệ Nhất Đại Luận*, trang 59.

là lời giải thích chính xác của Thánh kinh Kabalah. Lời giải thích đó như sau:

Có ba nhóm (đẳng cấp) Sephiroth. Thứ nhất là “Thuộc tính của Thượng Đế” (“Divine Attributes”) [trừu tượng]. Thứ nhì là các Sephiroth vật chất hay *tinh đầu* [phàm ngã] – một nhóm gồm *bảy* Đấng, nhóm kia gồm *mười* Đấng. Thứ ba là các Sephiroth siêu hình, tức là *uẩn từ* (*periphrasis*) của *Jehovah*, Ngài chính là Sephiroth đầu tiên [Kether, Chomah và Binah]; bảy Sephiroth còn lại là bảy Chơn Linh Bản Lai Diện Mục (seven Spirits of the Presence) [phàm ngã] [cũng thuộc các hành tinh].

Nếu muốn có được ý nghĩa bí truyền, chúng ta phải áp dụng lối phân chia như vậy vào cuộc tiến hoá nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng của chư Thiên trong mọi Thần phổ học. Chúng ta không được lầm lẫn các điều nhân cách hoá thuần tuý siêu hình của các thuộc tính *trừu tượng* của Đấng Thánh Linh với các phản ánh của chúng, tức là chư Thần Linh *tinh đầu*. Tuy nhiên, phản ánh này thực ra chính là biểu lộ ngoại cảnh của phần *trừu tượng*; các Thực Thể *sống động* (*living Entities*) và các mô hình đã được tạo nên dựa vào Nguyên kiểu thiêng liêng đó. Và lại, ba Sephiroth tức các “*uẩn từ của Jehovah*” *không phải* là chính Jehovah, với các tôn danh bổ sung Adonai, Elohim, Sabaoth và vô số tôn danh khác, mới là *uẩn từ* của Shaddai tức Đấng Toàn Năng (the Omnipotent). Thật vậy, tôn danh đó là *uẩn từ* nói quanh quẩn trong phép tu từ Do Thái và các nhà Huyền Bí học đã không ngớt tố cáo nó. Đối với các tín đồ Do Thái Bí giáo, thậm chí đối với cả các nhà luyện kim đan Thiên Chúa giáo và các nhà Hoa Hồng Thập Tự, Jehovah là một *bức màn che* thuận tiện được cấu thành bởi các tấm ván gập lại và được chọn dùng như là một thứ vá víu thay thế tạm. Đối với kẻ đã

có bí quyết thì danh xưng nào của Sephira cá biệt cũng thế thôi. Tứ Linh tự, Huý danh, “Tổng thể” Tinh đầu, đều được chế ra với mục đích chẳng có gì khác hơn là trình bày vòng sinh tử luân hồi ⁽¹⁾ một cách biểu tượng khiến cho kẻ phạm tục phải ngẩn ngơ. Người ta phải tìm thấy Huý danh, “Vô tự linh từ” nơi bảy tôn danh của Bảy Phân thân đầu tiên (the first Seven Emanations), tức là các “Hoá thân của Lửa” (the “Sons of Fire”) trong các Thánh kinh bí nhiệm của tất cả mọi cường quốc, và ngay cả trong Thánh kinh *Zohar*, kho tài liệu Kabbalah của cường quốc bé nhất Do Thái. Chúng ta thấy linh từ này (gồm bảy chữ trong mọi ngôn ngữ) được bao hàm nơi

157 các di tích kiến trúc của mọi thánh điện trên thế giới từ các di tích Người khổng lồ một mắt (Cyclopean) trên đảo Easter (đó là phần của một lục địa bị chôn vùi dưới đáy biển cách nay một thời gian gần với 4 000 000 năm hơn là 20 000 năm) mãi cho tới các Kim Tự Tháp Tháp Ai Cập xa xưa nhất.⁽²⁾

¹ Dịch giả quyển *Qabbalah* của Avicbron nói về Tổng thể như sau: “Chữ của Kether là Yod, chữ của Binah là Hé, kết hợp cả hai lại là YaH, nữ Danh. Chữ thứ ba, chữ của Hokmah là Vau, cả ba kết hợp lại thành ra YHV của YHVH, tức Tứ Linh tự và thực sự là các biểu tượng hoàn chỉnh của hiệu năng của nó. Chữ cuối cùng (Hé) của Huý danh này *luôn luôn được áp dụng cho sáu Sephiroth hạ đẳng và Sephiroth cuối cùng, toàn thể hợp thành bảy Sephiroth còn lại*”. (*Qabbalah* của Myer, trang 263). Như thế, Tứ Linh tự chỉ thiêng liêng nơi phần tổng hợp trừu tượng. Còn về phần Tứ Nguyên bao hàm Bảy Sephiroth hạ đẳng, điều này thật là sùng bái sinh thực khí.

² Dĩ nhiên là phát biểu này sẽ bị nhạo báng là ngớ ngẩn, phi lý. Nhưng nếu người ta tin rằng châu Atlantis cuối cùng đã bị nhận chìm cách nay 850 000 năm, trong *Phật giáo Nội môn* đã dạy như thế - nó đã bắt đầu chìm dần dần trong Thời đệ tam kỷ (Eocene) –

Sau này; chúng ta sẽ phải nghiên cứu chủ đề này tỉ mỉ hơn và trình bày các minh hoạ thực tế để chứng minh các phát biểu trong văn bản.

Vào lúc này, chỉ cần một ít thí dụ cũng đủ chứng tỏ được sự thật của điều đã được khẳng định ở đầu tác phẩm này. Đó là: trên khắp thế giới, ngoài Thiên Chúa giáo ra, không có vũ trụ khởi nguyên luận nào mà lại gán cho Nguyên Nhân Độc Tôn (the One Highest Cause), tức Nguyên Khí Đại Đồng Thánh Linh (the UNIVERSAL Deific Principle) việc sáng tạo ngay ra trần thế, con người hoặc bất cứ điều gì liên quan đến những thứ này. Phát biểu này có giá trị đối với Thánh kinh *Kabalah* của dân Hebrew hay dân Chaldea cũng như đối với *Sáng Thế Ký*, miễn là người ta đã quán triệt được *Sáng Thế Ký* và – còn quan trọng hơn nữa là – dịch nó ra thật

thì người ta cũng phải chấp nhận phát biểu về cái gọi là Lemuria, Lục địa của Căn chủng thứ Ba, nó hầu như bị huỷ hoại bằng hoả tai trước rồi mới bị chìm. Giảng lý đã dạy như sau: *“Lục địa thứ Nhất đã được thanh luyện bởi bốn mươi chín Linh Hoả, người dân của nó vì được sinh ra từ Lửa và Nước nên không thể chết được ...; Lục địa thứ Hai [cùng với giống dân của nó] đã biến mất giống như hơi nước tan biến trong không khí...; Lục địa thứ Ba đã bị thiêu huỷ hết sau khi biệt phân giới tính và chìm xuống lòng Đại dương thăm thẳm. Điều này đã diễn ra cách nay hai lần của tám mươi hai năm tuần hoàn”*. Thế mà một năm tuần hoàn chính là cái mà chúng ta gọi là một năm thiên văn và có cơ sở tuế sai. Năm thiên văn dài 25 868 năm thường, do đó, thời kỳ được đề cập trong Giảng lý tổng cộng là 4 242 352 năm. Chúng ta sẽ có nhiều chi tiết hơn trong quyển 3 và 4. Trong khi chờ đợi, giáo lý này được bao hàm trong “Các Thánh Vương Edom”.

chính xác.⁽¹⁾ Đâu đâu cũng có hoặc là một THƯỢNG ĐẾ (LOGOS) – đó đúng là “ÁNH SÁNG chiếu diệu trong ĐÊM ĐEN” – Hoặc là Đấng Kiến Tạo nên các Thế giới xét về mặt *nội môn* lại là số nhiều. Giáo hội Thiên Chúa La Tinh (xưa nay vẫn đầy nghịch lý), trong khi chỉ xưng tán Jehovah là Đấng Sáng Tạo, đã chọn dùng hàng loạt các danh xưng để chỉ các THẦN LỰC

¹ Trong bộ Do Thái Pháp Điển (the *Tamud*) và trong mọi hệ thống quốc giáo (dù là độc thần hay đa thần về mặt nội môn) đều có thái độ dè dặt như vậy. Chúng tôi xin trích ra đây một ít định nghĩa trong lời cầu nguyện của Kippūr, trong bài thánh thi tuyệt diệu của Tu sĩ Do Thái Bí giáo Solomon ben Yehuda Ibn Gebirol nhan đề là “Kether Malkhuth”: “Ngài là Đấng Độc Tôn cội nguồn của mọi số mục (all numbers) là nền tảng của mọi dinh thự (edifices). Ngài là Đấng Độc Tôn, kẻ thông thái nhất cũng chơi vui trong bí nhiệm Nhất Nguyên của Ngài, vì y có biết gì đâu. Ngài là Đấng Độc Tôn, và tính Đơn Nhất của Ngài thật là thường trụ, bất tăng bất giảm. Ngài là Đấng Độc Tôn, nhưng *đó chẳng phải là một yếu tố để đếm vì tính Đơn Nhất của Ngài đâu có hình sắc, đâu có bị biến phân*. Ngài Hiện Tồn; nhưng những người phàm tục làm sao mà hiểu và thấy được sự tồn tại của Ngài; họ cũng chẳng xác định được Địa vị, Phương sách và Nguyên uỷ của Ngài (nor determine for thee the Where, the How, and the Why). Ngài Tồn Tại độc lập, chẳng cần đến một ai. Ngài Tồn Tại ngoài vòng giới hạn của không gian và thời gian. Ngài Tồn Tại một cách thâm u và bí nhiệm đến nỗi mà không một ai biết được. Ngài Sống thênh thang ngoài vòng kềm toả của thời gian. Ngài đang Sinh động chẳng phải cho một tinh thần hay một linh hồn mà chính Ngài là Linh Hồn của Vạn Hồn (the Soul of all Souls)”. Đấng Thánh Linh Do Thái Bí giáo này thật là cách xa so với Jehovah trong Thánh kinh (vì Thần Linh thích báo oán của Abram, Isaac và Jacob, y quyến rũ Abram rồi lại vật lộn với Jacob). Không một tín đồ phái Vedanta nào mà lại chối bỏ một Thái Cực Thượng Đế như thế!

tạo tác của Jehovah, các danh xưng này đã tiết lộ hết bí mật. Bởi vì nếu các Thần Lực nói trên chẳng liên quan gì tới cái gọi là “Sự Sáng Tạo”, tại sao chúng lại được mệnh danh là Elohim (Alhim), một từ số nhiều; các “tác nhân thiêng liêng” (“divine workmen”) và các Năng Lượng, các thiên thạch cháy đỏ; và nhất là các *Đấng phù trợ Thế gian* (*supporters of the World*), các *Đấng Chương quản Thế gian* (*Governors or Rulers of the World*), các “Pháp Luân” của Thế gian (“Wheels” of the World), các Ngọn lửa và QUYỀN NĂNG (Flames and POWERS), các “Con của Thượng Đế” (“Sons of God”), các Quân sư đầy Cảnh giác (Vigilant Counsellors) v.v....⁽¹⁾

Thói thường thật là bất công! Chẳng thế mà người ta cứ hay đề quyết rằng Trung Quốc không hề có vũ trụ khởi nguyên luận mặc dù nó cũng có nguồn gốc xa xưa không kém gì Ấn Độ. Người ta cứ phàn nàn rằng Khổng Tử (Confucius) chẳng biết gì về vũ trụ khởi nguyên luận, còn các Phật tử đã tán rộ vũ trụ khởi nguyên luận của mình không hề đá động tới một Thượng Đế Nhân Hình (a Personal God).⁽²⁾ *Kinh Dịch* (Yi-King), “tinh hoa của tư tưởng cổ truyền, tác phẩm mà các hiền triết khả kính nhất đã chung sức soạn nên”, cũng không hề trình bày một vũ trụ khởi nguyên luận rõ rệt. Tuy nhiên, nhất định là phải có một vũ trụ khởi nguyên luận rất rành mạch. Chỉ vì Khổng Tử không chịu thừa nhận là có kiếp sau ⁽³⁾ và chỉ vì các Phật tử Trung Hoa

¹ Xem De Mirville, *Các Vong Linh*, Quyển II, trang 294.

² Xem Edkins, *Phật giáo Trung Quốc*, chương xx. Họ làm như vậy quả là khôn ngoan.

³ Nếu Ngài bác bỏ nó thì điều này đã được dựa vào cái gọi là những “biến dịch” (“changes”) hay nói khác đi, đó là những kiếp tái sinh của con người, biến đổi không ngừng. Cũng như chúng ta,

đã bác bỏ ý niệm Đấng Sáng Tạo *Độc Tôn* (*One Creator*) để rồi chấp nhận Nguyên nhân độc nhất và hằng hà sa số hậu quả, nên những kẻ tin tưởng vào một Thượng Đế *nhân hình* mới hiểu lầm họ. Thái Cực (“great-Extreme”), với tư cách là khởi nguyên của “dịch”, là vũ trụ khởi nguyên luận ngắn gọn nhất và có lẽ là gợi ý nhất đối với những kẻ nào – giống như các môn đồ của Khổng Tử - yêu mến đức hạnh một cách hồn nhiên và nỗ lực hành thiện một cách bất vị kỷ mà chẳng bao giờ nghĩ đến việc tưởng thưởng. Đối với Khổng Tử, “Thái Cực” (the “great Extreme”) sinh “Lưỡng Nghi” (“Two Figures”), đến lượt Lưỡng Nghi lại sinh “Tứ Tượng” (“Four Images”); Tứ Tượng lại sinh ra “Bát Quái” (“Eight Symbols”). Người ta đã phàn nàn là mặc dù các môn đồ Khổng Tử chỉ thấy nơi chúng “thiên, địa và nhân thu nhỏ lại,” nhưng chúng ta lại thấy nơi chúng bất cứ thứ gì chúng ta muốn. Chắc chắn là nhiều biểu tượng, nhất là các biểu tượng của các tôn giáo mới đây nhất, đều cũng thế thôi. Tuy nhiên, những kẻ nào có hiểu biết chút ít về số học Huyền linh đều thấy rằng các “Con số” (“Figures”) này chính là biểu tượng (mặc dù là con số thô thiển) của việc Vũ Trụ tiệm tiến một cách điều hoà và tồn tại cả về mặt Thiêng Liêng lẫn Trần Tục. Kẻ nào đã nghiên cứu sự tiến triển số lượng trong vũ trụ khởi nguyên luận sơ thuỷ của Pythagoras – đồng thời với Khổng Tử - sẽ không thể không thấy rằng ý niệm đó cũng giống như *Tam Nguyên*, *Tứ Nguyên* và *Thập Nguyên* (*Decad*) sinh ra từ ĐƠN NGUYÊN (the ONE). Nhà viết tiểu sử theo Thiên Chúa giáo đã chế nhạo Khổng Tử là “bàn về bói toán” (trước và sau khi có đoạn này) rồi trình bày rằng Khổng Tử đã cho rằng:

Ngài không cho rằng *phàm ngã* của con người có tính cách bất tử chứ đâu phải Ngài cho rằng Chơn Nhơn không hề bất tử.

Bát quái giúp chúng ta biết được chuyện cát hung, khiến cho chúng ta có thể cư xử như là bậc quân tử. Chẳng có hình ảnh để bắt chước nào vĩ đại hơn Thiên Địa. Chẳng có biến dịch nào quan trọng hơn bốn mùa [nghĩa là Bắc, Nam, Đông, Tây v.v....] chẳng có hình ảnh lơ lửng nào chói lọi hơn nhật, nguyệt. Xét về mặt “cách vật trí tri”, chẳng còn gì cao cả hơn bậc quân tử (the sage). Để biết được chuyện cát hung, chẳng có gì hay hơn là xin xăm và bói toán mu rùa.⁽¹⁾

159 Vì thế, “xin xăm” (“divining straw”), “bói mu rùa” (“tortoise”) và bói “quẻ dịch” (“symbolic sets of lines”) và vị đại hiền triết nhìn vào chúng trở thành một và hai, hai trở thành bốn, bốn trở thành tám, và các tập hợp “tam và lục” khác, đã bị nhạo báng chỉ vì các biểu tượng thông thái của Ngài đã bị hiểu lầm.

Như thế, tác giả của quyển sách đã dẫn cùng với các vị cộng sự chắc chắn sẽ giấu cột các ĐOẠN THỜI tiếng Phạn được trình bày trong tác phẩm này, vì chúng cũng *trình bày ý niệm giống in như vậy*. Chiếc bản đồ cổ sơ trình bày về vũ trụ khởi nguyên luận theo kiểu Khổng Tử thì đầy dẫy các vạch, các chấm và các vòng đồng tâm. Thế mà tất cả các thứ này lại trình bày các quan niệm triết học trừu tượng nhất của vũ trụ khởi nguyên luận. Nó có thể đáp ứng hữu hiệu – trong mọi trường hợp – với các sự đòi hỏi và các mục tiêu khoa học trong thời đại của chúng ta hơn là các luận trình về vũ trụ

¹ Các tín đồ Tin Lành có thể chế nhạo Ngài, nhưng Thiên Chúa giáo La Mã không có quyền chế giễu Ngài nếu họ không muốn phạm tội báng bổ. Ấy là vì Khổng Tử đã được Thiên Chúa giáo La Mã phong Thánh ở Trung Quốc từ hơn 200 năm nay; nhờ thế mà Thiên Chúa giáo La Mã mới có thêm được nhiều tín đồ cải đạo (converts) đã từng theo Khổng giáo một cách đại dốt (the ignorant Confucianists).

khởi nguyên luận của St. Augustine và Giáo sĩ Bede, mặc dù các luận trình này đã được công bố hơn một ngàn năm sau thời Khổng Tử.

Khổng Tử (là) một trong các đại hiền triết thời xưa, cũng tin vào pháp thuật và lại còn thi thố pháp thuật nữa, “nếu chúng ta thừa nhận các phát biểu của *Kiā-yü*”, và “trong *Kinh Dịch*, Ngài đã tán dương nó lên đến tận mây xanh (to the skies)” (người ta đã kính cẩn phê bình Ngài như thế đó). Tuy nhiên, ngay cả vào thời đại của Ngài, năm 600 năm trước T. C., Khổng Tử và trường phái của Ngài đã dạy rằng trái đất hình cầu, thậm chí còn dạy rằng mặt trời là trung tâm của Thái Dương Hệ. Trong khi đó, vào lối ba lần 600 năm sau thời triết gia Trung Quốc này, các vị Giáo Hoàng La Mã vẫn còn doạ dẫm, thậm chí thiêu sống các “kẻ tà đạo” dám khẳng định như vậy. Người ta đã chế nhạo Ngài vì cứ đề cập tới “Thần Qui” (the “Sacred Tortoise”). Chẳng một người vô tư nào mà lại không thấy rằng *con rùa* đâu có khác *con chiên* bao nhiêu về tính cách thiêng liêng, vì cả hai đều là biểu tượng không hơn không kém. Bò đực (Ox), Diều hâu (Eagle),⁽¹⁾ Sư

¹ Trong *Thánh kinh* thiếu gì con thú được xem là linh thiêng, chẳng hạn như con Dê, *Azazel* tức Thần Khải Hoàn. Aben Ezra cho rằng: “Nếu bạn có thể hiểu được bí nhiệm về *Azazel*, bạn sẽ học được bí nhiệm về Thánh danh của Ngài, vì các Thánh kinh đều có những điều liên quan tương tự. Tôi sẽ ngậm nói cho bạn biết một phần của bí nhiệm này, còn chừng nào bạn được *ba mươi ba tuổi*, thì bạn sẽ hiểu tôi”. Bí nhiệm về *con rùa* cũng thế thôi. Hân hoan trước những ẩn dụ thơ mộng trong Thánh kinh liên kết “các loại đá cháy đỏ”, “các con thú linh thiêng” v.v.... với tôn danh của Jehovah, và trích dẫn *Thánh kinh Vence* (XIX, trang 318), một tác giả mộ đạo người Pháp đã cho rằng: “Thật vậy, *giống như Thượng Đế*, họ đều

tử và đôi khi chim Bồ câu đều là các “con thú linh thiêng” trong *Thánh kinh* Tây phương. Người ta thấy ba con thú đầu tiên tụ tập xung quanh các nhà truyền bá Phúc Âm; con thú thứ tư, kết hợp với một người, chính là một Seraph nghĩa là một “con rắn bốc lửa”, đó có lẽ là Ác Quỷ của tín đồ phái Ngộ Đạo.

Việc lựa chọn quả là kỳ cục, các tín đồ Thiên Chúa giáo thời xưa quả là nghịch lý trong sự lựa chọn. Chẳng biết tại sao họ lại chọn những biểu tượng này của phái Ngoại đạo Ai Cập: con chim Diều hâu chỉ được đề cập tới có mỗi một lần trong *Tân Ước* khi Đức Jesus bảo rằng nó là một thú chuyên môn ăn *xác chết*,⁽¹⁾ còn trong *Cựu Ước* nó bị xem là ô trược. Con Sư tử thì bị đem ra so sánh với *Quỷ Vương (Satan)*, bởi vì cả hai đều gặm gừ chực ăn tươi nuốt sống con người, còn con Bò đực lại bị tổng ra khỏi Thánh điện? Mặt khác, con Rắn thoát tiên được coi là tiêu biểu cho Minh Triết, thì lại được coi như là biểu tượng của Ma Quỷ. Bảo pháp bí truyền của Thiên Chúa giáo đã bị xuyên tạc bại hoại thành ra Thần học Thiên Chúa giáo, giờ đây chỉ còn là một lớp vỏ xa lạ không còn đúng với nguồn gốc của nó.

là *Elohim*, vì nhờ vào một sự tiếm đoạt thiêng liêng, các Thiên Thần này đã có được Thánh danh của Jehovah mỗi khi họ đại diện cho Ngài (De Mirville, *Các Vong Linh*, Quyển II, trang 294). Chẳng ai ngờ rằng THÁNH DANH ấy đã bị *tiếm đoạt* khi Malachim tức là các Sứ giả đã đội lốt Đấng Vô Cực Bất Khả Tri, giáng lâm để ăn và uống với con người. Nhưng nếu trong khi *tiếm đoạt* Thánh danh, *Elohim*, thậm chí các Thực Thể hạ đẳng, vẫn còn đang được tôn thờ, thì tại sao khi xuất hiện với danh xưng của các Thần Linh khác, cũng những *Elohim* ấy bị gọi là Ma Quỷ? ”

¹ Mathieu, xxiv, 28.

Như đã được vạch rõ, các “Con Thú Linh Thiêng”, các Ngọn Lửa hay các “Tia Lửa” bên trong “Tứ Linh Diệu” (“Holy Four”), đều nhằm nói tới các Nguyên kiểu (Prototypes) của vạn hữu trong *Tư Tưởng Thiêng Liêng* (the *Divine Thought*), trong BẢN NGUYÊN (ROOT), đó là Khối Toàn Phương (the Perfect Cube) tức là Nền tảng của Vũ Trụ, xét chung cũng như là xét riêng. Tất cả đều có một quan hệ bí nhiệm với các Sắc Tướng Vũ Trụ nguyên thủy (primordial Cosmic Forms) cũng như là việc chúng bắt đầu thành hình, tác động tiến hoá.

Trong các vũ trụ khởi nguyên luận nội môn xưa nhất của Ấn Độ ngay cả đến Hoá Công (the Demiurge) cũng đều có sáng tạo. Chẳng thế mà một trong các kinh *Purāṇas* lại cho rằng:

Đấng Đại Kiến Trúc Sư (the great Architect) của Thế giới đã phát khởi chuyển động quay của hành tinh hệ của chúng ta bằng cách lần lượt bước qua từng hành tinh một.

Chính tác động này “đã khiến cho mỗi bầu hành tinh tự quay và quay xung quanh Mặt Trời”. Sau tác động đó, “chính Brahmāṇḍika,” tức là Nhật Tinh Quân và Nguyệt Tinh Quân (the Solar and Lunar Pitris), các Thiên Định Đế Quân (the Dhyān Chohans), “đã tiếp quản lần lượt từng hành tinh một mãi cho tới cuối Thiên Kiếp”. Các Đấng Sáng Tạo chính là chư Thánh Hiền; người ta tin rằng hầu hết các Đấng này đều là tác giả của các Thần chú hay các Thánh ca trong *Rig Veda*. Khi biến thành các Prajāpati tức các “Đấng Hiện Tồn” (“The Lord of Being”), các Ngài đôi khi có bảy vị, đôi khi có mười vị. Bây giờ các Ngài lại biến thành bảy và mười bốn Đức Bàn Cổ, được xem như là các đại diện của bảy và mười bốn chu kỳ Tồn Tại, tức Ngày của Brahmā. Vào lúc kết liễu giai đoạn đầu của cuộc Tiến Hoá, các Ngài lại biến thành bảy Đấng Thánh

Hiền tinh đầu (Saparishis), như thế thì mới tương ứng với bảy *Phân Thân* (Aeons). Trong khi đó, các Ngài lại hoá thân thành ra các bậc Anh hùng (Heroes), các Thánh Vương (Kings) và các Hiền Triết (Sages) trên trần thế.

Như thế, chúng ta có thể thấy là Nội môn Bí giáo của Đông phương đã được trình bày và trỗi lên nốt của chủ âm; dưới dạng ẩn dụ, nốt chủ âm này vừa thơ mộng, vừa có ý nghĩa triết học thâm sâu, lại vừa có tính cách khoa học, chẳng thế mà mọi quốc gia đều theo sự chỉ đạo của nó, Chúng ta phải rút ý niệm gốc từ các tôn giáo ngoại môn ra trước khi chuyển sang các chân lý nội môn, kéo các chân lý ngoại môn sẽ bị bác bỏ. Hơn nữa, trong *mọi* quốc giáo, mọi biểu tượng đều có thể được thuyết minh theo lối nội môn. Muốn biết nó có được thuyết minh đúng đắn hay không khi được chuyển thành các dạng hình học, chúng ta cần xem lại mọi hình tượng và biểu tượng có hoà hợp tuyệt vời với nhau hay không – cho dù chúng có thể là thiên hình vạn trạng. Ấy là vì

161 thoát đầu, tất cả các biểu tượng này đều giống hệt như nhau. Chẳng hạn như xét các câu mò đầu trong nhiều vũ trụ khởi nguyên luận khác nhau; trong mọi trường hợp đều có một *vòng tròn*, một *quả trứng* hay một *cái đầu*. Trong các hệ thống của Ấn Độ, Ai Cập, Chaldean, Hebrew, thậm chí cả hệ thống Bắc Âu, VÔ MINH (DARKNESS) luôn luôn liên kết với biểu tượng sơ thủy này và bao quanh nó. Vì thế mới có quạ đen, bồ câu đen, nước đen, thậm chí lửa đen; Agni (Hoả Thần) được gọi là Kālī (Đen) vì ngọn lửa *thứ bảy* lại là một ngọn lửa đen chập chờn. Hai con bồ câu *đen* từ Ai Cập bay tới, đậu trên các cây sồi Dodona, khiến cho các thần linh Hy Lạp phải mang tên chúng. Sau khi có trận Đại Hồng Thủy, Noah thả ra một con quạ *đen*, nó là biểu tượng của chu kỳ Hỗn Nguyên Vũ Trụ, sau đó mới bắt đầu có sự sáng tạo hay sự tiến hoá

thực sự của Trái Đất và Con người chúng ta. Bầy quạ “đen” của Odin lượn quanh Nữ Thần Saga và “thì thầm với Nữ Thần chuyện quá khứ vị lai”. Thế thì cả bầy chim đen này có ý nghĩa nội môn ra sao bây giờ? Ý nghĩa đó chính là tất cả đều có liên quan tới Minh Triết sơ thủy (the primeval Wisdom), vốn xuất phát từ Cội Nguồn tiên thiên của Vạn Hữu (the precosmic Source of All) được trình bày tượng trưng như cái Đâu, Vòng Tròn hay Quả Trứng. Ngoài ra, tất cả đều có ý nghĩa giống hệt nhau và liên quan tới Con Người Nguyên Hình sơ thủy (the primordial Archetypal Man), tức Adam Kadmon, nguồn gốc sáng tạo vạn vật; Adam Kadmon được cấu thành bởi một Tập Đoàn các Quyền Năng Vũ Trụ (các Thiên Định Đế Quân Sáng Tạo), còn ngoài ra tất cả đều là U Minh (Darkness).

Muốn giải thích một cách gần đúng ít ra là ý nghĩa của từ “quạ”, chúng ta phải dùng tới ngôn ngữ số lượng dựa vào minh triết trong Thánh kinh *Kabalah*, cho dù là nay nó bị ẩn khuất và xuyên tạc. Trong *Nguồn Gốc Kích Thước* (the *Source of Measures*) có trình bày trị số của nó như sau:

Danh từ quạ chỉ được dùng có một lần và được xem như là Biểu tượng học Eth-h’orve = 678 tức 113×6 ; trong khi chim Bồ câu được đề cập tới 5 lần. Nó có trị số là 71 và $71 \times 5 = 355$. Sáu đường kính hay con Quạ sẽ chia chu vi của một vòng tròn 355 thành ra 12 phần. Mỗi đơn vị của 355 lại được chia cho 6 thành ra 213-0, tức phần đầu trong câu thơ thứ nhất của Sáng Thế Ký. Cũng vậy, nó lại được chia tiếp cho 2, tức là 355 chia cho 12, thành ra 213×2 , tức là từ ngữ B’rash, chữ đầu tiên của Sáng Thế Ký, với tiền tố dùng làm giới từ (prepositional prefix) có nghĩa (xét về mặt thiên văn)

cùng một hình dạng tổng quát cụ thể với hình dạng được ngụ ý ở đây.⁽¹⁾

Bây giờ câu thứ nhất trong *Sáng Thế Ký* sẽ được thuyết minh là: “Chư Thần, Trời và Đất phát triển nơi Răsh (B’rash)⁽²⁾ tức Đầu. Như vậy, một khi mà chúng ta đã xác định được ý nghĩa giống như vậy của trận Đại Hồng Thủy, thì ý nghĩa nội môn của *Quạ* cũng dễ hiểu thôi. Cho dù ẩn dụ biểu hiện này có thể có biết bao nhiêu là ý nghĩa khác, nhưng ý nghĩa chính của nó vẫn là một Chu kỳ mới và cuộc Tuần Hoàn mới – cuộc Tuần Hoàn thứ Tư của chúng ta.⁽³⁾ “Con Quạ” tức *Etj-h’orev* có cùng trị số như là “Đầu” và không quay về chiếc Bè (Ark), trong khi mà chim Bồ câu lại quay về mang theo một cành ô liu. Khi Noah tức con người mới của Giống dân mới (có nguyên kiểu là Bàn Cổ Vaivasvata) chuẩn bị bỏ chiếc Bè, *Argha*, tức Khuôn Viên của trần thế (terrestrial Nature), y chính là biểu tượng của con người vô giới tính, bán thư bán hùng, thuần tình thần của ba Giống dân đầu tiên, chúng không bao giờ còn tồn tại trên Địa Cầu nữa. Trong Thánh kinh *Kabalah*, xét về mặt số lượng, Jehovah, Adam và Noah

¹ Chìa khoá giải bí nhiệm Hebrew Ai Cập trong *Nguồn Gốc Kịch Thuật*, Phụ lục V, trang 249 (ấn bản 1875) [Xem chú thích bổ sung].

² Baraush.

³ Bryant thật là chí lý khi cho rằng: “Để cập tới Noah, Druid Bardesin cho rằng khi Noah bước ra khỏi chiếc bè (một chu kỳ mới ra đời) sau khi đã ở trong đó một năm và một ngày, tức là 364 + 1=365 ngày, ông được thần Neptune tán dương là ông đã sinh ra từ nước của trận Đại Hồng Thủy; thế rồi, Neptune lại còn *chúc mừng Năm mới* nữa. Xét về mặt nội môn, năm hay chu kỳ là giống người mới do *đàn bà sinh ra* sau khi đã phân chia giới tính, đó là ý nghĩa thứ yếu của ẩn dụ, ý nghĩa chủ yếu của nó là việc khởi đầu của cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, tức là *Sáng Tạo mới*. ”

đều là một. Vậy thì, trong điều kiện tốt nhất, chính Thượng Đế đã giáng lâm nơi Ararat và sau này nơi Sinai, rồi từ đó lâm phạm nơi con người (*hình bóng* của Ngài) thông qua tiến trình tự nhiên tức là tử cung của bà mẹ (trong *Sáng Thế Ký*, nó có các biểu tượng là Chiếc Bè, Núi ‘Sinai’) v.v.... Ấn dụ Do Thái vừa có tính cách thiên văn, vừa có tính cách sinh lý, hơn là có tính cách thần nhân đồng hình.

Đó chính là hồ sâu phân cách các hệ thống của dân Aryan và hệ thống của dân Semitic, mặc dù cả hai đều có cùng một nền tảng. Một nhà thuyết minh Thánh kinh *Kabalah* đã cho rằng:

Triết thuyết tôn giáo của dân Hebrew có một ý niệm căn bản đó là, Thượng Đế bao trùm vạn vật và con người là hình bóng của Ngài: con người, kể cả đàn bà [chẳng hạn như bán thư bán hùng] hình học (cùng các con số và các kích thước có thể áp dụng vào thiên văn học) đều được bao hàm trong các từ ngữ đàn ông, đàn bà. Chúng ta sẽ loại trừ được đáng kể hỗn độn của một cách thức như thế bằng cách chứng tỏ mối liên kết giữa người đàn ông và người đàn bà với một hệ thống đặc thù gồm các số mục, kích thước và hình học, bằng các thời kỳ thai nghén, chúng cung ứng mối liên kết giữa các từ ngữ được sử dụng và các sự kiện được trình bày, cũng như là hoàn thiện cách thức được sử dụng.⁽¹⁾

Người ta lý luận rằng nguyên nhân bản sơ thật là bất khả tư nghị, “biểu tượng của *biểu lộ đầu tiên có thể hiểu được của nó* chính là việc quan niệm ra một vòng tròn có đường kính sao cho nó có thể gọi ra cùng một ý niệm về hình học, tục sùng bái sinh thực khí và thiên văn học”. Điều này rất cuộc được áp dụng vào “ý nghĩa của các cơ quan sinh dục

¹ Trích từ một bản thảo chưa xuất bản, trang 11-12. Xem thêm *Nguồn Gốc Kích Thước*.

của con người". Vì thế, toàn bộ chu kỳ gồm các biến cố từ thời Adam và các vị Tộc Trưởng mãi xuống tới Noah đều chỉ được áp dụng vào tục thờ cúng sinh thực khí và thiên văn học, cái này điều tiết cái kia, chẳng hạn như các chu kỳ của mặt trăng. Cũng vì thế, sự *khởi nguyên* của họ bắt đầu sau khi họ đã ra khỏi chiếc Bè và trận Đại Hồng Thủy đã chấm dứt, nghĩa là vào lúc có Giống dân thứ Tư. Còn đối với người Ảryan thì lại khác hẳn.

Nội môn Bí giáo Đông phương chưa bao giờ làm hạ giá Đấng Thánh Linh Độc Tôn Vô Cực (the One Infinite Deity) bao trùm vạn vật đến mức gán cho Ngài những chức năng như vậy. Điều này được minh chứng qua việc trong *Rig Veda* không hề có mặt Brahmã, còn Rudra và Vishnu giữ các địa vị rất tầm thường; chỉ mãi sau này, các Đấng trên mới trở thành các Đại Thân Linh đầy quyền lực vô cực, vô biên trong các tín ngưỡng ngoại môn. Nhưng cho dù cả ba Ngài có thể là "Đấng Sáng Tạo" ("Creators") đi chăng nữa thì các Ngài cũng không phải là các "Đấng Sáng Tạo" trực tiếp và các Tổ Phụ của nhân loại còn giữ một địa vị thấp hơn nữa và được gọi là các Prajāpatis, các Pitris, các Nguyệt Tinh Quân (Lunar Ancestors) v.v.... nhưng không bao giờ được gọi là "Thần Linh Độc Tôn Vô Cực Vô Biên". Nội môn Bí giáo dạy rằng phàm nhơn (*physical man*) chỉ được tạo ra *trong hình bóng* của Đấng Thánh Linh (*in the image of the Deity*); tuy nhiên, Đấng Thánh Linh này chỉ là các "*Tiểu Thân*" (the "*minor Gods*"). Chỉ có CHON NGÃ (the HIGHER SELF), CHON NHƠN (EGO) mới thiêng liêng, THÁNH THIÊN (GOD).

TIẾT 13

BẢY TẠO VẬT (THE SEVEN CREATIONS)

CHẲNG có ngày mà cũng chẳng có đêm, chẳng có trời mà cũng chẳng có đất, chẳng có bóng tối mà cũng chẳng có ánh sáng, không có bất cứ thứ gì khác ngoại trừ Đấng Độc Tôn Bất Khả Tư Nghị, tức Cái Đó (That) tức Brahmā, Pums (tinh thần) và Pradhāna ([thô sơ] vật chất).

Theo sát nghĩa: “CÁI ĐÓ (THAT) là Tinh Thần Brahmā Hồng Mông Nhất Khí” (“Prādhānika Brahmā Spirit”). Thế mà “Tinh Thần Brahmā Hồng Mông Nhất Khí” lại là Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti) và Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman).⁽¹⁾

Trong kinh *Vishnu Purāṇa*, Parāshara dạy đệ tử là Đức Di Lặc (Maitreya) như sau:

Hỡi Muni tuyệt vời, Ta sẽ giảng giải cho con sáu tạo vật (creations) ... tạo vật thứ bảy là các thực thể Arvāksrotas và chính là tạo vật con người.⁽²⁾

Rồi Ngài đề cập tới hai tạo vật bổ sung rất bí nhiệm, được các nhà bình giải thuyết minh theo nhiều lối khác nhau.

Bình luận về các tác phẩm của Celsus, đối thủ [theo phái Ngộ Đạo (Gnostic)] của mình – các tác phẩm này đã bị các Đức Cha thận trọng của Giáo hội huỷ diệt tất cả - Origen rõ ràng là đã đối đáp lại các lời phản kháng của đối thủ mình, đồng thời lại tiết lộ hệ thống của mình. Nó rõ rệt là gồm có

¹ *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển I, trang 23.

² Như trên, trang 73-75.

bảy phân. Nhưng thần phổ học [của Celsus], vốn trình bày về sự khởi nguyên của các ngôi sao hoặc các hành tinh, của âm thanh và màu sắc, xem như chẳng khác nào một câu trả lời châm biếm không hơn không kém. Bạn thấy đấy, “khi muốn phô trương trình độ học thức của mình”, Celsus đã đề cập tới một nấc thang sáng tạo gồm *bảy cánh cổng* (*seven gates*), trên đỉnh thang có cánh cổng thứ tám luôn luôn khép kín. Người ta giải thích bí nhiệm về các Mithras của Ba Tư và “lại còn thêm vào các lý do âm nhạc”. Thế mà ông còn ráng thêm vào một lời giải thích thứ nhì cũng liên quan tới các nghiên cứu âm nhạc”,⁽¹⁾ nghĩa là với bảy nốt của âm giai, bảy Chơn Linh Tinh Đầu (*the seven Spirits of the Stars*), v.v....

Valentinus đã viết dài dòng về quyền năng của *Bảy Đấng Cao Cả* vốn được cầu cứu tới để sáng tạo ra vũ trụ này sau khi Ar(r)hetos tức Đấng Kỳ Huý (*Inneffable*), tôn danh của Ngài gồm có bảy chữ, đã tượng trưng cho *thất nguyên* sơ thủy (*the first hebdomad*). Tôn danh Ar(r)hetos biểu thị bản chất thất phân của Đấng Duy Nhất tức Thượng Đế. Proclus cho rằng “*Nữ Thần Rhea*” (“*the Goddess Rhea*”) chính là một Đơn Nguyên (*Monad*), Lưỡng Nguyên (*Duad*) và Thất Nguyên (*Heptad*), bao hàm tất cả bảy *Titanidea*”.⁽²⁾

Hầu như là trong kinh *Purāna* nào cũng có *Bảy Tạo Vật* (*Seven Creations*). Trước tất cả các tạo vật này đều có cái mà Wilson dịch là “*Nguyên khí cố kết*” (*the “indiscrete Principle”*), Tinh Thần tuyệt đối (*absolute Spirit*), độc lập với các đối tượng tri giác.

Đó là: (1) *Hành Toàn Linh Trí* (*Mahat-tattva*), Linh Hồn của Vũ Trụ, Vô Cực Trí tức Thiên Trí; (2) [Cơ bản kích lượng

¹ Origen, *Contra Celsum*, VI, xxii.

² Plato, *Timaeus*.

(Tamāstras)], *Bhūta tức Bhūtasarga*, tạo vật ngũ hành, biến phân thứ nhất của Chất liệu cố kết Vũ Trụ (Universal indiscrete Substance); (3) *Indriya tức Aindriyaka*, sự tiến hoá hữu cơ. “Ba thứ trên là các tạo vật Vật Chất (the Prākṛita creations), do bản chất cố kết phát triển ra, bắt nguồn từ nguyên khí cố kết”; (4) *Mukhya*, “tạo vật cơ bản (của các vật hữu hình) là tạo vật gồm các vật vô tri vô giác;” ⁽¹⁾ (5) *Tairyagyonya* tức *Tiyaksrotas* là tạo vật gồm các con thú; (6) *Ūrdhvasrotas* tức tạo vật chư thần linh (?); ⁽²⁾ (7) *Arvāksrotas* là tạo vật con người.⁽³⁾

Đó là thứ tự được trình bày trong các kinh điển ngoại môn. Theo nội môn bí giáo, có bảy tạo vật chủ yếu và bảy tạo vật thứ yếu; các tạo vật chủ yếu là các *Thần lực tự tiến hoá* (the *Forces self-evolving*) ra từ THẦN LỰC độc nhất vô nhị (the one *causeless FORCE*); các tạo vật thứ yếu trình bày Vũ Trụ biểu lộ xuất phát từ các Hành (Elements) *thiênêng liêng* đã biến phân rồi.

¹ Theo một lời bình giải Fitzedward Hall dịch lại khi cho ấn hành bản dịch của Wilson thì “Ở đây, tạo vật thứ tư là tạo vật chủ yếu, bởi vì ai mà chẳng biết rằng các vật bất động đều là các tạo vật chủ yếu”.

² Làm sao mà “chư thần” lại có thể được tạo ra sau loài thú vật? Thành ngữ “thú vật” có ý nghĩa nội môn là *mâm mống của mọi sinh linh động vật*, kể cả con người. Con người được gọi là một *con vật hy sinh*, nghĩa là trong số tạo vật động vật, chỉ duy có nó là được hiến dâng cho chư Thiên. Hơn nữa, người ta cũng đã vạch rõ là trong các Thánh kinh, các “con thú linh thiêng” thường có nghĩa là mười hai cung của Hoàng Đạo.

³ *Vishnu Purāṇa*, Wilson, như trên, trang 74 - 75.

Xét về mặt nội môn, cũng như về mặt ngoại môn, tất cả mọi Tạo vật nêu trên đều tượng trưng cho bảy thời kỳ Tiến Hoá, hoặc là sau một “Tuổi” (Age”), hoặc là sau một “Ngày” của Brahmā. Đó là *diệu pháp* (*par excellence*) của Huyền bí học, tuy nhiên, nó không bao giờ dùng từ ngữ “tạo vật” thậm chí cũng chẳng dùng từ ngữ “tiến hoá”, xét về “Tạo Vật” *chủ yếu*; song lại gọi tất cả các Thần lực như thế là “các trạng thái của Thần Lực Bản Sơ”. Trong *Thánh kinh*, bảy thời kỳ đã được rút gọn lại thành ra sáu ngày sáng tạo và *ngày* thứ bảy ngơi nghỉ, thế là dân Tây phương diễn giải theo lối chấp nê văn tự. Theo triết học Ấn Độ, khi Tạo Hoá đã tạo ra thế giới chư Thiên, *Mầm mống* (*Germes*) của tất cả mọi Hành chưa biến phân, và các giác quan tương lai vẫn còn thô sơ (tóm lại, đó là thế giới thực tượng), thì Vũ Trụ vẫn thường tồn trong vòng “Một Ngày của Brahmā,” tức thời kỳ là 4 320 000 000 năm. Đó là thời kỳ *thứ bảy* thụ động, tức “ngày Sabbath” của triết học Đông phương, tiếp theo sau sáu thời kỳ tiến hoá chủ động. Trong *Shatapatha Brahmāna*, Brahmā (trung tính) tức *Nguyên nhân tuyệt đối* của mọi Nguyên nhân, *xạ ra* chư Thiên. Khi đã xạ ra chư Thiên nhờ vào bản chất cố hữu của mình, công tác
 166 liền bị gián đoạn. Trong Quyển thứ Nhất của *Bản Cổ Thánh Thư* có dạy rằng:

Vào lúc kết thúc mỗi Đêm (chu kỳ Hồn Nguyên - Pralaya) sau khi đã ngủ, Brahmā thức dậy. Chỉ độc có nhờ vào động năng mà Brahmā cũng xạ ra được các Chơn Linh [tức thể trí], vốn có bản chất là hiện tồn song chẳng hiện tồn. ⁽¹⁾

Trong *Sepher Yetzireh* tức “Sáng Tạo Thánh Thư” của Do Thái Bí giáo, tác giả đã rõ rệt lặp lại những lời dạy bảo của Đức Bản Cổ. Trong đó, người ta trình bày là Chất Liệu Thiêng

¹ Xem *Luật Bản Cổ*, I, v, 74, trang 10.

Liêng (the Divine Sustance) vẫn tồn tại trong mình từ vô thủy vô biên và vô tận cũng như là đã được Tinh Thần xạ ra.

Đấng Độc Tôn là Tinh Thần của Thượng Đế sinh động đòi đòi vinh danh ! Huyền Thanh (Voice), Tinh Thần (Spirit) và Huyền Âm (Word); đó chính là Thánh Thần (the Holy Spirir).⁽¹⁾

Đó chính là Tam Nguyên trừu tượng của Do Thái Bí giáo, nó đã bị các Đức Cha thần nhân đồng hình hoá một cách thật là thiếu nghi thức (unceremoniously anthropomorphized). NHẤT NGUYÊN tam phân này (this triple ONE) xạ ra toàn thể Vũ Trụ. Thoạt tiên, NHẤT NGUYÊN xạ ra số HAI (TWO), tức Phong (Air), hành sáng tạo; rồi tới số BA (THREE), tức Thuỷ (Water) xuất phát từ Phong; *Dĩ Thái* (Ether) hay Hoả (Fire) hoàn thành Tứ Linh Diệu (the mystic Four), Arbo-Al. Trong giáo lý Đông phương, Hoả là Hành thứ nhất – *Dĩ Thái* Tổng hợp toàn thể lại, vì nó là bao hàm tất cả.

Trong *Vishnu Purāna* có trình bày toàn thể bảy thời kỳ và cuộc tiến hoá luỹ tiến của “Tinh Thần – Linh Hồn” (the “Spirit-Soul”) cũng như là của bảy Hình thái Vật Chất tức Nguyên khí. Trong tác phẩm này, chúng ta không thể liệt kê chúng ra. Muốn tìm hiểu thêm, độc giả cứ nghiên cứu kinh *Purānas* nào cũng được.

R. Yehudah bắt đầu viết: “Elohim phán: Hãy có lấy một bầu trời ở giữa nước”. Xem kìa! Vào lúc Đấng Thánh Linh ...tạo ra thế giới, Ngài [các Ngài] đã tạo ra 7 tầng trời ở Trên (Above). Ngài tạo ra 7 tầng đất ở Dưới (Below), 7 biển, 7 ngày, 7 sông, 7 tuần, 7 năm, 7 lần (times) và 7 000 năm sao cho thế giới đã là ... (ngàn năm) thứ 7 ... Như thế, đây là bảy tầng đất. Tất cả các tầng này đều có người ở, ngoại trừ các tầng ở trên và các tầng ở dưới. Và ...giữa

¹ Sách đã dẫn, I, ix.

mỗi tầng đất lại có một tầng trời trải rộng ra ...ở các tầng đất này có các tạo vật chẳng thứ nào giống thứ nào;...nhưng nếu bạn phản đối và cho rằng tất cả trẻ con trên thế giới đều có nguồn gốc là Adam thì không phải như thế ...Thế thì các tầng đất thấp ở đâu ra? Chúng xuất phát từ hàng dãy tầng đất và từ tầng Trời ở bên Trên.⁽¹⁾

Irenaeus cũng làm chứng cho chúng ta – một cách rất là miễn cưỡng – là các tín đồ phái Ngộ Đạo cũng giảng dạy một hệ thống giống như vậy; song ý nghĩa nội môn chân chính của nó đã bị che giấu kỹ lưỡng. Tuy nhiên, việc che giấu này cũng chẳng khác nào trong *Vishnu Purāna* và các kinh sách khác. Vì thế, Irenaeus mới viết về các tín đồ phái Marcus như sau:

Họ chủ trương rằng trước hết Tứ Đại (Hoả, Thuỷ, Địa, Phong) được tạo ra theo hình bóng của Tứ Nguyên bản sơ bên trên và nếu chúng ta thêm vào các tác động của chúng, nghĩa là nóng, lạnh, khô và ướt, chúng ta sẽ có một thứ giống hệt Bát Nguyên (Ogdoad).⁽²⁾

167 Có điều là việc “giống hệt nhau” này và chính *Bát Nguyên* chỉ là một bức màn che, chẳng khác nào trong bảy tạo vật của *Vishnu Purāna* có thêm hai tạo vật nữa, trong đó tạo vật thứ tám được gọi là Anugraha, “có cả tính chất thiện lẫn tính chất ác,” đó là ý tưởng của phái Số Luận (Sāṅkhyan) hơn là của kinh *Vishnu Purāna*. Ấy là vì Irenaeus lại cho rằng:

Họ [các tín đồ phái Ngộ Đạo] cũng có một tạo vật thứ tám vừa thiện vừa ác, vừa thiêng liêng vừa con người. Họ quả quyết rằng con người được tạo ra vào ngày thứ tám. Đôi khi họ lại khẳng định là y được tạo ra vào ngày thứ sáu, và có khi họ lại cho rằng đó là ngày thứ tám. Biết đâu họ chẳng muốn nói rằng phần thể tục của

¹ *Qabbala* của Myer, trang 415 - 416.

² *Contra Haer*, I, xvii, trang 1. *Các tác phẩm của Irenaeus*, 1, trang 73.

y được tạo ra vào ngày thứ sáu và phần xác thịt [?] được tạo ra vào ngày thứ tám; dường như họ lại phân biệt hai phần đó. ⁽¹⁾

Chúng cũng rất “khác nhau” (“distinguished”), nhưng không phải như Irenaeus trình bày. Các tín đồ phái Ngộ Đạo có một *Thất Nguyên* (*Hebdomad*) thượng đẳng và một Thất Nguyên hạ đẳng ở trên Trời cùng với một Thất Nguyên thứ ba thế tục ở trên cảnh giới vật chất. Theo biểu đồ của Origen, *Iaô* tức Thần Bí Nhiệm (the Mystery God) Chương quản Mặt Trăng là vị đứng đầu của “*Bảy Tầng Trời*” (“*Seven Heavens*”) ⁽²⁾ thượng đẳng này; do đó, Ngài đồng nhất với vị đứng đầu của các Nguyệt Tinh Quân (the Lunar Pitris), danh xưng này được họ dành cho các Thiên Định Đế Quân Nguyệt Tinh (the Lunar Dhyân Chohans). Irenaeus cũng cho rằng: “Họ khẳng định rằng bảy tầng trời này đều thông tuệ và *xem chúng như là các thiên thần*”. Ông còn nói thêm rằng vì thế, chúng được gọi là *Iaô Hebdomas*, trong khi theo ông, thân mẫu ông được gọi là *Ogdoas*, vì bà đã duy trì được “con số của *Bát Nguyên bản sơ của Pleroma*” ⁽³⁾.

Bát Nguyên bản sơ là (a) *Thượng Đế Ngôi Hai* (the *Second Logos*), Biểu Lộ trong Thần phổ học, vì nó phát xuất từ *Thượng Đế Ngôi Một* (the *First Logos*) thất phân, vì thế, nó đứng hàng thứ 8 trên cảnh giới biểu lộ này; (b) Trong tục thờ cúng Tinh Tú, nó là *Mặt Trời*, *Mãrtanda*, Đứa Con thứ tám của Tiên Thiên Huyền Nữ (*Aditi*); bà đã từ bỏ đứa con này trong khi vẫn bảo tồn Bảy Con, tức *các hành tinh*. Ấy là vì Cổ nhân đã chẳng bao giờ xem Mặt Trời như là một hành tinh

¹ Như trên, I, xxx.

² Chỉ cao cấp hơn các Chon Linh, tức các “Tầng Trời” của Địa Cầu mà thôi.

³ Như trên, I, v, 2.

(planet), mà lại xem nó như là một *Định Tinh trung ương* (a central and fixed Star). Vậy thì, đó chính là Thất Nguyên thứ nhì xuất phát từ *Đấng Thất Cung Agni* (the Seven-rayed, One, Agni), Mặt Trời chứ không phải là bảy hành tinh (vốn là các *Huỳnh đê* của thần thái dương Sūrya) lại càng không phải là các Con của Ngài. Đối với các tín đồ phái Ngộ Đạo, chư Thần Linh Tinh Tú này (these Astral Gods) là các Con Ildabaoth ⁽¹⁾ (do từ *ilda*: trẻ con, và *baoth*: quả trứng), con trai của Sophia Achamōth, con gái của Sophia (Minh Triết), nàng có địa hạt là Pleroma. Ildabaoth tự lực tạo ra sáu Chơn Linh tinh đầu (six stellar Spirit): *Jove* [Iaō] (Jehovah), *Sabaōth*, *Adonai* (Adoneus), *Eloi* [Eloaeus], *Osraios* [Oreus], *Astaphaios* [Astaphaeus]; ⁽²⁾ các Đấng này chính là Thất Nguyên thứ nhì, tức Thất Nguyên hạ đẳng. Về phần Thất Nguyên thứ ba, nó gồm có bảy con người bản sơ, hình bóng của các Nguyệt Thần, do Thất Nguyên thứ nhất phóng chiếu ra. Về vấn đề này phái Ngộ Đạo đâu có khác Nội môn Bí giáo bao nhiêu, có điều là họ che giấu nó đi. Còn khi Irenaeus (vốn rõ rệt đâu biết gì về các tín điều chân chính của các “Dị thuyết”) lên án việc con người được tạo ra vào ngày *thứ sáu* rồi lại được tạo ra vào ngày *thứ tám*, thì điều này lại có liên quan tới các bí nhiệm của Chơn Nhơn. Độc giả lại chỉ có thể hiểu được điều này khi đã đọc xong Quyển 3 và 4, do đó thấu đáo được *Nhân sinh khởi nguyên luận* (Anthropogenesis) của Nội môn Bí giáo.

Ildabaoth là hoá thân của Bàn Cổ (a copy of Manu), Ngài đã huênh hoang (boasts) như sau:

¹ Xem *Nữ Isis Lộ Diện*, II, trang 183.

² *Các tín đồ phái Ngộ Đạo và Các di tích* của King, trang 97. Các giáo phái khác xem Jehovah như là chính Ildabaoth. King đồng nhất Ngài với Thần Saturn.

Hỡi các người con chết đi sống lại ưu tú nhất! Nên biết rằng Ta [Bàn Cổ] chính là kẻ tạo ra toàn bộ thế giới này, kẻ mà Virāj (Thượng Đế) nam ...đã tạo ra một cách hồn nhiên ⁽¹⁾.

Thoạt tiên, Ngài đã tạo ra mười Đấng Hiện Tồn tức Prajāpatis, theo câu thơ 36, các Đấng này “đã tạo ra bảy Bàn Cổ khác”. Ildabaoth cũng huênh hoang (boasts) tuyên bố: “Ta là Đức Chúa Cha, chẳng còn ai cao hơn Ta”. Vì thế, Thân Mẫu của Ngài lạnh lùng trấn áp Ngài xuống bằng cách nói: “Này Ildabaoth, đừng sai lầm, vì Đấng Cha chung của muôn loài, con người sơ thủy (*Anthropos*) hơn hẳn ngươi, và *Anthropos* cũng thế, giống như Con của *Anthropos*”.⁽²⁾ Điều này chứng tỏ một cách hùng hồn rằng có tới ba Thượng Đế - ngoài Đấng phát xuất từ Nhất Nguyên – một trong các Đấng này chính là Thái Dương Thượng Đế (the *Solar Logos*). Thế thì bản thân “Đấng *Anthropos*” (vốn cao cả hơn Ildabaoth biết bao) là ai vậy? Chỉ có các văn kiện lưu trữ của phái Ngộ Đạo mới giải được vấn đề bí hiểm này. Trong *Pistis-Sophia*, danh xưng gồm có bốn nguyên âm IEOU thường có kèm theo tôn danh “Con Người Bản Sơ”. Điều này lại chứng tỏ rằng Minh Triết chẳng qua chỉ là một tiếng vang của Giáo lý Cổ sơ của chúng ta. Các danh xưng tương ứng với Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman), Brahmā và Bàn Cổ, Con người biết *suy tư* đầu tiên, được hợp thành bởi một, ba và bảy nguyên âm. Marcus (triết thuyết của ông chắc chắn là còn gần gũi với Pythagoras hơn là bất cứ triết thuyết nào khác) có đề cập tới một thiên khải về bảy tầng trời, mỗi tầng trời trỗi lên một nguyên âm, khi chúng phát ra bảy danh xưng của bảy Huyền giai (Thiên Thân).

¹ *Luật Bàn Cổ*, I, v, 33.

² *Irenaeus*, I, xxx, 6.

Khi Tinh Thần đã thẩm nhuần mọi cực vi tử của bảy Nguyên Khí Vũ Trụ, bấy giờ, sau khi chấm dứt thời kỳ nghỉ ngơi nêu trên, Tạo Vật *Thứ Yếu* (the *Secondary Creation*) bắt đầu.

Trong *Nuchthemeron* của dân Hebrews, giáo sĩ Do Thái Simeon cho rằng “Các Đấng Sáng Tạo [Elohim] đã phác hoạ xong hình dáng của con người vào ‘Giờ’ thứ hai (the *second ‘Hour’*)”. Bộ luật *Mishna* cho rằng: “Một ngày có 12 giờ và sự sáng tạo đã được hoàn thành trong vòng 12 giờ này”. “Mười hai giờ trong một ngày” cũng lại là bản sao thu nhỏ, tiếng vang yếu ớt song vẫn trung thực của Minh Triết sơ thủy. Chúng cũng giống như là 12 000 Năm Thiêng Liêng của chư Thiên, một bức màn che tuần hoàn. Mỗi “Ngày của Brahmā” đều có 14 vị Bàn Cổ; các tín đồ Do Thái Bí giáo Hebrew (tiếp theo là dân Chaldea) đã nguy trang các Ngài thành ra Mười Hai Giờ. ⁽¹⁾ *Nuchthemeron* của Apollonius of Tyana cũng thế. Các tín đồ Do Thái Bí giáo cho rằng: “Khối Thập nhị diện ẩn tàng nơi Khối Toàn Phương”. Điều này có ý nghĩa huyền bí là mười hai cuộc biến hoá triệt để Tinh Thần thành ra vật chất – 12 000 Năm Thiêng Liêng – đã diễn ra trong vòng bốn Thời Đại lớn, tức là Đại Chu kỳ thứ nhất (Mahāyuga). Khởi đầu với các bản chất siêu hình và siêu nhiên, nó sẽ chấm dứt nơi các bản chất hồng trần và thuần túy nhân loại của Vũ Trụ và Con Người. Nếu khoa học Tây phương không thể làm được, thì triết học Đông phương lại có thể trình bày số năm thế nhân bao hàm trong các cuộc tiến hoá tinh thần và vật chất của cõi vô hình cũng như là cõi hữu hình.

¹ Tuy nhiên, đặc tính này cũng bị lộ ra ở đâu đó. Xem thêm phần trích dẫn của Ibn Gebirol bàn về 7 tầng trời, 7 tầng đất v.v....

Tạo Vật *Chủ Yếu* được gọi là *Tạo Vật Quang Minh* (*the Creation of Light*) (Tinh Thần); còn Tạo Vật *Thứ Yếu* được gọi là Tạo Vật U Minh (Vật Chất). ⁽¹⁾ Trong *Sáng Thế Ký*⁽²⁾ đều có mặt cả hai Tạo Vật này. Tạo vật thứ nhất là phân thân của chư Thần Linh tự sinh tự tại [Elohim]; tạo vật thứ nhì là phân thân của Thiên Nhiên vật chất.

Chẳng thế mà trong Thánh kinh Zohar lại dạy rằng:

Hỡi các đạo hữu, với tư cách là một phân thân, con người vừa là đàn ông, vừa là đàn bà, ở bên phía Cha cũng như là ở bên phía của Mẹ. Đó chính là ý nghĩa của các lời phát biểu: Elohim phán: “Hãy có lấy Ánh Sáng thế là có Ánh Sáng!”...Đó chính là “Con Người lưỡng phân.”

Tuy nhiên, Ánh Sáng trên cảnh giới của chúng ta lại là U Minh trên các cõi giới cao.

“Đàn ông và đàn bà...bên phía của CHA” (Tinh Thần) nhằm đề cập tới Tạo Vật Chủ Yếu; còn bên phía của Mẹ (Vật Chất) nhằm nói tới Tạo Vật Thứ Yếu. Con Người lưỡng phân chính là Adam Kadmon, nguyên kiểu trù tượng thư hùng và là Elohim đã *biến phân* (*the differentiated Elohim*). Con Người có nguồn gốc là một Thiên Định Đế Quân; nó chính là “Thiên Thần Sa Đoạ” (“Fallen Angel”), một vị Thần bị lưu đày (điều này sẽ được chứng minh sau).

Ở Ấn Độ, các Tạo Vật này được mô tả như sau : ⁽¹⁾

¹ Chúng ta không được lẫn lộn điều này với “U MINH” *tiên thiên* (*precosmic* “DARKNESS”), ĐẮNG TỔNG THỂ Thiêng Liêng (*the Divine ALL*).

² Chương i, 2, ngoài ra còn phần đầu của chương ii.

¹ Trừ phi được xác định khác đi, khi bàn về bảy Tạo Vật, tất cả các lời trích dẫn sau đây đều được trích từ *Vishnu Purāṇa*, của Wilson, Quyển I, chương i đến chương v.

(1) *Tạo Vật thứ Nhất*: Tạo Vật Hành Toàn Linh Trí (Mahat-tattva Creation). Nó được gọi như vậy, bởi vì nó là cuộc tiến hoá nguyên thủy của cái ất phải trở thành *Toàn Linh Trí* (*Mahat*). “Thiên Trí hữu thức và thông tuệ”; xét về mặt nội môn đó là “Tinh Thần của Linh Hồn Vũ Trụ”.

Đáng giá nhất trong những nhà tu khổ hạnh, nhờ vào mãnh lực của nó – nghĩa là nhờ vào *mãnh lực nguyên nhân* đó – mọi tạo vật đều xuất hiện theo bản chất riêng của mình (trang 66, chú thích cuối trang).

Lại nữa:

Xét vì người ta chỉ có thể hiểu được các mãnh lực của vạn vật nhờ thấu hiểu được Cái Đó (Brahmā), vốn tự sinh, tự tại và bất khả tư nghị, nên các mãnh lực như thế đều có thể quy cho Brahmā”.

170 Thế thì CÁI ĐÓ (THAT) đã tồn tại trước khi có sự Sáng Tạo. *Linga Purāṇa* cho rằng “trước tiên là Toàn Linh Trí (*Mahat*)”; bởi vì Đấng ĐỘC TÔN (ONE) (CÁI ĐÓ) chẳng *trước tiên*, chẳng *sau rốt*, mà TẤT CẢ. Tuy nhiên, xét về mặt nội môn, sự biểu lộ này là *công tác* (the work) của “Đấng Tối Cao” – một *hiệu quả* tự nhiên hơn là Nguyên nhân Vĩnh cửu. Theo nhà bình giải, chúng ta cũng có thể hiểu rằng người ta muốn nói là Brahmā bấy giờ được *tạo ra* (?), đồng nhất với Toàn Linh Trí, trí tuệ tích cực, tức ý chí tác động đến Đấng Chí Tôn. Nội môn Bí giáo gọi nó là “LUẬT tác động” (Operating LAW).

Chúng tôi tin rằng, nguồn gốc mỗi bất đồng giữa ba giáo phái của triết thuyết Vedanta: Nhất nguyên luận (Advaita), Nhị nguyên luận (Dvaita) và Vishishtādvaita là do ở nơi người ta có lĩnh hội đúng đắn được hay không tín điều này trong *Brāhmanas* và *Purāṇas*. Phái Nhất nguyên luận đã luận chứng rất đúng là không giống như TỔNG THỂ Tuyệt Đối (the absolute ALL), Thái Cực Thượng Đế không liên hệ với Thế giới biểu lộ, Vô hạn chẳng có dính dáng gì tới Hữu

hạn, cũng chẳng thể *muốn* cũng chẳng thể *sáng tạo*. Ngoài ra, phái này còn cho rằng đứng trước Brahmā, Toàn Linh Trí, Huyền Thiên Thượng Đế (Īshvara), chúng ta muốn gọi Quyền Năng Sáng Tạo (the Creative Power) là gì cũng được, các vị Thần Sáng Tạo và vạn hữu (Creative Gods and all) chỉ là một trạng thái hão huyền của Thái Cực Thượng Đế (Parabraman) trong quan niệm của con người. Trong khi đó, các giáo phái kia đồng nhất hoá Nguyên nhân vô ngã với Đấng Sáng Tạo tức Īshvara.

Tuy nhiên, đối với những kẻ tôn thờ Vishnu (Vaishnavas), *Toàn Linh Trí* tức Đại Bồ Đề (Maha-Buddhi) chính là Thiên Trí đang *tác động tích cực*, hoặc theo lối diễn đạt của Anaxagoras, đó là “một Trí Tuệ định đoạt an bài, vốn là nguyên nhân của vạn hữu”.

Wilson đã thấy ngay được mối liên hệ gợi ý giữa *Toàn Linh Trí* và Một hay Mut của dân Phoenician, đối với dân Ai Cập, Mut có nữ tính, và Nữ Thần Moot, Từ Mẫu. Ông cho rằng “giống như Mahat, Moot là sản phẩm đầu tiên của sự hoà hợp (?) của Tinh Thần và Vật Chất, và là mầm mống đầu tiên của Sáng Tạo”. Để khiến cho nó có một sắc thái duy vật và thần nhân đồng hình hơn nữa, Bruker đã cho rằng: “Do sự kết hợp này, Tinh Thần đã tạo ra Một... Vì thế, mới có việc tạo ra mầm mống của vạn hữu”.

Tuy nhiên, qua mọi giáo thuyết ngoại môn, chúng ta đều thấy ý nghĩa nội môn của giáo lý ẩn tàng trong các kinh điển cổ Bắc Phạn bàn về sự Sáng Tạo nguyên thủy.

Linh Hồn Tối Cao (the Supreme Soul), Chất liệu Thế gian thấm nhuần vạn hữu (Sarvaga) đã nhập [bị thu hút] vào trong Vật Chất [Prakriti] và Tinh Thần [Purusha], khuấy đảo các nguyên khí vô thường và thường trụ; đã tới lúc Sáng Tạo (Manvantara) rồi.

Nous của dân Hy Lạp, vốn là Linh Trí, tức *Mens*, Toàn Linh Trí, cũng tác động lên Vật Chất giống hệt như vậy; nó “nhập vào” và “khuấy đảo” nó:

Tinh Thần nuôi dưỡng nó từ bên trong và nhập vào mọi phần tử, trí khơi hoạt và thấm nhuần toàn bộ đại cơ thể.

171 Trong vũ trụ khởi nguyên luận Phoenician cũng vậy, “Tinh Thần phối hợp với các nguyên khí riêng của mình để mà sáng tạo”.⁽¹⁾ Tam Nguyên của phái Orpheus cũng giống hệt như vậy vì trong đó *Phanes* tức Eros, Hồng nguyên khí (bao hàm Vật Chất Vũ Trụ thô sơ *chưa biến phân*) và Kronos (Thời gian) là ba nguyên khí hợp tác, xuất phát từ Điểm Ẩn Tàng Bất Khả Tri để mà “Sáng Tạo”. Cũng chính *Tinh Thần* (*Purusha*) (*Phanes*), *Hồng Mông Nhất Khí* (*Pradhāna*) (Hồng nguyên khí - Chaos) và *Kāla* (Kronos) tức *thời gian*. Giáo sư lỗi lạc Wilson hẳn là chẳng thích gì ý niệm này; các giáo sĩ Thiên Chúa giáo có khuynh hướng phóng khoáng cũng vậy. Ông nhận xét rằng: “*Sự phối hợp* [của Tinh Thần Vô Thượng (the Supreme Spirit) hay Linh Hồn với chính các nguyên khí của mình] *không hề có tính cách máy móc*; đó là *tác nhân đôi với các tác nhân trung gian* tạo ra các hiệu quả”. Còn về câu sau đây trong *Vishnu Purāna*: “Hương thơm chỉ tác dụng lên trí khi nó ở lân cận ta chứ *không hề tác dụng ngay lên chính thể trí*, chẳng khác nào Đấng Tối Cao tác dụng lên các yếu tố sáng tạo”, nhà bác học tiếng Phạn khả kính đã giải thích rất đúng đắn như sau: “hương thơm không làm cho ta khoái chí vì thực sự tiếp xúc mà vì chúng đã tạo ra các ấn tượng tác dụng lên khứu giác rồi mới được truyền lên trí não” và “việc Đấng Tối Cao nhập vào Tinh Thần cũng như là Vật Chất *thật là khó hiểu* hơn cả một quan niệm nào khác về nó, chẳng hạn như sự

¹ Brucker, như trên.

thấm nhuần của Tinh Thần (đã đồng nhất hoá với Đấng Tối Cao) vào riêng có Vật Chất thôi”. Ông cũng rất thích câu thơ trong *Padma Purāṇa* sau đây: “Đấng được mệnh danh là (tinh thần) *duang* của Vật Chất ... cũng Đấng Vishnu thiêng liêng ấy đã nhập vào trong Vật Chất”. “Quan điểm” này chắc chắn là gần gũi hơn với tính cách uyển chuyển của một vài câu thơ trong *Thánh kinh* liên quan tới các Tộc Trưởng, chẳng hạn như là Lot, và ngay cả Adam,⁽¹⁾ cũng như các Tộc Trưởng khác có một bản chất còn thần nhân đồng hình hơn nữa. Nhưng đó chính là cái đã đưa Nhân loại tới tục sùng bái *sinh thực khí* (*phallicism*); từ chương đầu của *Sáng Thế Ký*, xuống mãi tới *Thiên Khải* trong Thiên Chúa giáo đều đầy hủ tục này.

Nội môn Bí giáo dạy rằng các Đấng Thiên Định Đế Quân là tập hợp của Thiên Trí (divine Intelligence) hay Bản Nguyên Trí (primordial *Mind*), còn các Đấng Bàn Cổ bản sơ (the first Manus) tức bày Đấng Thông Tuệ Tinh Thần “sinh ra từ trí” đều đồng nhất với chư Thiên Định Đế Quân. Vì thế, Quan Thế Âm (the Kwan-Shi-Yin), “*Con Kim Long (Golden Dragon) bao hàm Thất Nguyên*” trong ĐOẠN KINH 3 (STANZA 3), chính là Bản Nguyên Thượng Đế (the Primordial Logos), tức Brahmā, Quyền Năng Sáng Tạo biểu lộ bản sơ, còn các Năng Lượng Thiên Định (Dhyānic Energies) chính là chư Bàn Cổ, tức *Bàn Cổ – Svāyambhuva xét chung (Manu-Svāyambhuva collectively)*. Và lại, quan hệ trực tiếp giữa chư Bàn Cổ và Toàn Linh Trí cũng dễ thấy. Bàn Cổ (Manu) có từ nguyên là *Man* (suy tư), muốn suy tư thì phải dùng trí. Trong vũ trụ khởi nguyên luận, đó là Thời kỳ tiền tinh vân.

¹ So sánh *Sáng Thế Ký*, xix, 34 - 38 và iv, 1.

(2) *Tạo Vật thứ Nhì*, *Bhūta*, là tạo vật các Nguyên khí thô sơ (Cơ bản kích lượng – *Tanmātras*); vì thế, nó được gọi là *Tạo Vật Ngũ Hành* (*Bhūtasarga*). Đó là thời kỳ luồng khí vận thứ nhất làm biến phân các *Hành tiên thiên* (the *pre-cosmic* Elements), tức *Vật Chất*. *Bhūtādi* có nghĩa là “nguồn gốc các *Hành*” và xuất hiện trước *Bhūtasarga*, “sự sáng tạo” tức sự biến phân của các *Hành* này trong *Tiên thiên* khí nguyên thủy (primordial *Ākāsha*) (*Hồng nguyên khí* tức *Thái Hư* – *Chaos or Vacuity*).⁽¹⁾ Trong *Vishnu Purāṇa*, người ta cho rằng nó diễn tiến theo và thuộc về trạng thái tam phân *Ahamkāra*, vốn được dịch là *Ngã Thức* (*Egotism*), nhưng đúng ra thì nó có nghĩa là từ ngữ không thể dịch được “*NGÃ TÍNH*” (“*I-AM-NESS*”), nó bắt nguồn từ *Toàn Linh Trí* tức *Thiên Trí*; đó là những nét chấm phá của *Ngã Tính*, vì *Ahamkāra* “thuần túy” đã biến thành “đam mê” và rốt cuộc là sơ cấp hay sơ khởi.⁽²⁾ Đó là “nguồn gốc của mọi thực thể hữu thức cũng như *vô thức*,” mặc dù trường *Nội môn Bí giáo* không chịu nhìn nhận là có bất cứ thứ gì “*vô thức*” (“*unconscious*”) ngoại trừ trên cảnh giới hão huyền và vô minh của chúng ta. Vào giai đoạn *Tạo Vật thứ Nhì* này, *Đại Đoàn Bàn Cổ thứ Nhì* (the *Second Hierarchy of the Manu*) xuất hiện, gồm các *Thiên Định Đế Quân* tức *chư Thiên*, vốn là cội nguồn của *Sắc tướng* (*Rūpa*), các *Chitrashi-khandinas* (*Chư Thánh Hiền Quang Minh*) tức *Rikshas* (chòm sao *Rua*); *chư thánh Hiền* này đã trở thành các *Linh Hồn* làm *linh hoạt* bảy *ngôi sao* (của chòm *Đại Hùng*

¹ *Vishnu* vừa là *Bhūtesha*, “*Ngũ hành Tinh Quân*” (“*Lord of the Elements*”), và “*Vạn Hữu Tinh Quân*”, vừa là *Vishvarūpa*, “*Chất Liều Vũ Trụ*” tức *Linh Hồn Vũ Trụ*.

² *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển I, trang 33.

Tinh).⁽¹⁾ Trong ngôn ngữ Thiên văn học và vũ trụ khởi nguyên luận. Tạo Vật này liên quan tới Thời kỳ *Sương Lửa* (the *Fire-Mist Period*), giai đoạn đầu tiên của Cuộc sống Vũ Trụ, sau khi có tình trạng Hỗn Mang (Chaotic state) ⁽²⁾ sau các Nguyên tử xuất phát từ *Trung hoà điểm* (*Laya*).

(3) *Tạo Vật thứ Ba*: Tạo Vật thứ ba tức tạo vật *Indriya* là biến dạng của *Ahamkāra*, tức quan niệm về “Cái Tôi” (“I”)

¹ Về các *hậu kiểu* (*post-types*) của chúng, xin so sánh bộ Đại Luận do Trithemius, Sư phụ của Agrippa, soạn vào thế kỷ thứ mười sáu, “liên quan đến bảy Đấng Thông Tuệ Tinh Thần thứ yếu đã khai hoạt Vũ Trụ sau Thượng Đế”. Ngoài các chu kỳ bí nhiệm và nhiều lời tiên tri ra, Bộ Đại Luận này còn tiết lộ một vài sự kiện và tín ngưỡng về chư Thần Linh hay Elohim, các Ngài chủ trì và dẫn dắt bảy Giai đoạn sinh hoá của Thế giới.

² Ngay từ đầu, các nhà Đông phương học đã thấy là mình bị rất nhiều khó khăn trở ngại khi muốn xác định bất cứ trật tự khả hữu nào trong các *Tạo Vật* Purānas. Wilson rất thường lầm lẫn Brahman với Brahṁā; vì thế ông mới bị những người hậu sinh chỉ trích kịch liệt về bản dịch *Vishnu Purāna*, ông Fitzedward Hall thích các *Kinh điển Bắc Phạn Nguyên Thủy* hơn là kinh sách do Wilson sử dụng. Vị chủ nhân tác phẩm này đã cho rằng: “Nếu Giáo sư Wilson có được những thuận lợi mà nay các sinh viên triết học Ấn Độ được thừa hưởng, chắc chắn là ông đã trình bày khác hẳn.” Điều này khiến ta nhớ đến lời đối đáp mà một trong các người mến mộ Thomas Taylor đã trình bày với các học giả vẫn chỉ trích bản dịch các tác phẩm Plato của ông như sau: “Taylor có lẽ không giỏi tiếng Hy Lạp bằng những người chỉ trích ông ta, nhưng ông lại hiểu Plato nhiều hơn họ”. Các nhà Đông phương học hiện nay còn xuyên tạc ý nghĩa huyền bí của các kinh điển Bắc Phạn nhiều hơn là Wilson nữa, mặc dù Wilson nhất định là đã phạm phải các sai lầm rất nghiêm trọng.

(ngũ căn là *Aham*, “Ngã” – “I”), nó được gọi là Tạo Vật hữu cơ (the organic Creation), tức tạo vật các giác quan, *Aindriyaka*. “Ba thứ trên đều là các tạo vật Vật Chất, các phát triển [rời rạc] của bản chất cố kết (indiscrete nature) vốn nối tiếp các nguyên khí cố kết (indiscrete principle)”.⁽¹⁾ Ở đây, chúng ta nên thay thế từ ngữ “nối tiếp” (“preceded by”) bằng từ ngữ “khởi sự” (“beginning with”) với Bồ Đề (*Buddhi*); vì Bồ Đề là một đại lượng chẳng rời rạc mà cũng chẳng cố kết, song lại tham dự vào bản chất của cả hai thứ, nơi con người cũng như là nơi Vũ Trụ. Vốn là một đơn vị tức CHƠN THẦN con người (human MONAD) trên cảnh giới hão huyền, một khi đã thoát khỏi ba dạng Ngã Thức và tách rời khỏi Thần Trí thế tục, *Bồ Đề* (*Buddhi*) thật sự biến thành một đại lượng liên tục, xét về cả thời gian lẫn không gian, vì nó thật là vĩnh cửu và bất tử. Ở trên đã có nói rằng Tạo Vật *thứ Ba* vốn “toàn là thiện căn” được gọi là *Ūrdhvasrotas*; thế mà một, hai trang sau đã thấy người ta bảo rằng Tạo Vật *Ūrdhvasrotas* là “tạo vật thứ sáu ...tức tạo vật các thần linh”.⁽²⁾ Điều này chứng tỏ rõ rệt rằng người ta đã cố tình trình bày lộn xộn các Chu kỳ khai nguyên đầu cũng như cuối, để ngăn ngừa kẻ phàm tục nhận ra chân lý. Điều này được các nhà Đông phương học gọi là “không thích hợp” (“incongruity”) và “mâu thuẫn” (“contradictions”). “Ba Tạo Vật bắt đầu với Trí Tuệ đều thuộc về ngũ hành, còn sáu tạo vật xuất phát từ các chuỗi mà Trí Năng đứng đầu, đều là công tác của *Brahmā*”.⁽¹⁾ Ở đây, “tạo vật” có nghĩa là các giai đoạn Tiến hoá ở bất cứ nơi đâu. *Toàn Linh Trí*, “Trí Tuệ” hay *thế trí* (*Mahat*, “Intellect” or *mind*)

¹ Sách đã dẫn, trang 74.

² Trang 75.

¹ *Vāyū Purāṇa*. [Xem *Vishnu Purāṇa*, Wilson, Quyển I, 77.]

(tương ứng với Thế Trí; Toàn Linh Trí ở trên cảnh giới vũ trụ, còn thế trí ở trên cảnh giới nhân loại) ở đây cũng không cao cả bằng *Bồ Đề* tức Trí Tuệ siêu linh. Do đó, khi chúng ta thấy trong *Linga Purāṇa* có nói rằng “Tạo Vật thứ nhất là Tạo Vật của Toàn Linh Trí, Trí Năng được biểu lộ trước tiên”, chúng ta phải quy tạo vật (chuyên biệt) đó cho cuộc tiến hoá đầu tiên của Thái Dương Hệ chúng ta, thậm chí Trái Đất chúng ta, trong kinh *Purāṇas* không hề đề cập tới bất cứ điều nào nêu trên mà chỉ thỉnh thoảng mới đề cập bóng gió tới thôi.

Tạo Vật của các kẻ Bất Tử đầu tiên này (the first Immortals), tức *Devasarga* là Tạo Vật cuối của chuỗi và có một ý nghĩa đại đồng. Điều này có nghĩa là nó liên quan tới cuộc tiến hoá nói chung chứ không phải đặc biệt liên quan tới *Chu kỳ khai nguyên* của chúng ta, nó bắt đầu đi bắt đầu lại mãi, như vậy chứng tỏ rằng nó liên quan tới nhiều Thiên Kiếp (Kalpas) riêng biệt. Ấy là vì người ta có nói rằng “vào lúc kết liễu thiên kiếp trước [Thiên Kiếp Liên Hoa (Padma)] Brahmā thức dậy sau một đêm ngủ, để rồi thấy rằng vũ trụ là hư không”. Rồi người ta trình bày là Brahmā lại một lần nữa ôn lại “Bảy Tạo Vật”, trong giai đoạn tiến hoá thứ yếu, lặp lại ba tạo vật đầu tiên trên ngoại giới.

(4) *Tạo Vật thứ Tư*: Tạo Vật *Mukhya*, tức tạo vật Bản Sơ, vì nó đứng đầu chuỗi gồm bốn Tạo Vật. Cả từ ngữ “vật vô tri vô giác” (“inanimate”) lẫn từ ngữ “vật bất động” (“immovable things”) do Wilson dịch đều không trình bày đúng đắn ý niệm bao hàm trong các từ ngữ Bắc Phạn được sử dụng. Không phải chỉ có một mình Nội môn Bí giáo là bác bỏ ý kiến cho rằng bất cứ nguyên tử nào cũng đều có tính chất vô cơ, vì trong Ấn Độ giáo chính thống cũng có ý tưởng này. Hơn nữa, chính Wilson cũng cho rằng: “Tất cả mọi hệ thống tôn giáo

của Ấn Độ đều coi cây cỏ như là có sự sống”.⁽¹⁾ Do đó, Charāchara ⁽²⁾ tức các từ ngữ đồng nghĩa với sthāvara và jangama [lần lượt] được dịch là “sinh vật và vô tri”, “loài hữu tình” (“sentient beings”) và “loài vô tình” (“unconscious”) hoặc “các thực thể hữu thức và vô thức” (“conscious and unconscious being”) v.v....Tốt hơn, nên dịch là “các thực thể lưu động và cố định vì cây cỏ đều được coi như là có linh hồn”. *Mukhya* chính là “tạo vật” hay đúng hơn là cuộc tiến hoá hữu cơ của giới thực vật. Trong Thời kỳ *Thứ yếu* này (this *Secondary Period*), ba đẳng cấp các giới ngũ hành hay sơ cấp
 174 đã tiến hoá trong Thế giới này, tương ứng (theo thứ tự ngược) với ba Tạo Vật Vật Chất trong Thời kỳ Chủ yếu (the *Primary Period*) khi Brahmā hoạt động. Theo *Vishnu Purāna*, trong Thời kỳ đó, “Tạo Vật thứ nhất là Toàn Linh Trí hay Trí Thông Tuệ ...Tạo Vật thứ nhì là tạo vật các nguyên khí sơ cấp (Cơ bản kích lượng: Tanmātras) ...Tạo Vật thứ ba ...là tạo vật các giác quan (Aindriyaka)”. ⁽³⁾Cũng vậy, trong thời kỳ này, thứ tự của các Thần Lực Ngũ Hành như sau: (1) Các trung tâm Lực trí thức và vật chất mới sinh ra; (2) Các Nguyên khí sơ cấp, *tạm gọi* là thần kinh lực; và (3) Tổng giác (*Apperception*) mới sinh ra, đó là *Toàn Linh Trí (Mahat)* của các giới hạ đẳng và được đặc biệt phát triển trong đẳng cấp Hành khí thứ ba; tiếp theo là giới khoáng vật ngoại cảnh, trong đó “tổng quan” này hoàn toàn tiềm tàng, để rồi chỉ tái phát triển nơi cây cỏ. Như vậy, tạo vật *Mukhya* là điểm trung gian giữa ba giới cao

¹ *Tuyển Tập*, Quyển III, trang 381.

² [Charāchara được hợp thành bởi *chara* (chuyển động) và *achara* (bất động).]

³ Quyển I, trang 74.

và ba giới thấp, chúng tiêu biểu cho bảy giới nội môn của Vũ Trụ và của Trái Đất.

(5) *Tạo Vật thứ Năm*: trên Địa Cầu, *Tạo Vật Tiryaksrotas*⁽¹⁾ tức tạo vật các “*con thú (linh thiêng)*” chỉ tương ứng với tạo vật con thú câm (the dumb animal creation). Cái gọi là “các con thú” trong *Tạo Vật Chủ Yếu* (the *Primary Creation*) chính là mầm mống của ý thức đang khơi hoạt, tức *tổng giác (apperception)*, chúng ta có thể truy nguyên được chút ít về nó nơi một vài cây cỏ nhạy cảm trên Địa Cầu và rõ nét hơn nơi Đơn nguyên trùng nguyên sinh (protistic Monera).⁽²⁾ Trên Địa Cầu của chúng ta, trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, “tạo vật” thú vật có trước tạo vật con người, trong khi mà loài hữu nhũ từ con người tiến hoá ra trong cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, trên cảnh giới hồng trần. Trong cuộc Tuần Hoàn thứ Nhất, các nguyên tử thú vật được thu hút cố kết lại thành một hình dạng người vật chất; trong khi mà vào cuộc Tuần Hoàn thứ Tư, tiến trình lại diễn ra ngược lại theo tình trạng tư trường đã được phát triển trong chu kỳ sinh hoạt. Đó chính là thuyết

¹ Giáo sư Wilson đã dịch như thế là các con thú có địa vị cao hơn chư Thiên trên nấc thang “sáng tạo,” mặc dù sau đó, sự thật về chư Thiên đã được phát biểu rất rõ ràng. Theo kinh điển, “tạo vật” này vừa Chủ yếu (Prākṛiti), vừa là Thứ yếu (Vaikṛita). Nó là tạo vật Chủ yếu khi xét về việc chư Thiên bắt nguồn từ Brahmā, Đấng sáng tạo nhân hình của vũ trụ vật chất của chúng ta. Nó là tạo vật Thứ yếu khi liên quan đến Rudra, vốn là sản phẩm trực tiếp của Nguyên khí Bản sơ. Sau này chúng ta sẽ trình bày rõ rệt rằng từ ngữ Rudra không những là tôn danh của Shiva, mà còn bao hàm cả các tác nhân sáng tạo, thiêng thần cũng như là nhân loại.

² Chẳng phải là cây cỏ, cũng chẳng phải là thú vật mà là một thực thể trung gian chuyển tiếp giữa hai giới đó.

“đầu thai chuyển kiếp” (“metempsychosis”).⁽¹⁾ Chúng ta có thể xét Giai đoạn Tiến hoá thứ năm (trong giáo lý ngoại môn gọi là “Tạo Vật” thứ năm) trong cả Thời kỳ *Chủ yếu* lẫn Thời kỳ *Thứ yếu*; thời kỳ này được coi như là có tính cách Tinh Thần và Vũ Trụ, còn thời kỳ kia lại được coi như là có tính cách vật chất và *thế tục*. Đó là cội nguồn của sự sống; dĩ nhiên, nó chỉ là “cội nguồn” chừng nào mà ta còn xét tới *biểu lộ* của sự sống trên tất cả bảy cảnh giới. Chính vào thời kỳ Tiến Hoá này mà chuyển động hay rung động của vũ trụ *vĩnh cửu tuyệt đối*, trong ngôn từ Nội môn gọi là ĐẠI LINH KHÍ (GREAT BREATH) biến phân thành ra NGUYÊN TỬ bản sơ (first manifested ATOM). Khi vật lý học và hoá học phát triển

175 thêm, càng ngày người ta sẽ càng khám phá ra được những điều bổ chứng cho công lý Huyền linh này. Giả thuyết khoa học cho rằng ngay cả các nguyên tố vật chất đơn giản nhất đều có cùng một bản chất, và chỉ khác nhau theo cách phân bố các nguyên tử trong phân tử vật chất, tức là cách thức *rung động của các nguyên tử*, sẽ càng ngày tỏ ra là có cơ sở.

Sự biến phân của mầm mống nguyên thủy diễn ra trước khi có cuộc tiến hoá của Thiên Định Đế Quân thuộc Nhóm *thứ Ba* (the *Third Group*), tức là Tập Đoàn các Thực Thể thuộc Tạo Vật Chủ Yếu (Hierarchy of Being in Primary Creation), trước khi mà chư Thần Linh này thể hiện được trong các hình hài tinh anh đầu tiên. Cũng vì thế mà tạo vật thú vật mới xuất hiện trước khi có “con người thiêng liêng” (“divine man”) trên Trần Thế. Cũng chính vì thế mà chúng ta mới thấy kinh *Purānas* dạy rằng “Tạo Vật thứ năm, tức Tạo Vật Tairyagyonya, chính là tạo vật thú vật”.

¹ Năm Năm Minh Triết Thiêng Liêng, trang 276, “Chon Thần Khoáng Vật”.

(6) *Tạo Vật thứ Sáu*: Tạo Vật Ūrdhvasrotas tức Tạo vật chư Thiên. Nhưng chư Thiên này chỉ là các Nguyên kiểu của Giống dân thứ Nhất (the First Race), Tổ Phụ của các hậu duệ “sinh ra từ trí” có “xương mềm”. Chính các vị này đã tiến hoá ra từ giống người “Hãn sinh” (“Sweat-born” – sinh ra từ mồ hôi), thành ngữ này sẽ được giải thích trong Quyển 3 và 4.

Vishnu Purāṇa giải thích như sau: “Mặc dù bị huỷ diệt (dưới hình thức cá nhân) vào các thời kỳ hỗn nguyên, song lại chịu ảnh hưởng của các hành vi thiện và ác trong các kiếp trước (former existence), các tạo vật không bao giờ được miễn giảm quả báo, và khi Brahmā tái tạo thế gian, chúng lại là hậu duệ của ý chí Ngài”.

Đốn hết trí lực bình sinh lại (Yoga ý chí), Brahmā tạo ra “bốn đẳng cấp thực thể được gọi là chư Thần, chư Quỷ, TỔ PHỤ (PROGENITORS) và CON NGƯỜI (MEN);” ở đây, Tổ Phụ có nghĩa là các Nguyên kiểu (Prototypes) và các Đấng khai sinh ra Căn chủng đầu tiên (the first Root-Race) của nhân loại. Các Tổ Phụ tức là các Pitris và được chia làm bảy loại. Trong thần thoại ngoại môn có nói là các Ngài được sinh ra từ hông của Brahmā giống như Eve sinh ra từ xương sườn của Adam.

Cuối cùng, tiếp theo Tạo Vật thứ Sáu và kết thúc Tạo Vật nói chung là:

(7) *Tạo Vật thứ Bảy*: Cuộc tiến hoá của các thực thể Arvāksrotas, “và đó là tạo vật con người”.

“Tạo Vật thứ Tám” được đề cập tới không phải là *Tạo Vật* gì cả: đó chỉ là một tấm *bình phong*, vì nó chỉ nhằm nói tới một tiến trình thuần trí, tức việc tri giác được “Tạo Vật thứ Chín”. Đến lượt tạo vật thứ chín này lại là một hiệu quả đang biểu lộ trong tạo vật *Thứ yếu* của cái vốn là một “Tạo Vật”

trong Tạo Vật *Chủ Yếu* (Prākṛitita).⁽¹⁾ Do đó, Tạo Vật *thứ Tám* vốn được gọi là *Anugraha*, tức Tạo Vật trí thức (*Pratyasarga*) của phái Số Luận,⁽²⁾ là tạo vật mà chúng ta không hề có một ý niệm nào [về mặt nội môn] hoặc là tạo vật mà ta tán thành trong trí (*Anugraha*) khác với *tạo vật hữu cơ*. Đó là việc tri giác đúng được các quan hệ của chúng ta với toàn bộ hàng ngũ “chư Thiên” (“Gods”), nhất là chư Thiên mà chúng ta gọi là các *Thiên Tôn* (Kumāras), tức “Tạo Vật thứ Chín”, nó đích thực là một trạng thái hay phản ánh của Tạo Vật thứ Sáu trong kỳ Khai Nguyên (Manvantara) của chúng ta (chu kỳ Vaivasvata). *Vishnu Purāṇa*, kinh điển cổ nhất ⁽³⁾ đã dạy rằng: “Có một tạo vật *thứ chín*, tức Tạo Vật Thiên Tôn (the Kaumāra Creation), nó vừa có tính cách chủ yếu vừa có tính cách thứ yếu.” Một kinh điển Nội môn đã giải thích như sau:

¹ Giáo sư Wilson nhận xét như sau: “Các ý niệm này, sự giáng sinh của Rudra và chư Thánh đường như là đã được vay mượn của những người tôn thờ Shiva (Shaivas) và đã được ghép một cách vụng về vào hệ thống tôn thờ Vishnu”. Chúng ta phải tham khảo ý nghĩa nội môn của nó trước khi đánh bạo phát biểu một giả thuyết như vậy. Trang 78, chú thích.

² Xem Sāṅkhya Kārikā, v, 46.

³ Parāshara, vị Thánh Hiền phái Vedas, người đã được Pulastya truyền thụ cho *Vishnu Purāṇa* để dạy lại cho Đức Di Lặc, đã được các nhà Đông phương học gán cho sống vào nhiều thời đại khác nhau. *Từ điển cổ Ấn Độ* đã nhận xét rất đúng rằng: “Các suy đoán về kỷ nguyên của ông khác nhau rất nhiều trong khoảng từ năm 675 trước Thiên Chúa giáng sinh đến 1391 trước T. C., và *không thể tin tưởng được*”. Đúng thế. Nhưng chúng cũng đâu có gì không đáng tin cậy hơn bất cứ nhật ký nào khác đã được ấn định bởi các nhà nghiên cứu tiếng Bắc Phạn vốn đã lừng danh biết bao trong lãnh vực độc đoán và hoang tưởng.

Các Thiên Tôn vốn là các Đấng Thiên Định Đế Quân xuất phát trực tiếp từ Nguyên khí Tối Cao, rồi lại tái lâm vào thời kỳ Bàn Cổ Vaivasvata để cho nhân loại có thể tiến bộ được.⁽¹⁾

Dịch giả *Vishnu Purāṇa* đã bổ chứng nó bằng cách nhận xét rằng “Các hiền triết này... cũng sống lâu như Brahmā; các Ngài chỉ được Brahmā tạo ra trong Thiên Kiếp *thứ nhất* (the *first Kalpa*), mặc dù sự sinh hoá của các Ngài rất thường (nhưng không nhất thiết) diễn ra trong Thiên Kiếp [*Thứ yếu*] Heo Rừng (Varāha) tức Thiên Kiếp *Liên Hoa* (*Padma Kalpa*). Như thế, xét về mặt ngoại môn, các Thiên Tôn là “tạo vật Rudra tức Nīllohita một hình thái của Shiva, do Brahmā ...và một vài con sinh ra từ trí của Brahmā khác nữa”. Nhưng trong giáo lý nội môn, các Ngài chính là Tổ Phụ của CHON NGÃ nơi phàm nhơn, tức Prajāpatis thượng đẳng; trong khi mà các Pitris tức các Prajāpatis hạ đẳng chẳng có gì khác hơn là *tổ phụ* của kiểu mẫu hình hài vật chất của y, được tạo ra theo hình ảnh của các Ngài. Trong các kinh điển ngoại môn, người ta tha hồ đề cập tới Bốn (đôi khi *năm*) Thiên Tôn, trong khi ba Thiên Tôn (Kumāras) vẫn còn được bảo mật.

“Bốn Thiên Tôn [là] các Con sinh ra từ trí của Brahmā. Một vài chỗ vạch rõ là có tới bảy vị”.⁽¹⁾ Tất cả bảy Vaidhātra (họ của các Thiên Tôn) này, tức các Con của Đấng Tạo Tác (“Maker’s Sons”), đều được đề cập tới và mô tả trong *Sāṅkhya Kārikā* của Īshvara Krishna, có kèm theo phần giảng lý của

¹ Các Ngài có thể thật sự là “tạo vật” đặc biệt hay ngoại hạng, vì nhờ vào việc lâm phàm trong các xác người vô tri vô giác của hai Căn chủng đầu và một phần lớn Căn chủng thứ Ba nên các Ngài mới tạo ra một *giống dân mới* (tạm gọi như thế); đó là giống người *thiên nhiên*, hữu thức và biết suy tư.

¹ Từ điển cổ điển Ấn Độ.

Gaudapādā-chārya, Sư Tổ của Shankarāchārya. Nó bàn về bản chất của các Thiên Tôn mặc dù, vẫn tránh nêu *đích danh* tất cả bảy Thiên Tôn này; thay vào đó, nó gọi Ngài là “bảy con của Brahmā”, vì các Ngài được Brahmā tạo ra nơi Rudra. Nó trình bày danh sách như sau: Sanaka, Sanandana, Sanātana, Kapila, Ribhu và Panchashika.⁽²⁾ Nhưng đây lại toàn là *biệt hiệu*.

177 Bốn Thiên tôn ngoại môn là Sanatkumāra, Sanandana, Sanaka và Sanātana, còn ba Thiên Tôn nội môn là Sana, Kapila và Sanatsujāta. Một lần nữa, chúng ta phải đặc biệt chú ý tới hạng Thiền Định Đế Quân này (this class of Dhyān Chohans) vì đó là manh mối để giải bí nhiệm về sự sinh hoá và di truyền được ám chỉ trong phần giảng lý của ĐOẠN KINH 7 (STANZA 7) chữ Phạn, khi bàn về bốn đẳng cấp Thiên Thần. Quyển 3 và 4 sẽ giải thích về địa vị của các Ngài trong huyền thoại thiêng liêng. Trong khi chờ đợi, chúng ta thử xem kinh điển ngoại môn trình bày về các Ngài ra sao.

Các kinh điển ấy cũng chẳng trình bày được bao nhiêu và thật chẳng có gì đối với những kẻ nào không thể đoán được “ý tại ngôn ngoại.” Khi nhận xét là: “Ở đây, chúng ta phải cầu cứu tới các kinh *Purānas* khác để mình giải từ ngữ này”; Wilson đã chẳng hề ngờ rằng ông đang giáp mặt với các “Thiên Thần U Minh” (the “Angels of Darkness”), kẻ “đại thù” theo huyền thoại của Giáo hội ông. Do đó, ông đã trù tính *minh giải* một sự việc chẳng có gì khác hơn là “các [thần linh] *đang thoái hoá để sinh con để cái* [và do đó đã nổi dậy chống lại Brahmā] song vẫn luôn luôn còn ấu thơ, tức là

² [Danh sách thực sự là Sanaka, Sanandana, Sanatana, Āsuri, Kapila, Borhu và Panchashika. Xem giảng lý Gaudapāda về mục x, 1.]

Kumāras (tôn danh của Sanatkumāra có hàm ý đó) nghĩa là bao giờ cũng thanh khiết và vô tội; do đó, quyền năng sáng tạo của các Ngài mới được gọi là Kaumāra”. Tuy nhiên, kinh *Purānas* có thể minh giải thêm một chút nữa: “Bao giờ cũng cứ y như lúc mới chào đời, Ngài được gọi là một thanh niên, và vì thế, Ngài lòng lẫy với danh hiệu Sanatkumāra.⁽¹⁾ Trong *Shaiva Purānas*, người ta luôn luôn mô tả các Kumāras như là các đạo sĩ Yoga. Sau khi liệt kê các Ngài ra *Kurma Purāna* đã cho rằng: “Hồi chư đệ tử Bà La Môn, năm Đấng này chính là các đạo sĩ Yoga đã hoàn toàn thoát khỏi mọi thị dục”. Chỉ có năm Đấng, vì hai Thiên Tôn kia đã *sa đoạ*.

Một vài bản dịch của các nhà Đông phương học không đáng tin cậy đến nỗi mà trong bản dịch tiếng Pháp tác phẩm *Harivamsha* người ta đã nói rằng: “Bảy Prajāpatis, Rudra, Shanda (con của Ngài) và Sanatkumāra, tiến hành việc sáng tạo ra vạn hữu”. Trong khi đó, theo Wilson, nguyên văn như sau: “Bảy Đấng này ... sinh con đẻ cái, Rudra cũng vậy, con Skanda và Sanatkumāra đã tự *kềm chế quyền năng của mình và không chịu* (sáng tạo)”. Đôi khi, “bốn đẳng cấp thiên thần” được đề cập tới như là Ambhāmsi mà Wilson dịch “theo sát nghĩa là Nước” và tin rằng đó là “một mật danh”. Chắc chắn nó là một mật danh rồi, nhưng hiển nhiên là ông ta đã không lĩnh hội được ý nghĩa Nội môn *chân chính* của nó. “Nước” được xem như là biểu tượng của Tiên thiên khí, “Đại Dương Không Gian Nguyên Thủy” (the “Primordial Ocean of Space”); Nārāyana, Đấng Chơn Linh tự sinh tự tại di chuyển trên đó, dựa vào cái vốn là *hậu quả của nó*.⁽¹⁾ “Nước là thể của Nara, do đó chúng ta mới được nghe giải thích về tôn danh

¹ *Linga Purāna*, Tiết trước lxx, 174.

¹ Xem *Bàn Cổ*, I, 10.

Nước. Vì Brahmā nằm yên trên mặt Nước nên Ngài được mệnh danh là Nārāyana.”⁽²⁾ “Tinh thần thuần khiết tạo ra Nước thuần khiết”. Đồng thời, Nước là Nguyên khí thứ ba trong Vũ Trụ vật chất, và là Nguyên khí thứ ba trong thế giới Tinh Thần. *Tinh Thần* của Lửa, Ngọn Lửa, Tiên thiên khí (Ākāsha), Dĩ Thái (Ether), Thủy, Phong, Địa là các nguyên khí vũ trụ, tinh đầu (sidereal), tâm linh, tinh thần và huyền bí

178 (mystic), *nhất là huyền linh (occult)*, trên mọi *cảnh giới* hiện tồn. Ambhāmsi là từ ngữ được dùng để chỉ bốn đẳng cấp thực thể sau đây: “Chư Thiên, chư Quỷ, Tổ Phụ và Con người”. Trong kinh Vedas, nó đồng nghĩa với chư Thiên, vì toàn thể Chư Thiên đều là sản phẩm của NƯỚC (về mặt huyền bí), của Đại Dương Tiên thiên khí (the Ākāshic Ocean), và của nguyên khí thứ Ba trong Thiên Nhiên. Trong kinh Vedas, nó đồng nghĩa với chư Thiên. Các Tổ Phụ và Con Người trên Trần Thế là các biến hóa hay kiếp tái sinh của chư Thiên và chư Quỷ (Vong linh) trên một cảnh giới cao. Theo một ý nghĩa khác, Thủy (Water) là nguyên khí âm. Venus Aphrodite là Đại Hải đã được nhân cách hoá (the personified Sea), thân mẫu của thần Luyến ái (the god of love), nữ thần sản sinh ra tất cả chư thần, chẳng khác nào Đức Mẹ Đồng Trinh Mary của Thiên Chúa giáo là Đại Hải, thân mẫu của thần Luyến Ái, Từ Bi, Nhân Hậu ở Tây phương. Nếu môn sinh Nội môn Bí giáo chịu khó suy tư, nghiền ngẫm chủ đề này, chắc chắn y sẽ tìm ra được là từ ngữ Ambhāmsi này gọi cho ta rất nhiều ý khi xét nó liên hệ đa phương với Đức Mẹ Đồng Trinh trên Thiên Đàng, với Đức Mẹ Đồng Trinh Thánh Thiện của các Nhà luyện kim đan (Alchemists), thậm chí với cả “Nước Rửa Tội” (the “Waters of

² Xem *Linga, Vāyu và Mārkanḍeya Purāṇas*. Xem *Vishnu Purāṇa*, Wilson Quyển 1, trang 56 - 57.

Grace”) của người theo phái “trưởng thành tây lễ” hiện đại (the modern Baptist).

Trong số tất cả bảy phân chia lớn của các Thiên Định Đế Quân tức chư Thiên, nhân loại có quan hệ nhiều hơn với các Thiên Tôn (Kumāras). Các nhà Thần học Thiên Chúa giáo thật là khinh xuất (imprudent) khi đã làm giảm uy danh (degrade) các Ngài xuống thành ra các Thiên Thần *sa đoạ* và nay gọi các Ngài là Quỷ Vương (Satan) và Ma Quỷ (Demons). Trong các chư Thiên đã *từ chồi sáng tạo*, Tổng Thiên Thần Michael (vị thánh đỡ đầu cao cả nhất của các Giáo hội Đông phương và Tây phương, có biệt danh là Thánh Michael; người ta cho là phản ánh của Ngài trên trần thế, tức Thánh George, đã khuất phục được CON RỒNG) phải chiếm một địa vị nổi bật nhất.⁽¹⁾

Các Thiên Tôn, “các Con sinh ra từ Trí” của *Brahmā-Rudra*, tức Shiva, về mặt huyền bí, chính Ngài đã *huỷ hoại một cách kinh khủng (terrific) các thị dục của con người và các giác quan hồng trần*, chúng bao giờ cũng ra sức phát triển các tri giác tinh thần thượng đẳng và Chon Nhon bất tử, là hậu duệ của Shiva, Mahāyogi, bậc Sư Trưởng của tất cả các đạo sĩ Yoga và các nhà huyền bí học Ấn Độ.

Shiva-Rudra là Đấng Huỷ Diệt (the Destroyer), cũng như Vishnu là Đấng Bảo Dưỡng (the Preserver); thế là cả hai đều là Đấng Tái Tạo Thế giới tinh thần cũng như Thế giới vật chất. Để sống được như một cây cành lá sum suê, *hạt giống* phải chết đi. Muốn tồn tại như là một thực thể hữu thức trong Vĩnh Cửu, các thị dục và các giác quan của con người phải CHẾT đi trước khi hồn lìa khỏi xác. Ở phương Tây,

¹ Xem Quyển 3, Phần I ĐOẠN KINH 9, Phần bình luận.

chẳng mấy ai hiểu được phát biểu sau đây: “Sống mới là chết, còn chết mới là sống”. Shiva, *Đấng Huỷ Diệt* cũng chính là *Đấng Sáng Tạo* và *Đấng Cứu Độ* Chơn Nhơn, vì Ngài thường vun bón Thiên Nhiên. Ngài đã nhổ các cỏ dại che lấp hết các cây (con người và vũ trụ) diệt trừ các đam mê của thể xác và khai sinh ra các tri giác của Chơn Nhơn.

Chính các Thiên Tôn là các “tu sĩ khổ hạnh Trinh khiết” nên mới từ chối sáng tạo ra một thực thể *vật chất* tức CON NGƯỜI. Chẳng trách người ta ngỡ là các Ngài có một liên hệ trực tiếp với Tổng Thiên Thần Michael của Thiên Chúa giáo, “người Chiến sĩ Trinh Khiết” (“Virgin Combatant”) đã khuất
 179 phục được Con Rồng *Apophis* mà các nạn nhân của nó là bất cứ linh hồn nào liên kết quá lỏng lẻo với Tinh Thần bất tử. Theo các tín đồ phái Ngộ Đạo, Thiên Thần này cũng *từ chối sáng tạo* giống như là các Thiên Tôn. Liệu Thiên Thần đầu đầu này của dân Do Thái có *chủ trì* Thổ Tinh (Shiva tức Rudra) cũng như là ngày Sabbath (ngày Thổ tinh) hay không? Liệu Ngài có tỏ ra là có cùng bản thể với Cha Ngài (Thần Thổ Tinh) và được gọi là Con của Thời gian, *Kronos* tức là Kāla (thời gian), một hình thái của Brahmā (Vishnu và Shiva) hay không? Và phải chăng “Đấng Kỳ Cựu” (“Old Time”) của người Hy Lạp (tay lăm lăm cầm lưỡi hái và đồng hồ cát) cũng đồng nhất với “Đấng Vô Lượng Thọ” (“Ancient of Day”) của tín đồ Do Thái Bí giáo, còn Đấng này cũng đồng nhất với Đấng Vô Lượng Thọ của người Ấn Độ, Brahmā (dưới hình dạng tam phân) cũng có tôn danh là Sanat, (Kỳ Cựu – the Ancient)? Mọi Thiên Tôn đều có tôn danh bắt đầu là *Sanat và Sana*.⁽¹⁾ Còn Shanaishchara chính là Thổ Tinh, Hành Tinh

¹ [*Sanat* là một tôn danh của Brahman (Huyền Không Thượng Đế)].

Shani, Thánh Vương Saturn mà vị Bí thư ở Ai Cập chính là Thot-Hermes đệ nhất. Như thế, tất cả đều được đồng nhất hoá với tất cả hành tinh lẫn vị Thần của nó (Shiva); đến lượt họ lại tỏ ra là các nguyên kiểu của Thần Saturn, Ngài cũng chẳng khác nào Bel, Baal, Shiva và Jehovah, Sabbaoth, Thiên Thần Bản Diện (the Angel of the Face) của Ngài là Mikael⁽²⁾ “Ngài cũng như là Thượng Đế”. Theo Daniel,⁽³⁾ Ngài là Thiên Thần hộ mệnh và đỡ đầu cho dân Do Thái. Trước khi những kẻ vô minh đã giảm uy danh các Thiên Tôn xuống thành ra Ma Quỷ và các Thiên Thần Sa Đoạ (Fallen Angels), các kẻ tôn thờ Rắn ở Hy Lạp (các bậc tiền bối có xu hướng huyền linh thuộc Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã sau khi đã ly khai với Giáo hội Thiên Chúa giáo Hy Lạp nguyên thủy) đã đồng nhất hoá Michael với *Minh Triết Thần Xà* (*Ophiomorphos*), Chon Linh đối lập nổi loạn. Điều này chẳng có nghĩa gì khác hơn là trạng thái ngược lại (xét về mặt biểu tượng) của Ophis, Minh Triết Thiêng Liêng tức Christos. Trong bộ *Do Thái Pháp Điển*, Mickael (Michael) chính là “*Diệu Thuỷ Thánh Vương*” (“Prince of Water”) và là vị đứng đầu của Bảy Chon Linh (the Seven Spirit), cũng chẳng khác nào một trong nhiều nguyên kiểu của Ngài, Sanstsujāta, vị đứng đầu các Thiên Tôn, được gọi là Ambhāmsi, “*Đại Thuỷ*”, theo giảng lý của *Vishnu Purāna*. Vì có làm sao? Vì “*Đại Thuỷ*” là một danh xưng khác của “*Thái Uyên*” (the “Great Deep”), Nước Không Gian nguyên thủy (the primordial Waters of Space), tức Hồng nguyên khí (Chaos), và cũng có nghĩa là Từ Mẫu, Ambā, nghĩa là Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi) và Tiên

² Theo lối trình bày trong ấn bản 1888, là *Thiên Thần có Bản diện là MIKAEL*.

³ Xem chương xii, 1.

thiên khí (Ākāsha), Đức Mẹ Đồng Trinh Thánh Thiện của Vũ Trụ vô hình. Và lại, “Nước Lụt” (the “Waters of the Flood”) cũng được gọi là ĐẠI LONG (“GREAT DRAGON”), tức Ophis, Ophiomorphos.

Chúng ta sẽ quan tâm tới Rudras với tính cách thất phân của các “Hoả Tinh Linh” (“Fire-Spirit”) trong “Biểu tượng ký” (the “Symbolism”) kèm theo các ĐOẠN KINH (STANZAS) chữ Phạn trong Quyển 3. Lúc đó, chúng ta sẽ xét tới Thập tự giá (3 + 4) dưới các dạng nguyên thủy cũng như sau này và sẽ dùng nó để so sánh đối chiếu hệ thống số mục của Pythagoras với khoa đo lường của người Hebrew. Con số *bảy* hiển nhiên là cực kỳ quan trọng và được xem như là con số cơ bản của Thiên Nhiên. Chúng ta sẽ xét nó theo quan điểm của kinh *Vedas* và các thánh kinh của dân Chaldea (nó đã tồn tại ở Ai Cập hàng ngàn năm trước T. C. và đã được các văn thư lưu trữ của phái Ngộ Đạo bàn đến). Chúng ta sẽ chứng tỏ rằng làm thế nào mà nó được vật lý học nhìn nhận như là một con số cơ bản quan trọng. Chúng ta cũng sẽ ra sức chứng tỏ rằng từ xưa đến nay, việc số *bảy* được xem như là con số quan trọng, chẳng phải là do những tăng lữ dốt nát tưởng tượng bịa đặt, mà chính là do người ta đã quán triệt được Định Luật Thiên Nhiên.

TIẾT 14

TỨ ĐẠI

(THE FOUR ELEMENTS)

XÉT về mặt siêu hình và nội môn bí giáo, trong Thiên Nhiên chỉ có một HÀNH DUY NHẤT (ONE ELEMENT in Nature), và nguồn gốc của nó là Đấng Thánh Linh (the Deity). Cái gọi là Thất Đại (*seven Elements*), kể cả *ngũ hành* đã biểu lộ và tồn tại ổn định rồi, đều là lớp vỏ, *bức màn che Đấng Thánh Linh này*, xuất phát từ bản thể khai sinh ra CON NGƯỜI (MAN), dù là xét về mặt vật chất, tâm linh, trí tuệ hay tinh thần. Vào thời cổ sơ sau này, chỉ có Tứ đại (four Elements) là thường được đề cập tới, trong khi triết học chỉ thừa nhận có ngũ hành. Ấy là vì thể của Dĩ Thái (Ether) vẫn còn chưa được biểu lộ trọn vẹn, và thực tượng (noumenon) của nó vẫn còn là “Hậu Thiên Khí Bản Sơ Toàn Năng” (the “Omnipotent Father Aether”), tổng hợp của phần còn lại. Nhưng đến nay, hoá học và vật lý học đã khám phá ra rằng các hợp chất của các “HÀNH” lại chứa vô số các nguyên tố (numberless sub-elements), thậm chí sáu mươi hay bảy mươi nguyên tố cũng còn chưa bao hàm hết toàn bộ số nguyên tố mà người ta nghi ngờ là đang tồn tại ⁽¹⁾ thì các Hành này là gì bây giờ? Dù sao đi nữa, chúng ta cứ thử theo dõi diễn trình tiến hoá từ khi bắt đầu thời kỳ *hữu sử* xem sao.

¹ Xem *Phụ lục*, Tiết 11 và 12.

Plato đã nêu lên được đầy đủ nét đặc trưng của Tứ Đại khi ông cho rằng chúng là những gì hoá hợp và phân giải các hợp chất. Vì thế, ngay cả dưới trạng thái tối tệ nhất, tục tôn thờ vũ trụ cũng không bao giờ biến thành bái vật giáo (the fetichism), vốn chỉ tôn thờ hình dáng thụ động bên ngoài và vật chất của bất cứ đối tượng nào, chứ không bao giờ xét tới *thực tượng* bên trong nó. Phong, Hoả, Thuỷ, Địa chẳng qua chỉ là lớp vỏ hữu hình, biểu tượng của các Chơn Linh vô hình, các Thần Linh Vũ Trụ (the Cosmic Gods); trong khi kẻ vô minh lễ bái các vị này, thì bậc thức giả chỉ kính cần thừa nhận các Ngài thôi. Đến lượt các phân bộ *hiện tượng* (the *phenomenal* subdivisions) của các Hành thực tượng (noumenal Elements), tức các “Tinh Linh Ngũ Hành” (the “Nature Spirits”) hạ đẳng.

Trong *Thần phổ học* (the *Theogony*) của Mỗchus, chúng ta thấy thoát tiên là Dĩ Thái (Ether), rồi tới Phong (Air); đó là hai nguyên khí sản sinh ra Ulom, Thượng Đế khả niệm (intelligible God), Vũ Trụ Vật Chất (Universe of Matter) hữu hình.⁽¹⁾

182 Trong các thánh ca của Orpheus, Eros-Phanes từ Linh Noãn (the Spiritual Egg) tiến hoá ra; Các luồng Hậu thiên khí (Aether) thấm nhuần Linh Noãn này; Thần khí (Wind) này chính là “Tinh Thần của Thượng Đế” (the “Spirit of God”) mà người ta cho rằng nó đã di chuyển trong Hậu thiên khí, “nghiên ngẫm về Hồng nguyên khí (Chaos)”, Thiên “Ý” (the Divine “Idea”). Trong *Katha Upanishad* của Ấn Độ, Purusha (Tinh Thần Thiên Liêng) đã tồn tại trước khi có vật chất nguyên thủy; sự phối hợp của hai thứ trên đã tạo ra Đại Hồn Vũ Trụ (the great Soul of the World), “Mahã-Ātmã, Brahman,

¹ Movers, *Phōnizier*, trang 282.

Tinh Thần Bản Sinh” (the “Spirit of Life”).⁽¹⁾ Các danh xưng này lại đồng nhất với Linh Hồn Vũ Trụ *Anima Mundi*; Tinh Tú Quang của các nhà Thông thần (Theurgists) và các tín đồ Do Thái Bí giáo chính là phân loại cuối cùng và kém nhất của nó.

Như thế, các Hành của Plato và Aristotle đều là các nguyên khí vô hình liên kết với phân bộ lớn của Vũ Trụ chúng ta. Creuzer thật là chí lý khi định nghĩa các tín ngưỡng sơ khai này là *“một loại pháp thuật, một tà đạo tâm linh và một sự thần thánh hoá khiến cho các tín đồ sống chan hoà với các mãnh lực này”*.⁽²⁾ Thật vậy, mối quan hệ ấy khẳng khít đến nỗi mà Huyền giai (Hierarchies) các Mãnh lực này hay Thần lực này, đã được xếp loại theo một thang giá trị bảy nấc, từ cái khả lượng (ponderable) đến cái bất khả lượng (imponderable). Chúng được chia ra làm Bảy phần, chẳng phải để dùng làm một phương tiện nhân tạo giúp cho việc thấu hiểu chúng dễ hơn; mà đó chỉ là phép phân cấp *Vũ Trụ*, từ thành phần hoá học hay vật lý học cho tới thành phần thuần túy tinh thần. Đối với khối quần chúng vô minh, đó là chư Thần Linh độc lập, tối cao; đối với kẻ cuồng tín, đó là ma quỷ, dù là có học thức cách mấy đi nữa, những kẻ cuồng tín cũng không sao hiểu được Tinh Thần của phát biểu có ý nghĩa triết học thâm thúy sau đây: đơn nguyên trong đa nguyên. Đối với triết gia phái Hermes. Đó là các THẦN LỰC tương đối *“mù quáng”* (“blind”) hay *“thông tuệ”* (“intelligent”) tùy theo các nguyên khí được đề cập đến. Phải mất hàng ngàn năm dài đằng đằng trước khi mà cuối cùng, vào thời đại

¹ Weber, *Akad, Vorles*, trang 231 - 214, v.v....

² Quyển IX, trang 850.

văn minh của chúng ta, chúng mới bị giảm giá trị xuống thành các nguyên tố hoá học đơn thuần.

Dù sao đi nữa, nếu vẫn còn ít nhiều tôn kính Moses, các tín đồ Thiên Chúa giáo ngoan đạo và nhất là các tín đồ Tin Lành nên tôn kính Tứ Đại hơn nữa. Ấy là vì trong từng trang của bộ *Ngũ Kinh Cựu Ước (Pentateuch)*, *Thánh kinh* đã chứng tỏ rằng nhà lập pháp người Hebrew đã rất quan tâm tới các ý nghĩa huyền học. Cái rạp (the tent) che Thánh điện là một Biểu tượng Vũ Trụ và có tính chất linh thiêng, theo một trong các ý nghĩa của nó, đối với các Hành, bốn phương và Dĩ THÁI. Josephus trình bày là nó có màu trắng, màu của Dĩ Thái. Điều này cũng giải thích được lý do tại sao ở các Thánh điện Ai Cập và Hebrew, theo Clemens Alexandrinus,⁽¹⁾ đều có bức màn khổng lồ với năm cái trụ đỡ; bức màn này ngăn cách thâm cung – nay được tượng trưng bởi bàn thờ trong các nhà thờ Thiên Chúa giáo – (nơi mà chỉ có các lễ sư mới được vào) với phần mà kẻ phàm tục có thể tới được. Bốn màu của bức màn này tượng trưng cho bốn Hành chính yếu, còn [năm trụ
183 đỡ] có nghĩa là minh triết thiêng liêng mà năm giác quan giúp cho con người có thể đạt được nhờ vào Tứ Đại (the *four Elements*).

Trong các *Áng văn cổ* của Cory, một trong các “Sấm giảng của dân Chaldea” có trình bày ý niệm về các hành và Dĩ Thái giống hệt như là những điều được trình bày trong tác phẩm *Vũ Trụ Vô Hình* của hai khoa học gia lỗi lạc hiện đại.

Nó vạch rõ rằng vạn vật xuất phát từ Dĩ Thái rồi sẽ lại nhập về Dĩ Thái; hình ảnh của vạn hữu đã được ghi khắc mãi mãi vào Dĩ Thái; đó là kho chứa các mầm mống, các di tích của mọi hình hài sắc tướng và cả ý niệm nữa. Hình như là tình huống này đã bố

¹ *Stromata*, I, 2, v, 6.

chúng một cách kỳ diệu cho lời khẳng định sau đây của chúng ta ngày nay, bất cứ khám phá nào của chúng ta cũng đều được các “tổ phụ chất phác” (“simple-minded ancestors”) tiên đoán ra hàng ngàn năm về trước”.¹)

Thế thì Tứ Đại và *Malachim* của dân Hebrew ở đâu ra đây? Nhờ vào một xảo thuật, các giáo sĩ Do Thái và sau này các Đức Cha của giáo hội đã hoà hợp chúng lại thành Jehovah, nhưng chúng có nguồn gốc giống hệt như là nguồn gốc của các vị Thần Vũ Trụ của mọi quốc gia khác. Các biểu tượng của chúng, dù là được sản sinh ra trên các bờ biển Oxus, trên sa mạc cháy bỏng ở Thượng Ai Cập, nơi các khu rừng hoang vu, kỳ quặc và băng giá mọc trên sườn và đỉnh của rặng núi thiêng Thessaly quanh năm tuyết phủ, hoặc là nơi các cánh đồng hoang ở Châu Mỹ - khi được truy nguyên ra cũng đều như nhau. Dù là đối với người Ai Cập hay Pelasgian, đối với người Ảryan hay Semitic, Thần Loci, Thổ Địa (the Local God) đều bao hàm trọn cả Thiên Nhiên gộp thành một. Tuy nhiên, Tứ Đại cũng chẳng nhất thiết phải là tạo vật duy nhất, bởi vì còn có cây cỏ, sông ngòi, núi non và trăng sao nữa. Thần Loci, chỉ mới được nghĩ tới sau này vào thời các phân chủng cuối cùng của Căn chủng thứ Năm (the Fifth Root-Race), khi ý nghĩa cao cả và nguyên thủy hầu như là đã thất truyền rồi, bao giờ cũng đại diện cho tất cả mọi cộng sự viên của mình với các tôn danh huân tập (accumulated titles). Đó là Hoả Thần (the God of Fire), được trình bày tượng trưng là sấm sét, Jove tức Agni; Thủy Thần (the God of Water), được trình bày tượng trưng là con bò đực trên sông (the fluvial bull), hoặc một con sông linh thiêng hay suối nước, chẳng hạn như Varuna, Neptuna (Hải Thần)

¹ Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, Quyển I, trang 325.

v.v....; Thần Gió (God of *Air*) biểu lộ trong các cơn phong ba bão tố (the hurricane and tempest), như là Vâyú và Indra; còn Thần Đất (God or Spirit of the *Earth*) xuất hiện trong nhiều trận động đất, như là Pluto, Yema và nhiều thần khác nữa. Đó là các Thần Vũ Trụ, bao giờ cũng tổng hợp tất cả lại thành một, có mặt trong mọi thần thoại hoặc vũ trụ khởi nguyên luận. Như thế, người Hy Lạp mới có Jupiter Dodona bao hàm cả Tứ Đại lẫn bốn phương (the four Elements and the four cardinal points), do đó Ngài được thừa nhận ở La Mã cổ với tôn danh phiếm thần *Jupiter Mundus*. Nay ở Tân La mã, Ngài đã trở thành Thần Linh vũ trụ độc tôn và bị các đặc sứ (special ministers) tự tiện gán cho việc nuốt trọn hết (swallow all) các thần linh khác trong thần phổ học mới nhất.

184 Với tư cách Hoả Thần, Phong Thần và Thuỷ Thần, các Ngài là chư Thần Linh *Thiên Giới* (*Celestial Gods*), với tư cách là chư Thần Linh *hạ giới* (*Gods of the lower region*), các Ngài là các Thần *địa ngục* (*infernal Deities*); tính từ địa ngục chỉ được áp dụng cho *Trần Thế*. Các Ngài là các “Chơn Linh Địa Cầu” (“Spirit of the Earth”) và lần lượt được mệnh danh là Diêm Vương (Yama), Pluto, Osiris, “Hạ giới Tinh Quân” (“Lord of the Lower Kingdom”) v.v...., đặc tính trần thế của các Ngài cũng đủ chứng tỏ điều đó rồi. Trên địa cầu này, đối với Cổ Nhân, sau khi lìa trần thì chẳng còn nơi nào tồi tệ hơn *Trung âm giới* (*Kāma Loka*) tức *Âm phủ* (the *Limbus* on this Earth).⁽¹⁾

¹ Nếu tin theo lời của đạo sư Jeremiah, thì Gehenna trong *Thánh kinh* là một thung lũng ở gần Jerusalem, nơi mà dân Do Thái đốt thân dâng cúng trẻ con lên thần Moloch. Hel hay Hela của dân Bắc Âu là một vùng lạnh lẽo – lại Trung Âm giới -, còn Amenti của dân Ai Cập lại là một nơi thanh luyện. (Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, II, 11.)

Nếu người ta luận chứng là Jupiter Dodona đồng nhất hoá với *Dis*, hoặc Pluto của La Mã đồng nhất hoá với Dionysus Chthonios (Thần dưới đất – the Subterranean) cũng như là với Aidoneus (Trị vì Thế giới dưới đất – the King of the Subterrean World), nơi xuất phát của các sấm giảng – theo Creuzer –⁽¹⁾ thì bấy giờ các nhà Huyền bí học sẽ lấy làm sung sướng mà chứng tỏ rằng cả Aidoneus lẫn Dionysus đều là cơ sở của Adonai tức Iurbo-Adonai (*Codex Nazaroeus* gọi Jehovah như thế). “Bạn sẽ không tôn thờ Mặt Trời, vốn được tôn xưng là Adonai, Kadush và El-El”⁽²⁾ cũng như là “Tửu Thần” (“Lord Bacchus”). Theo hệ thống văn tự cổ truyền (Massorah), Baal-Adonis của các *Bí pháp* (*Sōds*) của dân Do Thái tiền Babylon đã biến thành Adonai, và sau này là Jehovah. Do đó, các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã thật là chí lý. Tất cả các Đấng Jupiter này đều thuộc cùng một gia tộc, nhưng phải bao gồm cả Jehovah trong đó để cho nó được hoàn chỉnh. Jupiter *Aerius* hay *Pan*, Jupiter-Ammon và Jupiter-Bel-Moloch đều tương hệ và đồng nhất với Iurbo-Adonai, bởi vì tất cả đều là Thiên Nhiên Vũ Trụ duy nhất. Chính Thiên Nhiên và Quyền Năng đó đã tạo ra biểu tượng trần thế chuyên biệt cũng như là cấu trúc vật chất của biểu tượng này, nó chứng tỏ rằng Năng Lượng biểu lộ thông qua nó có tính cách *ngoại lai* (*extrinsic*).

Ấy là vì theo Schelling, tôn giáo nguyên thủy đâu phải chỉ là việc quan tâm tới các hiện tượng vật lý mà còn hơn thế nữa. Các nguyên khí – còn cao siêu hơn những gì mà những người Sadducees chúng ta hiện nay biết tới – “được che giấu

¹ I, vi, i.

² *Nhân Loại Thánh Thư* (*Codex Nazaroeus*), I, 47; xem thêm Thánh thi lxxxix.

dưới bức mạng trong suốt gồm toàn là các vị thần thiên nhiên như là sấm sét, mưa gió”. Cổ nhân biết và có thể phân biệt được các Hành *xác thật* với các Hành *tinh thần* trong các Thần Lực của Thiên Nhiên.

Jupiter tứ phân, cũng như tứ diện Brahmā (Phong Thần, Thiên Lô, Thần Đất và Hải Thần – chủ trì Tứ Đại) có thể được xem như là đại biểu cho các Đại Thần Linh Vũ Trụ của mọi quốc gia. Mặc dù đã uỷ quyền chế ngự lửa cho Hephaestus-Vulcan, uỷ quyền chế ngự biển cho Poseidon-Neptune và uỷ quyền chế ngự Thần Đất cho Pluto-Aidoneus, PHONG THẦN JOVE (the AERIAL JOVE) vẫn còn có tất cả mọi quyền năng này. Ấy là vì ngay từ đầu, HẬU THIÊN KHÍ (AETHER) đã vượt trội lên và là phần tổng hợp của tất cả mọi Hành.

185 Theo truyền thuyết, ở sa mạc Trung Á, có một cái động lớn, ánh sáng tràn vào trong động này theo bốn khe nứt hình như là tự nhiên ở ngay trong bốn hướng. Người ta khẳng định rằng từ giữa trưa đến một giờ trước khi mặt trời lặn, ánh sáng với bốn màu xanh, đỏ, cam-vàng và trắng tràn vào, nhờ có một tình hình đất đai và cây cỏ nào đó (hoặc là tự nhiên hoặc là nhân tạo). Ánh sáng hội tụ vào tâm xung quanh một cột bằng cẩm thạch trắng; phía trên cột có một quả cầu tượng trưng cho trái đất của chúng ta. Nó được gọi là “Động Zarathushtra”.

Được bao hàm trong các nghệ thuật và khoa học của Giống dân thứ Tư, tức giống dân Atlante, sự biểu lộ hiện tượng của Tứ Đại (the Four Elements) – mà theo tín đồ thật là chí lý khi gán nó cho sự can thiệp thông minh của chư Thần Linh Vũ Trụ - đã có một tính toán khoa học. Vào thời đó *Pháp thuật* của các lễ sư cổ truyền gồm có việc cầu nguyện với *chư Thần theo ngôn ngữ đặc biệt của các Ngài*.

Nghi Thức Thánh Thư dạy rằng:

Ngôn ngữ của loài người trên Địa Cầu không thể đạt đến được các Tinh Quân (Lords). Chúng ta phải thỉnh nguyện mỗi Tinh Quân lần lượt bằng ngôn ngữ của Hành thuộc chính Ngài.

Thánh thư trên còn trình bày thêm một câu đầy ý nghĩa để giải thích bản chất của ngôn ngữ *Ngũ Hành* đó:

Nó không phải gồm toàn các từ ngữ, mà lại gồm toàn là ÂM THANH, số mục và hình ảnh. Kẻ nào biết cách hoà hợp ba thứ đó lại, sẽ có được đáp ứng của Quyền Năng giám sát (the superintending Power) [vị Thần Linh Chủ Trì (the Regent-God) Hành chuyên biệt cần thiết].

Như thế, đó chính là “ngôn ngữ” THẦN CHÚ (MANTRAS) (ở Ấn Độ người ta gọi chúng như vậy); âm thanh vốn là *tác nhân pháp thuật mạnh mẽ và hiệu nghiệm nhất*, nó cũng là chìa khoá đầu tiên mở được cánh cửa liên giao giữa Thế nhân (Mortals) và những Người bất tử (Immortals). Kẻ nào tin theo lời dạy của Thánh Paul, ắt sẽ không có quyền lựa ra những phát biểu nào của Ngài mà y chấp nhận và bác bỏ các lời phát biểu khác. Thế mà không ai chối cãi được rằng Ngài sẽ giảng dạy về sự tồn tại của chư Thần Linh Vũ Trụ giữa nhân quần (their presence among us). Tà đạo đã rao giảng một cuộc tiến hoá lưỡng phân và đồng thời một tạo vật tinh thần và thể tục (Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã bảo như thế) biết bao nhiêu lâu trước khi có Giáo hội La Mã đó. Từ thời hoàng kim nhất của Tà đạo, tức tục sùng bái “ngẫu tượng,” ngôn ngữ ngoại môn đã chẳng thay đổi bao nhiêu khi đề cập tới các Huyền giai Thiêng liêng (Divine Hierarchies). Chỉ có danh xưng là thay đổi cùng với những lời tự xưng tự tạo này đã trở thành giả dối. Chẳng hạn, Plato đã gán cho Nguyên Khí Vô Thượng (the Highest Principle), “Hậu thiên khí Bản sơ” (“Father Aether”), hoặc Jupiter thốt ra lời lẽ như sau; “Chính ta đã tạo

ra chư Thần Linh, bởi vì Ta chính là cha đẻ của mọi công tác của chúng”; như thế chúng tôi ngờ rằng ông ta cũng thấu hiểu được trọn vẹn tinh thần của phát biểu này chẳng kém gì Thánh Paul, Ngài đã dạy rằng: “Có những thứ được gọi là 186 chư Thần Linh, dù là ở trên Trời hay ở dưới Đất, đều có nhiều Thần Linh và nhiều Tinh Quân....”(1)

Chúng ta không thể bắt chước các tín đồ Tin Lành để thuyết minh câu thơ trong Thánh thư *Corinth*, ấy là vì nếu bản dịch tiếng Anh của *Thánh kinh* thật là mơ hồ, tối nghĩa thì trong nguyên bản lại không hề như thế; do đó Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã sẽ chấp thuận những lời dạy của vị Tông đồ theo ý nghĩa chân chính. Để minh chứng, chúng ta thử xét Thánh Dionysius, Thẩm phán Tối cao Pháp viện Athens, Ngài vốn đã được “Tông đồ Paul trực tiếp cảm ứng” và “được Thánh Paul đọc cho viết” (Hầu tước De Mirville đã đoan chắc với chúng ta như vậy); các tác phẩm của Ngài cũng được Giáo hội La Mã phê chuẩn. Bình giảng về câu thơ đặc biệt trên, Thánh Dionysius đã cho rằng: “Cho dù thực sự có những Đấng được gọi là chư Thần Linh, vì hình như là thật sự có nhiều thần linh, song đồng thời, xét về mặt bản thể, *Nguyên Khí Thượng Đế* (*God-Principle*) và Thượng Đế vẫn đơn nhất và bất khả phân ly”.(2) Các đạo đồ thời xưa cũng dạy như vậy, vì các Ngài biết rằng việc tôn thờ các Tiểu Thần không bao giờ ảnh hưởng đến “*Nguyên Khí Thượng Đế*”(3).

Đề cập đến mối tương hệ giữa các thần lực, W. Grove cho rằng:

¹ Thánh thư *Corinth*, viii, 5.

² *Về các Thánh Danh*, bản dịch của Darboy, trang 364 (Được trích dẫn trong *Các Vong Linh*, Quyển II, trang 322.)

³ Xem De Mirville, *Các Vong Linh*, Quyển ii, trang 322.

Khi chúng kiến hiện tượng thiên nhiên không giống với các điều tương tự (analogies) thông thường và không thể giải thích được bằng bất cứ tác động cơ học nào, cổ nhân thường qui điều đó cho một linh hồn, một quyền năng tinh thần siêu phàm.... Thoạt đầu, không khí và các chất khí cũng được xem là có tính cách tinh thần, nhưng sau đó, chúng bị xem là có tính cách vật chất nhiều hơn. Cũng vậy, các từ ngữ spirit (tinh thần) v.v....được dùng để chỉ linh hồn hay một chất khí; chính từ ngữ “gas” (khí) có từ nguyên là geist, một con ma hay một vong linh cũng cho chúng ta một thí dụ về việc chuyển dần dần từ một quan niệm tinh thần sang một quan niệm vật chất.⁽¹⁾

Trong lời mở đầu cho ấn bản kỳ thứ sáu của tác phẩm mình, khoa học gia lỗi lạc trên đã xem điều đó như là mối quan tâm *duy nhất* của khoa học chính xác, vốn không hề bận tâm gì đến các NGUYÊN NHÂN (CAUSE).

Do đó, trong mối tương quan trù tượng với các lực này, nhân và quả chỉ là những từ ngữ được dùng cho tiện. Chúng ta hoàn toàn xa lạ với quyền năng sinh hoá tối hậu của mỗi một và tất cả bọn chúng, và có lẽ là cũng sẽ như thế mãi. Chúng ta chỉ có thể xác định được qui phạm của các tác động của chúng. Chúng ta phải bám bụng qui nguyên nhân của chúng cho một tác dụng toàn hiện duy nhất, và đành phải nghiên cứu các hậu quả của chúng, đồng thời dùng thực nghiệm triển khai các quan hệ hỗ tương của chúng.⁽²⁾

Một khi mà ta đã chấp nhận chính sách này và đã thực sự thừa nhận những lời lẽ nêu trên (nghĩa là thừa nhận rằng “quyền năng sinh hoá tối hậu” có tính cách *tinh thần*) thì cũng không có lý do gì mà chúng ta lại không chịu thừa nhận cái

¹ *Sự Tương Hệ của các Lực Vật Lý*, trang 89.

² Như trên, xiv.

tính chất vốn có sẵn trong các *nguyên tố vật chất*, hay đúng hơn là trong các hợp chất của chúng, đang tồn tại trong hoả, phong thuỷ hay địa. Cổ nhân biết rõ các quyền năng này đến nỗi mà trong khi che giấu bản chất thật sự của chúng với nhiều ẩn dụ khác nhau, điều này có thể là có lợi hoặc có hại cho những người thất học, họ không bao giờ xuất phát từ 187 mục tiêu đa phân đang nhắm tới, trong khi đảo ngược chúng lại. Họ cố gắng phủ một bức màn dày đặc lên trên hạt nhân chân lý ẩn tàng trong biểu tượng, nhưng bao giờ họ cũng cố gắng *duy trì* được biểu tượng này để truyền lại cho các thế hệ vị lai. Biểu tượng đó phải trong sáng đủ để cho những kẻ sáng suốt có thể phân biệt được chân lý ẩn sau hình thức thần thoại của hình tượng hay ẩn dụ. Các hiền triết thời xưa bị kết án là *mê tín dị đoan* và *đề tin*. Nhưng các quốc gia hiện nay cũng đâu có kém gì; mặc dù đã học hỏi được tất cả mọi ngành nghệ thuật cùng là khoa học hiện đại, và đã đào tạo nên một thế hệ khôn ngoan và trí thức, đến nay, người ta vẫn cứ chấp nhận Jehovah nhân hình của dân Do Thái như là Thượng Đế vô cực sinh động độc tôn!

Thế thì đâu là một vài điều bị người ta gán cho là “mê tín dị đoan”? Chẳng hạn như Hesiod tin rằng “gió là con của người Khổng Lồ Typhaeus”, y bị Aeolus xiềng xích rồi lại cởi xích ra; thế là những người Hy Lạp đa thần cũng tin theo lời Hesiod. Họ làm sao mà không tin như vậy, khi mà những người Do Thái độc thần cũng tin như thế (có điều là tôn danh của các thần khác đi) và cho đến lúc bấy giờ tín đồ Thiên Chúa giáo cũng tin như vậy? Aeolus, Boreas v.v....của Hesiod được “dân tộc tuyển định” (“chosen people”) Do Thái gọi là *Kedem*, *Tzepum*, *Derum* và *Ruach Hayum*. Thế là đâu là sự dị biệt cơ bản? Trong khi dân Hy Lạp được dạy là Aeolus nổi gió rồi lại làm yên gió thì dân Do Thái lại tin tưởng nhiệt

thành rằng Thượng Đế của họ “*mũi xẹt khói, miệng khạc lửa,...cuối trên một tiểu thiên sứ chấp cánh bay cao; người ta thấy Ngài cuối trên ngọn gió*”.⁽¹⁾ Cả hai quốc gia trên hoặc là diễn đạt theo lối bóng bẩy, hoặc là đều mê tín dị đoan. Chúng tôi cho rằng họ không hề như vậy; có điều là quan niệm trên đã xuất phát từ một ý thức sâu sắc đồng nhất với Thiên Nhiên và một tri giác về những gì bí nhiệm và thông tuệ ẩn sau mọi hiện tượng trong thiên nhiên, đó là thứ mà con người hiện đại không còn tìm đâu ra được nữa. Nếu người Do Thái thường tế thần gió (và nhất là thần lửa) và xem đó như là Tục thờ cúng Thiêng liêng thì đâu có gì là mê tín dị đoan khi các kẻ Tà đạo Hy Lạp nghe theo lời sấm giảng Delphi lúc hạm đội Xerxes tiến đến, sấm giảng này khuyên “hãy tế thần gió”. Chẳng phải là họ đã bảo rằng “Thượng Đế là lửa thiêu rụi” (“God is a consuming fire”),⁽²⁾ thường xuất hiện *như là* lửa và “bị lửa bao quanh” đấy ư? Chẳng phải là Elijah đã tìm kiếm “Thượng Đế” trong trận cuồng phong và con động đất đấy ư? Chẳng phải là tín đồ Thiên Chúa giáo đã lặp lại những điều ấy hay sao? Hơn nữa, mãi tới nay, chẳng phải là họ cũng đã tế “Phong Thần và Thủy Thần” đấy ư? Họ đã làm; bởi vì mãi cho đến nay trong các kinh cầu nguyện của ba Giáo hội Thiên Chúa, vẫn còn có các lời cầu nguyện đặc biệt khi mưa, hạn hán, gió mậu dịch (tradewinds) và khi đi biển gặp bão. Hàng trăm giáo phái Tin Lành cũng đã kêu cầu tới Chúa khi đại họa thiên tai. Cho dù Jehovah có lẽ không đáp lại chúng

188 nhiều như là Jupiter Pluvius đi chăng nữa, thì những lời cầu nguyện này cũng được dâng lên các Quyền Năng mà người ta giả định là đang chủ trì các Hành, (các Quyền Năng này

¹ II, *Sam*, xxii, 9, 11.

² *Thánh thư Đệ nhị giới luật*, iv, 24.

đều như nhau dù là trong Tà đạo hay trong Thiên Chúa giáo). Như vậy thì chẳng hoá ra là khi một tín đồ tà đạo cầu nguyện với “thần tượng” của mình thì đó là tục thờ cúng ngẫu tượng thô鄙 và điều “mê tín dị đoan” ngớ ngẩn, còn khi người ta cầu nguyện với một Đấng thiêng liêng khác, thì cũng điều mê tín dị đoan đó lại đột nhiên biến thành *tôn giáo* và *lòng mộ đạo đáng ca ngợi* hay sao? Nhưng chỉ có ném quả mới biết được cây. Thế mà quả của cây Thiên Chúa giáo (Christian tree) đâu có gì tốt hơn quả của cây Tà đạo (tree of Paganism), vậy thì tại sao Thiên Chúa giáo lại được trọng vọng hơn Tà đạo?

Hầu tước Drach, một người Do Thái cải đạo, và Hầu tước De Mirville, một tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã thuộc giai cấp quý tộc Pháp, đều cho rằng trong tiếng Hebrew, *tia chớp* đồng nghĩa với sự *giận dữ* và luôn luôn bị *Ác quỷ* sử dụng; còn *Jupiter Fulgur* lại được tín đồ Thiên Chúa giáo gọi là *Elicius* và bị tố cáo là *linh hồn của sấm chớp* (the soul of lightning), Ma Quỷ.⁽¹⁾ Như thế, hoặc là chúng ta phải áp dụng định nghĩa và những lời giải thích giống như vậy cho “Thượng Đế của Do Thái” trong cùng một tình huống, hoặc là chúng ta không còn được quyền lạm dụng các Thần Linh và tín ngưỡng của các tôn giáo khác nữa.

Cho dù xuất phát từ hai tín đồ Công giáo La Mã nhiệt thành và trí thức, các lời phát biểu trên cũng thật là *nguy hiểm* (nói thế là còn nhẹ) cho *Thánh kinh* và các giảng sư. Thật vậy, nếu Jupiter, “quý vương của các tín đồ tà đạo Hy Lạp” mà lại vung lưỡi tầm sét đánh chết những kẻ nào dám cả gan phản nộ (exited his wrath), thì Đức Chúa Trời của Abraham và Jacob cũng thế. Không tin thì chúng ta thử đọc đoạn sau đây mà xem:

¹ Sách đã dẫn, Quyển III, trang 415.

Đức Chúa Trời nổi trận lôi đình, Đấng Chí Tôn lớn giọng hò hét. Ngài phóng ra các mũi tên [sấm sét] rải rác khắp nơi [các đạo quân của Saul]; chớp loé lên làm cho chúng tan tác hết”.⁽¹⁾

Người ta kết án dân Athens là đã cúng tế Boreas; “Con Quỷ” (“Daemon”) này cũng bị kết án là đã làm đắm 400 chiếc tàu thuộc hạm đội Ba Tư trên Núi Pelion cũng như là điên tiết đến nỗi mà tất cả các Pháp sư ở Xerxes khó lòng mà hoá giải được quyền năng của nó bằng cách cúng tế Thetis.⁽²⁾ May mắn thay lịch sử chiến tranh Thiên Chúa giáo chưa hề ghi nhận một trường hợp nào mà một hạm đội Thiên Chúa giáo phải hứng chịu một thảm hoạ với một qui mô lớn như vậy vì quân địch, một quốc gia Thiên Chúa giáo khác, trù ếm bằng cách cầu nguyện. Nhưng điều này không phải là lỗi của họ, vì mỗi bên đều cầu nguyện xin Jehovah huỷ diệt phe bên kia cũng nhiệt thành như là dân Athens cầu nguyện với Boreas. Cả hai đều sốt sắng cầu cứu tới ma thuật. Việc Đấng thiêng liêng khó lòng can thiệp như vậy là do vì người ta không chịu cầu nguyện với *cùng* một Thượng Đế Toàn Năng để huỷ diệt lẫn nhau, thế thì, làm sao mà chúng ta phân biệt được tín đồ Tà giáo với Thiên Chúa giáo bây giờ? Và ai có thể ngờ rằng mọi tín đồ Tin Lành người Anh cũng sẽ hân hoan cảm tạ Chúa nếu một trận chiến tương lai nào đó 400 chiếc tàu của hạm đội địch lại bị đánh đắm do những lời cầu nguyện thiêng liêng như thế? Thế thì, chúng tôi xin hỏi lại, giữa một Jupiter, một Boreas và một Jehovah có gì khác nhau không? Cũng chỉ như thế này thôi: tội ác của thân nhân, chẳng hạn như cha mình, luôn luôn được khoan dung, nhiều khi còn được tán dương nữa; trong khi đó, tội ác thân nhân

¹ Thánh thư II, *Samuel*, xxii, 14, 15.

² Herodotus “Polymnia,” 190 - 191.

của người lảng giềng của chúng ta bao giờ cũng bị trừng phạt bằng cách treo cổ. Thế mà hai tội ác đó có gì khác nhau đâu?

Cho đến nay, “ân huệ của Thiên Chúa giáo” hình như là đã không khiến cho các tín đồ Tà giáo cải đạo tiến bộ hơn bao nhiêu về mặt đạo đức.

Những luận cứ trên chẳng phải là để bênh vực cho chư Thần Linh ngẫu tượng (Pagan Gods), cũng chẳng phải là để đả kích Đấng Thánh Linh Thiên Chúa giáo (the Christian Deity), và lại càng không có nghĩa là chúng tôi tin vào hai thứ đó. Tác giả hoàn toàn vô tư khi bác bỏ bất cứ bằng chứng nào có lợi cho hai bên, chẳng cầu nguyện, chẳng tin tưởng, mà cũng chẳng sợ sệt bất cứ một Thượng Đế nhân hình nào như thế. Chúng ta chỉ so sánh như vậy để chứng tỏ rằng nhà Thần học vẫn minh thật là cuồng tín một cách phi lý và mù quáng. Ấy là vì cho đến nay, hai tín ngưỡng này cũng chẳng khác nhau bao nhiêu và chúng cũng chẳng ảnh hưởng gì tới *đạo đức* hay bản chất tinh thần. Nay “ánh sáng của Đức Christ” chiếu diệu trên những nét góm ghiếc của người thú chẳng khác nào “ánh sáng của Lucifer” ngày xưa. Trong *Thuộc Địa Nhật Báo*, nhà truyền giáo Lavoisier ở Cochinchina đã cho rằng:

Với đầu óc mê tín dị đoan, những kẻ ngoại đạo này đã xem các Hành như là một điều gì dễ hiểu lắm rồi!...Họ vẫn tin tưởng vào ngẫu tượng Vây-u, Phong Thần hay đúng hơn Phong Quỷ...họ tin tưởng vững chắc vào hiệu lực của cầu nguyện cũng như là quyền năng của giai cấp Bà La Môn đối với gió và bão.

Để đáp lại điều này, chúng ta có thể trích dẫn *Thánh thư Luke*: “Thế rồi Ngài [Jesus] vùng lên *quở trách* gió và *con cuồng nô của nước*; chúng *dừng lại và êm ả trở lại*”.⁽¹⁾ Còn sau đây là một đoạn trích dẫn khác từ *Thánh Thư Câu Nguyện*: “Hỡi Đức

¹ Chương vii, 24.

Mẹ Đồng Trinh Đại Hải (Virgin of the Sea), Hỡi Đức Mẹ Thiêng Liêng Đại Thuỷ (blessed Mother anh Lady of the Waters), xin mẹ hãy chặn gió to sóng cả lại.” Lời cầu nguyện của các thuỷ thủ người xứ Naples và Provence này đúng là chép nguyên văn theo lời cầu nguyện của các thuỷ thủ người xứ Phoenicia đối với Nữ Thần Trinh Khiết Astarte (Virgin Goddess Astarte). Từ những lối so sánh nêu trên, chúng ta có thể đi tới một kết luận tất yếu và hợp lý, phù hợp với lời tố cáo của nhà truyền giáo vừa nói như sau: giai cấp Bà La Môn cũng vẫn điều khiển được các vị Thần Ngũ Hành, quyền năng của họ đâu có kém gì của Jesus! Và lại, Astarte đã tỏ ra là đâu có kém cỏi hơn một chút nào so với “Đức Mẹ Đồng Trinh Đại Hải” (“Virgin of the Sea”) của các thuỷ thủ Thiên Chúa giáo. Muốn giết một con chó, không phải là cứ gán cho nó một tiếng xấu là xong đâu, phải chứng tỏ rằng nó có tội. Theo những điều hoang tưởng của thần học Boreas và Astarte có thể là *Ma Quỷ*, nhưng nếu muốn biết cây phải ném 190 quả như ta vừa nhận xét. Và một khi mà các tín đồ Thiên Chúa giáo cũng tỏ ra vô luân (immoral) và độc ác (wicked) chẳng kém gì các tín đồ Tà đạo thì đâu có lợi ích gì trong việc tìm thấy đặc tính con người trong việc thay đổi thờ thần linh (gods) hoặc thần tượng (idols)?

Những điều mà Thượng Đế và chư Thánh Thiên Chúa giáo đã hiển lộ được, lại biến thành một trọng tội đối với thế nhân, nếu họ làm nổi chuyện đó. Nay thuật phù thuỷ và thần chú được xem là chuyện hoang đường; thế nhưng, từ *Pháp chế Justinian (the Institutes of Justinian)* cho tới các luật của Anh, Mỹ chống lại luật phù thuỷ - đến nay đã lỗi thời nhưng chưa bị huỷ bỏ - chỉ cần bị nghi ngờ là có sử dụng thần chú là họ có thể bị khép vào tội hình nặng nề. Tại sao lại

trừng phạt một điều hão huyền như thế? Thế mà chúng ta còn được biết rằng Hoàng Đế Constantine đã kết án tử hình triết gia Sopatrus vì đã *nổi gió* ngăn đoàn tàu chở cốc loại không cho đến kịp cứu đói. Thiên hạ cười phá lên khi nghe Pausanias quả quyết rằng chính mắt mình đã thấy người ta chặn được cơn giông mưa đá chỉ nhờ vào các *lời cầu nguyện và các câu thần chú*. Điều này cũng không khiến cho các tác giả Thiên Chúa giáo hiện đại chẳng dám khuyên ai cầu nguyện khi gặp bão tố hiểm nghèo và tin tưởng vào hiệu lực của nó. Hoppo và Stadlein, hai pháp sư phù thủy, bị xử tử hình vì “bỏ bùa ngải vào trái cây” và dùng *phép thuật* đổi mùa màng từ cánh đồng này sang cánh đồng khác, chỉ vừa mới cách nay một thế kỷ. Sprenger, văn sĩ trứ danh đã bảo đảm điều đó như sau: “*Họ bỏ bùa ngải vào trái cây và dùng phép thuật đem mùa màng đi.*”

Để kết luận, xin nhắc độc giả nhớ rằng dù không hề mê tín dị đoan chút nào, người ta cũng có thể tin tưởng vào bản chất lưỡng phân của mọi vật trên Trần Thế, thế giới tinh thần và vật chất; hữu hình và vô hình; khoa học hầu như đã chứng tỏ được điều này, trong khi lại chối bỏ sự minh chứng đó. Ấy là vì nói theo William Grove, điện mà chúng ta đang sử dụng chẳng qua chỉ là *kết quả* của việc vật chất thông thường chịu tác dụng của một thứ gì đó vô hình, “quyền năng sinh hoá *tối hậu*” (the “ultimate generating power”) của mọi loại Lực (Force) “*tác dụng toàn hiện duy nhất*” (the “one omnipresent influence”), bấy giờ, nếu chúng ta có thể tin theo Cổ nhân là mọi Hành đều có bản chất *lưỡng phân* thì cũng tự nhiên thôi. “LỬA DĨ THÁI (ETHEREAL Fire) là phân thân của *Kabir*; *phong-hoá* chẳng qua chỉ là sự phối hợp [tương hệ] của lửa dĩ thái với địa hoả (*terrestrial fire*); một *Kabir* hạ đẳng chịu trách nhiệm hướng dẫn và áp dụng nó trên trần thế”. Theo một

nhà Huyền bí học, đó có lẽ là một Hành khí, và chúng ta cũng có thể nói như vậy về mọi Hành Vũ Trụ (Cosmic Element).

191 Chẳng ai có thể chối cãi được rằng con người huân tập được nhiều loại lực khác nhau liên quan tới từ tính, thiện cảm, ác cảm, thần kinh, động năng, huyền bí học, cơ học, trí tuệ, thật đúng là mọi thứ lực, Ngoài ra, các lực vật chất đều có bản chất sinh học vì chúng hoà lẫn với và thường hoà hợp với các lực mà chúng ta gọi là trí tuệ và lực đạo đức; các lực vật chất là các hiện thể (tạm gọi như vậy) tức *upādhis* của lực trí tuệ và lực đạo đức. Kẻ nào không hề chối bỏ linh hồn thì cũng chẳng do dự gì khi cho rằng sự hiện hữu và hoà hợp của chúng chính là bản thể của ta; thật vậy, chính chúng cấu thành *Chon Ngã* (the *Ego*) nơi con người. Các mãnh lực này tạo ra các hiện tượng sinh lý, vật lý, cơ học, cũng như là thần kinh, xuất thần nhập hoá, nhĩ thông, nhãn thông mà nay ngay cả khoa học thừa nhận và xem như là hoàn toàn tự nhiên. Thế thì tại sao con người lại là ngoại lệ duy nhất trong Thiên Nhiên và tại sao các HÀNH (ELEMENTS) lại không thể có các hiện thể, các *Vāhanas* của mình trong cái mà chúng ta gọi là CÁC LỰC VẬT LÝ (the PHYSICAL FORCES)? Và nhất là tại sao các tín ngưỡng như thế lại bị gọi là “mê tín dị đoan” cũng như các tôn giáo thời xưa?

TIẾT 15

VỀ QUAN THẾ ÂM VÀ QUAN ÂM (ON KWAN-SHI-YIN AND KWAN-YIN)

GIỐNG như Avalokiteshvara, Quan Thế Âm đã trải qua nhiều sự đổi thay (several transformations), nhưng thật là sai lầm nếu bảo rằng Ngài mới được Phật giáo Đại Thừa chế ra, vì từ xa xưa người ta đã biết tới Ngài với một danh xưng khác. Giáo Lý Bí Nhiệm dạy rằng: “*Đấng nào xuất hiện trước tiên vào Kỳ Tái Tạo (Renovation) sẽ là Đấng giáng lâm sau rốt trước khi Tái hấp thụ (Reabsorption) [Hỗn Nguyên].*” Như thế Thượng Đế của mọi quốc gia – từ Vishvakarman của các Bí pháp thuộc phái Vedas mãi xuống tới Đấng Cứu Thế (the Saviour) của các quốc gia văn minh hiện nay – đều là “Huyền Âm” (the “Word”) vốn tồn tại từ “Vô Thủy” (the “Beginning”) (tức là lúc khai hoạt của các Quyền Năng làm linh hoạt Thiên Nhiên) cùng với Đấng TUYỆT ĐỐI ĐỘC TÔN (the ONE ABSOLUTE). Được sinh ra từ Thủy và Hoả trước khi mà chúng trở thành các Hành riêng biệt, chính Nó đã tạo ra vạn vật. “Không có Ngài thì cũng sẽ chẳng có thứ gì được tạo ra. Cuộc sống ngự nơi Ngài, thế mà cuộc sống lại chính là ánh sáng của nhân loại”. Cuối cùng, người ta có thể gọi Ngài (xưa nay vẫn thế) là Thủy và Chung của Vũ Trụ Biểu Lộ (the Alpha and the Omega of Manifested Nature). “Đại Long Minh Triết (the great Dragon of Wisdom) sinh ra từ Thủy và

Hoả, vạn hữu sẽ lại được tái hấp thu vào Hoả và Thuỷ cùng với Ngài”.⁽¹⁾ Người ta cho rằng Bồ Tát (Bodhisattva) này thật là “thiên biến vạn hoá” (“to assume any form he pleases”) suốt trong một Chu kỳ Khai Nguyên, cho nên, mặc dù theo kinh *Kim Quang Minh* (*Kin-kwang-ming-King*), ngày vía Ngài nhằm ngày 19 tháng 2, còn ngày vía “Phật Di Lặc” (“Maitreya Buddha”) nhằm ngày 1 tháng giêng, thế nhưng cả hai ngày vía này đều là một. Vào lúc Giống dân thứ Bảy (the Seventh Race), Ngài sẽ giảng lâm với tư cách là Phật Di Lặc (Maitreya Buddha) (Hoá Thân cuối cùng). Khắp Đông phương, đâu đâu người ta cũng tin tưởng và mong đợi như thế. Một Đấng Cứu Nhân Độ Thế bao giờ cũng chỉ có thể giảng lâm vào lúc có chu kỳ Mạt Pháp duy vật khủng khiếp như hiện nay. Chỉ có trong các tác phẩm huyền học của một vài nhà ngụỵ Huyền bí học Pháp (French pseudo-Occultists) ⁽²⁾ mà Kali Yuga mới được xem là “Thời Đại Hoàng Kim” (“l’ Age d’Or”) (!)

Vì thế, nghi thức ngoại môn thờ phụng Thần Linh này mới dựa vào pháp thuật. Tất cả các thần chú đều được trích ra từ các Thánh thư đặc biệt mà các lễ sư luôn luôn bảo mật; người ta nói là mỗi thần chú có một tác dụng pháp thuật; chỉ cần niệm chú thì sẽ có ngay những hiệu quả nhiệm mầu. 193 Quan Thế Âm (Kwan-Shi-Yin) chính là Avalokiteshvara, và cả hai đều là hai dạng của Nguyên Khí Thứ Bảy Vũ Trụ (the Seventh Universal Principle); trong khi đó, xét về mặt siêu hình siêu việt nhất, Thần Linh này lại là toàn khối tổng hợp của tất cả Chơn Linh Hành Tinh (the Planetary Spirits), tức Thiên Định Đế Quân (Dhyân Chohans). Ngài là “Đấng Tự Hiện” (“Self-Manifested”); tóm lại, đó là “Con của Từ Phụ”

¹ *Kinh Pháp Hoa* (Fa-hwa-King).

² Xem *Sứ mạng của dân Do Thái*.

(the “Son of Father”). Trên tượng Ngài có bảy con rồng với dòng chữ khắc: “Phổ Độ Chúng Sinh”.

Dĩ nhiên, tôn danh được trình bày trong những CÂU KINH (the STANZAS) cổ sơ bằng tiếng Bắc Phạn sẽ khác hẳn, nhưng Quan Âm hoàn toàn tương đương với nó. Trái lại một thánh điện ở P'u-to (đảo thiêng của Phật tử Trung Hoa), người ta trình bày Quan Thế Âm đứng trên một con thủy điều (Kālahansa) màu đen, trút cam lộ trường sinh lên đầu thế nhân. Khi chảy ra nó biến thành một trong các Thiên Định Phật (Dhyāni-Buddhas) chính yếu, Đấng Chủ Trì (the Regent) một ngôi sao được mệnh danh là “Sao Cứu Độ” (the “Star of Salvation”). Trong lần thứ ba, Quan Âm hoá thân thành ra Chơn Linh làm linh hoạt Thủy. Ở Trung Hoa, người ta tin rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma (the Dalai-Lāma) là một hoá thân của Quan Thế Âm, trong kỳ lâm phạm lần thứ ba, Ngài đắc quả Bồ Tát (Bodhisattva), còn Ban Thiên Lạt Ma (Teshu Lāma) là một hoá thân của A Di Đà Phật hoặc Phật Thích Ca (Amitābha Buddha or Gautama).

Có thể nhận xét đại khái là một văn sĩ phải có một trí tưởng tượng bệnh hoạn mới khám phá ra được tục sùng bái sinh thực khí ở khắp nơi (chẳng hạn như Mc Clatchey và Hargrave Jennings). Mc Clatchey khám phá ra rằng “các thần linh sùng bái sinh thực khí thời xưa được trình bày thành hai biểu tượng hiển nhiên: Kheen tức Dương (Dương vật) và Khw-an tức Âm (Âm hộ) tức Yom”.⁽¹⁾ Một lối thuyết minh như thế xem kỳ lạ quá, vì ngoài việc nay được xem là Thần Linh đỡ đầu (the patron Deities) của các tu sĩ khổ hạnh Phật giáo (the Buddhist ascetics) và các đạo sĩ Yoga Tây Tạng,

¹ *Vén màn bí mật Trung Quốc*, trích dẫn trong *Tục thờ cúng sinh thực khí* của Hargrave Jennings, trang 273.

Quan Thế Âm (Avalokiteshvara) và Quan Âm còn là các Thần trình khiết. Theo nghĩa nội môn, các Ngài cũng chẳng giống như điều được ám chỉ trong lối thuyết minh *Phật giáo* của ông Rhys David như sau: “Tôn danh của Quan Thế Âm ... có nghĩa là ‘Đấng từ trên cao nhìn xuống’.”⁽¹⁾ Quan Thế Âm cũng chẳng phải là “Tinh Thần của chư Phật hiện diện trong Giáo hội”, nhưng theo sát nghĩa, nó có nghĩa là “Đấng được chiêm bái”. Theo một nghĩa khác, nó có nghĩa là “LINH NGÃ do Bản Ngã tri giác được” (“the Divine SELF perceived by Self”), tức là Linh Tố (the Ātma) (Nguyên Khí Thứ Bảy – Seventh Principle) hoà lẫn vào Toàn Ngã, là đối tượng tri giác của Tuệ Giác (Buddhi) (Nguyên Khí Thứ Sáu – Sixth Principle) tức Linh Hồn Thiêng Liêng nơi con người (Divine Soul in man). Theo một nghĩa còn cao siêu hơn nữa, Avalokiteshvara = Kwan-Shi-Yin được nói đến với tư cách Nguyên Khí thứ bảy của Vũ Trụ chính là Thượng Đế mà Tuệ Giác Vũ Trụ (the Universal Buddhi) tức Linh Hồn Vũ Trụ tri giác như là tổng hợp toàn khối Thiêng Định Phật. Đó chẳng phải là “Tinh Thần của chư Phật hiện diện trong Giáo hội” mà lại là Tinh Thần Vũ Trụ Toàn Hiện (the Omnipresent Universal Spirit) biểu lộ trong thánh điện của Vũ Trụ tức Thiên Nhiên. Theo các nhà Đông phương học này, Kwan và

194 Yin có từ nguyên giống như Yoginī. Theo ông Hargrave Jennings, Yoginī là một từ Bắc Phạn được phát âm là Jogi hay Zogee (!) – theo thổ ngữ -, tương đương với Sena, và giống như Dutī hay Dutica nghĩa là một cô gái bán rẻ danh dự thiêng liêng của Thánh điện (a sacred prostitute of the temple), được tôn thờ như là Yoni (Âm hộ) hay Shakti

¹ Trang 202.

(Huyền Nữ).⁽²⁾ Các sách luân lý [ở Ấn Độ] khuyên bảo một người vợ chung thủy hãy xa lánh Hội Yoginī (tức phụ nữ đã được tôn thờ như là Sacti).⁽¹⁾ Điều này chẳng có gì là làm chúng ta phải sửng sốt. Vì thế, chúng ta cũng khó lòng mà nhếch mép mỉm cười khi thấy một điều trích dẫn cực kỳ ngớ ngẩn bàn về “Budh”, xem đó như là “một danh xưng chẳng những có nghĩa là mặt trời với tư cách là nguồn sinh hoá mà còn có nghĩa là cơ quan đàn ông (the male organ)”.⁽²⁾ Khi bàn về các điều tương tự trá ngụy, Max Muller đã cho rằng “học giả Trung hoa từ danh nhất thời đó, Abel Rémusat...chủ trương rằng ba vần I Hi We [trong chương 14 của *Đạo Đức Kinh (Tao-te-King)*] cũng có nghĩa là Je-ho-vah”.⁽³⁾ Ngoài ra, Linh mục Amyot quả quyết rằng “chúng ta có thể nhận ra Ba Ngôi” cũng trong tác phẩm trên. Nếu Abel Rémusat đã thế, tại sao Hargrave Jennings lại không thế như vậy được? Mọi học giả đều sẽ nhận thấy rằng thật là ngớ ngẩn nếu cứ khẳng khẳng cho rằng Budh, Đấng Toàn Giác (the “enlightened” and the “awakened”) là một “biểu tượng sùng bái sinh thực khí” (a “phallic symbol”).

Kwan-Shi-Yin (Quan Thế Âm), do đó xét về mặt huyền học, là “Con đồng nhất với Từ Phụ”, tức Thượng Đế, Huyền Âm. Trong ĐOẠN KINH 3 tiếng Phạn, Ngài được mệnh danh là “Minh Triết Long” (the “Dragon of Wisdom”), vì tất cả Thượng Đế thuộc mọi hệ thống tôn giáo cổ truyền đều có

² Sách đã dẫn, trang 60.

¹ Như trên, tức Shakti, quyền năng.

² O'Brien, *Các Tháp Tròn ở Ái Nhĩ Lan*, trang 61, được Hargrave Jennings trích dẫn lại trong *Tục sùng bái sinh thực khí (Phallicism)*, trang 246.

³ *Nhập môn tôn giáo học*, trang 332.

liên quan tới hoặc được trình bày tượng trưng như là rắn. Ở cổ Ai Cập, thần Nabhkoon, chuyên “se dây tơ hồng” (“he who unities the doubles”), được trình bày tượng trưng như là con rắn quấn quanh chân người, có tay hoặc không có tay. Đó là Tinh Tú Quang đang kết hợp Con Người Thiêng Liêng với Chơn Thần thuần túy Thiêng Liêng bằng mãnh lực lưỡng phân sinh lý và tinh thần. Chơn Thần Thiêng Liêng này là Nguyên kiểu trên “Trời” (“Heaven”) hay là Thiên Nhiên. Đó là biểu hiện sự phục sinh của Thiên Nhiên, của Đức Christ (đối với kẻ tôn thờ rắn), của Jehovah với tư cách con rắn đồng thau chữa khỏi những người nhìn vào Ngài (him). Con rắn cũng là biểu hiệu của Đức Christ đối với các đoàn viên “Giáo đường phòng vệ” (trong Hội Tam Điểm cũng có các bậc Hiệp Sĩ Thánh Điện). Theo Champollion, ngoài các dạng khác, biểu tượng của Knooph (cũng gọi là Khnoom) tức Linh Hồn Vũ Trụ được trình bày tượng trưng như là một con rắn quấn quanh chân người; con rắn này – vốn là biểu hiệu của Phúc Thần (Good Genius) – đôi khi lại có ngành.⁽¹⁾ Như vậy, con thú linh thiêng này đồng nhất với con rắn của các kẻ thờ rắn và có mặt trên một số lớn các đá chạm được gọi là đá chạm Ngộ Đạo hay đá chạm Basilides (Gnostic or Basilidean gems). Nó hiện ra với nhiều đầu khác nhau, cả đầu người lẫn đầu thú, nhưng các viên đá chạm hình của nó luôn luôn có khắc nhiều danh xưng Chnoubis. Theo Iamblichus và

195 Champollion, biểu tượng này đồng nhất với một biểu tượng được mệnh danh là “Thiên Thần Bản Sơ” (the “first of the Celestial Gods”), Thần Hermes tức Mercury (đối với người Hy Lạp). Người ta gán cho Thần Hermes Trismegistus việc

¹ *Panthéon égyptien*, text 3.

phát sinh ra pháp thuật và truyền thụ cho người, còn Mercury là Buh, Minh Triết, Giác Ngộ (Enlightenment) tức việc “học lại” (“Re-awakening”) Khoa Thánh Linh học (the Divine Science).

Tóm lại, Quan Thế Âm (Kwan-Shi-Yin) và Quan Âm (Kwan-Yin) là hai trạng thái (dương và âm – male and female) của nguyên khí Minh Triết và Thông Tuệ Thiên Liêng nơi Vũ Trụ, Thiên Nhiên và Con Người. Đó là Christos-Sophia của các nhà huyền học phái Ngộ Đạo, tức Thượng Đế và Huyền Nữ (Shakti). Vì tha thiết muốn diễn đạt một vài bí nhiệm mà kẻ phàm tục chưa bao giờ quán triệt được, và vì biết rằng nhân loại sẽ chẳng nhớ được gì nếu không có một biểu tượng nào đó bên ngoài, Cổ nhân đã chọn các hình ảnh Quan Âm lỗ bịch (ridiculous), đối với chúng ta, để nhắc con người nhớ tới cội nguồn và bản thể của mình. Tuy nhiên, kẻ nào vô tư, cũng đều thấy rằng Madonnas mặc váy đầm và Đức Christ đeo găng tay trắng làm bằng da dê xem còn nực cười hơn là Quan Thế Âm và Quan Âm khoác chiếc long bào (dragon garb). Ngoại cảnh khó lòng mà diễn đạt nổi nội tâm. Do đó, chính vì công thức biểu tượng này đang ra sức đặc trưng cho những gì vượt lên trên cả lý luận khoa học và thường là bất khả tư nghị, cho nên hoặc nó phải siêu việt được trí năng dưới một dạng nào đó, hoặc nó sẽ phai nhòa đi trong ký ức con người.

*Bạn hỏi, theo bạn thì kiến thức
Trên trần thế này là chân hay giả?
Ai dám bảo nó là giả?
Ai biết được nó là chân?*

PHỤ LỤC (ADDENDA)

THUYẾT HUYỀN BÍ HỌC VÀ NGÀNH KHOA HỌC (ON OCCULTISM AND SCIENCE)

TIẾT 1

LÝ DO TẠI SAO CÓ PHỤ LỤC NÀY (REASONS FOR THESE ADDENDA)

Một số nhà Minh Triết Thiên Liêng Tây phương đã nghiên cứu và khảo sát phê phán nhiều giáo lý bao hàm trong bảy ĐOẠN KINH (STANZAS) tiếng Phạn và Phần giảng lý nêu trên; theo quan điểm thông thường của khoa học hiện đại, một vài Giáo lý Huyền bí (the Occult Teachings) này đã tỏ ra là chưa được hoàn chỉnh. Chúng hình như rất khó lòng được chấp nhận, và cần phải được xét lại mới được đưa ra cho khoa học phê phán. Một số bạn đã lấy làm hối tiếc vì phải luôn luôn tỏ thái độ hoài nghi đối với các lời khẳng định của khoa học thời hiện đại. Đối với họ, hình như là - ở đây tôi chỉ lặp lại nguyên văn của họ - “đi ngược lại những lời dạy của các giảng sư lỗi lạc nhất, có nghĩa là càng chuốc lấy một thất bại thảm thương dưới mắt Thế giới Tây phương”.

Do đó, chúng ta nên xác định dứt khoát một lần lập trường mà tác giả - vốn không đồng ý với các bạn - định chủ trương. Chừng nào mà khoa học vẫn còn là “luơng tri có tổ

chức,” theo lời Giáo sư T.H Huxley, chừng nào mà nó còn suy diễn từ các tiền đề chân xác, còn tổng quát hóa dựa vào một cơ sở thuần là diễn dịch, thì chừng đó, mọi nhà Minh Triết Thiên Liêng và mọi nhà Huyền bí học vẫn còn hoan nghênh và tôn trọng phần đóng góp của nó trong lãnh vực định luật về vũ trụ khởi nguyên luận. Chừng nào mà các kết luận của khoa học còn dựa vào một nền tảng gồm các sự kiện không thể bài bác được, thì chừng đó không thể có một mâu thuẫn nào giữa giáo lý của Huyền bí học và cái gọi là khoa học chính xác. Chỉ khi nào mà các giảng sư cuồng nhiệt lại bước ra khỏi phạm vi của các hiện tượng đã quan sát được để thâm nhập vào trong bí nhiệm Hiện Tôn, ra sức giành lại chức năng khai thiên tịch địa của Tinh Thần, rồi lại quy hết

200 mọi chuyện cho Vật Chất mù quáng (blind Matter), thì Huyền bí học mới ra mặt tranh cãi và hoài nghi các lý thuyết khoa học. Do chính bản chất của vạn vật, khoa học không thể vén được bức màn bí nhiệm của Vũ Trụ bao quanh chúng ta. Đúng là khoa học có thể thu thập, phân loại và tổng quát hóa các hiện tượng. Nhưng luận chứng theo các dữ kiện siêu hình đã được thừa nhận, nhà Huyền bí học dám khẳng định rằng kẻ nào muốn thăm dò các bí nhiệm huyền ảo nhất của Thiên Nhiên (the inmost secrets of Nature), phải vượt lên trên được các giới hạn chật hẹp của giác quan, và chuyển được tâm thức (consciousness) của mình vào trong lãnh vực Thực tượng (Noumena) và Nguyên Nhân Bản Sơ (Primal Cause). Để thực hiện được điều này, y phải phát triển năng lực, ngoại trừ một ít trường hợp ngoại lệ hiếm có, vẫn còn hoàn toàn tiềm tàng trong thể chất của các phân chủng của Căn chủng thứ Năm (Fifth Root-Race) hiện nay ở Châu Âu và Mỹ Châu. Ngoài ra, y không cách chi có thể thu thập được các sự kiện để rồi dựa

vào đó mà suy luận. Chẳng phải rõ rệt là điều này cũng dựa vào các nguyên tắc của lý luận học diễn dịch và siêu hình học đấy ư?

Mặt khác, cho dù có làm cách nào đi chăng nữa, tác giả sẽ chẳng bao giờ có thể thỏa mãn được cả chân lý lẫn khoa học. Tác giả không thể trình bày với bạn đọc, một bản dịch liên tục và có hệ thống của các ĐOẠN KINH cổ tiếng Bắc Phạn. Có một khoảng trống gồm 43 câu kinh hay Shlokas giữa câu thứ 7 (đã được trình bày), và câu thứ 51, vốn là chủ đề của Quyển 3 và 4, mặc dù để cho dễ đọc và dễ tham khảo hơn, câu kinh thứ 51 đã được trình bày như là câu kinh từ 1 trở đi. Chỉ riêng sự xuất hiện của con người trên Địa Cầu cũng đủ chiếm mất một số ĐOẠN KINH bằng như vậy, chúng mô tả tỉ mỉ sự tiến hóa bản sơ của y, bắt đầu từ các Thiên Định Đế Quân nhân loại (the human Dhyān Chohans), tình trạng của Địa Cầu vào thời đó v.v.... Một số lớn danh xưng đề cập tới các hóa chất và hợp chất khác, nay chúng không còn hóa hợp với nhau nữa, do đó phân chủng sau này của Giống dân thứ Năm (Fifth race) không biết gì đến chúng, cũng chiếm một khoảng trống rộng đáng kể. Chỉ vì chúng không thể dịch ra được và, dù sao đi nữa, không thể giải thích được, nên người ta mới bỏ qua chúng cùng với những điều không thể công bố được. Thế mà, ngay cả một ít điều được trình bày như thế cũng đủ làm tức giận (irritate) bất cứ kẻ nào tin theo và bênh vực các giáo điều khoa học duy vật mà lại tình cờ đọc được nó.

Để bênh vực cho các ĐOẠN KINH (STANZAS) đã được trình bày rồi, chúng ta cần đưa nó ra cho thiên hạ phê phán, trước khi xét tiếp các đoạn kinh chữ Phạn còn lại. Chúng tôi biết là chúng không hoàn toàn phù hợp với khoa học hiện đại. Nhưng cho dù chúng có phù hợp với các quan điểm hiện

đại như là một vài bài diễn văn của William Thomson đi chẳng nữa, chúng vẫn bị bác bỏ. Ấy là vì chúng dạy chúng ta tin vào các Quyền Năng hữu thức (conscious Power) và các Thực Thể Tinh Thân (Spiritual Entities), tin vào Các Lực trần thế, bán thông tuệ và đại trí thức trên các cảnh giới khác,⁽¹⁾ cũng như tin vào các thực thể ở chung quanh chúng ta trong các lãnh vực mà cả kính viễn vọng, lẫn kính hiển vi đều không giúp chúng ta thấy được. Vì thế, chúng ta cần phải xem xét các tín điều của khoa học duy vật, so sánh quan điểm của nó về các “Hành” với ý kiến của Cổ nhân, phân tách các lực vật lý theo quan niệm hiện đại, trước khi các nhà Huyền bí học thú nhận là mình sai. Chúng ta sẽ bàn tới cấu tạo của Mặt Trời và các hành tinh cũng như là các đặc tính huyền linh của cái gọi là *chur Thiên*, (Devas and Gani) và nay khoa học gọi là Lực tức “ các cách thức chuyển động”, và thử xét xem các tín điều nội môn bí giáo có thể bênh vực được hay không. Bất chấp mọi nỗ lực chống đối, nếu vô tư, chúng ta thấy rằng ẩn dưới “tác nhân vật chất và phi vật chất” của Newton,⁽²⁾ tác nhân *gây ra trọng lực* (causes gravity), và nơi Thượng Đế nhân hình tác động của ông, cũng có nhiều thiên thần siêu hình như là *Đấng Chưởng Quản Thiên Thần* (Angelus Rector) của Kepler, đang điều khiển từng hành tinh một, và nơi *tác nhân phi vật chất* (the immaterial) dẫn dắt các thiên thể theo đúng quỹ đạo của mình (theo Kepler).

Trong Quyển 3 và 4, chúng ta sẽ công khai đề cập đến các chủ đề nguy hiểm. Chúng ta phải dũng cảm đối diện với khoa học và nhằm chống lại các quan điểm duy vật, chủ

¹ Dĩ nhiên là trình độ trí thức của họ có bản chất khác hẳn bất cứ thứ gì mà chúng ta có thể quan niệm ra trên Trần Thế.

² Xem Bức thư thứ Ba của ông gởi cho Bentley.

nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy tâm vật (hylo-idealism), chủ nghĩa thực nghiệm (positivism) và tâm lý học hiện đại và chối bỏ tất cả, tuyên bố rằng Huyền bí học chân chính tin tưởng vào các “Đấng Quang Minh” (“Lord of Light”); tin tưởng vào một Mặt Trời – Mặt Trời đó, vốn không phải là một “nhật đăng” (“lamp of day”) vận hành theo luật vật lý, không những là một trong các vầng thái dương vốn là “các đóa hoa hướng dương” rạng rỡ, theo Richter – mà còn là chỗ ngụ hay hiện thể của một Thần Linh và một tập đoàn Thần Linh, giống như hàng tỉ Mặt Trời khác.

Trong cuộc tranh cãi này, dĩ nhiên là các nhà Huyền bí học sẽ thất bại thê thảm. Nếu xét vấn đề một cách *hòì hợ* (the prima facie), người ta sẽ xem như họ là những kẻ dốt nát (ignoramuses) và sẽ gán cho họ nhiều danh hiệu mà công luận xét đoán hòì hợ – vốn không biết gì về các đại chân lý là nền tảng của Thiên Nhiên – thường gán cho những kẻ bị kết tội là tin tưởng vào những điều mê tín dị đoan từ thời Trung cổ. Thôi thế cũng được. Cam chịu phê phán trước để có thể tiếp tục được công tác của mình, họ chỉ xin chứng tỏ rằng các điều suy đoán của các nhà vật lý cũng ngốc nghếch (loggerheads) chẳng khác gì khi đem so sánh với giáo lý Huyền bí học.

Mặt Trời là Vật Chất, song Mặt Trời cũng lại là Tinh Thần. Thế hệ tổ tiên của chúng ta, “Người ngoại đạo” (“Heathen”) cũng như những người kế thừa hiện đại của họ, Pārsīs đã và đủ khôn ngoan để thấy nơi đó biểu tượng của Đấng Thánh Linh, đồng thời cảm thấy ẩn tàng bên trong biểu tượng vật chất đó là vị Thần Linh rực rỡ với Ánh Sáng Tinh Thần và Thế Tục (the bright God of Spiritual and Terrestrial Light). Chỉ có những kẻ Duy vật, vốn chối bỏ Thượng Đế,
 202 Tinh Thần, Linh Hồn và không thừa nhận bất cứ trí thông tuệ

nào ngoại trừ trí người, mới xem một tín ngưỡng như thế là điều mê tín dị đoan. Nhưng nếu quá mê tín dị đoan “theo Thiên Chúa giáo làm cho người ta trở thành điên rồ”, theo Laurence Oliphant, thì quá hoài nghi cũng khiến cho chúng ta điên khùng (mad). Chẳng thà bị kết án là điên rồ vì không tin tưởng quá nhiều, còn hơn bị kết án là điên khùng vì chối bỏ hết cả (chẳng hạn như Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm vật). Vì thế, nhà Huyền bí học vẫn sẵn sàng nhận lãnh với Chủ nghĩa duy vật (Materialism) và đón chờ những lời lẽ đả kích tuôn xối xả lên đầu tác giả bộ sách này, chẳng phải vì tội đã soạn ra nó, mà chỉ vì tội đã *tin tưởng vào những gì bao hàm trong đó*.

Do đó, chúng ta phải tiên liệu và xử lý kịp thời các khám phá, các giả thuyết và tất nhiên là những chống đối mà khoa học sẽ trình bày và phê phán. Chúng ta cũng phải chứng tỏ được là Giáo lý Huyền bí (the Occult Teachings) khác với khoa học hiện đại đến mức nào và so sánh giữa các thuyết hiện đại và các thuyết cổ truyền, thuyết nào đúng hơn (xét về mặt luận lý và triết học). Cổ nhân đã biết hết sự đơn nhất và các quan hệ hỗ tương giữa mọi phần tử trong Vũ Trụ, trước khi mà các nhà thiên văn học và các triết gia hiện đại thấy rõ được điều đó. Và cho dù vật lý học bất lực, không thể giải thích các quan hệ hỗ tương giữa mọi vật hữu hình trong Vũ Trụ, khác hơn những kẻ tin theo thuyết Vũ Trụ cơ động đi chẳng nữa, thì nhà Duy vật – vốn chối bỏ sự tồn tại của Linh Hồn Vũ Trụ (mà siêu hình học thừa nhận) – cũng không làm gì có quyền lấn sang lĩnh vực siêu hình. Sự kiện vật lý học đang thử và thật sự là đã lấn sang, chỉ chứng tỏ rằng “sức mạnh là lẽ phải”, và chẳng có gì hơn nữa (is only one more proof that “might is right”, and no more).

Và lại cũng có một lý do hữu ích khác nữa khiến cần phải soạn ra Phụ lục này, chúng ta chỉ có thể trình bày một phần nào đó Giáo huấn Bí nhiệm (the Secret Teachings), nên ngay cả các nhà Minh Triết Thiêng Liêng cũng không thể lĩnh hội được giáo lý này, nếu nó được công bố mà không hề được giảng giải. Do đó, chúng ta phải so sánh đối chiếu chúng với các suy lý của khoa học hiện đại. Các công lý cổ truyền phải được trình bày song song với các giả thuyết hiện đại để cho độc giả sáng suốt có thể so sánh được giá trị của chúng.

Còn về vấn đề “Bảy Đấng Chủ trì”(the “Seven Governors”) – Hermes gọi là “Bảy Đấng Kiến Tạo” (the “Seven Builders”) – Các Ngài là các Chơn Linh (the Spirits) điều khiển các vận hành của Thiên Nhiên, với các nguyên tử linh động là hình bóng chiếu xuống các Nguyên kiểu Tinh anh (Primaries in the Astral Realms) – dĩ nhiên thì chúng ta cũng biết rằng mọi nhà Duy vật cũng như các nhà khoa học đều kịch liệt đả kích nó. Nhưng mà có chống đối thế mấy đi chẳng nữa thì cũng chỉ nhất thời thôi. Thiên hạ bao giờ mà chẳng chế nhạo mọi điều mới lạ, bác bỏ mọi ý mới mẻ rồi sau đó mới chịu chấp nhận nó. Chủ nghĩa duy vật và thái độ hoài nghi sẽ vẫn còn là bóng ma ám ảnh thế giới, chừng nào người ta còn chưa bỏ được hình hài thô tục hiện nay để khoác lại hình hài của mình trong khi có các Giống dân thứ Nhất và thứ Nhì của cuộc Tuần Hoàn này. Trừ phi thái độ nghi ngờ và tình trạng vô minh của chúng ta được trực giác và Phật tính bẩm sinh (natural spirituality) hóa giải đi, mọi sinh linh khắc khoải với một tâm trạng như vậy sẽ thấy mình chẳng có gì khác hơn là một mớ thịt, xương, gân và một bộ óc trống rỗng để huân tập đủ loại cảm giác. Sir Humphrey Davy là một khoa học gia lỗi lạc đã từng thâm cứu vật lý học chẳng

kém bất kỳ lý thuyết gia nào hiện nay; thế mà ông lại rất ghét Chủ nghĩa duy vật. Ông cho rằng :

Trong phòng giải phẫu, tôi thật là ghê tởm (disgust) khi nghe nói đến việc nhà sinh lý học dự trù là vật chất dần dần tiết ra, trở nên mẫn cảm, ngày càng nhạy cảm, đạt được các cơ quan cần thiết nhờ vào các lực cố hữu rồi cuối cùng lớn lên thành một sinh linh thông tuệ.

Tuy nhiên, đâu phải chỉ có các nhà sinh lý học là đáng trách vì đã đề cập đến những gì mình thấy và đánh giá chúng bằng giác quan vật chất. Theo chúng tôi các nhà thiên văn học và các nhà vật lý học còn có các quan điểm duy vật vô lý hơn cả các nhà sinh lý học nữa, song điều này phải được chứng minh.

Ánh sáng tinh anh, bản sơ của Milton chỉ trở thành ánh sáng vui tươi, tuyệt vời của mọi vật thể ⁽¹⁾ đối với các nhà Duy vật.

Đối với các nhà Huyền bí học, đó là cả Tinh Thần lẫn Vật Chất. Họ tri giác được Thực tượng quang huy (the radiant Noumenon) ẩn sau “cách thức chuyển động” mà người ta chỉ xem là “tính chất của vật chất” không hơn không kém. Đó là “Chơn Linh Quang Minh” (the “Spirit of Light”), hóa thân bản sơ của Hành Thuần Túy vĩnh tồn (the Eternal pure Element) có năng lượng hay bức xạ được tồn trữ trong Mặt Trời. Chính Mặt Trời đã đem lại sự sống cho các Thế giới Tâm Linh và Tinh Thần. Bacon là kẻ đầu tiên xiển dương Chủ nghĩa duy vật, chẳng những nhờ phương pháp diễn dịch, tức phương pháp của Aristotle, được canh tân lại để cho dễ lĩnh hội, mà còn nhờ vào nội dung chính của các tác phẩm của

¹ Thiên Đàng Đã Mất, Quyển VII.

mình. Ông đã làm đảo ngược lại trình tự Tiến hóa của thể trí khi cho rằng:

Tạo vật thứ nhất của Thượng Đế là ánh sáng của cảm giác; tạo vật cuối cùng của Ngài là ánh sáng của lý trí; còn công tác Sabbath của Ngài mãi mãi từ đó chính là sự giác ngộ của Tinh Thần.⁽¹⁾

Ngược lại mới đúng. Ánh sáng của Tinh Thần là ngày Sabbath vĩnh cửu của nhà Thần bí học hay nhà Huyền bí học (the mystic or Occultist), y chẳng chú tâm bao nhiêu tới ánh sáng của chỉ riêng cảm giác thôi. Khi được thuyết minh theo lối bí truyền, câu ẩn dụ “Fiat Lux” có nghĩa là “Hãy có lấy các ‘Phân Thân của Ánh Sáng’” (the ‘Sons of Light’), tức là thực tượng của mọi hiện tượng. Thế thì, các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã đã giải thích đúng khi cho rằng đoạn này
204 đề cập đến Thiên Thần, nhưng lại sai lầm khi cho rằng các Quyền Năng do một Thượng Đế nhân hình tạo ra: họ đã nhân cách hóa vị Thượng Đế này thành ra Jehovah hay trừng phạt và nổi giận.

Các thực thể này là các “Phân Thân của Ánh Sáng” vì họ phát xuất từ và tự sinh ra trong Đại Dương của Ánh Sáng mênh mông có một cực là *Tinh Thần* thuần khiết đắm chìm trong Chân Không Tuyệt Đối, còn cực kia là *Vật Chất*, khi cô đặc lại, kết tinh thành một dạng ngày càng thô trực khi giáng lâm biểu lộ. Do đó, dù sao đi nữa, theo một ý nghĩa nào đó, Vật Chất chẳng qua chỉ là các cận bã hão huyền của cái Ánh Sáng có các chi nhánh (limbs) [các Tia Sáng] là các Thần Lực Sáng Tạo (the Creative Forces), song lại bao hàm cả sự hiện diện trọn vẹn của Linh Hồn của cái Nguyên khí mà chẳng ai – kể cả các “Phân Thân của Ánh Sáng”, vốn bắt

¹ Chân Lý Lược Khảo của Bacon.

nguồn từ U MINH VÔ CỰC (ABSOLUTE DARKNESS) – thâu đáo được. Milton đã diễn đạt ý niệm này vừa thơ mộng, vừa trung thực bằng cách chào mừng Ánh Sáng thiêng liêng, vốn là

.....; *Hậu duệ của Thiên Đàng bản sơ.*
Hoặc của tia sáng cộng đồng vĩnh cửu;
Vì Thượng Đế chính là Ánh Sáng,
Và trừ phi ngự nơi Ánh Sáng thâm cung,
Ngài chẳng bao giờ hăng ngự từ Vô Thủy
Bây giờ, ánh quang huy của bản thể
chiếu diệu tự sinh tự tại mới ngự trị nơi bạn.⁽¹⁾

¹ Thiên Đàng Đã Mất, Quyển III.

TIẾT 2

CÁC NHÀ VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI ĐANG LÀM NHỮNG ĐIỀU KHÔNG CẦN THIẾT (MODERN PHYSICISTS ARE PLAYING AT BLIND MAN'S BUFF)

NAY Huyền bí học (Occultism) xin hỏi Khoa học (Science) một điều: ánh sáng có phải là một vật thể (body) hay không? Cho dù khoa học có trả lời ra sao đi chăng nữa, thì Huyền bí học cũng vẫn sẵn sàng chứng tỏ rằng cho đến nay, các nhà vật lý học lỗi lạc nhất cũng chưa quán triệt được vấn đề này. Muốn biết ánh sáng là thế nào và nó có là một chất liệu (substance) hay chỉ là một ba động của “môi trường ether” (a mere undulation of the “ethereal medium”), trước hết khoa học phải tìm hiểu xem Vật Chất (Matter), Nguyên Tử, Ether và Lực (Force) thực sự là gì. Nay sự thực hiển nhiên là *khoa học còn chưa biết về bất cứ thứ nào nêu trên*, nên phải thú nhận như vậy. Nó cũng chẳng còn biết tin tưởng vào đâu, vì mỗi chủ đề đều có hàng tá giả thuyết do nhiều nhà khoa học lỗi lạc khác nhau bảo vệ; chúng rất mâu thuẫn với nhau, nhiều khi lại còn tự mâu thuẫn nữa. Như thế, nếu có thiện chí một chút, chúng ta có thể chấp nhận các lý luận uyên bác của họ như là “các giả thuyết để chiêm nghiệm” theo một ý nghĩa phụ (Stallo đã diễn đạt như thế). Nhưng nếu xét cho đến cùng mà không phù hợp với nhau, thì rốt cuộc chúng cũng sẽ

trừ khử lẫn nhau. Tác giả của Khái Niệm Về Vật Lý Hiện Đại đã cho rằng:

Nên nhớ rằng nhiều bộ môn khoa học chỉ là lối phân chia độc đoán của khoa học nói chung ... Trong nhiều bộ môn này, chúng ta có thể xét cùng một đối tượng vật lý dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Nhà vật lý có thể nghiên cứu các quan hệ phân tử của nó, trong khi nhà hóa học lại xác định cấu tạo nguyên tử của nó. Nhưng khi cả hai đều bàn tới cùng một yếu tố hoặc tác nhân, nó không thể có một loạt lý tính và một loạt hóa tính mâu thuẫn với nhau. Nếu nhà vật lý và nhà hóa học cùng giả định là có các cực vi tử với khối lượng và trọng lượng hoàn toàn bất biến, thì cực vi tử này không thể là một hình khối vuông hay hình cầu dẹt (oblate spheroid) đối với vật lý học, rồi lại một hình cầu đối (sphere) với hóa học. Và một nhóm nguyên tử nhất định không thể là một tập hợp các khối lượng phát triển, hoàn toàn trơ và không thể thâm nhập trong một lò nung hoặc là một bình cổ cong cũng như là một hệ thống gồm toàn là các trung tâm lực hợp thành một thành phần của một nam châm hoặc một pin Clamond, ether vũ trụ không thể mềm mại và lưu động để chiều lòng nhà hóa học, rồi lại đàn hồi cứng nhắc để cho nhà vật lý được thỏa mãn; nó không thể liên tục theo lệnh của William Thomson, rồi lại bất liên tục theo đề nghị của Cauchy hoặc Fresnel.⁽¹⁾

Chúng ta cũng có thể trích dẫn lời phát biểu của nhà vật lý lỗi lạc G.A.Hirn trong Quyển thứ 43 của *Kỷ Yếu Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Bỉ* mà chúng tôi dịch từ tiếng Pháp ra như sau:

Khi chúng ta thấy các học thuyết vốn qui tính tập thể và phổ quát của các hiện tượng cho riêng các chuyển động của nguyên tử, ngày nay đã được xác định ổn thỏa rồi, thì chúng ta mới có quyền

¹ Khái Niệm Về Vật Lý Hiện Đại, trang XI, XII, Phần dẫn nhập của bản thứ 2 và thứ 3.

206 trông mong là cũng tìm thấy rằng các tính chất được gán cho thực thể duy nhất này – cơ sở của vạn hữu – thật là nhất trí (exists). Nay thoạt xét tới các hệ thống đặc thù được kiến nghị, chúng ta đã thấy quá thất vọng rồi; người ta thấy rằng nguyên tử của nhà hóa học, nguyên tử của nhà vật lý học, nguyên tử của nhà siêu hình học và nguyên tử của nhà toán học ...chẳng có gì giống nhau ngoại trừ tên gọi! Hậu quả tất yếu trong phạm trù nhỏ hẹp của riêng mình, mỗi bộ môn khoa học hiện có lại dựng nên một nguyên tử thỏa mãn những yêu cầu của các hiện tượng mà nó đang nghiên cứu, mà chẳng đếm xỉa gì tới các yêu cầu riêng của các hiện tượng trong phạm trù lân cận mình. Nhà siêu hình học xưa đuổi các ý niệm khi nghe nói tới các nguyên lý hấp lực và cự lực (attraction and repulsion); còn nhà toán học, đang phân tích các luật đàn hồi và luật truyền ánh sáng, lại mặc nhiên thừa nhận chúng, cho dù không hề đề cập tới danh xưng của chúng ... Nhà hóa học không thể giải thích được sự kết hợp các nguyên tử trong các phân tử là phức tạp nếu không gán cho nguyên tử các đặc tính riêng biệt. Ngược lại, đối với nhà vật lý và nhà siêu hình học đang ủng hộ các học thuyết hiện đại nguyên tử bao giờ cũng như nhau ở bất cứ nơi đâu. Tôi đang nói gì thế nhỉ? Ngay cả trong cùng một ngành khoa học, người ta cũng chưa thỏa thuận được với nhau về các tính chất của nguyên tử. Mỗi người dựng nên một nguyên tử phù hợp với óc tưởng tượng của riêng mình, để giải thích một vài hiện tượng chuyên biệt mà y đặc biệt quan tâm tới.⁽¹⁾

Phát biểu trên đã phản ánh chính xác tình hình khoa học hiện đại và vật lý học. Theo Stallo, “cái trò ‘khoa học giả tưởng’ này coi bộ ngày càng phát đạt” (trong các bài diễn văn hùng biện, Giáo sư Tyndall đã phát biểu như thế), và về mặt mâu thuẫn, nó đã vượt xa bất cứ điều “hoang tưởng”

¹ “ Khảo cứu các thực nghiệm về quan hệ giữa điện trở của không khí và nhiệt độ của nó, trang 68, dịch theo đoạn trích dẫn của Stallo, trang 12, Phần dẫn nhập.

(“phantasies”) nào của Huyền bí học. Dù sao đi nữa, nếu (theo lời thú nhận của người ta) các thuyết vật lý chỉ là “các khí cụ giáo huấn, diễn giải và kiểu cách” và nếu (theo lời của một kẻ chỉ trích Stallo) “nguyên tử luận chỉ là một hệ thống biểu tượng và sau này là một hệ thống đồ hình”,⁽¹⁾ thì bây giờ chúng ta khó lòng mà có thể cho rằng nhà Huyền bí học đã giả định quá nhiều khi trình bày các biểu tượng và các “khí cụ” cùng là các “hệ thống biểu tượng” này của khoa học hiện đại.

“ÁNH SÁNG CÓ PHẢI LÀ MỘT VẬT THỂ HAY KHÔNG?”

(“AN LUMEN SIT CORPUS, NEC-NON?”)

(“Is light a Body, or not?”)

Chúng ta biết rằng ánh sáng nhất định không phải là một vật thể. Vật lý học cho rằng ánh sáng là một lực, một rung động, ba động của Ether (the undulation of Ether). Đó là tính chất của vật chất, hoặc là tác động của vật chất chứ không bao giờ là *một vật thể*!

Đúng thế, việc khám phá thấy ánh sáng hay nhiệt không phải là một chuyển động của các *cấu tử vật chất* (*material particles*) (dù cho nó có giá trị hay không đi chăng nữa) cũng chủ yếu (nếu không muốn nói là hoàn toàn) là một công trình khoa học của Willame Grove. Trong một bài diễn văn tại Học Viện Luân Đôn vào năm 1842, ông đã là người đầu tiên

¹ Trích từ bài phê bình Khái Niệm Về Vật Lý Hiện Đại đăng trên báo *Thiên Nhiên*. Xem tác phẩm của Stallo, trang XVI, Phần dẫn nhập [Bài phê bình được đề cập tới được đăng trên báo *Quốc Gia* ở New York chứ không phải là báo *Thiên Nhiên* – Lờ nhà xuất bản].

207 chứng minh rằng “nhiệt, ánh sáng⁽¹⁾ có thể được xem như là các tác động của ... chính vật chất, chứ không phải là tác động của một lưu chất [hay là trạng thái vật chất] riêng biệt tinh anh bất khả lượng (imponderable), thẩm nhuần vật chất”.⁽²⁾ Song có lẽ đối với một vài nhà vật lý – chẳng hạn như Oersted, một nhà khoa học rất lỗi lạc – LỰC và CÁC LỰC mặc nhiên là “Chơn Linh [*và vì thế các Chơn Linh*] trong Thiên Nhiên” (FORCE and FORCES were tacily “Spirit [*and hence Spirits*] in Nature”). Khá nhiều nhà khoa học có khuynh hướng huyền bí đã dạy rằng ánh sáng, nhiệt, từ khí, điện và trọng lực, v.v ... không phải là các nguyên nhân tối hậu của

¹ Bàn về vấn đề nhiệt và ánh sáng trong *Tạp chí Khoa Học* số tháng 11 năm 1881, ông Robert Ward đã chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng khoa học không biết gì về một trong các sự kiện quen thuộc nhất của Thiên Nhiên, đó là nhiệt của Mặt Trời. Ông cho rằng: “Vấn đề nhiệt của mặt trời đã là chủ đề điều nghiên của nhiều nhà khoa học: Newton, một trong những người đầu tiên điều nghiên về vấn đề này, đã cố gắng xác định nó, sau đó, bất cứ nhà khoa học nào quan tâm tới phép đo nhiệt độ đều noi gương ông. Theo thứ tự niên đại công bố các kết quả điều nghiên, sau đây là nhiệt độ (tính bằng độ bách phân) mà họ đã ghi nhận được: Newton, 1 699 300°, Pouillet, 1 461°; Tollner, 102 200°; Secchi, 5 344 840°; Ericsson, 2 726 700°; Fizeau, 7 500°; Waterston, 9 000 000°; Sporen, 27 000°; Deville, 9 500°; Soret, 5 801 846°; Vicaire, 1 500°; Rosetti, 20 000°. Sự dị biệt giữa 1 400° và 9 000 000° lên tới 8 998 600° !! Có lẽ trong khoa học không có một sự mâu thuẫn nào lại kỳ dị (astonishing) hơn là sự mâu thuẫn được tiết lộ trong các số liệu này”. Nhưng chắc chắn là nếu một nhà Huyền bí học trình bày một con số ước tính, thì mỗi một trong các nhà khoa học này sẽ kịch liệt phản đối, nhân danh khoa học chính xác để bác bỏ kết quả đặc biệt của nhà Huyền bí học ấy.

² Xem *Sự Tương Hệ Giữa Các Lực Vật Lý*, Lời nói đầu trang xiii.

các hiện tượng hữu hình, kể cả chuyển động của các hành tinh, song chính chúng lại là các *hiệu quả phụ của các Nguyên nhân khác*. Khoa học hiện đại chẳng quan tâm bao nhiêu tới các nguyên nhân này, nhưng Huyền bí học lại hết lòng tin tưởng vào chúng, vì các nhà Huyền bí học đã trình bày các bằng chứng cho thấy những lời khẳng định của họ bao giờ cũng có giá trị. Và thời đại nào mà chẳng có các nhà Huyền bí học (Occultists) và các cao đồ (ADEPTS)?

Sir Isaac Newton ủng hộ thuyết hạt của Pythagoras và có khuynh hướng thừa nhận các hệ quả của nó; điều này khiến cho Bá Tước de Maistre đã có lúc hy vọng rằng cuối cùng Newton sẽ đưa khoa học trở lại nhìn nhận sự kiện Lực và các Thiên Thể (the Celestial Bodies) được các *Đấng Thông Tuệ điều động và thúc đẩy*.⁽¹⁾ Nhưng de Maistre không tính tới (counted) tập đoàn đó. Các ý tưởng thâm sâu nhất của Newton đã bị xuyên tạc, và người ta đã chỉ sử dụng được phần kiến thức vật lý phiến diện so với phần kiến thức toán học uyên bác của ông.

Tiến sĩ Lewins, một nhà duy tâm vô thần (atheistic idealist) cho rằng:

Năm 1687, khi Sir Isaac...chứng tỏ rằng khối lượng và nguyên tử chịu tác dụng ... của hoạt động bẩm sinh ... đúng là ông đã vứt bỏ Tinh Thần, Linh Hồn hoặc Thần Linh như là không cần thiết.

Nếu ngài Isaac khốn khổ (poor Sir Isaac) ấy mà tiên đoán được là những người hậu sinh của ông sẽ áp dụng “thuyết trọng lực” (“gravity”) như thế đó, thì con người sùng đạo ấy chắc chắn sẽ làm thính ăn hết trái táo và sẽ không bao

¹ Dạ Hội, quyển ii.

giờ nói về bất cứ ý niệm cơ học nào liên quan đến sự rơi của nó.

Các nhà khoa học thường tỏ ra rất miệt thị siêu hình học xét chung, và siêu hình học bản thể (ontological metaphysics) nói riêng. Nhưng bất cứ lúc nào mà các nhà Huyền bí học thu hết can đảm ngừng đầu lên nhìn sự thật, chúng ta cũng thấy
208 là vật lý học duy vật đẩy dầy những chuyện siêu hình.⁽¹⁾

¹ Bất cứ người nào có khuynh hướng nghi ngờ phát biểu này cũng nên đọc tác phẩm nêu trên của Stallo Khái Niệm Về Vật Lý Hiện Đại, một tác phẩm đã bị kịch liệt chỉ trích và phản đối. Ông cho rằng: “Việc khoa học ra mặt chống đối với các lý luận của siêu hình học đã khiến cho đa số các chuyên viên khoa học giả định là các phương pháp và các kết quả của cuộc khảo cứu thực nghiệm hoàn toàn độc lập với sự kiểm chế của các luật tư tưởng. Họ hoặc là âm thầm lờ đi, hoặc là công khai chối bỏ các tiêu chuẩn đơn giản nhất của luận lý học, kể cả các luật phi mâu thuẫn (non-contradiction), và ... vô cùng bức bối (resent) với mọi áp dụng của quy tắc phù hợp với các giả thuyết và lý thuyết của họ ... và họ coi việc xem xét (chúng) ... dưới ánh sáng của các luật này như là một sự can thiệp thô bạo của các nguyên tắc và phương pháp tiên nghiệm vào trong phạm vi các khoa học thực nghiệm. Những kẻ thuộc loại đó cứ tìm cách chủ trương rằng các nguyên tử hoàn toàn tro, đồng thời lại khẳng định rằng các nguyên tử này đàn hồi hoàn toàn. Trong khi chủ trương rằng xét cho cùng, vũ trụ vật chất gồm toàn vật chất “tro” thì họ lại không chịu nhìn nhận rằng mọi năng lượng vật chất đều thực sự là động năng. Trong khi cho rằng xét cho cùng, mọi dị biệt hiện tượng trong ngoại giới đều do nhiều chuyển động khác nhau của các đơn vị vật chất hoàn toàn đơn giản, thì họ lại bác bỏ kiến nghị cho rằng các đơn vị này bằng nhau” (trang xix). Thật là mù quáng (the blindness of eminent) khi thấy các nhà vật lý lồi lạc cứ lờ đi một vài hệ quả hiển nhiên nhất của các lý thuyết của chính họ. “Khi Giáo sư Tait (cùng với Giáo

Trong khi vẫn liên kết bất khả phân ly với thuyết siêu việt (transcendentalism) mà lại muốn chứng tỏ rằng khoa học hiện đại không có dính líu gì tới “giấc mơ hão huyền” (“dreams”) như thế, các nguyên lý cơ bản nhất của khoa học đã bị sai lệch và nhiều khi còn bị lờ đi trong đám sa mù các lý thuyết và giả thuyết mâu thuẫn nhau. Lờϊ tố cáo này đã được bổ chứng khi khoa học bắt buộc phải chấp nhận chất ether “theo giả thuyết” và ra sức giải thích nó trên cơ sở duy vật của các luật nguyên tử cơ học (atomo-mechanical laws). Toan tính này đã gây ra các điểm dị biệt tai hại và các điểm mâu thuẫn triệt để giữa bản chất theo giả định của ether và tác động vật lý của nó. Bằng chứng thứ nhì là có rất nhiều phát biểu mâu thuẫn nhau về nguyên tử, đối tượng siêu hình nhất trong cuộc sáng tạo.

sư Stewart) tuyên bố rằng ‘vật chất chỉ thụ động mà thôi’ (Vũ Trụ Vô Hình, Tiết 104) và rồi, cùng với William Thomson, ông cho rằng ‘vật chất có một năng lực bẩm sinh chống lại các tác dụng ngoại lai’ (Luận Về Khoa Học Tự Nhiên, Quyển I, Tiết 126) chẳng nhẽ chúng ta lại xấp xược (hardly impertinent) hỏi xem làm thế nào có thể dung hòa các phát biểu đó được. Giáo sư Du Bois Reymond ... cứ khẳng khẳng đòi là phải thu gọn mọi tiến trình của thiên nhiên thành ra các chuyển động của một cơ sở tro tro đầy thực chất (indifferent substratum), *hoàn toàn không có tính chất nào (wholly destitute of quality) (Ueber die Grenzen des Naturerkennens, trang 5)*. Thế mà, ngay trước đó trong cùng một bài diễn văn, ông lại tuyên bố rằng: ‘Cứu cánh của khoa học tự nhiên chính là phân giải mọi biến dịch trong thế giới vật chất thành ra chuyển động của các nguyên tử mà *các lực trung tâm cố định đã tạo ra*’. Nếu thấy hoang mang quá thì chúng ta nên để chúng qua một bên.” (Lời nói đầu, xlii - iii).

Nay vật lý học hiện đại biết gì về Hậu thiên khí (Aether)? Rõ rệt là các triết gia thời xưa đã trình bày khái niệm về nó trước hết; họ đã kế thừa ý niệm này của dân Ấryan, Hậu thiên khí thời nay bắt nguồn từ TIÊN THIÊN KHÍ (ĀKĀSHA) rồi bị biến thể đi. Người ta cho rằng sự biến thể là một sự canh cải và tế nhị hóa (modification and refinement) ý niệm của Lucretius. Thế thì chúng ta thử xem trong nhiều tác phẩm khoa học bao hàm những điều thừa nhận của các nhà vật lý học, người ta nói gì về khái niệm hiện đại này.

Theo Stallo, thiên văn học và hóa học đều chấp nhận sự tồn tại của ether.

Theo các nhà thiên văn học, chất ether này thoát đầu được xem như là một lưu chất cực kỳ tế vi và lưu động, không cản trở bao nhiêu chuyển động của các thiên thể, còn vấn đề nó liên tục hay bất liên tục cũng không được nêu ra để thảo luận một cách nghiêm chỉnh. Trong thiên văn học hiện đại, nó có một chức năng chính là dùng làm cơ sở cho các
 209 thuyết hấp lực thủy động lực học. Trong vật lý học, có một lúc lưu chất này dường như giữ nhiều vai trò liên hệ tới các chất “bất khả lượng” (“imponderables”) [chúng đã bị Sir William Grove khai tử một cách tàn nhẫn] một vài nhà vật lý học còn tiến xa tới mức đồng nhất hóa nó với một hay nhiều chất đó.⁽¹⁾

Rồi Stallo còn vạch ra sự biến đổi do các thuyết động năng, từ khi có thuyết nhiệt động lực. Ether đã được quang học chọn dùng làm một cơ sở cho các ba động ánh sáng. Sau đó, để giải thích sự tán sắc và sự phân cực của ánh sáng, một lần nữa, các nhà vật lý học đã phải cầu cứu tới “trí tưởng tượng của khoa học” (“scientific imagination”) và gán ngay

¹ Stallo, sách đã dẫn, trang ix.

cho ether: (a) có cấu trúc nguyên tử hay phân tử, và (b) có tính đàn hồi rất lớn, “để cho độ bền biến dạng của nó vượt xa độ bền của các chất đàn hồi cứng rắn nhất”. Điều này cần tới *thuyết bản chất liên tục của Vật Chất*, vì thế, mới có chất ether. Sau khi đã chấp nhận tính chất liên tục này để biện minh cho sự tán sắc và sự phân cực, người ta thấy rằng không thể có lý thuyết nào liên quan tới sự tán sắc như thế. Theo óc tưởng tượng khoa học của Cauchy, trong Nguyên tử có các “điểm vật chất không phát triển” và để cho thuyết ba động (the undulatory theory) tránh được những chướng ngại kinh khủng nhất (the most formidable obstacles) (tức là một số định lý cơ học nổi tiếng có tác dụng gây trở ngại). Ông đã kiến nghị giả định rằng thay vì liên tục, môi trường ether truyền sóng phải gồm có các cấu tử cách nhau một khoảng đáng kể, Fresnel cũng giải quyết vấn đề như vậy cho hiện tượng phân cực. E. B. Hunt đã làm đảo lộn lý thuyết của cả hai khoa học gia trên.⁽¹⁾ Nay trong khi một số nhà khoa học cho rằng, chúng là “những điều trá ngụy” (“materially fallacious”), thì những kẻ khác – “các nhà nguyên tử cơ giới luận” (the “atomo-mechanicalists”) – lại cứ ngoan cố bám lấy chúng một cách tuyệt vọng. Hơn nữa, thuyết nhiệt động lực học cũng làm đảo lộn giả thuyết về cấu tạo *nguyên tử* hay *phân tử* của ether, vì Clerk Maxwell đã chứng tỏ rằng một môi trường như thế sẽ chỉ là một *chất khí*.⁽²⁾ Như thế, giả thuyết “khoảng cách hữu hạn” (“finite intervals”) đã tỏ ra là không có ích gì để bổ túc cho thuyết ba động. Ngoài ra, theo giả thuyết của Cauchy, các kỳ thiên thực (eclipses) không thể

¹ Tạp chí Silliman, Quyển viii, trang 364 và tiếp theo.

² Xem Luận Về Điện của Clark Maxwell, và hãy so sánh với Luận Trình về sự Tán Sắc của Ánh Sáng, của Cauchy.

tiết lộ bất cứ sự biến thiên nào về màu sắc, vì người ta cũng giả định là các tia màu sắc được truyền đi với các tốc độ khác nhau. Thiên văn học đã vạch ra hơn một hiện tượng hoàn toàn không ăn khớp với học thuyết này.

Như vậy, trong khi nơi một số bộ môn của vật lý học, cấu tạo nguyên tử-phân tử của ether (dĩ thái) được chấp nhận để biện minh cho một loạt các hiện tượng chuyên biệt, thì trong một bộ môn khác, người ta lại thấy một cấu tạo như thế sẽ làm sụp đổ hoàn toàn một số sự kiện đã được xác định; như thế là các lời tố cáo của Hirn đã được biện minh, Hóa học thấy là;

Không thể thừa nhận tính đàn hồi lớn lao của ether nếu không được bỏ hết các tính chất của nó đang chủ yếu là dùng để dựng nên các thuyết hóa học.

210 Kết luận Ether phải bị biến đổi.

Các yêu cầu của thuyết nguyên tử cơ học đã khiến cho các nhà toán học và các nhà vật lý học lổi lạc ra sức thay thế các nguyên tử vật chất truyền thống bởi các dạng chuyển động xoáy đặc biệt trong một môi trường vật chất đại đồng vũ trụ, đồng chất không thể nén được và liên tục [ether].⁽¹⁾

Tác giả, - vốn dĩ không hiểu biết bao nhiêu về khoa học và chỉ hiểu biết tầm tạm (tolerable acquaintance) về các thuyết hiện đại, và hiểu biết khá nhiều về Huyền bí học – kiên quyết đấu tranh chống lại kẻ phỉ báng Nội môn Bí giáo ngay trong kho tàng khoa học hiện đại. Các mâu thuẫn rành rành hiển nhiên, các giả thuyết loại trừ lẫn nhau của các nhà khoa học lừng danh thế giới, các cuộc tranh cãi, các lời tố cáo lẫn nhau của họ, đã chứng tỏ rõ rệt rằng cho dù có được chấp nhận hay không đi chăng nữa, các thuyết Huyền bí học cũng

¹ Stallo, sách đã dẫn, trang x.

có quyền được trình bày như bất cứ cái gọi là các giả thuyết khoa học nào khác. Như thế cho dù các Hội viên của Hội Hoàng gia có chất nhận ether như là một *lưu chất liên tục* hay *bất liên tục* thì cũng chẳng ảnh hưởng gì tới mục đích hiện nay. Nó chỉ chứng minh chắc chắn là cho đến nay, khoa học chính thống *chẳng biết gì về sự cấu tạo của ether*. Nếu muốn thì khoa học cứ gọi nó là Vật Chất, có điều là người ta không thể thấy cả Tiên thiên khí (Ākāsha) lẫn Hậu thiên khí (Aether) thiêng liêng của người Hy Lạp trong bất cứ trạng thái Vật Chất nào mà vật lý học hiện đại từng biết. Đó là VẬT CHẤT (MATTER) trên một cảnh giới tri giác, hiện tồn khác; nếu không nghiên cứu Huyền bí học thì không thể nào mà phân tích nó bằng khí cụ khoa học, và cũng không thể nào mà lượng định, thậm chí không thể nào quan niệm ra nó bằng “óc tưởng tượng khoa học”. Điều đó sẽ được chứng tỏ.

Stallo đã chứng tỏ rõ rệt là, xét về các vấn đề có tầm quan trọng quyết định của vật lý học hiện đại mà De Quatrefages và nhiều người khác thực hiện trong các lãnh vực nhân loại học, sinh học..., trong khi ra sức bảo vệ các giả thuyết và các hệ thống của cá nhân mình, hầu hết các nhà Duy vật lỗi lạc nhất rất thường phát biểu các điều dối trá ghê gớm nhất (the greatest fallacies). Chúng ta thử xét trường hợp sau đây. Hầu hết các nhà duy vật bác bỏ tác dụng từ xa – một trong các nguyên tắc cơ bản của vấn đề Hậu thiên khí tức Tiên thiên khí trong Huyền bí học – trong khi đó, Stallo đã nhận xét rất đúng là không có tác dụng vật lý nào, “xét cho cùng, mà lại không quy về *tác dụng từ xa*”; và ông còn chứng minh được điều đó.

Nay theo Giáo sư [Sir Oliver] Lodge,⁽¹⁾ các luận chứng siêu hình là “các lời thỉnh cầu tới kinh nghiệm một cách vô thức. Ông còn nói thêm rằng nếu một kinh nghiệm như thế *không thể quan niệm được* (*not conceivable*) thì bây giờ nó sẽ không thể tồn tại. Theo Ông:

Nếu một người hoặc một nhóm người mở trí nhiều, thấy một học thuyết về vấn đề nào tương đối đơn giản mà lại hoàn toàn không thể quan niệm được, thì điều đó chứng tỏ rằng...tình trạng bất khả suy tư của vạn vật không hề tồn tại.

211 Và vì vậy, đến cuối bài diễn văn, Giáo sư đã nêu rõ là người ta mong đợi là sự cố kết (cohesion) cũng như trọng lực (gravity), “sẽ được giải thích tường tận trong thuyết xoáy lực nguyên tử của William Thomson”.

Không cần hết thảy thắc mắc, liệu chúng ta có thể mong đợi là thuyết xoáy lực nguyên tử này giải thích được việc một sao băng hay một sao chổi đem xuống trái đất mầm sống đầu tiên không? (đó là giả thuyết của William Thomson). Nhưng chính Giáo sư Lodge nên nhớ tới lời chỉ trích sáng suốt bài diễn văn của ông trong *Các Quan Niệm và Các Lý Thuyết Về Vật Lý Hiện Đại* của Stallo. Khi thấy Giáo sư đã tuyên bố như trên, tác giả bèn hỏi:

Liệu... các yếu tố của thuyết xoáy lực nguyên tử có là các sự kiện kinh nghiệm quen thuộc, thậm chí khả hữu hay không? Bởi vì, nếu chúng không hề như vậy, rõ ràng là thuyết này thật nguy hại cho lời chỉ trích mà người ta cho là đã làm sụp đổ giả thuyết về tác dụng từ xa (*actio in distans*).⁽¹⁾

Và rồi, lời chỉ trích đầy thâm quyền ấy đã chứng tỏ rõ ràng là ether *không* và không bao giờ có thể là cái gì, cho dù khoa học có phát biểu ngược lại đi chăng nữa (the ether is

¹ Thiên Nhiên, Quyển xxvii, trang 304.

¹ Sách đã dẫn, trang xxiv.

not, nor can ever be, notwithstanding all scientific claims to the contrary). Thế là ông ta đã mở rộng, cho dù một cách vô thức, cánh cửa dẫn vào Giáo lý Huyền bí (Occult Teachings). Ấy là vì ông đã cho rằng:

Theo lời phát biểu minh bạch của Giáo sư Lodge (Tập chí Thiên Nhiên, Quyển xxvii trang 303) môi trường phát sinh ra chuyển động xoáy là “một vật thể hoàn toàn đồng chất, liên tục, không nén được, không thể phân giải thành ra các yếu tố hay các nguyên tử đơn giản; thật vậy, nó liên tục chứ không có tính cách phân tử”. Sau khi phát biểu như vậy giáo sư còn nói thêm: “Chúng ta không thể nói như vậy về bất cứ vật thể nào khác, vì thế các tính chất aether phải hơi khác với tính chất của vật chất thông thường”. Như vậy, hình như là toàn bộ thuyết xoáy lực nguyên tử, vốn được đưa ra thay thế cho “thuyết siêu hình” về tác dụng từ xa, lại dựa vào thuyết về sự tồn tại của môi trường vật chất mà chưa ai biết tới và có những tính chất hơi khác (somewhat different)⁽¹⁾ với các tính chất của vật chất thông thường. Do đó, thay vì thu gọn từ một sự kiện kinh nghiệm xa lạ, thành một sự kiện quen thuộc (người ta tự cho như thế), thì ngược lại, thuyết này lại biến một sự kiện hoàn toàn quen thuộc thành ra một sự kiện chẳng những là xa lạ, mà lại hoàn toàn không được biết tới, không được quan sát và không thể

¹ Stallo kêu lên: “Hơi khác à! Thực ra từ ngữ ‘hơi’ (‘somewhat’) này có ý nghĩa là xét theo bất cứ ý nghĩa khả niệm nào, môi trường đang xét đều không hề có tính chất nào của vật chất”. Mọi tính chất của vật chất đều tùy thuộc vào những dị biệt và những biến dịch, thế mà ether, theo giả thuyết được xác định ở đây, chẳng những không có các dị biệt mà lại còn không thể dị biệt và biến dịch (theo nghĩa vật lý). Điều này chứng tỏ rằng nếu ether là “vật chất”, thì nó chỉ là vật chất theo nghĩa *tinh thần* (tức là một cái gì vô hình vô hiện); thật vậy, nó là một Thực Thể (Being) – nhưng không thuộc cảnh giới của chúng ta – Hậu thiên khí tức Tiên thiên khí (Aether, or Ākāsha).

quan sát được. Và lại, không thể có giả thuyết chuyển động xoáy hay đúng hơn là môi trường ether, vì “chuyển động trong một lưu chất hoàn toàn đồng chất, không nén được và do đó liên tục” là một chuyển động không thể tri giác được. Do đó hiển nhiên là dù cho thuyết xoáy lực nguyên tử có đặt vào đâu chăng nữa, thì chắc chắn là nó sẽ không đặt chúng ta ở bất cứ nơi đâu trong lãnh vực vật lý, hoặc trong lãnh vực các nguyên nhân có thực [real causes].⁽¹⁾ Tôi có thể nói thêm là bởi vì môi trường không biến phân (undifferentiated)⁽²⁾ và không thể biến phân theo giả thuyết này rõ rệt là một sự vô tình cụ thể hóa khái niệm bản thể học cổ truyền về hiện tồn thuần túy, nên thuyết đang được bàn tới có mọi thuộc tính của một con ma siêu hình (metaphysical phantom)⁽³⁾ không sao hiểu nổi.

212 Thật vậy, đó là một “con ma” (“phantom”) mà chỉ người nào quán triệt Huyền bí học mới hiểu nổi. Từ siêu hình học khoa học như thế tới Huyền bí học chỉ có vừa đúng một bước. Các nhà vật lý nào vẫn còn chủ trương là cấu tạo nguyên tử của Vật Chất phù hợp với độ mâu thuẫn của nó, không nên đi lệch ra khỏi đường lối của mình để có thể biện minh cho các hiện tượng trọng đại nhất của Huyền bí học, mà nay các nhà vật lý và các nhà duy vật chế nhạo. “Các điểm vật chất không quảng tính” (“material points without extension”) của Cauchy chính là các Đơn Nguyên (Monads) của Leibnitz, đồng thời, đó cũng là vật liệu mà “chư Thiên” (“Gods”) và các Quyền Năng vô hình khác dùng để tạo nên các thể của mình. Dù sao đi nữa, đối với một ít nhà khoa học

¹ Các nguyên nhân có thực (real causes) đối với vật lý học lại là các nguyên nhân hão huyền đối với nhà Huyền bí học và ngược lại.

² Ngược lại, từ khi ra khỏi trạng thái trung hòa, nó đã “biến phân” rất nhiều.

³ Sách đã dẫn, trang xxiv – xxvi.

chấp nhận các quan điểm của Cauchy, sự phân hóa và tái hợp các cấu tử “vật chất” không quảng tính, với tư cách là một nhân tố chính trong các biểu lộ hiện tượng, phải nhanh chóng được xem như là một *khả năng rõ rệt* (*a clear possibility*). Ấy là vì, vận dụng tính chất của vật chất mà họ gọi là tính chất bất khả thấu nhập bằng cách chỉ xem nguyên tử như là “các điểm vật chất tác dụng lên nhau các sức hút và sức đẩy biến thiên theo các khoảng cách gần cách chúng”, lý thuyết gia người Pháp giải thích rằng:

Do đó suy ra rằng Đấng Tạo Hóa chỉ vui lòng biến đổi các luật chi phối sự hút và đẩy lẫn nhau của các nguyên tử, chúng ta có thể thấy ngay các thể cứng rắn nhất xuyên thấu lẫn nhau, các cấu tử vật chất nhỏ nhất chiếm các khoảng trống bao la, hoặc các khối lượng lớn nhất thu gọn thành ra các khối lượng nhỏ nhất, toàn thể vũ trụ tập trung vào một điểm đơn độc (*a single point*)(¹).

“Điểm” đó, mặc dù *vô hình trên cảnh giới tri giác và vật chất của chúng ta*, lại hoàn toàn hữu hình trước mắt bậc Cao đồ (Adept) có thể theo dõi và thấy nó hiện diện trên các cảnh giới khác. Đối với các nhà Huyền bí học, những người này cho rằng Tạo Hóa cũng *chính là Thiên Nhiên*, một thứ không khác gì và bất khả phân ly với Thượng Đế, suy ra là những kẻ nào đã quán triệt được các *luật Huyền Bí* (*the Occult law*) của Thiên Nhiên, có thể *không* sửa đổi lại các luật, nhưng sẽ hoạt động với các luật bất di bất dịch.

¹ *Bảy Bài Học Vật Lý Tổng Quát*, trang 38 và tiếp theo, nhà xuất bản Moigno.

TIẾT 3

LỰC HẤP DẪN CÓ PHẢI LÀ MỘT ĐỊNH LUẬT HAY KHÔNG? (IS GRAVITATION A LAW?)

THUYẾT hạt đã bị lặt vặt xếp vào một nơi, nhưng luật hấp dẫn – nguyên lý cho rằng mọi vật thể đều hút nhau với một lực tỷ lệ thuận với khối lượng của chúng và tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách của chúng - vẫn còn tồn tại đến ngày nay và thống ngự mãi trong giả thuyết ether của không gian. Với tư cách là một giả thuyết, nó có nguy cơ bị đào thải vì không thể bao hàm được mọi sự kiện hiện hữu; với tư cách là một *luật vật lý*, nó đã từng một thời làm Vua (the King) và chi phối các chất “Bất khả lượng” (“Imponderables”). Một người Mỹ sau khi thâm cứu *Nữ thần Isis Lộ Diện* đã kêu lên rằng: “Nó đâu có kém phần báng bổ bao nhiêu (It is little short of blasphemy)... thật là xấu hổ khi ghi nhớ mãi Newton mà lại nghi ngờ nó”. Tốt lắm; vậy rốt cuộc vị Thượng Đế *vô hình vô hiện* đó là gì mà chúng ta cứ phải tin tưởng vào Ngài một cách mù quáng như vậy? Các nhà thiên văn học thấy luật hấp dẫn giải quyết dễ dàng được nhiều chuyện và là một lực *đại đồng vũ trụ* giúp cho họ tính toán được các chuyển động của hành tinh, nên không quan tâm bao nhiêu tới Nguyên nhân của Hấp lực (the Cause of Attraction). Họ gọi trọng lực là một luật, một nguyên nhân tự sinh tự tại. Chúng ta gọi các lực tác động theo luật này là các hiệu quả và cũng là *các hiệu*

quả rất phụ thuộc. Một ngày nào đó, người ta sẽ thấy là giả thuyết khoa học này không đáp ứng được mọi yêu cầu, bấy giờ nó sẽ cùng chung số phận với thuyết hạt ánh sáng và sẽ bị xếp vào trong văn khố khoa học với biết bao điều suy đoán trong hàng vô lượng thời. Chẳng phải là chính Newton đã tỏ ra nghi ngờ xiết bao về bản chất của Lực và vật thể tính của các “Tác nhân” (the “Agent”) (bấy giờ người ta gọi chúng như vậy đó) đấy ư? Cuvier, một ngôi sao sáng trên vòm trời khảo cứu khoa học, cũng cùng một quan điểm. Trong *Sự quay của Địa Cầu* (*the Révolution du Globe*), ông đã cảnh giác các độc giả của mình về bản chất đáng nghi ngờ của cái gọi là Lực và cho rằng: “Không chắc là sau rốt, liệu các tác nhân này có phải là các Quyền Năng Tinh Thần (Spiritual Power) [*các tác nhân tinh thần (des agents spirituels)*] hay không? Ngay ở phần mở đầu tác phẩm *Nguyên lý* (*Principia*), Isaac Newton đã vô cùng quan tâm tới việc khiến cho trường phái của mình có cảm tưởng là ông không dùng từ “hấp lực” (“attraction”) khi nói đến tác dụng hỗ tương của các vật thể theo nghĩa vật lý. Theo ông, đó là một quan niệm thuần túy toán học, không xét

214 đến các nguyên nhân vật lý chủ yếu có thực. Trong một đoạn của *Nguyên lý* (*Principia*),⁽¹⁾ ông đã cho chúng ta biết rõ rệt là xét về mặt vật lý, hấp lực có phần là *sức đẩy* (*impulses*). Trong Tiết xi (Phần dẫn nhập) ông đã bày tỏ ý kiến là: “Có một chon linh tinh anh nào đó dùng sức mạnh và tác dụng của mình để xác định mọi chuyển động của vật chất”.⁽²⁾ Trong *Bức Thư Thứ Ba* gởi cho Bentley, ông cho rằng:

¹ Định nghĩa 8. Quyển I: Mệnh đề 69 “Giảng Lý Cổ Văn Hy La” (“Scholium”).

² Xem Chủ Nghĩa Duy Vật Hiện Đại, của Wilkinson.

Thật không thể quan niệm được chất thô sơ vô tri giác, không có sự trung gian của một thứ nào khác *không phải là vật chất* mà lại tác động và ảnh hưởng đến vật chất khác khi không tiếp xúc đến nó. Nhưng nếu lực hấp dẫn (theo nghĩa của Epicurus) lại là bản thể và có sẵn nơi nó, thì tất nhiên chúng ta sẽ có kết quả trên. Đối với tôi, việc trọng lực này phải là bản thể cố hữu bẩm sinh của vật chất sao cho một vật thể tác động từ xa lên một vật thể khác qua chân không chứ không có sự trung gian của bất cứ thứ nào khác có thể truyền tác động từ vật này sang vật kia, thật là một điều phi lý. Điều đó phi lý đến nỗi mà tôi tin là không ai, vốn có năng lực suy tư về các vấn đề triết học, lại tin tưởng vào nó. Trọng lực phải được tạo ra bởi một tác nhân tác động mãi mãi theo các định luật nào đó, nhưng tôi xin để cho các độc giả xét xem *liệu tác nhân này là vật chất hay phi vật chất*.

Về vấn đề này, ngay cả những người đồng thời với Newton cũng phải khiếp sợ (frightened) trước sự hiển nhiên là các Nguyên nhân *Huyền bí* (Occult Causes) đã quay trở về lãnh vực vật lý. Leibnitz gọi nguyên lý hấp dẫn của ông là “một quyền năng phi vật thể và không sao giải thích được”. Bernouilli đã gán cho giả thuyết có một năng lực hấp dẫn và một *chân không* (void) hoàn toàn là “ghê tởm” (“revolting”), nguyên lý *tác dụng từ xa* cũng chẳng được ưu đãi hơn ngày nay. Mặt khác, Euler cho rằng tác động của trọng lực là do ở *Chơn Linh* (Spirit) hoặc một môi trường tinh anh nào đó. Nếu không chấp nhận thì ít ra Newton cũng biết tới Ether của Cổ nhân. Ông xem không gian giữa các thiên thể như là chân không. Do đó, cũng như chúng ta, ông tin tưởng vào *Chơn Linh* và các “Chơn Linh tinh anh” (“subtle Spirit”) điều động cái gọi là hấp lực. Những lời trích dẫn nêu trên của bậc vĩ nhân đó đã tạo ra những kết quả đáng buồn. Nay điều phi lý đó đã trở thành một giáo điều của Chủ nghĩa duy vật thuần túy (pure Materialism), nó mãi lặp lại như sau: “Không có vật

chất nào mà không có lực kèm theo, chẳng có lực nào mà không có vật chất kèm theo. Vật chất và lực thật là bất khả phân ly, vĩnh cửu và bất hoại [*đúng*]. Không có lực nào độc lập, vì tất cả mọi lực đều là một tính chất cố hữu và thiết yếu của vật chất [*sai*]. Do đó, không có quyền năng sáng tạo phi vật chất". Tội nghiệp thay cho Ngài Isaac !

Nếu để qua một bên tất cả các nhà khoa học lỗi lạc đồng ý với Euler và Leibnitz, nếu các nhà huyền bí học chỉ dẫn ra thần quyền và sự ủng hộ của Isaac Newton và Cuvier thôi (đã dẫn ở trên) thì họ sợ gì khoa học hiện đại mà chẳng dám công khai và hãnh diện công bố các tín ngưỡng của mình. Nhưng sự do dự và nghi ngờ của các thần quyền nêu trên cũng như là của nhiều người khác nữa (chúng ta có thể nêu ra danh sách của họ) ít ra cũng cản trở được việc khoa học cứ suy luận viển vông trong các lãnh vực vật chất thô sơ như trước. Trước hết, đó là vật chất và một lưu chất bất khả lượng phân biệt với nó; rồi tới lưu chất bất khả lượng mà Grove cực
 215 lực phê phán; rồi tới Aether, thoát đầu bất liên tục rồi sau lại liên tục; sau rốt tới các Lực "cơ học" (the "mechanical" Forces). Các thứ này đã ổn định thành ra "các cách thức chuyển động" ("modes of motion") và Aether đã trở nên huyền bí và đáng nghi ngờ hơn bao giờ hết. Plato mãi lặp lại yêu cầu độc giả chó có lẫn lộn các Hành *phi vật thể* (*incorporeal Elements*) với các NGUYÊN KHÍ (PRINCIPLES) tức các Hành tinh thần siêu việt. Các nhà luyện kim đan lỗi lạc (the great Alchemists), chẳng hạn như Paracelsus đã dày công phân biệt một hiện tượng với một nguyên nhân của nó, tức Thực tượng (the Noumenon). Mặc dù thấy là "không có lý do nào để tước bỏ các *chức năng* chung cho mọi vật chất của vật chất tràn lan khắp vũ trụ", song Grove vẫn sử dụng từ ngữ *Lực* (Forces)

trong lời phê phán của mình, “ông không gán cho từ ngữ này bất cứ ý niệm nào về *tác dụng chuyên biệt*” (“*specific action*”). Từ thời Plato, Paracelsus và Grove cho đến nay, chẳng có gì tỏ ra có đủ khả năng ngăn chặn được làn sóng triêu Duy vật thô sơ (brutal Materialism). Mới cách đây ít năm, các nhà khoa học còn dám nói là các luật hấp dẫn là *nguyên nhân duy nhất* (gravitation is *the sole cause*), Thần Linh tác động, còn Vật Chất là bậc đạo sư của nó (Matter is its prophet).

Từ lúc đó, họ đã thay đổi quan điểm nhiều lần. Nhưng nay, hiện các nhà khoa học có quán triệt được tư tưởng của Newton (một trong những người có xu hướng tinh thần và ngoan đạo nhất vào thời đó) hơn là lúc bấy giờ chăng? Chưa chắc. Người ta tin rằng Newton đã giáng một đòn chí tử (death blow) cho các Xoáy Ngũ Hành (the Elemental Vortices) của Descartes – nhân tiện, xin nói đó là ý niệm của Anaxagoras được hồi sinh lại – mặc dù thật ra các “nguyên tử xoáy” (“vortical atoms”) mới đây của William Thomson cũng không khác gì mấy so với các xoáy ngũ hành. Tuy nhiên, khi một đệ tử của ông Forbes tuyên bố trong Lời nói đầu của tác phẩm chính của thầy mình rằng “hấp lực là *nguyên nhân* của hệ thống”, thì Newton đã là người đầu tiên long trọng phản đối. Cái mà nhà toán học lỗi lạc đã hình dung ra như là một Thượng Đế mơ hồ song thâm căn cố đế (firmly rooted image of God) tức *Thực tượng* của vạn hữu (the *Noumenon* of all),⁽¹⁾

¹ Le Couturier, một nhà Duy vật cho rằng: “Đối với công chúng ngày nay, hấp lực đã trở thành cái mà đối với chính Newton đã chỉ là một từ ngữ, một ý niệm” (*Toàn Cảnh Thế Giới*) vì người ta không biết được nguyên nhân của nó. Herschel cũng đã phát biểu gần như vậy khi nhận xét là bất cứ lúc nào nghiên cứu chuyển động của các thiên thể và các hiện tượng hấp dẫn, ông đã cảm

đã được các triết gia và các nhà Huyền bí học xưa và nay gọi một cách đầy triết lý hơn là “chư Thần Linh” (“God”), tức các Quyền Năng *sáng tạo*. Các cách thức diễn đạt có thể khác nhau, các ý niệm có thể được Cổ nhân (phàm tục cũng như thánh thiện) phát biểu một cách ít nhiều triết lý, nhưng tư tưởng cơ bản vẫn như nhau.¹) Đối với Pythagoras, Lực là các

thấy lúc nào cũng bị ám ảnh bởi ý niệm về “sự tồn tại của các nguyên nhân tác động cho chúng ta dưới một bức màn, nguy trang cho tác động trực tiếp của chúng”. (*Bảo Tàng Viện Khoa Học*, tháng 8-1 856).

¹ Nếu chúng ta phải tin tưởng vào “các Thần” (“God”) và các “Chon Linh” (“Spirits”) tác động, trong khi lại bác bỏ một *Thượng Đế nhân hình* (*personal God*), thì chúng ta xin đáp lại các nhà Hữu thần và các nhà Độc Thần: “Cứ thừa nhận rằng Jehovah của bạn là một trong các Đấng Elohim, và chúng tôi sẽ sẵn sàng nhìn nhận Ngài. Nếu các bạn cứ biến Ngài thành ra Thượng Đế Vô cùng, ĐỘC TÔN và Vĩnh Cửu, chúng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận Ngài với tính cách này. Các vị thần của *bộ lạc* thì có nhiều; còn Thượng Đế Độc Tôn Đại Đồng Vũ Trụ là một nguyên khí (the One Universal Deity is a principle), một ý niệm gốc trừu tượng (an abstract Root-Idea), không thể liên quan tới công tác ô trược của hình hài hữu hạn. Chúng tôi không tôn thờ Thần Linh, chúng tôi chỉ tôn kính các Ngài vì cao cả hơn chúng ta. Về vấn đề này, chúng tôi đã tuân theo huấn điều của Moses, trong khi các tín đồ Thiên Chúa giáo lại không tuân theo Thánh Kinh, nhất là các nhà truyền giáo. Trong tác phẩm *Về Vùng Đất Hứa*, xxii, 28, Jehovah đã phán: “Đừng có lãng nhục chư Thần”, nhưng đồng thời, trong câu thơ 20, Ngài lại căn dặn: “Kẻ nào cúng tế bất cứ Thần Linh nào (ngoại trừ Chúa Trời ‘the Lord’) y sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn (he shall be utterly destroyed)”. Nay trong *kinh điển nguyên bản*, đó không phải là “Thần Linh”, mà là Elohim – chúng tôi thách ai cãi lại được - và Jehovah là một trong các Đấng Elohim, điều này đã được chính

Thực Thể Tinh Thần (The Forces were Spiritual Entities), chư Thần Linh (God), độc lập với các hành tinh và Vật Chất mà chúng ta thấy và biết trên Trần Thế, các Ngài trị vì Bầu Trời Tinh Đầu (the Sidereal Heaven). Plato trình bày tượng trưng các hành tinh như là được điều động bởi một Đấng Quản Trị nội tại (*an intrinsic Rector*), Đấng này đối với chỗ ngự của Ngài, cũng như là “người lái đò đối với chiếc đò” (“a boatman in his boat”). Còn về phần Aristotle, ông gọi các Đấng Tinh Quân này là các “chất liệu phi vật chất” (“*immaterial substances*”);⁽¹⁾ mặc dù vậy, với tư cách là người chưa được điểm đạo, ông đã bác bỏ, không xem chư Thiên như là *Thực Thể*.⁽²⁾ Nhưng điều này cũng không cản được ông nhìn nhận sự kiện là các ngôi sao và các hành tinh “không phải là các khối vô tri vô giác, mà thật ra lại là các thể sống động và chủ động”. Điều này như thể các chơn linh tinh

Ngài xác nhận trong *Sáng Thế Ký*, iii, 22, khi “Đức Chúa Trời phán: Xem kìa, Con Người đang biến thành chính Ta”. Vì thế, cả những kẻ tôn thờ và cúng tế Elohim, các Thiên Thần và Jehovah lẫn những kẻ lảng nhục chư Thần của các tín đồ đều phạm trọng tội hơn là các nhà Huyền bí học hay bất cứ nhà Minh Triết Thiêng Liêng nào. Trong khi đó, nhiều nhà Minh Triết Thiêng Liêng lại thích tin tưởng vào một “Đấng Chí Tôn” nào đó và muốn làm gì tùy thích.

¹ Cứ xem “các loài phi vật chất giống như sắt gỗ (wooden iron)” và cứ chế nhạo Spiller vì đã đề cập tới chúng như là “vật chất phi thể” (“*incorporeal matter*”) cũng không giải được bí nhiệm này. (Xem *Các Khái Niệm và Lý Thuyết của Vật Lý Hiện Đại*, trang 165 và sau này).

² Xem Vossius, Quyển II, trang 528.

đầu (sidereal spirits) là “các phần thiêng liêng của các hiện tượng”.⁽¹⁾

Nếu muốn được bổ chứng trong thời khoa học hiện đại hơn, chúng ta thấy Tycho Brahé thừa nhận là trong các ngôi sao có một lực tam phân (*thiên liêng, tinh thần và sinh lực*). Khi kết hợp câu của Pythagoras “Mặt trời trông chừng Jupiter (Mộc Tinh)” (“the Sun, guardian of Jupiter”) và các câu thơ của David “Ngài đặt thánh tòa của mình trong Mặt Trời” (“He placed his throne in the Sun”), “Chúa là Mặt Trời” (“the Lord is the Sun”) v.v. ... Kepler nói rằng ông hiểu hoàn toàn được làm thế nào các môn đồ của Pythagoras có thể tin tưởng là mọi Bầu (all the Globes) rải rác khắp không gian đều là các Đấng Thông Tuệ có lý trí, chu lưu chung quanh Mặt Trời, “trong đó có một chơn linh lửa thuần túy (a pure spirit of fire), cội nguồn của sự hòa hợp nhuần nhuyễn (the general harmony)”.⁽²⁾

Khi một nhà Huyền bí học đề cập tới Fohat, Đấng Thông Tuệ điều động và làm linh hoạt Lưu chất Sinh lực (Vital Fluid) hay lưu chất Điện Vũ Trụ (the Universal Electric), y liền bị chế nhạo. Và lại, giờ đã rõ ràng là đến nay người ta cũng chưa hiểu được bản chất của điện, của cuộc sống, thậm chí của cả ánh sáng nữa. Noi biểu lộ của mọi lực trong Thiên Nhiên, nhà Huyền bí học thấy được tác động của phẩm tính, hay đặc tính chuyên biệt của Thực tượng của nó; *Thực tượng* này là một Đấng Thông Tuệ cá biệt (intelligent Individuality) ở phía bên kia của Vũ Trụ cơ giới biểu lộ (on the other side of the manifested mechanical Universe). Nay nhà Huyền bí học không chối cãi – ngược lại, y còn ủng hộ quan điểm này nữa – là ánh

¹ De Coelo, L, 9.

² De Motibus Planetarum Harmonicis, trang 248.

sáng, nhiệt, điện v.v.... đều là các *tác động* (*affections*) chứ không phải các đặc tính của Vật Chất. Nói rõ hơn: Vật Chất là điều kiện, cơ sở cần thiết hay hiện thể, điều kiện tất yếu để cho các Thần lực (Forces) hay các Tác nhân (Agents) này biểu lộ trên cảnh giới này.

217 Nhưng để lãnh hội được, các nhà Huyền bí học phải xét tới các đại biểu của luật trọng lực dưới mọi dạng – trước hết là “Lực hấp dẫn, hoàn toàn chi phối Vật Chất”. Để thực hiện được điều đó một cách hữu hiệu, chúng ta nhớ tới giả thuyết dưới dạng sơ khởi nhất. Để bắt đầu, liệu Newton có phải là người đầu tiên khám phá ra nó không? Báo *Athenaeum* số ngày 26-1-1867 có một tin tức kỳ diệu về chủ đề này như sau:

Chúng ta có thể đưa ra bằng chứng xác định là Newton đã kế thừa mọi kiến thức về lực hấp dẫn và các định luật liên hệ với nó của Boehme; đối với Boehme, Lực Hấp Dẫn (Gravitation) tức Hấp Lực (Attraction) là đặc tính đầu tiên của Thiên Nhiên ... Ấy là vì đối với ông, hệ thống Boehme phô bày (shows) cho chúng ta thấy phía bên trong của vạn vật, trong khi vật lý học hiện đại chỉ chịu xem xét phía bên ngoài.

Lại nữa:

Điện học (the science of electricity), vốn chưa xuất hiện khi Boehme soạn ra tác phẩm này, lại được tiên liệu trong đó [trong các tác phẩm của ông]. Boehme không những mô tả tất cả mọi hiện tượng mà nay chúng ta biết về lực này, mà còn trình bày với chúng ta nguồn gốc và sự sản sinh ra điện nữa.

Như thế, Newton, vốn có một học thức uyên bác nên dễ dàng hiểu được “ý tại ngôn ngoại” và tìm hiểu được tư tưởng đạo lý của nhà tiên tri lỗi lạc diễn đạt theo lối huyền học, đã kế thừa khám phá vĩ đại ấy của Jacob Boehme, đưa con thơ của chư Thiên và các Hóa Thân (Nirmānakāya) đang trông chừng và dẫn dắt ông. Tác giả bài báo đang xét đã nhận xét rất đúng về Jacob Boehme như sau:

Luật hấp dẫn có phải là một định luật hay không?

Mọi phát minh mới mẻ về khoa học đều chứng tỏ là ông trực nhận những tác động bí nhiệm nhất của Thiên Nhiên.

Sau khi đã *khám phá* ra trọng lực để khiến cho hấp lực trong không gian có thể tác động được, có thể nói là Newton đã phải *đẹp hết* chương ngại vật lý có thể cản trở tác dụng tự do của nó (trong số đó có ether, mặc dù ông có nhiều linh cảm là nó tồn tại). Để biện hộ cho thuyết hạt ánh sáng (quang tử) ông đã biến vùng giữa các thiên thể thành ra một khoảng *chân không tuyệt đối* ... Dù trong thâm tâm, ông có nghi ngờ hay tin chắc vào sự tồn tại của ether đi chăng nữa, thì khi tâm sự với các bạn, chẳng hạn như khi ông viết thư cho Bentley, ông vẫn không bao giờ chứng tỏ là mình tin tưởng như vậy. Nếu ông *đã* “tin chắc rằng năng lực hấp dẫn không thể do vật chất tác dụng ngang qua chân không”⁽¹⁾ thì tại sao mãi đến năm 1860, các nhà thiên văn người Pháp (chẳng hạn như Le Couturier) mới đấu tranh chống lại “các hậu quả *tai hại* của thuyết chân không mà bậc vĩ nhân đã lập nên”? Le Couturier cho rằng:

Ngày nay, chúng ta không chủ trương được như Newton là các thiên thể chuyển động giữa không gian bao la chân không. Trong số các hệ quả của thuyết chân không mà Newton đã lập nên, chỉ có “hấp lực” (“attraction”) cũng sẽ có ngày không còn hiện diện trong thuật ngữ khoa học nữa.⁽²⁾

218 Giáo sư Winchell cho rằng:

Các đoạn này [Thư gửi cho Bentley] đã chứng tỏ được đâu là quan điểm của ông đối với bản chất của môi trường liên giao liên hành tinh. Mặc dù tuyên bố là: “các tầng trời không có vật chất hữu hình”; ông lại nêu ra ngoại lệ ở đâu đó: “có lẽ một số hơi nước

¹ Sinh Hoạt Thế Giới, Giáo sư Winchell, Tiến sĩ Luật khoa, trang 50.

² Toàn cảnh Thế giới (Panorama des Mondes) trang 47 và 53.

loãng và bức xạ xuất phát từ bầu khí quyển của trái đất, các hành tinh, các sao chổi và từ một môi trường ether cực kỳ loãng mà chúng ta đã mô tả ở đầu đó”.⁽¹⁾

Điều này chỉ chứng tỏ rằng ngay cả các vĩ nhân như là Newton cũng không phải luôn luôn là kiên quyết bảo vệ các quan niệm của mình. Tiến sĩ T. S. Hunt:

Đã quan tâm tới một vài đoạn lâu nay đã bị bỏ qua trong các tác phẩm của Newton; theo đó, hình như là ông ngày càng tin tưởng vào môi trường đại đồng liên vũ trụ như thế.⁽²⁾

Nhưng người ta cũng chẳng bao giờ quan tâm tới các đoạn nêu trên trước ngày 28-11-1881, khi Tiến sĩ Hunt đọc được tác phẩm *Hóa Học Thiên Thể từ thời Newton*, theo La Couturier:

Tới lúc đó đại đa số các nhà khoa học đều cho rằng, trong khi biện hộ cho thuyết hạt ánh sáng, Newton đã giảng dạy về chân không.

Chắc chắn là các đoạn đó đã bị “bỏ quên từ bấy lâu nay” chỉ vì chúng mâu thuẫn với các lý thuyết tiên kiến con cung thời đó (the preconceived pet theories of the day), mãi cho tới khi thuyết sóng ánh sáng cứ nằng nặc đòi (the undulatory theory imperiously required) phải có một “môi trường ether” để biện minh cho nó. Toàn bộ bí mật này chỉ có thể thôi.

Dù sao đi nữa, chính vì thuyết chân không vũ trụ, mà người ta tin rằng Newton đã giảng dạy, nên vật lý học hiện đại mới tỏ ra khinh bỉ cổ nhân nhiều lắm (the immense scorn). Các hiền triết thời xưa đã chủ trương là “Thiên Nhiên ghê sợ chân không”, nên các nhà toán học lồi lạc nhất trên thế giới – nhất là dân Tây phương – mới khám phá ra “điều đối trá” của cổ nhân và công bố ra. Tuy nhiên nay khoa học hiện

¹ Newton, Quang Học, III, Câu hỏi 28, xuất bản năm 1704; trích dẫn trong Sinh Hoạt Thế Giới, trang 50.

² Như trên, trang 49 - 50.

đại đã biện minh cho Kiến thức của Cổ nhân, ngoài ra, nó còn biện minh cho đặc điểm và thẩm quyền nhận xét của Newton vào giờ chót đó, sau khi đã lo là trong một thế kỷ ruổi, không hề quan tâm tới các đoạn văn rất quan trọng như thế - cũng còn may, còn hơn là không quan tâm tới chúng. Chậm còn hơn không !

Thế mà nay Aether Nguyên Thủy (Father Aether) lại được nồng nhiệt đón chào và ghép ngay vào hấp dẫn lực, cùng chia ngọt sẻ bùi, chia cay sẻ đắng với nó (linked to it for weal or woe), cho đến khi mà cả hai sẽ lại được thứ khác thay thế. Ba trăm năm trước đây, khắp nơi đều đầy đặc (*plenum*), thế rồi nó trở thành một *chân không* u ám (*dismal vacuity*); sau này đáy biển tinh đầu (the sideral oceanbeds), mà khoa học đã làm khô cạn, lại một lần nữa cuộn cuộn các đợt sóng ether. “Lùi một bước để thực hiện một bước tiến nhảy vọt” phải trở thành châm ngôn của khoa học chính xác – chủ yếu là “chính xác” (“exact”) khi thấy mình thiếu chính xác vào các năm nhuận (leap year).

219 Nhưng hơi đâu mà tranh cãi với các bậc vĩ nhân. Họ phải quay về với “chư Thần Linh sơ khai nhất của Pythagoras và Kanāda cổ truyền” để có được tinh hoa của các mối tương hệ đó với các phát minh “mới nhất”; điều này cũng khiến cho các nhà Huyền bí học tràn trề hy vọng về các tiểu thần của mình. Chúng ta vẫn tin vào lời tiên tri của Le Couturier về hấp dẫn lực. Chúng ta biết rằng đã gần tới lúc mà chính các nhà khoa học (chẳng hạn như William Grove, Hội viên Hội Hoàng Gia) sẽ đòi hỏi là phải có một sự cải cách hoàn toàn trong các phương pháp hiện nay của khoa học. Tới ngày đó, chúng ta sẽ chẳng còn phải làm gì nữa. Bởi vì nếu ngày mai mà lực hấp dẫn bị hạ bệ (dethroned) thì ngay hôm sau, các

nhà khoa học sẽ tìm ra một cách thức chuyển động cơ học mới mẻ nào đó.⁽¹⁾ Con đường khoa học chân chính thật là gập ghềnh trắc trở và đầy đầy những điều phiền toái. Nhưng trong số “hàng ngàn” giả thuyết mâu thuẫn được đưa ra để giải thích các hiện tượng vật lý, không có giả thuyết nào hay hơn “chuyển động” – cho dù nó bị Chủ nghĩa duy vật thuyết minh một cách nghịch lý. Chúng ta có thể thấy trong các trang đầu của tác phẩm này là các nhà Huyền bí học không hề phản đối *Chuyển động*,⁽²⁾ ĐẠI LINH KHÍ (the GREAT BREATH) của “Đấng Bất Khả Tri” (Unknowable) của Herbert Spencer. Nhưng vì tin rằng mọi vật trên trần thế đều là *hình bóng* của

¹ Khi đọc các tác phẩm của Isaac Newton một cách vô tư, chúng ta sẽ thấy rõ là ông đã phân vân biết bao, không biết nên chọn lực hấp dẫn, hấp lực, sức đẩy hay *một nguyên nhân chưa biết nào khác* để giải thích chuyển động đều đặn của hành tinh. Nhưng chúng ta hãy thử xem *Luận về Màu sắc* của ông (Quyển III, Câu hỏi 31) Herschel cho ta thấy rằng Newton để cho những người hậu sinh có bốn phận phải rút ra mọi kết luận khoa học từ khám phá của ông. Càng nhớ rằng bậc vĩ nhân đó ngoan đạo sùng tín bao nhiêu thì chúng ta lại thấy rằng khoa học hiện đại đã lạm dụng đặc quyền dụng nên các thuyết mới nhất dựa vào luật hấp dẫn bấy nhiêu.

² Theo quan điểm duy vật trong vật lý học, không thể có chuyển động thực sự rõ rệt trong không gian hay chân không thần túy; do đó CHUYỂN ĐỘNG vĩnh cửu (the eternal MOTION) trong Vũ Trụ - được xem như là Không gian vô cực – chỉ là một điều bịa đặt. Một lần nữa, quan niệm trên lại chỉ chứng tỏ là Tây phương chưa bao giờ hiểu được các thành ngữ của siêu hình học Đông phương như là “Không gian thuần túy” (“pure Space”), “Hiện tồn thần túy” (“pure Being”), “Tuyệt Đối” (“Absolute”) v.v....

một thứ gì đó trong *Không gian*, nên họ tin vào các *tiểu* Linh khí (*smaller "Breaths"*) vốn sinh động, thông tuệ và không phụ thuộc vào gì hết ngoại trừ Thiên Luật; chúng thổi từ phía trong các chu kỳ khai nguyên. Khoa học lại bác bỏ các điều này. Nhưng cho dù chúng ta có thay thế hấp lực, tên khác của lực hấp dẫn, bằng gì đi nữa thì kết quả cũng sẽ thế thôi. Khoa học cũng không tài nào giải quyết được các khó khăn của mình (giống như tình trạng hiện nay) trừ phi nó chịu thỏa hiệp với Huyền bí học, thậm chí đối với Khoa học luyện kim đan – đề nghị này sẽ bị xem là lão xược (*impertinence*), tuy nhiên, nó vẫn là sự thật. Faye cho rằng:

Để nghiên cứu về địa chất ở Mặt Trăng, các nhà địa chất cũng phải là các nhà thiên văn học. Thực vậy, để nghiên cứu vấn đề này một cách hữu hiệu, các nhà thiên văn học cũng lại phải là các nhà địa chất.

Nhưng ông có thể nhấn mạnh thêm nữa là:

Cái mà cả hai đều thiếu chính là trực giác của nhà huyền học.⁽¹⁾

220 Nên nhớ rằng William Grove đã đưa ra “những nhận xét kết luận” về cấu trúc cực vi của Vật Chất tức là các chi tiết chính xác về các tác dụng phân tử mà ông nghĩ là người ta sẽ không bao giờ biết tới.

Chúng ta đã tác hại rất nhiều khi cứ cố gắng mổ xẻ vật chất và thảo luận về hình dáng, kích thước và số lượng của nguyên tử cũng như là bầu khí quyển, nhiệt, ether hay điện của chúng. Cho dù có chấp nhận việc chỉ xem điện, ánh sáng, từ lực v.v... như là các chuyển động của vật chất thông thường đi chăng nữa, thì cũng có một điều chắc chắn là mọi lý thuyết thời xưa và mọi lý thuyết hiện nay đều đã và đang phân giải tác động của các lực này thành ra chuyển động. Có thể là vì quen thuộc với chuyển động nên

¹ Trích từ *Sinh Hoạt Thế Giới*, của Winchell, trang 379

chúng ta cứ quy cho nó các tác động khác với một ngôn ngữ dễ phân tích nhất và có khả năng giải thích chúng nhiều nhất. Cũng có thể là thật ra, đó là cách thức duy nhất mà trí não của chúng ta – khi xét phân biệt với các giác quan – có thể quan niệm được các tác nhân vật chất. Dù sao đi nữa, có một điều chắc chắn là từ khi mà người ta đã dùng tới các khái niệm huyền bí về các thần thông để giải thích các hiện tượng vật lý, thì mọi giả thuyết được dựng nên để giải thích chúng đều phân giải chúng thành ra chuyển động.

Thế rồi, học giả ấy lại phát biểu một giáo điều huyền bí thuần túy:

Bản thân từ ngữ chuyển động không ngừng (perpetual motion), mà tôi ít khi sử dụng trong tác phẩm này, thật là tối nghĩa. Nếu các học thuyết được xiển dương ở đây mà có cơ sở vững chắc, thì theo một ý nghĩa nào đó, mọi chuyển động đều không ngừng. Nhiệt hay chuyển động của các cấu tử được sản sinh ra trong các khối vật thể bị chặn lại vì đụng chạm nhau. Thế rồi chuyển động lại tiếp tục sao cho nếu chúng ta dám mở rộng các tư tưởng như vậy ra tới phạm vi vũ trụ, chúng ta sẽ thấy cũng một lượng chuyển động như thế ảnh hưởng mãi mãi tới cũng một lượng vật chất như vậy.

Huyền bí học cũng chủ trương như vậy theo cùng một nguyên tắc sau:

Khi ta dùng lực hóa giải lực và tạo ra sự cân bằng tĩnh (static equilibrium), thì cán cân quân bình cố hữu cũng bị ảnh hưởng, và lại bắt đầu có một chuyển động mới tương đương với nhịp rút lui vào trong một tình trạng đình chỉ tạm thời.⁽¹⁾

Tiến trình này cũng bị ngắt quãng bởi các Chu kỳ Hỗn Nguyên (Pralaya), nhưng nó lại vĩnh cửu không ngừng như là “Linh khí” (the “Breath”), ngay cả khi Vũ Trụ biểu lộ vẫn còn yên nghỉ.

¹ Sự Tương Hệ của các Lực Vật Lý, trang 170 - 173.

Như vậy, giả sử chúng ta phải bỏ hấp lực hay lực hấp dẫn vì Mặt Trời là một *nam châm khổng lồ* (a *huge magnet*) – thuyết này đã được một số nhà vật lý chấp nhận – một nam châm tác dụng lên các hành tinh một hấp lực giả định, thì điều này sẽ đưa các nhà thiên văn học đi về đâu và đi được thêm bao xa? Chẳng thêm được một tí nào hết. Kepler đã đi tới “giả thuyết kỳ diệu” này gần 300 năm trước. Ông đã chẳng khám phá ra thuyết hấp lực và cự lực trong Vũ Trụ, vì từ thời Empedocles, người ta đã gọi hai lực đối lập đó là “thương” (“love”) và “ghét” (“hate”) – các từ ngữ này bao hàm cùng một ý niệm. Nhưng Kepler đã mô tả từ lực vũ trụ một cách rất tài tình. Nếu từ lực đó mà tồn tại trong Thiên Nhiên thì chắc chắn là lực hấp dẫn sẽ không tồn tại. Theo khoa học, thì không phải lúc nào cũng vậy; khoa học chẳng bao giờ xét tới các cách thức tác động khác nhau bên trong

221 Thái Dương Hệ và bầu khí quyển của Trái Đất và *vượt ra ngoài* Vũ Trụ, của cái lực lưỡng phân mà Huyền bí học gọi là hấp lực và cự lực.

Vĩ nhân Humboldt đã cho rằng:

Cho đến nay, không gian xuyên qua thái dương chưa hề tỏ ra có một hiện tượng gì tương tự với thái dương hệ của chúng ta. Thái dương hệ của chúng ta thật là đặc thù vì vật chất đã đông đặc lại bên trong nó thành ra các vành tinh vân; nhân của các vành này lại đông đặc thành ra địa cầu và mặt trăng. Tôi xin nhắc lại: trước đây, người ta cũng chẳng hề quan sát được bất cứ thứ gì thuộc loại đó bên ngoài hành tinh hệ của chúng ta.⁽¹⁾

Đúng là từ năm 1860, khi thuyết tinh vân ra đời và đã được hiểu biết nhiều hơn, thì người ta đã giả sử là có một ít

¹ Xem Tạp chí Đức Quốc số ngày 31-12-1860, bài “Các Thư tín và Các cuộc mạn đàm của Alexandre Humboldt”.

hiện tượng giống như vậy bên ngoài Thái Dương Hệ. Song bậc vĩ nhân đó thật là chí lý; người ta không thể tìm thấy *địa cầu* hay *mặt trăng* nào, trừ phi *xét một cách biểu kiến* – vượt quá hoặc cùng loại Vật Chất hiện hữu trong Thái Dương Hệ của chúng ta. Giáo lý Huyền bí như thế đấy.

Chính Newton đã chứng tỏ điều này; ông đã thú nhận là có nhiều hiện tượng trong Thái Dương Hệ chúng ta mà ông không thể dùng lực hấp dẫn để giải thích được; “đó là chuyển động của các hành tinh có tính đẳng hướng, quỹ đạo của chúng gần như là có dạng hình tròn, và chúng quy chiếu một cách đáng kể về một mặt phẳng” (“such were the uniformity in the directions of planetary movements, the nearly circular forms of the orbits, and their remarkable conformity to one plane”).⁽¹⁾ Nếu chỉ có một ngoại lệ thôi, thì luật hấp dẫn cũng đâu có quyền được gọi là một luật đại đồng vũ trụ. Người ta cho biết là: ⁽²⁾ “Trong ‘Tổng Giảng Lý’, Newton đã cho rằng các sự hiệu chỉnh này là ‘công trình của một Thực Thể toàn năng và thông tuệ.’” Về việc “Thực Thể” đó thật là thông tuệ và toàn năng thì đáng nghi ngờ lắm. Có lý nào một Thượng Đế đã tạo ra những chi tiết tỉ mỉ nhất mà lại dành các phần việc quan trọng nhất cho các lực thứ yếu bao giờ không? Luận chứng thấp kém này đã bị luận chứng của Laplace đè bẹp; nhà bác học này thật là chí lý khi tìm cách dùng Chuyển động thay thế cho “Thực thể toàn năng” (“all-powerful Being”) của Newton và không biết gì về bản chất thật sự của Chuyển Động Vĩnh Cửu này (Eternal Motion), xem nó như là một luật vật lý mù quáng. Khi thắc mắc: “Liệu các sự sắp xếp này có phải là một hệ quả của luật chuyển

¹ Winchell, Sinh Hoạt Thế Giới, trang 607.

² Như trên.

động hay không?”, ông đã quên đi mất – cũng như mọi nhà khoa học hiện đại khác – rằng luật này và chuyển động này vẫn còn là một vòng lẩn quẩn chừng nào mà chúng ta còn chưa giải thích được *bản chất hai thứ trên*. Câu nói trứ danh mà ông đã đáp lại Napoleon: “*Thượng Đế đã trở thành một giả thuyết vô ích*” (“*Dieu est devenu une hypothèse inutile*”) [*“God has become an unnecessary hypothesis”*] chỉ đúng với các tín đồ của triết hệ Vedāntas (the philosophy of the Vedāntins). Nó sẽ hoàn toàn sai lầm (a pure fallacy) nếu chúng ta không kể tới sự can thiệp của các Thực Thể tác động thông tuệ, có nhiều quyền năng (chứ “không thể toàn năng”) được mệnh danh là “chư Thần Linh”.

222 Nhưng chúng tôi xin hỏi các nhà thiên văn học thời Trung cổ là tại sao Kepler lại bị tố cáo là *phản khoa học nhất*, chỉ vì đã trình bày một giải pháp giống như Newton, có điều là ông đã tỏ ra nhiệt thành hơn, thích hợp hơn, thậm chí có lý hơn? Có gì khác nhau giữa “Thực Thể toàn năng” của Newton và các Đấng Chủ Trì (các Luật Tinh Đẩu và Vũ Trụ, tức là các Thiên Thần) của Kepler? Kepler lại bị chỉ trích vì “giả thuyết quái gở của ông đã dùng tới một chuyển động xoáy trong nội bộ thái dương hệ (a vortical movement within the solar system)”, vì các lý thuyết của ông nói chung, và vì ủng hộ ý niệm của Empedocles về hấp lực, cự lực và “từ khí thái dương” (“solar magnetism”) nói riêng. Thế nhưng, nhiều nhà khoa học hiện đại – R. Hunt (nếu không kể Metcalfe); Tiến sĩ B. W. Richardson – cũng nhiệt liệt ủng hộ ý niệm này. Tuy nhiên, ông chỉ được tha lỗi có một phần, vì người ta viện cớ là:

“Cho tới thời Kepler, người ta chưa hề nhận ra rõ rệt được bất cứ sự tương tác nào giữa các khối vật chất mà nói chung lại khác với từ khí.”⁽¹⁾

Nay nó đã được người ta nhận ra rõ ràng chưa? Liệu Giáo sư Winchell có mang lại cho khoa học bất cứ kiến thức kinh nghiệm nào về bản chất của điện hoặc từ lực (ngoại trừ việc *cả hai hình như đều là các tác dụng của một hệ quả nào đó xuất phát từ một nguyên nhân vô định*) chẳng?

Khi đã loại bỏ đi các khuynh hướng thần học, các ý kiến của Kepler toàn là huyền bí học cả. Ông thấy rằng:

1. Mặt Trời là một Nam Châm khổng lồ.⁽²⁾ Một vài nhà khoa học hiện đại cũng như là các nhà Huyền bí học, cũng tin tưởng như vậy.

2. Chất liệu cấu thành Mặt Trời lại là phi vật chất.⁽³⁾ Dĩ nhiên điều này có nghĩa đó là Vật Chất tồn tại ở những trạng thái mà khoa học không hề biết tới.

3. Ông đã gán cho một Chơn linh hay các Chơn Linh việc chăm sóc mãi mãi chuyển động thường hằng và sự phục hồi năng lượng của Mặt Trời cũng như là chuyển động của hành tinh. Dân chúng thời xưa đều tin tưởng như thế cả. Các nhà Huyền bí học không dùng từ Chơn Linh (Spirit), mà lại gọi đó là các Thần Lực Sáng Tạo (*Creative Forces*) và gán cho chúng trí thông tuệ. Nhưng chúng ta cũng có thể gọi chúng là các Chơn Linh. Chúng ta sẽ bị trách là sao mà mâu thuẫn như thế. Người ta sẽ cho rằng trong khi chối bỏ *Thượng Đế*, chúng ta lại thừa nhận Linh Hồn và các *Chơn Linh tác động* (*operative Spirit*) và trích dẫn các tác giả ngu tín (*begoted*) Thiên Chúa giáo La Mã để bênh vực cho luận cứ của mình. Chúng tôi xin đáp: “Chúng tôi chỉ chối bỏ *Thượng Đế nhân hình* (*the anthropomorphic God*) của các tín đồ phái *Độc*

¹ Winchell, *Sinh Hoạt Thế Giới*, trang 553

² Nhưng hãy xem *Thiên văn học thời Trung cổ*, của Delambre.

³ Xem *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, I, trang 270 - 271.

Thần (the Monotheists) chứ không bao giờ chối bỏ Nguyên Khí Thiêng Liêng trong Thiên Nhiên (the Divine Principle in Nature). Chúng tôi chỉ phản đối các tín đồ Tin Lành và các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã về một số tín điều thần học do con người và các giáo phái chế ra. Chúng tôi đồng ý với họ trong việc tin tưởng vào các Chơn Linh và các Quyền Năng tác động *thông tuệ*, mặc dù chúng tôi không tôn thờ “các Thiên Thần” như là các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã.

Người ta cấm đoán lý thuyết này chủ yếu là vì “Chơn Linh” ngự trong đó hơn là vì bất cứ thứ nào khác. Herschel trưởng thượng (Herschel, the elder) cũng tin vào nó và nhiều nhà khoa học cũng vậy. Tuy nhiên, Giáo sư Winchell đã cho rằng: “Xưa nay chưa hề có một giả thuyết nào hoang đường hơn và ít phù hợp với các yêu cầu theo nguyên tắc vật lý học hơn.”⁽¹⁾

Đôi khi người ta cũng phê bình như vậy về ether vũ trụ; thế mà nay, nó chẳng những đã được miễn cưỡng chấp nhận, mà lại còn được suy tôn là thuyết duy nhất có thể giải thích được một vài bí nhiệm.

Khi Grove phát biểu các ý kiến của mình lần đầu tiên tại Luân Đôn vào năm 1840, người ta đã tố cáo chúng là *phản khoa học*, thế nhưng, quan điểm của ông về sự Tương hệ (the Correlation) của các Lực nay đã được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Rất có thể là cần phải có một người giỏi khoa học hơn tác giả để thắng lướt được một vài quan niệm thịnh hành hiện nay về lực hấp dẫn và các “giải pháp” tương tự của các Bí nhiệm Vũ Trụ (Cosmic Mysteries). Nhưng chúng ta hãy nhớ lại là các nhà khoa học trứ danh – từ các nhà thiên văn học cho tới các nhà vật lý lỗi lạc – đều bác bỏ thuyết sự

¹ Sinh Hoạt Thế Giới, trang 554

quay cũng như là thuyết lực hấp dẫn. Thế mà, trong *Bách Khoa Từ Điển Pháp*, lại có nói rằng: “Trước mặt các đại diện của mình, khoa học, cũng đồng ý là không thể giải thích được nguồn gốc vật lý của chuyển động quay của thái dương hệ”.

Nếu hỏi rằng: “Cái gì gây ra sự quay?” Người ta sẽ trả lời là: “Nó chính là lực ly tâm.” Thế thì cái gì tạo ra lực ly tâm?” Người ta sẽ nghiêm chỉnh trả lời là “Lực quay”.¹ Có lẽ chúng ta nên xem cả hai thuyết này như có liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với nhau.

¹ Godefroy, *Vũ trụ khởi nguyên luận Thiên Khải*.

TIẾT 4

CÁC THUYẾT VỀ SỰ QUAY TRONG KHOA HỌC (THE THEORIES OF ROTATION IN SCIENCE)

XÉT vì “người ta đã tuyên bố rằng nguyên nhân tối hậu là một điều hão huyền, và đã xếp Đại Nguyên Nhân Bản Sơ (the First Great Cause) vào lãnh vực Bất Khả Tri” (“Unknown”) (một nhà quý tộc đã phản nài thật là chí lý như thế) nên có khá nhiều giả thuyết được trình bày rất mù mờ. Môn sinh phàm tục (the profane student) bị hoang mang và không còn biết phải tin tưởng vào khoa học *chính xác* nào nữa. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày đủ mọi giả thuyết thích hợp với mọi thị hiếu và năng lực suy tư. Tất cả đều được trích ra từ một số các tác phẩm khoa học.

CÁC GIẢ THUYẾT HIỆN ĐẠI GIẢI THÍCH NGUỒN GỐC CỦA SỰ QUAY (CURRENT HYPOTHESES EXPLAINING THE ORIGIN OF ROTATION)

Sự quay có nguồn gốc là:

a. Sự đụng chạm của các khối tinh vân đi lang thang trong Không gian (By the collision of nebular masses wandering aimlessly in Space), hoặc là *hấp lực* (attraction) “trong trường hợp mà không có sự va chạm nào thực sự xảy ra.”

b. Tác dụng tiếp giáp của các luồng vật chất tinh vân (trong trường hợp một tinh vân vô định hình – an amorphous nebula) từ các mức cao giáng xuống các mức thấp,⁽¹⁾ hoặc chỉ là tác dụng của trọng lực trung tâm của khối đó. ⁽²⁾

Trong Sinh Hoạt Thế Giới, Giáo sư Winchell đã nhận xét về vấn đề này như sau : ⁽³⁾ “Trong vật lý học, có một nguyên lý cơ bản là không thể *tạo ra* một sự quay trong một khối như thế do tác dụng của chính các phần tử của nó. Điều này cũng chẳng khác gì việc ra sức làm đổi hướng một chiếc tàu bằng cách kéo cái bao lon của bong tàu”.

CÁC GIẢ THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC CỦA CÁC HÀNH TINH VÀ SAO CHỖI (HYPOTHESES OF THE ORIGIN OF PLANETS AND COMETS)

(a) Các hành tinh được sản sinh ra là do ở: (1) Mặt Trời bị nổ tung – khối trung ương sinh sôi nảy nở; ⁽⁴⁾ hay là (2) các vành tinh vân bị đứt (disruption) ra theo một cách nào đó.

¹ Các từ ngữ “cao” và “thấp” chỉ là tương đối so với vị trí của quan sát viên trong Không gian. Nếu việc dùng các từ này mà lại có khuynh hướng khiến chúng ta có cảm tưởng là chúng tượng trưng cho các thực tại trừu tượng, thì tất nhiên điều này sai lạc.

² Jacob Ennis, *Nguồn Gốc các Vì Sao*.

³ Trang 99, Chú thích cuối trang.

⁴ Nếu quả đúng như vậy, làm sao khoa học giải thích được kích thước tương đối nhỏ của các hành tinh gần Mặt Trời nhất? Lý thuyết về tập hợp sao băng lại càng xa chân lý hơn là quan niệm tinh vân, thậm chí không có được tính chất của lý thuyết tinh vân – nguyên tố siêu hình của nó.

225 (b) “Các sao chổi từ bên ngoài đến thăm hành tinh hệ của chúng ta”. ⁽¹⁾ “Các sao chổi đứt khoát là được sản sinh ra trong thái dương hệ của chúng ta”. ⁽²⁾

(c) Theo một nhân vật có thẩm quyền, “các định tinh không hề chuyển động”. Theo một nhân vật có thẩm quyền khác thì “Mọi vì sao đều đang chuyển động”. “Chắc chắn là mọi ngôi sao đều đang chuyển động”.⁽³⁾

(d) “Trong hơn 350 000 000 năm, chuyển động chậm chạp và huy hoàng của mặt trời xung quanh trục không bao giờ ngừng nghỉ một giây phút nào”.⁽⁴⁾

(e) “Maedler tin rằng ... mặt trời của chúng ta đi theo một quỹ đạo với tâm điểm là sao Alcyone trong chòm sao Rua (the Pleiades) và phải mất 180 000 000 năm để hoàn thành một vòng quay đơn”.⁽⁵⁾

(f) “Mặt trời đã tồn tại chưa đầy 15 000 000 năm nay và sẽ chỉ còn tỏa nhiệt trong vòng không đầy 10 000 000 năm nữa”.⁽⁶⁾

Cách đây ít năm, nhà khoa học lỗi lạc này đã cho thế giới biết là thời gian mà trái đất cần để nguội bắt đầu từ lúc tạo lập vỏ cho tới tình trạng hiện nay, không thể vượt quá 80

¹ Laplace, *Hệ Thống Thế Giới*, trang 414, ấn bản năm 1 824.

² Faye, *Phúc Trình*, Quyển xc, trang 640 - 642.

³ Wolf.

⁴ *Toàn Cảnh Thế Giới* LeCouturier.

⁵ Winchell, *Sinh Hoạt Thế Giới*, trang 140.

⁶ Diễn văn của William Thomson về “Thuyết động lực tiềm tàng liên quan tới nguồn gốc khả hữu, tổng nhiệt lượng và chu kỳ sống của Mặt Trời”, 1887.

000 000 năm.⁽¹⁾ Nếu thời kỳ tạo lập của vỏ địa cầu chỉ có 40 000 000 năm tức là một nửa thời gian cho phép, và nếu Mặt Trời chỉ mới xuất hiện được 15 000 000 năm, thì liệu chúng ta có thể hiểu được là có một lúc nào đó Trái Đất không hề phụ thuộc vào Mặt Trời chăng?

Vì tuổi Mặt Trời, của các hành tinh và của Địa Cầu, như đã được trình bày trong nhiều giả thuyết khoa học khác nhau của các nhà thiên văn học và của các nhà vật lý học, sẽ được trình bày đâu đó dưới đây, nên như thế cũng đủ để chứng tỏ sự bất đồng ý kiến giữa các nhà khoa học hiện đại. Cho dù chúng ta có chấp nhận là Thái Dương Hệ đã bắt đầu quay từ *mười lăm* triệu năm nay (the Sir William Thomson) hay từ *một tỷ* năm nay (theo Giáo sư T. H. Huxley) thì chúng ta vẫn cứ luôn luôn đi tới cùng một kết luận. Đó là: khi chấp nhận là các thiên thể - vốn cấu thành bởi Vật Chất *trơ* song vẫn di chuyển do *chuyển động nội tại riêng của chúng* - vẫn tự quay trong hàng triệu năm, khoa học đã đạt tới mức:

a. Công khai chối bỏ luật vật lý cơ bản vốn xác định là: “một vật thể đang chuyển động bao giờ cũng có khuynh hướng quán tính, nghĩa là cứ tiếp tục đứng yên hay chuyển động y như vậy, trừ phi có một lực tác động siêu đẳng kích thích tác động thêm nữa”.

b. Tạo ra một xung lực nguyên thủy, nó đạt tới đỉnh thành ra một chuyển động bất biến trong nội bộ một chất Ether *cản trở* (within a *resisting* Ether) mà Newton đã tuyên bố là *không thể hòa hợp với chuyển động này*.

¹ Thomson và Tait: *Thiên Nhiên Học*. Bischof không đồng ý với Thomson về các số liệu này, và tính toán là trái đất cần phải mất 350 000 000 năm để nguội đi từ 20 000° bách phân xuống còn 200° bách phân. Đó cũng là ý kiến của Helmholtz.

226 c. Khoa học dạy là trọng lực vũ trụ (universal gravity) luôn luôn hướng theo đường thẳng đi xuống về phía trung tâm; chính điều này đã tạo ra chuyển động quay của toàn thể Thái Dương Hệ; đó là một sự xoay tròn lưỡng phân vĩnh cửu, mỗi vật thể quay chung quanh trục của mình và quanh quỹ đạo. Có một lối thuyết minh khác như sau:

d. Mặt Trời là một nam châm. Chuyển động quay nêu trên là do một từ lực tác dụng, giống như lực hấp dẫn, theo một đường thẳng và tỷ lệ nghịch với bình phương của khoảng cách.⁽¹⁾

e. Toàn thể đều tác động theo các luật *bất di bất dịch*, tuy nhiên, nhiều khi chúng cũng thay đổi, chẳng hạn như khi các hành tinh và các thiên thể khác bỗng nổi cơn bốc đồng (freaks), cũng như là khi các sao chổi tiến tới gần hoặc lùi ra xa khỏi mặt trời.

f. Một động lực luôn luôn tỷ lệ với khối lượng mà nó tác dụng vào, nhưng lại *độc lập* với bản chất chuyên biệt (the specific nature) của khối lượng này. Điều này đưa tới phát biểu của Le Couturier như sau:

Nếu không có cái lực vốn độc lập và có một bản chất hoàn toàn khác với khối lượng cho sẵn, thì cho dù lớn như Saturn, hay nhỏ như thiên thể Ceres, khối lượng vật thể đó bao giờ cũng rơi với tốc độ như nhau.⁽²⁾

Và lại, từ khối lượng suy ra trọng lượng thì còn tùy thuộc vào vật thể đem cân.

Như thế, các tri giác của Laplace về một lưu chất khí quyển thái dương lan rộng ra bên ngoài quỹ đạo của các

¹ Định luật Coulomb.

² *Bảo Tàng Viện Khoa Học*, số ra ngày 15-08-1857.

hành tinh, điện của Le Couturier, nhiệt của Foucault ⁽¹⁾ đều không giúp được gì cho vô số giả thuyết về nguồn gốc và sự *thường tồn* của chuyển động quay để thoát ra khỏi bánh xe lồng xóc này (this squirrel's wheel), chẳng khác nào chính thuyết động lực. Bí nhiệm này là một định chế áp đặt của vật lý học. Nếu Vật Chất có tính thụ động (hiện nay người ta dạy như thế đó), thì chúng ta không thể bảo rằng chuyển động đơn giản nhất là một bản tính của Vật Chất – Vật Chất được xem như chỉ là một khối trơ. Thế thì, làm sao mà một chuyển động phức tạp, phức hợp và trùng phức (compound and multiple), hài hòa, cân bằng, kéo dài hàng triệu năm như thế được qui cho chỉ độc có lực cố hữu của nó mà thôi, trừ phi lực này là một *Đấng Thông Tuệ* (an *Intelligence*)? Một *ý chí vật lý* (*physical will*) là một điều gì mới mẻ - thật vậy, đó là một quan niệm mà cổ nhân sẽ không bao giờ chấp nhận ! Trong hơn một thế kỷ, người ta sẽ dẹp đi hết mọi sự phân biệt giữa vật thể và lực. Nhà vật lý học cho rằng “Lực chẳng qua chỉ là tính chất của một vật thể đang chuyển động”. Nhà sinh lý học lại cho rằng: “Sự sống - tính chất của các cơ quan động vật của chúng ta – chẳng qua chỉ là kết quả của các bố trí phân tử của chúng”. Littré dạy như sau:

227 Trong lòng cái khối tập hợp được gọi là hành tinh đều có triển khai mọi lực nội tại trong vật chất ...Điều này nghĩa là vật chất đó sở hữu nơi chính mình và thông qua mình các lực thích hợp với chính mình ...chúng có tính chất chủ yếu chứ không phải là thứ yếu. Các lực đó là tính chất của trọng lượng, của điện, của địa từ, của cuộc sống...Mọi hành tinh đều có thể phát triển sự

¹ *Toàn Cảnh Thế Giới*, trang 55.

sống... (chẳng hạn như địa cầu) mà không phải là bao giờ cũng có sẵn nhân loại trên đó, rồi nay mới sản sinh loài người.⁽¹⁾

Một nhà thiên văn học cho rằng:

Chúng ta cứ bàn về trọng lượng của các thiên thể, nhưng vì người ta nhận thấy là trọng lượng giảm tỷ lệ thuận với khoảng cách tới tâm điểm ấy, nên hiển nhiên là ở một khoảng cách nào đó, trọng lượng ấy bắt buộc phải giảm xuống zero. Nếu có bất cứ hấp lực nào, thì sẽ có sự quân bình ... Và vì trường phái hiện đại không hề thấy cái gì ở trên hay ở dưới không gian vũ trụ, nên không rõ là cái gì sẽ khiến cho trái đất rơi xuống nếu không có lực hấp dẫn cũng như là hấp lực.⁽²⁾

Đường như là Bá tước de Maistre thật là chí lý khi giải quyết vấn đề này theo lối thần học của riêng mình. Ông đã giải quyết được vấn đề phức tạp (the Gordian knot) này bằng cách cho rằng: “Các hành tinh quay vì chúng bị khiến cho quay... hệ thống vật lý hiện đại về vũ trụ là một điều không thể có được trong vật lý học”.⁽³⁾ Herschel đã chẳng tuyên bố giống như vậy khi ông nhận xét là cần có một *Ý chí* để truyền một chuyển động tròn và một *Ý chí khác* để kiểm chế nó lại đấy ư? ⁽⁴⁾ Điều này chứng tỏ và giải thích được làm thế nào mà một hành tinh *chậm trễ* có đủ khôn ngoan để tính toán được thời gian chính xác đến mức mà có thể giữ cho nó đến đích vào một giây phút nhất định nào đó. Ấy là vì đôi khi khoa học cũng thành công trong việc giải thích được một cách khéo léo một vài sự đình trệ, chuyển động giạt lùi, các góc ngoài quỹ đạo v.v.... như thế - xét về mặt biểu kiến - dựa

¹ *Tạp chí Hai Thế Giới (Revue des Deux Mondes)*, số ra ngày 15-7-1860.

² *Vũ Trụ học*.

³ Dạy hội.

⁴ Diễn văn, trang 165.

vào sự việc các hành tinh đó và hành tinh chúng ta lần lượt đi theo các quỹ đạo không bằng nhau. Tuy nhiên, chúng ta lại biết rằng còn có nhiều điều khác, “các vụ đi chệch đường thực sự rất đáng kể”, theo Herschel, “không thể giải thích được nếu không xét tới tác động hỗ tương bất thường của các hành tinh này và tác dụng nhiễu loạn của mặt trời”.

Tuy nhiên, chúng ta biết rằng ngoài các nhiễu loạn ngẫu nhiên và nhỏ bé này ra, còn có các nhiễu loạn liên tục được gọi là các nhiễu loạn “trường kỳ” (“secular”), vì tính không đều tăng lên rất chậm và ảnh hưởng tới các quan hệ của chuyển động ellíp (the elliptic movement), các nhiễu loạn này *có thể được hiệu chỉnh*. Từ Newton xuống mãi tới Reynaud, tất cả đều thấy rằng thế giới này cần được chỉnh đốn lại thường xuyên. Trong quyển *Trời và Đất*, Reynaud cho rằng:

Quỹ đạo của các hành tinh còn lâu mới ổn định và bất biến, ngược lại, vị trí và hình dạng nó cứ bị biến đổi mãi. ⁽¹⁾

Người ta trở nên thờ ơ với việc chứng minh *luật* hấp dẫn và các luật tiêu dao (the peripatetic *laws*) vì chúng đã nhanh chóng hiệu chỉnh lại những lầm lỗi của mình. Như vậy, lời tố cáo hình như là thế này:

Các quỹ đạo này cứ luân phiên nhau rộng ra và hẹp lại, trực lớn của chúng cứ dài ra rồi ngắn lại, hoặc dao động đồng thời từ phải sang trái, xung quanh mặt trời. Chính mặt phẳng chứa các quỹ đạo này cũng lên xuống một cách tuần hoàn trong khi quay xung quanh chính mình với một loại rung động nào đó.

228 Về vấn đề này, De Mirville, kẻ tin tưởng vào các “tác nhân” (“workmen”) *thông tuệ* điều khiển Thái Dương Hệ một cách vô hình – chúng ta cũng tin như vậy – đã nhận xét rất sắc sảo là:

¹ Trang 28.

Đây chắc chắn là một cuộc hành trình chẳng có được bao nhiêu mức độ chính xác của máy móc. Xét cho cùng, người ta có thể so sánh nó với một chiếc tàu, bị đẩy tới đẩy lui, bị sóng vỗ lên vỗ xuống, bị trì hoãn hoặc được gia tốc. Mỗi một và tất cả các chương ngại này đều có thể làm trì hoãn đến mức vô định sự tới đích của nó, nếu không có viên hoa tiêu và các kỹ sư đủ thông minh để lấy lại thời gian đã mất và hiệu chỉnh các thiệt hại. ⁽¹⁾

Tuy nhiên, luật trọng lực hình như đang trở nên *lạc hậu* trên bầu trời tinh đầu. Dù sao đi nữa, các cái Rễ tinh đầu tóc dài (long-haired sidereal *Radicals*), được gọi là sao chổi, dường như chẳng tôn trọng bao nhiêu định luật tuyệt mỹ đó, lại còn chế nhạo nó một cách thật là vô liêm sỉ nữa (impudently). Mặc dù về hầu hết mọi mặt, các sao chổi và sao băng vẫn còn là “các hiện tượng chưa được hiểu biết trọn vẹn”, song le, khoa học hiện đại vẫn tin rằng chúng tuân theo các định luật và được cấu thành từ vật chất, “giống như là mặt trời, các vì sao, tinh vân” thậm chí “cả trái đất với các cư dân của nó nữa”. ⁽²⁾

Đây chính là cái mà ta có thể gọi là tin tưởng vào các sự việc *một cách mù quáng*. Thế nhưng, người ta không cần đặt câu nghi vấn với khoa học *chính xác*, và kẻ nào bỏ các giả thuyết do các nhà khoa học tưởng tượng ra – chẳng hạn như luật hấp dẫn – sẽ bị xem như là ngu xuẩn, dốt nát, tội nghiệp cho nó (his pains). Thế mà, tác giả vừa được trích dẫn ở trên đã kể cho chúng ta nghe một huyền thoại kỳ quặc trong các niên giám khoa học như sau:

¹ Các Vong Linh, Quyển IV, trang 155 – 156.

² Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, của Laing.

Sao chổi năm 1811 có một đuôi dài 120 triệu dặm, đường kính phần rộng nhất lên tới 15 triệu dặm, còn đường kính của nhân là 127 300 dặm, tức là hơn mười lần đường kính của trái đất.

Để cho các vật thể lớn như vậy đi qua gần địa cầu mà không hề ảnh hưởng tới chuyển động của nó hoặc là thay đổi thời gian của một năm chỉ lệch đi một giây thôi, thì chất liệu của nó cũng phải tinh anh (đúng nguyên văn : rare -> loãng – Người hiệu đính) không thể tưởng tượng được.

Đúng ra thì nó phải thế, song:

Hiện tượng đuôi sao chổi cũng chứng tỏ được là khối lượng của một sao chổi cực nhỏ. Khi sao chổi tiến tới gần mặt trời, đuôi của nó khi ló ra dài tới 90 triệu dặm trong vài giờ. Và kỳ diệu thay, một sức đẩy nào đó (có lẽ là điện lực) đã lôi cái đuôi đó ra (ngược lại với trọng lực) sao cho nó luôn luôn hướng cách xa ra khỏi mặt trời [!!!]... Thế mà, cho dù vật chất của sao chổi có loãng cách mấy đi nữa, nó vẫn cứ tuân theo luật trọng lực [!?] và dù là sao chổi quay theo một quỹ đạo ở bên trong quỹ đạo của các hành tinh ở ngoài, hay là nó sẽ phóng vào trong các vực thẳm của không gian và chỉ trở lại sau hàng trăm năm bất cứ lúc nào mà quỹ đạo của nó được điều chỉnh bởi chính lực đã khiến cho một trái táo rơi xuống đất. ⁽¹⁾

229 Khoa học giống như phu nhân của Caesar (Caesar's wife), nên hiển nhiên là chúng ta không được nghi ngờ nó. Tuy nhiên, chúng ta có thể kính cẩn phê bình nó, và dù sao đi nữa, nên nhớ rằng “trái táo” là một trái cây nguy hiểm. Lại một lần nữa, trong lịch sử nhân loại, nó có thể trở thành nguyên nhân của sự SỤP ĐỔ (FALL) –lần này là sự suy sụp của khoa học “chính xác”. Chúng ta khó lòng mà có thể tin rằng một sao chổi có cái đuôi dám thách đố cả luật trọng lực ngay trước mặt Vầng Thái Dương (Sun's face), mà lại tuân theo luật đó.

¹ Như trên, trang 17.

Tác giả - vốn còn thô thiển trong lãnh vực khoa học – đã đếm được, trong vòng một ít giờ, trong một loạt các tác phẩm khoa học bàn về thiên văn học và thuyết tinh vân (được soạn ra giữa các năm 1865 và 1866) ít nhất là cũng có tới *ba mươi chín giả thuyết mâu thuẫn nhau* được đưa ra để giải thích cho chuyển động quay sơ khởi, tự sinh của các thiên thể. Tác giả không phải là một nhà thiên văn học, không phải là nhà toán học mà cũng không phải là một nhà khoa học. Tuy nhiên, tác giả bắt buộc phải xét tới các sai lầm để bảo vệ cho Huyền bí học nói chung và – có một điều còn quan trọng hơn nữa là – để bênh vực các Giáo lý Huyền bí liên quan tới thiên văn học và vũ trụ luận. Các nhà Huyền bí học bị đe dọa là sẽ bị trừng phạt khủng khiếp vì cả gan nghi ngờ các chân lý khoa học. Nhưng nay họ cảm thấy can đảm hơn; khoa học không hề có một địa vị “vững vàng” (“impregnable”) như người ta thường mong đợi, nhiều lâu đài của nó đã được xây trên cát. Như thế, ngay cả việc xét tới khoa học một cách sơ lược và phản khoa học cũng vẫn có ích như thường, chắc chắn là nó sẽ cung ứng cho chúng ta nhiều kiến thức. Thật vậy chúng ta đã học được nhiều điều sau khi đã đặc biệt nghiên cứu cẩn thận các dữ kiện thiên văn rất có thể mâu thuẫn với các tín ngưỡng phi chính thống và “dị đoan” của chúng ta.

Chẳng hạn như xét về lực hấp dẫn, chúng ta thấy các chuyển động theo quỹ đạo và theo trục, chuyển động đồng bộ, đã từng một thời rất được phổ biến trong giai đoạn đầu; điều này cũng đủ để phát khởi một chuyển động quay cho tới cuối Chu kỳ Khai Nguyên (Manvantara). Trong tất cả các tổ hợp, khả năng nêu trên liên quan đến sự quay sơ khởi (bao giờ cũng phức tạp nhất), chúng ta cũng đã đạt đến mức biết được một vài nguyên nhân *có thể sản sinh ra nó* cũng như là

một vài nguyên nhân khác *phải sản sinh ra nó* (nhưng về một phương diện nào đó, điều này đã không xảy ra như vậy). Ngoài các điều khác ra, được biết sự quay sơ khởi có thể được tạo ra một cách dễ dàng trong một khối *đang nóng chảy* (a mass in igneous fusion) cũng như trong một khối có đặc tính *mờ đục của băng tuyết* (glacial opacity). ⁽¹⁾ Luật hấp dẫn là một luật *không gì có thể khuất phục được*, tuy nhiên, nó lại bị khuất phục, dù trong và ngoài thời gian hoạt động mạnh (in and out of season), bởi các thiên thể hay địa cầu thông thường – chẳng hạn như đuôi của các sao chổi trở trên (impudent comets). Vũ trụ chúng ta phát nguyên từ Ba Ngôi Sáng Tạo thiêng liêng (the holy Creative Trinity) được mệnh danh là *Vật Chất Trơ* (Inert Matter), *Lực Vô Tri Vô Giác* (Senseless Force) và *Cơ May Mù Quáng* (Blind Chance). Khoa học chẳng hề biết gì về chân tướng của bất cứ Ngôi nào, nhưng đây chỉ là một chi tiết không quan trọng (a trifling detail). Vì vậy, được biết khi một khối Vật Chất vũ trụ hay tinh vân – *chẳng ai biết* một chút gì về bản chất của nó; nó có thể ở trạng thái nóng chảy (Laplace), hoặc tối và lạnh (Thomson), vì “bản thân can dự này của nhiệt thuần là giả thuyết” (Faye) – quyết định biểu lộ cơ năng của nó ra dưới hình thức sự quay, nó tác dụng như thế đó. Khối đó, hoặc là bùng ra thành một đám cháy tự phát, hoặc là vẫn cứ trơ trơ, tối tăm, lạnh lẽo; cả hai trạng thái này đều có thể khiến cho nó quay tròn trong không gian cả triệu năm mà không có một *nguyên nhân thỏa đáng nào cả*. Chuyển động của nó có thể là giạt lùi, hay là thẳng, có chừng một trăm lý do khác nhau được đưa ra để biện minh cho cả hai chuyển động này, trong số khoảng chừng nhiều giả thuyết giống như thế (in about as many hypotheses). Dù sao đi nữa,

¹ Trời và Đất.

nó cũng gia nhập vào trạng thái hỗn độn (the maze) của các ngôi sao có nguồn gốc cũng thuộc về loại tự phát và mâu thuẫn. Ấy là vì:

Thuyết tinh vân “không hề tuyên bố là mình đã tìm ra NGUỒN GỐC của vạn vật, mà chỉ tìm ra được một giai đoạn trong lịch sử của vật chất”.⁽¹⁾

Hàng triệu mặt trời, hành tinh và vệ tinh (cấu thành bởi vật chất tro) sẽ quay một cách cân đối tuyệt vời xung quanh mặt trời. Bất chấp quán tính, “chúng sẽ chỉ chuyển động theo sự chỉ đạo của chuyển động nội tại của riêng chúng”.

Sau khi đã được biết như thế, liệu chúng ta có còn ngạc nhiên nữa không nếu các nhà huyền học trí thức, các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã ngoan đạo, thậm chí cả các nhà thiên văn học lỗi lạc như là Chaubard và Cadefrey⁽²⁾ lại thích Thánh kinh Kabalah và các hệ thống cổ truyền hơn là lối trình bày buồn tẻ và mâu thuẫn hiện nay về Vũ Trụ? Dù sao đi nữa, Thánh kinh Zohar cũng phân biệt giữa “*Hajaschar* [các ‘Lực Lượng Quang Minh’ (the ‘Light Forces’), Hachoser [‘Ánh Sáng Phản Chiếu’ (Reflected Lights’)] với *sự hiển lộ ra ngoại cảnh* của các kiểu mẫu tinh thần của chúng (their spiritual types)”.⁽³⁾

Nay chúng ta có thể bỏ qua vấn đề “trọng lực” và xét tới các giả thuyết khác. Rõ rệt là vật lý học chẳng biết gì về các “Lực”. Tuy nhiên, chúng ta có thể kết thúc luận chứng này bằng cách cầu cứu tới một nhà khoa học nữa – Giáo sư

¹ Winchell, “Sinh Hoạt Thế Giới”, trang 196.

² Vũ trụ giải thích theo Thiên Khải. Nhưng hãy xem Đề Nhị Luận Trình của De Mirville. Tác giả vốn là một địch thủ ghê gớm của Huyền bí học, song lại viết ra các đại chân lý.

³ Xem Kabbala Denudata, II, trang 67.

Jaumes; Viện sĩ Hàn Lâm Y Khoa Montpellier. Đề cập tới Lực, học giả này cho rằng:

Một nguyên nhân chủ yếu là cái đang tác động trong tập hợp các hiện tượng, trong mọi sự sinh sản, cũng như trong mọi sự biến hóa. Tôi cho rằng hoạt động (tức lực) này thật là vô hình... Việc giả sử rằng nó là một vật thể và cố hữu trong các tính chất của vật chất thật là một giả thuyết vô căn cứ... Việc quy tất cả mọi nguyên nhân cho Thượng Đế ... sẽ khiến chúng ta bối rối với một giả thuyết đối lập với nhiều sự thật. Nhưng việc bàn về nhiều lực xuất phát từ Thượng Đế và có các quyền năng cố hữu, đâu có gì vô lý ... và tôi có khuynh hướng thừa nhận các hiện tượng được tạo ra bởi các tác nhân trung gian được mệnh danh là Lực hay các Tác Nhân Thứ Yếu (Secondary Agents). Sự phân biệt các Lực chính là nguyên tắc phân loại khoa học căn bản... Không, Lực chẳng phải là các điều gì giả định và trừu xuất mà lại là các thực tại, đó là các thực tại tác động duy nhất có các thuộc tính có thể xác định được khi dùng tới sự quan sát và sự suy diễn trực tiếp. ⁽¹⁾

¹ Về Sự Phân Biệt Các Lực, đăng trong Kỷ Yếu Hàn Lâm Viện Khoa Học Montpellier, Quyển II, tập I, năm 1854.

TIẾT 5

CÁC MẶT NẠ CỦA KHOA HỌC (THE MASKS OF SCIENCE)

VẬT LÝ HỌC HAY SIÊU HÌNH HỌC ? (PHYSICS OR METAPHYSICS ?)

Nếu trên trần thế có một sự tiến bộ nào đó, thì dù *muốn dù không*, một ngày kia khoa học sẽ phải từ bỏ các ý tưởng quái gở, chẳng hạn như là các *luật vật lý tự hành* (self-guiding laws), không cần tới Linh Hồn và Tinh Thần; bấy giờ khoa học sẽ quay sang các Giáo lý Huyền bí (the Occult Teachings). Nó đã làm như thế rồi, cho dù có phải thay đổi nhan đề và hiệu đính lại các ấn bản của các sách văn đáp về khoa học. Khi so sánh tư tưởng hiện đại với tư tưởng cổ truyền cách đây hơn nửa thế kỷ, người ta thấy là dù cho triết học của chúng ta hình như có khác với triết học của tổ tiên đi chẳng nữa, tuy nhiên, nó vẫn là *tập hợp các điều thêm bớt* rút ra từ triết học cổ truyền và *được truyền lại dần dần qua các bậc tiền bối*.

Faraday và các nhà khoa học lỗi lạc khác đều biết rõ sự kiện này. Nguyên tử, Ether, Sự Tiến hóa – tất cả đều do khoa học hiện đại kế thừa các ý niệm cổ truyền, tất cả đều dựa vào các quan niệm của các quốc gia thời xưa. Đối với kẻ phạm tục, “các quan niệm” này được trình bày dưới dạng ẩn dụ; trong các cuộc Điểm Đạo, người ta dạy các chân lý đơn giản cho môn sinh ưu tú, các chân lý này đã được tiết lộ phần nào

qua các tác giả Hy Lạp rồi được truyền xuống cho chúng ta. Điều này không hề có nghĩa là Huyền bí học đã từng có cùng quan niệm về Vật Chất, Nguyên Tử, và Dĩ Thái (Ether) với hiến giáo của các tác giả cổ điển Hy Lạp. Thế nhưng, theo ông John Tyndall, ngay cả Faraday cũng theo phái Aristotle và có xu hướng bất khả tri hơn là một Người duy vật (a Materialist). Trong tác phẩm Nhà phát minh Faraday (trang 123) tác giả đã trình bày là nhà vật lý học xuất chúng đó đã sử dụng “các suy niệm xưa của Aristotle một cách súc tích trong một vài tác phẩm của mình”. Tuy nhiên, Faraday, Boscivitch và tất cả những người nào khác thấy nguyên tử và phân tử là “các trung tâm lực”, cũng như thấy *hành (element)*, *Lực (Force)* tương ứng là một THỰC THỂ TỰ TẠI (an ENTITY BY ITSELF), không chừng lại còn gần gũi với chân lý hơn là những kẻ lên án chúng; đồng thời lên án luôn “thuyết hạt cổ điển của Pythagoras”. Tiếc đây, xin nói là thuyết đó chưa bao giờ được truyền lại cho hậu thế đúng tinh thần mà triết gia lỗi lạc ấy giảng dạy, thế mà người ta lại tố cáo nó, lấy có là nó đã gây ra ảo tưởng khiến cho chúng ta coi các hành vật chất (elements of matter)– vốn chỉ là các khái niệm – như là các thực thể riêng biệt và có thực”.

Theo quan điểm của các nhà Huyền bí học, sai lầm và điều trá ngụy tai hại nhất của khoa học chính là ý kiến cho rằng có thể có một vật chất vô cơ hay vật chất *chết* (inorganic or *dead matter*), tồn tại trong Thiên Nhiên. Huyền bí học xin hỏi “Liệu một vật thể *chết* hay *vô cơ* có thể biến hóa được không? Và có thứ nào trên thế gian vẫn thường trụ bất biến hay không ?

Bởi vì một vật thể *chết* có hàm ý là có một lúc nào đó nó đã từng *sống động*. Vào thời kỳ nào của vũ trụ khởi nguyên luận vậy ? Huyền bí học cho rằng dù sao đi nữa, cho dù trông

có vẻ tro tro bất động, vật chất vẫn đang hoạt động tích cực nhất. Một khối gỗ hay một khối đá xem dường như bất động và không thể thâm nhập vào được. Tuy nhiên, thật ra các cấu tử của nó không ngừng chuyển động nhanh đến nỗi mà đối với mắt phàm, vật thể đó hình như là tuyệt nhiên không hề chuyển động. Khi nhìn từ một cảnh giới hiện tồn và tri giác khác, khoảng cách giữa các cấu tử này trong khi rung động cũng lớn như là khoảng cách giữa các cục tuyết hay giọt mưa. Nhưng đối với vật lý học, điều này thật là ngớ ngẩn.

Không có tác phẩm nào mà lại minh họa điều trá ngụy hay hơn là tác phẩm khoa học của một nhà *bác học* Đức, Giáo sư Philip Spiller. Trong bộ vũ trụ luận này, tác giả đã cố gắng chứng tỏ rằng:

Không có cấu tử vật chất nào của một vật thể, không có nguyên tử nào mà lại có sẵn lực, song mọi nguyên tử như thế đều hoàn toàn chết và không có một quyền năng cố hữu nào để tác dụng từ xa. ⁽¹⁾

Tuy nhiên, phát biểu này cũng không hề ngăn cản Spiller trình bày một Giáo lý và nguyên lý Huyền bí. Ông khẳng định là *Lực có thực chất độc lập* và trình bày nó như là một “vật liệu phi vật thể” tức Chất liệu (Substance). Nay Chất liệu (Substance) không phải là Vật Chất (Matter) trong siêu hình học, và để tiện việc luận chứng, chúng ta có thể thừa nhận rằng thành ngữ đó đã được dùng không đúng chỗ. Nhưng điều này do các ngôn ngữ Âu Tây quá nghèo nàn, và nhất là vì các thuật ngữ khoa học thật là hiếm hoi. Thế rồi Spiller đồng nhất hóa và liên kết “vật liệu” (“stuff”) này với Hậu thiên khí (Aether). Theo lối nói của huyền bí học, chúng ta có thể nói chính xác hơn như sau: “Chất Liệu Thiên Lực”

¹ Der Weltoether als Kosmische Kraft, trang 4.

(“Force-Substance) này là Dĩ Thái-Vật Chất (Ether-Prakriti) bao giờ cũng *tích cực* hoạt động nơi mọi hiện tượng, trong khi Hậu thiên khí toàn hiện thấm nhuần vạn vật là Thực tượng (Noumenon) Dĩ Thái-Vật Chất, cơ sở vạn hữu tức Tiên thiên khí (Ākāsha). Tuy nhiên, Stallo lại làm mất mặt Spiller cũng như là các nhà Duy vật khác. Ông bị kết án là “không cần đếm xỉa (disregard) tới mối tương hệ cơ bản giữa Lực và Vật Chất”, thế mà khoa học lại không biết gì chắc chắn về cả hai thứ trên. Ấy là vì theo quan điểm của tất cả các nhà vật lý khác “bán khái niệm bản thể hóa” (“hypostasized half-concept”) này không phải là *bất khả lượng* (*imponderable*), mà
 233 lại còn thiếu các lực cố kết (cohesive), hóa, nhiệt, điện và từ nữa – theo Huyền bí học – Hậu thiên khí là Cội nguồn và Nguyên nhân của tất cả các Lực này.

Do đó, dù phạm phải nhiều lầm lỗi, Spiller vẫn tỏ ra có nhiều trực giác hơn bất cứ nhà khoa học hiện đại nào khác, ngoại trừ Tiến sĩ Richardson, cha đẻ của thuyết “Thần Kinh Lực” (“Nerve-Force”), tức Ether Thần Kinh (Nervous Ether), cũng như là “Thái Dương Lực và Địa Cầu Lực” (“Sun-Force and Earth-Force”). ⁽¹⁾ Ấy là vì trong Nội môn Bí giáo, Hậu thiên khí là tinh hoa của mọi năng lượng khả hữu và chắc chắn là Tác nhân Vũ trụ này (Universal Agent) (gồm có nhiều *tác nhân*) đã tạo ra nhiều biểu lộ của năng lượng trong các thể giới tinh thần, tâm linh và vật chất.

Thực ra, điện và ánh sáng là gì ? Làm thế nào mà khoa học biết được một thứ là lưu chất, còn thứ kia là một “cách thức chuyển động”? Tại sao người ta không đưa ra một lý do nào để giải thích việc nên phân biệt chúng, vì cả hai được xem là các mối liên hệ của lực? Được biết điện là một lưu

¹ Xem Tạp chí Khoa Học Phổ Thông, Quyển v, trang 329 – 334.

chất, phi vật chất và phi phân tử - mặc dù Helmholtz chủ trương khác – bằng chứng là chúng ta có thể nhốt kín, tích lũy và dự trữ nó. Thế thì, nó ắt *phải* là Vật Chất thôi, chớ không phải là “lưu chất” đặc biệt (peculiar “fluid”). Nó cũng chẳng phải chỉ là “một cách thức chuyển động”, vì chúng ta khó lòng mà tích trữ được chuyển động trong một bình Leyden (Leyden jar). Về phần ánh sáng, nó còn là “một cách thức chuyển động” phi thường hơn nữa, vì “cho dù có vẻ kỳ diệu, ánh sáng [cũng] có thể thực sự *tích trữ để mà sử dụng*”, như Grove đã chứng tỏ điều này cách đây gần nửa thế kỷ.

Lấy một món đồ chạm trở để vài ngày trong tối, rồi phơi nó ra giữa ánh nắng mặt trời chói chang – nghĩa là cô lập nó trong vòng 15 phút; đặt nó lên trên giấy ảnh cảm quang (sensitive paper) trong một chỗ tối, sau 24 giờ, nó để lại dấu vết trên giấy đó, phần trắng biến thành đen ... Hình như là việc mô phỏng lại các đồ chạm trở không hề có giới hạn”. (1)

Cái vẫn còn được ghi khắc, tạm gọi như vậy, lên trên giấy là cái gì vậy? Chắc chắn là một *Lực* (*Force*) đã ghi khắc sự vật, nhưng cái sự vật có tàn tích được ghi trên giấy là cái gì vậy ?

Các nhà bác học sẽ giải quyết vấn đề này bằng một thuật ngữ khoa học nào đó, nhưng cái bị chặn lại để lưu lại một lượng nào đó trên thủy tinh, giấy hoặc gỗ là cái gì vậy ? Nó là “Chuyển động” (“Motion”) hay “Lực” (“Force”) ? Hoặc chúng ta sẽ được biết rằng cái lưu lại ấy chỉ là hiệu quả của Lực hay Chuyển động ư? Thế thì Lực này là cái gì vậy? Lực hay Năng lượng (Energy) là một tính chất; nhưng mọi tính chất phải thuộc về một điều gì hoặc một người nào đó. Trong vật lý học, Lực được định nghĩa như là “cái đang làm thay

¹ Xem Sự Tương Hệ của các Lực Vật Lý, trang 110.

đổi hay có khuynh hướng làm thay đổi bất kỳ quan hệ vật lý nào giữa các vật thể, dù là cơ, nhiệt, hóa, điện hay từ v.v...” Nhưng khi Lực hay Chuyển động đã không có tác động nữa, thì Lực hay Chuyển động đó đâu còn lưu lại trên giấy nữa; thế mà vẫn có một cái gì – mà các giác quan vật chất của chúng ta không thể tri giác được – đã lưu lại đó, để rồi đến lượt nó lại trở thành một nguyên nhân, tạo ra các hiệu quả. Nó là cái gì vậy? Nó không phải là Vật Chất theo định nghĩa của khoa học (tức Vật Chất trong bất cứ trạng thái đặc biệt nào). Một nhà Luyện kim đan (Alchemist) sẽ bảo rằng nó là một thứ do tinh thần tiết ra, thế thì thiên hạ bèn cười phá lên. Thế nhưng khi nhà vật lý học bảo rằng điện được tích trữ là một lưu chất hoặc ánh sáng được ghi lại trên giấy vẫn còn là ánh sáng mặt trời thì đấy lại là *khoa học*. Thật ra mới đây nhất các nhân vật có thẩm quyền đã bác bỏ các lời giải thích này, xem chúng như là “các thuyết sai lầm” và nay đã thần thánh hóa “Chuyển động” lên như là thần tượng duy nhất. Nhưng chắc chắn là một ngày kia, họ và thần tượng đó sẽ cùng chung số phận với các bậc tiền bối ! Một nhà Huyền bí học lão thành, người đã nghiệm lại *Thập nhị nhân duyên* (*Nidānas*) – chúng rốt cuộc sẽ phóng chiếu hiệu quả cuối cùng trên cảnh giới biểu lộ này – người đã truy nguyên vật chất tới tận Thực tượng của nó, chủ trương rằng lời giải thích của nhà vật lý cũng giống như là việc gọi con giận dữ, hoặc các hiệu quả của nó – sự la lối mà nó gây ra – là một chất bài tiết hoặc lưu chất và con người là nguyên nhân của nó. Nhưng theo nhận xét tiên tri của Grove, đã gần tới lúc mà người ta sẽ thú nhận là các Lực mà chúng ta biết chẳng qua chỉ là các biểu lộ hiện tượng của các Thực Tại (Realities) mà chúng ta chẳng biết chút nào, song *Cổ nhân biết hết và đều tôn thờ các Thực Tại đó*.

Ông đã đưa ra một nhận xét còn gợi ý hơn nữa, lẽ ra nó phải trở thành châm ngôn của khoa học. William Grove bảo rằng: “*Khoa học phải không hề có dực vọng hay thành kiến. Chân lý phải là mục tiêu duy nhất của nó*”.

Trong khi đó, ngày nay các nhà khoa học lại còn ngoan cố và ngu tín (bigoted) hơn cả giai cấp giáo sĩ nữa. Ấy là vì họ đứng về phe – nếu không muốn nói là thực sự tôn thờ – “Thân Lực- Vật Chất” (“Force-Matter”) vốn là *Thượng Đế Bất Khả Tri* của họ (their *Unknown God*). Muốn biết Thượng Đế Bất Khả Tri như thế nào, chúng ta có thể suy ra từ nhiều lời thú nhận của các nhà vật lý và nhà sinh học lỗi lạc nhất, cầm đầu là Faraday. William bảo rằng không những ông không bao giờ dám tự tiện tuyên bố rằng Lực có phải là một tính chất hay chức năng của Vật Chất hay không, mà ông còn thực sự không biết *Vật Chất* là cái gì nữa.

Ông còn nói thêm là có một lúc ông cứ tưởng rằng mình có biết ít nhiều về Vật Chất. Nhưng càng sống càng nghiên cứu kỹ lưỡng nó, ông càng tin chắc rằng mình *chẳng biết gì về bản chất của vật chất*.⁽¹⁾

Chúng tôi tin rằng người ta đã cay đắng thú nhận như vậy tại Hội nghị khoa học Swansea. Tuy nhiên theo Tyndall, Faraday cũng chủ trương như vậy:

Chúng ta biết gì về nguyên tử khi không xét tới lực của nó? Bạn hãy tưởng tượng một hạt nhân có thể được gọi là a và bao quanh nó với các lực có thể gọi là m; theo tôi nghĩ, a là hạt nhân đã mò nhạt đi và thực chất gồm có các năng lượng m. Và thật ra, làm sao chúng ta có thể hình dung được một hạt nhân độc lập với các năng lượng của nó? Khi tưởng tượng ra một chữ a độc lập với các

¹ Xem Điện Học của Buckwell.

lực đã được thừa nhận, liệu chúng ta có còn ghi lại được một ấn tượng nào không?

235 Các nhà Huyền bí học thường bị hiểu lầm vì họ đã cưỡng danh Bản thể của Lực (trong một vài trạng thái nào đó) là Chất liệu. Thế mà danh xưng của các loại “Chất liệu” trên các cảnh giới tri giác và hiện tồn khác nhau thật nhiều vô số. Huyền bí học Đông phương gọi mỗi loại này bằng một danh xưng đặc biệt; nhưng khoa học – cũng như Anh quốc (theo trí nhớ của một người Pháp sắc sảo) có tới ba mươi sáu tôn giáo mà chỉ có mỗi một danh xưng, đó là “Chất liệu”. Hơn nữa, cả các nhà vật lý chính thống lẫn những người chỉ trích họ đều hình như không tin chắc vào các tiền đề của mình và hay lẫn lộn nhân với quả. Chẳng hạn như bảo rằng (giống như Stallo) “vật chất cũng chẳng được nhận thức hay quan niệm ra như chỉ là sự hiện diện tích cực trong không gian, hơn là một sự kết tụ lại của các lực” hoặc “lực mà không có khối lượng thì chẳng ra chi” và “khối lượng mà không có lực thì đâu có ra gì” thì chẳng đúng chút nào, vì một thứ là Thực tượng, còn một thứ là hiện tượng. Lại nữa, khi bảo rằng:

Thật chỉ là một ảo tưởng hão huyền, nếu cho rằng vẫn còn lại một cái gì đó (ai mà biết được !) sau khi chúng ta đã tước hết mọi thuộc tính của một vật thể nào đó. ⁽¹⁾

Schelling chẳng bao giờ có thể áp dụng nhận xét này vào lãnh vực siêu hình học siêu việt được. Lực thuần túy đúng thực *không là gì cả* trong thế giới vật lý, nhưng nó lại là TẤT CẢ (ALL) trong lãnh vực Tinh Thần. Stallo cho rằng:

Nếu chúng ta thu gọn khối lượng – mà một lực cho sẵn (dù nhỏ đến đâu đi chăng nữa) tác dụng trên đó – tới giới hạn zero – hoặc nói theo toán học, cho tới khi nó trở nên vô cùng nhỏ - kết quả

¹ Schelling, Ideen v.v... trang 18.

sẽ là tốc độ của chuyển động sinh ra sẽ vô cùng lớn, và vào bất cứ lúc nào cho sẵn “vật” đó cũng chẳng ở đây hay ở kia, mà ở mọi nơi. Như thế không có sự hiện diện thực sự; do đó không thể kiến tạo vật chất bằng cách tổng hợp các lực”.⁽¹⁾

Điều này có thể đúng trong thế giới hiện tượng, vì phản ảnh hão huyền của *Thực Tại Duy Nhất* (*the One Reality*) của thế giới siêu giác quan có thể hình như là chân thật đối với quan niệm hẹp hòi của một nhà Duy vật. Sẽ hoàn toàn không đúng như vậy nếu người ta áp dụng luận chứng đó cho những sự vật trong cái mà các tín đồ Do Thái Bí giáo gọi là các cảnh giới siêu phàm. Theo Newton,⁽²⁾ cái gọi là quán tính chính là Lực, còn đối với Nội môn Bí giáo, đó là Lực Huyền bí vĩ đại nhất (*the greatest of the Occult Forces*). Chỉ ở trên cảnh giới hão huyền này – xét về mặt quan niệm – người ta mới có thể nhận xét một vật mà không cần quan tâm đến các quan hệ, theo vật lý học và cơ học. Thật ra, không bao giờ có thể xét riêng nó ra như vậy; chính sự chết cũng không bao giờ có thể tách rời khỏi các quan hệ của nó với các Lực Vũ Trụ, mà LỰC ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ (*the ONE FORCE*), tức CUỘC SỐNG tổng hợp lại (*LIFE, is the synthesis*): mối liên hệ hỗ tương chỉ tiếp tục trên một cảnh giới khác. Nhưng nếu Stallo có lý, thì Tiến sĩ James Croll có ý muốn nói gì khi đề cập tới “Sự Biến hóa của Trọng lực” (“*On the Transformation of Gravity*”), ông lại đưa ra các quan điểm được Faraday, Waterston và những người khác ủng hộ? Vì ông phát biểu rất đơn giản rằng trọng lực

Là một Lực thấm nhuần Không gian bên ngoài các vật thể. Khi các vật thể tiến lại gần nhau, lực này không tăng như người ta

¹ Sách đã dẫn, trang 161.

² Nguyên lý, Định nghĩa, iii.

thường giả định, song chỉ có các vật thể chuyển vào một nơi mà lực tồn tại với cường độ lớn hơn. ⁽¹⁾

Không ai chối cãi được rằng một Lực – cho dù đó là trọng lực, điện hay bất cứ Lực nào khác vốn tồn tại *bên ngoài* các vật thể và trong Không gian thênh thang – cho dù đó là Ether hay chân không – đều phải là *cái gì đó*, chứ chẳng thể nào *không là cái gì cả*, khi được quan niệm tách rời ra khỏi một khối lượng. Mặt khác, nó khó lòng có thể tồn tại ở một nơi với một “cường độ” lớn và ở một nơi khác với một cường độ nhỏ. Trong Thuyết Cơ Học Vũ Trụ, G.A.Hirn cũng tuyên bố như vậy; ông cố gắng chứng tỏ rằng:

Nguyên tử của các nhà hóa học không phải là một thực thể thuần túy, qui ước, hoặc chỉ là một công cụ diễn giải, song nó thực sự tồn tại, khối lượng nó thật là bất biến, do đó, nó không đàn hồi [!!]. Vì vậy, lực không ở trong nguyên tử mà lại ở trong không gian ngăn cách các nguyên tử với nhau.

Các quan điểm nêu trên – do hai nhà khoa học lỗi lạc phát biểu lần lượt trong các xứ của mình – chứng tỏ rằng việc nói cái gọi là Lực có thực chất thì có gì là *phản khoa học* đâu. Nếu sau này có được đặt cho một tên riêng, thì Lực này cũng là một loại *Chất liệu* nào đó chứ không thể là gì khác nữa; có lẽ một ngày kia, khoa học sẽ xung phong chọn dùng lại danh xưng nhiên tố (phlogiston) trước kia đã từng bị chế giễu. Cho dù sau này người ta gọi nó là gì đi chăng nữa, việc chủ trương rằng Lực *không* ở trong Nguyên tử mà chỉ ở trong “không gian giữa chúng thôi” (only in the “space between them”) có thể có đủ tính chất khoa học; tuy nhiên, nó lại không đúng với sự thật. Đối với một nhà Huyền bí học, điều đó có khác gì bảo rằng nước không ở trong các giọt nước cầu

¹ Tạp chí Triết Học, Quyển ii, trang 252.

thành đại dương, mà chỉ ở trong khoảng trống giữa các giọt nước thôi !

Lời phản đối cho rằng có hai trường phái vật lý gia riêng biệt, theo một trong các trường phái đó thì

Người ta giả sử rằng lực này là một thực thể độc lập có thực chất, nó không phải là đặc tính của vật chất, mà chẳng có liên hệ với vật chất về mặt bản thể,⁽¹⁾

cũng khó lòng giúp cho những kẻ phàm tục hiểu được rõ ràng hơn. Ngược lại, người ta dự tính là nó sẽ còn khiến cho vấn đề này lộn xộn hơn bao giờ hết. Ấy là vì bấy giờ Lực chẳng phải là cái này mà cũng chẳng phải là cái kia. Khi xem nó như là “một thực thể độc lập có thực chất”, thuyết này đã đưa tay phải ra bắt tay Huyền bí học, trong khi đó, ý tưởng mâu thuẫn kỳ quặc cho rằng “nó không liên quan tới Vật Chất ngoại trừ năng lực tác dụng lên đó” ⁽²⁾ đã đưa vật lý học tới các giả thuyết mâu thuẫn nhất. Cho dù là “Lực” hay “Chuyển động” (Huyền bí học chẳng thấy hai chữ đó có gì khác nhau và không bao giờ cố gắng phân cách chúng), nó không thể tác động đối với các kẻ ủng hộ thuyết nguyên tử cơ giới theo một lối và đối với những kẻ thuộc trường phái đối nghịch theo một lối khác. Nguyên tử cũng không thể hoàn toàn có kích thước và trọng lượng đồng đều trong trường hợp này rồi lại thay đổi trọng lượng trong trường hợp kia (định luật Avogadro). Ấy là vì, cũng nhà phê bình đó cho rằng:

Trong khi các đơn vị khối lượng nguyên thủy hoàn toàn bằng nhau là một phần cốt yếu, nền tảng của thuyết cơ học, thì toàn bộ

¹ Khái niệm về Vật Lý Hiện Đại, trang xxxi, Phần dẫn nhập ấn bản thứ nhì.

² Lời đã dẫn.

khoa hóa học hiện đại lại dựa vào một nguyên lý trực tiếp làm đảo lộn nó. Mới đây, người ta có nhận xét về nguyên lý đó như sau: “Nó có địa vị trong hóa học cũng giống như là địa vị của lực hấp dẫn trong thiên văn học”.⁽¹⁾ Nguyên lý đó chính là định luật Avogadro hay Ampère”.⁽²⁾

Điều này chứng tỏ rằng hoặc hóa học hiện đại, hoặc vật lý học hiện đại, đã lần lượt có các nguyên lý cơ bản của mình hoàn toàn sai lầm. Ấy là vì, nếu dựa vào thuyết nguyên tử trong vật lý học, người ta thấy rằng việc giả định là các nguyên tử có trọng lượng riêng khác nhau thật là phi lý; tuy nhiên, nếu dựa vào chính giả định này mà hóa học lại được thực nghiệm minh chứng là không hề sai lầm khi tạo ra và biến đổi các hợp chất hóa học; thì lúc bấy giờ hiển nhiên là chúng ta không thể ủng hộ được thuyết nguyên tử cơ giới. Thuyết này giải thích rằng: “Sự dị biệt trọng lượng chỉ là do mật độ khác nhau, còn mật độ khác nhau là do sự dị biệt về

¹ J.P.Cooke, Tân Hóa Học, trang 5.

² Điều đó có nghĩa là các khối lượng bằng nhau của mọi chất, khi ở thể hơi và trong cùng một điều kiện về áp suất và nhiệt độ, đều có chứa số lượng phân tử như nhau. Do đó, suy ra trọng lực của các phân tử tỷ lệ với khối lượng riêng của các chất hơi; vì vậy, nếu các chất hơi có khối lượng riêng khác nhau, thì trọng lượng của các phân tử cũng khác nhau. Vì các phân tử của một vài chất sơ cấp có tính đơn nguyên tử (mỗi phân tử chỉ gồm có một nguyên tử) trong khi mà các phân tử của nhiều chất khác lại chứa cùng một số nguyên tử, nên các cực vi tử của các chất như thế có trọng lượng khác nhau” (Khái niệm về Vật Lý Học Hiện Đại, trang 34). Sau này, chúng ta sẽ thấy là nguyên lý chính yếu này của hóa học lý thuyết hiện đại hoàn toàn mâu thuẫn với đề nghị thứ nhất của thuyết nguyên tử cơ giới – đó là: “các đơn vị khối lượng nguyên thủy hoàn toàn bằng nhau”.

khoảng cách giữa các cấu tử chứa trong một không gian cho sẵn". Lời giải thích trên thực sự không có giá trị gì cả vì trước khi một nhà vật lý học có thể luận chứng để bênh vực cho quan điểm của mình là: "trong nguyên tử không hề có vô số các cấu tử cũng như là khoảng trống không, vì vậy, các nguyên tử không thể có mật độ hoặc trọng lượng khác nhau", y phải biết nguyên tử thực sự là gì đã chứ; thế mà đó chính là điều mà y không thể biết được. Y phải quan sát nó ít nhất là bằng một trong các giác quan vật chất của mình; thế mà đó là điều y không thể làm được: lý do đơn giản là chưa ai đã từng *trông thấy, ngửi thấy, nghe thấy, sờ thấy* hoặc *nếm thấy* một "Nguyên tử" bao giờ. Nguyên tử hoàn toàn thuộc về lãnh vực siêu hình học. Dù sao đi nữa, đối với vật lý học, nó cũng là một thực thể hườn hư (nought) và (nói một cách nghiêm minh) không hề có liên quan tới vật lý học, vì người ta không bao giờ có thể đem nó ra trắc nghiệm bằng bình cổ cong hay cân đo. Do đó, quan niệm cơ học biến thành mớ bòng bong (jumble) các lý thuyết mâu thuẫn với nhau nhất là các điều tiến thoái lưỡng nan đối với nhiều nhà khoa học không đồng ý với quan niệm này cũng như là các chủ đề khác. Nhà

238 Huyền bí học Đông phương – hiện đang theo dõi cuộc tranh cãi khoa học này – chỉ biết ngẩn ngơ ra khi chứng kiến sự tiến triển của nó.

Để kết thúc vấn đề trọng lực này, xin hỏi làm thế nào mà khoa học có thể tự cho mình biết chắc được một điều gì đó về nó ? Làm thế nào mà nó vẫn có thể chủ trương các lập trường và giả thuyết nghịch lại với các nhà Huyền bí học, vốn chỉ thấy nơi trọng lực thiện cảm và ác cảm, tức sức hút và sức đẩy) bắt nguồn từ sự phân cực vật chất trên trần thế và từ các nguyên nhân tinh thần bên ngoài ảnh hưởng của nó ? Làm

sao mà họ có thể đồng ý với các nhà Huyền bí học khi họ còn chưa đồng ý với nhau? Thật vậy, người ta nghe nói tới sự Bảo Toàn Năng Lượng (the Conservation of Energy), rồi tới độ cứng tuyệt đối và tính không đàn hồi của các Nguyên tử; người ta lại nghe nói tới việc thuyết khí động học (the kinetic theory of gases) đồng nhất với cái gọi là “thế năng” (“potential energy”), đồng thời lại nghe nói rằng các đơn vị khối lượng sơ cấp có *độ cứng tuyệt đối* và có *tính chất không đàn hồi* !Nếu mở một tác phẩm khoa học ra, nhà Huyền bí học sẽ thấy nó dạy như sau:

Thuyết nguyên tử của vật lý học suy từ các dạng chuyển động nguyên tử ra mọi đặc tính của vật chất. Chính các nguyên tử vẫn là các yếu tố hoàn toàn không có tính chất.⁽¹⁾

Và thêm nữa :

Hóa học xét cho cùng, phải là cơ học nguyên tử. ⁽²⁾

Và một lúc sau, y lại được biết rằng:

Các chất khí gồm có các nguyên tử vận hành giống như chất rắn, tức là các hình cầu hoàn toàn đàn hồi.

Cuối cùng, để tuyên dương tất cả, người ta thấy Thomson tuyên bố như sau:

Thuyết bảo tồn năng lượng hiện đại không cho phép chúng ta giả sử rằng các phân tử cực vi, dù là của vật chất siêu phàm hay phàm trần, có tính không đàn hồi hay không có tính đàn hồi hoàn toàn. ⁽³⁾

Nhưng các nhà khoa học chân chính nói về tất cả các điều này như thế nào ? Khi dùng từ ngữ “nhà khoa học chân chính”, chúng tôi muốn nói tới những kẻ nào chỉ quan tâm tới chân lý và không màng tới danh vọng cá nhân đến nỗi mà

¹ Wundt, Vật Chất Thuyết, trang 381.

² Nazesmann, Nhiệt Hóa Học, trang 150.

³ Tạp chí Khoa Học Chuyên Môn, Quyển xiv, trang 321.

y không bao giờ có thái độ độc đoán như đa số người khác về bất cứ điều gì. Có nhiều người - có lẽ nhiều hơn số người dám công khai tiết lộ bí mật, vì sợ bị đưa lên đoạn đầu đài !- mà trực giác đã giúp cho họ vượt qua được hố sâu ngăn cách trạng thái thế tục của Vật Chất và đối với chúng ta, trên cảnh giới hão huyền) CHẤT LIỆU SIÊU VIỆT ĐƯỢC NGOẠI CẢNH (TRANSCENDENTALLY OBJECTIVE SUBSTANCE) (tức Chất liệu nội tâm), khiến họ dám công khai công bố sự tồn tại của chất liệu này. Phải nhớ rằng đối với nhà Huyền bí học, Vật Chất là toàn thể các vật *tồn tại* trong Càn Khôn mà chúng ta có thể tri giác được trên bất kỳ cảnh giới nào. Chúng ta biết rõ các thuyết chính thống về âm thanh, nhiệt và ánh sáng mâu thuẫn với các Giáo lý Huyền bí. Tuy nhiên, điều này không đủ để cho các nhà khoa học, hoặc những kẻ ủng hộ họ, tuyên bố rằng họ *không hề chối bỏ động năng của ánh sáng và nhiệt* cũng như là thúc đẩy sự kiện (được xem như một bằng chứng) là phóng xạ kế của ông Crookes (Mr. Crookes's radiometer) không hề làm lung lay bất cứ quan điểm nào. Nếu đã thăm dò được bản chất tối hậu của các lực này, trước hết họ phải nhìn nhận bản chất thực thể của chúng, cho dù bản chất đó có thể là siêu giác quan. Các nhà Huyền bí học cũng không hề chối bỏ tính đúng đắn của thuyết rung động. (1) Có điều là họ giới hạn chức năng của nó vào cõi trần và

¹ Đề cập tới “Hào quang”, một trong các Thánh Sư nói như sau trong Thế Giới Huyền Linh: “Thật vậy, làm sao bạn có thể hiểu được việc điều khiển các lực bán thông tuệ, chúng liên giao với chúng ta chẳng phải là bằng ngôn ngữ, mà là bằng âm thanh và màu sắc tạo thành mối tương hệ giữa các rung động của hai bên”. Chính mối tương hệ này là điều mà khoa học hiện đại không biết, mặc dù nó đã được các nhà Luyện kim đan giải thích nhiều lần.

cho rằng nó không thích đáng trên các cảnh giới khác, vì các Thánh Sư Huyền bí học tri giác được các Nguyên nhân tạo ra các rung động của ether. Nếu tất cả các thứ này chỉ là các điều bịa đặt của các nhà Luyện kim đan, hoặc là các giấc mơ của các nhà huyền học, thì những người như Paracelsus, Philalethes, Van Helmont và biết bao nhiêu người khác, sẽ phải bị xem như còn tồi tệ hơn các kẻ mơ mộng hão huyền nữa, họ phải biến thành các tên đại bịp, cố ý gạt gẫm thiên hạ.

Người ta trách các nhà Huyền bí học cứ gọi *Nguyên nhân* của ánh sáng, nhiệt, âm thanh, lực cố kết, từ khí v.v... là một *Chất liệu* (*Substance*). ⁽¹⁾ Ông Clerk Maxwell đã nêu rõ áp lực của ánh sáng chói chang trên một dặm (mile) vuông vào lối $3\frac{1}{4}$ cân Anh. Được biết đó là “năng lượng của hằng hà sa số sóng ether”; thế mà khi họ gọi nó là một *Chất liệu* tác dụng lên diện tích này thì lời giải thích của họ lại được xem là *phản khoa học*.

Chẳng có gì biện minh được các lời tố cáo như thế. Như đã hơn một lần nêu rõ, các nhà Huyền bí học tuyệt nhiên không hề dị nghị các lời giải thích của khoa học khi nó đưa ra một giải pháp cho tác nhân ngoại cảnh đang hoạt động *tức thời*. Khoa học chỉ sai lầm khi tin tưởng rằng bởi vì đã dò ra (detected) được trong các sóng rung động nguyên nhân *gần đúng* (*proximate*) của các hiện tượng này nên nó đã tiết lộ được TẤT CẢ những gì nằm ngoài tầm giác quan. Thật ra, nó chỉ mới truy nguyên được hàng loạt các hiện tượng trên một cảnh giới hiệu quả, đó là các điều phóng chiếu hão huyền từ lãnh vực mà Huyền bí học thâm nhập vào từ lâu rồi. Huyền

¹ Tuy nhiên, *Chất liệu* của nhà Huyền bí học đối với *Chất liệu* tinh anh nhất của nhà vật lý học cũng giống như *Chất liệu Quang huy* (*Radiant Matter*) đối với da giày của nhà hóa học.

bí học chủ trương rằng các chấn động ether này không hề được tạo ra (theo như khoa học khẳng định) bởi rung động của các phân tử của các vật thể quen thuộc (tức Vật Chất mà chúng ta tri thức được nơi ngoại cảnh trần thế), song chúng ta phải tìm kiếm các Nguyên nhân tối hậu của ánh sáng, nhiệt v.v... trong VẬT CHẤT (MATTER) tồn tại dưới trạng thái *siêu giác quan* – tuy nhiên, các trạng thái này hoàn toàn hiển lộ trước linh nhân của con người, chẳng khác nào một con ngựa hoặc một cái cây đối với thế nhân. Ánh sáng và nhiệt là bóng ma của Vật Chất đang chuyển động. Trong khi xuất thần, dưới ảnh hưởng của *Tia Sushumnā* – đứng đầu trong Bảy Huyền xạ của Thái Dương (the Seven Mystic Rays of the Sun)⁽¹⁾, nhà Thần nhân hay bậc Cao đồ có thể thấy được các trạng thái như thế.

Như thế, chúng ta đã trình bày Giáo lý Huyền bí vốn xác nhận sự tồn tại thực sự của một bản thể siêu giác quan, siêu vật chất tức Tiên thiên khí (Ākāsha) – chứ không phải là

¹ Tất cả các danh xưng của Bảy Tia – đó là Sushumnā, Harikesa, Visvakarman, Visvatryarchās, Sarvāvasu, và Svarāj, đều huyền bí, mỗi danh xưng đều được áp dụng riêng trong một trạng thái ý thức riêng biệt để đạt được các kết quả huyền bí. Tuy nhiên, tia Sushumnā – trong Nirkuta (II, 6) có nói là nó chỉ chiếu sáng Mặt Trăng, là Tia mà các đạo sĩ Yoga được điểm đạo rất quý chuộng. Toàn bộ Bảy Tia lan tràn khắp Thái Dương Hệ, cấu thành *Upādhi* [cơ sở] vật chất (tạm gọi như thế) của *ether khoa học*. Ánh sáng, nhiệt, điện v.v... các Lực của khoa học chính thống liên hệ với nhau trong *Upādhi* này để tạo ra các hiệu quả trên trần thế. Với tư cách là các hiệu quả tâm linh và tinh thần, chúng bắt nguồn từ hiện thể siêu thái dương, Dĩ Thái của các nhà Huyền bí học tức Tiên thiên khí (Ākāsha).

Dĩ Thái (Ether), đó chỉ là một trạng thái của Tiên thiên khí mà thôi. Chúng ta không thể suy ra được bản chất của Tiên thiên khí từ các biểu lộ xa xưa của nó (tức *tập hợp các hiệu quả chỉ là hiện tượng*) trên thế gian này. Trái lại, khoa học cho chúng ta biết là nhiệt không bao giờ có thể được xem như là Vật Chất trong bất kỳ trạng thái khả niệm nào. Xin nhắc các tín đồ giáo điều Tây phương nhớ lại một lời phê bình vô tư nhất mà không ai có thể nghi ngờ được thẩm quyền của nó, rằng vấn đề này tuyệt nhiên không thể được xem như là đã giải quyết xong:

Không có sự dị biệt cơ bản nào giữa ánh sáng và nhiệt... cái này chỉ là biến thái của cái kia ... Nhiệt là ánh sáng đang hoàn toàn yên nghỉ. Ánh sáng là nhiệt đang chuyển động mau lẹ. Khi ánh sáng kết hợp trực tiếp với một vật thể, nó biến thành nhiệt; nhưng khi nó xạ ra khỏi vật thể này, nó lại biến thành ánh sáng. ⁽¹⁾

Chúng ta không thể nhận định là điều này đúng hay sai; phải mất nhiều năm, có lẽ nhiều thế hệ nữa, thì chúng ta mới xác định được sự việc này. ⁽²⁾ Chúng ta biết được hai chương ngại vật lớn nhất của thuyết lưu chất nhiệt chắc chắn là:

1. Việc tạo ra nhiệt do ma sát – sự kích thích chuyển động phân tử.

2. Việc chuyển nhiệt thành ra chuyển động cơ học.

Xin đáp như sau: có nhiều loại lưu chất khác nhau. Điện được gọi là một lưu chất, mới đây, nhiệt cũng được gọi như vậy, nhưng người ta giả sử rằng nhiệt là một chất bất khả lượng nào đó. Điều này diễn ra khi Vật Chất còn thống ngự một cách chuyên chế và được xem là quan trọng nhất. Khi Vật Chất bị hạ bệ (dethroned), và CHUYỂN ĐỘNG (MOTION) được tôn vinh là Đấng Chúa Tể Độc Tôn của Vũ

¹ Thuyết Lưu Chất Ánh Sáng và Nhiệt của Leslie.

² Lịch sử Văn Minh của Buckle, Quyển iii, trang 384.

Trụ, thì nhiệt lại trở thành “một cách thức chuyển động”. Chúng ta không cần thất vọng, ngày mai chắc chắn nó lại biến thành một cái gì khác nữa. Cũng như chính Vũ Trụ, khoa học *đang biến dịch* và chưa bao giờ có thể xác định được “chân tướng của mình” (“I am that I am”). Mặt khác, Huyền bí học lại có các truyền thuyết *bất di bất dịch* từ thời tiền sử. Nó có thể sai lầm về những điểm đặc thù, nhưng nó không bao giờ có thể phạm một sai lầm về vấn đề Luật Đại Đồng Vũ Trụ, chỉ vì khoa này – mà triết học đã đề cập tới một cách rất đúng đắn, xem nó như có tính cách “Thiên Liêng” – phát nguyên từ các cảnh giới cao và được truyền đạt cho Thế gian bởi các Đấng còn minh triết hơn con người thuộc Giống dân thứ Bảy của cuộc Tuần Hoàn thứ Bảy. Thế mà, khoa này vẫn

241 chủ trương rằng Lực không giống như khoa học hiện đại tưởng; nghĩa là từ khí không phải là một “cách thức chuyển động” và ít nhất trong trường hợp đặc biệt này, một ngày nào đó, khoa học chính xác hiện đại chắc chắn là sẽ phải thất bại (to come to grief). Thoạt nhìn, chẳng có gì lố bịch và ngớ ngẩn hơn là nói như sau đây chẳng hạn: “Người Ấn Độ thực sự đã truyền thụ cho đạo sĩ yoga biết *gấp mười lần nhà vật lý Âu Tây lỗi lạc nhất về bản chất tối hậu và cấu tạo của ánh sáng mặt trời cũng như ánh sáng mặt trăng*. Song tại sao người ta lại tin rằng tia Sushumnā là tia cung cấp cho Mặt Trăng cái ánh sáng vay mượn của nó? Tại sao nó lại là “Tia được các đạo sĩ yoga được *điểm đạo* quý chuộng”? Tại sao Mặt Trăng lại được các đạo sĩ yoga này xem là *Thân Trí Tuệ* (*Deity of the Mind*)? Chúng tôi xin đáp là bởi vì ánh sáng, hay đúng hơn mọi tính chất Huyền bí, mọi sự phối hợp và tương hệ của nó với các lực khác (trí tuệ, tâm linh và tinh thần) đều được các Cao đồ thời xưa quán triệt.

Do đó, mặc dù Huyền bí học có thể kém hiểu biết hơn hóa học hiện đại về tác dụng của các nguyên tố hóa hợp trong nhiều trường hợp tương hệ vật lý khác nhau, ⁽¹⁾ song xét về sự hiểu biết các trạng thái huyền bí tối hậu của Vật Chất và chân tướng của Vật Chất, thì nó vô cùng cao siêu hơn toàn bộ vật lý học và hóa học hiện đại gộp lại.

Nay nếu chúng ta vạch rõ sự thật một cách công khai và hoàn toàn thành thật, nghĩa là vạch rõ rằng các điểm đạo đồ thời xưa hiểu biết về vật lý học (được xem như một khoa học Tự Nhiên) hiểu hơn cả các hàn lâm viện khoa học của chúng ta gộp lại, thì người ta sẽ kết tội là lời phát biểu này thật là xác xược và phi lý. Ấy là vì vào thời đại này, vật lý học được xem như là đã đạt tới tột đỉnh hoàn chỉnh. Vì thế, người ta mới bói móc ra hỏi như sau: Nếu các nhà Huyền bí học chủ trương cái thuyết lạc hậu cho rằng nhiệt là một chất liệu hay một lưu chất, thì liệu họ có thể đáp ứng thỏa mãn được hai điểm sau đây chăng ? (a) Việc tạo ra nhiệt do ma sát – sự kích thích chuyển động phân tử; và (b) Việc chuyển nhiệt thành ra lực cơ học.

Để trả lời câu hỏi này, trước hết phải nhận thấy là Huyền bí học không coi điện (hoặc bất cứ Lực nào mà người ta giả định là do nó sản sinh ra) *như là Vật Chất bất cứ ở trạng thái nào mà vật lý học đã biết*. Nói rõ hơn, không có “Lực” nào (tạm gọi như thế) là một chất đặc, chất lỏng, hoặc chất khí.

¹ Trong ấn bản 1888, câu này được trình bày như sau: Do đó, xét về sự hiểu biết cấu tạo tối hậu của vật chất (tức là khi phân tích tối hậu – đối nghịch với phân tích sơ bộ - trong hóa học) mặc dù Huyền bí học có thể kém hiểu biết hơn về tác dụng của các nguyên tố hóa hợp trong nhiều trường hợp tương hệ về vật lý khác nhau....

Nếu điều này không có vẻ là lên mặt dạy đời (pedantic), thì một nhà Huyền bí học sẽ phản đối việc gọi điện là một lưu chất, *vì nó là một hiệu quả, chứ đâu có phải là một nguyên nhân*. Nhưng y sẽ bảo rằng Thực Tượng của nó là một nguyên nhân hữu thức. “Lực” và “Nguyên Tử” thì cũng thế thôi. Chúng ta hãy thử xem một Hàn lâm viện sĩ lỗi lạc, nhà hóa học

242 Butlerov, nói thế nào về hai điều trừu tượng này. Nhà khoa học xuất chúng đó đã luận chứng như sau:

Lực là gì? Theo quan điểm khoa học nghiêm xác (được luật bảo tàng năng lượng bảo đảm), nó là cái gì vậy? Các quan niệm về lực đã được thu gọn thành các quan niệm về một cách thức chuyển động nào đó. Như thế lực chỉ là việc chuyển từ một trạng thái chuyển động này sang một trạng thái chuyển động khác; chuyển điện thành nhiệt và ánh sáng, nhiệt thành âm thanh hoặc là một chức năng khoa học nào đó v.v... ⁽¹⁾ Lần đầu tiên mà con người trên trần thế tạo ra được lưu chất điện thì đó ắt phải là điện do ma sát. Vì thế, người ta quá rõ là chính nhiệt đã tạo ra điện bằng cách khuấy đảo trạng thái Zero ⁽²⁾ của nó và trên trần thế, điện không hề tồn tại tự bản thân nó nếu không thông qua nhiệt, ánh sáng hay bất cứ lực nào khác. Theo khoa học, chúng đều là các môi tương quan cả. Khi một lượng nhiệt cho sẵn được một động cơ hơi nước biến thành công cơ học, chúng ta bảo đó là năng lượng hơi nước (hoặc lực hơi nước). Khi một vật rơi xuống đập vào một chướng ngại vật trên quỹ đạo của nó, do đó tạo ra nhiệt và âm thanh – chúng ta bảo đó là năng lượng va chạm. Khi điện phân giải nước hoặc nung nóng một sợi dây bạch kim, chúng ta bảo đó là lực của lưu chất điện. Khi các tia sáng mặt trời bị bầu nhiệt kế chặn lại làm cho thủy ngân giãn nở, chúng ta bảo đó là nhiệt năng của mặt trời. Tóm lại,

¹ Trên cảnh giới biểu lộ và vật chất hão huyền có thể là như thế; chẳng phải là không còn gì hơn nữa, vì thật ra còn hơn thế nhiều.

² Trung hòa tức Laya.

khi một trạng thái của một lượng chuyển động nhất định không còn nữa và một trạng thái chuyển động khác tương đương với trạng thái trước thay thế nó, thì kết quả của sự biến hóa hay tương hệ như thế chính là Lực. Trong mọi trường hợp mà hoàn toàn không có sự biến hóa như thế, chuyển từ một trạng thái chuyển động này sang một trạng thái chuyển động khác, thì không thể có lực được. Nếu một lúc nào đó mà chúng ta thừa nhận rằng vũ trụ có một trạng thái hoàn toàn đồng chất, thì quan niệm của chúng ta về Lực sẽ trở thành vô giá trị ngay.

Do đó, hiển nhiên là Lực – mà Chủ nghĩa duy vật coi là nguyên nhân của thiên hình vạn trạng (diversity) xung quanh chúng ta – kỳ thực chỉ là một hiệu quả, một kết quả của thiên hình vạn trạng này. Theo quan điểm như thế, Lực không phải là nguyên nhân của chuyển động mà lại là một kết quả, trong khi nguyên nhân của Lực hay các lực đó chẳng phải là Chất liệu hay Vật Chất mà lại chính là Chuyển động. Như thế, chúng ta phải dẹp sang một bên Vật Chất cũng như cái nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa duy vật đã biến thành thừa thải, vì lực mà bị hạ bệ xuống thành ra một trạng thái chuyển động thì không thể gọi cho chúng ta ý niệm nào về Chất liệu. Nếu Lực là kết quả của chuyển động, thì bây giờ, không hiểu tạo sao chuyển động đó lại làm chứng cho vật chất chứ không phải là cho Tinh Thần hoặc một bản thể Tinh Thần. Đúng vậy, lý trí của chúng ta không thể quan niệm được một chuyển động mà lại không gắn liền với một vật đang chuyển động (lý trí chúng ta thật là chí lý), nhưng khoa học vẫn hoàn toàn không biết tới bản chất của cái vật gì đó đang chuyển động. Trong trường hợp như thế, nhà Duy linh (Spiritualist) cũng có quyền qui điều này cho một “Chơn Linh” (“Spirit”), chẳng khác nào một nhà Duy vật sẽ qui nó cho Vật Chất sáng tạo toàn năng. Trong trường hợp này, một nhà Duy vật không hề có đặc quyền nào, và y cũng chẳng thể tự cho mình là có một đặc quyền nào đó. Như chúng ta thấy, trong trường hợp này, luật bảo toàn năng lượng tỏ ra là có những lời cao rao không chính đáng. “Đại tín điều” – không có lực nào mà lại không có vật chất kèm theo, chẳng có vật chất nào mà không có lực

kèm theo – đã bị hạ bệ và mất hết ý nghĩa trang trọng mà Chủ nghĩa duy vật đã ra sức gán cho nó. Quan niệm về lực sẽ không gọi ra ý niệm nào về Vật Chất và tuyệt nhiên không hề khiến chúng ta thấy được nơi đó “nguồn gốc bản sơ”. ⁽¹⁾

243 Người ta bảo rằng khoa học hiện đại không có tính cách Duy Vật; chúng ta tin chắc rằng nếu những điều nó học hỏi được mà đúng với sự thật thì không đời nào có thể như thế được. Điều này cũng có lý do chính đáng mà chính một số các nhà vật lý và nhà hóa học đã xác định rõ rệt. Các nhà Khoa Học Tự Nhiên không thể nào “tay bắt mặt mừng” (hand in hand) được với Chủ nghĩa duy vật. Để đạt được tột đỉnh danh vọng, các nhà khoa học phải bác bỏ ngay sự kiện
các thuyết duy vật có liên quan với thuyết Nguyên Tử, và chúng ta thấy rằng Lange, Butlerov, Du Bois Reymond và nhiều người khác đã chứng minh được nó (Du Bois Reymond có lẽ đã chứng minh một cách vô thức). Và lại, điều này còn được chứng minh do bởi sự kiện là Kanāda ở Ấn Độ, Leucippus và Democritus ở Hy Lạp, và sau đó Epicurus – các nhà Nguyên tử luận đầu tiên ở Âu Châu – trong khi truyền bá thuyết kích thước nhất định, đồng thời lại tin tưởng vào chư Thiên và các Thực Thể siêu phàm. Như thế, quan niệm về vật chất của họ khác với quan niệm đang thịnh hành hiện nay. Chúng tôi xin phép mình giải lời trần thuyết của mình bằng cách tóm tắt các quan điểm triết học xưa và nay về Nguyên tử, như thế chúng tỏ rằng Thuyết Nguyên Tử đã khai tử Chủ nghĩa duy vật.

Theo quan điểm Chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa này qui vạn hữu về *Vật Chất*, xét cho cùng thì Vũ Trụ chỉ có Nguyên tử và chân không. Cho dù có để qua một bên công lý – mà Cố

¹ Các Bức Thư Khoa Học, Giáo sư A. Butlerov.

nhân đã từng dạy, nay lại được kính viễn vọng và kính hiển vi hoàn toàn minh chứng, đó là: “Thiên Nhiên ghê sợ chân không” – đi chẳng nữa thì Nguyên tử là cái gì bây giờ ? Giáo sư Butlerov cho rằng:

Theo giải đáp của khoa học, nguyên tử là phần Chất liệu hạn hẹp, cấu tử bất khả phân ly của Vật Chất. Nếu cứ thừa nhận rằng nguyên tử có thể phân chia được, rồi lại thừa nhận thêm là Chất liệu có thể được phân chia mãi mãi, thì chẳng hóa ra là Chất liệu sẽ biến thành hư vô hay sao ? Do bản năng sinh tồn, Chủ nghĩa duy vật không thể thừa nhận việc cứ phân chia mãi mãi; nếu không như thế, nó sẽ phải ngậm ngùi chia tay mãi mãi với các nguyên lý cơ bản của mình và tự đào huyệt chôn mình. ⁽¹⁾

Chẳng hạn như Buchner đã tuyên bố chẳng khác nào một kẻ giáo điều Duy Vật thực sự như sau:

Ai mà chấp nhận nổi việc cứ phân chia mãi mãi, coi chừng điều này sẽ khiến chúng ta nghi ngờ sự tồn tại của chính Vật Chất.

Thế thì, theo Chủ nghĩa duy vật, nguyên tử không thể phân chia được hay sao ? Được lắm. Butlerov đáp :

Xem kìa. Cái nguyên lý cơ bản ấy của cá nhà Duy vật đang khiến cho họ mâu thuẫn với nhau. Nguyên tử không thể phân ra được, song đồng thời chúng ta lại biết rằng nó có tính đàn hồi. Chúng ta không thể tưởng tượng nổi việc thử giả định là nó không có tính đàn hồi, làm như vậy thật là ngớ ngẩn. Các nguyên tử không đàn hồi không bao giờ có thể phô bày bất cứ hiện tượng nào mà người ta gán cho sự tương hệ của chúng. Nếu không có bất kỳ tính đàn hồi nào, nguyên tử không thể biểu lộ được năng lượng của mình, và Chất liệu của các nhà Duy vật sẽ vẫn còn cách ly với khoa học. Do đó, nếu các nguyên tử cấu thành Vũ Trụ thì chúng phải đàn hồi. Điều này chính là một chướng ngại mà chúng ta không tài nào vượt qua nổi. Ấy là vì, đâu là các điều kiện cần có để biểu lộ được tính đàn hồi? Khi đụng vào một chướng ngại vật, một

¹ Như trên.

quả banh đàn hồi sẽ dẹt ra và co lại (flattened and contracts). Nếu quả banh này không gồm các cấu tử có vị trí tương đối nhất thời bị thay đổi vào lúc va chạm thì làm sao mà hiện tượng trên có thể xảy ra được. Điều này bàn về tính đàn hồi nói chung; không thể nào có được tính đàn hồi nếu không thay đổi vị trí của các cấu tử hợp thành một vật thể đàn hồi. Điều này có nghĩa là vật thể đàn hồi rất dễ bị biến dạng và gồm có nhiều cấu tử; nói cách khác, tính đàn hồi này chỉ có thể thuộc về các vật thể phân chia được mà thôi. Thế mà, nguyên tử lại đàn hồi ⁽¹⁾.

244 Thế cũng đủ chứng tỏ rằng việc đồng thời thừa nhận Nguyên tử vừa bất khả phân ly, vừa đàn hồi, thật là ngớ ngẩn. Nguyên tử có tính đàn hồi, vì vậy, nó có tính khả phân và phải gồm có các cấu tử (particles) tức các *phân* nguyên tử (*sub-atoms*). Còn các phân nguyên tử này thì sao? Hoặc là chúng không đàn hồi, và trong trường hợp như thế, chúng chẳng có chi là quan trọng; hoặc là chúng cũng *đàn hồi*, và trong trường hợp đó chúng cũng phải khả phân. Cứ *như thế mãi*. Nhưng nếu cứ phân chia mãi các nguyên tử ra, thì vật chất sẽ biến thành các trung tâm Lực; điều này khiến chúng ta không thể quan niệm Vật Chất như là một chất liệu ngoại cảnh nữa.

Đối với Chủ nghĩa duy vật, cái vòng luẩn quẩn này thật là tai hại (fatal). Nó thấy hình như là con nhện đang giăng tơ giam hãm chính mình và không tài nào thoát ra khỏi tình cảnh tiến thoái lưỡng nan đó. Nếu nó cho rằng Nguyên tử bất khả phân ly thì Cơ học sẽ hỏi một câu khó xử như sau:

Trong trường hợp này, Vũ Trụ vận chuyển ra sao đây? Làm thế nào mà các lực của nó liên hệ với nhau được? Một thế nào mà các lực của nó liên hệ với nhau được? Một thế giới mà gồm toàn là các nguyên tử hoàn toàn không đàn hồi thì có khác nào một động

¹ Như trên.

cơ mà không có hơi nước, đứt khoát là nó cứ ì ra (inertia) mà thôi.⁽¹⁾

Nếu chúng ta chấp nhận các lời giải thích và các giáo lý của Huyền bí học – quán tính mù quáng của vật lý học sẽ được thay thế bởi các Quyền năng *tích cực thông tuệ* ẩn sau bức màn Vật Chất – thì chuyển động và quán tính trở nên phụ thuộc vào các Quyền Năng này. Toàn bộ khoa Huyền bí học đều dựa vào giáo lý về bản chất hão huyền của Vật Chất và sự kiện Nguyên tử có thể được phân chia mãi mãi. Nó mở ra cho Chất liệu các chân trời vô tận; mọi trạng thái tế vi khả hữu của chất liệu này đều được linh khí của Linh Hồn nó làm cho linh hoạt; đó là trạng thái mà các nhà hóa học và các nhà vật lý có bản chất sùng đạo nhất cũng còn chưa hề mơ ước tới.

Đó là các quan điểm của một Hàn lâm viện sĩ, nhà hóa học vĩ đại nhất ở Nga, được cả Âu Châu công nhận là nhân vật có thẩm quyền: Giáo sư A. Butlerov. Thật đúng là ông đang biện hộ cho các hiện tượng giáng ma, được gọi là sự hiện hình, cũng như Giáo sư Zollner và Giáo sư Hare, ông Russel Wallace, Giáo sư William Crookes và nhiều Hội viên khác của Hội Hoàng Gia, ông tin tưởng vào các hiện tượng này, dù là công khai hay âm thầm. Nhưng luận chứng của ông về bản chất của cái Bản thể (the Essence) tác động đằng sau các hiện tượng vật lý như ánh sáng, nhiệt, điện v.v... cũng không kém phần khoa học và có thẩm quyền đối với mọi thứ đó, áp dụng nó vào trường hợp đang xét thì quả là đúng chỗ. Khoa học không có quyền chối bỏ việc các nhà Huyền bí học tự cho là đã quán triệt được cái gọi là Lực. Theo các nhà Huyền bí học, Lực chỉ là hiệu quả của các nguyên

¹ Như trên.

nhân được sản sinh ra bởi các Quyền năng có thực chất, song vẫn siêu phàm và siêu việt cả bất kỳ loại Vật Chất nào mà các nhà khoa học đã từng biết tới từ trước đến nay. Tốt hơn hết là khoa học nên chọn và chủ trương thái độ bất khả tri. Bấy giờ, nó có thể bảo rằng: giả thuyết của bạn đâu có gì minh xác hơn giả thuyết của chúng tôi. Nhưng chúng tôi xin thú nhận là, thực ra chúng tôi cũng chẳng biết gì về cả Vật Chất lẫn Thần 245 lực cũng như là điều ẩn dưới cái gọi là sự tương hệ của các Lực. Do đó, chỉ có thời gian mới chứng tỏ được ai đúng ai sai. Chúng ta cứ nhẫn nại chờ đợi, trong khi đó nên tỏ ra lễ độ, việc gì mà cứ nhạo báng lẫn nhau.

Nhưng muốn được như thế, phải yêu chân lý vô hạn và phải diệt ngay cái uy tín *không thể sai lầm* (dù là giả tạo); những nhà khoa học xuất thân từ quần chúng phàm tục, dốt nát, suồng sã, thì dù có học thức đi nữa cũng chó nên tự đắc. Muốn phối hợp hai nền khoa học cổ truyền và hiện đại, trước hết phải từ bỏ đường lối Duy vật hiện nay. Cần phải thâm cứu huyền học lẫn tôn giáo và Pháp thuật cổ truyền; thế mà các Hàn lâm viện của chúng ta chưa bao giờ quan tâm tới chúng. Muốn giải thích điều này thì cũng dễ. Trong các tác phẩm Luyện kim đan thời xưa, chân ý nghĩa của các Chất liệu và các Hành ẩn tàng trong các ẩn dụ buồn cười nhất (the most ridiculous metaphors); cũng vậy, bản chất vật chất, tâm linh và tinh thần của các Hành (tức là Lửa) trong bộ kinh Vedas, nhất là trong kinh Puranās, đều ẩn tàng trong các ẩn dụ chỉ có các Điểm đạo đồ mới thấu triệt được. Nếu chúng mà không có ý nghĩa thì đúng là mọi huyền thoại và ẩn dụ dài dòng về sự thiêng liêng của ba loại Linh Hỏa (Fire) và *bốn mươi chín* Nguyên Hỏa (original Fires) – được nhân cách hóa thành các Con của các Con Gái của Daksha và các Phu quân

(chư Thánh Hiền) (the Sons of Daksha's Daughters and the Rishis, their Husbands), “cùng với Con đầu lòng của Brah mã và ba hậu duệ, chúng cấu thành Bốn mươi chín Nguyên Hỏa” – sẽ chỉ là những lời dài dòng quàng xiên (idiotic verbiage) không hơn không kém. Nhưng không phải vậy. Mỗi Linh Hỏa đều có một chức năng và ý nghĩa riêng biệt trong các thể giới vật chất và tinh thần. Và lại, ngoài các mãnh lực hóa lý đã xác định khi tiếp xúc với Vật Chất đã biến phân trên *trần thế* ra, nó còn có *bản thể* tương ứng với một trong các thần thông của con người. Khoa học chẳng suy lý với một trong các thần thông của con người. Khoa học chẳng suy lý gì cả về bản thân Linh Hỏa, còn Huyền bí học và khoa tôn giáo cổ truyền bao giờ mà chẳng có. Trong các kinh Puranās, chẳng hạn như trong Vāyu Puranās, người ta đã giải thích nhiều tính chất của các Linh Hỏa được nhân cách hóa một cách sơ sài và cố tình úp úp mở mở. Như thế, Pāvaka là Lửa Điện (Electric Fire) tức *Vaidyuta*; Pavamāna là *Lửa do ma sát* tức *Nirmathya*; còn Shuchi là Lửa Mặt Trời (Solar Fire) tức *Saura*¹ - cả ba đều là con của Abhimānin, Agni (Hỏa Thần), tức Con Út của Brahmā và Svāhā. Hơn nữa Pāvaka lại có dây mơ rễ má với Kavyavāhana. *Lửa của các Thủy Tổ* (the Fire of the Pitris): Shuchi với Havyavāhana, Lửa của chư Thiên (the Fire of the Gods); còn Pavamāna với Saharaksha, Lửa của các Asuras. Tất cả các điều này đều chứng tỏ rằng các vị soạn ra kinh Puranās đều hoàn toàn thông thạo về các lực của khoa học và các mối tương hệ của chúng, cũng như về nhiều tính chất khác nhau của lực liên quan tới các hiện tượng tâm linh và vật chất mà nay vật lý học chẳng tin tưởng và cũng chẳng

¹ Nhiệt mặt trời được gọi là “kẻ uống nước” và nó khiến cho nước bốc hơi.

biết tới. Dĩ nhiên là khi một nhà Đông phương học – nhất là người nào có khuynh hướng duy vật – nghe nói rằng đó chỉ là các danh xưng của Linh Hỏa được dùng trong các *thần chú* và nghi lễ (*in the invocations*), y sẽ bảo rằng đó là “điều mê tín dị đoan và thần bí hóa của vạn pháp kỳ môn (Tāntrika)”. Thế là y trở nên thận trọng để phát âm khỏi sai hơn là quan tâm tới ý nghĩa bí nhiệm liên kết với các vật nhân cách hóa này, hoặc là ra sức giải thích chúng theo các mối tương hệ vật lý của các Lực (theo mức hiểu biết hiện nay). Thật vậy, người ta nghi ngờ mình triết cổ Ấryans nhiều đến nỗi mà chẳng ai cần chú ý tới các đoạn rõ ràng (glaring) như thế trong kinh Vishnu Puranās. Tuy nhiên, câu này có nghĩa gì vậy ?

Bấy giờ, dĩ thái, phong, quang, thủy, địa kết hợp chặt chẽ với các tính chất của âm thanh và phần còn lại, tồn tại riêng biệt tùy theo đặc tính của chúng... nhưng vì có nhiều năng lượng khác nhau và rời rạc, nên nếu không phối hợp lại, chúng không sao tạo ra các sinh linh được và cũng chẳng thể hòa hợp được với nhau. Do đó, sau khi đã phối hợp với nhau, nhờ vào sự liên hợp hỗ tương, chúng có được đặc tính toàn khối đơn nhất, theo sự điều động của tinh thần v.v...(1)

Dĩ nhiên, điều này có nghĩa là các soạn giả đều hoàn toàn quen thuộc với sự tương hệ và thấu đáo được việc Càn Khôn (Kosmos) bắt nguồn từ “Nguyên khí Vô Hiện” (the “Indiscrete Principle”) (Avyaktānugrahaena), được áp dụng cho cả Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman) lẫn Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti) chứ không phải là cho “Vô Hiện (Avyakta) hoặc là Nguyên Nhân Bản Sơ hoặc Vật Chất Bản Sơ (First Cause or Matter)”, theo Wilson. Các Đạo đồ thời xưa biết rằng không hề có sự “sáng tạo mầu nhiệm”, họ dạy rằng:

¹ Vishnu Puranās, Wilson, I, 38.

Nguyên tử tiến hóa trên cảnh giới hồng trần của chúng ta, thoát tiên, chúng biến phân tử trạng thái *Trung hòa (Laya)* thành ra *Nguyên hình chất (Protyle)* – Giáo sư Crookes đã mệnh danh Vật Chất tức chất liệu nguyên thủy như thế đó – *vượt quá đường zero (beyond the zero line)* – đó là nơi mà chúng ta tàng trữ *Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti)*, Nguyên khí *Căn bản* của Vật liệu Vũ Trụ và Vạn hữu (the Root-Principle of the World-Stuff and of all in the World).

Muốn chứng tỏ điều này thì cũng dễ dàng. Chẳng hạn như xét quyển giáo lý văn đáp mới xuất bản của tín đồ phái Vedanta Vishishtādvaita; đó là một hệ thống ngoại môn chính thống được giảng dạy đầy đủ vào thế kỷ 11,⁽¹⁾ khi “khoa học” Âu Tây vẫn còn tin là trái đất dẹt (flatness) và vuông (theo lý thuyết Cosmas Indicopleustes vào thế kỷ thứ 6). Nó dạy rằng trước khi bắt đầu Tiến hóa, Prakriti, Thiên Nhiên, ở trạng thái *Trung hòa*, tức là hoàn toàn đồng chất vì vật chất tồn tại ở hai trạng thái; *sūkshma*, tức tiềm tàng và chưa biến phân và *sthūla*, tức đã biến phân. Rồi nó biến thành *anu*, trạng thái nguyên tử. Nó dạy về *Suddasattva* – “một chất liệu không có đặc tính của vật chất và khác hẳn vật chất”, và dạy thêm rằng cơ thể của chư Thiên (God), các cư dân của Vaikunthaloka, Tầng Trời Vishnu (the Heaven of Vishnu), đều được tạo ra bằng chất liệu này. Nó dạy rằng mọi cấu tử hay nguyên tử vật chất đều chứa *Nguyên sinh khí (Jīva)* (cuộc sống thiêng liêng) và là *Sharīra (thể)* của cái *Nguyên sinh khí* mà nó bao trùm; trong khi đó đến lượt mỗi Nguyên sinh khí lại là Thể của Tinh Thần Thủ Thắng (the Sharīra of the Supreme Spirit), vì “Thái Cực Thượng Đế thẩm nhuận mọi Nguyên sinh khí cũng như là mọi cấu tử vật

¹ Rāmānujācārya, người sáng lập ra nó, sinh năm 1017, sau T. C.

chất". Khi so sánh với triết thuyết nhất nguyên luận, triết
 247 thuyết Vishishtādvaita, có thể là có tính cách lưỡng nguyên
 và thần nhân đồng hình; tuy nhiên, lý luận và triết học của họ
 lại vô cùng cao siêu hơn vũ trụ khởi nguyên luận mà Thiên
 Chúa giáo và khoa học hiện đại (đại đối thủ của nó) chấp
 nhận. Người ta đã gọi các tín đồ phái nhất nguyên luận (tín
 đồ của một trong các Đấng Thông Tuệ nhất đã từng giảng
 trần) là các kẻ vô thần, vì ngoài Thái Cực Thượng Đế, Thực
 Tại Tuyệt Đối *độc nhất vô nhị*, họ xem tất cả đều hão huyền.
 Thế nhưng các Đạo đồ minh triết nhất và các đạo sĩ yoga xuất
 chúng nhất đều xuất thân từ phái này. Bộ Áo Nghĩa Thư
 (Upanishads) chứng tỏ rằng chắc chắn là không những họ
 biết đâu là chất liệu *nguyên nhân* của các *hiệu quả ma sát*, và tổ
 phụ của họ đều quen thuộc với việc *chuyển nhiệt thành ra lực*
cơ học, mà họ còn quen thuộc với *Thực tượng (Noumenon)* của
 mọi hiện tượng tinh thần cũng như là vũ trụ.

Thật vậy, xét về một thanh niên Bà La Môn tốt nghiệp
 đại học Ấn Độ với nhiều danh vọng nhất; y bước chân vào
 đời như là một bậc cao học nhân văn và Cử nhân luật khoa,
 (đang sau danh xưng của y là một loạt các bằng cấp từ đầu
 chí cuối); càng có nhiều danh vọng khi thụ huấn về vật lý
 học bao nhiêu, y càng khinh miệt thần linh quốc gia bấy
 nhiêu. Thực ra, dưới ánh sáng của vật lý học và khi xét tới sự
 tương hệ của các lực vật lý, y chỉ mới đọc có vài đoạn kinh
 Purāṇās mà đã thấy rằng tổ tiên đã hiểu biết hơn mình biết
 bao nhiêu (trừ phi y trở thành một nhà Huyền bí học). Mong
 rằng y sẽ quay sang ẩn dụ về Purāṇas và Gandharva ⁽¹⁾

¹ Trong kinh Vedas, Gandharva là vị thần biết và tiết lộ các bí
 nhiệm trên Thiên Đàng và các chân lý thiêng liêng cho thế nhân.
 Xét về mặt Vũ Trụ, Gandharvas là tập hợp các Quyền năng của

thiên giới (the celestial Gandharva), chuyên môn cung cấp cho Purūravas một bình đầy lửa thiêng. Cách thức sơ khai để thu được lửa do ma sát đã được giải thích một cách khoa học trong bộ kinh Vedas, nó thật là đầy ý nghĩa đối với kẻ nào hiểu được ‘ý tại ngôn ngoại’. Người ta thu được Tretāgni (tam linh hỏa) bằng cách cọ xát mấy cái que bằng gỗ cây Ashvattha tức cây Bồ Đề Minh Triết (the Bo-tree of Wisdom and Knowledge), trong thánh ngữ có bao nhiêu vần thì cái que đó cũng dài bằng bề dày của bấy nhiêu ngón tay chụm lại”. Câu phát biểu trên đây phải có một ý nghĩa bí nhiệm nào đó, nếu không chẳng hóa ra các soạn giả bộ kinh Vedas và Puranās đều chỉ là các kẻ đại bịp hay sao ? Các nhà Huyền bí học Ấn Độ sẵn sàng chứng minh rằng nó có một ý nghĩa như vậy; chỉ có họ mới có thể minh giải cho hoa học tại sao và làm thế nào mà Linh Hỏa, thoát đầu chỉ có *một*, lại biến thành ba

Lửa Mặt Trời và cấu thành các Thần Lực của nó. Xét về mặt *tâm linh*, đó là Đấng Thông Tuệ ngự nơi Sushumnā, Tia Sáng Mặt Trời đứng đầu Bảy Huyền xạ (the Seven Rays). Xét về mặt *huyền học*, đó là Lực Huyền Bí nơi Soma, Mặt Trăng, tức cây nguyệt tinh (lunar plant) và thức uống làm bằng trái cây đó. Đó là các nguyên nhân hiện tượng (xét về mặt *vật chất*) và các nguyên nhân thực tượng (xét về mặt *tinh thần*) của Âm thanh và “Tiếng Nói của Thiên Nhiên”. Vì thế, họ được mệnh danh là 6 333 ca sĩ và nhạc sĩ thiên giới của Cảnh giới Indra, nhân cách hóa (cả bằng số) nhiều âm thanh khác nhau trong thiên nhiên vừa ở trên, vừa ở dưới. Trong các ẩn dụ nêu trên, người ta bảo là chúng có một quyền năng đối với phụ nữ và *ưa thích phụ nữ*. Ý nghĩa Nội môn cũng rất giản dị. Họ là một trong các hình thái (nếu không muốn nói là các nguyên kiểu) của các Thiên Thần của Enoch, Con của Thượng Đế. Thấy các cô gái nhân loại xinh đẹp (Sáng Thế Ký, vi, 2), họ bèn cưới rồi dạy cho các cô gái Thế gian *bí nhiệm của Thiên Đàng*.

(tridhā) trong Chu kỳ Khai Nguyên hiện nay, do tác dụng của Con của Ilā (Vāch), Nữ Nhân Bản Sơ (the Primeval Woman) sau khi có trận Đại Hồng Thủy, vợ và con gái của Bàn Cổ Vaivasvata. Dù xuất hiện trong bất cứ kinh *Puranās* nào đi nữa thì ẩn dụ này cũng thật là gợi ý.

TIẾT 6

MỘT NHÀ KHOA HỌC ĐẢ KÍCH THUYẾT LỰC CỦA KHOA HỌC

(AN ATTACK ON THE SCIENTIFIC THEORY OF FORCE
BY A MAN OF SCIENCE)

NAY chúng ta sẽ trích dẫn các phát biểu sáng suốt có lợi cho chúng ta của nhiều nhà khoa học người Anh. Chúng bị một ít nhân vật tẩy chay “theo nguyên tắc” (ostracized for “principle’s sake”), nhưng nhiều người khác lại mặc nhiên tán thành chúng. Mọi nhà Huyền bí học, thậm chí một vài độc giả phạm tục sẽ nhận ra là một trong các nhà khoa học đó đã giảng dạy hầu như toàn là giáo lý Huyền bí, có một số điều mà công chúng thích thừa nhận, giống hệt với “*Vô cực điện* và Bảy Phân Thân” (“*Fohat* and his seven Sons”) của chúng ta, tức Nhạc Thần Huyền Bí (Occult Gandharva) của kinh Vedas.

Nếu các độc giả mở quyển V của tạp chí Khoa học Phổ Thông, ⁽¹⁾ họ sẽ thấy trong đó có một bài nói về “Lực Mặt Trời và Lực Địa Cầu” (“Sun-Force and Earth-Force”) của Tiến sĩ B.W. Richardson (Hội viên Hội Hoàng Gia) như sau:

Vào lúc này, khi học thuyết cho rằng “chuyển động là nguồn gốc duy nhất của mọi lực” đang thịnh hành trở lại, hầu như thật là một dị thuyết nếu tiếp tục lại một cuộc tranh luận hầu như đã được mọi người đồng ý dẹp qua một bên trong một thời gian. Nhưng tôi xin đánh bạo vạch ra những quan điểm chính xác của kẻ chủ

¹ Trang 329 – 334.

trương dị thuyết bất hủ về Lực Mặt Trời đỏ (tôi đã nói nhỏ cho quý độc giả biết y tên là Samuel Metcalfe). Xuất phát từ luận cứ mà hầu hết các nhà vật lý đều đồng ý – theo luận cứ này, trong thiên nhiên có tồn tại hai tác nhân: vật chất vốn khả lượng, hữu hình và một cái gì đó bất khả lượng, vô hình và chỉ thẩm định được qua tác dụng của nó đối với vật chất – Metcalfe chủ trương rằng tác nhân bất khả lượng và tích cực đó (mà ông gọi là “nhiệt tố” – “caloric”) không phải là một dạng chuyển động, không phải là một rung động trong các cấu tử của vật chất khả lượng, song bản thân nó lại là một chất liệu vật chất xuất phát từ mặt trời, lưu chuyển qua không gian, ⁽¹⁾ lấp đầy các khoảng trống giữa các cấu tử của các thể đặc, và mang theo tính chất mà cảm giác gọi là nhiệt. Y biện hộ cho bản chất của nhiệt tố, tức Lực Mặt Trời dựa vào các cơ sở sau đây :

1. Nó có thể được thêm vào hoặc rút ra khỏi các vật thể khác và được đo lường một cách chính xác như toán học.

2. Nó làm gia tăng thể tích của các vật thể, khi nó rút ra, thể tích này lại giảm kích thước.

3. Nó biến đổi hình dạng, tính chất, tình trạng của mọi vật thể khác.

4. Nhờ bức xạ, nó đi qua được chân không tuyệt đối nhất ⁽²⁾ có thể được tạo ra; trong chân không đó các hiệu quả mà nó tạo ra đối với nhiệt kế cũng giống hệt như đối với bầu khí quyển.

¹ Không những là “qua không gian”, mà còn lấp đầy mọi điểm trong Thái Dương Hệ, vì đó là cận bã vật chất (tạm gọi như vậy) của Dĩ Thái, *lớp lót (lining)* của nó trên cảnh giới của chúng ta. Ngoài việc làm *tác nhân (agent)* truyền ánh sáng ra, Dĩ Thái còn được dùng cho các mục đích vũ trụ và trần thế khác. Đó là Lưu chất Tinh Tú (the Astral Fluid) tức “Tinh Quang” của các tín đồ Do Thái Bí giáo và và “Thất Huyền Xạ” (the “Seven Rays”) của Thái Dương-Vishnu (Sun-Vishnu).

² Thế thì cần gì có các sóng ether để truyền ánh sáng, nhiệt v.v... nếu chất liệu này có thể đi qua được chân không.

5. Nó tạo ra các lực cơ học và hóa học mà không gì có thể kiểm chế được, chẳng hạn như núi lửa, thuốc súng và các hợp chất khác.

6. Nó tác động một cách rõ rệt lên thần kinh hệ, khiến chúng ta đau nhức nhối; và khi nhiều quá, nó sẽ làm tan rã các mô.

Để chống lại thuyết rung động, Metcalfe đã luận chứng thêm rằng nếu nhiệt tố (caloric) chỉ là một *tính chất*, nó không thể làm gia tăng thể tích của các vật thể khác. Muốn làm được như vậy, bản thân nó phải có thể tích, nó phải chiếm chỗ trong không gian, và do đó, nó phải là một tác nhân vật chất (a material agent). Nếu nhiệt tố *chỉ là tác dụng của rung động* trong số các cấu tử của vật chất khả lượng (ponderable matter); thì *nó không thể bức xạ từ các vật thể nóng* mà không đồng thời chuyển dịch các cấu tử rung động. Nhưng sự thật rõ rệt là nhiệt có thể bức xạ từ chất liệu vật chất khả lượng mà không làm mất trọng lượng của chất liệu đó... Với quan điểm như trên về bản chất vật chất của nhiệt tố tức lực mặt trời, với một ấn tượng kiên định cho rằng: “Vạn vật trong Thiên Nhiên đều được cấu thành bởi hai loại vật chất, một loại có bản chất chủ động và tinh anh, loại kia có bản chất thụ động và bất động”,⁽¹⁾ Metcalfe chủ trương giả thuyết cho rằng lực

¹ Làm sao khác hơn được? Vật chất *khả lượng* thô sơ (gross ponderable matter) là thể là lớp vỏ của Vật Chất hay Chất liệu, nguyên khí âm thụ động; còn Vô cực điện là nguyên khí thứ nhì, Sinh khí (Prāna) tức nguyên khí dương chủ động. Trên địa cầu của chúng ta, Chất liệu này là nguyên khí thứ nhì là Hành thất phân (tức Địa); trong khí quyển, nó là Phong tức là thể thô trực vũ trụ; nơi Mặt Trời, nó trở thành *Nhật Thể* (the Solar Body) và nguyên khí Thất Huyền Xạ; trong Không Gian Tinh Đầu (Sidereal Space), nó tương ứng với một nguyên khí khác v.v... Tổng thể chỉ là một Nhất Nguyên đồng chất, còn mọi phần tử đều là biến phân.

mặt trời, tức nhiệt tố là một nguyên khí tự hành. Ông chủ trương là nó đẩy các cấu tử của chính mình, nhưng lại có ái lực với các cấu tử của mọi vật chất khả lượng; nó hút các cấu tử của vật chất khả lượng với các lực tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách. Nó tác dụng *qua* vật chất khả lượng như thế đó. Nếu không gian vũ trụ chỉ chứa đầy nhiệt tố tức lực mặt trời (mà không có vật chất khả lượng), thì nhiệt tố sẽ không hoạt động và sẽ cấu thành một đại dương bao la vô năng hay yên tĩnh, vì bấy giờ chẳng có gì để cho nó tác động lên đó. Trong khi đó, mặc dù bản thân không hoạt động, vật chất khả lượng vẫn có “một vài tính chất nhờ đó biến đổi được và kiểm soát các tác động của nhiệt tố; cả hai đều bị chi phối bởi các lực bất di bất dịch, bắt nguồn từ các quan hệ hỗ tương và các tính chất chuyên biệt của mỗi bên”.

Rồi ông đặt ra định luật mà ông tin tưởng là tuyệt đối; nó được phát biểu như sau:

“Khi nhiệt tố hút vật chất khả lượng, nó kết hợp và qui tụ vạn vật lại; khi nó tự đẩy mình, nó phân cách và làm bành trướng vạn vật”.

Điều này, dĩ nhiên hầu như là lời giải thích huyền bí về sự cố kết. Tiến sĩ Richardson nói tiếp:

Như tôi đã từng nói, hiện nay người ta có khuynh hướng giảng dạy dựa vào giả thuyết cho rằng, nhiệt là chuyển động, hay có lẽ nên phát biểu đó là một lực hoặc một dạng đặc biệt của chuyển động.⁽¹⁾

¹ Hoặc là sự dội lại của *âm thanh trên cảnh giới chúng ta* của cái vốn là chuyển động trường kỳ của Chất liệu đó trên cảnh giới cao. Thế giới và các giác quan của chúng ta bao giờ cũng là nạn nhân của *Hỗ huyền (Mây)*.

250 Tuy nhiên, cho dù được nhiều người ưa chuộng, giả thuyết này cũng không nên được chấp nhận để loại bỏ các quan niệm đơn giản hơn về bản chất vật chất của lực mặt trời và tác dụng của nó nhằm biến đổi tình trạng của vật chất. Chúng ta biết được bao nhiêu mà dám có thái độ giáo điều?⁽¹⁾

Giả thuyết của Metcalfe về lực mặt trời là lực địa cầu chẳng những rất đơn giản, mà còn quá hấp dẫn nữa... Đây là hai yếu tố trong vũ trụ, một yếu tố chính là vật chất khả lượng... Yếu tố thứ nhì là ether thấm nhuần vạn vật, tức lửa mặt trời. Nó không có trọng lượng, chất liệu, sắc tướng (form) hoặc màu sắc; đó là vật chất có thể phân chia mãi mãi, các cấu tử của nó đẩy nhau; nó tinh anh đến nỗi mà chúng ta không có từ ngữ nào (ngoại trừ dĩ thái (3) để diễn đạt nó). ⁽²⁾ Nó thấm nhuần và lấp đầy không gian, nhưng chính nó lại yên nghỉ - chết (dead).⁽³⁾ Chúng ta kết hợp hai yếu tố lại, vật chất tro, ether [?] tự đẩy, thế là vật chất khả lượng đã chết [?] tức khắc linh hoạt lại; [vật chất khả lượng có thể tro tro, nhưng

¹ Điều này là một thú nhận chân thật.

² Song nó không phải là Dĩ Thái (Ether), mà chỉ là một trong các nguyên khí của dĩ thái, chính dĩ thái lại là một trong các nguyên khí của tiên thiên khí (Ākāsha).

³ *Sinh khí* (Nguyên sinh khí) thấm nhuần hết cả cơ thể sống động của con người như thế đó; nhưng nếu chỉ một mình, không có một nguyên tử để tác động lên, nó sẽ yên tĩnh - chết; nghĩa là sẽ ở trạng thái trung hòa, hoặc theo lối nói của Giáo sư Crookes, "bị mắc kẹt trong nguyên hình chất". Chính tác động của Vô cực điện đối với một hợp chất, thậm chí đối với một đơn chất, đã tạo ra cuộc sống. Khi một vật thể chết đi, nó chuyển thành dạng phân cực giống như năng lượng, do đó, trực xuất tác nhân tích cực; khi không còn kiểm soát được tổng thể nữa, tác nhân tích cực đó bám chặt lấy các phân tử tức các phân tử (molecules), đó là tác dụng khoa học. Vishnu, Đấng Bảo Dưỡng (the Preserver), biến thành Rudra-Shiva. Đấng Hủy Diệt (the Destroyer) - đó là một mối tương hệ mà khoa học hình như không biết.

không bao giờ chết – đó là Định luật Huyền bí – H.P.B.)... [Ether, nguyên khí dĩ thái thứ nhì – H.P.B.] thâm nhập qua các cấu tử của vật chất khả lượng; khi thâm nhập như thế, nó phối hợp với cấu tử khả lượng và gộp chúng lại thành khối, kết hợp chúng lại bằng phép nối; rồi chúng lại tan hòa trong ether.

Theo thuyết nêu trên, mọi vật hiện hữu đều dính líu tới sự phân bố chất đặc khả lượng (solid ponderable matter) qua ether. Ether đang thấm nhuần vạn vật. Chính cơ thể con người cũng tích đầy ether (tức tinh tú quang (say astral light) –H.P.B.), các cấu tử li ti của nó được ether kết hợp lại; cây cối cũng như vậy, đất cứng rắn nhất, đá, kim cương, pha lê, kim loại, tất cả đều như vậy cả. Nhưng năng lực nhận lực mặt trời của nhiều loại vật chất khả lượng khác nhau nên việc thay đổi trạng thái vật chất (đặc, lỏng và hơi) tùy thuộc vào điều kiện này. Các vật thể đặc đã hút nhiệt tố nhiều hơn hẳn các vật thể lỏng, vì thế, chúng mới cố kết rắn chắc (firm cohesion) như vậy. khi một phần kẽm nung chảy được đổ lên một phiến kẽm đặc, kẽm nung chảy cũng biến thành đặc vì nhiệt tố đã đổ xô từ kẽm lỏng sang kẽm đặc; do có sự quân bình hóa như vậy, các cấu tử trước kia lỏng lẻo hoặc lỏng, đã kết hợp với nhau một cách chặt chẽ hơn... Nhấn mạnh tới các hiện tượng nêu trên dùng sự đơn nhất nguyên lý tác động để biện minh cho chúng (nguyên lý này đã được giải thích rồi) chính Metcalfe đã tóm tắt luận chứng của mình một cách thật rõ ràng trong một lời bình giải về tỷ trọng của nhiều vật thể khác nhau. Ông cho biết: “Cứng hay mềm, đặc hay lỏng, không phải là các trạng thái bản thể của các vật thể, mà lại tùy thuộc vào tỷ lệ tương đối của vật chất tinh anh và vật chất khả lượng cấu thành chúng. Chất khí đàn hồi nhất có thể được thu về dạng lỏng bằng cách rút nhiệt tố ra, rồi nó có thể lại được chuyển thành một chất đặc rắn chắc; các cấu tử của nó sẽ cố kết với nhau bằng một lực tỷ lệ với độ tăng ái lực nhiệt tố của chúng. Mặt khác, khi thêm đủ một lượng nguyên khí đó vào các kim loại thô đặc nhất, chúng sẽ hút nó ít đi khi chúng bành trướng thành trạng thái hơi và sự cố kết của chúng sẽ biến mất”.

Sau khi đã trích dẫn dài dài các quan điểm *phi chính thống* (*heterodox*) của “kẻ chủ trương dị thuyết” lỗi lạc đó – các quan điểm này thật là chí lý, đó là điều cần thay đổi chút ít
 251 các từ ngữ được dùng đây đó – Tiến sĩ Richardson, nhất định là một nhà tư tưởng độc lập và sáng tạo, đã tổng kết các quan điểm này và trình bày tiếp như sau :

Tôi sẽ không đề cập nhiều tới sự đơn nhất của lực mặt trời và lực của địa cầu này, đó là điều được hàm ý trong thuyết này. Nhưng tôi có thể nói thêm là từ giả thuyết cho rằng lực chỉ là chuyển động mà không cần có chất liệu, chúng ta có thể thu thập được các điều suy diễn (được xem như là gần gũi nhất với sự thật về chủ đề phức tạp và thâm thúy nhất này) như sau:

a. Không gian (liên tinh tú, liên hành tinh, liên vật chất, liên cơ quan) chẳng phải là một chân không, song lại chứa đầy một lưu chất hoặc một chất khí tinh anh, mà chúng ta cưỡng danh ⁽¹⁾ là Aith-ur – Lửa Mặt Trời – Hậu thiên khí (nói theo cổ nhân). Vốn bất hoại, vô hình ⁽²⁾ và có thành phần bất di bất dịch, lưu chất này thấm nhuần vạn vật và mọi vật chất ⁽³⁾ [*khả lượng* (*ponderable*) –H.P.B.], viên đá cuội trong lạch nước đang chảy, cái cây treo lơ lửng, con người dự khán, đều

¹ Thật vậy, trừ phi các tín đồ Do Thái Bí giáo chọn dùng các thuật ngữ huyền bí.

² Chỉ “bất di bất dịch” trong các chu kỳ khai nguyên, sau đó, nó lại hòa lẫn với Hỗn nguyên khí (Mūlaprakriti); có bản thể “vô hình” mãi mãi, nhưng nếu biểu lộ thành ánh quang huy hay phản chiếu, nó lại được các tín đồ Do Thái Bí giáo hiện đại gọi là Tinh Tú Quang (the Astral Light). Thế nhưng, có các thực thể cao cả và hữu thức vẫn ngự và hoạt động trong bản chất này.

³ Người ta phải thêm tính từ (tính từ) khả lượng để phân biệt nó với chất Dĩ Thái vốn cũng là vật chất, mặc dù là lớp nền móng (substratum).

được tích đầy ether ở nhiều cấp độ khác nhau; viên đá cuội chứa ít hơn cái cây, cái cây chứa ít hơn con người. Mọi vật trên hành tinh đều tích đầy ether như vậy đó ! Thế giới được dựng nên trong lưu chất ether và vận chuyển qua một biểu ether.

b. Dù có bản chất ra sao đi nữa, ether cũng xuất phát từ mặt trời và từ các mặt trời (1): chúng sản sinh ra nó, tích lũy nó và phân phối nó. (2)

c. Không có ether, không thể có chuyển động được : không có nó các cấu tử của vật chất khả lượng không thể trượt lên nhau được, không thể có xung lực kích thích các cấu tử này hoạt động.

d. Ether xác định cấu tạo của các vật thể. Nếu không có ether, chất liệu không thể thay đổi cấu tạo được. Chẳng hạn như nước chỉ có thể tồn tại như một chất liệu, rắn chắc và không thể hòa tan được một cách bất khả tư nghị. Nó chẳng bao giờ có thể là nước đá, nước lỏng, hơi nước (trừ ether ra).

¹ Huyền bí học phát biểu ngược lại và cho rằng chính Mặt Trời và mọi Mặt Trời mới xuất phát từ nó; nó được *Mặt Trời Trung Ương* xạ ra vào lúc bắt đầu chu kỳ khai nguyên.

² Ở đây, chúng tôi xin cố ý trình bày khác với các học giả quý tộc. Chúng ta nên nhớ rằng Hậu thiên khí này (Aether) – hoặc là Tiên thiên khí (Ākāsha), hoặc là nguyên khí thấp của nó tức là Dĩ Thái – gồm có bảy phần. Theo ẩn dụ Tiên thiên khí chính là Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi), mẹ của Mārtanda (Thái Dương), Devamātri, Mẹ của chư Thiên. Trong Thái Dương Hệ, Mặt Trời là Tuệ Giác (Buddhi) và *Hiện Thể* (Vāhan) của nó, do đó là nguyên khí thứ sáu; trong Càn Khôn, tất cả các Mặt Trời đều là Cảm dục thể (the Kāma Rūpa) của Tiên thiên khí, Mặt Trời của chúng ta cũng vậy. Chỉ khi nào được xem là một Thực Thể cá biệt trong Địa hạt của riêng mình thì Surya (Thái Dương) mới là nguyên khí thứ bảy của đại thể *vật chất*.

e. Ether liên kết mặt trời với hành tinh, hành tinh với hành tinh, con người với con người. Nếu không có ether, không thể có sự liên giao trong Vũ Trụ; không có ánh sáng, không có nhiệt, không có hiện tượng chuyển động.

Như thế, chúng ta thấy rằng theo quan niệm *máy móc* (*mechanical*) qui ước về Vũ Trụ, Ether và các nguyên tử *đàn hồi* là Tinh Thần và Linh Hồn của Càn Khôn. Ngoài ra, dù được trình bày ra sao và được nguy trang thế nào đi nữa, thuyết này luôn luôn bỏ ngỏ vấn đề này cho các nhà khoa học rộng
252 đường suy lý vượt quá mức Chủ nghĩa duy vật hiện đại ⁽¹⁾ mà đa số chấp nhận. Các suy lý hiện đại về Nguyên tử, Dĩ thái hoặc cả hai, không thể nào thoát khỏi phạm vi tư tưởng cổ truyền; thế mà tư tưởng cổ truyền lại thấm nhuần Huyền bí học cổ sơ. Thuyết sóng ánh sáng hay thuyết hạt ánh sáng thì cũng như nhau thôi. Đó là sự suy lý theo các khía cạnh của hiện tượng, chứ không phải là do hiểu biết về bản thể của

¹ Đúng hơn, chúng ta nên gọi nó là thuyết bất khả tri. Thô tục nhưng thành thật, Chủ nghĩa duy vật còn trung thực hơn thuyết bất khả tri giả dối ngày nay. Cái gọi là *Nhất nguyên luận* của Tây phương (*Western Monism*) chỉ là cái trò giả nhân giả nghĩa (Pecksniff) của Triết học hiện đại, quay bộ mặt đạo đức giả (a pharisaical face) về phía Tâm lý học và Chủ nghĩa duy tâm, rồi quay bộ mặt tự nhiên “phồng mang trợn mắt” (swelling his cheek with his tongue) của tên Thầy bói La Mã (Roman Augur) về phía Chủ nghĩa duy vật. Các nhà nhất nguyên luận như thế còn tồi tệ hơn các nhà Duy vật; vì trong khi cũng xét về Vũ Trụ và con người tâm linh-tinh thần theo một quan điểm tiêu cực, các nhà Duy vật còn trình bày vô lý hơn nhiều so với các kẻ theo thuyết hoài nghi của Giáo sư Tyndall, thậm chí cả Giáo sư Huxley nữa, Herbert Spencer, Bain và Lewes còn nguy hiểm cho các chân lý đại đồng vũ trụ hơn cả Buchner nữa.

nguyên nhân và các nguyên nhân. Khi khoa học đã giải thích cho thính giả các thành tựu mới nhất của Bunsen và Kirchoff; khi nó trình bày trên một màn ảnh bảy màu sắc được phân giải theo một trật tự nhất định từ màu sắc “bản sơ” (“primary”) của một tia sáng; khi nó đã lần lượt mô tả các bước sóng (độ dài sóng) ánh sáng, thì nó đã chứng tỏ được điều gì? Nó đã tỏ ra “danh bất hư truyền” (reputation) về mặt *chính xác* toán học khi đo được cả bước sóng ánh sáng – “biến thiên từ khoảng bảy trăm sáu mươi phần triệu của một millimetre ở cực đỏ của quang phổ cho tới khoảng ba trăm chín mươi ba phần triệu của một millimetre ở cực tím”. Nhưng khi đã biện hộ như vậy cho sự chính xác của phép tính liên quan tới *tác dụng* đối với sóng ánh sáng, khoa học đã bắt buộc phải nhìn nhận rằng người ta tin là *lực*, vốn chính là *nguyên nhân giả định* (the supposed cause), đã tạo ra các “ba động vô cùng nhỏ” trong một môi trường nào đó – “thường được gọi như là đồng nhất với môi trường ether”⁽¹⁾ – thế mà chính môi trường đó lại chỉ là một “tác nhân theo giả thuyết”! Ba mươi năm sau, Kirchoff đã không còn tin tưởng vào thái độ bi quan của Aguste Comte và khả năng biết được cấu tạo hóa học của Mặt Trời vào một ngày kia, điều này đã được chứng minh. Kính quang phổ đã giúp chúng ta thấy rằng các nguyên tố quen thuộc với hóa học hiện đại, *ắt phải* tồn tại trong các “lớp vỏ” bên ngoài Mặt trời (*chứ không phải là trong chính Mặt Trời*). Bởi vì tưởng lầm rằng các lớp vỏ này (bức màn vũ trụ che mặt trời) là chính Mặt Trời nên các nhà vật lý mới tuyên bố rằng nó sáng chói là do *lửa cháy*, họ còn lầm lẫn nguyên sinh khí của mặt trời với một vật thuần túy *vật chất*

¹ Sinh Hoạt Thế Giới của Giáo sư Winchell.

mà họ gọi là “sắc cầu” (“chromosphere”).⁽¹⁾ Đến nay, chúng ta chỉ có các giả thuyết và lý thuyết chứ tuyệt nhiên không hề có một định luật.

¹ Xem Năm năm Minh Triết Thiêng Liêng, trang 245 – 262 – các bài: “Các Cao đồ có chôi bỏ Thuyết Tinh Vân không?” và “Mặt Trời có phải chỉ là một Khối đang nguội đi không?” – để có được Giáo lý Huyền bí chân chính.

TIẾT 7

SỰ SỐNG, LỰC HAY TRỌNG LỰC (LIFE, FORCE OR GRAVITY)

CÁC lưu chất khả lượng nay đã hết thời, người ta đã ít nói tới “các lực cơ học” (“mechanical Forces”); khoa học đã khoác lấy một bộ mặt mới trong phần tư cuối thế kỷ này; nhưng lực hấp dẫn vẫn tồn tại, nhờ sự cứu chữa của các phép phối hợp mới mẻ sau khi các phép phối hợp cũ hầu như đã giết chết nó. Nó có thể đáp ứng thỏa đáng các giả thuyết khoa học, nhưng vấn đề đặt ra là liệu những giải đáp của nó có đúng với sự thật và có tiêu biểu cho một sự kiện trong thiên nhiên hay không? Bản thân hấp lực còn *chưa đủ* để giải thích các chuyển động hành tinh nữa; thế thì làm sao nó có thể tự cho là mình giải thích được chuyển động quay trong không gian vô tận ? Một mình hấp lực thôi sẽ chẳng bao giờ lấp đầy được mọi khoảng trống, trừ phi người ta thừa nhận là mọi thiên thể đều được ban cho một xung lực đặc biệt và chúng tỏ được là mọi hành tinh với các vệ tinh quay được đều do *một nguyên nhân* nào đó phối hợp với hấp lực. Theo một nhà thiên văn học, ⁽¹⁾ bấy giờ, khoa học phải đặt cho nguyên nhân đó một tên gọi.

Từ lâu rồi, Huyền bí học đã mệnh danh nó, tất cả các triết gia thời xưa cũng đều làm như thế cả; nhưng rồi hiện nay đã bị tiêu tan vì người ta tuyên bố rằng mọi tín ngưỡng

¹ Vật lý học, mục 142.

như thế đều là các điều mê tín dị đoan (proclaimed exploded superstitions). Thần linh “ngoại vũ trụ” (“extra-cosmic”) đã làm tiêu tan hết khả năng tin tưởng vào các Lực thông tuệ *nội* vũ trụ; thế nhưng ai hoặc cái gì thoát tiên đã *thúc đẩy* chuyển động đó ? Francoeur cho rằng : ⁽¹⁾

Khi chúng ta đã biết được các nguyên nhân thúc đẩy duy nhất và chuyên biệt, chúng ta sẽ sẵn sàng phối hợp nó với nguyên nhân hút.

Lực hút giữa các thiên thể chỉ là lực đẩy: chính mặt trời đã không ngừng đẩy chúng tiến tới; vì nếu không như thế, chuyển động của chúng sẽ ngừng lại.

Nếu người ta chấp nhận thuyết cho rằng Lực mặt Trời (the Sun-Force) là nguyên nhân bản sơ của mọi sự sống trên trần thế và mọi chuyển động trên trời, và nếu người ta chấp nhận giả thuyết còn táo bạo hơn nữa của Herschel về một vài cơ cấu trong Mặt Trời, thì bấy giờ giáo lý của chúng ta sẽ được biện minh và ẩn dụ Nội môn có lẽ sẽ tỏ ra là đã tiên liệu được trước khoa học hiện đại hàng triệu năm, vì đó chính là các Giáo lý Cổ sơ (the Archaic Teachings). Mãrtanda (Thái Dương) trông chừng và đe dọa bảy huynh đệ mình (các hành tinh) song không hề bỏ vị trí trung ương mà Mẹ y (Tiên Thiên Huyền Nữ - Aditi) đã xếp y vào. Phần giảng lý ⁽²⁾ dạy như sau:

Y theo đuổi chúng, tự quay chậm chậm... đi theo ở xa xa hướng mà các huynh đệ y di chuyển trên con đường bao quanh nhà của chúng – hay là quỹ đạo.

Chính các lưu chất Mặt Trời tức các bức xạ Thái Dương (Emanations) đã truyền chuyển động cho vạn vật và khơi

¹ Thiên văn học, trang 342.

² Giảng lý về ĐOẠN KINH 4, ở phía trước, Quyển I, trang 162.

hoạt chúng trong Thái Dương Hệ (the Solar System). Đó là sức hút và sức đẩy (nhưng chúng không tuân theo luật trọng lực, do đó không giống như quan niệm của vật lý học hiện đại) phù hợp với *luật Chuyển động của Chu kỳ Khai Nguyên* đã được hoạch định từ lúc khởi đầu (*Sandhyā*) tái thiết và tái tạo Thái Dương Hệ. Các luật này thật là bất di bất dịch; nhưng chuyển động của mọi vật thể - chuyển động này rất khác nhau và thay đổi tùy theo mọi Thiên Kiếp *nhỏ* (*minor Kalpa*) – đều được điều chỉnh bởi các *Đấng Tác Động* (*the Movers*), các *Đấng Thông Tuệ* (*the Intelligence*) bên trong Đại Hồn Vũ Trụ (*the Cosmic Soul*). Chúng ta có tin chắc vào các điều này không? Được rồi, sau đây là một nhà khoa học xuất chúng hiện đại bàn về điện sinh lực (*vital electricity*) với những lời lẽ còn gần gũi với Huyền bí học hơn là nhà Duy vật hiện đại tưởng. Xin độc giả nào thích hoài nghi hãy tham khảo một bài về “Nguồn gốc của Nhiệt Mặt Trời” của Robert Hunt, Hội viên Hội Hoàng Gia. ⁽¹⁾ Đề cập tới lớp vỏ sáng bao quanh mặt trời cùng với dáng vẻ đặc biệt trắng như sữa của nó, ông cho rằng:

Arago đề nghị nên gọi lớp vỏ này là Quang cầu (*the Photosphere*), danh xưng này nay đã được mọi người chấp nhận. Herschel anh (*the elder Herschel*) có so sánh bề mặt của quang cầu này với con ốc xà cừ (*mother-of-pearl*)... Nó giống như mặt đại dương vào một buổi trưa hè êm ả, có sóng gợn lăn tăn khi gió hiu hiu thổi... Ông Nasmyth đã phát hiện một tình trạng đáng lưu ý hơn bất kỳ tình trạng nào đã được ngờ trước đây... các dạng đặc biệt có dạng thấu kính ... giống như “lá liễu” (*“willow leaves”*)... có kích thước khác nhau ... sắp xếp lộn xộn chẳng theo một thứ tự nào cả... giao nhau theo mọi hướng... với một chuyển động không

¹ Tạp chí Khoa Học Phổ Thông. Quyển iv, trang 148.

đều... Người ta thấy chúng đến gần nhau rồi lại lui ra xa; đôi khi chúng chiếm lấy một vị trí mới ở góc khiến cho chúng có vẻ giống như một đàn cá dày đặc (thật vậy, hình dáng chúng rất giống như thế)... Kích thước của các vật này gợi cho chúng ta ý niệm về qui mô lớn lao của việc tiến hành các tác động vật lý (?) trong mặt trời. Chúng dài ít nhất là 1 000 dặm, rộng ít nhất là 200 đến 300 dặm. Chúng ta có thể phỏng đoán về các vật giống như hình lá hoặc là thấu kính đó như sau: quang cầu ⁽¹⁾ là một đại dương chất hơi (ocean of gaseous matter) [loại “vật chất” nào thế nhỉ?] ... bao la ở một trạng thái cháy đỏ rực [biểu kiến], chúng là các hình chiếu phối cảnh của các dải lửa đó (the sheets of flame).

Huyền bí học dạy rằng nhìn qua kính viễn vọng, các “ngọn lửa” mặt trời chỉ là các phản ánh. Nhưng độc giả đã thấy các nhà Huyền bí học phải nói như thế nào về điều này.

Dù cho các dải lửa này có là gì đi nữa, hiển nhiên chúng vẫn là nguồn trực tiếp của nhiệt và ánh sáng mặt trời. Ở đây chúng ta có một lớp vỏ bao quanh vật chất phát quang, ⁽²⁾ dao động với các năng lượng mãnh liệt; nó tạo ra nhiệt và ánh sáng truyền chuyển động cho môi trường ether trong không gian tinh dầu. Chúng tôi đã bảo rằng có thể so sánh các hình hài này với một vài cơ cấu. 255 Herschel còn cho rằng: “Mặc dù thật là quá táo bạo nếu coi các tổ chức như vậy là tham dự vào sự sống [tại sao lại không như vậy?], ⁽³⁾ song chúng ta biết chắc rằng tác dụng sinh lực đó có đủ năng lực phát triển được nhiệt, ánh sáng và điện” ... Cái tư tưởng kỳ diệu đó có thể nào đúng với chân lý không? Liệu sự thoi thóp rộn ràng của

¹ Người ta sẽ thấy là cả *khôil trung ương* nữa hay đúng hơn là trung tâm phản chiếu.

² “Vật chất” này cũng giống như hình phản ánh trong một chiếc gương của ngọn lửa xuất phát từ một chiếc bắc đèn phát ra ánh sáng.

³ Xem Năm năm Minh Triết Thiêng Liêng, trang 258 [Ấn bản 1 885] sẽ có lời giải đáp suy lý này của Herschel.

sinh chất trong mặt trời trung ương của thái dương hệ chúng ta có phải là cội nguồn của mọi sự sống đầy dẫy trên trái đất và chắc chắn là lan rộng ra các hành tinh khác (mà mặt trời là vị đặc sứ đầy quyền lực) chẳng ?

Huyền bí học đã xác nhận các nghi vấn này, một ngày kia khoa học cũng sẽ nối gót Huyền bí học thôi.

Ông Hunt lại cho rằng:

Nhưng nếu xem Sự Sống – Sinh Lực (vital Force) – là một quyền năng cao siêu hơn cả ánh sáng, nhiệt hay điện và thật sự có thể kiểm chế hết được chúng [điều này hoàn toàn có tính cách huyền bí]... thì chắc chắn là chúng ta sẽ có khuynh hướng thỏa mãn (satisfaction) khi xem xét điều suy lý giả sử rằng quang cầu (photosphere) là vị trí ưu tiên của sinh lực cũng như cái giả thuyết qui các năng lượng mặt trời cho Sự Sống. ⁽¹⁾

Như thế, khoa học đã bổ chứng một điểm quan trọng cho một trong các giáo điều căn bản của chúng ta; đó là (a) Mặt Trời là kho chứa Sinh Lực, đó vốn là Thực tượng của Điện; và (b) Từ trong cõi lòng thâm u, khôn dò của nó (its mysterious, never-to-be-fathomed depths) có xạ ra các luồng sinh lực rung lên qua Không gian và qua cơ thể của mọi sinh linh trên Trần Thế. Chúng ta hãy thử xem một y sĩ lỗi lạc khác (ông gọi lưu chất sinh lực này là Ether Thần kinh) trình bày ra sao đây. Chỉ cần thay đổi một ít câu trong bài được trích ra sau đây là bạn sẽ có được một bộ *Đại luận hầu như Huyền bí* khác (another quasi-Occult treatise) về Sinh Lực. Chính Bác sĩ B.W. Richasdon (Hội viên Hội Hoàng Gia) lại trình bày quan điểm như sau về “Ether Thần Kinh”

¹ Tạp chí Khoa Học Phổ Thông, Quyển iv, trang 156.

(“Nervous Ether”) sau khi đã trình bày về “Lực Mặt Trời” (“Sun-Force”) và “Lực Địa Cầu” (“Earth-Force”):

Thuyết này chủ trương rằng giữa các phân tử của vật chất (chất đặc hay lưu chất) cấu thành các cơ cấu thần kinh và thực ra là cấu thành mọi bộ phận hữu cơ của cơ thể, có tồn tại một môi trường tinh anh, ở dạng hơi, nó giữ các phân tử ở trong tình trạng chuyển động đối với nhau, đồng thời sắp xếp lại hình hài sắc tướng. Đó là một môi trường truyền đạt mọi chuyển động; nó giúp cho một cơ quan hoặc một bộ của cơ thể liên giao với các bộ phận khác, nó giúp cho con người sống động liên giao với ngoại giới linh động. Đó là một môi trường mà nếu hiện diện, nó sẽ khiến cho các hiện tượng sinh hoạt có thể biểu lộ được, còn nếu không hiện diện, nói chung, nó sẽ để cho cơ thể chết thực sự.

Và toàn thể Thái Dương Hệ sẽ bước vào Chu kỳ Hỗn Nguyên (Pralaya) – lẽ ra tác giả phải nói thêm như vậy. Song chúng ta hãy đọc tiếp xem sao:

Tôi dùng từ ngữ ether với nghĩa tổng quát là một chất nhẹ, ở dạng hơi; tóm lại, tôi dùng từ này theo nghĩa thiên văn học, tức là ether không gian, một môi trường tinh anh song vẫn là vật chất... Khi đề cập tới một ether thần kinh (nervous ether), tôi không có ý cho rằng ether chỉ tồn tại trong cấu trúc thần kinh không thôi; tôi tin chắc rằng đó là một bộ phận đặc biệt của cơ cấu thần kinh. Tuy nhiên, vì dây thần kinh thâm nhập vào trong mọi cấu trúc có thể vận động và cảm giác được, nên ether thần kinh cũng thâm nhập vào mọi bộ phận như thế. Theo quan điểm của tôi, vì ether thần kinh là một sản phẩm trực tiếp của máu, nên chúng ta có thể xem nó như là một phân bầu khí quyển của máu ... Có các bằng chứng làm cho mọi người tin chắc vào sự tồn tại của một môi trường đàn hồi thấm nhuần vật chất thần kinh (the nervous matter) và có thể bị áp lực đơn tác dụng vào... Trong cơ cấu thần kinh, chắc chắn là có một lưu chất thần kinh chân chính (các bậc tiền bối của chúng ta đã

dạy như vậy).⁽¹⁾ Người ta chưa biết rõ thành phần hóa học (?) chính xác ⁽²⁾ của lưu chất này; người ta cũng mới chỉ nghiên cứu chút ít được các đặc tính vật lý của nó. Chúng ta chẳng biết liệu nó có di chuyển thành dòng hoặc chu lưu hay không; liệu nó có tạo ra ở các trung tâm và chuyển từ đó tới các dây thần kinh hay nó thành hình ở bất cứ nơi nào mà máu nhập vào dây thần kinh. Do đó, chúng ta không biết chính xác được lưu chất đó dùng để làm gì. Tuy nhiên, tôi chợt nghĩ rằng chính lưu chất thần kinh này thật sự không đủ để tác dụng như là một môi trường tinh anh nổi lên ngoại giới với nội giới của con người và con thú. Tôi nghĩ rằng đây là điều cải cách mà tôi xin gợi ý cho lý thuyết cũ, phải có một dạng vật chất khác hiện diện trong khi có sự sống. Đó là một chất tồn tại ở trạng thái hơi, thấm nhuần toàn bộ cơ cấu thần kinh, bao quanh mỗi phân tử như là một lớp khí quyển, ⁽³⁾ và là môi trường của mọi chuyển động, truyền tới các trung khu thần kinh và từ đó phát đi... Một khi chúng ta thoáng thấy được rằng lúc sinh tiền, trong cơ thể của động vật có một dạng vật chất phân tán tinh tế, một thể hơi lấp đầy mọi bộ phận – thậm chí còn được tích trữ trong một vài bộ phận; đó là một chất luôn luôn được cơ cấu sinh hóa học canh tân lại mãi; đó là một chất cũng dễ vận dụng như là hơi thở, sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của mình – thì đúng là một luồng ánh sáng mới tràn ngập qua tâm (a new flood of light breaks on the intelligence). ⁽⁴⁾

Chắc chắn là ánh sáng chân lý đã tràn ngập minh triết của những tín đồ Huyền bí học cổ truyền và trung cổ. Cách đây hơn ba trăm năm, vào thế kỷ mười sáu, Paracelsus cũng trình bày điều đó như sau:

¹ Chẳng hạn như Paracelsus đã gọi nó là *Liuor Vitae* và *Archaeus*.

² Đúng hơn là thành phần *Luyện kim đan*.

³ Trong *Paragranum*, Paracelsus dạy như sau: “Sinh lực này... tỏa ra xung quanh người giống như là một hình cầu rực rỡ”.

⁴ Tập chí Khoa Học Phổ Thông, Quyển x, trang 380 – 383.

Toàn bộ Tiểu Thiên Địa (Microcosm) được chứa đựng tiềm tàng trong Sinh Thủy (Liquor Vitae) đó là một lưu chất thần kinh ... bao hàm bản chất, tính chất, đặc tính và bản thể của vạn vật. ⁽¹⁾

Archaeus (Thái Cổ) là một tinh chất được phân bố đều trong mọi bộ phận của cơ thể con người... Tinh Thần Linh Hoạt (Spiritus Vitae) bắt nguồn từ Tinh Thần Vũ Trụ (Spiritual Mundi). Vốn là một phần thân của tinh thần vũ trụ, nó bao hàm các yếu tố của mọi tác dụng vũ trụ; do đó, nó là nguyên nhân giúp chúng ta giải thích được tác dụng của các vì sao [lực vũ trụ] đối với thể vô hình của con người [Dĩ Thái thể: Linga Sharira].⁽²⁾

Nếu bác sĩ Richardson mà nghiên cứu mọi tác phẩm huyền bí của Paracelsus, ông đã chẳng bắt buộc phải luôn thường thú nhận là “chúng tôi không biết” v.v... Nếu thế, ông đã chẳng viết ra câu sau đây, nó chối bỏ các phần việc hay nhất của các công trình tái khám phá độc lập của ông.

Người ta có thể nhấn mạnh là đường lối tư tưởng này chẳng bao hàm gì khác hơn là thuyết về sự tồn tại của ether.. được giả sử là thẩm nhuận không gian. Người ta có thể bảo là ether vũ trụ thẩm nhuận mọi cơ thể động vật từ bên ngoài cũng như là phần tử của mọi tổ chức. Người ta sẽ thấy rằng quan điểm chính là thuyết Phiếm thần (Pantheism) xét về mặt vật chất, nếu nó đúng với sự thật [!!!] Nó chẳng thể nào đúng được vì nó sẽ tiêu diệt hết cá tính của mọi giác quan cá biệt.⁽³⁾

Chúng ta không thể thấy được điều đó, chúng ta *biết rằng* nó sẽ không phải như vậy. Người ta *có thể* tìm được thuyết Phiếm Thần “xét về mặt vật chất”. Xưa kia, mọi người đều biết tới và trông thấy và cảm thấy nó. Thuyết Phiếm Thần biểu lộ nơi sự bành trướng vô tận của vòm trời lấp lánh

¹ De Generatione Hominis.

² De Viribus Menbrorum. Xem Cuộc đời của Paracelsus của Pranz Hartman, Bác sĩ Y khoa, Hội viên Hội Thần Triết.

³ Tạp chí Khoa Học Phổ Thông, phần đã dẫn, trang 384.

ánh sao, nơi hơi thở nồng nàn của đại dương xanh ngắt, nơi nhịp sống rộn ràng của cộng cỏ li ti. Triết học bác bỏ Thượng Đế *hữu hạn* và *bất toàn* trong vũ trụ, tức thần linh nhân hình của các tín đồ Độc Thần. Nhân danh Minh Triết Thiêng Liêng, nó bác bỏ ý kiến quái gở cho rằng Thượng Đế *Tuyệt Đối* phải (hay đúng hơn là *có thể*) có một liên hệ trực tiếp hay gián tiếp nào đó với các cuộc tiến hóa hão huyền hữu hạn của Vật Chất. Do đó, nó không sao tưởng tượng được một vũ trụ *bên ngoài* Thượng Đế đó, tức là không có mặt Thượng Đế đó trong hạt vi trần của Chất linh hoạt hay vô tri giác (the smallest speck of animate or inanimate Substance). Điều này không có nghĩa là mọi bụi rậm, cây cỏ, đất đá đều là Thần Linh (God) hay *một* Thần Linh (a God); nó chỉ có nghĩa là mọi hạt vi trần (speck) vật liệu của Càn Khôn biểu lộ đều thuộc về và là Chất liệu của Thượng Đế, cho dù nó đã chìm sâu đến đâu đi nữa khi tuần hoàn chu chuyển qua mọi Thời kỳ biến dịch Vô Tận (the Eternities of the Ever-Becoming). Nó cũng có nghĩa là mọi hạt vi trần đó nói riêng, và Càn Khôn nói chung, đều là một trạng thái nhắc chúng ta nhớ tới *Đại Hồn Vũ Trụ Duy Nhất* (universal One Soul) (Triết học không chịu gọi nó là Thượng Đế, vì như thế là giới hạn cội nguồn và bản thể vĩnh cửu, hằng hữu).

Tại sao Ether Không gian hay “Ether Thần kinh” lại “tiêu diệt (destroy) hết cá tính của mọi giác quan”; điều này dường như là khó hiểu đối với kẻ nào đã quen thuộc với chân tướng của “Ether Thần kinh” đó với danh xưng Nội môn Bí giáo Do Thái. Bác sĩ Richardson đồng ý là:

Nếu cá nhân chúng ta không tạo ra môi trường liên giao giữa chính chúng ta và ngoại giới, nếu nó được tạo ra từ bên ngoài và được thích ứng với chỉ một loại rung độngthời, thì chúng ta sẽ cần ít giác quan hơn số lượng hiện có. Ấy là vì – chỉ lấy hai thí dụ minh

họa thôi: ether ánh sáng không thích ứng với âm thanh, thế mà chúng ta vẫn nghe cũng như là thấy; không khí (môi trường chuyển động của âm thanh) chẳng phải là môi trường của ánh sáng, thế mà chúng ta vẫn thấy cũng như là nghe.

Không phải như thế. Ý kiến cho rằng thuyết Phiếm Thần “không thể không đúng sự thật được vì nó sẽ dẹp hết cá tính của mọi giác quan cá biệt” chứng tỏ rằng mọi kết luận của vị bác sĩ tài ba đó đều được dựa vào các thuyết vật lý hiện đại, mặc dù ông rất sẵn lòng sửa chúng lại. Nhưng ông sẽ thấy là không thể làm điều đó được nếu ông không để cho các giác quan tinh thần thay thế các giác quan vật chất đang dần dần teo tóp lại (atrophy). Dĩ nhiên, Bác sĩ Richardson sẽ cho rằng: “Chúng ta thấy và nghe” phù hợp với các lời giải thích về hiện tượng thấy và nghe do Khoa học Duy vật cung cấp; nó cứ qui định là chúng ta không được thấy và nghe khác hơn. Các nhà Huyền bí học và huyền học (mystics) còn biết rõ hơn.

258 Các tín đồ kinh Vedas người Ấryans cũng quen thuộc với các bí nhiệm (mysteries) của âm thanh và màu sắc trên cảnh giới hồng trần chẳng khác gì các nhà sinh lý học, song họ còn quán thông được bí mật (secrets) của cả hai thứ đó trên các cảnh giới mà các nhà Duy vật không tài nào đạt tới được. Họ biết được một tập hợp giác quan lưỡng phân tinh thần và vật chất. Nếu một người bị khiếm khuyết một vài giác quan, thì các giác quan còn lại của y sẽ phát triển nhiều hơn. Chẳng hạn như người mù sẽ bù đắp lại thị giác của mình bằng xúc giác, thính giác v.v... còn người điếc sẽ có thể *nghe thấy* bằng thị giác khi nhìn các lời nói được phát ra qua môi, miệng của kẻ nói. Nhưng đó vẫn còn là các trường hợp thuộc về thế giới Vật Chất. Các giác quan tinh thần (các giác quan tác động trên một cảnh giới cao của tâm thức) đã bị sinh lý học bác bỏ một cách *tiền nghiệm*, vì sinh lý học (physiology) chẳng biết gì

về khoa Huyền bí học. Nó giới hạn các tác dụng của Dĩ Thái vào các rung động và tách rời nó khỏi không khí – mặc dù không khí chỉ là dĩ thái phức tạp và biến phân – khiến cho nó có chức năng phù hợp với các thuyết đặc biệt của nhà sinh lý học. Nhưng trong giáo lý Áo Nghĩa Thư (khi chúng ta hiểu chúng thật chính xác) còn có nhiều khoa học thực sự hơn mức các nhà Đông phương học, vốn không hiểu một chút gì cả, sẵn sàng thừa nhận. Trong bộ kinh Vedas, nhất là trong *Anugītā*, đều có giải thích và định nghĩa rõ rệt các *tương hệ vật chất cũng như là trí tuệ của bảy giác quan* – bảy giác quan trên cảnh hồng trần và bảy giác quan trên cảnh trí tuệ như sau:

Bất hoại và hữu hoại, đó là biểu lộ lưỡng phân của Bản Ngã. Trong đó, cái bất hoại vẫn hằng hữu [chân tướng của Bản Ngã, các nguyên khí căn bản]; khi biểu lộ như là một (thực thể) cá biệt, nó được gọi là hữu hoại.⁽¹⁾

Vì thế, bậc ẩn sĩ trong *Anugītā* cũng dạy như sau:

[Bất cứ kẻ nào được sinh ra hai lần (được điểm đạo) đều biết rằng đó là giáo lý của cổ nhân]...Không gian và thực thể bản sơ... Nay Không gian [Tiên thiên khí (Ākāśha), tức Thực Tượng (Noumenon) của Dĩ Thái] có một tính chất... người ta vạch rõ rằng đó chỉ là âm thanh thôi ... [và] các tính chất âm thanh [là] Shaja, Rishabha, cùng với Gāndharā, Madhyama, Panchama; ngoài ra [chúng ta nên biết rằng] còn có Nishāda và Dhaivata [âm giai Ấn Độ (the Hindu gamut)].⁽²⁾

Bảy nốt này của âm giai là các nguyên khí của âm thanh. Các tính chất của mọi Hành cũng như là của mọi giác quan, đều gồm có bảy phần; thật là độc đoán nếu cứ phán đoán chúng rồi lại giáo điều hóa chúng khi chúng biểu lộ trên

¹ Bản dịch của K.T. Telang, Thánh Kinh Đông Phương, Quyển viii, chương xiii, trang 292.

² Như trên, chương xxxv, trang 384 – 385.

cảnh giới vật chất hay ngoại giới. Ấy là vì, chỉ khi nào CHON NGÃ (SELF) giải thoát khỏi bảy nguyên nhân hão huyền thì chúng ta mới quán triệt được Minh triết Bí nhiệm (Secret Wisdom) về các tính chất của các đối tượng giác quan trên cảnh giới biểu lộ lưỡng phân: hữu hình và vô hình. Vì thế người ta dạy rằng:

259 Hãy nghe tôi... tuyên bố bí nhiệm kỳ diệu này ... cũng như là xác định rõ ràng các nguyên nhân này. Chúng ta phải hiểu rằng bảy (giác quan) – nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, trí [giác quan thứ sáu] và huệ⁽¹⁾ đều là các nguyên nhân (sự hiểu biết được) các tính chất. Mũi, vị, màu sắc, âm thanh và xúc giác (đối tượng thứ năm), đối tượng của thao tác trí tuệ và đối tượng tuệ giác (giác quan hay tri giác tinh thần cao siêu hơn), bảy thứ này là các nguyên nhân của hành động. Kê ngủi, ăn, trông thấy, nói và nghe (tri giác thứ năm) suy nghĩ và quán triệt, chúng ta phải hiểu rằng bảy thứ trên đều là các nguyên nhân của tác nhân. Các tác nhân này có các tính chất (hòa,

¹ Từ xưa, người ta đã phân loại năm giác quan. Nhưng khi chấp nhận con số năm, chẳng triết gia hiện đại nào đã tự hỏi làm thế nào mà các giác quan này có thể tồn tại được (nghĩa là được tri giác và sử dụng một cách hữu ngã thức) nếu không có giác quan *thứ sáu* (trí giác) ghi nhận chúng. Ngoài ra, đối với các nhà siêu hình học và các nhà Huyền bí học, còn có GIÁC QUAN THỨ BẢY để bảo tồn thành quả và ký ức tinh thần của chúng, chẳng hạn như một Sổ Bộ Đời liên quan đến Nghiệp quả (a Book of Life which belongs to Karma). Cổ nhân phân loại năm giác quan, chỉ vì các đạo sư của họ (các Đạo đồ) đã dừng lại ở thính giác (với tư cách là các giác quan phát triển trên cảnh giới hồng trần, hay đúng hơn là bị giới hạn vào cảnh giới này) chỉ mới vào lúc khởi thủy của Giống dân thứ Năm. Giống dân thứ Tư đã bắt đầu mất trạng thái tinh thần, vốn đã được tích cực phát triển biết bao trong Giống dân thứ Ba.

tịnh, động) cũng như là thường thức các tính chất dễ chịu và khó chịu của riêng mình. ⁽¹⁾

Không hiểu được ý nghĩa tinh tế mà các nhà chú giải cổ văn dùng, các nhà bình giải hiện đại đã xem như câu “các nguyên nhân của tác nhân” có nghĩa là “các năng lực ngữi v.v... khi được gán cho Bản Ngã (Self), khiến cho y hình như là một tác nhân, một nguyên khí tác động” (!), điều này thật là hoàn toàn tưởng tượng. Chúng ta phải hiểu “bảy thứ này” là các nguyên nhân của các tác nhân, vì “các đối tượng là các nguyên nhân, vì sự thường thức chúng tạo ra một ấn tượng”. Xét về mặt nội môn, nó có nghĩa là bảy giác quan này được *tạo ra bởi các tác nhân* vốn là “chư thần linh”, vì nếu không thế, thì câu sau đây có thể ắt phải có nghĩa như thế nào ? Người ta bảo rằng: “Như thế bảy [giác quan] này là các nguyên nhân giải thoát” – nghĩa là khi chúng ta làm cho các nguyên nhân này trở thành vô hiệu quả. Lại nữa câu: “trong số các học giả [các Đạo đồ minh triết] quán thông được vạn vật, các đức tính có *địa vị* [có bản chất thì đúng hơn] *của chư thần linh*, mỗi thứ có vị trí của riêng mình” v.v... chỉ có nghĩa là “các học giả đã quán thông được bản chất của *thực tượng* của nhiều hiện tượng khác nhau”. Trong trường hợp này, các đức tính có nghĩa là các đức tính của chư Thần Linh (hay các Đấng Thông Tuệ) Hành Tinh hoặc Ngũ Hành – các Ngài chủ trì các hành và các *sản phẩm* của chúng – chứ không phải là các “giác quan” như nhà bình giải hiện đại hay lầm tưởng. Ấy là vì bậc học giả không hề giả sử là các giác quan của họ có liên quan với họ cũng như là với CHON NGÃ (SELF) của họ.

Rồi trong Chí Tôn Ca (Bhagavad Gītā), chúng ta thấy Krishna, Đấng Chí Tôn dạy như sau:

¹ Như trên, chương x, trang 277 – 278.

Chỉ có một vài kẻ là thực sự biết được ta. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Thái hư (space) [hay là Tiên thiên khí, Hậu thiên khí] trí, huệ và ngã thức [tức tri giác về mọi thứ trước trên cảnh giới hão huyền]... đều là một dạng thấp của bản chất ta. Hỡi các kẻ đầy uy lực ! nên biết rằng có một dạng khác hẳn của bản chất ta cao siêu hơn bản chất này, nó thật là linh động. Toàn thể vũ trụ đều dựa vào nó... Mọi thứ ấy đều được kết lại trên ta giống như là số ngọc trai trên một sợi chỉ. Hỡi con trai của Kuntī ! ta là hương vị trong nước. Ta là ánh sáng của mặt trăng và mặt trời. Ta là ... âm thanh (“nghĩa là bản thể huyền bí ẩn dưới mọi thứ này và các tính chất khác của nhiều điều khác được đề cập tới” – Người dịch ra tiếng Anh), trong Thái hư ... hương thơm trong Địa, ánh quang huy trong Hỏa v.v...(1)

260 Thật vậy, người ta phải nghiên cứu Huyền bí học trước khi bắt đầu mưu tìm và kiểm chứng lại các huyền bí của Thiên nhiên, xét về mặt biểu kiến thôi. Ấy là vì chỉ khi nào “biết được sự thật về các đặc tính của Thiên Nhiên, thấu triệt được sự sáng tạo mọi thực thể” mới khỏi bị sai lầm. Bậc Huấn Sư dạy như sau:

Nói cho đúng, cây đại thọ có cái chồi nảy mầm từ rễ [Thái Cực Thượng Đê] không ai tri giác được [Thiên Nhiên Huyền bí, cội nguồn của vạn hữu]. Thân nó là “huệ” [Toàn Linh Trí, tức Đại Hồn Thông Tuệ Vũ Trụ (Mahat, or the Universal Intelligent Soul)], cành nó là đại ngã thức, (2) từ đó mọc ra các chồi (tức là các giác quan); các chùm hoa (3) của nó là các đại hành (huyền bí hay vô hình); các cành nhỏ của nó (bao giờ cũng sum suê hoa lá) là các hành thô thiển [vật chất ngoại cảnh thô trực]... Cây đại thọ ấy thật là vĩnh

¹ Bhagavad Gītā, chương vii, như trên trang 73 – 74.

² Ahamkāra, Tôi giả sử là “Ngã Tính” đó đã đưa chúng ta đi lầm đường lạc lối.

³ Ngũ hành là năm Thức biến (Ta mã tras) Phong, Hỏa, Thủy, Địa, Dĩ Thái, chúng tạo ra các hành thô trực.

cửu, mầm mống của nó là Brahma [Đấng Thánh Linh (the Deity)]; khi dùng thanh gươm tuyệt hảo [Minh Triết Bí Nhiệm (Secret Wisdom)] chặt đứt nó, chúng ta sẽ giải thoát sinh tử luân hồi. ⁽¹⁾

Đó là Cây Trường Sinh (Ashvattha tree); SAU KHI chặt đứt nó, CON NGƯỜI mới thoát vòng sinh tử luân hồi.

Nhưng các nhà khoa học không biết gì và cũng không nghe nói tới “Thanh gươm Kiến Thức” (“Sword of Knowledge”), mà các Cao đồ và các tu sĩ khổ hạnh dùng đến. Vì thế ngay cả các nhà khoa học phóng khoáng nhất cũng có các nhận xét phiến diện dựa vào và xuất phát từ việc cường điệu các lỗi phân loại độc đoán của vật lý học. Huyền bí học quan tâm rất ít ỏi tới chúng, Thiên Nhiên còn ít quan tâm tới chúng hơn nữa. Toàn bộ các hiện tượng vật lý xuất phát từ *Dĩ Thái Bản Sơ* – Tiên thiên khí và Tiên thiên khí lưỡng phân (dual-natured Ākāsha), bắt nguồn từ cái gọi là *Hồng nguyên khí* (Chaos) chưa biến phân, Hồng nguyên khí ấy lại là trạng thái bản sơ của Hồn nguyên khí (Mūlaprakriti), Vật Chất Căn cốt (the Root-Matter), Ý niệm trừu tượng bản sơ mà người ta có thể hình dung được về Thái Cực Thượng Đế (Parabrahman). Mặc cho khoa học hiện đại muốn chia ether (theo giả thuyết) cách nào tùy thích, song Hậu thiên khí *chân thực* của Không gian (the real Aether of Space) vẫn luôn luôn có khắp nơi. Nó cũng có bảy “nguyên khí” như vạn hữu; ở đâu không có ether, ở đó chẳng có thể nghe âm thanh, vì đó là bảng khuếch âm trong Thiên Nhiên với tất cả bảy biến phân (seven differentiations). Đó là bí ẩn đầu tiên (the first mystery) mà các Đạo đồ thời xưa đã học biết được. Theo quan điểm hiện nay của chúng ta, các giác quan vật chất cũng bình thường thôi, thế mà chúng lại là dị thường (abnormal) vào thời tiền

¹ Anugītā, chương xx, như trên, trang 313.

hóa chìm sâu dần vào Vật Chất. Ngày xưa, toàn thể nhân loại đã từng có các giác quan và các năng khiếu mà hiện nay, chúng ta xem như phi thường, chúng kỳ diệu đến nỗi mà nay, các nhà sinh lý học bắt buộc phải tin vào chúng – chẳng hạn như sự truyền đạt tư tưởng, nhãn thông, nhĩ thông v.v... nói tóm lại, tất cả những gì mà nay chúng ta cho là “điều phi thường và phép lạ” – Tuy nhiên, chúng ta tiến hóa và thoái hóa một cách tuần hoàn; điều này nghĩa là chúng ta phải chịu thiệt thòi phần tinh thần để phát triển vật chất mãi cho đến

261 lúc gần kết liễu Giống dân thứ Tư; nay chúng ta (nhân loại) đang chịu mất mát phần vật chất – một cách dần dần – để lại được tiến hóa về mặt tinh thần. Tiến trình này phải tiếp diễn cho tới thời kỳ mà Căn chủng thứ Sáu (the Sixth Root-Race) sẽ có trình độ tiến hóa tinh thần ngang hàng với Giống dân thứ Nhì (the Second Race), một giống người đã diệt chủng từ lâu rồi.

Nhưng hiện nay, dễ gì thiên hạ hiểu được điều này. Chúng ta phải quay về với giả thuyết đầy triển vọng (mặc dù không mấy chính xác) của Bác sĩ Richardson về “Ether Thần kinh”. Trong hệ thống triết học cổ truyền Ấn Độ, vì bị dịch lầm là “Thái Hư” (“Space”), nên Tiên Thiên Khí (Ākāsha) đã bị xem như là “con đầu lòng” của Đấng Độc Tôn; nó chỉ có mỗi một tính chất thất phân, đó là ÂM THANH (SOUND). Trong ngôn ngữ Nội môn, Đấng Độc Tôn này là “Đức Chúa Cha”, còn Âm Thanh đồng nghĩa với Huyền Âm tức Chúa Con (the *Logos, Verbum, or Son*). Cho dù là hữu thức hay không đi nữa, nó cũng phải là Huyền Âm. Trong khi rao giảng một giáo lý Huyền bí, Bác sĩ Richardson đã chọn dạng thấp kém nhất của bản chất thất phân của “ÂM THANH” đó và suy lý thêm về nó như sau :

Theo thuyết của tôi, ether thần kinh là một sản phẩm của động vật (an animal product). Ở các loài vật khác nhau, nó có thể có lý tính khác nhau để thích ứng với các nhu cầu đặc biệt của động vật đó, nhưng xét về mặt bản chất, nó đóng một vai trò nào đó trong mọi động vật và được tạo ra như nhau trong mọi động vật.

Đây mới là điều sai lầm căn bản đưa tới mọi quan điểm lầm lạc. “Ether Thần kinh” này là nguyên khí thấp nhất của Bản thể Nguyên Thủy tức *Bản sinh* (the Primordial Essence which is *Life*). Đó là *Sinh khí Động vật* (*Animal Vitality*) thấm nhuần trong Thiên Nhiên và tác động tùy theo từng trường hợp. Nó không phải là một “sản phẩm động vật”, song loài động vật, thực vật đều là các sản phẩm của nó. Các mô động vật chỉ hấp thụ nó tùy theo tình trạng khỏe mạnh hay bệnh hoạn của chúng – cũng như các vật liệu và cấu trúc vật chất (có điều là ở trong tình trạng bản nguyên) – từ lúc Thực Thể sinh ra, chúng nỗ lực được điều chỉnh, tăng cường và *cấp dưỡng*. Nó cung cấp cho thảo mộc nhiều Tia sáng Mặt Trời Sushumnã hiện đang chiếu sáng và cấp dưỡng Mặt Trăng, nó tuôn ánh sáng xuống qua các chùm tia sáng của Mặt Trăng, thâm nhập vào con người và con thú trong khi ngủ và yên nghỉ nhiều hơn là khi hoạt động tích cực. Do đó, Bác Richardson lại sai lầm khi nêu rõ rằng:

Theo ý tôi, chính ether thần kinh không có tác động, mà cũng chẳng kích thích sự vận động của động vật theo nghĩa một lực; tuy nhiên, nó rất cần thiết để cung ứng các điều kiện khiến cho có thể chuyển động được [ngược lại mới đúng]... Nó dẫn truyền mọi chấn động nhiệt, ánh sáng, âm thanh, tác dụng điện, ma sát cơ học. (1) Lúc sinh tiền, nó giữ cho toàn bộ thần kinh hệ được hoàn toàn

¹ Dẫn truyền theo ý nghĩa Upādhi – một cơ sở vật chất; nhưng với tư cách nguyên khí thứ hai của Đại Hồn Vũ Trụ và Sinh Lực trong

linh mẫn [đúng vậy]. Nó được sử dụng [sản sinh ra thì đúng hơn] mỗi khi chúng ta vận dụng đến nó ... khi mức cầu của nó lớn hơn mức cung, sự thiếu thốn sẽ được biểu thị bởi sự kiện suy sụp thần kinh (nervous collapse).⁽¹⁾ Trong khi chúng ta ngủ, nó tích lũy trong các trung khu thần kinh, khiến cho chúng đạt được cường lực đúng mức (tạm gọi như vậy), ngoài ra, nó còn khôi hoạt và phục hồi các cơ.

Đúng vậy; điều này cũng dễ hiểu. Do đó:

Cơ thể nào được nó phục hồi đầy đủ sẽ có khả năng vận động, linh hoạt, đầy đặn, sống. Cơ thể nào không có nó sẽ bất động, chết teo lại (shrunken death), chúng tỏ là đã mất một vài yếu tố vật chất nào đó vẫn tồn tại khi nó còn sống.

Khoa học hiện đại chối bỏ sự tồn tại của một “nguyên sinh khí” (“vital principle”). Đoạn trích này chứng tỏ rõ rệt rằng nó đã lầm lẫn lớn. Nhưng cái “yếu tố vật chất nào đó” mà chúng ta gọi là lưu chất sinh lực – *Sinh Thủy* (*Liquor Vitae*) của Paracelsus – đã không hề rời bỏ cơ thể như Bác sĩ Richardson đã nghĩ thế. Nó đã chỉ biến từ trạng thái tích cực sang trạng thái tiêu cực và trở nên tiềm tàng; vì các mô đã quá bệnh hoạn, nên nó không bám lấy chúng nữa. Một khi cơ thể đã *chết hẳn rồi*, *Sinh Thủy* sẽ lại tác động và sẽ bắt đầu các tác động hóa học đối với các nguyên tử. Brahmā-Vishnu, Đấng Sáng Tạo và Bảo Dưỡng sự sống, sẽ biến thành Shiva, *Đấng Hủy Diệt* (*Destroyer*).

Thiên Nhiên, nó được chỉ đạo một cách sáng suốt bởi nguyên khí thứ năm của Đại Hồn Vũ Trụ.

¹ Nếu có quá nhiều trong thần kinh hệ, thì cũng thường gây ra bệnh tật và chết chóc. Nếu chính hệ thống động vật sản sinh ra nó thì chắc chắn là sẽ không bao giờ có trường hợp này. Như vậy tình huống trên chứng tỏ rằng nó độc lập với hệ thống và có liên hệ với Lực Mặt Trời như Metcalfe và Hunt đã từng giải thích như thế.

Cuối cùng, Bác sĩ Richardson cho rằng:

Ether thần kinh có thể bị nhiễm độc, tôi muốn nói là nó có thể bị thẩm nhuận bởi các chất khí khuếch tán, các chất hơi khác xuất phát từ bên ngoài. Nó có thể chuyển hóa từ bên trong các sản phẩm của các chất đã được ăn vào hoặc là các chất khí bị phân hủy do chính cơ thể bị bệnh sản sinh ra.⁽¹⁾

Bác học giả quý tộc đó có lẽ đã phát biểu thêm cũng cái nguyên lý huyền bí như sau: “Ether Thần kinh” của một người có thể bị nhiễm độc bởi “Ether Thần kinh” của một người khác hay bởi các *bức xạ hào quang* của y. Nhưng chúng ta hãy thử xem Paracelsus nói sao về “Ether Thần kinh” này:

Thái Cổ (the Archaeus) có một bản chất từ khí, nó hút hay đẩy các lực thiện cảm và ác cảm khác thuộc về cùng một cảnh giới. Một người càng ít có năng lực đề kháng với các tác dụng tinh anh bao nhiêu, y sẽ càng dễ bị các thứ đó tác dụng bấy nhiêu. Sinh lực không hề bị nhốt kín trong con người, song lại bức xạ [bên trong và] xung quanh y như là một hình cầu rực rỡ [hào quang]; người ta có thể khiến cho nó tác dụng từ xa ... Nó có thể làm nhiễm độc tinh hoa của sự sống [máu] và gây ra bệnh tật; nó cũng có thể tinh luyện máu đã bị ô nhiễm và phục hồi lại sức khỏe. ⁽²⁾

Một nhà khoa học Anh quốc đã chứng minh rằng “Thái Cổ” (Archeus) và “Ether Thần kinh” đều như nhau. Ông cho rằng, *nói chung*, sức căng của nó có thể là quá cao hoặc quá thấp; điều này có thể như thế:

Vì có các biến đổi cục bộ trong chất thần kinh mà nó khoác lấy... Khi bị kích thích mạnh, nó có thể rung động như thể là bị bão và chìm (plunge) mọi cơ đang được hệ não tủy kiểm chế vào một chuyển động không thể kiểm chế được – những sự co giật vô ý thức.

¹ Tạp chí Khoa Học Phổ Thông, Quyển x, trang 387.

² Paragranum; Cuộc đời của Paracelsus, của Bác sĩ F. Hartmann.

Điều này được gọi là sự kích thích thần kinh, nhưng trừ nhà Huyền bí học ra, không ai biết được lý do của sự rối loạn thần kinh đó hoặc giải thích được các nguyên nhân *bản sơ* của nó. Có quá nhiều hoặc quá ít “Nguyên sinh khí” đều có thể giết người được. Nhưng trên cảnh giới biểu lộ (nghĩa là cảnh giới của chúng ta) “nguyên khí này chẳng qua chỉ là hiệu quả và kết quả của các *tác động thông tuệ* của “Tập đoàn” tức Nguyên khí tập thể (“Host” or collective Principle), ÁNH SÁNG và CUỘC SỐNG đang biểu lộ. Chính nó lại phụ thuộc vào và xuất phát từ CUỘC SỐNG DUY NHẤT Tuyệt Đối (Absolute ONE LIFE), và hằng vô hình, trên một thang đẳng cấp đi xuống rồi lại đi lên, trên một chiếc thang thất phân chân chính; ở đầu trên cái thang là ÂM THANH (SOUND), Thượng Đế, còn ở đầu dưới là Vidyādhara (1) các Thủy Tổ hạ đẳng.

¹ Trong một tác phẩm mới đây về Biểu tượng ký trong Phật giáo và Thiên Chúa giáo – đúng hơn là trong Phật giáo và Thiên Chúa giáo La Mã; sau này, nhiều nghi lễ và giáo điều trong Phật giáo Bắc Tông (*dưới dạng ngoại môn bình dân*) cũng giống hệt như các nghi lễ và Giáo hội La Tinh – chúng ta thấy có một số sự kiện kỳ lạ. Tác giả của quyển sách này tự cao tự đại, đã nhét không phân biệt vào trong tác phẩm của mình các giáo lý Phật giáo xưa và nay; y lại còn lầm lẫn một cách đau đớn Lạt Ma giáo với Phật giáo (Lamaism with Buddhism). Ở trang 404 của tác phẩm này, nhan đề là *Phật giáo ở các nước theo Thiên Chúa giáo (Buddhism in Christendom)*, tức Jesus, the Essene (Jesus the Essene), nhà ngụ Đông Phương học (*pseudo* – Orientalist) đó đã dành hết thời gian chỉ trích “Bảy Nguyên khí” của “Phật tử Nội môn” và ra sức chế giễu họ. Ở trang 405, trang chót, y nhiệt thành đề cập tới các Vidyādhara “bảy đại đoàn người chết đã được khai ngộ”. Thật ra, xét về mặt ngoại môn, các Vidyādhara này (mà một vài nhà Đông phương học gọi là “bán thần” (“demi-gods”) là một loại Siddhas rất mực sùng tín, còn

Dĩ nhiên là các nhà Huyền bí học đều biết quá rằng “điều trá ngụy” Sinh hoạt luận (the Vitalist “fallacy”) mà Vogt và Huxley đã vô cùng chế nhạo, vẫn còn được giới có thẩm quyền về khoa học bênh vực; vì thế, họ lấy làm sung sướng vì không cảm thấy cô đơn. Giáo sư de Quatrefages cho rằng:

xét về mặt nội môn, họ lại đồng nhất với bảy loại Thủy Tổ, trong đó có một loại phú ngã thức cho con người thuộc Giống dân thứ Ba bằng cách lâm phạm vào các cơ thể con người. Bài “Thái Dương Thánh ca” ở cuối tác phẩm quái gở của y, nó gán cho đạo Phật một *Thượng Đế nhân hình* (!!) đã làm sụp đổ hết chính các chứng cứ mà vị khốn khổ đó đã dày công sưu tập được.

Các nhà Minh Triết Thiêng Liêng cũng quá biết rằng ông Rhys Davids cũng đã bày tỏ ý kiến của mình về các tín ngưỡng của họ giống như vậy. Ông bảo rằng các thuyết mà tác giả của Phật Giáo Bí Truyền (Esoteric Buddhism) rao giảng “chẳng phải là Phật giáo, mà cũng chẳng có tính cách bí truyền”. Nhận xét này là do (a) lầm lẫn một cách tai hại nên mới viết là “Phật giáo” (“Buddhism”) thay vì “Minh Triết giáo” (Budhaism hay Budhism”), nghĩa là có liên hệ với hệ thống tôn giáo của Phật Thích Ca thay vì có liên quan tới Minh Triết Bí Nhiệm (the Secret Wisdom) mà Krishna, Shankarāchārya và nhiều người khác cũng như là Đức Phật rao giảng; và (b) Ông Rhys Davids không thể biết gì về Giáo lý Nội môn chân chính. Tuy nhiên, vì ông là một học giả lỗi lạc về tiếng Nam phạn và Phật học đương thời, nên bất cứ phát biểu nào của ông cũng đều được thiên hạ tôn trọng nghe theo. Nhưng khi một người, vốn hiểu biết Phật giáo ngoại môn theo đường lối khoa học duy vật chẳng hơn gì Nội môn Bí giáo, lăng mạ những người mà y tôn trọng một cách căm thù và làm ra vẻ học giả uyên thâm đối với các nhà Minh Triết Thiêng Liêng, người ta chỉ có thể mỉm cười hay bộc trực chế nhạo y.

Thật đúng là chúng ta không biết sự sống ra sao cả; nhưng chúng ta cũng đâu có biết lực nào đã khơi hoạt các vì sao... Các sinh vật đều có trọng lượng, do đó chúng đều chịu ảnh hưởng của lực hấp dẫn; chúng bao hàm nhiều hiện tượng lý hóa khác nhau rất cần thiết cho sự tồn tại của chúng; các hiện tượng này phải được quy về tác động của ether động lực [điện, nhiệt, v.v...] Nhưng các hiện tượng này được biểu lộ ở đây dưới tác dụng của một lực khác ... sự sống không hề đối lập với các lực vô tri giác, nhưng nó dùng các định luật của mình để chi phối và chế ngự các tác dụng của chúng.⁽¹⁾

¹ Các Chủng Loại Người, trang 10, 11.

TIẾT 8

THUYẾT THÁI DƯƠNG (THE SOLAR THEORY)

MỘT SỰ PHÂN TÍCH NGẮN GỌN CỦA KHOA HỌC VỀ CÁC NGUYÊN TỐ PHỨC HỢP VÀ ĐƠN THUẦN (COMPOUND AND SINGLE ELEMENTS) ĐỐI LẬP VỚI CÁC GIÁO LÝ HUYỀN BÍ (THE OCCULT TEACHINGS). THUYẾT NÀY, DƯỚI DẠNG MÀ THIÊN HẠ NÓI CHUNG ĐỀU CHẤP NHẬN, CÓ TÍNH CÁCH KHOA HỌC.

KHI đối đáp lại lời đả kích của Tiến sĩ Gull về thuyết sinh học, vốn liên quan bất khả phân ly với các Hành của Cổ nhân trong Huyền bí học, Giáo sư Beale, một nhà sinh lý học lỗi lạc, đã nhận xét một cách gợi ý và tài tình như sau :

Trong sự sống có một bí nhiệm – càng nghiên cứu và chiêm ngưỡng các hiện tượng sống sâu xa bao nhiêu, chúng ta càng thấy rằng bí nhiệm đó vĩ đại bấy nhiêu. Bên trong các trung tâm sinh động – so với các trung tâm mà kính hiển vi có độ phóng đại lớn nhất có thể thấy được, chúng tập trung vào các trung tâm sinh chất hơn nhiều; đó là những nơi mà mắt phàm không thấy được, song trí tuệ lại lĩnh hội được – có diễn ra những sự biến đổi bản chất mà các nhà vật lý và hóa học tiên tiến nhất cũng không thể giúp chúng ta hình dung được. Cũng chẳng có lý gì mà cho rằng chúng ta sẽ xác định được bản chất của các biến đổi này bằng công cuộc điều nghiên vật lý, vì chắc chắn là chúng thuộc về một loại bản chất hoàn toàn khác với bản chất của mọi hiện tượng mà chúng ta đã từng biết tới và có thể quy về được.

Huyền bí học đặt “bí nhiệm” (“mystery”) này (tức nguồn gốc của BẢN THỂ SỐNG – the LIFE ESSENCE) nơi Trung

Tâm giống như là hạt nhân của *vật chất bản sơ (prima materia)* của Thái Dương Hệ chúng ta, vì cả hai chỉ là một.

Phần giảng lý đã dạy như sau:

Mặt trời là tâm của Thái Dương Hệ, còn não của nó ẩn đằng sau Mặt Trời [hữu hình]. Từ đó, cảm giác tỏa vào mọi trung khu thần kinh của đại thể, còn các đợt sóng bản thể sống lại chảy vào trong mỗi động mạch và tĩnh mạch ... Các hành tinh và tứ chi và mạch đập của nó.

Người ta đã phát biểu ở đâu đó ⁽¹⁾ rằng Huyền bí học không chịu nhìn nhận Mặt Trời là một bầu đang bốc cháy, mà chỉ định nghĩa nó là một thể giới, một hình cầu chói lọi; Mặt Trời *thực* ẩn đằng sau, còn Mặt Trời hữu hình chỉ là *lớp vỏ* phản ánh nó. Các lá liễu Nasmyth (the Nasmyth willow leaves) mà John Herschel đã lầm lẫn cho là “các cư dân của mặt trời” (“solar inhabitants”), là các kho chứa sinh năng thái dương (solar vital energy); “sinh điện lực (the vital electricity) cấp dưỡng cho toàn bộ thái dương hệ; như thế, bản chất mặt trời lại là kho chứa của Vũ Trụ nhỏ bé của chúng ta, tự sản sinh ra lưu chất sinh lực(vital fluid) và bao giờ cũng “nhận vào bao nhiêu thì lại cho ra bấy nhiêu”. Mặt trời *hữu hình* chỉ là một *cửa sổ mở* vào hệ thống kiến trúc thái dương *thực sự*; tuy nhiên, nó phô bày cơ cấu bên trong mà không xuyên tạc sự thật.

Như thế, trong chu kỳ khai nguyên của mặt trời, có một sự chu lưu đều đặn của lưu chất sinh lực khắp Thái Dương Hệ giống như sự tuần hoàn của máu trong cơ thể con người (mà Mặt Trời giữ vai trò của trái tim); Mặt Trời co bóp nhịp nhàng chẳng khác nào tim người. Có điều là thay vì hoàn

¹ Theosophist ; cũng như *Năm năm Minh Triết Thiên Liêng*, trang 258.

thành một vòng trong một giây, máu thái dương (solar blood) phải tuần hoàn mất mười năm, phải mất trọn một năm để đi qua tâm thất và tâm nhĩ trước khi lọc sạch phổi, rồi từ đó lại chuyển về các động mạch và tĩnh mạch lớn của Thái Dương Hệ.

Khoa học sẽ không bác bỏ điều này, vì thiên văn học có biết tới chu kỳ cố định mười một năm khi số nhật ban (solar spots) gia tăng, ⁽¹⁾ sự gia tăng này là do Nhật TÂM (the Solar HEART) *co thắt lại*. Vũ Trụ (trong trường hợp này là Thế giới chúng ta) thở chẳng khác nào con người và mọi sinh vật, thảo mộc, khoáng thạch trên Địa Cầu; chính Trái Đất chúng ta cũng thở mỗi hai mươi bốn giờ. Vùng tối *không phải* là do “sự hấp thụ hơi nước xuất phát từ trong lòng mặt trời và chắn giữa quan sát viên và quang cầu”, Linh mục Secchi nghĩ như thế, ⁽²⁾ các nhật ban đó cũng không được tạo ra “bởi chính vật chất [chất hơi được nung nóng lên] mà sự bùng nổ đã phóng lên trên mặt trời”. Hiện tượng này cũng giống như nhịp đập đều đặn và mạnh khỏe của quả tim, vì lưu chất sinh lực đi qua các cơ rỗng của nó. Nếu trái tim người có thể được soi

¹ Chẳng những nó không chối bỏ sự tiếp diễn đó, mặc dù người ta luôn luôn quy nó cho một nguyên nhân sai lầm, thuyết này mâu thuẫn với thuyết kia (xem các thuyết của Secchi, Faye và Young), các nhật ban tùy thuộc vào sự tích lũy trên bề mặt các hơi nước nguội hơn quang cầu (?) v.v... mà còn có các nhà khoa học dùng các nhật ban đó phục vụ cho *chiêm tinh học*. Giáo sư Jevons quy mọi cuộc đại khủng hoảng thương mại định lý cho tác dụng của các nhật ban mỗi mười một năm. (Xem Các điều nghiên về Tiền tệ và Tài chính của ông). Điều này chắc chắn là đáng khen và đáng khích lệ.

² Mặt Trời, II, trang 184.

sáng lên, nếu người ta khiến cho cơ quan linh động thoi thóp đó trở nên hữu hình để được phản chiếu lên trên một màn ảnh (chẳng hạn như khi các giảng sư về thiên văn học trình bày mặt trăng) bấy giờ mọi người đều thấy các hiện tượng Nhật ban (Sun-pot) được lặp lại từng giây một, chúng có được là do sự co thắt và máu đổ dồn về.

Trong một tác phẩm về địa chất học, chúng ta *thấy khoa học mơ rằng* (the dream of science that):

Một ngày kia, người ta sẽ thấy là mọi nguyên tố hóa học được thừa nhận chẳng qua chỉ là các biến thể của một nguyên tố vật chất đơn thuần. ⁽¹⁾

266 Từ khi loài người có ngôn ngữ, Huyền bí học đã dạy như vậy; tuy nhiên, ngoài cái nguyên lý sau đây của định luật tương tự bất di bất dịch “trên sao dưới vậy”, nó còn thêm vào một công lý khác, đó là: thật ra, chẳng có Tinh Thần mà cũng chẳng có Vật Chất, mà chỉ có vô số trạng thái của Bản Thể hằng ẩn Duy nhất (tức là Sat). Hành nguyên thủy đồng chất chỉ *đơn thuần* trên cảnh giới ý thức và *cảm giác hồng trần*, vì xét cho cùng, Vật Chất chẳng có gì khác hơn là hàng loạt các trạng thái ý thức của chính chúng ta, còn Tinh Thần là một ý niệm về trực giác tâm linh. Ngay cả trên cảnh giới cao hơn một bậc thôi, cái *nguyên tố đơn thuần* mà khoa học hiện đại định nghĩa trên địa cầu chúng ta, là cấu tử cực vi không thể phân giải của một loại Vật Chất nào đó, cũng bị xem như là một điều gì vô cùng phức tạp trong một thế giới tri giác tinh thần cao cấp. Người ta sẽ thấy là nước đơn thuần nhất của chúng ta phải cho ra – thay vì hai nguyên tố đơn đã được công bố oxygen và hydrogen – nhiều cấu tử khác mà hóa học hiện đại trần thế của chúng ta chưa từng mơ tới. Trong lãnh

¹ Sinh Hoạt Thế Giới, trang 48.

vực Vật Chất ra sao thì lãnh vực Tinh Thần cũng vậy, hình bóng của cái được tri giác trên ngoại giới cũng tồn tại trên nội giới. Hạt vi trần chất liệu đồng chất hoàn toàn, chất nguyên sinh động vật của đơn nguyên trùng Haeckel, nay được xem như là sự ngẫu sinh của sự tồn tại trên trần thế (Nguyên sinh chất của ông Huxley); ⁽¹⁾ và Bathybius Haeckelii đã phải truy nguyên nó tới sự ngẫu sinh tiền trần thế (pre-terrestrial). Các nhà thiên văn học tri giác được điều này trước tiên vào giai đoạn tiến hóa thứ ba của nó và vào cái gọi là “cuộc sáng tạo thứ yếu”. Nhưng các môn sinh Nội môn Bí giáo hiểu rõ được ý nghĩa huyền bí của ĐOẠN KINH (STANZA) sau đây:

Xét về mặt bản thể, Brahmā có trạng thái vật chất, đã tiến hóa cũng như là chưa tiến hóa... Ô ! Tinh Thần, Đấng hai lần sinh ra [Đạo đồ] là trạng thái thống lĩnh của Brahmā. Kế đó là một trạng thái lưỡng phân [của Tinh Thần và Vật Chất] đã tiến hóa cũng như là chưa tiến hóa, còn thời gian xếp hàng sau rốt ! ⁽²⁾

Anu là một trong các tôn danh của Brahmā (phân biệt với Brahman, trung tính) và có nghĩa là “vi tử” (“atom”); *anīyāmsam anīyāsam* là “cực vi tử”, *Purushottama* (Tinh Thần tối cao thường trụ và bất hoại).

Thế thì, chắc chắn là các hành mà chúng ta hiểu và định nghĩa hiện nay – cho dù chúng có nhiều đến đâu đi nữa –

¹ Đáng buồn thay, khi các trang này được viết ra, do một sự phân tích hóa học khá nghiêm chỉnh, “sự ngẫu sinh của sự tồn tại trên trần thế” đã chuyển thành một sự trầm hiện (precipitate) đơn giản của sulfat vôi – vì thế, theo quan điểm khoa học, đó không phải là một chất hữu cơ ! [Cuộc đời thật là vinh quang qua đi chẳng mấy chốc ! (So passes away the glory of this world)].

² Vishnu Purāṇa, Wilson, Quyển I, trang 18, bản dịch của Fitzedward.

chẳng phải mà cũng chẳng thể là các Hành nguyên thủy (the *primordial Elements*). Chúng được tạo ra từ các “*cục sữa của Mẹ quang huy lạnh lẽo*” và “*mâm mống lửa của Cha nóng nảy*”, cả hai đều là một. Nói theo ngôn ngữ bình thường của khoa học hiện đại, các hành đó khởi nguyên trong lòng sâu thẳm của sương lửa nguyên thủy (the *Primordial Fire-mist*), các khối hơi nước cháy đỏ của tinh vân *không thể phân giải*, vì theo

267 Giáo sư Newcomb,⁽¹⁾ các tinh vân có thể phân giải được không cấu thành một loại tinh vân riêng biệt. Theo ông, hơn một nửa những thứ thoát tiên bị lẫn lộn với tinh vân, chính là cái mà ông gọi là các “*cụm sao*” (“*starry clusters*”).

Các hành này chúng ta biết đã đạt tới trạng thái thường tồn trong cuộc Tuần hoàn thứ Tư và Giống dân thứ Tư và Giống dân thứ Năm này. Chúng có một thời kỳ yên nghỉ ngắn ngủi trước khi chúng lại được thúc đẩy tiến tới trong cuộc tiến hóa tinh thần, khi “*sinh hỏa Orcus*” (“*living fire of Orcus*”) sẽ làm tan hòa các chất khó phân giải nhất và lại làm cho chúng tản mát ra thành NHẤT NGUYÊN bản sơ

Trong khi đó, nhà Huyền bí học lại tiến xa hơn, như đã vạch rõ trong phần Giảng lý của bảy ĐOẠN KINH. Vì thế, y khó lòng hy vọng có thể được khoa học giúp đỡ hoặc nhìn nhận, khoa học sẽ bác bỏ cả “*anīyāmsam anīyāsam*”, Vi tử hoàn toàn tinh thần, lẫn *Mānasaputras* hay Con Người được sinh ra từ Thể Trí (Mind-born Men) của y. Khi thu gọn “*hành vật chất đơn thuần*” thành ra một Hành tuyệt đối duy nhất *bất khả phân giải*, Tinh Thần, tức vật chất căn cốt, như thế là đặt ngay nó ra ngoài phạm vi của vật lý học; dĩ nhiên là y chẳng có cùng quan điểm bao nhiêu với các nhà khoa học chính thống. Y chủ trương rằng Tinh Thần và Vật Chất là hai

¹ Thiên Văn Học Phổ Thông, trang 444.

PHƯƠNG DIỆN của NHẤT NGUYÊN bất khả tri; các khía cạnh biểu kiến mâu thuẫn nhau của chúng tùy thuộc vào, (a) nhiều mức độ biến phân khác nhau của Vật Chất, và (b) các cấp độ ý thức mà chính con người đạt được. Tuy nhiên, vấn đề này tùy thuộc về siêu hình học chứ chẳng liên quan bao nhiêu tới vật lý học – cho dù vật lý học (vốn bị giới hạn vào trần thế) có *thông thái* đến đâu đi chăng nữa.

Tuy nhiên, một khi khoa học đã nhìn nhận khả năng tồn tại (nếu không muốn nói là sự tồn tại thật sự) của một Vũ trụ với hằng hà sa số hình hài, trạng thái, khía cạnh được tạo ra từ một “Chất liệu đơn thuần” (“single Substance”),⁽¹⁾ thì nó

¹ Trong Sinh Hoạt Thế Giới, (trang 48 – 49), phần chú thích cuối trang, Giáo sư Winchell cho rằng: “Người ta thường thừa nhận rằng nói chung, ở các nhiệt độ cực cao, vật chất tồn tại ở trạng thái phân giải (nghĩa là không thể có bất cứ sự hóa hợp nào. Để chứng minh tính đơn nhất của vật chất, chúng ta phải cầu cứu tới quang phổ; nếu Vật Chất đồng chất, quang phổ sẽ phô ra một đường sáng, trong khi đó, nếu trong tinh vân hoặc ngôi sao có nhiều phép bố trí phân tử thì “quang phổ sẽ gồm có hai hoặc ba đường sáng”! Điều này sẽ không là bằng chứng cho cả nhà vật lý học lẫn nhà Huyền bí học, họ chủ trương rằng vượt quá một giới hạn nào đó của Vật Chất hữu hình, thì chẳng quang phổ, kính viễn vọng hoặc kính hiển vi nào còn giúp ích được. Cả nhà Bác học Pháp Dumas – ông gọi ra ý tưởng về “bản chất phức tạp” của các “nguyên tố” dựa vào một vài quan hệ về trọng lượng nguyên tử – lẫn ông Crookes – với “chất quang huy” (“radiant matter”), mặc dù “người ta hiểu các cuộc thí nghiệm của ông rõ nhất do giả thuyết tính đồng chất của các nguyên tố vật chất và tính liên tục của các trạng thái vật chất” – đều khó lòng chứng minh hoặc bác bỏ được tính đơn nhất của vật chất, của cái vốn là Vũ trụ chất thực sự đối với nhà Luyện kim đan hoặc “Đất của Adam” (“Adam’s Earth”) (các tín đồ Do

268 còn phải tiến xa hơn nữa. Trừ phi cũng thừa nhận là có thể có hành Duy Nhất (tức Sự Sống Duy Nhất của các nhà Huyền bí học), nó sẽ phải treo cái “Chất đơn thuần” đó (nhất là chỉ nếu giới hạn vào tinh vân mặt trời mà thôi) giữa trời, giống như là quan tài của Mahomet (the coffin of Mahomet), có điều là bót đi cục nam châm hút vẫn chống đỡ cái quan tài đó. May mắn thay cho các nhà vật lý chuyên môn suy lý, nếu chúng ta không thể khẳng định một cách chính xác thuyết tinh vân có ý muốn nói gì thì nhờ có Giáo sư Wichell và nhiều nhà thiên văn học ly khai, chúng ta mới có thể học biết được nó không có ý muốn nói gì.

Đáng tiếc thay, điều này còn lâu lắm mới giải quyết được, ngay cả vấn đề đơn giản nhất đã từng và vẫn đang làm các học giả buồn phiền (vex) trong khi mưu tìm chân lý. Nếu muốn tìm xem khoa học hiện đại lầm lỗi ở đâu và vì lý do nào, chúng ta phải tiến hành điều tra, bắt đầu là các giả thuyết trước nhất của nó. Sau rốt, tình cờ chúng ta có thể thấy là Stallo thật chí lý và các học giả lỗi lạc nhất đã phạm phải các lầm lỗi, mâu thuẫn, và trá ngụy chỉ vì họ có thái độ thật là bất

Thái Bí giáo gọi nó như vậy). Ấy là vì tất cả mọi thứ này đều không vượt ra ngoài Vật Chất HỒNG TRẦN (MATERIAL Matter), tạm gọi như vậy, ngay cả cái được phô ra dưới quang phổ, tức “Thiên Nhãn” (“Eye of Shiva”) hiện đại của các cuộc thí nghiệm vật lý. H. St. Claire Deville chỉ có thể phát biểu về chất này như sau: “khi các vật thể (được xem như là đơn thuần) phối hợp với nhau, bản thân chúng đều bị tan biến đi”. Ấy chỉ là vì ông không thể theo dõi các vật thể này khi chúng biến đổi thêm nữa trong thế giới Vũ Trụ *chất tinh thần*. Thật ra, khoa học hiện đại sẽ chẳng bao giờ thâm cứu được vũ trụ học để tìm ra Cội nguồn của Chất liệu vũ trụ, trừ phi nó suy tư theo các đường lối giống như nhà Luyện kim đan thời trung cổ.

thường. Dù sao đi nữa, họ vẫn cứ và vẫn muốn có khuynh hướng duy vật, thế nhưng “các nguyên lý tổng quát của thuyết nguyên tử cơ giới – cơ sở của vật lý học hiện đại – lại có *bản chất giống hệt* như các thuyết chính yếu của siêu hình học bản thể”. Như thế, “vật lý học càng tiến bộ bao nhiêu thì các lầm lẫn cơ bản của bản thể học càng rõ ràng ra đó bấy nhiêu”.⁽¹⁾ Rải rác trong khoa học cũng có các quan niệm siêu hình học, nhưng các nhà khoa học không chịu nhìn nhận lời tố cáo đó, họ chiến đấu một cách tuyệt vọng để khoác các mặt nạ nguyên tử cơ giới (atonomechanical masks) lên các luật thuần túy tinh thần và phi vật thể trong Thiên Nhiên, trên cảnh giới chúng ta – không chịu thừa nhận là chúng có thực chất ngay cả trên cảnh giới khác, chỉ riêng sự tồn tại của chúng cũng bị họ thẳng tay bác bỏ rồi.

Tuy nhiên, đâu có khó khăn gì mà chúng tỏ rằng vì quá gắn bó với các quan điểm duy vật, nên ngay từ thời Newton, các nhà khoa học đã ra sức khoác các mặt nạ giả tạo lên sự thật. Nhưng công tác của họ mỗi năm một khó khăn hơn và – vượt xa mọi khoa học khác – hóa học ngày càng tiến gần hơn với lãnh vực Huyền bí của Thiên Nhiên. Nó đang lĩnh hội chính các chân lý mà Huyền bí học đã giảng dạy từ bao lâu nay, song cứ bị cay đắng nhạo báng mãi. Nội môn Bí giáo dạy rằng: “Vật Chất thật là vĩnh cửu” (“Matter is eternal”). Nhưng Vật Chất mà các nhà huyền bí học quan niệm ra ở trạng thái *trung hòa* (*laya* or *zero*), đâu có phải là vật chất của khoa học hiện đại, ngay ở cả trạng thái hơi loãng nhất. “Chất quang huy” (“radiant matter”) của ông Crookes có vẻ là Vật Chất thuộc loại thô trực nhất trong lãnh vực bản sơ, vì nó

¹ Khái niệm về Vật Lý hiện Đại, trang vi.

biến thành Tinh Thần thuần túy trước khi nó quay về ngay khỏi điểm biến phân. Do đó, khi bậc Cao đồ hoặc nhà Luyện kim đan nói thêm rằng “mặc dù Vật Chất thật là vĩnh cửu vì nó chính là HỒNG MÔNG NHẤT KHÍ (PRADHĀNA), song Nguyên tử *vẫn được sản sinh ra vào mỗi Chu kỳ Khai Nguyên mới* (chu kỳ tái tạo vũ trụ), điều này chẳng có gì là mâu thuẫn như nhà Duy vật – vốn chẳng tin tưởng vào điều gì khác hơn là Nguyên tử - lăm tưởng. Tiên thiên khí khác xa Hậu thiên khí; *Hồng môn nhất khí* (nguyên nhân vô thủy vô chung) khác xa *Vật Chất*, tức hiệu quả biểu lộ. Kinh điển dạy:

Các hiền triết lỗi lạc nhất nhất định gọi cái nguyên nhân chưa tiến hóa là hồng môn nhất khí, cơ sở bản nguyên, đó là chất tinh anh (prādhāna, originab base, which is subtile prakriti), nghĩa là cái vĩnh cửu vừa hiện tồn, vừa không hiện tồn, hoặc chỉ là một tiến trình.⁽¹⁾

Trong ngôn từ hiện đại, cái gọi là Tinh Thần và Vật Chất đều ĐƠN NHẤT (ONE) như là Nguyên nhân trường kỳ vĩnh cửu, vì nó chẳng phải là Tinh Thần mà cũng chẳng phải là Vật Chất. Trong tiếng Bắc Phạn, người ta gọi NÓ là TAD, “cái ấy” (“that”); nó là tất cả những gì đã, đang và sẽ hiện tồn, tất cả những gì mà óc tưởng tượng của con người có thể quan niệm được. Ngay cả thuyết Phiếm Thần nội môn của Ấn Độ giáo cũng trình bày nó đến mức mà không triết thuyết độc thần nào có thể bì được, vì vũ trụ khởi nguyên luận của nó bắt đầu những lời lẽ siêu việt nổi tiếng như sau:

Chẳng có ngày mà cũng chẳng có đêm, chẳng có trời mà cũng chẳng có đất, chẳng có bóng tối mà cũng chẳng có ánh sáng. Cũng chẳng có gì mà các giác quan và các năng lực trí tuệ có thể hiểu được. Tuy nhiên, thế mà lại có Brahmā duy nhất có bản chất prakriti [Thiên Nhiên] và tinh thần. Ấy là vì hơi tín đồ Bà La Môn !

¹ Xem Vishnu Purāṇa, Wilson, Quyển I, trang 20.

Hai trạng thái của Vishnu khác hơn trạng thái bản thể tối thượng của Ngài chính là prakriti và tinh thần. Hỡi kẻ được cải tử hoàn sinh ! Khi hai trạng thái khác ấy của Ngài không còn tồn tại nữa, nhưng lại tan biến đi, bấy giờ, cái trạng thái vốn lại sinh sản ra sắc tướng và phần còn lại (tức là cuộc sáng tạo) mới được mệnh danh là thời gian.⁽¹⁾

Đó là cái bị tan biến đi, tức trạng thái *lưỡng phân* hão huyền của Cái Đó, bản thể của nó bao giờ cũng ĐƠN NHẤT và được mệnh danh là Vật Chất Vĩnh Cửu tức Bản chất, vô hình, phi giới tính, bất khả tư nghị với giác quan thứ sáu hay thể trí (mind), ⁽²⁾ do đó, chúng ta không chịu nhìn nhận trong đó có cái mà các tín đồ Độc Thần gọi là Thượng Đế nhân hình.

Khoa học chính xác hiện đại xem hai đề án này ra sao ? (“Vật Chất thật là vĩnh cửu” còn “Nguyên tử có tính cách tuần hoàn, và không vĩnh cửu”). Nhà vật lý học duy vật chỉ trích và cười nhạo chúng. Tuy nhiên, nhà khoa học phóng khoáng và tiến bộ, kẻ chân thành mưu tìm Chân Lý, chẳng hạn như Giáo sư Crookes (nhà hóa học xuất chúng) sẽ bỏ chứng cho sự *chân xác* của hai phát biểu này. Dễ gì mà tiếng vang của bài diễn văn của ông về “Sự khởi nguyên của các Nguyên tố” (“Genesis of the Elements”) lại tắt đi; ông đã đọc bài diễn văn đó trước bộ môn hóa học của Hội Hoàng Gia Anh tại Hội nghị Birmingham 1887, nó đã làm cho mọi độc giả và thính giả theo thuyết tiến hóa phải sững sốt hơn là một bài diễn văn khác vào tháng 3 – 1888. Một lần nữa, vị Hội trưởng Hội Hóa Học lại trình bày trước giới khoa học và công

¹ Quyển I, trang 25, như trên. Bản dịch của Fitzeward Hall.

² Xem đoạn trích dẫn trong Anugītā ở Tiết 7, “Sự Sống, Thần Lực hay Trọng Lực”.

chúng thành quả của một vài khám phá mới trong lãnh vực nguyên tử, các khám phá này đã biện minh cho Giáo lý Huyền bí về mọi phương diện. Chúng còn khiến cho chúng ta sùng sốt hơn cả phát biểu của ông trong bài đầu và rất đáng được mọi nhà Huyền bí học, Siêu hình học và Minh Triết Thiêng Liêng quan tâm tới. Sau đây là những điều mà ông trình bày trong “Các Nguyên Tố và Siêu Nguyên Tố” (270 “Elements and Meta-Elements”), như thế đã biện minh cho lời tố cáo tiên tri của Stallo. Với đức vô úy (fearlessness), nhà khoa học ấy đã yêu khoa học và chân lý, bất chấp mọi hậu quả đối với tiếng tăm và danh vọng của mình. Chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn:

Thưa quý vị, nay tôi xin quý vị bớt chút thì giờ quan tâm tới một chủ đề liên can tới nguyên lý cơ bản của hóa học. Đó là một chủ đề có thể khiến chúng ta phải thừa nhận sự khả hữu tồn tại các vật thể chẳng phải là hợp chất, chẳng phải là chất hỗn hợp, cũng chẳng phải là nguyên tố (theo nghĩa nghiêm xác nhất của từ này); tôi xin đánh bạo gọi chúng là các “siêu nguyên tố” (“meta-elements”). Để giải thích ý đồ của mình, tôi cần phải quay về với quan niệm của chúng ta về một nguyên tố. Một nguyên tố có tiêu chuẩn như thế nào. Chúng ta biết phân biệt giữa các thực thể khác nhau ở đâu bây giờ ? Chẳng ai nghi ngờ việc oxygen, natrium, clor, lưu huỳnh là các nguyên tố riêng biệt; khi xét tới các nhóm như là clor, brom, iod v.v... chúng ta vẫn còn thấy chẳng có cái gì đáng nghi ngờ, mặc dù nếu chúng ta có thể chấp nhận được các mức độ “nguyên tố tính” (“elementicity”) – rất cuộc, thế nào chúng ta cũng phải xét đến chúng – thì có thể thừa nhận clor gần gũi với brom hơn nhiều so với oxygen, natrium hoặc lưu huỳnh. Lại nữa, nickel và co-ban (cobalt) rất gần gũi với nhau, mặc dù chẳng ai dị nghị về việc chúng tự xếp mình vào hàng ngũ các nguyên tố riêng biệt. Thế nhưng tôi vẫn không thể không thắc mắc là liệu các nhà hóa học sẽ có ý kiến ra sao, nếu việc lần lượt dung hợp các chất đó và các hợp

chất của chúng, sẽ phô ra các màu sắc giống hệt nhau, thay vì các màu sắc bổ túc cho nhau (nói một cách gần đúng). Ngay cả hiện nay, có bao giờ chúng ta nhận ra được bản chất riêng biệt của chúng không? Khi chúng ta tiến xa hơn nữa và xét tới cái gọi là đất hiếm (rare earths), thì chúng ta lại còn dựa vào các cơ sở bấp bênh hơn nữa. Có lẽ chúng ta có thể thừa nhận là scandium, ytterbium và các nguyên tố cùng loại khác được xếp vào hàng ngũ các nguyên tố; nhưng chúng ta biết nói sao đây về trường hợp praseodymium và neodmium ? (Người ta có thể nói là chúng không khác nhau mấy về mặt hóa học, vì chúng chỉ khác nhau chút ít về tính baz và năng lực kết tinh, mặc dù theo cách quan sát về quang phổ, lý tính của chúng khác nhau xa). Ngay ở đây, chúng ta có thể hình dung ra việc đa số nhà hóa học sẽ có khuynh hướng khoan dung khiến cho họ sẽ chấp nhận hai chất này vào trong hàng ngũ kỳ diệu ấy. Liệu khi làm như vậy, họ có thể nào cầu cứu tới một nguyên lý tổng quát nào đó chăng ? (đây vẫn còn là một vấn đề bỏ ngỏ). Nếu chúng ta chấp nhận các ứng viên này, thì chúng ta có công tâm chăng khi loại trừ hàng loạt các nguyên tố tức các siêu nguyên tố mà Kruss và Nilson đã thông tri cho chúng ta biết ? Ở đây, các điều dị biệt về quang phổ rất rõ rệt, trong khi đó, các cuộc khảo cứu của chính tôi về didymium cũng chứng tỏ là có một sự dị biệt chút ít về tính baz của ít nhất là một vài chất đáng nghi ngờ này. Có lẽ là yttrium, erbium, samarium và các "cái thường gọi là nguyên tố" khác đã và đang được phân giải thành nhiều chất riêng biệt khác nhau, cũng phải được bao hàm trong cùng một loại như vậy. Thế thì chúng ta biết phân biệt chúng ở đâu bây giờ ? Các nhóm khác nhau chống chéo lên nhau một cách tinh vi đến nỗi mà chúng ta không thể vạch ra một giới tuyến xác định giữa hai chất lân cận nhau và bảo rằng chất ở bên này giới tuyến là một nguyên tố, còn chất ở bên kia không phải hoặc chỉ là một điều gì giả vờ gần giống như một nguyên tố. Bất cứ nơi nào mà chúng ta có thể vạch ra một giới tuyến có vẻ hợp lý, thì chắc chắn là chúng ta có thể xếp ngay hầu hết các chất vào một bên thích hợp; cũng như mọi trường hợp

phân loại khác, chúng ta chỉ thật sự gặp khó khăn khi lại gần giới tuyến. Dĩ nhiên là chúng ta sẽ thừa nhận các điều dị biệt chút ít về hóa học và –trong một chừng mực nào đó – các điều dị biệt quá rõ rệt về vật lý học. Tuy nhiên, chúng ta biết nói sao đây khi điều dị biệt duy nhất về hóa học là một khuynh hướng hầu như không thể nhận ra được khiến cho một chất – của một cặp hoặc một nhóm – trầm hiện (precipitate) trước chất kia? Và lại, có những trường hợp mà các dị biệt về hóa học đã không còn mà vẫn còn các điều dị biệt quá rõ rệt về vật lý học. Ở đây, chúng ta vấp phải một khó khăn mới, trong tình trạng mơ hồ như vậy, thế nào là sự dị biệt về hóa học, còn thế nào là sự dị biệt về vật lý học? Chẳng lẽ chúng ta không có quyền gọi việc một chất trầm hiện mới sinh vô định hình hơi có khuynh hướng lắng xuống trước một chất khác là một “điều dị biệt về vật lý” hay sao ? Chẳng lẽ chúng ta không thể gọi các phản ứng màu tùy thuộc vào số lượng của một acid đặc biệt nào đó hiện diện và biến thiên theo nồng độ của dung dịch và dung môi được sử dụng, là các “điều dị biệt về hóa học” hay sao ? Tôi chẳng biết làm sao chúng ta có thể chối bỏ tính cách nguyên tố của một chất khác hẳn với một chất nữa về màu sắc hoặc phản ứng quang phổ, trong khi chúng ta lại thừa nhận tính cách nguyên tố của một chất khác, nó chỉ cần có một điều dị biệt rất nhỏ về các năng lực cơ bản. Một khi đã mở rộng cửa ra để chấp nhận một vài điều dị biệt về quang phổ, thì chúng ta phải tìm hiểu xem liệu sự dị biệt nhỏ đến mức nào có thể khiến chúng ta chấp nhận được ứng viên ? Tôi xin trình bày các trường hợp về một vài ứng viên đáng nghi ngờ này theo kinh nghiệm riêng của tôi.

Ở đây, nhà hóa học lỗi lạc đã trình bày nhiều trường hợp về cách tác động rất khác thường của các phân tử và các loại đất; xét theo bề ngoài, chúng ta thấy giống nhau, nhưng khi xét kỹ lại, chúng ta thấy chúng có các điều dị biệt mặc dù nhỏ song vẫn chứng tỏ chúng không là các *đơn chất*; do đó, 60 hay 70 nguyên tố mà hóa học chấp nhận đâu phải là đủ. Hiển nhiên là danh xưng của chúng thật là hằng hà sa số, nhưng vì

cái gọi là “thuyết tuần hoàn” lại là sự cản trở đối với việc các nguyên tố cứ tăng vô hạn, nên Giáo sư Crookes bắt buộc phải tìm ra một vài phương tiện để hòa giải khám phá mới này với thuyết cũ. Ông cho rằng:

Thuyết đó đã được chứng nghiệm nhiều lần đến nỗi mà chúng ta không thể khinh xuất chấp nhận bất cứ lối giải thích các hiện tượng nào không phù hợp với nó. Nhưng nếu chúng ta giả sử là các nguyên tố được tăng cường bởi một số lớn các chất có đặc tính hơi khác nhau và tạo thành các khối tập hợp tinh vân (tạm gọi như vậy) mà xưa kia chúng ta đã thấy (hoặc tưởng là đã thấy giống như ngôi sao riêng biệt, thì nhất định là chúng ta không còn lĩnh hội được cái sự phối trí tuần hoàn nữa. Nếu chúng ta vẫn còn duy trì cái quan niệm thông lệ về một nguyên tố thì hậu quả sẽ như thế đó. Thế thì chúng ta thử thay đổi quan niệm đó xem sao. Nếu “nguyên tố” có nghĩa là “nhóm nguyên tố” – các nhóm nguyên tố đó thế chỗ cho các nguyên tố cũ trong hệ thống tuần hoàn – thì chẳng gì khó khăn hơn nữa hết. Khi định nghĩa một nguyên tố, chúng ta cứ thử xét một kiểu mẫu nội tại xem sao. Chúng ta cứ thử phát biểu như sau đây xem sao: lượng yttrium nhỏ nhất khả lượng là một tập hợp các cực vi tử vô cùng giống nhau hơn là các nguyên tử của bất kỳ nguyên tố lân cận nào. Không nhất thiết phải suy ra là tất cả các nguyên tử sẽ phải hoàn toàn như nhau. Do đó, trọng lượng nguyên tử mà chúng ta gán cho yttrium chỉ là tiêu biểu cho một trị số trung bình; trọng lượng thực sự của các nguyên tử cá biệt của nguyên tố dao động quanh trị số đó trong vòng một giới hạn nào đó. Nhưng nếu tôi đoán không lầm, nếu chúng ta có thể tách biệt nguyên tử này với nguyên tử kia, thì chúng ta sẽ thấy là chúng biến thiên ở hai bên trị số trung bình với một biên độ rất nhỏ. Tiến trình phân đoạn có hàm ý là một số chất có các điểm dị biệt như thế đó.

Như thế, sự thật một lần nữa lại bắt buộc khoa học “chính xác” phải mở rộng quan điểm của mình và thay đổi

ngôn từ. Bằng cách ngụy trang đa số (masking the multitude, điều này đã rút gọn lại thành một chất, chẳng khác nào Elohim Thất phân (the Septenary Elohim) và tập đoàn của Ngài bị các nhà tôn giáo duy vật biến thành Jehovah duy nhất. Nếu thay thế các thuật ngữ hóa học “phân tử”, “nguyên tử”, “cấu tử” v.v... bằng các từ ngữ “Tập đoàn” (“Hosts”), “Chon Thần”. “Thiên Thần” v.v... thì chúng ta có thể tưởng rằng đó chính là sự mô tả tuyệt vời khỏi nguyên của chư Thiên, cuộc tiến hóa bản sơ của các Thần Lực *thông tuệ* trong chu kỳ khai nguyên. Nhưng diễn giả thông thái đó đã thêm vào những điều nhận xét mô tả của ông một điều
 272 còn gọi ý hơn nữa (ai mà biết đó vô tình hay cố ý ?). Ông cho rằng :

Mãi cho tới gần đây, các chất đó mới được tập hợp lại thành ra các nguyên tố. Chúng có các hóa tính và lý tính nhất định, trọng lượng nguyên tử xác định. Nếu chúng ta lấy một dung dịch loãng và tinh khiết của một chất như thế (chẳng hạn như yttrium) và nếu chúng ta cho thêm vào đó một lượng thừa ammoniac mạnh, chúng ta sẽ được một chất trầm hiện (precipitate) hình như là hoàn toàn thuần trạng (homogeneous). Nhưng nếu thay vì như trên, thêm ammoniac rất loãng với số lượng chỉ đủ để làm trầm hiện một nửa lượng baz có sẵn, chúng ta sẽ không có ngay được chất trầm hiện. Nếu chúng ta khuấy động hết lên để bảo đảm là dung dịch ammoniac đã được trộn đều với nhau rồi để yên cái bình chứa trong một giờ, cẩn thận loại hết bụi ra, chúng ta có thể thấy rằng chất lỏng thật là trong sáng và không hề có bất cứ vết tích đục ngầu nào. Tuy nhiên, chừng ba, bốn giờ sau chúng ta sẽ có một đàn bạch quang và sáng hôm sau một chất trầm hiện sẽ xuất hiện. nay chúng ta hãy tự hỏi xem hiện tượng này có ý nghĩa gì ? Lượng chất làm trầm hiện thêm vào không đủ để làm trầm hiện một nửa lượng yttrium có sẵn, do đó, một tiến trình gần giống như sự tuyển lựa đã tiếp diễn trong nhiều giờ. Rõ ràng là sự trầm hiện đã không

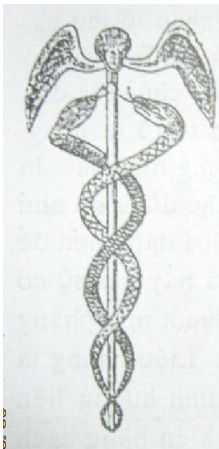
diễn ra một cách bừa bãi, các phân tử của chất baz bị phân hủy đã tiếp xúc được với một phân tử ammoniac tương ứng, vì chúng ta đã cẩn thận trộn đều chất lỏng, để cho một phân tử của muối gốc sẽ không bị phân hủy nhiều hơn bất kỳ một phân tử nào khác. Hơn nữa, nếu chúng ta xét tới thời gian trôi qua trước khi chất trầm hiện xuất hiện, thì chúng ta không thể không kết luận rằng cái tác dụng đã tiếp diễn trong một ít giờ đầu tiên đúng là có tính cách tuyển lựa. Vấn đề đặt ra không phải là tại sao một chất trầm hiện lại được tạo ra ? mà là cái gì đã quyết định hoặc điều động cho một nguyên tử trầm hiện và một số khác vẫn còn ở trong dung dịch. Trong số hàng hà sa số các nguyên tử có sẵn, quyền năng nào đã điều động mỗi nguyên tử chọn đúng con đường của mình? Chúng ta có thể hình dung ra một lực chỉ đạo nào đó đi kiểm tra từng nguyên tử, chọn nguyên tử này sẽ trầm hiện, còn nguyên tử kia sẽ ở trong dung dịch cho đến khi tất cả đều đã được hiệu chỉnh lại.

Trong đoạn trên, phần chữ in nghiêng là của chúng tôi. Liệu một nhà khoa học có thể tự hỏi như sau chẳng : Quyền năng nào đã điều động mỗi Nguyên tử ? Đây là ý nghĩa của tính cách tuyển lựa của nó ? Các tín đồ hữu thần sẽ giải đáp câu hỏi này bằng cách trả lời là “Thượng Đế”; xét về mặt triết học, như thế là họ đã chẳng giải quyết được vấn đề nào. Huyền bí học giải đáp dựa vào cơ sở Phiếm Thần và dạy cho các môn sinh chủ đề “chư Thần Linh, Chơn Thần và Nguyên tử” (“Gods, Monads, and Atoms”). Diễn giả thông thái ấy đã thấy trong đó cái vốn là mối quan tâm chính của ông: các cột mốc và các dấu vết của một con đường có thể đưa tới sự khám phá, sự chứng minh hoàn chỉnh về sự tồn tại của một nguyên tố thuần trạng (homogeneous element) trong Thiên Nhiên. Ông nhận xét như sau :

Để có thể thực hiện được một sự tuyển lựa như thế, rõ ràng là phải có một vài điểm dị biệt nhỏ nhất nào đó thì mới chọn lựa được. Hầu như chắc chắn là phải có sự dị biệt về tính baz, nhỏ nhất

đến nỗi không có cuộc trải nghiệm nào hiện nay nhận ra được, nhưng nó lại có thể được un đúc và kích thích đến mức mà sự dị biệt ấy có thể được thẩm định bởi các cuộc trải nghiệm thông thường.

Huyền bí học, vốn biết rằng trong Thiên Nhiên có tồn tại và hiện diện Hành Duy Nhất Vĩnh Cửu (the One eternal Element), khi nó biến phân lần đầu tiên, cây Trường Sinh (the Tree of Life) sẽ bén rễ một cách tuần hoàn, nên đầu cần có bằng chứng khoa học. Nó dạy rằng : Minh triết Cổ truyền đã giải quyết được vấn đề này cách đây nhiều năm rồi. Thật vậy; vốn là một độc giả nhiệt thành cũng như là thích chế nhạo, khoa học đang dần dần (nhưng chắc chắn) tiến gần tới lãnh vực Huyền bí học của chúng ta. *Dù muốn dù không*, các khám phá của chính khoa học cũng bắt buộc nó phải chấp nhận ngôn từ và các biểu tượng của chúng ta. Do hoàn cảnh, nay hóa học bắt buộc phải chấp nhận cả sự minh họa của chúng ta về cuộc tiến hóa của Chư Thần và các Nguyên tử; nó đã được phác họa một cách gợi ý không thể chối cãi được trong Dực Xà Trượng của Mercury (the Caduceus of Mercury), Thần Minh Triết (the God of Wisdom), cũng như trong ngôn ngữ ẩn dụ của các bậc Minh Triết thời xưa. Một Giảng lý Nội môn Bí giáo dạy như sau:



Thân cây ASVATTHA (cây Trường Sinh, Dực Xà Trượng) mọc ra từ hai cánh đen của con Thiên Nga (HANSA) của Sự Sống và giáng xuống vào mỗi Khai Thiên Tịch Địa (mỗi chu kỳ Khai Nguyên mới – every new Manvantara). Hai Con Rắn, sự hằng hữu và hão huyền (Tinh Thần và Vật Chất) có hai cái đầu mọc ra từ cái đầu duy nhất ở giữa hai cánh, quấn quít, xoắn xít lấy nhau dọc theo thân cây.

Hai cái đuôi giao nhau trên trần thế (Vũ Trụ biểu lộ) hợp thành một; đó chính là đại hãm huyền, hồi Đệ tử !

Mọi người đều biết rằng Dực xà trượng đã bị người Hy Lạp biến đổi rất nhiều. Biểu tượng nguyên thủy – với ba cái đầu rắn – đã bị biến đổi thành ra một cái gậy với một cái núm, còn hai đầu ở dưới lại tách riêng ra, như thế là đã xuyên tạc ít nhiều ý nghĩa nguyên thủy. Song nó vẫn còn là một minh họa rất hữu dụng đối với chúng ta, nó chính là cây gậy trung hòa với hai con rắn quấn quít xung quanh. Thật vậy, mọi thi sĩ thời xưa đều tán tụng các quyền năng mầu nhiệm của Dực Xà Trượng kỳ diệu này; đối với những kẻ nào thấu đáo được ý nghĩa bí mật của nó thì điều này cũng dễ hiểu thôi.

Nay lời phát biểu của vị học giả Hội Trường Hội Hóa Học Anh Quốc cũng trong bài diễn văn đó có dính dáng gì tới thuyết nêu trên của chúng ta không? Rất ít, chỉ có như sau đây – không hơn :

Bài diễn văn ở Birmingham đã đề cập đến việc tôi yêu cầu thánh giả hãy hình dung ra tác dụng hai lực đối với nguyên hình chất. Một lực là thời gian, kèm theo việc giảm nhiệt độ; còn lực kia, đang dao động qua lại như là một con lắc mạnh, có các chu kỳ tuần hoàn như nước ròng, nước lớn, động và tĩnh, có liên quan chặt chẽ với vật chất bất khả lượng, bản thể, tức nguồn năng lượng mà chúng ta gọi là điện. Nay một sự so sánh giống như vậy được kể như đạt yêu cầu nếu nó khiến chúng ta nhớ mãi sự kiện mà nó định nhấn mạnh, nhưng chúng ta chẳng mong rằng nhất thiết là nó sẽ đi đôi với mọi sự kiện. Ngoài sự giảm nhiệt độ với dòng điện lên hay xuống, dương hay âm một cách tuần hoàn ra, điều này rất cần trong việc gán nguyên tử số đặc biệt cho các nguyên tố mới được sản sinh ra – hiển nhiên là chúng ta phải kể đến một nhân tố thứ ba. Thiên nhiên không tác dụng trên một mặt phẳng, nó đòi hỏi phải có không gian dành cho các thao tác vũ trụ khởi nguyên; nếu

274 chúng ta đưa không gian vào với vai trò nhân tố thứ ba, mọi chuyện sẽ rõ ra ngay. Thay vì một con lắc (pendulum) – mặc dù chúng ta vẫn không thể dùng nó như một sự kiện – chúng ta hãy thử mưu tìm một cách thức thỏa đáng hơn để trình bày điều mà tôi nghĩ rằng có thể xảy ra. Chúng ta hãy giả sử có một đồ thị hình chữ chi (zigzag) không được vạch ra trên một mặt phẳng mà lại được phóng chiếu vào trong không gian ba chiều. Liệu chúng ta có thể chọn ra hình nào đáp ứng được nhiều nhất mọi tình huống liên hệ? Người ta có thể giải thích thỏa đáng được nhiều sự kiện bằng cách giả sử rằng hình chiếu trong không gian của đường cong hình chữ chi của Giáo sư Emerson Reynold là một đường xoắn ốc. Tuy nhiên, không thể chấp nhận được hình này vì đường cong phải đi qua một điểm trung hòa về điện năng và hóa năng hai lần trong mỗi chu kỳ. Do đó, chúng ta phải chọn dùng một hình khác. Một hình số tám (8) tức lemniscate, sẽ được thu ngắn lại thành ra một chữ chi cũng như là một hình xoắn ốc, nó sẽ đáp ứng được mọi điều kiện của vấn đề này.

Một hình *lemniscate* cho cuộc tiến hóa giáng hạ từ Tinh Thần vào trong Vật Chất; một hình khác, có lẽ là hình *xoắn ốc*, trên con đường tiến hóa *thăng thượng* từ Vật Chất vào trong Tinh Thần; rồi tới cuối cùng cần phải tái hấp thụ vào trong trạng thái *trung hòa* (*laya state*), theo thuật ngữ khoa học, đó là “điểm trung hòa về điện” tức điểm *zero*. Đó là các sự kiện và lời phát biểu về Huyền bí học. Một ngày kia khoa học có thể kiểm chứng lại chúng một cách an toàn và đáng tin cậy nhất. Tuy nhiên, chúng ta hãy xem ông trình bày thêm nữa về cái kiểu mẫu nguyên thủy của biểu tượng Dục Xà Trượng.

Một hình như thế sẽ do ba chuyển động đồng thời rất đơn giản tạo ra. Thứ nhất là một dao động qua lại (giả sử là theo hướng Đông Tây); thứ nhì là một dao động đơn thẳng góc với dao động trên (giả sử là theo hướng Tây Bắc và có chu kỳ bằng một nửa (nghĩa là nhanh hơn gấp hai lần); thứ ba là một chuyển động thẳng

góc với cả hai dao động trên, giả sử là theo chiều đi xuống, dưới một dạng đơn giản nhất, chuyển động này sẽ có vận tốc không đổi. Nếu chúng ta chiếu hình này trong không gian, chúng ta sẽ nhận xét thấy là các điểm của đường cong ở chỗ clor, brom và iod ở gần nhau, điểm này dưới điểm kia; lưu huỳnh, selenium và telurium cũng vậy; phosphor, arsenic và antimon cũng thế; hàng loạt các chất tương tự cũng vậy. Người ta có thể hỏi liệu sơ đồ này có thể giải thích được làm thế nào và tại sao các nguyên tố lại xuất hiện theo trật tự này? Chúng ta hãy tưởng tượng một sự tiến triển tuần hoàn trong không gian, mỗi cuộc tiến hóa đang chứng kiến sự khai sinh ra nhóm nguyên tố mà trước kia tôi đã trình bày như là được tạo ra trong vòng một chấn động hoàn chỉnh của một con lắc. Chúng ta giả sử rằng như thế là một chu kỳ đã hoàn thành; trong cuộc hành trình hào hùng qua không gian, trung tâm lực sáng tạo bất khả tri đã vung vãi dọc theo lộ trình của mình các nguyên tử bản sơ các mầm mống (tạm gọi như vậy). Hiện nay, các nguyên tử này phải hóa hợp và phát triển thành ra các nhóm như lithium, berilium, bor, carbon, nitrogen, oxygen, fluor, sodium, magnesium, nhôm, silicium, phosphor, lưu huỳnh và clor. Hình dáng của lộ trình mà nay nó đi theo ra sao thế nhỉ ? Nếu nó bị giới hạn chặt chẽ vào cùng bình diện thời gian và nhiệt độ, thì các nhóm nguyên tố phải xuất hiện kế tiếp lại là nhóm lithium; thế là chu kỳ nguyên thủy sẽ được lặp lại mãi, cứ tạo ra cùng một 14 nguyên tố mãi mãi. Tuy nhiên, các điều kiện không hoàn toàn như nhau. Trước hết, Không gian và điện vẫn như vậy, nhưng nhiệt độ đã thay đổi; thay vì các nguyên tử là lithium được bổ túc bởi các nguyên tử tương tự với chúng về mọi phương diện các nhóm nguyên tử, vốn xuất hiện khi chu kỳ thứ hai bắt đầu, không tạo thành lithium mà lại là tạo thành potassium, hậu duệ của nó. Do đó, giả sử rằng lực sinh hóa đang chạy đi chạy lại một cách tuần hoàn dọc theo một đường lemniscate, như đã nêu trên, trong khi nhiệt độ giảm đồng thời với nhịp thời gian, đó là những biến thiên mà tôi đã ra sức trình bày như là chỗ trũng xuống, mỗi dây của đường lemniscate sẽ cắt cùng

275 một đường thẳng đứng ở những điểm ngày càng thấp. Nếu được chiếu trong không gian, đường cong sẽ biến thành một đường trung tâm trung hòa về điện và hóa tính – điện dương ở phía Bắc và điện âm ở phía Nam. Các nguyên tử số chủ yếu (dominant atomicities) bị chi phối ở khoảng cách (theo hướng Đông và Tây) tới trung tâm trung hòa; các nguyên tố đơn nguyên tử cách nó một khoảng, các nguyên tố hai nguyên tử cách nó hai khoảng v.v... Định luật đó vẫn có giá trị ở mọi vòng dây nối tiếp nhau.

Và như thế để chứng minh cái định đề của Huyền bí học và triết học Ấn Độ, rằng vào lúc có chu kỳ *Hỗn Nguyên* (*Pralaya*), hai *trạng thái* của Thượng Đế Bất Khả Tri (the Unknowable Deity), “Con Thiên Nga trong U Minh” tức Prakriti (Thiên Nhiên hay Vật Chất thiên hình vạn trạng) và Purusha (Tinh Thần), không còn tồn tại nữa mà lại tan hòa *hoàn toàn*, chúng ta lại học được cái ý kiến kết luận khoa học của nhà hóa học lỗi lạc người Anh, ông đã xiển dương các bằng chứng của mình bằng cách cho rằng :

Nay chúng ta đã truy nguyên ra sự hình thành của các nguyên tố hóa học từ các nút và các chỗ trống trong một lưu chất vô hình sơ khai. Chúng ta sẽ chứng tỏ rằng các nguyên tử có thể, thậm chí có lẽ không tồn tại vĩnh viễn, song lại chia sẻ với mọi tạo vật khác thuộc tính phân hủy rồi chết.

Đó cũng chính là ý kiến của Huyền bí học, vì các điều “có thể” và “có lẽ” của khoa học lại là các sự kiện đối với nó, được chứng minh rành mạch đến nỗi không cần chứng tỏ gì thêm nữa, và cũng chẳng cần có bằng chứng vật chất ngoại cảnh nào khác. Tuy nhiên, trước sau như một, nó vẫn lặp lại câu sau đây “VẬT CHẤT THẬT LÀ VĨNH CỬU và chỉ trở thành nguyên tử (một trạng thái của nó) một cách định kỳ”. Điều này cũng chắc chắn như là đề án khác mà các nhà thiên văn học và các nhà vật lý hầu như đã nhất trí chấp nhận – đó là “cơ thể của Vũ Trụ ngày càng bị hao mòn đi, điều này rất

cuộc sẽ đưa tới việc Lửa Thái Dương (the Solar Fire) bị tắt ngấm, còn Vũ Trụ thì bị hủy diệt – theo các đường lối mà các nhà khoa học đã vạch ra, điều này thật là sai lầm. Trong thời gian và vĩnh cửu, bao giờ cũng có các cuộc giải thể định kỳ của Vũ Trụ biểu lộ, chẳng hạn như chu kỳ Hồn Nguyên từng phần sau mỗi Ngày của Brahmā và chu kỳ Hồn Nguyên Vũ Trụ - ĐẠI CHU KỲ HỒN NGUYÊN (the MAHA-PRALAYA) – chỉ diễn ra sau mỗi Đời của Brahmā. Nhưng các nguyên nhân khoa học của sự giải thể như thế (nếu khoa học chính xác đã trình bày) chẳng ăn nhập gì tới các nguyên nhân thực sự. Cho dù điều đó có ra sao đi nữa, khoa học vẫn cứ lại một lần nữa biện minh cho Huyền bí học, và Giáo sư Crookes đã cho rằng:

Từ các luận chứng xuất phát từ phòng thí nghiệm hóa học, chúng ta đã chứng tỏ được rằng trong bất kỳ chất nào đã đáp ứng được mọi cuộc thử nghiệm về một nguyên tố đều có các sắc thái dị biệt tinh tế khiến chúng ta có thể chọn lọc được. Chúng ta đã thấy rằng sự phân biệt cổ kính giữa các nguyên tố và các hợp chất đã không còn đi đôi với sự phát triển của hóa học, song nó phải được biến đổi để bao hàm hàng loạt các chất trung gian tức các “siêu nguyên tố” (“meta-elements”). Chúng ta đã chứng tỏ được làm thế nào mà chúng ta có thể tiếp nhận được các lời phản đối của Clerk-Maxwell (chúng thật là có sức thuyết phục). Cuối cùng, chúng ta đã viện dẫn ra các lý do để tin tưởng rằng vật chất bản sơ đã được tạo ra do tác dụng của một lực sinh hóa; cứ chốc chốc nó lại tổng ra các nguyên tử được phú cho nhiều lượng khác nhau của các dạng năng lượng bản sơ. Nếu chúng ta dám phỏng đoán về nguồn năng lượng được bao hàm trong một nguyên tử hóa học, thì tôi tưởng chúng ta có thể đặt thành tiền đề điều sau đây : “Các bức xạ nhiệt – vốn được vật chất khả lượng của vũ trụ truyền ra bên ngoài qua ether theo một tiến trình tự nhiên mà chúng ta chưa biết – được biến đổi ở tận biên (confines) của vũ trụ thành ra các chuyển động chủ yếu của các nguyên tử hóa học. Ngay khi được tạo ra, các

276 chuyển động này lại quy vào bên trong, như thế là chúng đã trả lại cho vũ trụ loại năng lượng lẽ ra đã bị mất đi do bức xạ nhiệt. Nếu điều phỏng đoán này mà hữu lý thì điều tiên tri kỳ diệu của William Thomson (cho rằng rốt cuộc vũ trụ sẽ suy vi vì đã phung phí hết năng lượng của mình) sẽ hoàn toàn sụp đổ. Thưa quý vị, đối với tôi, hình như vấn đề các nguyên tố có thể được tạm thời bàn tới như thế đó. Chắc chắn là cái vốn kiến thức nhỏ nhoi của chúng ta về các bí nhiệm bản sơ này đang ngày càng phát triển, mặc dù chỉ chậm chạp thôi”.

Do một sự trùng hợp kỳ diệu, ngay cả giáo lý “Thất phân” (“Septenary”) của chúng ta cũng hình như làm bó tay khoa học. Nếu chúng tôi hiểu không lầm thì hóa học có đề cập tới mười bốn nhóm nguyên tử bản sơ – lithium, beryllium, bore, carbon, nitrogen, oxygen, fluor, sodium, magnesium, nhôm, silicium, phosphor, lưu huỳnh và clor. Đề cập tới các “nguyên tử sở” (“dominant atomicities”) chủ yếu, Giáo sư Crookes đã liệt kê bảy nhóm như sau :

Khi tiêu điểm năng lượng sáng tạo chu chuyển, chúng ta thấy trong các chu kỳ kế tiếp nhau, nó gieo trong một khoảng không các mầm sống của lithium, potassium, rubidium và cesium; trong một khoảng khác có clor, brom và iod; trong một khoảng thứ ba có sodium, đồng, bạc và vàng; trong khoảng thứ tư có lưu huỳnh, selenium, telur; trong khoảng thứ năm có beryllium, calcium, strontium và barium; trong khoảng thứ sáu có magnesium, kẽm, cadmium và thủy ngân; trong một khoảng thứ bảy có phosphor, arsenic, antimon và bismuth [chúng tạo thành bảy nhóm phía bên này. Và sau khi gieo rắc] ... trong các khoảng các nguyên tố khác – nghĩa là nhôm, gallium, indium và thallium; silicium, germanium và thiếc; carbon, titanium và zirconium... (ông nói thêm) trong khi đó, người ta thấy một vị trí tự nhiên gần trục trung hòa dành cho ba nhóm nguyên tố mà Giáo sư Mendeleeff xếp vào loại bệnh viện dành cho những kẻ Không chữa được (Hospital for Incurables) – tức họ thứ tám của ông (his eight family).

Thật là thú vị nếu so sánh bảy họ này với họ thứ tám gồm những thứ “hết thuốc chữa” với các ẩn dụ liên quan tới bảy đứa con bản sơ của “Từ Mẫu, Không Gian Vô Cực” (“Mother, Infinite Space) tức Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi) và đứa con *thứ tám* bị bà từ bỏ. Như thế, chúng ta có thể thấy nhiều điều trùng hợp kỳ diệu giữa các khoen nổi trung gian được mệnh danh là các siêu nguyên tố hay các á nguyên tố với cái mà Huyền bí học gọi là Thực tượng của chúng (their *Noumenoi*), tức các Đấng Thông Tuệ chủ trì các nhóm Chon Thần và Nguyên tử đó. Nhưng điều này sẽ đưa chúng ta đi xa lắm. Thôi thì chúng ta đành bằng lòng với lời thú nhận sau đây :

Sự thiếu thuần trạng tuyệt đối (absolute homogeneity) này sẽ đánh dấu sự cấu tạo của các phân tử hoặc khối tập hợp vật chất mà chúng ta mệnh danh là các nguyên tố. Điều này sẽ rõ ràng hơn nếu chúng ta tưởng tượng ngược về quá khứ tới tận lúc khai tịch vũ trụ vật chất của chúng ta, và đối diện với Đại Bí Nhiệm (the Great Secret), ra sức xét tới các diễn trình tiến hóa của các nguyên tố.

Thế là sau cùng, để cho kẻ phạm tục hiểu rõ hơn, đích thân các đại diện cao cấp nhất của khoa học lại chọn dùng các thuật ngữ của các Cao đồ thời xưa như là Roger Bacon và quay về với “nguyên hình chất” (“*protyle*”). Mọi thứ này đều đầy triển vọng và gọi cho chúng ta nghĩ tới các “dấu hiệu thời gian” (“*signs of the times*”).

Thật vậy, các dấu hiệu này rất nhiều và ngày càng tăng, nhưng chẳng có gì quan trọng hơn các dấu hiệu vừa kể. Ấy là vì nay người ta đã hoàn toàn lấp đầy được hố sâu ngăn cách giữa các giáo lý Huyền bí “mê tín dị đoan và *phản khoa học*” với các giáo điều của khoa học; hơn nữa, có ít nhất là một trong các nhà hóa học lỗi lạc ngày nay đang bước vào lãnh
277 vực Huyền bí với các khả năng vô tận. Càng tiến bước, ông

càng tiến gần hơn tới các Trung tâm bí nhiệm (mysterious Centre), từ đó tỏa ra vô số con đường dẫn từ Tinh Thần xuống vật Chất, nó biến chư Thần Linh và các Chơn Thần sống động thành ra con người và Thiên Nhiên hữu cảm. Nhưng trong Tiết sau, chúng ta sẽ đề cập tới chủ đề này thêm nữa.

TIẾT 9

LỰC SẮP TỚI (THE COMING FORCE)

NÓ CÓ THỂ CÓ HAY KHÔNG ? (ITS POSSIBILITIES AND IMPOSSIBILITIES)

Ai dám bảo Lực là “Vật Chất chuyển động” (“moving Matter”, or “Matter in motion”) và là một biểu lộ của năng Lượng; hay Vật Chất và Lực đều là các trạng thái biến phân thuộc cõi hiện tượng của Vũ Trụ Chất bản sơ chưa biến phân duy nhất?

Câu này liên quan tới ĐOẠN KINH bàn về FOHAT và “bảy Phân Thân của nó (his “Seven brothers or Sons”), nói cách khác, đó là nguyên nhân và các hiệu quả của Điện Vũ trụ (Cosmic Electricity). Đó là thuật ngữ Huyền bí học để chỉ *bảy thân lực chủ yếu* của Điện, các nhà vật lý học chỉ tri giác được các tác dụng *thuần là* hiện tượng (do đó thô trực nhất) của nó trên cảnh giới vũ trụ, nhất là trên trần thế. Ngoài các thứ khác ra, chúng còn bao gồm cả Âm thanh, Ánh sáng, Màu sắc v.v... Nay vật lý học bảo chúng ta như thế nào về các “Lực” này? Theo vật lý học, ÂM THANH (SOUND) là một *cảm giác* do tác động của các phân tử khí trời đối với màng nhĩ, nó tạo nên các rung động tế nhị trong bộ máy thính giác, bộ máy này chuyển các chấn động của chúng lên não. ÁNH SÁNG của

cảm giác do tác động của các chấn động vô cùng nhỏ của ether lên trên võng mạc của mắt.

Chúng tôi cũng đồng ý như vậy. Tuy nhiên, đó chỉ là các hiệu quả được tạo ra trong bầu khí quyển của *chúng ta* và môi trường ngay xung quanh đó; thật vậy, tất cả đều do tầm tri giác trần thế của chúng ta. *Jupiter Pluvius* có biểu tượng là các giọt nước mưa gồm có hai “nguyên tố” (người ta tin như vậy mà hóa học đã phân tích và tái hóa hợp. Nó đã làm chủ được các phân tử hợp chất, nhưng các nguyên tử của chúng vẫn còn ngoài tầm tay của nó. Nơi mọi Thần Lực (Forces) và biểu lộ này, Huyền bí học thấy một chiếc thang (a ladder); các nấc dưới của nó thuộc về vật lý học *ngoại môn*, các nấc cao của nó lên mãi tới tận một Quyền năng vô hình, thông tuệ, sống động; trên nguyên tắc, đó là nguyên nhân vô hình, song vô cùng hữu thức của các hiện tượng sinh ra từ giác quan được mệnh danh là một luật thiên nhiên nào đó.

279 Chúng tôi khẳng định rằng, ÂM THANH (SOUND) là một Quyền năng mãnh liệt; đó là một thần lực phi thường mà điện lực do một triệu cái thác Niagaras sản sinh ra cũng chẳng bao giờ hóa giải được cái tiềm năng nhỏ nhất ấy khi được *Kiến Thức Huyền Linh (Occult Knowledge)* điều động. Người ta có thể tạo ra âm thanh có một bản chất phi thường đến nỗi Kim Tự Tháp Cheops cũng bị nâng lên lơ lửng trên không, hoặc một người hấp hối, thậm chí một người đang trút hơi thở cuối cùng, cũng được hồi sinh tràn đầy năng lượng và sinh lực mới mẻ.

Ấy là vì Âm thanh sản sinh ra, hoặc đúng hơn là thu hút các nguyên tố lại để tạo ra một chất *ozone*; việc chế tạo chất này ở ngoài tầm tay của Hóa học, nhưng lại ở trong tầm tay của Khoa luyện kim đan. Thậm chí nó có thể làm *hồi sinh* một con người hoặc một con thú mà thể dĩ thái chưa vĩnh viễn

chia lìa với thể xác vì tuyến từ điển đã bị cắt đứt. *Với tư cách là một người đã ba lần được cứu mạng* bằng quyền năng này, tác giả có đủ uy tín để đảm bảo là bản thân mình có hiểu biết chút ít về điều đó.

Nếu tất cả các điều này có vẻ quá *phản khoa học* đến nỗi chẳng ai quan tâm tới, thì xin khoa học hãy giải thích xem các hiện tượng mới được tạo ra của cái gọi là động cơ Keely đã tuân theo các luật cơ học và vật lý đã biết nào ? Cái vật tác dụng như là cái máy phi thường phát ra lực vô hình nhưng khủng khiếp (năng lượng của nó chẳng những có thể làm chạy một động cơ 25 mã lực, mà còn có thể được nhân công dùng để nâng cao máy móc nữa) là cái gì vậy? Thế nhưng điều này đã được thực hiện bằng cách chỉ cần kéo một cái cung kéo vĩ cầm qua một bên âm thoa (điều này đã được chứng minh đi chứng minh lại). Ấy là vì Lực *ether* (the *etheric Force*) mà John Worrell Keely (người xứ Philadelphia lừng danh ở Mỹ và Âu Châu) tìm ra đâu có phải là *ảo giác*. Mặc dù ông đã không thể sử dụng được nó – ngay từ đầu, một số nhà Huyền bí học đã tiên đoán và khẳng định như vậy – nhưng nhà phát minh ấy đã phô diễn trong vòng một ít năm qua các hiện tượng kỳ diệu, hầu như là một phép lạ theo nghĩa *siêu nhân* (*superhuman*) chứ chẳng phải là *siêu nhiên* (*supernatural*).⁽¹⁾ Nếu Keely thành công, ông có thể đã biến toàn thể một

¹ Từ ngữ “siêu nhiên” có hàm ý vượt *trên* hoặc ở bên ngoài thiên nhiên. Thiên Nhiên và Không gian đều là một. Thế mà đối với nhà siêu hình học, Không gian tồn tại bên ngoài bất cứ tác dụng nào của cảm giác và thuần là một hiện tượng nội tâm, bất kể chủ trương của Chủ nghĩa Duy vật cứ khẳng khẳng liên kết nó với một dữ kiện cảm giác nào đó. Đối với giác quan của chúng ta, nó *hoàn toàn có tính cách nội tâm* khi độc lập với bất cứ thứ gì bên trong nó.

đạo quân thành ra các nguyên tử trong không gian trong vòng vài giây, cũng dễ dàng như khi ông biến một con bò chết thành ra tình trạng đó.

Nay xin độc giả hãy nghiêm chỉnh quan tâm tới cái mãnh lực mới được khám phá mà nhà phát minh đã mệnh danh là “Lực Liên Ether và các Lực” (“Inter-Etheric Forces, and Forces”).

280 Theo thiên ý của các nhà Huyền bí học (chẳng hạn như các bạn thân của ông), ông Keely đã và vẫn còn ở trước thêm của một vài bí nhiệm vĩ đại nhất của Vũ Trụ. Xét Vũ Trụ biểu lộ và chưa biểu lộ như là MỘT ĐƠN VỊ (UNITY), Huyền bí học đã trình bày biểu tượng cái quan niệm lý tưởng về vũ trụ bằng “Kim Noãn” (“Golden Egg”) với hai cực bên trong. Chính cực dương đã tác động trong Thế giới Vật Chất biểu lộ; trong khi đó, cực âm lại đắm chìm trong sự Tuyệt Đối Bất Khả Tri của SAT (Hữu Thể).⁽¹⁾ Chúng ta không thể bảo rằng

Thế thì, làm sao mà bất cứ hiện tượng nào, hoặc bất cứ thứ nào khác, có thể bước ra bên ngoài hoặc được thực hiện bên ngoài cái vốn vô biên vô hạn? Nhưng khi chúng ta chỉ xem sự bành trướng trong không gian như là một ý niệm có liên quan tới một vài tác động (chẳng hạn như của các nhà Duy vật và các nhà vật lý học); bấy giờ họ lại khó lòng có quyền xác định và khẳng định rằng cái nào có thể hoặc không thể được tạo ra bởi các lực được sản sinh ra ngay cả trong vòng các không gian hạn hẹp, và họ chưa có được ngay cả đến một ý niệm gần đúng xem các Lực này là gì cả.

¹ Khi đề cập tới Chủ Nghĩa Duy Tâm (Idealism), thật là sai lầm khi chúng ta cho rằng nó dựa vào “các giả định bản thể học xa xưa cho rằng các sự vật hoặc thực thể tồn tại độc lập với nhau chứ không phải như là các điều kiện” (Stallo). Dù sao đi nữa, thật là sai lầm nếu triết học Đông phương quan niệm như thế về Chủ nghĩa Duy Tâm và sự tri thức của nó, vì ngược lại mới đúng.

liệu điều này có phù hợp với triết thuyết của ông Keely chẳng; kể ra thì điều này cũng chẳng có gì là quan trọng. Tuy nhiên, các ý tưởng của ông về cấu tạo ether vật chất của Vũ Trụ dường như cũng kỳ lạ như các ý tưởng của chính chúng tôi, về phương diện này thì cả hai dường như giống hệt nhau. Trong một tác phẩm có giá trị của bà Bloomfield – Moore (một phụ nữ Mỹ mà các nỗ lực không ngừng trong việc mưu tìm chân lý chưa bao giờ được đánh giá quá cao), chúng ta thấy ông trình bày như sau:

Khi giải thích về các vận hành động cơ của mình, ông Keely đã bảo rằng: “Khi quan niệm ra bất kỳ máy móc nào được kiến tạo nên từ trước đến nay, người ta chưa bao giờ tìm thấy môi trường cảm ứng một trung tâm trung hòa. Nếu có điều đó, thì những kẻ mưu tìm chuyển động trường kỳ đã không còn gặp khó khăn nữa và vấn đề này ắt đã trở nên một sự kiện đã định và hiện hành. Chỉ cần tác dụng lên cái dụng cụ đó một xung lực sơ khởi vài cân Anh là nó vận hành hàng thế kỷ. Khi nghĩ ra máy rung của mình, tôi không hề tìm cách đạt được chuyển động trường kỳ, nhưng một mạch rung đã được tạo ra, nó thật sự có một tâm trung hòa được ether rung động của tôi làm cho linh hoạt. Trong khi đang vận hành bằng chất đã nói, nó thực sự là một máy hầu như độc lập với khối lượng (tức hình cầu),⁽¹⁾ chính tốc độ kỳ diệu của mạch chấn động đã khiến cho nó như vậy. Thế nhưng, dù hoàn hảo như vậy, nó vẫn còn phải được ether chấn động cấp dưỡng để cho nó trở thành một động cơ độc lập... Mọi cấu trúc đều phải có một mầm mống với sức bền tỷ lệ với trọng lượng của khối mà chúng phải đỡ, nhưng các nền móng của vũ trụ lại tựa trên một điểm chân không nhỏ hơn một phân tử nhiều. Thật vậy, nói cho đúng ra thì nó dựa trên một *điểm liên ether* (*an inter-etheric point*); muốn hiểu được điều này phải có một tâm trí thật là vô hạn. Việc nhìn vào trong lòng sâu

¹ Độc lập theo ý nghĩa nào đó, nhưng không thể *biệt lập* với nó.

thăm thẳm của một tâm ether thì cũng giống hệt như là việc mưu tìm giới tuyến của không gian bao la chứa ether trên trời; có điều dị biệt một thứ là hoạt trường dương, còn một thứ là hoạt trường âm”.

Chúng ta dễ dàng thấy rằng điều này chính là Giáo lý Đông phương. Điểm liên ether của ông Keely chính là điểm *trung hòa* của các nhà Huyền bí học; tuy nhiên, muốn hiểu điều này thì chẳng cần gì một tâm trí vô hạn mà chỉ cần một trực giác chuyên biệt và năng lực truy tìm chỗ ẩn của nó trong thế giới Vật Chất. Dĩ nhiên là chúng ta không thể tạo ra một *điểm trung hòa* (the *laya centre*), nhưng chúng ta có thể tạo ra một *chân không liên ether* (an *inter-etheric vacuum*) – điều này có thể được chứng minh do việc tạo ra các tiếng chuông trong không gian. Tuy nhiên, ông Keely trình bày như là một nhà

281 Huyền bí học vô thức khi ông nhận xét trong thuyết hành tinh lơ lửng (planetary suspension) như sau:

Xét về thể tích của hành tinh theo một quan điểm khoa học, chúng ta ắt hỏi làm thế nào sự dị biệt quá lớn về thể tích của các hành tinh lại có thể tồn tại mà không phá rối tác động hài hòa luôn luôn đặc trưng cho chúng? Tôi chỉ có thể trả lời câu hỏi này một cách thỏa đáng bằng cách bắt đầu phân tích một cách lũy tiến, khởi sự từ các tâm quay ether mà Tạo Hóa (Creator)⁽¹⁾ đã qui định cho năng lực hấp dẫn hay tích lũy của chúng. Nếu bạn hỏi đâu là cái quyền năng ban cho mỗi nguyên tử ether cái tốc độ quay phi thường (tức xung lực sơ khởi), thì, tôi phải trả lời rằng chẳng tâm trí hữu hạn nào có thể quan niệm ra được xem nó là cái gì? Chỉ có triết thuyết tích lũy đã chứng tỏ rằng một quyền năng như thế đã được ban ra. Có thể nói là diện tích của một nguyên tử ấy chịu tác dụng của lực hút (tức lực hấp dẫn từ điện), lực tuyển lựa (tức lực

¹ Một nhà Huyền bí học sẽ trả lời rằng: “Bằng Vô cực điện thì có lẽ đúng hơn”.

đẩy), mọi lực tương ứng và mọi lực đối lập đặc trưng cho một hành tinh lớn nhất; do đó, khi sự tích lũy tiếp diễn, chúng ta vẫn có sự cân bằng hoàn toàn. Một khi trung tâm nhỏ bé này đã cố định, năng lượng cần để bứt nó ra khỏi vị trí tất nhiên phải lớn đến mức làm dịch chuyển được hành tinh khổng lồ nhất đang tồn tại. Khi tâm trung hòa nguyên tử dời chỗ, hành tinh cũng phải đi theo nó. Tâm trung hòa mang theo toàn bộ tải trọng của bất kỳ sự tích lũy nào từ đầu, vẫn y nguyên như vậy, mãi mãi cân bằng trong không gian vĩnh cửu.

Ông Keely đã minh họa ý niệm về một “tâm trung hòa” như sau:

Chúng ta phải tưởng tượng rằng sau khi một hành tinh đã tích lũy được bất kỳ một đường kính nào đó, chẳng hạn như trên dưới 20 000 dặm, vì kích thước chẳng đáng gì tới vấn đề này, phải có một sự dời chỗ của mọi vật liệu (ngoại trừ một lớp vỏ dày 5 000 dặm) để lại một khoảng trống giữa lớp vỏ này và một trung tâm có kích thước bằng một quả banh bi-a (billiard ball) thông thường; thế thì cần phải có một lực để di chuyển khối trung tâm bé nhỏ này lớn cũng bằng lực để vận chuyển lớp vỏ dày 5 000 dặm. Hơn nữa, khối trung tâm bé nhỏ này sẽ chịu tải trọng của lớp vỏ này mãi mãi, giữ cho nó cách đều; không một kháng lực nào (dù là lớn đến đâu) có thể hội nhập chúng lại được. Chúng ta ắt phải ngạc nhiên tột độ khi chiêm ngưỡng cái tải trọng vĩ đại tựa trên điểm trung tâm này, nơi đó, trong lượng không còn nữa... Đó là một tâm trung hòa theo quan niệm của chúng tôi.

Đây cũng chính là điểm “trung hòa” theo quan niệm của các nhà Huyền bí học.

Các điều trên bị nhiều người tố cáo là “phản khoa học”. Nhưng đó cũng là số phận của bất cứ điều gì không được vật lý học thừa nhận và không đi theo đường lối chính thống giáo điều của nó. Nếu không chấp nhận lời giải thích của chính nhà phát minh – các lời giải thích của ông hoàn toàn

chính thống theo các quan điểm Huyền linh (the Spiritual and the Occult standpoints), nếu không muốn nói là theo quan điểm của khoa học suy lý duy vật được mệnh danh là *chính xác*, do đó cũng là quan điểm của chúng ta nói riêng – thì làm sao khoa học có thể giải đáp được các sự kiện đã được chứng kiến, mà không ai còn có thể chối cãi được? Huyền bí học chỉ tiết lộ một ít bí nhiệm (mysteries) có tầm quan trọng nhất. Nó nhỏ chúng ra từng giọt một như là các viên ngọc trai quý giá rải rác khắp nơi; ngay cả điều này bắt buộc phải làm thế vì đợt sóng thần tiến hóa đang dần dần âm thầm và đều đặn mang Nhân loại tới buổi sơ khai của Giống dân thứ Sáu (the Sixth Race mankind). Ấy là vì một khi không còn được các kẻ kế thừa chính thống coi sóc cẩn mật nữa, các bí nhiệm này sẽ không còn tính cách Huyền bí nữa: chúng đã trở thành của chung và có nguy cơ giáng họa hơn là ban phúc nếu lọt vào tay bọn người ích kỷ như kiểu *Cain*. Tuy nhiên, bất cứ khi nào mà các bậc kỳ tài về tâm linh và trí tuệ ⁽¹⁾ (chẳng hạn như người khám phá ra *Lực Ether*) cất tiếng chào đời, nói chung họ thường được trợ giúp hơn là mò mẫm tìm đường; nếu để tự xoay xở, chẳng bao lâu họ sẽ trở thành các bậc thánh tử vì đạo, hoặc biến thành môi ngon của các kẻ đầu cơ trục lợi, táng tận lương tâm. Nhưng họ chỉ được trợ giúp *với điều kiện là họ sẽ không trở thành (dù là hữu thức hay vô thức) một môi nguy hiểm thêm nữa cho thời đại họ: một môi nguy cơ đối với người dân nghèo, nay vẫn ngày ngày chịu cảnh người giàu bóc lột người nghèo.*⁽²⁾ Cần phải ra ngoài đề một chút để giải thích điều này:

¹ Chút nữa sẽ trình bày tại sao lại có các thần thông này.

² Điều trên được viết ra vào năm 1886 khi mà người ta đang hy vọng tràn trề là “Động cơ Keely” (“Keely Motor”) sẽ thành công.

Chừng 12 năm về trước, trong một cuộc triển lãm bách niên Philadelphia, để trả lời cho các câu hỏi khát khao của một nhà Minh Triết Thiêng Liêng (một trong những người đầu tiên hâm mộ ông) tác giả đã lập lại cho y biết những điều mà bà đã được thượng cấp chỉ dạy, đó là kiến văn mà bà chẳng bao giờ có thể nghi ngờ.

Người ta đã xác định rằng theo biệt ngữ của các tín đồ Do Thái Bí giáo, người đã phát minh ra “Động cơ tự hành” (“Self- Motor”) đó được gọi là một “thuật sĩ bẩm sinh” (“natural-born magician”). Ông vẫn không hề ý thức được toàn bộ phạm vi áp dụng các quyền năng của mình và chỉ thi thố những quyền năng mà ông đã tìm ra và nhận biết được nơi bản thân mình – *thứ nhất* là vì gán cho chúng một nguồn gốc sai lầm nên ông chưa bao giờ hiển lộ các quyền năng này được một cách viên mãn; *thứ nhì* là vì ông không đủ năng lực chuyển cho người khác những gì vốn là *một năng khiếu cố hữu trong bản chất đặc biệt của riêng ông*. Vì thế, không thể

Những điều mà tác giả tuyên bố lúc bấy giờ đã được chứng minh là đúng, nay chúng ta chỉ cần thêm một ít nhận xét liên quan tới sự thất bại của các điều kỳ vọng của ông Keely, đến nay, chính nhà phát minh cũng nhìn nhận thất bại này. Tuy nhiên, mặc dù ở đây chúng ta dùng từ ngữ *thất bại*, độc giả nên hiểu nó theo một ý nghĩa tương đối, vì bà Bloomfield Moore đã giải thích như sau: “Ông Keely đã nhìn nhận là vì bị thất bại trong việc áp dụng lực chấn động vào cơ học theo các đường lối khảo cứu thực nghiệm thứ nhất và thứ nhì. Ông bắt buộc phải hoặc là thứ nhận đã bị thất bại về thương mại, hoặc là thứ tiến hành đường lối thứ ba, vẫn dựa vào nguyên tắc đó, mưu tìm thành tựu qua một phương tiện khác”. “Phương tiện” này lại ở trên cảnh giới *hồng trần*.

thường xuyên chuyển nhượng cho bất cứ ai toàn bộ bí nhiệm này để áp dụng vào thực tế.⁽¹⁾

Những người bẩm sinh có một năng khiếu như vậy cũng không phải là *rất hiếm*. Thường thường trong hầu hết mọi trường hợp, họ cứ sống rồi chết đi mà hoàn toàn không biết mình vốn sở hữu những quyền năng phi thường. Ông Keely có các quyền năng được gọi là phi thường, chỉ vì ngày nay ít ai biết tới, chẳng khác nào ít ai biết tới sự tuần hoàn của máu trước thời Harvey. Máu vẫn tồn tại, nó đã từng tác động như hiện nay nơi người đàn ông đầu tiên được sinh ra từ đàn bà; cũng thế, trong con người có tồn tại cái *nguyên khí* có thể kiểm chế và chỉ đạo Lực chấn động ether. Dù sao đi nữa, nó vẫn tồn tại nơi mọi thể nhân có *Chon Ngã liên hệ nguyên thủy* (vì trực hệ) với cái nhóm *Thiên Định Đế Quân* được mệnh danh là “con đầu lòng của *Dĩ Thái*” (“*the first-born of Ether*”). Xét về mặt tâm linh, nhân loại được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm có liên quan tới một trong các nhóm *Thiên Định Đế Quân* thoát tiên đã tạo ra con người tâm linh (xem các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 trong phần giảng lý ĐOẠN KINH 7). Vốn được ưu đãi rất nhiều về phương diện này, và ngoài khí chất tâm linh ra, xét về mặt trí thức, ông còn là một thiên tài về cơ khí nữa; do đó ông Keely có thể đạt được nhiều thành quả kỳ diệu. Ông đã thành đạt được một vài điều – hơn mức bất kỳ thể nhân nào chưa được khai ngộ vào các *Bí pháp tối hậu* thành đạt được trong thời đại này mãi đến ngày nay. Những gì ông đã thực hiện, chắc chắn là hoàn toàn đủ để cho chính khoa học phải đập nát các thần tượng của mình, các thần tượng bằng vật chất

¹ Chúng tôi biết rằng nhận xét này không thể được áp dụng cho khám phá mới nhất của ông Keely, chỉ có thời gian mới có thể chứng tỏ được cái giới hạn chính xác của các thành tích của ông.

với chân bằng đất sét – như bạn bè ông đã nói với ông một cách rất đúng như thế. Tác giả cũng chẳng hề bất đồng ý kiến với bà Bloomfield-Moore; trong một tài liệu về “Lực Tâm Linh và Lực Ether”, bà đã nêu rõ rằng với tư cách là một triết gia, ông Keely:

Có tâm hồn đủ cao cả, tâm trí đủ minh mẫn và khí phách cao thượng để khắc phục được mọi khó khăn và cuối cùng xuất hiện trên thế giới với tư cách là một nhà phát minh đại tài nhất.

Bà còn trình bày thêm như sau:

Nếu Keely chẳng làm điều gì khác hơn là dẫn dắt các nhà khoa học từ các địa hạt buồn tẻ mà họ đang lẩn mò tìm kiếm, vào trong lãnh vực nguyên tố lực (elemental force) quang đăng (nơi mà trọng lực và lực cố kết vẫn ám ảnh họ và không được dùng tới; nơi mà từ cội nguồn nhất nguyên, có xạ ra năng lượng vô hạn vào thiên hình vạn trạng) ông sẽ lừng danh muôn thuở. Nếu để đập tan chủ nghĩa Duy vật, ông có thể chứng minh được rằng có một nguyên khí bí nhiệm (mà vật chất, dù được tổ chức hoàn bị đến đâu đi chăng nữa, cũng phải hoàn toàn tuân phục) làm linh hoạt vũ trụ, thì ông sẽ là một ân nhân tinh thần đối với nhân loại chúng ta hơn bất kỳ người nào mà thế giới hiện đại đã phát hiện được. Nếu trong lãnh vực chữa trị bệnh tật, ông có thể dùng các lực tinh anh của thiên nhiên để thay thế cho các tác nhân vật chất thô trực đã giết chết người ta nhiều hơn cả chiến tranh, bệnh dịch và đói kém phối hợp lại, thì ông sẽ đáng được nhân loại mang ân. Ông sẽ làm được như vậy và còn nhiều hơn nữa nếu ông và những người đã chăm chú theo dõi sự tiến bộ của ông từng ngày một trong nhiều năm, không có những kỳ vọng quá lạc quan.

Trong tác phẩm Các Bí Mật của Keely ⁽¹⁾ cũng vị mệnh phụ đó đã trình bày đoạn sau đây trích từ một bài báo do tác giả của chính pho sách này đã viết cho tờ Theosophist:

¹ Tuyển tập Minh Triết Thiêng Liêng, Quyển I, số 9, trang 13.

Trong Vật Chất và Lực là gì, tập sách thứ năm do Nhà xuất bản Theosophist phát hành, tác giả đã cho rằng: “Các nhà khoa học vừa tìm ra ‘trạng thái thứ tư của vật chất’, trong khi đó, các nhà Huyền bí học đã thâm nhập qua trạng thái thứ sáu nhiều năm trước, do đó, mặc dù không suy diễn mà cũng biết được sự tồn tại của trạng thái cuối cùng tức trạng thái thứ bảy”. Kiến thức này bao gồm một trong các bí nhiệm của Keely được gọi là “bí nhiệm phức hợp” (“compound secret”). Nhiều người cũng biết rằng bí nhiệm của ông bao gồm “sự gia tăng năng lượng”, sự cách điện ether, và sự thích ứng lực động lực cầu (dynaspheric forces) vào máy móc.

284 Ấy chính là vì khám phá của Keely đã đưa tới việc hiểu biết một trong những bí nhiệm Huyền bí nhất, một bí nhiệm không bao giờ được phép lọt vào tay quần chúng. Đối với nhà Huyền bí học, hình như chắc chắn là ông không thể đẩy mạnh các khám phá của mình tới kết cuộc hợp lý được. Nhưng thế cũng còn hơn hiện nay. Cho dù bị hạn chế như vậy, khám phá này vẫn có thể tỏ ra có ích nhất. Ấy là vì:

Lần hồi, với sự kiên tâm trì chí mà một ngày kia thế giới sẽ tôn vinh, bậc thiên tài ấy đã miệt mài khảo cứu, khắc phục mọi khó khăn lớn lao cứ xuất hiện mãi trên đường đi và hầu như là các chướng ngại vật không thể vượt qua được (đối với mọi người, ngoại trừ ông) để tiến thêm nữa. Nhưng thế giới chưa bao giờ xác định được lúc nào sẽ sẵn sàng cho sự xuất hiện dạng lực mới mà nhân loại đang chờ đợi. Thiên nhiên, bao giờ cũng tiết lộ các bí mật của mình một cách miễn cưỡng, đang lắng nghe những lời yêu cầu của vị chủ nhân của mình (tức sự thiết yếu). Các mỏ than trên thế giới không thể chịu đựng mãi được sự bóc lột ngày càng tăng. Hoi nước đã đạt đến mức giới hạn cực đại năng lượng của mình và không đáp ứng được các nhu cầu của thời đại. Nó biết rằng mình đã tới số rồi (It knows that its days are numbered). Điện lực thì cứ ngấp ngừng (holds back) và tùy thuộc vào sự tiếp cận của cô em đồng nghiệp (sister colleague). Máy bay đang chờ đợi cái lực khiến cho sự phi hành không còn là một giấc mơ nữa. Khi người ta đã dễ

dàng từ nhà liên lạc với cơ quan bằng điện thoại, thì các cư dân trên các lục địa cũng sẽ có thể nói chuyện với nhau qua đại dương. Trí tưởng tượng bị tê liệt hết khi ra sức tiên đoán các kết quả vĩ đại của khám phá kỳ diệu này, một khi nó được áp dụng vào nghệ thuật cơ khí. Khi chiếm lấy cái ngôi mà nó sẽ bắt hơi nước nhường lại, lực động lực cầu (dynaspheric force) sẽ thống trị thế giới với một quyền lực mạnh mẽ về mặt văn minh đến nỗi mà không một tâm trí hữu hạn nào có thể đoán được các thành quả. Trong lời nói đầu của Tôn giáo Khoa Học, Laurence Oliphant đã cho rằng: “Một triển vọng luân lý mới đang đón chờ nhân loại, đó chắc chắn là một thứ nó rất cần. Triển vọng luân lý mới này tuyệt nhiên không thể bắt đầu một cách rộng khắp như thế bằng cách sử dụng lực động lực cầu cho các mục đích có lợi cho sinh hoạt.”⁽¹⁾

Các nhà Huyền bí học sẽ sẵn sàng nhìn nhận mọi điều này cùng với vị tác giả hùng biện. Chấn động phân tử nhất định là “lãnh vực khảo cứu chính thống của Keely”, các khám phá của ông sẽ tỏ ra thật là kỳ diệu – song chỉ có ông mới làm nên chuyện. Đến nay, thế giới chỉ nhận được những gì có thể được an toàn phó thác. Có lẽ lời khẳng định này chưa hoàn toàn bắt đầu xác thực đối với nhà phát minh, vì ông đã cho rằng ông tin chắc là mình sẽ hoàn thành được mọi điều mà mình đã hứa hẹn, bấy giờ, ông sẽ công bố cho thế giới; nhưng nó phải bắt đầu xác thực đối với ông trong một tương lai không xa lắm. Điều mà ông đề cập tới công tác của mình đã chứng minh hùng hồn cho sự việc đó :

Khi xét tới sự vận hành của động cơ của tôi, để có được ngay cả một quan niệm gần đúng về qui trình thao tác của nó, quý khách phải dẹp ngay mọi tư tưởng về động cơ vận hành dựa vào nguyên tắc hút khí và nén khí, dùng sự bành trướng của hơi nước (hoặc một thứ hơi tương tự nào khác) tác động lên một vùng tiếp giáp,

¹ Như trên, trang 16 – 17.

chẳng hạn như piston của một động cơ hơi nước. Động cơ của tôi chẳng có một piston mà cũng chẳng có bánh tâm sai (eccentrics), cũng chẳng có grain áp lực nào tác dụng trong máy, bất chấp kích thước hoặc dung tích của nó. Xét thật tỉ mỉ cả về việc phát triển năng lực của tôi lẫn mọi địa hạt ứng dụng của nó, hệ thống của tôi dựa vào chấn động giao cảm. Để khơi hoạt hoặc phát triển thần lực của tôi, không thể có cách nào khác được; động cơ của tôi cũng không thể vận hành dựa vào bất kỳ một nguyên lý nào khác được. Tuy nhiên, đó là cơ hệ chính tắc (the true sysem), vì thế mọi thao tác của tôi đều được điều động theo cách này – nghĩa là tôi sẽ sản sinh ra năng lượng, máy sẽ chạy, khẩu đại bác sẽ được điều động bằng một sợi dây kim loại. Chỉ sau hàng năm làm việc không ngừng và thực hiện hầu như là vô số các cuộc thí nghiệm (bao gồm không những việc kiến tạo biết bao nhiêu là các cấu trúc máy móc đặc biệt, mà còn có việc điều nghiên tỉ mỉ nhất các đặc tính hiện tượng của chính chất ether được tạo ra), tôi mới có thể không cần tới một cơ cấu phức tạp nào mà vẫn làm chủ được cái lực tinh anh và kỳ diệu mà tôi đang vận dụng. ⁽¹⁾

Các đoạn mà chúng tôi in nghiêng có liên quan trực tiếp với khía cạnh Huyền bí của việc áp dụng Lực chấn động mà ông Keely gọi là “chấn động giao cảm” (“sympathetic vibration”). “Sợi dây kim loại” đã là một bước từ cảnh giới thuần Dĩ Thái xuống Cõi Trần (the pure Etheric into the Terrestrial). Nhà phát minh đã tạo ra các phép mầu – từ ngữ “phép lạ” không phải là mạnh quá – khi chỉ tác động qua Lực liên ether mà thôi, đó là các nguyên khí thứ năm và thứ sáu của Tiên thiên khí (Ākāsha). Từ một máy phát lực dài sáu bộ (feet) ông đã thu gọn lại thành một máy phát lực “chỉ bằng một đồng hồ bạc kiểu cổ”, chính điều này là một phép lạ của

¹ Như trên, trang 18.

thiên tài về *cơ học* chứ không phải về tinh thần. bà Bloomfield Moore, người bảo trợ và một mực bệnh vực ông, đã cho rằng:

Hai dạng lực mà ông đang thực nghiệm và các hiện tượng kèm theo, chính là các phản đề của nhau.

Một dạng lực được ông sản sinh ra và tác động xuyên qua ông. Không ai đã từng lặp lại điều mà ông thực hiện, *có thể tạo ra các kết quả giống như vậy*. Đúng là “ether của Keely” đã tác động, trong khi ether của Smith hay Brown lại vẫn chưa hề có kết quả. Cho đến nay, Keely đã gặp khó khăn trong việc tạo ra một cái máy, nó sẽ phát triển và điều chỉnh “lực” mà không có sự can thiệp của bất kỳ “ý chí năng” (“will power”) nào hoặc tác dụng cá nhân nào của người điều hành, dù là vô thức hay hữu thức. Xét về những người khác, ông đã thất bại về điều này, *vì trừ ông ra, không ai có thể điều động được các “máy” của ông*. Xét về mặt huyền bí, đó là một thành tựu tiến bộ hơn nhiều so với thành tựu mà ông tiên liệu về “sợi dây kim loại”, nhưng thành quả thu được từ các cảnh giới *thứ năm và thứ sáu của Lực Dĩ Thái sẽ không bao giờ được phép phục vụ cho các mục đích thương mại, kinh doanh*. Phát biểu sau đây (của một người rất thân với nhà phát minh đại tài) đã chứng tỏ rằng cơ cấu đó của Keely có liên quan trực tiếp với việc tạo ra các thành quả kỳ diệu của ông:

Một ngày kia, các cổ đông của “Công ty động cơ Keely” gài một người vào trong phân xưởng của ông với mục tiêu trước mắt là khám phá cho bằng được bí quyết của ông. Sau sáu tháng quan sát cẩn thận, một ngày kia y vui mừng báo J.W. Keely: “Này, tôi biết cách làm cho nó chạy rồi”. Họ bèn ráp cái máy lại, Keely điều chỉnh cái vòi để phát lực và cắt lực rồi bảo: “Đấy, thử đi”. Người kia hăm hở mở cái vòi phát lực, nhưng cái máy cứ “ì” ra. Y bèn năn nỉ Keely: “Xin Ngài vui lòng làm lại cho tôi xem một tí”. Keely chiều ý hần, thế là cái máy lại chạy tức khắc, Người kia lại hí hục

thử, nhưng không thành công. Bảy giờ, Keely mới đặt tay lên vai y và bảo y thử lại một lần nữa xem sao. Y bèn thử, kết quả là máy lại phát lực ngay tức khắc.

Nếu sự kiện này mà đúng, thì vấn đề cũng dễ hiểu thôi.

Được biết ông Keely định nghĩa điện là “một chấn động nguyên tử nào đó”. Như thế hoàn toàn đúng. Nhưng đó chỉ là Điện trên cõi trần và do các tương hệ trần thế. Ông ước tính rằng :

- Có 100 000 000 chấn động phân tử trong một giây.
- Có 300 000 000 chấn động liên phân tử trong một giây.
- Có 900 000 000 chấn động nguyên tử trong một giây.
- Có 2 700 000 000 chấn động liên nguyên tử trong một giây.
- Có 8 100 000 000 chấn động aether trong một giây.
- Có 24 300 000 000 chấn động liên aether trong một giây.

Điều này đã minh chứng quan điểm của chúng ta. Chẳng rung động nào có thể được tính toán (hay thậm chí ước tính) một cách gần đúng bên ngoài “phạm vi của *Phân thân thứ 4 của Fohat*” (dùng một thuật ngữ Huyền bí), tức chuyển động tương ứng với cấu tạo của chất quang huy của giáo sư Crookes (cách đây vài năm, người ta gọi đại nó là “trạng thái vật chất thứ tư” trên cõi trần).

Nếu hỏi rằng tại sao ông Keely không được phép vượt qua một giới hạn nào đó, thì cũng dễ trả lời. Ấy là vì cái mà ông đã vô tình khám phá ra chính là Lực tinh đầu (sideral Force) mà người Atlante đã biết và mệnh danh là MASH-MAK (trong *Astra Vidyā*, các Thánh Hiền đã gọi nó bằng một danh xưng mà chúng tôi không tiện trình bày). Đó là Vril trong *Giống dân sắp tới* của Bulwer Lytton, cũng như là của các Giống dân sắp tới của nhân loại chúng ta. Danh xưng Vril có thể do bịa đặt ra, nhưng chính lực đó lại là một sự kiện; nghi ngờ về sự tồn tại của nó thì cũng chẳng khác nào nghi

ngờ sự tồn tại của chư Thánh Hiền, vì mọi mật thư đều có đề cập đến nó.

Khi được nhả vào một đạo quân từ Agniratha ⁽¹⁾ được bố trí trên phi thuyền (flying vessel), một khí cầu (theo các huấn giáo trong Astra Vidyā), Lực chấn động này khiến cho 100 000 người và các phần tử tiêu tan thành tro bụi một cách dễ dàng. Nó được trình bày một cách ẩn dụ trong Vishnu Purāna trong Ramāyana và các tác phẩm khác, trong chuyện thần kỳ về hiền triết Kapila, Ngài “chỉ cần *liếc mắt* một cái là cũng đủ cho 60 000 đứa con của sagara tiêu tan thành tro bụi”, trong các Tác phẩm Nội môn, có giải thích về sự kiện này và đề cập tới nó với danh xưng Kapilāksha – Mắt của Kapila.

287 Các thế hệ chúng ta phải được phép thêm cái Lực Quỷ Quái (Satanic Force) này vào mớ đồ chơi trẻ con của các kẻ chủ trương vô chính phủ, chẳng hạn như melenite, mìn nổ chậm, lựu đạn, “giỏ hoa” và các danh xưng vô thưởng vô phạt khác? Liệu cái tác nhân hủy diệt này một khi lọt vào tay (chẳng hạn như) một Attila hiện đại nào đó (một kẻ chủ trương vô chính phủ khát máu) có biến Âu Châu thành ra trạng thái hỗn loạn sơ thủy chỉ trong vài ngày, và chẳng ai sống sót để kể chuyện lại hay chẳng ? Liệu lực này có thể biến thành tài sản chung của tất cả mọi người không?

Điều mà ông Keely đã thực hiện thật là cực kỳ vĩ đại và mầu nhiệm, ông rất cần minh chứng hệ thống mới của mình để cho các nhà khoa học duy vật phải xấu hổ; dù muốn dù không, nó cũng tiết lộ mọi bí nhiệm ẩn sau thế giới vật chất, song không phải là cho mọi người. Chắc chắn là các nhà

¹ Agni: lửa, ratha: xe.

Thông linh và các nhà Giáng ma (ở Âu Châu có số đông hạng người đó) sẽ là những người đầu tiên có kinh nghiệm cá nhân được các thành quả của sự thiên khai các bí nhiệm như thế. Hàng ngàn người ấy sẽ đột nhiên thấy mình như lên tới tận mây xanh (có lẽ cùng với toàn dân), nếu một lực như thế được hoàn toàn khám phá ra và công bố. Toàn bộ khám phá này đã diễn ra *quá sớm* tới hàng ngàn – hay hàng trăm ngàn năm. Nó sẽ chỉ diễn ra đúng lúc và đúng chỗ khi nạn đói kém khốn khổ, đã giảm bớt cũng như là khi các đòi hỏi chính đáng của đa số cuối cùng được chăm lo đến một cách ổn thỏa, khi giai cấp vô sản chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, khi không có tiếng kêu gào thảm thiết xin ăn vang lên khắp thế giới mà không ai đoái hoài tới. Chúng ta có thể đẩy mạnh tiến trình này bằng cách truyền bá giáo dục, mở mang thêm công tác di trú, với các viễn ảnh tốt đẹp hơn, *trên một lục địa mới* nào đó có thể sẽ xuất hiện. Chỉ lúc bấy giờ, mới cần tới lực và động cơ Keely (*dưới dạng nguyên thủy* mà ông và các bạn đã từng chiêm ngưỡng), vì lúc bấy giờ, *người nghèo sẽ cần nó hơn người giàu*.

Trong khi đó, Lực mà ông khám phá ra sẽ tác động xuyên qua các *dây kim loại*; nếu ông thành công, nội điều này cũng sẽ biến ông thành nhà phát minh đại tài nhất của thời đại trong thế hệ hiện nay.

Những điều mà ông Keely trình bày về Âm Thanh và Màu Sắc cũng đúng theo quan điểm Huyền bí. Hãy nghe ông nói như thể ông đang bảo dưỡng “các Đấng Thiên Khai Thần Linh” (“the “Gods-Revealers”), và suốt đời cặm cũi thâm cứu Hậu Thiên Khí Bản Sơ (Father-Mother Aether).

Khi so sánh độ tinh tế của khí quyền với độ tinh tế của các luồng ether thu được, do ông phát minh ra việc phân giải các phân tử bằng rung động, Keely cho rằng:

Nó cũng giống như bạch kim đối với hidrogen. Sự phân ly phân tử từ không khí chỉ đưa chúng ta tới phân đoạn thứ nhất; liên phân tử tới phân đoạn 2; nguyên tử tới phân đoạn 3; liên nguyên tử tới phân đoạn 4; ether tới phân đoạn 5; liên ether tới phân đoạn 6, tức sự liên hợp dương với ether ánh sáng.⁽¹⁾ Trong luận chứng dẫn nhập, tôi đã chủ trương rằng đó là lớp vỏ chấn động của mọi nguyên tử. Khi định nghĩa nguyên tử, tôi không tự giới hạn vào phân đoạn 6, nơi ether ánh sáng được phát triển thành dạng thô
 288 trực nhất (trong mức độ minh chứng của các cuộc khảo cứu của tôi). ⁽²⁾ Tôi cho rằng các nhà vật lý hiện đại sẽ cho các ý tưởng này là một điều hoang tưởng ngông cuồng. Có lẽ chẳng sớm thì muộn, thuyết này sẽ được soi sáng và được trình bày một cách đơn giản để cho khoa học khảo cứu. Hiện nay, tôi chỉ có thể so sánh nó với một hành tinh nào đó trong không gian u tối, nơi mà ánh sáng mặt trời khoa học chưa rọi tới... Tôi giả sử rằng âm thanh cũng như mùi vị, là một chất liệu thực sự có một độ tinh tế kỳ diệu, bất khả tri, nó xuất phát từ một vật thể tạo ra nó bằng sự kích động, phóng ra các hạt vật chất tuyệt đối (các cấu tử liên nguyên tử) với tốc độ 1 120 bộ một giây (trong chân không lên tới 20 000 bộ một giây). Chất liệu phân tán như vậy là một phần của khối bị xáo động; nếu chúng ta cứ giữ cho sự xáo động này liên tục mãi, thì trong vòng một chu kỳ thời gian nào đó, chất liệu này sẽ bị khí quyển hấp thu hoàn toàn. Nói đúng hơn, nó sẽ đi qua bầu khí quyển tới một điểm tinh tế siêu đẳng tương ứng với tình trạng của phân đoạn chi phối việc nó giải thoát khỏi chất lân cận... Trong khi truyền bá các (hợp) âm, các âm thanh xuất phát từ các âm thoa (được cấu tạo để tạo ra các hòa âm ether) đã thấm nhuần hầu như hoàn toàn mọi chất liệu ở trong tầm bắn phá nguyên tử của chúng. Việc đánh chuông trong

¹ Các nhà Huyền bí học cũng phân chia như vậy nhưng theo các danh xưng khác.

² Đúng vậy, vì còn có phân đoạn *bảy*, nó cũng bắt đầu được liệt kê từ đầu đến cuối trên một cảnh giới khác cao hơn.

chân không sẽ giải phóng các nguyên tử này với tốc độ và thể tích giống như ngoài khí trời. Nếu chúng ta giữ cho sự xáo trộn của cái chuông cứ liên tục mãi trong vài triệu thế kỷ, nó sẽ hoàn toàn biến trở lại thành các nguyên tố sơ khai. Nếu căn buồng được niêm kín lại và đủ kiên cố, thì thể tích chân không bao quanh chuông sẽ chịu một áp suất nhiều ngàn cân Anh trên một inch vuông, do tác dụng của chất tế vi. Theo như tôi lượng định, nói cho đúng ra thì âm thanh chính là sự xáo trộn mức quân bình nguyên tử, phân giải các hạt nguyên tử thực sự, chất được phóng thích như thế chắc chắn phải thuộc một loại luồng ether nào đó. Trong tình hình này, liệu có vô lý chẳng khi giả sử rằng nếu chúng ta chặn luồng này lại và tước lấy nguyên tố của vật thể đó, thì sớm muộn gì nó cũng sẽ biến mất ? Mọi vật thể (dù là động vật, thực vật hay khoáng vật), xét cho cùng, đều được tạo ra từ ether tế vi này; chúng chỉ quay về trạng thái hơi thượng đẳng ấy khi được đưa vào một trạng thái quân bình vi phân... Về mùi vị, chúng ta chỉ có thể có được một ý niệm xác định nào đó về độ tinh tế vô cùng kỳ diệu của nó bằng cách xét thấy một vùng khí trời rộng lớn có thể được thấm nhuần trong nhiều năm bởi chỉ một hạt xạ hương không thôi. Nếu đem cân hạt xạ hương ấy sau thời gian dài dằng dặc đó, chúng ta sẽ thấy rằng nó cũng chẳng suy suyển bao nhiêu. Cái đại nghịch lý vẫn liên kết với sự lưu chuyển của các cấu tử mùi vị, chính là việc chúng bị giam cầm trong một cái ly ! Ở đây, chúng ta có một chất tinh anh hơn nhiều so với cái ly chứa nó, song nó không thể thoát ra khỏi ly được. Điều này cũng chẳng khác gì một cái rây có các mắt lưới đủ để cho các viên đá hoa chui qua được, thế nhưng vẫn giữ cho cát mịn không thể lọt qua được; thật vậy, đó là một bình phân tử chứa một chất nguyên tử. Đây là một nan đề làm đau đầu những kẻ nào không nhận ra nó được nữa. Nhưng cho dù mùi vị vô cùng tinh tế, nó vẫn có một quan hệ rất thô sơ với chất liệu của phân đoạn chi phối một luồng từ khí (bạn muốn gọi nó là một luồng thiện cảm cũng được). Phân đoạn này ở ngay phía trên âm thanh. Tác dụng của dòng nam châm hơi trùng hợp với phần nhận và phân bố của não người, bao giờ nó cũng làm giảm giá trị lượng

nhận được. Đó là một điều minh họa lớn lao về việc trí tuệ kiểm soát vật chất, nó sẽ làm cho vật chất giảm giá trị dần dần cho đến khi tiêu tan luôn. Cũng vậy, nam châm dần dần mất hết năng lực của mình và trở nên trì trệ. Nếu chúng ta có thể cân bằng và duy trì các quan hệ giữa trí tuệ và vật chất, chúng ta sẽ sống mãi trong thể xác, vì nó không bị suy vi. Nhưng rốt cuộc, sự suy vi vật chất này sẽ đưa tới cội nguồn của một sự phát triển còn cao siêu hơn nữa – đó là: ether thuần túy được phóng thích ra khỏi phân tử thô; theo sự ước lượng của tôi, điều này rất đáng được mong muốn.⁽¹⁾

289 Có thể nhận thấy là ngoại trừ một ít điểm bất đồng nhỏ, chẳng Cao đồ hoặc nhà Luyện kim đan nào có thể giải thích các thuyết này rành mạch hơn dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, cho dù khoa học ấy có cực lực phản đối quan điểm mới mẻ này đến đâu đi chăng nữa. Xét về mọi nguyên lý cơ bản (nếu không muốn nói là mọi chi tiết), đây chính là *Huyền bí học đơn thuần*; và lại, nó cũng chính là *Vật lý học*.

Cái “Lực mới” (khoa học hiện đại muốn gọi nó là gì thì gọi) có các hiệu quả không thể chối cãi được – điều này đã được thừa nhận bởi hơn một nhà Tự nhiên học và Vật lý học đã từng tới tham quan phòng thí nghiệm của ông Keely và đích thân chứng kiến các hiệu quả kinh khủng của nó – là cái gì vậy? Đó cũng là “cách thức chuyển động” *trong chân không*, vì không có Vật Chất để sản sinh ra nó ngoại trừ *Âm Thanh* – chắc chắn đó là “một cách thức chuyển động” khác, một cảm giác do các chấn động tạo ra, giống như Màu sắc? Nếu chúng ta tin chắc rằng các chấn động chính là nguyên nhân xa hay gần của các cảm giác như thế, thì ta ắt sẽ bác bỏ ngay cái thuyết khoa học phiến diện cho rằng không nhân tố nào được

¹ Trích từ tài liệu Tân Triết Học của bà Bloomfiel Moore.

coi như là ở bên ngoài ta, ngoại trừ chấn động ether hay khí trời.⁽¹⁾

Có thể nói là có một loạt nguyên nhân *siêu việt* được khởi động khi các hiện tượng này diễn ra, *nếu không được liên hệ với tâm tri giác hẹp hòi của chúng ta*, chúng sẽ chỉ có thể được thấu triệt và truy nguyên ra bản chất khi vị Cao đồ dùng tới các năng lực tinh thần. Theo như Asclepios trình bày với Quốc Vương, chúng là các “thể tính phi vật thể” (“incorporeal corporealities”), chẳng hạn như “xuất hiện trong gương” và “các sắc tướng trừu tượng” mà *chúng ta*

¹ Trong trường hợp này các nhà bản thể luận người Mỹ đều có sai lầm, mặc dù các quan điểm của họ quá nhân hình và Duy vật khiến cho các nhà Huyền bí học khó chấp nhận được khi họ luận chứng thông qua bà Bác sĩ M. S. Organ như sau :

Phải có các tính chất thực thể tích cực trong các vật có một quan hệ cấu tạo với các dây thần kinh cảm giác của động vật, nếu không, làm sao chúng ta có tri giác được. Không thể có bất cứ loại ấn tượng nào tác động lên não bộ, dây thần kinh và trí tuệ - không có sự kích thích hành động - nếu không có một sự liên giao thực sự và trực tiếp của một động lực có thực chất. [Dĩ nhiên là “Thực chất” trong phạm vi ý nghĩa rộng thông dụng của từ - trong vũ trụ *hào huyền* này chứ không phải trong THỰC TẠI]. Lực này có thể là Thực Thể phi vật chất tinh anh nhất [?]. Nhưng nó phải tồn tại; vì không giác quan, yếu tố hoặc năng khiếu nào của con người có thể có một tri giác, hoặc bị kích thích tác động, mà lại không tiếp xúc với một lực thực chất nào đó. Đó là lực cơ bản thẩm nhuần toàn bộ thế giới hữu cư và trí tuệ. Theo ý nghĩa triết học chân chính, chẳng hề có tác động độc lập vì mọi lực hay vật chất đều có tương hệ với một lực hay chất khác. Chúng ta có thể khẳng định một cách công bình, xác thực và hữu lý rằng không chất nào có bất kỳ đặc tính vị giác hay khứu giác do các chấn động gây ra, vì thế, chúng chỉ là các ảo tưởng của tri giác động vật ...

trông thấy, nghe thấy và ngửi thấy trong các giấc mơ và các linh thị của chúng ta. Các “cách thức chuyển động” như ánh sáng ether có liên quan gì với các thứ này ? Thế nhưng, chúng ta vẫn trông thấy, nghe thấy, ngửi thấy và sờ thấy chúng, vì vậy trong các giấc mơ, chúng cũng là các thực tại đối với chúng ta giống như bất kỳ thứ nào khác trên cảnh giới Hảo huyền này.

TIẾT 10

VỀ CÁC HÀNH VÀ CÁC NGUYÊN TỬ (ON THE ELEMENTS AND ATOMS)

KHI nhà Huyền bí học đề cập đến “các Hành” (“Elements”) và các nhân vật sống trong các thời đại địa chất này, y thấy rằng không thể xác định được kỳ gian của các thời đại đó – theo ý kiến của một trong các nhà địa chất Anh quốc lỗi lạc nhất ⁽¹⁾ - xét về bản chất của Vật Chất, vì y biết mình đang đề cập tới cái gì. Khi bàn về Con Người và các Hành, y không có ý nói tới “con người” dưới dạng nhân loại học hiện tại, cũng như các Nguyên tử ngũ hành (elemental Atoms), các quan niệm theo giả thuyết hiện nay tồn tại trong các đầu óc khoa học, các thực thể Vật Chất trừu tượng nhất ở trạng thái tinh anh nhất, và các Hành phức hợp của thời Cổ đại. Trong Huyền bí học, từ ngữ *Hành* bao giờ cũng có ý nghĩa là một yếu tố *sơ cấp*. Khi bàn về “Con Người Sơ Cấp” (“Elementary Man”) chúng ta có ý nói đến hoặc là nét chấm phá sơ bộ về con người trong tình trạng dở dang chưa phát triển (đó là cái hình hài này đang tiềm tàng trong phàm nhơn lúc sinh tiền, chỉ thỉnh thoảng mới thành hình trong một số

¹ Nhà địa chất học lỗi lạc đó viết thư trả lời cho một người bạn như sau: “Để trả lời cho bức thư của bạn, tôi chỉ có thể nói rằng, hiện nay và có lẽ mãi về sau, không thể rút gọn (cho dù là một cách gần đúng) thời gian địa chất thành ra hàng năm, hoặc thậm chí hàng ngàn năm”. (Ký tên William Pengelly, Hội viên Hội Hoàng Gia).

điều kiện nào đó); hoặc cái hình hài còn sống sót một thời gian sau khi thể xác đã chết, nó được nhận diện là một Ma hình (Elementary). ⁽¹⁾ Về phần Hành, khi thuật ngữ này được sử dụng trong lãnh vực siêu hình, nó có nghĩa là Linh Ngã sơ khai, phân biệt với phàm ngã. Khi được sử dụng trong lãnh vực vật lý, nó có nghĩa là Vật Chất sơ khai biến phân, tức là ở trạng thái *Trung Hòa*, trạng thái vĩnh cửu và *thông thường* của Chất liệu, nó chỉ biến phân một cách định kỳ; trong khi có sự biến phân đó. Chất liệu thực sự ở trong một trạng thái *bất thường* – nói cách khác, nó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng phù du của các giác quan.

Về phần cái gọi là “các Nguyên tử Ngũ hành”, các nhà Huyền bí học đề cập tới chúng bằng danh xưng đó với ý nghĩa tương tự như ý nghĩa mà người Ấn Độ gán cho Brahmã, khi gọi Ngài là ANU, “Nguyên tử”. Mỗi “*Nguyên tử Ngũ Hành*” – trong khi đi tìm kiếm nó hơn một nhà hóa học đã đi theo con đường do các nhà Luyện kim đang chỉ dẫn, 291 đều là một LINH HỒN (họ tin như vậy khi còn vô minh). Nó không nhất thiết là một Linh Hồn thoát xác, nhưng là một *Jīva* như người Ấn Độ đã gọi, một trung tâm SINH LỰC TIỀM TÀNG, có ẩn tàng trí tuệ; trong trường hợp các Linh Hồn phức hợp, đó là một THỰC THỂ thông tuệ tích cực, (từ loại cao siêu nhất tới loại thấp nhất), một hình hài được cấu thành bởi ít nhiều biến phân. Cần phải là một nhà siêu hình học – và là một nhà siêu hình học Đông phương – để hiểu được ý nghĩa của chúng ta. Tất cả các Linh Hồn Nguyên tử này đều là các biến phân của ĐĂNG ĐỘC TÔN; chúng liên hệ với nó cũng

¹ Khi đề cập tới các Hành phi lý, hiếu động, “được hợp bởi hỏa, phong, thủy, thổ”, Plato có ý muốn nói tới Ma Quỷ Ngũ Hành (Elementary Daemons) (Xem Timaeus).

giống như *Linh Hồn*, Tuệ giác, đối với Tinh Thần bất khả phân ly đang làm linh hoạt nó, *Linh giác (Ātma)*.

Khi vay mượn thuyết Nguyên tử của Cổ nhân, vật lý học hiện đại đã quên mất một điều (điều quan trọng nhất của thuyết này); do đó, họ chỉ có được phần vỏ chứ không bao giờ có được phần lõi. Khi chọn dùng các nguyên tử vật lý, họ đã bỏ qua sự kiện rất gợi ý là từ Anaxagoras tới Epicurus, tới Lucretius của La Mã, cuối cùng tới cả Galileo nữa, mọi triết gia này đều ít nhiều tin tưởng vào các Nguyên tử *linh động*, chứ không phải là các hạt vi trần vô hình (invisible specks) của cái gọi là vật chất “thô sơ”. Theo họ, chuyển động quay được tạo ra bởi việc các nguyên tử lớn hơn (nghĩa là thiêng liêng và thuần túy hơn) trấn áp các nguyên tử khác xuống; đồng thời các Nguyên tử nhẹ hơn lại được tống lên. Ý nghĩa nội môn của điều này là việc đường con biểu diễn của các Hành đã biến phân bao giờ cũng tuần hoàn lên xuống qua các giai kỳ tồn tại liên chu kỳ, cho đến khi mỗi Hành lại đạt tới khởi điểm hay nguyên quán của mình. Ý niệm này vừa có tính chất siêu hình, vừa có tính chất vật lý; việc thuyết minh bí mật bao hàm cả chư Thiên tức Linh Hồn dưới dạng Nguyên tử, được xem như là *nguyên nhân* của mọi hiệu quả được tạo ra trên Trần Thế do các Linh Thể (divine bodies) *tiết ra*.⁽¹⁾ Chẳng triết gia thời cổ nào, thậm chí chẳng tín đồ Do Thái Bí giáo nào, đã từng phân cách Tinh Thần với Vật Chất, hoặc Vật Chất với Tinh Thần. Bất cứ vật nào đã bắt nguồn từ ĐĂNG ĐỘC TÔN và tiến triển ra, rốt cuộc phải trở về với Đấng Độc Tôn.

¹ Trong Timaeus, Plato đã dùng từ ngữ “sự bài tiết” (“secretion”) ra các Hành hiếu động.

Ánh sáng biến thành nhiệt và cô đọng lại thành các cấu tử cháy, sau khi cháy, chúng biến thành các cấu tử cứng, lạnh, tròn và nhẵn. Điều này được gọi là Linh Hồn bị giam hãm trong lớp vỏ vật chất.⁽¹⁾

Trong ngôn ngữ của các Đạo đồ, *Linh Hồn* và *Nguyên tử* đồng nghĩa với nhau. Thuyết “Linh Hồn luân hồi” (“whirling Souls”) (Gilgulim) mà biết bao nhiêu học giả Do Thái tin tưởng, ⁽²⁾ không có ý nghĩa nội môn nào khác. Các Điểm đạo đồ thông thái Do Thái không bao giờ có ý nói rằng chỉ có Palestine mới là vùng Đất Hứa (the Promised Land), mà họ còn có ý nói tới *Niết Bàn* giống như bậc học giả Phật giáo và Bà La Môn giáo (đó là cõi lòng của Đấng Độc Tôn Vĩnh Cửu, được biểu tượng hóa bằng cõi lòng của Abraham và Palestine với tư cách là cái thay thế cho nó trên Trần Thế).

292 Chắc chắn là không một *học giả* Do Thái nào lại tin tưởng vào ẩn dụ theo sát nghĩa, tức là cho rằng các cơ thể của người Do Thái chứa trong chúng một nguyên khí Linh Hồn, nó không thể yên nghỉ nếu các cơ thể ấy được chôn ở một xứ ngoài, cho đến khi nhờ vào một tiến trình được gọi là sự “luân hồi của Linh Hồn”, phần bất tử lại một lần nữa đạt tới mảnh đất thiêng của “Vùng Đất Hứa”.⁽³⁾ Ý nghĩa điều này thật là hiển nhiên đối với một nhà Huyền bí học. Người ta giả sử rằng tiến trình này được hoàn thành bởi một loại đầu thai chuyển kiếp, điểm linh quang được chuyển qua chim chóc, muông thú, cá và loài côn trùng vi tế nhất.⁽⁴⁾ Ẩn dụ này liên

¹ Đại Luận Nội Môn về Thuyết Gilgul của Valentinus.

² Xem Bách Khoa Từ Điển của Hội Tam Điểm Hoàng Gia của Mackenzie, trang 250 – 251.

³ Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 152.

⁴ Xem Mackenzie, như trên, phần đã dẫn.

quan tới *các nguyên tử của cơ thể*, mỗi nguyên tử phải chuyển qua mọi hình tướng, trước khi tất cả đạt đến tình trạng tối hậu, vốn là khởi điểm đầu tiên của mọi Nguyên tử - trạng thái trung hòa bản sơ của nó. Nhưng ý nghĩa bản sơ của Gilgulim, tức “sự Luân hồi của Linh Hồn” là ý niệm về các Linh Hồn hay Chon Ngã luân hồi. “Mọi linh hồn đều đi vào Gilgulah”, vào một tiến trình tuần hoàn; nghĩa là tất cả mọi linh hồn đều đi trên con đường tái sinh tuần hoàn. Một vài tín đồ Do Thái Bí giáo giải thích thuyết này chỉ có nghĩa là một loại luyện ngục dành cho các linh hồn của kẻ ác. Nhưng không phải như thế đâu.

Sự lưu chuyển của NGUYÊN TỬ -LINH HỒN “qua Bảy Buồng Hành Tinh” (“Planetary Chambers”) cũng có ý nghĩa vật lý và siêu hình giống như vậy. Nó có nghĩa vật lý khi người ta bảo rằng nó tan hòa vào trong Ether. Ngay cả Epicurus (kẻ *Vô thần* và *Duy vật điển hình*) cũng biết và tin tưởng vào Minh Triết cổ truyền nhiều đến nỗi mà ông đã dạy rằng Linh Hồn – hoàn toàn riêng biệt với Tinh Thần bất tử, khi Tinh Thần *tiềm tàng* trong nó, cũng như nó tiềm tàng trong mọi vi tử - được cấu thành bởi một tinh chất uyển chuyển, tế vi, gồm có *các nguyên tử nhẵn nhụi nhất, tròn trịa nhất và tinh tế nhất*.

Điều này chứng tỏ rằng các Đạo đồ thời xưa – vốn được tất cả người phạm tục thời xưa ít nhiều tuân theo – dùng từ ngữ “NGUYÊN TỬ” với ý nghĩa là một Linh Hồn, một Thiên Thần, đưa con đầu lòng của NGUYÊN NHÂN bản sơ hằng ẩn; nếu xét theo ý nghĩa này, các giáo lý của họ cũng dễ hiểu thôi. Cũng như những hậu sinh, họ khẳng định là chư Thần, chư Thiên, chư “Quý” (Angels or “Demons”) không tồn tại bên ngoài hoặc độc lập với *Thái Cực Vũ Trụ* (the Universal Plenum), mà lại tồn tại bên trong nó. Trong vòng các chu kỳ

sinh hoạt, chỉ có *Thái Cực* này là vô hạn. Họ thừa nhận và giảng dạy rất nhiều điều mà nay khoa học hiện đại đang giảng dạy – đó là, có tồn tại một Chất Liệu Vũ Trụ nguyên thủy, bao giờ cũng thuần trạng (homogeneous), trừ khi nào nó tồn tại định kỳ; bấy giờ, tản mạn khắp không gian vô cực, nó biến phân và dần dần tạo ra các thiên thể. Họ giảng dạy về sự xoay vòng của các Tầng Trời, sự quay của Trái Đất, Hệ thống Nhật Tâm (the Heliocentric System), và các Xoáy Nguyên tử - Nguyên tử thực sự của Linh Hồn và các Đấng Thông Tuệ. Các nhà “Nguyên tử luận” này là các tín đồ Phiếm thần tinh thần, triết học và siêu việt nhất. Họ đã không

293 hể quan niệm ra hoặc mơ tới kết quả tương phản quái gở vốn là con ác mộng của Giống dân văn minh hiện đại của chúng ta: một đảng là các Nguyên tử vật chất tự hành *vô tri vô giác*, một đảng là Thượng Đế ngoại Vũ trụ.

Ta nên trình bày thế nào là Chơn Thần và đâu là nguồn gốc của nó theo giáo lý của các Đạo đồ thời xưa.

Ngay khi bắt đầu trưởng thành, khoa học chính xác hiện đại đã biết được cái đại công lý (đến lúc bấy giờ vẫn còn là *bí truyền* đối với nó) cho rằng dù là trong lãnh vực tinh thần, tâm linh hay vật chất, không một thứ nào có thể được sinh ra từ hư không. Trong Vũ Trụ biểu lộ, không có nguyên nhân nào mà không có các hiệu quả thỏa đáng, dù là trong Không gian hay Thời gian. Cũng không thể có một hiệu quả nào mà không có Nguyên nhân bản sơ, chính nguyên nhân này lại xuất phát từ một nguyên nhân còn cao siêu hơn nữa – Nguyên nhân tuyệt đối tối hậu bao giờ cũng là một Nguyên nhân Bản sơ mà con người không tài nào hiểu được. Nhưng ngay cả điều này cũng không phải là giải pháp và phải được xét theo các quan điểm triết học và siêu hình học cao siêu

nhất; nếu không, tốt hơn là chúng ta không nên đá động đến vấn đề này. Đó là một điều trừu xuất mà lý trí của con người – cho dù lão luyện đến đâu đi nữa trong các vấn đề tế nhị siêu hình – phải run sợ, chỉ chực sa xuống vực thẳm của nó. Người ta có thể chứng minh điều này cho bất kỳ người Âu Châu nào muốn giải quyết vấn đề tồn tại bằng các tín điều của phái Vedanta chân chính chẳng hạn. Nếu chịu khó nghiên cứu các giáo lý cao siêu của Shankarāchārya về chủ đề Linh Hồn và Tinh Thần, độc giả sẽ nhận thức được điều đang được trình bày. ⁽¹⁾

Trong khi người ta dạy tín đồ Thiên Chúa giáo rằng Hồn người là một linh khí của Thượng Đế được Ngài tạo ra để tồn tại mãi mãi *hữu thủy vô chung*, - do đó nó không bao giờ được gọi là vĩnh cửu – thì Giáo lý Huyền bí lại dạy rằng: “*Chẳng có gì được sáng tạo ra, nó chỉ bị biến đổi thôi*”. Không gì có thể biểu lộ trong Vũ Trụ này – từ một bầu hành tinh tới một tư tưởng mơ hồ, chớp nhoáng – mà lại không từng có sẵn trong vũ trụ; mọi vật trên nội giới đều vĩnh cửu cũng như mọi thứ trên ngoại giới đều *hằng biến dịch* (*ever-becoming*) – vì tất cả đều tạm bợ phù du.

Ở đây, Chon Thần – “một vật thực sự vô hình”, theo định nghĩa của Good, ông đã không xét nó với ý nghĩa như chúng ta hiện nay – có nghĩa là *Linh giác* (*Ātmā*), cùng với *Tuệ giác* (*Buddhi*) và Thượng Trí (*Manas*). Tam nguyên này thật đơn chất và vĩnh cửu, Tuệ giác và Thượng trí bị hấp thu vào trong Linh Giác khi kết liễu mọi kiếp sống *hảo huyền* và hữu hạn. Thế thì chúng ta chỉ có thể truy nguyên ra Chon Thần

¹ Viveka Chūdāmani, được Mohini M. Chatterji dịch là Minh Triết Bửu Giám. Xem Tạp chí Theosophist từ tháng 10 – 1885 đến tháng 8 – 1886.

qua các cuộc hành trình đổi thay các hiện thể phù du từ giai đoạn khởi đầu của Vũ Trụ biểu lộ. Trong chu kỳ Hỗn Nguyên (thời kỳ giữa hai chu kỳ Khai Nguyên), nó không mang danh xưng đó nữa cũng như khi *Độc Ngã* (*One Self*) 294 chân chính của con người hội nhập VÀO BRAHMAN, trong các trường hợp Tối Đại Định (trạng thái nhập hóa trực quan) tức Niết Bàn tối hậu.

Khi đệ tử đã đạt tới bản sơ thức (*primeval consciousness*), toàn phúc, có bản chất chân lý, vô hình, vô tác, y sẽ vứt bỏ cái thể hão huyền đã được Linh giác khoác lấy chẳng khác nào một diễn viên (vứt bỏ) cái áo (mà y đã mặc).

Ấy là Tuệ giác, *Toàn Phúc Thể* (*Ānadamaya Sheath*), chẳng qua chỉ là một chiếc gương *phản ánh* toàn phúc; hơn nữa, chính sự *phản ánh* này cũng chưa giải thoát khỏi vô minh và *không phải* là Tinh Thần Tối Cao, vì nó phải tuân phục các điều kiện, là một biến thái tinh thần của Vật Chất và là một hiệu quả. Chỉ có *Linh giác* mới là Cơ hữu thể vĩnh cửu, chân thực, duy nhất của vạn vật, Bản Thể và *Toàn Triết* (*Kshetrajna*).

Nay khi bản dịch có hiệu đính của Phúc âm đã được xuất bản, và những lỗi lầm rành rành nhất của các bản dịch cũ đã được chỉnh lại, chúng ta có thể hiểu rõ hơn các lời trong Thánh thư 1 John v, 6: “Chính Tinh Thần đã sinh chúng vì Tinh Thần là chân lý”. Các lời nói tiếp theo trong bản dịch sai lầm bàn về “ba vị minh chứng” – đến nay vẫn được giả sử là tượng trưng cho “Ngôi Cha, Ngôi Lời và Ngôi Thánh Thần” – [v, 7] đã chứng tỏ rất rõ rệt ngụ ý chính của Ngài với giáo lý của Shankarāchārya nhiều hơn nữa. Câu sau đây – “Có 3 thứ minh chứng ... tinh thần, nước và máu” [v, 8] – có thể nghĩa là gì bây giờ nếu nó không liên hệ hay liên quan tới lời phát biểu có ý nghĩa triết học thâm thúy hơn của vị Đại Đạo Sư

phái Vedanta. Khi đề cập tới các Thể - các nguyên khí nơi con người - Nguyên sinh khí, hạ trí v.v...- chúng biểu lộ trên cảnh giới hồng trần thành ra “*Nước và Máu*” tức Sự Sống -, Ngài đã nói thêm rằng chỉ có *Linh giác* (tức Tinh Thần) là còn tồn tại sau khi các Thể đã bị *vứt bỏ đi*; đó chính là MINH CHỨNG DUY NHẤT (the ONLY WITNESS) tức Nhất Nguyên tổng hợp. Trường phái ít có xu hướng tinh thần và triết học hơn, vốn chỉ quan tâm tới Tam Nguyên, đã biến “Nhất Nguyên” thành ra ba minh chứng, như thế là liên kết nó với Đất nhiều hơn là Trời.

Trong Nội môn Bí giáo, người ta gọi nó là “Minh chứng Duy nhất” còn khi nó yên nghỉ nơi Cực Lạc (Devachan), người ta lại đề cập tới nó như là “Ba Minh chứng của Nghiệp quả”.

Nếu *Linh giác*, nguyên khí thứ bảy của chúng ta, đã đồng nhất với Tinh Thần Vũ Trụ, và con người đã đồng nhất với bản thể của mình, thì chính Chơn Thần là gì bây giờ? Đó là cái Điểm Linh Quang thuần trắng xạ ra hàng triệu tia từ Bảy Huyền Xạ Bản Sơ (chúng ta sẽ bàn về bảy Huyền xạ này sau). Đó là ĐIỂM LINH QUANG XUẤT PHÁT TỪ BẢN LAI HUYỀN XẠ (the EMANATING SPARK FROM THE UNCREATED RAY) – một bí nhiệm. Trong Phật giáo Đại Thừa nội môn, thậm chí cả ngoại môn nữa, A Di Đà Phật (Chogi Dangpoi Sangye), Đấng Độc Tôn Bất Khả Tri, vô thủy vô chung, đồng nhất với Thái Cực Thượng Đế và Ain Soph, xạ ra một tia quang huy từ U Minh.

295 Đó là Huyền Âm (Logos), Đấng Bản Sơ (First), Vajradhara, Tối Thượng Phật cũng gọi là Dorjechang. (1) Trên

¹ [rdo. rje. hdsin (tiếng Tây Tạng) = vajra – dhara (Bắc Phạn) nghĩa là Lôi trì (thunderbolt-holder)].

cương vị của Đấng Chủ Tể mọi Bí Nhiệm, Ngài không thể biểu lộ được; nhưng Ngài xạ ra vào trong thế giới biểu lộ Tâm của Ngài – “Kim Cương Tâm” (“Diamond Heart”), Vajrasattva hay Dorjesempa.⁽¹⁾ Đó là Ngôi Hai của Thượng Đế (Ngôi Sáng Tạo); từ Ngài xạ ra bảy – trong ngoại môn hiển giáo là năm – Thiền Định Phật (Dhyāni-Buddhas) được mệnh danh là Anupāḍaka, “Vô Phụ Mẫu”. Các Đức Phật này là các Chơn Thân Bản Sơ xuất phát từ Vô sắc giới (*Arūpa* World) trong đó, theo ngoại môn hiển giáo, các Đấng Thông Tuệ (chỉ trên cảnh giới này thôi) không có hình tướng, cũng chẳng có danh xưng; nhưng theo Triết lý Nội môn, các Ngài có bảy tôn danh riêng biệt. Nhờ thiền định, các Thiền Định Phật này xạ ra hoặc sáng tạo ra các Linh Ngã – tức các Bồ Tát siêu nhân (*Super-human Bodhisattvas*). Khi lâm phạm vào lúc khởi đầu mỗi chu kỳ nhân loại như là thế nhân, do công đức riêng của mình, các Ngài đôi khi biến thành các Bồ Tát độ sinh, sau đó, các Ngài có thể tái lâm như là các Đức Phật tại thế. Như thế, các Đấng Tự Sinh (Vô Phụ Mẫu), tức các Thiền Định Phật, đồng nhất với các Mānasaputras, “Các Con Trí sinh” (“Mind-born Sons”) – hoặc là của Brahmā, hoặc là của Hai trong Ba Ngôi–, họ cũng đồng nhất với chư Thánh Hiền và các Prajāpati. Trong Anugīta có một đoạn – nếu được thuyết minh theo nội môn – sẽ trình bày một cách rõ rệt (mặc dù dưới một hình hức bóng bảy nào khác) cùng một ý niệm và hệ thống. Nó dạy như sau :

Cho dù (có) bất cứ thực thể nào trong thế giới này, bất động hay di động, chúng cũng là các thực thể đầu tiên phải bị giải thể

¹ [rdi. Rje. sems. Dpah = vajra-sattva (tiếng Bắc Phạn); ở đây vajra có nghĩa là kim cương, còn sattva là bản chất, bản thể, nguyên khí v.v...]

[vào lúc có chu kỳ Hỗn Nguyên]; sau đó là tới các thứ khai triển được tạo ra từ các hành [từ đó vũ trụ hữu hình mới được tạo ra]; sau các thứ khai triển này [các thực thể tiến hóa] tất cả đều là các hành. Đó là sự phân cấp thăng tiến của các thực thể. Chư Thiên, Loài Người, Nhạc Thần (Gandharvas), Đám Tinh Quỷ (Pishāchas), Asuras, La Sát (Rākshasas), tất cả đều được tạo ra một cách tự nhiên [Svabhāva tức Prakriti, Thiên Nhiên uyển chuyển], chẳng phải do các tác động, cũng chẳng phải do một nguyên nhân [chẳng phải do bất cứ nguyên nhân vật chất nào]. Các Brāhmanas này [Thánh Hiền Prajāpati?], các Đấng sáng tạo ra thế giới, được sinh ra ở đây [trên trần thế] không biết bao nhiêu lần. Sớm muộn gì bất cứ thứ nào được chúng sản sinh ra cũng bị tan hòa trong năm hành lớn này [năm hay đúng hơn là bảy, Thiền Định Phật cũng được gọi là “các Hành” của Nhân Loại] giống như các đợt sóng cả trong đại dương. Về mọi phương diện, các hành lớn này đều (vượt quá) các hành cấu thành thế giới [các hành thô thiển]. Kẻ nào giải thoát năm hành này, [Tanmātras] ⁽¹⁾ sẽ đạt tới mục tiêu cao siêu nhất. Đấng Prajāpati [Brahmā] sáng tạo ra tất cả các thứ này chỉ bằng trí mà thôi [bằng Dhyāna, tức sự tham thiền trù tượng và các năng lực bí nhiệm, giống như các Thiền Định Phật]. ⁽²⁾

Thế thì hiển nhiên là các Đấng Brāhmanas này đồng nhất với các Bồ Tát tại thế của các Thiền Định Phật trên Thiên giới. Với tư cách là các “Hành” nguyên thủy, thông tuệ, cả hai đều trở thành các *Đấng Sáng Tạo* hoặc sản sinh ra các Chon

¹ Theo sát nghĩa Tanmātras (Cơ bản kích lượng) là kiểu mẫu hay nền móng phôi thai của một hành không có đặc tính. Xét về mặt nội môn, đó là *thực tượng* bản sơ của cái trở thành một Hành Vũ Trụ trong diễn trình tiến hóa, theo nghĩa được gán cho từ ngữ này vào Thời xưa, chứ không phải theo nghĩa của vật lý học. Đó là chư Thượng Đế (Logoi), bảy phân thân tức bảy huyền xạ của Thượng Đế.

² Chương xxxvi.

296 Thân sẽ thành người trong chu kỳ đó. Sau đó, các Ngài tự lực tiến hóa, tức phát triển bản thân thành ra các vị Bồ Tát hay Brāhmanas trên trời và dưới đất để rồi cuối cùng trở thành những người bình thường (simple men). “Các Đấng sáng tạo ra thế giới *được sinh ra ở đây trên trần thế không biết bao nhiêu lần*” – đúng vậy. Trong hệ thống Phật giáo Đại Thừa (tức tôn giáo ngoại môn bình dân), người ta dạy rằng trong khi rao giảng Chánh Pháp trên Trần Thế, mỗi Đức Phật đều biểu lộ đồng thời trong ba Cõi giới: một Thiên Định Phật trong Vô sắc giới, một Bồ Tát trong Sắc giới và một con người Dục giới, cõi giới thấp nhất của chúng ta. Xét về mặt nội môn, giáo lý này khác hẳn. Chơn Thần thiêng liêng, thuần túy Tuệ giác Tối Thượng biểu lộ như là Tuệ giác vũ trụ, *Đại Tuệ giác* tức Toàn Linh Trí (the *Maha-Buddhi*, or Mahat) trong các triết hệ Ấn Độ, Nguồn cội thiêng liêng Toàn tri, toàn năng của Thiên Trí, *linh hồn vũ trụ tối cao* tức Huyền Âm (Logos). Nó giáng xuống “như một ngọn lửa trải ra từ Lửa vĩnh cửu như bất động, bất tăng bất giảm bao giờ cũng vậy cho đến lúc kết liễu” chu kỳ tồn tại và trở thành Sự Sống Đại Đồng Vũ Trụ trên cõi Trần. Các phân thân của Diệu Quang (the Sons of Light), các Thượng Đế Bản Sinh (the *Logoi* of Life) xạ ra từ Cảnh giới sinh hoạt *hữu thức* này giống như là bảy ngọn lửa; bảy giờ các Thiên Định Phật đại định, các hình tượng cụ thể của các Đấng Từ Phụ vô hình, Bảy phân thân của Diệu Quang, *vẫn an tĩnh*, chúng ta có thể áp dụng cho các Ngài nhóm từ ngữ huyền bí Bà La Môn: “Ngài là CÁI ĐÓ” – Brahman. Từ các Thiên Định Phật này xạ ra các *Chhāyās* tức các Hình bóng, các Bồ Tát thiên giới, các nguyên kiểu của các Bồ Tát *siêu* trần thế và các Đức Phật tại thế cũng như là con

người. Bảy “Phân Thân của Diệu Quang” cũng được gọi là “Các Vì Sao”.

Theo Giáo lý Huyền bí, con người được sinh ra dưới một ngôi sao nào vẫn cứ chịu ảnh hưởng của ngôi sao ấy mãi suốt trọn chu kỳ lâm phạm trong một chu kỳ Khai Nguyên. *Nhưng đó không phải là Ngôi sao chiêm tinh của y.* Ngôi sao chiêm tinh (astrological star) liên quan tới *phạm ngã*, còn ngôi sao nêu trên liên quan đến CHON NGÃ. Vị “Thiên Thần” của Ngôi Sao đó tức vị Thiên Định Phật liên quan đến nó, sẽ hoặc là “Thiên Thần” hướng dẫn hoặc chỉ là “Thiên Thần” chủ trì (tạm gọi như vậy) trong mỗi kiếp tái sinh của Chon Thần (*vốn là một phần của chính bản thể y*) mặc dù hiện thể của y, con người, có thể vẫn không biết được sự kiện này. Mỗi vị Thánh Nhân (Adepts) đều có Thiên Định Phật của riêng mình, tức “Linh Hồn Song Sinh” (“Twin-Soul”) trưởng thượng của mình, họ vẫn biết điều đó và gọi nó là “Hồn Cha” (“Father-Soul”) và “Lửa Cha” (“Father-Fire”). Tuy nhiên, chỉ vào cuộc Điểm đạo cuối cùng và cao nhất, khi diện đối diện với quang huy “Ảnh” thì họ mới học được cách nhận ra nó. Chẳng biết Bulwer Lytton hiểu được sự kiện huyền bí này đến đâu mà trong một con cảm hứng cao tuyệt, ông đã mô tả việc Zanonien diện đối diện với quang huy thể (Augoeides) của mình ?

Người Ấn Độ gọi Huyền Âm, tức cả thế giới tiên thiên lẫn thế giới hậu thiên là Īshvara, Đấng Chúa Tế, mặc dù các nhà Huyền bí học mệnh danh nó khác hẳn. Theo các tín đồ 297 phái Vedanta, Īshvara là tâm thức cao siêu nhất trong Thiên Nhiên. Các nhà Huyền bí học đáp lại rằng tâm thức cao siêu nhất này “chỉ là một *đơn vị tổng hợp* trong thế giới của Thượng Đế biểu lộ - hay là trên cảnh giới hão huyền; vì nó là toàn bộ *tâm thức* của các Thiên Định Đế Quân”. Shankarāchārya dạy; “Hỡi kẻ minh triết, hãy dẹp ngay đi cái

quan niệm cho rằng phi Tinh Thần chính là Tinh Thần". Linh giác là *phi Tinh Thần* trong trạng thái Thái Cực Thượng Đế tối hậu. Īshvara hay Huyền Âm (Logos) là Tinh Thần. Theo Huyền bí học, Huyền Âm là một đơn vị phức hợp gồm các Chơn Linh biểu lộ, cội nguồn bảo dưỡng tất cả các Chơn Thần thể tục cùng với phản ánh thiêng liêng xuất phát từ và quay vào trong Huyền Âm từng cái một khi đạt đến mức tột đỉnh. Có bảy Thiên Định Đế Quân chính; trong mọi tôn giáo, người ta đều nhận ra và thấy bảy nhóm này, vì đó là BẢY CUNG bản sơ. Huyền bí học dạy chúng ta rằng nhân loại được chia ra thành bảy Nhóm riêng biệt, mỗi nhóm lại được tể phân về mặt trí tuệ, tinh thần và vật chất. Vì thế có bảy hành tinh chính, đó là các *bầu* của bảy Chơn Linh chủ trì; mỗi Nhóm người sinh ra dưới mỗi một hành tinh này, chịu ảnh hưởng và sự chỉ đạo của chúng. Chỉ có bảy hành tinh *đặc biệt* liên hệ với Trái Đất và mười hai cung, chúng có hằng hà sa số khả năng phối hợp các trạng thái của chúng. Vì mỗi hành tinh có thể tượng trưng cho mỗi một trong mười hai trạng thái khác, nên các phép phối hợp chúng lại phải hầu như là vô tận. Thật vậy, chúng thật là vô tận chẳng khác nào các năng lực tinh thần, tâm linh, trí tuệ, và vật chất nơi vô số giống người khác nhau, mỗi giống này sinh ra dưới một trong bảy hành tinh và một trong vô số các phép phối hợp hành tinh nêu trên.⁽¹⁾

Thế thì, nếu được xem như là NHẤT NGUYÊN (ONE), Chơn Thần còn vượt trên nguyên khí thứ bảy nơi Càn Khôn và con người. Nếu được xem như là một Tam Nguyên, nó lại là hậu duệ quang huy trực tiếp của ĐƠN VỊ PHỨC HỢP

¹ Xem Tạp chí Theosophist, tháng 8 – 1886, trang 729.

(COMPOUND UNIT) nêu trên chứ không phải là LINH Khí của “Thượng Đế”, người ta gọi Đơn vị ấy như thế đó, mà cũng chẳng sáng tạo ra từ hư vô. Một ý niệm như thế hoàn toàn chẳng có ý nghĩa triết học nào, lại còn làm giảm giá trị Đấng Thánh Linh, kéo Nó xuống một tình trạng hữu hạn, có thuộc tính. Dịch giả Minh Triết Bửu Giám đã diễn đạt điều này như sau:

Mặc dù Īshvara là “Thượng Đế” thường trụ trong lòng sâu thẳm nhất của chu kỳ *hỗn nguyên* cũng như trong hoạt động tích cực nhất của chu kỳ *khai nguyên*, song vượt quá Ngài vẫn là Linh giác, còn xung quanh dinh thự của Ngài là u minh của Hảo Huyền vĩnh cửu.⁽¹⁾

298 Trong tất cả các kiếp vị lai, các “Tam Nguyên” sinh ra cuối cùng một hành tinh Tộc Trưởng (Parent-Planet), hay đúng hơn là các bức xạ của cùng một Chơn Linh Hành Tinh tức Thiên Định Phật, đều là chị em, tức các linh hồn “song sinh” trên cõi đời này. Ý niệm này cũng giống như ý niệm về

¹ Vì nói chung, người ta đều không thấu hiểu về giáo lý Huyền bí của Cổ nhân, nên người ta mắc phải sai lầm là gán cho cổ nhân việc chỉ biết tới bảy hành tinh, chỉ vì họ không đề cập tới các hành tinh khác. Vấn đề không phải là liệu họ có biết hay không sự tồn tại của các hành tinh mới được khám phá sau đây, mà liệu việc họ tôn kính bốn Đại Thiên Thần ngoại môn và ba Đại Thiên Thần nội môn (chư Thần Tinh Đẩu – the Star-Angels) có một lý do chuyên biệt nào không. Tác giả dám nói rằng có một lý do như vậy được trình bày như sau. Nếu họ biết được nhiều hành tinh như chúng ta hiện nay – vào lúc này khó lòng quyết định được vấn đề này về bất cứ phương diện nào – họ cũng sẽ chỉ liên hệ bảy hành tinh này với tục thờ phụng của tôn giáo họ, vì bảy hành tinh này đặc biệt có liên hệ trực tiếp với Địa Cầu của chúng ta, hoặc nói theo nội môn, với bảy Dây hành tinh của chúng ta.

Ba Ngôi trong Thiên Chúa giáo (Tam Vị Nhất Thể) có điều là nó còn có tính cách siêu hình hơn nữa: Đại Tinh Thần Vũ Trụ, biểu lộ trên hai cảnh giới cao, cảnh giới Bồ Đề và cảnh giới Toàn Linh Trí. Đó là Ba Ngôi siêu hình nhưng *không bao giờ nhân hình*.

Đức Jesus đã dạy: “Ta và Cha ta là một”; mọi Đạo đồ cao cấp trong mọi thời đại và mọi xứ đều rõ điều này.⁽¹⁾ Khi Ngài dạy ở đâu đó: “Ta thăng lên với Cha *ta* và Cha *các con*”,⁽²⁾ nó cũng có ý nghĩa giống y như điều vừa được trình bày. Tung tích (identity), đồng thời sự biến phân hảo huyền của Chơn Thần *Thiên Thần* (Angel-Monad) và Chơn Thần Nhân Loại được trình bày trong các câu sau đây: “Cha ta vĩ đại hơn ta”;⁽³⁾ “Vinh danh Cha *của các con trên trời*”,⁽⁴⁾ “Bấy giờ công lý sẽ soi sáng như mặt trời trong Thiên quốc *của Cha chúng*” (chứ không phải Cha *chúng ta*).⁽⁵⁾ Chẳng thế mà Thánh Paul lại hỏi rằng : “Con có biết con là *thánh điện* của Thượng Đế và *Tinh Thần của Thượng Đế* ngự nơi con không?” ⁽⁶⁾ Tất cả mọi điều này chỉ có nghĩa là nhóm đệ tử và tín đồ theo Ngài cũng thuộc về một Thiên Định Phật, Ngôi Sao hay Cha; Đấng Cha này lại thuộc về cùng một lãnh vực hành tinh với Ngài. Chúng ta thấy Subba Row đã hiểu rõ được Giáo lý Huyền bí này khi ông trình bày trong phần phê bình tác phẩm Tình Thi Bạch Liên (The Idyll of the White Lotus) như sau:

¹ Thánh thư John, x, 30.

² Như trên, xx, 17.

³ Như trên, xiv, 28.

⁴ Thánh thư Matheu, v, 16.

⁵ Như trên, xiii, 43.

⁶ Thánh thư 1 Corinthian, iii, 16.

Vào cuộc Điểm Đạo cuối cùng, mỗi Đức Phật đều hội diện với các Đấng đã đạt được quả vị Phật trong các thời đại trước ... mỗi tầng lớp Cao đồ đều có mối liên giao tinh thần riêng biệt, liên kết các Ngài với nhau... Cách thức đa hiệu khả hữu duy nhất để nhập vào bất cứ một tập đoàn nào như vậy ... là việc khếp mình vào trong vòng ảnh hưởng của ánh sáng tinh thần tỏa ra từ Thượng Đế của riêng mình. Ở đây, tôi có thể nêu rõ thêm rằng... chỉ có thể có được sự liên giao đó giữa những người có linh hồn được cùng một Cung sinh ra và bảo dưỡng. Vì có bảy Cung xạ ra từ “Mặt Trời Tinh Thần Trung Ương” (the “Central Spiritual Sun”) nên mọi Cao đồ và các Thiên Định Đế Quân đều được chia thành bảy lớp, mỗi lớp được chỉ đạo, kiểm soát và ứng linh bởi một trong bảy dạng hay biểu lộ của Minh Triết thiêng liêng.⁽¹⁾

Thế thì đó chính là Bảy Phân Thân (the Seven Sons) của Ánh Sáng – gọi theo các hành tinh và thường được quần chúng đồng nhất hóa với chúng, nghĩa là Thổ Tinh, Mộc Tinh, Thủy Tinh, Hỏa Tinh, Kim Tinh và *giả sử* là Mặt Trời và Mặt Trăng, đối với nhà phê bình hiện đại, y chỉ hiểu được các tôn giáo cổ một cách hời hợt ⁽²⁾ – theo Giáo lý Huyền bí, đó là

¹ Tạp chí Theosophist, tháng 8, 1 886, trang 706.

² Đây là các hành tinh chỉ được chấp nhận để giải đoán về mặt chiêm tinh thôi. Phép phân chia thần phổ tinh tú khác với phép phân chia trên: Mặt Trời, vốn là một *ngôi sao* trung ương chứ không phải là một hành tinh – cùng với bảy hành tinh có quan hệ với Địa Cầu *chúng ta* một cách huyền linh và huyền bí hơn mức mà chúng ta thường hiểu biết. Do đó, Mặt Trời được xem là Bậc Cha chung của tất cả Bảy “Cha”, điều này biện minh cho các biến thiên giữa *bảy* và *tám* Đại Thiên Thần của dân Chaldea và các xứ khác. Vì một lý do nào khác, cả Trái Đất lẫn Mặt Trăng (vệ tinh của nó), lại thêm các ngôi sao dù chẳng có gì khác hơn là các thứ *thay thế được dùng cho các mục đích Nội môn*. Thế nhưng, ngay cả khi không kể đến Mặt Trời và Mặt Trăng, Cổ nhân hình như cũng đã biết tới *bảy* hành

299 các Thân quyền thiên giới (heavenly Parents), tức “Cha” chúng ta, xét một cách tổng hợp. Vì thế, như chúng ta đã nhận xét, thuyết Đa thần thực sự có ý nghĩa triết học và chính xác (xét về sự kiện và bản chất) hơn là thuyết Độc thần nhân hình. Thổ Tinh, Mộc Tinh, Thủy Tinh và Kim Tinh (bốn hành tinh ngoại môn) và ba hành tinh khác (vẫn phải được giấu tên) là các thiên thể có liên giao trực tiếp về mặt cảm dục và tâm linh, đạo đức và vật chất, với Trái Đất, hướng dẫn và chăm sóc nó. Các bầu hữu hình của chúng cung ứng cho Nhân loại chúng ta các đặc tính ngoại tại và nội tại, còn các Đấng chủ trì chúng cung ứng cho nhân loại và Chon Thần các năng lực tinh thần. Để cho chúng ta khỏi phạm phải các quan niệm sai lầm mới, xin nêu rõ rằng ba Bầu tức các Thiên Thần Tinh Đẩu bí mật, không hề bao hàm cả Thiên Vương Tinh lẫn Hải Vương Tinh. Điều này, chẳng những các Hiên Triết thời xưa không biết tới các danh xưng của chúng mà còn vì giống như mọi hành tinh khác, cho dù nhiều đến đâu đi nữa, chúng cũng là *chư Thiên* của các Đấng Bảo Vệ bảy Dây hành tinh thất phân trong Thái Dương Hệ chúng ta.

Hai hành tinh lớn vừa được khám phá ra cũng không hoàn toàn tùy thuộc vào Mặt Trời như các hành tinh còn lại. Nếu không làm sao chúng ta có thể giải thích được sự kiện là Thiên Vương Tinh chỉ nhận được $\frac{1}{390}$ lượng ánh sáng mà Địa Cầu của chúng ta nhận được, còn Hải Vương Tinh chỉ nhận được $\frac{1}{900}$, hơn nữa các vệ tinh của chúng lại có một chuyển

tinh. Nếu không kể tới Địa Cầu và Mặt Trăng, đến nay, chúng ta còn biết được thêm bao nhiêu nữa? *Bảy* (không hơn không kém) hành tinh chủ yếu, kỳ dư toàn là các á hành tinh (planetoid) hơn là các hành tinh.

động quay ngược đặc thù mà không hành tinh nào khác trong Thái Dương Hệ có được ? Dù sao đi nữa, những điều mà chúng ta trình bày vẫn áp dụng cho Thiên Vương Tinh, mặc dù sự kiện này lại vừa mới được đem ra tranh cãi.

Dĩ nhiên chủ đề này sẽ bị xem như chỉ là một điều hoang tưởng nông cuồng bởi tất cả những kẻ nào lẫn lộn trật tự hiện tồn Vũ Trụ với các hệ thống phân loại của riêng họ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ vạch ra các sự kiện đơn giản của Giáo lý Huyền bí, còn ai muốn chấp nhận hay bác bỏ chúng thì tùy ý. Có các chi tiết mà chúng tôi không thể đề cập tới vì chúng có tính chất quá trừu tượng, siêu hình. Vì thế, chúng ta chỉ xác định rằng chỉ có bảy hành tinh liên quan mật thiết với Địa Cầu chúng ta, chẳng khác nào Mặt Trời có liên quan mật thiết với các thiên thể tùy từng có trong Thái Dương Hệ. So với số thiên thể này, con số nhỏ nhoi các hành tinh *chủ yếu* và *thứ yếu* mà Thiên văn học biết tới hình như chẳng nhằm nhòai gì.⁽¹⁾ Do đó, lẽ cố nhiên là có khá nhiều
 300 hành tinh (dù lớn hay nhỏ) chưa được khám phá ra, song các nhà Thiên văn học thời xưa – tất cả đều là Cao đồ được điểm đạo – chắc chắn là phải biết đến sự tồn tại của chúng. Nhưng

¹ Khi chúng ta nhớ rằng với một kính viễn vọng đa hiệu, nhà thiên văn học lỗi lạc William Herschel – chỉ đo lường phần trời trong mặt phẳng xích đạo mà Trái Đất chúng ta chiếm vị trí gần trung tâm đã thấy 16 000 ngôi sao đi qua trong một phần tư giờ đồng hồ. Áp dụng phép tính toán này cho toàn thể “Ngân Hà”, ông thấy rằng trong đó có không dưới 18 triệu MẶT TRỜI, người ta sẽ không còn ngạc nhiên khi thấy là trong khi đàm đạo với Napoleon I, Laplace đã gọi Thượng Đế là một GIẢ THUYẾT mà vật lý học *chính xác* tuyệt đối không thể suy đoán với bất cứ giá nào. Chỉ Siêu hình học Huyền bí và Triết học siêu việt mới có thể vén được chút xíu góc màn bí mật không thể xuyên thấu được theo chiều hướng này.

vì liên hệ của các hành tinh này với chư Thiên thật là thiêng liêng, nên nó vẫn phải bí truyền cũng như danh xưng của nhiều hành tinh và ngôi sao khác.

Ngoài ra, ngay cả Thần học của Thiên Cháu giáo La Mã cũng đề cập tới “*bảy mươi* hành tinh chủ trì vận mệnh của các quốc gia trên Địa Cầu”; trừ sự áp dụng sai lầm ra, truyền thuyết này còn bao hàm nhiều chân lý hơn thiên văn học chính xác hiện đại. Bảy mươi hành tinh có liên hệ với *bảy mươi* bậc trưởng thượng của dân Do Thái; ⁽¹⁾ người ta có ý nói tới các Đấng Chủ Trì các hành tinh này chứ không phải chính các bầu hành tinh; từ ngữ bảy mươi là *bức bình phong* đối với 7 x 7 phân bộ. Như chúng ta đã nói, mỗi dân tộc và mỗi quốc gia đều có một Đấng Trông Chờ, chỉ đạo *trực tiếp*, Cha trên Trời tức là một Chơn Linh Hành Tinh. Chúng ta sẵn sàng để dành Thần Linh quốc gia của riêng họ (Jehovah) cho những hậu duệ Do Thái, những kẻ tôn thờ Sabaoth tức thần SATURN; thật vậy, các *Chơn Thần* của dân tộc được Ngài tuyển định chính là các Chơn Thần của Ngài, Thánh kinh không bao giờ cho đó là bí mật. Thường thì chỉ có bản Thánh kinh Tin Lành bằng tiếng Anh là không nhất trí với bản Thánh kinh bằng tiếng Hy Lạp và bản Thánh kinh bằng tiếng La Tinh. Trong bản Thánh kinh Tin Lành, chúng ta thấy như sau :

Khi Đấng Chí Tôn [không phải là Jehovah] chia gia tài cho các quốc gia ... Ngài qui định các giới hạn cho dân chúng theo số trẻ con Do Thái.⁽²⁾

Trong bản Thánh kinh bằng tiếng Hy Lạp, đoạn trên được trình bày là : “Theo số *Thiên Thần*” (các Thiên Thần

¹ Số Mục Thánh Thư, xi, 16.

² Thánh thư san định giáo luật, xxxii, 8.

Hành Tinh); đó là một bản dịch phù hợp với sự thật hơn. Và lại, mọi kinh điển đều đồng ý rằng *phần* (*portion*) của Đấng Chí Tôn [Jehovah] là dân của Ngài; Jacob là tất cả gia tài của Ngài¹; thế là chúng ta đã giải quyết được vấn đề này. “Đấng Chí Tôn” Jehovah đã chọn Do Thái làm *phần của mình*; thế thì các quốc gia khác có liên hệ như thế nào với Thần Linh quốc gia đặc biệt này? Thế thì cứ để cho “Thiên Thần Gabriel” trông chừng Ba Tư, còn “Mikael Jehovah” trông chừng Hebrews. Đó không phải là chư Thần Linh của các quốc gia khác; không hiểu tại sao mà tín đồ Thiên Chúa giáo lại tuyển chọn một Thần Linh có các huấn điều mà Đức Jesus tiên phong nổi dậy phản kháng.

Các tín đồ phái Ngô Đạo đã giảng dạy về nguồn gốc hành tinh của Chơn Thần tức Linh Hồn và các năng lực của nó. Trên đường Nhập thế cũng như trên đường Xuất thế, dù theo con đường nào đi nữa, mỗi Linh Hồn, vốn được sinh ra trong và từ “Vô Lượng Quang” (“Boundless Light”)² đều phải đi qua bảy vùng hành tinh. Theo thời gian, các Đấng Thiên Định và Thiên Thần của các tôn giáo xưa nhất đã trở thành bảy Thiên Thần đặc sứ của Ahriman, “mỗi vị bị cột vào hành tinh của mình”, ⁽³⁾ (đối với các tín đồ Bái Hỏa giáo); các 301 Asuras và một vài Thánh Hiền – thiện, ác và vô thường vô phạt – (đối với tín đồ Bà La Môn). Đối với tín đồ phái Ngô

¹ Như trên, 9.

² Trong tác phẩm Các Tín đồ phái Ngô Đạo và các Di tích (tạng 344), King đồng nhất hóa nó với “toàn bộ đạo tâm của người Đông phương, Niết Bàn của các Phật tử, ‘sự yên nghỉ hoàn toàn theo Khoái lạc chủ nghĩa’,” quan điểm này được diễn đạt một cách thật là suồng sã, mặc dù nó không hoàn toàn sai hết.

³ Xem Bản sao các Đồ thị của Những kẻ tôn thờ rắn của Origen.

Đạo Ai Cập, đó là Thoth tức Hermes, Ngài là thủ lĩnh của bảy Đấng được Origen mệnh danh như sau: *Adonai*, Thiên Thần của Mặt Trời; *Tao*, thiên thần của Mặt Trăng; *Eloi*, thiên thần của Mộc Tinh; *Sabaoth*, thiên thần của hỏa Tinh; *Orai*, thiên thần của Kim Tinh; *Astaphai*, thiên thần của Thủy Tinh và *Ildabaoth* (Jehovah), thiên thần của Thổ Tinh. Cuối cùng, tác phẩm *Pistis-Sophia* – con người hiện đại có thẩm quyền nhiều nhất về các tín ngưỡng của phái Ngộ Đạo ngoại môn, ông C. W. King (đã quá cố), xem nó là “lâu đài quý giá về thuyết Ngộ Đạo” – cũng phản ánh các tín ngưỡng cổ đại, nhưng lại xuyên tạc nó để thích ứng với các mục đích của giáo phái. Các Đấng Tinh Anh chủ trì các hành tinh tạo ra các Chơn Thần tức Linh Hồn từ chất liệu của chính mình, “bằng mồ hôi nước mắt”, phú cho chúng một Điểm Linh Quang. Trong Quyển 3 và 4, chúng ta sẽ hiểu tại sao “các Đấng Tinh Quân của Hoàng Đạo và các Bầu hành tinh” này lại bị thần học giáo phái biến thành các Thiên Thần Nổi Loạn (Rebellious Angels) của các tín đồ Thiên Chúa giáo, họ suy ra điều đó từ Bảy Thiên Thần của ba Đạo sĩ mà không hiểu được ý nghĩa của ẩn dụ. ⁽¹⁾

Thông thường thì cái gì ngay từ đầu đã có tính chất thiêng liêng, thánh thiện, thuần khiết trong trạng thái nhất nguyên bản sơ, sẽ trở thành ô trược và đầy nhân tính – vì nó bị biến phân qua cái lăng kính méo mó của các quan niệm con người – do phản ánh bản chất tội lỗi của con người. Như thế, sớm muộn gì, những kẻ tôn thờ chư Thần Linh khác sẽ sỉ vả Thổ Tinh. Các quốc gia sinh ra dưới Thổ Tinh – chẳng hạn như người Do Thái; đối với họ, Ngài trở thành Jehovah, sau

¹ Xem thêm Tiết 14.

khi được những kẻ tôn thờ rắn coi như là một người con của Thần Saturn, tức Ilda-Baoth (điều này được trình bày trong Thánh thư Jasher) – luôn luôn giao tranh với các quốc gia sinh ra dưới Mộc Tinh, Thủy Tinh hoặc bất cứ hành tinh nào khác, ngoại trừ Thổ Tinh - Jehovah. Bất kể các phổ hệ và các lời tiên tri, *Điểm đạo đồ* Jesus (tức Jehoshua) – kiểu mẫu mà “lịch sử” được mô phỏng – không phải thuộc dòng dõi thuần Do Thái, và vì thế không thừa nhận Jehovah. Ngài cũng không tôn thờ bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào (planetary God) ngoại trừ “Cha” của chính Ngài, Đấng mà Ngài biết và giao tiếp với, như mọi *Điểm đạo đồ* cao cấp, “Tinh Thần với Tinh Thần, Linh Hồn với Linh Hồn”. Điều này khó lòng có thể được xem là ngoại lệ, trừ phi nhà phê bình giải thích thỏa đáng cho mọi người các câu nói mà tác giả của Phúc Âm Thứ Tư đã gán cho Jesus khi Ngài tranh luận với những người Pharisees :

302 Ta biết rằng con là mầm mống của Abraham ⁽¹⁾... Ta nói điều mà ta đã chứng kiến với Cha ta; con làm điều mà con đã được chứng kiến với Cha con... Con thực hiện các hành vi của Cha con... Con là ma quỷ đối với Cha con ... Ngài là một kẻ sát nhân ngay từ đầu và không ngại nơi chân lý, vì không có chân lý nơi Ngài. Khi Ngài nói dối thì điều nói dối đó chính là của Ngài vì Ngài là một kẻ nói dối và là Cha đẻ của nó. ⁽²⁾

Đấng “Cha” này của người Pharisees chính là Jehovah, vì Ngài đồng nhất với Cain, Thổ Tinh, Hải Vương Tinh v.v...tức hành tinh mà họ sinh ra dưới đó và Thần Linh mà họ tôn thờ. Hiển nhiên là dù bị dịch sai, các lời này và các lời khuyến cáo này phải có một ý nghĩa Huyền bí, vì chúng được

¹ Abraham đồng nhất với Thổ Tinh trong biểu tượng học tinh đầu. Ngài là Tổ phụ của các người Do Thái duy-Jehovah.

² Thánh thư John, viii, 37, 38, 41, 44.

tuyên bố bởi một kẻ cứ đem hỏa ngục ra dọa kẻ nào chỉ mới bảo huynh đệ của mình là Raca (đồ ngu).¹ Các hành tinh cũng hiển nhiên không những là các bầu lấp lánh trong Không gian và chiếu sáng chẳng có mục đích gì, mà còn là địa hạt của nhiều thực thể khác nhau mà kẻ chưa được điểm đạo còn lâu lắm mới biết tới; tuy nhiên các Đấng này có một liên hệ huyền bí, bền vững và mạnh mẽ với con người và các bầu hành tinh. Mỗi thiên thể đều là các Thánh Điện của *một* Thần Linh, chính chư Thần Linh này lại là các Thánh Điện của THƯỢNG ĐẾ “Phi Tinh Thần”, Bất khả tri. Trong Vũ Trụ chẳng có gì là phàm tục (PROFANE). Toàn thể Thiên Nhiên là một chốn thiêng liêng, Young đã diễn tả điều này như sau :

Mỗi ngôi sao là một giáo đường.

Như thế, mọi tôn giáo ngoại môn có thể tỏ ra là các bản sao trá ngụy của Giáo lý Nội môn. Chính giai cấp lễ sư (priest-hood) phải chịu trách nhiệm về phản ứng thuận lợi cho Chủ nghĩa duy vật của chúng ta hiện nay. Chính vì việc tôn thờ và cưỡng bách quần chúng tôn thờ các lớp vỏ lý tưởng ngẫu tượng – được nhân cách hóa vì mục đích ẩn dụ - nên tôn giáo ngoại môn cận đại nhất mới biến các xứ Tây phương thành ra một âm cảnh (pandemonium) trong đó các gia cấp thượng lưu tôn thờ con bò vàng, còn quần chúng hạ lưu, dốt nát phải tôn thờ một hình tượng với chân bằng đất sét.

¹ Thánh thư Matthew, v, 22.

TIẾT 11

TƯ TƯỞNG CỔ TRUYỀN ĐƯỢC TRÌNH BÀY THEO LỐI HIỆN ĐẠI (ANCIENT THOUGHT IN MODERN DRESS)

KHOA HỌC HIỆN ĐẠI CHỈ LÀ TƯ TƯỞNG CỔ TRUYỀN BỊ XUYỀN TẠC, không hơn không kém. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy các nhà khoa học có trực giác đang suy nghĩ và bận tâm về điều gì, nay độc giả sẽ có được một ít bằng chứng thêm nữa xác định rằng hơn một Hội viên Hội Hoàng Gia Anh đang tiến gần tới các Khoa Huyền bí học (đã bị chế nhạo) một cách vô thức.

Xét về vũ trụ khởi nguyên luận và vật chất bản sơ, các điều suy lý hiện đại rõ ràng là tư tưởng cổ truyền được *cải tiến* bởi các thuyết mâu thuẫn có nguồn gốc cận đại. Toàn bộ nền tảng đều thuộc về thiên văn học và vật lý học cổ đại Ấn Độ và Hy Lạp (thời đó người ta luôn luôn gọi chúng là triết học). Trong tất cả các suy lý của người Aryan và người Hy Lạp, chúng ta đều thấy quan niệm về một chất thuần trạng, hỗn độn và thấm nhuần vạn vật, tức Hồng nguyên khí (Chaos), các nhà khoa học hiện đại lại gọi nó là “tình trạng tinh vân của vũ trụ chất”. Cái mà Anaxagoras gọi là Hồng nguyên khí trong tác phẩm Homoiomeria, nay lại được W. Thomson gọi là “Lưu chất bản sơ”. Các nhà nguyên tử luận Ấn Độ và Hy Lạp – Ka nã da, Leucippus, Democritus, Epicurus, Lucretius v.v... - nay được phản ánh, như trong

một chiếc gương trong sáng, nơi những kẻ ủng hộ thuyết nguyên tử hiện đại, bắt đầu với các Đơn Nguyên (Monads) của Leibnitz và chấm dứt với các Nguyên Tử Xoáy (the Vortical Atoms) của W. Thomson. ⁽¹⁾ Thật vậy, thuyết hạt ánh sáng thời xưa đã bị bác bỏ và thuyết sóng ánh sáng đã thế chỗ nó. Nhưng vấn đề đặt ra là *liệu thuyết sóng ánh sáng có đủ cơ sở vững chắc để không thể bị hạ uy thế giống như thuyết hạt ánh sáng hay không?* Xét về phương diện siêu hình, ánh sáng đã được bàn luận rất ráo trong Nữ Thần Isis Lộ Diện như sau :

304 Nhà Phúc âm và tín đồ Do Thái Bí giáo cho rằng Ánh Sáng là con đầu lòng và là phân thân thứ nhất của Đấng Chí Tôn; Ánh Sáng cũng là Sự Sống. Cả hai đều là điện – nguyên sinh khí, linh hồn vũ trụ - thấm nhuần vũ trụ, điện làm linh hoạt vạn vật. Ánh sáng là đại Pháp sư biến hình, dưới Thiên Chí của Kiến Trúc Sư ⁽²⁾ (hay đúng hơn là các kiến trúc sư, các nhà kiến tạo được gộp lại làm Một), các luồng sóng toàn năng, đa tạp của nó đã sản sinh ra mọi hình hài sắc tướng cũng như là mọi sinh vật. Từ trong lòng tích điện tràn đầy của nó, xạ ra tinh thần và vật chất. Bên trong các chùm tia sáng này là cội nguồn của mọi tác dụng vật lý và hóa học cũng như mọi hiện tượng vũ trụ và tinh thần. Nó làm linh hoạt và giải thể; nó nắm quyền sinh tử trong tay; từ điểm khởi nguồn của nó, phát lộ ra hằng hà sa số thế giới cùng với các thiên thể hữu hình và vô hình. Theo Plato, Thượng Đế đã dùng một tia của Mẹ

¹ Các Xoáy Ngũ hành do “Thế Trí” (“Mind”) phát khởi đã không được phép biến đổi hiện đại này cải tiến.

² Người ta thường quả trách tôi là đã dùng các thành ngữ trong Nữ Thần Isis để biểu thị niềm tin vào một Thượng Đế *nhân hình*. Tôi không có ý như thế đâu. Nói theo Thánh kinh Kabbalah “Kiến Trúc Sư” là danh xưng chung dành cho các Sephiroth, các Đấng Kiến Tạo Vũ Trụ, cũng như “Toàn Linh trí” tiêu biểu cho tập thể các Trí Tuệ của các Thiên Định Đế Quân.

Bản Sơ Tam Vị Nhất Thể này để đốt lên Thần Hỏa mà chúng ta gọi là Mặt Trời”, ⁽¹⁾ Mặt Trời không phải là nguyên nhân của ánh sáng hay nhiệt mà chỉ là tiêu điểm hay thấu kính (tạm gọi như vậy) – nhờ đó các tia sáng nguyên thủy mới thể hiện được và tập trung trong Thái Dương Hệ chúng ta, tạo ra mọi sự tương hệ lực. ⁽²⁾

Đó là Ether, nó vừa được giải thích theo quan điểm của Metcalf (được Bác sĩ Richardson lặp lại) ngoại trừ việc một vài chi tiết của nó phải được sửa đổi cho phù hợp với thuyết sóng ánh sáng hiện đại. Chúng tôi không hề chối bỏ thuyết này, chúng tôi chỉ khẳng định rằng nó cần phải được bổ túc và chỉnh đốn lại. Nhưng về vấn đề này, các nhà Huyền bí học không hề là những kẻ duy nhất theo dị thuyết, vì ông Robert Hunt, Hội viên Hội Hoàng Gia, thấy rằng:

...thuyết sóng ánh sáng không giải thích được các kết quả thực nghiệm của ông. ⁽³⁾ Trong tác phẩm Luận về Quang Học, David Brewster chứng tỏ rằng “màu sắc của cây cỏ là do ... các cấu tử của vật thể này có một hấp lực chuyên biệt với các tia sáng có màu sắc khác nhau”, và “nhờ có ánh sáng mặt trời nên các nước nhựa màu của cây cối mới được đào luyện ra, màu sắc của các vật thể mới thay đổi v.v... Ông còn nhận xét rằng để gì mà các tác dụng như thế lại có thể được tạo ra chỉ vì sự chấn động của một môi trường ether”. Ông cũng bắt buộc phải tuyên bố rằng “bằng vào hàng loạt các sự kiện, người ta lý luận cứ như thể ánh sáng là vật liệu [?]. Giáo sư Josiah P. Cooke thuộc viện Đại học Harvard, tuyên bố rằng: “ông không thể đồng ý với những kẻ nào coi thuyết sóng ánh sáng như là một nguyên lý đã xác định của khoa học”.⁽⁴⁾ Nếu thuyết Herschel – vốn cho rằng tác dụng của mỗi ba động, cường độ của ánh sáng tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách

¹ Timaeus.

² Quyển I, trang 258.

³ Khảo cứu về Ánh sáng với các Tương quan Hóa học.

⁴ Hóa Học Hiện Đại.

tới vật sáng – mà đúng thì nó sẽ gây thiệt hại nặng nề cho, nếu không muốn nói là sẽ bóp chết, thuyết sóng ánh sáng. Các cuộc thí nghiệm bằng quang kế đã chứng minh đi chứng minh lại rằng ông thật chí lý; thuyết sóng ánh sáng vẫn còn tồn tại mặc dù nó đã bắt đầu bị nghi ngờ nhiều rồi. ⁽¹⁾

Có nhiều chuyện giải đáp được cái nhận xét đó của David Brewster – “bắt buộc phải lý luận như thể ánh sáng là một vật liệu”. Theo một ý nghĩa nào đó, ánh sáng chắc chắn là vật liệu cũng như điện vậy. Nếu điện *không phải* là vật liệu, nếu nó chỉ là một cách thức chuyển động thôi, thì làm sao nó có thể được *tích trữ* trong các bình ac-quy của Faure ? Helmholtz cho rằng điện cũng phải có tính chất nguyên tử như vật chất; còn Giáo sư W. Crookes, Hội viên Hội Hoàng Gia, lại bảo vệ quan điểm này trong bài diễn văn tại Birmingham năm 1886 khi ngỏ lời với Bộ môn hóa học của Hội Hoàng Gia Anh mà ông là chủ nhiệm. Helmholtz cho rằng:

Nếu chúng ta chấp nhận giả thuyết cho rằng các chất liệu nguyên tố được cấu thành bởi các nguyên tử thì chúng ta không thể không kết luận rằng điện, dương cũng như âm, cũng được chia thành các phần tử sơ cấp nhất định, chúng tác động như là các nguyên tử điện.⁽²⁾

305 Ở đây, chúng ta phải lặp lại điều đã được phát biểu trong Tiết 8, cho rằng từ nay, chỉ có một khoa học duy nhất có thể chỉ đạo công cuộc khảo cứu hiện đại đi theo con đường duy nhất đưa tới việc khám phá ra toàn bộ chân lý đến nay vẫn còn có tính cách Huyền bí; đó là khoa học còn non trẻ nhất (tức hóa học đã được cải cách như hiện nay). Chẳng có

¹ Nữ Thần Isis Lộ Diện, I, trang 137.

² Các Bài Diễn Văn về Faraday, 1 881.

khoa học nào khác (kể cả thiên văn học) có thể hướng dẫn trực giác khoa học một cách đúng đắn như hóa học. Chúng ta có thể thấy hai bằng chứng của điều này trong giới khoa học – hai nhà hóa học lỗi lạc, mỗi người đều thuộc thành phần xuất chúng nhất ở quê hương mình; đó là Giáo sư Crookes và Giáo sư Butlerov: người thì hoàn toàn tin tưởng vào các hiện tượng phi thường, người lại tỏ ra nhiệt thành với phong trào giáng ma chẳng kém gì việc tỏ ra siêu quần trong lãnh vực khoa học tự nhiên. Hiển nhiên là trong khi suy gẫm về tính khả phân tối hậu của Vật Chất và trong cuộc truy tìm (đến nay vẫn còn chưa có kết quả) nguyên tố có trọng lượng nguyên tử âm, trí óc được đào tạo theo lối khoa học của nhà hóa học đó ắt phải thấy mình bị lôi cuốn một cách không thể cưỡng lại về phía các thế giới bí ẩn thăm thẳm khôn dò, chúng hình như vẫn khép kín khi các kẻ quá duy vật toan thò tay vén bức màn bí mật. Tín đồ Độc Thần Bất khả tri cảnh cáo: “Chúng ta không biết được nó và *chẳng bao giờ biết được nó đâu*”. Nhà hóa học kiên tâm trì chí đáp lại: “Không phải thế đâu. Chúng ta đang trên đường tìm hiểu và chúng ta sẽ chẳng sờn lòng, chúng ta sẵn sàng bước vào lãnh vực huyền bí mà *kẻ vô minh cho là không biết được*”.

Trong bài diễn văn chủ nhiệm tại Birmingham, Giáo sư W.Crookes cho rằng:

Chỉ có mỗi một thứ là chúng ta không biết được, đó là nền tảng tối hậu của Tinh Thần [Không gian]. Tuy nhiên, vì có sự biến phân đó, Cái Không Tuyệt Đối và Đơn Nhất vẫn tỏ ra bí ẩn đối với các giác quan vật chất, và chỉ tỏ lộ với trí tuệ tinh thần của con người; đó vốn là đỉnh cao chói lọi của toàn khối không thể biến phân.

Hai hay ba câu ở tận cùng bài diễn văn của ông về sự *Khởi thủy của các Nguyên Tố* (*Genesis of the Elements*), đã chứng

tỏ rằng nhà khoa học lỗi lạc ấy đang trên đường khám phá ra nhiều điều vĩ đại. Có một lúc ông đã tiên đoán về “*nguyên hình chất*” và đã kết luận rằng: “Kẻ nào có được Chìa khóa sẽ có thể giải được một vài bí nhiệm sâu xa nhất của sự sáng tạo”. Nhà hóa học đại tài giải thích rằng:

Nguyên hình chất (Protyle) là một từ ngữ tương tự với nguyên sinh chất, dùng để diễn đạt ý niệm về một chất nguyên thủy tồn tại trước khi các nguyên tố hóa học tiến hóa. Từ ngữ mà tôi đánh bạo sử dụng cho mục đích này, hợp bởi “sớm hơn, có trước” và “chất liệu cấu thành vạn vật”. Từ ngữ này hầu như không phải là một điều gì mới lạ được chế ra, vì 600 năm về trước, Roger Bacon đã trình bày trong tác phẩm *Arte Chymiae* như sau: “Các nguyên tố đều được tạo ra từ Hỗn nguyên khí, mỗi nguyên tố đều được chuyển thành bản chất của một nguyên tố khác.

Sự *thông thái* của Roger Bacon không phải vì được linh cảm mà vì ông đã nghiên cứu các tác phẩm cổ truyền về Pháp thuật ⁽¹⁾ và thuật Luyện kim đan, cũng như là có một chìa

¹ Những điều mà tác giả của pho sách này trình bày cách đây mười năm trong *Nữ Thần Isis Lộ Diện hình* như là có tính cách tiên tri. Những điều đó như sau: “Bằng cách tuân theo những điều mà các bộ đại luận đã dạy và được mật truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nhiều nhà huyền học đã khám phá được nhiều điều mà ngay cả vào thời khoa học chính xác hiện nay, chúng ta cũng không thể xem thường chúng được. Tu sĩ Roger Bacon bị nhạo báng, coi như một tên đại bịp; bấy giờ người ta thường xem ông như là thuộc vào loại tự khoe là có pháp thuật. Tuy nhiên, nay chính những kẻ chế nhạo ông nhiều nhất lại chấp nhận và sử dụng các khám phá của ông. Roger Bacon có quyền, nếu không muốn nói là thực sự, có chân trong các Đại Đoàn bao gồm tất cả những kẻ nào nghiên cứu Huyền bí học. Sống vào thế kỷ 13, do đó, hầu như là đồng thời với Albertus Magnus và Thomas Aquinas, ông đã khám phá ra nhiều

khóa giải được chân ý nghĩa của ngôn ngữ của chúng. Nhưng chúng ta hãy xem Giáo sư Crookes trình bày về Nguyên hình chất, nó rất gần gũi với *Hỗn nguyên khí* vô thức (unconscious *Mūlaprakriti*) của nhà Huyền bí học.

... chúng ta hãy bắt đầu vào lúc nguyên tố thứ nhất ra đời. Trước lúc đó, vật chất, theo như chúng ta biết, không tồn tại. Cũng không thể quan niệm được vật chất mà không có năng lượng, cũng như là năng lượng mà không có vật chất; theo một quan điểm nào đó, cả hai từ ngữ này có thể thay thế lẫn cho nhau. Trước khi nguyên tử cất tiếng chào đời, tất cả các dạng năng lượng – chúng hiển lộ khi vật chất tác động lên vật chất – không thể tồn tại được,⁽¹⁾ chúng chỉ tiềm tàng trong nguyên hình chất thôi. Trường hợp với sự khai sinh ra các nguyên tử này, mọi thuộc tính và đặc tính khiến chúng ta phân biệt nguyên tố hóa học này với nguyên tố khác, cũng nảy sinh ra và được cấp cho đầy đủ năng lượng.⁽²⁾

Về mọi mặt, do diễn giả có kiến thức uyên bác, nhà Huyền bí học sẽ trình bày khác đi. Y sẽ bảo rằng chẳng Nguyên tử nào được “tạo ra”, vì các Nguyên tử thật là vĩnh cửu trong lòng *Nguyên Tử Duy Nhất – Cực Vi Tử* (“the Atom of Atoms”) – trong Chu kỳ Khai Nguyên, nó được xem như là *Jagad-Yoni*, cái khuôn viên sáng tạo ra *vật chất* Thế giới. Hồng môn nhất khí (Vật chất chưa biến hóa) – đó là dạng sơ khai của *Prakriti*, tức Thiên Nhiên vật chất, hữu hình *cũng như*

điều – chẳng hạn như thuốc súng, kính quang học, các thành tựu về cơ học – mà mọi người đều xem như là phép lạ. Ông bị kết tội là “đã bán linh hồn cho Quỷ” (Quyển I, trang 64 – 65).

¹ Đúng vậy “các dạng năng lượng... *biểu lộ*” trong phòng thí nghiệm của nhà hóa học và vật lý học; nhưng *có các dạng năng lượng khác* liên kết với các dạng vật chất khác, *chúng có tính cách siêu phàm*, song các Cao đồ vẫn biết được.

² Diễn văn Chủ Nhiệm (Presidential Address), trang 16.

vô hình – và *Purusha* (Tinh Thần) đều mãi mãi là một. Chúng chỉ là *Nirupādhi* (không có các đặc tính ngẫu nhiên) trong Chu kỳ Hồn nguyên và khi vượt qua bất kỳ cảnh giới sinh hoạt ý thức nào. Nguyên tử, theo như khoa học hiện nay biết được, bất khả phân ly với *Purusha*, vốn là Tinh Thần, nhưng nay khoa học gọi nó là “Năng lượng”. Vì tử *Nguyên hình chất* đã không bị tế phân hay tinh vi hóa; nó đã chỉ chuyển vào trong cảnh giới này, đó vốn không phải là cảnh giới, mà là trạng thái vĩnh cửu vạn vật vượt ngoài tầm các cảnh giới hão huyền. Cả *Tinh Thần (Purusha)* và *Hồng mônng nhất khí (Pradhāna)* đều bất di bất dịch và bất hoại, tức *Aparināmin* và *Avyaya*, trong vĩnh cửu; trong các thời kỳ hão huyền, cả hai đều có thể được đề cập tới như là *Vyaya* và *Parināmin*, tức là cái thể thành, trụ, hoại, không và “vô thường”. Theo ý nghĩa này dĩ nhiên là chúng ta phải phân biệt *Tinh Thần* với *Thái Cực Thượng Đế*. Tuy nhiên, cái gọi là “năng lượng” hay “lực” trong khoa học, và đã được Metcalf giải thích như là một lực *lượng phân*, thực ra chẳng bao giờ có thể chỉ là năng lượng không thôi; vì đó là chất liệu của Thế giới, Linh Hồn của nó, *Sarvaga* thấm nhuần vạn vật, cùng với *Kāla* (Thời gian). Ba thứ này là Tam Vị Nhất Thể trong Chu kỳ Khai Nguyên,

307 Nhất Nguyên tiềm tàng vạn vật, chúng tác động như là ba sự vật riêng biệt trên *Mâyā* (cảnh giới hão huyền). Trong triết học Orpheus cổ Hy Lạp, chúng được gọi là *Phanes*, *Chaos* và *Kronos* – Tam Nguyên của các triết gia Huyền linh vào thời kỳ đó.

Nhưng chúng ta hãy xem Giáo sư Crookes ra sức phốt lò “Đấng Bất Khả Tri” biết bao, và phải có biết bao tiềm năng để chấp nhận các chân lý Huyền bí trong các khám phá

của ông. Ông tiếp tục đề cập đến sự tiến hóa của các Nguyên tử như sau:

Chúng ta hãy ngừng lại lúc kết liễu chấn động hoàn chỉnh đầu tiên và xem xét kết quả một chút. Chúng ta tìm thấy các yếu tố nước, ammoniac, acid carbonic, khí quyển, cuộc sống thực vật và động vật, phosphore cho não, muối cho biển, đất sét cho đất rắn chắc... phosphat và silicat đủ cho một thế giới và các cư dân không khác quá xa với những gì mà chúng ta hưởng thụ hiện nay. Đúng thật là người ta phải sống trong một tình trạng mộc mạc, chất phác hơn, và sự thiếu phosphat calci sẽ bất tiện cho sự phát triển xương ... ⁽¹⁾ Ở đầu dưới của đường cong ... chúng ta thấy một khoảng trống lớn... Ốc đảo này và các chỗ trống trước và sau nó, có thể được qui (một cách khá chắc chắn) cho đường lối đặc biệt, theo đó trái đất phát triển thành một phần tử của thái dương hệ. Nếu đúng thế, thì chỉ trên địa cầu chúng ta mới có chỗ trống này thôi, chứ đâu phải chỗ nào trong vũ trụ cũng có.

Điều này biện minh cho nhiều điều khẳng định trong các tác phẩm Huyền bí.

Thứ nhất là, chúng ta không thể bảo rằng Mặt Trời và các ngôi sao được cấu thành bởi các nguyên tố trên địa cầu (đã quen thuộc với nhà hóa học, mặc dù tất cả đều tồn tại trong các lớp vỏ ngoài Mặt Trời) cũng như là một số lớn các nguyên tố mà khoa học cho đến nay còn chưa biết.

Thứ nhì là, địa cầu chúng ta có phòng thí nghiệm chuyên biệt ở tận ngoài vùng khí quyển; mọi Nguyên tử và

¹ Chính nhà Huyền bí học đã quả quyết là trên các cảnh giới tâm thức khác, có tồn tại một thế giới như thế. Huyền bí học dạy rằng giống người sơ thủy không có xương, có các thế giới mà chúng ta không thấy được, cũng có dân cư như thế giới chúng ta, ngoài số dân (*populations*) của các Thiên Định Đế Quân ra.

phân tử khi băng qua đó đều được biến hóa khác với trạng thái nguyên thủy.

Thứ ba là, mặc dù trên Mặt Trời không thiếu bất cứ nguyên tố nào hiện hữu trên Trái Đất, song trên Địa Cầu chúng ta, còn có nhiều nguyên tố khác chưa được khám phá ra hoặc chưa ở trong tầm tay của chúng ta.

Một vài nguyên tố có thể không hiện hữu trong một vài ngôi sao và thiên thể đang tiến trình hình thành. Cũng có thể là mặc dù hiện hữu nơi chúng, do tình trạng hiện nay, đến nay các nguyên tố này vẫn chưa thể đáp ứng lại với các cuộc trắc nghiệm khoa học thường dùng.⁽¹⁾

Giáo sư Crookes đề cập tới helium, ⁽²⁾ một nguyên tố có trọng lượng nguyên tử còn nhỏ hơn hydrogen, một nguyên tố thuần là giả thuyết xét về địa cầu chúng ta, mặc dù còn đây đây trong sắc cầu của Mặt trời. Huyền bí học còn nói thêm rằng không có một nguyên tố nào được hóa học trọng vọng như thế mà thực sự lại xứng danh.

308 Chúng ta lại thấy Giáo sư Crookes lên tiếng tán thành :

Luận chúng có giá trị của Tiến sĩ Carnelly ủng hộ bản chất phức hợp của cái gọi là các nguyên tố, vì chúng tương tự với các rễ mầm phức hợp.

Cho đến nay, trong lịch sử cũng như trong các cái gọi là các quốc gia văn minh, chỉ có Thuật luyện kim đan là đã thu được một nguyên tố thực sự, tức là một cấu tử vật chất thuần trạng, *Mysterium Magnum* của Paracelsus. Nhưng điều này diễn ra trước thời Huân Tước Bacon. ⁽³⁾

¹ Năm năm Theosophist, trang 258 và tiếp theo.

² [William Ramsay thu được helium vào năm 1895].

³ Trong cùng bài diễn văn, Giáo sư Crookes cho rằng: “Trong hóa học, vấn đề làm đau đầu mà chúng ta gặp trước hết là: “Các

Nay chúng ta quay sang phần trên của sơ đồ. Với hydrogen có trọng lượng nguyên tử = 1, chúng ta còn mấy chỗ cho các nguyên tố khác (có lẽ là ngoại trừ Helium giả thuyết). Nhưng nếu chúng ta đi “xuyên qua cái gương soi” và băng qua đường zero để tìm các nguyên khí mới, chúng ta sẽ tìm thấy gì ở phía bên kia của đường Zero ? Tiến sĩ Carnelly đòi hỏi là một nguyên tố mới phải có trọng lượng nguyên tử âm; ở đây tha hồ có đủ chỗ cho một loạt các điều không thực chất dự phóng. Helmboltz bảo rằng điện có lẽ là một trong các nguyên tố âm, còn ether ánh sáng là một nguyên tố âm khác không? Vật chất, như chúng ta biết hiện nay, không tồn tại ở đây; các dạng năng lượng có tính chất biểu kiến trong các chuyển động của vật chất, đến nay vẫn chỉ là các tiềm năng. Một chất có trọng lượng âm chẳng phải là không thể quan niệm được.⁽¹⁾ Nhưng liệu chúng ta có thể

nguyên tố là gì?” Đến nay, trong số các toan tính nhằm định nghĩa hay giải thích một nguyên tố, không có nỗ lực nào thỏa mãn được các nhu cầu của trí người. Các sách giáo khoa cho chúng ta biết rằng một nguyên tố là ‘một chất đã không bị phân hủy’, một ‘cái gì mà ta có thể thêm vào, nhưng ta không thể rút được gì ra từ đó’, một ‘chất tăng trọng lượng khi có bất kỳ sự biến đổi hóa học nào’. Các định nghĩa như thế rõ ràng là chưa được hoàn chỉnh: chúng chỉ tạm thời và mai đây, chúng có thể không có được áp dụng cho bất kỳ trường hợp đã định nào. Chúng không dựa vào bất cứ thuộc tính nào của các sự vật được định nghĩa, mà chỉ dựa vào các hạn chế của năng lực con người: chúng là các minh chứng hùng hồn của sự bất lực của trí năng”.

¹ Thế rồi, diễn giả lại trích dẫn lời phát biểu của George Airy (trong tác phẩm Cuộc đời và các Bức thư của Faraday, Quyển ii, trang 354) như sau: “Tôi có thể dễ dàng quan niệm ra rằng có nhiều vật

hình dung rõ rệt được vật chất hóa hợp với các chất khác theo các tỷ lệ có thể diễn đạt bằng các tính chất âm hay chẳng? ⁽¹⁾

Một sự khởi sinh ra các nguyên tố (như được phác họa ở đây) sẽ không bị giới hạn trong thái dương hệ nhỏ bé của chúng ta, mà có lẽ sẽ theo trình tự diễn biến nói chung giống như ở mọi trung tâm năng lượng hay lộ rõ ra như là một ngôi sao.

Trước khi các nguyên tử bắt đầu bị hút về phía nhau, không hề có áp lực nào tác động. Nhưng ở phía ngoại biên của bầu sương lửa (firemist sphere) (bên trong nó tất cả đều là nguyên sinh chất) – các lực khủng khiếp có liên quan tới sự khai sinh ra một nguyên tố hóa học đang hoàn toàn thống trị ở lớp vỏ trên bầu đó – ngoài nhiệt nóng bỏng ra còn có các lực hấp dẫn đủ để giữ cho các nguyên tố mới sinh khỏi bay mất vào không gian. Khi nhiệt độ tăng lên, sự bành trướng và chuyển động phân tử cũng gia tăng, các phân tử có khuynh hướng tách rời ra, các ái lực hóa học của chúng mất đi. Nhưng áp lực khổng lồ của lực hấp dẫn của khối lượng của vật chất nguyên tử, bên ngoài cái mà tôi có thể gọi một cách ngắn gọn là lớp vỏ sinh sản, sẽ hóa giải được tác dụng của nhiệt.

Bên ngoài lớp vỏ sinh sản là một vùng không gian trong đó không có một tác dụng hóa học nào có thể diễn ra được, vì nhiệt độ ở đó vượt quá cái gọi là điểm phân rã của các hợp chất. Trong vùng không gian này, con sử tử và con chiên sẽ

thể quanh ta không chịu tác dụng lẫn nhau này, *do đó chúng không bị hấp lực chi phối*”.

¹ Triết hệ Vedanta cũng quan niệm như vậy; nhưng như thế đâu phải là vật lý học mà lại là siêu hình học; Giáo sư Tyndall gọi nó là “thi ca” và “tiểu thuyết”.

cùng nhau nằm xuống; phosphore và oxygen sẽ trộn lẫn với nhau mà không kết hợp; hydrogen và clor sẽ tỏ ra không có khuynh hướng liên kết với nhau chặt chẽ hơn, ngay cả fluor, cái chất khí năng lượng (energetic gas) mà các nhà hóa học chỉ mới ly trích (isolated) được trong vòng một, hai tháng qua, cũng sẽ trôi nổi một cách tự do.

309 Bên ngoài vùng không gian vật chất nguyên tử tự do này là một lớp vỏ khác, trong đó các nguyên tố hóa học được tạo ra sẽ nguội trở lại điểm hóa hợp. bấy giờ, trình tự các diễn biến mà ông Mattieu Williams đã mô tả trong *Nhiên Liệu của Mặt Trời* sẽ diễn ra, đạt tới điểm nơi đất rắn chắc và sự khởi đầu thời gian địa chất (trang 19).

Với một ngôn ngữ khoa học nghiêm chỉnh, nhưng không kém phần văn hoa, đây chính là sự mô tả cuộc tiến hóa của vũ trụ biến phân trong *Giáo huấn Bí truyền*. Khi học giả quý tộc kết thúc bài diễn văn của mình bằng những lời lẽ mà mỗi câu thốt ra giống như là một tia sáng lóe lên từ bên ngoài bức màn duy vật tối tăm (mãi đến nay, nó vẫn còn bao phủ khoa học chính xác và là một bước tiến về Huyền Linh Nội Điện. Ông trình bày như sau:

Chúng ta đã thoát thấy sự khó khăn trong việc định nghĩa một nguyên tố; chúng ta cũng nhận thấy là nhiều nhà vật lý học và hóa học lỗi lạc đã nổi dậy phản đối ý nghĩa thông thường của từ ngữ “nguyên tố”; chúng ta đã cân nhắc việc chúng không thể tồn tại vĩnh cửu ⁽¹⁾ được tức là chúng khởi nguồn một cách ngẫu nhiên. Về một điều còn lại, chúng ta đã gợi ý rằng chúng có nguồn gốc là một diễn trình tiến hóa giống như sự tiến hóa của các thiên thể theo Laplace, và sự tiến hóa của các cây cỏ và thú vật của địa cầu

¹ Nay theo chúng ta thì sự tồn tại dưới dạng nào ?

chúng ta theo Lamarck, Darwin và Wallace.⁽¹⁾ Về sự bố trí tổng quát của các nguyên tố (theo như chúng ta biết) chúng ta đã thấy nó rõ rệt là gần giống với cách bố trí của thế giới hữu cơ. ⁽²⁾ Vì thiếu bằng chứng trực tiếp và sự phân hủy của bất kỳ nguyên tố nào, nên chúng ta tìm kiếm và tìm thấy bằng chứng gián tiếp... Sau đó, chúng ta xét qua quan điểm về sự khởi nguyên của các nguyên tố; cuối cùng chúng ta đã duyệt lại một sơ đồ về nguồn gốc của chúng theo phương pháp mà Giáo sư Reynolds gọi ra để minh họa phép phân loại tuần hoàn ⁽³⁾... Thật vậy, khi tổng kết tất cả các

¹ Và (một cách đặc biệt và xét cho cùng) theo Kapila và Đức Bàn Cổ.

² Đây chính là điều mà khoa học bổ chứng cho luật tương ứng và tương tự đòi hỏi.

³ Theo Giáo sư Crookes, phương pháp minh họa luật phân loại tuần hoàn các nguyên tố do Giáo sư Emerson Reynolds (thuộc viện Đại Học Dublin) đề nghị. Ông đã ...”vạch rõ rằng trong mỗi chu kỳ, các tính chất chung của các nguyên tố thay đổi từ nguyên tố này sang nguyên tố khác một cách khá đều đặn cho đến khi chúng ta đạt tới *nguyên tố thứ bảy*, ít nhiều gì đó cũng tương phản rõ rệt với nguyên tố thứ nhất cũng của chu kỳ ấy, cũng như là tương phản với nguyên tố đầu tiên của chu kỳ kế tiếp. Do đó, clor (nguyên tố thứ bảy của chu kỳ thứ ba của Mendeleef) tương phản rõ rệt với cả sodium (nguyên tố đầu tiên cũng của chu kỳ đó) lẫn potassium (nguyên tố đầu tiên của chu kỳ tiếp theo); thế mà, mặt khác, sodium và potassium lại rất giống nhau. Sáu nguyên tố (có trọng lượng nguyên tử trong khoảng sodium và potassium) có các tính chất thay đổi từ từ cho tới clor (nguyên tố tương phản với sodium). Nhưng từ clor cho tới potassium (nguyên tố tương tự với sodium), các tính chất đã bị đột biến... Như thế nếu chúng ta thừa nhận là nguyên tố đầu tiên và nguyên tố cuối cùng của mỗi liệt nhóm (series) có các tính chất tương phản với nhau một cách rõ rệt, thì chúng ta khó lòng không thể thừa nhận rằng có một điểm biến

thiên trung bình bên trong mỗi hệ thống. Nói chung thì nguyên tố thứ tư của mỗi liệt nhóm đều có tính chất được kỳ vọng là thuộc về một nguyên tố chuyển tiếp ... Vì vậy, để minh giải đồ thị, Giáo sư Reynolds thấy rằng chúng ta có thể đặt nguyên tố thứ tư của một chu kỳ - chẳng hạn như silicium - tại đỉnh của một đường cong đối xứng. Đối với chu kỳ đặc biệt này, nó sẽ tiêu biểu cho chiều hướng biến thiên của các tính chất của các liệt nhóm nguyên tố có các trọng lượng nguyên tử tăng dần”.

Nay tác giả xin khiêm tốn thú nhận là mình chẳng biết gì về hóa học hiện đại và các bí nhiệm của nó. Nhưng tác giả lại khá thông thạo về Giáo lý Huyền bí liên quan tới *các sự tương ứng về kiểu mẫu và nguyên kiểu* trong thiên nhiên, cũng như là một luật cơ bản trong Huyền bí học: “sự tương tự toàn bích”. Vì thế, tác giả đánh bạo đưa ra một nhận xét, nó sẽ làm chấn động mọi nhà Huyền bí học, mặc dù khoa học chính thống có thể chế nhạo nó. Phương pháp minh họa luật tuần hoàn theo tác động của các nguyên tố là *một định luật của Huyền bí học*, cho dù nó vẫn có thể chỉ là một giả thuyết của hóa học. Mọi nhà Huyền bí học thông thái đều biết rằng phần tử *thứ bảy* và *thứ tư* – dù là trong một chuỗi thế giới thất phân, một đại đoàn thiên thần thất phân, hay trong cấu tạo thất phân của con người, con vật, cây cỏ hoặc nguyên tử khoáng vật – trong các tác động đều dẫn về mặt hình học và toán học của các luật bất di bất dịch của Thiên Nhiên, bao giờ cũng đóng một vai trò chuyên biệt trong hệ thống thất phân. Từ các ngôi sao lấp lánh trên trời cao tới các đốm lửa tủa ra từ ngọn lửa bập bùng mà người dã man đốt lên trong rừng thẳm; từ các Đại đoàn Thiên Định Đế Quân với các cấu tạo bản thể - được tổ chức để cho chúng ta linh hội được các điều thiêng liêng hơn cả tầm mức tri giác mà nhà Tâm lý học Tây phương đã từng mơ tới – xuống mãi tới phép phân loại các côn trùng tầm thường nhất trong Thiên Nhiên; cuối cùng, từ các Thế giới tới các Nguyên Tử, vạn vật trong Vũ Trụ (từ lớn tới nhỏ) đều tiến hóa về mặt tinh thần và vật chất một cách tuần hoàn từng bảy năm một, và đều chứng tỏ rằng phần tử *thứ bảy* và *thứ tư* (phần tử

nhận xét trên, chúng ta không dám khẳng định dứt khoát rằng cái gọi là các nguyên tố của chúng ta đã được tiến hóa ra từ một chất nguyên thủy; nhưng chúng ta có thể chủ trương rằng, theo tôi, bằng chứng sẽ ủng hộ cho phép suy lý này.

310 Như thế khi rút rề tiến bước chinh phục các bí mật của Thiên Nhiên với các tác dụng tối hậu trên cõi trần, khoa học diễn dịch, gồm các ngành thiên văn, vật lý và hóa học, đã quay về thời Anaxagoras và Chaldea để khám phá ra: (a) nguồn gốc của hiện tượng giới và (b) các cách thức tạo ra các vật thể hợp thành Vũ Trụ. Sau khi đã bỏ các giả thuyết vũ trụ khởi nguyên luận của mình để quay về với các tín ngưỡng của các triết gia cổ sơ nhất và các hệ thống của họ - tất cả các hệ thống này đều dựa vào các giáo huấn của Giáo Lý Bí Nhiệm đại đồng vũ trụ liên quan tới Vật Chất bản sơ với các tính chất, chức năng và định luật của nó – chẳng lẽ chúng ta không có quyền hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa, khoa học sẽ

thứ tư là bước ngoặt) đều tác động đúng theo luật tuần hoàn Nguyên tử này. Thiên nhiên chẳng bao giờ chơi trò “bước tiến nhảy vọt” (“never proceeds per saltum). Do đó, khi Giáo sư Crookes nhận xét về vấn đề này rằng: “Ông không muốn suy diễn là các khoảng trống trong bảng phân loại tuần hoàn Mendeleef – và trong đồ thị trình bày nó (đồ thị trình bày sự tiến hóa của các nguyên tử) – tất yếu phải có nghĩa là thực sự có tồn tại các nguyên tố để lấp đầy các chỗ trống. Các chỗ trống này có thể chỉ có nghĩa là khi các nguyên tố được sản sinh ra, để có tiềm năng tạo ra một nguyên tố có thể được trám vào chỗ đó” - một nhà Huyền bí học sẽ kính cẩn thưa với ông rằng giả thuyết trên có thể vẫn còn có giá trị nếu chúng ta không xét tới sự bố trí thất phân của các Nguyên tử. Đó là *định luật duy nhất* và là phương pháp không thể sai lầm bao giờ cũng phải đưa tín đồ của nó tới thành công.

đánh giá được Minh Triết Cổ Truyền đúng đắn hơn mức từ trước đến nay hay sao ?

Chắc chắn là Huyền bí học có thể học được nhiều điều nơi khoa học chính xác hiện đại; nhưng mặt khác khoa học chính xác hiện đại cũng có thể học hỏi được nhiều vấn đề nơi minh triết cổ truyền, chủ yếu là về vũ trụ khởi nguyên luận. Chẳng hạn như nó có thể học được ý nghĩa huyền bí, siêu việt thuộc khoa luyện kim đan của nhiều chất *bất khả lượng* (*imponderable*) lấp đầy không gian liên hành tinh; xuyên thấu qua mỗi thứ là nguyên nhân trực tiếp (ở đầu dưới) của sự tạo ra các hiện tượng tự nhiên biểu lộ xuyên qua cái gọi là *rung động*. Tóm lại, chỉ mỗi sự hiểu biết về bản chất *thực sự* (chứ không phải là theo giả thuyết) của Dĩ Thái (hay đúng hơn là Tiên thiên khí) và các bí nhiệm khác mà thôi cũng có thể giúp chúng ta hiểu biết được các Lực. Trường phái vật lý gia, nhất là ở Pháp, ⁽¹⁾ đã nổi lên chống lại chất này, mặc dù vậy, khoa học chính xác vẫn phải ủng hộ nó. Họ không thể diệt trừ nó mà không chuốc lấy nguy cơ phá sập những cái trụ chống ở Thánh Điện Khoa Học, giống như một Samson thời nay, để khỏi bị chôn vùi trong đồng gạch vụn.

311 Những lý thuyết dựa vào việc loại bỏ Thần Lực, ở ngoài và độc lập với *Vật Chất đơn thuần*, đều tỏ ra sai lầm. Chúng không và không thể có cơ sở vững chắc, do đó, nhiều dữ kiện khoa học đã tỏ ra là *phản khoa học*. Trong kinh Purānas có dạy

¹ Một nhóm nhà điện học vừa phản đối tân lý thuyết của Clausius, vị Giáo sư trứ danh ở viện Đại Học Bonn. Tính cách phản đối này được biểu thị trong chữ ký của "Jules Bourdin, nhân danh một nhóm nhà điện học; đã được hân hạnh giới thiệu với Giáo sư Glausius vào năm 1881, y đã hăng hái hô hào *đả đảo ether*"- bạn thấy đấy, họ chỉ muốn cho Vũ Trụ *Rỗng Không* mà thôi !

rằng “Dĩ Thái tạo ra Âm Thanh”, thế thì thiên hạ phá lên cười. Người ta cải chính: “Âm Thanh là kết quả của *không khí* bị chấn động”. Còn không khí là gì vậy? Liệu nó có thể tồn tại được không, nếu trong Không gian chẳng có môi trường ether nâng đỡ các phân tử của nó ? Trường hợp này cũng đơn giản thôi. Chủ nghĩa Duy Vật không thể thừa nhận sự tồn tại của bất cứ thứ gì ngoài Vật Chất, vì nếu người ta chấp nhận một Lực bất khả lượng – cội nguồn và đứng đầu của mọi Lực vật lý – thì hầu như người ta cũng thừa nhận các Lực *thông tuệ* khác và như thế thì khoa học đã phiêu lưu quá xa rồi. Suy ra, họ cũng phải chấp nhận luôn là nơi Con Người có tồn tại một năng lực còn thiêng liêng hơn nữa, hoàn toàn độc lập, dù chỉ một lần thôi, với bất cứ loại vật chất nào mà các nhà vật lý học đã từng biết tới. Vì thế, dưới mắt các nhà Duy vật, khi không có Ether Không gian theo giả thuyết và các thể vật lý thô thiển thì toàn bộ Không gian tinh đấu vô hình chỉ là một hư không vô tận trong Thiên Nhiên – mù quáng, đần độn và vô dụng.

Nay đến câu hỏi tiếp theo: Vũ Trụ Chất (Cosmic Substance) ấy là gì? Liệu sẽ đi đến đâu khi hoài nghi về bản chất của nó hoặc tìm cách khám phá cho bằng được các bí mật của nó, (nhờ thế mà chúng ta không lấy làm áy náy khi đặt TÊN cho nó?) Nhất là, liệu khoa học đã khám phá được các bí mật này tới đâu và nó đang làm gì để giải quyết vấn đề này ? Thú tiêu khiển mới nhất của khoa học, Thuyết Tinh Vân, có thể giải đáp được cho chúng ta một vài điều về vấn đề này. Thế thì chúng ta hãy thử xem Thuyết Tinh Vân này có đáng tin cậy hay không.

**BẰNG CHỨNG KHOA HỌC VÀ NỘI MÔN
ỦNG HỘ VÀ PHẢN ĐỐI THUYẾT TINH VÂN HIỆN ĐẠI
(SCIENTIFIC AND ESOTERIC EVIDENCE FOR, AND
OBJECTIONS TO, THE MODERN NEBULAR THEORY)**

Mới đây, Vũ Trụ khởi nguyên luận Nội môn thường bị bóng ma của lý thuyết này và các giả thuyết hệ quả của nó chống đối. Người ta đã hỏi: “Các Cao đồ có thể chối bỏ cái giáo lý có tính cách khoa học nhất này hay không?” Xin đáp: “Không hẳn là không, nhưng chính sự thừa nhận của các nhà khoa học đã *bóp chết* nó; vì vậy, các Cao đồ (Adepts) cần gì phải chối bỏ nó”.

Thật vậy, muốn cho khoa học trở thành một tổng thể hoàn chỉnh, cần phải nghiên cứu thế giới tinh thần và tâm linh cũng như là thế giới vật chất. Nếu không như thế thì chẳng khác nào kẻ phàm phu bàn luận dài dài về cơ thể giải phẫu học con người theo quan điểm biểu kiến, mà chẳng hiểu tí gì về hoạt động bên trong. Ngay cả Plato, triết gia vĩ đại nhất ở xứ ông, trước khi được Điểm đạo, cũng còn sai lầm khi tuyên bố là chất lỏng đi qua phổi rồi mới chuyển xuống bao tử. Đúng như H.J. Slack đã nói, không có siêu hình học, chúng ta cũng khó lòng thừa nhận được khoa học chân chính. Tinh vân tồn tại; song thuyết tinh vân lại sai lầm. Một tinh vân tồn tại trong một trạng thái phân rã hoàn toàn về mặt nguyên tố. Nó ở thể hơi, nó còn là một cái gì khó có thể liên

hệ với các chất hơi mà vật lý học đã từng biết đến, nó còn tự phát quang nữa. Nhưng chỉ có thể thôi. Sáu mươi hai “điều trùng hợp” (“coincidences”) do Giáo sư Stephen Alexander ⁽¹⁾ liệt kê, để xác nhận Thuyết Tinh Vân đều có thể được Nội môn Bí giáo giải thích, mặc dù hiện nay chúng ta không thể ra sức bắt bẻ, vì đây không phải là một tác phẩm về thiên văn học. Laplace và Faye đã tiến gần tới chân lý hơn bất cứ kẻ nào khác; tuy nhiên chẳng còn bao nhiêu điều suy lý của Laplace trong lý thuyết hiện nay ngoại trừ các đặc điểm chung.

Thế nhưng, John Stuart Mill lại dạy rằng :

Trong thuyết của Laplace chẳng có điều gì được xem là giả thuyết; đó là một cái gương mẫu sống động của phép lý luận chính thống từ hậu quả hiện tại suy ra nguyên nhân quá khứ. Nó chẳng giả định điều gì khác hơn là các vật thực sự tồn tại đều tuân theo các định luật mà người ta biết rằng tất cả các sự vật trên trần thế khác giống như chúng đều tuân theo”. ⁽²⁾

313 Đối với một nhà luận lý lỗi lạc như Mill, điều này hẳn là có giá trị, quý hồ người ta chứng minh được rằng “các sự vật trần tục giống như “các sự vật thánh thiện chẳng khác nào các tinh vân *giống các sự vật đó một cách thực sự chứ không phải là biểu kiến.*

Theo quan điểm Huyền bí, trong thuyết hiện đại có một điều trá ngụy khác: đó là giả thuyết cho rằng tất cả các Hành Tinh đều từ Mặt Trời tách ra và được làm bằng chính chất liệu của nó. Thật ra, Mặt Trời và các Hành Tinh là các anh em sinh ra cùng cái khuôn mẫu, có cùng nguồn gốc tinh vân, nhưng theo một cách thức khác với định đề của thiên văn học hiện đại.

¹ Các đóng góp của Smithson, xxi, Mục I, trang 79 – 97.

² Hệ thống Luận lý, trang 229.

Một vài người chống đối Thuyết Tinh Vân hiện đại đã nổi lên phản đối tính thuần trạng của Vật Chất nguyên thủy tản mạn, họ dựa vào sự kiện là các Định Tinh (the fixed Stars) có cấu tạo đồng chất. Nhưng điều này không có ảnh hưởng một chút nào đối với vấn đề tính thuần trạng, mà chỉ ảnh hưởng đến chính thuyết này thôi. Tinh vân thái dương của chúng ta có thể không hoàn toàn thuần trạng (homogeneous), hay nói cho đúng ra, thì nó có thể không tỏ ra như vậy đối với các nhà thiên văn học, song *thực ra*, nó lại thuần trạng. Các Ngôi sao khác nhau về các vật liệu cấu tạo; thậm chí, chúng còn phô ra các nguyên tố chưa từng được biết tới trên Địa Cầu. Tuy nhiên, đến nay, điều này cũng không ảnh hưởng tới mức độ thuần trạng của Vật Chất Bản Sơ – Vật Chất khi mới *biến phân lần đầu tiên* từ trạng thái *trung hòa* ⁽¹⁾ – ở các khoảng cách bao la trong lòng sâu thẳm vô cùng, cũng như ở những nơi chẳng cách xa ngoại biên của Thái Dương Hệ bao nhiêu.

Cuối cùng, chẳng có sự kiện đơn thuần nào được các học giả đưa ra để chống lại Thuyết Tinh Vân (dù cho nó có sai lầm, và vì thế đủ tai hại một cách phi lý đến đâu đi chẳng nữa đối với gí thuyết về tính thuần trạng của Vật Chất) mà lại đủ sức chịu đựng được sự chỉ trích của thiên hạ. Sai lầm này sẽ đưa tới sai lầm kia. Một tiền đề sai lầm tự nhiên là sẽ đưa tới một kết luận sai lầm, mặc dù một phép suy diễn không thể chấp nhận được không nhất thiết là sẽ ảnh hưởng đến giá trị của chính đề của phép tam đoạn luận. Như thế, chúng ta có thể xem mọi vấn đề phụ và phép suy diễn từ các vạch quang phổ như chỉ là tạm thời vào lúc này và để dành mọi vấn đề chi tiết cho vật lý học. Nhà Huyền bí học có nhiệm vụ

¹ Vượt quá các đường tác dụng Zero.

bàn đến *Linh Hồn và Tinh Thần* của Không gian Vũ Trụ, chứ không phải chỉ xét tới đáng vẽ và tác động hão huyền của nó. Vật lý học có nhiệm vụ phân tích và nghiên cứu lớp vỏ của nó (Cứu cánh của Vũ Trụ và Con Người, theo quan điểm của Chủ nghĩa duy vật).

Huyền bí học chẳng liên quan gì tới phần vỏ này. Vũ trụ khởi nguyên luận Huyền bí chỉ có thể bàn tới các thuyết của các học giả như Kepler, Kant, Oersted và W. Herschel, họ đều tin tưởng vào Thế giới Tinh Thần và thử thực hiện một sự thỏa hiệp đích đáng. Nhưng quan điểm của các nhà vật lý
 314 này khác xa với các điều suy lý hiện đại nhất. Kant và Herschel quan tâm tới các suy lý về nguồn gốc và *số phận sau cùng*, cũng như là trạng thái hiện tại của Vũ Trụ theo một quan điểm có tính cách triết học và tâm linh hơn nhiều; trong khi đó, nay vũ trụ học và thiên văn học hiện đại lại bác bỏ bất cứ điều gì giống như việc thâm cứu về các bí nhiệm của Hiện Tồn. Kết quả thật đúng như chúng ta trông đợi: thất bại hoàn toàn và mâu thuẫn tứ tung giữa ngàn lẻ một cái gọi là các thuyết khoa học, và trong thuyết tinh vân này cũng như mọi thuyết khác.

Mọi người đều biết rằng giả thuyết tinh vân (bao gồm cả thuyết cho rằng có tồn tại một Chất bản sơ tản mạn trong một trạng thái tinh vân) đâu phải mới xuất hiện trong thiên văn học. Anaximenes, thuộc trường phái Ionia, đã dạy rằng các thiên thể được tạo ra do sự cô đặc dần dần của một Hỗn nguyên khí, nó hầu như có trọng lượng âm và lan tràn khắp Không gian trong một trạng thái cực kỳ tinh anh.

Tycho Brahé (ông xem Ngân Hà như là một chất ether) cho rằng ngôi sao mới xuất hiện ở Cassiopeia vào năm 1572 đã

được tạo ra từ Chất đó. ⁽¹⁾ Kepler tin tưởng rằng ngôi sao năm 1606 cũng đã được tạo ra từ chất ether lấp đầy vũ trụ. ⁽²⁾ Ông cũng gán sự xuất hiện một vành sáng xung quanh Mặt Trăng (trong cuộc nhật thực toàn phần được quan sát tại Naples vào năm 1605 ⁽³⁾ cho cũng chất ether đó. Sau đó, năm 1714, trong Các Văn Kiện Khoa học chuyên môn, Halley đã thừa nhận rằng có tồn tại một chất tự phát quang. Cuối cùng, năm 1811, tờ báo mang tên đó công bố giả thuyết nổi tiếng của nhà thiên văn học lỗi lạc W. Herschel bàn về sự tiến hóa của các tinh vân thành ra các Vì sao; ⁽⁴⁾ Thuyết Tinh Vân được các Hàn lâm viện Hoàng gia chấp nhận.

Trong Năm năm Minh Triết Thiêng Liêng, trang 245, chúng ta có thể đọc thấy một bài nhan đề “Các Cao đồ có chối bỏ thuyết Tinh Vân không?” Sau đây là lời giải đáp :

Không, các Ngài không chối bỏ các đề án tổng quát của nó, cũng như là tính cách gần đúng với sự thật của các giả thuyết khoa học. Các Ngài chỉ chối bỏ tính hoàn chỉnh của giả thuyết hiện đại, cũng như là sự sai lầm hoàn toàn của nhiều cái gọi là các thuyết “bùng nổ” thời xưa; trong thế kỷ qua, hết thuyết này đến thuyết kia cứ nối đuôi nhau như thế đó.

Vào lúc đó, người ta xem như đây là một “câu trả lời tránh né”. Người ta đã luận chứng rằng muốn cho khoa học chính thống khỏi bị khinh khi như thế, chúng ta phải thay thế phép suy lý chính thống bằng một lý thuyết khác hoàn chỉnh hơn và có một cơ sở vững vàng hơn. Về vấn đề này, chỉ có

¹ Progymnasmata, trang 795.

² De Stella Nova in Pede Serpentarii, trang 115.

³ Các giả thuyết vũ trụ khởi nguyên luận, của C. Wolf, 1886, trang 2.

⁴ Xem Các Văn kiện Khoa học chuyên môn, trang 269 và tiếp theo.

315 một câu trả lời duy nhất : Thật là vô ích nếu trình bày các thuyết biệt lập liên quan tới các sự vật được bao hàm trong một hệ thống hoàn chỉnh và liên tục. Ấy là vì, khi biệt lập với phần giáo lý chính, tất yếu là chúng sẽ không còn mạch lạc, sinh động nữa, và như thế chẳng giúp ích gì khi được nghiên cứu độc lập. Để có thể đánh giá và chấp nhận được các quan điểm Huyền bí về thuyết Tinh Vân (the Nebular Theory), chúng ta phải nghiên cứu toàn bộ hệ thống vũ trụ khởi nguyên luận Nội môn. Cũng chưa tới lúc yêu cầu các nhà thiên văn học chấp nhận *Vô cực điện (Fohat)* và các nhà Kiến Tạo Thiêng Liêng. Ngay cả những điều tiên đoán cũng không thể chối cãi được của W. Herschel, bản thân chúng chẳng có gì là “siêu nhiên”; còn về phần Mặt Trời có lẽ nó được gọi một cách ẩn dụ là một “*hỏa cầu*” (“*globe of fire*”) và các suy lý sơ bộ của ông về bản chất của cái nay được gọi là Lá Liễu Nasmyth (Nasmyth Willowleaf Theory), chỉ khiến cho nhà thiên văn học lỗi lạc nhất này bị các đồng nghiệp bất tài hơn cười nhạo; họ đã thấy và đang thấy trong các ý tưởng của ông toàn là các “thuyết tương tượng hoang đường”. Trước khi các nhà thiên văn học có thể đánh giá được toàn bộ Hệ thống Nội môn đã được trình bày, họ phải quay về với một số “ý tưởng cố hữu”, chẳng những là ý tưởng của Herschel, mà còn là các giấc mơ của các nhà thiên văn học Ấn Độ cổ xưa nhất. Như thế, họ đã từ bỏ các thuyết của chính mình, chúng chẳng có gì là kém “hoang đường” hơn vì chúng đã xuất hiện gần tám chục năm sau các thuyết này và nhiều ngàn năm sau các thuyết kia. Nhất là họ sẽ phải chối bỏ các ý niệm của mình về tính *rắn chắc* và *sự nóng đỏ* của Mặt Trời; Mặt Trời dứt khoát là “chối lợi” nhưng nó không “cháy bùng”. Thế rồi bàn về các “lá liễu” (W. Herschel gọi như thế), các nhà Huyền bí học đã

nêu rõ rằng các “vật” ấy là các *nguồn trực tiếp của ánh sáng và nhiệt mặt trời*. Mặc dù Nội môn Bí giáo không xem các thứ này như ông – nghĩa là như các cơ cấu dự phần vào bản chất của sự sống, vì các “thực thể” Thái Dương sẽ khó lòng chịu khép mình vào trong tiêu điểm của kính viễn vọng – song nó lại khẳng định rằng toàn thể Vũ Trụ đầy đầy các “cơ cấu” như thế, hữu thức và hoạt động tích cực tùy theo các cảnh giới của chúng ở gần hay cách xa cảnh giới tri thức của chúng ta. Cuối cùng, nhà thiên văn học lỗi lạc ấy thật là chí lý khi suy đoán về các “cơ cấu” giả định này, rồi cho rằng : “chúng ta không biết các tác dụng sinh động này không đủ khả năng phát triển ngay ra nhiệt, ánh sáng và điện”. Nếu chấp nhận nguy cơ bị toàn bộ giới vật lý gia chế nhạo, các nhà Huyền bí học vẫn chủ trương rằng tất cả các “Lực” của các nhà khoa học đều bắt nguồn từ *Nguyên sinh khí*, SỰ SỐNG DUY NHẤT (xét một cách tập thể) của Thái Dương Hệ chúng ta – “SỰ SỐNG” này là một phần (hay đúng hơn là một trong các trạng thái) của SỰ SỐNG Vũ Trụ Duy Nhất.

316 Vì trong bài đang xét, dựa vào uy quyền của các Đạo đồ, người ta chủ trương rằng: “đã đủ để *tổng kết* lại những điều mà nhà vật lý thái dương không biết”, nên chúng ta có thể xác định lập trường của mình đối với Thuyết Tinh Vân hiện đại và sự sai lầm hiển nhiên của nó, bằng cách chỉ cần vạch ra các sự kiện hoàn toàn mâu thuẫn với nó dưới dạng hiện tại. Và thoạt đầu nó dạy cái gì ?

Khi tổng kết lại các giả thuyết nêu trên, chúng ta thấy rõ rệt là thuyết của Laplace – nay chúng ta hoàn toàn không thể nhận ra nó được – là một thuyết bất hạnh. Định đề tiên quyết của ông là Vũ Trụ Chất (Cosmic Matter) tồn tại trong trạng thái tinh vân tản mạn “tế vi đến nỗi mà chúng ta khó lòng có thể ngờ được là nó đang hiện diện”. Ông không hề thử thâm

cứu Bí nhiệm về Hiện Tôn, trừ phi nó liên quan đến cuộc tiến hóa ngay trước mắt của Thái Dương Hệ nhỏ bé của chúng ta. Do đó, dù cho người ta có chấp nhận hay bác bỏ thuyết của ông về phương diện liên quan tới các nan đề vũ trụ học ngay trước mắt cần giải quyết, chúng ta cũng chỉ có thể bảo rằng ông đã giải quyết thêm được một chút nữa bí nhiệm này. Laplace không hề thử giải đáp nghi vấn đòi đòi sau đây: “Bản thân Vật Chất ở đâu ra ? Đâu là nguồn gốc của cái xung lực tiến hóa xác định các sự kết tập và tan rã tuần hoàn của nó ? đâu là nguồn gốc của sự trật tự và đối xứng tuyệt diệu của các nhóm Nguyên tử bản sơ?” Chúng ta phải đối diện với một bản phác họa các nguyên lý tổng quát khả hữu mà người ta giả sử là tiến trình hiện nay phải dựa vào đó. Tốt lắm, thế thì nay đâu là cái chủ điểm của tiến trình vừa nói? Liệu ông có trình bày điều gì mới lạ một cách kỳ diệu đến nỗi mà dù thế nào đi nữa, nền tảng của nó vẫn được dùng làm một cơ sở cho Thuyết Tinh Vân hiện đại hay không? Sau đây là những điều mà người ta thu thập được từ nhiều tác phẩm thiên văn học khác nhau.

Laplace cho rằng các nguyên tử của tinh vân bản sơ cô đặc lại theo luật trọng lực, cái khối nay đang ở thể hơi (hoặc có lẽ phần nào ở thể lỏng) sẽ có được một chuyển động quay. Khi tốc độ của chuyển động quay này tăng lên, nó sẽ có dạng một cái đĩa mỏng; cuối cùng, lực ly tâm thắng được lực cô kết, các vành khổng lồ tách ra khỏi biên của các khối xoáy tròn đang cháy đỏ. Tất nhiên là do lực hấp dẫn (như được chúng ta chấp nhận), các vành này sẽ thu rút lại thành ra các thể hình cầu, chúng tất nhiên là vẫn còn tiếp tục duy trì quỹ

đạo của vùng ngoại biên mà chúng tách ra từ đó.⁽¹⁾ Theo ông, tốc độ ngoại biên của mỗi hành tinh mới được sinh ra vượt quá tốc độ nội biên, điều này tạo ra một chuyển động quay quanh trục của mình. Các vật thể thô đặc hơn sẽ bị tổng ra sau cùng; rốt cuộc, trong tình trạng hình thành sơ bộ, đến lượt các bầu hành tinh mới tách ra lại tổng ra một hay nhiều vệ tinh. Khi đào luyện nên lịch sử tan rã và biến thành hành tinh của các vành tinh vân, Laplace cho rằng:

317 Hầu như mỗi vành hơi luôn luôn phải phân ra thành nhiều khối khác nhau khi di chuyển tới một vận tốc gần như là đều, các khối này phải tiếp tục chu lưu cách đều xung quanh mặt trời. Các khối này phải có một dạng hình cầu với một chuyển động quay cùng hướng với sự quay vòng, vì các phân tử bên trong (các phân tử gần mặt trời nhất) phải có tốc độ thực tế nhỏ hơn tốc độ của các phân tử bên ngoài. Thế thì chúng đã phải tạo ra bao nhiêu là hành tinh ở trạng thái hơi. Nhưng nếu một trong các hành tinh này mà lại đủ mạnh để dùng hấp lực lần lượt kết hợp tất cả các hành tinh khác lại xung quanh tâm nó, thì vành hơi phải được biến thành ra một khối hơi tròn chu lưu xung quanh mặt trời với một chuyển động quay có cùng hướng với sự xoay vòng của nó. Trường hợp sau thông thường hơn, nhưng trường hợp đầu diễn ra trong thái dương hệ nơi bốn hành tinh nhỏ di chuyển giữa Mộc Tinh và Hỏa Tinh.

Trong khi chúng ta sẽ thấy là chẳng mấy ai chối bỏ “sự táo bạo tuyệt diệu của giả thuyết này”, chúng ta cũng phải

¹ “Laplace cho rằng vùng ngoài và vùng trong của vành phải quay với vận tốc góc như nhau, giống như trường hợp một vành đặc; tuy nhiên nguyên lý điện tích bằng nhau đòi hỏi rằng vùng trong phải quay nhanh hơn vùng ngoài” (Sinh hoạt Thế giới, trang 121). Giáo sư Winchell vạch ra khá nhiều sai lầm của Laplace, nhưng trên cương vị của nhà địa chất học, ông không khỏi không thể sai lầm về các “điều suy lý thiên văn học”.

không thể không thừa nhận các khó khăn không thể khắc phục được mà nó sẽ gặp phải. Chẳng hạn như, tại sao chúng ta lại thấy rằng các vệ tinh của Hải Vương Tinh và Thiên Vương Tinh có một chuyển động giật lùì? Tại sao, mặc dù gần Mặt Trời hơn, Kim Tinh lại có tỷ trọng nhỏ hơn Trái Đất? Hơn nữa, tại sao Thiên Vương Tinh xa hơn mà lại có tỷ trọng lớn hơn Thổ Tinh? Làm thế nào mà lại có biết bao nhiêu là biến thiên của độ nghiêng của trục và quỹ đạo của các con cháu giả định của bầu trời trung ương; các biến thiên đột ngột như thế của kích thước các Hành Tinh thật là đáng kể; các vệ tinh của Mộc Tinh có tỷ trọng 288 lần lớn hơn tỷ trọng của hành tinh mẹ; các hiện tượng hệ thống sao băng và sao chổi vẫn còn chưa được giải thích? Xin trích dẫn lời của một Thánh Sư:

Các Ngài [các Cao đồ – Adepts] thấy rằng thuyết ly tâm của Tây phương không thể đề cập đến mọi vấn đề. Nếu không được bổ túc thêm, nó không thể giải thích được mọi dạng hình cầu dẹt và cũng chẳng giải thích được các khó khăn hiển nhiên do tỷ trọng tương đối của một vài hành tinh. Thật vậy, làm sao mà bất kỳ phép tính toán nào về lực ly tâm có thể giải thích được cho chúng ta (chẳng hạn như) tại sao Thủy Tinh (được biết) có chuyển động quay “chỉ bằng một phần ba chuyển động quay của Trái đất và có tỷ trọng lớn hơn tỷ trọng Trái đất một phần tư lần”, mà lại có sức nén ở cực *mười lần lớn hơn Trái Đất*? Lại nữa, tại sao Mộc Tinh (được biết) “có chuyển động quay ở xích đạo hai mươi bảy lần lớn hơn và tỷ trọng chỉ vào khoảng một phần năm tỷ trọng của Trái Đất” mà lại có sức nén ở cực mười bảy lần lớn hơn sức nén của Trái Đất? Hoặc là tại sao Thổ Tinh có vận tốc

xích đạo năm mươi lần lớn hơn lực hướng tâm ⁽¹⁾ (centripetal force) của Thủy Tinh mà lại có sức nén ở cực chỉ ba lần lớn hơn sức nén của Thủy Tinh? Để ca ngợi các điều mâu thuẫn trên, chúng ta được yêu cầu phải tin tưởng vào các Lực Trung Ương (theo khoa học hiện đại) ngay cả khi vật chất xích đạo của mặt trời, (với hơn bốn lần tốc độ ly tâm của mặt xích đạo của trái đất, và chỉ có chừng một phần tư lực hấp dẫn của vật chất xích đạo) đã không biểu lộ bất cứ khuynh hướng nào phình ra ở xích đạo thái dương, mà cũng chẳng tỏ ra dẹt đi một tí nào ở các cực của trục thái dương. Nói một cách khác và một cách rõ ràng hơn, mặc dù lực ly tâm chỉ tác dụng lên mặt trời với tỷ trọng bằng một phần tư tỷ trọng của trái đất, thế mà mặt trời cũng không có sức nén gì hết ở cực ! Chúng ta thấy hơn một nhà thiên văn học đã phản đối như vậy, nhưng người ta vẫn chưa giải thích thỏa đáng, theo như các “Cao đồ” được biết.

Do đó, các Cao đồ cho rằng các nhà khoa học đại tài Tây phương ... hầu như chẳng biết gì về vật chất của sao chổi, các lực ly tâm và hướng dẫn, bản chất của tinh vân, cấu tạo vật lý của mặt trời, các vì sao, thậm chí cả mặt trăng nữa. Họ thật là thiếu thận trọng khi đề cập một cách tin tưởng tới “khối trung ương của Mặt Trời”, xoáy tròn trong không gian tạo ra các hành tinh, các sao chổi, chứ không có gì khác nữa. Chúng tôi quả quyết rằng Mặt Trời tiến hóa nhưng nguyên sinh khí, linh hồn của các thiên thể này, *ban ra và nhận lại nó* trong thái dương hệ bé nhỏ của chúng ta, với vai trò Ban Cấp Cuộc Sống Vũ Trụ trong Vô Cùng Vô Tận. Chúng tôi cũng quả quyết rằng Thái Dương Hệ cũng là *Tiểu Thiên Địa* của *Đại*

¹ Trong nguyên bản là ly tâm (centrifugal).

Thiên Địa Duy Nhất chẳng khác nào con người là tiểu thiên địa khi so với vũ trụ thái dương bé nhỏ của riêng y. ⁽¹⁾

Việc tất cả các Hành vũ trụ và thế tục đều có năng lực bản thể sản sinh ra bên trong mình một loạt các kết quả điều hòa, một chuỗi nhân quả là một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ rằng hoặc là chúng được kích động bởi một Đấng Thông Tuệ nội tại hay ngoại tại, hoặc là chúng ẩn tàng như thế bên trong hoặc đằng sau “bức màn biểu lộ”. Huyền bí học không chối bỏ việc Vũ Trụ chắc chắn là có nguồn gốc cơ giới, nó chỉ đòi hỏi là tuyệt đối cần phải có một loại cơ khí viên nào đó ẩn sau hoặc bên trong các Hành này – đó là một giáo điều đối với chúng ta. Chẳng phải là sự trợ giúp ngẫu nhiên của các Nguyên tử của Lucretius (chính ông cũng biết rõ như vậy) đã kiến tạo nên vũ trụ và tất cả những gì chứa trong đó. Chính thiên nhiên đã phản đối một thuyết như vậy. Chúng ta không thể cầu cứu tới Không gian Thiên giới (chứa đựng Vật Chất tinh anh như Ether, có hoặc không có hấp lực) để giải thích chuyển động chung của các tập đoàn tinh đầu. Mặc dù sự hòa hợp hoàn toàn của sự xoay vòng hỗ tương của chúng biểu thị rõ rệt là trong Thiên Nhiên có hiện hữu một nguyên nhân cơ giới, Newton, kẻ được mọi người có thẩm quyền nhất tin tưởng vào các điều suy diễn, đã bắt buộc phải từ bỏ ý tưởng giải thích xung lực nguyên thủy được ban cho hàng triệu tinh đầu chỉ bằng các luật đã định của Thiên Nhiên và các lực vật chất của nó. Ông hoàn toàn thừa nhận các giới hạn ngăn cách tác dụng của các Đấng Thông Tuệ khiến cho các luật bất di bất dịch tác động một cách thứ tự. Và nếu một bậc thiên tài như Newton mà còn phải chối bỏ một hy vọng như

¹ Năm năm Theosophist, trang 249 – 251. Mục “Các Cao đồ có chối bỏ Thuyết Tinh Vân không?”

thể thì liệu có những kẻ kém cỏi Duy vật hiện đại nào có quyền bảo rằng: “Tôi biết nhiều hơn” ?

Để cho được hoàn chỉnh và có thể hiểu được, một vũ trụ khởi nguyên luận phải khởi đầu với một chất Nguyên Thủy tản mát khắp Không gian vô tận, có một *Bản chất thiêng liêng và thông tuệ*. Chắc đó phải là Linh Hồn và Tinh Thần, phần tổng hợp và Nguyên Khí Thứ Bảy của Vũ trụ biểu lộ; phải có nguyên khí thứ sáu, để dùng làm hiện thể cho nguyên khí thứ bảy – đó là *Vật Chất hồng trần nguyên thủy* (tạm gọi như vậy) mặc dù các giác quan bình thường hữu hạn của chúng ta sẽ chẳng bao giờ tri giác được bản chất của nó. Nếu có năng khiếu tưởng tượng, một nhà thiên văn học có thể dễ dàng dựng nên một thuyết về việc Vũ Trụ xuất lộ từ Hồng nguyên khí, bằng cách chỉ cần áp dụng các nguyên lý của cơ học. Nhưng một Vũ Trụ như thế sẽ luôn luôn tỏ ra là một con quái vật của Frankenstein đối với nhà khoa học sáng tạo ra nó, nó sẽ khiến y lúc nào cũng bối rối. Việc chỉ áp dụng các định luật cơ học khoa học không thôi chẳng bao giờ có thể khiến cho nhà suy lý vượt quá được ngoại giới, nó cũng sẽ chẳng tiết lộ cho con người nguồn gốc số phận cuối cùng của Càn Khôn. Thuyết Tinh Vân đã đưa khoa học đến chỗ đó. Nói một cách nghiêm chỉnh thì thuyết này là hai chị em sinh đôi của Thuyết Ether, cả hai đều là sản phẩm của nhu cầu, một thuyết thật là cần thiết để giải thích sự truyền ánh sáng, còn thuyết kia để giải thích vấn đề nguồn gốc của các Thái Dương Hệ. Đối với khoa học, vấn đề chính là làm thế nào mà một Chất thuần trạng ⁽¹⁾ lại có thể sản sinh ra các thiên thể - Mặt

¹ Nếu các nhà thiên văn học trong tình trạng hiểu biết hiện nay mà chỉ trung thành với giả thuyết của Laplace (đó chỉ là sự tạo lập hành tinh hệ) thì sớm muộn gì, nó cũng sẽ kết thành một điều gần

Trời và các Hành Tinh và các vệ tinh – theo các định luật Newton, có chuyển động y như nhau và được tạo thành bởi các nguyên tố hỗn tạp như thế.

Liệu Thuyết Tinh Vân có giúp chúng ta giải quyết được vấn đề này, cho dù chỉ được áp dụng vào các thiên thể được coi như là vô tri vô giác và vật chất hay chẳng? Chúng tôi xin đáp: dứt khoát là không. Nó có được tiến bộ chút nào không từ năm 1811, khi tài liệu đầu tiên của W. Herschel (với sự kiện dựa vào quan sát và chứng tỏ rằng vật chất tinh vân có tồn tại) đã làm cho các Hội viên Hội Hoàng Gia “mừng rú lên” (“shout for joy”)? Từ lúc đó, một khám phá còn vĩ đại hơn nữa (nhờ vào việc phân tích quang phổ) đã khiến cho chúng ta có thể kiểm nghiệm lại và bổ chứng cho các lời phỏng đoán của W. Herschel. Laplace đòi hỏi phải có một loại “vũ trụ chất” bản sơ nào đó để chứng minh ý niệm vũ trụ tiến hóa một cách lũy tiến. Nay cũng chẳng khác nào hai ngàn năm về trước.

Từ thời xa xưa nhất, người ta đã biết tới “vũ trụ chất” (“world-stuff”) nay được gọi là *tinh vân* (*nebulae*). Anaxogaras dạy rằng khi biến phân, cái kết quả (do các chất hỗn tạp trộn lại với nhau) vẫn bất động và lộn xộn, cho tới khi cuối cùng, “Toàn Linh Trí” – theo chúng tôi đó là tập thể các Thiên Định Đế Quân – bắt đầu tác động và truyền cho chúng chuyển

như chân lý. Nhưng hai phần của vấn đề chung – sự tạo lập Vũ Trụ, tức là sự tạo lập các Mặt Trời và các Vì sao từ Vật Chất Bản sơ, rồi tới sự phát triển của các Hành Tinh xung quanh Mặt Trời – lại dựa vào các sự kiện khác hẳn trong Thiên Nhiên, thậm chí còn được khoa học xem như thế nữa. Chúng ở tại hai cực đối lập của Hiện Tồn.

động và trật tự. ⁽¹⁾ Nay người ta chọn dùng phần đầu của thuyết này, còn phần chót, phần cho rằng có bất kỳ “Trí Tuệ” (“Mind”) nào can dự vào, lại bị bác bỏ. Phép phân tích quang phổ tiết lộ sự tồn tại của các tinh vân được tạo thành hoàn toàn bằng các chất khí và các chất hơi phát quang. Liệu đó có phải là Vật Chất tinh vân bản sơ không? Người ta bảo rằng quang phổ tiết lộ tình trạng vật lý của Vật Chất phát ra ánh sáng vũ trụ. Quang phổ của các tinh vân khả giải và bất khả giải khác hẳn nhau, quang phổ của tinh vân bất khả giải có trạng thái vật lý là trạng thái chất hơi chói sáng. Các vạch sáng của một tinh vân tiết lộ sự tồn tại của hydrogen, còn các vạch sáng của các tinh vân khác tiết lộ sự tồn tại của các chất đã biết và chưa biết. Về phần các bầu khí quyển của Mặt Trời và các Vì sao thì cũng vậy. Điều này khiến chúng ta suy ngay ra rằng một Ngôi sao được tạo thành do một tinh vân cô đặc lại; vì thế, ngay cả chính các kim loại cũng được tạo ra trên trái đất do sự cô đặc lại của hydrogen hoặc của một chất nguyên thủy nào đó, có lẽ là một chất có họ hàng với helium, hoặc là một chất nào đó còn chưa được biết tới. *Điều này không hề mâu thuẫn với Giáo lý Huyền bí.* Đó là vấn đề mà hóa học đang ra sức giải quyết; sớm muộn gì nó cũng phải thành công khi dù muốn dù không – nó cũng phải chấp nhận Nội môn Bí giáo. Nhưng khi điều này diễn ra, nó sẽ bóp chết Thuyết Tinh Vân dưới dạng hiện nay.

Trong khi đó, nếu phải được xem như là một *khoa học chính xác*, thì thiên văn học không thể chấp nhận thuyết “tứ hệ Tinh Tú” (the Filiation of Stars) hiện nay về bất cứ phương diện nào – cho dù Huyền bí học vẫn chấp nhận theo cách riêng của mình, xét vì nó giải thích tứ hệ này khác hẳn – vì

¹ Vật lý học của Aristotles, viii, I.

thiên văn học *không có tới một dữ kiện vật lý để chứng tỏ nó*. Thiên văn học có thể tiến trước hóa học trong việc chứng tỏ sự tồn tại của sự kiện này, nếu nó có thể trình bày việc một tinh vân hành tinh phô ra một quang phổ có ba, bốn vạch sáng; dần dần đông đặc lại thành ra một Ngôi sao, với một quang phổ toàn là các vạch đen. Nhưng

Vấn đề các tinh vân có thể biến đổi, ngay cả về hình dạng, vẫn còn là một trong các bí nhiệm của thiên văn học. Đến nay các dữ kiện quan sát thu được vẫn còn có nguồn gốc mới quá và bấp bênh quá khiến chúng ta không thể khẳng định được điều gì.⁽¹⁾

Từ khi được khám phá ra, các quyền năng của quang phổ kế đã chỉ tiết lộ cho các chuyên gia một sự biến hóa đơn thuần của một ngôi sao thuộc loại này. Ngay cả điều này cũng chứng tỏ ngược lại với bằng chứng cần để bênh vực cho Thuyết Tinh Vân; vì nó tiết lộ rằng một *Ngôi sao biến thành tinh vân hành tinh*. Trong tờ Đài Thiên Văn ⁽²⁾ có tường thuật rằng ngôi sao tạm thời mà J. F. J. Schmidt khám phá ra trong chòm sao Thiên Nga vào tháng 11 năm 1876, có phô ra một quang phổ với các vạch sáng chói. Dần dần quang phổ liên tục và hầu hết các vạch biến mất, rốt cuộc chỉ để lại một vệt sáng duy nhất nó hình như là trùng với vạch xanh lục của tinh vân.

Mặc dù sự biến hình này chẳng phải là không thể dung hòa được với giả thuyết đơn độc này không dựa vào bất kỳ
 321 sự quan sát nào, lại cũng không dựa vào sự quan sát trực tiếp nào. Sự việc này diễn ra có thể là do nhiều nguyên nhân khác. Vì các nhà thiên văn học có khuynh hướng nghĩ rằng các

¹ Các giả thuyết vũ trụ khởi nguyên luận của Wolf, trang 3.

² Quyển I, trang 185, do Wolf trích dẫn, trang 3. Luận chứng của Wolf được tóm tắt ở đây.

hành tinh của chúng ta đang có khuynh hướng lao về phía mặt trời, tại sao ngôi sao đó lại không bùng cháy vì có một sự va chạm của các hành tinh đó, hay theo gợi ý của nhiều người, sự tiếp cận của một ngôi sao chổi? Nếu như thế, ví dụ được biết duy nhất về sự biến hóa tinh tú từ năm 1811 đâu có gì thuận lợi cho Thuyết Tinh Vân. Và lại, vấn đề thuyết này cũng như là các thuyết khác, các nhà thiên văn học đâu có đồng ý với nhau.

Trong chính thời đại chúng ta và trước khi Laplace đã từng nghĩ tới Buffon (vốn quan tâm tới việc hành tinh có chuyển động giống y nhau) là người đầu tiên đề nghị giả thuyết cho rằng các hành tinh và các vệ tinh phát nguyên từ trong lòng mặt trời. Vì mục đích ấy, ông đã phát sinh ra một ngôi sao chổi chuyên biệt và giả sử nó đã bị một ngọn cuồng phong chênch chếch cuốn hút đi mất lượng vật chất để tạo ra chúng. Laplace đã khai sinh ra “sao chổi” ấy trong tác phẩm *Trình Bày Hệ Thống Thế Giới*.⁽¹⁾ Nhưng người ta đã hiểu rõ được ý niệm này, thậm chí còn cải thiện được nó bằng một quan niệm về sự luân chuyển tiến hóa (từ khối trung ương của Mặt Trời) của các hành tinh *hiển nhiên* là không có tác dụng đối với chuyển động của các hành tinh hữu hình (dĩ nhiên là sự tồn tại của chúng cũng chẳng khác nào chuyển “chú Cuội với chị Hằng” (Moses in the Moon).

Nhưng thuyết hiện đại cũng là một biến thái của hệ thống do Kant và Laplace soạn thảo nên. Cả hai đều cho rằng vào lúc khai thiên tịch địa, mọi Vật Chất nào nay cấu thành các hành tinh đều rải rác khắp vùng không gian bao gồm trong Thái Dương Hệ - thậm chí còn vượt ra bên ngoài nữa. Đó là một tinh vân có tỷ trọng thật nhỏ; nhờ vào một cơ cấu

¹ Chú thích vii, tóm tắt theo Wolf, trang 6.

cho đến nay chưa bao giờ được giải thích, nó dần dần cô đặc lại và sản sinh ra nhiều thiên thể khác nhau của Thái Dương Hệ chúng ta. Đó là Thuyết Tinh Vân nguyên thủy, nó lặp lại một cách *bất toàn* nhưng trung thực – giống như một chương ngắn ngủi của một pho sách dày bản về Vũ trụ khởi nguyên luận Nội môn – các điều giảng huấn của Giáo Lý Bí Nhiệm. Cả hai hệ thống (hệ thống của Kant và hệ thống của Laplace) đều khác hẳn thuyết hiện đại, đều đẩy dẩy các thuyết phụ, mâu thuẫn nhau lung tung và các giả thuyết hoang tưởng. Các bậc Đạo Sư dạy rằng:

Tinh hoa của vật chất sao chổi [cũng như chất cấu thành các vì sao] *khác hẳn với bất cứ hóa tính hoặc lý tính nào quen thuộc với các nhà hóa học và vật lý học đại tài trên thế giới...* Trong khi kính quang phổ đã chứng tỏ rằng địa cầu và tinh tú chất (terrestrial and sidereal substance) có thể giống nhau [do tác dụng hóa học của ánh sáng địa cầu đối với các tia bị chặn lại], thì người ta vẫn chưa dò được các tác dụng hóa học đặc biệt về các bầu thiên thể tiến hóa khác nhau, và cũng không chứng minh được chúng giống y như các tác dụng được quan sát thấy trên chính hành tinh chúng ta. ⁽¹⁾

322 Giáo sư Crookes hầu như cũng trình bày như vậy trong đoạn trích dẫn từ bài diễn văn của ông: Các Nguyên Tố và Siêu Nguyên Tố. C. Wolf, Viện sĩ Học viện Pháp quốc, nhà Thiên văn học làm việc tại đài Thiên văn Ba Lê, đã nhận xét rằng:

Để bênh vực nó cùng với W.Herschel, cùng lắm thì giải thuyết tinh vân chỉ có thể trình bày sự tồn tại của các tinh vân hành tinh trong nhiều mức độ cô đặc khác nhau và các tinh vân xoáy ốc

¹ Năm năm Theosophist, trang 241 – 242 và 239.

với các nhân cô đặc trên các nhánh và trung tâm. ⁽¹⁾ Nhưng thật ra, chúng ta vẫn chưa biết được mối liên kết giữa các tinh vân và các tinh tú; và vì không quan sát trực tiếp được, nên chúng ta không thể xác lập được mối liên kết này dựa vào sự tương tự về cấu tạo hóa học.⁽²⁾

Bỏ qua mỗi khó khăn chắc chắn là do có đủ thứ vật chất cấu thành tinh vân, cho dù các nhà khoa học thừa nhận theo Cổ nhân là chúng ta phải tìm kiếm nguồn gốc của mọi thiên thể hữu hình và vô hình nơi một vũ trụ chất thuần trạng nguyên thủy, một loại *Tiền Nguyên hình chất* (*Pre-Protyle*), ⁽³⁾ thì hiển nhiên là điều này đâu phải làm cho họ hết đau đầu. Nếu họ vẫn không thừa nhận rằng Vũ Trụ hữu hình của chúng ta chỉ là thể thô trược, *Sthūla Sharīra*, của Càn Khôn thất phân, thì họ sẽ phải đối diện với một vấn đề khác; nhất là họ dám chủ trương rằng các thiên thể hữu hình hiện nay là kết quả của sự cô đặc của cái Vật Chất Nguyên Thủy duy nhất đó. Ấy là vì chỉ một việc quan sát không thôi cũng đủ để

¹ Nhưng quang phổ của các tinh vân này vẫn chưa bao giờ được xác định. Chỉ khi nào người ta thấy chúng với các vạch sáng thì bấy giờ, chúng ta mới có thể kể đến chúng.

² Các Giả thuyết Vũ trụ khởi nguyên luận, trang 3.

³ Chúng ta không được xem “Nguyên hình chất” (“Protyle”) của Giáo sư Crookes như là chất liệu bản sơ mà các Thiên Định Đế Quân dùng để tạo ra Thái Dương Hệ chúng ta theo các luật bất di bất dịch của Thiên Nhiên. Nguyên hình chất này cũng không thể là *bản sơ chất* mà bậc đại trí Kant cho là đã được dùng để tạo nên các thế giới, và do đó không cần tồn tại trong một trạng thái tản mạn. Nguyên hình chất là một giai đoạn *trung gian* khi vũ trụ chất dần dần biến phân từ trạng thái bình thường chưa biến phân. Như thế, nó chính là trạng thái trung gian khi Vật Chất chuyển hóa biểu lộ trọn vẹn.

chúng tỏ cho họ thấy rằng tác động tạo ra Vũ Trụ chân thực còn phức tạp hơn nhiều so với những gì được bao hàm trong thuyết đó.

Trước hết, có hai loại vật chất *bất khả giải* (*irresolvable*) riêng biệt, nhưng chính khoa học đã dạy như thế.

Kính viễn vọng không thể phân biệt được hai loại này, nhưng kính quang phổ có thể phân biệt được và ghi nhận được một sự dị biệt về bản chất giữa các cấu tạo vật lý của chúng.

Vấn đề tính khả giải của các tinh vân đã thường được trình bày một cách quá khẳng định và hoàn toàn trái ngược với các ý tưởng của người đã lừng danh về việc thực nghiệm với quang phổ của các chòm sao này (ông Huggins). Được biết mọi tinh vân có quang phổ chỉ bao hàm các vạch sáng đều thuộc thể hơi, vì thế, bất khả giải; mọi tinh vân có một quang phổ liên tục phải kết thúc bằng cách phân giải thành ra các ngôi sao với một khí cụ có đủ năng lực. Điều giả sử này trái ngược ngay với các kết quả thu được cũng như là với thuyết kính quang phổ. Tinh vân “Lyra”, tinh vân “Quả tạ đôi” (the “Dumbl-bell” nebula), vùng trung tâm của tinh vân Orion, hình như là khả giải và bày ra một quang phổ gồm các vạch sáng; tinh vân Canes Venatici lại bất khả giải và có một quang phổ liên tục. Thật vậy, vì kính quang phổ cho chúng ta biết tình trạng vật lý của vật chất cấu thành các ngôi sao; song
323 không giúp chúng ta hình dung được các cách thức tập hợp của chúng. Một tinh vân gồm có các bầu bằng thể hơi (hoặc ngay cả các hạt nhân mờ mờ sáng, được bao quanh bởi một bầu khí quyển mãnh liệt) sẽ có một quang phổ gồm các vạch và vẫn còn khả giải; đó hình như là trạng thái của vùng Huggins trong tinh vân Orion. Một tinh vân gồm các cấu tử

rắn hay lỏng đang ở trong một trạng thái cháy đỏ (đúng là một đám mây) sẽ có một quang phổ liên tục và sẽ bất khả giải.

Theo Wolf, một số tinh vân này:

Có một quang phổ gồm ba hay bốn vạch sáng, các tinh vân khác có một quang phổ liên tục. Loại tinh vân thứ nhất ở thể hơi, các tinh vân khác được tạo thành bởi một vật chất ở dạng bột. Loại tinh vân thứ nhất phải cấu thành một bầu khí quyển thực sự; tinh vân thái dương của Laplace được xếp vào trong số đó. Các tinh vân khác tạo thành một tập hợp gồm các cấu tử có thể được xem như là độc lập, chuyển động quay của chúng tuân theo các luật nội trọng lượng: đó là các tinh vân mà Kant và Faye chấp nhận. Sự quan sát khiến chúng ta có thể truy nguyên chúng tới tận thế giới hành tinh. Nhưng khi chúng ta cố gắng vượt ra ngoài và vượt lên tới tận thời kỳ hỗn mang bản sơ đã sản sinh ra toàn bộ các thiên thể, thì trước hết, chúng ta phải giải thích sự tồn tại đích thực của hai loại tinh vân này. Nếu chất hỗn mang bản sơ là một chất khí lạnh lẽo phát quang, ⁽¹⁾ chúng ta có thể hiểu được làm thế nào mà sự co rút do sức hút lại làm cho nó nóng lên và sáng lên. Chúng ta phải giải thích việc chất khí này cô đặc thành ra trạng thái các cấu tử cháy đỏ; kính quang phổ tiết lộ cho chúng ta thấy sự hiện diện của các cấu tử đỏ trong một vài tinh vân. Nếu chất hỗn mang nguyên thủy gồm có các cấu tử như thế, thì làm thế nào mà một vài phân tử của chúng lại chuyển thành trạng thái hơi, trong khi các cấu tử khác lại duy trì tình trạng bản sơ?

¹ Xem ĐOẠN KINH 3, giảng lý 9, trình bày về “Ánh Sáng” tức “Lửa lạnh”. Trong đó, người ta giải thích rằng “Từ Mẫu” (Hồng nguyên khí) là một Lửa lạnh, một ánh sáng quang huy mát mẻ, không màu sắc, không hình tướng, không có mọi tính chất. Người ta dạy rằng: “*Chuyển động, trên cương vị của Đấng Độc Tôn Vĩnh Cửu, vẫn Hằng Hữu và bao hàm các tiềm năng của mọi tính chất trong các Thế giới Khai Nguyên*”.

Đó là phần tóm tắt các lời phản đối và các khó khăn cản trở việc chấp nhận Thuyết Tinh Vân. Nhà bác học Pháp trình bày như trên đã kết thúc luận chứng đặc sắc này bằng cách tuyên bố như sau:

Thế thì phần đầu của vấn đề vũ trụ khởi nguyên luận – chất hỗn mang bản sơ là gì? Làm thế nào mà chất này lại sản sinh ra mặt trời và các ngôi sao? – cho đến nay vẫn còn là một chuyện huyền hoặc và chỉ là điều hoang tưởng. ⁽¹⁾

Nếu đây là phán quyết cuối cùng của khoa học và chủ đề này, thì chúng ta còn biết đường nào mà mò ra xem Thuyết Tinh Vân, giả sử là, dạy cái gì? Thật ra, thuyết đó là gì? Hình như chẳng ai biết chắc được nó là cái gì. Nhà bác học, tác giả của Sinh Hoạt Thế Giới lại dạy cho chúng ta biết nó không phải là gì. Ông cho rằng :

1. Nó không phải là một thuyết trình bày về sự tiến hóa của Vũ Trụ. Đó chủ yếu là một lời giải thích khởi nguyên về các hiện tượng của thái dương hệ; ngoài ra, đó còn là sự phối hợp trong một quan điểm chung của các hiện tượng chính yếu trong bầu trời tinh đầu và tinh vân, trong tầm nhìn của con người.

2. Nó không xem các sao chổi như là có dính líu tới sự tiến hóa đặc biệt đã tạo ra Thái Dương Hệ. [Nội môn Bí giáo lại xem như vậy, vì nó cũng “thừa nhận các sao chổi như là các hình thức tồn tại vũ trụ phối hợp với các giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa tinh vân”. Nó thực sự gán cho chúng việc chủ yếu là tạo nên mọi thế giới].

324 3. Nó không chối bỏ việc sương lửa phát quang có một lịch sử tiên phong [giai đoạn tiến hóa thứ yếu của Giáo Lý Bí Nhiệm] [và]... không tự cho là mình đã đạt tới một sự khởi đầu tuyệt đối. [Thậm chí nó còn chấp nhận là] sương lửa này trước kia đã từng tồn tại trong một trạng thái vô hình, lạnh lẽo, tối tăm.

¹ Các Giả Thuyết Vũ Trụ khởi nguyên luận, trang 4 – 5.

4. [Cuối cùng] nó cũng chẳng tự nhận là đã tìm ra Cội nguồn của vạn vật mà chỉ tìm được một cột mốc trong lịch sử của vật chất [mặc cho] các triết gia và các nhà thần học tha hồ mưu tìm nguồn gốc của các cách thức hiện tồn. ⁽¹⁾

Như thế đâu phải là hết. ngay cả triết gia lỗi lạc nhất của Anh quốc, ông Herbert Spencer, cũng nổi lên chống lại thuyết hoang đường này bằng cách cho rằng: (a) Nó đâu có “giải quyết được vấn đề tồn tại”; (b) Thuyết tinh vân đâu có minh giải được nguồn gốc vật chất tản mạn; (c) “thuyết tinh vân (như hiện nay) hàm ý là có một Nguyên Nhân Bản Sơ” (“First Cause”). ⁽²⁾

Chúng tôi e rằng thuyết này còn quá xa so với những gì mà các nhà vật lý học hiện đại đã dự tính. Như thế, hình như là “giả thuyết” khốn khổ ấy khó lòng có thể mong đợi là được trợ giúp và bổ chứng ngay cả trong giới siêu hình học. Thấy thế, các nhà Huyền bí học vững tin rằng họ có quyền trình bày triết thuyết của mình, cho dù là hiện nay nó có thể bị hiểu lầm và tẩy chay. Họ quả quyết rằng việc các nhà khoa học không khám phá ra được chân lý hoàn toàn là vì họ quá Duy vật và xem thường các khoa học siêu việt. Song mặc dù các nhà khoa học trong thế kỷ này chưa đạt được thuyết tiến hóa chân chính, vẫn còn một vài hy vọng nào đó cho tương lai, vì ngay cả hiện nay, chúng ta vẫn thấy một nhà khoa học khác khiến chúng ta có được tia hy vọng chập chờn.

Trong một bài đăng trên Tạp chí Khoa Học Phổ Thông bàn về “Các cuộc Khảo cứu cận đại trong Sự sống tế vi”, chúng ta thấy ông H. J. Slack cho rằng :

¹ Sinh Hoạt Thế Giới của Winchell, trang 196.

² Tạp chí Wesminster, XX, 27 – 7 – 1868.

Hiển nhiên là mọi khoa học – từ vật lý học tới hóa học và sinh lý học – đều hội tụ về một thuyết tiến hóa nào đó. Các sự kiện của thuyết tiến hóa Darwin sẽ là một phần của thuyết này, nhưng liệu cuối cùng thuyết này sẽ ra sao, thì chẳng có mấy (nếu không muốn nói là chẳng hề có) bằng chứng. Có lẽ trí người sẽ chỉ hình dung ra nó khi các cuộc điều nghiên về vật lý học cũng như là siêu hình học đã tiến xa hơn nữa. ⁽¹⁾

Đây thật đúng là một lời tiên đoán hay. Bấy giờ, sẽ tới lúc mà “Sự Chọn lọc Tự nhiên” (“Natural Selection”), do các ông Darwin và Herbert Spencer chủ trương, sau khi đã biến hóa hết mức, chỉ tạo thành *một phần* của thuyết tiến hóa Đông phương mà Đức Bàn Cổ và Kapila sẽ thuyết minh về mặt *Nội môn*.

¹ Quyển xiv, trang 252.

**LỰC LÀ CÁC CÁCH THỨC CHUYỂN ĐỘNG
HAY LÀ CÁC ĐĂNG THÔNG TUỆ**
(FORCES - MODES OF MOTION OR INTELLIGENCES)

THẾ thì, đó là phán quyết cuối cùng của vật lý học mãi tới năm nay (1888). Các luật Cơ học sẽ không bao giờ có thể chứng tỏ được là Vật Chất Bản Sơ (Primeval Matter) có tính thuần trạng, trừ phi người ta suy diễn, xem như nó thật là cần thiết trong lúc tuyệt vọng, khi không còn giải pháp nào khác (chẳng hạn như trong trường hợp Ether). Khoa học hiện đại chỉ vững lòng trong phạm vi riêng của mình, bên trong các biên giới vật lý của Thái Dương Hệ chúng ta. Bên ngoài các biên giới này, mọi vật, mọi cấu tử Vật Chất đều khác hẳn với Vật Chất mà khoa học biết; vật chất ở đó tồn tại ở các trạng thái mà khoa học không thể hình dung được. Chất này, vốn thực sự là thuần trạng, vượt quá tầm tri giác của con người nếu tri giác này chỉ xuất phát từ năm giác quan. Chúng ta cảm thấy các tác dụng của nó xuyên qua các ĐĂNG THÔNG TUỆ, vốn là kết quả của sự biến phân bản sơ của nó. Chúng ta gọi các Đăng này là các Thiền Định Đế Quân (Dhyān Chohans); trong các tác phẩm của Hermes, các Ngài được gọi là “Bảy Đăng Cai Quản” (“Seven Governors”); Pymander (Tư Tưởng Thiêng Liêng) gọi các Ngài là các “Quyền Năng Kiến Tạo” (“Building Powers”), còn Asklepios gọi các Ngài là “Chư Thần Linh Siêu Việt”. Ngay cả một số nhà thiên văn học cũng đã bị dôn vào thế phải tin tưởng vào chất này – Chất Nguyên Thủy thực sự, Thực Tượng của mọi “chất” mà

chúng ta đã biết tới – vì họ thất vọng về việc có thể giải thích được sự quay, lực hấp dẫn và nguồn gốc của bất kỳ luật vật lý cơ giới nào, trừ phi khoa học thừa nhận các ĐĂNG THÔNG TUỆ này. Trong tác phẩm thiên văn học nêu trên của Wolf, ⁽¹⁾ tác giả thừa nhận trọn cả thuyết của Kant và thuyết sau (nếu không phải xét chung thì dù sao cũng là một vài đặc điểm); điều này nhắc chúng ta nhớ ngay tới một vài Giáo lý Nội môn. Ở đây, chúng ta có hệ thống thế giới *phục sinh từ đông tro tàn*, qua một tinh vân – nó từ các thiên thể xạ ra, bất động và tan hòa trong Không gian, do Trung Tâm Thái Dương *cháy đỏ* - được vật chất có thể cháy được của các hành tinh khơi hoạt lại. Thuyết này được một thanh niên vừa mới hai mươi lăm tuổi khai sinh ra và phát triển, y chưa bao giờ rời khỏi nơi sinh quán của mình, là Königsberg, một thị trấn ở Bắc Phổ (Northern Prussia). Người ta khó lòng mà không nhận ra được sự hiện diện của một quyền năng linh cảm ngoại tại hoặc là một bằng chứng về sự tái sinh luân hồi trong thuyết đó theo như các nhà Huyền bí học nhận thấy. Nó đã lấp đầy được một khoảng trống mà bậc thiên tài Newton cũng không làm được. Nó chắc chắn là Vật Chất Bản Sơ (Primeval Matter), Tiên Thiên khí (Ākāśha), mà Kant đã quan niệm ra khi ông nêu ra một định đề về một Chất nguyên thủy thẩm nhuần vũ trụ để giải quyết khó khăn của Newton. Ông đã không thể chỉ dùng các lực thiên nhiên không thôi để giải thích xung lực nguyên thủy được truyền thụ cho các hành tinh. Ấy là vì như ông đã nhận xét trong Chương viii, nếu một khi người ta thừa nhận rằng sự hài hòa toàn bích của các Ngôi sao và các Hành Tinh và sự trùng nhau của các mặt

¹ Các Giả Thuyết Vũ trụ khởi nguyên luận.

phẳng quỹ đạo của chúng chứng tỏ rằng có tồn tại một Nguyên nhân tự nhiên (vốn là Nguyên nhân bản sơ) “Nguyên nhân đó chẳng thể thực sự là vật chất tràn lấp các không gian thiên giới ngày nay”. Nó phải là cái đã tràn lấp Không gian – chính là Không gian – nguyên thủy; chuyển động của nó trong Vật Chất đã biến phân là nguồn gốc của các chuyển động thực sự của các thiên thể; “khi cô đặc lại trong chính thiên thể này, chất đó sẽ từ bỏ vùng không gian nay đã trống rỗng”. Nói cách khác, nó cũng là thứ vật Chất nay đang tạo thành các hành tinh, các sao chổi và chính Mặt Trời. Vật Chất đó, vốn đã hợp thành các thiên thể này, lại duy trì tính chất chuyển động cố hữu của mình. Tính chất ấy đang tập trung trong các hạt nhân của chúng và điều khiển mọi chuyển động. Chỉ cần thay đổi một chút cách dùng từ ngữ của thuyết này và bổ sung thêm một ít điều thì chúng ta sẽ biến nó thành Nội môn Bí giáo.

Nội môn Bí giáo dạy rằng *Vật Chất Nguyên Thủy*, thiêng liêng và thông tuệ này vốn là phân thân trực tiếp của Toàn Linh Trí, Daiviprakriti – Ánh Sáng Thiêng Liêng ⁽¹⁾ do Thượng Đế xạ ra – nó tạo thành hạt nhân của mọi thiên thể “tự hành” trong Càn Khôn. Đó là quyền năng linh động hằng hữu, nguyên sinh khí, Sinh Hồn của các Mặt Trời, Mặt Trăng, Hành Tinh, thậm chí của cả Trái đất nữa. Một thứ tiềm tàng, một thứ tích cực – đó là Đấng Vô Hình chương quản thể thô trực liên kết với Linh Hồn của nó; song le, Linh Hồn này chính là phân thân tinh thần của các Chơn Linh Hành Tinh tương ứng.

Một thuyết có tính cách hoàn toàn Huyền bí khác là thuyết của Kant. Theo thuyết này, vật chất cấu thành của các

¹ Chúng ta gọi “Ánh Sáng” này là *Vô cực điện (Fohat)*.

cư dân và các con thú của các Hành Tinh khác có bản chất tinh anh hơn và cấu tạo hoàn thiện hơn, tùy theo khoảng cách từ chúng tới Mặt Trời. Mặt Trời đầy tràn sinh điện và nguyên khí cung ứng sự sống vật chất. Do đó, nhân loại trên Hỏa Tinh thanh bai hơn chúng ta, trong khi nhân loại trên Kim Tinh lại thô trược hơn, mặc dù thông minh hơn nhiều (ít ra là về mặt tinh thần).

Thuyết sau cùng không hoàn toàn là thuyết của chúng ta – thế nhưng các thuyết này của Kant vẫn có tính cách siêu hình và siêu việt như bất kỳ Thuyết huyền bí nào. Nếu thiên hạ *dám* thổ lộ cảm nghĩ của mình thì ít ra là cũng có một nhà khoa học chấp nhận chúng như Wolf. Từ cái Trí Tuệ và Linh Hồn của các Mặt Trời và Tinh Tú của Kant tới Toàn Linh trí và Vật Chất của kinh Purānas chỉ có một bước. Tuy vậy, khoa học mà có thừa nhận thuyết này thì cũng chỉ là thừa nhận một chính nghĩa tự nhiên thôi, cho dù nó có tin tưởng hay không các điều siêu hình đó. Thế mà Toàn Linh Trí lại là một “Thần Linh” và sinh lý học chỉ xem “thể trí” như là một chức năng tạm thời của khối óc vật chất, không hơn không kém.

Con Quỷ Duy Vật (the Satan of Materialism) nay chế nhạo và chối bỏ cả thế giới hữu hình lẫn thế giới vô hình. Vốn chỉ thấy nơi ánh sáng, nhiệt, điện, thậm chí cả hiện tượng sống nữa, các tính cố hữu trong vật chất, nó cười rộ lên bất cứ khi nào người ta gọi sự sống là NGUYÊN SINH KHÍ (VITAL PRINCIPLE) và nhạo báng ý tưởng cho rằng nó độc lập và riêng biệt với cơ thể.

Nhưng ở đây giới khoa học lại bất đồng ý kiến với nhau, có nhiều nhà khoa học chấp nhận các quan điểm giống y như quan điểm của chúng ta. Chẳng hạn như chúng ta hãy thử xem Bác sĩ Richardson – Hội viên Hội Hoàng Gia – đã được

trích dẫn nhiều lần ở đâu đó, trình bày về các nguyên sinh khí mà ông gọi là “Ether Thần Kinh”.

Tôi chỉ đề cập tới một tác nhân vật chất thật sự, mặc dù có thể là tinh anh đối với quảng đại quần chúng, nhưng nó vẫn có thực và có thực chất. Đó là một tác nhân có trọng lượng và thể tích; một tác nhân có thể bị hóa hợp, do đó nó có thể bị thay đổi trạng thái vật lý; một tác nhân thụ động, luôn luôn bị các tác dụng khác ảnh hưởng tới chuyển động của mình;⁽¹⁾ một tác nhân không có năng lực phát khởi, không có năng lực tự nhiên; ⁽²⁾ tuy nhiên, nó vẫn còn giữ một vai trò chủ yếu trong việc tạo ra các hiện tượng do tác dụng của năng lượng đối với chất hữu hình.⁽³⁾(visible matter)

Vì hiện nay, sinh học và sinh lý học đều chối bỏ hoàn toàn sự tồn tại của một Nguyên sinh khí, đoạn văn trích dẫn trên, cùng với sự thừa nhận của De Quatrefages, rõ rệt là xác nhận rằng một số nhà khoa học có cùng quan điểm về các “vấn đề Huyền bí” với các nhà Minh Triết Thiêng Liêng và các nhà Huyền bí học. Họ thừa nhận là có một Nguyên sinh khí riêng biệt độc lập với cơ thể (vật chất) – dĩ nhiên là như vậy, vì *Lực vật lý đâu có thể nào tách rời khỏi Vật Chất* – tuy nhiên, nó được cấu thành bởi một Chất tồn tại trong trạng thái mà khoa học còn chưa biết. Đối với họ, *Sự Sống đâu phải đơn thuần chỉ là sự tương tác của các phân tử và các nguyên tử*. Nếu không có Nguyên sinh khí, sẽ không bao giờ có các sự phối hợp phân tử trong một cơ thể sống, lại càng không thể

¹ Đây là một điều sai lầm, vì nó hàm ý rằng, có một tác nhân vật chất, phân biệt với các tác dụng làm nó chuyển động, nghĩa là vật chất mù quáng, và có lẽ lại là “Thượng Đế”, trong khi SỰ SỐNG DUY NHẤT này chính là Thượng Đế và chư Thiên.

² Cũng sai lầm như trên.

³ Tạp chí Khoa Học Phổ Thông, Quyển I.

có được trong cái gọi là Chất “thô sơ” của cảnh giới tri giác của chúng ta.

Khi dùng sự từ ngữ “sự phối hợp phân tử”, dĩ nhiên là chúng ta có ý muốn nói tới sự phối hợp của Vật Chất phân kích của tri giác hão huyền hiện nay của chúng ta trên cảnh giới này. Đó chính là điều tranh luận chủ yếu. ⁽¹⁾

328 Như thế, đâu phải chỉ có một mình các nhà Huyền bí học là tin như vậy. Song le, họ cũng đâu có quá điên rồ khi bác bỏ cả “trọng lực” của khoa học hiện đại cùng với các luật *vật lý* khác, rồi lại chấp nhận *sức hút* và *sức đẩy* thay vào đó. Hơn nữa, họ chỉ xem hai Lực đối lập này là hai *khía cạnh* của Vũ Trụ được mệnh danh là THẦN TRÍ BIỂU LỘ (MANIFESTING MIND). Nhờ vào các nhà Thần nhãn đại tài, Huyền bí học đã

¹ Luồng lự giữa khoa học duy vật và khoa học duy tâm, một vài nhà Minh Triết Thiêng Liêng đã thắc mắc: “Liệu Nguyên sinh khí có phải là một huyền thoại, theo như khoa học bảo, hay không?” Việc thực sự khó lĩnh hội được các vấn đề nội môn liên quan tới trạng thái căn bản của vật chất lại chính là vấn đề nan giải xưa nay: *tâm* và *cảnh* (*objective* and *subjective*). Vật Chất là gì? Liệu Vật Chất mà chúng ta tri giác được ở ngoại cảnh hiện nay có gì là khác với các cảm giác của chúng ta không? Đúng là các cảm giác mà chúng ta nhận được đều phát xuất từ ngoại giới; tuy nhiên, ngoại trừ về mặt hiện tượng, liệu chúng ta có thể thực sự đề cập tới “vật chất thô trực” của cảnh giới này như là một thực thể riêng biệt và độc lập đối với chúng ta không? Huyền bí học xin đáp lại mọi luận chứng như vậy: Đúng vậy, thật ra Vật Chất không độc lập hoặc tồn tại bên ngoài các tri giác của chúng ta. Con người là một hão huyền: điều này thật hiển nhiên. Trong thuyết Vedanta và chủ nghĩa Duy tâm của Kant chẳng những không làm lung lay, mà còn củng cố lời xác quyết cho rằng có tồn tại các thực thể khác hão huyền hơn chúng ta nhưng vẫn có thực chẳng kém gì chúng ta.

tri giác được nơi các trạng thái này một Đại đoàn gồm hằng hà sa số các Thực Thể tác động: đó là các Thiên Định Đế Quân, các Thực Thể có bản chất *lưỡng phân* là Nguyên nhân của mọi hiện tượng trên trần thế. Bản thể ấy có cùng bản chất với Biển Điện vũ trụ (universal Electric Ocean), tức là SỰ SỐNG, và có tính cách *lưỡng phân* – dương và âm – Chính các bức xạ của lưỡng nguyên ấy nay đang tác dụng trên trần thế và được mệnh danh là “các cách thức chuyển động”. nay người ta còn không muốn nhắc đến từ ngữ *Lực*, e rằng thiên hạ sẽ phân biệt nó với Vật Chất (dù chỉ là mới nghĩ thế thôi). Theo Huyền bí học, chính các tác dụng lưỡng phân của bản thể lưỡng phân ấy nay đã được gọi là lực ly tâm và hướng tâm, cực dương và cực âm hay sự phân cực, nóng và lạnh, ánh sáng và bóng tối v.v...

Người ta còn quả quyết thêm nữa là khi tin tưởng – cho dù mù quáng liên hệ và truy nguyên tất cả tới một Thượng Đế nhân hình – vào các Thiên Thần, Tổng Thiên Thần, Đại Thiên Sứ, Thiên Sứ Tối Cao (Seraphs), Sao Mai, tóm lại, mọi khoái lạc thần học của nhân loại đang chủ trì các Hành Vũ Trụ, các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã và Hy Lạp thời xưa còn sáng suốt hơn khoa học khi hoàn toàn không tin vào các Đấng này và ủng hộ các Lực cơ giới. Ấy là vì các thứ này thường tác động còn thông minh và thích đáng hơn cả con người. Tuy nhiên, người ta lại chối bỏ trí thông tuệ này và gán cho nó sự may rủi mù quáng. Nhưng nếu De Maistre thật là chí lý khi xem luật hấp dẫn lực chỉ là một từ ngữ thay thế cho “một điều gì chưa biết”, thì chúng ta cũng có lý khi nhận xét đúng như vậy về mọi *Lực* khác của khoa học. Nếu người ta phản đối rằng vị Bá Tước ấy là một tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã ngoan đạo, thì chúng ta có thể trích dẫn Le Couturier,

một kẻ Duy vật nhiệt thành, ông cũng phát biểu y như vậy, giống như Herschel và nhiều người khác.⁽¹⁾

Từ chư Thiên tới con người, từ Thế giới tới nguyên tử, từ Ngôi sao tới cây nển, từ Mặt Trời tới sinh nhiệt của thực thể hữu cơ tầm thường nhất, thế giới Tồn tại sắc tướng là một sợi xích bao la với mọi khâu xích đều liên kết với nhau. Luật Tương Tự (the Law of Analogy) là chìa khóa đầu tiên để giải quyết vấn đề của thế giới, các khâu xích này phải được nghiên cứu một cách liên hợp xét về các quan hệ Huyền bí của chúng với nhau.

329 Do đó, khi Giáo Lý Bí Nhiệm – vốn có một định đề cho rằng không gian hữu hạn không thể tồn tại thực sự ngoại trừ trong thế giới hão huyền này, hoặc nói cách khác, trong các năng lực tri giác của chúng ta – dạy rằng mọi thực thể ở thượng giới cũng như hạ giới đều hòa hợp với ngoại giới của riêng chúng ta và dạy rằng, xét về vị trí, hàng triệu sự vật và thực thể đang ở xung quanh, cùng với và trong chúng; đây chẳng phải là lời nói bóng bẩy siêu hình, mà lại là một chân lý nghiêm chỉnh trong Thiên Nhiên, mặc dù các giác quan của chúng ta không hiểu được.

Nhưng người ta phải hiểu cách nói của Huyền bí học trước khi chỉ trích các điều mà nó khẳng định. Chẳng hạn như, Nội môn Bí giáo – cũng như khoa học, theo một ý nghĩa nào đó – không chịu dùng các từ ngữ “trên”, “dưới”, “thượng đẳng”, “hạ đẳng” khi đề cập tới các cảnh giới *vô hình*, vì ở đây, chúng chẳng có ý nghĩa gì cả. Ngay cả các từ ngữ “Đông” và “Tây” cũng chỉ là qui ước, chỉ cần dùng để giúp cho các tri giác của con người. Ấy là vì, mặc dù Trái Đất

¹ Xem Bảo Tàng Viện Khoa Học, số tháng 8 – 1856.

có hai cực Nam, Bắc là hai điều cố định, song cả Đông lẫn Tây đều tùy thuộc vào vị trí của chúng ta trên mặt Địa Cầu, vì do đó, tùy thuộc vào sự quay của nó từ Tây sang Đông. Vì thế, khi nhà Huyền bí học đề cập đến các “thế giới khác” – dù là thiện hay ác, có tính cách tinh thần hay vật chất, mặc dù cả hai đều là vô hình – y không định vị các *cảnh giới này ở bên ngoài* hoặc *bên trong* Địa cầu như các nhà thần học và các thi sĩ thường lầm tưởng’ vì kẻ phàm tục không thể *biết được*, hoặc hình dung ra được vị trí của chúng trong không gian. Chúng hòa lẫn với thế giới chúng ta, xuyên thấu qua nó, rồi bị nó xuyên thấu qua. Có hàng triệu thế giới và bầu trời mà chúng ta có thể thấy được, còn có nhiều thế giới hơn nữa vượt quá tầm nhìn của kính viễn vọng, nhiều thế giới thuộc loại này không đáng gì với ngoại giới của chúng ta. Mặc dù vô hình như thể ở bên ngoài Thái Dương Hệ chúng ta hàng triệu dặm, song chúng vẫn tồn tại cùng với chúng ta, gần gũi bên chúng ta, *bên trong* chính thế giới của chúng ta; chúng cũng là vật chất ngoại cảnh đối với các cư dân của riêng chúng chẳng khác nào thế giới của chúng ta đối với chính chúng ta. Và lại, quan hệ của các thế giới này với thế giới chúng ta không phải là quan hệ của một loạt cái hộp giống như hình trứng lồng vào nhau như các món đồ chơi được gọi là tổ chim Trung Quốc; mỗi thế giới đều hoàn toàn tuân theo các định luật và điều kiện riêng của nó, không có quan hệ trực tiếp với thế giới chúng ta. Như đã nói, tất cả chúng ta đều biết hoặc cảm thấy là có thể đi *xuyên qua* và *chung quanh* chúng ta như thể đi qua vùng không gian trống rỗng; trú sở của chúng hòa lẫn với trú sở của chúng ta, mặc dù không làm xáo trộn thị giác của chúng ta, vì chúng ta chưa có các năng khiếu để nhận rõ được chúng. Thế nhưng, nhờ có linh nhãn, các Cao đồ, thậm chí cả một vài nhà thần nhãn và thông linh nữa, luôn luôn có

thể nhận rõ được, trong một mức độ nào đó, sự hiện diện gần gũi với chúng ta của các Thực Thể thuộc về các cảnh giới sinh hoạt khác. Các Đấng thuộc về các cõi giới tinh thần cao siêu chỉ liên giao với thể nhân nào đã có những nỗ lực bản thân để
 330 thăng lên tới cảnh giới cao mà các Ngài đang ngự.

Các đứa con ở Trần Thế (Bhūmi) coi các đứa Con ở Thiên Giới (Devas-lokas) như là chư Thiên của mình; các đứa con ở cõi giới thấp lại ngưỡng mộ loài người ở Trần Thế như là chư Thiên của họ; con người vẫn còn u mê chẳng biết gì về điều này... Họ [con người] run sợ trước chúng trong khi sử dụng chúng [cho các mục đích pháp thuật]... Giống người thứ Nhất là các “Đứa Con Trí Sinh” (“Mind-born Sons”) của Đấng nêu trên. Các Pitris và chư Thiên là tổ phụ của chúng ta.⁽¹⁾

Cái gọi là “lớp người trí thức” thường chế giễu ý niệm về Phong tinh linh (Sylphs), Hỏa tinh linh (Salamanders), Thủy tinh linh (Undines); các nhà khoa học xem bất cứ lời nào đề cập tới các điều mê tín dị đoan như vậy là một điều lằng mạp. Với một thái độ khinh thường của lương tri ưa lý luận (đó thường là đặc quyền của “giới có thẩm quyền được thừa nhận”), họ đã khiến cho những kẻ mà họ có bốn phận dạy dỗ, có cảm tưởng rằng trong khắp Càn khôn vũ trụ, hoặc dù sao đi nữa, trong bầu khí quyền riêng của chúng ta, ngoài chúng ta ra ⁽²⁾ chẳng còn thực thể hữu thức thông tuệ nào khác. Bất cứ giống người nào khác (gồm có những *con người* riêng biệt) – ngoại trừ giống người có hai chân hai tay, một

¹ Quyển II, trong Giảng lý Thiên Định Chân Kinh.

² Ngay cả vấn đề có nhiều thể giới có cư dân hữu tình cư ngụ, cũng bị bác bỏ hay là đề cập tới một cách cực kỳ dè dặt. Thế nhưng chúng ta hãy xem nhà thiên văn học đại tài Camille Flammarion trình bày ra sao trong tác phẩm Có nhiều Thế giới.

đầu và các đặc điểm của con người – sẽ không được gọi là nhân loại, mặc dù từ nguyên của từ ngữ này hình như chẳng có liên quan gì mấy với dáng vẻ xét chung của một tạo vật. Như vậy, trong khi hoa học khắt khe bác bỏ ngay cả việc có thể có các tạo vật vô hình, đối với chúng ta nói chung, như thế, thì xã hội lại bắt buộc phải công khai chế nhạo ý tưởng này, mặc dù tất cả lại âm thầm tin tưởng vào nó. Nó hoan hô các tác phẩm như Bá Tước Gabalis, mà lại không thể hiểu được rằng *sự chiêm biếm công khai là chiếc mặt nạ an toàn nhất*.

Dù sao đi nữa, các thế giới vô hình như thế vẫn tồn tại. Cũng đầy dẫy dân cư như thế giới chúng ta, chúng rải rác khắp Không gian biểu kiến với số lượng không biết cơ man nào mà kể; một số có tính cách vật chất hơn thế giới chúng ta, một số lại tinh anh hóa dần dần cho đến khi chúng trở nên vô hình và giống như là các “Linh khí”. Sự kiện mắt phàm của chúng ta không thấy chúng chẳng phải là lý do khiến chúng ta không tin tưởng vào chúng. Các nhà vật lý học cũng đâu có thấy Ether, Nguyên tử, các “cách thức chuyển động tức Lực. Song họ vẫn chấp nhận và giảng dạy chúng.

331 Ngay cả trong thế giới tự nhiên mà chúng ta đã từng quen thuộc, nếu chúng ta đã thấy có những chất tương tự phân nào với cái quan niệm khó hiểu về các thế giới vô hình như thế, thì hình như việc thừa nhận rằng có thể có một sự hiện diện như thế cũng đâu có khó thực hiện bao nhiêu. Cái đuôi sao chổi – mặc dù khiến chúng ta chú ý vì nó sáng chói, song không cản trở tầm nhìn sự vật của chúng ta; chúng ta vẫn trông thấy vạn vật xuyên qua và vượt qua nó – chính là bước đầu tiên dẫn tới một bằng chứng về vấn đề này. Đuôi sao chổi lướt nhanh qua chân trời của chúng ta mà chúng ta chẳng cảm thấy hay tri giác được, ánh quang huy của nó thường chỉ được nhận ra bởi những người quan tâm tới hiện

tượng này; trong khi đó, mọi người khác vẫn không biết gì về sự hiện diện của nó và việc nó *băng ngang qua* một phần trái đất của chúng ta. Cái đuôi này có thể (hoặc chưa chắc) đã là toàn bộ sao chổi, nhưng độ tinh anh của nó vẫn giúp chúng ta dùng nó như là một minh họa. Thật vậy, chẳng có gì là mê tín dị đoan, mà chỉ là một kết quả của khoa học siêu việt (và của luận lý nữa) khi chúng ta thừa nhận sự tồn tại của các thế giới được tạo thành bởi vật chất còn tinh anh hơn đuôi sao chổi. Khi chổi bỏ một khả năng như thế, trong thế kỷ vừa qua, khoa học đã chẳng làm lợi cho Triết học cũng như là Tôn giáo chân chính, mà chỉ làm lợi cho Thần học thôi. Để có thể tranh luận thắng lợi hơn về sự tồn tại của nhiều thế giới vật chất (một niềm tin mà nhiều giáo sĩ cho là không phù hợp với các giáo lý trong Thánh kinh, ⁽¹⁾ Maxwell đã phải vu cáo lưu danh của Newton, và ra sức thuyết phục công chúng là các nguyên lý bao hàm trong triết thuyết của Newton là các “nguyên lý căn bản của mọi hệ thống vô thần”.⁽²⁾

Giáo sư Winchell cho rằng: “Tiến sĩ Whewell đã tranh luận về việc có nhiều thế giới bằng cách cầu cứu tới bằng chứng khoa học”.⁽³⁾ Và nếu người ta có thể bàn cãi hăng say bao nhiêu về việc có thể có cư dân trong các thế giới hồng trần của các hành tinh và hằng hà sa số sao lấp lánh trên đầu

¹ Tuy nhiên, dựa vào bằng chứng trong chính Thánh kinh, cũng như của các nhà Thần học Thiên Chúa giáo lỗi lạc như Hồng Y Giáo Chủ Wiseman, người ta có thể chứng minh rằng trong cả Tân Ước lẫn Cựu Ước đều có dạy về sự kiện này.

² Xem Có Nhiều Thế giới, Quyển II.

³ Về vấn đề này, xem Có Nhiều Thế giới của C. Flammarion, trong đó, người ta có trình bày một danh sách nhiều nhà khoa học đã lên tiếng chứng tỏ thuyết này.

chúng ta, thì lại có ít cơ may bấy nhiêu để cho người ta chấp nhận là có các thể giới vô hình bên trong vùng không gian trong suốt một cách biểu kiến của chúng ta !

Nhưng nếu chúng ta có thể quan niệm ra một thể giới gồm có Vật Chất còn tinh anh hơn đuôi sao chổi (đối với các giác quan của *chúng ta*), vì thế, cư dân của nó cũng có mức độ tinh anh tỷ lệ với bầu thể giới *của chúng* (cũng như chúng ta khi so sánh với Địa Cầu vỏ cứng nhấc đầy đất đá), thì đâu có gì đáng ngạc nhiên nếu chúng ta không tri giác được chúng, không cảm thấy sự hiện hữu và sự tồn tại của chúng. Có điều là ý tưởng này có gì mâu thuẫn với khoa học không? Chẳng lẽ chúng ta không thể giả sử là con người, con vật, cây cỏ, đất đá được phú cho một loạt giác quan khác hẳn với các giác quan mà chúng ta có hay sao? Chẳng lẽ cơ thể của chúng không thể được sinh ra, phát triển và tồn tại theo các luật khác với các luật chi phối thể giới bé nhỏ của chúng ta hay sao? Mọi thực thể có nhất thiết phải khoác lấy “các lớp áo bằng da” giống như Adam và Eve trong huyền thoại Sáng Thế Ký không? Tuy nhiên, hơn một nhà khoa học đã bảo với chúng ta rằng: “Tính hữu thể có thể tồn tại trong những tình huống rất khác nhau”.

332 Luận về việc có nhiều thể giới, Giáo sư Winchell đã nhận xét như sau:

Không lẽ các chất chịu được nhiệt lại có thể trộn lẫn với các chất khác, mà chúng ta biết hay không biết, vì chúng nó có thể chịu được mức độ biến thiên nhiệt độ lớn hơn so với các cơ thể trên địa cầu. Mô của các con thú trên địa cầu thì thích hợp với hoàn cảnh trên địa cầu. Thế nhưng, ngay ở đây, chúng ta vẫn thấy các loài thú vật khác nhau thích ứng với cuộc thử thách của các tình huống rất khác nhau ... Việc một con vật phải có bốn chân hay hai chân không tùy thuộc vào các nhu cầu tổ chức, bản năng hay trí thông

minh. Việc một con thú chỉ có đúng năm giác quan không phải là một nhu cầu của sự tồn tại có tri giác. Trên địa cầu có thể có những con thú không có khứu giác mà cũng chẳng có vị giác. Trên các thế giới khác thậm chí ngay trên thế giới này, có thể có những thực thể có nhiều giác quan hơn chúng ta. Điều này hiển nhiên là khả hữu khi chúng ta xét thấy rất có thể là có các tính chất khác, và các cách thức tồn tại khác trong số các cội nguồn của vũ trụ, thậm chí của cả vật chất trên trái đất nữa. Có các con vật vẫn sống sót ở những nơi mà con người có lý trí sẽ chết mất – dưới đất, dưới sông, dưới biển... (và trong những trường hợp đó, tại sao lại không có những con người với các cơ cấu tổ chức khác nhau?)... Chẳng sự tồn tại có lý trí, phi thể, bị khống chế về mặt nhiệt huyết cũng như về mặt nhiệt độ nào làm thay đổi được các dạng vật chất có thể cấu thành cơ thể ấy. Có thể có các trí thông tuệ được thể hiện dựa vào một khái niệm nào đó không liên can tới các tiến trình ăn vào, đồng hóa và sinh dục. Các cơ thể như thế hằng ngày đâu phải cần tới thực phẩm và nhiệt lượng. Chúng có thể bị đắm chìm trong các vực thẳm của đại dương, hoặc là bị ném lên trên một vách đá lởm chởm do những cơn bão tố, cuồn cuộn vào một mùa đông ở Bắc Cực, hoặc là bị nhận chìm vào một núi lửa trong hàng trăm năm; thế nhưng, chúng vẫn còn giữ nguyên vẹn được tri thức của mình. Điều này cũng có thể quan niệm được. Tại sao các bản chất tâm linh lại ẩn tàng trong viên đá lửa và bạch kim bất hoại? Các chất này đâu có bản chất thông tuệ hơn carbon, hydrogen, oxygen và vôi. Nhưng chẳng cần suy nghĩ rốt ráo như vậy [?], chúng ta cũng thấy một trí thông tuệ xuất chúng không thể biểu lộ nơi các tâm trạng dửng dưng với ngoại cảnh như cây đan sâm ở vùng đồng bằng phía Tây, địa y ở Labrador, giống như xạ luân trùng (rotifers) vẫn khô queo trong hàng năm hay là các vi khuẩn vẫn sống được khi đi qua nước sôi... Các điều gợi ý này để nhắc độc giả nhớ rằng không thể luận chứng được bao nhiêu, liên quan tới các điều kiện cần thiết của sự tồn tại thông tuệ, có tổ chức theo tiêu chuẩn của sự tồn tại vật thể trên địa cầu. Xét về mặt bản chất, trí thông tuệ cũng

có tính chất phổ quát đại đồng như các luật vũ trụ. Các vật thể chỉ là sự thích ứng cục bộ của trí thông tuệ với các biến thái đặc thù của vật chất và thần lực vũ trụ. ⁽¹⁾

Do các khám phá của cũng cái khoa học chối bỏ hết cả đó, chẳng lẽ chúng ta không biết rằng xung quanh chúng ta có hằng hà sa số các sinh linh vô hình hay sao? Nếu các vi trùng, vi khuẩn và toàn thể các sinh linh cực vi đều không thể thấy được vì chúng quá nhỏ, thì ở cực kia, chẳng lẽ không thể có các thực thể vô hình vì cấu trúc hay vật chất của nó thật sự có tính cách tế vi hay sao? Ngược lại, về phần tác dụng của vật chất sao chối, chẳng lẽ chúng ta không có một gương mẫu nào khác về một hình thức bán hữu hình của Sự Sống và Vật Chất hay sao? Khi rơi vào căn nhà của chúng ta, tia sáng mặt trời làm lộ ra hằng hà sa số các vi sinh vật tồn tại độc lập, bất kể các giác quan vật chất thô trực của chúng ta có tri giác được chúng hay không. Các vi trùng, vi khuẩn và các thực thể vô hình giống như vậy trong các nguyên tố khác cũng đều như thế cả. Chúng ta đã thờ ơ không quan tâm tới chúng trong hàng thế kỷ dài vô minh chán nản, sau khi ngọn đèn minh triết trong các hệ thống triết học thâm thúy và ngoại đạo không còn soi sáng cho các thời đại cổ chấp và mê tín của Thiên Chúa giáo buổi sơ khai: nay chúng ta lại sẵn sàng lờ chúng đi.

Thế mà, bây giờ các sinh linh vẫn bao quanh chúng ta như hiện nay. Chúng đã tác động theo các luật riêng của chúng và chỉ tới khi khoa học dần dần tiết lộ tung tích chúng thì chúng ta mới biết tới chúng và các hiệu quả do chúng tạo ra.

¹ Sinh Hoạt Thế Giới, trang 497 – 500 và tiếp theo.

Thế giới phải mất bao lâu mới được như hiện nay ? Nếu chúng ta có thể bảo rằng ngay cả mãi tới hiện nay, bụi vũ trụ, “mà trước đó chưa bao giờ thuộc về trái đất”,⁽¹⁾ mới đến với địa cầu chúng ta. Còn gì hợp lý hơn là tin tưởng – giống như các nhà Huyền bí học – rằng biết bao nhiêu triệu năm trôi qua từ khi bụi đó tụ tập lại và tạo thành Địa Cầu mà chúng ta sống quanh hạt nhân của nó gồm Chất Liệu Nguyên Thủy *thông tuệ*. Nhiều giống người – khác hẳn với nhân loại chúng ta hiện nay, cũng chẳng khác nào giống người sẽ tiến hóa trong hàng triệu năm nữa khác với giống dân hiện nay – đã xuất hiện rồi lại biến mất khỏi địa cầu, chính chúng ta cũng vậy. Các giống người sơ khai và xa xưa ấy đã bị chối bỏ, vì theo các nhà địa chất học, họ đã không để lại một di tích rõ rệt nào. Mọi dấu vết của họ đều biến mất rồi, do đó, xem như họ chưa bao giờ tồn tại. Thế nhưng, người ta phải tìm ra các di tích của họ - mặc dù là có rất ít – chúng phải được các cuộc khảo sát địa chất khám phá ra. Nhưng dù chưa bao giờ phát hiện được các di tích đó, cũng chẳng có lý do gì tuyên bố rằng chẳng có ai đã từng sống trong các thời kỳ địa chất mà chúng ta gán cho sự hiện diện của họ trên địa cầu. Ấy là vì, cơ thể của họ đâu cần máu nóng, không khí, thực phẩm. Tác giả của Sinh Hoạt Thế Giới thật là chí lý và chẳng có gì là quá lố khi tin tưởng – giống như chúng ta – rằng dựa vào các giả thuyết khoa học, nếu đến này có thể có “các bản chất tâm linh ẩn tàng trong viên đá lửa và bạch kim bất hoại”, thì ắt cũng đã có các bản chất tâm linh ẩn tàng trong các dạng Vật Chất Bản Sơ cũng *bất hoại*, đó chính là các tổ phụ của Giống dân thứ Năm của chúng ta.

¹ Sinh Hoạt Thế Giới.

Do đó, trong quyển 3 và 4, khi đề cập tới những người ở trên Quả Đất này cách đây 18 000 000 năm, chúng ta không nghĩ tới những người thuộc các giống dân hiện nay, cũng như là các luật khí quyển, tình trạng nhiệt v.v... Trái Đất và Nhân loại cũng như là Mặt Trời, Mặt Trăng và các Hành Tinh, tất cả đều tăng trưởng, biến dịch, phát triển và tiến hóa dần dần trong các chu kỳ sống của mình. Chúng đều được sinh, trở thành các hài nhi, thiếu nhi, thanh niên, trung niên, già rồi chết. Thế thì tại sao Nhân loại lại không tuân theo các luật đại đồng vũ trụ này ? Uriel bảo Enoch như sau :

334

Coi này, Enoch, ta sẽ chỉ cho con mọi chuyện ... Con thấy mặt trời, mặt trăng và các Đấng điều động các ngôi sao trên trời khiến chúng tác động, tạo ra các mùa và các sự vắng lai. Vào thời buổi tội lỗi, năm tháng sẽ ngắn đi... mọi sự việc trên địa cầu sẽ bị đảo lộn... mặt trăng sẽ thay đổi các luật của mình.⁽¹⁾

Thời buổi tội lỗi có nghĩa là thời buổi mà Vật Chất sẽ tung hoành trên Địa Cầu, con người đã phát triển tột độ về vóc dáng và thú tính. Điều này đã diễn ra trong thời Atlante vào khoảng giữa Căn chủng thứ Tư, nó đã bị nhận chìm theo lời tiên tri của Uriel. Từ đó, con người đã giảm dần vóc dáng, sức lực, tuổi tác (điều này sẽ được trình bày trong quyển 3 và 4). Nhưng, vì chúng ta đang ở vào giữa phân chủng của Căn chủng thứ Năm – tột điểm vật chất của mỗi căn chủng – nên các xu hướng thúc giục, mặc dù thanh bai hơn, vẫn phát triển đều đặn, chúng ta thấy điều này rõ rệt nhất trong các xứ văn minh.

¹ Thánh thư Enoch, bản dịch của Tổng Giám Mục Laurence, lxxix.

TIẾT 14

THẦN LINH, CHƠN THẦN, NGUYÊN TỬ (GODS, MONADS, ATOMS)

Cách đây một vài năm, chúng tôi đã nhận xét rằng:

Nội môn Bí giáo có thể được gọi là ... “giáo lý tuyến” [thread doctrine]), vì giống như linh tuyến Sūtrātmā [trong triết lý Vedānta], ⁽¹⁾ nó đi qua và kiên kết mọi hệ thống tôn giáo triết học với nhau, và... dung hòa và giải thích chúng.⁽²⁾

Nay chúng tôi xin nói rằng nó còn hơn thế nữa. Nó không những dung hòa nhiều hệ thống khác nhau, xét theo bề ngoài còn mâu thuẫn với nhau nữa, mà còn kiểm soát các khám phá của khoa học chính xác hiện đại, chứng tỏ rằng một vài khám phá tất yếu là chính xác, vì chúng được các Văn khố Cổ truyền bổ chứng. Chắc chắn là mọi phát biểu trên sẽ bị xem như là cực kỳ láo xược, bị kết tội là làm tổn thương khoa học; tuy nhiên, đó vẫn là một sự kiện.

Chắc chắn là ngày nay, khoa học cực kỳ duy vật; nhưng theo một ý nghĩa nào đó, nó lại được biện minh. Kẻ phạm tục chỉ có thể thẩm định được Thiên Nhiên, bao giờ cũng tác

¹ Trong Triết thuyết Vedānta, Linh Giác (Ātmā), Tinh Thần tức Linh Ngã, đi xuyên qua năm Thể hay Nguyên khí (*Koshas*) như một sợi chỉ, được gọi là “Hồn dây” (“Thread-soul”) tức *Linh tuyến* (*Sūtrātmā*).

² Năm năm Theosophist, “Nguyên khí Thất phân”, trang 197.

động một cách huyền bí và bí hiểm, theo như các tín đồ Do Thái Bí giáo đã nói, qua chính dáng vẻ của nó; thế mà dáng vẻ này lại luôn luôn trá ngụy trên cảnh giới hồng trần. Mặt khác, các nhà Tự nhiên luận không chịu kết hợp vật lý học với siêu hình học, Sắc Tướng với Linh Hồn và Tinh Thần làm linh hoạt. Họ thích lờ đi Tinh Thần và Linh Hồn. Đối với một số người, đây là một vấn đề để chọn lọc, trong khi thiếu số lại nỗ lực mở rộng phạm vi của vật lý học bằng cách lần sang các vùng cấm địa của siêu hình học mà một số nhà Duy vật đã chán ngấy. Trong thế hệ của mình, các nhà khoa học này thật là sáng suốt. Mọi khám phá kỳ diệu của họ sẽ chẳng đi đến đâu và vẫn chẳng được ai quan tâm tới nếu họ không vén bức màn Vật Chất lên và chống mắt lên nhìn ra *bên ngoài*. Nay khi họ đã nghiên cứu đến bề dài, bề rộng, bề sâu cái khung vật chất của Thiên Nhiên, thì đã đến lúc dời bộ khung này lên cảnh giới thứ nhì và tìm kiếm trong lòng sâu thẳm khôn dò thực thể linh động, Bản chất của nó – thực tượng của Vật Chất phù du.

336 Chi bằng cách tác động theo đường lối như vậy, chúng ta mới khám phá ra được sự kiện về những điều nay được gọi là “các điều mê tín dị đoan bị vạch mặt chỉ tên” cũng như là các di tích của minh triết cổ truyền.

Người ta thấy một trong các tín ngưỡng “suy đồi” như vậy – suy đồi theo quan niệm của kẻ hoài nghi chối bỏ tất cả - nơi ý tưởng cho rằng ngoài các cư dân trên các hành tinh ngoại giới ra, Càn Khôn còn đầy dẫy các Thực Thể vô hình, thông tuệ. Cái gọi là các Tổng Thiên Thần, Thiên Thần, Chon Linh của phương Tây, được mô phỏng theo các nguyên kiểu Thiên Định Đế Quân, Thiên Thần, Pitris của phương Đông, chẳng phải các Thực Thể mà chỉ là tưởng tượng. Về vấn đề này, khoa học duy vật thật là khắt khe. Để bênh vực cho lập

trường của mình, nó đã làm đảo lộn công lý về tính đều đặn và liên tục của các luật Tự Nhiên, và hàng loạt các loại suy về sự tiến hóa của Hiện Tồn. Người ta đã bắt số quần chúng phạm tục phải tin tưởng rằng bằng chứng tích lũy của lịch sử - nó trình bày cả những kẻ vô thần thời xưa, chẳng hạn như Epicurus và Democritus, cũng như là những kẻ tin tưởng vào chư *Thần Linh* – thật là sai lầm và các triết gia thời xưa như Socrates và Plato (hai vị này quả quyết rằng có những thực thể như vậy tồn tại) đều là những kẻ cuồng tín sai lầm. Nếu các quan niệm của chúng ta chỉ dựa vào các nền tảng lịch sử, dựa vào thẩm quyền của hàng loạt các Hiền Triết, các môn đồ phái Tân Platon và các nhà Huyền học lỗi lạc nhất từ xưa đến nay, từ Pythagoras xuống tới các nhà khoa học và các giáo sư lỗi lạc của thế kỷ hiện nay, thì nếu họ bác bỏ chư “Thần Linh” mà lại tin tưởng vào các “Chơn Linh”, thì liệu chúng ta có dám xem các nhân vật có thẩm quyền như vậy là bạc nhược và điên rồ chẳng khác nào một tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã gốc nông dân, tin tưởng và cầu nguyện Tổng Thiên Thần Michael, đã từng là vị Thánh sống của y hay chăng? Nhưng có gì khác nhau giữa đức tin của người nông dân và đức tin của những người Tây phương kế thừa các nhà Hoa Hồng Thập Tự và các nhà Luyện đan thời Trung Cổ? Liệu tất cả những người như Van Helmonts, Khunraths, Paracelsuses và Agrippas (từ Roger Bacon xuống tận St. Germain) đều là những kẻ cuồng nhiệt mù quáng, điên rồ, bịp bợm, hay liệu một số những kẻ hoài nghi hiện đại – “những kẻ lãnh đạo tư tưởng” – đều mắc chứng “nhắm mắt phủ nhận hết”? Theo chúng tôi, chắc chắn là trường hợp sau phải đúng. Thật vậy, đúng là một phép lạ, một sự kiện hoàn toàn bất thường trong lĩnh vực xác xuất và luận lý, nếu một số ít những kẻ phủ

nhận lại là những kẻ duy nhất nắm giữ chân lý, trong khi hàng triệu tập đoàn người tin tưởng vào các Thần Linh, Thiên Thần và Chon Linh – chỉ ở Âu Châu và Mỹ Châu thôi – nghĩa là các tín đồ Thiên Chúa giáo La Tinh và Hy Lạp, các nhà Minh Triết Thiên Liêng, các nhà Giáng ma, các nhà Huyền học v.v... chẳng có gì khác hơn là những kẻ cuồng tín bị lừa phỉnh, những đồng tử bị ảo giác, nạn nhân của những kẻ đại bịp bợm. Mặc dù cách thức trình bày và giáo điều có khác nhau, niềm tin vào Đại Đoàn các Đấng Thông Tuệ vô hình thuộc nhiều cấp khác nhau đều có cùng một cơ sở. Sự thật và trá ngụy trộn lẫn với nhau tất cả. Chỉ trong Nội môn Bí giáo Đông phương, chúng ta mới thấy được tầm mức, bề sâu, bề rộng và bề dài chính xác của các bí nhiệm Thiên Nhiên. Những điều này có tầm mức sâu rộng đến nỗi mà chẳng có bao nhiêu Đạo đồ cao cấp nhất – *chỉ có một ít Cao đồ biết được* 337 *sự tồn tại của các Ngài* – có thể quán triệt được chúng. Song tất cả vẫn còn đó, từng sự kiện (và tiến trình) một trong Thiên Nhiên vẫn được phép thâm nhập vào khoa học chính xác, khi có một bàn tay bí mật giúp một vài cá nhân phát hiện được các bí nhiệm của nó. Các biến cố như thế thường diễn ra vào lúc kết liễu các Chu kỳ lớn, liên quan tới sự phát triển của các giống dân. Chúng ta đang ở ngay lúc kết thúc chu kỳ 5 000 năm thuộc Chu kỳ Mạt Pháp của giống dân Ấryan hiện nay (the present Ấryan Kali Yuga). Từ lúc này cho tới năm 1897, Bức màn bí mật che phủ Thiên Nhiên sẽ bị xé toang, còn khoa học Duy vật sẽ bị một đòn chí tử.

Nếu không hoài nghi các tín ngưỡng cổ kính về bất cứ phương diện nào, chúng ta sẽ bắt buộc phải phân biệt đức tin mù quáng do thần học chế ra, với minh triết (do các cuộc khảo cứu độc lập của hàng thế hệ Cao đồ), tóm lại đó là phân biệt tín ngưỡng với minh triết. Chắc chắn là thời nào cũng có

những học giả đôn hậu chết đi với những niềm xác tín cô đọng vì đã được dạy dỗ cho những tín ngưỡng của các giáo phái. Đối với các tín đồ Tin Lành, Vườn Địa Đàng là khởi đầu của thảm kịch Nhân loại, còn bi kịch long trọng trên đỉnh Calvary mở đường cho một thời đại Hoàng Kim đã từng được mong đợi. Đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã, Quỷ Vương ở dưới đáy Càn Khôn, Đức Christ ở giữa, còn Antichrist ở đỉnh. Đối với cả hai, Đại Đoàn các Thực Thể bắt đầu và chấm dứt trong khuôn khổ hẹp hòi của các thuyết thần học của chính họ: một Thượng Đế *nhân hình* tự sinh tự tạo, một bài tán ca Thiên Giới, ca ngợi các Thiên Thần *sáng tạo*; ngoài ra, toàn là Thần Linh *giả mạo*, Quỷ Vương ma quái. Thần Triết (Theo-philosophy) theo những đường lối rộng rãi hơn. Ngay từ lúc khởi đầu của các vô lượng thời – trong không gian và thời gian thuộc cuộc Tuần Hoàn và Bầu Hành Tinh chúng ta – các đệ tử của cũng các Thánh Nhân đó (nay lại vô hình) đã ghi lại các bí nhiệm của Thiên Nhiên (dù sao đi nữa, đó cũng là các điều mà nhân loại chúng ta có quyền biết tới) nơi các hình dạng và biểu tượng hình học. Ngoài ra, các chìa khóa đã được các Đấng Minh triết chuyển cho người khác. Như thế, một vài biểu tượng đã được chuyển từ phương Đông sang phương Tây; Pythagoras, người chẳng hề phát minh ra “Tam giác trú danh” đã du nhập chúng từ phương Đông. Hình tam giác cùng với hình vuông và hình tròn là những thứ mô tả trình tự tiến hóa của Vũ trụ (về mặt tinh thần, tâm linh cũng như vật chất) một cách hùng hồn và khoa học hơn các pho sách mô tả vũ trụ khởi nguyên luận và tiết lộ “Sáng Thế Ký”. Mười điều bao hàm trong “Tam giác Pythagoras” này còn có giá trị hơn mọi thần phổ học và thiên thần học mà các nhà thần học đã từng nghĩ ra. Kẻ nào giải

thích được mười bảy điểm này (bảy điểm Toán học ẩn tàng) theo đúng hình thức và trật tự đã định – sẽ thấy trong đó có hàng loạt phổ hệ từ Con Người Thiêng Liêng bản sơ tới Con Người Thế Tục. Ngoài việc trình bày trật tự của các Thực Thể ra, chúng còn tiết lộ trình tự tiến hóa của Càn Khôn, Địa Cầu và các Hành nguyên thủy sản sinh ra Trái Đất. Vì địa cầu 338 được Thái nguyên trong lòng Sâu thăm khôn dò, vô hình vô ảnh của cùng một Bà Mẹ với các hành tinh bạn, nên kẻ nào quán triệt được các bí nhiệm của chính Trái Đất, cũng sẽ thấu đáo được bí nhiệm của mọi hành tinh khác.

Cho dù những kẻ vô minh, ngạo mạn và cuồng tín có đề xướng ra điều gì ngược lại đi chăng nữa, vẫn có thể chứng tỏ là Vũ trụ học Nội môn có liên hệ bất khả phân ly với cả triết học lẫn khoa học hiện đại. Chư Thần Linh và các Đơn Nguyên của Cổ nhân – từ Pythagoras xuống tận Leibnitz – và các Nguyên tử của các trường phái duy vật hiện này, (họ đã vay mượn chúng từ các thuyết của các nhà Nguyên tử luận Hy Lạp thời xưa) chỉ là một đơn vị phức hợp, một đơn vị có phân cấp giống như cấu tạo của con người (bắt đầu bằng sắc tướng và kết thúc bằng Tinh Thần). Trong Huyền bí học, người ta có thể nghiên cứu chúng một cách riêng rẽ, nhưng chúng ta sẽ chẳng bao giờ quán thông được chúng nếu chúng ta không xét chúng quan hệ hỗ tương với nhau trong suốt chu kỳ sống và xem chúng như là một Đơn vị Vũ Trụ trong suốt Chu kỳ Hỗn Nguyên.

La Pluche đã tỏ ra thành thật, nhưng chỉ khiến chúng ta lờ mờ hình dung được các năng lực triết học của ông, khi bày tỏ quan điểm của mình về Chơn Thần tức Điểm Toán Học. Ông cho rằng:

Chỉ cần một điểm cũng đủ làm cho mọi trường hợp trên thế giới đều bốc cháy. Nhưng con người cần gì phải biết tới điều đó, vì

sự tạo ra một thực thể bé nhỏ như vậy ở ngoài tầm tay của y? Huống chi triết học lại hành động một cách bất ngờ, từ cái điều khiến nó phải tận tâm suy gẫm, triết học lại dám tự tiện chuyển sang việc sản sinh ra thế giới.

Tuy nhiên, triết học sẽ chẳng bao giờ có được một quan niệm về một Đấng Thánh Linh đại đồng vũ trụ, tuyệt đối và hợp lý, nếu nó không dựa vào các suy lý của mình vào Điểm Toán Học bên trong Vòng Tròn. Chỉ có Huyền Điểm biểu lộ - mà các giác quan chúng ta không ghi nhận được sau khi nó đã xuất hiện một cách tiên thiên trong vô cùng khiến chúng ta không tài nào tri thức được Vòng Tròn nữa - mới có thể dung hòa được triết học và thần học (với điều kiện là thần học phải từ bỏ các giáo điều duy vật thô sơ của mình). Cũng vì thần học Thiên Chúa giáo đã đại đột bác bỏ Đơn Nguyên (Monad) và các hình dạng hình học của Pythagoras, nên nó mới chế ra vị Thượng Đế nhân hình, cái Ngôi vị quái gở khai sinh ra các giáo điều Cứu rỗi và Đày đọa. Cũng đúng là các giáo sĩ (vốn là Hội viên Tam Điểm và các Triết gia) đã độc đoán gán cho các Hiền Triết thời xưa cái ý tưởng quái gở cho rằng:

[Đối với các Ngài], Đơn Nguyên tiêu biểu cho cái ngai của Đấng Thượng Đế Toàn Năng, nó tọa lạc ở giữa Thiên đình để biểu thị “Đấng Đại Kiến Trúc Sư của Vũ Trụ”.⁽¹⁾

Đây thật là một lối thuyết minh quái gở, theo quan điểm của Hội Tam Điểm hơn là theo quan điểm chính thống của Pythagoras.

339 “Biểu hiệu thiêng liêng trong một Vòng Tròn hoặc một Tam giác đều cũng không hề có nghĩa là “minh họa cho tính đơn nhất của Bản Thể thiêng liêng”; vì điều này được minh

¹ Tam giác Pythagoras, của giáo sĩ G. Oliver, trang 36.

họa bằng mặt phẳng của Vòng Tròn vô biên. Thực ra, nó có nghĩa là Bản chất tam phân đồng đẳng của Chất liệu biến phân bản sơ, tức là sự đồng bản chất của Tinh Thần, Vật Chất và Vũ Trụ biểu lộ - “Con” của chúng – cả ba đều xuất phát từ Huyền Điểm (Point), Huyền Âm Nội Môn chân chính (the real Esoteric Logos) tức Đơn Nguyên của Pythagoras. Đối với người Hy Lạp, *Monas* có nghĩa gốc là Nhất Nguyên. Những kẻ nào không thể thấu hiểu được sự dị biệt giữa Đơn Nguyên – Đơn Vị Vũ Trụ - và các *Chơn Thần* tức là Nhất Nguyên biểu lộ, cũng như là giữa Huyền Âm hằng ẩn và Huyền Âm biểu lộ tức *Thiên Đạo*, đừng bao giờ dính dáng đến triết học, chớ đừng nói chi tới Nội môn Bí giáo. Chẳng cần nhắc nhở độc giả nào có học thức một chút cũng nhớ tới luận án của Kant để chứng minh Nguyên lý mâu thuẫn thứ nhì của nó. ⁽¹⁾ Những người nào đã đọc và hiểu nó sẽ phân biệt rõ được Vũ Trụ *lý tưởng tuyệt đối* với Càn Khôn vô hình mặc dù đã biểu lộ. Cả Nội môn Bí giáo lẫn Kant (chớ đừng nói tới Leibnitz) sẽ chẳng bao giờ thừa nhận rằng phần triển khai đó có thể được cấu thành bởi các phần tử đơn giản chưa triển khai. Nhưng các nhà thần học và các triết gia sẽ không thấu hiểu được điều này. Vòng tròn và Huyền Điểm – Huyền Điểm rút vào trong và hòa lẫn với Vòng Tròn, sau khi đã xata ra ba Điểm bản sơ và liên kết chúng với các tuyến, như thế là đã tạo ra căn bản *thực tượng* đầu tiên trong Tam giác thứ Nhì trong Thế giới Biểu lộ - giờ cũng là một chương ngại vật khiến cho thần

¹ Xem Phê bình Lý Trí Thuần Túy của Kant, bản dịch của Barni, II, 54 [Xem thêm bản dịch của J. M. D. Meiklejohn, trang 271: “Mọi hợp chất trên thế giới đều gồm có các phần tử đơn giản; không có thứ gì mà bản thân nó lại không hoặc đơn thuần, hoặc là gồm có các phần tử đơn giản”].

học không thể thăng lên tới các thiên giới theo giáo điều được. Do uy quyền của biểu tượng cổ sơ này, một Thượng Đế nam tính, nhân hình (Đấng sáng tạo ra muôn loài) biến thành một phân thân hạng ba, Sephira đứng hàng thứ tư (từ trên xuống) và ở bên trái Ain Soph trong Cây Trường Sinh của Thánh kinh Kabalah. Vì thế Đon Nguyên bị hạ xuống thành ra một Hiện thể - một “Cái Ngai” (“Throne”) !

Đon Nguyên - chỉ là một phân thân và phản ánh của Huyền Điểm (tức Huyền Âm) trong Hiện tượng giới, trở thành “Tử Phụ”, với vai trò là đỉnh của Tam giác đều biểu lộ. Cạnh trái *Lưỡng Nguyên*, hay “Tử Mẫu”, được xem như là ma quỷ, nguyên khí hóa giải. ⁽¹⁾ Cạnh phải tiêu biểu cho “Hiếu Tử”, “Chồng của Mẹ mình” trong *mọi* vũ trụ khởi nguyên luận, đồng nhất với *đỉnh*. Cạnh đáy là cạnh giới vũ trụ của Thiên Nhiên sinh hóa, hợp nhất Cha-Mẹ-Con trên hiện tượng giới, chẳng khác nào Cha-Mẹ-Con được hợp nhất ở đỉnh trong Thế giới siêu phàm.⁽²⁾ Do sự biến hóa huyền bí, chúng trở thành Tứ Nguyên (Quaternary) – Tam giác trở thành TỨ LINH DIỆU (TETRAKTYS).

¹ Plutarch, De Placitio Philosophorum.

² Trong các Giáo hội La Tinh và Hy Lạp – mà hôn lễ được xem như là một trong các phép bí tích – vị lễ sư chủ trì lễ cưới tiêu biểu cho đỉnh của Tam giác. Cô dâu tiêu biểu cho cạnh trái (âm), chú rể tiêu biểu cho cạnh phải, còn cạnh đáy được tiêu biểu bởi hàng nhân chứng, phù dâu và phụ rể. Nhưng đằng sau lễ sư là Mật Điện bao hàm những bí nhiệm và ý nghĩa biểu tượng; ngoài vị lễ sư đã thụ phong ra, không ai có thể bước vào trong đó được. Vào buổi sơ khai của Thiên Chúa giáo, hôn lễ là một bí nhiệm và là một biểu tượng thực sự. Tuy nhiên, hiện nay ngay cả các Giáo hội cũng không còn lưu truyền được chân ý nghĩa của biểu tượng kỳ này.

Việc áp dụng một cách siêu việt hình học vào thần phổ học vũ trụ - Thủy và Chung của quan niệm huyền học – đã được Aristotle rút gọn lại theo Pythagoras. Bằng cách bỏ qua Huyền Điểm và Vòng Tròn, cũng như là không kể đến cái đỉnh, ông đã làm giảm giá trị siêu hình của ý niệm này, như thế là đã giới hạn thuyết biên độ thành ra một tâm Nguyên đơn giản – *đường, mặt và khối* (the *line*, the *surface*, and the *body*). Những người thời nay thừa kế quan niệm của ông – họ cũng theo Chủ nghĩa Duy Tâm – đã giải thích ba hình dạng hình học này là Không gian, Thần lực và Vật chất – “các mãnh lực của một Nhất Nguyên tương tác”. Vốn chỉ thấy cạnh đáy của tam giác *biểu lộ* - cảnh giới Vật Chất – Khoa học duy vật đã thuyết minh nó (một cách thực tế) như là VẬT CHẤT (Cha), VẬT CHẤT (Mẹ) và VẬT CHẤT (Con) và một cách lý thuyết như là Vật Chất, Thần Lực và Sự tương hệ.

Nhưng theo nhận xét của một tín đồ Do Thái Bí giáo, đối với nhà vật lý học bình thường:

Giống như các ký hiệu đại số đối với toán học, Không gian, Thần Lực và Vật Chất chỉ là những biểu tượng quy ước. Thần Lực, Vật Chất đều hoàn toàn bất khả tri chẳng khác nào vùng không gian (mà chúng ta giả sử là trống rỗng) vốn là môi trường tương tác của chúng. ⁽¹⁾

Biểu tượng tiêu biểu cho các điều trừu tượng.

Nhà vật lý đã đưa các giả thuyết luận chứng về nguồn gốc của vạn vật vào các điều này... Ông thấy cái gọi là “sự sáng tạo” cần phải có ba điều : Một nơi để sáng tạo, một môi trường dùng để sáng tạo, một vật liệu dùng để sáng tạo. Khi diễn đạt một cách hợp lý giả thuyết này bằng các từ ngữ

¹ Các Khía Cạnh Mới của Sự Sống và Tôn giáo, của Henry Pratt, Bác sĩ Y khoa, trang 7 (1886).

“không gian, thần lực và vật chất”, y tin rằng mình đã chứng tỏ được sự tồn tại của cái được tiêu biểu bởi một trong ba thứ đó, theo quan niệm của y. ⁽¹⁾

Nhà vật lý nào xem Không gian chỉ là biểu hiện của trí chúng ta, hoặc là sự bành trướng không liên quan tới các sự vật bao hàm trong đó mà Locke xác định là không thể chuyển động, cũng không thể đề kháng; nhà Duy vật nghịch lý – xem như không gian là trống rỗng, vì y không thấy Vật Chất trong đó – sẽ bác bỏ một cách cực kỳ khinh miệt cái đề an cho rằng không gian là

Một Thực Thể có thực chất mặc dù là một sinh linh hoàn toàn bất khả tri (xét một cách biểu kiến). ⁽²⁾

Tuy nhiên, đó là giáo lý của Do Thái Bí giáo cũng như của Triết học Cổ truyền. Không gian là *chân* Thế giới, còn thế giới của chúng ta chỉ là giả tạo. Đó là Nhất Nguyên suốt vô cùng tận, trong lòng sâu thăm thẳm cũng như trên bề mặt của hão huyền, một bề mặt có rải rác hằng hà sa số hiện tượng,

341 Vũ Trụ, các Hệ thống và các Thế giới ảo ảnh. Tuy vậy, đối với nhà Huyền bí học Đông phương, xét cho cùng vốn theo Chủ nghĩa Duy Tâm khách quan, trong *chân* Thế giới (vốn là một Đơn Nhất Thần Lực), có “một sự liên kết mọi Vật Chất trong Thái Cực” (Leibnitz đã bảo như vậy). Điều này được tiêu biểu trong Tam giác Pythagoras.

Nó gồm có Mười Điểm nội tiếp giống như hình Kim tự tháp (từ một tới bốn) trong ba cạnh; nó tiêu biểu cho Vũ Trụ trong Lưỡng Nguyên Pythagoras trứ danh. Điểm đơn độc ở trên là một Đơn Nguyên và tiêu biểu cho một Điểm Đơn Vị (đó là Nhất Nguyên sản sinh ra vạn vật). Vạn hữu đều có

¹ Như trên, trang 7 – 8.

² Như trên, trang 9.

cùng bản thể với nó. Trong khi mười điểm trong Tam giác đều tượng trưng cho hiện tượng giới, thì ba cạnh bao hàm Kim tự tháp (gồm các điểm) lại là các hàng rào ngăn cách *thực-tượng*-chất với thể giới Tư Tưởng.

Pythagoras xem một điểm như là tương ứng tỷ lệ với đơn vị, một đường với 2; một mặt với 3 và một khối với 4. Ông định nghĩa một điểm là một đơn nguyên có vị trí là khởi thủy của vạn vật. Một đường được xem như là tương ứng với Luồng Nguyên, vì nó được tạo ra do chuyển động bản sơ của bản chất vô hình và nối liền hai điểm, Một mặt được so sánh với số ba, vì nó tạo ra trước nhất những gì mà chúng ta thấy trong các con số. Vòng tròn, vốn là một hình tròn chính yếu, gồm có một bộ ba: tâm, không gian và chu vi. Nhưng một tam giác – vốn là hình tuyến tính đầu tiên – được bao hàm trong một bộ ba và có hình dạng biến thiên theo con số đó. Nó bị các môn đồ phái Pythagoras xem như là cha đẻ của mọi sự vật hạ nguyệt tinh (sublunary things). Bốn điểm ở đáy của tam giác Pythagoras, tương ứng với một hình khối hoặc hình lập phương, nó phối hợp các yếu tố bề dài, bề rộng, bề dày, vì không có khối nào có ít hơn bốn điểm cực biên. ⁽¹⁾

Người ta luận chứng rằng “trí người không thể quan niệm được một đơn vị bất khả phân mà không làm tiêu tan mất ý niệm này và chủ thể của nó”. Các môn đồ phái Pythagoras cũng như một số các nhà Thần nhãn trước họ, đã chứng tỏ rằng đó là một sai lầm, mặc dù cần phải được huấn luyện chuyên môn mới quan niệm được nó và trí phàm khó lòng lĩnh hội được nó. Nhưng có những điều như “*siêu toán học*” (“*meta-mathematics*”) và “*Hình học siêu việt*” (“*Meta-geometry*”). Ngay cả toán học đơn thuần cũng đi từ phổ quát

¹ Tam giác Pythagoras, của Giáo sĩ G. Oliver, trang 18 – 19.

đến đặc thù, từ điểm toán học bất khả phân đến các hình khối. Giáo lý này phát nguyên từ Ấn Độ và được Pythagoras giảng dạy ở Âu Châu. Khi trình bày về Vòng Tròn và Huyền Điểm – mà không người nào có thể xác định được khác hơn là các điều trừu tượng không thể hiểu nổi – một cách bí hiểm, Pythagoras đã cho là Vật Chất vũ trụ đã biến phân bắt nguồn từ đáy của Tam giác. Vì thế, Tam giác mới biến thành dạng hình học sơ khai nhất. Khi bàn về các bí pháp Do Thái Bí giáo, tác giả của Các Khía Cạnh Mới của Sự Sống đã phản đối việc khách quan hóa (tạm gọi như vậy) quan niệm của Pythagoras và việc sử dụng tam giác đều; ông bảo rằng đó là “một tên gọi sai lầm” (“misnomer”).⁽¹⁾ Ông biện luận rằng:

Đáy của một khối đều cũng như là một trong các cạnh của nó hợp thành các tam giác bằng nhau, phải có bốn cạnh hay bốn mặt đồng đẳng; trong khi đó, một mặt phẳng tam giác ắt phải có năm cạnh.⁽²⁾

342 - ngược lại, luận chứng ấy đã minh xác tầm vóc vĩ đại của quan niệm này khi nó được áp dụng một cách Nội môn vào ý niệm về thời kỳ *tiền sinh* và sinh thành của Vũ Trụ. Dĩ nhiên là một Tam giác lý tưởng, được mô tả bởi các đường toán học tưởng tượng,

Có thể chẳng có cạnh nào hết và chỉ là một bóng ma của trí người. Nếu người ta gán cho chúng các cạnh, đó ắt phải là các cạnh của vật thể mà nó tiêu biểu cho về mặt cấu trúc.⁽³⁾

Nhưng trong trường hợp như thế, hầu hết các giả thuyết khoa học đều chẳng có gì khác hơn là các “bóng ma trí người”; chúng không thể kiểm chứng được (trừ phi chúng ta

¹ Trang 387.

² Trang 387.

³ Trang 387.

dùng phép suy diễn) và đã chỉ được chọn dùng để đáp ứng các nhu cầu của khoa học. Hơn nữa, Tam giác lý tưởng – “với vai trò ý niệm trừu tượng về một vật thể về vật thể tam giác, do đó là kiểu mẫu của một ý niệm trừu tượng” – đã hoàn thành và hoàn thiện biểu tượng ký lưỡng phân được dự định. Khi giữ vai trò biểu hiệu có thể được áp dụng cho lý tưởng ngoại cảnh, tam giác đơn giản biến thành một khối. Khi được lặp lại đối diện với bốn phương chính, nó sẽ biến khối đó thành hình Kim tự tháp (biểu tượng của thế giới hiện tượng hòa lẫn vào trong thế giới tư tưởng thực tượng ở đỉnh của bốn tam giác. Khi giữ vai trò “một hình tượng tượng gồm có ba đường toán học, nó tiêu biểu cho các nội giới – các đường này bao hàm một không gian toán học – vốn tương đồng với hư không”. Sở dĩ có điều này vì đối với các giác quan và tri thức lão luyện của kẻ phạm tục và nhà khoa học, mọi vật vượt ngoài lĩnh vực Vật Chất đã biến phân – nghĩa là bên ngoài lĩnh vực của ngay cả chất liệu có tính cách tinh thần nhất – phải vẫn còn tương đồng với hư không mãi mãi. Đó là Ain Soph, Thái Hư (No THING).

Nhưng thật ra, các “bóng ma của trí người” này đâu có phải là các điều trừu tượng lớn lao hơn các ý niệm trừu tượng xét chung về phần sự tiến hóa và phát triển vật chất – chẳng hạn như Trọng Lực, Vật Chất, Thần Lực v.v... mà khoa học chính xác dựa vào. Các nhà hóa học và các nhà vật lý học lỗi lạc nhất của chúng ta đang nhiệt thành theo đuổi toan tính đầy triển vọng là rốt cuộc sẽ truy nguyên được tung tích của Nguyên hình chất tức cạnh đáy của tam giác Pythagoras. Như chúng tôi đã nói, tam giác Pythagoras là quan niệm cao

cả nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng được, vì nó tiêu biểu cho cả vũ trụ lý tưởng lẫn vũ trụ hữu hình. ⁽¹⁾ Ấy là vì

Nếu đơn vị khả hữu chỉ là một khả năng với bản chất thực tại chẳng khác nào một cá nhân nào đó, thì mọi sự vật cá biệt trong thiên nhiên đều có thể phân ly được; khi phân ly, chúng không còn đơn nhất nữa, tức không còn là một đơn vị nữa. ⁽²⁾

Điều này chỉ đúng trong lĩnh vực khoa học chính xác trong một thế giới hão huyền. Trong lĩnh vực Nội môn Bí giáo, Đơn vị phân ly *vô tận*; mỗi khi phân ly, thay vì mất tính đơn nhất của mình, nó lại tiến gần tới các cảnh giới của THỰC

343 TẠI vĩnh cửu duy nhất. Nhà Thần Nhân có thể theo dõi và chứng kiến nó đạt đến tột đỉnh vinh quang vào những thời kỳ tiền sinh. Chúng ta thấy trong phần tinh hoa của các Giáo lý của Pythagoras và Plato – chỉ dành riêng cho các môn sinh ưu tú, có ý niệm về việc Nội giới có thực, còn Ngoại giới chỉ là hư ảo. Đề cập tới Đơn Nguyên và Lưỡng Nguyên, Porphury cho rằng chỉ có Đơn Nguyên mới được xem như có thực, là “Hiện tồn đơn thuần nhất, nguyên nhân của mọi nhất nguyên, kích thước của vạn vật”.

Nhưng mặc dù là nguồn gốc của Điều Ác tức Vật Chất – vì thế, có tính cách *hư ảo* trong triết học – Lưỡng Nguyên vẫn còn là Bản chất trong chu kỳ Khai Nguyên và thường được gọi là Đơn Nguyên *thứ Ba* trong Huyền bí học. Đó là đường nối liền hai điểm hay hai số xuất phát từ CÁI ĐÓ, “Vốn có trước mọi Số” (theo lời nói của giáo sĩ Do Thái Barahiel). Từ Lưỡng Nguyên này xạ ra mọi *Tia* của ba Cảnh Giới Cao và

¹ Trong Sắc giới, biểu tượng ký, biểu hiệu thành các Kim tự tháp, có cả tam giác lẫn hình vuông, bốn mặt hay tam giác đồng đẳng, bốn điểm cơ bản, còn điểm thứ năm là đỉnh.

² Trang 385 – 386.

bốn Cảnh Giới Thấp, chúng luôn luôn tương tác và tương ứng với nhau. Đây là một giáo lý chung của cả Thánh kinh Kabbalah lẫn Huyền bí học Đông phương. Trong Huyền bí học có “Nguyên Nhân ĐỘC TÔN” và “Nguyên Nhân Bản Sơ”; nghịch lý thay, Nguyên Nhân Bản Sơ lại trở thành Nguyên nhân thứ Nhì. Tác giả của Thánh kinh Qabbalah, theo các Tác phẩm Triết học của Ibn Gebirol, đã trình bày điều này rõ ràng như sau :

Khi bàn về Nguyên Nhân Bản Sơ (the Primal Cause), chúng ta phải xét tới hai điều: bản chất Nguyên Nhân Bản Sơ và quan hệ của nó đối với thế giới vô hình. ⁽¹⁾

Như thế, ông đã chứng tỏ rằng những người Hebrew cổ sơ cũng như những người Ả Rập sau này đều nổi gót triết học Đông phương (chẳng hạn như triết học Chaldea, Ba Tư, Ấn Độ v.v...). Thoạt tiên, Nguyên Nhân Bản Sơ của họ được chỉ định :

Bởi Shaddai tam phân, Đấng Toàn Năng [tam phân], sau đó là bởi Tứ Linh Tự YHVH, biểu tượng của Quá khứ, Hiện tại và Tương lai. ⁽²⁾

Ngoài ra, xin kể thêm Hiện Tồn Vĩnh Cửu tức “TA LÀ” (“I AM”). Hơn nữa, trong Thánh kinh Kabbalah, danh xưng YHVH (tức Jehovah) biểu thị một Nam Tử (He) và một Nữ Nhi (She), cả hai nhập một tức Chokmah và Binah, cũng như Shekinah của y) đúng hơn là của họ) tức Tinh Thần tổng hợp (tức Thiên Ân – Grace), nó lại biến Luồng Nguyên thành Tam Nguyên. Điều này được biểu lộ trong Nghi lễ Do Thái giáo về Ngũ tuần tiết và lời cầu nguyện :

“Nhân danh Nhất Nguyên, Hũ (Nam giới) Thiêng Liêng và She’keenah của Ngài (Hũ ẩn tàng), xin ban ân cho YHVH [Tứ

¹ Sách đã dẫn của Isaac Myer, trang 174.

² Trang 175.

Nguyên – the Quaternary] mãi mãi”. Nghe nói Hũ là hùng, còn Yah là thư, chúng cùng nhau hợp thành YHVH duy nhất. Nó duy nhất, nhưng lại có bản chất thư hùng. Trong Thánh kinh Qabbalah, She’keenath luôn luôn được xem như là thư. ⁽¹⁾

Trong các kinh Purānas ngoại môn, nó cũng được xem như vậy vì trong trường hợp đó, Shekinah chẳng có gì khác hơn là *Huyền Nữ (Shakti)* – đối với nữ giới của bất kỳ Thần Linh nào – Đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo buổi sơ khai cũng vậy, Thánh Thần của họ là nữ giới, chẳng khác nào Sophia đối với tín đồ phái Ngộ Đạo. Nhưng trong Thánh 344 kinh Kabbalah siêu việt của dân Chaldea tức *Số Mục Thánh Thư*, Shekinah lại là phi giới tính và là sự hườn hư thuần túy nhất, một trạng thái giống như Niết Bàn, phi tâm, phi cảnh, chẳng có gì khác hơn là một BẢN LAI DIỆN MỤC tuyệt đối (an absolute PRESENCE).

Như vậy, chỉ trong các triết hệ nhân hình hóa – chẳng hạn như phần lớn Thánh kinh Kabbalah hiện nay - thì Shekinah-Shakti mới là nữ giới. Thế là năng biến thành *Lưỡng Nguyên* của Pythagoras, hai đường thẳng không thể tạo thành một dạng hình học nào và là biểu tượng Vật Chất. Elohim tức Đấng Thánh Linh trong Vũ Trụ, xuất lộ từ Lưỡng Nguyên này khi nó kết hợp với cạnh đáy của Tam giác trên hạ giới (tam giác thượng của Cây Sephiroth), đối với tín đồ Do Thái Bí giáo chân chính, Elohim là tước vị thấp nhất mà trong Thánh kinh dịch là “Thần Linh”. ⁽²⁾ Các Đấng Elohim xạ ra các *Tia (Scintillas)*.

¹ Trang 175.

² “Tước vị thấp nhất, tức Đấng Thánh Linh trong Thiên Nhiên, thuật ngữ tổng quát hơn Elohim, được dịch là “Thần Linh” (trang 175). Các tác phẩm cận đại như Qabbalah của Isaac Myer và ông S.

Theo giáo huấn của chúng tôi, các *Tia* này là các Linh Hồn, các Linh Hồn ấy xuất hiện nơi dạng tam phân Chơn Thần (Đơn vị); Nguyên tử và Thần Linh. *Giáo lý vấn đáp Nội môn* dạy:

Mỗi Nguyên tử biến thành một đơn vị phức hợp hữu hình [một phân tử]; một khi bị thu hút vào trong phạm vi hoạt động trần thế, Tinh Chất Chơn Thần chuyển sang các giới khoáng vật, thực vật, động vật, rồi biến thành người.

Lại nữa:

Thánh Linh, Chơn Thần và Nguyên tử tương ứng với Tinh Thần, Trí Tuệ và Sắc Tướng [Ātmā, Manas, Sthūla Sharīra] nơi con người.

Khi được kết tập thành bảy phần, chúng chính là “Con Người Thiêng Liêng” (“Heavenly Man”) theo nghĩa trong Thánh kinh Kabalah; như thế, con người thế tục chỉ là phản ánh nhất thời của Con Người Thiêng Liêng. Lại nữa:

Chơn Thần [Nguyên sinh khí] là Linh Hồn của các Nguyên tử, cả hai đều là lớp vỏ mà các Đấng Thiêng Định Đế Quân [chư Thiên] khoác lấy khi các Ngài cần có một hình hài sắc tướng.

Điều này liên quan tới các Chơn Thần vũ trụ và phân hành tinh, chứ không liên quan tới *Monas* siêu vũ trụ, Đơn

L. Mac Gregor Mathers đã hoàn toàn biện minh cho thái độ của chúng tôi đối với Đấng Thánh Linh duy Jehovah này. Chúng tôi không chống đối việc trừu tượng hóa một cách siêu việt, triết học và cực kỳ siêu hình, tư tưởng nguyên thủy của Do Thái Bí giáo – Ain Soph-Shekinah-Adam-Kadmon và mọi hệ quả - song chúng tôi phản đối việc cô đọng các thứ này thành ra Jehovah nhân hình, ghê tởm và không có ý nghĩa triết học, vị thần linh hữu hạn và bán thư bán hùng, dám khoe là mình thật là toàn tri, toàn năng và vĩnh cửu. Chúng tôi không hề đấu tranh chống lại Thực Tại LÝ TUỞNG, mà chỉ chống lại Bóng ma góm ghiếc của thần học.

Nguyên của Pythagoras (xét một cách tổng hợp, theo lối nói của các môn đồ Phiếm Thần phái Tiêu Dao). Các Chơn Thần mà chúng ta đang xét, được bàn tới theo quan điểm Chơn Ngã, như là các *Linh Hồn* của *Nguyên tử*, trước khi các Nguyên tử này giáng nhập vào hình hài thế tục thuần túy. Ấy là vì sự giáng nhập vào vật chất *cụ thể* này đánh dấu điểm trung gian của cuộc hành trình cá biệt của chúng. Khi mất hết cá tính trong giới khoáng vật, chúng bắt đầu thăng lên qua bảy giai đoạn tiến hóa trên trần thế tới mức mà đã dứt khoát có được một sự tương ứng giữa tâm thức nhân loại và thần thức chư Thiên (thiên giới). Tuy nhiên, hiện nay chúng ta không quan tâm tới các sự biến hình và khổ não trần thế của chúng, mà lại quan tâm tới cuộc sống và tác động của chúng trong Không gian, trên những cảnh giới mà các nhà hóa học và các nhà vật lý học có trực giác nhất cũng không thể tri giác được – thật vậy, trừ phi y phát triển nơi mình các năng khiếu thần thông cao cấp.

Người ta đã biết rõ rằng Leibnitz đã nhiều lần tiến tới gần chân lý, nhưng ông đã định nghĩa được cuộc Tiến hóa của Đơn Nguyên một cách sai lầm. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì ông không phải là một Điểm đạo đồ, thậm chí, cũng chẳng phải là một nhà huyền hoặc, mà chỉ là một triết gia có nhiều trực giác. Thế nhưng, chưa có nhà vật lý - sinh lý nào đã từng lĩnh hội được khái niệm về sự tiến hóa của Nội môn nhiều hơn ông. Như thế, chúng ta có thể trần thuật cuộc tiến hóa này – xét nó theo nhiều quan điểm, tức là, với vai trò Đơn Nguyên *đại đồng Vũ Trụ* và cá biệt và các trạng thái chính của Năng lượng Tiến hóa sau khi đã biến phân, Năng lượng thuần túy Tinh Thần, Năng lượng Trí Thức, Năng lượng Tâm Linh và Năng lượng Vật Chất – như

một luật bất di bất dịch : Tinh thần giáng nhập vào Vật Chất, tương đương với việc vật chất tiến hóa thăng lên; từ vực thẳm vật chất, nó lại thăng lên tới nguyên trạng, tương ứng với việc làm tiêu tan hình hài cụ thể và chất liệu trở lại trạng thái TRUNG HÒA, tức cái mà khoa học gọi là “điểm zero” và hơn nữa.

Một khi mà chúng ta đã lĩnh hội được tinh thần của Nội môn Bí giáo, và chỉ xét theo luận lý và phép loại suy thôi, thì các trạng thái này trở thành tuyệt đối cần thiết. Nay nhờ vào bộ môn hóa học, vật lý học đã biết chắc được định luật bất di bất dịch của sự tiến hóa của các Nguyên tử này – từ trạng thái “nguyên hình chất” xuống tới trạng thái một cấu tử vật lý, rồi một cấu tử hóa học tức phân tử - nên nó không thể không xem các trạng thái này như là một luật tổng quát. Một khi các địch thủ của nó – siêu hình học và tâm lý học ⁽¹⁾ – đã đánh bật nó ra khỏi pháo đài kiên cố, thì nó sẽ thấy rằng nay khó lòng mà không thể nhường chỗ cho các Chơn Linh Hành Tinh (chư Thiên), các Hành khí, thậm chí cả các Âm Ma (the *Elementary Spooks*) và các thứ khác nữa. Figuiet và Paul D’Assier (hai người theo chủ nghĩa Thực nghiệm và chủ nghĩa Duy vật) đã phải uốn mình theo nhu cầu luận lý này. Các nhà khoa học khác còn lồi lạc hơn nữa cũng sẽ bị “Sa đọa” (“Fall”) về mặt trí thức như thế. Họ sẽ bị hất văng ra khỏi địa vị của mình chẳng phải vì các Hiện tượng tinh thần,

¹ Xin độc giả đừng xuất phát từ thuật ngữ “Tâm lý học” mà liên tưởng tới cái gọi là các “nhà Tâm lý học” hiện đại. *Chủ nghĩa Duy Tâm* của họ thực chất chỉ là Chủ nghĩa Duy vật cố chấp, còn cái gọi là Nhất nguyên luận của họ (monism) chẳng có gì khác hơn là một mặt nạ để che giấu sự trống rỗng của tri thức trong khung cảnh tịch diệt tối hậu. Ở đây, có ý muốn nói tới Tâm lý học *Tinh Thần*.

Minh Triết Thiêng Liêng hay bất kỳ hiện tượng hồng trần hay trí tuệ nào khác, mà chỉ vì các khoảng trống hàng ngày mở ra trước mắt họ, và sẽ còn như vậy mãi, do việc người ta khám phá được hết điều này đến điều kia, cho đến khi rốt cuộc, họ bị “hồng chân” bởi làn sóng thứ chín của lương tri đơn thuần.

346 Chúng ta có thể nêu ra ví dụ về khám phá mới nhất của Giáo sư W. Crookes về cái gọi là Nguyên hình chất. Trong Giảng lý Chí Tôn Ca của một trong các nhà siêu hình học và học giả phái Vedanta lỗi lạc nhất ở Ấn Độ, khi đề cập tới các “điều Huyền bí” trong tác phẩm nội môn vĩ đại đó của Ấn Độ, diễn giả đã đưa ra một nhận xét vừa gợi ý, vừa thật là chính xác. Ông cho rằng :

Tôi không cần đi vào chi tiết cuộc tiến hóa của chính thái dương hệ. Bạn có thể có được một ý niệm nào đó về cách thức mà nhiều nguyên tố khác nhau xuất lộ từ ba nguyên khí do Hỗn nguyên khí [Tam giác Pythagoras] biến phân ra, bằng cách nghiên cứu bài diễn văn mà Giáo sư Crookes đã trình bày cách đây ít lâu, bàn về cái gọi là các nguyên tố của hóa học hiện đại. Bài diễn văn này sẽ khiến cho bạn phần nào ý niệm được cách thức mà cái gọi là các nguyên tố này phát sinh từ Vishvānara, ⁽¹⁾ nguyên khí có tính cách ngoại cảnh nhất (trong số ba nguyên khí) nó hình như là thể chỗ cho nguyên hình chất mà bài diễn văn đó đã đề cập tới. Ngoại trừ một ít trường hợp đặc biệt, bài diễn văn này hình như là phác họa một vài nét về thuyết tiến hóa vật chất trên cảnh giới Vishvānara. Theo chỗ tôi biết, đó là bước tiến gần tới thuyết huyền

¹ “Vishvānara không những là ngoại giới biểu lộ mà còn là cơ sở vật chất duy nhất [đường nằm ngang của tam giác] khai sinh ra toàn thể ngoại giới”. Đó là *Lưỡng Nguyên Vũ Trụ*, Chất liệu bán thư bán hùng. Chỉ có vượt ngoài nó mới là Nguyên hình chất thật sự.

linh chân chính nhất mà các nhà nghiên cứu hiện đại đã thực hiện được về vấn đề này. ⁽¹⁾

Mọi nhà Huyền bí học Đông phương sẽ cổ vũ và tán thành lập luận trên? Trong Tiết 11 có trích dẫn nhiều đoạn trong bài diễn văn của Giáo sư Crookes. Ông cũng đã đọc một bài diễn văn thứ nhì, nó cũng tuyệt vời không kém bài diễn văn đầu bàn về “Sự Khởi nguyên của các Nguyên tố”; ⁽²⁾ ngoài ra, còn có bài diễn văn thứ ba nữa. Ở đây, chúng ta lại được bổ chứng về các giáo lý của Nội môn Bí giáo liên quan tới cách thức tiến hóa bản sơ. Thật vậy, càng là một bước tiến gần tới Giáo Lý Bí Nhiệm của một đại học giả và một chuyên gia về hóa học ³ bao nhiêu, thì nó lại càng xa rời bấy nhiêu với việc thích ứng các Chơn Thần và Nguyên tử với các giáo điều của siêu hình học thuần túy siêu việt, cũng như mối liên quan và tương hệ của chúng với “chư Thiên và các Chơn Thần hữu thức, thông tuệ”. Nhưng nhờ có một trong các đại diện cao cấp nhất của Âu Châu, hóa học nay đang thăng tiến. Nó không thể lùi lại thời kỳ mà Chủ nghĩa Duy vật xem các nguyên tố như là các đơn chất hoàn toàn thuần trạng, mà vì vô minh, nó đã nâng lên hàng ngũ các Nguyên tố. Một bàn tay quá khéo léo đã mau chóng lột được chiếc mặt nạ, e rằng

¹ T. Subba Row. Xem Nhà Minh Triết Thiêng Liêng, số tháng 2 – 1887, trang 308.

² Do Giáo sư W. Crookes (Hội viên Hội Hoàng Gia, V. P. C. S.) đọc tại Học viện Hoàng Gia, Luân Đôn, ngày 18 – 2 – 1887.

³ Nó chỉ được chứng minh trọn vẹn biết bao khi việc Giáo sư Crookes khám phá ra chất phát quang đã minh giải thêm nữa về nguồn gốc thực sự của ánh sáng và đã cách mạng hóa mọi điều suy lý hiện nay. Việc ngày càng quen thuộc hơn với hiện tượng *Bắc cực quang* (*aurora borealis*) có thể giúp chúng ta nhận thức được chân lý này.

nó lại nguy trạng thêm nữa. Sau nhiều năm nguy tạo ra các phân tử nghênh ngang với danh xưng là các Nguyên tố (mà
 347 đẳng sau và bên ngoài nó chẳng có gì khác hơn là hư không), một Giáo sư hóa học lỗi lạc phải hỏi lại một lần nữa :

Các nguyên tố này là gì? Chúng có nghĩa gốc từ đâu? Chúng có ý nghĩa gì? Các nguyên tố này làm cho chúng ta phải đau đầu khi khảo cứu chúng, chới với khi suy lý về chúng, và chúng thường xuyên ám ảnh chúng ta trong các giấc mơ. Chúng trải rộng ra như một biển cả bất khả tri trước mắt chúng ta – ngạo mạn, bí ẩn và thì thào những điều tiết lộ và khả năng kỳ diệu. ⁽¹⁾

Những người được kế thừa những điều thiên khai bản sơ xưa nay đều có dạy về các khả năng này, nhưng chẳng một ai chịu nghe theo họ. Các chân lý được cảm ứng cho Kepler, Leibnitz, Gassendi, Swedenborg v.v... bao giờ cũng bị hỗn hợp với các suy lý của riêng họ theo một chiều hướng đã định nào đó; vì thế chúng đều bị xuyên tạc. Nhưng nay, một trong các đại chân lý đã bùng lên với một Giáo sư xuất chúng về khoa học chính xác hiện đại. Ông đã dũng cảm tuyên bố một công lý cơ bản cho rằng, đến nay khoa học vẫn chưa quen thuộc với các nguyên tố đơn thực sự. Giáo sư Crookes đã trình bày với thánh giá như sau :

Nếu tôi dám tuyên bố rằng các nguyên tố mà chúng ta thường chấp nhận, không phải là các yếu tố đơn thuần, bản sơ; chúng đã không được sản sinh ra một cách tình cờ, máy móc, mà đã tiến hóa từ các vật chất đơn thuần – hay thật ra, có lẽ là từ một loại vật chất duy nhất – bất quá tôi chỉ chính thức phát biểu lý tưởng đã từng hỗn độn trong khoa học, tạm gọi như vậy. Các nhà hóa học, các nhà vật lý học, các triết gia tài ba nhất đã công khai tuyên bố họ tin rằng bảy chục (hoặc khoảng chừng đó) nguyên tố trong các sách giáo khoa của chúng ta chẳng phải là những cây cột

¹ Sự khởi nguyên của các Nguyên tố, trang 1.

của Hercules mà chúng ta ắt không bao giờ hy vọng vượt qua được ... Các triết gia trong hiện tại cũng như trong quá khứ - những người chắc chắn là không làm việc trong phòng thí nghiệm - đã đi đến cùng một quan điểm như vậy theo một phương diện khác. Vì thế mà ông Herbert Spencer đã tin chắc rằng: “Các nguyên tử hóa học được tạo ra từ những nguyên tử vật lý (tức nguyên tử chân chính) bằng các diễn trình tiến hóa trong những tình huống mà hóa học chưa thể tạo ra được” ... Thế rồi, thi sĩ còn đoán trước triết gia nữa. Trong Thiên Đàng Đã Mất, Quyển V. Milton đã để cho Tổng Thiên Thần Raphael bảo bản năng Adam cùng với ý niệm về sự tiến hóa rằng Đấng Chí Tôn toàn năng đã tạo ra

...”Một vật chất bản sơ,
Được phú cho nhiều dạng,
Nhiều mức độ chất liệu khác nhau...”

Tuy nhiên, ý niệm này ắt vẫn còn cô đọng “trong lĩnh vực khoa học” và có lẽ không thâm nhập vào phạm vi Chủ Nghĩa Duy vật và thế nhân phạm tục trong những năm sắp tới, nếu Giáo sư Crookes không dũng cảm rút gọn nó thành ra các cấu tử đơn giản, và như thế là công khai bắt khoa học phải chú ý tới nó. Plutarcth dạy rằng :

Một ý niệm là một thực thể phi vật thể, chính nó không tồn tại, song nó lại ban cấp hình hài cho vật chất vô hình, vô ảnh và trở thành nguyên nhân của sự biểu lộ. ⁽¹⁾

Cuộc cách mạng mà Avogadro đã tạo ra trong Cựu Hóa học, chính là bước đầu của “Tân Hóa học”. Nay Giáo sư Crookes đã tiến bước thứ nhì và đang táo bạo nêu rõ bước cuối cùng *có thể là gì*. Ấy là vì một khi người ta đã chấp nhận và thừa nhận Nguyên hình chất – *cũng như Ether vô hình*, cả hai đều cần thiết cho luận lý và khoa học – thì hóa học sẽ hầu như là không còn tồn tại nữa: nó sẽ tái sinh với tư cách là KHOA

¹ De Placitio Philosophorum.

LUYỆN KIM ĐAN MỚI tức *siêu hóa học*. Chẳng sớm thì muộn, người khám phá ra chất phát quang sẽ biến hộ cho các công tác của dân Ấryan cổ sơ liên quan tới Huyền bí học, thậm chí cả kinh Veda và kinh Purānas nữa. Ấy là vì biểu lộ của “Mẹ”, “Cha-Con-Chồng” (Tiên Thiên Huyền Nữ (Aditi) và Daksha, một dạng thức của Brahmā, trên cương vị Đấng Sáng Tạo) và “Con” – ba “Đấng Bản Lai” (the three “First-born”) – chẳng qua chỉ là *hydrogen*, *oxygen* và cái có biểu lộ trên trần thế là *Nitrogen*. Ngay cả sự mô tả ngoại môn Tam Nguyên “Bản Lai” này cũng trình bày mọi đặc tính của ba *chất khí* này. Priestley đã khám phá ra Oxygen, tức điều đã biết tới từ xưa !

Thế nhưng, các tác phẩm ngoại môn của Ấn Độ đã tiên liệu được mọi giáo huấn của các thi sĩ và các triết gia cổ sơ, trung cổ và hiện đại. Các Xoáy Ngũ Hành mà Toàn Linh trí đã phát khởi – Thái Cực gồm Vật Chất đã biến phân thành các cấu tử của Descartes; *lưu chất Ether* của Leibnitz và *lưu chất bản sơ* của Kant tan hòa thành các nguyên tố; xoáy mặt trời và các xoáy thái dương hệ của Kepler; tóm lại, qua Anaxagoras, xuống tận Galileo, Torricelli và Swedenborg; sau đó, tới các suy lý mới nhất của các nhà huyền học Âu Châu – tất cả các thứ trên đều được bao hàm trong các bài Thánh ca hay Thần chú của Ấn Độ đề cập tới tập thể “chư Thần Linh, Chơn Thần và Nguyên tử”, vì tất cả đều bất khả phân ly. Chúng ta thấy các quan niệm siêu việt nhất về Vũ Trụ và các bí nhiệm của nó, cũng như là các suy lý hình như là duy vật nhất, đều được dung hòa trong các giáo lý nội môn, vì các giáo lý này bao hàm toàn thể phạm vi tiến hóa từ Tinh Thần tới Vật Chất. Một nhà Minh Triết Thiêng Liêng Mỹ tuyên bố:

Các đơn nguyên (monads)[của Leibnitz] có thể được gọi là *thần lực*, theo một quan điểm nào đó, hoặc là *vật chất*, theo một

quan điểm khác. Đối với Huyền bí học, *thần lực* và *vật chất* chỉ là hai phương diện của cùng một bản chất. ⁽¹⁾

Xin đọc giả nhớ dùm các “Đơn Nguyên” này của Leibnitz, mỗi Đơn Nguyên là một gương sống động của Vũ Trụ, mỗi Đơn Nguyên đều phản ánh mọi Đơn Nguyên khác, đồng thời so sánh quan điểm và định nghĩa này với một vài đoạn kinh Bắc phạt được William Jones dịch thuật. Trong các đoạn kinh đó có nói rằng cội nguồn sáng tạo của Thiên trí (Divine Mind)

Ẩn tàng trong một bức màn âm u dày đặc, tạo ra các chiếc gương nguyên tử trên thế giới, và phản ánh chính gương mặt của mình lên mỗi nguyên tử.

Do đó, khi Giáo sư Crookes tuyên bố rằng:

Nếu chúng ta có thể xác minh được làm thế nào mà cái gọi là các nguyên tố hóa học đã được sản sinh ra, thì chúng ta sẽ có thể lấp đầy được một khoảng trống lớn lao trong tầm hiểu biết của chúng ta về vũ trụ.

Câu giải đáp đã sẵn sàng. Kiến thức lý thuyết được bao hàm trong ý nghĩa Nội môn của mọi vũ trụ khởi nguyên luận của Hindu trong kinh Purānas. Việc chứng minh được nó một cách thực tế ở trong tầm tay của những kẻ sẽ chẳng được 349 ai thừa nhận trong thế kỷ này (ngoại trừ một số rất ít người). Đến nay, việc khoa học có khả năng khám phá ra nhiều điều khác nhau, nhất định là sẽ khiến cho khoa học chính xác phải chấp nhận các quan điểm của Huyền bí học, chúng bao hàm mọi tư liệu cần thiết để lấp đầy các “lỗ trống” này, cho đến nay lại bị phó mặc cho Chủ Nghĩa Duy Vật hiện đại. Chỉ bằng cách hoạt động theo chiều hướng của Giáo sư Crookes, người ta mới có ít nhiều hy vọng nhìn nhận một ít chân lý mà đến nay vẫn còn có tính cách Huyền bí.

¹ Tạp chí Thánh Đạo, tháng 1 – 1887, trang 297.

Trong khi đó, bất cứ người nào khao khát muốn có khái quát một đồ thị thực tiễn về sự tiến hóa của Vật Chất nguyên thủy – khi phân ly và biến phân theo sự thúc đẩy của định luật tuần hoàn. Vật Chất này phân thành bảy cấp CHẤT LIỆU, xét chung – chẳng có tính cách nào khác hơn là xem xét các minh họa kèm theo bài diễn văn của Giáo sư Crookes, Sự khởi thủy của các Nguyên tố và suy gẫm kỹ lưỡng về một vài đoạn trong bản văn. Có chỗ ông đã dạy rằng :

Các quan niệm của chúng ta về một nguyên tố hóa học đã phát triển. Cho đến nay, phân tử đã bị coi như là một tập hợp gồm hai nguyên tử hay nhiều hơn nữa; người ta cũng không đếm xỉa gì đến kiểu mẫu kiến trúc mà các nguyên tử này đã tham gia vào. Chúng ta có thể xét thấy rằng cấu trúc của một nguyên tố hóa học thật là phức tạp hơn mức mà người ta đã giả sử cho đến nay. Giữa các phân tử mà chúng ta quen bàn đến trong các phản ứng hóa học và các cực vi tử được tạo ra trước tiên, còn có các phân tử nhỏ hơn; tức tập hợp các nguyên tử vật chất; các phân tử nhỏ này khác nhau tùy theo vị trí mà chúng chiếm được trong cấu trúc của yttrium.

Có lẽ giả thuyết này sẽ đơn giản hơn nếu chúng ta tưởng tượng rằng yttrium được tượng trưng bởi một đồng năm hào Anh. Bằng cách phân đoạn, tôi đã chia nó thành 5 đồng hào riêng biệt và thấy rằng các đồng hào này không phải là các âm bản (counterparts), mà giống như các nguyên tử carbon trong vòng benzol, lại ghi dấu ấn vị trí của mình, 1, 2, 3, 4, 5 lên trên chúng... Nếu tôi ném các đồng hào của mình vào nồi nấu kim loại, hoặc hòa tan chúng về mặt hóa học, dấu đúc tiền sẽ biến mất và tất cả sẽ được chế ra thành bạc. ⁽¹⁾

Đó cũng là tình trạng của mọi nguyên tử và phân tử khi chúng đã phân ly khỏi các dạng hợp chất (khi bắt đầu chu kỳ Hỗn Nguyên). Ngược lại trường hợp này, hãy thử tưởng

¹ Trang 11.

tượng là một chu kỳ Khai Nguyên mới vừa lộ dạng. “Bạc” nguyên chất của vật liệu bị hấp thụ một lần nữa sẽ phân ly thành ra BẢN CHẤT. Bản chất này sẽ sản sinh ra các “Bản Thể Thiêng Liêng” có các “Nguyên Khí” ⁽¹⁾ là các Hành Bản Sơ, các Hành thứ yếu, các Năng Lượng Vật Chất, Vật Chất ngoại cảnh nội tâm (tóm lại, đó là chư THẦN LINH, CHƠN THẦN và NGUYÊN TỬ). Nếu tạm thời bỏ qua các khía cạnh siêu hình hay siêu việt của vấn đề - tạm thời không xét tới các Thực Thể thông tuệ và siêu phàm mà các tín đồ Thiên Chúa giáo và Do Thái Bí giáo tin tưởng vào – và nếu chúng ta quay sang thuyết nguyên tử tiến hóa, thì khoa học chính xác vẫn còn bổ chứng cho các Giáo lý Huyền bí học. Đến nay, ít ra thì các lời thú nhận của nó liên quan tới các Nguyên tố được giả sử là “đơn thuần”, cũng đột nhiên thoái hóa thành ra số bà con

350 thân thích xa. Ấy là vì Giáo sư Crookes đã bảo chúng ta rằng:

Cho đến nay, người ta đã nhận thấy rằng, nếu trọng lượng nguyên tử của một kim loại, được xác định bởi nhiều quan sát viên khác nhau, xuất phát từ các hợp chất khác nhau, luôn luôn là hằng số ... thì kim loại ấy phải có quyền được xếp vào hàng ngũ đơn chất nguyên tố. Chúng ta biết rằng... hiện nay không còn như vậy nữa. Ở đây, chúng ta lại có hệ thống tổ chức ăn khớp nhau. Gadolinium không phải là một nguyên tố, mà lại là một hợp chất... Chúng ta sẽ chứng tỏ rằng yttrium là một phức hợp gồm có ít nhất là năm cấu tử mới. Ai dám phủ nhận rằng nếu bị tấn kích một cách khác, nếu chúng ta áp dụng một cuộc trắc nghiệm có mức độ khám phá tinh vi hơn cuộc trắc nghiệm chất phát quang, thì mỗi cấu tử này còn có thể được chia nhỏ hơn nữa? Bấy giờ, đâu là nguyên tố căn bản thực sự? Chúng ta càng tiến, thì nó lại càng lùi, chẳng khác

¹ Tương ứng trên qui mô vũ trụ với Tinh Thần, Linh Hồn, Trí Tuệ, Sự Sống và ba Hiện Thể - Dĩ Thái thể, Huyền hình và Thể xác (của nhân loại) cho dù người ta phân chia thế nào đi nữa.

nào những chiếc hồ và những cánh rừng như người lữ khách vừa mệt vừa khát trong sa mạc. Khi mưu tìm chân lý, liệu chúng ta có phải bị lừa gạt và cản trở như vậy không ? Bản thân ý niệm bản sơ và căn cốt, hình như ngày càng mơ hồ. ⁽¹⁾

Trong Nữ Thần Isis Lộ Diện, chúng tôi đã nói :

Cái bí nhiệm về sự sáng tạo bản sơ, nó bao giờ cũng làm cho khoa học thất vọng, thật là thăm thẳm khôn dò trừ phi chúng ta chấp nhận giáo lý của Hermes. Nếu Darwin chuyển cuộc tìm kiếm của mình từ thế giới hữu hình sang thế giới vô hình, có thể là ông đã đi đúng đường. Nhưng bấy giờ, ông sẽ nổi gót của các môn đồ phái Hermes. ⁽²⁾

Lời tiên tri của chúng tôi đã bắt đầu được xác nhận.

Nhưng giữa Hermes và Huxley có một tiến trình và điều trung gian. Mặc cho các nhà khoa học chỉ bắt đầu một cách nửa vời và suy tư chín chắn về các thuyết của Leibnitz. Chúng ta đã chứng tỏ rằng các thuyết của chúng ta liên quan tới sự tiến hóa của các Nguyên tử - việc chúng rút cuộc hợp thành các phân tử hóa học được tạo ra bên trong các xưởng ở trong bầu khí quyển của Trái Đất chứ không ở đâu khác – phù hợp một cách kỳ diệu với sự tiến hóa của các Nguyên tử được trình bày trong các bản minh họa của Giáo sư Crookes. Trong tác phẩm này, chúng ta đã nhiều lần xác định rằng Mărtānda, tức Thái Dương, đã tiến hóa và tập hợp lại, cùng với Bảy tiểu huynh đệ của mình, từ trong lòng Mẹ mình (Tiên Thiên Huyền Nữ); cõi lòng này chính là BẢN NGUYÊN CHẤT (prima MATER-ia) – Nguyên hình chất của diễn giả. Nội môn Bí giáo dạy rằng có tồn tại

¹ Như trên, trang 16.

² Quyển I, trang 429.

Một dạng tiền năng lượng (antecedent form of energy) với các chu kỳ tuần hoàn khi lên khi xuống, yên nghỉ và hoạt động.⁽¹⁾

Nay hãy xem một bậc đại học giả trong lãnh vực khoa học yêu cầu thế giới chấp nhận điều này như là một trong các định đề của ông. Chúng ta đã trình bày rằng “Từ Mẫu” nóng bùng, đang trở thành người lạnh và phát quang. Cũng chính nhà khoa học ấy đưa ra định đề thứ nhì – hình như đó là một *tất yếu khoa học* – như sau:

Một tác động nội tại tương tự với sự nguội lạnh, diễn ra từ từ trong Nguyên hình chất.

Huyền bí học dạy rằng “Từ Mẫu” nằm dài trong Vô Cực, trong chu kỳ Hỗn Nguyên, như là Thái Uyên (great Deep), “Không Gian Thủy *khô ráo*”, theo lối nói kỳ quặc của
351 Giáo lý vấn đáp, và chỉ biến thành *ướt át* sau khi Nārāyana tách rời ra và chòn vòn trên mặt nước. Nārāyana chính là :

Đấng Chon Linh vốn là Ngọn Lửa Vô Hình, không bao giờ cháy, nhưng thiêu đốt mọi thứ mà nó chạm tới, ban cho nó cuộc sống và sự sinh hóa.⁽²⁾

Nay khoa học lại bảo chúng ta rằng “nguyên tố bản sơ... hầu như liên kết với nguyên hình chất ắt là “*hydrogen ... có một thời gian, nó đã là một dạng vật chất duy nhất tồn tại*” trong Vũ Trụ. Minh Triết Cổ truyền bảo sao đây ? Nó xin đáp: Đúng như vậy. Nhưng theo chúng tôi, Hydrogen và Oxygen – vào lúc chưa khai thiên tịch địa – làm cho sinh hòa thấm nhuần vào trong “Từ Mẫu” bằng cách ấp ủ *Tinh Thần, thực tượng* của cái biến thành trong trạng thái thô trực nhất, Oxygen, Hydrogen và Nitrogen trên trần thế - Nitrogen

¹ Sự Khởi thủy của các Nguyên tố, trang 21.

² “*Thượng Đế là Lửa thiêu hủy*”. “*Sự Sống ở nơi Ngài, Sự Sống là ánh sáng của nhân loại*”.

không có nguồn gốc thiêng liêng, mà chỉ là một chất dính kết trên trần thế, dùng để liên kết các chất hơi và lưu chất khác, có tác dụng như một miếng bọt biển để hàm tích SINH KHÍ, khí trời tinh khiết. ⁽¹⁾ Trước khi các chất khí và các lưu chất này trở thành tình trạng như hiện nay trong khí quyển của chúng ta, chúng là Ether liên tinh tú; trước nữa, trên một cảnh giới *thâm u* hơn, chúng lại là một thứ gì khác nữa, và *cứ như thế mãi*. Xin bậc học giả quý tộc lỗi lạc hãy thứ lỗi cho một nhà Huyền bí học vì cứ trích dẫn của ông mãi như thế. Nhưng đó cũng là biện pháp trừng phạt một hội viên của Hội Hoàng Gia dám mon men tới gần biên giới Thánh Điện Bí Nhiệm Huyền Linh đến mức hầu như là đã lấn sang vùng cấm địa.

Nhưng đã đến lúc đẹp *vật lý học* hiện đại qua một bên và quay sang khía cạnh tâm lý và siêu hình của vấn đề này. Chúng tôi chỉ nhận thấy rằng phải thêm một định đề thứ ba ² vào hai định đề rất hợp lý mà diễn giả cần dùng “để có được một khái niệm về một vài bí nhiệm vẫn ẩn tàng sau cánh cửa Bất Khả Tri”, định đề thứ ba ấy cho rằng các suy lý của Leibnitz có một cơ sở thật là vững chắc, đúng sự thật – khôn khéo đừng đá kích nó lại có lợi. Phần tổng kết dẫn đo tuyệt vời về các suy lý này – mà John Theodore Mertz đã trình bày trong tác phẩm “Leibnitz” – đã chứng tỏ cách thức mà ông đã đề cập tới hầu hết các bí nhiệm ẩn tàng của Thần phổ học Nội

¹ Nếu được phân ly bằng khoa *luyện kim đan*, nó sẽ tạo ra Sinh khí và Trường Sinh Cam Lộ (Elixir).

² Nhất là định đề cho rằng trong Thiên Nhiên không hề có các *chất vô cơ*. Đá, khoáng vật, thậm chí cả các “nguyên tử” hóa học nữa chỉ là các đơn vị hữu cơ đang ở trạng thái ngủ mê. Thế nào cũng có lúc chúng không còn mơ màng nữa và sẽ chuyển từ tình trạng bất động sang tình trạng hoạt động.

môn trong Đơn Nguyên Luận của mình. Thế nhưng, triết gia này cũng khó lòng mà đưa các suy lý của mình vượt lên trên các cảnh giới thứ nhất, các nguyên khí hạ của Đại Thể Vũ Trụ (the Cosmic Great Body). Thuyết của ông không thể vút cao hơn tầm mức của sự sống *biểu lộ*, ngã thức và trí thông tuệ. Nó không đá động gì tới cảnh giới của các bí nhiệm trước khi khai thiên tịch địa, vì lưu chất ether xuất hiện sau khi có các hành tinh.

352 Nhưng định đề thứ ba này sẽ khó lòng được các nhà khoa học hiện đại chấp nhận. Cũng như Descartes, họ thích tiếp tục chấp nhận các tính chất của các ngoại vật – cũng như tính chất bành trướng, chúng không thể giải thích được hiện tượng chuyển động – hơn là chấp nhận việc coi chuyển động như là một Lực độc lập. Trong thế hệ này, họ sẽ không chống lại Descartes, và cũng chẳng thừa nhận rằng :

Quán tính này không phải là một tính chất thuần túy hình học, nó vạch rõ sự tồn tại của một điều nào đó nơi các ngoại vật, nó vốn chẳng phải chỉ là sự bành trướng không thôi.

Đó là ý tưởng của Leibnitz mà Mertz đã phân tích. Ông còn nói thêm rằng Leibnitz gọi “điều gì đó” là Lực và khẳng định rằng các ngoại vật đều được phú cho Thần Lực. Để vận chuyển Thần Lực này, chúng phải có một Bản chất, vì chúng không phải là các khối bất động, vô tri vô giác, mà là các trung tâm bao hàm hình hài sắc tướng – đây là một lời khẳng định thuần túy Nội môn, vì đối với Leibnitz, *lực* là một nguyên khí *chủ động* – do kết luận này Trí Tuệ và Vật Chất không còn phân ly với nhau nữa.

Theo quan niệm của một nhà khảo cứu khoa học thuần túy, các cuộc điều nghiên về toán học và động lực học của Leibnitz sẽ không đưa tới cùng một kết quả. Nhưng Leibnitz không phải là một nhà khoa học theo nghĩa hiện đại của từ ngữ này. Nếu là một

nhà khoa học, ông đã phải vạch ra quan niệm về năng lượng, dùng toán học định nghĩa các ý niệm về lực và công cơ học, đồng thời đi đến kết luận cho rằng ngay cả vì mục đích thuần túy khoa học, chúng ta nên xem lực là một đại lượng dẫn xuất từ một giá trị nào khác chứ không phải là một đại lượng bản sơ.

Nhưng may mắn thay cho chân lý :

Leibnitz là một triết gia, vì thế một vài nguyên lý đã khiến ông bị thiên kiến quan niệm. Thế là việc ông khám phá ra rằng “ngoại vật là các chất liệu được phú cho thần lực” được dùng ngay vào việc áp dụng các nguyên lý này. Một trong các nguyên lý này là định luật liên tục (law of continuity), nó khẳng định rằng toàn bộ thế giới đều có liên hệ với nhau, không có khoảng trống nào mà chẳng thể lấp đầy được. Ông chịu không nổi sự tương phản của các chất liệu bành trướng biết suy tư. Chúng ta không thể tán thành được định nghĩa về các chất hình tượng. Như thế, dĩ nhiên là chúng ta cũng phải xem xét lại định nghĩa về thể trí, chất liệu biết suy tư (the thinking substance).

Mặc dù còn khiếm khuyết và chưa được hoàn chỉnh theo quan điểm của Huyền bí học, phép phân loại của Leibnitz cũng biểu lộ một óc trực giác siêu hình mà không có nhà khoa học nào, kể cả Descartes và Kant, đã từng đạt được. Đối với ông, bao giờ cũng có một cấp độ tư tưởng vô tận. Ông cho rằng chỉ một phần nhỏ của tư tưởng chúng ta vút lên được tới cảnh giới của trực giác và “toàn giác”. Đại đa số tư tưởng chúng ta vẫn còn lộn xộn, mơ hồ, chỉ là “tri giác” (“perceptions”) thế thôi. Descartes không cho là thú vật có linh hồn. Cũng như các nhà Huyền bí học, Leibnitz cho rằng mọi tạo vật đều có thể trí, theo ông, thể trí này được phân ra thành vô số cấp bậc. Mertz đã nhận xét thật là chí lý như sau :

Ngay khi mở rộng phạm vi của cuộc sống trí tuệ, dẹp hết sự tương phản giữa vật chất linh động và vô tri giác, nó còn làm hơn nữa – nó lại tác động lên quan niệm về vật chất, về chất bành

353 trướng. Ấy là vì hiển nhiên là các ngoại vật chỉ bày ra tính chất bành trướng với giác quan của chúng ta thôi, chứ không hề đối với các năng lực suy tư của chúng ta. Để tính toán các hình có dạng hình học, nhà toán học đã bắt buộc phải chia chúng thành ra vô số các phần tử cực vi, còn nhà vật lý học thấy rằng vật chất có thể phân thành nguyên tử một cách vô hạn. Cái khối khiến cho ngoại vật có vẻ chiếm một chỗ trong không gian là một tính chất mà chúng chỉ có được vì các giác quan của chúng ta thật là thô trước... Leibnitz đã tiếp tục luận chứng như vậy trong một chừng mực nào đó, nhưng ông không chịu thỏa mãn với việc giả sử rằng vật chất được tạo thành bởi một số hữu hạn các phần tử cực vi. Ốc toán học đã bắt buộc ông phải tiến hành luận chứng tới cùng. Thế thì các nguyên tử biến thành gì bây giờ. Chúng không còn kích thước nữa, chúng chỉ còn giữ lại sức bền, chúng là các trung tâm lực. Chúng bị thu gọn về các điểm toán học... Nhưng nếu chúng không có kích thước trong không gian thì cuộc sống nội tại của chúng lại sung mãn biết bao nhiêu. Khi giả sử rằng cuộc sống nội tâm, chẳng hạn như cuộc sống của trí người, là một kích thước mới, không phải là một kích thước hình học, mà là một kích thước siêu hình học (điều này đã khiến cho các nguyên tử không còn kích thước hình học nữa). Leibnitz đã phú cho chúng một sự bành trướng vô tận, theo chiều hướng kích thước siêu hình của chúng. Sau khi đã không còn thấy chúng nữa trong thế giới không gian, thế trí đã lặn lội vào trong một thế giới siêu hình để tìm ra và lĩnh hội được bản chất thật sự của cái chỉ hiện ra trong không gian như là một điểm toán học... Một hình nón tựa vào đỉnh của nó, một đường thẳng góc chỉ cắt một mặt phẳng nằm ngang ở một điểm toán học, nhưng có thể có chiều sâu và chiều cao phát triển vô tận. Cũng vậy, bản thể của các vật có thực chỉ tồn tại như một điểm trong thế giới hồng trần, nhưng lại có cuộc sống nội tại sâu thẳm thẳm trong thế giới tư tưởng siêu hình. ⁽¹⁾

¹ Như trên, trang 144.

Đó là tinh thần, nền tảng của giáo lý Huyền bí. “Tinh Thần-Vật Chất” và “Vật Chất-Tinh Thần” *sâu thăm thẳm*, cũng như “bản thể của vạn vật” của Leibnitz, bản thể của *các sự vật có thực ở tầng thứ bảy*. Trong khi đó, vật chất thô trực và *không có thực* của khoa học và ngoại giới ở cực điểm thấp nhất của các giác quan chúng ta. Nhà Huyền bí học biết rõ được vật chất thô trực ấy có giá trị hay không.

Nay chúng ta phải chỉ cho môn sinh thấy rõ sự dị biệt cơ bản giữa hệ thống của Leibnitz ⁽¹⁾ và hệ thống của Huyền bí học bàn về vấn đề Đơn Nguyên (Monads). Chúng ta có thể thực hiện điều này bằng cách trình bày *Đơn Nguyên Luận* (Monadologie) của Leibnitz. Có thể xác định rằng nếu dung hòa các hệ thống của Leibnitz và Spinoza với nhau, chúng ta sẽ thấy xuất hiện bản chất và tinh thần của Nội môn Bí giáo. Do sự kết hợp của cả hai hệ thống đó – để đối lập với hệ thống của Descartes – các chân lý của Giáo lý Cổ truyền mới xuất lộ. Cả hai đều đối lập với siêu hình học của Descartes. Đối với họ, việc Descartes cho rằng hai Bản chất tương phản – Kích thước và Tư Tưởng – khác nhau triệt để và không thể phân giải lẫn nhau, thật là quá độc đoán và chẳng có một ý nghĩa triết học chút nào cả. Vì thế, Leibnitz biến hai Bản chất của Descartes thành ra hai thuộc tính của Nhất Nguyên vũ trụ; ông thấy Thượng Đế trong đó. Spinoza chỉ nhìn nhận Bản chất vũ trụ duy nhất bất khả phân, một TỔNG THỂ tuyệt đối, giống như Thái Cực Thượng Đế. Trái lại, Leibnitz tri giác được sự tồn tại của nhiều Bản chất. Đối với Spinoza, chỉ có MỘT Thực Thể, còn đối với Leibnitz, lại có vô số thực thể xuất

¹ Theo chính tả, danh xưng này là Leibnitz – chính ông đã phát âm như vậy. Ông thuộc dòng dõi Slavonia mặc dù sinh ở Đức năm 1646. Trọn tên của ông là Gottfried Wilhelm Leibnitz.

354 phát từ và ở trong Đấng Độc Tôn. Vì thế, mặc dù cả hai đều thừa nhận một *Thực Tại Duy Nhất*; trong khi Spinoza biến nó thành ra vô ngã và bất khả phân, thì Leibnitz chia Thượng Đế *nhân hình* thành ra một số thực thể Thánh Linh và bán Thánh Linh. Spinoza là một nhà Phiếm Thần *nội tâm* (*subjective Pantheist*), còn Leibnitz là một nhà Phiếm Thần *ngoại cảnh* (*objective Pantheist*), song cả hai đều là các triết gia lỗi lạc có nhiều trực giác.

Nay nếu chúng ta kết hợp hai giáo lý này lại, lấy giáo lý này hiệu chỉnh giáo lý kia – và nhất là dẹp đi tính cách nhân hình của Thực Tại Duy Nhất – tổng kết lại, chúng sẽ chỉ còn bao hàm tinh thần đích thực của Nội môn Bí giáo; đó là Bản Thể Thiêng Liêng tuyệt đối, vô ngã, không có thuộc tính, nó chẳng phải là “hiện tồn”, mà là căn cốt của mọi Hiện Tồn. Hãy phân biệt rõ ràng Bản thể bất khả tư nghị ấy với Bản Lai Diện Mục mặc dù vô hình song vẫn khả tri (Hỗn nguyên khí ‘Mūlaprakriti’ tức Shekinah). Âm Thanh của Thiên Đạo rung động từ bên ngoài và xuyên qua Hỗn nguyên khí ấy. Từ đó cũng tiến hóa ra hàng hà sa số Đại Đoàn các Chơn Ngã thông tuệ, các thực thể hữu thức cũng như là bán ý thức, *trực quan* và *tri giác* ⁽¹⁾ có Bản thể là Thần Lực, có Bản chất là các

¹ [Trong ấn bản 1888, điều này được trình bày là “các Thực Thể hữu thức cũng như là bán ý thức, *tri giác* và *trực quan*”. Trong Các Tác phẩm Triết học, của Leibnitz (do Mary Morris tuyển chọn và phiên dịch) trong tiết bàn về các Nguyên lý, trang 23, thuyết của Leibnitz ... được trình bày như sau: “Chúng ta nên phân biệt giữa *tri giác* (vốn là trạng thái nội tại của đơn nguyên tiêu biểu cho ngoại vật) và *trực quan* (vốn là ý thức, tức kiến thức phản ánh trạng thái nội tại này, nó không được ban cho mọi linh hồn, cũng chẳng nhất thiết được ban cho cùng một linh hồn”].

Nguyên tố, và có Sắc tướng (nếu cần) là các *Nguyên tử* - Giáo lý của chúng tôi như thế. Leibnitz cho rằng:

Nguyên tố bản sơ của mọi vật thể đều là thần lực, nó không hề có đặc tính của vật chất [ngoại cảnh] – chúng ta có thể quan niệm được nó, nhưng nó không bao giờ có thể là đối tượng của bất kỳ lỗi trình bày tường tượng nào.

Như thế, cái đối với ông là nguyên tố bản sơ và tối hậu trong mọi vật thể, lại không phải là các nguyên tử hay phân tử vật chất, tất nhiên là có một kích thước nào đó, chẳng hạn như các nguyên tử của Epicurus và Gassendi. Nhưng theo Mertz, đó là các Nguyên tử siêu hình và phi vật chất, các “điểm toán học” tức các linh hồn đích thực (theo lối giải thích của Henri Lachetier, Giáo sư Thạc sĩ Triết học, nhà viết tiểu sử người Pháp).

Cái tồn tại bên ngoài chúng ta một cách tuyệt đối là các Linh Hồn có bản thể là thần lực. ⁽¹⁾

Như thế, *thực tại* trong thế giới biểu lộ gồm có một đơn vị bao hàm nhiều đơn vị (tạm gọi như vậy), phi vật chất (theo quan điểm của chúng ta) và vô tận. Leibnitz gọi chúng là Đơn Nguyên; Triết học Đông phương gọi chúng là Jīva (Nguyên sinh khí); còn Huyền bí học, các tín đồ Do Thái Bí giáo và tất cả các tín đồ Thiên Chúa giáo, gọi chúng bằng nhiều tên khác nhau. Đối với chúng ta cũng như là đối với Leibnitz, chúng là “biểu lộ của vũ trụ”;⁽²⁾ mọi điểm vật lý (physical points) 355 chẳng qua chỉ là biểu lộ hiện tượng của Điểm thực tượng vô

¹ Đơn nguyên luận, Phần dẫn nhập.

² Giáo sư Lachelier cho rằng: “Động lực luận của Leibnitz sẽ chẳng khó hiểu bao nhiêu đối với ông, đơn nguyên vẫn còn là một đơn nguyên tử *thần lực mù quáng*. Nhưng ... “Người ta hiểu hết sự bối rối của Chủ nghĩa Duy vật hiện đại.

hình. Việc ông phân biệt *tri giác* với *trực quan* là biểu hiện triết học (mặc dù mơ hồ) của Nội môn Bí giáo. Các “vũ trụ thu gọn” của ông – có bao nhiêu Chơn Thần thì có bấy nhiêu vũ trụ thu gọn – là sự trình bày một cách hỗn độn Hệ thống Thất phân của chúng ta với các cảnh giới và các phân cảnh giới.

Còn về phía mối liên hệ giữa Chơn Thần và các Thiên Định Đế Quân, các Chơn Linh Vũ Trụ, chư Thiên và Hành khí (Elementals), chúng ta có thể mô phỏng lại một cách ngắn gọn ý kiến của một nhà Minh Triết Thiêng Liêng thông thái và ân cần bàn về vấn đề này, đó là ông C. H. A. Bjerregaard. Trong một tài liệu tuyệt vời “về các Hành khí, các Tinh Linh và Quan hệ của Chúng với Loài Người” mà ông trình bày tại Hội Theosophy ở New York, ông Bjerregaard đã nêu rõ ý kiến của mình như sau :

Đối với Spinoza, chất liệu toàn là bất động, nhưng đối với trí tuệ sắc sảo của Leibnitz, vạn vật đều là hoạt động linh hoạt và năng lượng tác động. Khi giữ vững quan điểm này, ông còn vô cùng gần gũi với Đông phương hơn bất kỳ nhà tư tưởng đương thời hoặc hậu sinh nào. Việc ông khám phá ra rằng “có một năng lượng tác động tạo thành bản thể của chất liệu” là một nguyên lý khiến ông có quan hệ trực tiếp với các bậc Minh Sư của Đông phương.⁽¹⁾

Diễn giả còn tiếp tục chứng tỏ rằng đối với Leibnitz, các Nguyên tử và Nguyên tố là các *Trung tâm Lực*, hay đúng hơn là các “thực thể tinh thần có bản chất tác động”,

Các cấu tử nguyên tố này là các sinh lực, không tác động một cách máy móc, mà lại tác động theo một nguyên tắc nội tại. Chúng là các đơn vị tinh thần phi vật thể [“có thực chất” nhưng chẳng phải là “phi vật chất” theo nghĩa của chúng ta] không bị ngoại cảnh biến đổi... (và) không thể bị bất cứ ngoại lực nào hủy hoại. Các

¹ Tạp chí Thánh Đạo, I, tháng 1 – 1887, trang 297.

Đơn Nguyên của Leibnitz khác với các nguyên tử ở những đặc điểm sau đây chúng ta nên nhớ kỹ chúng, nếu không, chúng ta sẽ không thể phân biệt được các Hành khí và chỉ vật chất không thôi. Các nguyên tử chẳng có đặc điểm nào khác nhau, xét về mặt tính chất, chúng đều giống nhau. Nhưng cũng xét về mặt tính chất, đơn nguyên này khác với đơn nguyên kia, mỗi đơn nguyên là một thể giới đặc thù. Các nguyên tử lại không hề như vậy; chúng hoàn toàn giống nhau về mặt định tính và định lượng và không hề cá biệt. ⁽¹⁾ Và lại, có thể xem các nguyên tử [đúng hơn là các phân tử] của triết thuyết duy vật là các sự vật có kích thước và khả phân, trong khi đơn nguyên chỉ là các “điểm siêu hình” và bất khả phân. Cuối cùng, đơn nguyên của Leibnitz rất giống với các Hành khí của triết thuyết huyền học ở điểm sau đây: chúng là các thực thể tiêu biểu. Mọi đơn nguyên đều phản ánh các đơn nguyên khác. Mọi Chơn Thần đều là một chiếc gương linh động của vũ trụ trong phạm vi

¹ Leibnitz là một nhà Duy tâm *tuyệt đối* khi chủ trương rằng: “các nguyên tử vật chất thật là phi lý”. (Tân Hệ Thống, Erdmann, trang 126, cột 2). Đối với ông, *vật chất* chỉ đơn thuần tiêu biểu cho Đơn Nguyên, dù là con người hay nguyên tử. Cũng như chúng ta, ông cho rằng Đơn Nguyên ở khắp nơi. Như thế, hồn người cũng là một Đơn Nguyên, mọi tế bào trong cơ thể con người đều có Đơn Nguyên, chẳng khác nào tế bào hiện diện trong mọi động vật, thực vật, thậm chí trong cái gọi là *chất vô cơ*. Nguyên tử của ông chính là phân tử của khoa học hiện đại, còn Đơn Nguyên của ông chính là các *nguyên tử đơn* mà khoa học duy vật đã tin tưởng vào, mặc dù nó sẽ chẳng bao giờ *hội kiến* được với chúng (ngoại trừ lúc tưởng tượng). Nhưng Leibnitz có các quan điểm khá mâu thuẫn về Đơn Nguyên. Khi thì ông xem các “Điểm Siêu hình”, các “Nguyên Tử Sắc Tướng” (“Formal Atoms”) như là các *thực tại*, chiếm một vùng không gian; khi thì ông lại xem chúng chỉ là các *ý niệm* thuần túy tinh thần. Thế rồi, ông lại cho chúng là ngoại cảnh, xem như chúng tụ tập lại theo những vị trí nhất định khi tương hệ với nhau.

của riêng mình. Nên lưu ý điều này, vì năng lực mà các đơn nguyên này có được đều dựa vào điều này, công tác mà chúng có thể thực hiện cho chúng ta cũng tùy thuộc vào điều này. Khi phản ánh thế giới, đơn nguyên không phải chỉ là các tác nhân phản ánh thụ động mà lại tác động một cách tự phát, chẳng khác nào linh hồn tạo ra một giấc mơ. Do đó, bậc Cao đồ có thể biết được mọi chuyện (thậm chí cả tương lai nữa) nơi mỗi đơn nguyên. Mọi đơn nguyên (hay hành khí) đều là một chiếc gương soi biết nói.

Triết thuyết của Leibnitz đã bị sụp đổ do chính điểm này. Ông không thể dự liệu, mà cũng chẳng phân biệt được Đơn Nguyên “Hành khí” (“Elemental” Monad) với Chơn Thần của một Chơn Linh Hành Tinh cao cả, hoặc thậm chí Chơn Thần Nhân Loại tức Linh Hồn. Ông còn có lúc đi đến mức hoài nghi, liệu

Thượng Đế đã từng chẳng tạo ra điều gì ngoại trừ đơn nguyên tức căn bản chất không có kích thước hay chẳng? ⁽¹⁾

Ông phân biệt giữa Đơn Nguyên và Nguyên tử ⁽²⁾ vì ông đã nhắc đi nhắc lại rằng :

Các chất có đủ mọi đặc tính chỉ là hiện tượng giống như cầu vồng. ⁽³⁾

Nhưng chẳng bao lâu, ông đã biện minh được cho điều này trong một sự tương ứng có thực chất, một mối liên kết siêu hình giữa các Đơn Nguyên. Nội môn Bí giáo – vốn dạy về Chủ Nghĩa Duy Tâm *ngoại cảnh*, mặc dù nó xem Vũ Trụ

¹ Khảo sát các Nguyên tắc của P. Malebranche.

² Thật ra, ngoài danh xưng ra, các *Nguyên tử* của Leibnitz chẳng có điểm nào giống các nguyên tử của nhà duy vật Hy Lạp, hoặc thậm chí các *phân tử* của khoa học hiện đại. Ông gọi chúng là các “Nguyên tử sắc tướng” và so sánh chúng với các “hình hài có thực chất” của Aristotle (Xem Tân Hệ Thống, 3).

³ Thư gửi cho Đức Cha Desbosses, Thư Tín, xviii.

ngoại cảnh và vạn hữu trong đó như Hảo huyền – thực tế phân biệt giữa Đại hảo huyền (theo quan điểm thuần túy siêu hình (với các liên hệ ngoại cảnh trong đó giữa nhiều Chơn Ngã hữu thức khác nhau chừng nào mà hảo huyền này còn tồn tại. Do đó, bậc Cao đồ có thể biết được tương lai nơi một Đơn Nguyên Hành khí, nhưng để làm được điều này, y phải tập hợp lại một số lớn Đơn Nguyên Hành khí, vì mỗi Đơn Nguyên chỉ tiêu biểu cho một phần của Giới nó.

Các Đơn Nguyên không bị giới hạn nơi đối tượng, mà bị giới hạn nơi sự biến đổi về việc nhận thức đối tượng. Tất cả chúng đều hướng một cách hỗn độn về vô tận, về tổng thể, nhưng chúng bị giới hạn và phân biệt tùy theo mức độ mà người ta tri giác rõ rệt được chúng. ⁽¹⁾

Leibnitz đã giải thích như sau:

Mọi phân tử của vũ trụ đều được tiêu biểu riêng biệt nơi các đơn nguyên, nhưng có phân tử được phản ánh nơi đơn nguyên này, có phân tử được phản ánh nơi đơn nguyên khác.

Một số Đơn Nguyên có thể đồng thời tiêu biểu cho tư tưởng của hai triệu dân Ba Lê.

Nhưng về vấn đề này, Huyền bí học bảo sao đây và có dạy thêm gì không ?

357 Họ dạy rằng cái được Leibnitz gọi chung là Đơn Nguyên, nay cứ tạm xét khái quát, chưa đi vào chi tiết vội – có thể được chia thành ba Tập Đoàn (Hosts) riêng biệt. ⁽²⁾ Tính từ trên các cảnh giới cao nhất xuống, trước hết là Chư

¹ Đơn nguyên luận, 60. Cũng như Aristotle, Leibnitz gọi các Đơn Nguyên được “sáng tạo” ra (các Hành khí thì xuất phát từ các Chơn Linh hay chư Thần Linh vũ trụ) là Viên cực và “các thứ tự động phi vật thể”. (Đơn nguyên luận, 18).

² Trong cấu tạo của con người, ba “phân bộ khái quát” này tương ứng với Tinh Thần, Trí Tuệ (hay Linh Hồn) và Sắc Tướng (Body).

Thần Linh tức các Chơn Ngã hữu thức, các Kiến Trúc Sư thông tuệ hoạt động theo Thiên Cơ trong *Thiên Trí*. Rồi tới các Hành khí tức “Đơn Nguyên”, xét chung, chúng đã hợp thành các Chiếu Guong vĩ đại của Vũ Trụ, phản ánh mọi vật liên quan tới các lĩnh vực riêng của chúng. Cuối cùng, đến lượt các “Nguyên tử” hay phân tử vật chất lại được làm cho linh hoạt bởi các Chơn Thần “tri giác”, chẳng khác nào mọi tế bào trong cơ thể con người. Đến lượt *hằng hà sa số* các Nguyên tử được phú linh như vậy lại làm linh hoạt các phân tử. Có vô số Chơn Thần, hay riêng các Hành khí và vô số các thần lực phi Chơn Thần, vì chúng thuần là phi vật thể, ⁽¹⁾ ngoại trừ theo

¹ Trong bài diễn văn đã nêu, ông C.H.A. Bjerregaard đã khuyến cáo thánh giả đừng xem các Sephiroth như là các *cá thể*, nhưng đồng thời cũng đừng xem họ là các *hườn hư* (*abstractions*). Ông cho rằng: “Chúng ta sẽ chẳng bao giờ đạt tới chân lý với ít nhiều quyền năng phối hợp với các thực thể thiên giới này, nếu chúng ta không quay về thời sơ khai, đơn thuần và vô úy, khi loài người sống lẫn lộn với chư Thiên; chư Thần Linh giáng thế, dạy bảo chân lý thánh thiện cho loài người” (trang 296). “Trong Thánh kinh, người ta gọi các “Thiên Thần” bằng nhiều danh xưng khác nhau. Điều này chứng tỏ rõ rệt là chúng ta phải hiểu các hành khí của Thánh kinh Kabbalah và các đơn nguyên của Leibnitz chính là các thiên thần chứ không phải là những gì mà chúng ta thường lầm tưởng. Chúng được gọi là các ‘sao mai’ (‘morning stars’)... các ngọn lửa”, ... các “Đấng Đại Hùng”... Trong linh thị vũ trụ khởi nguyên luận của Ngài, Thánh Paul thấy chúng như là ‘các lãnh thần và các uy thần’ (‘principalities and powers’). Các danh xưng như thế đã chặn đứng được ý niệm về nhân tính. Chúng ta thấy mình bắt buộc phải xem chúng như là các thực thể vô ngã, như là một tác dụng, một linh chất, một lực hữu thức”. Thánh Đạo tháng 1 – 1887, trang 331 – 332.

một vài định luật, khi chúng khoác lấy một hình hài – *không nhất thiết là người*. Các chất liệu mà chúng khoác lấy – cái cơ thể biểu kiến mà chúng triển khai ra xung quanh các trung tâm, từ đâu mà ra ? Các Bức xạ *Phi tướng* (The Formless ‘Arūpa’ Radiations), đang tồn tại trong sự hài hòa của Ý Chí Vũ Trụ, đồng thời cũng là tập hợp Ý Chí Càn Khôn trên cảnh giới Vũ Trụ nội tâm – tập hợp lại hằng hà sa số Chơn Thần – mỗi Chơn Thần là chiếc gương phản ánh Thế giới của riêng mình – và như thế, đã nhất thời biệt lập ngã tính một Thể Trí độc lập, toàn tri và đại đồng vũ trụ cũng nhờ có một tiến trình tụ tập thu hút giống như vậy, chúng tạo ra cho mình các thể ngoại cảnh, hữu hình, gồm các Nguyên tử liên tinh tú. Từ lúc bắt đầu biến phân, các Nguyên tử và Chơn Thần (dù kết hợp hay phân ly, đơn thuần hay phức hợp), chẳng qua chỉ là các *nguyên khí* vật thể, tâm linh và tinh thần của chư “Thiên” – chính chư Thiên cũng là các Bức xạ của Thiên Nhiên Bản Sơ. Như thế, dưới mắt nhà Thần nhãn, các Quyền Năng Hành Tinh Thượng Đẳng hiện ra dưới hai phương diện: phương diện nội tâm (như là các *tác dụng*) và phương diện ngoại cảnh (như là các DẠNG huyền nhiệm). Theo luật Nhân Quả, các dạng này lại trở thành một *Bản Lai Diện Mục* (Presence). Tinh Thần và Vật Chất Hợp Nhất, điều này đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tinh Thần là Vật Chất *trên cảnh giới thứ bảy*; Vật Chất là Tinh Thần ở mức độ hoạt động tuần hoàn thấp nhất; cả hai đều là HẢO HUYỀN (MÃY).

358 Trong Huyền bí học, các Nguyên tử được gọi là Chấn động, cũng như là Âm Thanh – xét chung. Điều này không dính líu gì tới khám phá khoa học của Giáo sư Tyndall; trên nấc thang thấp nhất của chiếc thang tồn tại Chơn Thần, ông đã truy ra toàn bộ tiến trình *chấn động của bầu khí quyển*, điều

này tạo thành phần *ngoại cảnh* của tiến trình ấy trong Thiên Nhiên. Ông đã truy nguyên và ghi nhận được tốc độ vận động và truyền đạt của chúng, lực tác động của chúng – các chấn động được tạo nên trong màng nhĩ và truyền tới các nhĩ kết thạch v.v... cho tới khi chấn động của dây thần kinh thính giác bắt đầu – thế là một hiện tượng mới diễn ra: đó là phương diện *nội tâm* của tiến trình tức việc *nghe thấy âm thanh*. Ông có tri giác hay thấy được nó không? Không, vì kỳ công của ông chính là việc khám phá ra tác động của Vật Chất. Nhưng tại sao một nhà Tâm linh thông, một nhà Thần nhân – nếu dùng tới nội nhân thông, y có thể thấy xuyên qua bức màn Vật Chất – lại không thấy được nó? Tất cả các ba động của khoa học đều được tạo ra bởi những Nguyên tử đang thúc đẩy các phân tử bước vào hoạt động từ *phía bên trong*. Các Nguyên tử lấp đầy Không gian bao la, do chúng chấn động liên tục, nên chúng ta mới có được cái CHUYỂN ĐỘNG sẽ giữ cho vòng Sinh Tử luân hồi xoay mãi. Chính công tác nội tại đó đã tạo ra hiện tượng tự nhiên được gọi là sự tương hệ của các Lực. Có điều là nguồn cội của mọi Thần Lực ấy chính là Thực tượng chỉ đạo hữu thức của nó: đó là Thiên Thần, tức Thần Linh, Vong Linh tức Ma Quỷ, các quyền năng chủ tể, song cũng chẳng có gì khác.

Theo lời mô tả của các nhà Thần nhân – những người có thể thấy được chuyển động của các Tập Đoàn liên tinh tú, và dùng nhãn thông theo dõi sự tiến hóa của chúng – chúng sáng chói như các mẫu tuyết tinh nguyên dưới ánh mặt trời rực rỡ. Chúng có tốc độ nhanh hơn tư tưởng, nhanh hơn mức mà bất kỳ mắt phàm nào có thể theo dõi được; nếu xét tới chuyển động cực kỳ nhanh của chúng, thì chúng ta thấy đó là chuyển động tròn. Đứng trên một đồng bằng mở rộng, nhất là trên một đỉnh núi đồi đăm đăm quan sát vòm trời bao la

trên đầu và vùng không gian vô tận xung quanh, chúng ta sẽ thấy toàn bộ bầu không khí dường như chói lọi các vì tử, thâm nhuần các điểm lấp lánh. Đôi khi chúng chuyển động mãnh liệt đến nỗi tạo ra các tia chớp lóe như hiện tượng Bắc Cực Quang. Quang cảnh thật là kỳ diệu đến nỗi mà khi nhà Thần nhãn quan sát nội giới và thấy các điểm lấp lánh xẹt qua mình, y đâm ra bàng hoàng nghĩ tới các bí nhiệm khác còn vĩ đại hơn nữa ở bên ngoài và bên trong đại dương lóng lánh này.

Mặc dù giải thích về “chư Thần Linh, Chơn Thần và Nguyên tử” này thật là bất toàn, chúng ta vẫn hy vọng rằng, ít ra một số môn sinh và nhà Minh Triết Thiêng Liêng sẽ cảm thấy rằng thật sự có thể có một mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa học duy vật và Huyền bí học. Huyền bí học chính là phần bổ túc và linh hồn đã thất tung của khoa học duy vật.

TIẾT 15

SỰ TIẾN HÓA TUẦN HOÀN VÀ NGHIỆP QUẢ (CYCLIC EVOLUTION AND KARMA)

GIÁO điều cơ bản của Huyền bí học chính là sự tiến hóa tinh thần của Chon Ngã bất tử. Để nhận thức được một tiến trình xa vời như vậy, môn sinh phải tin tưởng vào (a) Sự Sống Vũ Trụ DUY NHẤT, độc lập với Vật Chất (hay cái mà khoa học xem là Vật Chất); và (b) Các Đẳng Thông Tuệ cá biệt làm linh hoạt nhiều biểu lộ khác nhau của nguyên khí này. Giáo sư Huxley không tin vào Sinh Lực (Vital Force); các nhà khoa học khác lại tin tác phẩm Bàn về Nguyên sinh chất của Tiến sĩ J.H. Hutchinson đã gây thiệt hại nặng nề cho sự phủ nhận giáo điều này. Quyết định của Giáo sư Beale cũng bênh vực cho một Nguyên sinh khí (Vital Principle, còn các bài diễn văn của Bác sĩ B.W. Richardsn về Ether Thần kinh (Nervous Ether) đã được trích dẫn quá đủ rồi. Như thế, thiên hạ có ý kiến khác nhau nhiều.

SỰ SỐNG DUY NHẤT có quan hệ mật thiết với Định Luật Duy Nhất chi phối thể giới Hiện Tồn: NGHIỆP QUẢ. Xét về mặt ngoại môn và theo sát nghĩa, nó chỉ có nghĩa là “tác động”, hay đúng hơn là một “nguyên nhân tạo ra hiệu quả”. Xét về mặt nội môn, nó lại là một điều khác hẳn và có tác dụng đạo đức sâu xa hơn nhiều. Đó là LUẬT BÁO ỨNG không hề sai lệch. Thật vô ích mà đi nói với những kẻ vô minh về ý nghĩa thực sự, đặc tính và tầm quan trọng vô cùng của Định Luật vĩnh cửu bất di bất dịch mà không một định nghĩa thần

học nào về một Thượng Đế nhân hình có thể giúp chúng ta hình dung được cái nguyên khí vô ngã song vẫn hằng hữu và chủ động này. Chúng ta cũng không hề gọi nó là Thiên Hựu. Ấy là vì đối với các kẻ Hữu thần – chẳng hạn như các tín đồ Thiên Chúa giáo Tin Lành – Thiên Hựu là một nam nhân, còn đối với các tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã, nó lại là một mãnh lực âm. Wogan đã dạy; “Thiên Hựu (Providence) tôi luyện các ân sủng của mình để bảo đảm cho chúng nó hiệu quả hơn”. Thật vậy, “Ngài” tôi luyện chúng, còn Nghiệp Quả - một nguyên khí vô giới tính – lại không làm như vậy.

Trong suốt hai phần đầu, ⁽¹⁾ chúng ta đã chứng tỏ rằng vào lúc sự sống phục sinh mới bắt đầu thoi thóp, vào mỗi kiếp tái sinh của Càn Khôn, Svabhāvat, “Ánh quang huy Vô thường của U minh Thường tồn vô thức trong Vĩnh cửu”, đều chuyển từ một trạng thái bất động sang trạng thái hoạt động tích cực. Nó biến phân rồi bắt đầu tác động qua sự biến phân đó. Tác động này chính là NGHIỆP QUẢ.

Các Chu kỳ cũng chịu ảnh hưởng của hoạt động này.

Nguyên tử Càn Khôn duy nhất biến thành bảy Nguyên tử trên cảnh giới Vật Chất, mỗi nguyên tử này lại biến thành một trung tâm năng lượng. Cũng chính Nguyên tử đó lại biến thành bảy Cung trên cảnh giới Tinh Thân; và bảy Thân Lực sáng tạo của Thiên Nhiên, đang xạ ra từ Bản Thể Cội Nguồn... cái thì đi theo hữu đạo, cái thì đi theo tả đạo, chia tay nhau cho tới cuối kiếp, song vẫn liên hệ chặt chẽ với nhau. Cái gì liên kết chúng với nhau như vậy? Đó chính là NGHIỆP QUẢ (KARMA).

Đến lượt các Nguyên tử xuất phát từ trung Tâm Điểm lại xạ ra các trung tâm năng lượng mới. Khi chịu tác dụng của

¹ Quyển 1, bao hàm Phần 1, Quyển 2, bao hàm phần 2 và 3.

luồng linh khí tiềm tàng của *Vô cực điện*, các trung tâm năng lượng này bắt đầu tác động từ trong ra ngoài và làm sinh sôi, nảy nở các trung tâm khác. Trong diễn trình tiến hóa thăng thượng và giáng hạ, đến lượt các trung tâm nhỏ này lại tạo thành nguồn cội hay nguyên nhân triển khai ra các hiệu quả mới (từ các thế giới và các bầu hành tinh “có người ở” xuống tận các giống, loại và lớp của tất cả bảy giới, trong đó chúng ta chỉ biết có *bốn giới*). Trong Tsong-kha-pa Bửu giám có dạy:

Các hoạt động viên có diễm phúc đã nhận được Thyan-kam trong vĩnh cửu.

Thyan-kam là quyền năng quán triệt việc điều động các xung lực của Năng Lượng Vũ Trụ một cách đúng đắn.

Phật tử chân chính, vốn không nhìn nhận một “Thượng Đế nhân hình”, một “Tù Phụ”, một “Đấng Sáng Tạo ra Trời Đất”, vẫn còn tin tưởng vào một *Toàn Thức (Absolute Consciousness)*, tức Tối Đại Bồ Đề (Adi-Buddhi). Triết thuyết Phật giáo xác nhận rằng có các Chơn Linh hành Tinh, các Thiên Định Đế Quân. Nhưng theo triết thuyết đó, mặc dù “Các Đấng Tinh Thần” được thừa nhận, nhưng chỉ tồn tại nhất thời trong vĩnh cửu, nên ngay cả các Đấng này cũng chỉ là “Hào huyền trong một Ngày của Brahmā” (một chu kỳ Khai Nguyên ngắn ngủi có 4 320 000 000 năm. Con người đâu có quyền suy lý về Yin-Sin, vì Đức Phật đã tuyệt đối cấm chỉ việc điều nghiên nó. Nếu các Thiên Định Đế Quân và mọi Thực Thể Vô hình – *Bảy Trung Tâm* và các Phân Thần trực tiếp của chúng tức các trung tâm Năng lượng *thứ yếu* – đều là phản xạ trực tiếp của Ánh Sáng DUY NHẤT, thì con người còn lâu lắm mới đạt được tới địa vị này, vì toàn bộ Vũ trụ *hữu hình* đều gồm có “các thực thể *tự sinh tự tại*, các tạo vật của *Nghiệp Quả*”. Vì thế, khi xem một Thượng Đế nhân hình “chỉ là một bóng ma khổng lồ phủ lên trên hư không do sự tưởng

tượng của những kẻ vô minh”, ⁽¹⁾ họ dạy rằng chỉ có “hai điều vĩnh cửu [xét về mặt ngoại cảnh] đó là Tiên thiên khí và Niết Bàn”. Thực ra hai điều này chỉ là một. Việc phân chia chúng chẳng qua chỉ là *hảo huyền*.

361 Vạn vật đã xuất phát từ Tiên thiên khí [tức Svabhāvat trên trần thế] theo một luật chuyển động tiềm tàng trong đó; sau khi tồn tại một thời gian chúng sẽ chết đi. Chẳng hề có thứ nào thoát thai từ hư vô. Các Phật tử không tin tưởng vào các phép lạ, họ không nhìn nhận sự sáng tạo và không hề quan niệm ra một hóa công. ⁽²⁾

Nếu chúng ta hỏi người Bà La Môn theo thuyết Nhất nguyên luận, liệu y có tin vào sự tồn tại của một Thượng Đế không, có lẽ y sẽ trả lời, như Jacolliot, là “Tôi chính là Thượng Đế”. Trong khi đó, một Phật tử (nhất là một người Tích lan) sẽ chỉ cười to lên và đáp: “Làm gì có Thượng Đế, làm gì có Sáng Tạo”. Thế nhưng triết thuyết căn cốt của các học giả Nhất nguyên luận lẫn các học giả Phật giáo *đều như nhau*. Cả hai đều tôn trọng sinh mạng của động vật, vì cả hai đều tin tưởng rằng mọi tạo vật trên trần thế (dù tầm thường, nhỏ bé đến đâu đi nữa) cũng là một phần bất diệt của Vật Chất bất diệt – đối với họ, Vật Chất có ý nghĩa khác với quan niệm của tín đồ Thiên Chúa giáo hoặc nhà Duy vật – và mọi tạo vật đều chịu Nghiệp Quả.

Với mọi triết gia thời xưa, tín đồ Do Thái Bí giáo và tín đồ phái Ngộ Đạo buổi sơ khai, câu trả lời của tín đồ Ba La Môn thật là gợi ý. Nó bao hàm chính tinh thần của các huấn điều Delphi và Do Thái Bí giáo, vì Nội môn Bí giáo đã giải quyết được vấn đề “nguồn gốc, hiện trạng và tương lai của

¹ Vấn đáp Giáo lý Đạo Phật (Câu hỏi 122), của H.S. Olcott, Hội Trưởng Hội Theosophy.

² Như trên, câu hỏi 123.

con người” từ lâu rồi; nguồn gốc, chu kỳ sống – với các kiếp tái sinh, luân hồi vô cùng vô tận – và cuối cùng, sự phản bốn hoàn nguyên của y.

Nhưng chúng ta không bao giờ có thể yêu cầu vật lý học giải thích cho chúng ta vấn đề bí hiểm về Quá khứ hoặc Tương lai của con người, vì chẳng triết gia nào có thể cho chúng ta biết tường tận về con người bằng sinh lý học và Tâm lý học. Khi đặt nghi vấn liệu con người là một Thần Linh hay một con thú, khoa học nay đã liên kết y với con thú và cho rằng con người thoát thai từ thú vật. Chắc chắn là công việc phân tích và phân loại con người như là một *thú vật trần tục* có thể được dành cho các nhà khoa học, những người mà các nhà Huyền bí học (cũng như mọi người) hằng tôn kính. Họ thừa nhận cơ sở và công trình kỳ diệu mà nó đã thành đạt được, tiến bộ và thành đạt được trong sinh lý học và trong một chừng mực nào đó, cả trong sinh học nữa. Nhưng không thể phó mặc bản chất nội tâm, tinh thần, tâm linh hoặc thậm chí đạo đức của con người cho một Chủ nghĩa Duy vật đã thâm căn cố đế. Ấy là vì trong tình trạng bất toàn hiện nay, với khuynh hướng dứt khoát là bất khả tri, ngay cả khoa Tâm lý học cao siêu nhất của phương Tây cũng không thể phán đoán được về Chơn Ngã; nhất là các năng khiếu và tri giác cao siêu, các trạng thái tâm thức của Chơn Ngã – kẻ có thần quyền như Mill mà cũng phải khoanh vòng cấm xung quanh lĩnh vực này và khuyến cáo “Đi tới đó thôi, đừng có vượt qua”.

Chẳng có nhà Huyền bí học nào chối bỏ rằng – cùng với con voi và vi trùng, con sấu và thần lùn, cọng cỏ và pha lê – xét về thể chất, con người là sản phẩm đơn thuần của các lực tiến hóa trong Thiên Nhiên qua hàng hà sa số chuỗi biến hóa. Nhưng y đặt vấn đề khác hẳn.

362 Mọi nhà Huyền bí học và bất cứ kẻ nào tin tưởng vào Linh Hồn, không hề phản đối các khám phá của động vật học và nhân loại học, dựa vào các di tích hóa thạch của loài người và loài thú, mà chỉ phản đối các kết luận vô lối dựa vào các lý thuyết đầy tiên kiến và được thích ứng với một vài thành kiến. Các tiên đề của các nhà khoa học đầu phải lúc nào cũng đúng; vì một vài lý thuyết này cũng yếu từ đối với các nhà Tiến hóa luận Duy vật, các điều suy diễn từ các lý thuyết đó ắt phải là phiến diện. Thế nhưng, hầu hết các nhà khoa học thường được tôn vinh dựa vào các thể lực phù du như vậy đó (trong khi họ chẳng xứng đáng được tôn vinh bao nhiêu). ⁽¹⁾

¹ Xin những kẻ nào xem lời phát biểu này là một điều láo xược đối với khoa học được chấp nhận, hãy tham khảo tác phẩm Bàn Về Nguyên Sinh Chất của Tiến sĩ James Hutchinson Stirling (Nó bênh vực một Nguyên sinh khí chống lại các Phân tử luận như Huxley, Tyndall, Voght v.v...). Cũng xin họ hãy xét xem liệu có đúng không, nếu bảo rằng mặc dù các tiên đề của khoa học chẳng phải là lúc nào cũng đúng, tuy nhiên, chúng ta phải chấp nhận chúng để lấp đầy một khoảng trống trong cái thú tiêu khiển ưa thích của Chủ Nghĩa Duy Vật. Đề cập tới nguyên sinh chất và các cơ quan của con người (theo quan điểm của Giáo sư Huxley), tác giả cho rằng; “Về bất cứ sự liên tục nào về quyền năng, hình hài và chất liệu trong nguyên sinh chất, có lẽ bấy giờ chúng ta sẽ thấy đủ chỗ *khiểm khuyết*. Thậm chí người ta còn có thể dẫn chứng Giáo sư Huxley để biện minh cho cũng phương diện ấy. Trong bài lược khảo của ông, chúng ta thấy nhiều lần ông đã thừa nhận là *có lẽ* thay vì *chắc chắn*. Chẳng hạn như ông đã cho rằng: “Rất có thể là khi chúng ta thám hiểm hết thế giới thực vật, chúng ta sẽ thấy mọi cây cỏ đều có các quyền năng giống như vậy”. Khi người ta dứt khoát công bố một kết luận giống như vậy, thật là đáng thất vọng khi được biết (như ở đây) vẫn còn phải thu thập các tiên đề [!!]...

Để cho môn sinh hiểu rõ được tác động của Nghiệp Quả - trong sự canh tân tái tạo tuần hoàn của Vũ trụ - khi y quan tâm tới nguồn gốc và sự tiến hóa của con người, nay y phải cùng chúng ta xét tới tác dụng Nội môn của các Chu kỳ Nghiệp Quả đối với Đạo đức của Vũ Trụ. Vấn đề đặt ra là liệu các phân đoạn thời gian huyền bí (mà người Ấn Độ gọi là các Chu kỳ và các Thiên Kiếp, còn người Hy Lạp gọi một cách văn hoa là các chu kỳ, các vùng) có tác dụng hoặc có liên hệ trực tiếp nào không với cuộc sống con người ? Ngay cả triết học ngoại môn cũng đã giải thích rằng các chu kỳ thời gian vĩnh tồn này bao giờ cũng tuần hoàn một cách sáng suốt

Lại nữa, sau đây là một đoạn cho chúng ta thấy ông đã bị ‘hồng chân’. Sau khi cho chúng ta biết rằng mọi dạng nguyên sinh chất đều gồm có carbon, hydrogen, oxygen và nitrogen ‘liên kết phức hợp’ ông nói tiếp: ‘Danh xưng *protein* đã được áp dụng cho phức hợp chất này, *người ta chưa bao giờ xác định được bản chất của nó một cách chính xác* [!!] Rõ ràng là Giáo sư Huxley đã đồng nhất hóa nguyên sinh chất với protein. Như thế, điều gì đúng với thứ này tất nhiên cũng đúng với thứ kia; suy ra là đã thừa nhận rằng bản chất của nguyên sinh chất chưa bao giờ được xác định một cách chính xác, thậm chí dưới mắt ông, cây diên vĩ cũng còn chưa xác định. Sự thừa nhận này còn được củng cố thêm nữa bởi câu sau đây: ‘Nếu chúng ta dùng từ ngữ này (protein) một cách *dè dặt* như thế, ấy có lẽ là vì chúng ta *còn tương đối chưa biết rõ* nó tiêu biểu cho những gì’ v.v...” (trang 33, 34 ấn bản 1872, đáp lời Giáo sư Huxley trong Yeast).

Nhà Bác học lỗi lạc Huxley, thuộc hàng đầu về sinh lý học và sinh học, mà còn tỏ ra chơi trò “bịt mắt bắt dê” với các tiên đề và các sự kiện như thế! Liệu các nhà khoa học “non kém” (“small fry”) sau này có làm nên được gì không ?

trong Không gian và Vĩnh cửu. Có các “Chu kỳ Vật Chất” ⁽¹⁾ cũng như là các “Chu kỳ Tiến Hóa Tinh Thần”, các Chu kỳ của giống dân, quốc gia và cá nhân. Chẳng lẽ phép suy lý Nội môn lại không khiến chúng ta có thể hiểu sâu được các tác động của chúng ta sao ?

Ý tưởng này được trình bày một cách tuyệt vời trong một tác phẩm khoa học rất hay.

363 Khả năng thấu triệt được một hệ thống phối hợp vượt xa (trong không gian và thời gian) mọi tầm quan sát của con người là một tình trạng đánh dấu việc con người có năng lực vượt lên trên được các hạn chế của vật chất vô thường, và khẳng định quyền ưu thắng của con người đối với chúng vô tình, hữu hoại. trong sự diễn tiến tuần tự của các biến cố, trong mối liên hệ của các vật cộng tồn, có một phương pháp mà trí người có thể lĩnh hội được. Khi dùng nó làm manh mối, y có thể trở đi trở lại suốt hàng vô lượng thời lịch sử của vật chất mà kinh nghiệm con người không bao giờ kiểm chứng được. Các biến cố nảy sinh ra rồi phát triển. Chúng có một quá khứ liên quan tới hiện tại; chúng ta tin chắc rằng tương lai tiền định cũng sẽ tương tự liên hệ như vậy với hiện tại và quá khứ. Sự liên tục và đơn nhất này của lịch sử lặp đi lặp lại trước mắt chúng ta trong mọi giai đoạn diễn tiến khả niệm. Các hiện tượng đã cung ứng cho chúng ta các cơ sở để tổng quát hóa hai định luật đích thực là các nguyên lý của phép tiên tri bằng khoa học. Nhờ có các nguyên lý này, trí người mới thâm nhập vào được các lĩnh vực bí hiểm của quá khứ và tương lai. Định luật đầu tiên là luật tiến hóa, hay (diễn đạt theo mục đích yêu cầu của chúng ta) luật tuần tự tương hệ hay lịch sử có tổ chức nơi cá nhân (nó được minh họa trong các giai kỳ tiến hóa của mọi hệ thống kết quả đơn thuần đã chín muồi... Các tư tưởng này đã thu tóm vào trong hiện tại trước

¹ “Các Chu kỳ Vật Chất” là một danh xưng do Giáo sư Winchell đặt tên cho một bài lược khảo soạn thảo năm 1860.

mắt của chúng ta quá khứ và tương lai vô lượng của lịch sử vật chất. Chúng hầu như mở ra các viễn ảnh suốt vô cùng, phú cho trí người một sự tồn tại và một tầm nhìn không bị hạn chế bởi thời gian, không gian và chuỗi nhân quả hữu hạn. Chúng cũng nâng trí người lên tới mức cao siêu, thấu triệt được Đấng Thông Tuệ Vô Thượng ngự nơi vĩnh cửu. ⁽¹⁾

Theo giáo lý, Hảo Huyền (Mã Yã) – đáng vẻ hư ảo của sự sắp đặt các biến cố và các tác động trên trần thế – thay đổi theo từng quốc gia và nơi chốn. Nhưng các đặc điểm chính trong cuộc đời chúng ta luôn luôn phù hợp với “Chòm Sao” mà chúng ta sinh ra đời dưới nó, hay (chúng ta cũng có thể nói là) phù hợp với đặc tính của nguyên khí làm linh hoạt nó hoặc Đấng Thánh Linh chủ trì nó, cho dù chúng ta gọi nó là một Thiên Định Đế Quân (như ở Á Châu) hay một Tổng Thiên Thần (như các giáo hội Hy Lạp và La Tinh). Trong Biểu tượng ký cổ truyền, người ta luôn luôn giả sử rằng MẶT TRỜI – mặc dù người ta có ý nói tới Mặt Trời Tinh Thần chứ không phải là Mặt Trời hữu hình – đã xạ ra các Đấng Cứu Thế và các Hóa Thân chính yếu. Vì thế mới có mối liên kết giữa các Đức Phật, các Hóa Thân và biết bao nhiêu là hiện thân khác của BẢY Đấng Vô Thượng. càng tiến gần tới Nguyên kiểu trên “Trời”, kẻ phạm tục (có Phạm Ngã được Đấng Thánh Linh nhân hình – Nguyên khí thứ Bảy – chọn làm trú sở trên trần thế) càng trở nên hoàn thiện. Ấy là vì khi nỗ lực thanh luyện và hợp nhất với Linh Ngã này, một trong các Tia hạ đẳng sẽ lìa ra, thực thể tinh thần của con người sẽ ngày càng được thu hút lên cao hơn về phía Tia thay thế cho Tia thứ nhất, cho tới khi từ Tia này sang Tia khác, Chơn Ngã sẽ được thu hút vào Chùm Tia Vô Thượng Duy Nhất của MẶT TRỜI Nguyên Thủy.

¹ Sinh Hoạt Thế Giới, trang 534 – 535 và 548.

Như thế, “các biến cố của nhân loại kết hợp với dạng số lượng” vì mỗi một và tất cả đơn vị của đại gia đình nhân loại này đều xuất phát từ cùng một nguồn gốc – Mặt Trời Trung Ương và *hình bóng* của nó, tức là Mặt Trời hữu hình. Ấy là vì xét về mặt thiên văn học và số lượng, các phân điểm và chí điểm, các chu kỳ và giai kỳ khác nhau của hành tinh thái dương, chỉ là các biểu tượng cụ thể của thực tại hằng hữu, mặc dù chúng dường như là các ý niệm *trừu tượng* đối với 364 thể nhân chưa được điểm đạo. Điều này đã giải thích được những sự trùng hợp phi thường về số lượng với các quan hệ hình học mà nhiều tác giả đã chứng tỏ.

Đúng vậy, “số phận của chúng ta được ghi chép nơi các ngôi sao”! Có điều là thể nhân phản ánh càng kết hợp chặt chẽ với các nguyên kiểu thiên giới bao nhiêu, thì hoàn cảnh ngoại giới và (do đó) các kiếp luân hồi (một điều mà cả Phật lẫn Chúa cũng không tránh khỏi) càng bớt nguy hiểm bấy nhiêu. Đây không phải là một điều mê tín dị đoan, lại càng không phải là *thuyết định mệnh*. Thuyết định mệnh hàm ý là có một tiến trình mù quáng của một quyền năng còn mù quáng hơn nữa, nhưng con người là một tác nhân tự do khi còn tại thế. Y không thể tránh thoát được cái Số Phận *chi phối* y, nhưng y có thể lựa chọn một trong hai con đường đưa y theo chiều hướng này. Y có thể tới đích khốn khổ - nếu đó là định mệnh của y – trong bộ y phục trắng tinh của kẻ tử vì đạo, hoặc trong bộ y phục nhơ nhuốc của một kẻ tự ý đi theo con đường gian ác. Ấy là vì có các *hoàn cảnh ngoại tại* và *nội tại* ảnh hưởng tới quyết định của ý chí chúng ta đối với các hành động của chúng ta; chúng ta có quyền đi theo một trong hai con đường đó. Kẻ nào tin tưởng vào *Nghiệp Quả* ắt phải tin tưởng vào *Số Mệnh*. Từ lúc cất tiếng chào đời cho đến lúc

nhắm mắt buông tay, mỗi người đều dặt nên số phận xung quanh mình, chẳng khác nào con nhện giăng tơ. Số Phận này được chỉ đạo hoặc bởi diệu âm của *Nguyên kiểu* vô hình (the invisible *Prototype*) bên ngoài chúng ta, hoặc là bởi con người *tin anh* thân cận với chúng ta hơn, đó chẳng qua rất thường là hung thần của thực thể hiện thân là con người. Cả hai đều dặt dẫn phàm nhơn, nhưng một trong hai thứ phải chiếm phần ưu thắng. Ngay khi lúc khởi đầu cuộc chiến vô hình, *Luật Bù Trừ* (*Law of Compensation*) nghiêm minh, khắc nghiệt đã can thiệp vào, kiên trì theo dõi những dao động của cuộc chiến. Khi sợi chỉ cuối cùng đã được dặt xong, con người dường như bị trói buộc trong cái lưới do chính y tạo ra, bấy giờ, y thấy mình hoàn toàn bị đè bẹp bởi cái Số Phận *tự tạo* này. Bấy giờ, hoặc là nó gắn chặt y giống như cái vỏ sò bắt động vào tảng đá, hoặc là nó cuốn y đi như một cọng lông giữa cơn gió lốc, bị cuốn lên do chính các hành động của mình. NGHIỆP QUẢ là thế đấy!

Bàn về các sự sáng tạo tuần hoàn của địa cầu chúng ta, một nhà Duy vật đã diễn tả bằng mỗi một câu như sau:

Toàn bộ quá khứ của trái đất chẳng có gì khác hơn là một hiện tại được bộc lộ ra.

Tác giả lời phát biểu đó chính là Buchner. Ông đâu có ngờ rằng mình đang lập lại một công lý của các nhà Huyền bí học. Cũng hoàn toàn đúng, như Burmeister đã nhận xét rằng: Sự điều nghiên lịch sử phát triển của địa cầu đã chứng tỏ rằng hiện tại và quá khứ cùng dựa vào một nền tảng, quá khứ đã triển khai giống như hiện tại đang diễn tiến, còn các thần lực đang tác động bao giờ cũng y như vậy. ⁽¹⁾

¹ Trích dẫn trong *Lực và Vật Chất*, của Buchner.

Dĩ nhiên là các “Lực” – đúng hơn là các *Thực Tượng* của chúng – đều như nhau, do đó, các Lực hiện tượng cũng phải như nhau. Nhưng làm sao bất cứ người nào cũng cảm thấy
 365 chắc chắn là các thuộc tính của Vật Chất sẽ không bị biến đổi do tác dụng của Cuộc Tiến Hóa biến hình? Làm sao bất cứ nhà Duy vật nào có thể khẳng định (như Rossmassler) rằng:

Sự tương đồng mãi mãi về bản chất của các hiện tượng này, khiến cho chúng ta chắc chắn rằng lửa và nước đã đồng thời có cùng một năng lực và sẽ có mãi mãi.

Những kẻ chỉ “làm cho vấn đề rắc rối với những lời lẽ không hiểu biết” là ai vậy? Nhóm Huxleys và Buchners biết ở đâu bây giờ khi Đại Luật đã được dựng nên trên trần thế? Cái tính thuần trạng của Vật Chất và tính bất di bất dịch của các luật thiên nhiên, mà Chủ nghĩa Duy vật đã từng nhấn mạnh, chính là một nguyên lý cơ bản của Huyền bí học. Nhưng tính đơn nhất này lại dựa vào tính bất khả phân ly của Tinh Thần với Vật Chất, nếu hai thứ này mà tách rời với nhau, thì toàn thể Càn Khôn sẽ quay về tình trạng Hỗn Mang và Phi hiện tồn. Do đó, thật là hoàn toàn *sai lầm* (điều này chẳng qua chỉ chứng minh thêm nữa sự kiêu ngạo ghê gớm của thời đại chúng ta) mà khẳng định (như các nhà khoa học) rằng mọi biến động lớn lao về mặt địa chất và mọi biến loạn kinh khủng của quá khứ đã được *các Lực vật lý thông thường quen thuộc tạo ra*. Ấy là vì các Lực này chẳng qua chỉ là các khí cụ và các phương tiện cuối cùng để hoàn thành một vài mục đích. Chúng tác động một cách tuần hoàn, và (xét một cách biểu kiến) máy móc thông qua một xung lực nội tại, hòa lẫn với bản chất vật chất nhưng lại ở bên ngoài nó. Trong mọi tác dụng của thiên nhiên đều có một mục đích; tất cả tác động này đều có tính cách tuần hoàn. Nhưng người ta thường lẫn lộn các Lực tinh thần với các Lực thuần túy vật chất; các lực

tinh thần bị chối bỏ, và vì bị bỏ xó không ai ngó ngang tới, nên chúng vẫn còn xa lạ đối với khoa học. ⁽¹⁾ Hegel cho rằng :

Lịch sử của Thế giới bắt đầu với mục tiêu tổng quát là nhận thức được ý niệm Tinh Thần – có điều là dưới dạng *tiềm ẩn* (chẳng hạn như Thiên Nhiên); một bản năng vô thức tiềm ẩn sâu kín nhất và toàn bộ diễn trình Lịch sử đều được hướng về việc biến xung lực vô thức này thành một xung lực hữu thức. Như thế, khi xuất hiện dưới dạng tồn tại tự nhiên không thôi, ý chí tự nhiên – cái được gọi là phương diện nội tâm – khát vọng của thể xác, bản năng, đam mê, quyền lợi riêng tư, cũng như là ý kiến và quan niệm của nội tâm – sẽ đột nhiên xuất hiện ngay từ lúc đầu. Hàng đông các quyết ý, quyền lợi và hoạt động hợp thành các khí cụ và phương diện của Tinh Thần Thế giới để đạt tới mục tiêu của mình, quan tâm tới nó và nhận thức được nó. Mục tiêu này chẳng có gì khác hơn là tìm lại chính mình – đến với chính mình – và chiêm ngưỡng mình một cách thật là cụ thể. Nhưng việc các biểu lộ của sinh lực về phần cá nhân và tập thể (trong đó, họ tìm kiếm và thỏa mãn các mục đích riêng của mình) đồng thời lại là các phương tiện và khí cụ của một mục đích cao xa hơn mà họ chẳng biết một tí gì (mà họ nhận thức được một cách vô thức) có thể được biến thành một vấn đề hơn là bị nghi vấn... Về vấn đề này, tôi đã công bố quan điểm của mình ngay từ đầu và khẳng định giả thuyết của mình ... tin tưởng rằng Lý trí chi phối Thế giới, và do đó, chi phối lịch sử của nó. Về phần sự tồn tại thực chất và đại đồng vũ trụ một

¹ Các nhà khoa học sẽ bảo rằng: Chúng tôi chối bỏ, vì chẳng có thứ nào thuộc loại này đã từng ở trong phạm vi kinh nghiệm của chúng tôi. Nhưng nhà Tâm lý học Charles Richet lại lý luận: “Thế đấy ! nhưng ít ra bạn có chứng tỏ ngược lại được không ? Dù sao đi nữa, đừng chối bỏ một cách tiên nghiệm. Khoa học hiện đại chưa đủ tiến bộ để cho bạn có quyền đó”. Trích từ tác phẩm: Phép Âm Thị Trí Tuệ và Phép Tính Xác Suất.

366 cách biệt lập, tất cả mọi thứ khác đều phụ thuộc vào nó và là phương tiện để cho nó phát triển. ⁽¹⁾

Chẳng nhà Siêu hình học hoặc nhà Minh Triết Thiêng Liêng nào có thể phản đối các chân lý này, tất cả đều được bao hàm trong Nội môn Bí giáo. Có một sự tiền định trong cuộc sống địa chất của bầu hành tinh chúng ta, cũng như trong lịch sử quá khứ và tương lai của các giống dân và các quốc gia. Điều này có liên hệ mật thiết với cái mà chúng ta gọi là Nghiệp Quả, còn các tín đồ Phiếm Thần Tây phương gọi là Số Mệnh và các Chu kỳ. Luật tiến hóa nay đang cuốn chúng ta theo cung thăng thượng của chu kỳ *chúng ta*, khi các *hiệu quả sẽ lại tan hòa vào* và trở thành các nguyên nhân nay đã bị hóa giải; mọi vật chịu ảnh hưởng của luật tiến hóa sẽ lại trở về trạng thái hài hòa nguyên thủy. Đó sẽ là chu kỳ của cuộc “Tuần Hoàn” đặc biệt của chúng ta, một phút giây ngắn ngủi trong suốt Đại Chu Kỳ (Mahāyuga).

Chúng ta thấy các nhận xét có ý nghĩa triết học thâm sâu của Hegel cũng được áp dụng trong các giáo lý của Huyền bí học (nó chứng tỏ rằng Thiên Nhiên bao giờ cũng tác động với một mục đích đã định, với các kết quả là luôn luôn có hai phương diện. Điều này đã được phát biểu trong các tác phẩm Huyền bí đầu tiên của chúng tôi như sau:

Mỗi năm, hành tinh chúng ta quay một vòng quanh mặt trời; đồng thời mỗi hai mươi bốn giờ, nó lại quay một vòng xung quanh trục của chính mình; như thế là nó đã trải qua các chu kỳ nhỏ bên trong một chu kỳ lớn hơn. Cũng vậy, công tác của các tiểu chu kỳ được hoàn thành và bắt đầu lại bên trong các Đại Chu Kỳ. Theo giáo lý cổ truyền, kèm theo sự xoay vòng của cõi hồng trần, còn có

¹ Các Bài diễn giảng về Triết Học Lịch Sử, trang 26. Bản dịch tiếng Anh của Sibree.

sự xoay vòng tương tự trong cõi trí thức (sự tiến hóa tinh thần của thế giới diễn tiến một cách tuần hoàn chẳng khác gì sự tiến hóa vật chất. Như vậy, trong lịch sử, chúng ta thấy có một sự luân phiên, khi thăng khi trầm, trong trào lưu tiến hóa của nhân loại. Sau khi đã đạt được tột đỉnh tâm cổ của mình, các giới lớn trên trần thế lại suy vi cũng theo chính cái luật đã khiến cho chúng thăng lên. Mãi đến khi đã đạt tới điểm thấp nhất, nhân loại mới dứt khoát leo lên lại; theo luật lũy tiến tuần hoàn này, đỉnh cao mà nó đạt được sẽ hơi cao hơn mức mà từ đó nó bắt đầu đi xuống. ⁽¹⁾

Nhưng các chu kỳ này xoắn tít vào nhau, được biểu dương một cách kỳ diệu và hàm súc bởi nhiều Đức Bàn Cổ và Thánh Hiền khác nhau ở Ấn Độ và các Kabeiri ở phương Tây⁽²⁾ - *không hề ảnh hưởng tới toàn thể nhân loại trong cùng một lúc*. Vì thế, chúng ta mới thấy khó mà thấu hiểu và phân biệt được các tác dụng tinh thần và vật chất của chúng nếu chưa hoàn toàn quán triệt được mối liên hệ và tác dụng của chúng

¹ Nữ Thần Isis Lộ Diện, Quyển I, trang 34.

² Biểu tượng ký này không hề bác bỏ trường hợp các nhân vật nay hình như là huyền thoại này xưa kia đã ngự trị trên trần thế, thực sự sống trong hình hài con người, mặc dù đó đúng là những Con người thiêng liêng Thánh Thiện. Ý kiến của Đại Tá Vallency (cũng như Bá Tước de Gebelin) cho rằng: “Tất cả mọi tôn danh Kabeiri hình như đều là ẩn dụ và chẳng có ý nghĩa gì [?] hơn là một quyển niên lịch ghi các biến thiên của mùa màng được tính sẵn cho các hoạt động nông nghiệp”. Tuyển tập Phục sinh mùa đông, Số 13, Phần mở đầu, Tiết 5) cũng vô lý chẳng kém gì việc ông quả quyết rằng Aeon, Kronos, Saturn và Dajon đều là một, nghĩa là “Adam tộc trưởng”. Các Đấng Kabeiri dạy nông nghiệp cho nhân loại, vì chính các Ngài chủ trì mùa màng và các Chu kỳ Vũ trụ. Vì thế, chính các Ngài (cũng như các Chơn Linh Hành Tinh tức các Thiên Thần (Thiên Sứ) điều chỉnh các *bí nhiệm* của *kỹ thuật* nông nghiệp.

367 đối với các vị trí tương ứng của các quốc gia và các chủng tộc, trong vận mệnh và cuộc tiến hóa của chúng. Chúng ta không thể hiểu được hệ thống này nếu tác dụng tinh thần của các thời kỳ này – có thể nói là bị *tiên định* bởi Luật Nghiệp Quả - bị phân cách khỏi tiến trình vật chất. Các phép tính toán của các nhà Chiêm tinh học lỗi lạc nhất sẽ sai lầm (hoặc dù sao đi nữa vẫn bất toàn) trừ phi chúng ta cẩn kẹ xét tới và quán triệt tác dụng lưỡng phân này theo các đường lối đó. Chúng ta chỉ có thể quán triệt được như vậy thông qua sự ĐIỂM ĐẠO.

Đại Chu Kỳ bao gồm sự tiến hóa của nhân loại từ khi con người nguyên thủy có hình hài bằng chất dĩ thái bắt đầu xuất hiện. Nó thấu suốt các Chu kỳ nội tại của cuộc tiến hóa lũy tiến của con người từ dĩ thái xuống tới bán dĩ thái và thuần túy hồng trần; xuống tới sự cứu rỗi con người thoát khỏi “lớp áo da dê” và vật chất. Sau đó, nó tiếp tục chạy xuống rồi đi lên, hội tụ ở tột đỉnh của một vòng Tiến Hóa, khi Con Rắn Chu Kỳ Khai Nguyên “nuốt đuôi của mình” và bảy Chu kỳ đã trôi qua. Đó là các Đại Chu Kỳ chủng tộc ảnh hưởng tới mọi quốc gia và mọi bộ lạc bao hàm trong Giống dân đặc biệt ấy. Nhưng có các Chu kỳ nhỏ của các quốc gia cũng như là bộ lạc bên trong các Chu kỳ này, chúng diễn tiến độc lập với nhau. Trong Nội môn Bí giáo Đông phương, chúng được gọi là các chu kỳ Nghiệp Quả. Ở Tây phương – từ khi Minh Triết ngẫu tượng bị chối bỏ, coi như đã bị kẻ Bàng Môn này luôn luôn chống lại Jehovah, bộ lạc nhỏ bé – người ta đã quên hết ý nghĩa trọng đại của Nghiệp Quả (tức Số Mệnh Hy Lạp). Mặt khác, các tín đồ Thiên Chúa giáo nên nhận thức cái chân lý thâm sâu cho rằng Số Mệnh không có thuộc tính, trong khi Nữ Thần dread (the dreaded Goddess) đó thật là tuyệt đối và thường trụ như một Nguyên khí, chính

chúng ta (các quốc gia và các cá nhân) đã thúc đẩy nó tác động theo đúng chiều hướng của mình. Nghiệp Quả - Số Mệnh (Karma-Nemesis) sáng tạo ra các quốc gia và thế nhân, nhưng một khi được tạo ra, chính chúng sẽ biến nó thành ra một Thiên Thần hung tợn hoặc một Thiên Thần ban thưởng. Đúng vậy –

Sáng suốt thay những kẻ tôn thờ Số Phận. ⁽¹⁾

- theo như Chorus đã dạy Prometheus. Cũng thật u mê thay cho những kẻ nào tin tưởng rằng người ta có thể làm nguôi giận Nữ thần bằng bất cứ sự cúng tế hay cầu nguyện nào, hoặc Nữ Thần sẽ chuyển hướng sau khi đã chọn hành trình. Chúng ta đã quên đi mất rằng “Định mệnh tam hình (triform Fates) và cuồng nộ không nguôi” chỉ là các thuộc tính của Nữ Thần trên Trần Thế. Không thể nào quay về những con đường mà Nữ Thần đã đi qua; thế nhưng, những con đường này lại do chính chúng ta tạo ra, vì chính chúng ta (xét về mặt tập thể hoặc cá nhân) đã chuẩn bị chúng. Nghiệp Quả-Số Mệnh đồng nghĩa với THIÊN HỮU (PROVIDENCE), *bớt đi* Thiên Ý, hào ý cùng với mọi thuộc tính hữu hạn khác đã bị mê muội gán cho Thiên Hựu. Một nhà Huyền bí học hoặc một Triết gia sẽ không đề cập tới tính thiện hay ác của Thiên Hựu. Nhưng khi đồng nhất hóa nó với Nghiệp Quả-Số Mệnh, y sẽ dạy rằng nó bảo tồn phần thiện và trừng trừng chúng trong kiếp này cũng như các kiếp sau; nó trừng phạt kẻ làm điều xấu – thật vậy, thậm chí tới kiếp luân hồi thứ bảy – chừng nào mà hậu quả của việc hấn làm xáo động nguyên tử nhỏ nhất trong Thế giới Hải hòa Vô hạn cuối cùng đã được hiệu chỉnh lại. Ấy là vì quyết nghị duy nhất của Nghiệp Quả - một quyết định vĩnh cửu và bất di dịch – chính là sự Hải hòa

¹ Đúng hơn là “sợ Nghiệp Quả - Số Mệnh”.

tuyệt đối trong thế giới Vật Chất cũng như là trong thế giới Tinh Thần. Do đó, Nghiệp Quả không hề thưởng phạt, mà chính chúng ta lại thưởng phạt chúng ta tùy theo công việc mà chúng ta làm đối với Thiên Nhiên, tuân theo hay vi phạm các định luật chi phối sự hài hòa đó.

Nếu người ta hoạt động một cách hài hòa, liên hợp (thay vì bất hòa và xung đột) thì làm gì đến nỗi chúng ta không tìm ra được các cách thức tác động của Nghiệp Quả. Nếu chúng ta qui tất cả các cách thức tác động này về nguyên nhân chính xác của nó, thì vấn đề sẽ rõ ra ngay (một số người gọi chúng là đường lối Thiên Hựu, mù mờ và phức tạp; một số khác lại thấy nơi chúng tác động của Thuyết định mệnh mù quáng; còn một số nữa lại cho rằng chỉ có May rủi chứ không có Quý Thần nào điều động chúng). Khi hiểu rõ (hoặc dù sao đi nữa, khi tin chắc) rằng các kẻ lân cận với mình chẳng hề làm hại chúng ta, cũng như chúng ta không hề nghĩ tới việc làm hại họ, thì hai phần ba điều ác trên thế gian sẽ tan thành mây khói. Nếu không có người nào làm hại huynh đệ mình, thì Nghiệp Quả-Số Phận chẳng có gì và cũng chẳng có phương tiện nào để tác động. Chính sự kiện giữa nhân quần, lúc nào cũng có mọi yếu tố xung đột, tranh chấp, chia rẽ các chủng tộc, quốc gia, bộ lạc, xã hội và cá nhân thành ra Cain và Abel, chó sói và con chiên, mới là nguyên nhân chính của “đường lối Thiên Hựu”. Hằng ngày, chúng ta dùng chính đôi tay mình mở nhiều đường ngoằn ngoèo vào số phận của mình; thế mà chúng ta lại tưởng rằng chúng ta đang đi theo đại lộ khả kính của thiên chức để rồi lại phàn nàn vì các con đường mòn này thật là tối tăm, rối rắm. Chúng ta hoang mang khi đối diện với bí nhiệm về cấu tạo của chính mình và các vấn đề bí hiểm của cuộc sống mà chúng ta sẽ không giải quyết, để

rồi lại buộc tội con Nhân Sư khổng lồ (great Sphinx) là cú ngẫu nhiên chúng ta. Nhưng đúng thật là không có một tai nạn nào trong cuộc sống của chúng ta, không có một vận rủi nào mà không thể được truy nguyên về các hành vi của chính chúng ta trong một kiếp này hay một kiếp khác. Nếu chúng ta vi phạm các luật Hải Hòa, hoặc (theo lối diễn đạt của một tác giả Minh Triết Thiêng Liêng) “các định luật của sự sống”, chúng ta phải sẵn sàng rơi vào tình trạng hỗn loạn mà chúng ta đã tạo ra. Ấy là vì, cũng theo tác giả trên:

Chúng ta chỉ có thể kết luận một điều là các định luật của sự sống này chính là các kẻ báo phục (avengers); do đó, mọi thiên thần báo ứng chỉ là một đại biểu của phản ứng của chúng.

Do đó, nếu có kẻ nào vô phương tự vệ trước các luật bất di bất dịch này thì đó không phải là chính chúng ta, những kẻ tạo ra số phận của mình, mà đúng hơn lại là các Thiên Thần này, các Đấng duy trì sự Hải Hòa. Nghiệp Quả - Số Mệnh chẳng có gì khác hơn là hiệu quả tinh thần năng động của các nguyên nhân đã được tạo ra, và các thần lực được khơi hoạt do chính các hành động của chúng ta. Có một định luật của động lực học Huyền bí (Occult dynamics) cho rằng :

“Một lượng năng lượng đã định hao tổn trên cảnh giới tinh thần tạo ra các kết quả lớn lao hơn nhiều so với cũng một số lượng năng lượng đó khi hao tổn trên cảnh giới hồng trần”.

Tình trạng này sẽ còn tồn tại cho tới khi con người đã khai mở được trực giác tinh thần, khi chúng ta đã vứt bỏ được các lớp vỏ Vật Chất của mình một cách rõ rệt, khi chúng ta bắt đầu hành động từ *bên trong*, thay vì cứ mãi mê nghe theo các xung lực xuất phát từ *bên ngoài*, các xung lực do các giác quan vật chất và thể xác trọng trước của chúng ta tạo ra. Tới lúc đó, các phương thuốc duy nhất làm giảm bớt các điều ác trong cuộc sống chính là sự hài hòa, kết hợp – một tình

trạng Huynh Đệ THỰC SỰ chứ không phải chỉ là lòng vị tha trên danh nghĩa. Việc thủ tiêu chỉ một *nhân* xấu thôi cũng sẽ thủ tiêu chẳng phải chỉ một mà là nhiều quả xấu. Nếu một Đoàn thể huynh đệ, hoặc thậm chí một số Đoàn thể huynh đệ, không thể ngăn cản được các quốc gia đôi khi tàn sát nhau, thì sự thống nhất tư tưởng và hành động, việc dùng triết học khảo cứu các bí nhiệm của hiện tồn, sẽ vẫn còn luôn luôn ngăn cản được một số người – đang cố gắng tìm hiểu cái điều đối với họ đến nay vẫn còn bí hiểm – tạo thêm các nhân ác trong một thế giới đã đầy đầy hận thù, khốn khổ. Hiểu được vấn đề Nghiệp Quả sẽ khiến cho chúng ta tin chắc rằng nếu

....sự kiện đức hạnh lâm nguy, tội xấu hoành hành

Biến nhân loại thành ra những kẻ vô thần.

ấy chỉ là vì nhân loại đã lờ đi cái đại chân lý cho rằng chính con người cứu rỗi mình và cũng chính con người hủy diệt mình. Y không nên buộc tội Trời, chư Thiên, Định Mệnh và Thiên Hựu đã tạo ra sự bất công hiển nhiên hoành hành giữa nhân quần. Tốt hơn, y nên nhớ kỹ và nhắc đi nhắc lại áng văn minh triết Hy Lạp sau đây, nó khuyến cáo con người đừng buộc tội Cái Đó vốn

Công minh, mặc dù bí nhiệm. Nó dẫn dắt chúng ta

đi qua những con đường chính xác không hề in

dấu tội lỗi phải bị trừng phạt;

hay đó là các con đường mà các đại cường quốc ở Âu Châu đang đi theo. Mọi quốc gia và mọi bộ lạc của Giống dân Ấryans Tây phương cũng như các huynh đệ Đông phương thuộc Giống dân thứ Năm, đều có Thời đại hoàng kim và Thời đại suy vi của mình. Chúng đã trải qua thời kỳ vô tội tức Chu kỳ Chánh Pháp thuần khiết, và nay nhiều quốc gia

đã đạt tới Thời đại suy vi, Chu kỳ MẠT PHÁP (KALI YUGA); một thời kỳ *hắc ám đầy hãi hùng*.

Mặt khác, đúng là các Chu kỳ ngoại môn của mọi quốc gia đều được chính xác dẫn xuất từ và tỏ ra tùy thuộc vào các chuyển động tinh đầu. Các chuyển động tinh đầu có liên hệ bất khả phân ly với số phận của các quốc gia và nhân loại.

370 Nhưng theo ý nghĩa thuần túy vật chất, Âu Châu chẳng biết Chu kỳ nào khác hơn là các Chu kỳ thiên văn; nó đã tính toán theo các chu kỳ đó. Nó cũng chưa hề nghe nói tới bất kỳ vòng tròn *tuồng tượng* nào trên bầu trời lấp lánh ánh sao bao quanh chúng.

Các tinh cầu chính tâm và tâm sai,
nguyệt ngoạc qua các chu kỳ và ngoại luân. ⁽¹⁾

Nhưng đối với các tín đồ Ngẫu tượng giáo (the Pagan) – Coleridge đã nhận xét về họ rất đúng như sau: “Thời gian, thời gian tuần hoàn, chính là việc họ trừu tượng hóa Đấng Thánh Linh”, “Đấng Thánh Linh” này chỉ biểu lộ xuyên qua và liên hợp với Nghiệp Quả, và chính là NGHIỆP QUẢ - SỐ MỆNH đó – các Chu kỳ chẳng có ý nghĩa gì khác hơn là một chuỗi các biến cố, hoặc một thời gian tuần hoàn nào đó. Ấy là vì chúng thường được đánh dấu bởi sự trở đi trở lại có một tính cách trí thức và biến thiên hơn mức được phô bày trong sự luân chuyển tuần hoàn của các mùa hoặc của một vài chòm sao. Minh triết hiện đại thỏa mãn với các phép tính và các phép tiên tri thiên văn, dựa vào các định luật toán học chính xác. Minh triết cổ truyền thêm vào cái lớp vỏ lạnh lùng của thiên văn học các yếu tố phú linh của linh hồn và tinh thần – đó là CHIÊM TINH HỌC. Vì các chuyển động tinh đầu vẫn điều chỉnh và xác định các biến cố khác trên địa cầu –

¹ Thiên Đàng đã mất, Quyển viii.

ngoài khoai tây và các bệnh định kỳ của loại rau củ hữu ích này ra (đó là một phát biểu mà nếu không được giải thích, sẽ chỉ bị chế nhạo, tuy vẫn được chấp nhận) – các biến cố này phải bị tiên định theo các tính toán đơn giản của thiên văn học. Những người tin tưởng vào chiêm tinh học sẽ hiểu được ý chúng ta, còn những kẻ hoài nghi sẽ chế nhạo niềm tin này và giễu cợt ý tưởng này. Thế là họ đã nhắm mắt lại, giống như con đà điểu, trước số phận của mình. ⁽¹⁾

¹ Tuy nhiên, không phải là ai ai cũng vậy, vì có các nhà khoa học ngộ được chân lý. Chúng tôi đã đọc được đoạn sau đây: “Khi ngược nhìn về bất cứ phía nào, chúng ta đều gặp một bí nhiệm... chúng ta chẳng biết được điều gì trong thiên nhiên. Thế nhưng, có nhiều kẻ suy tư hời hợt cho rằng không gì có thể được tạo ra bởi các lực tự nhiên đã được quan sát thấy từ lâu rồi. Chúng chỉ dành riêng cho sách vở và được tập hợp lại một cách ít nhiều khôn khéo nhờ vào các lý thuyết, mà vào lúc này, sự tồn tại nhất thời đã chứng tỏ rằng chúng còn khiếm khuyết. Tôi không tự nhận việc bác bỏ sự khả hữu của các thực thể vô hình, có một bản chất khác hẳn với bản chất của chúng ta và có thể khiến cho vật chất tác động. Suốt bao thời đại, các triết gia thâm thúy đều đã thừa nhận điều này như là một hệ quả của đại luật liên tục hiện đang chi phối vũ trụ. Cái cuộc sống trí thức mà chúng ta thấy phát khởi (theo một cách nào đó) từ hư vô và dần dần đạt tới con người, liệu nó có bất thần dừng lại nơi con người, để rồi chỉ tái xuất hiện trong vô cực, nơi bộ máy điều chỉnh tối cao của thế giới hay không? Chẳng có lẽ”. Do đó, “Tôi không phủ nhận sự tồn tại của các vong linh hơn là phủ nhận linh hồn, nhưng trong khi đó, tôi vẫn cố gắng giải thích một vài sự kiện mà không cần tới giả thuyết này”. Các Lực Bất Định, Khảo Cứu Lịch Sử và Thực Nghiệm, trang 3 (ấn hành tại Paris, 1877). Tác giả là A. de Rohas, một nhà khoa học trứ danh ở Pháp, tác phẩm của ông là một trong các cột mốc thời gian.

Ấy là vì cái gọi là thời kỳ lịch sử ngắn ngủi của họ đâu có cho họ biết ranh giới nào mà so sánh. Bầu trời tinh đầu mở ra trước mắt họ; mặc dù linh nhãn của họ còn chưa khai mở, bụi khí quyển có nguồn gốc địa cầu còn che khuất mắt họ và trói buộc nó bên trong phạm vi của các hệ thống vật chất, song họ vẫn tri giác được các chuyển động và ghi nhận được tác động của các sao băng và sao chổi. Họ ghi nhận sự xuất hiện định kỳ của các kẻ lang thang và các “sứ giả cháy rực” này, và do đó, tiên tri được các trận động đất, các trận mưa sao băng, sự xuất hiện của một vài ngôi sao, sao chổi v.v... Thế thì, sau rốt, họ có phải là thầy bói không ? Không đâu, họ là các nhà thiên văn học thông thái.

Thế thì, tại sao người ta lại không tin tưởng vào các nhà Huyền bí học và các nhà chiêm tinh (vốn cũng thông thái chẳng kém các nhà thiên văn học này) khi họ tiên đoán sự trở lại của một biến cố tuần hoàn nào đó theo các nguyên lý toán học giống như vậy? Tại sao người ta lại chế nhạo khi họ tự cho là mình biết sự trở lại này? Các bậc tiền bối của họ đã ghi nhận sự trở đi trở lại của các biến cố đó vào thời họ, suốt một thời kỳ bao hàm hàng trăm ngàn năm; sự giao hội của các chòm sao giống nhau, tất nhiên phải tạo ra (dù sao đi nữa) các hiệu quả tương tự, nếu không muốn nói là giống y hệt. Liệu các lời tiên tri có bị chế nhạo vì tự cho là đã được thực hiện trong hàng trăm ngàn năm quan sát, và hàng triệu năm đối với các Giống người hay không? Đến lượt khoa học hiện đại lại bị những kẻ cứ khư khư bám lấy niên đại Thánh kinh chế nhạo, vì các số liệu về nhân loại học và địa chất học của nó nhỏ nhoi hơn nhiều. Như thế, Nghiệp Quả đã hiệu chỉnh cả sự cười nhạo của con người, khiến cho các giáo phái, các hội thông thái và các cá nhân nhạo báng lẫn nhau. Song le, không có hiện tượng tâm linh nào đáng đáng tới sự tiên tri

các biến cố tương lai *như vậy*; dù sao đi nữa, tất cả đều được tiên đoán dựa vào thẩm quyền của các sự tái lâm tuần hoàn. Nó chẳng phải là sự *tiên đoán* hay sự *tiên tri*, cũng giống như là việc ghi nhận một ngôi sao chổi hoặc ngôi sao nhiều năm trước khi nó xuất hiện. Chỉ có minh triết và các phép tính toán chính xác về mặt toán học mới khiến cho các bậc hiền triết ở phương Đông tiên đoán (chẳng hạn như) là nước Anh sắp bị một thảm họa nào đó, nước Pháp đang tiến gần tới mức thuộc Chu kỳ của nó, còn Âu Châu nói chung có nguy cơ (hay đúng hơn sắp) bị một đại họa mà Chu kỳ *Nghiệp Quả chủng tộc* đã đưa nó tới. Dĩ nhiên là quan điểm của chúng ta về sự đáng tin cậy của thông tin này còn tùy thuộc vào việc chúng ta chấp nhận hay bác bỏ lời tuyên bố là đã quan sát một thời kỳ lịch sử rất dài. Các Điểm đạo đồ Đông phương quả quyết rằng họ đã bảo tồn được các tài liệu về sự phát triển của nhân loại và các biến cố có tầm quan trọng thế giới ngay từ lúc khai sinh ra Giống dân thứ Tư (sự hiểu biết của họ và các biến cố diễn ra trước thời kỳ đó thật là cổ truyền). Và lại, những kẻ nào tin tưởng vào Thần Nhân và các Quyền Năng sẽ dễ dàng tin tưởng vào (ít nhất là) tính cách tổng quát của thông tin được trình bày (cho dù nó là cổ truyền) một khi mà truyền thống này đã được nhân thông và Minh Triết Nội Môn kiểm tra và hiệu chỉnh lại. Nhưng trong trường hợp hiện nay, chúng ta không tự cho rằng mình chủ yếu là tùy thuộc vào bất cứ niềm tin nào siêu hình như thế, vì đã có bằng chứng dựa vào cái mà mọi nhà Huyền bí học coi là bằng chứng hoàn toàn khoa học, là các tài liệu được lưu trữ qua *Hoàng Đạo* suốt hàng vô lượng thời.

Nay người ta chứng tỏ rõ ràng rằng ngay cả các lá số Tử vi và Chiêm tinh học tiên đoán cũng không phải là hoàn toàn

dựa vào tường tượng; do đó, các Ngôi sao và các chòm sao có một tác dụng huyền linh và một liên hệ bí nhiệm với các cá nhân. Nếu nó có liên hệ với các cá nhân, thì tại sao nó lại không có liên hệ với các quốc gia, các chủng tộc và nhân loại xét chung? Điều này lại là một tuyên bố dựa vào thẩm quyền của các tài liệu lưu trữ. Thế thì, chúng ta sẽ đi tìm xem Cổ nhân đã biết tới Hoàng Đạo từ bao lâu rồi và thiên hạ thời nay quên mất nó từ bao lâu rồi.

TIẾT 16

HOÀNG ĐẠO THẬT LÀ XƯA CŨ (THE ZODIAC AND ITS ANTIQUITY)

JORDAN cho rằng: “Mọi người đều hay kiêu hãnh về sự hiểu biết của mình và cứ khư khư bám lấy những ý kiến mà mình chủ trương”. Ông còn nói thêm một cách chí lý như sau: “Thế nhưng, hầu hết mọi người đều được dẫn dắt bởi sự hiểu biết của kẻ khác, chứ không phải sự hiểu biết của chính mình. Chúng ta có thể nói chính xác hơn là họ chấp nhận chứ không sáng tạo ra các ý kiến của họ”.

Điều này chưa chắc đã đúng đối với các ý kiến của khoa học về các giả thuyết được đề ra để cứu xét – thành kiến và tiên kiến của cái gọi là các “thẩm quyền” thường quyết định về các vấn đề có tầm quan trọng sinh tử nhất đối với lịch sử. Các nhà Đông phương học của chúng ta đã bám lấy nhiều quan niệm tiên định như vậy, thế mà, ít có quan niệm nào lại vô lý hơn điều sai lầm tổng quát liên quan tới sự xưa cũ của Hoàng Đạo. Nhờ vào trò tiêu khiển của một vài nhà Đông phương học người Đức, các học giả tiếng Bắc Phạn người Anh và Mỹ đã chấp nhận ý kiến của Giáo sư Weber cho rằng người Ấn Độ chẳng biết gì về Hoàng Đạo trước khi có sự xâm lược của người Macedonia, và người Ấn Độ thời xưa đã du nhập nó vào xứ sở của mình từ Hy Lạp. Nhiều “nhân vật có thẩm quyền” khác lại cho chúng ta biết thêm rằng không có quốc gia Đông phương nào biết gì về Hoàng Đạo trước khi

mà người Hy Lạp đã có hảo ý làm cho các lân bang của mình quen thuộc với phát minh đó. Ngay chính họ cũng tuyên bố điều này trong Thánh thư Job (xem như là giáo luật Hebrew xưa nhất và chắc chắn là trước thời Moses). Đó là Thánh thư *bàn về* sự tạo lập của “Arcturus, Orion và chòm sao Rua [Osh, Kesil và Kimah] và các cung ở phương Nam” ⁽¹⁾; của chòm sao Hồ Cáp (Scorpio) và Mazaroth – MƯỜI HAI CUNG (the TWELVE SIGNS) ⁽²⁾; những *lời lẽ* trên chẳng có ý nghĩa gì khác hơn là ám chỉ rằng ngay cả các bộ lạc du mục Ả Rập cũng hiểu biết về Hoàng Đạo. Người ta đã tuyên bố rằng *Thánh Thư Job* có trước thời Homer và Hesiod ít nhất là một ngàn năm (thế mà hai thi sĩ Hy Lạp này lại sinh hoạt khoảng tám thế kỷ trước T.C. (!!)). Dù vậy, nhân tiện kẻ nào ưa tin tưởng vào Plato – ông cho rằng Homer còn sinh hoạt trước nữa – có thể nêu ra một số cung Hoàng Đạo được đề cập tới trong Iliad và Odyssey, trong các bài thơ của Orpheus và ở đâu đó nữa. Nhưng vì giả thuyết hoang đường của một vài nhà phê bình hiện đại xem như quá xa vời với thời Orpheus, Homer hoặc Hesiod, nên hình như thật là mất thì giờ nếu đề cập tới tất cả các tác giả cổ sơ này. Thật vậy, Job người Ả Rập cũng đủ rồi; trừ phi nay người ta cũng sẽ tuyên bố rằng tác phẩm than vãn của ông, cùng với các bài thơ của hai người Hy Lạp (chúng ta có thể thêm vào các bài thơ của Linus) là tác phẩm ngụ tạo có tính cách ái quốc của người Do Thái Aristobulus. Nhưng nếu vào thời Job người ta đã biết tới Hoàng Đạo thì làm thế nào mà người Ấn Độ văn minh và có óc triết học lại vẫn còn không biết tới chúng?

¹ Chương ix, 9.

² Chương xxxviii, 31, 32.

Đánh liều chịu những mũi dùi chỉ trích hiện nay – đã khá cùn nhọt (blunted) do sự lạm dụng – độc giả có thể làm quen với ý kiến của nhà thông thái M. Bailly về vấn đề này. Những điều suy lý diễn dịch có thể tỏ ra là sai lầm. Các phép tính toán học còn có cơ sở vững chắc hơn. Xuất phát từ nhiều tài liệu thiên văn học trong Thánh thư Job, M. Bailly đã sáng chế ra một phương tiện kỳ diệu chứng tỏ rằng những người đầu tiên sáng lập ra khoa học về Hoàng Đạo thuộc về một dân tộc sơ khai, trước thời Đại Hồng Thủy. Sự kiện ông sẵn lòng thấy một vài tộc trưởng trong Thánh kinh nơi Thoth, Seth và người Trung Hoa Fohi (Phục Hy), không có dính dáng gì tới giá trị của bằng chứng về sự xưa cũ của Hoàng Đạo.⁽¹⁾ Để luận chứng, cho dù có chấp nhận rằng 3700 năm về trước T.C. đúng là thời đại của Hoàng Đạo học, thời kỳ này cũng chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng người Hy Lạp không hề phát minh ra Hoàng Đạo, vì lý do đơn giản là họ không tồn tại như một quốc gia ba mươi bảy thế kỷ trước T.C. (dù sao đi nữa không phải là một chủng tộc lịch sử được các nhà phê bình thừa nhận). Rồi M. Bailly tính toán thời kỳ mà các chòm sao biểu lộ tác dụng khí quyển được Job gọi là “các tác dụng êm dịu của chòm sao Rua”, ⁽²⁾ tiếng Hebrew gọi là Kimah; các tác dụng của Orion, Kesil; và các tác dụng của mưa *sa mạc* đối với chòm sao *Thần Nông* (*Hổ*

¹ Thiên văn học Cổ truyền, trang 53. Quyển iv, trong Các Vong Linh.

² Mọi người đều biết rằng chòm sao Rua là bảy ngôi sao phía bên ngoài chòm sao Kim Ngưu, nó xuất hiện vào đầu mùa Xuân. Trong Nội môn Bí giáo Ấn Độ, chúng có một ý nghĩa rất huyền bí có liên quan tới *Âm Thanh* và các nguyên khí huyền bí khác trong Thiên Nhiên.

Cáp), chòm sao thứ tám. Ông thấy rằng vì luôn luôn có sự phù hợp của các Cung Hoàng Đạo với danh xưng của các hành tinh được thích ứng theo cùng một trật tự ở bất cứ nơi đâu và bất cứ khi nào, vì không thể gán hết điều này cho sự may rủi và sự “trùng hợp” – “nó không bao giờ tạo ra những điều tương tự như thế - nên đúng thật là phải chấp nhận sự xưa cũ của Hoàng Đạo. ⁽¹⁾

Lại nữa, nếu chúng ta giả sử rằng Thánh kinh có thẩm quyền đối với bất cứ vấn đề gì – có một số người vẫn còn coi như vậy, dù là quan điểm Thiên Chúa giáo hay Do Thái giáo – bấy giờ rõ ràng là Hoàng Đạo đã được đề cập tới trong Thánh thư Vương Sử (Kings) II, xxiii, 5. Trước khi đại lễ sư Hilkiah “tìm thấy Pháp điển” (xxii, 8) người ta đã biết tới và
 375 tôn thờ các cung Hoàng Đạo. Các cung Hoàng Đạo này được tôn thờ chẳng khác nào Mặt Trăng và Mặt Trời, vì

Các lễ sư mà các vị vua Judah đã ra lệnh thấp nhang ... kính lễ Baal, mặt trời, mặt trăng, các hành tinh và mọi tập đoàn Thiên giới. ⁽²⁾

hoặc kính lễ “*mười hai cung hay mười hai chòm sao*” (theo chú thích bên lề của Thánh kinh tiếng Anh) – đều tuân theo lệnh này trong hàng thế kỷ. Chỉ có Quốc vương Josiah (620 trước T.C.) mới chặn đứng được sự tôn sùng của họ.

Cựu Ước đầy đầy những điều ám chỉ tới mười hai cung Hoàng Đạo, và toàn bộ hệ thống – anh hùng, nhân vật và biến cố - đều dựa vào nó. Vì thế, trong giấc mơ của Joseph (ông thấy mười một “Ngôi Sao” nghiêng mình trước Ngôi sao thứ *mười hai* – đó là “Ngôi Sao” của *chính ông*), Hoàng Đạo cũng được đề cập tới. Hơn nữa, các tín đồ Thiên Chúa

¹ Xem Thiên Văn Học Cổ Truyền, trang 63 – 68.

² Thánh thư Vương Sử (Kings) II, xxiii, 5.

giáo La Mã đã thấy trong đó một lời tiên tri về Đức Christ (theo họ, Ngài là Ngôi Sao thứ mười hai), còn các ngôi sao khác là mười một Tông đồ; sự khuyết tịch của ngôi sao thứ mười hai cũng được xem như là một điều tiên tri ám chỉ sự phản bội của Judas. Lại nữa, mười hai đứa con của Jacob cũng ám chỉ điều trên (Villapandus đã phát biểu thật là chí lý như vậy).⁽¹⁾ Trong Lịch sử Ba Tư, ⁽²⁾ James Malcolm đã chứng tỏ rằng *Dabistān* cũng phản ánh một truyền thuyết như vậy về Hoàng Đạo. Ông truy nguyên sự sáng chế ra nó tận Thời Đại Hoàng Kim của Ba Tư và nhận xét rằng một trong các truyền thuyết ấy chủ trương rằng chư Thần Linh của hành tinh được tiêu biểu bởi các hình dáng mà các Ngài đã khoác lấy khi các Ngài xuất hiện trước các bậc Đạo Sư, do đó, đã dẫn tới việc lập nên các nghi thức dựa vào Hoàng Đạo.

Pythagoras và sau ông, Philo Judaeus, coi số 12 là con số rất linh thiêng.

Số 12 thật là toàn bích (perfect). Đó là số cung của Hoàng Đạo mà mặt trời đi qua trong mười hai tháng. Chính để tôn vinh con số này mà Moses đã chia quốc gia mình thành mười hai bộ lạc, lập nên mười hai bánh thánh ⁽³⁾ và gắn mười hai viên ngọc quý vào hộ tâm kính của các vị giáo chủ ⁽⁴⁾.

Theo Seneca, Berosus đã dạy các tiên tri mọi biến cố và thảm họa tương lai bằng Hoàng Đạo. Người ta thấy các thời gian mà ông ấn định cho sự bùng cháy thế giới (Chu kỳ Hỗn

¹ Thánh điện Jerusalem, Quyển II, Phần II, xxx [Các Vong Linh, Quyển iv, trang 58].

² Chương vii [Các Vong Linh, Quyển iv, trang 55].

³ Tư giáo thư (Leviticus) xxiv, 5.

⁴ Được Mirville trích dẫn trong Các Vong Linh, Quyển iv, trang 58 – 59.

Nguyên) và một trận Đại Hồng Thủy tương ứng với thời gian được trình bày trong một tài liệu bằng giấy cỏ chỉ ở cổ Ai Cập. Một thảm họa như thế diễn ra vào lúc đổi mới một Chu kỳ Thiên Văn 25 868 năm. Danh xưng của các tháng của dân Akkadians lại được gọi theo và dẫn xuất từ danh xưng của các cung Hoàng Đạo, thế mà dân Akkadians lại còn tồn tại trước dân Chaldea nhiều. Trong Huyền Thoại và Các Điều Kỳ Diệu của Thiên Văn Học, ông Proctor đã chứng tỏ rằng các nhà thiên văn học thời xưa đã có được một hệ thống thiên văn học chính xác nhất vào khoảng 2 400 năm trước T.C. Người Ấn Độ xác định Chu kỳ Mặt Pháp theo một sự giao hội tuần hoàn vĩ đại của các hành tinh vào khoảng ba mươi một thế kỷ trước T.C.; mặc dù vậy, chính những người Hy Lạp có tham dự cuộc viễn chinh của Đại Tá Alexander mới dạy thiên văn học cho những người Ấryan Ấn Độ !

Cho dù Hoàng Đạo có nguồn gốc là Ấryan hay Ai Cập đi nữa, thì nó vẫn có nguồn gốc rất xa xưa. Vào thế kỷ thứ sáu trước T.C. Simplicius đã xác định rằng ông luôn luôn nghe nói rằng người Ai Cập đã bảo tồn được các tài liệu quan sát thiên văn trong thời kỳ 630 000 năm. Phát biểu này dường như làm cho ông Gerald Massey hoảng sợ, ông đã nhận xét về nó như sau:

Nếu chúng ta giải thích số năm này theo tháng mà Euxodus cho rằng người Ai Cập gọi là một năm, nghĩa là một thời kỳ dài bằng hai chu kỳ tuế sai [51 736 năm]. ⁽¹⁾

Diogenes Laertius kéo lùi các phép tính toán thiên văn của người Ai Cập tới 48 863 năm trước thời Đại đế Alexander. ⁽²⁾ Martianus Capella bổ chứng điều này bằng cách cho hậu thế

¹ Sáng Thế Ký Tự Nhiên, Quyển ii, trang 318.

² Lời nói đầu 2.

biết rằng người Ai Cập đã âm thầm nghiên cứu thiên văn học trong hơn 40 000 năm, trước khi truyền thụ cho thế giới. ⁽¹⁾

Trong Sáng Thế Ký Tự Nhiên có trích dẫn nhiều đoạn có giá trị với quan điểm ủng hộ các thuyết của tác giả, nhưng chúng còn biện minh cho Giáo Lý Bí Nhiệm nhiều hơn nữa. Chẳng hạn như nó đã trích dẫn đoạn sau đây trong Cuộc đời Sulla của Plutarch:

Một ngày kia khi bầu trời quang đãng, người ta nghe thấy trong đó có một tiếng kèn inh ỏi, chói tai và thê lương đến nỗi mà nó làm cho thiên hạ phải hoảng sợ. Các bậc hiền triết Tuscan bảo rằng đó là điềm báo trước sẽ có một giống người mới và một sự canh tân thế giới. Họ quả quyết rằng có tám loại người, tất cả đều có cuộc sống và hình thức khác nhau; mỗi loại người đó đều được Trời phân chia cho một thời hạn gồm có một đại niên [25 868 năm].⁽²⁾

Điều này nhắc chúng ta nhớ ngay tới Bảy giống người và Giống người thứ tám – “người thú” – vốn thoát thai từ Giống dân thứ Ba sau này, cũng như là sự đắm chìm và hủy diệt lần lượt các lục địa, nó rốt cuộc sẽ quét sạch hầu hết mọi Giống người này. Iamblichus cho rằng:

Người Assyria đã bảo tồn được không những là các ký sự về 270 000 năm nữa (theo Hipparchus) mà còn là toàn bộ các sự tận độ chúng sinh và thời kỳ của Bảy Đấng Chương Quản Thế Gian. ⁽³⁾

Kết quả này rất gần gũi với phép tính toán của Nội môn Bí giáo. Căn chủng hiện nay (Căn chủng thứ năm) đã xuất hiện được khoảng 1 000 000 năm; khoảng 850 000 năm đã trôi qua từ khi cái đảo lớn cuối cùng của lục địa Atlantis (đảo 377 Ruta của giống dân Atlante, Giống dân thứ Tư) bị nhận chìm.

¹ Thiên Văn Học của Cổ Nhân, Lewis, trang 264.

² Sáng Thế Ký Tự Nhiên, Quyển ii, trang 319.

³ Proclus, In Timaeum, i.

Trong khi đó, Daitya (một đảo nhỏ có một giống dân hỗn hợp) bị hủy diệt cách đây 270 000 năm, trong khoảng Thời Kỳ Băng Hà (xem quyển 3 và 4). Nhưng Bảy Đấng Chương Quản hay bảy triều đại Thánh Vương, lại hiện diện trong các truyền thuyết của mọi dân tộc vĩ đại thời xưa. Bất cứ ở đâu mà số 12 được đề cập tới, thì cứ y như rằng đó là 12 Cung Hoàng Đạo.

Sự kiện này hiển nhiên đến nỗi mà các tác giả theo phái Thiên Chúa giáo La Mã – nhất là những kẻ ủng hộ Giáo Hoàng – đã mặc nhiên thỏa thuận liên kết mười hai Tộc Trưởng Do Thái với các cung Hoàng Đạo. Điều này được thực hiện một cách thần bí, tiên tri; đối với những kẻ vô minh và ngoan đạo, nó chẳng khác nào một điềm gở, một sự mặc nhiên thừa nhận (một cách thiêng liêng) “dân tộc tuyển định của Thượng Đế” – từ khi bắt đầu sáng tạo, Ngài đã cố tình vạch ra trên trời số Tộc Trưởng này. Chẳng hạn như, kỳ diệu thay các tác giả này (trong số đó có De Mirville) lại ghi nhận mọi đặc tính của mười hai cung Hoàng Đạo, trong lời trối trăn mà Jacob nói với các Con cũng như ông xác định tương lai của mỗi Bộ lạc. ⁽¹⁾ Hơn nữa, được biết các cờ hiệu tương ứng của các bộ lạc ấy lại phô ra các biểu tượng và các danh xưng giống như các cung Hoàng Đạo, được lặp lại nơi mười hai viên đá của Urim và Thummin và trên mười hai cánh của hai vị Tiểu Thiên Sứ. Mặc cho các nhà Huyền học nêu trên lo chứng minh sự chính xác của điều tương ứng được viện dẫn, chúng ta cứ việc trích dẫn nó như sau: Con người, tức Bảo Bình, ở trong phạm vi của Reuben, Ngài bị tố cáo là “bất ổn như nước” (Bản Thánh kinh bằng tiếng La Tinh bảo rằng “*hung hăng như nước*”). Song Nam (Gemini) ở trong phạm vi của Simcon và Levi, vì các Ngài có mối liên hệ huynh đệ

¹ Sáng Thế Ký, xlix.

thăm thiết với nhau. Mãnh Sư (Leo) ở trong phạm vi của Judah, “con Sư Tử kiêu hùng” của bộ lạc mình, “chú sư tử con”. Song Ngư (Pisces) ở trong phạm vi của Zabulon, Ngài “sẽ ngự nơi hải cảng”. Kim Ngưu (Taurus) ở trong phạm vi của Issachar vì Ngài là “một con lừa khỏe mạnh đang rùn mình xuống” v.v... và do đó có liên hệ tới các chuồng ngựa. (Xử Nữ) Hồ Cáp ở trong phạm vi của Dan, vốn được mô tả như là “một con rắn, một con rắn lục chực sẵn trên đường để cắn người ta” v.v... Ma Kết (Capricornus) ở trong phạm vi của Naphtali, vốn là “một con hươu cái (một con hươu đực) xông chuồng”. Bắc Giải (Cancer) ở trong phạm vi của Benjamin, vì Ngài thật là “háu ăn”. Thiên Xứng (Libra) ở trong phạm vi của Asher, “có bánh mì sẽ biến thành mỡ”. Nhân Mã (Sagittarius) ở trong phạm vi của Joseph, vì “cây cung của Ngài biểu dương sức mạnh”.⁽¹⁾ Câu kết với Cung thứ mười hai, Cung Xử Nữ (Virgo), độc lập với Hồ Cáp, chúng ta có Dinah, đưa con gái độc nhất của Jacob. Theo tục truyền, các bộ lạc nêu trên ghi mười hai cung trên các hiệu kỳ của họ. Nhưng thật ra, thêm vào các điều trên, Thánh kinh cũng đầy đầy các biểu tượng nhân cách hóa thiên văn học, thần học và vũ trụ luận.

378 Nếu số phận các Tộc Trưởng sống thực mà lại gắn liền chặt chẽ với Hoàng Đạo như thế, thì chúng ta ắt chẳng thể không tự hỏi tại sao sau khi mười hai bộ lạc đã tiêu ma hết, mà mười trong số mười hai cung lại không mầu nhiệm rút lui ra khỏi trường tinh đấu ? Nhưng cần gì việc ấy. Tốt hơn chúng ta nên quan tâm tới lịch sử của chính Hoàng Đạo.

¹ Bỏ sót: Dương Cưu (Aries) trong phạm vi của Gad, “Một đạo quân sẽ thắng Ngài, nhưng cuối cùng Ngài sẽ ca khúc khải hoàn”.

Độc giả nên nhớ tới một vài ý kiến về Hoàng Đạo của nhiều nhân vật có tầm quyền nhất trong lĩnh vực khoa học.

Newton tin rằng, chúng ta có thể truy nguyên sự phát sinh ra Hoàng Đạo tới tận cuộc viễn du của các anh hùng Argonauts; còn Dulaure lại xác định rằng nó có nguồn gốc vào 6 500 năm trước T.C. chỉ có 2496 năm trước khi khai thiên tịch địa, theo niên đại Thánh kinh.

Greuzer cho rằng đâu có khó khăn gì mà chứng minh rằng hầu hết thần phổ học đều có liên hệ mật thiết với lịch tôn giáo và có liên quan tới Hoàng Đạo (về phần nguồn gốc bản so); nếu không phải Hoàng Đạo mà chúng ta biết hiện nay, thì cũng là một cái gì rất tương tự với nó. Ông thấy chắc chắn là Hoàng Đạo và các liên hệ huyền nhiệm của nó là nền tảng của mọi thần thoại, dưới dạng này hay dạng khác. Nó đã tồn tại dưới dạng lạc hậu trong hàng thời đại, trước khi xuất hiện dưới dạng thiên văn học xác định hiện nay, do có một sự phối hợp đặc thù nào đó của các biến cố. ⁽¹⁾

Cho dù “chư Thần Linh hành tinh” (chư Thiên Định Đế Quân thuộc các lĩnh vực siêu phàm) có hiện ra trước các “đạo sư” (trong Dabistân, người ta cao rao như vậy) hay không đi chăng nữa, hình như thế nhân và các chiến sĩ xuất sắc vẫn được biệt đãi như vậy vào thời xa xưa ở Chaldea, khi *Pháp thuật Chiêm tinh* và sự *Giáng linh* được mật truyền.

Xenophon (không có thường nhân nào) thuật lại với Cyrus ... rằng vào lúc lâm chung, y cảm ơn chư Thần Linh và các anh hùng đã thường dạy cho mình về các Cung Hoàng Đạo trên Trời.⁽²⁾

¹ Symbolik, Quyển iii, trang 930.

² Cyropaedia, Quyển iii, trang 7, trích trong Các Vong Linh, Quyển iv, trang 55.

Nếu không thừa nhận rằng Hoàng Đạo học có nguồn gốc xa xưa và phổ quát nhất, làm sao chúng ta có thể giải thích được sự kiện các Cung Hoàng Đạo được truy nguyên tới tận các Thần phổ học xưa cũ nhất? Được biết Laplace rất đỗi sùng sốt khi nghĩ tới việc các ngày Thủy Tinh (Thứ Tư), Kim Tinh (Thứ Sáu), Mộc Tinh (Thứ Năm), Thổ Tinh (Thứ Bảy) và những ngày khác có liên hệ với những ngày trong tuần lễ, với thứ tự và danh xưng ở Ấn Độ giống y như ở Bắc Âu.

Với hệ thống các nền văn minh bản xứ hiện nay rất hợp thời, bạn cứ thử giải thích xem làm thế nào mà các quốc gia không hề có cùng tổ tông, truyền thống và sinh quán, lại có thể thành công trong việc phát sinh ra một loại huyền học thiên giới, đích thực là một tình trạng hỗn độn các danh vị tinh đầu; chẳng có trình tự hoặc đối tượng nào, chẳng có liên hệ tượng hình với các chòm sao mà chúng tiêu biểu; thế mà xét về mặt biểu kiến, chúng vẫn có ý nghĩa đối với các giai đoạn của kiếp sống trần thế của chúng ta – nếu như không có một ý đồ tổng quát, một nguyên nhân và một tín ngưỡng đại đồng thể giới làm nền tảng cho tất cả mọi điều ấy!⁽¹⁾

379 Dupuis cũng đã khẳng định như trên một cách chí lý như sau:

Không thể tìm ra được một chút sự tương đồng nào giữa các phân khu trên trời và các số liệu mà các nhà thiên văn học đã *độc đoán vạch ra*; mặt khác, lại không thể có được sự *tình cờ may rủi*.⁽²⁾

Chắc chắn là không thể có được sự may rủi tình cờ. Không hề có sự tình cờ may rủi trong Thiên Nhiên, nơi mà vạn vật đều phối hợp và có các đơn vị liên hệ với nhau chính xác theo toán học. Coleridge cho rằng :

¹ Các Vong Linh, Quyển iv, trang 59 – 60.

² Nguồn gốc mọi tục Thờ cúng, “Hoàng Đạo”, như trên trang 61.

Sự may rủi tình cờ chẳng qua chỉ là biệt danh của Thượng Đế (tức Thiên Nhiên) vì có những trường hợp đặc biệt mà Ngài không công khai chịu trách nhiệm.

Cứ thay thế từ ngữ “Thượng Đế” bằng *Nghịệp Quả*, chúng ta sẽ có ngay một công lý của Đông phương. Do đó, các điều “*tiên tri*” *tinh đầu* của Hoàng Đạo (theo như cách gọi của các nhà huyền học Thiên Chúa giáo) không bao giờ nhằm nói tới bất kỳ biến cố đặc thù nào (cho dù nó có thể là long trọng và thiêng liêng đối với một phần nhân loại đến đâu đi chăng nữa) mà chỉ nhằm nói tới các định luật tuần hoàn trong Thiên Nhiên (chỉ có các Đạo đồ của chính chư *Thần Linh* tinh đầu mới hiểu được các định luật này).

Không nhà Huyền bí học nào, không nhà Chiêm tinh học Đông phương nào lại đồng ý với các nhà huyền học Thiên Chúa giáo, hoặc thậm chí với cả thiên văn học huyền bí của Kepler, mặc dù ông là một nhà khoa học thông thái. Ấy là vì, nếu các tiên đề của ông hoàn toàn đúng thì các điều suy diễn từ các tiên đề của ông lại bị thiên lệch và phiến diện do có các thành kiến Thiên Chúa giáo. Cái mà Kepler xem như là một điều tiên tri trực tiếp ám chỉ Đấng Cứu Thế, thì các quốc gia khác chỉ thấy là một biểu tượng của một luật vĩnh cửu, có hiệu lực trong Chu kỳ Khai Nguyên hiện nay. Tại sao lại thấy nơi Song Ngư điều trực tiếp ám chỉ Đức Christ (một trong nhiều vị cải cách thế giới, một Đấng Cứu Thế đối với các môn đồ của chính Ngài, song chỉ là một đại Điểm đạo đồ vinh diệu đối với tất cả những người khác) khi chòm sao đó vẫn sáng tỏ như là một biểu tượng của mọi Đấng Cứu Rỗi Tinh Thần của quá khứ, hiện tại và tương lai, ban rải ánh sáng chân lý và xóa tan đêm đen của tâm hồn? Các nhà biểu tượng học Thiên Chúa giáo đã cố gắng chứng tỏ rằng cung này thuộc về Ephraim, con trai của Joseph, kẻ được Jacob tuyển

lựa; do đó, “Đấng Cứu Thế được tuyển lựa” của tín đồ Thiên Chúa giáo đầu tiên phải được sinh ra vào lúc Mặt Trời đi vào Cung Song Ngư. Nhưng nếu Jesus ở Nazareth là Đấng Cứu Thế đó, liệu Ngài có thực sự được sinh ra vào lúc ấy không, hay giờ sinh của Ngài đã bị ấn định như vậy do sự thích ứng của các nhà Thần học, (họ chỉ tìm cách làm cho các tiên kiến của họ thích hợp với các sự kiện tinh đầu và niềm tin tưởng bình dân? Mọi người đều biết rằng chẳng ai biết gì về ngày và năm sinh thực sự của Đức Jesus. Chính những người Do Thái – các tổ tiên của họ đã khiến cho từ ngữ *Dag* có nghĩa là cả “Cá” lẫn “Đấng Cứu Thế” (“Messiah”) trong khi bắt buộc phải phát triển ngôn ngữ giáo sĩ Do Thái của mình – mới là những kẻ đầu tiên chối bỏ lời tuyên bố này của tín đồ Thiên Chúa giáo. Ngoài ra, còn có sự kiện nào nữa đã khiến các tín đồ Bà La Môn liên kết Đấng Cứu Thế của mình (Hóa Thân Vishnu bất diệt) với một Con Cá và trận Đại Hồng Thủy, còn dân Babylon cũng biến *Dag* – On (Nhân ngư và bậc Đạo Sư) của mình thành ra một Con Cá và một Đấng Cứu Thế?

Trong số các nhà Ai Cập học, có những nhà thông thái chủ trương đả phá ngẫu tượng, đã cho rằng :

Khi dân Biệt phái (Pharisees) tìm kiếm một “cung trên trời”, Đức Jesus đã phán rằng: “Sẽ không có cung nào được ban ra đâu ... chỉ có cung (sign) của bậc đạo sư Jonas thôi” (Thánh thư Matthew, xvi, 1, 4)... Cung của Jonas là cung Oan (người Cá Nineveh ...) Chắc chắn là không có cung nào khác hơn cung Mặt Trời tái sinh nơi Song Ngư. Tiếng nói Minh Triết Bí Nhiệm dạy bảo những kẻ mưu tìm các Cung, chẳng thể nào khác hơn là tiếng nói của Người Cá Ichthys, Oannes tức Jonas tái lâm – Y lại không thể biểu hiện bằng xương bằng thịt.

Hình như Kepler vẫn chủ trương rằng vào lúc “lâm phạm”, mọi hành tinh đều giao hội nơi Cung Song Ngư (các

tín đồ Do Thái Bí giáo gọi nó là “chòm sao của Đấng Cứu Thế”). Kepler xác nhận:

Ngôi sao của Pháp sư (Magi) ở chính chòm sao này.

Phát biểu này (do De Mirville trích dẫn của Tiến sĩ Sepp ⁽¹⁾ đã khiến cho De Mirville đánh bạo nhận xét như sau:

Khi loan báo cái ngôi sao mà nhiều quốc gia đã thấy [!],⁽²⁾ mọi truyền thuyết Do Thái đều nói thêm rằng nó sẽ hấp thu bảy mươi hành tinh chủ trì vận mệnh của nhiều quốc gia khác nhau trên hành tinh này.⁽³⁾ Tiến sĩ Sepp cho rằng: “Vì có các điều tiên tri tự nhiên này, nơi các ngôi sao ở trên trời có ghi rằng Đấng Cứu Thế sẽ ra chào đời vào năm 4320 âm lịch, vào các năm đáng ghi nhớ khi mà toàn bộ hợp khúc trên các hành tinh sẽ cử hành ngày đại hội của mình”.⁽⁴⁾

Vào đầu thế kỷ này, thiên hạ lồng lên đòi dân Ấn Độ phải trả lại cho người Do Thái những gì mà họ cướp bóc được: nào là thần linh, nào là tộc trưởng, nào là niên đại. Chính Đại Tá Wilford đã nhận ra Noah nơi Prithu và

¹ Cuộc đời của Đức Chúa Jesus Christ, I, trang 9. Được trích dẫn trong Các Vong Linh, Quyển iv, trang 67.

² Cho dù nhiều quốc gia có thấy cùng một ngôi sao đó hay không đi nữa, tất cả chúng ta đều biết rằng “ba Pháp sư” – với các tôn danh toàn là dân Teuton (Kaspar và Melchior), (Balthazar là ngoại lệ duy nhất); hai vị lại chẳng có bao nhiêu dòng máu Chaldea trong người, có các lăng tẩm được các lễ sư trưng bày nơi nhà thờ chính nổi tiếng ở Calogne. (Thiên hạ không chỉ giả sử mà lại tin chắc rằng thi hài của các vị Pháp sư đã được chôn cất ở đó).

³ Truyền thuyết về *bảy mươi hành tinh* chủ trì vận mệnh của các quốc gia, dựa vào giáo lý vũ trụ khởi nguyên luận Huyền bí dạy rằng, ngoài Dãy Hành Tinh gồm có bảy bầu hành tinh của chúng ta ra, trong Thái Dương Hệ còn có nhiều dãy hành tinh khác.

⁴ Các Vong Linh, Quyển iv, trang 67.

Satyavrata, Enos nơi Dhruva, thậm chí cả Assur nơi Īshvara. Sau khi đã lưu lại biết bao nhiêu năm ở Ấn Độ, ít nhất thì một vài nhà Đông phương học cũng phải biết rằng giai cấp Bà La Môn đâu phải là những kẻ duy nhất có các hình tượng này, hoặc đã chia Đại Chu Kỳ của mình ra thành bốn tiểu chu kỳ. Tuy nhiên, các tác giả có bài đăng trong tờ Khảo cứu Á Châu lại mãi mê suy lý thật là quá trớn. S.A.Mackey, “triết gia, nhà thiên văn và thợ giày” ở Norwich, đã biện luận một cách thích đáng như sau :

Các nhà Thần học Thiên Chúa giáo cho rằng họ có bốn phận phải lên tiếng phản đối các thời kỳ dài của niên đại Ấn Độ; điều này có thể tha thứ được. Thế nhưng, khi một học giả làm bại hoại các danh xưng và số mục của cổ nhân, vo tròn bóp méo chúng thành ra một hình hài hoàn toàn xa lạ với ý của tác giả thời xưa (khi bị cắt xén như thế, chúng lại thích hợp với cái ý tưởng ngông cuồng đã tồn tại sẵn trong đầu óc của y một cách chính xác đến nỗi mà y phải giả vờ sững sốt khi khám phá ra nó), tôi cho rằng y hoàn toàn không thể tha thứ được. ⁽¹⁾

Đoạn trên còn nói tới Đại Úy (sau này là Đại Tá) Wilford, nhưng nó vẫn thích hợp hơn nữa với một trong các nhà Đông phương học thời nay. Đại Tá Wilford là người đầu tiên đã ca ngợi các suy lý quái gở của mình bàn về niên đại của Ấn Độ và kinh Puranas bằng cách liên hệ 4 320 000 000 với niên đại Thánh kinh (có điều là ông đã rút gọn các con số trên thành 4320 năm, vốn được giả sử là năm giáng sinh âm lịch); còn Tiến sĩ Sepp đã chỉ mượn ý tưởng này của vị sĩ quan dũng cảm. Hơn nữa, ông cứ khẳng khẳng thấy chúng là vật đặc hữu của dân Do Thái cũng như là điều tiên tri của tín

¹ Chứng Minh Thiên Văn Học Thần Thoại của Cổ Nhân, Phần II, tức Chìa khóa Urania, trang 23 – 24 (xuất bản năm 1823).

đồ Thiên Chúa giáo, do đó, tố cáo dân Ảryans là đã giúp cho điều thiên khai của dân Semite, trong khi ngược lại mới đúng. Và lại, chẳng cần phải tố cáo người Do Thái là đã trực tiếp tước đoạt của người Ấn Độ các số liệu mà Ezra có lẽ là chẳng biết gì. Hiển nhiên là họ đã vay mượn các số liệu ấy của dân Chaldea cùng với chư Thần Linh Chaldea. Họ đã chuyển 432 000 năm của các Triều đại Thánh Linh Chaldea ⁽¹⁾ thành ra 4 320 năm âm lịch từ lúc khai thiên tịch địa tới kỷ nguyên Thiên Chúa; còn về phần chư Thần Linh Babylonia và Ai Cập, họ đã âm thầm và khiêm nhượng biến các Ngài thành ra các Tộc Trông. Mọi quốc gia đều ít nhiều phạm tội đã thích ứng chư Thần Linh vũ trụ - đã từng chung cho tất cả

¹ Dĩ nhiên là mọi học giả đều biết rằng dân Chaldea tự nhận là các số mã (432) tức 432 000, dành cho các Triều đại Thánh Linh của họ, chẳng khác nào dân Ấn Độ đối với Đại Chu Kỳ của mình (nghĩa là 4 320 000). Do đó, Tiến sĩ Sepp ở Munich đã đảm nhiệm việc ủng hộ Kepler và Wilford tố cáo người Ấn Độ đã vay mượn những điều này của tín đồ Thiên Chúa giáo (dân Do Thái bị tố cáo là mong đợi Đấng Cứu Thế của mình vào năm 4 320 âm lịch !!) Theo các tác giả thời xưa, vì các số liệu này do Berosus dựa vào 120 Saroses – mỗi chu kỳ gồm có sáu Neroses, mỗi Nerose gồm 600 năm; như vậy tổng cộng là 432 000 năm – nên hình như chúng thật là độc đoán, theo nhận xét của De Mirville (Các Vong Linh, Quyển iii, trang 24). Vì thế, vị Giáo sư ngoan đạo ở Munich mới đảm nhiệm việc giải thích chúng *một cách đúng đắn*. Ông tự cho là mình đã giải quyết được vấn đề bí ẩn này bằng cách chứng tỏ rằng: “Theo Pliny, một saros gồm có 222 tháng giáo hội, tức là 18 năm 6/10”, kẻ tính toán tự nhiên là sẽ quay về với các “số liệu của Suidas”, y khẳng định rằng: “120 saroses hợp thành 2 222 năm giáo sĩ tuần hoàn, tương đương với 1656 năm dương lịch”. (Cuộc đời của Đức Jesus, ii, trang 417, do De Mirville trích dẫn).

- thành ra chư Thần Linh anh hùng quốc gia và bộ lạc. Nó đã là vật đặc hữu của dân Do Thái dưới dạng mới là bộ Ngũ Kinh Cự Ước, thế mà có người Do Thái nào đã từng áp đặt
382 nó lên trên bất cứ quốc gia nào khác đâu (lại càng không hề áp đặt lên dân Âu Tây).

Trong khi không ngừng nhận xét các niên đại rất phản khoa học này thật là vô dụng, chúng ta vẫn có thể đưa ra một ít nhận xét tới nơi tới chốn. 4 320 năm *âm lịch* – trong Thánh kinh dùng năm dương lịch – không hề hoang đường như vậy, cho dù việc áp dụng chúng thật là hoàn toàn sai lầm, vì chúng chỉ là phản ánh méo mó của Nội môn Bí giáo nguyên thủy và sau này là giáo lý Bà La Môn liên quan tới các Chu kỳ. Một Ngày của Brahmā bằng 4 320 000 000 năm; một Đêm của Brahmā (tức Chu kỳ Hỗn Nguyên) cũng vậy; sau đó một vòng THÁI DƯƠNG mới sẽ từng bừng mọc lên qua một Chu kỳ Khai Nguyên, nó sẽ chiếu sáng cho Dây Hành Tinh gồm Bảy Bầu Hành Tinh. Giáo lý này đã thâm nhập vào các thế kỷ Âu Châu và Palestine trước kỷ nguyên Thiên Chúa, ⁽¹⁾ và hiện diện trong đầu óc của các tín đồ Do Thái theo Moses. Họ dựa cái tiểu Chu kỳ của mình vào đó, mặc dù nó chỉ được xiển dương nhờ vào các nhà niên đại học Thánh kinh Thiên Chúa giáo, họ chấp nhận nó cũng như ngày 25 tháng 12, ngày mà người ta cho rằng mọi Thần Linh *thái dương* đều đã lâm phạm. Thế thì, có gì lạ đâu nếu người ta cứ *bắt* Đấng Cứu Thế phải giáng sinh vào năm 4 320 *âm lịch*? “Mặt Trời Công Lý Cứu Nhân Độ Thế” đã mọc lên lần nữa và đã xua tan bóng đêm của Chu kỳ Hỗn Nguyên và Hư Vô trên ngoại giới của Bảy Bầu Hành Tinh và Dây Hành Tinh bé nhỏ của chúng ta. Một

¹ Xem Nữ Thần Isis Lộ Diện, II, trang 132.

khi vấn đề tôn thờ đã được giải quyết xong, đâu có gì khó mà làm cho các biến cố giả sử về sự giáng sinh, cuộc đời và sự tịch diệt của Ngài, phù hợp với các nhu cầu của Hoàng Đạo và truyền thống cổ sơ, mặc dù trong trường hợp này, chúng cũng phải hiệu chỉnh lại ít nhiều.

Như thế, những điều mà Kepler – trên cương vị một nhà thiên văn học xuất chúng – tuyên bố cũng dễ hiểu thôi. Ông nhìn nhận tầm quan trọng lớn lao và đại đồng vũ trụ của tất cả các cuộc giao hội hành tinh ấy và cho rằng: “mỗi cuộc giao hội đó là một *khúc quanh lịch sử* của Nhân loại”.⁽¹⁾ Sự giao hội hy hữu của Thổ Tinh, Mộc Tinh và Hỏa Tinh thật là quan trọng và đầy ý nghĩa đối với các nhà Huyền bí học ở Ấn Độ, Trung Quốc cũng như ở Âu Châu, vì nó tạo ra *các kết quả lớn lao* nơi các quốc gia này. Nay việc chủ trương rằng Thiên Nhiên chỉ nhắm tới Đức Christ khi dựng nên những chòm sao quái gở và vô nghĩa (đối với kẻ phạm tục), chắc chắn chỉ là một điều giả định. Nếu người ta cho là không sự tình cờ nào có thể khiến cho các bậc kiến tạo nên Hoàng Đạo (cách đây hàng nghìn năm đánh dấu hình ngôi sao (asterisk) lên hình Kim Ngưu, mà chẳng hề chứng tỏ được là nó tiên tri về

¹ Độc giả phải nhớ rằng khi được các nhà Huyền bí học và huyền học sử dụng, câu “khúc quanh lịch sử” có một ý nghĩa khác thường. Đó không những là một thời kỳ khủng hoảng mà người ta cứ hằng mong đợi là sẽ có một vài biến đổi lớn lao về cấu tạo của con người hay vũ trụ, mà còn là một thời kỳ với các biến đổi về tinh thần vũ trụ. Người Âu Tây gọi năm thứ 63 là năm “đại khủng hoảng”; có lẽ họ đã giả sử một cách chí lý rằng đó là những năm kết thành do việc nhân 7 với các số lẻ 3, 5, 7 và 9. Nhưng trong Huyền bí học, 7 là con số tỷ lệ thực sự của Thiên Nhiên, 7 phải được nhân lên theo một phương pháp khác hẳn phương pháp mà các quốc gia Âu Tây đã từng biết tới.

Thiên Đạo tức Christ có giá trị hơn chữ *aleph* của Kim Ngưu (Taurus) nghĩa là “ĐẮNG ĐỘC TÔN” (“ONE”) và “ĐẮNG BẢN SO” (“FIRST”), còn Christ cũng là *alpha* tức “ĐẮNG ĐỘC TÔN”, thì chúng ta có thể chứng tỏ là “bằng chứng” này thật là vô giá trị một cách kỳ lạ về nhiều phương diện. Mở đầu mọi biến cố là việc Hoàng Đạo tồn tại trước kỷ nguyên T.C.; hơn nữa, mọi Thần Linh Thái Dương (chẳng hạn như Osiris) đều có liên hệ một cách huyền bí với chòm sao Kim Ngưu và đều được các tín đồ gọi là “ĐẮNG BẢN SO”. Và lại, tất cả những người chế ra các tôn danh huyền bí dành cho Đấng Cứu Thế Thiên Chúa giáo đều ít nhiều quen thuộc với ý nghĩa của các cung Hoàng Đạo. Cũng chẳng khó khăn gì mà giả sử rằng họ đã sắp xếp những lời tuyên bố của mình sao cho chúng phù hợp với các cung huyền bí, đến nỗi mà các cung này sẽ tỏ ra là một điều tiên tri đối với một phần nhân loại trong hàng triệu năm, không kể vô số thế hệ đã qua và sắp tới.

Chúng ta được biết:

Trong một số lĩnh vực nào đó, chính sự tình cờ may rủi không thể đặt lên ngay cái đầu bò mộng [Kim Ngưu] đang ra sức đẩy lùi một con Rồng với chiếc thập tự giá có quai. Chúng ta cũng biết rằng chòm sao Kim Ngưu này được gọi là “đô thị lớn của Thượng Đế và mẹ của các điều thiên khai” và cũng là “kẻ thuyết minh diệu âm”, Apis Pacis của Hermontis ở Ai Cập [theo lời quyết đoán của các bậc giáo phụ (patristic fathers)], nó đã trình bày các sấm ký liên quan tới sự giáng sinh của Đấng Cứu Thế.⁽¹⁾

Điều giả sử này của thần học có nhiều lời giải đáp. Một là, chiếc thập tự giá có quai của Ai Cập (tức Tau), thập tự giá Jaina, tức chữ Vạn và thập tự giá của Thiên Chúa giáo đều có cùng một ý nghĩa. Hai là, trừ tín đồ Thiên Chúa giáo ra,

¹ Các Vong Linh, Quyển iv, trang 61.

không có dân tộc hoặc quốc gia nào gán cho con Rồng cái ý nghĩa đã được gán cho nó hiện nay. Con Rắn là biểu tượng của MINH TRIẾT, còn con Bò Mộng, Kim Ngưu, là biểu tượng của sự sinh hóa vật chất, thế tục. Như thế con Bò Mộng (tách rời khỏi con Rồng tức là Minh Triết Thiêng Liêng) cùng với thập tự Tau – xét về mặt nội môn, đó là nền móng của mọi kiến trúc – sẽ có một ý nghĩa hoàn toàn sinh lý, sùng bái sinh thực khí, nếu nó chưa có ý nghĩa nào khác mà các nhà biểu tượng học và các học giả Thánh kinh chưa biết tới. Dù sao đi nữa, nó không hề đặc biệt liên quan tới *Thiên Đạo* của Thánh John (có lẽ trừ trường hợp xét theo một ý nghĩa tổng quát). Kim Ngưu – tiện thể xin nói, đó là một con bò mộng chứ không phải là một *con chiên* – thật là linh thiêng trong mọi vũ trụ khỏi nguyên luận, đối với dân Ấn Độ cũng như là đối với các tín đồ Hòa giáo, đối với dân Chaldea cũng như là đối với dân Ai Cập. Mọi học sinh đều biết quá nhiều.

Có lẽ các nhà Minh Triết Thiêng Liêng sẽ nhớ tới một vài đoạn trong Thánh Thư Khải Huyền, nếu chúng ta đề nghị họ xét tới những điều trình bày trong Nữ Thần Isis Lộ Diện ¹ bàn về chòm sao Xử Nữ và Thiên Long cùng với sự đại đồng vũ trụ của các kiếp tái sinh tuần hoàn của các Đấng Cứu Thế (chư Thần Linh Thái Dương).

384 Năm 1853, nhà Bác học Erard-Mollien trình bày tại Học viện Pháp quốc một tài liệu có khuynh hướng chứng tỏ nguồn gốc xa xưa của Hoàng Đạo Ấn Độ (người ta thấy cội nguồn và triết lý của mọi đại lễ tôn giáo quan trọng nhất của Ấn Độ nơi các cung Hoàng Đạo). Diễn giả ra sức chứng tỏ rằng các lễ nghi tôn giáo này có nguồn gốc ít ra là 3 000 năm trước T.C. Theo ông, Hoàng Đạo của người Ấn Độ còn xa xưa

¹ Quyển II, trang 490.

hơn Hoàng Đạo của người Hy Lạp và khác hẳn nó ở một vài đặc điểm. Trong đó, người ta thấy *Con Rong* ngự trên một cái Cây, ở dưới gốc cây, chúng ta thấy Xứ Nữ, *Kanyā-Durgā*, một trong các Nữ Thần xưa nhất, cuồi trên lưng con Sư Tử kéo lê chiếc xe mặt trời. Ông cho rằng :

Đó là lý do tại sao Trinh nữ Durgā này không phải chỉ gọi cho chúng ta nhớ tới một sự kiện thiên văn, mà còn thật sự là thần linh xưa nhất trên Thiên giới của Ấn Độ. Nàng hiển nhiên cũng là Đấng mà sự tái lâm được loan báo trong mọi tác phẩm Tiên tri – một thời kỳ canh tân thế giới ... Vì những sắc dân nói tiếng Malayālam (ở miền Nam Ấn Độ) vẫn còn gọi tên các tháng theo Hoàng Đạo Ấn Độ này, nên tại sao họ phải bỏ nó để dùng Hoàng Đạo của người Hy Lạp ? Ngược lại, mọi chuyện đều chứng tỏ rằng các số liệu Hoàng Đạo này do người Chaldea truyền lại cho người Hy Lạp (người Chaldea kế thừa các số liệu của tín đồ Bà La Môn).“(1)

Nhưng tất cả những điều này chẳng chứng minh được bao nhiêu. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ những điều mà các kẻ đương thời của Volney đã phát biểu và chấp nhận. Theo Volney, vì Dương Cưu ở mười lăm độ vào năm 1 447 trước T. C. nên suy ra rằng độ thứ nhất của Thiên Xứng đã không thể trùng hợp với xuân phân sau năm 15 194 trước T.C. Ông luận chứng rằng nếu chúng ta kể thêm 1 790 năm đã trôi qua từ khi Đức Christ giáng sinh, dường như là 16 984 năm ắt đã phải trôi qua từ khi bắt đầu có Hoàng Đạo. (2)

¹ Xem Tuyển Tập Hàn Lâm Viện Văn Học, 1853, được trích dẫn trong Các Vong Linh, Quyển IV, trang 62.

² Tàn tích của các Đế quốc, trang 360.

Vả lại, trong Vũ trụ học Trung Hoa, Tiến sĩ Schlegel cho rằng thiên văn học của Trung Hoa có nguồn gốc xa xưa tới 18 000 năm. ⁽¹⁾

Tuy nhiên, vì việc trích dẫn các ý kiến mà không có các bằng chứng thỏa đáng, chẳng có ích lợi bao nhiêu, do đó, tốt hơn chúng ta nên quay sang bằng chứng khoa học. Bailly, nhà thiên văn học Pháp trứ danh ở thế kỷ vừa qua, Hàn lâm viện sĩ v.v... khẳng định rằng các hệ thống thiên văn học của Ấn Độ có nguồn gốc xa xưa nhất; kiến thức của người Ai Cập, Hy Lạp, La Mã (và thậm chí cả người Do Thái nữa) cũng đều từ đó mà ra. Để bênh vực các quan điểm này, ông đã cho rằng :

Các nhà thiên văn học trước thời 1491 thoát tiên là những người Hy Lạp ở Alexandria; Hipparchus, sinh hoạt 125 năm trước kỷ nguyên chúng ta và Ptolemy, 260 năm sau Hipparchus. Tiếp theo các vị này là người Ả Rập, họ phục hồi việc nghiên cứu thiên văn học vào thế kỷ thứ chín. Tiếp theo là người Ba Tư và người Tartars, họ lưu truyền lại cho chúng ta bảng Nassireddin vào năm 1269 và bảng Ulug-beg vào năm 1437. Đó là trình tự các biến cố diễn ra ở Âu Châu trước thời kỳ 1491 ở Ấn Độ. Thế thì, một thời kỳ
385 là cái gì? Đó là sự quan sát kinh độ của một ngôi sao vào một lúc đã định, vị trí trên bầu trời nơi chúng ta quan sát thấy nó; vị trí này được dùng làm một điểm qui chiếu, một khởi điểm để tính toán các vị trí cả quá khứ lẫn tương lai của ngôi sao theo chuyển động đã từng được quan sát của nó. Nhưng nếu chưa xác định được chuyển động của ngôi sao, thì một thời kỳ cũng chẳng làm được gì. Một quốc gia mới tập tễnh bước chân vào lãnh vực khoa học và bắt buộc phải kế thừa khoa thiên văn học của nước ngoài, ắt chẳng thấy gì khó khăn khi ấn định một thời kỳ, vì người ta có thể quan sát một lần duy nhất vào bất cứ lúc nào. Nhưng điều cần thiết hơn

¹ Xem các trang 54, 196 và tiếp theo.

hết, điều bắt buộc phải vay mượn, lại là các yếu tố tùy thuộc vào sự xác định chính xác và cần phải quan sát liên tục (nhất là các chuyển động tùy thuộc vào thời gian và chỉ có thể được xác định một cách chính xác nhờ vào việc quan sát trong hàng thế kỷ. Vì thế người ta phải vay mượn các chuyển động này của một quốc gia đã thực hiện các cuộc quan sát như vậy trong hàng thế kỷ. Do đó, chúng tôi kết luận rằng một dân tộc mới sẽ không thể vay mượn các thời kỳ của một dân tộc xưa mà lại không vay mượn của chúng các “chuyển động trung bình” xuất phát từ nguyên tắc đó, chúng ta sẽ thấy rằng các thời kỳ 1491 và 3102 của Ấn Độ không thể thoát thai từ các thời kỳ của Ptolemy hoặc Ulug-beg.

Người ta còn giả sử rằng khi so sánh các cuộc quan sát của mình vào năm 1491 với các cuộc quan sát do Ulug-beg và Ptolemy thực hiện trước kia, người Ấn Độ đã sử dụng các khoảng cách giữa các cuộc quan sát để xác định các chuyển động trung bình. Đối với một sự xác định như vậy, nhật kỳ của Ulug-beg thật là quá cận đại, trong khi nhật kỳ của Ptolemy và Hipparchus lại chỉ vừa đủ xa xưa. Nhưng nếu các chuyển động của Ấn Độ đã được xác định theo các sự so sánh này, thì các thời kỳ sẽ được liên kết với nhau. Xuất phát từ các thời kỳ của Ulug-beg và Ptolemy, chúng ta sẽ đạt tới tất cả các thời kỳ của người Ấn Độ. Vì thế, đối với người Ấn Độ, các thời kỳ ngoại quốc thật là vô danh hoặc vô dụng. ⁽¹⁾

Chúng ta có thể thêm vào một nhận xét quan trọng khác. Khi một quốc gia bắt buộc phải vay mượn các lân bang mình các phương pháp hoặc các chuyển động trung bình của các bảng thiên văn, thì nó còn phải vay mượn thêm kiến thức về sự bất đồng chuyển động của các thiên thể, các chuyển động của điểm viễn địa, của các tiết điểm và khuynh độ của Hoàng Đạo; tóm lại, đó là các yếu tố mà muốn xác định chúng, chúng ta cần phải có thuật quan sát, một vài dụng cụ và phải rất siêng năng, cần mẫn. Tất cả các

¹ Để có được bằng chứng khoa học chi tiết và kết luận này, xem trang 121 tác phẩm của Bailly, nó chuyên môn bàn về chủ đề này.

yếu tố thiên văn này ít nhiều khác với các yếu tố của người Hy Lạp ở Alexandria, người Ả Rập, người Ba Tư, người Tartars, và cũng chẳng giống chút nào với các yếu tố của người Ấn Độ. Do đó, người Ấn Độ đâu có vay mượn gì của các lân bang.

Nếu người Ấn Độ không vay mượn thì họ ắt phải có một thời kỳ thực sự là của chính mình. Đây ắt phải là thời kỳ năm 1491 sau T.C. hoặc thời kỳ năm 3102 trước T.C. (thời kỳ sau diễn ra trước thời kỳ 1491 tới 4592 năm). Chúng ta phải chọn lựa một trong hai thời kỳ này và quyết định xem thời kỳ nào dựa vào sự quan sát. Nhưng trước khi khởi sự các luận chứng có thể và ắt phải quyết định vấn đề này, chúng ta có quyền trình bày một ít nhận xét đối với những kẻ nào có khuynh hướng tin tưởng rằng chính các cuộc quan sát và các phép tính toán hiện đại đã khiến cho người Ấn Độ có thể xác định các vị trí đã qua của các thiên thể. Đâu có dễ gì mà xác định các chuyển động thiên thể đủ chính xác để ngược dòng thời gian trong 4 592 năm và mô tả các hiện tượng phải diễn ra vào thời kỳ đó. Ngày nay, chúng ta có các dụng cụ tuyệt hảo, nhờ vào các cuộc quan sát chính xác trong hai, ba thế kỷ, chúng ta có thể tính toán được một cách khá chính xác chuyển động trung bình của các hành tinh. Nhờ có đặc tính rất xa xưa so với hiện nay, các cuộc quan sát của dân Chaldea, của Hipparchus và Ptolemy đã khiến cho chúng ta có thể ấn định được các chuyển động này một cách 386 chắc chắn hơn. Song chúng ta còn chưa thể đảm nhiệm việc trình bày một cách chính xác bất di bất dịch các cuộc quan sát trong suốt thời kỳ dài giữa thời dân Chaldea và thời đại chúng ta. Chúng ta lại càng không thể đảm nhận việc xác định một cách chính xác các biến cố diễn ra 4 592 năm trước thời đại chúng ta. Cassini và Maier đã xác định chuyển động trường kỳ của mặt trăng, các số liệu của họ khác nhau 3 phút 43 giây. Trong bốn mươi sáu thế kỷ, sự dị biệt này đã tạo ra một độ ngờ gần ba độ nơi vị trí của mặt trăng. Chắc chắn là một trong các điều xác định này phải chính xác hơn điều xác định kia; chúng ta phải quyết định xem trong số đó, cuộc quan sát nào có nguồn gốc xa xưa nhất. Nhưng vào các thời rất xa xưa, đâu có đủ các cuộc quan sát, nên chúng ta đâu có chắc chắn gì về

các hiện tượng. Thế thì làm thế nào mà người Ấn Độ có thể tính ngược từ 1491 sau T.C. nếu họ chỉ mới nghiên cứu về thiên văn học gần đây?

Người Đông phương chưa bao giờ được như chúng ta. Cho dù chúng ta có thể đánh giá cao trình độ hiểu biết của họ về thiên văn học, chúng ta không thể giả sử rằng họ đã từng có được hàng loạt các khí cụ vốn là đặc điểm của các đài thiên văn của chúng ta và là sản phẩm của sự tiến bộ đồng thời trong nhiều kỹ thuật khác nhau. Họ cũng không thể có được cái thiên tài khám phá cho đến nay dường như vẫn là độc quyền của Âu Châu nhờ thế chỗ cho thời gian, nó sẽ tạo ra sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và trí tuệ con người). Nếu người Á Châu mà dũng mãnh, thông thái và minh triết, thì chính quyền lực và thời gian đã tạo ra công trạng và sự thành công đủ loại của họ. Quyền lực đã dựng nên hoặc hủy hoại các đế quốc của họ; lúc thì nó dựng nên các dinh thự nguy nga đồ sộ, lúc nó lại biến chúng thành ra các tàn tích cổ kính. Trong khi thế sự cứ thăng trầm thì sự kiên tâm trì chí đã tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm lâu dài sẽ tạo ra minh triết. Chính tính cách cổ xưa của các quốc gia Đông phương đã tạo nên uy danh khoa học của chúng.

Nếu vào năm 1491, người Ấn Độ đã hiểu biết về các chuyển động thiên thể đủ chính xác để cho họ có thể tính toán ngược dòng thời gian tới 4 592 năm, thì suy ra rằng họ chỉ có thể hiểu biết được như vậy do việc có các cuộc quan sát rất cổ sơ. Công nhận họ hiểu biết được như vậy, mà lại không chịu thừa nhận các cuộc quan sát là nền tảng của điều đó, thật đúng là giả sử một điều không thể có được. Điều này cũng chẳng khác nào việc giả sử rằng ngay từ khi bắt đầu đời hoạt động của mình, họ đã gặt hái được kết quả của kinh nghiệm và thời gian. Mặt khác nếu giả sử rằng thời kỳ 3102 của họ có thực thì suy ra rằng người Ấn Độ đã chỉ bắt kịp các thế kỷ liên tiếp mãi tới năm 1491 sau T.C. Như thế, chính thời gian đã dạy dỗ họ; họ biết được chuyển động của các thiên thể trong các thời kỳ này vì họ đã thấy được chúng. Sự tồn tại lâu dài của người

Ấn Độ trên trần thế khiến cho các tài liệu của họ thật đáng tin cậy và các tính toán của họ thật là chính xác.

Dường như vấn đề “thời kỳ nào trong số hai thời kỳ 3102 và 1491 mới là thời kỳ có thực” nên được giải quyết bằng một nhận xét. Đó là: cổ nhân nói chung và người Ấn Độ nói riêng đã chỉ tính toán và do đó chỉ quan sát các cuộc thiên thực không thôi (chúng ta có thể thấy điều này qua sự sắp xếp các Bảng biểu của họ). Thế mà chẳng có kỳ nhật thực nào vào thời kỳ 1491, mà cũng chẳng có kỳ nguyệt thực nào trong vòng mười bốn ngày trước hoặc sau lúc đó. Vì vậy thời kỳ 1491 không dựa vào một cuộc quan sát. Về phần thời kỳ 3102, các tín đồ Bà La Môn Tirvaloor xác định nó nhằm lúc mặt trời mọc ngày 18 tháng 2. Bấy giờ mặt trời ở điểm thứ nhất của Hoàng Đạo theo kinh độ thực của mình. Các Bảng khác chứng tỏ rằng vào nửa đêm hôm trước, mặt trăng cũng ở ngay chỗ đó, nhưng theo kinh độ trung bình của mình. Các tín đồ Bà La Môn cũng cho chúng ta biết rằng điều đầu tiên này (nguồn gốc Hoàng Đạo của họ) ở 54 độ sau phân điểm vào năm 3102. Suy ra rằng như thế, nguồn gốc (đầu tiên của Hoàng Đạo) ở 6 độ Bảo Bình.

Do đó, vào thời gian và vị trí này, đã có diễn ra một sự giao hội trung bình, thật vậy, sự giao hội này được trình bày trong các Bảng biểu xuất sắc nhất của chúng ta: bảng của La Caille dành cho mặt trời và bảng của Maier dành cho mặt trăng. Không có nhật thực, còn mặt trăng lại quá xa tiết điểm của mình; nhưng mười bốn ngày sau, khi tiến gần đến tiết điểm, mặt trăng ắt phải bị nguyệt thực. Khi được sử dụng mà không hiệu chỉnh gia tốc, các bảng của Maier trình bày kỳ nguyệt thực này; nhưng chúng xác định nó nhằm vào ngày mà người ta không thể quan sát nó được ở Ấn Độ. Các bảng của Cassini trình bày là nó diễn ra vào ban đêm, chúng tỏ rằng các chuyển động của Maier thật là quá nhanh đối với các thế kỷ xa xưa, khi chưa được phép gia tốc. Điều này chứng tỏ rằng mặc dù tầm hiểu biết của chúng ta đã được cải tiến, chúng ta vẫn còn có thể không biết rõ về đáng về thực sự của các bầu trời thời xưa.

Do đó, chúng ta tin tưởng rằng trong số hai thời kỳ của Ấn Độ, thời kỳ chân thực chính là năm 3102, vì nó kèm theo một kỳ thiên thực có thể quan sát được và phải được dùng để xác định nó. Đây là bằng chứng trước tiên về tính xác thực của vĩ độ mà người Ấn Độ đã gán cho mặt trời và mặt trăng vào lúc đó. Bằng chứng này có lẽ cũng đủ rồi nếu điều xác định xa xưa này không trở nên quan trọng vô cùng đối với việc kiểm chứng lại chuyển động của các thiên thể, và do đó phải xuất phát từ mọi bằng chứng khả hữu về tính xác thực của nó.

1. Trước hết, chúng ta nhận thấy người Ấn Độ hình như đã phối hợp hai thời kỳ lại với nhau thành ra năm 3102. Tín đồ Bà La Môn Tirvaloor chủ yếu là tính từ lúc bắt đầu Chu kỳ Mặt Pháp, nhưng họ có một thời kỳ thứ nhì được xác định 2 hay 3 giờ 32 phút 30 giây sau. Thời kỳ thứ nhì mới là thời kỳ thiên văn thật sự, còn thời kỳ đầu dường như chỉ là một kỷ nguyên thường. Nhưng nếu thời kỳ này của Chu kỳ Mặt Pháp mà không có thực và chỉ là kết quả của một phép tính toán, thì tại sao lại được phân chia như vậy? Thời kỳ tính toán thiên văn của họ hình như đã biến thành thời kỳ của Chu kỳ Mặt Pháp, nó đã được xác định vào lúc mặt trời giao hội với mặt trăng, chẳng hạn như trường hợp các thời kỳ của ba bảng khác. Ất hẳn họ phải có một lý do nào đó nên mới phân biệt hai thời kỳ này với nhau; lý do chỉ có thể do hoàn cảnh và thời gian của thời kỳ này; do đó, nó không thể là kết quả của sự tính toán. Điều này đâu phải là hết. Xuất phát từ thời kỳ thái dương được xác định bởi lúc mặt trời mọc ngày 18 tháng 2 năm 3102 và tính ngược lên 2 ngày 3 giờ 32 phút 30 giây sáng ngày 16 tháng 2, đó là lúc bắt đầu Chu kỳ Mặt Pháp. Thật là kỳ lạ khi thời đại này lại không khởi sự vào một trong bốn phân đoạn lớn của một ngày. Người ta có thể ngờ là thời kỳ này nhắm vào nửa đêm, còn 2 giờ 27 phút 30 giây là một sự hiệu chỉnh kinh tuyến. Nhưng cho dù lý do để ấn định nó có thể thế nào đi chăng nữa, rõ ràng là nếu thời kỳ này là kết quả của sự tính toán, thì việc dời nó đến nửa đêm cũng dễ dàng như việc khiến cho thời kỳ ấy tương ứng với một trong các phân đoạn

chính của một ngày, thay vì xác định nó vào một lúc tương ứng với một phần của một ngày.

2. Người Ấn Độ quả quyết rằng vào lúc bắt đầu Chu kỳ Mặt Pháp, có một sự giao hội của mọi hành tinh. Các Bảng của họ đã trình bày sự giao hội này trong khi các bảng của chúng ta biểu thị rằng nó có thể là đã thực sự xảy ra. Mộc Tinh và Thủy Tinh ở ngay cùng một độ của Hoàng Đạo; Hỏa Tinh cách xa nó 8° , còn Thổ Tinh cách xa nó 17° . Suy ra là vào khoảng thời gian đó, hoặc chừng mười lăm ngày sau Chu kỳ Mặt Pháp bắt đầu và khi mặt trời tiến tới trên Hoàng Đạo, người Ấn Độ thấy bốn hành tinh lần lượt lộ ra từ các tia Mặt Trời; trước hết là Thổ Tinh, rồi tới Hỏa Tinh, Mộc Tinh và Thủy Tinh; tất cả các hành tinh này đều xuất hiện liên hợp trong một không gian quá nhỏ. Mặc dù không có Kim Tinh trong số các hành tinh đó, nhưng cái tật ưa thêm thắt khiến người ta gọi đó là một sự giao hội tổng quát của mọi hành tinh, ở đây chúng có của các tín đồ Bà La Môn lại trùng hợp với chúng có của các bảng biểu của chúng ta; bằng chứng này (vốn là kết quả của một truyền thống) phải được dựa vào công cuộc quan sát thực sự.

3. Chúng ta có thể nhận thấy rằng người ta có thể thấy được hiện tượng này vào khoảng hai tuần lễ sau thời kỳ ấy và đúng ngay lúc chúng ta phải quan sát được cuộc nguyệt thực, nó dùng để ấn định thời kỳ này. Hai cuộc quan sát này xác nhận lẫn nhau; kẻ nào thực hiện cuộc quan sát này ắt cũng phải thực hiện cuộc quan sát kia.

388 4. Chúng ta cũng có thể tin rằng người Ấn Độ đồng thời cũng xác định vị trí tiết điểm của mặt trăng; sự tính toán của họ dường như biểu thị điều này. Họ trình bày kinh độ của điểm đó của quỹ đạo mặt trăng vào lúc có thời kỳ của họ; họ còn thêm vào đó một hằng số 40 phút, đó là chuyển động của tiết điểm trong 12 ngày 14 giờ. Thật như thế là họ xác nhận rằng sự xác định này được thực hiện mười ba ngày sau thời kỳ họ; để làm cho nó tương ứng với thời kỳ đó, chúng ta phải thêm vào 40 phút mà nhờ đó tiết điểm đã đi giật lùi trong khoảng ấy. Như thế cuộc quan sát này xảy ra cùng

lúc với kỳ nguyệt thực; thế là chúng ta có ba cuộc quan sát xác nhận lẫn nhau.

5. Theo sự mô tả Hoàng Đạo Ấn Độ của M.C. Gentil, hình như là vị trí của các ngôi sao được mệnh danh là Mắt của Kim Ngưu và Bông Lúa của Xứ Nữ, có thể được xác định vào lúc bắt đầu Chu kỳ Mạt Pháp. Nay khi so sánh các vị trí này với các vị trí hiện nay (đã được sự tuế sai rút gọn về lúc đang xét); chúng ta thấy rằng điểm gốc của Hoàng Đạo Ấn Độ phải ở giữa năm và sáu độ Bảo Bình. ⁽¹⁾ Do đó các tín đồ Bà La Môn thật là chí lý khi xác định nó ở sáu độ của cung này; sự dị biệt nhỏ nhoi ấy có thể do chuyển động riêng của các ngôi sao mà chúng ta không biết. Như vậy, vẫn còn một cuộc quan sát nữa, nó sẽ dẫn dắt người Ấn Độ trong sự xác định vô cùng chính xác điểm đầu tiên của Hoàng Đạo di động của họ.

Dường như chúng ta không thể nghi ngờ gì về sự tồn tại của các cuộc quan sát thời xưa. Người Ba Tư cho rằng có bốn ngôi sao trấn giữ bốn góc của thế giới. Nay vào lúc bắt đầu Chu kỳ Mạt Pháp (3000 hoặc 3100 năm trước T.C.). Mắt của Kim Ngưu và Tâm của Hổ Cáp ở đúng ngay các phân điểm, trong khi Tâm của Mãnh Sư và Nam Ngư (Southern Fish) ở khá gần các chí điểm. Một cuộc quan sát chòm sao Rua mọc lên vào buổi chiều, bảy ngày trước thu phân, cũng được thực hiện vào năm 3000 trước T.C. Trong các niên lịch của Ptolemy có sưu tập cuộc quan sát này và các cuộc quan sát tương tự, mặc dù ông không trình bày các tác giả của chúng. Các cuộc quan sát này có nguồn gốc xa xưa hơn các cuộc quan sát của dân Chaldea nên chúng rất có thể là công trình của người Ấn Độ. Họ rất quen thuộc với chòm sao Rua; trong khi chúng ta gọi nó bằng tục danh “Poussinière”, thì họ lại gọi nó là Pillālukodi ⁽²⁾ – “Gà mẹ và đàn gà con”. Do đó, danh xưng này được lưu truyền từ dân tộc này sang dân tộc khác, và được các quốc gia cổ kính nhất ở

¹ Trong ấn bản 1888, trang 663, là Thiên Xứng (Libra).

² Một từ ngữ tiếng Tamil.

Á Châu truyền lại cho chúng ta. Chúng ta thấy rằng người Ấn Độ đã phải quan sát chòm sao Rua mọc và đã sử dụng điều này để điều chỉnh năm, tháng của mình; ấy là vì chòm sao này cũng được gọi là Krittikā. Nay họ có một tháng cũng mang tên đó, sự trùng hợp này chỉ có thể do sự kiện tháng này được tuyên bố theo sự mọc hoặc lặn của chòm sao đang xét.

Nhưng có một điều còn quyết định hơn nữa là việc chứng tỏ rằng Augustinus Riccius đã đề cập tới sự kiện người Ấn Độ quan sát các ngôi sao và (giống như chúng ta) dùng kinh độ đánh dấu vị trí của chúng. Theo các cuộc quan sát được gán cho Hermes thực hiện 1 985 năm trước thời Ptolemy, ngôi sao chói lọi trong chòm sao Thiên Cầm (Lyre) và ngôi sao ở tâm của chòm sao Giao Long (Hydra) đều ở bảy độ trước vị trí riêng biệt của chúng ta mà Ptolemy đã xác định. Sự xác định này dường như rất khác thường. Các ngôi sao tiến đều so với phân điểm; Ptolemy phải thấy các vĩ độ đã vượt quá 28 độ so với các vĩ độ vào lúc 1 985 năm trước thời của ông. Ngoài ra, sự kiện này cũng có một điểm đặc biệt đáng lưu ý; chúng ta thấy vị trí của cả hai ngôi sao có một sự sai lệch hoặc dị biệt như nhau; vì vậy sự sai lệch này là do một nguyên nhân nào đó có tác dụng như nhau đối với cả hai ngôi sao. Để giải thích đặc điểm này, người Ả Rập Thebith đã cho rằng các ngôi sao có một dao động khiến cho chúng tiến rồi lại lùi. Giả thuyết này đã bị bác bỏ một cách dễ dàng; nhưng người ta vẫn còn chưa giải thích các

389 cuộc quan sát gán cho Hermes. Tuy nhiên, chúng ta thấy chúng được giải thích trong thiên văn học Ấn Độ. Vào lúc người ta ấn định cho các cuộc quan sát này (1958 năm trước thời Ptolemy), điểm đầu tiên của Hoàng Đạo Ấn Độ ở trước phân điểm 35 độ; do đó, các kinh độ tính cho điểm này vượt hơn 35 độ so với kinh độ tính cho phân điểm. Nhưng sau 1 985 năm các ngôi sao này sẽ tiến được 28 độ và chỉ còn lại sự dị biệt 7 độ giữa các kinh độ của Hermes và kinh độ của Ptolemy. Sự dị biệt này đều như nhau đối với hai ngôi sao, vì nó thoát thai từ sự dị biệt giữa các khởi điểm của Hoàng Đạo Ấn Độ và khởi điểm của Ptolemy (được tính từ phân điểm). Lỗi giải thích này đương nhiên và đơn giản đến nỗi

mà nó ắt phải đúng. Chúng tôi không biết liệu Hermes (vốn được trọng vọng biết bao vào thời xưa) có phải là một người Ấn Độ hay không, nhưng chúng tôi thấy rằng các cuộc quan sát mà người ta gán cho ông được tính theo lối Ấn Độ. Thế là chúng tôi liền kết luận rằng chúng được thực hiện bởi những người Ấn Độ, họ có thể thực hiện mọi cuộc quan sát mà chúng tôi đã liệt kê và thấy ghi chú trong các bảng biểu của họ.

6. Cuộc quan sát vào năm 3102 (nó dường như đã xác định thời kỳ của họ) đâu có gì khó khăn. Sau khi đã xác định được chuyển động hằng ngày của mặt trăng là $13^{\circ} 10' 35''$, người Ấn Độ đã sử dụng nó để chia Hoàng Đạo ra thành 27 chòm sao liên quan tới chu kỳ của mặt trăng mà cần phải mô tả mất 27 ngày.

Chính nhờ phương pháp này mà họ xác định được vị trí của các ngôi sao trong Hoàng Đạo này. Như thế, họ sẽ thấy rằng một ngôi sao nào đó của chòm sao Thiên Cầm ở $8^{\circ} 24'$, Tâm của chòm sao Giao Long ở $4^{\circ} 7'$; đó là các kinh độ được gán cho Hermes, nhưng được tính toán dựa vào Hoàng Đạo Ấn Độ. Cũng vậy, họ khám phá ra rằng Bông Lúa của Xử Nữ là phần đầu của chòm sao thứ mười lăm, còn Mất của Kim Ngưu là phần cuối của chòm sao thứ tư; các ngôi sao này lần lượt ở $6^{\circ} 6' 40''$ và $1^{\circ} 23' 20''$ của Hoàng Đạo Ấn Độ. Như thế kỳ nhật thực đã xảy ra mười lăm ngày sau Chu kỳ Mặt Pháp, đã diễn ra ở một điểm giữa Bông lúa của Xử Nữ và ngôi sao θ của cùng chòm sao đó. Các ngôi sao này gần như là một chòm sao riêng, ngôi sao này là phần đầu của chòm sao thứ mười lăm, còn ngôi sao kia là phần đầu của chòm sao thứ mười sáu. Như vậy, đâu có gì khó khăn khi xác định vị trí của mặt trăng bằng cách đo khoảng cách từ nó tới một trong các ngôi sao này. Từ đó, họ suy ra vị trí của mặt trời (vốn nghịch với vị trí của mặt trăng); bây giờ, khi biết được vị trí trung bình của chúng, họ tính toán được rằng mặt trăng ở điểm đầu tiên của Hoàng Đạo tùy theo kinh độ trung bình của nó ở vào nửa đêm ngày 17 rạng ngày 18 tháng 2 năm 3102 trước T.C. còn mặt trời cũng ở vị trí đó mười hai

giờ sau tùy theo kinh độ thực của nó; đó là một biến cố xác định lúc khởi đầu một năm Ấn Độ.

7. Người Ấn Độ nêu rõ rằng 20 400 năm trước Chu kỳ Mặt Pháp, điểm đầu tiên của Hoàng Đạo của họ trùng với xuân phân, mặt trời và mặt trăng giao hội ở đó. Thời kỳ này hiển nhiên là giả tưởng; ⁽¹⁾ nhưng chúng ta có thể điều tra xem người Ấn Độ đã bắt đầu lập nên nó từ điểm nào và thời kỳ nào. Khi lấy các giá trị của Ấn Độ đối với sự xoay vòng của mặt trời và mặt trăng (nghĩa là 365 ngày 6 giờ 12 phút 30 giây và 27 ngày 7 giờ 43 phút 13 giây), chúng ta có :

20 400 lần sự xoay vòng của mặt trời = 7 451 277 ngày 2 giờ

272 724 lần sự xoay vòng của mặt trăng = 7 451 277 ngày 7 giờ

Đó là kết quả thu được khi xuất phát từ Chu kỳ Mặt Pháp; lời khẳng định của người Ấn Độ cho rằng có một sự giao hội vào lúc đã nêu, đã dựa vào các bảng của họ. Nhưng nếu khi sử dụng cũng các yếu tố đó, mà chúng ta xuất phát từ kỷ nguyên năm 1491, hoặc từ một kỷ nguyên khác thuộc năm 1282 mà chúng ta sẽ nói sau, thì sẽ luôn luôn có một sự dị biệt hầu như là một hoặc hai ngày. Khi kiểm chứng lại các phép tính toán của người Ấn Độ, cũng tự nhiên và chí lý thôi nếu chúng ta kể tới các yếu tố đã đem lại cùng một kết quả như họ, và xuất phát từ cái thời kỳ của họ khiến chúng ta
390 có thể đặt tới thời kỳ giả tưởng đang xem xét. Do đó, vì để thực hiện phép tính toán này, họ phải xuất phát từ thời kỳ thực của mình (thời kỳ đã dựa vào một cuộc quan sát chứ không phải từ bất cứ điều nào thoát thai từ chính phép tính toán dựa vào cuộc quan sát đó), nên suy ra rằng thời kỳ thực sự của họ chính là thời kỳ năm 3102 trước T.C.

8. Các tín đồ Bà La Môn Tirvaloor cho rằng chuyển động của mặt trăng là $7^s 20' 0'' 7''$ ⁽²⁾ trên Hoàng Đạo di động, và $9^s 7' 0'' 45' 1''$ liên quan tới phân điểm trong một đại chu kỳ 1 600 984 ngày tức

¹ Tại sao nó lại là “giả tưởng” khi nó tỏ ra không rõ ràng đối với các khoa học Tây phương.

² $7^s 20' 8''$; trong ấn bản 1888, trang 666.

4386 năm và 94 ngày. Chúng tôi tin rằng chuyển động này đã được xác định dựa vào sự quan sát, chúng tôi cũng phải nêu rõ ngay từ đầu rằng thời kỳ này có một mức độ khiến cho nó chẳng phù hợp bao nhiêu với phép tính toán các chuyển động trung bình.

Trong các phép tính toán thiên văn, người Ấn Độ sử dụng các thời kỳ 248, 3 031 và 12 372 ngày. Nhưng ngoại trừ sự kiện các thời kỳ này (mặc dù quá ngắn) không trình bày sự bất tiện của phép tính toán trên, chúng vẫn bao hàm, một số chính xác vòng quay của mặt trăng liên quan tới điểm viễn địa của nó. Chúng thực sự là các chuyển động trung bình. Đại chu kỳ 1 600 984 ngày không phải là tổng số vòng quay tích lũy lại : chẳng có lý do tại sao nó lại bao hàm 1600 985 ngày. Hình như là chỉ có quan sát mới xác định được số ngày và đánh dấu được sự khởi đầu và chấm dứt của thời kỳ. Thời kỳ này kết thúc vào lúc 5 giờ 15 phút 30 giây ngày 21 tháng 5 năm 1282 sau T. C. tại Benares. Theo người Ấn Độ, lúc bấy giờ mặt trăng ở điểm viễn địa với kinh độ là $7^{\circ} 13' 45''$

Theo Maier, kinh độ của nó là $7^{\circ} 13' 53'' 48''$

Và viễn địa ở tại $7^{\circ} 14' 6'' 54''$

Như thế, người Bà La Môn xác định vị trí của mặt trăng chỉ khác chúng ta chín phút, còn vị trí viễn địa chỉ khác chúng ta hai mươi một phút. Hiển nhiên là họ chỉ có thể đạt được sự phù hợp với những bảng biểu tuyệt hảo của chúng ta và sự chính xác về vị trí của các thiên thể này nhờ vào sự quan sát. Nếu lúc bấy giờ sự quan sát đã xác định được sự chấm dứt của thời kỳ này, thì chúng ta có đủ lý do để tin tưởng rằng nó cũng đã xác định được sự khởi đầu của thời kỳ đó. Nhưng thế thì chuyển động này (vốn được xác định trực tiếp từ thiên nhiên) ắt phải khá phù hợp với chuyển động thực của các thiên thể.

Thật vậy, trong thời kỳ dài 4 883 năm này, các chuyển động của người Ấn Độ không hề khác tới một phút so với các chuyển động của Cassini và cũng phù hợp với các chuyển động của Maier. Thế là hai dân tộc (Ấn Độ và Âu Tây) ở hai phương trời xa tít nhau trên thế giới đã đạt được các kết quả giống y nhau về chuyển động

của mặt trăng; đây thật là một sự phù hợp không thể tưởng tượng nổi nếu nó không dựa vào sự quan sát và sự mô phỏng thiên nhiên. Chúng ta phải nhận thấy rằng; tất cả bốn bảng của người Ấn Độ đều mô phỏng theo cùng một khoa thiên văn học. Không thể chối cãi được các bảng của Thái Lan đã tồn tại vào năm 1687, khi chúng được ông de la Loubère mang từ Ấn Độ tới. Vào lúc đó, các bảng của Cassini và Maier vẫn chưa có; thế là người Ấn Độ đã có được chuyển động chính xác bao hàm trong các bảng này rồi, trong khi chúng ta còn chưa có.⁽¹⁾ Do đó, phải thừa nhận rằng sự chính

¹ “Sau đây là một lời giải đáp cho các nhà khoa học có thể nghi ngờ là các nhà truyền giáo của chúng ta đã đem thiên văn học đến Ấn Độ và truyền thụ lại cho người bản xứ.

1. Khoa thiên văn học Ấn Độ có các dạng đặc thù của riêng mình nếu nó thoát thai từ khoa thiên văn học của chúng ta, cần phải rất thông thái và tài giỏi mới ngụy trang được sự vay mượn đó.

2. Khi chấp nhận chuyển động trung bình của mặt trăng, họ cũng đã chấp nhận khuynh độ của Hoàng Đạo, tâm sai của mặt trời và kỳ gian của một năm. Các yếu tố này khác hoàn toàn các yếu tố của chúng ta và khá chính xác khi áp dụng cho thời kỳ 3102; trong khi đó chúng lại rất sai lầm nếu được tính toán cho thế kỷ vừa qua.

3. Cuối cùng, vào năm 1687, các nhà truyền giáo của chúng ta đã không thể truyền thụ cho người Ấn Độ các bảng của Cassini, (bấy giờ, chúng làm gì đã tồn tại). Họ chỉ có thể biết được các chuyển động trung bình của Tycho, Riccioli, Copernicus, Bouillaud, Kepler, Longomontanus cũng như các bảng của Alphonso. Nay tôi sẽ trình bày dưới dạng bảng biểu của các chuyển động trung bình trong 4 383 năm và 94 ngày (Riccioli, *Almag. I*, trang 255):

391 xác của chuyển động Ấn Độ này chính là điểm quan sát. Nó thật là chính xác trong suốt thời kỳ 4 383 năm này vì nó được thực hiện từ chính bầu trời; nếu sự quan sát xác định được sự kết liễu thì chúng xác định được sự khởi đầu của nó. Đó là thời kỳ dài nhất đã được quan sát và còn được ghi lại trong các niên giám thiên văn. Nó có nguồn gốc là thời kỳ năm 3102 trước T.C.; nó là một bằng chứng xác nhận rằng thời kỳ này có thực. (¹)

Bailly được đề cập đến nhiều như vậy, vì ông là một trong thiếu số nhà khoa học đã ra sức đối xử công bằng với khoa thiên văn học của người Ảryan. Từ John Bentley xuống tới “*Sūrya Siddhānta*” của Burgess, không có một nhà thiên

Bảng (Table)	Chuyển động trung bình				Dị biệt với Ấn Độ		
	Ngày	Giờ	Phút	Giây	Giờ	Phút	Giây
Alphonso	9	7	2	47	- 0	42	14
Copernicus	9	6	2	13	- 1	42	48
Tycho	9	7	54	40	+ 0	9	39
Kepler	9	6	57	35	- 0	47	26
Longomontanus	9	7	2	13	- 0	42	48
Bouillaud	9	6	48	8	- 0	58	53
Riccioli	9	7	53	57	+ 0	8	56
Cassini	9	7	44	11	- 0	0	50
India	9	7	45	1			

“Ngoại trừ Cassini ra, không có chuyển động trung bình nào phù hợp với các chuyển động của người Ấn Độ. Do đó, người Ấn Độ không hề vay mượn các chuyển động trung bình của chúng ta, vì các số liệu của họ chỉ phù hợp với các số liệu của Cassini, thế mà, các bảng của Cassini không hề tồn tại vào năm 1687. Như vậy, chuyển động trung bình của mặt trăng này là của riêng người Ấn Độ, họ chỉ có thể có được nó nhờ vào sự quan sát”. Như trên, chú thích trang xxxvi, xxxvii.

¹ Luận về Thiên văn học Ấn Độ và Đông phương, của Bailly trang xx và tiếp theo (ấn bản 1787).

văn học nào đã tỏ ra công bằng đúng mức với dân tộc thông thái nhất thời xưa này. Cho dù Biểu tượng học Ấn Độ có bị xuyên tạc và hiểu lầm đến đâu đi nữa, chẳng một nhà Huyền bí học nào lại không đối xử công bình với nó một khi y đã hiểu biết được ít nhiều về Huyền bí học. Y cũng sẽ chẳng ngoảnh mặt đi trước lối thuyết minh huyền bí và siêu hình về Hoàng Đạo của họ, cho dù toàn thể Hội viên Hội Thiên văn học Hoàng Gia có nổi dậy chống lại lối thuyết minh toán học về Hoàng Đạo của họ. Sự giáng hạ rồi thăng thượng của Chơn Thần tức Linh Hồn không thể tách rời với các cung Hoàng Đạo. Việc tin tưởng vào một sự cảm thông huyền nhiệm giữa Linh Hồn siêu hình và các chòm sao chói sáng, và tác dụng của các chòm sao đối với linh hồn, xem như còn tự nhiên (theo nghĩa sự ăn khớp của mọi chuyện) hơn là cái ý niệm ngớ ngẩn cho rằng các Đấng Tạo Hóa đã đặt trên Trời kiểu mẫu của mười hai người Do Thái tồi bại. Và nếu (theo lời khẳng định của tác giả Các Tín đồ phái Ngô Đạo và các Di Tích) mục tiêu của mọi trường phái Ngô Đạo và phái Platon sau này

chính là việc thích ứng tín ngưỡng cổ truyền với ảnh hưởng của Minh Triết Thiêng Liêng theo Phật giáo (Buddhistic theosophy), tinh hoa của Minh Triết Thiêng Liêng theo Phật giáo chính là việc cho rằng hằng hà sa số thần linh của thần thoại Ấn Độ chẳng qua chỉ là danh xưng của các năng lượng của Tam Nguyên Bản Sơ, khi đó lần lượt Hiện Thân xuống với con người, thì liệu chúng ta nên quay về đâu để truy nguyên các ý niệm Minh Triết Thiêng Liêng này tới tận nguồn gốc của nó hơn là tới tận minh triết cổ truyền của Ấn Độ? Chúng tôi xin nhắc lại: sẽ chẳng có ai hiểu được Huyền bí học cổ sơ nếu nó không được trình bày qua các phương tiện quen thuộc là Phật giáo và Ấn Độ giáo. Phật giáo thoát thai từ Ấn Độ giáo;

cả hai đều thoát thai từ cùng một nguồn gốc: Minh Triết Cổ Truyền Lemuria Atlante.

TIẾT 17

TỔNG KẾT LẬP TRƯỜNG (SUMMARY OF THE POSITION)

Toàn bộ vấn đề đã được trình bày cho độc giả từ hai phía; y chỉ còn phải quyết định xem liệu cuối cùng nó có thuận lợi cho chúng ta không. Nếu quả thật trong Thiên Nhiên có một chân không, ắt là nó phải được tạo ra (theo một luật vật lý) trong đầu óc của những kẻ khốn khổ sùng bái “ánh sáng” khoa học, họ tốn biết bao nhiêu thì giờ vào việc triệt hạ các luận thuyết của nhau. Lý thuyết cho rằng “hai thứ ánh sáng tạo nên bóng tối” liệu có bao giờ được áp dụng vào trường hợp này không, khi mà một thứ áp đặt các thần lực và các “cách thức chuyển động” của mình lên trên niềm tin của các tín đồ, còn thứ kia lại chống đối sự tồn tại của chính các thứ đó. Họ gọi “Ether, Vật Chất, Năng Lượng” – Ba Ngôi thiêng liêng, là nguyên khí của vị Thần Khoa Học thật là *bất khả tri* là THIÊN NHIÊN VẬT CHẤT (PHYSICAL NATURE)!

Người ta chỉ trích và chế nhạo thần học vì đã tin tưởng vào sự kết hợp của Ba Ngôi nơi Thượng Đế độc tôn (Thượng Đế độc tôn xét về bản chất, Ba Ngôi xét về cá thể); còn chúng ta bị cười nhạo vì đã tin tưởng vào các giáo lý không được chứng minh và không thể chứng minh được, Thiên Thần và Ma Quỷ, Thần Linh và Vong Linh. Thật vậy, điều khiến cho các nhà khoa học chiếm phần ưu thắng so với thần học trong “cuộc xung đột lớn giữa Tôn giáo và Khoa học” chính là luận

cứ cho rằng chẳng tung tích của bản chất nào, chẳng tam vị tự xưng tự mọc nào – sau khi đã được quan niệm sáng chế trong tri thức thần học – có thể được bất cứ phương pháp lý luận diễn dịch khoa học nào chứng tỏ là tồn tại (các giác quan của chúng ta lại càng không phát hiện được bằng chúng diệt vong vì nó giảng dạy toàn là những điều *huyền bí*. *Huyền bí là chôi bỏ lương tri*, thế là khoa học liên dệp nó qua một bên. Theo Giáo sư Tyndall, siêu hình học toàn là “bịa đặt”, chẳng khác nào thơ phú (poetry). Nhà khoa học “chẳng tin vào điều gì” và bác bỏ mọi điều không được chứng minh cho y thấy, trong khi đó, nhà thần học lại chấp nhận “mọi điều dựa vào đức tin mù quáng”. Nhà Minh Triết Thiêng Liêng và nhà Huyền bí học, vốn chẳng tin tưởng vào điều gì, kể cả khoa học *chính xác*, nhà Giáng ma học, vốn chôi bỏ các giáo điều, nhưng lại tin tưởng vào các vong linh và *các thế lực vô hình* song *mãnh liệt*, đều cũng bị khinh khi như nhau. Được lắm, nay nhiệm vụ chúng ta là xét lại lần chót xem liệu khoa học chính xác có tác dụng giống y như là Minh Triết Thiêng Liêng, thuyết Giáng ma và Thần học hay chẳng.

394 Trong một tác phẩm được xem như là tác phẩm tiêu chuẩn bàn về khoa học của ông S. Laing Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại – theo lời bình luận tán dương của tạp chí Times, “tác giả của nó đã trình bày một cách hùng hồn và hữu hiệu các khám phá vĩ đại của khoa học cùng với vô số các thắng lợi của nó đối với các tư tưởng lạc hậu bất cứ khi nào chúng liêu lĩnh muốn thách thức đấu kết thúc với nó”, chúng ta thấy có đoạn như sau đây:

Vũ trụ vật chất gồm có những gì ? Ether, Vật Chất và Năng Lượng.

Chúng ta ngừng lại hỏi: “Ether là gì ?” Nhân danh khoa học, ông Laing trả lời như sau :

Hiện nay chúng ta chưa hiểu biết được Ether bằng bất kỳ cuộc trải nghiệm nào mà các giác quan có thể tri thức được. Ether là một loại chất liệu toán học mà chúng ta bắt buộc phải giả định để giải thích các hiện tượng ánh sáng và nhiệt. ⁽¹⁾

Thế còn Vật Chất là gì ? Bạn có hiểu biết về nó nhiều hơn là tác nhân “giả định” Ether chăng ?

Nói một cách nghiêm minh, đúng là các cuộc điều nghiên hóa học chẳng trực tiếp cho chúng ta biết gì về cấu tạo của sinh chất và ... cũng nói cho thật nghiêm xác, chúng ta chẳng biết gì về cấu tạo của bất kỳ thể (vật chất) nào. ⁽²⁾

Còn năng lượng? Bạn có thể xác định chắc chắn được Ngôi thứ ba của Ba Ngôi Vũ Trụ Vật Chất không? Chúng ta có thể trích dẫn câu trả lời từ bất cứ tác phẩm vật lý nào :

Năng lượng là điều mà chúng ta chỉ biết nhờ vào các tác dụng của nó.

Xin giải thích thêm vì điều này hơi khá mơ hồ.

[Trong cơ học chúng ta có năng lượng thực sự và thế năng: công được thực sự tạo ra, và khả năng tạo ra công. Về phần bản chất của Năng lượng tức Lực phân tử], nhiều hiện tượng khác nhau do các vật thể phô diễn đã chứng tỏ rằng các phân tử của chúng chịu ảnh hưởng của hai lực đối nghịch, một lực có khuynh hướng kết hợp chúng lại, một lực có khuynh hướng phân cách chúng ra... Lực thứ nhất được gọi là *sức hút phân tử*... Lực thứ hai là do *động lực*. ⁽³⁾

Cũng thế, bản chất của *động lực* này chính là điều mà chúng ta muốn biết. Nó là cái gì vậy?

¹ Khoa Học Hiện Đại và Tư Tưởng Hiện Đại, Chương iii, “Về Vật Chất”, trang 51.

² Diễn giảng về Nguyên sinh chất, của Giáo sư Huxley.

³ Vật lý học của Ganot, trang 73, bản dịch của Atkinson.

Bao giờ chúng ta cũng được trả lời: “CHÚNG TÔI KHÔNG BIẾT!” Trong Cơ Sở Vật Chất của Sự Sống, Giáo sư Huxley đã giải thích: “Đó là một bóng ma trống rỗng trong trí tưởng tượng của tôi”.

Như thế toàn bộ cấu trúc của khoa học hiện đại được dựng trên một loại “trừu tượng toán học”, một “Bản chất thiên biến vạn hóa mà các giác quan không tài nào lĩnh hội được” (Dubois Reymond) cũng như là các *tác dụng*, các bóng ma trôi mờ mờ ảo ảo của một điều hoàn toàn bất khả tri và ngoài tầm hiểu biết của khoa học. Các nguyên tử “*tự hành*” (“*Self moving*” Atoms)! Mặt trời, hành tinh và các ngôi sao *tự hành* ! Nhưng thế thì chúng là ai hoặc là gì nếu chúng đều được tự phú cho chuyển động ? Thế thì, tại sao quý vị (các nhà vật lý) lại chế nhạo các “Đại Thiên Sứ *tự hành*” (“*Self-moving Archaeus*”?) của chúng ta? Khoa học đã bác bỏ và khinh thường những điều huyền bí, nhưng Đức Cha Felix đã nhận xét thật là chí lý như sau:

Khoa học không thể thoát khỏi thế giới huyền bí. Thế giới huyền bí là định mệnh (fatality) của khoa học.

Nhà giảng đạo người Pháp ấy đã phát biểu giống y như chúng tôi, nên chúng tôi trích dẫn điều phát biểu đó trong Nữ Thần Isis Lộ Diện. Ông hỏi:

Trong số quý vị (các nhà khoa học) ai là người đã có thể thâm nhập vào bí nhiệm về sự tạo thành một chất, sự sản sinh ra một nguyên tử đơn ? Ở tâm của một nguyên tử (chứ không phải tâm của mặt trời) có những gì ? Ai đã thăm dò được tới tận đáy vực sâu thăm thẳm của một hạt cát. Thưa quý vị, hạt cát đã được khoa học nghiên cứu trong bốn ngàn năm; khoa học đã lật đi lật lại nó, chia mãi nó ra, dùng những cuộc thí nghiệm hành hạ nó, quấy rầy nó với những câu hỏi cốt để thu được lời giải đáp tối hậu về cấu tạo bí nhiệm của nó, cứ tò mò hỏi nó mãi: “Liệu chúng ta có chia mi ra

được mãi không ? Thế rồi, cứ đu đưa trên vực thẳm này, khoa học trở nên ngập ngừng , chới với, xây xẩm, choáng váng và thất vọng kêu lên : “TÔI CHẴNG BIẾT”.

Nhưng nếu quý vị chẳng biết gì về sự khởi thủy và bản chất ẩn tàng của một hạt cát như vậy, thì làm sao quý vị có trực giác về sự sản sinh ra một đơn sinh vật ? Sự sống trong sinh vật từ đâu ra ? Nó khởi sự ở đâu ? Nguyên sinh khí là gì ? ⁽¹⁾

Các nhà khoa học có phủ nhận tất cả những lời tố cáo này không? Tuyệt nhiên không, vì sau đây là một lời thú nhận của Tyndall, nó chứng tỏ rằng khoa học bất lực biết bao, ngay cả đối với thế giới vật chất.

Sự kết tập đầu tiên của các nguyên tử (mà mọi tác động sau đó tùy thuộc vào) đã làm người ta bí lối nhiều hơn là kính hiển vi... Do vấn đề hết sức phức tạp và chùng nào mà công cuộc quan sát còn chưa giải đáp được vấn đề, những kẻ có trí thức lão luyện nhất, có trí tưởng tượng tinh vi và quy củ nhất, cũng phải co vùi, hoang mang ngỡ ngàng khi xét tới vấn đề nan giải này. Chúng ta cứ thộn mặt ra với một sự ngỡ ngàng mà không một kính hiển vi nào giải quyết được. Không những chúng ta nghi ngờ năng lực của dụng cụ này, mà còn tự hỏi liệu bản thân chúng ta có đủ các yếu tố trí thức khiến chúng ta có thể giáp mặt với các năng lượng cấu trúc cực vi của thiên nhiên hay chẳng.

Thật vậy, dựa vào những lời thú nhận của chính các nhà khoa học, đã từ bao lâu nay chúng ta vẫn hoài nghi là Thế giới vật chất đã được hiểu biết ít ỏi biết bao. Nay có một vài nhà Duy vật đã dẹp bỏ cả Ether – khoa học muốn gọi cái Bản chất vô cực, cái thực tượng mà các Phật tử gọi là Svabhāvat là gì cũng được – lẫn các Nguyên tử, vì cả hai quá nguy hiểm đối với khối tập hợp gồm có triết học cổ truyền và thần học

¹ Xem Quyển I, trang 338 – 339, trích dẫn từ Khoa Học và Thế Giới Huyền Bí, Tham luận, Đức Cha Félix ở nhà thờ Đức Bà.

Thiên Chúa giáo hiện nay. Từ các triết gia cổ sơ nhất (đã lưu truyền nhiều điều cho hậu thế) xuống tới thời đại hiện nay, nếu có chỗi bỏ các Thực Thể vô hình trong Không gian, nó cũng chẳng thể nào điền khùng đến mức phủ nhận một Thái Cực thuộc loại đó, sự Toàn Dung (Fulness) của Vũ Trụ vẫn là một tín điều được chấp nhận. Muốn biết Vũ Trụ bao hàm
 396 những gì, chúng ta cứ thử xem Hermes Trimegistus (trong bản dịch tuyệt vời của Bác sĩ Anna Kingsford) dạy như sau:

Về Hư Không (Void)... chúng ta cho rằng nó không hề tồn tại, chưa bao giờ tồn tại và sẽ không bao giờ tồn tại. Tất cả các bộ phận khác nhau của vũ trụ đều đầy tràn, cũng như địa cầu đầy đầy các vật thể, có tính chất và hình dạng khác nhau, có giống loài và độ lớn riêng, cái thì lớn, cái thì nhỏ, cái thì rắn chắc, cái thì tế vi. Vật lớn... còn dễ thấy chứ vật nhỏ ... thật là khó thấy, hoặc hoàn toàn không thấy được. Chúng ta chỉ biết được sự tồn tại của chúng nhờ vào cảm giác; nhiều người không chịu thừa nhận các thực thể này là các vật thể và chỉ coi chúng như là các khoảng trống, ⁽¹⁾ nhưng không thể có được các khoảng trống như vậy. Ấy là vì nếu có một điều gì bên ngoài vũ trụ... thì bấy giờ đó sẽ là khoảng không bao hàm các thực thể thông tuệ tương tự với Thần Linh của vũ trụ... Tôi đề cập đến chư Thần, vì tôi chủ trương rằng họ vẫn ở quanh quần chúng ta; tôi cũng đề cập tới các bậc anh hùng ngự bên

¹ Hãy xem công việc của các Chu kỳ và việc chúng luân chuyển tuần hoàn! Những kẻ không chịu thừa nhận các “Thực Thể” (Thần Lực) ấy là các vật thể và gọi chúng là các “khoảng không”; đều là nguyên kiểu của công chúng “say mê khoa học” hiện đại, và là các bậc thầy chính thức của họ. Những người đó coi các Thần Lực của Thiên Nhiên như là năng lượng Vật Chất bất khả lượng và các cách thức chuyển động, song họ vẫn chủ trương rằng điện có tính cách *nguyên tử như chính Vật Chất* – (Helmoltz). Trong khoa học chính thống có biết bao nhiêu là điều mâu thuẫn.

trên chúng ta, giữa trời cao đất rộng, nơi chẳng có mây mù bão tố.
(¹)

Chúng tôi chủ trương như vậy. Có điều là (như đã trình bày), không Đạo đồ Đông phương nào lại đề cập tới các cảnh giới “ở trên chúng ta, giữa trời và đất”, thậm chí ở cao nhất, vì trong ngôn ngữ Huyền bí học, không hề có sự phân chia hoặc đo lường như vậy. Không có *trên* mà chẳng có *dưới*, bao giờ cũng chỉ có ở *bên trong*, *bên trong hai nội giới khác*, tức là nội giới dần dần thấm nhuần vào ngoại giới (đối với con người, đó là cảnh giới chót, cảnh giới của chính y). Chúng ta có thể kết thúc lời giải thích cần thiết này ở đây bằng cách trình bày (theo lời Hermes) niềm tin tưởng vào điểm đặc biệt này của toàn thể thế giới vào nhà huyền bí :

Có nhiều cấp đẳng Thần Linh; trong tất cả các cấp đẳng này đều có một phần thông tuệ không được giả sử rằng họ không ở trong tâm tri giác của chúng ta; ngược lại, chúng ta tri giác được họ còn nhiều hơn các thực thể được gọi là vô hình ... Thế rồi, có các Thần Linh siêu việt được mọi sắc tướng : sau đó tới các Thần Linh có nguyên khí là tinh thần; các Thần Linh này có tính chất nhạy cảm phù hợp với nguồn gốc lưỡng phân của mình, biểu lộ mọi chuyện bằng một bản chất nhạy cảm, mỗi Thần Linh này mình giải công việc của riêng mình.⁽²⁾ Đấng Tối Cao trên trời (hoặc tất cả những điều gì bao hàm trong danh xưng này) là Zeus, vì Zeus đã lấy trời để ban sự sống cho vạn vật. Đấng Vô Thượng của mặt trời là ánh sáng, vì nhờ có vầng thái dương mà chúng ta mới được

¹ Đức Mẹ Thế Giới Đồng Trinh, của Hermes Mercurius Trismegistus, bản dịch tiếng Anh của Bác sĩ Anna Kingsford và Bác sĩ Maitland, trang 83 – 84.

² Ở đây, Hermes xem Thần Linh như là gồm đủ các Lực bén nhạy của Thiên Nhiên, các hành và các hiện tượng trong Vũ trụ (trong một chú thích cuối trang, Bác sĩ A Kingsford đã nhận xét thật chí lý như thế). Triết học Đông phương cũng vậy.

hưởng lợi của ánh sáng. Ba mươi sáu lá số tử vi của các định tinh có Đấng Tối Cao với tôn danh là Pantomorphos (Toàn Hình) vì Ngài ban các hình hài thiêng liêng cho nhiều kiểu mẫu khác nhau. Bảy hành tinh lang thang có các Đấng Tối Cao là Số Phận và Vận Mệnh, các Ngài duy trì sự ổn định mãi mãi của các luật Thiên Nhiên qua suốt bao nhiêu biến đổi và xáo trộn không ngừng. Ether là khí cụ hay phương tiện để tạo ra vạn vật.⁽¹⁾

397 Điều này hoàn toàn có ý nghĩa triết học và phù hợp với tinh thần của Nội môn Bí giáo Đông phương. Ấy là vì, xét về mặt nội môn, tất cả mọi Lực như là Ánh Sáng, Nhiệt, Điện v.v.. đều được gọi là “chư Thần Linh”.

Thật vậy, điều này phải như thế thôi, vì Nội môn Bí giáo ở Ai cập và Ấn Độ đều như nhau. Do đó, kết quả chính thống phải là việc nhân cách hóa *Vô cực điện*, tổng hợp mọi Lực biểu lộ trong Thiên Nhiên. Hơn nữa, sau này chúng ta sẽ chứng tỏ rằng mãi đến nay, chúng ta mới biết tới các Lực *Huyền bí* có thực trong Thiên Nhiên (ngay cả trong trường hợp này, chúng ta cũng chỉ biết tới chúng qua khoa học phi chính thống, chứ không phải là khoa học chính thống),⁽²⁾ mặc dù sự tồn tại của chúng (dù sao đi nữa) cũng đã từng một lần được bổ chứng và xác nhận bởi vô số những người có học, thậm chí bởi một vài nhà khoa học chính thống nữa.

Và lại, phát biểu trong ĐOẠN KINH 6 – đoạn ấy cho rằng Vô cực điện phát động các Mầm mống nguyên thủy của Thế giới, tức tập hợp các Nguyên tử và Vật Chất Vũ Trụ, “một số theo hướng này, một số theo hướng nghịch lại” – xem như cũng đủ chính thống và khoa học rồi. Ấy là vì để bênh vực cho lập trường này, trong mọi trường hợp đều có một sự kiện

¹ Như trên, trang 64 – 65.

² Xem Tiết 9: “Lực sắp tới”.

được khoa học hoàn toàn nhìn nhận như sau. Các trận mưa sao băng định kỳ vào tháng 11 và tháng 8 đều thuộc về một hệ thống di chuyển trong một quỹ đạo hình ellip xung quanh Mặt Trời. Điểm viễn nhật của vòng này ở ngoài quỹ đạo của Hải Vương Tinh tới 1 732 triệu năm, mặt phẳng của nó nghiêng so với quỹ đạo của Trái Đất một góc $64^{\circ} 3'$, còn hướng của cụm sao băng di chuyển xung quanh quỹ đạo này lại *ngược với hướng xoay vòng của Trái Đất*.

Sự kiện này, mới chỉ được nhận ra vào năm 1833. Nó chứng tỏ rằng đó chính là việc thời nay đã khám phá lại những điều đã được biết tới từ thời cổ. *Vô cực điện* dùng hai tay xoay chuyển “hạt giống” và các “cục sữa đông” tức Vũ Trụ Chất theo hai hướng đối diện nhau; nói rõ hơn, nó đang xoay chuyển các cấu tử ở trạng thái rất tế vi và các tinh vân.

Bên ngoài biên giới của Thái Dương Hệ, chính các Mặt Trời khác, nhất là ngôi Mặt Trời Trung Ương bí nhiệm – một vài giáo sĩ quý tộc đã gọi nó là “Chỗ ngụ của Đấng Thần Linh Vô Hình” – xác định chuyển động và chiều hướng của các thiên thể. Chuyển động đó cũng dùng để biến phân Vật Chất thuần trạng xung quanh và giữa nhiều vật thể thành ra các Nguyên tố và Phân nguyên tố xa lạ đối với Trái Đất chúng ta. Những thứ này được khoa học hiện đại xem như là các nguyên tố cá biệt, trong khi mà chúng chỉ là các sắc tướng nhất thời, thay đổi theo từng chu kỳ nhỏ trong Chu kỳ Khai Nguyên; một số tác phẩm Nội môn gọi chúng là các “Mặt Nạ Thiên Kiếp” (“Kalpic Masks”).

Trong Huyền bí học, *Fohat* là chiếc chìa khóa giúp chúng ta giải được các biểu tượng và các ẩn dụ thiên hình vạn trạng trong cái gọi là kho tàng thần thoại của mọi quốc gia. Nó chứng tỏ cái triết lý tuyệt diệu và minh triết sâu xa đối với các bí nhiệm của Thiên Nhiên, bao hàm trong các tôn giáo của

398 dân Ai Cập, Chaldea cũng như là Ấryan. Khi được trình bày với tính cách chân thực, Fohat chứng tỏ rằng mọi quốc gia thời tiền sử đó đã thông thạo biết bao nhiêu về mọi ngành nay được gọi là các ngành vật lý học và hóa học của khoa học Tự Nhiên. Ở Ấn Độ, Vô cực điện là khía cạnh khoa học của cả Vishnu lẫn Indra (trong kinh Rig Veda, Indra xưa hơn và quan trọng hơn Đấng kế nghiệp giáo phái của mình). Trong khi đó, ở Ai Cập, Vô cực điện được biết tới như là Toom xuất phát từ Noot ⁽¹⁾ tức Osiris với tính cách là một Thần Linh bản sơ, Đấng sáng tạo ra Trời Đất và vạn hữu.⁽²⁾ Toom được xem như vị Thần Linh thiên biến vạn hóa sản sinh ra *các Thần Linh khác* lấy bất cứ hình hài nào mà mình muốn, “Đấng Chúa Tể của Sự Sống, ban nghị lực cho chư Thần Linh”. ⁽³⁾ Ngài *giám sát* chư Thần Linh, “tạo ra các vong linh, ban cho chúng hình hài và sự sống”; Ngài là “Đấng Bắc Phong (the Norht Wind) và Chơn Linh Tây Phương (the Spirit of the West)”; cuối cùng, Ngài là “Mặt Trời Lặn của Sự Sống” tức sinh điện lực rời cơ thể vào lúc lâm chung. Vì thế, *Kẻ quá cố* mới van nài Toom ban cho y linh khí từ lỗ mũi *phải* (điện dương) để cho y có thể sống trong hình hài *thứ nhì*. Cả phần biểu ý tự lẫn văn bản trong Chương xlii của Tử Vong Kinh đều chứng tỏ rằng Toom chính là Fohat. Phần biểu ý tự trình bày một người

¹ “Hỡi Toom, Toom ! xuất phát từ Đại [huyền nữ] ở trong lòng nước [Thái Uyên tức Không gian (the Great or Space)] sáng chói qua hai Mảnh sư”, Thần lực lưỡng phân, tức năng lực của hai *thái dương nhân* (the two solar eyes), tức các lực điện âm và điện dương. Xem Tử Vong Kinh, iii.

² Xem Tử Vong Kinh, xvii.

³ Chương lxxix.

đứng thẳng, tay lăm lăm cầm các chữ tượng hình các *linh khí*. Chương xlii của Tử vong kinh dạy:

Ta tỏ bày với thủ lãnh của An (Heliopolis). Ta là Toom. Ta băng qua nước đã bị phân cách bởi Tho-Hapi, Đấng Chúa Tế chân trời. Ta phân chia lãnh địa [Vô cực điện phân chia Không gian và cùng với bảy Phân Thân, nó chia Địa Cầu ra làm bảy vùng]...

Ta băng qua các tầng trời; Ta là hai Mãnh sư. Ta là Ra, Ta là Aam, Ta nuốt chửng kẻ thừa kế Ta.⁽¹⁾ Ta lướt trên vùng đất của cánh đồng Aanroo, ⁽²⁾ nó đã được Đấng Chúa tế và Vô cực vô biên ban cho Ta. Ta là một mầm mống của vĩnh cửu. Ta là Toom, kẻ được ban cho sự vĩnh cửu.

¹ Một hình ảnh biểu diễn sự kế truyền các chức năng thiêng liêng, sự chuyển hóa từ một hình hài này sang hình hài khác, tức sự tương hệ các lực. Aam là điện lực dương, nó ngẫu nhiên các thứ khác giống như Thần Saturn ăn tươi nuốt sống kẻ hậu duệ của mình.

² Aanroo ở trong địa hạt của Osiris; đó là một cánh đồng được chia thành *mười bốn* phần “xung quanh có hàng rào bằng sắt, bên trong có mọc *cây lúa của sự sống* cao bảy cubit”, đó là cảm dục giới của người Ai Cập. Chỉ có những kẻ quá cố nào biết được danh xưng của những kẻ gác cửa “thất cung” mới sẽ nhận được vào Amenti *mãi mãi*; đó là những kẻ đã trải qua Bảy Giống dân của mỗi *cuộc Tuần Hoàn*; nếu không, họ sẽ ở trong các *cánh đồng thấp*. Nó cũng tiêu biểu cho bảy cảnh giới Cực lạc liên tiếp. Trong khi đó, ở Aanroo, “linh hồn của vong linh” (tức Người quá cố) bị *ngẫu nhiên* mãi bởi Uraecus - Con Rắn, Con của Đất (theo một ý nghĩa khác đó là nguyên sinh khí bản sơ của Mặt Trời), nghĩa là Cảm Dục Thể của kẻ quá cố tức “Âm ma” sẽ phôi phai đi và biến mất nơi “Con của Đất” trong một thời gian *hữu hạn*. Linh hồn rời các cánh cổng Aanroo và lâm phạm dưới bất cứ hình hài nào nó muốn khoác lấy. (Xem Tử Vong Kinh, xcix).

Trong Quyển XI, chính những lời lẽ ấy đã được áp dụng cho Fohat, chính các tôn danh ấy đã được ban cho Ngài. Trong các tài liệu bằng giấy cở chỉ của người Ai Cập, chúng ta thấy rải rác trong những câu riêng lẻ có trình bày toàn bộ Vũ trụ khởi nguyên luận của Nội môn Bí giáo, thậm chí trong Tử Vong Kinh cũng có nữa. Trong đó, Số bảy cũng được chú trọng chẳng kém gì trong THIÊN ĐỊNH CHÂN KINH (BOOK OF DZYÂN). “Người ta bảo Đại Thủy [Thái Uyên, tức Hồng Nguyên khí] sâu *bảy* cubit” - ở đây, dĩ nhiên là “cubit” tượng trưng cho các phân khu, các vùng, các nguyên khí. “Tất cả chư Thần Linh và Bảy Đấng Cao Cả đều sinh ra trong Đại Mẫu”. Cả Toom lẫn Vô cực điện đều được xem như là “Các Đấng Cao Cả có Thất Đại Huyền Lực”, các Ngài chế ngự được Con Rắn Apap tức Vật Chất. ⁽¹⁾

Tuy nhiên, môn sinh Huyền bí học không nên bị lừa phỉnh bởi ngôn từ thường được dùng trong các bản dịch các tác phẩm nội môn để rồi tin tưởng rằng (giống như vị tu sĩ, trong bất cứ lúc đàm đạo nào) người Ai Cập hoặc người Hy Lạp thời xưa cũng đề cập tới một Đấng Tối Cao, Thượng Đế, “Đấng Cha Lành Độc Tôn Sáng Tạo ra muôn loài” v.v... theo lối mà chúng ta thấy trong bất cứ tranh nào của các bản dịch như vậy. Thật ra không hề như vậy; các bản văn này *không phải là các bản văn nguyên bản của Ai Cập*. Chúng do người Hy Lạp biên soạn, bản văn xưa nhất cũng không hề xuất hiện trước thời kỳ sơ khai của triết thuyết Tân Platon. Không có tác phẩm nội môn nào của người Ai Cập – chẳng hạn như Tử Vong Kinh – mà lại đề cập tới Thần Linh vũ trụ độc tôn của các hệ thống độc thần. Nguyên nhân tuyệt đối duy nhất của

¹ Xem Tử Vong Kinh, cviii, 4.

vạn vật thật là *Bất khả tư nghị* theo quan niệm của ông Herbert Spencer. Về phần người Ai Cập nói chung, ông Maspero đã nhận xét chính xác như sau:

Bất cứ khi nào ông xét đến ý niệm về Nhất Nguyên thánh linh, Thần Linh Độc Tôn vẫn chẳng bao giờ chỉ là Thần Linh không thôi. Ông Lepage-Renouf đã nhận xét chí lý rằng từ ngữ Noutir Nouti, “Thượng Đế”, đã chẳng bao giờ không còn là một tên gọi chung để biến thành một danh xưng cá nhân.

Đối với họ, mỗi Thần Linh đều là “Thần Linh duy nhất sống động”.

Thuyết Độc Thần của họ có tính cách thuần túy địa lý. Nếu người Ai Cập ở Memphis tuyên cáo có tính cách đơn nhất của Phtah để loại trừ Ammon, thì người Ai Cập ở Thebes lại tuyên cáo tính đơn nhất của Ammon để loại trừ Phtah [nay chúng ta cũng thấy điều này ở Ấn Độ trong trường hợp các tín đồ tôn thờ Shiva và Vishnu]. Ra, “Thần Linh Duy Nhất” tại Heliopolis, không hề đồng nhất với Osiris, “Thần Linh Duy Nhất” tại Abydos, và có thể được tôn thờ bên cạnh Ngài mà không hề bị Ngài hấp thu. Thần Linh duy nhất chẳng qua chỉ là Thần Linh của đô thị, Noutir Nouti, và không hề loại trừ sự tồn tại của Thần Linh duy nhất ở thành phố lân cận. Tóm lại, bất cứ khi nào đề cập tới thuyết Độc Thần ở Ai Cập, chúng ta phải bàn tới các Thần Linh Duy Nhất của Ai Cập, chứ không phải là “Thượng Đế Độc Tôn”.⁽¹⁾

Chúng ta phải trắc nghiệm tính xác thực của nhiều thứ được mệnh danh là Các Tác Phẩm Nội Môn (chủ yếu là ở Ai Cập) dựa vào đặc điểm này; các áng văn Nội môn Hy Lạp hoàn toàn không hề có đặc điểm này. Điều này chứng tỏ rằng môn đồ phái Tân Platon Hy Lạp hoặc có lẽ một tín đồ Thiên Chúa giáo không hề nhúng tay vào việc ấn hành các tác phẩm

¹ Chỉ Nam Bảo Tàng Viện Boulaq của Maspero, trang 152 (ấn bản 1883).

như vậy. Dĩ nhiên là phân triết lý căn bản vẫn được bao hàm trong đó và có nhiều chỗ vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng cách hành văn đã bị biến đổi và trau chuốt theo một chiều hướng độc thần chẳng kém, nếu không muốn nói là còn hơn các bản dịch tiếng Hy Lạp và tiếng La Tinh của Sáng Thế Ký Hebrew. Chúng có thể là các tác phẩm nội môn, nhưng không phải các tác phẩm của hai Đấng Hermes – hoặc đúng hơn là của Thot 400 Hermes, Đấng Thông Tuệ điều khiển Vũ Trụ ⁽¹⁾ hay Thot có hóa thân trên trần thế là Trismegistus được ghi trên phiến đá Rosetta.

Nhưng trong thời đại chúng ta đối với hàng trăm “chủ nghĩa” và phi tôn giáo, tất cả đều là hoài nghi, phủ nhận, đả phá thần tượng và dùng dụng tàn bạo. Trừ Con Bò Vàng (the Golden Calf) ra, tất cả các thần tượng đều bị sụp đổ tan tành.

Bất hạnh thay, không quốc gia, đơn vị hoặc cá nhân nào có thể tránh khỏi định nghiệp của mình. Những kẻ tự xưng là sử gia bàn về chính lịch sử cũng táng tận lương tâm chẳng kém gì bàn về kho tàng thần thoại. Auguatín Thierry đã *tu chính điều này một cách thật là khả kính* (nếu chúng ta tin theo các kẻ viết tiểu sử của ông). Ông phàn nàn là cái nguyên tắc sai lầm đó đã làm cho tất cả những kẻ rắp ranh viết sử đều lầm đường lạc lối, kẻ nào cũng tự tiện sửa đổi cái truyền thống cho rằng: “Trong mười lần thì có tới chín lần ý dân là ý Trời”. Cuối cùng ông thừa nhận rằng chỉ ở *trong huyền thoại mới có lịch sử chân xác*. Ông còn nói thêm :

Huyền thoại là truyền thuyết sống động; trong bốn lần thì có tới ba lần nó đúng với sự thật hơn cái mà chúng ta gọi là lịch sử. ⁽²⁾

¹ Xem Từ Vong Kinh, xciv.

² Tạp chí Hai Thế Giới, 1865, trang 157 – 158.

Trong khi các nhà Duy vật chối bỏ mọi chuyện trong Vũ Trụ ngoại trừ Vật Chất, thì các nhà khảo cổ học lại đang ra sức thu gọn thời Cổ đại lại và tìm cách phá hoại mọi lời xác minh của Minh Triết Cổ Truyền bằng cách giả mạo niên đại. Các nhà Đông phương học và các sử gia thời nay đối với các cổ sử cũng chẳng khác nào các con mối đối với các dinh thự ở Ấn Độ. Còn nguy hiểm hơn cả các con mối này là các nhà khảo cổ học hiện đại – các “kẻ có thẩm quyền” về tương lai trong lĩnh vực lịch sử thế giới – họ đang chuẩn bị cho lịch sử của các quốc gia qua số phận của một vài dinh thự nào đó trong các xứ nhiệt đới. Michelet đã cho rằng :

Lịch sử sẽ bị các nhà viết niên sử làm sụp đổ tan tành, tiêu tan thành mây khói trong bối cảnh thế kỷ hai mươi.

Thật vậy, chẳng bao lâu nữa, do các nỗ lực phối hợp của họ, nó sẽ cùng chung số phận với các đô thị đổ nát của Châu Mỹ, chúng đã bị vùi sâu dưới các khu rừng hoang chưa ai khai thác. Các sự kiện lịch sử sẽ vẫn còn bị che khuất bởi những khu rừng thăm mịt mù của các giả thuyết, phủ nhận và chủ nghĩa hoài nghi hiện đại. Nhưng may mắn thay lịch sử chân xác cứ lặp đi lặp lại vì nó diễn tiến theo chu kỳ (giống như mọi thứ khác). Các sự kiện và các biến cố đã bị cố tình nhận chìm trong bể hoài nghi hiện đại, sẽ lại trôi lên, tái xuất hiện trên mặt.

Trong các Quyển 3 và 4, chính sự kiện cho rằng, một tác phẩm có cao vọng về mặt triết học để trình bày các vấn đề bí hiểm nhất, phải được khởi sự bằng cách truy nguyên sự tiến hóa của nhân loại từ cái được xem là những thực thể siêu nhiên – các Chơn Linh – sẽ khơi dậy sự chỉ trích cay độc nhất. Tuy nhiên, những kẻ tin tưởng và bệnh vực Giáo Lý Bí Nhiệm sẽ phải chịu đựng sự kết tội là điên rồ (và còn tệ hơn thế nữa) với thái độ của triết nhân giống như tác giả đã phải

chịu biết bao nhiêu năm nay. Bất cứ khi nào một nhà Minh Triết Thiên Liêng bị kết tội là điên, y nên trả lời bằng cách trích dẫn đoạn sau đây trong Các Lá Thư Ba Tư của Montesquieu :

Khi mở ra bừa bãi các nhà thương điên để nhốt những kẻ bị giả sử là điên, thiên hạ chỉ tìm cách bảo đảm với nhau rằng mình không phải là đồ điên.

CÁC CHÚ THÍCH BỔ SUNG

Siphra Dzenioutha, trang 52. ⁽¹⁾

Tức Siphra Dtzenioutha, tức Spra Dtzniiovtha, Bí Nhiệm Thánh Thư, tức “sự quân bình của cái cân”. Trong Kabbalah Denudata tức Vén Màn bí mật Thánh kinh Kabbalah của S.L. Mac Gregor Mathers, có bao hàm các Thánh Thư trong kinh Zohar. (1) Bí nhiệm Thánh Thư, (2) Đại Thánh Hội, (3) Tiểu Thánh Hội. Chúng được dịch ra tiếng Anh theo bản dịch tiếng La Tinh của Knorr von Rosenroth và được đối chiếu với nguyên bản bằng tiếng Chaldea và Hebrew. Xem Giáo Lý Bí Nhiệm, Quyển I, trang 262 và Quyển 2, trang 106.

Sapta Samudra, trang 62.

Bảy đại dương này tượng trưng cho bảy Nguyên hình chất được đề cập tới đâu đó trong Giáo Lý Bí Nhiệm. Chúng là Toàn Linh Trí thuần tịnh, Ngã Thức và năm Thức biến, tức cái yếu tố sơ cấp.

Hồng môn nhất khí là một Nguyên nhân kém hơn Brahmā, trang 86, cước chú.

Xem trang 170. Trong đó có nói: “Bấy giờ Brahmā được tạo ra (?) và đồng nhất hóa với Toàn Linh Trí”. Điều sau phù hợp với giáo lý Ấn Độ.

Vyākritis, trang 150, cước chú.

Từ ngữ này đúng ra là Vyākritis, có nghĩa là “tuyên bố”. Các tín đồ Bà La Môn lặp đi lặp lại ba từ ngữ Bhũh, Bhuvah và Svah (tức Suvah) khi lễ bái và cầu nguyện hằng ngày.

¹ Số trang theo bản tiếng Anh. (ND)

Trị số của từ ngữ Con Quạ, trang 161.

Trị số của π (pi) được tính là 555/113 chu vi được tính 355, còn đường kính là 113. Nay nếu vòng tròn được chia làm sáu phần, mỗi phần lại được chia làm sáu, thì vòng tròn sẽ gồm có 355×6 tức 2130 phần, nghĩa là 213/0. Lại nữa, nếu vòng tròn được sáu đường kính chia ra làm mười hai phần như trên và mỗi phần này lại được chia làm sáu, thì chúng ta sẽ có 355×12 tức 426/0 tức 213×2 .

“Ánh Sáng có phải là một Vật Thể hay không? Trang 206.

Nay các nhà khoa học sẽ trả lời rằng ánh sáng vừa là vật thể, vừa không phải là vật thể.

Isaac Newton, trang 218 v.v...

Nay người ta hoàn toàn tin tưởng vào các điều “dự đoán do cảm hứng” của Isaac Newton.

Tiết 4, trang 224.

Hầu hết các lý thuyết khoa học được xét trong Tiết này đã lỗi thời.

Tiết 5, trang 231.

Các ý niệm hiện đại được trình bày trong Các quan niệm mới về Vật Chất của C.G. Darwin đã giải đáp Tiết này.

“khi giáng xuống biểu lộ... Ánh Sáng (có một cực là Tinh Thần thuần túy ... còn cực kia là Vật Chất mà nó cô đọng trong đó) ‘kết tinh’ thành một loại ngày càng thô trược”, trang 204. Xem thêm Sự có thực chất của cái gọi là các Lực, trang 236

Chiếu theo các ý tưởng hiện nay về tính khả hoán của các lượng tử ánh sáng hoặc năng lượng và các đơn vị vật chất thì các điều phát biểu như trên thật là rất có ý nghĩa.

So sánh Các quan niệm mới về Vật Chất, của C.G. Darwin.

“Các Tính chất của Âm Thanh”, trang 258.

Thứ tự như sau: (1) Shadja, (2) Rishaba, (3) Gāndhāra, (4) Madhyama, (5) Panchama, (6) Dhaivata, (7) Nishāda. Âm giai của Ấn Độ (Sa, Re, Ga, Ma, Pa, Dha, Ni) là các chữ đầu tiên của các từ ngữ trên (ngoại trừ Sa và Re). Trong tiếng Bắc Phạn, Sa v.v... là chữ duy nhất.

Luật Phân loại Tuần Hoàn, trang 274.

Nay đồ thị thường được dùng nhất không hề có dạng một quả lắc hoặc một hình lemniscat. Tuy nhiên có một dạng duy nhất, đó là hình xoáy ốc logarit Johnson-Stoney. Ông C. Jinarājādāsa đã chọn dùng dạng này trong ấn bản mới (1938) của tác phẩm Các Nguyên Lý Bản Sơ của Minh Triết Thiêng Liêng.

Nguyên tử, xem Mục lục.

Định nghĩa về nguyên tử của bà Blavatsky phải được xuyên suốt làm cho rõ rệt. Chẳng hạn như ở trang 291, Bà dạy: “Nguyên tử đồng nghĩa với Linh Hồn...” Hãy so sánh với tác phẩm mới của Tiến sĩ Arundale *Yoga Biểu Tượng*.

Hóa học sẽ tái sinh như là “Khoa Luyện kim đan mới hoặc Siêu hóa học”, trang 348.

Xem “Khoa Luyện kim đan mới” của E. Rutherford.

GHI CHÚ: Các môn sinh ở cả phương Đông lẫn phương Tây đã cung cấp các chú thích trên – Ban biên tập.

THƯ MỤC SÁCH THAM KHẢO

Các tác phẩm có ở trong thư viện Adyar được dùng để kiểm nghiệm lại các đoạn trích dẫn:

- *Phân tích Kho Tàng Thân Thoại Cổ Truyền*, Jacob Bryant 1 807.
- *Anugītā*.
- *Các tác phẩm của Arnobius*.
- *Asgard và chư Thiên*, do Mc Dowell, 1886.
- *Khảo cứu Á Châu*, London, 1809.
- *Chí Tôn Ca (Bhagavad Gītā)*, bản dịch của K.T.T. Telang.
- *Vấn đáp Giáo Lý Đạo Phật*, Henry S. Olcott.
- *Phật Giáo Trung Quốc*, J. Edkins, Tiến sĩ Thần học.
- *Sự tương hệ các Lực Vật Lý*, W.R.G. Cao học Nhân văn, Hội viên Hội Hoàng Gia, 1874.
- *Các Áng Văn Cổ* của Cory, E. Richmond Hodges, 1876.
- *Cratylus của Plato*, G. Burges, Cao học Nhân văn, 1854.
- *Phê bình Lý Trí Thuần Túy*, E. Kant.
- *Các Tác phẩm Nội môn*. T. Subba Row.
- *Các Vong Linh*, J.E.De Mirville, 1863, 6 quyển.
- *Các Con của Thượng Đế*, Louis Jacolliot, 1875.
- *Năm năm Thân Triết*, 1885.
- *Nguồn gốc và Ý nghĩa của Đại Kim Tự Tháp*, C. Staniland Wake.
- *Các Nhân Chứng*, A. De Quatrefage.
- *Nữ Thần Isis Lộ Diện*, H. P. Blavatsky, 1886. (2 quyển).
- *Các tác phẩm của Irenaeus*.
- *Vén màn bí mật Thánh kinh Kabbalah, (Kabbala Denudata)*, S. L. Mac Cregor Mathers, 1887.
- *Các khía cạnh mới của Sự Sống và Tôn giáo*, Henry Pratt, Bác sĩ Y Khoa, 1886.

- *Luận lý học*, Alexander Bain, Tiến sĩ Luật khoa, 1876.
- *Các Khái Niệm và các Thuyết Vật Lý hiện đại*, J. B. Stallo, 1890.
- *Khoa học Hiện đại và Tư tưởng Hiện đại*. S. Laing, 1891.
- *Sáng Thế Ký Tự Nhiên*, Gerald Massey, London, 1883.
- *Tân Hóa Học*, J. B. Cooke, 1892.
- *Hóa học Huyền linh*, A. Besant và C.W. Leadbeater, London, 1908.
- *Luật Bàn Cổ*, Burnell và Hopkins, London, 1884.
- *Tục sùng bái sinh thực khí*, Hargrave Jennings, 1884.
- *Vật lý học của Ganot*, 1890.
- *Pistis Sophia*, G. R. S. Mead, 1896.
- *Qabbalah*, bản dịch của Isaac Myer, Philadelphia; 1888.
- *Phép Cầu Phương Vòng Tròn*, J. A. Parker.
- *Niên Sử và Cổ Vật của Rājasthan*, 1898.
- *Bách Khoa Từ Điển Tam Điểm Hoàng Gia*, 1876.
- *Sāṅkhya Kārika*, 1887, Henry Thomas Colebrooke dịch; Gaudapāda bình giải. Bản dịch của H. H. Wilson, Cao học Nhân văn, Hội viên Hội Hoàng Gia, 1887.
- *Nguồn gốc các Kịch thước*, J. Ralston Skinner (Cao học Khoa học).
- *Chìa khóa giải Bí Nhiệm Hebrew Ai Cập trong Nguồn gốc Các Kịch Thước*, J. Ralston Skinner.
- *Các di tích về Lịch sử Tinh Thần của Con Người*, S.F. Dunlap, 1861.
- *Tuyển tập Minh Triết Thiên Liêng*, Quyển I, London, 1888.
- *Đức Mẹ Thế Giới Đông Trinh*, bản dịch của Anna Kingsford, 1885.
- *Vishnu Purāṇas*, bản dịch của H.H. Wilson, 1864, 6 quyển.
- Bà Blavatsky thường đề cập tới bộ *Các Vong Linh* (6 Quyển) của Hầu Tước de Mirville. Trong nhiều trường hợp, bà đã hội nhập vào bộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* các điều tham khảo và các

đoạn trích dẫn từ bộ sách nói trên. Trong quyển này, các đoạn sau đây được kiểm nghiệm lại :

- *Trời và Đất*, Reynaud, Các Vong Linh Quyển II, trang xxiii; *Achaica*, Pausanias, III, 284 – 285; *Thiên văn học Cổ Truyền*, iv, trang 41; *Thiên văn học Cổ đại*, IV, trang 53; *Lịch sử Ba Tư*, Malcolm, IV trang 54; *Ai Cập Thời Nay*, Champollion, IV, trang 11; *Kabbala Denudata*, IV, trang 154; *Nguồn gốc các Tục thờ cúng*, Dupuis IV, trang 61; *Stromata*, Glemens Alexandrinus IV, trang 28; *Thánh điện Jérusalem*, IV, trang 58; *Cuộc đời Đức Chúa*, IV, trang 67.

Các đoạn sau đây cũng được hội nhập từ bộ *Các Vong Linh* vào *Giáo Lý Bí Nhiệm*, nhưng chưa được truy nguyên ra các đoạn trích dẫn tương ứng.

- *Các Vong Linh (Des Esprits)*, Quyển II.

Tạp chí Hai Thế Giới; *Toàn Cảnh Thế Giới*, Le Couturier; *De Principiis*, do Herschel trích dẫn; *Vật lý học*; *Viện Bảo Tàng Khoa Học*; Strabo; Maury; *De Mysteries Aegypt*; Iamblichus; *Nhập môn các Bí pháp*. Creuser; Zohar; *Kabbala*, Franck; *Nền nông nghiệp Nabathean*, Niên sử Triết học Thiên Chúa giáo.

- *Các Vong Linh*, Quyển III.

Eusebius; *Odyssey*; *Lịch sử Phénicienne*; Sanchoniaton; *Bác học tạp chí*; Phonizier, *Lịch sử Pháp Thuật*, bản dịch của Ennemoser.

- *Các Vong Linh*, Quyển IV.

Cratylus, Plato; *De Placit*, Plutarch; Prolus; *Vũ trụ khởi nguyên luận của Thánh Thư khai huyền*, Godefroy; *Diễn văn*; Herschel; Fr. Secchi.

HẾT QUYỂN 2

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM 2 H.P. BLAVATSKY

TRẦN NGỌC LỢI
Dịch thuật

GIÁO LÝ BÍ NHIỆM (THE SECRET DOCTRINE)

(TỔNG HỢP KHOA HỌC, TÔN GIÁO VÀ TRIẾT HỌC)

Tác giả :
H. P. BLAVATSKY

QUYỂN 2
VŨ TRỤ KHỞI NGUYÊN LUẬN
(COSMOGENESIS)

PHẦN 2 VÀ 3